TRẦN NGỌC LỢI
Dịch thuật

GIÁO LÝ BÍ NHIỆM

(THE SECRET DOCTRINE)

(TỔNG HỢP KHOA HỌC,TÔN GIÁO VÀ TRIẾT HỌC)

TÁC GIẢ
H.P.BLAVATSKY

QUYỂN 3

NHÂN SINH KHỞI NGUYÊN LUẬN

(ANTHROPOGENESIS)

PHẦN I

MỤC LỤC
QUYỂN 3

Trang

CÁC CHÚ THÍCH SƠ BỘ về các *Đoạn Kinh cổ và Bốn Lục địa Thời tiền sử* …….. 21

Giáo Lý Bí Nhiệm trình bày ba Vấn đề mới: (a) Sự Tiến Hóa Đồng Thời của Bảy Nhóm Người trên Bảy Phần khác nhau của Địa Cầu. (b) Dĩ thái thể sinh ra trước Thể Xác. (c) Trong Cuộc Tuần Hoàn này, Con Người có trước mọi con thú thuộc loại Hữu nhũ – Các giống người Vô giới tính và Lưỡng tính – Nguyên kiểu của các Nam tử đầu tiên nơi chư Thần Linh Bí nhiệm của người Phoenicia, v..v.. – Các Ẩn dụ Ngoại môn dựa vào các Bí pháp Nội môn – Bảy vị Thần Linh, mỗi Vị Sáng tạo ra một Nhóm người – Ý nghĩa của Hai "Cuộc Sáng Tạo" – Năm Lục địa: (1) Thánh Địa Bất Diệt; (2) Lục địa Bắc Cực; (3) Châu Lemuria; (4) Châu Atlantis; (5) Châu Âu – Con Người đã tồn tại cách đây 18.000.000 năm – Các Thời Kỳ Địa Chất – Chí Tuyến ở Cực.

PHẦN 1. NHÂN SINH KHỞI NGUYÊN LUẬN

MƯỜI HAI ĐOẠN KINH TRONG THIỀN ĐỊNH CHÂN KINH …….. 41

PHẦN GIẢNG LÝ

ĐOẠN KINH 1 – KHỞI ĐẦU CUỘC SỐNG HỮU HÌNH ... 52

Ý nghĩa của từ ngữ "Lha" – Sự khởi thủy của Chiêm tinh học và Tục sùng bái tinh tú – Chư Thiên và Loài người đều bắt nguồn từ cùng một Điểm, NHẤT NGUYÊN Tuyệt Đối – Huyền Âm là Cơ Sở của khía cạnh Nội Tâm của Bản Thể Biểu Lộ - Hỗn nguyên khí là nền tảng của Khía cạnh

Ngoại cảnh của Vạn vật – Thần Lực nối tiếp Hỗn nguyên khí – Adam-Kadmon – Rồng và Rắn – Bí nhiệm Huyền Linh của Thủy Tinh và Kim Tinh – Bảy Đấng Hành Tinh Chơn Quân và các Hành Tinh – Các Đấng Quản trị Thiên giới của Nhân loại – Quả Địa Cầu Thập tự giá – Shukra, tức Kim Tinh và Địa Cầu – Huyền học Nhiệm mầu bàn về Đấng Chưởng Quản Hành Tinh – Đấng Độc Tôn, Đấng Đa Nguyên và các Đấng Thông Tuệ làm linh hoạt nhiều Trung Tâm Hiện Tồn khác nhau – Hình mười hai mặt của Vũ Trụ - Ba loại Ánh sáng – Các Con số Sáng Tạo – Một Đấng Thánh Linh Nội Vũ Trụ là một Tất Yếu triết học – Tiến Hóa nhờ vào các Linh từ - Vạn hữu được sản sinh ra trong Thế giới lý tưởng – Adam-Kadmon và Adam -Admi – Ngôi Sao hoặc Hành Tinh nào cũng có người ở - Trận Chiến tranh Đầu tiên trên Trời – Căn chủng Đầu tiên thật là Tinh anh – Nay chúng ta đang ở vào Cuộc Tuần Hoàn thứ Tư.

HAI NHÀ THIÊN VĂN HỌC TRƯỚC THỜI ĐẠI HỒNG THỦY:

Nãrada và Asuramaya …….. 98

Chiếc gương hậu lai – Các dữ kiện suy ra từ các tác phẩm huyền bí học bí nhiệm.

ĐOẠN KINH 2 – THIÊN NHIÊN KHÔNG ĐƯỢC TRỢ GIÚP SẼ THẤT BẠI …… 105

Các Bầu hành tinh thay đổi Hoàn cảnh Địa chất và Khí quyển – Các Con quái vật thời Hỗn mang – Các Thể tinh anh Sơ khởi của Con người – Thiên nhiên cần được trợ giúp trong việc tạo ra Con Người Thiêng liêng và Thông tuệ - Chư Thần Linh Ý chí bổ túc cho Con người.

SỰ SÁNG TẠO CÁC ĐẤNG THIÊNG LIÊNG THEO GIÁO LÝ NGOẠI MÔN …… 117

Linh Hồn của Vũ Trụ là Nguồn cội của Ngã Thức – Sự sáng tạo Sơ cấp và Cuộc tiến hóa Thứ cấp của Thế giới biểu lộ hữu hình – "Ngày" và "Đêm" của Brahmã – Các

Thiên Thần Nổi Loạn – Dân Babylon tường thuật về "Cuộc Sáng Tạo" – Quan điểm của các Tín đồ phái Ngộ Đạo.

ĐOẠN KINH 2 – *Tiếp theo* ……. 126

Các "Linh Hỏa" là một Đại Đoàn Chơn Linh – Mặt Trăng có nguồn gốc xưa hơn Trái Đất nhiều – Thời gian tạo ra vỏ Quả Đất – Nước là Biểu tượng của Yếu tố Nữ - Kỳ gian của các Thời kỳ địa chất.

NIÊN ĐẠI CỦA NGƯỜI BÀ LA MÔN ……... 131

"Bạch Đảo" là một Danh xưng biểu tượng – Các số liệu của Ấn Độ về các Thời kỳ tiến hóa Vũ Trụ - Các Chu Kỳ Thiên kiếp và các Chu kỳ Chủng tộc – Các Người khổng lồ lương hảo và các Người lùn Tối bại – Các thời kỳ Địa Chất theo kiến nghị của Khoa học – Tầm quan trọng của Niên đại Đông phương – Vũ Trụ khởi nguyên luận là một Thiên Cơ sáng suốt – Chúng ta đang ở điểm Thấp nhất của một Chu kỳ.

ĐOẠN KINH 3 – CÁC TOAN TÍNH THỬ TẠO RA CON NGƯỜI …….. 147

Các Nguyệt Tinh Quân – Câu chuyện Abram dựa vào câu chuyện Brahmã – Nhiều loại Đấng Sáng Tạo khác nhau – Các Agnishvãtta và Barhishad Pitris – Lửa Tinh Thần sống động – Định nghĩa Chơn Ngã con người – Các cuộc Tái sinh Vũ Trụ, tức Chuyển động xoáy ốc Vĩnh cửu của Vũ Trụ - Con người là một Thần Linh trong một hình hài Động vật – Giáo lý Huyền bí đặc biệt liên kết Nãrada với các Chu kỳ Thiên kiếp Bí nhiệm – Lửa, Đốm Lửa và Ngọn Lửa – Dĩ thái thể có trước thể xác – Giống dân Đầu tiên biến mất trong Giống dân thứ Nhì – Tử cung người là một phản ánh của Khuôn viên Thế giới, "Thánh Đô".

ĐOẠN KINH 4 – SỰ SÁNG TẠO RA CÁC GIỐNG DÂN ĐẦU TIÊN …… 166

Huyền bí học dạy rằng Giống người đầu tiên được các Đấng Cao Cả Thiêng Liêng phóng chiếu ra từ Bản Thể của

Mình – Có một Cuộc tiến hóa Tinh Thần, một Cuộc tiến hóa Tâm Linh, một Cuộc tiến hóa Trí Tuệ và một Cuộc tiến hóa Thú Dục – Bảy loại Tổ phụ: 3 loại Phi thể và 4 loại Hữu thể - Mười hai Đại Thiên Thần phụ tá Brahmã trong Công Trình Sáng Tạo – Nguồn gốc của từ ngữ "*Bàn Cổ*" – Các Nhật Tinh Quân là "Tâm" của Đoàn thể Thiền Định Đế Quân – Tại sao "Chư Thiên" lại không chịu sáng tạo và bị "Đọa đày" – Prometheus tiêu biểu cho cái gì? – Các "Đấng Sáng Tạo" và "Hình bóng"của họ - Các Đấng Sáng Tạo trong thần thoại Bắc Âu – Chữ Vạn, Biểu tượng thiêng liêng và Huyền nhiệm – Cây Búa của Thần Thor và cây Búa Tam Điểm – Chhãya là Hình bóng tinh anh – Các Tổ phụ của Chơn Nhơn tinh anh – Con người Sơ thủy là một Thất bại – Các "Kẻ Nổi Loạn Thiêng Liêng" cứu rỗi chúng ta – Ý nghĩa của Con Rồng, Nguyên khí Nam – Hydrogen thực sự là gì? – Bí nhiệm về Cuộc sáng tạo Thiên Tôn – Diệu Âm tức Bản quang Shekinah – Cuộc tiến hóa của Ngũ hành và Ngũ quan – Trình tự Giáng hạ Tiến hóa Nội Môn.

ĐOẠN KINH 5 – SỰ TIẾN HÓA CỦA GIỐNG DÂN THỨ NHÌ …….. 210

Lửa *Tinh Thần* và Chơn Ngã – TOÀN LỰC vốn có sẵn nơi Chơn Thần – Chơn Ngã thống ngự được Phàm Ngã sau ba Căn chủng rưỡi – Bảy Trú sở hay Bảy vùng Địa Cầu – Con người có sẵn Mãnh lực siêu việt được các Năng lực Thiên Thần – Tinh Thần Thiêng Liêng được tiêu biểu bởi Mặt Trời hay Lửa – Linh Hồn được tiêu biểu bởi Nước và Mặt Trăng – Nhân Hồn tức Thể Trí được tiêu biểu bởi Gió tức Phong – Giống dân thứ Nhất có Tam Hành, nhưng không có Sinh Hỏa – Hỏa, Phong và Thái Dương là Ba mức độ Huyền bí của Lửa – Giống dân thứ Nhất là Dĩ Thái thể của các Tổ phụ - Luật tiến hóa thúc đẩy các Nguyệt Tinh Quân trải qua mọi dạng Tồn tại trên Địa Cầu – Giống dân thứ Nhì Vô giới tính và Hãn sinh – Các cách thức sinh sản –

Các Phân Thân (Đứa Con) của Yoga tức Giống người tinh anh nguyên thủy – Bảy giai đoạn Sinh dục trong mỗi giống dân – Các giống người Bán thư bán hùng nguyên thủy là một Sự kiện trong Thiên Nhiên – "Phôi Chủng nguyên thủy", Bản Thể Thiền Định Đế Quân tức Đối Thể của các Tổ phụ - "Các Đứa Con Tranh tối tranh sáng" – Giống Dân thứ Nhất bị hấp thụ vào Giống dân thứ Nhì – Con người phát triển một Thể Xác - Ẩn dụ về Leda, Castor và Pollux.

ĐẤNG BÁN THƯ BÁN HÙNG THIÊNG LIÊNG ……. 238

Vấn đề Bí ẩn về Sphinx (Nhân Sư) – Đấng Bán thư bán hùng Thiêng liêng phân thành Đàn ông, Đàn bà, Cain và Abel – Jah-Hovah, Đấng Bán thư bán hùng – So sánh Thánh kinh với kinh Purãnas – Jah-Hovah là một Danh xưng chung của Đại Đoàn Thiên Thần Sáng Tạo Hành Tinh – Cain Nội Môn – So sánh các Thần nhân luận của dân Aryan và dân Semite – Tôn danh Thượng Đế của người Do Thái.

ĐOẠN KINH 6 – SỰ TIẾN HÓA CỦA GIỐNG NGƯỜI HÃN SINH …….. 250

Nhân loại thuộc Giống dân thứ Ba biến thành Lưỡng tính – Giống dân thứ Tư nếm mùi Trái Cây Thiện Ác – Giống dân thứ Năm chúng ta nhanh chóng tiến tới Hành thứ Năm – Căn chủng thứ Nhất không thể bị tổn thương hay Diệt vong – Giống dân thứ Nhì bị tiêu diệt trong Cơn quằn quại vĩ đại đầu tiên của Cuộc tiến hóa và sự Củng cố quả Địa Cầu trong Thời kỳ Nhân loại.

SƠ LƯỢC VỀ CÁC TRẬN ĐẠI HỒNG THỦY VÀ NOAHS …. 265

Hóa Thân Cá (Matsya-Avatãra) – Trận Lụt Vũ Trụ Đầu tiên liên quan tới cuộc Sáng tạo Nguyên thủy – Trận Lụt thời Châu Atlantis – "Đại Hồng Thủy" là một truyền thuyết Đại đồng Thế giới – Các Biểu tượng của dân Arkite – Noah người Do Thái và Nuah người Chaldea – Trận Lụt thứ nhì ảnh hưởng đến Căn chủng thứ Tư – "Bạch Đảo"-

Các ý nghĩa của Ilã.
CON NGƯỜI CÓ THỂ TỒN TẠI CÁCH ĐÂY 18.OOO.OOO NĂM KHÔNG ? …… 284
Sự dị biệt giữa Khoa học Thế tục và Nội môn Bí giáo tùy thuộc vào việc chứng minh sự tồn tại của Dĩ thái thể bên trong Thể Xác – Nhân loại Vật chất đã tồn tại trên Trái Đất từ 18.000.000 năm nay – Adam-Galatea – Thoạt tiên Loài người nguyên thủy có một Thể tinh anh Khổng Lồ - Sự tiến hóa chỉ áp dụng cho Phàm Nhơn – *Tương tự* là Luật chỉ đạo trong Thiên Nhiên – Một "Cơ thể không có các Cơ quan" – Con người là Động vật hữu nhũ đầu tiên trong các Cuộc Tuần Hoàn này – Thời kỳ phát triển Tính Dục, Vật Chất, Cảm Dục và Tinh Thần chiếm rất nhiều Thời gian – Sự sinh sản Tự phát – Thượng Đế biểu lộ chẳng qua chỉ là Một phần của Toàn thể - Hoàn cảnh Vật Chất cần thiết cho các Giống dân Sơ Khai.
ĐOẠN KINH 7 – TỪ CÁC GIỐNG NGƯỜI BÁN THIÊNG LIÊNG XUỐNG TỚI CÁC GIỐNG NGƯỜI ĐẦU TIÊN …. 306
Cái gọi là "Sự sa đọa của các Thiên Thần" là Chìa khóa để giải Bí nhiệm về điều Ác – Mãi cho tới Giữa cuộc Tuần Hoàn này, Con Người chỉ là một Động vật, xét về mặt Trí Tuệ - Thể Trí chỉ phát triển trọn vẹn trong cuộc Tuần Hoàn sắp tới – "Lửa Đen" là "Ánh Sáng" Tuyệt đối tức Minh Triết – Lucifer là Chơn Linh của Toàn giác và tự do Tư tưởng – Nhiều cuộc Sáng tạo khác nhau – Nguyên khí Thiêng Liêng, Lưỡng diện, xung đột nơi Con người – Các giống dân nối tiếp nhau kể từ Giống dân tự sinh tự tại : (1) Giống dân tự sinh; (2) Giống dân thứ Nhì: Hãn Sinh; (3) Giống dân Lưỡng tính (Bán thư bán hùng) – Các cách thức Sinh sản sơ khởi: (1) Liệt phân, (2) Nảy chồi, (3) Bào tử, (4) Bán thư bán hùng trung gian, (5) Tính giao thực sự - Chơn Thần và các cuộc Tuần hoàn – Sự tiến hóa là một Chu kỳ biến dịch Vĩnh cửu – Sự Sa đọa của các Thiên Thần có liên quan tới các Lý do sinh lý hơn là các Lý do siêu hình –

Chư thiên là Loài người được Thần thánh hóa – Các Thiên Tôn do Quyền năng hiếu động sáng tạo ra – Sinh ra từ Hình bóng (Bào ảnh sinh) là một cách thức sinh sản Vô giới tính sơ khởi – Thể Trí được phát triển sau khi con người nếm mùi Trái Cây Minh triết – Cảm dục và Tình dục – Daksha là Cha của các Tổ phụ giống như Người đầu tiên – Ý nghĩa Nội môn của Liên Trì Quan Thế Âm (Padmapãni Avalokiteshvara) – Xét về mặt Nội môn, Liên Trì (Padmapãni) là Đấng gánh vác các Thiên kiếp.

ĐOẠN KINH 8 – SỰ TIẾN HÓA CỦA CÁC ĐỘNG VẬT HỮU NHŨ : SỰ SA ĐỌA ĐẦU TIÊN ……. 339

Tinh Thần và Vật Chất được quân bình hóa nơi Con người – Con người là Tổ phụ của các Con thú – Các Thánh Hiền và những Hậu duệ - Shiva là sự Tiến hóa và Tiến bộ được nhân cách hóa – Daksha tiêu biểu cho Giống dân Thứ Ba sơ khai – Động vật học Cổ sơ – Tội lỗi của những Người Vô Trí.

NGƯỜI TA CÓ THỂ PHẢN ĐỐI NHỮNG ĐIỀU NÓI TRÊN RA SAO ? ……... 348

Chơn Thần chỉ không còn có tính chất con người khi nó đã trở nên *Hoàn Toàn Thiêng Liêng* – Những người theo thuyết Darwin đã sai lầm – Con người Bản sơ, không có Thể Trí và Linh Hồn, trở thành Tổ phụ của Loài khỉ.

ĐOẠN KINH 9 – SỰ TIẾN HÓA TỐI HẬU CỦA CON NGƯỜI …….. 358

Huyền bí học đã giải thích Các chi tiết trước khi có "Sự sa đọa" như thế nào? Con người không hề mang Dòng máu Khỉ - Giống người Không xương – Các bậc Thánh Vương và Thánh Sư của Giống dân thứ ba – Tính Đơn Nhất chuyên biệt của Nhân loại cũng có Ngoại lệ - Địa chất học, Thực vật học và Động vật học ủng hộ Nội môn Bí giáo – Các Giống dân và Luật trì trệ - Sự phân chia Giới tính – Giống dân thứ Tư phát triển Ngôn ngữ - Độc âm ngữ, Giao kết ngữ và Biến cách ngữ - Sự biến đổi của Địa cầu.

VƯỜN ĐỊA ĐÀNG, RẮN VÀ RỒNG ……. 378
Vườn Địa Đàng là một Trường học – Sự sinh sản của Con người bắt đầu trong phần Sơ khai nhất của Thời đại Trung Sinh – Các con Lạc đà bay – Các quốc gia thời xưa mô tả các con Quái vật mà họ đã thấy – Các câu chuyện về Con Rồng – Con Rắn đồng của Moses – Quỷ Vương có thực không? Hai trường phái Pháp thuật – Con Rồng trong các Thần học Cổ truyền – Ánh sáng và Bóng tối thường trụ, tức Thiện và Ác – Cây Minh Triết Thiện và Ác mọc từ Rễ cây Trường sinh – Các Con Rồng bay.
CÁC "CON CỦA THƯỢNG ĐẾ" VÀ "ĐẢO THIÊNG" ….. 411
Một vài thành phố được xây bên trên các Đô thị và Mê lộ cổ dưới đất – Hai Lục địa đã thất tung – Một vài Đảo là di tích của các Xứ sở bao la trước kia – Các di tích của đảo Easter về các Con người Khổng lồ bản sơ – "Các Con của Thượng Đế" và các Thầy phù thủy uy dũng – Nghệ thuật và Văn hóa của dân Ấn Độ và dân Babylon.
ĐOẠN KINH 10 – LỊCH SỬ CỦA GIỐNG DÂN THỨ TƯ .. 425
Nghiệp quả của các Đứa Con Minh Triết đã trì hoãn sự lâm phàm của Mình cho tới Giống dân thứ Tư – Chân ý nghĩa của giáo lý dạy về các "Thiên Thần Sa Đọa" – Mọi Điểm đạo đồ đều phải *chế ngự* được U Minh giới tức Địa ngục – "Chư Thiên" chuyển sang lâm phàm – Quan điểm Nội môn Chân chính về Quỷ Vương – Minh Triết Ai Cập dạy về Ánh sáng Sinh hóa của Thượng Đế - Bí nhiệm về Trọng lượng, Kích thước và Số mục – Thượng Đế của người Do Thái và "Thiên Thần Vật Chất" – Tài liệu Thánh kinh và các Tài liệu khác bàn về Lịch sử Vũ Trụ của Địa Cầu – Các Hậu quả Vũ Trụ của tính Ích kỷ và Ngã chấp – Muốn Đào luyện Thế giới Hữu cơ cần phải có các Đấng Thông Tuệ - Một "Mặt Trời Trung Ương" và Ba Mặt Trời thứ yếu trong mỗi Thái Dương Hệ - Các "Kẻ Nổi Loạn" đã không tạo ra những Con người Vô tội – Lucifer báo trước Ánh Sáng – Quỷ Vương bị Đọa đày – Con người biến

thành Đấng Sáng Tạo ra chính mình và là một Thần Linh Bất Tử - Sự hy sinh của các Hỏa Thiên Thần có bản chất là "Minh Triết" và "Bác Ái" – Ý nghĩa Siêu hình của "Lửa Ma Sát" – Chơn Nhơn chính là Bản Thể của các Đấng Thông Tuệ Cao Cả - Mô tả các Thiên Tôn – Màu da của các Căn chủng – Hoàn cảnh vật chất của Con Người và Thiên Nhiên vào thời Giống dân Lemuria-Atlantis.

GIÁO LÝ CỔ SƠ TRONG KINH PURÃNAS VÀ SÁNG THẾ KÝ. SỰ TIẾN HÓA VẬT CHẤT ……. 472

Kinh Purãnas bàn về Lịch sử Tự Nhiên – Khoa học bàn về "Lớp Vỏ" của Con người – Cuộc Tiến Hóa Vũ Trụ được lập lại trong Thời kỳ Thai nghén (Gestation) – Khi Loài bò sát đạt tới Cao tột Phát triển – Cũng như tất cả các Động vật khác, Con người bắt nguồn từ một Tế bào và chuyển sang Loài người – Luật cố hữu Phát triển tiệm tiến – Con khỉ giống người là một sự Sáng tạo Ngẫu nhiên - Ẩn dụ về Lilith.

TOÀN CẢNH CÁC GIỐNG DÂN SƠ KHAI …… 493

Biểu tượng ký về Uranus và Kronos – Người Nữ đầu tiên – Các Giống dân trong Thần thoại Hy Lạp.

ĐOẠN KINH 10 - *Tiếp theo* …….. 509

Tôn giáo của các Giống dân thứ Ba và thứ Tư – Thời đại Hoàng Kim – Nguồn gốc Bí nhiệm của mọi Tôn giáo sau này – Các Thiên Thần Sa Đọa chính là *Nhân Loại* – Con người *Thiêng Liêng* ngự nơi Người thú – Cuộc Chiến tranh đầu tiên mà toàn Thế giới đều biết.

CÁC NGƯỜI KHỔNG LỒ CÓ PHẢI LÀ ĐIỀU BỊA ĐẶT KHÔNG ? …… 519

Các khoa Địa chất, Tinh đẩu và Thánh kinh có thể cung ứng các Bằng chứng cần thiết – Bằng chứng về các Tác giả Ngẫu tượng giáo Thời xưa – Vào thời Giống dân thứ Tư, Con người quay về tục Sùng bái cơ thể, Sùng bái sinh thực khí – Các người Khổng lồ thuộc Giống dân thứ Tư – Các Bí nhiệm về Thiên Địa được thiên khải cho Giống dân thứ

Ba – Bốn Đấng Thiên Tôn Thiêng Liêng – Các Con của Thượng Đế cưới các Con gái của Nhân Loại – Các Thánh Hiền, các Prajãpati, các vị Bàn Cổ, quý Phu nhân và những Hậu duệ là Mầm mống của Loài người – Sự cấu hợp giữa Người và Thú – Các Con vật biết nói – Người câm đi bằng Bốn chân.

CÁC GIỐNG NGƯỜI CÓ "CON MẮT THỨ BA" …… 541

Con người *Thiêng Liêng* là *Kiểu Mẫu mới* vào lúc Bắt đầu mọi cuộc Tuần Hoàn – Cái Bè chỉ có nghĩa là *Con người* – Kỳ gian của một Ngày ở Cực – Những người Khổng lồ độc nhãn, các Thế nhân Ba mắt – Sự giáng hạ Tiến hóa Tinh thần và Tâm linh diễn tiến song song với cuộc Tiến hóa Vật chất – Các tạo vật Con người Bốn chân có một Đầu song lại có ba Con mắt thời sơ khai – Mắt thứ ba thụt vào *bên trong* – Sinh lý học Huyền linh – Ý nghĩa của Tùng quả tuyến – Vào giai đoạn này, Tùng quả tuyến đã bị mất công dụng Vật chất – Sự Tiến hóa của Mắt – Sự Phát triển Trọn vẹn của Thể Trí trong cuộc Tuần Hoàn thứ Năm – "Mắt thứ Ba" nay là một Tuyến - Mắt thứ Ba và Quan hệ của nó với Nghiệp Quả - Số Chơn Thần bị giới hạn – Nghiệp quả là một Định luật Tuyệt đối và Vĩnh cửu trong Thế giới Biểu lộ.

CÁC VỊ BÀN CỔ BẢN SƠ CỦA NHÂN LOẠI …… 574

Bảy và Mười bốn vị Bàn Cổ - Danh xưng của Mười bốn vị Bàn Cổ - Vị Bàn Cổ Sơ khai sinh ra mọi vị Bàn Cổ khác – Svãyambhuva, Đơn Nguyên Vũ Trụ, biến thành một Trung Tâm Lực từ trong đó xuất lộ ra một Dãy Hành Tinh - Ẩn dụ về trận Đại Hồng Thủy thời Bàn Cổ Vaivasvata – Ý nghĩa Nội môn của Con Cá – Sự khởi đầu của Lục địa thứ Tư – Ý nghĩa của các lớp "Xiêm y" trong kinh *Zohar*.

ĐOẠN KINH 11 – NỀN VĂN MINH VÀ SỰ DIỆT VONG CỦA CÁC GIỐNG DÂN THỨ TƯ VÀ THỨ BA …….. 591

Các Triều đại *Thiêng liêng* có trước các Quốc vương của *Nhân loại* – Các Đô thị bằng Đá và các Dinh thự Khổng lồ

đầu tiên của dân Lemuria – Các Triều đại Thiêng liêng phát khởi các nền Văn minh đầu tiên, trau dồi Nghệ thuật và Khoa học – Sự suy đồi của Nhân loại – Ý nghĩa của Bảy Châu, Bảy Dãy Hành Tinh và cái gọi là Bảy Lục Địa – Nhân loại chúng ta bắt đầu sinh hoạt trên Địa Cầu với vị Bàn Cổ Vaivasvata – Xét về mặt Nội môn, Krishna, Nãrada và Garuda là Biểu tượng của các Chu kỳ và là Chìa khóa để giải các Ẩn dụ - Những Kẻ tiên phong của Giống dân thứ Tư chính là người Lemuria – Cấu tạo của Lục địa của Giống dân thứ Ba – Các Lục địa cũ sẽ tái xuất hiện – Biên giới của Ấn Độ vào thời Tiền sử - Đảo Easter thuộc về nền Văn minh xưa nhất của Giống dân thứ Ba – Các sự biến đổi Khí hậu – Bốn sự Đổi trục đã làm thay đổi hoàn toàn Bộ Mặt của Trái Đất – Các Chu kỳ bên trong các Chu kỳ - Sau khi Châu Lemuria bị hủy diệt, vóc dáng của Con người đã nhỏ dần lại – Trận Lụt ở Châu Atlantis cách đây 850 000 năm – Các di tích của một Lục địa Atlantis – Các Niên Sử Bí nhiệm còn ghi lại đầy đủ sự Phát triển của các Giống dân – Chỉ có Ký âm pháp Tôn giáo Huyền bí mới biết được Ý nghĩa của các Cổ danh – Các chứng cớ hiện hữu về các Lục địa bị chìm – Các tượng khổng lồ Bamian – Năm pho tượng là một tài liệu lưu trữ Nội môn về sự Tiến hóa dần dần của các Giống dân.

CÁC TÀN TÍCH CỦA GIỐNG NGƯỜI KHỔNG LỒ MỘT MẮT VÀ CÁC TẢNG ĐÁ KHỔNG LỒ VỚI TƯ CÁCH LÀ CHỨNG CỚ VỀ NHỮNG NGƯỜI KHỔNG LỒ…… 635

Các Tảng đá linh hoạt – Các Di tích của người Druid – Các Tảng đá lắc lư ở Âu Châu – Các Tảng đá sống động, Biết nói và Cử động – Các "Tổ Tiên" của chúng ta biến thành *Thần Linh* trước khi biến thành Người – Mọi Lục địa đều bị Diệt vong – Các người khổng lồ bị diệt vong, chỉ có một ít là được cứu sống.

ĐOẠN KINH 12 – GIỐNG DÂN THỨ NĂM VÀ CÁC BẬC THÁNH SƯ …… 654

Đại Long và các Rắn Minh Triết – Các Kim Tự Tháp nhắc nhở chúng ta nhớ tới trận Đại Hồng Thủy ở Châu Atlantis – Các Địa cực đã bị đảo ngược ba lần.

RẮN VÀ RỒNG TRONG NHIỀU BIỂU TƯỢNG KÝ KHÁC NHAU …….. 660

Danh xưng của Con Rồng ở Chaldea và Cung Hoàng Đạo thứ Mười – Rắn tiêu biểu cho Đấng Điểm Đạo – Chư *Thần Linh* mà loài người gọi là các *Con Rồng* – Con Rồng của Thánh John là Hải Vương Tinh. Biểu tượng của Pháp thuật Atlantis.

CÁC HÌNH TƯỢNG VŨ TRỤ VÀ TINH ĐẨU ……. 663

Các Cao đồ gọi Ngân Hà v.v.. là các "Con Rắn" – Các Thánh kinh Bái hỏa giáo có nguồn gốc rất xa xưa – Người Ai Cập đã tượng trưng Càn Khôn như thế nào? – Hai Cực Huyền bí – Mỗi bậc Đại Cải Cách Thế Giới là một Phân thân trực tiếp của Thiên Đạo – Thượng Đế và Thế giới được nhân hình hóa – Hai Đấng Kabiri là hiện thân của Đối Cực – Từ nguyên thực sự của danh xưng Lares – Enoch và những Người khác là ai? – Kabiri là các Đại Thần Linh Vũ Trụ, Bảy và Bốn mươi chín Linh Hỏa – Các cực và số Thiên giới – Sự phát sinh của các Chữ, Luật Lệ, Thuật lập pháp, Thuật Kiến trúc, các Phương thức pháp thuật và Công dụng của Y học của Cây cỏ - Sự sản xuất Ngũ Cốc hay Lúa mì – Rắn là Biểu tượng của bậc Cao đồ.

CÁC ĐẤNG GIÁO HÓA THIÊNG LIÊNG CỦA CHÚNG TA ……. 680

Các Giống dân chúng ta đã bắt nguồn từ các Giống dân Thiêng Liêng – Năm kỳ Tái lâm của Hermes – Các Bảng đồng bộ của Ai Cập – Hoàng Đạo Dendera – Bhãrata là Vùng đất được tuyển chọn Thời xưa – Plato đề cập tới các Triều đại Thiêng liêng – Ý niệm về điều Ác của Plato – Các Đấng minh triết đã mang Trái cây và Cốc loại tới Địa Cầu – Các "Con của Thượng Đế" *đã* Tồn tại và *vẫn đang* Tồn tại – Các "Con của Thượng Đế" sống trà trộn với Thế nhân –

Bí nhiệm về Azazel (Thần Khải Hoàn) – Thực ra Quỷ Vương là Chơn Linh Cao Cả nhất, Minh Triết Huyền Bí trên Trần Thế - Xét về mặt ngoại môn; Quỷ Vương bị xem như là điều Ác.

NGUỒN GỐC CỦA THẦN THOẠI QUỶ VƯƠNG ……. 706

Ai Cập cung cấp Nguồn gốc Tây phương của mình – Chúng ta phải tìm Nguồn gốc Thế tục Ẩn dụ về trận chiến trên Trời nơi các Thánh điện Điểm đạo – Các Đạo Trưởng Ai Cập tự xưng là các "Con của Thần Rắn"- Người Druids tự xưng là Rắn – Các thần thoại Rắn và Rồng khác – Hỏa Thần Agni và các Ẩn dụ Ma Quỷ - Apollo là Nhật Thần – Cuộc đấu tranh giữa các Cao đồ Ãryan của Giống dân thứ Năm mới ra đời và các nhà Phù thủy của Châu Atlantis – Những con Quỷ của Thái Uyên – Các Quyền Năng biểu lộ, "các Đứa Con và Đàn Thê tử" – Nhật Thần tức là các Quyền năng *Sáng tạo – Minh Triết*, Sophia thiêng liêng – Jehovah là "Địch thủ"của mọi Thần linh khác – Jehovah biến thành Nhân loại – Sự cần thiết của Điều Ác – Các giáo phái Ngộ Đạo do các Điểm Đạo đồ lập nên.

NOAH LÀ MỘT KABIR, VÌ THẾ, Y ẮT PHẢI LÀ MỘT CON QUỶ …… 728

Tubal Cain là một Kabir – Noah đồng nhất với Melchisedek-Adam, Cain, Mars với tư cách là một điều Nhân cách hóa – Cuộc Đại Hồng Thủy thời Noah chưa bao giờ xảy ra.

CÁC TRUYỀN THUYẾT XƯA NHẤT CỦA BA TƯ VỀ CÁC LỤC ĐỊA Ở CỰC VÀ CÁC LỤC ĐỊA BỊ CHÌM …… 734

Các huyền thoại của Ba Tư (Irãn) – Thời hạn mà dân Atlantis sau này bị diệt vong – Niên đại ký Nội môn của Plato và các Điểm đạo đồ khác – Các Truyền thuyết của Ba Tư về Hai Giống dân – Con Phượng Hoàng Ba Tư – Núi Kaf là gì? – Các Lục địa ở Bắc Cực – Huyền bí học chứng tỏ rằng Bắc Á Châu có nguồn gốc cũng xa xưa như Giống dân thứ Hai – Khi Lục địa Bắc Cực biến mất.

CÁC SUY LÝ CỦA TÂY PHƯƠNG DỰA VÀO CÁC TRUYỀN THUYẾT CỦA NGƯỜI HY LẠP VÀ KINH PURÃNAS …… 750

Người Ấn Độ chia Địa Cầu ra thành Bảy Vùng v.v.., xét về mặt Địa lý; Bảy Địa Ngục và Bảy Tầng Trời, xét về mặt Ẩn dụ - Căn cứ của Chư Thần và Chư Quỷ - Bốn Lục địa này đã Hết thời rồi – Các Lục Địa Tương lai được trình bày Biểu tượng – Vĩ độ và Kinh độ của Hòn Đảo đã Thất tung – Châu Atlantis của Plato – Núi Hermon và các Con Rồng có cánh.

SỰ "ĐỌA ĐÀY" THEO QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC ……. 763

Các Quyền Năng sáng tạo là một Năng khiếu thiên phú của Minh Triết Thiêng Liêng – Trong *Sáng Thế Ký* Adam và Eva ám chỉ Giống dân thứ Ba và thứ Tư – Sự sa đọa thực sự - Nhật Tinh Quân và các Đấng Cứu Thế Thiêng Liêng khác – Tội lỗi *Nguyên Thủy* và sự lạm dụng Trí Tuệ Hồng Trần – Bí nhiệm về Prometheus – Đấng Christ có liên hệ với Epaphos – Một Giống dân của Phật và Chúa – Biểu tượng ký Giống dân không gợi ra sự chính xác về mặt Địa hình – Nguồn gốc của Dân tộc tiên phong Ethiopia – Aeschylus có được Điểm đạo không? – Dionysus đã và sẽ là ai? – Thiên tài của Prometheus – Con người sẽ biến thành Người Khổng lồ Tự do.

CÁC ĐOẠN BỔ SUNG TRÍCH TỪ MỘT GIẢNG LÝ VỀ CÁC CÂU THƠ CỦA ĐOẠN KINH 12 …… 788

Các "Đức Phật Xưng tội" – Hoài niệm tập thể không bao giờ bỏ Linh Hồn Thiêng Liêng – Các Tài liệu lưu trữ Xưa nhất về Châu Atlantis – Nơi cung cấp Minh triết nhiệm mầu cho những người Ãryan Sơ khai – Sự Diệt vong của Châu Atlantis – Sự Vĩ đại của nền văn minh Atlantis – Thiên văn học và Biểu tượng Gia truyền của Atlantis – Thời kỳ xuất hiện của Đại Kim Tự Tháp – Ba thứ Hoàng Đạo – Các Phân chủng của các Căn chủng – Cây phổ hệ của Giống dân chúng ta – Chu kỳ Mạt Pháp – Hoàng Đạo

Ai Cập và Hoàng Đạo Hy Lạp.
KẾT LUẬN ……. 813
Lịch sử "Ghi nơi các Ngôi Sao" – Senzar là thứ Mật mã Tượng hình sơ khai – Khi Viết là một Nghệ thuật Bí mật – Thiên nhiên diễn tiến theo Chu kỳ - Giống dân Mới sắp tới – Giống dân thứ Năm chồng chéo lên Giống dân thứ Sáu – Nhân loại tương lai của Tân Thế giới – Tiến trình Tự nhiên chịu ảnh hưởng của Luật Nghiệp Quả.
CÁC CHÚ THÍCH BỔ SUNG …….. 832

Chú thích: Trong Quyển II, ấn bản 1893, không có chú thích cuối trang nào được chuyển sang bản văn. Quyển II (của cả ấn bản 1893) là Quyển 3 và 4 của ấn bản này. *Ban biên tập*.

Giáo lý của tôi đâu phải của tôi,
mà chính là của Đấng biệt phái tôi.

Thánh thư JOHN, vii, 16.

KHOA HỌC HIỆN ĐẠI nhấn mạnh tới thuyết tiến hóa; lý trí con người và Giáo Lý Bí Nhiệm cũng vậy. Ý tưởng này được bổ chứng bởi các huyền thoại và thần thoại cổ truyền, thậm chí bởi cả *Thánh kinh* nữa (khi người ta thuyết minh nó theo "ý tại ngôn ngoại"). Chúng ta thấy đóa hoa phát triển dần dần từ cái búp, đến lượt cái búp lại phát triển từ cái mầm. Nhưng cái mầm (với tất cả chương trình tiền định về sự biến hóa vật chất chung với các lực vô hình – do đó có tính chất *tinh thần* – dần dần sẽ phát triển hình dáng, màu sắc và mùi hương của nó) ở đâu ra đây? Từ ngữ *sự tiến hóa* tự nó cũng đủ nói lên điều đó rồi. Mầm mống của giống người hiện nay ắt đã phải tồn tại trước nơi tổ tiên của giống người này, chẳng khác nào cái mầm (trong đó ẩn tàng đóa hoa của mùa hè tới) được phát triển trong cái vỏ bao của đóa hoa tổ phụ; tổ phụ chỉ có thể khác *chút ít*, nhưng nó vẫn còn khác con cháu tương lai của nó. Tổ phụ thời tiền đại hồng thủy của con voi và con thằn lằn hiện nay có lẽ là con khổng tượng và xà đầu long (plesiosaurus): thế thì tại sao tổ tiên của nhân loại chúng ta lại không phải là những "*người khổng lồ*" trong kinh Vedas, Thánh thi *Voluspa* và *Sáng Thế Ký*? Trong khi thật là cực kỳ ngớ ngẩn nếu tin tưởng rằng sự "biến hóa chủng loại" đã diễn ra theo một vài quan điểm duy vật hơn của những kẻ theo thuyết tiến hóa, thì cũng tự nhiên thôi nếu cho rằng mỗi loài (bắt đầu với loài nhuyễn thể và chấm dứt với người khỉ) đã biến đổi so với hình dạng riêng biệt nguyên thủy của nó. – NỮ THẦN ISIS LỘ DIỆN, I, 152 -153.

15

CÁC CHÚ THÍCH SƠ BỘ
VỀ
CÁC ĐOẠN KINH CỔ VÀ BỐN LỤC ĐỊA THỜI TIỀN SỬ

> Mặc dù thiên biến vạn hóa, bộ mặt (dáng vẻ) của toàn vũ trụ bao giờ cũng y nguyên như vậy.
>
> *Spinoza*[1]

CÁC ĐOẠN KINH với phần Giảng lý trong quyển này cũng được trích ra từ các Văn kiện lưu trữ cổ sơ giống như các ĐOẠN KINH bàn về Vũ trụ khởi nguyên luận trong Quyển 1 và 2. Chúng đã được dịch sát nghĩa hết mức; nhưng một vài ĐOẠN KINH quá tối nghĩa nên không thể hiểu được nếu không giải thích. Do đó, cũng như Quyển 1 và 2, trước hết, chúng được trình bày nguyên văn, rồi khi xét từng câu thơ một cùng với phần Giảng lý, chúng ta thử làm cho chúng rõ ràng hơn bằng cách thêm vào các lời giảng trong các chú thích cuối trang, trước khi giải thích tỉ mỉ hơn trong phần Giảng lý.

Về phần sự Tiến hóa của nhân loại, Giáo Lý Bí Nhiệm đưa ra ba vấn đề mới, chúng đối nghịch trực tiếp với khoa học hiện đại cũng như là các giáo điều hiện hành. Nó dạy rằng: (a) Bảy Nhóm người tiến hóa đồng thời trên bảy phần khác nhau của địa cầu. (b*) dĩ thái thể* (the *astral*) sinh ra trước *thể xác*, dĩ thái thể là khuôn mẫu của thể xác. (c) Trong cuộc Tuần

---

[1] [Các bức thư của Spinoza lxiv. Xem *Thư tín của Spinoza* của A. Wolf, trang 308].

Hoàn này, con người có trước mọi động vật hữu nhũ ([1]) kể cả những loài giống người.

16 Đâu phải chỉ có một mình Giáo Lý Bí Nhiệm đề cập tới những NGƯỜI nguyên thủy sinh ra đồng thời trên bảy phân khu của Địa Cầu. Trong *Pymander Thiêng Liêng* của Hermes Trismegistus, chúng ta cũng thấy bảy Người nguyên thủy ([2])

---

[1] Xem *Sáng Thế Ký*, ii, 19. Adam được hình thành trong câu thơ 7 và câu thơ 19, người ta dạy rằng: "Đức Chúa Trời đã dùng đất tạo ra tất cả các con thú dưới đất và loài chim trên không rồi đem chúng tới cho Adam để xem y gọi chúng là gì". Như thế, con người được tạo ra *trước* loài thú vật; ấy là vì các con thú được đề cập trong chương I là các cung Hoàng Đạo, trong khi *người* "nam và nữ" lại không phải là con người mà là Tập đoàn các Sephiroth, các THẦN LỰC tức các Thiên Thần "được làm cho giống với hình ảnh của Thượng Đế". Adam, con người, không được làm giống như thế, trong Thánh kinh cũng không hề khẳng định như vậy. Vả lại, xét về mặt nội môn, Adam thứ nhì là một thất nguyên tiêu biểu cho bảy người, hay đúng hơn là bảy nhóm người. Ấy là vì Adam bản sơ, Kadmon, là tổng hợp của *mười* Sephiroth. Trong số đó, Tam nguyên thượng vẫn lưu lại Thế giới nguyên hình với tư cách "Tam Nguyên" tương lai, trong khi bảy Sephiroth hạ đẳng tạo ra thế giới vật chất biểu lộ; *thất nguyên này chính là Adam thứ Nhì. Sáng Thế Ký* và các bí nhiệm kiến tạo nên nó, xuất phát từ Ai Cập. "Thượng Đế" trong chương 1 của *Sáng Thế Ký* là *Thiên Đạo (Logos*), còn "Đức Chúa Trời" của chương 2 là *Elohim* Sáng Tạo, các Quyền năng *hạ đẳng*.

[2] Pymander dạy: "Đây là bí nhiệm vẫn còn ẩn tàng cho đến nay. Thiên nhiên hòa lẫn với Thiên Đế (Elohim tức chư Thần Quân) tạo ra một kỳ quan … bảy Người, toàn là những người bán thư bán hùng .. tùy theo bản chất của bảy Đấng Chưởng Quản". (ii, 29) tức là bảy Tập đoàn Pitris hay Elohim, họ phóng chiếu hoặc sáng tạo ra y. Điều này rất rõ ràng, thế nhưng, hãy xem những lời giải thích

phát sinh từ Thiên Nhiên và Thiên Đế, theo nghĩa tập thể của từ này, tức là các Chơn Linh Sáng Tạo. Trong các áng văn của các bảng Chaldea (do George Smith sưu tập) – trên đó có ghi huyền thoại về sự Sáng Tạo của dân Babylon – trong một cột đầu tiên của bảng Cutha, cũng có đề cập tới bảy Nhân vật "mặt quạ" (nghĩa là có nước da ngăm ngăm đen) mà Đại Thần Linh đã tạo ra. Hoặc là trong các hàng 16, 17, 18 cũng có lời giải thích như sau :

> Bảy vị vua, vốn là huynh đệ thuộc cùng một hoàng gia,
> Phát triển và tăng trưởng số lượng giữa trần thế. ([1])

Đó là Bảy Thánh Vương Edom mà Thánh kinh *Kabalah* đã đề cập tới. Giống dân thứ Nhất vốn *bất toàn*, nghĩa là đã sinh ra trước khi có sự "quân bình" về giới tính; vì thế nó đã bị diệt vong. ([2])

Bảy Thánh Vương huynh đệ sinh con đẻ cái với số thần dân 6.000. Thần Nergas [tử thần] tiêu diệt chúng. "Ngài đã

---

của các nhà thần học thời nay, họ giả sử rằng con người thật là trí thức. Trong các tác phẩm *Thần Học và Triết Học của Hermes Trismegistus, môn đồ của phái Tân Plato theo Thiên Chúa giáo*, một tác phẩm do John David Chambers (thuộc trường Đại Học Oriel, Oxford) biên soạn, dịch giả tự hỏi: "Bảy Người này ám chỉ ai?" Ông đã giải quyết khó khăn này bằng cách kết luận rằng: "Vì Người mẫu nguyên thủy (Adam Kadmon trong *Sáng Thế Ký*, i) có tính cách bán thư bán hùng … nên bảy người này có thể có nghĩa là các tộc trưởng kế tiếp được liệt kê trong *Sáng Thế Ký*" (trang 9). Thật đúng là đường lối giải quyết vấn đề hóc búa (the Gordian knot!) của thần học !

[1] *Sáng Thế Ký* theo dân Chaldea của George Smith, trang 103.

[2] So sánh *kinh Zohar, Siphra Dzenioutha, Idra Suta*, 2928, Franck, Thánh kinh *Kabalah*, trang 205.

tiêu diệt chúng như thế nào?" Bằng cách quân bình hóa những kẻ chưa hề tồn tại. ([1])

Trên cương vị một Giống dân, họ bị tiêu diệt bằng cách trộn lẫn với hậu duệ của chính mình (bằng cách rịn ra). Điều này có nghĩa là Giống dân vô giới tính tái sinh (một cách tiềm tàng trong Giống dân lưỡng tính; Giống dân lưỡng tính lại tái sinh trong Giống dân bán thư bán hùng, đến lượt Giống dân bán thư bán hùng lại tái sinh trong giống dân hữu giới tính tức là Giống dân thứ Ba sau này. Nếu người ta bớt cắt xén các bảng này đi, thì chúng ta có thể thấy trong đó có phần tường thuật giống y như phần được trình bày trong các văn kiện lưu trữ cổ sơ và tác phẩm của Hermes, ít ra cũng liên quan đến các sự kiện cơ bản, nếu không muốn nói là xét về các tiểu tiết; ấy là vì tác phẩm của Hermes đã bị xuyên tạc bởi các bản dịch sai lầm.

Hoàn toàn chắc chắn rằng mặc dù có tính cách ẩn dụ, cái thuyết siêu nhiên biểu kiến của các giáo lý này vẫn hoàn toàn đối nghịch với các lời phát biểu chấp nê văn tự của *Thánh kinh* ([2]) cũng như các giả thuyết mới nhất của khoa học, đến nỗi
17 mà nó sẽ khiến cho người ta lồng lên chối bỏ kịch liệt. Tuy nhiên, các nhà Huyền bí học đều biết rằng các truyền thuyết của Triết học Đông phương ắt phải đúng, lý do đơn giản vì

---

[1] *Siphra Dzenioutha.*

[2] Nếu nay, người ta quả quyết rằng các bảng Chaldea (vốn mô tả một cách ẩn dụ sự Sáng Tạo, sự Sa Đọa và trận Đại Hồng Thủy, thậm chí cả huyền thoại về Tháp Babel nữa, đều được soạn ra "trước thời Moses" (Sáng Thế Ký theo người Chaldea của Smith) thì làm sao bộ Ngũ kinh Cựu Ước (Pentateuch) có thể được gọi là một điều "thiên khải" (revelation) được? Nó chỉ là một lời tường thuật khác của cùng một câu chuyện.

chúng là các truyền thuyết hợp lý nhất và dung hòa được mọi vấn đề khó khăn. Vả lại, chúng ta còn có *Thánh Thư Thoth* và *Tử Vong kinh* của Ai Cập, kinh *Purãnas* của Ấn Độ với bảy vị Bàn Cổ, cũng như là các tài liệu bằng ngói của người Chaldea-Assyria, chúng đề cập tới bảy Người nguyên thủy, tức các Adams (chúng ta có thể xác định được chân ý nghĩa của các danh xưng này nhờ vào Thánh kinh *Kabalah*). Những kẻ nào có biết chút ít gì về các Bí pháp Samothrace, đều cũng sẽ nhớ ra rằng tôn danh chung của Kabiri là "Linh Hỏa" ("Holy Fire"), chúng được tạo ra trên bảy địa điểm của đảo Electria tức Samothrace, "Kabir sinh ở đảo thiêng Lemnos" – đảo thiêng của thần Vulcan.

Theo Pindar, Kabir này (mà danh xưng là Adamas) ([1]) là kiểu mẫu của người sơ khai sinh ra từ trong lòng Trái Đất, theo các truyền thuyết của Lemnos. Ngài là nguyên kiểu của các bậc tu mi nam tử đầu tiên theo trình tự sinh hóa và là một trong bảy tổ phụ bản xứ của nhân loại. ([2]) Nếu phối hợp sự kiện này với sự kiện cho rằng Samothrace đã bị người Phoenicia, và trước đó, những người Pelasgian bí mật có nguồn gốc Đông phương, chiếm làm thuộc địa, ngoài ra, chúng ta còn nhớ rằng chư Thần Linh *bí nhiệm* của người Phoenicia, Chaldea và Do Thái đều như nhau, thì chúng ta cũng dễ dàng khám phá được xuất xứ của bản tường thuật lộn xộn về trận Đại Hồng Thủy thời Noah. Gần đây, đã quá hiển nhiên là những người Do Thái, những kẻ đã thừa kế ý niệm bản sơ về sự sáng tạo của Moses, đến lượt Ngài lại kế thừa của người Ai Cập, đã biên soạn bộ Sáng Thế Ký và các truyền thuyết vũ trụ khởi nguyên luận đầu tiên của mình, khi

---

[1] *Philosophumena*, v, 7, ấn bản của Miller, trang 98.

[2] Như trên, trang 108

chúng được Ezra và những người khác biên soạn lại, theo lời tường thuật của dân Chaldea-Akkad. Do đó, chỉ cần xem xét những chữ hình nêm và những chữ khác của người Babylon và Assyria để tìm rải rác đó đây trong ấy, chẳng những ý nghĩa nguyên thủy của danh xưng Adam, Admi hoặc Adami, mà còn là sự sáng tạo bảy vị Adam tức cội nguồn của Con Người, sinh ra từ Địa mẫu (Mother Earth), xét về mặt vật chất, và từ *Linh Hỏa* (the *Divine Fire*) của các Tổ Phụ, xét về mặt tinh thần hoặc cảm dục. Vì không biết gì về Nội môn Bí giáo, nên các nhà nghiên cứu về Assyria khó lòng có triển vọng quan tâm nhiều tới con số *bảy* bí nhiệm cứ xuất hiện luôn luôn trên những ống hình trụ ghi các chữ hình nêm của người Babylon, hơn là quan tâm tới nó khi họ thấy nó xuất hiện trong *Sáng Thế Ký* và phần còn lại của *Thánh kinh.* Thế nhưng, số vong linh thủy tổ và bảy nhóm người hậu duệ của họ lại còn được ghi trên các ống hình trụ có khắc chữ nêm, bất kể tình trạng chúng đã bị vỡ vụn, và cũng minh bạch chẳng kém gì trong *Pymander* và *Bí Nhiệm Thánh Thư* của Thánh kinh *Kabalah.* Trong Bí nhiệm Thánh Thư, Adam Kadmon là CÂY Sephiroth cũng như là "Cây Minh Triết Thiện Ác" ("Tree of the knowledge of Good and Evil"). Theo câu thơ 32, CÂY này có "xung quanh mình bảy cột" ("hath around it seven columns") hoặc bảy cung điện với bảy Thiên Thần sáng tạo hoạt động trong các lãnh vực của bảy Hành Tinh
18 trên Địa Cầu chúng ta. Adam Kadmon là một danh xưng *tập thể,* danh xưng của con người; Adam cũng vậy. Trong *Sáng Thế Ký theo dân Chaldea,* George Smith đã cho rằng:

Trong các huyền thoại này, từ ngữ Adam, vốn được dùng để chỉ con người đầu tiên, hiển nhiên *không phải là tên riêng, mà chỉ được dùng như một từ ngữ để chỉ nhân loại*. Trong *Sáng Thế Ký*, Adam được trình bày như một tên riêng; nhưng trong

một vài đoạn, chắc chắn là Adam chỉ được dùng theo cùng nghĩa với từ ngữ của dân Assyria.

Vả lại, cả trận Đại Hồng Thủy của người Chaldea lẫn trận Đại Hồng Thủy trong Thánh kinh, với các câu chuyện về Xisuthrus và Noah, đều không hề dựa vào các trận Đại Hồng Thủy thế giới, hoặc ngay cả các trận Đại Hồng Thủy thời Châu Atlantis nữa, được ghi lại trong ẩn dụ Ấn Độ của Bàn Cổ Vaivasvata. Chúng là các *ẩn dụ ngoại môn dựa vào các Bí pháp Nội môn* của Samothrace. Nếu người Chaldea cổ sơ biết được chân lý nội môn ẩn tàng trong các huyền thoại Purãnas, thì các quốc gia khác lại chỉ biết tới Bí nhiệm Samothrace và đã ẩn dụ hóa nó. Họ đã biến cải nó theo các ý niệm thiên văn và nhân loại học, hoặc đúng hơn là sùng bái sinh thực khí của mình. Trong *lịch sử* thời xưa, Samothrace đã lừng danh vì bị một trận đại hồng thủy nhận chìm xứ này và dâng lên đến đỉnh núi cao nhất; biến cố này diễn ra trước thời anh hùng Argonaut. Nó đã bị bất thần tràn ngập do nước từ Euxine (cho tới lúc đó vẫn được coi như là một cái hồ) dâng lên ([1]). Nhưng ngoài ra, người Do Thái có một huyền thoại khác để dựa vào ẩn dụ đó: huyền thoại về trận Đại Hồng Thủy đã biến sa mạc Gobi hiện nay thành ra một biển cả *lần cuối cùng* cách đây chừng 10.000 năm hay 12.000 năm, nó đã dồn nhiều Noah và gia đình tới các vùng núi xung quanh. Vì hiện nay, các bản tường thuật của dân Babylon chỉ được thu lại từ hàng trăm ngàn mảnh vụn – chỉ riêng ở các hố khai quật của Layard thuộc vùng gò đất Kouyunjik, người ta đã thu được tới hai chục ngàn mảnh bản khắc – nên các bằng chứng được dẫn ra ở đây tương đối chẳng có bao nhiêu; nhưng cho dù

[1] Xem Pliny, iv, c, 12, Strabo, 10; Herodotus, vii, c. 109; Paussanias, vii, c. 4, vv..

như vậy, chúng cũng bổ chứng được hầu như từng giáo lý của chúng ta; chắc chắn ít ra cũng là ba. Đó là:

1. Giống dân bắt đầu sinh hóa trước tiên là giống dân hắc chủng (zalmat-qaqadi), họ gọi là Adamu tức U Minh Chủng (Dark Race), và Sarku tức Quang Minh Chủng (Light Race), nó vẫn còn thuần chủng trong một thời gian dài sau đó.

2. Người Babylon công nhận là có *hai Giống dân chính* vào lúc có sự sa đọa, Giống dân của các Thần Linh, Dĩ Thái Hình (the Ethereal Doubles) của các Pitris đã có trước hai Giống dân này. Đây là ý kiến của H. Rawlinson. Các Giống dân này chính là Giống dân thứ Hai và thứ Ba của chúng ta.

3. Bảy Thần Linh, mỗi Đấng tạo ra một *Người* hoặc một Nhóm người, chính là "chư Thần Linh bị tù đày hay lâm phàm". Chư Thần Linh này gồm có: Thần Zi; Thần Zi-ku (Cuộc sống Cao cả, Chưởng quản sự Thanh khiết); Thần Mir-ku (Vương miện Cao
19 quý), "cứu thoát chư Thần Linh bị tù đày sau này", tự tay "sáng tạo ra các hắc chủng"; Thần Libzu, "minh triết so với chư Thần Linh khác"; Thần Nissi; Thần Minh Triết và Thái Uyên (Deep), đồng nhất hóa với Oannes-Dagon vào lúc có sự sa đọa, được mệnh danh, xét gộp lại, là Hóa Công tức Đấng Sáng Tạo ([1]).

Trong các mảnh vụn của dân Babylon, có hai cái gọi là "Cuộc Sáng Tạo", và vì Sáng Thế Ký theo sát với điều này, nên chúng ta thấy hai chương đầu của nó nổi bật lên như là các cuộc Sáng tạo của Elohim và Jehovah. Tuy nhiên, trình tự riêng của chúng không được duy trì trong hai chương này hoặc trong bất cứ tác phẩm ngoại môn nào khác. Nay theo Giáo lý Huyền bí, các "Cuộc Sáng Tạo" này lần lượt đề cập tới việc các Tổ Phụ, Pitris hoặc Elohim tạo ra bảy *Người* nguyên thủy, và sự tạo thành các Nhóm người sau khi có sự Sa Đọa.

---

[1] *Sáng Thế Ký theo dân Chaldea,* trang 82

Tất cả các điều này sẽ được chúng ta dần dần xét tới dưới ánh sáng của khoa học và những điều so sánh rút ra từ các Thánh kinh của mọi quốc gia cổ xưa (kể cả Thánh kinh). Trong khi đó, trước khi quay sang phần Nhân Sinh Khởi Nguyên Luận của các Giống dân thời tiền sử, chúng ta nên thỏa thuận với nhau về các danh xưng được gán cho các lục địa mà bốn Giống dân lớn trước Giống dân Adam của chúng ta đã sinh ra, tồn tại và chết đi trên đó. Chúng có rất nhiều danh xưng cổ sơ và Nội môn, thay đổi tùy theo ngôn ngữ của quốc gia đề cập tới chúng trong các niên sử và Thánh kinh của mình. Chẳng hạn như điều mà Vendĩdãd gọi là Airyana Vaẽjõ ([1]), mà Zoroaster bản sơ ([2]) chào đời ở đó, lại được gọi là Bạch Đảo (Shveta Dvĩpa), Núi Tu Di (Mount Meru), chỗ ngự của Vishnu, v.v… Trong Giáo Lý Bí Nhiệm, nó chỉ được gọi là "Thánh Địa của Thần Linh" dưới quyền lãnh đạo của các Huynh Trưởng, các "Chơn Linh của Hành Tinh này".

Do đó, xét vì tình hình có thể, thậm chí rất có thể lộn xộn, nên chúng ta thấy cần chọn cho mỗi một trong số bốn lục địa thường được đề cập tới, một danh xưng quen thuộc hơn với độc giả có học thức. Vì thế, đề nghị gọi lục địa thứ nhất, hoặc

---

[1] Xem Bundahish, 79, 12.

[2] Khi dùng từ ngữ "bản sơ"("original"), chúng tôi có ý nói tới Amshaspend, được gọi là "Zarathushtra, Đấng Chúa Tể Chưởng Quản Vara do Yima thực hiện ở xứ này". Có nhiều Đấng Zarathushtras tức Zertusts, chỉ có Dabistãn là liệt kê mười ba Đấng, nhưng tất cả đều là các kiếp tái sinh của Đấng bản sơ. Zoroaster cuối cùng đã lập nên đền thờ Lửa Azareksh và soạn ra các tác phẩm bàn về tôn giáo Pháp thuật thiêng liêng nguyên thủy mà Alexander đã tiêu diệt.

đúng hơn là *vùng đất liền* thứ nhất, mà các Tổ Phụ thánh linh đã phát triển Giống dân thứ Nhất trên đó là:

1. Thánh Địa Bất Diệt (The Imperishable Sacred Land).

Lý do tại sao có danh xưng này là vì (điều này đã được khẳng định): "Thánh Địa Bất Diệt" này không bao giờ chia sẻ số phận của các lục địa khác, vì đó là lục địa duy nhất có số phận là sẽ tồn tại từ đầu đến cuối Chu Kỳ Khai Nguyên trong suốt mỗi cuộc Tuần Hoàn. Đó là cái nôi của người đầu tiên và chỗ ở của thế nhân *thiêng liêng* cuối cùng, được chọn làm một Shishta cho mầm mống tương lai của nhân loại. Chẳng thể đề cập nhiều tới vùng đất thiêng liêng và bí nhiệm này, có lẽ ngoại trừ việc phát biểu, theo một lối diễn đạt thơ mộng trong một Giảng lý, rằng: "*Sao Bắc Đẩu cứ đăm đăm nhìn nó từ lúc bình minh tới lúc nhá nhem tối của một Ngày ĐẠI LINH KHÍ"*[1].

*2. L*ục Địa Bắc Cực (The Hyperborean).

Đó sẽ là danh xưng được chọn cho lục địa thứ nhì, vùng đất trải rộng các mũi đất của nó từ Bắc Cực ra phía Nam và phía Tây để đón nhận Giống dân thứ Hai và bao gồm toàn bộ vùng đất nay được biết như là vùng Bắc Á. Đó là danh xưng mà những người Hy Lạp xưa nhất đã dành cho vùng đất xa xăm và bí nhiệm, nơi mà Thần Apollo Bắc Cực tuần du qua hằng năm, theo truyền thuyết của họ. Về phương diện thiên văn, Apollo dĩ nhiên là Mặt Trời; khi rời bỏ các Thánh điện Hy Lạp của mình, hằng năm, Ngài ưa thích đến tham quan vùng đất xa xăm, nơi mà người ta bảo rằng Mặt Trời không bao giờ lặn trong nửa năm. Một câu thơ trong Odyssey đã dạy: *"Ngày đêm cứ xuất hành quanh quẩn thôi !"*[2]

---

[1] Ở Ấn Độ, nó được gọi là "Một Ngày của Brahmã".

[2] X, 86. [Bản dịch của Buccher và Lang].

Nhưng xét về mặt *lịch sử*, hoặc có lẽ tốt hơn, xét về mặt dân tộc học và địa chất học, ý nghĩa lại khác hẳn. Vùng đất Bắc Cực, cái xứ sở trải rộng ra quá Boreas, vị Thần bão tuyết với tâm hồn băng giá, chỉ thích nằm lim dim ngủ trên rặng Núi Rhipaeus, chẳng phải là một xứ sở lý tưởng như các nhà thần thoại học phỏng đoán, cũng chẳng phải là một vùng đất ở gần Scythia và sông Danube ([1]). Đó là một vùng lục địa có thực, một vùng đất *lương hảo* (a *bona fide* land); thời xưa nó không hề có mùa đông mà cũng chẳng có các di tích tồi tàn hơn một ngày đêm trong vòng một năm (ngay cả hiện nay). Người Hy Lạp bảo ngày đêm không bao giờ buông xuống trên nó, vì nó là xứ sở của chư Thần Linh, trú sở yêu quý của Alpollo, Thần Ánh Sáng, còn cư dân của nó lại là các lễ sư và thuộc hạ thân yêu của Ngài. Nay điều này có thể được xem như là *chân lý* được *thi vị hóa.*

3. Châu Lemuria.

Chúng tôi đề nghị gọi lục địa thứ ba này là Lemuria. Danh xưng này là do ông P.L. Sclater đề ra; trong khoảng thập niên 1850-1860, dựa vào các cơ sở động vật học, ông đã quả quyết rằng vào thời tiền sử, đích thực là có tồn tại một lục địa mà ông đã vạch rõ là đã trải dài từ Madagascar tới Tích Lan và Sumatra. Nó bao gồm cả một vài phần của vùng đất nay là Phi Châu; nhưng mặt khác, lục địa khổng lồ này, đã trải dài từ Ấn Độ tới Úc, nay đã hoàn toàn biến mất bên dưới Thái
21 Bình Dương, chỉ để lại rải rác đó đây một vài đỉnh cao nguyên, nay là các hòn đảo. Theo ông Charles Gould, nhà tự nhiên học A.R.Wallace đã:

Mở rộng Úc Châu vào thời Đệ tam kỷ tới tận New Guinea và Quần đảo Solomon, và có lẽ tới tận Fiji; xuất phát từ các loài hữu

[1] Xem Volcker, Địa lý Thần Thoại, từ trang 145 đến trang 170

đại (thú có túi) của nó, ông đã quy ra một mối liên hệ với lục địa phương Bắc trong thời Đệ nhị kỷ ([1]).

Chủ đề này được bàn nhiều ở nơi khác ([2]).

4. Châu Atlantis.

Chúng tôi gọi lục địa thứ tư như thế đấy. Nó ắt là vùng đất lịch sử đầu tiên, nếu người ta quan tâm tới các truyền thuyết của Cổ nhân nhiều hơn mức từ trước đến nay. Hòn đảo nổi tiếng của Plato mang tên này chẳng qua chỉ là một mảnh vụn của lục địa vĩ đại này ([3]).

5. Âu Châu.

Lục địa thứ năm là Mỹ Châu; nhưng vì nó tọa lạc ở các Điểm Đối Chân (Antipodes), nên chính Âu Châu và Tiểu Á,

---

[1] *Các con Quái vật Thần thoại*, trang 47.

[2] Tuy nhiên, phải nhận thấy rằng ông Wallace không chấp nhận ý tưởng của ông Sclater, mà còn chống đối lại nó nữa. Ông Sclater giả sử rằng có một vùng đất hoặc một lục địa xưa kia nối liền Úc và Ấn Độ. Còn trong tác phẩm *Sự phân bố Địa lý của Thú vật và Sự sống trên Đảo*, ông A.R.Wallace đã chứng tỏ rằng giả thuyết về một vùng đất như vậy hoàn toàn không cần thiết dựa vào các cơ sở động vật học giả định. Nhưng ông thừa nhận rằng chắc chắn là có một sự tương cận hơn nhiều giữa Ấn Độ và Úc vào một thời kỳ xa xưa đến nỗi nó "chắc chắn là trước thời đệ tam kỷ"; trong một bức thư riêng ông còn nói thêm là "người ta không thể gán cho vùng đất giả định này một danh xưng nào". Thế nhưng, vùng đất vẫn tồn tại, dĩ nhiên là trước thời đệ tam kỷ, vì Châu Lemuria (nếu chúng ta chấp nhận danh xưng này dành cho lục địa thứ ba) đã bị diệt vong trước khi Châu Atlantis phát triển hoàn toàn, còn Châu Atlantis đã bị chìm và phần chính của nó đã biến mất trước cuối thời kỳ Trung tâm đệ tam kỷ (Trung tâm tân thế).

[3] Xem Phật Giáo Nội Môn, trang 66-67, ấn bản lần thứ 8, tái bản 1918

hầu như đồng thời với nó, mới thường được các nhà Huyền bí học Ấn -Ãryan đề cập tới như là lục địa thứ năm. Nếu giáo lý của họ tiếp nối sự xuất hiện của các lục địa theo trình tự địa chất và địa lý, thì sự phân loại này sẽ phải bị thay đổi. Nhưng vì người ta xếp thứ tự các lục địa theo trình tự tiến hóa của các Giống dân, từ Giống dân đầu tiên tới Giống dân thứ Năm (Căn chủng Ãryan chúng ta), nên Âu Châu phải được gọi là đại lục địa thứ năm. Giáo Lý Bí Nhiệm không kể tới các đảo và bán đảo, nó cũng không tuân theo sự phân bố địa lý hiện đại của đất liền và biển cả. Từ ngày có giáo lý cổ nhất và từ lúc Châu Atlantis bị diệt vong, bộ mặt của Trái Đất đã bị thay đổi nhiều lần. Vùng châu thổ Ai Cập và Bắc Phi đã có lúc thuộc về Âu Châu, trước khi Eo biển Gibraltar được tạo nên và một sự xáo động lục địa thêm nữa đã biến đổi hoàn toàn bộ mặt của bản đồ Âu Châu. Sự biến đổi nghiêm trọng vừa qua diễn ra cách đây độ 12 000 năm ([1]) tiếp theo
22 sau là sự chìm đắm của đảo Atlante nho nhỏ của Plato; ông gọi đó là Atlantis bắt chước theo đảo thủy tổ của nó. Ngày xưa, Địa lý học là một phần của các Bí pháp. Kinh Zohar dạy:

Các bí nhiệm [về đất liền và biển cả] này được tiết lộ cho các *nhà huyền bí*, chứ không phải là cho các nhà địa lý học ([2]).

---

[1] Một "sự trùng hợp" nữa :

"Nay người ta chứng tỏ rằng trong các thời kỳ địa chất gần đây, vùng Bắc Phi này thực sự đã là một bán đảo của Tây Ban Nha, sự kết hợp của nó với Phi Châu (đích thực) đã được thực hiện ở phía Bắc do sự gãy sụp eo biển Gibraltar, và ở phía Nam do một cuộc nổi đất đã khai sinh ra sa mạc Sahara. Các bờ của vùng biển Sahara thời xưa này vẫn còn ghi dấu vỏ của loài Phúc túc (Gastropoda) đã từng sống trên bờ Địa Trung Hải. (*Thuyết Di Truyền và Thuyết Darwin – Doctrine of Descent and Darwinism*, trang 244).

[2] iii, tiếp theo 10 a.

Dĩ nhiên, việc khẳng định rằng con người hồng trần thoạt tiên là một người khổng lồ trước thời đệ tam kỷ và y đã tồn tại cách đây 18 000 000 năm, ắt phải có vẻ là phi lý đối với những kẻ ngưỡng mộ tin tưởng vào khoa học hiện đại. Toàn thể các nhà sinh học sẽ lờ đi cái quan niệm về người khổng lồ thuộc Giống dân thứ Ba thời đệ nhị kỷ này, y sẵn sàng chiến đấu hữu hiệu chống lại các con quái vật khổng lồ đương thời ở trên không trung, dưới biển cả và trên đất liền, cũng như các tổ phụ của y – các nguyên kiểu tinh anh của người Atlantis – đâu có sợ những gì có thể làm hại được họ. Nhà nhân chủng học hiện đại cứ tha hồ cười nhạo những người Khổng lồ của chúng ta, cũng như y đã chế nhạo Adam trong Thánh kinh, và cũng chẳng khác nào nhà Thần học chế nhạo tổ phụ thuộc loài khỉ của nhà nhân chủng học. Đến lúc này nhà Huyền bí học và những kẻ chỉ trích cay nghiệt, mới có thể cảm thấy rằng họ đã "ăn miếng trả miếng" thật là thích đáng. Dù sao đi nữa, Huyền bí học vẫn tuyên bố ít hơn và trình bày nhiều hơn nhân loại học theo thuyết Darwin hoặc thần học theo Thánh kinh.

Niên đại ký Nội môn lẽ ra cũng chẳng làm ai phải sợ vì về phần các số liệu, các tài liệu có thẩm quyền nhất đương thời cũng dao động và bấp bênh chẳng kém gì các đợt sóng Địa Trung Hải. Riêng chỉ về phần kỳ gian của các địa kỳ thôi, các bậc học giả thuộc Hội Hoàng Gia đều lúng túng một cách tuyệt vọng, và nhảy từ một triệu năm tới năm trăm triệu năm một cách dễ dàng như chúng ta sẽ thấy điều này nhiều lần trong phần so sánh này.

Để phục vụ cho mục đích hiện nay của chúng ta, hãy thử xét một ví dụ: đó là các phép tính toán của Tiến sĩ Jame Croll, Hội viên Hội Hoàng Gia. Theo nhân vật có thẩm quyền này,

cho dù "2.500.000 năm có tiêu biểu cho thời gian từ khi *bắt đầu* Đệ Tam Kỷ hay Thủy tân" (theo một nhà địa chất học người Mỹ ([1]), hoặc cho dù Tiến sĩ Croll có "chấp nhận thời gian mười lăm triệu năm từ khi bắt đầu kỷ Thủy tân (the Eocene period), theo trích dẫn của một nhà địa chất học người Anh ([2]), cả hai loạt số liệu này đều bao trùm những điều khẳng định của Giáo Lý Bí Nhiệm ([3]). Ấy là vì theo Giáo

---

[1] Sinh Hoạt Thế Giới, của A. Wichell, trang 399.

[2] Các Con Quái Vật Thần Thoại, trang 84 của Charles Gould, cực trắc địa viên ở Tasmania.

[3] Charles Lyell, người ta tin rằng "ông đã chế ra một cách may mắn" các từ ngữ Thủy Tân thế (Eocene), Trung tân Thế (Miocene) và Tiệm tân thế (Pliocence) để chỉ ba phân đoạn của Đệ Tam Kỷ (the Tertiary Age), ắt đã thực sự dành cho "các sản phẩm trí tuệ" của mình một thời kỳ gần đúng. Tuy nhiên, vì dành kỳ gian của các địa kỷ này cho sự suy lý của các chuyên viên nên "sáng kiến may mắn" này chỉ làm cho thiên hạ thêm hoang mang bối rối. Dường như thật là tuyệt vọng nếu cứ trích dẫn một loạt số liệu trong một tác phẩm, vì có nguy cơ phát hiện thấy nó bị chính tác giả ấy bác bỏ trong một quyển sách trước đó hay sau đó. William Thomson (một trong các nhân vật có thẩm quyền nhất trong thế giới hiện đại) đã thay đổi ý kiến chừng nửa tá lần về tuổi của Mặt Trời và thời kỳ đông cứng của vỏ quả đất. Trong "Triết Học Tự Nhiên" của Thomson và Tait, chúng ta thấy người ta chỉ chấp nhận thời gian mười triệu năm từ khi nhiệt độ trên trái đất khiến cho sự sống thực vật có thể xuất hiện trên Địa Cầu được. (Phụ lục D và tiếp theo; cũng như Văn kiện Hội Hoàng Gia Edinburgh, xxiii, phần 1, 157, 1862, trong đó 847 bị gạch bỏ). Darwin trình bày ước tính của William Thomson là "tối thiểu chín mươi tám triệu năm và tối đa hai trăm triệu năm từ khi vỏ trái đất đông cứng lại" (Xem Ch. Gould, sách đã dẫn, trang 83). Cũng trong tác phẩm Triết Học Tự Nhiên, người ta trình bày là tám chục triệu năm đã trôi qua từ

23 Lý Bí Nhiệm, giữa cuộc tiến hóa khởi thủy và tối hậu của Căn chủng thứ Tư trên các lục địa Lemuria-Atlantis là một thời gian từ bốn tới năm triệu năm; một triệu năm đã trôi qua từ lúc có Giống dân thứ Năm (Giống dân Ãryan) tới thời nay; và chừng 850.000 năm đã trôi qua từ khi bán đảo lớn cuối cùng của Châu Atlantis bị chìm – tất cả các điều này có thể đã dễ dàng xảy ra trong vòng 15.000.000 năm mà Tiến sĩ Croll đã chấp nhận cho Đệ Tam Kỷ. Nhưng nói về mặt niên đại ký, kỳ gian của địa kỷ chỉ có tầm quan trọng thứ yếu; thế mà, sau rốt một vài nhà khoa học Mỹ lại trông cậy vào nó. Các nhân vật thượng lưu này (vẫn thản nhiên trước sự kiện các lời khẳng định của họ bị xem là không những đáng nghi ngờ mà còn phi lý nữa) vẫn chủ trương rằng con người đã tồn tại từ Đệ Nhị Kỷ (the Secondary Age). Họ đã tìm thấy các dấu chân của con người trên những tảng đá địa tầng này; vả lại, ông de Quatrefages chẳng thấy lý do có giá trị khoa học nào giải thích tại sao con người con người không hề tồn tại trong thời kỳ Đệ Nhị Kỷ.

---

lúc vỏ trái đất bắt đầu đông cứng cho tới tình trạng thế giới hiện nay. Trong bài diễn văn cuối cùng của mình (đã được trình bày ở đâu đó), William Thomson đã tuyên bố (vào năm 1887) rằng Mặt Trời đã ra đời chưa tới mười lăm triệu năm ! Trong lúc đó khi dựa các luận chứng (về các giới hạn tuổi của Mặt Trời) của mình vào các số liệu do William Thomson lập nên trước đó, Tiến sĩ Groll đã chấp nhận là sáu chục triệu năm đã trôi qua từ khi bắt đầu kỷ Địa tầng tối cổ (the Cambrian period). Thật là tràn trề hy vọng đối với những kẻ thích hiểu biết chính xác. Như vậy, cho dù các số liệu do Huyền bí học trình bày có ra sao đi chăng nữa, chắc chắn là chúng cũng được bổ chứng bởi một trong các nhà khoa học hiện đại được xem như là có thẩm quyền.

Thật ra, các địa kỷ là những từ ngữ thuần túy ước lệ, vì chúng chỉ được phác họa một cách đại khái; vả lại, chẳng có hai nhà địa chất học tự nhiên nào mà lại đồng ý với nhau về các số liệu. Như vậy, học giới (the learned fraternity) đã trình bày với các nhà Huyền bí học một biên tế rất rộng (wide margin) để tha hồ mà chọn lựa. Liệu chúng ta có nên chọn ông T. Mellard Reda là một trong những kẻ ủng hộ chúng ta không? Trong một tài liệu về "Đá vôi được coi như là một Chỉ số về Thời gian Địa chất" được trình bày tại Hội Hoàng Gia năm 1878, nhân vật thượng lưu này cho rằng thời gian *tối thiểu* cần để tạo thành các trầm tích và loại trừ chất vôi tính tròn 600 triệu năm ([1]). Hoặc liệu chúng ta có nên tìm kiếm sự ủng hộ niên đại ký của mình nơi các tác phẩm của ông Darwin, trong đó (theo thuyết của ông), ông đòi hỏi là các sự biến đổi hữu cơ phải mất từ 300 đến 500 triệu năm? Charles Lyell và Giáo sư Houghton đều thỏa mãn với việc xác định lúc khởi đầu Kỷ Địa Tầng (the Cambrian Age) tối cổ lần lượt là 200 triệu năm và 240 triệu năm. Các nhà địa chất học và động vật học xác định thời gian tối đa, mặc dù ông Huxley đã từng xác định là vỏ trái đất bắt đầu đông cứng cách đây 1.000 triệu năm và không chịu bớt đi một triệu năm nào hết.

Nhưng đối với chúng ta, điều chủ yếu không phải ở nơi sự đồng ý kiến của các nhà tự nhiên học về kỳ gian của các địa kỷ, mà đúng hơn là ở nơi sự hoàn toàn đồng ý về cùng một điểm (thật là kỳ diệu) vì đây là một điều rất quan trọng. Tất cả đều đồng ý rằng trong thời Trung Tân Thế - dù là cách đây một hay mười triệu năm – Greenland và thậm chí cả Spitzbergen nữa (các di tích của lục địa thứ nhì tức Lục địa
24 Bắc cực) "đều có một khí hậu hầu như là nhiệt đới". Nay

[1] Xem Văn kiện Hoàng Gia , Luân Đôn xxviii, 281

người Hy Lạp trước thời Homer đã duy trì được một truyền thuyết linh động về "Xứ sở của Mặt Trời Vĩnh Cửu" này, nơi mà thần Apollo vẫn tuần du qua hằng năm. Khoa học cho chúng ta biết rằng :

….trong thời Trung tân thế, Greenland (ở 70 độ Bắc vĩ độ) đã phát triển được vô số cây cỏ, chẳng hạn như cây thủy tùng, cây vạn niên thanh (Redwood), cây cù tùng có liên hệ với giống California, cây giẻ gai, cây dương ngô đồng, cây liễu, cây bạch dương, cây hồ đào, cũng như là một cây mộc lan và một cây tang mễ (Zamia).([1])

Tóm lại, Greenland có các cây ở vùng phía Nam mà vùng phía Bắc không hề biết tới.

Nay tự nhiên là người ta phải nảy ra một câu hỏi: nếu người Hy Lạp thời Homer đã biết tới một xứ sở ở Bắc Cực nghĩa là một Thánh Địa ở ngoài phạm vi của Boreas (Thần mùa đông bão tố), một vùng đất lý tưởng mà người Hy Lạp và các tác giả sau này đã hoài công định vị ở bên ngoài Scythia, một xứ với đêm ngắn ngày dài; ngoài ra, đó còn là một xứ mà Mặt Trời không bao giờ lặn và cây cọ mọc um tùm – nếu họ đã biết các điều ấy, thì bấy giờ ai dạy họ những điều đó? Greenland chắc chắn phải đã bị bao phủ bởi tuyết trường kỳ, băng không bao giờ tan chảy (chẳng khác nào hiện nay). Mọi chuyện đều có khuynh hướng chứng tỏ rằng xứ đêm ngắn ngày dài chính là Na Uy hoặc Bắc Âu, còn bên ngoài nữa là vùng Thánh Địa với ánh sáng và mùa hè vĩnh cửu. Để cho người Hy Lạp biết được điều này, nó đã phải được lưu truyền cho họ bởi một dân tộc nào đó cổ hơn họ, dân tộc này đã quen thuộc với các chi tiết về khí hậu mà chính người Hy Lạp có thể là chẳng biết gì. Ngay cả hiện nay, khoa học vẫn còn ngờ rằng bên ngoài các biển Địa cực, ngay cả vùng Bắc

[1] Gould, Các Con Quái Vật Thần Thoại, trang 91

cực, có tồn tại một vùng biển không bao giờ đông giá và một lục địa bao giờ cũng xanh tươi. Giáo Huấn Cổ Truyền (Archaic Teachings) cũng như là kinh Purãnas –đối với những kẻ nào có thể hiểu được các ẩn dụ của chúng – cũng có những phát biểu giống như vậy. Thế thì, chúng ta chỉ cần cho rằng rất có thể là trong thời Trung tân thế của khoa học hiện đại, vào lúc mà Greenland hầu như là một xứ nhiệt đới, một dân tộc, mà lịch sử ngày nay không biết tới, đã sinh hoạt ở đó.

CHÚ Ý

Xin độc giả nhớ cho là các Tiết sau đây không nối tiếp nhau một cách nghiêm chỉnh theo trình tự thời gian. Trong Phần I của Quyển này, người ta trình bày các ĐOẠN KINH tạo thành phần dàn bài, bình luận và giải thích một vài điều quan trọng. Trong Quyển 4, ở các Tiết tiếp theo của Phần 2 và 3, người ta thu thập lại nhiều chi tiết bổ sung khác nhau và thử giải thích chủ đề này một cách trọn vẹn hơn.

PHẦN I

NHÂN SINH KHỞI NGUYÊN LUẬN
(ANTHROPOGENESIS)

MƯỜI HAI ĐOẠN KINH BAO GỒM BỐN MƯƠI CHÍN TIẾT THƠ DỊCH TỪ

QUYỂN THIỀN ĐỊNH CHÂN KINH
(BOOK OF DZYÃN)

VỚI PHẦN GIẢNG LÝ

Thoạt đầu có một nàng trinh nữ
Đứa con gái yêu kiều của Ether
Sống hàng bao nhiêu thời đại,
Trên trời rộng thênh thang.
……..
Nàng rong chơi la cà bảy trăm năm,
……
Nàng quằn quại đau đẻ bảy trăm năm
Trước khi hạ sinh đứa con đầu lòng.
……..
Trước khi một con vịt mái diễm lệ hấp tấp,
Xà xuống bà mẹ nước,
……
Nó rón rén quì xuống,
Tìm thấy một cái tổ thích hợp,
Để đẻ trứng một cách an toàn.
…….
Nó thoải mái đẻ trứng,
Ở đó, nó đẻ ra sáu quả trứng vàng,
Rồi tới quả trứng thứ bảy, một quả trứng bằng sắt

Kalevela , Bài thơ ẩn tự Bắc Âu 1. CRAWFORD*)*

27

NHÂN SINH KHỞI NGUYÊN LUẬN

THEO CÁC ĐOẠN KINH
TRONG

THIỀN ĐỊNH CHÂN KINH (1)

ĐOẠN KINH 1

1. Đấng Lha xoay chuyển Bầu thứ Tư tùng phục các Đấng Lha của Thất Nguyên; khi xoay vòng, chúng đánh xe chung quanh Đấng Chí Tôn, Đấng Độc Nhãn [của Thế giới chúng ta]. Linh khí của Ngài ban Sự Sống cho Thất Nguyên. Nó ban sự sống cho Bầu thứ Nhất.

2. Địa Cầu nói: "Hỡi Đấng Bạch Diện (Lord of the Shining Face), Nhà tôi sao quá trống trải … Hãy phái các Con của Ngài đến Diệu Luân này (this Wheel). Ngài đã phái Bảy Con tới cho Đấng Minh Triết. Y thấy Ngài gần với y hơn bảy lần, y cảm thấy Ngài bảy lần hơn nữa. Ngài đã cấm ngặt các Thuộc hạ của Ngài, các Vành nhỏ (the small Rings), không được chiếm lấy Ánh Sáng và Nhiệt của Ngài, lòng Đại Lượng của Ngài chắn đường nó. Nay hãy gửi cho Thuộc hạ của Ngài y như vậy".

---

1 Ở đây chỉ trình bày bốn mươi chín trong số nhiều trăm Tiết thơ, không phải câu thơ nào cũng được dịch nguyên văn. Đôi khi, ở những chỗ mà việc dịch sát nguyên văn có thể hoàn toàn không hiểu được, phải bắt buộc diễn tả dài dòng để cho đoạn văn rõ ràng và có thể hiểu được.

3. Đấng Bạch Diện phán: "Ta sẽ gửi đến cho con một Linh Hỏa khi con bắt đầu làm việc. Con hãy đưa tiếng nói của con lên tới tận các Cảnh giới khác; con hãy cầu xin Cha con, Liên Hoa Tinh Quân (the Lord of the Lotus), ban cho con các Quý Tử của Ngài… Dân chúng của con sẽ được các Từ Phụ trị vì. Nhân loại của con sẽ hữu hoại. Nhân loại của Đấng Minh Triết, chứ không phải là các Con của Soma, sẽ bất tử. Đừng có phàn nàn nữa. Con vẫn còn chưa khoác lấy Bảy Lớp Da … Con vẫn còn chưa sẵn sàng.

28 **4. Sau những cơn thống khổ đọa đày, nàng đã lột bỏ được Lớp da cũ và khoác lấy Bảy Lớp Da mới và nghiễm nhiên ở trong lớp da thứ nhất của mình.**

ĐOẠN KINH 2

5. Diệu Luân (Wheel) quay vòng trong ba trăm triệu năm nữa. Nó kiến tạo các Rũpas; Đá mềm hóa cứng, Cây cứng hóa mềm. Các côn trùng và các Vi sinh vật, từ vô hình biến thành hữu hình. Nàng giũ chúng rớt ra khỏi lưng mình bất cứ khi nào chúng tràn ngập Từ Mẫu … Sau ba trăm triệu năm, nàng xoay tròn. Nàng nằm ngửa, rồi nằm nghiêng … Nàng chẳng muốn kêu gọi tới các Con của Thượng Đế, nàng cũng chẳng đòi hỏi các Con của Minh Triết. Nàng đã sáng tạo từ chính Lòng mình. Nàng đã khai sinh ra các Thủy Nhân (Water-Men) gớm ghiếc.

6. Chính Nàng đã tạo ra các Thủy Nhân gớm ghiếc từ di tích của các giới khác. Nàng đã tạo ra chúng từ cặn bã và bùn nhớt của kỳ thứ Nhất, thứ Nhì và thứ Ba. Các Thần Quân đã giáng lâm và thưởng ngoạn … các Đấng Thần Quân xuất phát từ Phụ Mẫu quang huy, từ các Bạch khu, từ các Trú sở của các Thế nhân Bất tử (the Immortal Mortals).

7. Họ bất mãn. "Cân nhục (our Flesh) của chúng ta chưa có sẵn. Không có các Hình hài sắc tướng thích hợp cho các Huynh đệ thuộc Giống dân thứ Năm của chúng ta. Chẳng có Chỗ trú cho

chúng sinh. Họ phải uống Nước trong chứ không phải Nước đục. Chúng ta hãy làm cho chúng khô đi".

8. Các Ngọn lửa giáng lâm. Các Linh Hỏa với các Điểm Linh Quang; Lửa Đêm và Lửa Ngày. Chúng làm cạn khô Nước đục ngầu. Chúng dùng nhiệt để làm tắt. Các Đấng Lha Thượng giới và các Lhamayin Hạ giới giáng lâm. Chúng tiêu diệt các Hình hài sắc tướng lưỡng diện và tứ diện. Chúng tập kích những Người Dê (the Goat-men), Người Đầu Chó và người mình cá.

9. Thủy Mẫu (Mother-Water), tức Đại Hải (the Great Sea) khóc sướt mướt. Nàng ngoi lên, nàng biến mất trong Mặt Trăng, nó đã kéo nàng lên, đã khai sinh ra nàng.

10. Khi chúng bị tiêu diệt, Địa Mẫu vẫn trần trụi. Nàng đòi mình phải được khô khan.

29

ĐOẠN KINH 3

11. Đấng Chí Tôn giáng lâm. Ngài tách Nước ra khỏi Cơ Thể mình, đó là Tầng Trời bên trên, Tàng Trời thứ Nhất.

12. Các Đại Đế Quân gọi các Nguyệt Tinh Quân có các Thể Khinh Thanh. "Hãy đem những Người có bản chất như quí vị lại. Hãy ban cho chúng các Hình hài bên trong. Nàng sẽ kiến tạo các Lớp vỏ bên ngoài. Chúng sẽ Bán thư bán hùng. Các Hỏa Tinh Quân cũng…"

13. Họ lên đường, mỗi người đến vùng Đất được cấp cho mình: Bảy vị, mỗi vị đến Địa hạt của mình. Các Hỏa Tinh Quân vẫn ở đàng sau. Các Ngài chẳng đi đâu hết, các Ngài chẳng hề sáng tạo.

ĐOẠN KINH 4

14. Bảy Tập Đoàn các "Đấng Chí Sinh" ("Will-Born Lords"), được Tinh Thần Phú Sinh (the Spirit of Life-Giving) thúc đẩy, tách Nhân loại ra khỏi mình, mỗi vị ở Khu vực riêng của mình.

15. Bảy lần bảy Hình bóng của Nhân loại Tương lai được sinh ra, mỗi thứ thuộc một Loại riêng biệt và có Màu da riêng biệt. Mỗi thứ đều thấp kém hơn Từ Phụ của mình. Các Từ Phụ, Không có Xương, không thể ban Sự Sống cho các Thực Thể có Xương. Hậu duệ của họ là Bhũta, vốn chẳng có Hình hài, mà cũng chẳng có Thể Trí. Do đó, họ được gọi là Giống dân Bào ảnh (the Chhãyã Race).

16. Các Đấng Mãnushya sinh ra như thế nào ? Các Đấng Bàn Cổ có trí tuệ được tạo ra như thế nào ? Các Từ Phụ cầu cứu tới Lửa của chính mình, đó là Lửa cháy trong Địa Cầu. Chơn Linh Trái Đất cầu cứu tới Lửa Mặt Trời. Ba thứ này chung sức nỗ lực tạo ra một Hình hài tốt đẹp. Nó có thể đi, đứng chạy nhảy, nằm dài hoặc bay lượn. Song nó vẫn chỉ là một Chhãyã, một Bào ảnh không có Giác quan…

17. Linh khí cần có một Hình hài; các Từ Phụ ban cấp cho nó. Linh khí cần có một Thể thô trược; Địa Cầu đào luyện ra nó. Linh khí cần có Sinh khí; các Đấng Thần Linh Thái Dương phà nó vào trong hình hài. Linh khí cần có một chiếc Gương phản chiếu Cơ thể; các Thần Quân phán: "Chúng ta sẽ lấy cái của mình ban cho nó !" Linh khí cần có Cảm dục thể; các Đấng hút cạn Nước bảo: "Nó sẽ có". Nhưng Linh khí cần có một Thể Trí để quán thông Vũ Trụ, các Từ Phụ bảo: "Chúng ta không thể ban cấp cái đó !" Chơn Linh Trái Đất bảo: "Ta chưa bao giờ có cái đó !" Đại hỏa phán: "Hình hài sẽ bị thiêu rụi nếu Ta ban cái của ta cho nó !"… Con người vẫn còn là một Hình tướng rỗng tuếch, vô tri vô giác… Như thế, Đấng Vô Cốt (Boneless) đã ban Sự Sống cho những kẻ trở thành những Người có xương trong Giống dân thứ Ba.

ĐOẠN KINH 5

18. Giống dân thứ Nhất là Con của Yoga. Các con của chúng là con của Cha Vàng và Mẹ Trắng.

19. Giống dân thứ Hai sinh ra do sự nảy chồi và bành trướng, cái Phi giới tính xuất phát từ cái Vô giới tính 1. Hỡi đệ tử ! Giống dân thứ Hai được tạo ra như thế đó.

20. Các Tổ Phụ của họ vốn Tự sinh tự tại. Những Đấng Tự Sinh Tự Tại là những Bào ảnh xuất phát từ các Thể quang huy của các Tinh Quân, các Tổ Phụ, các Đứa Con của Tranh sáng tranh tối (the Sons of Twilight).

21. Khi Giống dân đã già, Nước cũ trộn lẫn với Nước mới. Khi các Giọt nước trở thành đục ngầu, nó biến mất vào Dòng nước mới, trong Dòng Suối nóng của Sự Sống. Cái Bên ngoài của cái Đầu Tiên trở thành cái Bên Trong của cái Thứ Nhì. Cánh cũ biến thành Hình Bóng mới, Hình Bóng mới của cái Cánh.

ĐOẠN KINH 6

22. Kế đó Giống dân thứ Hai tiến hóa thành Giống dân thứ Ba, Giống Noãn sinh. Mồ hôi tăng trưởng, các Giọt mồ hôi tăng trưởng, biến thành cứng và tròn. Mặt Trời sưởi ấm nó; Mặt Trăng làm cho nó nguội và có hình thể; Gió nuôi dưỡng nó cho đến khi chín muồi. Con Thiên Nga Trắng từ trên Vòm trời lấp lánh ánh sao phủ bóng giọt Mồ hôi lớn. Quả Trứng của Giống dân Vị lai, con Nhân Nga (Man-swan) của Giống dân thứ Ba sau này. Trước tiên là đực-cái (male-female), và kế đó là Nam và Nữ.

31 **23. Những Kẻ tự sinh là các Hình bóng phóng xuất từ Các thể của các Đứa Con Tranh sáng tranh tối. Cả nước lẫn lửa đều không hủy diệt được họ. [Các con của họ đã bị hủy diệt].**

ĐOẠN KINH 7

24. Các Đứa Con của Minh Triết, các Con của Đêm tối, (xuất phát từ Thánh Thể Brahmã trong Chu kỳ hủy diệt) đã sẵn sàng

---

[1] Ở đây, chúng tôi chỉ trình bày ý tưởng và tinh thần của câu này, vì nếu dịch sát nghĩa thì độc giả chẳng lĩnh hội được bao nhiêu.

tái sinh, giáng hạ. Các vị nhìn thấy những hình hài xấu xa của Ba Giống dân Đầu tiên vô tri giác. Các Tinh Quân phán: "Chúng ta có thể chọn lựa, vì chúng ta có minh triết". Vài vị nhập vào các Bào ảnh. Một số phóng chiếu ra một Đốm lửa. Một số hoãn lại cho tới Giống dân thứ Tư. Từ cái Tinh hoa riêng biệt của mình các vị tăng cường Thể Cảm Dục. Các Đấng đã nhập vào trở thành bậc La Hán. Các Đấng chỉ nhận có một Đốm Lửa vẫn còn chưa hiểu biết. Điểm Linh Quang chỉ le lói. Giống dân thứ Ba vẫn còn vô trí. Các Chơn Thần của họ chưa sẵn sàng. Những người này được xếp loại riêng trong số Bảy giống người ban sơ. Chúng trở thành những kẻ hạn hẹp. Giống dân thứ Ba đã sẵn sàng. Các Hỏa Tinh Quân [và U Minh Tinh Quân] phán: "Chúng ta sẽ ngự trong các Hình hài này".

25. Các Trí Tinh Quân (the Mãnasa), các Con Minh Triết hành động như thế nào? Các vị loại bỏ kẻ Tự sinh (không xương). Chúng chưa sẵn sàng. Các vị cũng loại bỏ kẻ Hãn sinh. Chúng chưa hoàn toàn sẵn sàng. Các vị không muốn nhập vào kẻ Noãn sinh đầu tiên.

26. Khi những kẻ Hãn sinh đã tạo ra những kẻ Noãn sinh lưỡng phái. Những giống người khỏe mạnh, có xương, các Đấng Minh Triết phán: "Bây giờ chúng ta hãy sáng tạo".

27. Giống dân thứ Ba đã trở thành Hiện Thể (Vãhan) của các Đấng Minh Triết. Nó tạo nên những "Con của Ý Chí và Yoga", bằng phương pháp Kriyãshakti, nó tạo nên các vị ấy, các Cha Thánh Thiện, Thủy Tổ của các vị La Hán …

ĐOẠN KINH 8

28. Những loài động vật đầu tiên (của cuộc Tuần Hoàn hiện tại) được tạo ra từ những giọt mồ hôi, từ chất cặn bã phế thải và cát bụi của những xác chết cùng là thú cầm của cuộc Tuần Hoàn thứ Ba trước.

32 **29. Những loài vật có xương, các con rồng ở vực sâu, và các loài Rắn (Sarpas) biết bay được tạo thêm vào các loài bò sát. Các**

loài bò sát dưới đất lại mọc cánh. Những loài vật cổ dài sống dưới nước trở thành thủy tổ của loài chim trên không trung.

30. Trong Giống dân thứ Ba, loài vật không xương trưởng thành và biến đổi hình thể; chúng trở thành loài vật có xương, những Hình bóng của chúng trở nên rắn chắc.

31. Những loài vật phân chia trước tiên thành đực và cái. Chúng bắt đầu sinh nở. Con người lưỡng phái kế đó cũng phân chia nam nữ. Y nói: "Chúng ta hãy làm như chúng; chúng ta hãy phối hợp và sinh sản". Họ đã làm ….

32. Những kẻ không có Đốm Lửa (những kẻ đầu hẹp) phối hợp với loài vật giống cái. Chúng sinh ra các giống người câm. Chính họ (những kẻ đầu hẹp) cũng là giống người câm. Nhưng lưỡi của họ tách rời. Lưỡi của con cháu họ vẫn còn nguyên. Chúng sinh ra những quái vật. Một giống quái vật tóc đỏ, hình thù co quắp đi trên bốn chân. Một giống câm để giấu sự nhục nhã cho khỏi bị tiết lộ.

ĐOẠN KINH 9

33. Nhìn thấy tội lỗi của họ (vì đã phối hợp với loài thú), các Đấng Thần Minh, Con của Minh Triết (Lhas) là những vị từ chối không chịu sáng tạo nên con người, khóc và nói:

34. "Những Kẻ không có trí khôn (Amãnasa) đã làm ô uế những nơi cư trú tương lai của chúng ta. Đây đúng là Nghiệp Quả. Chúng ta hãy trú ngụ trong những kẻ khác. Chúng ta hãy dạy dỗ họ cẩn thận hơn, để tránh những điều tai hại hơn nữa có thể xảy ra". Các vị đã làm …

35. Thế rồi, tất cả con người đều được ban cho Trí Khôn (Manas). Họ nhìn thấy tội lỗi của kẻ vô trí.

36. Giống dân thứ Tư phát triển ngôn ngữ.

37. Một [thư hùng lưỡng phái] trở thành Hai, và tất cả các loài bò sát vẫn còn là một; loài cá khổng lồ, chim và rắn lớn cũng vậy.

ĐOẠN KINH 10

38. Như vậy, cứ hai lần hai, trên Bảy Khu Vực, Giống dân thứ Ba sinh ra Giống dân thứ Tư; các Thần Linh (Sura) trở thành Phi Thần Linh (A-sura).

33 **39. Giống thứ Nhất trên mỗi Vùng có nước da màu mặt trăng (vàng nhạt); Giống thứ Hai sắc da màu vàng; Giống thứ Ba màu đỏ; Giống thứ Tư màu nâu, nó trở thành màu đen vì tội lỗi. Bảy chi chủng đầu tiên khi khởi thủy đều có cùng một màu da. Bảy phụ chủng kế tiếp bắt đầu pha trộn màu da với nhau.**

40. Kế đó Giống dân thứ Ba và Giống dân thứ Tư trở nên kiêu căng. "Chúng ta là vua, chúng ta là thần linh".

41. Họ lấy những người vợ xinh đẹp dễ nhìn. Những người vợ này thuộc giống người đầu hẹp, vô trí. Họ sinh ra những giống quái vật, những loài quỷ sống, nam và nữ. Họ cũng sinh ra loài nữ yêu (dãkinĩ) với ít trí khôn.

42. Họ dựng đền thờ cho thể xác con người. Họ chiêm bái người nam và nữ. Khi đó con Mắt thứ Ba không còn hoạt động nữa.

ĐOẠN KINH 11

43. Giống dân thứ Ba [Lemuria] tạo dựng những thành phố vĩ đại. Họ xây cất bằng những vật liệu và kim loại hiếm có lấy trong phún thạch của núi lửa. Họ dùng cẩm thạch và đá đen để tạc tượng của chính họ với hình dáng và vóc vạc giống y như họ, rồi họ thờ những hình tượng đó.

44. Giống người Atlantis tạo những pho tượng khổng lồ cao 27 feet (8,22m), bằng tầm vóc của thân hình họ. Lửa nội tại đã hủy diệt đất của Tổ Phụ họ (Giống người Lemurians). Nạn nước lụt đe dọa Giống dân thứ Tư.

45. Những Trận Nước Lụt đầu tiên đã xảy ra. Chúng nhận chìm Bảy Hòn Đảo Lớn.

46. Tất cả những người Thánh thiện đều được cứu thoát, những kẻ bất hảo bị diệt vong. Cùng bị tiêu diệt với những người này là hầu hết các con thú khổng lồ, được tạo ra từ mồ hôi của Trái Đất.

ĐOẠN KINH 12

47. Ít người còn lại. Một số người da vàng, một số da nâu và đen, và một số da đỏ đã ở lại. Những người da màu mặt trăng đã đi luôn không còn trở lại.

48. Giống dân thứ Năm được tạo ra từ Nguồn gốc thiêng liêng đã ở lại; Giống dân này được cai trị bởi những vị Thánh Vương đầu tiên.

49. ….[Các Con Rắn] đã giáng lâm trở lại, đã làm hòa với Giống dân thứ Năm, đã dạy dỗ và giáo hóa nó…

35

GIẢNG LÝ

MƯỜI HAI ĐOẠN KINH VÀ CÁC TỪ NGỮ THEO SỐ THỨ TỰ TRONG CÁC ĐOẠN KINH VÀ CÁC TIẾT THƠ

ĐOẠN KINH 1

KHỞI ĐẦU CUỘC SỐNG HỮU HÌNH

(BEGINNINGS OF SENTIENT LIFE)

1. Lha, tức Chơn linh Trái Đất. 2. Trái Đất kêu cầu tới Mặt Trời. 3. Mặt Trời đáp ứng. 4. Sự biến đổi của Trái Đất.

1. ĐẤNG LHA (a) XOAY CHUYỂN BẦU THỨ TƯ ([1]) TÙNG PHỤC CÁC ĐẤNG LHA CỦA THẤT NGUYÊN ([2]) (b); KHI

---

[1] Bầu thứ Tư tức là Địa Cầu của chúng ta. Tất cả các chú giải về bản dịch văn bản trong các ĐOẠN KINH và các Giảng lý đều là của tác giả. Có thể là có chỗ chúng chưa hoàn chỉnh, thậm chí còn chưa thỏa đáng theo quan điểm của Ấn Độ; tuy nhiên, chúng lại có ý nghĩa chính xác trong Nội môn Bí giáo xuyên Hy Mã Lạp Sơn. Dù sao đi nữa, tác giả xin hứng chịu bất cứ điều chê trách nào. Vì bà chưa bao giờ tự cho là bản thân mình không thể sai lầm, nên những gì được trình bày dựa vào thẩm quyền của chính bà có thể còn nhiều sai sót, nhất là những trường hợp rất bí hiểm liên quan tới siêu hình học quá thâm sâu. Tác giả hiểu giáo lý đến đâu thì trình bày đến đấy; xét vì có tới bảy chìa khóa để giải mỗi biểu tượng và ẩn dụ, nên một ý nghĩa có thể không thích hợp (giả sử như) khi xét theo khía cạnh tâm lý học và thiên văn học, lại sẽ hoàn toàn chính xác khi xét theo khía cạnh hồng trần hoặc siêu hình.

[2] Các Chơn Linh Hành Tinh.

XOAY VÒNG, CHÚNG ĐÁNH XE CHUNG QUANH ĐẤNG CHÍ TÔN, ĐẤNG ĐỘC NHÃN [1] CỦA THẾ GIỚI CHÚNG TA. LINH KHÍ CỦA NGÀI BAN SỰ SỐNG CHO THẤT NGUYÊN [2]. NÓ BAN SỰ SỐNG CHO BẦU THỨ NHẤT.

Giảng lý dạy thêm: "*Tất cả các Ngài đều là Rồng Minh Triết*".

a. Ở các vùng xuyên Hy Mã Lạp Sơn, Lha là một từ ngữ cổ để chỉ "Chơn Linh" ("Spirit"), tức bất kỳ Thực Thể *siêu nhân* hoặc thiên giới nào. Nó bao gồm hàng loạt các đại đoàn thiên giới, từ một Tổng Thiên Thần, tức Thần Quân, xuống tới một Thiên Thần bóng tối tức Vong Linh trần thế..

b. Nói cho rõ ràng, thành ngữ này trình bày là Đấng Chơn Linh Chưởng quản Bầu Hành tinh của chúng ta (vốn là Bầu thứ Tư trong Dãy Hành Tinh) tùng phục Đấng Chơn Linh (tức Thần Linh) chính yếu trong số Bảy Chơn Linh Hành Tinh. Như đã giải thích, trong hàng loạt chư Thần, Cổ nhân có bảy Thần Linh Bí Nhiệm chính yếu; thủ lãnh của họ (xét về mặt *ngoại môn)* là Mặt Trời hữu hình, tức Thần Linh thứ tám và (xét về mặt *nội môn*) là Thượng Đế Ngôi Hai tức Hóa Công. Bảy Đấng này – trong Thiên Chúa giáo, các Ngài biến thành "Bảy Mắt của Chúa" – là các Đấng Chưởng Quản của
36 bảy hành tinh *chính yếu;* nhưng không được kể đến các hành tinh này theo lối liệt kê được chế ra sau này bởi những kẻ đã quên mất hoặc chỉ có một ý niệm kém thỏa đáng về các *Bí nhiệm* thực sự, chúng không hề bao gồm Mặt Trời, Mặt Trăng hoặc Trái Đất. Xét về mặt ngoại môn, Mặt trời cầm đầu mười hai Đại Thần Linh tức mười hai chòm sao Hoàng Đạo. Xét về mặt nội môn, nó lại là Đấng Cứu Thế, Christos – Đấng được

[1] Loka Chakshus (Thế giới nhãn).

[2] Các Hành Tinh

Đại Linh Khí (the Great Breath) tức ĐẤNG ĐỘC TÔN (the ONE) phong thánh- xung quanh có mười hai quyền năng phụ thuộc; đến lượt chúng lại phụ thuộc vào một trong bảy "Thần Linh Bí Nhiệm" của các hành tinh.

Một giảng lý nêu rõ: *"Bảy Đấng Thượng Thừa làm cho Bảy Chơn Linh (Lhas) sáng tạo ra Thế giới"*. Điều này có ý nghĩa là Trái Đất của chúng ta (bỏ qua phần còn lại) được các Chơn Linh Trần Thế sáng tạo hoặc cấu thành, các "Đấng Chưởng Quản" chỉ là những Vị giám sát. Đây là mầm mống đầu tiên của cái sau này sẽ phát triển thành Cây Chiêm tinh học và sùng bái Tinh đẩu. Các Đấng Thượng Thừa (the Higher Ones) là các *Đấng Kiến Tạo Vũ Trụ*, xây dựng Thái Dương Hệ của chúng ta. Điều này được xác nhận bởi tất cả các vũ trụ khởi nguyên luận của Hermes, của dân Chaldea, của dân Ãryan, của dân Ai Cập, thậm chí của cả dân Do Thái nữa. Các cung Hoàng Đạo (các "*Con thú linh thiêng*" tức "Vành đai trên Trời") là B'ne Alhim (các Con của chư Thiên tức Elohim) chẳng khác nào các Chơn Linh của Địa Cầu nhưng cao cấp hơn. Soma và Sin, Isis và Diana đều là các Thần Nguyệt Tinh, được gọi là các Từ Phụ và Từ Mẫu của Địa Cầu; Trái Đất vốn tùng phục các Ngài. Nhưng đến lượt các Ngài lại phụ thuộc vào "Cha" và "Mẹ" của mình – "Cha" và "Mẹ" có thể thay thế lẫn cho nhau và thay đổi tùy theo quốc gia – tức chư Thiên và các Hành Tinh của mình, chẳng hạn như Thần Jupiter, Saturn, Bel, Brihaspati v..v…

c. "Linh khí của Ngài ban Sự Sống cho Thất Nguyên" nhằm nói tới Mặt trời (đang ban sự sống cho các hành tinh) cũng như là "Mặt Trời Thượng Đẳng" ("the High One"), *Mặt Trời Tinh Thần*, đang ban sự sống cho toàn thể Càn Khôn. Chúng ta chỉ có thể tìm thấy chìa khóa thiên văn học và

chiêm tinh học để mở cánh cổng dẫn tới các bí nhiệm về Thần phổ học trong các phần ngữ giải kèm theo các ĐOẠN KINH.

Trong các Tiết thơ khải huyền của các tài liệu lưu trữ Cổ sơ, người ta dùng lối nói biểu tượng, giống như kinh Purãnas nhưng ít có tính cách thần thoại hơn nó. Nếu không có các Giảng lý sau này (do hàng thế hệ Cao đồ biên soạn), làm sao chúng ta hiểu nổi ý nghĩa của nó một cách chính xác. Trong vũ trụ khởi nguyên luận cổ truyền, các bầu thế giới hữu hình và vô hình là các mối liên kết lưỡng phân của cùng một dãy hành tinh. Thiên Đạo Vô Hình, cùng với Bảy Đại Đoàn – mỗi đại đoàn được tiêu biểu hoặc nhân cách hóa bởi Thiên Thần chính yếu tức Thiên Thần Chưởng Quản của nó – tạo thành một Quyền Năng duy nhất, nội tại và vô hình; cũng vậy, trong thế giới Hình hài sắc tướng, Mặt Trời và bảy hành tinh chính yếu cấu thành mãnh lực chủ động và hữu hình; có thể nói là "Đại đoàn" vừa nêu là Thiên Đạo hữu hình và ngoại cảnh của các Thiên Thần Vô Hình và (ngoại trừ ở những đẳng cấp thấp) hằng nội tại.

37 Như thế, để tiên liệu một chút nhờ vào sự minh họa – người ta bảo rằng trong khi tiến hóa, mỗi Giống dân đều sinh ra dưới ảnh hưởng trực tiếp của một trong các hành tinh. Giống dân thứ Nhất nhận được sinh khí từ Mặt Trời (chúng ta sẽ thấy điều này sau). Trong khi đó, được biết Giống dân thứ Ba – những kẻ bắt đầu sinh hóa, từ bán thư bán hùng biến thành các thực thể riêng biệt, nam và nữ - chịu ảnh hưởng trực tiếp của Kim Tinh, "*'ngôi mặt trời bé nhỏ' và vầng thái dương tích trữ ánh sáng của mình trong đó*".

Phần tổng kết các ĐOẠN KINH trong Quyển 1 ([1]) đã chứng tỏ rằng chư Thiên và loài người đã phát nguyên ([1])

[1] Trang 313 và tiếp theo.

trong và từ cùng một điểm duy nhất, đó là NHẤT NGUYÊN Tuyệt Đối, Vĩnh Cửu, Thường Trụ và Đại Đồng Thế Giới. Trong trạng thái biểu lộ ban sơ, chúng ta thấy nó biến thành : (1) CHẤT LIỆU và THẦN LỰC NGUYÊN THỦY (hướng tâm và ly tâm, dương và âm, thư và hùng, v..v…) trong lĩnh vực ngoại cảnh vật lý; (2) TINH THẦN CỦA VŨ TRỤ (tức Thiên Ý Hồng Nguyên, mà một vài người gọi là THIÊN ĐẠO) trong thế giới siêu hình.

Thiên Đạo này là đỉnh của Tam giác Pythagoras. Khi Tam giác này đã hoàn chỉnh, nó biến thành Tứ Linh Diệu, tức Tam giác trong Hình vuông, và biểu tượng lưỡng phân của Tứ Linh Tự trong Vũ Trụ biểu lộ, và Tia gốc tam phân của nó trong vũ trụ chưa biểu lộ - Thực Tượng của nó.

Nói một cách siêu hình hơn, sự phân loại các cứu cánh Vũ Trụ được trình bày ở đây chỉ là để cho tiện, hơn là có tính cách chính xác tuyệt đối về mặt triết học. Vào lúc khởi đầu một Đại Chu Kỳ Khai Nguyên, Thái Cực Thượng Đế biểu lộ như là Hỗn nguyên khí, rồi như Thiên Đạo. Thiên Đạo này tương đương với "Toàn Linh Trí Vô Thức" (the "Unconscious Universal Mind") v.v.. của các tín đồ Phiếm Thần Tây phương. Nó cấu thành Nền tảng của khía cạnh NỘI TÂM của Hiện Tồn biểu lộ, và là cội nguồn của mọi biểu lộ của biệt thức. Hỗn nguyên khí tức Càn Khôn Chất Nguyên Thủy là nền tảng của khía cạnh NGOẠI CẢNH của vạn vật –nền tảng của mọi cuộc tiến hóa và Vũ trụ khai tịch ngoại cảnh. Thế thì,

---

[1] Theo định nghĩa thông thái của Tiến sĩ A. Wilder, sự Khởi thủy không phải là sự sinh hóa, mà là một "*sự xuất lộ từ Vĩnh cửu* thành ra Vũ Trụ và Thời gian"; "một sự xuất lộ từ bản thể thành ra tồn tại" hoặc từ CHƠN NHƯ (BENESS) thành ra "Hiện Tồn" ("Being") – theo lối nói của nhà Minh Triết Thiêng Liêng.

Thần Lực đâu có cùng với Chất liệu Nguyên thủy xuất lộ từ trạng thái tiềm tàng của Thái Cực Thượng Đế. Đó là *sự biến đổi thành năng lượng của tư tưởng siêu thức của Thiên Đạo*, được thấm nhuần (tạm gọi như vậy) vào trong việc ngoại cảnh hóa Thiên Đạo xuất phát từ trạng thái tiềm tàng trong Thực Tại Duy Nhất. Vì thế mới có các luật Vật Chất kỳ diệu; vì thế mới có "dấu ấn bản sơ" mà Giám mục Temple đã bàn tới một cách mơ hồ. Như thế, Thần Lực *không hề xảy ra đồng thời với sự ngoại cảnh hóa bản sơ của Hỗn nguyên khí*. Tuy nhiên, vì không có Thần Lực, Hỗn nguyên khí cũng hoàn toàn là và tất nhiên là bất động *(chỉ là một thứ trừu xuất)* nên không cần phải phân biệt quá tỉ mỉ trình tự của các Cứu cánh Vũ Trụ. Thần Lực nối tiếp Hỗn nguyên khí; nhưng loại trừ Thần Lực
38 ra, Hỗn nguyên khí cũng không thể tồn tại ([1]), xét về mặt thực tế.

"Thiên Đế"("Heavenly Man") tức Tứ Linh Tự, vốn là Protogonos, Tikkoun, Đấng Bản Sơ xuất phát từ Đấng Thánh Linh thụ động và biểu lộ bản sơ của Hình bóng của Đấng Thánh Linh này, là Hình Tướng và Ý Niệm Vũ trụ, nó sinh ra Thiên Đạo Biểu Lộ; Adam Kadmon tức biểu tượng tứ tự (trong kinh Kabalah) của *chính Vũ Trụ*, cũng được gọi là Thượng Đế Ngôi Hai. Tam giác thứ Nhì bắt nguồn từ Tam giác thứ Nhất và phát triển Tam giác thứ Ba ([2]); CON NGƯỜI được sản sinh ra từ Tập Đoàn Thiên Thần hạ đẳng cuối cùng. Hiện nay, chúng ta sẽ bàn tới Ngôi Ba này.

---

[1] Muốn có một giải thích rõ ràng hơn về nguồn gốc (được bao hàm trong Nội môn Bí giáo của Chí Tôn Ca, xem các chú thích bàn về điều đó được đăng trong tạp chí Theosophist, số tháng 2, 3, 4 và 6 năm 1887.

[2] Xem Cây Sephiroth

Độc giả phải nhớ rằng Thiên Đạo khác xa Hóa Công (Demiourgos), vì một đàng là *Tinh Thần (Spirit)*, một đàng là *Linh Hồn* (*Soul).* Tiến sĩ Wilder đã diễn tả điều đó như sau:

Dianoia đồng nghĩa với Thiên Đạo (Logos), Nous cao siêu hơn và gần gũi với Tò'agathóv, một đàng là sự lĩnh hội cao siêu, một đáng là sự quán triệt – một đàng thuộc về trí năng (noetic), một đàng thuộc về trí tuệ (phrenic).

Vả lại, trong nhiều giáo hệ, Con Người được xem như là Thượng Đế Ngôi Ba. Ý nghĩa nội môn của từ ngữ *Thiên Đạo* (Huyền Âm) là việc diễn đạt tư tưởng ẩn tàng ra bên ngoài (giống như trong một tấm ảnh). Thiên Đạo là một tấm gương phản chiếu THIÊN TRÍ còn Vũ Trụ là tấm gương của Thiên Đạo, mặc dù Thiên Đạo là bản thể của Vũ Trụ đó. Thiên Đạo phản ánh *tất cả* trong Vũ Trụ Thái cực, cũng vậy, con người phản ánh nơi chính mình tất cả những gì mà y trông thấy và tìm thấy trong Thế giới *của mình*, tức Trái Đất. Đó là Tam Thủ (Three Heads) của Thánh kinh Kabalah –"*cái này ở trong cái kia và cái này ở trên cái kia" (*[1]*).* Giáo lý dạy: "Mọi Vũ Trụ (thế giới hoặc hành tinh) đều có Thiên Đạo riêng của mình. Mặt Trời luôn luôn được người Ai Cập gọi là "Mắt của Osiris", và chính Thiên Đạo, Đấng Bản Lai, tức Ánh Sáng được bộc lộ ra cho thế giới "vốn là Thể Trí (Mind) và Thiên trí (divine Intellect) của Đấng Vô Hiện". Chỉ có cách nhờ vào Tia thất phân của Ánh Sáng này chúng ta mới có thể tri thức được Thiên Đạo qua Hóa Công (xem Hóa Công như là "Đấng Sáng Tạo" của hành tinh chúng ta và mọi vật thuộc về nó, còn Thiên Đạo là Thần Lực điều động của "Đấng Sáng Tạo" đó) – vừa thiện vừa ác, nguồn gốc của cả thiện lẫn ác. Chính "Đấng Sáng Tạo" này chẳng thiện mà cũng chẳng ác, nhưng các

[1] Zohar, Idra Suta, Tiết VII.

trạng thái biến phân của nó trong Thiên Nhiên làm cho nó có một trong các tính chất này. Chẳng Nhật Thần nào có liên quan một chút gì với Thế giới vô hình và xa lạ vốn rải rác khắp không gian. Ý niệm này được trình bày rất minh bạch trong các Thánh thư của Hermes cũng như là trong mọi kho
39 tàng học thuật dân gian cổ truyền. Nó thường được tiêu biểu bởi Con Rồng và Con Rắn – Thiện Long và Ác Xà được tượng trưng trên Trần Thế bởi Huyền linh thuật và Ma thuật. Trong bài anh hùng thi của Phần Lan, *Kalevala* ([1]; có trình bày nguồn gốc của Ác Xà: nó sinh ra từ nước dãi của Suoyatar (Ác Quỷ bản sơ) và được Nguyên khí Ác Hisi phú cho Linh Hồn. Nó mô tả cuộc đấu tranh giữa "điều ác", Con Rắn tức thầy Phù Thủy và Ahti, Con Rồng tức Huyền linh thuật sĩ, Lemminkainen. Lemminkainen là một trong bảy đứa con của Ilmatar, nàng trinh nữ "con gái của phong" (daughter of the air"), "nàng rớt từ trên trời xuống biển", trước khi có sự Sáng Tạo, nghĩa là Tinh Thần biến thành Vật Chất của cuộc sống sắc dục. Vài dòng sau đây (do Tiến sĩ J.M. Crawford dịch ra thật là tuyệt vời) bao hàm biết bao nhiêu là ý nghĩa và tư tưởng Huyền bí. Anh hùng Lemminkainen

> Đẽo bức tường bằng sức mạnh của pháp thuật,
> Phá tan tành bờ giậu,
> Đốn vụn nát bảy chiếc cọc,
> Băm vằm bức tường rắn độc.
> …….
> Khi con quái vật lơ đãng,
> ……..
> Há hốc miệng đầy nọc độc ra ngoạm
> Vào đầu Lemminkainen;
> Nhưng anh hùng sực nhớ ngay ra,

[1] Quyển ii, Bài thơ 26, trang 432 - 434

Thốt lên những linh từ minh triết,
Các linh từ có từ xửa từ xưa,
Các linh từ mà tổ tiên đã truyền dạy cho chàng…

d. Ở Trung Hoa, người Fohi, tức "Thiên Đế" được gọi là Thập Nhị Thiên Hoàng (Tien-Hoang), mười hai đại đoàn các Thần Quân hoặc Thiên Thần, mặt người, mình rồng (Con Rồng tượng trưng cho *Minh Triết Thiêng Liêng*[1] tức Tinh

[1] Người ta nhắc đi nhắc lại rằng Con Rắn là biểu tượng của Minh Triết và kiến thức Huyền bí. C. Staniland Wake cho rằng: "Con Rắn đã được liên kết với Thần Minh Triết từ thời tiền sử". Con vật này là con vật biểu tượng chuyên biệt của Thoth tức Taut … và của mọi thần linh, chẳng hạn như Hermes [?] và Seth (vốn có thể được liên hệ với Ngài). Điều này cũng đúng đối với Ngôi Ba trong Tam Nguyên bản sơ của dân Chaldea, đó là Héa tức Hoa. Theo Hery Rawlinson, "các tước vị quan trọng nhất của vị thần linh này nhằm nói tới 'chức năng của Ngài trên cương vị là cội nguồn của mọi kiến thức và khoa học'. Ngài chẳng phải chỉ là 'con cá thông tuệ' mà danh xưng của Ngài còn có thể được xem như có nghĩa là cả 'cuộc sống' lẫn một 'con rắn' [một Cao đồ được điểm đạo]. Người ta có thể xem Ngài như là 'được hình dung bởi con rắn lớn chiếm một vị trí nổi bật trong số các biểu tượng chư thần trên các tảng đá đen ghi các nghĩa cử của dân Babylon'." Theo Dupuis: Esculapius, Serapis, Plutoz, Esmun và Kneph, đều là các thần linh có các thuộc tính của rắn. Tất cả đều *chữa trị*, ban cấp sức khỏe (tinh thần và vật chất) và *sự giác ngộ*. Cái vương miện do một con rắn mang hoa (an asp) tạo thành. Thermuthis, vốn thuộc về Isis, Nữ Thần Sự Sống và sự Chữa bệnh. Bộ Áo Nghĩa Thư có luận về khoa Xà học (nói cách khác đó là khoa Huyền bí học). Các Nãgas (Long Thần) của Phật tử ngoại môn đâu phải là "những tạo vật huyền hoặc, có bản chất rắn … cao cả hơn con người và được xem như là các Đấng Hộ Pháp của Đức Phật" (theo niềm tin tưởng của Schlagintweit) chính là những người sống động thực sự, một số cao cả hơn con người vì

Thần); các Ngài đã sáng tạo ra con người bằng cách lâm
40 phàm trong bảy hình hài bằng đất sét – đất và nước – được uốn nắn theo hình dạng của các Thiên Hoàng này, đó là ẩn dụ thứ ba ([1]). Mười hai Aesers (Thần Lực sáng tạo được nhân cách hóa) trong bộ "Eddas" của Bắc Âu cũng như vậy. Trong Giáo Lý Vấn Đáp Bí Nhiệm của giáo phái Druses ở Syria – một huyền thoại được các bộ lạc xung quanh sông Euphrates lặp lại nguyên văn – con người được các "Con của Thượng Đế" sáng tạo ra; sau khi giáng thế và thu thập bảy cây *Nhân sâm* lại, làm cho rễ của chúng linh hoạt, rồi lập tức biến thành người ([2]).

---

hiểu biết Huyền bí học và là các *Đấng Hộ Pháp của Đức Phật*, vì *họ thuyết minh các giáo lý siêu hình thật là chính xác*, một số khác có trình độ *đạo đức* kém hơn vì là các nhà "ma thuật". Do đó, cũng đúng thôi nếu bảo rằng Đức Phật Thích Ca "đã dạy cho họ một hệ thống giáo lý có triết lý thâm sâu hơn so với hệ thống của con người, vì con người chưa đủ tiến bộ để hiểu được nó vào lúc Ngài giáng trần". (Đại Kim Tự Tháp, trang 72 -75,v..v..)

[1] So sánh *Các biểu tượng của chư Tăng*.

[2] Đó là cây Nhân sâm trong Thánh kinh của Rachel và Leah. Rễ cây này sốp thịt, có lông và tẻ nhánh, đại khái tượng trưng cho tứ chi, mình, thậm chí cả đầu người nữa. Người ta công bố các tính chất huyền nhiệm về pháp thuật của nó trong các thần thoại và vở tuồng từ thời thái cổ. Từ Rachael và Leah (vốn mải mê dùng chúng để luyện phép phù thủy) xuống tới Shakespeare [trong Romeo và Juliet, Hồi IV, cảnh 3] khi đề cập tới "tiếng rú" –

"Giống như cây nhân sâm bị nhổ lên khỏi mặt đất,

Khi nghe thấy chúng, đám thế nhân còn sống đều phát cuồng (mad)".

- cây nhân sâm (mandragora) vẫn là một cây *có tính chất huyền nhiệm tuyệt vời.*

Tất cả các ẩn dụ này đều nhắm vào cùng một nguồn gốc duy nhất; bản chất lưỡng phân và tam phân của con người; lưỡng phân như nam và nữ; tam phân, như là một bản thể tâm linh và tinh thần ở nội tâm và một hình hài vật chất ở ngoại cảnh.

2. ĐỊA CẦU NÓI: "HỠI ĐẤNG BẠCH DIỆN ([1]), NHÀ TÔI SAO QUÁ TRỐNG TRẢI … HÃY PHÁI CÁC CON CỦA NGÀI ĐẾN DIỆU LUÂN NÀY ([2]). NGÀI ĐÃ PHÁI BẢY CON TỚI CHO ĐẤNG MINH TRIẾT (a). Y THẤY NGÀI GẦN VỚI Y HƠN BẢY LẦN, Y CẢM THẤY NGÀI BẢY LẦN HƠN NỮA (b). NGÀI ĐÃ CẤM NGẶT CÁC THUỘC HẠ CỦA NGÀI, CÁC VÀNH NHỎ, KHÔNG ĐƯỢC CHIẾM LẤY ÁNH SÁNG VÀ NHIỆT CỦA NGÀI, LÒNG ĐẠI LƯỢNG CỦA NGÀI CHẮN ĐƯỜNG NÓ. NAY HÃY GỬI CHO THUỘC HẠ CỦA NGÀI Y NHƯ VẬY".

a. Đấng "Minh Triết" là thần Mercury tức Budha.

b. Giảng lý hiện đại giải thích câu này, xem như đó là nhắm vào một sự kiện thiên văn trứ danh, đó là "Thủy Tinh nhận được ánh sáng và nhiệt xuất phát từ Mặt Trời bảy lần nhiều hơn Trái Đất, hoặc nhiều hơn cả Kim Tinh kiểu diễm, nó chỉ nhận được số lượng ánh sáng và nhiệt hai lần nhiều

---

Các rễ cây này không có một cái cuống bề ngoài nào; những chiếc lá lớn mọc ra từ đầu rễ, giống như một cái búi lông khổng lồ. Ở Tây Ban Nha, Ý, Tiểu Á hoặc Syria, chúng không giống hình người bao nhiêu; nhưng trên đảo Candia và ở Karamania [xưa là một lãnh thổ ở Tiểu Á], gần thành phố Adan, chúng có dạng giống hình người một cách kỳ lạ và được đánh giá rất cao, coi như là bùa ngãi. Phụ nữa cũng đeo chúng, coi như bùa để trị bệnh hiếm muộn và dùng vào nhiều mục đích khác. Chúng đặc biệt có nhiều hiệu quả trong Ma thuật.

[1] Mặt Trời.

[2] Trái Đất

hơn Bầu hành tinh bé bỏng của chúng ta. Chúng ta có thể suy ra xem liệu người thời xưa có biết sự kiện này không, bằng cách xét lời cầu khẩn của "Chơn Linh Trái Đất" đối với Mặt Trời như được trình bày trong bản văn ([1]). Tuy nhiên, Mặt Trời không chịu gởi người tới Địa Cầu, vì đến nay, nó vẫn chưa sẵn sàng để nhận sự sống.

41 Trên cương vị một hành tinh chiêm tinh, Thủy Tinh còn có tính cách Huyền linh và bí nhiệm hơn Kim Tinh. Nó đồng nhất với Mithra (Thần Linh Bái Hỏa Giáo) "được lập nên giữa 'Mặt Trời' Minh Triết". Pausannias (Quyển v) trình bày Ngài có một bàn thờ chung với Thần Jupiter. Ngài có đôi cánh để biểu thị sự kiện Ngài tháp tùng Mặt trời trong cuộc tuần du; Ngài được gọi là Nuntius và Nhật lang (Sun-wolf), chia sẻ ánh sáng Mặt Trời. Ngài lãnh đạo và trục triệu các Linh Hồn, Ngài là Đại Pháp Sư và Đạo Trưởng. Virgil mô tả Ngài cầm cây đũa thần trục triệu các linh hồn bị đắm chìm trong Orcus: *"Rồi Ngài vồ lấy cây thần trượng và trục triệu linh hồn ra khỏi Orcus* (hố sâu thăm thẳm)"([2]). Ngài là thần Mercury màu

---

[1] Copernicus trình bày các lý thuyết của mình về "Sự quay vòng của các Thiên Thể" vào thế kỷ 16. Thế mà kinh Zohar (cho dù Moses de Leon biên soạn vào thế kỷ 13) đã nêu rõ rằng:

"Trong Thánh thư Hammannunah (Thái Cổ), chúng ta được biết rằng trái đất tự quay quanh mình dưới dạng một vòng tròn; một số ở đỉnh, một số ở bên dưới; … có một vài xứ trên địa cầu được soi sáng, trong khi các xứ khác lại chìm trong bóng đêm; các xứ này đang ở vào ban ngày trong khi các xứ kia lại ở vào ban đêm; có những xứ luôn luôn ở vào ban ngày, hoặc ít ra thì đêm chỉ tiếp diễn trong một vài khoảng khắc". (Zohar, iii, tiếp theo 10 a, được trích dẫn trong "Qabbalah" của Myer, trang 1389).

[2] Xem thêm Tiết 21 của Thánh thư Vendĩdãd bàn về vệ binh thiên giới.

Hoàng kim, Hermes Kim diện mà các Đạo Trưởng không cho mệnh danh. Trong thần thoại Hy Lạp, Ngài được tiêu biểu bởi một trong các con "chó" (canh giữ), chúng coi chừng Tập đoàn Thiên giới (Minh Triết Huyền Linh) tức Hermes Anubis, tức Thiên Thần. Ngài là Argus (người khổng lồ trăm mắt) canh chừng Địa Cầu và bị Địa Cầu tưởng lầm là chính Mặt Trời. Hoàng Đế Julian mỗi đêm đã cầu nguyện với Mặt Trời Huyền Linh nhờ vào sự can thiệp của Thần Mercury vì theo Vossius :

Mọi nhà thần học (theologians) đều quả quyết rằng *Thần Mercury và Thần Thái Dương chỉ là một*… Ngài là vị thần minh hùng biện nhất và minh triết nhất, điều này chẳng có gì là lạ, vì *Thần Mercury gần gũi với Minh Triết và Huyền Âm của Thượng Đế* [Thái Dương] đến nỗi mà Ngài bị lầm lẫn với cả hai ([1]).

Ở đây Vossius đã phát biểu một chân lý Huyền bí hơn mức mà ông tưởng. Hermes của người Ai Cập có liên hệ mật thiết với Saramã và Sãrameya ([2]) của người Ấn Độ, kẻ canh gác thiêng liêng, 'y trông chừng các chòm sao và các chùm tia sáng mặt trời màu hoàng kim'.

Giảng lý trình bày bằng những lời lẽ rõ ràng hơn :

Bầu hành tinh, do Chơn Linh Trái Đất và sáu vị Phụ tá thúc đẩy, thu được tất cả các sinh lực, sự sống và quyền năng xuất phát từ Tinh Thần thái Dương (Spirit of Sun) xuyên qua bảy hành tinh Thần Quân (planetary Dhyãnis). Họ là các sứ giả Ánh sáng (messengers of Light) và Sự Sống của Ngài.

---

[1] Tục thờ cúng ngẫu tượng, II, 373

[2] [Cả Saramã lẫn Sãrameya đều có nghĩa là "chó rừng" ("will dog")].

Mỗi một trong Bảy Vùng trên Địa Cầu, mỗi một trong bảy (1) Giống dân bản sơ [các nhóm người nguyên thủy] đều nhận ánh sáng và sự sống từ Đấng Thần Quân riêng biệt của mình (về mặt tinh thần) và từ cung điện [Trú sở, Hành Tinh] của Đấng Thần
42 *Quân (về mặt vật chất); bảy Giống dân lớn phải sinh ra trên đó cũng vậy. Giống thứ Nhất sinh ra dưới Mặt Trời; Giống thứ Nhì dưới Brihaspati [Mộc Tinh]; Giống thứ Ba dưới Lohitãnga [Hỏa Tinh, "Hỏa thể"("Fiery-bodied"), còn dưới cả Kim Tinh tức Shukra nữa; Giống thứ Tư dưới Soma [Mặt Trăng, cũng như Bầu hành tinh của chúng ta, bầu hành tinh sinh ra dưới và từ Mặt Trăng] và Shani (Thổ Tinh), Krũra-lochana [Ác nhãn] và Asita [U minh]; Giống thứ Năm dưới Budha [Thủy Tinh].*

Con người và mọi "nhân khí"[nguyên khí] nơi con người cũng đều như thế cả. Mỗi người thu được đặc tính của mình từ Đấng Bản Sơ [Chơn Linh Hành Tinh] của mình, do đó mỗi người là một thất nguyên [hoặc một tổ hợp các nguyên khí, mỗi nguyên khí có nguồn gốc nơi một tính chất của Đấng Thần Quân chuyên biệt đó]. Mọi quyền năng hoặc quyền lực tác động của Địa Cầu đều đến với nó từ một trong bảy Đấng Tinh Quân. Ánh sáng được truyền qua Shukra [Kim Tinh], nó được cung cấp ba phần song chỉ ban cho Trái Đất một phần (2). Do đó, hai Hành Tinh này được gọi là "Chị

---

1 "Trên sao dưới vậy" là công lý cơ bản của Huyền bí học. Vì Thiên Đạo có tính chất thất phân, nghĩa là nó biểu lộ khắp Vũ Trụ trên cương vị là Bảy Thượng Đế dưới bảy dạng khác nhau, hoặc (theo giáo lý của các học giả Bà La Môn "mỗi vị Thượng Đế này là nhân vật trung tâm của một trong bảy nhánh chính của Giáo lý huyền môn cổ truyền", và vì bảy nguyên khí (vốn tương ứng với bảy trạng thái riêng biệt của Bát Nhã hay Ý thức, nên các phân bộ phải như nhau trong tất cả những gì liên can tới Trái Đất.

2 Khoa học dạy rằng Kim Tinh (Venus) nhận của Mặt Trời lượng nhiệt và ánh sáng nhiều gấp hai lần so với Trái Đất. Thế mà, được

em sinh đôi"("Twin-sisters"), nhưng Chơn Linh Địa Cầu lại phục tùng "Đấng Tinh Quân" của Shukra. Các bậc hiền triết của chúng ta trình bày tiêu biểu hai Bầu hành tinh, một bầu ở trên, một bầu ở dưới Ký hiệu lưỡng phân [chữ Vạn nguyên thủy không có bốn cánh, tức là thập tự giá ✢](1).

Mọi môn sinh Huyền bí học đều biết rằng "ký hiệu lưỡng phân" là biểu tượng của các nguyên khí thư và hùng trong Thiên Nhiên, của âm và dương, vì chữ Vạn tức 卐 là tất cả những điều đó và còn nhiều hơn thế nữa. Từ khi thiên văn học – nó được một trong các Thánh Vương của triều đại thiêng liêng truyền thụ cho Giống dân thứ Tư – cũng như là chiêm tinh học ra đời, mọi tác giả thời xưa đều trình bày tiêu biểu Kim Tinh trong các bản thiên văn là một *Bầu tựa thăng bằng bên trên một Thập tự giá* còn Trái Đất là một *Bầu bên dưới một Thập tự giá*. Ý nghĩa nội môn của điều này là Trái Đất bắt đầu sinh hóa, tức là sản xuất ra các giống loài nhờ sự giao phối. Nhưng các quốc gia Tây phương sau này đâu phải không thể giải thích nó được theo một lối khác hẳn. Qua các nhà Huyền học, vốn được dắt dẫn bởi ánh sáng của giáo hội La Tinh, họ đã giải thích ký hiệu này có nghĩa là Trái Đất chúng ta và tất cả những gì trên đó đều được Thập tự giá cứu rỗi, trong khi Kim Tinh – hay nói khác đi, là Lucifer, tức Quỷ Vương – đang giày xéo lên nó. Kim Tinh là hành tinh Huyền bí, uy dũng và huyền linh nhất; đó là Hành Tinh có tác dụng

---

biết Hành Tinh này vốn báo trước buổi bình minh và lúc tranh tối tranh sáng (the dawn and the twilight), và là Hành Tinh chói sáng nhất, đã ban cho Trái Đất một phần ba lượng cung cấp mà nó nhận được, và chỉ giữ lại được cho mình hai phần ba. Điều này có một ý nghĩa Huyền bí cũng như là thiên văn học.

[1] Như thế, Kim Tinh là ♀, còn Trái Đất là ♁

và liên hệ nhiều nhất với Địa Cầu. Trong Bà La Môn giáo ngoại môn, Venus tức Shukra – một nam thần – là con trai của Bhrigu, một trong các Đấng Prajãpatis và là một nhà Hiền Triết trong kinh Veda, và là Daitya Guru tức Đạo Sư của các người khổng lồ nguyên thủy. Trong kinh Purãnas, toàn bộ
43 lịch sử của Shukra nhằm nói tới Giống dân thứ Ba và thứ Tư. Giảng lý dạy :

Những kẻ lưỡng tính "bán thư bán hùng" của [Căn chủng thứ Ba] đã thoát thai từ giống dân "Hãn sinh"("Sweat-born") đầu tiên không qua Shukra. Do đó, nó được trình bày tượng trưng với biểu tượng *[vòng tròn và đường kính], trong khi có [Giống dân] thứ Ba* *và trong khi có Giống dân thứ Tư.*

Điều này cần được giải thích. Khi nằm đơn độc trong một vòng tròn, *đường kính* tượng trưng cho Thế giới âm tính, Thế giới *lý tưởng* bản sơ, *tự sinh tự tại* và được tự thấm nhuần bởi Sinh khí lan tràn khắp vũ trụ - do đó nó cũng nhằm nói tới Căn chủng sơ khai. Nó biến thành bán thư bán hùng khi các Giống dân và tất cả những thứ khác trên Địa Cầu phát triển ra thành các hình hài vật chất. Bấy giờ, biểu tượng biến thành một vòng tròn có một đường kính với một đường thẳng đứng xuất phát từ đó chạy xuống, biểu thị thư và hùng, đến nay vẫn còn chưa phân tách – đó là chữ Tau bản sơ của Ai Cập ; sau đó biến thành tức thư hùng phân biệt ([1]) và bắt đầu sinh hóa. Kim Tinh được tiêu biểu bởi ký hiệu một bầu tựa trên một thập tự giá, điều đó chứng tỏ rằng Hành Tinh này chủ trì sự sinh sản tự nhiên của con người. Người

[1] Do đó, bỏ qua khía cạnh tôn giáo siêu hình, xét về mặt biểu tượng, Thập tự giá của tín đồ Thiên chúa giáo còn có tính cách sùng bái sinh thực khí hơn chữ Vạn của tín đồ Ngẫu tượng giáo. So sánh Quyển 1, trang 72.

Ai Cập tiêu biểu Ankh, "sự sống", bằng thập tự giá có quai tức ♀ , nó chỉ một dạng khác của Venus (Isis), ♀, và, xét về mặt nội môn, có nghĩa là nhân loại và mọi động vật đã được bước ra khỏi vòng thiêng liêng và bắt đầu sinh sản nam nữ. Từ cuối Giống dân thứ Ba, dấu hiệu này có cùng ý nghĩa sùng bái sinh thực khí như "Cây Trường Sinh" trong vườn Địa Đàng. Anouki, một dạng của Isis, là Nữ Thần Sự Sống; còn Ankh được người Hebrew vay mượn của người Ai Cập. Nó đã được Moses (vốn rất hiểu biết về Minh Triết của các lễ sư Ai Cập), du nhập vào ngôn ngữ với nhiều từ ngữ huyền bí khác. Trong tiếng Hebrew, từ ngữ Ankh với tiếp vĩ ngữ nhân xưng, có nghĩa là "sự sống của tôi"- sự hiện tồn của tôi – "đó là nhân xưng đại danh từ Anochi", thoát thai từ tôn danh của Nữ Thần Ai Cập Anouki ([1]).

Trong một trong các Sách Vấn Đáp giáo lý xưa nhất ở Nam Ấn Độ, Bang Madras, Nữ Thần bán thư bán hùng Ardhanãrĩ ([2]) đeo chiếc Thập tự giá có quai (chữ Vạn, "dấu hiệu thư và hùng") ngang ở phần trung tâm, để biểu thị trạng thái trước khi có giới tính của Giống dân thứ Ba. Trong một trong các hình chạm trổ xưa nhất, người ta trình bày Vishnu (nay Ngài được trình bày tiêu biểu với một hoa sen mọc ra từ rốn – tức Thế giới của Brahmã thoát thai từ trung tâm điểm, Nara) là Đấng lưỡng tính (Vishnu và Lakshmi) đứng trên một

---

[1] Thập tự giá có quai là dấu hiệu hành tinh thiên văn của Kim Tinh, "có nghĩa là sự tồn tại của *năng lực sinh sản* theo nghĩa tính dục, đó là một trong các thuộc tính của Isis, Từ Mẫu, của Eve, Hauvah tức Địa Mẫu, nó được tất cả các dân tộc cổ sơ công nhận như vậy, theo một lối diễn tả nào đó".

[2] Xem Chư Thần Linh Ấn Độ, của Edward Moor. (Xem các chú thích bổ sung).

lá sen nổi lềnh bềnh trên mặt nước, nước dâng lên theo hình
44 bán nguyệt và tuôn đổ qua chữ Vạn, "cội nguồn của sự sinh hóa của con người".

Pythagoras gọi Shukra - Kim Tinh là "Mặt trời khác nữa". Trong số "Bảy cung của Mặt trời", cung Lucifer-Venus là cung thứ ba trong kinh Kabalah của Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo; kinh Zohar cho rằng nó là chỗ ngự của Samael. Theo Giáo lý Huyền bí, Hành Tinh này là hành tinh *bản sơ* của Địa Cầu, nguyên kiểu tinh thần của nó. Vì thế, người ta mới bảo xe của Shukra (Kim Tinh-Lucifer) được kéo bởi một bầy *Tám* "con ngựa *trên trần thế*", trong khi những con ngựa kéo xe của các Hành Tinh khác lại không giống như vậy.

Mọi tội lỗi phạm phải trên Địa Cầu đều được Ushanas-Shukra cảm thấy. Bậc Đạo Sư của các Daitytas (người Khổng lồ) là Chơn Linh bảo vệ của Địa Cầu và Loài người. Mọi sự biến đổi trên Kim Tinh đều được Trái Đất cảm thấy và phản ánh.

Như vậy, Shukra tức Kim Tinh được trình bày tượng trưng như là Huấn Sư của các Daitytas (các người khổng lồ thuộc Giống dân thứ Tư); trong ẩn dụ Ấn Độ, các vị này sẽ xưng hùng xưng bá trên Địa Cầu và đánh bại các Tiểu Thần. Các người Khổng lồ trong các ẩn dụ Tây phương cũng có liên hệ mật thiết với Venus-Lucifer, mà các tín đồ Thiên Chúa giáo sau này đã đồng nhất hóa với Quỷ Vương. Và vì Venus cùng với Isis được trình bày tiêu biểu với các sừng bò trên đầu, biểu tượng của Thiên Nhiên huyền bí – nó có thể thay đổi và có nghĩa là Mặt Trăng, vì tất cả thứ này đều là các Nữ Thần nguyệt tinh – nên nay các nhà thần học đã xác định vị thế của Hành Tinh này giữa những chiếc sừng của Lucifer

huyền bí ([1]). Chính vì lối thuyết minh hoang đường về truyền thuyết cổ sơ này (nó khẳng định rằng xét về mặt địa chất,

---

[1] Athenaeus chứng tỏ rằng thời xưa, chữ đầu tiên của danh xưng của Quỷ Vương được trình bày tiêu biểu bởi một hình cung và một hình trăng lưỡi liềm. Một số tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã lương thiện ắt sẽ thuyết phục công chúng rằng chính vì để tôn vinh các chiếc sừng giống như hình lưỡi liềm của Lucifer nên các tín đồ Hồi giáo mới chọn hình lưỡi liềm làm quốc huy của mình. Ngay từ khi Chủ nghĩa giáo điều Thiên Chúa giáo La Mã ra đời, Kim Tinh đã bị đồng nhất hóa với Quỷ Vương và Lucifer, tức Đại Long (thật là phi lý !). Các nhà biểu tượng học và thiên văn học đã trình bày như sau:

"Sự kiện con rắn khiến chúng ta liên tưởng tới bóng tối có một cơ sở thiên văn học. Vị trí mà chòm sao Thiên Long có lúc đã chiếm cứ, chứng tỏ rằng chòm sao Đại Xà là chúa tể của đêm đen. Trước kia, chòm sao này ở ngay giữa trời và nó rộng lớn đến nỗi người ta gọi nó là Đại Long (the Great Dragon). Cơ thể của nó trải rộng khắp bảy cung Hoàng Đạo; khi thấy Con Rồng trong Thánh thư Khải Huyền nhắm nói tới chòm sao Thiên Xà, Dupuis đã cho rằng: "Chẳng có gì lấy làm lạ nếu tác giả quyển sách đó có trình bày tiêu biểu một chòm sao rộng lớn như vậy là một Con Rồng lớn có bảy đầu, nó thu hút phần thứ ba của các ngôi sao trên trời và ném chúng xuống đất". (Staniland Wake, Đại Kim Tự Tháp, trang 79; Dupuis, iii, 255).

Có điều là Dupuis chẳng bao giờ biết được *tại sao* chòm sao Thiên Long đã có lúc là sao *Bắc Đẩu* – biểu tượng của Đấng Hướng Dẫn (the Guide), Đạo Sư, lại bị hậu thế làm cho giảm giá trị như vậy. Một phương ngôn của Á Châu đã dạy: "Chư Thần của Tổ Phụ chúng ta là loài ma quỷ của chúng ta". Khi chòm sao Thiên long không còn là sao Bắc Đẩu, bậc thần linh tinh đẩu chỉ đạo, thì nó cũng phải chịu chung số phận với các Thần sa đọa. Theo Bunsen, Seth hoặc Typhon đã từng là một đại Thần Linh được tôn thờ ở

Kim Tinh thay đổi đồng thời với Địa Cầu) vốn cho rằng bất cứ điều gì diễn ra trên hành tinh này cũng đều xảy ra trên hành tinh kia và các cuộc biến đổi của chúng đã diễn ra nhiều lần và thật sâu sắc; chính vì các lý do này nên Thánh Augustine mới lặp lại nó, áp dụng nhiều biến đổi về hình thể, màu sắc (thậm chí cả về quỹ đạo nữa) vào các tính cách có thêu dệt thêm thần học ấy của Kim Tinh-Lucifer. Trong cơn hoang tưởng mộ đạo, ông còn đi xa đến mức liên hệ các biến đổi vừa qua của Hành Tinh với trận Đại hồng thủy huyền thoại Noah mà người ta cứ cho rằng đã diễn ra vào năm 1796 trước T.C. ([1]).

Vì Kim Tinh không có vệ tinh nên người ta phát biểu một cách ẩn dụ rằng Ãsphujit ("hành tinh" này) nhận Trái Đất (hậu duệ của Mặt Trăng, "*lớn nhanh hơn cha mẹ khiến người ta phải quan ngại*" làm con nuôi – điều này nhằm nói tới mối liên hệ Huyền bí giữa hai hành tinh. Đấng Chưởng Quản (của hành tinh) Shukra ([2]) thương đứa con nuôi của mình đến nỗi mà Ngài đã lâm phàm trên cương vị Ushanas và ban cho nó các luật lệ tuyệt hảo, để rồi sau này bị khinh thường và bác bỏ. Trong Harivamsha, có một ẩn dụ khác cho rằng Shukra

---

khắp nơi ở Ai Cập, Ngài ban cho các vị quốc vương thuộc các triều đại thứ 18 và 19 các biểu tượng của sự sống và quyền lực. Nhưng sau đó, trong vòng triều đại thứ 20, Ngài bất thần được coi như là một ác quỷ, đến nỗi mà các hình tượng và tôn danh của Ngài đều bị dẹp bỏ ở khắp các đền đài và lăng miếu mà người ta có thể đến được. Chúng ta sẽ trình bày lý do Huyền bí thực sự trong các phần này.

[1] De Civitate Dei, LXXI, viii.

[2] Shukra là con trai của Đại Thánh Hiền Bhrigu và là một trong bảy Đấng Prajãpatis; Ngài lập nên Giống dân Bhãrgavas; Parashurãma đã sinh ra trong Giống dân đó.

bệ kiến Shivayêu cầu ngài che chở các môn đệ của y, Daityas và Asuras) chống lại chư Thần Linh chiến đấu. Để xúc tiến mục tiêu của mình, Ngài thi thố một nghi thức Yoga, "thấm nhuần *khói* trấu khi *cúi đầu xuống* trong 1.000 năm". Điều này nhằm nói tới sự kiện trục của Kim Tinh bị nghiêng rất nhiều – tới 50 độ - và nó luôn luôn bị mây bao phủ. Nhưng nó chỉ liên quan tới cấu tạo vật chất của hành tinh này. Huyền học Nhiệm mầu phải bàn về Đấng Chưởng Quản, Thiền Định Đế Quân làm linh hoạt nó. Ẩn dụ xác định rằng Shukra đày Vishnu phải *tái sinh bảy lần* trên Địa Cầu để trừng phạt Ngài đã giết thân mẫu của Shukra, bao hàm biết bao nhiêu là ý nghĩa Huyền bí học. Nó không nhằm nói tới các Hóa Thân của Vishnu, vì có tới chín Hóa Thân – Hóa Thân thứ mười vẫn chưa giáng thế - mà lại là ám chỉ các Giống dân trên Địa Cầu. Kim Tinh, tức Lucifer (tức Shukra hay Ushanas) đem ánh sáng lại cho Địa Cầu, theo cả ý nghĩa vật chất lẫn ý nghĩa huyền nhiệm. Các tín đồ Thiên Chúa giáo thời sơ khai biết rất rõ điều này, vì một trong các Đức Giáo Hoàng La Mã xưa nhất có thánh danh là Lucifer.

Mọi bầu thế giới đều có Ngôi sao Tổ Phụ và Hành Tinh tỉ muội của mình. Như vậy Địa Cầu là con nuôi và em của Kim Tinh, nhưng dân cư của nó lại thuộc giống người của riêng nó …Tất cả chúng hữu tình hoàn chỉnh [con người thất phân hoàn bị và các thực thể cao siêu hơn] thoạt đầu đều được cung ứng các hình hài và cơ thể hoàn toàn hòa hợp với bản chất và tình trạng của Bầu hành tinh mà họ ở trên đó [1].

[1] Đây là một điều hoàn toàn mâu thuẫn của Swedenborg; ông *thấy* trong "Bầu Địa Cầu thứ nhất của Cảm Dục Giới", các cư dân ăn mặc giống như các nông dân ở Âu Châu; còn trên Bầu Địa Cầu thứ Tư, lại có các phụ nữ ăn mặc giống như các bà chăn chiên trong

46 *Các Thế giới Hiện tồn, tức Trung tâm Sinh hoạt (vốn là các hạt nhân biệt lập đang nuôi dưỡng loài người và loài thú) thật là hằng hà sa số; chẳng bầu nào có hậu duệ riêng biệt của mình giống với bầu đồng hành tỉ muội của mình hoặc bất cứ bầu nào khác* (1).

Tất cả đều có một bản chất lưỡng phân: tinh thần và vật chất.

Các tiểu hạch (nucleoles) thật là vĩnh cửu, thường tồn; các hạt nhân lại có tính cách định kỳ và hữu hạn. Các tiểu hạch tạo thành một phần của Đấng Tuyệt Đối. Chúng là những lỗ châu mai của các pháo đài đen xì không thể thâm nhập vào được, nó bao giờ cũng bị che giấu cho khuất mắt con người cũng như Đấng Thần Quân. Các hạt nhân là ánh sáng vĩnh cửu thoát ra từ đó.

Chính ÁNH SÁNG *ấy đã cô đọng lại thành ra hình hài của "Các Đấng Hiện Tồn", các Đấng Bản Sơ và cao siêu nhất xét gộp lại chính là* JĨVÃTMÃ *tức Pratyagãtmã [mà người ta đã nói bóng gió là xuất phát từ Paramãtmã. Đó là Thiên Đạo của các triết gia Hy Lạp, giáng lâm vào lúc khởi đầu mỗi Chu kỳ Khai Nguyên mới]. Xuất phát từ các Đấng này – vốn được tạo ra từ các đợt sóng luôn luôn cô đọng lại của Ánh Sáng đó, nó biến thành Vật Chất thô trược nơi ngoại cảnh – là hằng hà sa số các Huyền giai Thần lực*

---

một cuộc *khiêu vũ hóa trang* ! Ngay cả nhà thiên văn học trứ danh Huygens cũng lầm tưởng rằng các bầu thế giới và các hành tinh khác có các loại thực thể giống y như các loại đang sống trên Địa Cầu chúng ta, có cùng khuôn mặt, giác quan, trí lực, nghệ thuật, khoa học, chỗ ở, thậm chí cả vải may quần áo nữa ! (*Lý thuyết Thế Giới: Theorie du Monde*). Muốn hiểu rõ hơn phát biểu cho rằng Trái Đất "là hậu duệ của Mặt Trăng", xem Quyển 1, ĐOẠN KINH 6.

1 Đây là một chú giải hiện đại. Nó được thêm vào các Giảng lý cổ truyền để giúp cho các môn sinh đã nghiên cứu Vũ trụ khởi nguyên luận Nội môn hiểu rõ hơn sau khi đã học theo lề lối Tây phương. Các chú giải trước kia có quá nhiều tính từ (hay tĩnh từ) và mỹ từ pháp nên đâu có dễ gì mà lĩnh hội được.

Sáng tạo;, một số không có hình hài, một số có hình hài riêng biệt của mình, các Huyền giai thấp kém nhất [các Hành khí] lại không có hình hài riêng biệt, mà khoác lấy bất cứ hình dạng nào tùy theo hoàn cảnh xung quanh.

Như vậy, chỉ có mỗi một Upãdhi [Cơ sở] Tuyệt Đối theo nghĩa tinh thần; hằng hà sa số trung tâm căn bản đã được kiến tạo cho các mục tiêu trong Chu Kỳ Khai Nguyên từ trong Upãdhi này. Trong thời kỳ hoạt động, các cuộc tiến hóa vũ trụ, tuần hoàn và cá nhân đã diễn ra trên các trung tâm đó.

Những kẻ ở bên kia dãy Hy Mã Lạp Sơn [1] đã đề cập bừa bãi tới các Đấng Thông Tuệ đang làm linh hoạt các Trung tâm Hiện tồn khác nhau này, như là các Đấng Bàn Cổ, Thánh Hiền, Tổ Phụ [2], Prajãpatis v..v.. Còn ở bên này Dãy Trường Sơn, người ta lại gọi các Ngài là các Thiền Định Phật, các Đế Quân, các Melhas [Hỏa Thần], các Bồ Tát [3] v.v.. Kẻ thật sự vô minh gọi các Ngài là chư Thần Linh; kẻ phàm tục có học thức gọi đó là Thần Linh Duy

---

[1] Trong trường hợp này, "bên kia" Dãy Trường Sơn có nghĩa là Ấn Độ, vì đó là vùng ở bên kia Hy Mã Lạp Sơn so với vùng bên này Hy Mã Lạp Sơn [Tây Tạng].

[2] Trong các Tiết thơ này, chúng tôi dùng các từ ngữ Pitris (Tổ Phụ) để cho dễ hiểu, nhưng trong các ĐOẠN KINH nguyên thủy, chúng không được dùng như vậy mà lại có các danh xưng riêng, ngoài các danh xưng "Tổ Phụ" và "Tổ Tiên" ra.

[3] Thật là sai lầm nếu xét *sự tôn thờ* các Bồ Tát tại thế tức Văn Thù (Manjushrĩ) theo sát nghĩa. Xét về mặt ngoại môn, đúng là phái Đại Thừa đã giảng dạy sự tôn thờ các Đấng này một cách hỗn độn và Huyền Trang đã đề cập tới việc một vài đệ tử của Đức Phật được tôn thờ. Nhưng xét về mặt nội môn, vị đệ tử tức *cá nhân* Đấng Văn Thù thông thái không hề được tôn vinh, mà chính các Đấng Bồ Tát và Thiền Định Phật thiêng liêng đang làm linh hoạt (amilakha, theo lối nói của người Mông Cổ) các hình hài mới được như vậy.

Nhất; còn các Điểm đạo đồ minh triết chỉ tôn vinh các Ngài là các biểu lộ trong Chu kỳ Khai Nguyên của CÁI ĐÓ; *Đấng mà các Đấng Sáng Tạo ra chúng ta [các Thiền Định Đế Quân] cũng như là các tạo vật chẳng thể nào nghĩ bàn được.* ĐẤNG TUYỆT ĐỐI *không thể xác định được, chẳng có thế nhân hoặc bậc bất tử nào đã từng trông thấy hoặc thấu hiểu được nó trong các thời kỳ tồn tại.*
47 *Cái vô thường không thể biết được cái thường trụ, chúng sinh không thể tri giác được Sự Sống Tuyệt Đối.*

"Do đó, con người không thể biết được các thực thể cao siêu hơn các Tổ Phụ của chính mình". "*Y cũng sẽ tôn thờ các Ngài*", nhưng y phải biết được nguyên ủy của mình.

Số Bảy, con số cơ bản trong mọi hệ thống quốc giáo, từ vũ trụ khởi nguyên luận xuống tới con người, ắt phải có lý do tồn tại của nó. Nó nổi bật lên trong số người Mỹ thời xưa cũng như trong số người Ãryan và Ai Cập cổ sơ. Vấn đề này sẽ được bàn luận rốt ráo trong Quyển 4, Phần 2; trong khi chờ đợi, chúng ta có thể trình bày một vài sự kiện ở đây. Tác giả của *Các Bí Pháp Thiêng Liêng trong số người Mayas và Quichés, cách đây 11.500 năm* [1] đã cho rằng:

Số bảy dường như đã là con số *linh thiêng vô cùng* đối với tất cả các quốc gia văn minh thời xưa. Tại sao vậy? Câu hỏi này chưa bao giờ được giải đáp thỏa đáng. Mỗi dân tộc riêng biệt lại đưa ra một lời giải thích khác, tùy theo các giáo điều đặc thù của tôn giáo [ngoại môn] của họ. Chắc chắn đó là con số vô thượng đối với

[1] Tác giả của tác phẩm này là Augustus Le Plongeon. Ông và vợ đã nổi danh ở Mỹ vì đã chuyên cần hoạt động ở Trung Mỹ. Chính họ đã tìm ra lăng tẩm của hoàng tộc Kan Coh ở Cichen- Itza. Tác giả hình như tin tưởng và ra sức chứng tỏ rằng giáo lý Nội môn của dân Ãryan và dân Ai Cập thoát thai từ Mayas. Nhưng mặc dù chắc chắn là đồng thời với Châu Atlantis của Plato, dân Mayas lại thuộc về Lục địa thứ Năm, vốn có sau Châu Atlantis và Lemuris.

những kẻ được điểm đạo vào các bí pháp thiêng liêng. Pythagoras … gọi nó là "Hiện thể của sự sống", bao hàm hình tướng và linh hồn, vì nó được tạo thành bởi một tứ nguyên, đó là *Minh Triết và Trí Năng*, và một tam nguyên, tức *tác động* và *vật chất*. Trong Matrem và Oratio ([1]), Hoàng Đế Julian trình bày như sau: "Nếu tôi đề cập tới sự điểm đạo và trong các bí nhiệm huyền linh mà dân Chaldea đã tửu thần hóa (bacchized) liên quan tới thần linh *thất cung* (the *sevenrayed* god), thắp sáng linh hồn xuyên qua Ngài, thì tôi sẽ đề cập tới những điều mà các quần thần không hề biết tới, song các nhà Thông thần thánh thiện lại biết rất rõ". ([2])

Kẻ nào đã quen thuộc với kinh Purãnas, Tử Vong Kinh, kinh Zendavesta, các tài liệu ghi trên ngói của dân Assyria và cuối cùng là Thánh kinh Thiên Chúa giáo, và đã quan sát thấy con số bảy này cứ xuất hiện mãi trong các tài liệu lưu trữ của dân gian từ thời xa xưa nhất, mà lại có thể xem sự kiện sau đây (mà cũng kẻ thám hiểm các Bí Pháp cổ truyền ấy đã trình bày) là một điều trùng hợp? Khi đề cập tới sự thịnh hành của con số bảy trên cương vị một con số Huyền nhiệm trong số cư dân ở "Lục địa phương Tây" của Mỹ Châu, ông còn nói thêm rằng nó không thể bớt nổi bật. Ấy là vì :

Nó thường hiện diện trong Thánh thư Popul-Vuh. Ngoài ra, chúng ta còn thấy nó trong *bảy gia đình* mà Sahagun và Clavigero bảo là đã đi theo nhân vật huyền bí được mệnh danh là *Votan*, nổi danh vì đã lập nên đại đô thị Nachan mà một số người đã đồng nhất hóa với làng Palenque; trong *bảy cái hang* ([3]) mà người ta cho rằng tổ tiên của nhóm người Nahuatls đã xuất lộ từ đó; trong *bảy*

---

[1] Đúng hơn là trong In Matrem Deorum, Oratio v.

[2] Trang 143

[3] Dù sao đi nữa, *bảy hang động*, *bảy đô thị* này v.v.. cũng tượng trưng cho bảy trung tâm hoặc bảy vùng mà nhóm nguyên thủy của Căn chủng đầu tiên đã sinh ra trên đó.

đô thị Cibola mà Coronado và Niza đã mô tả… trong *bảy hòn đảo Antilles*; trong *bảy vị anh hùng* được biết là đã thoát khỏi trận Đại hồng thủy.

48 Vả lại, chúng ta thấy là số "Anh hùng" đều như nhau trong mọi câu chuyện về trận Đại hồng thủy – từ bảy Đấng Thánh Hiền được cứu thoát cùng với Đức Bàn Cổ Vaivasvata, xuống tới chiếc bè của Noah, trong đó, thú vật, chim muông và các sinh vật đều được đem theo mỗi thứ "bảy con". Như vậy, chúng ta thấy những con số 1, 3, 5,7 thật là hoàn toàn, vì vô cùng huyền bí; đó là các con số giữ một vai trò nổi bật trong mọi vũ trụ khởi nguyên luận và cuộc tiến hóa của Chúng sinh. Ở Trung Hoa, 1, 3, 5, 7 được gọi là các "Thiên số" trong Kinh Dịch cũng như là trong "cuộc tiến hóa".

Việc giải thích nó sẽ rõ ra ngay khi chúng ta xét tới các Biểu tượng cổ truyền: tất cả các biểu tượng này đều được dựa vào và xuất phát từ số liệu được trình bày theo Bản thảo cổ sơ của Lời nói đầu của Quyển 1. , biểu tượng của sự tiến hóa và việc bắt đầu sinh hóa tức Vật Chất, được phản ánh trong các tác phẩm điêu khắc hoặc hội họa của Mễ Tây Cơ, cũng như nơi Sephiroth của Do Thái Bí giáo và Tau của người Ai Cập. Xét bản thảo của Mễ Tây Cơ (Bản thảo bổ sung, Viện Bảo Tàng Anh, 9789) 1; bạn sẽ thấy trong đó có một cái cây, xung quanh thân cây có *mười* trái mà một người nam và một người nữ (mỗi người ở một bên thân cây) chỉ chực hái. Trong khi đó, từ ngọn của thân cây có hai nhánh mọc ngang ra về phía bên phải và bên trái, thế là hợp thành một chữ ┬ (Tau) hoàn chỉnh; ngoài ra, hai đầu nhánh, mỗi đầu có lủng lẳng một chùm ba trái, với một con chim – con chim bất tử, Ãtmã

[1] Hình chạm trổ này được mô phỏng lại trong Các Bí Pháp Thiêng Liêng của người Mayas và người Quichés, trang 134.

tức Tinh Thần Thiêng Liêng – đậu ở giữa, như vậy tạo thành yếu tố *thứ bảy*. Điều này trình bày ý niệm giống y như Cây Sephiroth, *tất cả có mười*, song khi phân cách với tam thượng thể, thì chỉ còn lại *bảy*. Đó là mười trái cây thiên giới tức ⨁, thoát thai từ hai hạt giống thư hùng vô hình, hợp thành 12, tức Hình mười hai mặt của Vũ Trụ. Hệ thống huyền nhiệm bao gồm trung tâm điểm; 3 tức △ ; 5 tức ☆ ; và 7 tức ▣ , hoặc ✡ tam giác trong hình vuông và điểm tổng hợp trong các tam giác kép đan vào nhau. Điều này dành riêng cho thế giới nguyên hình. Hiện tượng giới đạt được tột đỉnh và phản ánh tất cả nơi CON NGƯỜI. Do đó, y là hình vuông huyền bí – xét về phương diện siêu hình – tức Tứ Linh Diệu và biến thành khối vuông đã khai triển ([1]) và 6 biến thành 7 tức ⊞ , 3 NGANG (thư) và 4 dọc. Đó chính là con người tột đỉnh của thánh linh trên trần thế, có cơ thể là hình chữ thập xác thịt; y cứ hành hình và xử tử Thiên Đạo tức CHƠN NGÃ trong và thông qua đó. Mọi triết thuyết về vũ trụ khởi nguyên luận đều dạy:

Vũ Trụ có một Đấng Chưởng Quản [các Đấng Chưởng Quản xét chung] trị vì nó, Ngài được mệnh danh là Huyền Âm (THIÊN ĐẠO); Tinh Thần tạo tác là Nữ Hoàng của nó: hai Đấng này là *Quyền Năng Bản Sơ* sau Đấng ĐỘC TÔN.

49 Đó là Tinh Thần và Thiên Nhiên; cả hai tạo thành Vũ Trụ Hão Huyền của chúng ta. Cả hai vẫn bất khả phân ly trong *Thế giới Ý niệm* chừng nào mà nó còn tồn tại, và rồi lại biến nhập vào Thái Dương Thượng Đế, Đấng Độc Tôn thường trụ. "Đấng Chơn Linh, có bản thể thật là vĩnh cửu, duy nhất và tự sinh tự tại" xạ ra một Ánh Sáng tinh anh thuần túy (một ánh sáng lưỡng phân mà các giác quan thô sơ không thể tri giác

[1] Xem Nguồn gốc các Kích thước, trang 50, 53

được) – theo kinh Purãnas, Thánh kinh Thiên Chúa giáo, Thánh thư Sepher Yetzireh, các bài Thánh ca Hy Lạp và La Tinh, Thánh thư Hermes, Số Mục Thánh Thư của dân Chaldes, Nội môn Bí giáo của Lão Tử và ở đâu đó nữa. Trong kinh Kabalah, kinh giải thích ý nghĩa bí nhiệm của Sáng Thế Ký, Ánh Sáng này là CON NGƯỜI LƯỠNG TÍNH, tức các Thiên Thần bán thư bán hùng (hơn là Vô giới tính) mà danh xưng chung là ADAM KADMON. Chính họ đã hoàn thành con người, hình hài tinh anh của y được xạ ra bởi các Thực Thể khác thiêng liêng nhưng thấp hơn nhiều, họ dùng đất sét, hoặc "bụi dưới đất" để làm cho cơ thể rắn chắc lại – đây đúng là một ẩn dụ, nhưng nó cũng có tính cách khoa học chẳng kém gì bất cứ thuyết tiến hóa nào của Darwin và còn *xác thực* hơn nữa.

Tác giả của Nguồn gốc các Kích thước cho rằng kinh Kabalah và tất cả các thánh thư huyền bí của nó đều đặt nền tảng trên *mười* Sephiroth, đó là một chân lý cơ bản. Ông trình bày Mười Sephiroth hay 10 Thần số này như sau:

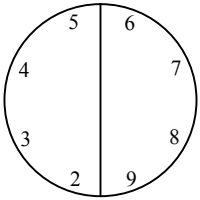

Vòng tròn là *số không;* đường kính thẳng đứng của nó là NHẤT NGUYÊN bản sơ [Thiên Đạo tức Huyền Âm], từ đó mới nảy sinh ra 2, 3 v.v.. cho tới 9, giới hạn của các chữ số. Số 10 là biểu lộ Thiêng Liêng Bản Sơ ([1]), nó bao hàm mọi năng lực khả hữu nhằm biểu diễn chính xác sự cân xứng – *Jod* linh thiêng. Kinh Kabbalah đã dạy cho chúng ta biết rằng các Sephiroth này là các *con số* hoặc phân thân của Linh Quang (20612 tới 6561), các Ngài là 10 linh Từ

[1] Xem Nữ Thần Isis Lộ Diện, II, trang 300 và tiếp theo.

DBRIM, 41224; ánh sáng mà các Ngài là quang thông, chính là Thiên Đế, Adam-KDM (144 -144). Theo Tân Ước tức Giao ước mới (41224) Ánh Sáng đã tạo ra Thượng Đế, cũng như theo Cựu Ước, Thượng Đế (Alhim, 31415) đã tạo ra ánh sáng (20612 tới 6561) ([1]).

Nay trong Huyền bí học cũng như trong kinh Kabalah có ba loại ánh sáng. 1) Ánh Sáng Trừu Tượng và Tuyệt Đối, vốn là Bóng Tối; 2) Ánh Sáng của Đấng Biểu Hiện – Vô Hiện mà một vài người gọi là Thiên Đạo (Logos); và 3) Ánh Sáng nêu trên phản ánh nơi các Thiền Định Đế Quân, các Thiên Đế thứ yếu – các Elohim xét chung – đến lượt các Ngài lại ban rải nó ra cho Thế giới ngoại cảnh. Nhưng trong kinh Kabalah (được các tín đồ Do Thái Bí giáo thế kỷ mười ba tái bản và hiệu đính kỹ lưỡng cho phù hợp với các giáo điều Thiên Chúa giáo), ba
50 thứ Ánh Sáng này được mô tả như sau; 1) Ánh sáng trong trẻo xuyên thấu, Ánh Sáng của Jehovah; 2) Ánh sáng phản chiếu; 3) Ánh sáng *trong thế giới trừu tượng*.

Xét về mặt trừu tượng (theo ý nghĩa siêu hình và trừu tượng), Ánh Sáng chính là Alhim (Elohim, Thánh Linh), trong khi Ánh Sáng trong trẻo xuyên thấu là Jehovah. Ánh sáng của Alhim thuộc về thế giới xét chung trong trạng thái toàn vẹn, còn ánh sáng của Jehovah thuộc về tạo vật chính yếu nhất, tức con người, nó xuyên thấu qua và tạo thành con người.([2])

Tác giả của Nguồn gốc các Kích thước đã giới thiệu độc giả tham khảo một cách thỏa đáng tác phẩm Các Tín ngưỡng Cổ truyền thể hiện trong các Danh xưng Cổ truyền, ii, 648, của Inman. Trong đó một hình chạm trổ

---

1 Tạp chí Tam Điểm, Cincinnati, tháng 6 – 1886, "Bài kinh Cabbalah, số 6" trang 10.

2 Như trên, tác phẩm đã dẫn.

Vầng hào quang hình bầu dục nhọn bao quanh Đức Mẹ Mary và biểu hiện nữ giới, mô phỏng theo một quyển kinh lần tràng hạt của Đức Mẹ Đồng Trinh Mary được ấn hành tại Venice vào năm 1542,

và do đó, theo nhận xét của Inman, "khi được Truy tà Pháp đình (the Inquisition) và do đó chính thống giáo cho phép" sẽ cho độc giả thấy năng lực xuyên thấu của ánh sáng và các hiệu quả của nó "có ý nghĩa như thế nào đối với Giáo hội La Tinh. Theo lối thuyết minh của Thiên Chúa giáo, (khi được áp dụng vào các quan niệm thần nhân đồng hình thô thiển nhất) các ý niệm cao cả nhất về Thượng Đế của triết học Đông phương đã bị xuyên tạc biết là dường nào !

Các nhà Huyền bí học ở phương Đông gọi Ánh Sáng này là *Daiviprakriti* (Huyền Quang Thượng Đế), còn các nhà Huyền bí học ở phương Tây gọi nó là Ánh Sáng của *Christos.* Đó là Diệu Quang THƯỢNG ĐẾ (the Light of the LOGOS), phản ánh trực tiếp của Đấng Hằng Bất Khả Tri trên cảnh giới Biểu lộ của Vũ Trụ. Nhưng sau đây là lối thuyết minh điều này được các tín đồ Thiên Chúa giáo hiện đại trình bày theo kinh Kabalah. Tác giả vừa được trích dẫn như trên đã tuyên bố như sau:

Từ ngữ Elohim-Jehovah áp dụng cho toàn thế giới xét chung với phần tử chính yếu là con người. Trong các đoạn trích từ Thánh kinh Sohar, để chứng tỏ rằng ngoài các điều khác ra, kinh Cabbalah còn trình bày giáo lý về Ba Ngôi, Tiến sĩ Cassell (một giáo sĩ Do Thái Bí giáo) đã cho rằng "Jehovah chính là Elohim (Alhim)"… Đấng Thánh Linh (Alhim) và Jehovah đều như nhau theo *ba cấp*, và mặc dù cách biệt, các Ngài đều cùng là Đấng Độc Tôn ([1]).

Cũng vậy, Vishnu biến thành Mặt Trời, biểu tượng hữu hình của Đấng Thánh Linh Vô Ngã. Người ta mô tả là Vishnu

[1] Như trên, trang 11.

"*bước ba bước* qua bảy vùng Thế giới". Nhưng đối với người Ấn Độ, đó là lối thuyết minh *ngoại môn*, một giáo điều phiến diện và ẩn dụ, trong khi các tín đồ Do Thái Bí giáo lại trình bày nó như là có ý nghĩa nội môn và chung quyết. Song chúng ta hãy tiếp tục :

Nay như đã trình bày, Ánh Sáng là 20612 đối với 6561; đó là việc phát biểu chính xác hệ thức toàn phần số học của đường kính đối với chu vi một vòng tròn. Đấng Thánh Linh (Alhim), nghĩa là 31415 đối với Một, biến thể của điều trên, là sự ước lược điều này để có được một đơn vị tiêu chuẩn *Duy nhất*, dùng làm cơ sở (nói chung) cho mọi phép tính toán và đo lường. Nhưng đối với việc tạo ra đời sống động vật và đối với việc *đo lường thời gian* một cách đặc biệt, tức năm âm lịch, cái ảnh hưởng vốn tạo ra sự thụ thai và sự phát triển của bào thai, các con số kích thước Jehovah (kích thước "*con người thậm chí cả Jehovah"* nữa) – nghĩa là 113 đối với 355 – phải được chuyên biệt hóa ([1]). Nhưng tỷ số nêu trên chẳng qua chỉ là một biến dạng của Ánh Sáng, tức 20612 đối với 6561, chẳng
51 khác nào một *trị số của pi*, chỉ là một biến thiên của điều đó (nghĩa là 20612 đối với 6561 cũng chính là 31415 đối với một, và 355 đối với 113 chính là 31415 tức Alhim tức Đấng Thánh Linh) sao cho điều này có thể qui về hoặc thoát thai từ điều kia: - đó là ba bước khiến chúng ta có thể chứng tỏ được tính *Đơn nhất* của các Thánh danh. Điều này có nghĩa là cả hai chẳng qua chỉ là các biến thiên của cùng một tỷ số, đó là tỷ số *pi*. Mục tiêu của phần giảng lý này là để chứng tỏ rằng công dụng đo lường biểu tượng đối với kinh Cabbalah (như được giảng dạy) chúng giống như công dụng của Ba Thiên Ước trong Thánh kinh và công dụng của Hội Tam Điểm (như chúng ta vừa nhận xét).

Như thế, trước hết các Sephiroth được mô tả là *Ánh Sáng;* điều này nghĩa là chính các Ngài là một hàm số của (thực ra

[1] Xem Nguồn gốc các Kích thước, trang 276 và tiếp theo, Phụ lục VII

thì cũng giống y như là) biểu lộ của Ain Soph. Đó là vì "*Ánh Sáng*" trình bày tiêu biểu tỷ số 20612 đối với 6561 như là một phần của các "Linh Từ" DBRIM, 41224, hoặc như là đối với các Linh Từ, Dabar, 206 (=10 cubit). Kinh Cabbalah có sứ mệnh giải thích Sephiroth theo "Ánh Sáng" đến nỗi mà tác phẩm nổi tiếng nhất bàn về kinh Cabbalah được gọi là *Sohar*, tức "*Ánh Sáng*". Chúng ta thấy điều này có ý muốn nói như sau: "Vô cực hoàn toàn bất khả tri và không tỏa sáng trước khi điểm sáng bừng lóe lên". "Khi Ngài thoạt khoác lấy hình hài (của đỉnh đầu tức Sephira thứ nhất). Ngài đã khiến cho 9 ánh sáng rực rỡ tỏa ra theo mọi hướng". Điều này có nghĩa là 9 ánh sáng này cùng với một ánh sáng của Ngài (như trên, đó là cội nguồn của 9 ánh sáng) hợp thành 10, đó là 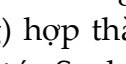 , tức Thập linh diệu (số mục tức Sephiroth) tức *Jod*, các con số này chính là "*Ánh Sáng*". Chẳng khác nào trong Phúc Âm của Thánh John, Đấng Thánh Linh (Alhim, 31415 đối với một) là Ánh Sáng này (20612 đối với 6561); vạn vật được tạo ra bằng Ánh Sáng này ([1]).

Trong Sepher Yetzireh tức "Số Mục Sáng Tạo Thánh Thư", toàn bộ diễn trình tiến hóa được trình bày bằng con số. Trong "ba mươi hai con đường Minh Triết của nó", số 3 được lặp lại bốn lần, còn số 4 được lặp lại năm lần. Do đó Minh Triết thiêng liêng được bao hàm trong các số mục (Sephrim hoặc Sephiroth) vì Sepher (hoặc S-ph-r khi bỏ nguyên âm) có nghĩa là "tính toán". Cũng vì thế, chúng ta thấy Plato phát biểu rằng Đấng Thánh Linh đã "hình học hóa" khi tạo ra Vũ Trụ.

[1] Tạp chí Tam Điểm, bài trang 11, 12.

Thánh thư Sepher Yetzireth của Do Thái Bí giáo mở đầu với một lời phát biểu về minh triết ẩn tàng của Alhim nơi Sephrim, tức Elohim nơi Sephiroth.

Minh triết ẩn tàng lập nên Jah, JHVH, Tzabaoth, Elohim của Do Thái, Alhim của Sự Sống, El của Thiên Ân và Từ Bi nơi ba mươi hai con đường. Đấng ngự trên cao là Thánh Vương vĩnh cửu, có thánh danh nơi Ba Sephrim, đó là :

B - S'ph-r, V - S'ph-r, V - Siph – o - r.

Ông Ralston Skinner tiếp tục trình bày :

Phần giảng lý này trình bày "*minh triết ẩn tàng*" của nguyên bản bằng minh triết ẩn tàng, nghĩa là bằng cách dùng các từ ngữ có bao hàm một loạt các con số và một cú pháp chuyên biệt, nó sẽ trình bày chính hệ thống giải thích mà chúng ta thấy thích hợp một cách chính xác biết bao trong Thánh kinh Hebrew … Khi trình bày hệ thống của mình, để áp dụng nó và kết thúc phần trình bày chi tiết của mình thành ra một định đề tổng quát – nghĩa là từ ngữ duy nhất "*Sephrim" (Sephiroth*) của con số Jezirah, tác giả giải thích việc phân cách từ ngữ này thành ba từ ngữ phụ thuộc là một trò chơi chữ thông thường, s –ph-r, tức con số.

Ông hoàng Al-Chazari ([1]) nói với giáo sĩ Do Thái: "Nay tôi mong rằng Ngài sẽ truyền thụ cho tôi một số nguyên chủ yếu của Triết học Tự nhiên; theo Ngài, thời xưa các Đấng Minh
52 Triết đã soạn thảo ra nó". Giáo sĩ Do Thái đã trả lời như sau: "Con số Sáng tạo của Đấng Abraham (tổ phụ của giống dân chúng ta) thuộc về các nguyên lý đó" (đó là Abram và Abraham, tức các con số 41224 và 41252). Rồi Ngài bảo rằng "Số Mục Thánh Thư" này bàn về việc giảng dạy tính chất *Alhim* và tính chất *Đơn nhất* xuyên qua (DBRIM) nghĩa là con

[1] Trong tác phẩm Al-Chazari của Jehuda-ha-Levi, bản dịch của Tiến sĩ D. Cassel.

số của từ ngữ "*Các Linh Từ*". Điều này nghĩa là nó dạy về việc sử dụng tỷ số 31415 đối với Một, xuyên qua 41224; theo lời mô tả của Cái Tráp Thiên Ước (Ark of the Covenant), nó được chia thành hai phần bởi hai phiến đá, trên đó khắc DBRIM tức 41224, tức 20612 x 2. Rồi Ngài bình giảng về ba từ ngữ được sử dụng một cách phụ thuộc này và chú ý tới một trong ba từ ngữ để bình giảng, "và *Alhim* (31415 đối với Một) phán: "Hãy có lấy Ánh Sáng" (20612 đối với 6561).

Các từ ngữ được trình bày trong bản văn là ....([1]). Khi bình giảng chúng, Giáo sĩ Do Thái bảo: "Nó dạy về *tính cách Alhim* (31415) và *tính Đơn Nhất* (đường kính đối với Alhim) xuyên qua Linh Từ (DBRIM = 41224). Nhờ thế, một mặt chúng ta có sự biểu hiện vô tận nơi các sự sáng tạo dị trạng, mặt khác chúng ta lại có một khuynh hướng hài hòa tối hậu nhắm tới *Nhất Nguyên* (mọi người đều biết rằng đó chính là hàm số *pi* trong học đường, nó đo lường, cân và đếm các ngôi sao trên trời, song lại phân giải chúng thành ra sự đơn nhất tối hậu của Vũ Trụ) xuyên qua các Linh Từ. Sự hòa hợp chung cuộc của chúng được thành toàn nơi cái Nhất Nguyên an bài chúng, nó gồm có… ([2]) Điều này có nghĩa là trong phần giảng lý đầu tiên, giáo sĩ Do Thái đã bỏ sót *Jod* tức *i* của một trong các từ ngữ, trong khi mà sau này ông lại phục hồi nó. Nếu chúng ta xét tới trị số của các từ ngữ phụ thuộc này, chúng ta thấy chúng sẽ là 340, 340 và 346;-tính gộp lại là 1026, việc chia từ ngữ tổng quát thành ra các từ ngữ phụ thuộc này ắt đã phải tạo ra các con số này – do T'mura, chúng có thể bị biến

[1] Chữ tượng hình (ND)

[2] Chữ tượng hình (ND)

đổi do nhiều cách khác nhau, vì nhiều mục đích khác nhau" ([1]).

Xin độc giả hãy giở lại ĐOẠN KINH 4 trong quyển 1, Tiết thơ 3 cùng với phần Giảng lý ([2]) để thấy rằng 3,4 (7), và 3 lần 7 tức 1065, (con số của Jehovah) chính là con số 21 Prajãpati được đề cập tới trong Mahãbhãrata, tức ba Sephrim (chữ số). Sự so sánh này giữa các Quyền năng Sáng tạo của Triết học Cổ sơ và Đấng Sáng Tạo nhân hình của Do Thái giáo *ngoại môn* (vì *Nội môn bí giáo* của dân Do Thái cũng tỏ ra giống y như Giáo Lý Bí Nhiệm) sẽ khiến cho môn sinh nhận thấy và khám phá ra rằng, thật ra, Jehovah chẳng qua chỉ là một Thần Linh "sinh hóa", "nguyệt tinh". Bất cứ người nào tận tâm nghiên cứu kinh Kabalah đều biết rõ rằng càng thâm cứu nó, y càng cảm thấy tin chắc rằng trừ phi kinh Kabalah – hoặc phần còn được lưu truyền của nó – được thuyết minh dưới ánh sáng của Nội môn Bí giáo Đông phương, việc nghiên cứu nó chỉ khiến chúng ta khám phá ra rằng cứ theo vết xe đổ của Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo ngoại môn, thì thuyết độc thần của cả hai chẳng có gì cao siêu hơn bái tinh thuật cổ truyền (ancient astrolatry) mà nay thiên văn học biện minh cho. Các tín đồ Do Thái Bí giáo không ngừng nhắc đi nhắc lại rằng *Bản Trí* thật là bất khả tư nghị và bất khả định vị, do đó, nó vẫn phải vô danh tính và tiêu cực. Vì thế, người ta đã tưởng rằng Ain Soph ("ĐẤNG BẤT KHẢ TRI" và "BẤT KHẢ MỆNH DANH" vì không thể làm cho nó biểu lộ) xạ ra các Quyền năng Biểu lộ. *Trí người phải và chỉ có thể bàn về các Phân*
53 *Thân của nó mà thôi*. Sau khi đã bác bỏ thuyết Phân Thân và thay thế chúng bằng các sự sáng tạo trực tiếp và hữu thức của

[1] Bài đã dẫn, trang 12, 13.

[2] Quyển I, trang 152 và tiếp theo.

các Thiên Thần và *chẳng còn gì nữa*, nay Thần học Thiên Chúa giáo cảm thấy mình chới với một cách tuyệt vọng giữa thuyết Siêu nhiên tức phép lạ và Chủ nghĩa duy vật. Một Thượng Đế *ngoại* vũ trụ thật là một đòn chí tử đối với triết học; một Đấng Thánh Linh *nội* vũ trụ - nghĩa là Tinh Thần và Vật Chất bất khả phân ly với nhau – là một điều cần thiết đối với triết học. Tách rời Tinh Thần với Vật Chất ra thì chỉ còn lại một điều mê tín dị đoan thô thiển núp dưới chiêu bài của chủ nghĩa duy cảm (emotionalism). Nhưng tại sao lại "hình học hóa" (chẳng hạn như Plato), tại sao lại trình bày tiêu biểu các Phân Thân này dưới dạng một bản số học khổng lồ? Tác giả vừa được trích dẫn như trên đã giải đáp thỏa đáng câu hỏi này như sau :

Để biến thành các tri giác hồng trần, tri giác trí tuệ phải có nguyên khí vũ trụ *Ánh Sáng;* do đó vòng trí tuệ của chúng ta phải trở nên hữu hình nhờ vào ánh sáng; hoặc để biểu lộ được hoàn toàn, vòng này phải là vòng hữu hình trên cảnh giới hồng trần, tức là chính Ánh Sáng.

Khi được đào luyện như vậy, các quan niệm đó đã biến thành nền tảng của khoa triết học về biểu lộ thiêng liêng trong vũ trụ ([1]).

Triết học là thế đấy. Nó sẽ khác đi khi chúng ta thấy Giáo sĩ Do Thái dạy trong Al-Chazari:

Bên dưới s'ph-r chúng ta phải hiểu là *phép tính toán* và *cân đo* các vật thể được sáng tạo ra. Ấy là vì xét cho cùng, *phép tính toán* (nhờ đó một vật thể phải được dựng nên một cách chỉnh tề và tương ứng với mục tiêu thiết kế) chỉ gồm có *số mục, kích thước, khối lượng* và *trọng lượng;* sự liên hợp của các chuyển động, rồi tới sự hài hòa của âm nhạc, phải hoàn toàn gồm *bằng số mục;* đó là s'ph-r. Các từ ngữ của Alhim [206 - 1 tức 31415 đối với một] phải được

[1] Bài đã dẫn, trang 2.

hiểu là Sippor (s'phor), bộ khung hoặc dạng kiến trúc phải liên kết hoặc thích ứng với bảng thiết kế; chẳng hạn như – người ta đã phán "Hãy có lấy Ánh Sáng". Công tác biến dịch khi các *linh từ* được thốt ra, tức là khi các con số của công tác đã xuất hiện ([1]).

Đây chính là việc *duy vật hóa tinh thần* một cách táng tận lương tâm. Nhưng kinh Kabalah đâu phải lúc nào cũng bị biến cải theo các quan niệm độc thần nhân hình như vậy. Chúng ta thử so sánh kinh này với bất kỳ trường phái nào trong số sáu trường phái ở Ấn Độ. Chẳng hạn như trong Triết thuyết Số luận của Kapila, trừ phi, nói một cách ẩn dụ, Tinh Thần cưỡi trên vai Vật Chất, còn Vật Chất thì vẫn cứ phi lý, trong khi Tinh Thần vẫn cứ bất động nếu không có Vật Chất. Do đó, Vũ Trụ (nơi con người) phải trở thành một sự phối hợp của Tinh Thần với Vật Chất trước khi y lộ rõ chân tướng của mình; Tinh Thần tiềm tàng trong Vật Chất phải được dần dần làm cho linh hoạt và mẫn tiệp. Chơn Thần phải trải qua các hình hài khoáng vật, thực vật và động vật trước khi Diệu Quang (Light) của Thượng Đế được khơi hoạt nơi người thú. Vì thế, cho tới lúc đó, chúng ta không thể xem người thú như là "CON NGƯỜI", mà phải xem nó như là một Chơn Thần bị giam hãm trong các hình tướng vô thường. Trong các triết thuyết ở phương Đông, thậm chí trong cả các tài liệu lưu trữ ngoại môn của chúng nữa, đều có ghi nhận *sự tiến hóa*, (chứ không phải *sự sáng tạo*) nhờ vào các LINH TỪ. Ánh sáng phát
54 xuất từ phương Đông. Bất chấp sự phủ nhận của Giáo sư Max Muller, ngay cả danh xưng của con người Bản sơ trong Thánh kinh của Moses cũng có nguồn gốc Ấn Độ. Người Do Thái kế thừa Adam của dân Chaldea; còn Adam Admi là một

[1] Như trên, trang 14.

hợp từ và do đó là một biểu tượng đa phân, cũng như là đã chứng tỏ các giáo điều Huyền bí.

Đây đâu phải là chỗ để nghị luận về ngôn ngữ học. Nhưng xin độc giả nhớ dùm cho là trong tiếng Bắc Phạn, từ ngữ *Ãdi* có nghĩa là "bản sơ"; trong tiếng Aram, nó có nghĩa là "một" *(A-ad* là "duy nhất"); trong tiếng Assyria, nó có nghĩa là "Cha", do đó mới có *Ak-ad* tức là "Đấng Cha Lành Sáng Tạo" ([1]). Và một khi người ta thấy phát biểu này thật là chính xác, thì cũng khó lòng giới hạn Adam chỉ vào *Thánh kinh* Moses mà thôi, và thấy đó chỉ là một tôn danh Do Thái ([2]).

Người ta thường lẫn lộn các thuộc tính và phổ hệ của Chư Thần Linh trong các Thần phổ hệ, Thủy và Chung của các tài liệu lưu trữ của khoa biểu tượng học mà các tác giả được điểm đạo nửa vời về Bà La Môn giáo và Thánh kinh đã trình bày với thế giới. Thế nhưng, các quốc gia sơ khai nhất, các hậu duệ và đệ tử của các Đấng Thánh Sư, không thể lẫn lộn như thế được. Ấy là vì các thuộc tính (attributes) lẫn các phổ hệ đều liên kết bất khả phân ly với các biểu tượng vũ trụ khởi nguyên luận, chư "Thần Linh" là sự sống và "nguyên khí linh

---

[1] Danh xưng *Ak-ad* (tức dân Akkad) cùng loại với *Ad-m, Hava* (Eva), *Aeden* (Eden); *Ak-Ad* có nghĩa là "Con của *Ad*" giống như con của Ad ở cổ Á Rập. *Ad-ad*, "Đấng Độc Tôn", "Đấng Bản Sơ", là *Ad-on* tức Đấng "Chí Tôn" của Syria và là phu nhân của *Ad-ar-gat* tức Aster't, Nữ Thần Syria. Còn Gan-Aeden (Eden) tức Gandunia chính là xứ Babylonia và Mesopotamia. Trong tiếng Assyria, *Ak* có nghĩa là Đấng Sáng Tạo, chữ *k* được phát âm là *kh (ah)* bằng giọng cổ (hầu âm). Theo huyền học của Swedenborg, Adam chẳng phải là một con người mà là một giáo hội (?) ánh sáng nguyên thủy. Trong kinh Veda, *Aditi* là bản quang, Tiên Thiên Khí của hiện tượng giới.

[2] Xem Quyển 4, Phần 2, Tiết 2, bàn về Adam-Adami.

hồn" của nhiều vùng khác nhau trong Vũ Trụ. Không người nào dám suy lý *vượt quá phạm vi* của chư Thần Linh *biểu lộ* này ở bất cứ nơi đâu. Đối với mọi quốc gia, Nhất Nguyên vô biên vẫn là một vùng cấm địa mà tư tưởng của con người với suy lý vô ích chưa hề dám đá động đến. Người ta chỉ dám đề cập đến nó với cái quan niệm thô thiển về tính chất thu tâm và trương tâm (lúc tim giãn), về tính bành trướng và co rút tuần hoàn. Trong Vũ trụ, với hằng hà sa số các Hệ thống Thế giới biến mất và tái xuất hiện trong vĩnh cửu, các Quyền năng được nhân hình hóa hoặc chư thiên (Linh hồn của chúng) phải biến mất với các thể của mình. Giáo lý Vấn Đáp có dạy: "*Linh khí trở về cõi lòng Vĩnh cửu, nó thở ra và hít chúng vào*".

Vũ Trụ Lý Tưởng, Không gian Trừu Tượng và vạn vật trong Vũ Trụ được sản sinh ra một cách bí nhiệm và vô hình trong đó đều chính là khía cạnh thư (âm) của năng lực sinh sản trong Thiên Nhiên, trong vũ trụ khởi nguyên luận Veda cũng như trong mọi vũ trụ khởi nguyên luận khác. Tiên Thiên Huyền Nữ (Aditi) chính là Sephira và Sophia của các tín đồ phái Ngộ Đạo, cũng như là Isis, Đức Mẹ Đồng Trinh của Horus. Trong mọi vũ trụ khởi nguyên luận, ẩn sau và cao siêu hơn Đấng Thánh Linh Sáng Tạo, có một Đấng Thánh
55 Linh Thượng Thừa, một Đấng Thiết Kế, Kiến Trúc mà Đấng Sáng Tạo chẳng qua chỉ là nhân viên thừa hành. Và còn cao siêu hơn nữa, *bên trên* và *xung quanh, bên trong* và *bên ngoài,* có Đấng Bất Khả Tri, Cội Nguồn và Nguyên Nhân của tất cả các Phân Thân này.

Như thế, chúng ta cũng dễ dàng giải thích được lý do tại sao Adam-Adami lại có mặt trong Thánh kinh của dân Chaldea, chắc chắn là trước Thánh thư của Moses. Trong tiếng Assyria, *Ad* là "Cha", còn tiếng Aram, *Ad* là "một, còn *Ad-ad* là "duy nhất", trong khi đó, *Ak* là Đấng Sáng Tạo trong

tiếng Assyria. Như thế *Ad-am-ak-ad-mon* biến thành Adam-Kadmon trong kinh Kabalah (Zohar), vốn có nghĩa là "(Con Trai) Độc Nhất của Đấng Từ Phụ thiêng liêng, tức Đấng Sáng Tạo", vì có lúc các từ ngữ *am* và *om* đã có nghĩa là Đấng *thiêng liêng* tức Đấng *Thánh linh* trong hầu hết mọi thứ tiếng. Như vậy, Adam-Kadmon và Adam-Adami trở thành có nghĩa là: "Phân Thân bản sơ của Phụ Mẫu tức Bản Chất Thiêng Liêng" và theo sát nghĩa là "Đấng Thánh Linh bản sơ". Chúng ta cũng dễ dàng thấy rằng *Ad*-Arga (tức Aster't, Nữ Thần Syria, phu nhân của *Ad-on*, Đức Chúa Trời của Syria, tức Adonai của Do Thái giáo), và Venus, Isis, Ister, Mylitta, Eve v..v.. đều giống y như là Tiên Thiên Huyền Nữ và Vãch của người Ấn Độ. Tất cả đều là "Mẹ của chúng sinh" và "Mẹ của Chư Thiên". Mặt khác, xét về mặt vũ trụ và thiên văn, tất cả các Thần Linh nam giới đều trước hết biến thành "Nhật Thần", rồi tới, xét về mặt thần học, các "Mặt Trời Công Lý"("Suns of Righteousness") và các vị Thượng Đế, tất cả đều tiêu biểu bởi Mặt Trời ([1]). Tất cả đều là các Protogonoi (Đấng Bản Sơ) và

[1] Theo một ý nghĩa nào đó, Adam-Jehovah, Brahmã và Thần Mars đều như nhau; tất cả đều là biểu tượng của các *năng lực sinh sản* bản sơ để cho loài người sinh sôi nảy nở. Adam màu đỏ, Brahma – Virãj và Hỏa Tinh (Thần Linh cũng như hành tinh) cũng đều như vậy. Nước là "máu" của Địa Cầu; vì thế, tất cả các danh xưng này đều có liên kết với Thổ và Thủy. Moses dạy: "Nó lấy *thổ* và *thủy* để tạo ra một hồn *người*". Mars đồng nhất với Kãrttikeya (tức Kãrtikeya), Thần Chiến tranh (theo một nghĩa nào đó)- vị Thần này sinh ra từ mồ hôi của Shiva, Shiva-gharmaja và Thổ. Trong Mahãbhãrata, người ta trình bày Ngài sinh ra đời mà không có dính dáng gì đến một phụ nữ. Ngài cũng được gọi là Lohita *(đỏ)* giống như Adam, và các "người bản sơ" khác. Vì thế, tác giả của Nguồn gốc các Kích thước thật là chí lý khi cho rằng việc Mars (và

Mikroproposoi (Đấng Tiểu Diện). Đối với người Do Thái, Adam-Kadmon chẳng khác nào Athamaz, Tamaz hoặc Thần Adonis của người Hy Lạp – "Đấng Độc Tôn *với* và *của* Cha Ngài" – trong các Giống dân sau này, "Từ Phụ" biến thành Helios (Thái Dương), chẳng hạn như Apollo Karneios ([1]), Ngài vốn "Nhật sinh"("Sun-born"); Osiris, Ormazd v.v… đều được nối tiếp bởi và sau này biến thành các kiểu mẫu còn trần tục hơn nữa (chẳng hạn như Prometheus, bị hành hình trên núi Kajbee, Hercules và biết bao nhiêu là các Nhật Thần và anh hùng khác) cho đến khi tất cả chẳng còn ý nghĩa nào khác hơn là các biểu tượng sùng bái sinh thực khí.

56 Trong kinh Zohar có dạy:

Con người được Sephiroth (cũng như Elohim-Javeh) tạo ra; họ dùng quyền năng thông thường để tạo ra Adam *trần thế.*

Do đó, trong Sáng Thế Ký, Elohim mới phán: "Xem kìa! Con Người *bị đồng nhất với ta* ([2]). Nhưng trong vũ trụ khởi

---

tất cả các Thần Linh Khác có các thuộc tính giống như vậy) "là *thần chiến tranh* và *đổ máu* chẳng qua chỉ là một ý niệm thứ cấp xuất phát từ ý niệm sơ cấp về sự đổ máu khi thụ thai lần đầu tiên". Vì thế, sau này Jehovah mới biến thành một vị Thần Linh *chiến đấu*, "Chúa Tể các Đạo binh" và điều khiển cuộc chiến tranh. Y là Zodh (tức Cain khi hoán vị) hung hăng đã giết chết *em* (gái) của mình, "máu nó vẫn tức tưởi trong lòng đất", *Địa Cầu đã há miệng* ra uống máu (Sáng Thế Ký, iv, 10. 11).

[1] Apollo Karneios chắc chắn là một biến thể Hy Lạp của Krishna-Kirana Ấn Độ. Kirana có nghĩa là *quang huy*; còn Karneios (vốn là một tôn danh của Thần Apollo đối với người Celt cũng như là người Hy Lạp) có nghĩa là "Nhật sinh".

[2] [Sáng Thế Ký,iii,22, bản dịch Douay: "Xem kìa ! Adam bị đồng nhất với ta". Bản dịch có thẩm quyền trình bày là: "Xem kìa ! Con người bị đồng nhất với ta". Iii,22]

nguyên luận hay "Sáng Tạo" của Ấn Độ, Brahmã –Prajãpati *tạo ra* Virãj và các Thánh Hiền mới được gọi riêng là các "Đứa Con Trí Sinh của Brahmã". Cách thức *sinh sản* chuyên biệt này đã chặn đứng được mọi ý tưởng sùng bái sinh thực khí, ít ra cũng là trong các quốc gia của các giống người sơ khai. Ví dụ này đã minh họa được tính cách *tâm linh* của từng quốc gia một trong số hai quốc gia.

3. ĐẤNG BẠCH DIỆN PHÁN: "TA SẼ GỬI ĐẾN CHO CON MỘT LINH HỎA KHI CON BẮT ĐẦU LÀM VIỆC. CON HÃY ĐƯA TIẾNG NÓI CỦA CON LÊN TỚI TẬN CÁC CẢNH GIỚI KHÁC; CON HÃY CẦU XIN CHA CON, LIÊN HOA TINH QUÂN (THE LORD OF THE LOTUS) ([1]) (a), BAN CHO CON CÁC QUÝ TỬ CỦA NGÀI … DÂN CHÚNG CỦA CON SẼ ĐƯỢC CÁC TỪ PHỤ ([2]) TRỊ VÌ. NHÂN LOẠI CỦA CON SẼ HỮU HOẠI. NHÂN LOẠI CỦA ĐẤNG MINH TRIẾT ([3]), CHỨ KHÔNG PHẢI LÀ CÁC CON CỦA SOMA SẼ BẤT TỬ. ĐỪNG CÓ PHÀN NÀN NỮA. (b) CON VẪN CÒN CHƯA KHOÁC LẤY BẢY LỚP DA … CON VẪN CÒN CHƯA SẴN SÀNG". (c)

(a) Kumuda – Pati là Mặt Trăng, Tổ Phụ của Trái Đất, ở vùng Soma-loka (Nguyệt giới). Mặc dù các Pitris (tức các Tổ Phụ) là Con của chư Thần Linh, ngoài ra còn là Con của Brahmã và cả các Thánh hiền nữa, song các Ngài thường được nhận diện là các Nguyệt Tinh Quân.

(b) Pitri- Pati là Đấng Chúa Tể của các Pitris, Diêm Vương (God of Death), Yama, Tử Thần, Đấng cầm cân nảy mực dưới âm ti. Xét về mặt ẩn dụ, nhân loại của Budha, Thủy Tinh,

---

[1] Kumuda-Pati [Kumuda- bạch liên, người ta bảo là nó nở vào lúc mặt trời mọc; Pati = Tinh Quân.]

[2] Pitri – Pati.

[3] Budha, Mercury (Thủy Tinh).

được bất tử nhờ vào Minh Triết của mình. Đó là niềm tin tưởng chung của những người cho rằng mọi ngôi sao hoặc hành tinh đều có người ở. Có các nhà khoa học (trong số đó có C. Flammarion) tin tưởng nhiệt thành như vậy dựa vào các dữ kiện luận lý cũng như là thiên văn học. Vì Mặt Trăng là một thiên thể hạ đẳng (ngay cả so với Trái Đất, chứ đừng nói so với các hành tinh khác) nên các thế nhân do các Con của nó (các Nguyệt Tinh Quân) tạo ra từ lớp vỏ hoặc cơ thể của nó, không thể nào bất tử được. Chúng chẳng thể nào có triển vọng trở thành những con người thông tuệ và hữu thức thực sự, trừ phi chúng được *thành toàn*, tạm gọi như vậy, bởi các Đấng Sáng Tạo khác. Như thế, trong huyền thoại Purãna, con của Mặt Trăng (Soma) chính là Budha (Thủy Tinh), Đấng Thông Tuệ và Minh Triết, vì y là hậu duệ của Soma, Đấng Chưởng Quản Mặt Trăng hữu hình, chớ không phải là Indu, Mặt Trăng hồng trần. Như vậy, Thủy Tinh là anh của Trái Đất (xét về mặt ẩn dụ)- có thể nói đó là anh cùng cha khác mẹ của Trái Đất, vì nó là sản phẩm của Tinh Thần – còn Trái Đất lại là sản phẩm của sắc tướng. Các ẩn dụ này có một ý nghĩa
57 thâm sâu và khoa học (xét về mặt thiên văn và địa chất học) hơn mức các nhà vật lý hiện đại sẵn sàng chịu chấp nhận. Toàn bộ chu kỳ "Cuộc chiến tranh Thiên giới" đầu tiên (Tãraka-Maya) đều đầy dẫy các chân lý triết học, vũ trụ khởi nguyên luận cũng như là thiên văn học. Trong đó, người ta có thể truy nguyên được tiểu sử của tất cả các hành tinh xuyên qua lịch sử của chư Thần Linh và các Đấng Chưởng Quản chúng. Ushanas (Shukra tức Kim Tinh), bạn thâm tình (the bosom –friend) của Soma, kẻ thù không đội trời chung (the foe) của Brihaspati (Mộc Tinh), "Thiên Thần Đạo Sư" ("Instructor of the Gods"), vợ Ngài tức Tãrã hay Tãrakã đã bị Mặt Trăng (Soma) dắt đi, để rồi "sinh ra Thủy Tinh (Budha)"

cũng giữ một vai trò tích cực trong cuộc chiến tranh chống lại "chư Thiên" này và lập tức bị thoái hóa thành ra một Thần Quỷ (Asura) và vẫn còn như thế cho đến ngày nay ([1]).

Ở đây, từ ngữ "nhân loại" nhằm nói tới những người Thiên giới (bên Ấn Độ gọi là Pitris) tức các Thủy tổ của loài người. Vì có các giả thuyết hiện đại nên điều trên cũng không giúp chúng ta giải tỏa được tình thế khó khăn đang đe dọa các giáo lý vốn trình bày rằng các Thủy tổ này tạo ra những người Adam đầu tiên từ bên hông, họ chỉ là các hình bóng

---

[1] Ushanas- Shukra, tức Kim Tinh, là Lucifer và dĩ nhiên là Sao Mai. Ẩn dụ này thật đúng là có nhiều ý nghĩa kỳ diệu. Như thế, Brihaspati tức Brahmanaspati (trong kinh Rig Veda) chính là một vị thần vốn là biểu tượng của nguyên kiểu của tục thờ cúng theo nghi lễ ngoại môn. Ngài là lễ sư, kẻ tế thần, kẻ cầu khẩn và phương tiện chuyển đạt các lời cầu nguyện của thế nhân tới chư Thần. Ngài là Purohita (Lễ sư Gia đình hoặc Giáo sĩ Triều đình) của Thiên giới Ấn Độ và là "Thiên Thần Đạo Sư". Soma là vị Thần bí nhiệm chủ trì bản chất huyền nhiệm và Huyền bí nơi con người và vũ trụ. Tãrã (vợ của lễ sư; tiêu biểu cho kẻ tôn sùng) thích các chân lý Nội môn hơn là lớp vỏ bên ngoài tức ngoại môn, hiển giáo; vì thế người ta mới trình bày là nàng bị Soma bắt đi. Nay Soma lại là tinh túy thiêng liêng của danh xưng này, ban cho chúng ta các linh thị huyền nhiệm và các điều thiên khải trong lúc xuất thần, *có kết quả hợp nhất với Budha* (Minh Triết), Mercury, Hermes v.v…; nói tóm lại đó là khoa học mà tới nay, kẻ hiển giáo vẫn còn chụp mũ là quỷ quái. Kỳ diệu thay khi mở rộng tập hợp ẩn dụ này, chúng ta lại thấy thần học Thiên Chúa giáo ủng hộ cuộc tranh cãi của chư Thần Linh Ấn Độ và coi Ushanas (Lucifer)- Ngài giúp Soma chống lại sự nhân cách hóa cổ truyền trong nghi thức tôn thờ này (Brahmanaspati, Đấng Chúa Tể của các Thánh thư Brãhmanas, nay biến thành Jupiter-Jehovah) - là Quỷ Vương, "Kẻ thù không đội trời chung của Thượng Đế".

tinh anh. Mặc dù đã có tiến bộ so với câu chuyện chiếc xương sườn của Adam, nó vẫn còn bị gặp khó khăn về mặt địa chất và khí hậu. Tuy nhiên, Huyền bí học dạy như thế!

(c) Trong mỗi Giống dân, cơ thể con người đều phải thích ứng với môi trường xung quanh. Căn chủng thứ Nhất tinh anh bao nhiêu thì chúng ta lại vật dục bấy nhiêu. Hậu duệ của bảy Đấng Sáng Tạo (vốn tạo ra Bảy Người Bản Sơ) ([1]) chắc chắn là không cần phải thở khí tinh lọc và sống trong đó. Vì thế, cho dù các kẻ hâm mộ khoa học hiện đại có nhấn mạnh tới việc giáo lý này không thể có được, nhà Huyền bí học vẫn chủ trương rằng trường hợp này đã diễn ra (đúng như đã nói ở trên) *hàng vô lượng thời* trước khi có cuộc tiến hóa của giống dân Lemuria (giống người có xác phàm đầu tiên) đã xảy ra cách đây 18 000 000 năm.

58 Thánh kinh cổ sơ dạy rằng vào lúc khởi đầu mỗi Thiên Kiếp địa phương tức cuộc Tuần Hoàn, Trái Đất bắt đầu tái sinh. Trong một quyển THIỀN ĐỊNH CHÂN KINH (BOOK OF DZYÃN) và phần Giảng lý kèm theo, cuộc tiến hóa sơ khai được mô tả như sau:

"*Khi thác sinh vào lòng một bà mẹ mới, Nguyên sinh khí nơi con người [Chơn Thần] lại khoác lấy một thể xác mới; Nguyên sinh khí của Trái Đất cũng vậy. Cứ mỗi cuộc Tuần Hoàn là nó lại khoác*

[1] Ta đã trình bày ở đâu đó rằng chỉ có Thiên Đế Adam-Kadmon, trong chương đầu của Sáng Thế Ký, mới được làm *cho giống với Thượng Đế.* [Đức Chúa Trời phán: "Ta hãy biến con người ra giống y như ta xem sao", chương I, 26]. Được biết trong chương 2, Adam được biến thành ra giống y như Thượng Đế trước khi y ăn trái cấm. Adam trước tiên là Tập Đoàn Sephiroth, Adam thứ nhì là Căn chủng thứ Nhất vô trí; Adam thứ ba là Giống dân đã phân tính, đã sáng mắt ra.

lấy một lớp vỏ hoàn hảo và rắn chắc hơn sau khi tái xuất lộ từ trong lòng không gian để biểu lộ ra ngoại cảnh".

Dĩ nhiên là kèm theo tiến trình này phải có các cơn đau đẻ quằn quại, tức các biến động địa chất.

Điều này đã được đề cập tới trong một câu thơ của THIỀN ĐỊNH CHÂN KINH như sau:

4. SAU NHỮNG CƠN THỐNG KHỔ ĐỌA ĐÀY, NÀNG ([1]) ĐÃ LỘT BỎ ĐƯỢC LỚP DA CŨ VÀ KHOÁC LẤY BẢY LỚP DA MỚI VÀ NGHIỄM NHIÊN Ở TRONG LỚP DA THỨ NHẤT CỦA MÌNH.

Câu này nói về sự trưởng thành của Địa Cầu; mặt khác, trong ĐOẠN KINH nói về cuộc Tuần Hoàn thứ Nhất, Giảng lý cổ dạy:

"Sau khi Thế giới [Bản thể, Sadaikarũpa] thường trụ [Avikãra], bất di bất dịch, đã thức tỉnh và biến đổi [biến phân] thành ra [một trạng thái] liên hệ nhân quả [Avyakta] từ nhân [Kãrana] biến thành quả riêng biệt [Vyakta], từ trạng thái vô hình biến thành hữu hình. Cái cực vi [anĩyãnsam anĩyãsam] trở nên nhất nguyên và đa nguyên [Ekãnekarũpa]; trong khi tạo thành Vũ Trụ, nó cũng tạo nên Thế giới thứ tư [Trái Đất] trong cái vòng gồm bảy hoa sen. Bấy giờ, kẻ không hề Sa đọa (Achyuta) biến thành kẻ Sa đọa (Chyuta)"([2]).

Câu "Trái Đất bỏ *ba* Lớp Da cũ" ám chỉ ba cuộc Tuần Hoàn mà nó đã trải qua, còn cuộc tuần hoàn hiện nay là cuộc

---

[1] Trái Đất

[2] Achyuta là một từ ngữ hầu như không thể dịch được. Nó có nghĩa là cái không hề bị sa đọa hoặc thoái hóa và phản nghĩa với Chyuta, cái bị sa đọa. Các Đấng Thần Quân (Dhyanis) đang lâm phàm trong các hình hài người thuộc Căn chủng thứ Ba và phú cho họ trí năng (Manas); được gọi là Chyuta, vì sao các Ngài đã sa vào vòng sinh hóa.

Tuần Hoàn thứ Tư trong số bảy cuộc tuần hoàn. Vào lúc bắt đầu mỗi cuộc Tuần Hoàn mới, sau một thời kỳ "triều nguyên" ("obscuration"), Trái Đất (cũng như sáu bầu hành tinh khác trong "Dãy Địa Cầu") cởi bỏ hoặc coi như là cởi bỏ những Lớp Da cũ, chẳng khác nào Con Rắn lột da. Vì thế, trong Aitareya-Brãhmana, người ta gọi Trái Đất là Sarparãjni, "Nữ Hoàng Rắn", "Mẹ của loài động vật"([1]). "Bảy Lớp Da" (hiện nay nó ở trong lớp da đầu tiên) ám chỉ bảy cơn biến
59 động địa chất đi kèm theo và tương ứng với sự tiến hóa của Bảy Căn Chủng Nhân Loại.

ĐOẠN KINH 2 (vốn nói về cuộc Tuần hoàn hiện nay) bắt đầu với một vài tài liệu nói về tuổi của Trái Đất. Niên đại ký sẽ được trình bày theo đúng chỗ của nó. Trong phần Giảng lý kèm theo Đoạn Kinh, có hai nhân vật (Nãrada và Asuramaya) được đề cập đến, nhất là nhân vật sau. Tất cả các phép tính toán đều được gán cho hai nhân vật trứ danh thời xưa này; những điều sau đây sẽ giúp cho độc giả làm quen sơ qua với một vài nhân vật này.

HAI NHÀ THIÊN VĂN HỌC TRƯỚC THỜI ĐẠI HỒNG THỦY.

Các môn sinh Huyền bí học Đông phương đều biết tới hai nhân vật có liên hệ mật thiết với thiên văn học Huyền bí, niên đại ký và các chu kỳ của chúng. Bất cứ khi nào phải đề cập tới các Chu kỳ và các Thiên Kiếp, thì y đều thấy xuất hiện trong trí mình Hai nhân vật cao cả và bí nhiệm, nổi bật lên như hai

[1] Xem Das Kaushītiki Brãhmana [bản văn tiếng Bắc Phạn], do Tiến sĩ B. Lindner biên tập, trang 132 (ấn bản 1887) và Rigveda Brãhmanas, do Tiến sĩ văn chương A. Berriedale Keith dịch, trang 511, chú thích cuối trang 2 (ấn bản 1920).

kẻ khổng lồ thời cổ đại. Chẳng có bao nhiêu người trên thế giới biết hoặc có thể biết đích xác (theo yêu cầu của niên đại ký chính xác) được họ đã sống vào thời kỳ tiền sử nào. Thời kỳ đó có thể cách đây 100 000 năm, cũng có thể cách đây 1 000 000 năm, việc đó không thể nào biết được. Tây phương huyền bí và Hội Tam Điểm cứ lớn tiếng nói về Enoch và Hermes. Còn Đông phương huyền bí lại luôn nhắc đến Nãrada (bậc Thánh Hiền phái cổ Veda) và Asuramaya (người Atlantis).

Người ta ám chỉ rằng trong số các nhân vật khó hiểu trong Mahãbhãrata và Purãnas, Nãrada, con trai của Brahmã trong Matsya Purãna, hậu duệ của Kashyapa (Ca Diếp) ([1]), con gái của Daksha trong Vishnu Purãna, là nhân vật huyền bí nhất. Ngài được Parãshara tôn xưng là Deva-Rishi (bậc Đại Thánh Hiền Thiêng Liêng hơn là Bán Thần), thế nhưng Ngài lại bị Daksha (và cả Brahmã nữa) nguyền rủa. Ngài đã báo cáo cho Kansa biết rằng Bhagavãn (Đấng Thế Tôn) tức Vishnu trong ngoại môn hiển giáo – sẽ lâm phàm làm đứa con thứ tám của Devaki và như thế là sẽ trút cơn thịnh nộ của vua Herod Ấn Độ lên trên thân mẫu của Krishna. Thế rồi, chễm chệ ngự trên đám mây – vô hình như một Trí Tinh Quân (Mãnasaputra) chân chính – thích thú trước chiến công của Đấng Hóa Thân diệt trừ được con quái vật Keshin, Ngài lại tán dương Krishna. Nãrada ở đây đó khắp nơi; thế mà không có kinh Purãnas nào trình bày được đặc tính chân thực của kẻ đại nghịch này của sự sinh sôi nảy nở. Cho dù trong Nội môn Bí giáo Ấn Độ, các đặc tính này có là gì đi chăng nữa. Nãrada-trong Huyền bí học Tây Tạng, người ta gọi Ngài là *Pesh-Hun*, "Sứ giả" tức Angelos của người Hy Lạp vẫn là kẻ tâm phúc

[1] Cũng gọi là Kãshyapa, một tôn danh.

duy nhất thi hành các quyết nghị vũ trụ của Nghiệp Quả và A Di Đà Phật: đó là loại Thiên Đạo chủ động và hằng lâm
60 phàm, vốn chỉ đạo các sự việc của con người từ đầu tới cuối Thiên Kiếp.

Pesh-Hun có tính cách chung chứ đâu phải của riêng Ấn Độ. Ngài là quyền năng thông tuệ chỉ đạo, vốn thúc đẩy và điều khiển xung lực của các Chu kỳ, các Thiên Kiếp và các biến cố vũ trụ ([1]). Ngài là Đấng điều chỉnh Nghiệp Quả trên một qui mô bao quát: Ngài cảm ứng và lãnh đạo các bậc đại anh hùng trong Chu kỳ đại Khai Nguyên này. Trong các tác phẩm ngoại môn, người ta đề cập tới Ngài bằng một vài danh xưng rất miệt thị, chẳng hạn như Kalikãraka (*Kẻ gây chiến*), Kapi-vaktra (*Người mặt khỉ*), thậm chí Pishuna (*Kẻ gián điệp*), mặc dù có chỗ gọi Ngài là Deva-Brahmã. Ngay cả William Jones cũng bị các tài liệu nghiên cứu tiếng Phạn (mà ông thu thập được) gây một ấn tượng sâu sắc về tính cách bí nhiệm. Ông so sánh Ngài với Hermes và Mercury và gọi Ngài là "sứ giả hùng biện của chư Thiên" ([2]). Ngoài sự kiện sau đây, đó là việc người Ấn Độ tin rằng Ngài là một Đại Thánh Hiền cứ lê mãi gót lãng du trên địa cầu, trên cương vị khuyên bảo điều tốt lành tất cả các điều này cũng khiến cho cố Tiến sĩ Kenealy ([3]) cho rằng Ngài là một trong mười hai Đấng Cứu Thế. Có lẽ ông đoán cũng chẳng sai bao nhiêu.

---

[1] Đây là lý do tại sao Chí Tôn Ca lại dạy chúng ta rằng, thoạt đầu, Brahmã đã thông báo cho Nãrada biết rằng mọi người (cho dù là bọn tiện dân và đám người dã man đi chăng nữa) đều có thể biết được chân tướng của Vãsudeva và biết cách tín ngưỡng Đấng Thần Linh này.

[2] Xem Khảo Cứu Á Châu, i, 265

[3] Thiên Đế Thánh Thư (Book of God), trang 60.

Nãrada *thực sự* là gì? Điều này không thể giải thích được bằng giấy trắng mực đen; các thế hệ phàm tục hiện nay cũng không hiểu được gì nhiều. Nhưng chúng ta có thể nhận xét như sau, nếu trong số chư Thần Linh Ấn Độ có một Đấng Thánh Linh nào giống Jehovah "khêu gợi" ý nghĩa và "làm chai đá" tâm hồn của những kẻ vốn là những công cụ và các nạn nhân, thì đó là Nãrada. Có điều là Nãrada đâu có muốn kiếm cớ "quấy nhiễu" thiên hạ để ra oai: "*Ta là* Đức Chúa Trời". Cũng chẳng phải vì Ngài có bất kỳ một động cơ thúc đẩy ích kỷ hoặc đầy tham vọng nào; mà thực ra, đó là vì Ngài đang phụng sự và hướng dẫn cuộc tiến hóa của vũ trụ.

Trong kinh Purãnas, ngoại trừ một vài Thần Linh, Nãrada là một trong những thiểu số nhân vật lỗi lạc đã đi tham quan cái gọi là vùng địa ngục (Pãtãla). Cho dù Ngài có giao du với Sesha, [Con Rắn ngàn đầu đội Bảy Tầng Địa Ngục (the Seven Pãtãlas) và toàn thế giới trên đầu như một chiếc vương miện, nó dạy thiên văn học ([1]) cho Nãrada biết hết] hay không đi chăng nữa, chắc chắn là Ngài cũng hiểu biết về các chu kỳ phức tạp nhiều hơn Sư Phụ của Garga. Chính Ngài phụ trách về sự tiến bộ của chúng ta cùng với chuyện phúc, họa của quốc gia. Chính Ngài phát khởi chiến tranh và kết thúc nó. Trong các ĐOẠN KINH cổ, người ta tin là Pesh-Hun đã tính
61 toán và ghi lại tất cả các Chu kỳ thiên văn vũ trụ vị lai, và đã dạy khoa học cho những kẻ tập tễnh bước vào ngành thiên

[1] Người ta tin là Sesha (vốn cũng là Ananta, Vô Cực, "Chu kỳ Vĩnh Cửu" trong Nội môn Bí giáo) đã truyền thụ thiên văn học cho Garga, nhà thiên văn học xưa nhất ở Ấn Độ. Y chỉ cần lấy lòng Sesha là biết ngay được tất cả mọi điều về các hành tinh và biết cách đoán điềm hung, kiết.

văn học. Đó cũng chính là Asuramaya ([1]); được biết ông đã đưa tất cả các tác phẩm thiên văn của mình vào các tài liệu này, đã xác định kỳ gian của tất cả các thời kỳ địa chất và vũ trụ đã qua và mọi Chu kỳ vị lai, cho tới Chu kỳ Sống này, tức là cuối Giống dân thứ Bảy.

Trong số các Thánh thư Bí nhiệm, có một tác phẩm tên là *Gương Vị Lai (Mirror of Futurity*), trong đó có ghi tất cả các Thiên Kiếp và các Chu kỳ trong lòng Sesha tức Thời gian vô cực. Tác phẩm này được gán cho Pesh-Hun-Nãrada. Cũng có một tác phẩm cổ khác được gán cho nhiều người Atlantis khác nhau. Chính hai tài liệu này cung cấp cho chúng ta các số liệu về các Chu kỳ hiện nay và khả năng tính toán thời hạn của các Chu kỳ sắp tới. Tuy nhiên, các phép tính toán niên đại sẽ được trình bày, lại là các phép tính toán của người Bà La Môn (điều này sẽ được giải thích sau); tuy vậy, hầu hết cũng chính là các phép tính toán của Giáo Lý Bí Nhiệm.

Niên đại ký và các tính toán của các Điểm đạo đồ Bà La Môn đều dựa vào các tài liệu về Hoàng Đạo của Ấn Độ; các tác phẩm của các nhân vật nêu trên đều có đề cập tới nhà thiên văn học và Pháp sư Asuramaya. Các tài liệu về Hoàng Đạo của dân Atlantis không thể nào sai lầm được, vì chúng được soạn ra dưới sự chỉ đạo của những vị đã dạy thiên văn học (và các điều khác) cho nhân loại ngay từ lần đầu.

Nhưng ở đây, chúng ta lại cố tình và liều lĩnh đương đầu với một khó khăn mới. Nhân danh một người được xem như là một nhân vật rất có thẩm quyền (ở Tây phuong) về mọi đề tài văn chương Bắc Phạn (Giáo sư Albrecht Weber ở Bá Linh), người ta sẽ bảo rằng các lời phát biểu của chúng ta thật là phản *khoa học*. Rất tiếc là không sao tránh khỏi điều này; song

[1] Tức Asura Maya.

chúng tôi vẫn sẵn sàng khẳng định những gì được phát biểu hiện nay. Giáo sư Weber đã đồng nhất hóa Asuramaya – truyền thuyết anh hùng ca đã xem Ngài là nhà thiên văn học sơ khai nhất ở Aryavarta (Bắc Ấn Độ); chính Giáo sư Weber cũng xác định là "đích thân Nhật Thần đã truyền thụ thiên văn học cho Ngài" – với "Ptolemaios" của người Hy Lạp một cách thật là huyền bí. Chẳng có lý do nào biện minh cho sự đồng nhất hóa này có giá trị hơn lý do sau đây:

Theo như chúng ta thấy trong bản khắc của Piyadãsi, danh xưng Ptolemaios biến thành Turamaya của Ấn Độ, từ đó mới có thể dễ dàng nảy sinh ra danh xưng Asuramaya ([1]).

Chắc chắn là nó "có thể" rồi, nhưng vấn đề có tầm quan trọng sinh tử là: có bằng chứng hiển nhiên nào là nó nảy sinh như thế không? Bằng chứng duy nhất được trình bày là nó ắt *phải* như thế:

... Maya này được gán riêng cho Romaka-pura ở phương Tây([2])

62 Maya thì hiển nhiên rồi, vì không có người Âu Tây nào nghiên cứu tiếng Bắc Phạn có thể giải thích được xem Romaka-pura ở đâu, (thật ra, họ chỉ biết nó ở đâu đó "ở phương Tây"). Dù sao đi nữa, vì đâu có hội viên của Hội Á Châu hoặc nhà Đông phương học người Tây phương nào, chịu nghe theo một giáo lý Bà La Môn, nên cũng không cần xét tới các lời phản đối của các nhà Đông phương học Âu Tây. Romaka-pura chắc chắn là ở phương Tây, vì nó là một phần lục địa Atlantis đã thất tung. Cũng chắc chắn rằng đó là Châu Atlantis, mà kinh Purãnas của Ấn Độ đã gán cho là nơi sinh của Asuramaya, "một nhà Chiêm tinh học, một nhà

[1] Xem các chú thích bổ sung.

[2] Xem Lịch Sử Văn Chương Ấn Độ, trang 253, của Giáo sư A. Weber, trong tủ sách Đông phương của Trubner.

thiên văn học và một pháp sư đại tài". Vả lại Giáo sư Weber còn không chịu công nhận là Hoàng Đạo Ấn Độ có nguồn gốc rất xa xưa, vả lại còn có khuynh hướng cho rằng người Ấn Độ chưa hề biết tới một Hoàng Đạo nào hết cho tới khi "họ đã vay mượn một Hoàng Đạo của người Hy Lạp" ([1]).

Phát biểu này mâu thuẫn với các truyền thuyết xưa nhất của Ấn Độ, nên chúng ta phải lờ đi thôi ([2]). Chúng ta lại càng có lý do để lờ nó đi, vì chính vị Giáo sư thông thái người Đức cũng trình bày trong phần nhập đề của tác phẩm mình như sau:

> … ngoài các chướng ngại tự nhiên ngăn cản cuộc điều nghiên [ở Ấn Độ] ra, còn có một màn sương mù dày đặc các thành kiến và các tiên kiến lởn vởn trên xứ sở này, và bao trùm nó như một bức màn ([3]).

Chúng ta cũng chẳng lấy gì làm lạ khi thấy Giáo sư Weber đã bị đưa đẩy tới các sai lầm do vô ý như vậy, vì chính ông cũng đang bị vướng mắc trong bức màn này. Chúng ta cũng hy vọng rằng nay ông đã biết rõ hơn.

Bây giờ, cho dù Asuramaya có được xem là một huyền thoại hiện đại, một nhân vật đã sinh hoạt vào thời người Hy Lạp Macedonia, hoặc một nhân vật nào đó theo lời khẳng định của các nhà Huyền bí học, thì trong bất cứ trường hợp nào, các phép tính toán của ông cũng hoàn toàn phù hợp với các phép tính toán của các tài liệu bí nhiệm (Secret Records).

---

[1] Ngay cả Dân da đỏ Maya ở Guatemala cũng có Hoàng Đạo từ xa xưa. Một văn sĩ Pháp đã nhận xét: "con người nguyên thủy hành động y như nhau bất kể không gian và thời gian".

[2] Xem quyển 2, Tiết 16, *Hoàng Đạo thật là xưa cũ*.

[3] Như trên, trang 2.

Theo các áng văn trích từ các tác phẩm tối cổ mà người ta gán cho các nhà thiên văn học người Atlantis và tìm thấy ở Nam Ấn, bảng niên lịch (được đề cập tới ở đâu đó) do hai học giả Bà La Môn ([1]) soạn ra vào năm 1884 và 1885. Các học giả Ấn Độ lỗi lạc nhất tuyên bố tác phẩm này là toàn bích – theo quan điểm Bà La Môn – và như thế có liên hệ mật thiết với niên đại ký của các giáo lý chính thống. Nếu chúng ta so sánh các phát biểu của nó với những điều được trình bày nhiều năm về trước trong Nữ Thần Isis Lộ Diện (Isis Unveiled), với những giáo lý vụn vặt mà một vài nhà Thông Thiên Học (Theosophist) đã công bố; và với các dữ kiện hiện nay suy ra từ các Thánh Thư Bí Nhiệm (Secret Books of Occultism) về Huyền bí học, chúng ta sẽ thấy tất cả đều phù hợp với nhau một cách tuyệt vời, ngoại trừ một vài tiểu tiết không thể giải thích được. Ấy là vì, nếu giải thích các tiểu tiết đó, thì sẽ tiết
63 lộ các bí nhiệm của các cuộc Điểm Đạo cao cấp (high Initiation)- mà cả tác giả lẫn độc giả chẳng hiểu tí gì- do đó, điều này *không thể thực hiện được.*

ĐOẠN KINH 2
THIÊN NHIÊN KHÔNG ĐƯỢC TRỢ GIÚP ĐÃ THẤT BẠI
(NATURE UNAIDED FAILS)

5. Sau những thời kỳ dài đăng đẳng. Địa Cầu đã tạo ra các quái vật. 6. Các "Đấng Sáng Tạo" bất mãn. 7. Họ làm khổ Trái Đất. 8. Họ hủy diệt các hình hài. 9. Các đợt thủy triều lớn đầu tiên. 10. Vỏ trái đất bắt đầu cứng lại.

---

[1] Tirukanda Panchanga, dành cho chu kỳ Mạt Pháp 4986, của Chintamany Raghanaracharya, con của nhà thiên văn nhà nước nổi tiếng ở Madras và Tarakamala Venkata Krishna Rao.

5. DIỆU LUÂN (WHEEL) QUAY VÒNG TRONG BA TRĂM TRIỆU NĂM NỮA ([1]). NÓ KIẾN TẠO CÁC RŨPAS ([2]) ; ĐÁ MỀM HÓA CỨNG ([3]), CÂY CỨNG HÓA MỀM. ([4]) CÁC CÔN TRÙNG VÀ CÁC VI SINH VẬT ([5]) , TỪ VÔ HÌNH BIẾN THÀNH HỮU HÌNH. NÀNG ([6]) GIŨ CHÚNG RỚT RA KHỎI LƯNG MÌNH BẤT CỨ KHI NÀO CHÚNG TRÀN NGẬP TỪ MẪU (a) … SAU BA TRĂM TRIỆU NĂM, NÀNG XOAY TRÒN. NÀNG NẰM NGỬA, RỒI NẰM NGHIÊNG … NÀNG CHẲNG MUỐN KÊU GỌI TỚI CÁC CON CỦA THƯỢNG ĐẾ, NÀNG CŨNG CHẲNG ĐÒI HỎI CÁC CON CỦA MINH TRIẾT. NÀNG ĐÃ SÁNG TẠO TỪ CHÍNH LÒNG MÌNH. NÀNG ĐÃ KHAI SINH RA CÁC THỦY NHÂN (WATER-MEN) GỚM GHIẾC (b).

(a) Câu này nói về cái trục nghiêng của Trái Đất (có nhiều lần nghiêng trục như vậy) hậu quả là trận Đại hồng thủy (deluge) và tình trạng hỗn mang (chaos) trên Địa Cầu (tuy nhiên, nó không ám chỉ tình trạng Hỗn Mang Bản Sơ), do đó, sinh ra các quái vật nửa người nửa thú. Chúng ta thấy nó được đề cập tới trong Tử Vong kinh (Book of Dead), cũng như trong Cutha Thần Biểu (Cutha Tables), tường thuật về sự Sáng Tạo theo dân Chaldea, mặc dù bị cắt xén bớt.

---

[1] 300 triệu năm, tức Ba Thời đại Huyền linh (Three Occult Ages). Kinh Rig Veda cũng phân chia như vậy. Trong "Thánh Ca Y Sĩ" (x, 97, 1) có dạy: "Cây cỏ xuất hiện trên Địa Cầu trước Chư Thiên *Ba thời đại* (Triyugam). Xem "Niên đại ký của người Bà La Môn" ở cuối Đoạn kinh này).

[2] Hình hài sắc tướng.

[3] Khoáng vật.

[4] Thực vật.

[5] Sarĩsripa, Svapada.

[6] Trái Đất.

Nó không phải là ẩn dụ. Ở đây, chúng ta có các sự kiện được lặp đi lặp lại trong bản tường thuật Pymander cũng như trong các thần biểu bàn về sự sáng tạo của dân Chaldea. Hầu hết các câu thơ đều có thể được kiểm nghiệm lại theo vũ trụ khởi nguyên luận do Berosus trình bày. Nó đã bị Eusebius xuyên tạc, khiến chúng ta không nhận ra được, nhưng chúng ta vẫn còn có thể tìm thấy một vài đặc điểm của nó trong các áng văn được các tác giả Cổ Hy Lạp (Apollodorus, Alexander Polyhistor v.v..) lưu truyền lại. Các "thủy nhân gớm ghiếc"("the water-men terrible and bad") – vốn chỉ do Thiên Nhiên tự phát tạo ra thôi, hậu quả của xung lực tiến hóa và toan tính đầu tiên nhắm sáng tạo *con người* (vốn là tột đỉnh và mục tiêu của mọi sinh hoạt động vật trên Địa Cầu)- được trình bày trong các ĐOẠN KINH như là những thất bại của Thiên Nhiên. Chẳng lẽ trong vũ trụ khởi nguyên luận của Berosus, (vốn bị kịch liệt tố cáo là chuyện phi lý hết mức của
64 kẻ ngoại đạo), chúng ta không thấy giống y như vậy sao? Vả lại, có nhà Tiến hóa luận (Evolutionists) nào dám bảo rằng vạn vật lúc ban sơ đã không hề diễn ra theo như chúng ta mô tả? Có ai dám bảo (giống như chủ trương của kinh Purãnas, các áng văn của Ai Cập và Chaldea, thậm chí của Sáng Thế Ký nữa) là không có hai (thậm chí còn hơn nữa) "cuộc sáng tạo" trước khi có hệ địa tầng cuối cùng của Địa Cầu? (Khi Địa Cầu thay đổi tình trạng địa chất và khí quyển, nó cũng làm thay đổi hệ thực vật, hệ động vật và nhân loại của mình). Lời khẳng định này chẳng những phù hợp với mọi vũ trụ khởi nguyên luận cổ truyền, mà còn phù hợp với khoa học hiện đại; thậm chí, trong một chừng mực nào đó, nó còn phù hợp với cả thuyết tiến hóa (điều này có thể được chứng minh một cách vắn tắt).

Trong các Vũ Trụ khởi nguyên luận cổ sơ nhất, không hề có "Tạo Vật U Minh"("Dark Creation"), không hề có "Ác Long" ("Evil Dragon") bị một Nhật Thần khuất phục. Thậm chí, đối với người Akkad, Thái Uyên – Vực Nước sâu thăm thẳm (Waterry Abyss), tức Không gian – đã là sinh quán và trú sở của Ea, Minh Triết, Đấng Thánh Linh vô cực bất khả tư nghị. Nhưng đối với người Semite và người Chaldea sau này, Thái Uyên Minh Triết biến thành Vật Chất thô trược, chất liệu ô trược, và Ea bị biến thành Tiamat, Con Rồng bị Merodach (tức Quỷ Vương) giết chết trong các đợt sóng tinh anh.

Trong kinh Purãnas của Ấn Độ, chúng ta thấy Brahmã (Đấng Sáng Tạo) bắt đầu lại nhiều "Cuộc Sáng Tạo" sau biết bao nhiêu là thất bại. Nó có đề cập tới hai "Cuộc Đại Sáng Tạo" ([1]): Padma và Varãha (cuộc sáng tạo hiện tại); trong đó Brahmã kéo Địa Cầu lên khỏi mặt nước dưới dạng một con Heo Rừng, tức hóa thân Varãha. Người ta trình bày cuộc sáng tạo như là một trò tiêu khiển (Lĩlã) của Thần Linh Sáng Tạo. Kinh Zohar có đề cập tới các thế giới nguyên thủy, chúng vừa mới ra đời là bị tịch diệt ngay tức khắc. Trong kinh Midraish cũng trình bày như vậy. Giáo sĩ Do Thái Abahu giải thích minh bạch ([2]) là "Đấng Thánh Linh" đã lần lượt tạo ra và hủy diệt nhiều Thế giới khác nhau trước khi thành công nơi thế giới hiện nay. Điều này không chỉ liên hệ tới các Thế giới khác trong Không gian, mà còn liên hệ tới một bí nhiệm của chính Địa Cầu bao hàm trong ẩn dụ về các "Thánh Vương

---

[1] Chúng ta không được lẫn lộn hai cuộc Sáng Tạo này với Bảy Cuộc Sáng Tạo hay Phân đoạn của mỗi Thiên Kiếp. Ở đây, chúng ta có ý nói tới các cuộc sáng tạo *Chủ Yếu* và *Thứ Yếu*. Xem Quyển 2, Tiết 13 "Bảy Cuộc Sáng Tạo".

[2] Trong Beresohith Rabba, Parscha ix.

Edom". Ấy là vì câu "Điều này làm tôi hài lòng", cứ được lặp đi lặp lại trong Sáng Thế Ký ([1]) mặc dù đã bị xuyên tạc như thường lệ. Các áng văn vũ trụ khởi nguyên luận của dân Chaldea ghi bằng các chữ hình nêm (cuneiform) và ở đâu đó, trình bày hai cuộc sáng tạo thú và người riêng biệt; cuộc sáng tạo thứ nhất đã bị hủy bỏ vì đã thất bại. Các thần biểu vũ trụ khởi nguyên luận chứng tỏ rằng trước cuộc sáng tạo hiện nay của chúng ta đã có nhiều cuộc sáng tạo khác ([2]). Tác giả của kinh Qabbalah đã chứng tỏ là trong kinh Zohar, Siphra Dzenioutha, trong Idrah Rabbah, 128a v.v.., Do Thái Bí giáo cũng khẳng định y như vậy.

(b) Oannes (tức Dagon, "Người Cá" của dân Chaldea) chia vũ trụ khởi nguyên luận và sáng thế ký của mình ra
65 thành hai phần. Trước hết là vực nước sâu âm u, trong đó có các sinh linh gớm ghiếc nhất – người có cánh, người có hai cánh và bốn cánh, người có hai đầu, chân dê và sừng dê ("người dê") ([3]), nhân mã, bò mộng đầu người và chó có đuôi

---

[1] Chương I, 31.

[2] Xem Các bài Diễn văn Hibbert, 1887, Sayce, 390.

[3] Các ý niệm này xuất xứ từ đâu? Người Trung Hoa cũng có các truyền thuyết giống như vậy. Theo nhà bình luận Kwob P'oh (Quách Phát), trong các tác phẩm Sơn Hải Kinh (Shan-Hai-King) một tác phẩm mà sử gia Chung Ku đã viết ra theo các hình chạm trổ trên chín chiếc đỉnh do Vũ Đế (Yu) (2255 trước T.C.) làm ra, người ta có đề cập tới một cuộc hội kiến với những người *có hai mặt riêng biệt* ở phía trước và ở phía sau đầu, các con quái vật có mình dê, mặt người, v.v… Trong Các Con Quái Vật Thần Thoại (trang 27), khi trình bày danh xưng của một vài tác giả viết về Vạn vật học, Gould cũng đề cập tới Sơn Hải Kinh: "Theo nhà bình luận Quách Phát (276-324 sau T.C.) tác phẩm này được soạn ra ba ngàn năm trước thời của ông, tức là cách bảy triều đại. Dương Tôn (Yang

cá. Tóm lại, đó là tổ hợp nhiều thứ người và thú khác nhau; có loài bò sát và các quái vật khác, khoác lấy hình dáng và sắc diện của nhau. Yếu tố thư mà chúng ở trong đó được nhân cách hóa bởi Thalatth – Biển tức "Nước"- rốt cuộc nó lại bị Belus (Nguyên khí hùng) chế ngự. A. Polyhistor cho rằng:

Belus giáng lâm và chẻ người phụ nữ ra làm đôi; y dùng một nửa để tạo nên đất, một nửa để tạo nên trời; đồng thời, y hủy diệt những con thú ở bên trong nàng ([1]).

Isaac Myer đã nhận xét thật là thích đáng như sau:

Đối với người Akkad, mỗi vật thể và quyền năng trong Thiên Nhiên đều có *Zi* tức Tinh Thần của mình. Người Akkad chia các thần linh của mình thành ra từng bộ ba, thường thường là nam giới [vô giới tính thì đúng hơn?]; người Semite cũng có các bộ ba thần linh, nhưng lại du nhập giới tính vào ([2])

- tức là sùng bái sinh thực khí. Đối với người Ãryan và người Akkad sơ khai nhất, vạn vật đều là các phân thân *thông qua* (chứ không phải là *do*) một Đấng Sáng Tạo tức Thiên Đạo. Đối với người Semite, vạn hữu đều được *sản sinh ra*.

6. CHÍNH NÀNG ĐÃ TẠO RA CÁC THỦY NHÂN (THE WATER-MEN) GỚM GHIẾC TỪ DI TÍCH CỦA CÁC GIỚI KHÁC ([3]). NÀNG ĐÃ TẠO RA CHÚNG TỪ CẶN BÃ VÀ BÙN NHỚT

Sun) thuộc triều Minh (bắt đầu năm 1368 sau T.C.) cho rằng nó được Kung Chia và Chung Ku soạn ra?"- như đã nêu trên. "Vào thời Hoàng Đế cuối cùng của triều Hạ (Hia) (1818 trước T.C), e rằng Hoàng Đế có thể hủy các sách bàn về thời xưa và nay, Chung Ku đã mang chúng đào thoát sang Thương (Yin)".

[1] Các áng văn cổ của Cory, trang 59.

[2] Kinh Qabbalah, trang 246.

[3] Từ các tàn tích của các giới khoáng vật, thực vật và động vật.

CỦA KỲ THỨ NHẤT, THỨ NHÌ VÀ THỨ BA ([1]). CÁC THẦN QUÂN ĐÃ GIÁNG LÂM VÀ THƯỞNG NGOẠN… CÁC ĐẤNG THẦN QUÂN ([2]) XUẤT PHÁT TỪ PHỤ MẪU QUANG HUY, TỪ CÁC BẠCH KHU ([3]), TỪ CÁC TRÚ SỞ CỦA CÁC THẾ NHÂN BẤT TỬ (THE IMMORTAL MORTALS) (a).

(a) Các điều giải thích được trình bày trong các ĐOẠN KINH của chúng ta còn rõ rệt hơn nhiều so với các điều giải thích được trình bày trong huyền thoại về sự sáng tạo của thần biểu Cutha, cho dù nó có hoàn hảo đi nữa. Tuy nhiên, những gì được bảo tồn trong đó sẽ bổ chứng cho chúng. Ấy là vì, trong thần biểu, "Đấng Chúa Tể của các Thiên Thần" đã tiêu diệt loài người trong vực sâu, sau khi họ bị tàn sát thì
66 cũng bị "mất xác luôn". Sau đó, chư Đại Thần Linh đã sáng tạo ra những người có thân thể của loài chim ở sa mạc, "bảy Thánh Vương cũng thuộc một Hoàng gia"… (điều này ám chỉ tính cơ động của các thể tinh anh nguyên thủy của con người, chúng có thể bay cũng như đi đứng ([4]), nhưng họ bị "tiêu diệt" vì họ không được "toàn bích", nghĩa là họ "vô giới tính, giống như các Thánh Vương Edom".

Nếu dẹp qua một bên các ẩn dụ, thì khoa học sẽ bảo sao đây về ý niệm sự sáng tạo nguyên thủy của các chủng loại này? Nó sẽ phản đối là các "Thiên Thần" và các Chơn Linh

---

[1] Các cuộc Tuần Hoàn.

[2] Chư Thiên và các Chơn Linh Hành Tinh, nhất là các Đấng Thiên Thần (Ribhu). Ba Đấng Thiên Tôn cũng biến thành ba lần bảy, theo số thiên tài (gift) của các Ngài.

[3] Các vùng Thái dương, Thái âm.

[4] Hãy nhớ tới các "giống người có cánh" của Plato và các lời tường thuật trong thánh thư Popol-Vul về giống người đầu tiên, họ có thể đi đứng, bay lượn và thấy mọi vật; dù ở xa đến đâu đi nữa.

không hề liên quan tới điều đó; nhưng nếu Thiên Nhiên và luật tiến hóa vật chất chính là các Đấng Sáng Tạo ra tất cả những gì hiện hữu trên Địa Cầu, thì tại sao lại không thể có "vực sâu như thế", khi Trái Đất bị bao phủ bởi vùng nước mà vô số quái vật được sản sinh ra trong đó? Phải chăng người ta phản đối việc có những "con người" và các con thú có đầu người và hai mặt? Nhưng nếu con người chỉ là một động vật cao cấp, và đã từ loài thú tiến hóa ra qua hằng hà sa số sự tiến hóa thì tạo sao "cái khoen khuyết tịch" ("missing links") lại không thể có đầu người gắn trên mình thú hoặc có hai đầu, có đầu thú và ngược lại, trong các nỗ lực sơ khởi của Thiên Nhiên? Người ta đã chẳng trình bày với chúng ta những con thằn lằn, có cánh chim, những con vật đầu rắn mình thú, trong các địa kỷ, trong các thời đại của loài bò sát và loài động vật hữu nhũ đấy ư? ([1]) Và luận chứng theo quan điểm khoa học, chẳng lẽ giống người hiện đại của chúng ta đôi khi chẳng sản xuất ra các kiểu mẫu quái vật (những đứa trẻ hai đầu. những loài đầu người mình thú, những em bé đầu chó v.v…) hay sao? Điều này chứng tỏ rằng nếu hiện nay, sau khi đã ổn định được trật tự của công cuộc tiến hóa trong hàng bao nhiêu thời đại, mà thiên nhiên vẫn còn sản xuất ra những quái thai như vậy, thì trong chương trình sơ bộ cũng có thể có những quái vật, giống như Berosus đã mô tả. Xưa kia, khả năng ấy có thể đã tồn tại như là một định luật, trước khi thiên nhiên sắp xếp các giống loại của mình và bắt đầu công tác thường xuyên của mình đối với chúng. Nay điều này được thực sự công nhận là một bằng chứng xác định do có sự kiện "Sự Hoàn nghịch" ("Reversion") theo lối diễn đạt của khoa học.

---

[1] Xem Các Con Quái Vật Thần Thoại, Charles Gould.

Đây chính là những gì mà Triết giáo đã dạy và chứng minh với nhiều bằng chứng khác nhau. Nhưng chúng ta đâu cần đợi đến lúc được thần học giáo điều hoặc khoa học duy vật tán thành, mà cứ tiến hành công việc với các ĐOẠN KINH thôi. Chúng ta cứ việc trình bày các đoạn kinh này, với sự thuyết minh của phần giảng lý và giải thích; còn khía cạnh khoa học của các vấn đề này thì sẽ được xét sau.

Như thế, chúng ta thấy rằng Thiên Nhiên đã thất bại nếu cứ để cho nó đơn phương tự động tạo nên loài vật và loài người. Nó có thể tạo nên hai giới đầu tiên và loài động vật hạ
67 đẳng, nhưng về việc sáng tạo nên con người, phải cần đến những quyền năng tâm linh, thông tuệ và cá biệt, ngoài những lớp "áo da" và "linh khí của cuộc sống động vật" ra. Các Chơn Thần con người của các cuộc Tuần Hoàn trước đây cần có một cái gì cao siêu hơn những chất liệu thuần vật chất để cấu tạo nên các phàm ngã của mình; nếu không, họ còn kém hơn bất kỳ con quái vật nào của "Frankenstein" ([1]).

---

[1] Trong quyển đầu của bộ sách vừa mới xuất bản là Nhân Chủng Nhập Môn (Introduction à l'Êtude des Races Humaines), ông Quatrefages có trình bày bằng chứng là từ sau Thời Kỳ Đệ Tam Kỷ (thậm chí trước cả thời đó) – vì trong thời đại đó, trên mặt Địa Cầu đã có rải rác nhiều Giống người – cơ thể của con người không hề thay đổi một chút nào. Và nếu trong hàng bao nhiêu thời đại, con người đã bị bao quanh bởi một hệ thực vật cứ thay đổi từ một thời kỳ (hoặc chu kỳ) này sang thời kỳ khác, nó chết đi rồi lại tái sinh dưới các dạng khác – đến nỗi mà hiện nay, trên Địa Cầu không còn tồn tại một con vật nào (dù lớn hay nhỏ) đã từng sinh hoạt với con người vào thời đó – nếu ngoài con người ra, mọi con vật đều đã tiến hóa, thì sự kiện này chẳng những chứng tỏ được rằng con người có nguồn gốc rất xa xưa, mà còn chứng minh rằng y thuộc về một *Giới riêng biệt* trong Thiên Nhiên. Tại sao chỉ có một mình y

7. HỌ BẤT MÃN. "CÂN NHỤC (OUR FLESH) CỦA CHÚNG TA CHƯA CÓ SẴN ([1]). KHÔNG CÓ CÁC HÌNH HÀI SẮC TƯỚNG THÍCH HỢP CHO CÁC HUYNH ĐỆ THUỘC GIỐNG DÂN THỨ NĂM CỦA CHÚNG TA. CHẲNG CÓ CHỖ TRÚ CHO CHÚNG SINH ([2]). HỌ PHẢI UỐNG NƯỚC TRONG CHỨ KHÔNG PHẢI NƯỚC ĐỤC (a). CHÚNG TA HÃY LÀM CHO CHÚNG KHÔ ĐI" ([3]).

(a) Giảng lý (Vấn Đáp Giáo lý) dạy:

---

lại không bị biến đổi như thế ? Theo De Quatrefages, ấy là vì trong cuộc đấu tranh với Thiên Nhiên và các hoàn cảnh và yếu tố địa chất vô thường, vũ khí mà con người sử dụng chính là "*mãnh lực tâm linh chứ không phải là sức mạnh thể chất*" như trong trường hợp các con thú. Nếu chỉ cấp cho con người lượng trí tuệ và lý trí mà các động vật hữu nhũ khác được phú cho, với thể chất như hiện nay, y sẽ tỏ ra là tạo vật cô thế nhất trên Địa Cầu. Và vì mọi chuyện đều có khuynh hướng chứng tỏ rằng *cơ thể con người với tất cả các đặc tính, đã tồn tại trên Địa Cầu vào những địa kỷ xa xăm khi chưa hề có một kiểu mẫu của các dạng động vật hữu nhũ hiện hữu nào,* nên chúng ta ắt phải kết luận ra sao đây ? Tại sao lại kết luận như sau: : Vì tất cả các giống người đều cùng thuộc một loại, nên suy ra rằng loài này phải là *loài xưa nhất* trong số tất cả các động vật hữu nhũ. Do đó, nó là loài ổn định nhất và đã phát triển trọn vẹn như hiện nay khi tất cả các động vật hữu nhũ hiện hữu chưa hề sắp sửa xuất hiện trên Địa Cầu. Đó là ý kiến của nhà Tự nhiên học đại tài người Pháp, xuyên qua ý kiến đó, ông đã giáng một đòn chí tử vào thuyết tiến hóa của Darwin.

[1] Họ bảo.

[2] Chơn Thần của các "mẫu triển lãm" (the"presentments") của loài người thuộc cuộc Tuần Hoàn thứ Ba, các hình hài khổng lồ giống khỉ.

[3] Nước.

Những vị tạo nên con người thể chất mỗi Chu kỳ Khai Nguyên mới, xuất phát từ những Thế giới vật chất. Đó là các Lha [Thần Linh] hạ đẳng, có một thể lưỡng phân gồm có một Cảm dục thể bên trong một Dĩ thái thể. Họ là những vị uốn nắn và tạo tác nên cái ẩn thể của con người…

Hai Linh Tự (1) [Chơn Thần cũng được gọi là "Con Rồng Lưỡng Phân"] giáng từ những cõi Kỳ vọng (2) để sáp nhập vào những hình thể do các Thủy Tổ (Pitris) phóng chiếu ra. Nhưng chúng giống như nóc nhà không có vách và cột để chống đỡ….

Con người cần có bốn Ngọn Lửa và ba Linh Hỏa để trở nên người trên Trái Đất, y cần có tinh hoa của bốn mươi chín Linh Hỏa (3) để được toàn bích. Chính những vị đã từ bỏ những cõi cao,
68 *những vị Thần của Ý Chí (4) đã hoàn tất Manu hão huyền. Ấy là vì*

---

1 Trong một hệ thống Nội môn Bí giáo, bảy "nguyên khí" nơi con người được tiêu biểu bởi bảy linh tự. Hai linh tự đầu tiên thiêng liêng *hơn* bốn chữ của Tứ Linh Tự (Tetragrammation).

2 Các cõi trung gian, trong đó những Chơn Thần nào không đạt tới cõi Niết Bàn, được xem như ngủ im trong trạng thái vô thức giữa những Chu kỳ Khai Nguyên.

3 Đã được giải thích ở đâu đó. Ba Linh Hỏa Pãvaka, Pavamãna và Shuchi, vốn có bốn mươi lăm Con. Cùng với Ba Linh Hỏa và Cha của chúng là Agni, tất cả cấu thành bốn mươi chín Linh Hỏa. Pavamãna (Lửa do ma sát) là tổ phụ của *Lửa của các A Tu La* (*the Fire of the Asuras*); Shuchi (Lửa Mặt Trời) là thủy tổ của *Lửa của chư Thiên*; còn Pãvaka (Lửa Điện) là Tổ Phụ của *Lửa của các Pitris. (Xem Vãyu Purãna*). Nhưng đây là một điều giải thích trên cõi trần. Các Ngọn Lửa thật là phù du và chỉ có tính cách định kỳ; các Linh Hỏa thật là vĩnh cửu trong tính cách tam vị nhất thể. Chúng tương ứng với *bốn* "nguyên khí" hạ và *ba* "nguyên khí" thượng nơi con người.

4 Các Đấng Thần Linh (Suras), sau này biến thành A Tu La (A-Suras).

"Con Rồng Lưỡng Phân" không hề bám lấy cái hình thể đơn thuần. Nó giống như ngọn gió hiu hiu thổi không có cây hoặc cành lá để nhận lấy và dung dưỡng nó. Nó không thể ảnh hưởng đến hình hài sắc tướng nào mà không có một tác nhân truyền đạt [Manas, "Thể Trí"] và hình thể không biết nó.

Trên các cảnh giới cao nhất, ba là một (1), trên Trần Thế [trước tiên] một thành hai. Chúng giống như hai cạnh của một tam giác đã mất cạnh đáy – đó là Linh Hỏa thứ ba (2).

Nay chúng ta phải giải thích điều này một chút trước khi tiếp tục. Nhất là để phục vụ cho các huynh đệ Ãryan-Ấn của chúng ta – các lối thuyết minh nội môn của họ có thể khác với các lối thuyết minh của chính chúng ta – chúng ta sẽ phải giải thích cho họ phần trên bằng một vài đoạn trong các tác phẩm ngoại môn của chính họ (tức là kinh Purãnas). Trong các ẩn dụ của kinh Purãnas, Brahmã (vốn là Thần Lực Sáng Tạo của Vũ Trụ, xét gộp lại) được mô tả như sau:

Vào lúc khởi đầu các Yugas [Chu kỳ]… vì muốn và có quyền năng sáng tạo, bị thúc đẩy bởi các mãnh lực của cái phải được sáng tạo, vào lúc bắt đầu một Thiên kiếp, Ngài lại phát khởi một cuộc sáng tạo tương tự (3).

Nay đề nghị độc giả hãy thử xét lối thuyết minh ngoại môn trong Vishnu Purãnas và thử xem nó có thể đồng ý hoặc

---

1 Linh giác, Tuệ giác và Trí Tuệ (Ãtmã, Buddhi, Manas). Ở cõi Cực lạc (Devachan), Tam vị nhất thể này cần đến Thượng Trí để tạo nên trạng thái tri giác và ý thức cho Chơn Thần đã thoát xác.

2 Vấn Đáp Giáo Lý, Quyển iii, Tiết 9.

3 Xem Vishnu Purãnas, bản dịch của Wilson, Quyển I, Chương V, Tiết thơ chót, bản dịch của Fitzedward Hall, trang 88. Xem thêm Mãnava- Dharma Shãstra; I, trang 80.

bất đồng ý kiến với lối thuyết minh Huyền bí học của chúng ta đến mức nào.

SỰ SÁNG TẠO RA CÁC ĐẤNG THIÊNG LIÊNG THEO CÁC TÁC PHẨM NGOẠI MÔN

Trong Vishnu Purãna (đó chắc là kinh Purãnas xưa nhất) cũng như trong các kinh điển khác, chúng ta thấy Brahmã (trên cương vị là Thần nam giới) đã khoác lấy *'bốn* Thể có *ba* tính chất' ([1]) để tiến hành công cuộc sáng tạo. Được biết:

Như thế, Di Lặc, Jyotsnã (bình minh), Rãtri (đêm), Ahan (ngày) và Sandhyã (hoàng hôn) là bốn thể của Brahmã ([2]).

69 Theo Parãshara, khi Brahmã muốn tái tạo thế giới và tạo nên các hậu duệ *nhờ vào ý chí của mình*, trong tình trạng tứ phân (tức là bốn Đẳng cấp Thực Thể, đó là chư Thiên (Thiền Định Đế Quân), chư Quỷ ([3]) (nghĩa là các Thiên Thần có tính cách vật chất hơn), các Thủy Tổ (Pitris) và loài người, "Ngài thu thập hết trí lực bình sinh lại" ([4]).

Kỳ lạ thay, Ngài lại bắt đầu sáng tạo ra CHƯ QUỶ trước, như vậy chúng đã được ưu tiên so với chư Thiên. Điều này

---

[1] Trong Nội môn Bí giáo, điều này có liên hệ trực tiếp với bảy "nguyên khí" của Brahmã biểu lộ, tức Vũ Trụ, với trình tự giống như con người. Xét về mặt ngoại môn, đó chỉ là bốn "nguyên khí".

[2] Bản dịch của Wilson, Quyển I, trang 81.

[3] Chư Quỷ (Demons) là một từ ngữ được dùng một cách thiếu chính xác, vì nó được áp dụng cho một số lớn các vị Thần hạ đẳng (nghĩa là có tính cách vật chất hơn) tức các tiểu Thần, họ được gọi như vậy vì họ "chiến đấu" chống lại các Thần Linh thượng đẳng; song họ đâu có phải là ma quỷ.

[4] Theo giảng lý, "thu thập hết trí lực bình sinh lại", Mano samãdhatte, là việc thực hành Yoga (Yuyuje), Vishnu Purãna, Wilson, Quyển I, Chương v, trang 80.

chẳng có gì là sai quấy, cũng chẳng có gì là mâu thuẫn, mà giống như các điều khác, lại có một ý nghĩa nội môn thâm thúy, hoàn toàn rõ rệt đối với kẻ nào không hề có các thành kiến của thần học Thiên Chúa giáo. Kẻ nào cứ nhớ rằng nguyên khí Toàn Linh Trí, Trí Tuệ Vũ Trụ (theo sát nghĩa là "Đại Trí") mà Nội môn Bí giáo giải thích như là "Toàn tri biểu lộ"- sản phẩm đầu tiên của Hồng mông nhất khí, Vật Chất Nguyên Thủy (theo Vishnu Purãna), nhưng lại là trạng thái Vũ Trụ đầu tiên của Thái Cực Thượng Đế, tức BẢN THỂ TỐI LINH Nội Môn (Esoteric SAT), Linh Hồn Vũ Trụ ([1]) theo Huyền bí học – vốn là nguồn cội của ngã thức (SELF-Consciousness), kẻ đó sẽ hiểu được lý do tại sao. Cái gọi là chư Quỷ - xét về mặt nội môn, đó là Nguyên khí vị kỷ và chủ động về mặt trí thức – chính là *cực dương của sự sáng tạo* (tạm gọi như vậy); vì thế, chúng mới được tạo ra trước tiên. Trên đây, chúng ta tóm lược tiến trình được tường thuật bằng ẩn dụ trong kinh Purãnas.

Sau khi đã tập trung hết trí lực bình sinh lại và Tính chất U minh đã thấm nhuần thể mà Brahmã khoác lấy, Ngài xạ chư A Tu La ra khỏi Đùi (Thigh) trước tiên; sau đó, bỏ thể này, họ biến thành Đêm ([2]).

Trong các đoạn trên có hai điều quan trọng:

---

[1] Cùng trật tự với các nguyên khí nơi con người: Linh giác (Tinh Thần), Tuệ giác (Linh Hồn), hiện thể của nó, cũng như Vật Chất là hiện thể của Tinh Thần, và Manas (Thể Trí), nguyên khí thứ ba tức là nguyên khí thứ năm xét về mặt Tiểu thiên địa. Manas là nguyên khí đầu tiên trên *cảnh giới phàm ngã.*

[2] Xem quyển 4, Phần 2, Tiết 4, bàn về huyền thoại các Thiên Thần Sa Đọa.

a.Thoạt tiên, trong kinh Rig Veda, các A Tu La được trình bày là các *Thực Thể tinh thần thiêng liêng*; từ nguyên của nó là *Asu*, linh khí, "Linh khí của Thượng Đế"; họ cũng có nghĩa là Chơn Linh Vô Thượng tức Ahura của Bái Hỏa giáo. Sau này, vì các mục đích thần học và giáo điều, người ta trình bày là họ xuất phát từ Đùi của Brahmã và danh xưng của họ bắt đầu có từ nguyên là *a* (không có) và *Sura* (Thần Linh) tức là "*phi Thần Linh" ("not-a-God"*) và họ biến thành các kẻ thù của chư Thiên.

b. Tất cả các thần phổ học cổ truyền – từ thần phổ học của dân Ãryan và Ai Cập xuống tới thần phổ học của Hesiod – theo trình tự tiến hóa vũ trụ khởi nguyên luận, đều trình bày Đêm trước Ngày; ngay cả Sáng Thế Ký cũng dạy: "bóng tối ở
70 trên mặt vực sâu" (I, 2) trước khi có "ngày đầu tiên" (I, 5). Ấy là vì vũ trụ khởi nguyên luận – ngoại trừ trong Giáo Lý Bí Nhiệm – đều bắt đầu bởi cái gọi là cuộc "Sáng Tạo Thứ yếu" (nghĩa là Vũ Trụ *Biểu Lộ).* Sự khởi thủy của vũ trụ biểu lộ phải bắt đầu bởi một sự phân biệt rõ rệt giữa Ánh Sáng vĩnh cửu của cuộc "Sáng tạo *Chủ yếu*" – bí nhiệm của nó bao giờ cũng phải "Tối đen" đối với trí năng và quan niệm hữu hạn xoi mói của kẻ phàm tục – và cuộc Tiến hóa Thứ yếu của Vũ trụ biểu lộ hữu hình. Bộ kinh Veda bao hàm toàn bộ triết học thuộc loại này, song chưa bao giờ được các nhà Đông phương học giải thích chính xác, vì họ *chưa bao giờ hiểu được nó.*

Khi tiếp tục sáng tạo, Brahmã khoác lấy một dạng khác, dạng Ngày và dùng Linh khí tạo ra chư Thiên, phú cho Tính Thiện (Thụ động) ([1]).

---

[1] Như thế, theo giảng lý, câu nói "*Chư Thiên tung hoành ngang dọc vào ban ngày, chư Quỷ tác oai tác quái vào ban đêm*" hoàn toàn có tính cách ẩn dụ.

Trong tình trạng kế tiếp của Ngài, Tính chất cực kỳ thụ động chiếm phần ưu thắng (đó cũng chính là tính thiện tiêu cực) và từ hông Ngài xạ ra các Pitris (các Thủy Tổ của loài người) vì theo kinh điển "[trong diễn trình đó], Brahmã xem mình là cha của thế giới" ([1]). Đó là Quyền năng hiệu động, một quyền năng *Yoga* đã được giải thích ở đâu đó. Khi bị vứt bỏ, hình thể này của Brahmã biến thành Sandhyã, Nhá Nhem Tối, thời gian giữa Ngày và Đêm.

Cuối cùng, Brahmã khoác lấy hình dạng sau chót có thấm nhuần Tính chất Xú Uế (the Quality of Foulness).

Và con người được tạo ra từ hình dạng này, nó bị thống ngự bởi tính xú uế (tức thị dục).

Khi bị vứt bỏ, hình thể này biến thành Bình minh, tức lúc Nhá Nhem sáng – lúc Tranh sáng tranh tối của Nhân loại. Ở đây, xét về mặt nội môn, Brahmã tiêu biểu cho các Thủy Tổ. Xét gộp lại, Ngài là Pitã, "Từ Phụ".

Nay chúng ta phải giải thích chân ý nghĩa nội môn của ẩn dụ này. Ở đây, cá nhân Brahmã tiêu biểu cho Tập thể các Đấng Sáng Tạo ra Thế giới và Loài người (Vũ Trụ với vô số tạo vật di động và – dường như là – bất động) ([2]). Ngài là tập hợp các Đấng Prajã- patis, Đấng Hiện Tồn; còn bốn thể của

---

[1] Việc *tự xem mình* như kiểu này hoặc kiểu khác, là nhân tố chính trong việc tạo ra mọi loại hiện tượng tâm linh, thậm chí cả hiện tượng vật chất nữa. Câu nói: "Kẻ nào dám bảo ngọn núi này sẽ bị Ngài dời đi và ném xuống biển, mà *không một chút nghi ngờ* … thì mọi việc sẽ diễn ra y như vậy" nên được dịch là Ý CHÍ. Đức tin mà không có ý chí chẳng khác nào cối xay gió mà không có gió, chẳng nên việc gì cả.

[2] Chúng ta cũng thấy ý tưởng đó trong chương đầu của Sáng Thế Ký, với "Đức Chúa Trời" và "Thượng Đế" là Elohim và Eloha bán thư bán hùng.

Ngài tiêu biểu cho bốn loại Quyền Năng Sáng Tạo (tức Thiền Định Đế Quân) đã được mô tả trong phần Giảng lý Quyển 1, ĐOẠN KINH 7, Tiết thơ 1. Toàn bộ triết thuyết và cái gọi là "Sự Sáng Tạo" ra điều thiện và điều ác trong Thế giới này và
71 toàn bộ Chu kỳ Khai Nguyên các kết quả của nó, đều tùy thuộc vào sự hiểu thấu đúng đắn bốn thể này của Brahmã.

Nay độc giả phải chuẩn bị thấu hiểu chân ý nghĩa nội môn của những điều sau đây. Vả lại, có một điều quan trọng cần được minh giải. Sau khi quyết định một cách độc đoán, thần học Thiên Chúa giáo đã nhất trí là Quỷ Vương (Satan) cùng với các Thiên thần Sa Đọa thuộc về cuộc sáng tạo xưa nhất. Quỷ Vương là vị Tổng Thiên Thần đẹp nhất, minh triết nhất và được tạo ra trước nhất; thế là chủ điểm đã được vạch ra. Từ nay trở đi, tất cả các Thánh kinh Ngoại đạo đều bị gán cho cùng một ý nghĩa và đều bị chứng tỏ là ma quỷ; người ta đã khẳng định rằng *chân lý và sự thật* thuộc về và chỉ bắt đầu với Thiên Chúa giáo. Ngay cả các nhà Đông phương học và các nhà thần thoại học (một số không hề theo Thiên Chúa giáo, mà chỉ là kẻ vô tín ngưỡng, tức các nhà khoa học) cũng bước vào lề lối thần học một cách vô thức chỉ vì liên tưởng và thói quen.

Các nhận xét thuần túy Bà La Môn giáo, dựa và tham vọng về quyền lực, đã khiến cho quần chúng vẫn còn mù tịt về các đại chân lý. Cũng chính những nguyên do ấy đã khiến cho các Điểm đạo đồ trong các tín đồ Thiên Chúa giáo buổi sơ khai vẫn phải im lặng, trong khi những kẻ chẳng biết gì về chân lý lại xuyên tạc đẳng cấp các sự vật, xét Đại Đoàn "Thiên Thần" theo dạng ngoại môn. Do đó, cũng như A Tu La đã biến thành các tiểu Thần nổi loạn chống lại các Thần Linh cao cả (theo các tín ngưỡng bình dân); trong thần học, Tổng Thiên Thần tối cao, thật là phúc thần (Agathodeamon),

Diệu Âm lương hảo niên trưởng nhất cũng biến thành "Đối thủ" (the "Adversary") tức *Quỷ Vương*. Nhưng điều này có được bảo đảm bởi lối thuyết minh đúng đắn bất cứ Thánh kinh cổ truyền nào hay không? Xin đáp: *chắc chắn là không*. Cũng như các Thánh kinh Bái Hỏa giáo (Zend Avesta, Vendĩdãd và các Thánh kinh khác) đã chỉnh đốn và vạch trần cái trò mập mờ khéo léo của các Thần Linh Ấn Độ, và nhờ vào Ahura, trả lại các A Tu La địa vị chính thống của mình trong thần phổ học; cũng vậy, các khám phá mới đây của các thần biểu Chaldea đã biện minh cho thanh danh của các Phân thân bản sơ của Thượng Đế. Muốn chứng tỏ điều này thì cũng dễ. Thiên thần học của Thiên Chúa giáo chỉ trực tiếp thoát thai từ thiên thần học (angelology) của người Pharisee, họ lại du nhập các giáo điều của mình từ Babylon. Người Sadducees (vốn thực sự bảo tồn được các Thánh luật của Moses) chẳng biết tới các Thiên Thần nào, thậm chí còn phản đối cả sự bất tử của Nhân Hồn (humal Soul) (chứ không phải là Tinh Thần Vô Ngã) nữa. Trong Thánh kinh, những Thiên Thần duy nhất được đề cập tới, là "Các Con của Thượng Đế" được bàn tới trong Sáng Thế Ký vi – nay bị xem là các Nephilim (Thiên Thần Sa Đọa) – và nhiều Thiên Thần nhân hình, 'Sứ giả' của Thượng Đế Do Thái giáo (hàng ngũ các Đấng này cần được phân tích tỉ mỉ hơn từ trước đến nay). Như chúng ta đã trình bày ở trên, người Akkad cổ sơ gọi Ea là Minh Triết; sau này, người Chaldea và Semite đã xuyên tạc nó thành ra Tiamat, Tisalat và Thalatth của Berosus, con Hải Long cái (the female Sea Dragon), nay là Quỷ Vương. Thật vậy, "Hỡi Ngôi Sao Mai sáng chói ! [con người đã] hạ bệ mi biết là chừng nào !"

72 Nay các tác phẩm bàn về sự "Sáng Tạo" của dân Babylon (chẳng hạn như những mảnh ngói của dân Assyria; chúng là

nền tảng của thiên thần học của người Pharisee) trình bày ra sao đây? Chúng ta hãy so sánh các *khám phá về Assyria* ([1]) và *Sáng Thế Ký theo dân Chaldea* ([2]) của ông George Smith. Sau đây là Bảng ghi lại câu chuyện về Bảy Hung Thần; chúng tôi in các đoạn quan trọng bằng chữ nghiêng:

1. *Thoạt đầu,* các Hung Thần,
2. *Các thiên thần nổi loạn, ngự ở các tầng trời thấp*
3. *đã được tạo ra,*
4. họ tha hồ làm những điều ác
5. mà các đầu óc hung ác đã nghĩ ra v.v..

Như thế, trên một mảnh vụn vẫn còn nguyên vẹn khiến chúng ta không thể nghi ngờ lối thuyết minh được, người ta đã trình bày rõ ràng hết mức là các "Thiên Thần Nổi Loạn" đã được tạo ra ở các "*tầng trời thấp*". Điều này có nghĩa là họ đã và ắt thuộc về một cảnh giới tiến hóa vật chất, mặc dù đó không phải là cảnh giới mà chúng ta nhận biết được nhờ vào các giác quan; nói chung, nó vẫn vô hình đối với chúng ta, và do đó bị xem là nội giới. Như thế, liệu các tín đồ phái Ngộ đạo có sai lầm chăng khi khẳng định rằng Thế giới hữu hình này (nhất là Trái Đất) đã được các Thiên Thần *hạ đẳng* (các Đấng Elohim hạ đẳng) sáng tạo ra – theo họ, Thần Linh của Do Thái là một trong các Thiên Thần đó? Xét về mặt thời gian, các tín đồ phái Ngộ Đạo còn gần gũi với các tài liệu lưu trữ cổ sơ của Giáo Lý Bí Nhiệm (và do đó, phải được phép biết tới những gì bao hàm trong đó) nhiều hơn các tín đồ Thiên Chúa giáo chưa được điểm đạo – họ đã tiếp nhận nó hàng trăm năm sau đó để rồi tự tiện *thêm thắt* vào những điều

[1] Trang 398.

[2] Trang 107

được trình bày. Nhưng chúng ta hãy thử xem Thần biểu ấy nói gì thêm nữa.

7. Có bảy hung thần [the wicked gods].

Rồi tới đoạn mô tả các hung thần này, vị thứ tư là một "con rắn", biểu tượng sùng bái sinh thực khí của Giống dân thứ Tư trong cuộc Tiến hóa nhân loại.

15. Bảy hung thần là sứ giả của Thần Anu, Đấng chưởng quản họ.

Anu là một trong Ba Ngôi của dân Chaldea và đồng nhất với Sin, "Nguyệt Tinh", về phương diện nào đó. Trong kinh Kabalah của cổ Do Thái, Nguyệt Tinh lại là chiếc bè (Argha) chứa mầm mống của mọi cuộc sống vật chất và (xét theo Do Thái Bí giáo) lại còn liên kết chặt chẽ hơn với Jehovah, Ngài cũng lưỡng tính giống như Anu. Trong Nội Môn Bí giáo, cả hai đều được tiêu biểu và xét theo một khía cạnh lưỡng phân; hùng tức là tinh thần, thư tức là vật chất, hay Tinh Thần và Vật Chất, hai nguyên khí đối lập. Vì thế, trong các dòng từ 28 đến 41, người ra đã trình bày là rốt cuộc, với sự trợ lực của
73 Bel (Mặt Trời) và Ishtar (Kim Tinh), chính Sin (Nguyệt Tinh) đã khuất phục được các "Sứ giả của Anu" (Anu chính là Sin). Điều này bị các nhà nghiên cứu về Assyria xem như là một điều mâu thuẫn, nhưng nó chỉ là siêu hình học trong Giáo lý Nội môn.

Có nhiều lối thuyết minh, vì có tới bảy chìa khóa để giải bí nhiệm về "Sự Sa Đọa". Vả lại, trong thần học có tới hai "Sự Sa Đọa": cuộc nổi loạn của các Tổng Thiên Thần và "Sự Sa Đọa" của họ, cùng với "Sự Sa Đọa" của Adam và Eve. Như thế, cả các Đại Đoàn thượng đẳng lẫn các Đại Đoàn hạ đẳng đều bị tố cáo về một tội ác giả định. Từ ngữ "giả định" ("supposed") thật là chính xác, vì trong cả hai trường hợp nó đều dựa vào

quan niệm sai lầm. Trong Huyền bí học, cả hai đều được xem như là nghiệp quả, và cả hai đều thuộc về luật Tiến Hóa (một đàng là về trí tuệ và tinh thần, một đàng là về vật chất và tâm linh). "Sự Sa Đọa" là một ẩn dụ vũ trụ. Ở một đầu của thang tiến hóa, nó trình bày "sự nổi loạn", nghĩa là tác động của tri thức phân biện, tức ý thức, trên nhiều cảnh giới khác nhau, ra sức kết hợp với Vật Chất. Ở đầu dưới thang tiến hóa, nó lại trình bày sự nổi loạn của Vật Chất chống lại Tinh Thần, tức là sự nổi loạn của tác động chống lại quán tính của tinh thần. Đây là mầm mống của một điều sai lầm đã có tác dụng tai hại biết bao đối với trình độ trí thức của các xã hội văn minh trong hơn 1 800 năm. Trong ẩn dụ nguyên thủy, chính Vật Chất – do đó là các Thiên Thần có tính cách vật chất hơn – bị xem như là kẻ chinh phục Tinh Thần, tức là các Tổng Thiên Thần bị đọa xuống cảnh giới này.

Các Đấng có *ngọn gươm rực lửa* [tức là các thú dục] đã đánh đuổi các Vong Linh Bóng Tối.

Thế mà, chính các Vong Linh Bóng Tối lại đấu tranh muốn thắng lướt được tinh thần thiêng liêng và hữu thức trên Trần Thế; chúng đã bị thất bại và đầu hàng trước thế lực của Vật Chất. Nhưng trong các giáo điều của thần học, chúng ta thấy ngược lại. Chính Michael, "Đấng cũng giống như là Thượng Đế", đại diện cho Jehovah, mới Lãnh đạo các Thiên Binh Thần Tướng (the Celestial Hosts)- cũng như Lucifer lãnh đạo các Âm Binh trong chuyện giả tưởng của Milton - mới chiến thắng được Quỷ Vương. Đúng là bản chất của Michael tùy thuộc vào bản chất của Đấng Sáng Tạo và Chủ nhân (Master) của Ngài. Muốn biết Đấng Sáng Tạo đó là ai, chúng ta chỉ cần nghiên cứu kỹ lưỡng ẩn dụ về "Trận Chiến Tranh Thiên Giới" với chìa khóa thiên văn học, Bentley đã chứng tỏ rằng "Cuộc chiến của những người Khổng lồ chống lại chư Thiên" trong các tác phẩm của Hesiod, cũng như là Cuộc

chiến của các A Tu La, tức Tãrakamaya, chống lại chư Thiên trong huyền thoại Purãnas, đều chẳng khác gì nhau, ngoại trừ các danh xưng. Giác cự của các ngôi sao –Bentley xem năm 945 trước T.C. là thời kỳ gần với sự giao hội này nhất – chứng tỏ rằng :

Mọi hành tinh, ngoại trừ Thổ Tinh, đều ở cùng bên của bầu trời với Mặt Trời và Mặt trăng.

Và vì thế mới có các đối thủ. Thế mà chính Thổ Tinh (Nguyệt Thần của Do Thái giáo) lại được cả Hesiod lẫn Moses (chẳng ai hiểu được hai vị này muốn nói gì) trình bày là đang thắng thế. Thế là, ý nghĩa thực sự của nó đã bị xuyên tạc.

74 8. CÁC NGỌN LỬA GIÁNG LÂM. CÁC LINH HỎA VỚI CÁC ĐIỂM LINH QUANG; LỬA ĐÊM VÀ LỬA NGÀY (a). CHÚNG LÀM CẠN KHÔ NƯỚC ĐỤC NGẦU. CHÚNG DÙNG NHIỆT ĐỂ LÀM TẮT. CÁC ĐẤNG LHA ([1]) THƯỢNG GIỚI VÀ CÁC LHAMAYIN ([2]) HẠ GIỚI GIÁNG LÂM (b). CHÚNG TIÊU DIỆT CÁC HÌNH HÀI SẮC TƯỚNG LƯỠNG DIỆN VÀ TỨ DIỆN. CHÚNG TẬP KÍCH NHỮNG NGƯỜI DÊ (THE GOAT-MEN), NGƯỜI ĐẦU CHÓ VÀ NGƯỜI MÌNH CÁ.

a) Các "Ngọn Lửa" là một Đại Đoàn Thần Linh tương đương (nếu không muốn nói là đồng nhất) với những Hỏa Thần Saraph (Seraphim) được đề cập tới trong kinh Isaiah ([3]). Theo thần phổ học Hebrew, đó là các Đấng chờ đợi trước "Thánh Tòa của Đấng Chí Tôn Đại Hùng Đại Lực". Melha là Đấng Chúa Tể của các "Ngọn Lửa". Theo một huyền thoại dân gian, khi Giáng thế, Ngài khoác lấy phàm ngã của một

---

1 Các Thần Linh

2 Các Tinh Linh

3 Chương vi, 2 - 6

Đức Phật. Ngài là một trong các vị thần xưa nhất và được tôn kính nhiều nhất, một vị Thánh Michael của Phật giáo.

b) ""Hạ giới" không có nghĩa là cảnh giới địa ngục, mà chỉ có nghĩa là một vị Thần hạ đẳng, vì ở gần Trần Thế hay chỉ ở cao hơn Cõi Trần có một bậc. Còn những vị Lha là Thần Linh ở các cõi cao tột (do đó mới có danh xưng Lhassa, thủ đô của Tây Tạng).

Ngoài lời diễn giải có tính cách thuần vật chất và thuộc về sự tiến hóa trên Địa Cầu, câu kinh này còn có một hay nhiều ý nghĩa bóng bẩy ẩn dụ khác. Các "NGỌN LỬA" hay "Linh Hỏa" tiêu biểu cho Tinh Thần hay nguyên tố dương, còn "Thủy" tiêu biểu cho Vật Chất hay nguyên tố âm. Ở đây, ngoài ý nghĩa là một sự kiện khoa học trong vũ trụ ra, câu nói về tác động của Tinh Thần tiêu diệt hình thể thuần vật chất, ám chỉ cuộc xung đột trường kỳ giữa Tinh Thần và Vật Chất trên các cảnh giới hồng trần và tâm linh. Ấy là vì câu kế có nói :

9. THỦY MẪU (MOTHER-WATER), TỨC ĐẠI HẢI (THE GREAT SEA) KHÓC SƯỚT MƯỚT. NÀNG NGOI LÊN, NÀNG BIẾN MẤT TRONG MẶT TRĂNG, NÓ ĐÃ KÉO NÀNG LÊN, ĐÃ KHAI SINH RA NÀNG.

Câu này có ý nghĩa là gì? Phải chăng nó muốn nói đến tác động của thủy triều trong giai đoạn đầu của lịch sử trái đất trong cuộc Tuần Hoàn thứ Tư. Gần đây, các nhà khảo cứu hiện đại đã bận suy lý về các đợt thủy triều dâng thuộc Cổ sinh thế đại. Theo lý thuyết của ông G. H. Darwin, Mặt Trăng đã xuất phát từ khối vật chất mềm dẻo của Trái Đất vào khoảng 52 000 000 năm về trước và có lẽ còn nhiều hơn nữa. Xuất phát từ mức khảo cứu dở dang của Helmholtz, Ferrel, William Thomson và nhiều người khác, ông đã truy nguyên

tiến trình chậm trễ thủy triều của chuyển động quay của Trái Đất tới tận thời kỳ xa xưa nhất, và định vị Mặt Trăng vào lúc
75 hành tinh chúng ta còn non trẻ ở khoảng cách "chỉ bằng một phần của khoảng cách hiện nay". Tóm lại, theo thuyết của ông, chính Mặt Trăng đã tách ra khỏi Trái Đất. Sự dâng cao do thủy triều xảy ra đồng thời với sự dao động của khối vật chất địa cầu – bấy giờ, khuynh hướng ly tâm gần như cân bằng với trọng lực - nên đã thắng được trọng lực và khối vật chất do thủy triều hút cao lên đã có thể hoàn toàn tách rời khỏi Trái Đất.([1])

Nhưng giáo lý Huyền bí dạy ngược lại. Mặt Trăng già hơn Trái Đất rất nhiều (điều này đã được giải thích trong Quyển 1), chính Trái Đất do Mặt Trăng sinh ra, cho dù các khoa thiên văn và địa chất học có giải thích sự kiện này như thế nào đi chăng nữa. Do đó, mới có thủy triều và hấp lực của Mặt Trăng, làm cho mực nước biển của đại dương luôn luôn cao dường như muốn lên tới Mặt Trăng. Đó chính là ý nghĩa của câu kinh: "Thủy Mẫu ngoi lên, nàng biến mất trong Mặt trăng; nó đã kéo nàng lên, đã khai sinh ra nàng".

10. KHI CHÚNG ([2]) BỊ TIÊU DIỆT, ĐỊA MẪU VẪN TRẦN TRỤI ([3]). NÀNG ĐÒI MÌNH PHẢI ĐƯỢC KHÔ KHAN ([4]).

---

[1] Nhưng hãy xem những khó khăn được gợi ra sau này trong các tác phẩm của nhiều nhà địa chất học khác nhau, để chống lại thuyết này. So sánh với các bài của Sir R.S. Ball đăng trong Thiên Nhiên, xxv, 79-82, 103-107, ngày 24-11 và 1- 12 năm 1881.

[2] Các Hình hài sắc tướng.

[3] Theo Berosus, Nữ Thần khai sinh ra các con quái vật nguyên thủy này là Thalatth, tiếng Hy Lạp là Thalassa, "Biển".

[4] Để so sánh, hãy xem bài tường thuật về sự sáng tạo của Berosus mà Alexander Polyhistor còn bảo tồn được, với các thực thể gớm

Đã đến lúc vỏ Trái Đất cứng lại. Nước đã tách ra và tiến trình bắt đầu. Một cuộc sống mới bắt đầu. Đây là điều mà một chìa khóa sẽ tiết lộ cho chúng ta biết. Một chìa khóa khác dạy về nguồn gốc của Thủy, việc nó trộn lẫn với Hỏa – được gọi là "Lưu Hỏa" ("Liquid Fire") và bắt đầu mô tả về mặt Luyện kim đan, sản phẩm của hai thứ trên: đó là hai chất đặc như là khoáng chất (minerals) và đất đá (earths). Từ "Không Gian Thủy"("Waters of Space"), sản phẩm của Lửa Tinh Thần dương và (hơi) Nước âm đã biến thành Đại Dương bao la trên Địa Cầu. Thần Varuna bị kéo từ Không Gian vô cực xuống để ngự trị như là thần Neptune trên Biển Cả hữu hạn. Như thường lệ, chúng ta thấy chuyện giả tưởng của dân gian lại dựa vào một nền tảng rất phù hợp với khoa học.

Nước là biểu tượng của Yếu tố Âm ở khắp nơi; Mẹ (Mater), chữ M thoát thai từ đó bắt nguồn từ ^^^, xét về mặt minh họa, vốn là một chữ tượng hình của nước. Đó là Khuôn viên Vũ Trụ (Universal Matrix) tức "Thái Uyên"("Great Deep"). Venus, Đức Mẹ Đồng Trinh cao cả, xuất phát từ sóng biển, còn Cupid tức Eros là con trai nàng. Nhưng trong kho tàng thần thoại sau này, Venus lại là biến thể của Gaea, Gaia,
76 Địa Cầu. Trong trạng thái cao, Gaia lại là Tiên Thiên Huyền Nữ, thậm chí là cả Hỗn Nguyên khí (Mũlaprakriti), Nguồn gốc của Prakriti, thực tượng của nó nữa.

Vì thế, Cupid tức Tình Yêu theo nghĩa nguyên thủy, là Eros, Thiên Chí (the Divine Will), tức *Ý muốn biểu lộ xuyên qua sự Sáng Tạo hữu hình.* Vì thế, Vô Cực điện, nguyên kiểu của

---

ghiếc sinh ra từ nguyên khí lưỡng phân –Thổ và Thủy- trong vực sâu Sáng tạo Nguyên thủy: Narãs (Nhân Mã, kẻ có tay chân ngựa mình người) và Kinnara (người đầu ngựa) do Brahmã tạo ra vào lúc khởi đầu Thiên kiếp (Kalpa).

Eros, mới biến thành Đại Quyền năng "Sinh điện" tức Thần Linh "ban cấp sự sống" (Spirit of "Life-giving") trên Trần Thế. Chúng ta nên nhớ kỹ thần phổ học Hy Lạp và quán triệt được tinh thần của triết lý này. Người Hy Lạp dạy chúng ta rằng vạn hữu (kể cả các Thần Linh) đều thoát thai từ Thần Đại Dương và phu nhân là Tethys (Tethys chính là Gaea, Địa Cầu tức Thiên Nhiên). Nhưng *Thần Đại Dương* là ai? Thần Đại Dương là Không gian vô biên – Tinh Thần trong trạng thái Hỗn mang – tức Đấng Thánh Linh; và Tethys chẳng phải là Địa Cầu, mà là vật Chất Nguyên Thủy đang được tạo ra. Trong trường hợp này, Tiên Thiên Huyền Nữ Gaea không còn khai sinh ra Ouranos tức Varuna (Đấng Ãditya chính yếu trong số bảy Hành Tinh Thần Quân) nữa, mà chính Vật Chất (Prakriti) đã thể hiện và định vị, mới thực hiện điều này. Chỉ trong khía cạnh vũ trụ không thôi, Mặt Trăng vốn có tính cách dương trong thần phổ học, mới là nguyên khí sinh hóa âm, cũng như Mặt Trời là biểu hiện dương của nguyên khí đó. Thủy là sản phẩm của Nguyệt Tinh, một thần linh bán thư bán hùng đối với mọi quốc gia.

Sự tiến hóa diễn ra theo luật tương tự trong Càn Khôn cũng như trong sự tạo thành Bầu hành tinh nhỏ nhất. Như thế, đoạn trên vốn áp dụng cho *cách thức tác động* vào lúc Vũ trụ xuất hiện, cũng được áp dụng vào trường hợp sự tạo thành Trái Đất của chúng ta.

ĐOẠN KINH mà chúng ta đang bình giảng, mở đầu bằng cách đề cập tới 300 000 000 năm. Chúng ta có thể hỏi: Làm thế nào mà cổ nhân biết được kỳ gian của các địa kỷ, khi không một nhà khoa học hoặc nhà toán học hiện đại nào có thể tính toán được kỳ gian của chúng một cách gần đúng như vậy? Cho dù người Bà La Môn thời xưa có các phương tiện tốt hơn hay không đi chăng nữa – người ta quả quyết là họ có các

phương tiện đó, bằng chứng là họ có các Hoàng Đạo của mình – nay chúng ta sẽ trình bày niên đại ký của họ một cách trung thực hết mức.

NIÊN ĐẠI KÝ CỦA NGƯỜI BÀ LA MÔN

Trong khoa học, không có vấn đề nào cực kỳ nan giải bằng câu hỏi sau đây: Mặt Trời và Mặt Trăng, Trái Đất và Con Người đã được bao nhiêu tuổi (cho dù chỉ là gần đúng)? Khoa học hiện đại có biết gì chăng về kỳ gian của Thời đại Thế giới, hoặc thậm chí của các địa kỷ nữa? Tuyệt nhiên không.

Nếu chúng ta quay sang khoa học để tìm hiểu về niên đại ký, chúng ta sẽ được những người thẳng thắn và thành thực (chẳng hạn như ông Pengelly, nhà địa chất học lỗi lạc) cho biết là "Chúng tôi không biết" ([1]). Chúng ta sẽ được biết rằng cho đến nay, người ta không thể đưa ra một ước tính đáng tin
77 cậy nào về tuổi tác của Thế giới và Con người, cả địa chất học lẫn nhân loại học đều đang bối rối. Thế nhưng, khi một môn sinh Nội môn Bí giáo, dám liều lĩnh trình bày Giáo lý Huyền bí, y sẽ bị gạt phắt đi ngay. Tại sao lại có thể như thế được, trong khi mà (nếu chỉ hạn chế trong các phương pháp vật chất của mình), các nhà khoa học đại tài nhất đều không thể đạt được một sự thỏa thuận với nhau cho dù chỉ gần đúng?

Thật ra, chúng ta cũng khó lòng có thể trách cứ khoa học về điều đó. Thật vậy, trong bóng tối mịt mù của thời tiền sử, các nhà thám hiểm đều quờ quạng trong một mê lộ, mà các hành lang lớn đều không có lối thoát giúp chúng ta nhìn thấu vào thời quá khứ xa xưa. Cứ quờ quạng trong mớ bòng bong

[1] Về một sự thừa nhận tương tự, xem *Triết Lý* của Giáo sư Lefèvre, trang 481.

những điều suy lý đầy mâu thuẫn với nhau, cứ luôn luôn bác bỏ chứng cứ của truyền thuyết Đông phương mà lại không được một manh mối hoặc cột mốc nào dẫn dắt, các nhà địa chất học và nhân loại học còn biết làm sao bây giờ, ngoài việc vớ lấy sợi chỉ mỏng manh của Ariadne ([1]), khi thoạt thấy nó rồi thì theo liều xem được đến đâu? Do đó, trước hết chúng ta được biết rằng hiện nay khoa nhân loại học thường xem nhật kỳ xa xưa nhất mà tài liệu còn ghi lại được chẳng qua chỉ là "thời điểm nổi bật xa xưa nhất của thời tiền sử"- theo lời của người viết bài đăng trong Bách Khoa Từ Điển Britannica. Đồng thời, người ta còn thú nhận rằng "ngược dòng thời gian

---

[1] Theo thần thoại Hy Lạp, Ariadne là con gái của Minos, vua xứ Crete và Pasiphae, con gái của Helios, Thần Mặt Trời, Anh hùng Theseus là một trong mười bốn nạn nhân được gửi đến Crete do người dân Athens theo lệ hàng năm phải cúng nạp cho Minotaur, một quái vật mình người đầu bò bị nhốt trong đường hầm của một mê cung. Khi nhìn thấy Theseus, Ariadne đã phải lòng chàng trai và nguyện sẽ giúp chàng nếu chàng chấp nhận đem nàng về Athens và cưới làm vợ. Nàng bèn trao cho vị anh hùng một Cuồn chỉ lấy từ Daedalus, nhà thiết kế ra Mê cung.

Nhờ buộc chắc một đầu chỉ vào cánh cửa, Theseus vừa đi vừa tháo chỉ ra, tìm giết được Minotaur. Sau đó, chàng thoát ra khỏi mê cung bằng cách quấn chỉ lại.

Theseus cùng đoàn tùy tùng đem Ariadne vượt biển hướng về Anthens. Dọc đường, họ dừng lại trên đảo Naxos. Theo một truyền thuyết, Theseus bỏ Ariadne ngủ lại nơi hoang đảo và ra khơi một mình. Thần Dionysus tìm thấy và cưới nàng làm vợ. Theo một truyền thuyết khác, Theseus để Ariadne trên bãi biển chờ hết say sóng trong khi trở ra thuyền làm một số công việc. Một cơn gió mạnh đã thổi chàng ra khơi. Khi trở vào bờ, chàng thấy Ariadne đã an giấc ngàn thu. (ND)

vượt quá thời kỳ này, còn có biết bao nhiêu là thời đại tiền sử".

Chúng ta sẽ bắt đầu với các "thời đại" chuyên biệt này. Chúng chỉ là "tiền sử" đối với mắt phàm mà thôi. Đối với linh nhãn của nhà Thần nhãn (Seer) và nhà Tiên Tri trên khắp hoàn cầu, sợi chỉ Ariadne trải dài qua "thời kỳ hữu sử" một cách liên tục, đưa chúng ta về tận thời kỳ xa xưa một cách thật là bảo đảm và đều đặn. Kẻ theo vết nó cũng chưa đến nỗi mỏi mệt để rồi bỏ cuộc giữa đường. Các tài liệu lưu trữ vẫn tồn tại, cho dù chúng có thể bị kẻ phàm tục bác bỏ. Tuy nhiên, thật ra nhiều tài liệu đã được các triết gia và các học giả mặc nhiên chấp nhận, và chỉ bị tập đoàn khoa học *chính thống* khăng khăng chối bỏ. Và vì khoa học chính thống không chịu trình bày một ý niệm nào (cho dù chỉ là gần đúng) về kỳ gian của các địa kỷ – ngoại trừ một vài giả thuyết mâu thuẫn và trái ngược nhau – nên chúng ta hãy thử xem triết học Ãryan có thể dạy chúng ta được điều gì không.

Như đã nói, các phép tính toán được trình bày trong kinh Manu và Purãnas – ngoại trừ những chuyện nói quá lố, lặt vặt và *cố ý* một cách rõ ràng nhất – đều hầu như là đồng nhất với những phép tính toán được giảng dạy trong Nội môn Bí giáo. Chúng ta có thể thấy rõ điều này bằng cách so sánh hai phép tính toán ấy trong bất kỳ niên lịch nào của Ấn Độ đã được công nhận là chính thống.

Hiện nay, theo lời xác nhận của các học giả Bà La Môn ở Nam Ấn, niên lịch hay nhất và hoàn chỉnh nhất chính là niên lịch Tamil *Tirukkanda Panchanga* ([1]) đã được đề cập đến. Theo chỗ chúng tôi biết, nó đã được soạn thảo từ và hoàn toàn theo
78 các dữ kiện rời rạc bí nhiệm của Asuramaya, người ta bảo là

[1] Xem trang 62.

nhà thiên văn học đại tài nhất; thiên hạ còn xầm xì rằng ông cũng là "Pháp sư" ("Sorcerer") có thế lực nhất ở *Bạch Đảo* (nó đã bị tội lỗi biến thành HẮC ÁM) tức là các hòn đảo của Châu Atlantis.

"Bạch Đảo" ("White Island") là một danh xưng biểu tượng. Trong truyền thuyết Jnãna-bhãskara, người ta bảo Asuramaya đã sống ở Romaka-pura ở Tây phương, vì danh xưng này ám chỉ xứ sở và cái nôi của giống người "Hãn sinh" thuộc Giống dân thứ Ba. Vùng đất, tức lục địa này đã biến mất hàng thời đại trước khi Asuramaya ra đời, vì y là người Atlantis; nhưng y là hậu duệ trực tiếp của Giống người Minh triết (Wise Race), *Giống người bất tử.* Có nhiều huyền thoại liên quan tới vị anh hùng này, đệ tử của Sũrya, Nhật Thần, theo các tác phẩm Ấn Độ. Việc y sống trên đảo này hay đảo kia thì chẳng quan trọng, nhưng vấn đề đặt ra là chúng ta phải chứng tỏ rằng y không phải là nhân vật thần thoại (Giáo sư Weber và những kẻ khác đã biến y thành ra như vậy). Sự kiện Romaka-pura ở phương tây được xem như là sinh quán của vị anh hùng thời Cổ đại này, lại càng thú vị hơn và nó gợi cho chúng ta nhớ tới Giáo lý Nội môn bàn về các Giống người Hãn sinh, những người sinh ra từ các "lỗ chân lông của cha mẹ". Trong tiếng Bắc Phạn, "ROMA-KŨPAS" có nghĩa là các "lỗ chân lông". Trong Mahãbhãrata ([1]), người ta bảo rằng một dân tộc tên là Raumas đã được tạo ra từ các lỗ chân lông của Vĩrabhadra, người khổng lồ khủng khiếp đã làm tiêu ma hết đồ tế lễ của Daksha. Các bộ lạc và dân tộc khác cũng được trình bày là sinh ra theo lối này. Tất cả các điều này đều nói về những người cuối Căn chủng thứ Hai và đầu Căn chủng thứ Ba.

[1] Parva xii, Adhyãya 10, Câu kinh 308

Các số liệu sau đây được trích ra từ niên lịch vừa nêu; một chú thích cuối trang sẽ ghi nhận các điểm bất đồng với các số liệu của trường phái Ãrya Samãj:

I. Từ lúc khởi đầu cuộc Tiến Hóa Vũ Trụ ([1]) cho tới năm Tarana của Ấn Độ (năm 1887) ……. 1 955 884 687 năm.

II. Để tiến hóa, các giới khoáng vật, thực vật và động vật (tinh anh) mãi cho tới
Con người đã phải mất ……..... 300 000 000 năm. ([2])

---

[1] Nội môn Bí giáo cho rằng "Cuộc Tiến Hóa Vũ Trụ" này chỉ nhằm nói về Thái Dương Hệ của chúng ta thôi. Trong khi đó, nếu chúng tôi không lầm, Ấn Độ giáo ngoại môn lại cho rằng các số liệu này nhằm nói tới toàn bộ Hệ thống Vũ Trụ.

[2] Đây lại là một điểm bất đồng khác. Huyền bí học cho rằng các nguyên kiểu tinh anh của các giới khoáng vật, thực vật và động vật mãi cho tới con người phải mất 300 triệu năm để tiến hóa, tái tạo từ các vật liệu phế thải của cuộc Tuần Hoàn trước, mặc dù rất trọng trược trong chu kỳ của chính mình, các vật liệu này lại tương đối tinh anh khi so sánh với mức độ duy vật của cuộc Tuần Hoàn trung gian hiện nay. Khi 300 triệu năm này đã trôi qua, trên vòng cung giáng hạ tiến sâu vào vật chất, Thiên Nhiên đã bắt đầu công tác tiến xuống với con người, làm đông cứng hoặc vật chất hóa các hình hài sắc tướng trong khi tiến hóa. Như thế, các vật hóa thạch được tìm thấy trong các địa tầng (chúng ta phải xem như chúng có nguồn gốc xa xưa tới hàng trăm triệu năm, chớ không phải là 18 triệu năm) đều thực sự thuộc về các hình hài sắc tướng của cuộc Tuần Hoàn trước (khi còn sinh thời, chúng tinh anh hơn *vật chất hồng trần mà chúng ta biết hiện nay).* Việc chúng ta tri giác và khai quật được chúng là do tiến trình thể hiện hoặc kết tinh mà chúng ta đã đề cập tới, nó đã diễn ra sau đó vào lúc bắt đầu cuộc Tuần Hoàn thứ Tư và đạt tột đỉnh sau khi con người xuất hiện, diễn ra song song với cuộc tiến hóa vật chất của Địa Cầu biến thiên tỷ lệ với mức độ vật chất của cư dân. Và như thế, dựa vào các vật hóa thạch

79 III. Thời gian từ lúc "Nhân Loại" (trên dãy Hành Tinh của chúng ta) bắt đầu xuất hiện ….. 1 664 500 987 năm. ([1])

IV. Số năm đã trôi qua từ khi có Chu kỳ Khai Nguyên Vaivasvata ([2]) tức thời kỳ nhân loại,

---

hữu hình, con người có thể thấy được những gì đã từng là các hình thể tinh anh (đối với các giác quan hiện nay của y) của các giới hạ đẳng. Các số liệu Bà La Môn nêu trên nói về cuộc tiến hóa bắt đầu trên Bầu A và trong cuộc Tuần Hoàn thứ Nhất. Trong Quyển này, chúng ta chỉ nói về cuộc Tuần Hoàn thứ Tư hiện nay.

[1] Tác giả không thể đảm nhiệm việc giải thích sự dị biệt này và thay đổi của các chữ số trong 9 con số cuối cùng. Theo mọi phép tính toán, một khi đã trừ đi 300 triệu, các con số phải là 1 655 884 687. Nhưng chúng tôi được trình bày theo niên lịch Tamil nêu trên (sau khi đã được dịch ra). Trường phái của học giả Dayãnand Sarasvatĩ (kẻ sáng lập ra trường phái Ãrya Samãj) trình bày một Phật kỳ 1 960 852 987 năm. Xem Tạp chí Ãrya, Lahore, ở bìa của nó có dòng chữ: "Kỷ nguyên Ãryan 1 960 852 987".

[2] Trong ẩn dụ, Hóa thân Matsya (Người Cá), Bàn Cổ Vaivasvata là Người duy nhất – một vài lối thuyết minh còn kèm thêm bảy Thánh Hiền với Ngài – đã được cứu thoát khỏi trận Đại hồng thủy trong một chiếc thuyền, giống như Noah trong Chiếc Bè. Do đó, Chu kỳ Khai Nguyên Vaivasvata này ắt phải là thời kỳ "sau trận Đại hồng thủy". Tuy nhiên, điều này không ám chỉ trận Đại hồng thủy sau này của Châu Atlantis, tức trận Đại hồng thủy Noah, cũng như trận *Đại hồng thủy Vũ Trụ* (tức *Chu kỳ Khai Nguyên*) trước cuộc Tuần Hoàn hiện nay, mà lại ám chỉ sự xuất hiện của nhân loại trong cuộc Tuần Hoàn này. Tuy nhiên, các Chu kỳ Hỗn Nguyên *Naimittika* (Ngẫu nhiên), *Prãkritika* (Ngũ hành), *Atyantika* (Tuyệt đối) và *Nitya* (Trường kỳ) được mô tả như là "việc Brahmã tái hợp Vũ Trụ lại một cách tình cờ vào cuối NGÀY của Brahmã (Phạm Thiên)". Một học giả Minh Triết Thiêng Liêng người Bà La Môn đã đặt câu hỏi: "Liệu có một điều như là Chu kỳ Hỗn Nguyên *Vũ Trụ*

cho tới năm 1887, vừa đúng …… 18 618 728 năm.

V. Toàn bộ thời kỳ của một Chu kỳ Khai Nguyên là …… 308 448 000 năm.

VI. Mười bốn Chu kỳ Khai Nguyên, *cộng* với thời kỳ một Chu kỳ Chánh Pháp (Satya Yuga) làm thành một Ngày của Brahmã, tức một Chu kỳ Khai Nguyên hoàn toàn, tức ……. 4 320 000 000 năm.

Do đó, một Đại Chu kỳ (Mahã Yuga) gồm có… 4 320 000 năm([1])

Từ lúc bắt đầu Chu kỳ Mạt Pháp (Kali Yuga) tới năm 1887 gồm có ……. 4 989 năm

Để làm cho điều này có các tiểu tiết rõ rệt hơn nữa, Rao Bahadur P. Sreenivas Row đã trình bày các phép tính toán sau đây trong Tạp Chí Theosophist, số tháng 11 năm 1885.

	NĂM THẾ NHÂN
360 ngày của thế nhân hợp thành một năm	1

---

không, vì nếu có, Thượng Đế (Krishna) phải được tái sinh, thế mà Ngài lại Aja (vô sinh)". Chúng tôi không thể thấy lý do tại sao. Người ta chỉ nói Thượng Đế sinh ra một cách ẩn dụ thôi, vì Mặt trời sinh ra hằng ngày, hoặc đúng hơn một chùm tia sáng Mặt Trời này sinh ra vào buổi sáng. Người ta bảo nó chết khi nó biến mất, trong khi nó chỉ được tái hấp thu vào trong bản thể của tổ phụ. *Chu kỳ Hỗn Nguyên* Vũ Trụ chỉ dành riêng cho các sự vật hữu hình, chứ không phải là dành cho Vô sắc giới (Arũpa). Chu kỳ Hỗn Nguyên Vũ Trụ chỉ diễn ra vào lúc kết liễu một trăm Năm của Brahmã, khi sự Giải thể Vũ Trụ diễn ra. Theo các Thánh kinh ngoại môn; bấy giờ, *Avyaya* (cuộc Sống Vĩnh Cửu được Tiêu biểu bởi Vishnu) mới có tính cách của Rudra (*Ngôi Hủy Diệt*), nhập vào *Bảy* Tia Sáng của Mặt Trời và hút cạn hết nước trong Vũ Trụ. "Khi được nuôi dưỡng như vậy, bảy Tia Sáng Mặt Trời phát triển thành *bảy mặt trời* và thiêu rụi toàn thể Càn Khôn".

[1] Bởi vì một Đại Chu kỳ là một phần ngàn của một Ngày của Brahmã.

Krita Yuga (Chu kỳ Chánh Pháp) gồm có 1 728 000
Tretã Yuga gồm có 1 296 000
Dvãpara Yuga gồm có 864 000
Kali Yuga (Chu kỳ Mạt Pháp) gồm có 432 000
Tổng cộng bốn Chu kỳ nêu trên hợp thành một
Đại Chu kỳ (Mahã Yuga) 4 320 000
Bảy mươi mốt Đại Chu kỳ như vậy tạo thành thời kỳ trị vì
của một vị Bàn Cổ 306 720 000
Thời gian trị vì của mười bốn vị Bàn Cổ bao
hàm kỳ gian của 994 Đại Chu kỳ tức là bằng 4 294 080 000
Cộng thêm các Sandhis, tức là các thời khoảng
xen giữa thời gian trị vì của mỗi vị Bàn Cổ, nó dài
bằng sáu Đại Chu kỳ, tức là bằng 25 920 000
80 Tổng số thời kỳ trị vì và thời khoảng xen vào
giữa các thời kỳ trị vì của mười bốn vị Bàn Cổ,
dài bằng 1 000 Đại Chu kỳ, chúng hợp thành một Thiên
Kiếp tức là một Ngày của Brahmã 4 320 000 000
Vì Đêm của Brahmã cũng dài bằng như vậy, nên một
Ngày và Đêm của Brahmã sẽ gồm có 8 640 000 000
360 ngày và đêm như vậy hợp thành một
Năm của Brahmã, tức là bằng …… 3 110 400 000 000
100 Năm như thế hợp thành toàn bộ thời kỳ
một Đời của Brahmã, tức là Đại Thiên
Kiếp (Mahã Kalpa) …… 311 040 000 000 000

Đó là các số liệu ngoại môn được chấp nhận khắp Ấn Độ, chúng gần như ăn khớp hoàn toàn với các số liệu của các Tác phẩm Bí nhiệm. Vả lại, các số liệu của các Tác phẩm Bí nhiệm còn khuếch trương chúng bằng cách chia ra thành một số Chu kỳ Nội môn, chưa bao giờ được đề cập tới trong các tác phẩm bình dân Bà La Môn (chẳng hạn như là việc chia các chu kỳ thành ra các Chu Kỳ Chủng Tộc, được trình bày ở đâu đó). Các chi tiết của phần còn lại dĩ nhiên là chưa bao giờ

được công bố. Tuy nhiên, mọi tín đồ Bà La Môn đã được "Cải tử hoàn sinh" ("Twice-born") (Dvija, tức là đã được Điểm đạo) đều biết tới chúng; kinh Purãnas cũng có đề cập tới một vài điều này bằng lối ẩn dụ, mà không một nhà Đông phương học thực tế đã từng nỗ lực nhận ra và y cũng không có thể nhận ra được.

Các Chu kỳ Thiên Văn này có nguồn gốc thật là xa xưa; như chúng ta đã nói, hầu hết đều thuộc về phép tính toán của Nãrada và Asuramaya. Asuramaya đã lừng danh là một người Khổng Lồ và một Pháp sư. Nhưng đâu phải người Khổng Lồ trước Đại hồng thủy nào (các Gibborim trong Thánh kinh) cũng đều tà vạy và là các Phù Thủy theo như thần học Thiên Chúa giáo (nó xem Huyền bí học nào cũng là tay sai của phe Tà Đạo) đã diễn tả; họ cũng chẳng hề tồi bại hơn nhiều "đứa con trung kiên của Giáo hội". Nhân danh Sư phụ, một kẻ như Torquemada và Catherine de Médicis chắc chắn còn làm hại vào lúc đương thời nhiều hơn bất kỳ người Atlantis nào hoặc Bán Thần (Demigod) thời cổ đại nào (cho dù họ được mệnh danh là Cyclops, hay Medusa hay Titan hay Ephialtes (con quái vật chân rắn). Thời xưa có những "Người Khổng Lồ" *thiện,* cũng như thời nay có những "kẻ tí hon" *ác*; đám quỷ La sát (Rãkshasas) và Dọa xa (Yakshas) ở đảo Lankã đâu có tồi tệ hơn những kẻ chuyên môn phá hoại hiện nay, cũng như một vài viên tướng văn minh theo Thiên Chúa giáo trong các cuộc chiến tranh hiện đại. Chúng cũng đâu phải là các sinh linh thần thoại.

Một văn sĩ hiện đại đã nhận xét ở đâu đó:

Kẻ nào đã chế nhạo Briareus và Orion ắt không được đi tới, hoặc thậm chí đề cập tới Karnac hoặc Stonehenge.

Vì các số liệu Bà La Môn nêu trên cũng gần đúng như là các phép tính toán cơ bản của Hệ thống Nội môn của chúng ta, nên yêu cầu độc giả hãy nhớ kỹ lấy chúng.

Trong *Bách Khoa Từ Điển Britannica*, chúng ta thấy khoa học đã dứt khoát khẳng định là con người *chỉ có nguồn gốc xa xưa* "vào khoảng hàng chục ngàn năm". Hiển nhiên là các số
81 liệu này có thể thay đổi từ 10 000 tới 100 000 nên chúng chẳng có ý nghĩa bao nhiêu (nếu không muốn nói là chẳng có ý nghĩa gì hết) và chỉ làm cho vấn đề này càng thêm mơ hồ. Vả lại, việc khoa học xác định con người sinh ra vào lúc trước hay sau thời kỳ băng hà cũng có nghĩa gì đâu, nếu đồng thời chúng ta lại được biết rằng cái gọi là "Kỷ Băng Hà" ("Ice Age") chỉ là một chuỗi dài các thời đại

đã biến đổi lần hồi chứ không hề bất thần biến đổi thành ra cái gọi là thời kỳ nhân sinh tức thời kỳ hiện đại … từ hồi nào đến giờ, việc các địa kỷ chồng chéo lên nhau vẫn là qui luật. ([1])

"Qui luật" vừa nêu chỉ có kết quả là một kiến thức còn làm hoang mang hơn nữa (cho dù thật là chính xác và hợp khoa học) như sau:

Ngay cả hiện nay, con người cũng đồng thời với kỷ băng hà trong các thung lũng ở dãy Alpes và ở Fimmark. ([2])

Như thế, nếu không vì các bài học được rao giảng trong Giáo Lý Bí Nhiệm (thậm chí trong cả Ấn Độ giáo ngoại môn và các truyền thuyết của nó nữa), thì đến nay, chúng ta ắt đã bị rời cái phao để rồi tha hồ loay hoay với các thời đại vô tận của một trường phái khoa học, "hàng chục ngàn năm" của một trường phái khoa học khác, và 6 000 năm của các nhà

---

[1] Sách đã dẫn, mục "Địa chất học".

[2] Như trên. Điều này khiến cho ngay cả "Niên đại ký Adam" 6 000 năm trong Thánh kinh cũng có được một cơ may.

thuyết minh Thánh kinh. Đây là một trong nhiều lý do tại sao chúng ta bắt buộc phải lờ đi các kết luận của các học giả thời nay về mọi vấn đề liên quan tới nguồn gốc xa xưa thời tiền sử.

Dĩ nhiên là địa chất học và nhân loại học hiện đại ắt không đồng ý với các quan điểm của chúng ta. Nhưng Huyền bí học sẽ tìm ra nhiều vũ khí chống lại hai khoa học này cũng như nó đã chống lại các thuyết thiên văn và vật lý, bất chấp sự kiện ông Laing đã bảo đảm rằng:

Chẳng có một *lý thuyết* nào trong các phép tính toán [niên đại] thuộc loại này [liên quan tới các hệ địa tầng xa xưa này], chúng đều dựa vào các sự kiện xác thực, và chỉ bị hạn chế bởi một lượng sai số nào đó. ([1])

Dựa vào các lời thú nhận sẵn có của khoa học, Huyền bí học sẽ chứng minh rằng địa chất học đã sai lầm rất nhiều, thậm chí nhiều khi còn sai lầm hơn cả thiên văn học. Trong chính đoạn này của ông Laing (nó cho rằng địa chất chính xác hơn thiên văn học), chúng ta lại thấy một đoạn mâu thuẫn rõ rệt với các điều đã được chính các nhà địa chất học đại tài nhất công nhận. Tác giả cho rằng:

Tóm lại, các kết luận của địa chất học (ít ra cũng là tới kỷ Silua (the Silurian period), ([2]) khi trật tự sự vật hiện nay đã được khai mào một cách tốt đẹp) là các sự kiện gần đúng (thật vậy) chứ không phải là các thuyết. Trong khi đó, các kết luận của thiên văn học là thuyết dựa vào các dữ kiện bấp bênh đến nỗi mà trong khi có những trường hợp chúng cho chúng ta những kết quả ngắn vô

---

[1] Khoa Học Hiện Đại và Tư Tưởng Hiện Đại, trang 48.

[2] Tới kỷ Silua xét về loài nhuyễn thể và cuộc sống động vật thì tất nhiên rồi; nhưng chúng biết gì về con người?

cùng …thì cũng có những trường hợp chúng cho chúng ta những kết quả hầu như dài vô cùng. ([1])

82 Sau đó, người ta đã khuyên độc giả rằng "tiến trình an toàn nhất"

Dường như là phải giả sử rằng địa chất học đã thực sự chứng tỏ được là kỳ gian của trật tự sự vật hiện tại cũng phải trên 100 triệu năm; còn thiên văn học lại trình bày một thời gian vô tận (mặc dù bất khả tri) về phần quá khứ và tương lai của sự "thành, trụ, hoại, không" của thái dương hệ, trong đó trái đất chúng ta chỉ là một thiên thể bé nhỏ đang chuyển sang giai đoạn có thể ở được. ([2])

Khi xét theo kinh nghiệm đã qua, chúng ta tin chắc rằng một khi được yêu cầu đáp lại "các lời khẳng định cực kỳ vô lý và phản khoa học của niên đại ký Ãryan ngoại môn (cũng như nội môn)", nhà khoa học với "các kết quả vô cùng ngắn" (nghĩa là chỉ có 15 000 000 năm) và nhà khoa học "yêu cầu tới 600 000 000 năm", cùng với những kẻ chấp nhận con số 1 000 000 000 ([3]) của ông Huxley "từ khi sự trầm tích bắt đầu ở Âu Châu", đều với thái độ giáo điều chẳng khác gì nhau. Chúng cũng chẳng thể không nhắc nhà Huyền bí học và tín đồ Bà La Môn nhớ rằng chính các nhà khoa học hiện đại mới tiêu biểu cho khoa học chính xác với sứ mệnh là đấu tranh chống lại sự *thiếu chính xác* và lòng *mê tín dị đoan.*

Trái Đất chỉ đang chuyển sang giai đoạn có thể ở được đối với *trật tự* các sự vật *hiện nay* (xét về nhân loại hiện tại) với các "lớp áo bằng da" và phosphor đối với xương và óc.

---

[1] Như trên, phần đã dẫn.

[2] Như trên, trang 49.

[3] Winchell, *Sinh Hoạt Thế Giới,* trang 180.

Chúng ta sẵn sàng chấp nhận con số 100 triệu năm mà địa chất học đã đưa ra, vì chúng ta đã được dạy rằng giống người và vật chất hiện nay – tức Loài người Vaivasvata – chỉ mới bắt đầu tồn tại cách đây mười tám triệu năm. Nhưng như đã trình bày, thực ra địa chất học cũng chẳng trình bày sự kiện nào về kỳ gian của các địa kỷ, như thế là cũng chẳng hơn gì thiên văn học. Bức thư đích xác của ông W. Pengelly Hội viên Hội Hoàng Gia (đã được trích dẫn ở đâu đó) đã bảo rằng:

> Hiện nay (và có lẽ là mãi mãi) chúng ta không thể rút gọn (ngay cả một cách gần đúng) thời gian địa chất thành ra hàng năm hoặc ngay cả hàng nghìn năm.

Và đến nay, sau khi đã chưa bao giờ khai quật được một người hóa thạch nào khác hơn là hình dạng hiện nay, liệu địa chất học có biết gì về y chăng? Nó đã theo dấu các đới hoặc các địa tầng cùng với cuộc sống động vật nguyên thủy tới tận kỷ Silua. Chừng nào mà nó cũng truy nguyên được con người tới tận hình dạng nguyên sinh bản sơ thì chúng ta mới chịu thừa nhận rằng nó có thể biết một điều gì về con người nguyên thủy. Nếu (theo ông S. Laing),

> Việc con người đã tồn tại trong một tình trạng thường xuyên (mặc dù dần dần) tiến hóa trong 50 000 năm cuối của một thời kỳ 15 triệu năm, hoặc trong 500 000 năm cuối của thời kỳ 150 triệu năm ([1])

cũng chẳng "quan trọng gì đối với ảnh hưởng của các khám phá khoa học hiện đại đối với tư tưởng hiện đại", thì nó lại rất quan trọng đối với các lời khẳng định của các nhà Huyền bí học. Nếu các nhà Huyền bí học không chứng tỏ rằng có thể (nếu không muốn nói là hoàn toàn chắc chắn) là con người đã
83 sinh tồn cách đây mười tám triệu năm, thì ắt hẳn người ta

[1] Sách đã dẫn, trang 49.

vẫn còn chưa viết ra bộ Giáo Lý Bí Nhiệm. Do đó, chúng ta phải thử một lần theo chiều hướng này; chính các nhà địa chất học hiện đại và các nhà khoa học nói chung sẽ phải kiểm chứng lại sự kiện này trong Phần 3 Quyển 4. Trong khi đó, bất chấp sự kiện niên đại ký Ấn Độ bao giờ cũng bị các nhà Đông phương học trình bày như là một điều bịa đặt không dựa vào phép tính toán thực sự nào [1], mà chỉ là "một lời huênh hoang khoác lác ấu trĩ", nó lại thường bị xuyên tạc để thích ứng với các thuyết của Tây phương. Chẳng có con số nào đã từng bị can thiệp vào và xuyên tạc nhiều hơn là các con số 4, 3, 2 nổi tiếng, kèm theo sau là các con số 0 (cypher), của các Chu kỳ và các đại Chu kỳ (the Yuga and mahã Yuga).

Vì toàn bộ Chu kỳ (Cycle) các biến cố thời tiền sử (chẳng hạn như là sự tiến hóa và sự biến hóa của các Giống dân và nguồn gốc tối cổ của con người, đều tùy thuộc vào niên đại ký nêu trên, nên việc kiểm tra nó lại bằng phép tính toán sẵn có khác trở thành cực kỳ quan trọng. Nếu niên đại ký Đông phương mà bị bác bỏ, thì ít ra chúng ta cũng sẽ tự lấy làm an ủi khi chứng tỏ được rằng chẳng có niên đại ký nào khác – cho dù là theo các số liệu của khoa học hay các số liệu của giáo hội – đáng tin cậy hơn chút nào. Theo lối nói của Giáo sư Max Muller, kể ra cũng thật là hữu ích nếu chứng tỏ được rằng một sự vật không phải là gì cũng như nó có thể là gì. Một khi chúng ta đã thành công trong việc chứng tỏ sự trá ngụy của các phép tính toán của cả khoa học lẫn của Thiên Chúa giáo – bằng cách cho chúng có một cơ may được so sánh với niên đại ký của chúng ta – thì cả hai đều sẽ không có một cơ sở hợp lý nào để tuyên bố rằng các số liệu nội môn không đáng tin cậy bằng các số liệu của chính họ.

---

[1] Vishnu Purãnas của Wilson, Quyển I, trang 51 và tiếp theo.

Ở đây, chúng tôi xin giới thiệu độc giả tham khảo tác phẩm trước đây của chúng tôi, *Nữ Thần Isis Lộ Diện* ([1]) để có được một vài nhận xét liên quan tới các số liệu đã được trích dẫn ở các trang trên.

Ngày nay, chúng ta có thể thêm một vài sự kiện nữa vào mớ kiến thức đã được trình bày trong đó, mà mọi nhà Đông phương học đều biết rồi. Sự linh thiêng của chu kỳ 4 320 (có bổ sung thêm các con số 0) chính là do sự kiện khi xét riêng rẽ hoặc hợp lại theo nhiều tổ hợp khác nhau, mỗi một và tất cả các con số hợp thành nó đều tiêu biểu cho các bí nhiệm vĩ đại nhất trong Thiên Nhiên. Thật vậy, cho dù chúng ta xét riêng số 4, hoặc riêng số 3, hoặc cả hai gộp lại thành số 7, hoặc ba số 4, 3, 2 cộng lại thành 9, thì tất cả các con số này đều được áp dụng vào các vấn đề thiêng liêng và Huyền bí nhất, và đều biểu thị các tác động của Thiên Nhiên trong các hiện tượng tuần hoàn vĩnh cửu. Đối với kẻ nào nghiên cứu các bí nhiệm của Thiên Nhiên, chúng là các con số không bao gờ sai lầm, lặp đi lặp lại mãi và có tính cách tiết lộ. Đó đúng là một Hệ thống thiêng liêng, một thiên cơ thông tuệ trong vũ trụ khởi nguyên luận, nó tạo ra các phân đoạn tự nhiên trong vũ trụ về thời gian, mùa màng, các tác dụng vô hình, các hiện tượng thiên văn, cùng với tác động và phản tác động của chúng đối với cõi trần (và cả thế giới đạo đức nữa), đối với "sinh, lão, bệnh, tử". Tất cả các biến cố tự nhiên này đều dựa vào và tùy
84 thuộc vào các tiến trình tuần hoàn trong chính Càn Khôn, tạo ra các tác nhân tuần hoàn. Khi tác dụng từ bên ngoài, các tác nhân này ảnh hưởng tới Trái Đất và tất cả chúng sinh trên đó, từ đầu chí cuối, bất cứ Chu kỳ Khai Nguyên nào, nhân và quả đều có tính chất *nội môn*, tạm gọi như vậy.

---

[1] Quyển I, trang 32.

Trong Nữ Thần Isis Lộ Diện, chúng tôi đã trình bày mà nay xin lặp lại: "*Chúng ta đang ở vào điểm thấp nhất của một chu kỳ và hiển nhiên là đang ở trong một tình trạng chuyển tiếp*". Plato chia sự tiến bộ trí thức của Vũ Trụ trong mỗi Chu kỳ ra thành các thời kỳ phì nhiêu và cằn cỗi. Trong các vùng hạ nguyệt tinh, cảnh giới của nhiều nguyên tố khác nhau bao giờ cũng hoàn toàn hòa hợp với Bản Chất Thiêng Liêng, ông cho rằng: Nhưng vì quá gần với trần thế và vì chung đụng với thế gian (vốn là Vật Chất, và do đó là ác giới) nên các phần tử của chúng đôi khi cũng đối nghịch với Bản chất (Thiêng Liêng). Khi các luồng – mà Éliphas Lévi gọi là "các luồng Tinh Tú Quang" – trong Dĩ Thái vũ trụ (vốn bao hàm mọi nguyên tố) đã diễn ra hài hòa với Tinh Thần Thiêng Liêng, Trái Đất chúng ta và vạn vật trên đó sẽ hưởng một thời kỳ phì nhiêu. Các quyền năng của giới thực vật, động vật và khoáng vật, sẽ cảm thông một cách kỳ diệu với các "tạo vật thượng đẳng", còn Linh Hồn của con người sẽ hoàn toàn thông hiểu được các tạo vật "hạ đẳng" này. Nhưng trong các thời kỳ cằn cỗi, sự cảm thông huyền diệu cũng mất đi, và linh nhãn của đa số nhân loại bị mù quáng đến nỗi mà họ không còn có ý niệm gì về các quyền năng thượng đẳng của chính Tinh Thần Thiêng Liêng của mình. Chúng ta đang ở trong một thời kỳ cằn cỗi; thế kỷ thứ mười tám (trong đó cơn sốt ác hại "chủ nghĩa hoài nghi" đã bộc lộ một cách không thể kiềm chế được) đã lưu truyền thái độ hoài nghi lại cho thế kỷ mười chín với tính cách là một bệnh di truyền. Linh trí của con người đã bị che khuất, chỉ có phàm trí của y là đang "triết lý". Nếu cứ tự lực triết lý thì làm thế nào mà nó hiểu được "Giáo lý về Linh Hồn"? Để cho phần trần thuật khỏi bị ngắt khoảng, chúng tôi sẽ trình bày các bằng chứng hiển nhiên về các luật tuần hoàn

này trong Phần 2, Quyển 4; trong khi chờ đợi, chúng ta sẽ tiếp tục giải thích về các Chu kỳ địa chất và chủng tộc.

ĐOẠN KINH 3

NHỮNG TOAN TÍNH SÁNG TẠO RA CON NGƯỜI

(ATTEMPTS TO CREATE MAN)

11. Hóa Công giáng lâm. 12. Các Nguyệt Tinh được lệnh sáng tạo. 13. Chư thần linh thượng đẳng từ chối.

11. ĐẤNG CHÍ TÔN GIÁNG LÂM, NGÀI TÁCH NƯỚC RA KHỎI CƠ THỂ MÌNH, ĐÓ LÀ TẦNG TRỜI BÊN TRÊN, TẦNG TRỜI THỨ NHẤT. ([1])

85 Ở đây, truyền thuyết lại trở thành có tính cách Đại đồng thế giới. Lối thuyết minh trước nhất (được lặp lại trong kinh Purãnas) ra sao, thì lối thuyết minh thứ nhất của Moses cũng vậy. Thoạt tiên, trước hết:

Khi bầu thế giới đã biến thành một đại dương, Đấng Thánh Linh [Vị Thần có hình dáng của Brahmã] quyết định đặt lục địa bên trong các đại dương và muốn nâng nó lên [tách nó ra], tự tạo ra mình trong một hình dạng khác. Cũng như trong Thiên Kiếp [Chu kỳ Khai Nguyên] trước, Ngài đã khoác lấy hình dạng một con heo rừng v..v… ([2])

Trong cuộc "sáng tạo" duy Elohim ([3]), "Thượng Đế" tạo ra "một bầu trời giữa nước" và phán "*đất khô* hãy xuất hiện ra đi". Nay tới truyền thuyết vốn là mấu chốt của phần Nội môn của lối thuyết minh theo Do Thái Bí giáo.

---

[1] Bầu khí quyển, tức không khí, bầu trời.

[2] Harivamsha, I, 36.

[3] Sáng Thế Ký, I, 6 – 9.

12. CÁC ĐẠI ĐẾ QUÂN [1] GỌI CÁC NGUYỆT TINH QUÂN CÓ CÁC THỂ KHINH THANH: "HÃY ĐEM NHỮNG NGƯỜI [2] CÓ BẢN CHẤT NHƯ QUÍ VỊ LẠI. HÃY BAN CHO CHÚNG [3] CÁC HÌNH HÀI BÊN TRONG. NÀNG [4] SẼ KIẾN TẠO CÁC LỚP VỎ BÊN NGOÀI [5]. CHÚNG SẼ BÁN THƯ BÁN HÙNG, CÁC HỎA TINH QUÂN CŨNG…"

Các vị "Nguyệt Tinh Quân" là ai? Ở Ấn Độ, các Ngài được gọi là Pitris hay "Thủy Tổ Nguyệt Cầu", nhưng theo các cổ thư Hebrew, thì chính Jehovah lại là vị "Nguyệt Tinh Quân", vừa là Tập thể các cấp đẳng thiên thần, vừa là một trong các Đấng Elohim. Mặt Trăng đã điều chỉnh thiên văn học của người Hebrew và "nghi thức *thời gian*" của họ. Sau khi đã chứng tỏ rằng "Daniel … đã nêu ra sự Thiên hựu (God's providence) vào các *lúc đã định*", và *Thánh thư Khải Huyền* [6] của Thánh John "đề cập tới một đô thị (được đo lường thể tích kỹ lưỡng) từ trên trời giáng xuống" v..v… một tín đồ Do Thái Bí giáo đã nói thêm:

Nhưng quyền năng làm linh hoạt của Thiên giới chủ yếu là do nơi *mặt trăng*… Đó là Jehovah của người Hebrew – và Thánh Paul ra lệnh: "Đừng để cho kẻ nào phán xét con vì con tôn thờ ngày thứ bảy và ngày *trăng non (new moon) - đó là một hình bóng của các điều vị lai*; song cơ thể (hay bản thể) lại thuộc về Đức Christ" nghĩa là Jehovah – quyền năng này có chức năng biến người đàn bà hiếm muộn thành ra bà mẹ hân hoan với đàn con – "vì chúng là ân huệ của Jehovah" … đó là một manh mối để cho người chồng phản đối

---

1 Các Tinh Quân.

2 Họ được khuyến cáo.

3 Nghĩa là Jivas tức các Chơn Thần.

4 Địa Mẫu tức Thiên Nhiên.

5 Đối với các thể bên ngoài.

6 Chương xxi, 16.

việc bà vợ ở Shunam cứ đến với người Trời: "vì đó đâu phải là ngày thứ bảy hoặc ngày *trăng non"*. ([1]) Các quyền năng sinh động của các chòm sao đã có các cuộc xung đột mãnh liệt được đánh dấu bởi chuyển động và vị trí của các ngôi sao và các hành tinh, và nhất là được xem như là kết quả của sự giao hội của mặt trăng, trái đất và mặt trời. Bentley bình luận về "cuộc chiến giữa chư thiên và những người khổng lồ" của Ấn Độ, nó biểu hiện nơi kỳ nhật thực vào lúc tiết điểm của mặt trăng, năm 945 trước T.C.[!] vào lúc Sri
86 sinh ra ([2]) hoặc được tạo ra từ dưới biển. SRI (Sarai, S-r-i, phu nhân của Abram ([3]) người Hebrew) vốn là Venus-Aphroditus (sic) của người Tây phương, biểu hiện của năm âm lịch - dương lịch tức mặt trăng [vì Sri là phu nhân của Nguyệt Tinh; xem chú thích cuối

---

[1] Xem Thánh thư của các Thánh Vương 2, iv, 23.

[2] Theo niên đại ký kỳ diệu của Bentley (ông đã soạn ra nó vào lúc mà niên đại ký Thánh kinh vẫn còn chưa bị dị nghị) cũng như theo niên đại ký của các nhà Đông phương học hiện đại cứ ra sức rút ngắn hết mức các nhật kỳ của Ấn Độ.

[3] Shrĩ là con gái của Bhrigu, một trong các Đấng Prajãpatis và Thánh Hiền, thủ lãnh của các Bhrigus, "Các Đấng Thiêu Rụi", chư Thần Linh thuộc loại Phong. Nàng là Lakshmĩ, (phu nhân của Vishnu) và nàng Gaurĩ, "cô dâu của Shiva" và Srasvatĩ (Thủy Nương, phu nhân của Brahmã) vì cả ba Thần Linh và Nữ Thần này đều là một, biểu hiện thành Ba Ngôi. Cứ đọc lời giải thích của Parãshara trong Vishnu Puranã (Wilson, Quyển I, trang 118 – 120) là bạn sẽ hiểu ngay. Ông cho rằng "Tinh Quân của Shrĩ là mặt trăng" và "Shrĩ là phu nhân của Nãrãyana, Thần Linh Vô Thượng". Shrĩ tức Lakshmĩ (Venus) là Indrãni cũng như là Sarasvatĩ, vì theo Parãshara: "Hari [tức Ĩshvara, Đấng Chí Tôn) là tất cả những gì được gọi là hùng [trong Vũ Trụ], còn Lakshmĩ là tất cả những gì được gọi là thư. Ngoài các Ngài ra, chẳng còn gì nữa". Vì thế, nàng là vũ trụ âm, còn "Thượng Đế" là Vũ Trụ dương.

trang], nữ thần tăng trưởng ([1])… [Do đó], lâu đài và cột mốc vĩ đại của thời kỳ chính xác của năm và tháng âm lịch – nhờ đó, chúng ta có thể tính toán được chu kỳ này [gồm 19 năm thái dương và 235 vòng quay của mặt trăng] – chính là Núi Sinai, Đức Jehovah đã giáng lâm trên đó…[rồi] Thánh Paul nói như là một đạo sĩ khi đề cập tới người đàn bà được giải phóng và người đàn bà nô lệ của Abraham: "Ấy là vì nàng Hagar này (người đàn bà nô lệ của Abraham) chính là Núi Sinai ở Ả Rập". Làm thế nào mà người đàn bà có thể là trái núi được? và lại là trái núi như thế nữa chứ! Thế nhưng theo một ý nghĩa nào đó … nàng lại đúng là một trái núi một cách thật là kỳ diệu. Nàng tên là Nagar, có các con số là 235, trong phép đo lường chính xác, đó chính là số tháng âm lịch (bằng 19 năm thái dương) để hoàn thành chu kỳ này và hoàn thiện sự tương tự. Trong ngôn ngữ minh triết nội môn này, Núi Siani là lâu đài của thời gian chính xác của năm và tháng âm lịch, nhờ đó, chúng ta có thể tính toán được chu kỳ làm linh hoạt tinh thần này; thật vậy, núi này được (Fuerst) gọi là Núi Nguyệt Tinh (Sin)". Cũng thế, Sarai (SRI), phu nhân của Abram, chẳng thể nào có con cho đến khi tên nàng đổi thành Sarah, khiến cho nàng có được tính chất của tác dụng nguyệt tinh này.([2])

Điều này có thể được xem như là một sự lạc đề, nhưng nó lại rất cần thiết đối với các độc giả Thiên Chúa giáo. Ấy là vì sau khi đã lần lượt nghiên cứu một cách vô tư các huyền thoại về Abram (tức Abraham, Sarai, tức Sarah mỹ miều), và các huyền thoại về Brahmã và Sarasvastĩ (tức Shrĩ, Lakshmi-Venus) với các quan hệ của tất cả các thứ này với Nguyệt Tinh và Thủy: và nhất là khi đã hiểu được chân ý nghĩa Do Thái Bí giáo của danh xưng Jehovah và quan hệ của nó với

[1] Chính Shrĩ là "Nữ Thần thịnh vượng".

[2] Tạp chí Tam Điểm (Cincinnati) tháng 6 – 1886, Bài kinh Cabbalah số VI, 15- 17.

Nguyệt Tinh – còn ai dám nghi ngờ việc "câu chuyện Abram được dựa vào câu chuyện Brahmã", hoặc Sáng Thế Ký được viết theo các đường lối cũ mà mọi quốc gia xưa đều đã dùng? Tất cả mọi điều trong các Thánh kinh đều có tính ẩn dụ, tất cả đều dựa vào và liên kết bất khả phân ly với thiên văn học và tục sùng bái vũ trụ.

13. HỌ ([1]) LÊN ĐƯỜNG, MỖI NGƯỜI ĐẾN VÙNG ĐẤT ĐƯỢC CẤP CHO MÌNH; BẢY VỊ, MỖI VỊ ĐẾN ĐỊA HẠT CỦA MÌNH, CÁC HỎA TINH QUÂN VẪN Ở ĐÀNG SAU. CÁC NGÀI CHẲNG ĐI ĐÂU HẾT, CÁC NGÀI CHẲNG HỀ SÁNG TẠO.

Giáo Lý Bí Nhiệm dạy rằng Đấng Thủy Tổ thiêng liêng sáng tạo nên con người trên bảy vùng của Trái Đất, mỗi vị "trên phần đất riêng của mình"- nghĩa là mỗi vị tạo nên một Giống người khác nhau về cả bên ngoài lẫn bên trong và trên
87 những Khu vực khác nhau. Thuyết nhân chủng đa nguyên này sẽ được xét tới ở đâu đó trong ĐOẠN KINH 7. Nhưng các Đấng Sáng Tạo đó là ai? Huyền bí học chia những Đấng Sáng Tạo ra làm mười hai hạng, trong số đó bốn hạng đã đạt được giải thoát cho đến khi kết liễu Đại Kiếp của Brahmã; hạng thứ năm sắp đạt được giải thoát, nhưng vẫn còn hoạt động trên các cõi trí tuệ. Trong khi đó, bảy hạng sau cùng hãy còn chịu ảnh hưởng chi phối trực tiếp của Định Luật nghiệp quả. Những hạng sau này hoạt động trên các bầu thế giới có người ở của dãy Địa Cầu.

Kinh điển ngoại môn của Ấn Độ có nêu ra Bảy hạng Pitris, trong số đó có hai hạng Thủy Tổ (hay Tổ Tiên của nhân loại) riêng biệt; đó là các Đấng Barhishad (Nguyệt Tinh Quân), tức là những Đấng có lửa thiêng và những Đấng không cò lửa thiêng. Nghi thức Ấn Độ dường như liên kết các Ngài với các

[1] Chư Nguyệt Tinh Quân.

lửa tế thần và với các tín đồ Bà La Môn Grihastha ([1]) trong các kiếp trước. Đó là các Đấng đã và *không* quan tâm đến các lửa thiêng giữ nhà của mình trong các kiếp trước. Như đã nói, sự phân biệt này bắt đầu từ kinh Veda. Xét về mặt nội môn, hạng Nhật Tinh Quân đầu tiên và cao siêu nhất được trình bày tiêu biểu trong ẩn dụ ngoại môn là Grihastha, tức là các gia trưởng Bà La Môn. Trong các kiếp đã qua trong các Chu kỳ Khai Nguyên khác, họ đã không thể duy trì được các ngọn lửa trong nhà mình và tế thần, nên họ đã bị mất quyền tế linh hỏa được cấp cho họ. Trong khi đó, các Nguyệt Tinh quân (vốn là những người Bà La Môn đã bảo tồn được các linh hỏa giữ nhà của mình) đến nay vẫn còn được trọng vọng như thế. Vì vậy, người ta đã trình bày tiêu biểu các Nhật Tinh Quân như là không có lửa thiêng còn các Nguyệt Tinh Quân lại có lửa thiêng.

Nội môn Bí giáo giải thích rằng các phẩm tính bản sơ này là do sự dị biệt về bản chất của hai Hạng: các Nhật Tinh quân không có lửa (tức là lòng ham muốn sáng tạo) bởi vì các Ngài quá tinh anh và thiêng liêng, còn các Nguyệt Tinh Quân, vì có liên hệ chặt chẽ hơn với Trần Thế, nên biến thành các Đấng Elohim sáng tạo hình hài sắc tướng hay Adam bằng cát bụi.

Ẩn dụ bảo rằng Sanandana và các Vedas khác, Con của Brahmã, hậu duệ của mình:

> Vì vô dục vô cầu và được cảm ứng bởi minh triết thiêng liêng, nên đã tách rời khỏi vũ trụ và không muốn *sinh sinh hóa hóa* ([2]).

Chính câu kinh "họ không chịu sáng tạo" cũng nhằm nói tới điều này, nó được giải thích như sau:

---

[1] Gia trưởng

[2] Vishnu Puranã, Wildon, Quyển I, trang 101-102.

"Các Phân Thân Nguyên Thủy thoát thai từ Quyền Năng Sáng Tạo, quá gần gũi với các Nguyên Nhân Tuyệt Đối. Chúng chính là các lực chuyển tiếp, tiềm tàng và chỉ phát triển trong các bước kế tiếp".

Điều này khiến nó cũng dễ hiểu. Vì thế, được biết Brahmã cũng tức giận khi thấy rằng:

Các Chơn Linh hóa thân, vốn từ tứ chi của Ngài [gãtra] hóa hiện ra lại không chịu sinh sôi nảy nở.

88 Theo ẩn dụ, sau đó Ngài tạo ra bảy Đứa Con Trí Sinh ([1]) khác, đó là: Marĩchi, Atri. Angiras, Pulastya, Pulaha, Kratu và Vasishtha (Vasishtha thường được thay thế bởi Daksha, Đấng Sáng Tạo dẫn đầu về việc sinh sôi nảy nở. Trong hầu hết các kinh điển, Bảy Con của Vasishtha-Daksha được gọi là Bảy Thánh Hiền của Chu kỳ Khai Nguyên *thứ Ba* (từ ngữ này muốn nói tới cả cuộc Tuần Hoàn thứ Ba lẫn Căn Chủng thứ Ba và các Chi chủng của nó trong cuộc Tuần Hoàn thứ Tư. Tất cả các Ngài đều là các Đấng Sáng Tạo ra nhiều Thực Thể khác nhau trên Địa Cầu này (Prajãpati); đồng thời, các Ngài cũng đã lâm phàm nhiều lần trong các Chu kỳ Khai Nguyên hoặc Giống dân trước kia.

Đó là lý do tại sao các Nhật Tinh Quân, vì không có *lửa sáng tạo* thô trược, nên không thể tạo nên con người thể chất phàm trần. Các Ngài không có *Dĩ thái hình (Double* or Astral Body) để phóng chiếu; vì vốn không có *hình hài sắc tướng*, nên các Ngài được ngoại môn hiển giáo gọi một cách ẩn dụ là Yogi, Kum ã ras (trai tân) và biến thành những vị A Tu La "nổi loạn" chống lại các Thần Linh ([2])… Tuy nhiên, chỉ có các

---

[1] Xem Mahãbhãrata.

[2] Ấy là vì theo ẩn dụ, e sợ nghĩa vụ thiêng liêng của các Thực Thể tự lực lâm phàm vốn đã biến thành các tu sĩ khổ hạnh và các Yogĩ,

Ngài là những Đấng Duy Nhất có thể tạo nên một con người một cách hoàn hảo, tức làm cho y trở nên một Thực Thể ngã thức, gần như là một Đấng Thiêng Liêng, một Đấng Thánh Linh trên Trần Thế. Các Nguyệt Tinh Quân, mặc dù có "lửa sáng tạo", lại thiếu hẳn yếu tố TOÀN LINH TRÍ thượng đẳng. Vì ở trên cùng một cảnh giới với các "Nguyên khí" thấp – chúng có trước vật chất ngoại cảnh thô trược – nên họ chỉ có thể tạo ra con người thể chất ngoại cảnh hay đúng hơn là tạo nên dĩ thái thể làm khuôn mẫu tượng hình cho thể xác. Như thế, tuy các Ngài được Brahmã – biểu hiện của tập thể *Toàn Linh Trí* – giao phó cho công tác ấy, "Điều bí nhiệm của Cơ sáng tạo" vẫn lại tái diễn trên Trần Thế, có điều là bị đảo ngược lại giống như hình khi *soi gương*.

Chính những vị không có khả năng tạo nên con người tâm linh bất diệt, mới phóng chiếu ra dĩ thái thể làm kiểu mẫu vô tri vô giác cho con người thể chất, và chính các vị không muốn sinh sôi nảy nở, mới tự hy sinh cho hạnh phúc và sự giải thoát của Nhân loại. Ấy là vì, muốn hoàn thành *con người thất phân*, muốn thêm vào ba Nguyên khí hạ của y và kết hợp chúng với Chơn Thần Thiêng Liêng – nó bao giờ cũng ngự trong hình hài sắc tướng trong *trạng thái tuyệt đối tiềm tàng* –

---

và như vậy hăm dọa làm đảo lộn quyền năng của các Thần Linh bằng các quyền năng do *tự lực công phu của mình* – Thần Linh nào không đích thân lập công bồi đức, đã tố cáo họ. Tất cả các điều này có một ý nghĩa triết học thâm sâu và muốn nói tới sự tự lực phát triển và thủ đắc các quyền năng. Kinh Purãnas có trình bày một vài Thánh Hiền luyện Yoga còn có nhiều quyền năng hơn chư Thiên. Thế rồi, các vị Thần thứ yếu tức các Quyền năng nhất thời trong Thiên Nhiên [các Thần lực] thế nào cũng phải biến mất; duy chỉ Tiềm năng tinh thần nơi con người mới có thể hướng dẫn đến mức hợp nhất với VÔ CỰC TUYỆT ĐỐI.

thì cần phải có hai "Nguyên khí" trung gian; Thể Trí (Manas) và Cảm Dục (Kãma). Điều này cần có một Lửa Thiêng sống động của Nguyên khí trung gian phát xuất từ trạng thái thứ Năm và thứ Ba của Thái Cực (Pleroma). Nhưng Lửa Thiêng này là sở hữu của những hình *Tam giác*, chứ không phải của những *Khối vuông* (hoàn toàn) vốn tiêu biểu cho các vị Thiên Thần ([1]). Tục truyền rằng từ Cơ Sáng Tạo Đầu Tiên, các tam giác đã có nó và cứ khư khư bám lấy nó (chẳng hạn như trong ngụ ngôn của Prometheus). Đó là các thực thể chủ
89 động, và vì thế - trên Thiên giới – không còn là các Đấng thuần khiết nữa. Họ đã biến thành các Đấng Thông Tuệ độc lập và tự do, mà mọi khoa thần phổ học đã diễn tả như là phải chiến đấu mới giành được độc lập tự do; và do đó, hiểu theo nghĩa thông thường – họ đã nổi dậy chống lại "thiên luật thụ động". Như thế, đó là các Ngọn Lửa – các Nhật Tinh Quân – mà câu kinh 13 nói là "vẫn ở lại đàng sau" thay vì cùng đi với những vị khác để sáng tạo ra con người trên Trần Thế. Nhưng chân ý nghĩa Nội môn lại như sau: hầu hết các Đấng này đều có nhiệm vụ lâm phàm tên cương vị là các *Chơn Ngã* của lớp Nhân loại sắp tới.

Chơn Ngã (Ego) không phải là Linh giác (Ãtma) hay Tuệ giác (Buddhi), mà là *Thượng Trí* (the Higher *Manas);* kết quả và tinh hoa của hoạt động trí tuệ trong Cá thể hữu ngã thức (hiểu theo ý nghĩa tâm linh). Các cổ thư gọi đó là *Kãrana Sharĩra* (Linh Hồn thể) trên cảnh giới của Linh tuyến (Sũtrãtmã), vốn là kim quang tuyến xỏ xâu qua các Phàm Ngã khác nhau của *Chơn Ngã* (giống như xâu chuỗi). Nếu cứ chiếu theo các ẩn dụ *bán nội môn,* thì độc giả sẽ được biết rằng

[1] Hình Tam giác biến thành một hình Ngũ giác trên Trần Thế. Xem Quyển 1, ĐOẠN KINH 3 đến ĐOẠN KINH 5.

các Thực Thể này là các Đấng đã nhập Niết Bàn từ các Đại Chu kỳ Khai Nguyên (các thời kỳ vô cùng, diễn ra trong vĩnh cửu, một thời kỳ còn bất khả lượng hơn nữa) trước, nay lại phục lâm; thế mà y khó lòng mà hiểu được kinh điển cho thật chính xác. Trong khi đó, một vài tín đồ phái Veda có thể bảo rằng: "Không phải như vậy đâu! Đấng nào đã nhập Niết Bàn rồi thì không thể trở lại nữa". Điều này thật là chí lý khi chỉ xét trong chu kỳ khai nguyên của y, nhưng lại sai khi xét về Vĩnh cửu. Ấy là vì các câu Thánh kinh đã dạy:

"Kim quang tuyến vốn bất diệt và chỉ biến nhập vào Niết Bàn, tái xuất lộ từ Niết Bàn một cách trọn vẹn vào lúc mà Đại Luật thôi thúc vạn vật hoạt động lại".

Do đó, vì các Pitris tức các Thiên Tôn thượng đẳng không chịu nhúng tay vào việc tạo ra con người thể chất, nên chúng ta thấy Con người Sơ khai – vốn xuất phát từ các hạ thể của các Thủy Tổ "thiếu linh hỏa" – có hình thể khinh thanh, không chắc chắn và *không có trí khôn*. Y không có một Nguyên khí trung gian để làm môi giới giao tiếp giữa những nguyên khí *cao nhất* và *thấp nhất* – Chơn Nhơn và não bộ phàm trần – vì y thiếu *Thể Trí.* Các Chơn Thần lâm phàm trong những cái Vỏ trống rỗng đó vẫn cứ vô ý thức như khi tách rời các hạ thể bất toàn của mình trước kia. Trên cõi hồng trần, một Tinh Thần *thuần khiết* không có tiềm năng Sáng tạo tức Hữu ngã thức, trừ phi bản chất quá ư thuần trạng, hoàn hảo – vì thiêng liêng – của nó được hợp với và tăng cường bởi một tinh chất đã biến phân rồi (tạm gọi như vậy). Duy chỉ cạnh đáy của hình Tam giác – tượng trưng cho Tam Nguyên bản sơ (the first Triad) xuất phát từ NHẤT NGUYÊN Vũ Trụ (the Universal MONAD) – mới có thể cung cấp trạng thái ý thức này trên cảnh giới Vũ Trụ biểu lộ. Nhưng làm thế nào mà các Phân Thần thuần khiết đó – dựa vào nguyên tắc này, thoạt

tiên ắt là chúng cũng *vô ý thức* (theo nghĩa mà chúng ta hiểu) – lại có thể cung cấp được nguyên khí cần thiết ấy, khi chính chúng cũng còn khó lòng mà có được nó?

90 Câu trả lời thật khó hiểu trừ phi người ta đã thấu triệt được triết lý siêu hình của hàng loạt chu kỳ Tái tạo vô thủy vô chung của Vũ Trụ, và đã thấm nhuần, quen thuộc với cái định luật bất di bất dịch của Thiên Nhiên; đó là: CHUYỂN ĐỘNG TRƯỜNG KỲ, tuần hoàn theo hình xoắn ốc; vì hế, vẫn tiệm tiến mặc dù thoạt nhìn có vẻ giật lùi. Cái Nguyên khí Thiêng liêng duy nhất, tức CÁI ĐÓ vô danh tính trong kinh Veda, chính là cái Tổng thể Đại đồng mà, dù là trong những trạng thái phân thân tâm linh hay dưới hình thức Nguyên tử vật chất, nó vẫn không bao giờ "Tuyệt đối yên nghỉ",trừ phi trong những Đêm của Brahmã. Cũng vì thế, những "Đấng Bản Sơ" chính là những kẻ đầu tiên được quăng vào guồng máy sinh hoạt vào lúc bắt đầu một Chu kỳ Khai Nguyên và như thế là những kẻ đầu tiên sa vào các cõi vật chất trọng trược. Các Đấng mà thần học gọi là các "Thiên Thần Vương Vị" (the "Thrones") và "Thiên Tòa" (the "Seat of God"), ắt phải là những người đầu tiên lâm phàm trên Trần Thế. Nếu chúng ta nghĩ đến hàng loạt các Chu kỳ Khai Nguyên bất tận đã qua để nhận thấy rằng cái sau cùng phải đến trước nhất và cái đầu tiên phải đến sau rốt, thì điều này cũng là dễ hiểu. Tóm lại, chúng ta thấy rằng cách đây vô lượng thời, các Đại Thiên Thần đã vượt qua "Bảy Vòng Tròn" và *cướp mất* Lửa Thiêng của chúng. Nói trắng ra, điều này có nghĩa là trong những kiếp đầu thai quá khứ, trên Cõi thấp cũng như Cõi cao, các vị ấy đã lĩnh hội được mọi minh triết thu thập được (tức là phản ánh của TOÀN LINH TRÍ trên nhiều giai tầng cường độ khác nhau). Không một Thực Thể nào (dù là thiên thần hay con người), có thể đạt tới trạng thái Niết Bàn (túc

thanh tịnh tuyệt đối) trừ phi y đã hàng vô lượng thời ngậm đắng nuốt cay để *kinh nghiệm* về thiện cũng như ÁC; vì nếu không như vậy, người ta không tài nào hiểu được điều thiện là gì.

Giữa loài người và loài vật – mà Chơn Thần hay Jīvas, cơ bản là như nhau – có một hố sâu cách biệt không thể vượt qua được, đó là Trí Tuệ và Ngã Thức. Trí Tuệ con người là gì? Nó có xuất xứ ở đâu nếu nó chẳng phải là một phần của bản thể - trong một vài trường hợp lâm phàm hy hữu, nó còn là *chính bản thể* - của một Đấng Cao Cả, xuất phát từ một cảnh giới cao siêu và thiêng liêng? Có thể nào con người – một vị Thần trong hình hài con vật – chỉ là sản phẩm của thế giới vật chất do sự tiến hóa không mà thôi chăng? Con vật tuy khác con người về hình dáng bên ngoài, nhưng đâu có khác về phần chất liệu cấu tạo nên thể xác hồng trần, và cũng được *một Chơn Thần làm linh hoạt*, mặc dù chưa phát triển, có điều là tiềm năng trí tuệ của hai bên lại khác nhau một trời một vực. Vậy thì cái gì đã tạo ra sự dị biệt đó, nếu chẳng phải là việc con người là một động vật *có thêm một vị* Thượng Đế *sống động* bên trong cái xác phàm hữu hoại? Chúng ta cứ suy gẫm và nghiêm chỉnh tự vấn thôi chứ đừng đếm xỉa làm chi tới những ý tưởng ngông cuồng và các điều ngụy biện của cả khoa học duy vật lẫn tâm lý học hiện đại.

Trong một chừng mực nào đó phải thừa nhận rằng: ngay cả Nội môn Bí giáo cũng có tính cách ẩn dụ. Để cho kẻ có trí khôn bình thường có thể hiểu được Nội môn Bí giáo, người ta cần phải dùng tới các biểu tượng để trình bày nó dưới một dạng có thể hiểu được. Vì thế mới có các ẩn dụ và bán thần thoại trong ngoại môn hiển giáo, và các lối trình bày khách
91 quan và bán siêu hình trong Nội môn Bí giáo. Ấy là vì các

quan niệm tinh thần thuần túy và siêu việt chỉ là phỏng theo tri giác của các Đấng

"không thấy bằng mắt phàm, không nghe bằng tai phàm và không cảm giác bằng các cơ quan phàm tục",

theo lối diễn đạt sinh động của Giảng lý. Nhà lý tưởng quá khắc khổ tha hồ mà thần thánh hóa giáo điều, trong khi tâm lý hiện đại chỉ việc ra sức làm biến mất Nhân Hồn "sa đọa" song vẫn còn linh thiêng của chúng ta – thiêng liêng vì còn liên kết với Tuệ giác (Buddhi).

Bí nhiệm gắn liền với các Thủy tổ rất thiêng liêng của Con người Thánh Linh bên trong con người phàm trần, thật là lớn vô cùng. Sự sáng tạo lưỡng phân của y được ám chỉ trong Purãnas, mặc dù người ta chỉ đề cập tới ý nghĩa Nội môn của nó bằng cách đối chiếu nhiều lối trình bày khác nhau, và thuyết minh chúng theo tính cách biểu tượng và ẩn dụ. Trong Thánh kinh (cả trong Sáng Thế Ký lẫn trong Sứ Đồ Thư của Thánh Paul cũng đều như thế cả. Ấy là vì Đấng Sáng tạo, vốn được mệnh danh là "Đức Chúa Trời" trong chương 2 của Sáng thế Ký, thoạt đầu lại là Elohim, tức các Thần Linh (Tinh Quân) xét theo số nhiều. Trong khi một Đấng Elohim tạo ra Adam bằng Cát bụi trên trần thế, thì một Đấng khác lại phà Sinh khí vào y, còn Đấng thứ ba biến y thành một Linh Hồn; tất cả các lối thuyết minh này đều được ám chỉ nơi số nhiều của từ ngữ Elohim ([1]). Lại nữa, Thánh Paul đã dạy:

---

[1] Theo Bunsen và những người khác, Seth không những là "Thần Linh bản sơ" của người Semite (kể cả người Do Thái thời sơ khai) mà còn là "tổ phụ bán linh" của họ nữa. Ấy là vì, theo Bunsen (Lịch sử Thần Linh, I, 233-234): "Thoạt tiên Seth trong Sáng Thế Ký, cha của Enoch (con người), phải được xem như là tương đương với cái xuất phát từ Elohim, cha của Adam". Trong Đại Kim Tự Tháp

Người đầu tiên ở trên trần thế … người thứ nhì (người cuối cùng, hay đúng hơn là người cao siêu nhất) là Chúa Trời. ([1])

Trong ẩn dụ Ãryan, tất cả các con của Brahmã nổi loạn đều được trình bày tiêu biểu như là các tu sĩ khổ hạnh và các Đạo sĩ Yoga thánh thiện. Được tái sinh trong mỗi Thiên Kiếp, họ thường ra sức cản trở việc sinh sôi nảy nở của nhân loại. Khi Daksha (Đấng Prajãpati tức Đấng Sáng Tạo chính yếu) sinh ra 10 000 người con với mục đích cung cấp dân số cho thế giới, thì Nã rada – một đứa con của Brahmã, Đấng Đại Thánh Hiền, trong thực tế được xem là một Thiên Tôn, nếu không muốn nói Ngài chính là như vậy trên danh nghĩa – lại can thiệp vào và hai lần phá mục tiêu của Daksha, bằng cách thuyết phục những Đứa Con này cứ việc tu khổ hạnh và từ chối việc hôn nhân. Để trả đủa, Daksha nguyền rủa Nãrada phải *tái sinh làm người*. Trước đó, Brahmã cũng nguyền rủa Nãrada vì y cứ từ chối kết hôn, Ngài phán: "Bỏ cái hình dáng [Thiên Thần] hiện nay của ngươi đi; và rồi chui vào trong tử cung" – nghĩa là, biến thành người. ([2])

92 Mặc dù có nhiều lối tường thuật mâu thuẫn nhau về cùng một câu chuyện ấy, chúng ta cũng dễ thấy rằng Nãrada thuộc về Hạng "Con đầu lòng" của Brahmã đã dám nổi dậy chống lại luật sinh sôi nảy nở của động vật, vì thế họ phải chuyển kiếp làm người. Như đã trình bày, trong tất cả các Đấng

---

(trang 61) Staniland Wake đã cho rằng: "Theo Bunsen, Thần Linh này (Seth) là thần linh bản sơ của Bắc Ai Cập và Palestine". Cũng chính Bunsen cho chúng ta biết rằng trong thần học sau này của Ai Cập, Seth đã bị coi là một xác "ác quỷ", vì Ngài chính là Typhon và suy ra chính là chư Quỷ của Ấn Độ.

[1] Thánh thư Corinth 1, XV, 47.

[2] Vayu Purãna, chương 1 xv, câu 156

Thánh Hiền trong kinh Veda, Nãrada là vị khó hiểu nhất, vì Ngài có liên hệ mật thiết với các Giáo lý Huyền bí, nhất là với các Chu kỳ và Thiên Kiếp Bí Nhiệm.

Một vài phát biểu mâu thuẫn về Đấng Thánh Hiền này đã làm cho các nhà Đông phương học hoang mang rất nhiều. Người ta trình bày Ngài đã kiên quyết không chịu "sáng tạo", thậm chí còn tố cáo cha đẻ của mình (Brahmã) là "ngụy sư" ("false teacher") vì đã khuyên bảo Ngài mắc vào vòng hôn phối (điều này đã được tường thuật trong Nãrada-Pancha-Rãtra; thế mà người ta lại xem Ngài như là một trong các Đấng Prajãpati (Đấng Thủy Tổ)! Trong kinh Nãradĩya Purãna, Ngài mô tả các qui luật và các bổn phận của các Cao đồ vẫn độc thân. Vì người ta không thấy các bổn phận Huyền bí này trong áng văn gồm có 3 000 Đoạn kinh mà các Viện Bảo Tàng ở Âu Châu còn lưu trữ được, nên thiên hạ tố cáo là người Bà La Môn nói dối. Các nhà Đông phương học đã quên mất rằng người ta tin là Nãradĩya có tới 25000 Đoạn kinh, và rất có thể là các Bản thảo như vậy lại bị lọt vào tay kẻ phàm tục Ấn Độ, để rồi chịu mai một đi. Chỉ cần nói rằng Nãrada là Deva-Rishi của Huyền bí học *nhiệm mầu*, và nhà Huyền bí học nào không chịu suy gẫm, phân tích và nghiên cứu Nãrada theo bảy phương diện nội môn, thì đừng hy vọng phăng ra được vài Bí nhiệm về nhân loại học, niên đại ký, thậm chí cả về vũ trụ nữa. Nghệ thuật là một trong các Linh Hỏa nêu trên và giữ một vai trò nào đó trong cuộc tiến hóa của Thiên Kiếp này, từ đầu chí cuối. Ngài là một diễn viên cứ xuất hiện trong từng hồi liên tiếp (tức các Căn chủng) của vở kịch Chu kỳ Khai Nguyên hiện nay, trong các ẩn dụ thế giới vốn là chủ điểm của Nội môn Bí giáo, và nay trở nên quen thuộc với độc giả. Nhưng đề nghị chúng ta nên quay sang các Thánh kinh

và các tài liệu cổ truyền khác để bổ chứng cho các "Linh Hỏa", các "Điểm Linh Quang" và các "Ngọn Lửa"? Nếu chúng ta tìm đúng chỗ thì chúng đâu có thiếu.

Chúng được phát biểu rõ rệt trong Bí Nhiệm Thánh Thư của Do Thái Bí giáo, cũng như trong Ha Idra Zuta Qadisha (Tiểu Thánh Hội). Lời lẽ rất là bí nhiệm, nhưng vẫn còn hiểu được. Trong tác phẩm Tiểu Thánh Hội, trong các Điểm Linh Quang của các Thế giới trước, "các Ngọn Lửa và các Điểm Linh Quang đang rung động", xuất phát từ viên đá lửa thiêng, "Hóa Công" tiến hành việc sáng tạo ra con người "nam và nữ" (427). Người ta đã nói một cách bóng bẩy là "các Ngọn Lửa và các Điểm Linh Quang này – Các Thiên Thần và Thế giới của họ, các Ngôi Sao và Hành Tinh – phải tắt đi, nghĩa là *vẫn không biểu lộ* cho tới khi một tiến trình nào đó trong Thiên Nhiên đã được hoàn thành. Để chứng tỏ các
93 sự kiện quan trọng nhất của Nhân Sinh Khởi Nguyên Luận đã bị che giấu không cho công chúng thấy đến mức nào, nay xin trích dẫn hai đoạn trong hai tác phẩm Do Thái Bí giáo. Đoạn đầu tiên được trích ra từ Ha Idra Zuta Qadisha như sau:

429. Một Ngọn Lửa rực rỡ xuất phát từ một Nguồn Sáng chói lọi không ai hiểu nổi [một trong Bảy Hành Tinh Thánh Thiện], các điểm linh quang (vốn là các thế giới trước) vọt ra như một cây búa khổng lồ, dũng mãnh.

430. Các điểm linh quang này hòa lẫn và phối hợp với nhau và chỉ hòa hợp với dĩ thái tinh anh nhất *khi chúng kết hợp nhuần nhuyễn với nhau* (thậm chí với cả Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu nữa).

431. Từ Phụ, xuất phát từ chính *Hoa* là AB; Ruach, Tinh Thần, xuất phát từ chính *Hoa*. Ruach được ẩn tàng trong Đấng Vô Lượng Thọ, dĩ thái ấy cũng được ẩn tàng trong đó.

432. Nó liên hệ với một nguồn sáng [một Hành Tinh và Thiên Thần chưởng quản nó], Nguồn sáng này xuất phát từ Nguồn sáng

chói lọi không ai chịu nổi, nó được ẩn tàng trong lòng của Aima, Đại Từ Mẫu. ([1])

Đoạn sau đây trích từ trong kinh Zohar ([2]) với đầu đề "Các Thánh Vương Thời Tiền Adam", cũng bàn về Bí nhiệm đó:

Trong Siphrah D'Tzniootha, chúng ta cũng được biết rằng trước khi chế ra Hình hài, At-tee'kah D'A't-tee'keen, Đấng Thái Cổ, đã dựng nên, chạm trổ và phác họa ra các thánh vương [con người, "vua"của loài vật] nhưng họ không thể tồn tại được: cho đến khi Ngài dẹp họ đi và *giấu kín họ trong một thời gian*, vì thế người ta mới bảo: "Đó là các Thánh Vương trị vì ở xứ Edom"… Họ không thể tồn tại được cho đến khi Resha' Hiv'rah, Đấng Bạch Thủ (the White Head), At'-tee'-kah D'At'tee'keen, Đấng Thái Cổ, đã chấn chỉnh lại. Khi chấn chỉnh mình lại, Ngài tạo ra mọi hình hài sắc tướng Bên trên và Bên dưới… Trước khi Ngài chấn chỉnh mình lại trong Hình hài của mình, tất cả những gì mà Ngài muốn tạo ra đều chưa hề tồn tại, và mọi bầu thế giới đều đã bị hủy diệt… Chúng đã không ở đúng vị trí của mình vì hình hài của các thánh vương chưa được tạo ra như mong muốn và *Thánh Đô (Holy City) chưa được sửa soạn.([3])*

Hai bài nghị luận có tính cách ẩn dụ và siêu hình này chỉ có nghĩa như sau: Theo luật tiến hóa, các Bầu thế giới và con người lần lượt thành rồi hoại, bắt nguồn từ vật liệu có sẵn, cho đến khi cả các Hành Tinh lẫn con người, Trái Đất với các loài vật và loài người, đều biến thành tình trạng hiện nay – các lực đối cực, một tập hợp quân bình gồm có Tinh Thần và

---

[1] Xem Vén Màn bí mật Thánh kinh Kabalah, của Mather, trang 302.

[2] Được dịch lại trong kinh Qabbalah của Isaac Myer, trang 386 – 387.

[3] Zohar iii, 135 a, 292a, Idra Zootah. Ấn bản Brody, Idra Zootah, được trích dẫn trong kinh Qabbalah của Myer, trang 386.

Vật Chất, dương và âm, thư và hùng. Trước khi con người trở nên có *thể chất* nam và nữ, nguyên kiểu của y (Đấng Elohim sáng tạo) phải chấn chỉnh Hình hài của mình lại (về mặt *cảm dục*) trên cảnh giới tính dục này. Điều này có nghĩa là khi giáng vào trong cảnh giới biến phân đã định sẵn này, các Nguyên tử và các lực hữu cơ phải được sắp xếp theo trật tự mà Thiên Nhiên đã dự định để có thể thi hành được một cách vô nhiễm cái định luật mà kinh Kabalah gọi là "Sự Quân Bình". Nhờ có định luật này, vạn hữu đều phân chia âm dương trong giai đoạn vật chất toàn bích tối hậu hiện nay. Chokmah (Minh Triết, Sephira Hùng), phải thấm nhuần
94 Binah (Vũ Trụ thông tuệ tức Trí Tuệ). Do đó, Căn chủng thứ Nhất gồm những người vô giới tính và vô trí, phải bị dẹp đi và bị "giấu kín trong một thời gian". Điều này có nghĩa là thay vì bị diệt vong, Giống dân thứ Nhất lại biến nhập vào Giống dân thứ Nhì giống như một vài sinh vật và thực vật hạ đẳng đối với hậu duệ của mình. Đó là một sự biến hóa triệt để, toàn diện. Căn chủng thứ Nhất biến thành Căn chủng thứ Nhì mà không hề sản sinh ra nó hoặc bị diệt chủng.

Được biết, "Họ phát triển song song với nhau, giống này mất đi thì giống khác lại kế vị". ([1])

Tại sao vậy? Bởi vì "Thánh Đô chưa được sửa soạn xong". Thế thì Thánh Đô là cái gì? Đó là Ma-qom-Mật địa, tức Thánh Điện, trên Trần Thế. Nói cách khác, đó là tử cung của con người, vật mô phỏng và phản ánh Khuôn viên Thiên giới trong tiểu thiên địa (Khuôn viên Thiên giới là Không gian âm tính tức Hỗn mang, Tinh Thần dương tính làm thụ thai mầm

[1] Sáng Thế Ký, xxvi, 31 và tiếp theo, kinh Qabbalah của Myer, như trên.

mống của Con – tức Vũ Trụ hữu hình – trong đó) ([1]). Đến nỗi mà trong đoạn "Phân thân của các Nguyên khí Thư và Hùng" trong kinh Zohar, người ta có dạy rằng trên Địa Cầu này, Minh Triết xuất phát từ "Đấng Thánh Cổ" "sẽ không tỏa chiếu ngoại trừ nơi nam và nữ".

('*Hokhmah* Minh Triết là Từ Phụ, còn *Binah* Trí Huệ là Từ Mẫu).

… Khi kết hợp với nhau, chúng tạo ra, phổ biến và xạ ra Chân lý. Chúng ta được biết điều này theo lời của giáo sĩ Do Thái Ye-yeva, Sabah, nghĩa là Đấng Cổ Sơ Binah Trí Huệ là gì? Nhưng khi kết hợp với nhau, Yod trong Hed bị thấm nhuần và sinh ra một Hiếu Tử. Do đó, nó được gọi là *Binah* (Trí huệ). Nó có nghĩa là BeN YaH, tức là Con của YaH. Đây chính là sự viên mãn của Tổng thể. ([2])

Đây cũng chính là "sự viên mãn" của tục sùng bái sinh thực khí của các giáo sĩ Do Thái (sự phát triển tột đỉnh của nó), khi cái thiêng liêng bị hạ bệ thành ra cái thô tục của trần thế. Trong Huyền bí học Đông phương, cũng như trong kinh Kabalah nguyên thủy – Số Mục Thánh Thư của dân Chaldea không có những gì được trình bày một cách thô tục như vậy. Trong Nữ Thần Isis Lộ Diện, chúng tôi đã cho rằng:

Chúng tôi nhận thấy các tác giả Thiên Chúa chẳng khôn ngoan chút nào khi tức giận lên trước những câu như sau: "Trong vô số chùa chiền, tượng đá để sùng bái bao giờ cũng có dạng tục tĩu của *sinh thực khí nam (lingham)…* chẳng khác nào *batylos* của người Hy Lạp… Đại Thiên Thần (Mahã Deva)". Trước khi phỉ báng một biểu tượng có ý nghĩa siêu hình cực kỳ thâm thúy đối với những kẻ hiện nay ủng hộ cái thứ tôn giáo *vô cùng* đắm say thú dục, Thiên Chúa

[1] Xem quyển 4, Tiết 3, Mật Điện.

[2] Kinh Zohar,iii, 290a, ấn bản Brody. Idra Zooth trích dẫn trong kinh Qabbalah của Isaac Myer, trang 387 – 388.

giáo La Mã (Roman Catholicism), họ có bổn phận phải dẹp tan các giáo đường xưa nhất và thay đổi hình dạng của các nóc vòm Thánh Điện của chính mình. Mahadeo ở Elephanta, Tháp tròn ở Bhagulpore, các tháp ở giáo đường Hồi giáo (dù là tròn hay nhọn) đều là nguyên dạng của cột tháp chuông ở San Marco, Venice, Vương Cung Thánh Đường Rochester và Vương Cung Thánh Đường hiện đại Duomo ở Milan. Tất cả các gác chuông, tháp, mái vòm và Thánh điện Thiên Chúa giáo này đều mô phỏng theo ý niệm bản sơ về *lithos*, tượng sinh thực khí nam đứng thẳng. ([1])

95 Dù sao đi nữa, kinh Kabalah cũng chứng minh đầy đủ được sự kiện cho rằng tất cả các Đấng Elohim, các Điểm Linh Quang (Sparks) và Tiểu Thiên Sứ (Cherubs) này của người Hebrew đều giống y như là các Thiên Thần (Devas), Thánh Hiền (Rishis), Linh Hỏa (Fires), Ngọn Lửa (Flames), Rudras (Thần Bão Lửa) và bốn mươi chín Agni (Hỏa Thần) của người Ãrya thời xưa.

ĐOẠN KINH 4

SỰ SÁNG TẠO RA CÁC GIỐNG DÂN ĐẦU TIÊN

(CREATION OF THE FIRST RACES)

14. Sự sáng tạo ra con người. 15. Họ là các hình bóng trống rỗng. 16. Các Đấng Sáng Tạo băn khoăn không biết làm sao sáng tạo ra một con người BIẾT SUY TƯ. 17. Muốn tạo ra một Con người toàn bích cần phải có những gì.

14. BẢY TẬP ĐOÀN CÁC ĐẤNG CHÍ SINH ([2]), ĐƯỢC TINH THẦN PHÚ SINH THÚC ĐẨY ([3]) , TÁCH NHÂN LOẠI RA KHỎI MÌNH, MỖI VỊ Ở KHU VỰC RIÊNG CỦA MÌNH.

---

[1] Quyển ii, 5.

[2] Tức là Trí sinh (Mind-born).

[3] Vô cực điện (Fohat).

Họ phóng chiếu ra các "Hình bóng" tức các *Dĩ Thái Thể* (*Astral Bodies)* (nếu người ta cho rằng một vị "Nguyệt Tinh Quân" có thể có một Dĩ Thái Thể, ngoài một Thể khá tinh anh ra). Một Giảng lý khác có dạy rằng những vị "Tổ Tiên" *thở ra* con người đầu tiên, chẳng khác nào Brahmã thở ra các vị Thần Linh (Suras) khi họ biến thành các A Tu La (do từ nguyên Asu là hơi thở). Một câu Giảng lý thứ ba nói rằng những người mới được sáng tạo là những "hình bóng của những Hình Bóng".

Câu này – "Họ là hình bóng của những Hình Bóng"- cần được giải thích thêm một ít nữa. Phương thức tiến hóa đầu tiên này của nhân loại dễ có thể được chấp nhận hơn nhiều so với diễn trình tiếp theo sau đó. Mặc dù vậy, tất cả các tiến trình như vậy sẽ bị bác bỏ và nghi ngờ ngay cả bởi một vài tín đồ Do Thái Bí giáo, nhất là những người Tây phương, họ nghiên cứu các hiệu quả hiện tại mà lại bỏ qua không chịu nghiên cứu các nguyên nhân sơ khởi. Tác giả cũng cảm thấy mình không đủ khả năng giải thích một lối sinh sản khó hiểu như vậy (ngoại trừ đối với một nhà Huyền bí học Đông phương). Do đó, ở đây chẳng có ích lợi gì mà lại đi sâu vào các chi tiết của tiến trình này, mặc dù nó đã được mô tả tỉ mỉ trong các tác phẩm Mật Tông, vì điều này chỉ tổ khiến chúng ta đề cập tới các sự kiện đến nay vẫn còn xa lạ với giới phàm tục, và vì thế ắt sẽ bị hiểu lầm. Một ông "Adam" làm bằng cát bụi có lẽ được một hạng đạo sinh sẵn lòng chấp nhận hơn là một người được phóng chiếu ra từ các thể khinh thanh của vị sáng tạo. Tuy vậy, giả thuyết Adam chưa từng bao giờ được nghe nói đến, còn giả thuyết sau (như mọi người đều biết) lại rất quen thuộc với nhiều nhà giáng ma học Âu Mỹ, họ ắt phải
96 hiểu nó. Có ai đã từng chứng kiến hiện tượng một hình thể thoát ra từ lỗ chân lông (hoặc có khi từ *bên hông trái*) của một

người đồng tử, mà lại có thể (ít ra là) không tin vào sự khả hữu của thuyết sáng tạo nói trên? Nếu trong Vũ Trụ có những vị dược gọi là Thiên Thần hay Thần Linh, với bản thể tinh anh *vô tướng* có thể cấu tạo nên một Thực Thể thông tuệ, dù rằng không có một cơ thể hữu hình (đối với mắt phàm), và nếu có những kẻ tin rằng Thượng Đế nặn ra người đầu tiên bằng đất sét rồi phà vào người này một linh hồn (và có hàng triệu người tin nơi cả hai điều trên), thì giáo lý huyền môn nói trên có gì là quá đáng? Chẳng bao lâu nữa, thế giới sẽ phải chọn lựa hoặc là chấp nhận sự sáng tạo ra con người (và cả Vũ trụ) từ hư vô một cách thật là kỳ diệu khi giải thích Sáng Thế Ký theo lối chấp nê văn tự, hoặc là một người đầu tiên sinh ra từ một khoen nối hoang đường – tức là tổ tiên chung của con người và "con khỉ đích thực" ([1]). Huyền bí học

[1] "Dựa vào các khám phá hiển nhiên nhất của cơ thể giải phẫu học đối chiếu, Huxley có thể long trọng phát biểu rằng những điểm dị biệt về cơ thể giữa con người và các con khỉ cao cấp nhất còn ít hơn các điểm dị biệt giữa các con khỉ cao cấp nhất và các con khỉ ít tiến hóa nhất. Xét về cây nhân phả hệ (genealogical tree of man), chúng ta ắt phải suy ra là loài người đã *tiến hóa dần dần từ các con khỉ đích thực mà ra (Nòi giống Con Người* của Ernst Haeckel, bản dịch của Ed. B. Aveling, trang 49).

Thử hỏi khoa học và luận lý có thể phản đối kết luận ngược lại như thế nào? Những điều tương tự về việc giải phẫu cơ thể giữa Con người và Các loài giống người – theo ông de Quatrefages, các kẻ theo thuyết tiến hóa của Darwin đã thổi phồng chúng lên một cách thô bỉ - chỉ được biện minh thỏa đáng khi chúng ta xét tới nguồn gốc của các loài giống người.

"Trong các lớp trầm tích xa xưa, chúng ta chẳng hề thấy một con khỉ gần giống với con người hoặc một con người giống với một con khỉ".

đã dung hòa được hai điều hoang tưởng này. Huyền bí học dạy rằng dòng dõi nhân loại đầu tiên được các Đấng Thiêng Liêng thuộc đủ mọi cấp phóng chiếu ra từ bản thể tinh anh của mình. Phương thức này có thể bị xem như bất bình thường (thậm chí không thể quan niệm được) vì nó có vẻ lạc hậu, lỗi thời trong trình độ tiến hóa hiện nay, nhưng nó lại được chứng minh là có thể xảy ra dựa vào uy tín của một vài sự kiện "giáng ma" ("spirituallistic" *facts*). Vậy thì thử hỏi, trong ba giả thuyết nêu trên, giả thuyết nào hợp lý nhất và ít lố bịch nhất? Chắc hẳn là không một người nào – miễn là y đừng quá nặng óc duy vật – có thể phản đối Giáo lý Huyền bí.

Như đã giải thích ở trên, Huyền bí học dạy rằng con người đã không hề được sáng tạo ra một cách hoàn hảo như hiện nay, mặc dù y vẫn còn rất bất toàn. Có một diễn trình tiến hóa tinh thần, tâm linh, trí tuệ và thú dục từ mức cao nhất cho tới mức thấp nhất, từ trạng thái giản dị đơn thuần tiến lên trạng thái phức tạp hơn, mặc dù không hẳn đúng theo những đường lối mà các nhà Tiến hóa luận hiện đại đã vạch ra cho chúng ta. Cuộc tiến hóa song đôi theo hai chiều hướng đối nghịch này, phải cần đến nhiều thế hệ, nhiều tính chất cùng với nhiều trình độ tâm linh và trí tuệ khác nhau, để cấu tạo nên thực thể gọi là con người như ngày nay. Hơn nữa, có một định luật duy nhất, tuyệt đối, luôn luôn tác động và không bao giờ lầm lạc, vẫn theo những đường lối như
97 nhau từ Chu kỳ Vĩnh Cửu (tức Chu kỳ Khai Nguyên) này

"Các hố sâu ngăn cách giữa con người và con khỉ vẫn cứ y nguyên khi chúng ta truy nguyên nó tới tận Đệ tam kỷ. Chỉ riêng sự kiện này thôi cũng làm nổi bật lên tính cách bấp bênh của nó". (Tiến sĩ F. Pfaff, Giáo sư vạn vật học ở viện Đại học Erlangen).

sang Chu kỳ khác. Định luật ấy luôn luôn cung cấp một giai tầng tiến hóa cho mọi vật biểu lộ hay cái gọi là Đại Hão Huyền, nhưng mặt khác lại làm cho Tinh Thần ngày càng chìm sâu vào vật chất, để rồi lại *cứu chuộc nó xuyên qua xác thịt* và giải thoát nó. Để thực hiện những mục đích này, định luật ấy sử dụng những Đấng Thiêng Liêng từ những cõi cao, con người, hay các Thể Trí (Manus), tùy theo sự đòi hỏi của nghiệp quả. Đến đây, xin độc giả hãy quay về Triết học và Tôn giáo Ấn Độ. Phần Nội môn Bí giáo của cả hai đều đồng nhất với Giáo Lý Bí Nhiệm, cho dù phần hình thức có dị biệt đến đâu đi chăng nữa.

BÀN VỀ SỰ ĐỒNG NHẤT VÀ DỊ BIỆT CỦA CÁC QUYỀN NĂNG LÂM PHÀM

(ON THE IDENTITY AND DIFFERENCES OF THEO INCARNATING POWERS)

Các Thủy Tổ của Con Người (ở Ấn Độ gọi là các Tổ Phụ, Pitaras hay Pitris) đã "Sáng Tạo" ra cơ thể và các nguyên khí hạ đẳng của chúng ta. Các Ngài chính là chúng ta (trên cương vị các phàm ngã đầu tiên) và chúng ta chính là các Ngài. Con người nguyên thủy ắt phải được tạo nên "bằng xương thịt của các Ngài" (nếu các Ngài có xương thịt). Như đã nói, đó là các "Nguyệt Tinh Quân".

Các Đấng ban cho con người CHƠN NGÃ bất tử, hữu thức chính là các "Thái Dương Thiên Thần", dù là xét về mặt ẩn dụ hay theo sát nghĩa. Có biết bao nhiêu là bí nhiệm về vấn đề Chơn Ngã Hữu Thức tức Nhân Hồn. Theo sát nghĩa, tôn danh Nội môn của các Thái Dương Thiên Thần này là các "Đấng" (Nãth) "tận tụy kiên trì" (Pranidhãna). Do đó, các Đấng thuộc Nguyên khí *thứ Năm* (Trí Tuệ) dường như có liên quan với hoặc phát nguyên từ hệ thống các đạo sĩ Yoga xem

Pranidhãna là giới luật *thứ năm* của mình ([1]). Người ta đã giải thích, tại sao các nhà Huyền bí học xuyên Hy Mã Lạp Sơn lại xem các Ngài đương nhiên là đồng nhất với các Đấng được người Ấn Độ mệnh danh là Thiên Tôn, Nhật Tinh Quân và Nguyệt Tinh Quân.

Khi định nghĩa Linh Hồn là sự phối hợp giữa cái *đồng nhất* và cái *dị biệt*, Plato đã diễn đạt chính xác biết là chừng nào, và nhận xét của ông về Chơn Ngã có một ý nghĩa triết lý thâm thúy biết là dường nào. Thế nhưng, ẩn ngôn này đã chẳng được thấu triệt bao nhiêu, vì thiên hạ cứ tưởng rằng điều này có ý muốn nói Linh Hồn là Linh khí của Thượng Đế (Jehovah). Nó chính là "cái *đồng nhất* và cái *dị biệt*" đúng như bậc đại sư triết học gia được Điểm đạo đã nói. Ấy là vì Chơn ngã – "Linh Ngã" ("Higher Self") khi hòa hợp với và trong Chơn Thần Thiêng Liêng – chính là Chơn Nhơn, tuy *giống* mà lại "*khác*"; Đấng Thiên Thần lâm phàm nơi y có cùng bản thể với toàn Linh Trí. Các đại tác giả và các đại triết gia cổ điển đã cảm nhận được chân lý này khi cho rằng:

> Bên trong chúng ta phải có một cái gì tạo ra các tư tưởng của chúng ta. Đó là một thứ tinh anh; đó là một linh khí; lửa; dĩ thái; tinh chất; một hình ảnh mong manh; một tiến trình suy tư; một con số; đó là sự hài hòa.([2])

98 Tất cả đều là các Đấng Mãnas (Trí Tinh Quân) và Rãjasa (Cảm Dục Tinh Quân); các Thiên Tôn, A Tu La, các Đấng Chưởng Quản và Thủy Tổ khác, các Ngài đã lâm phàm trong Giống dân thứ Ba và dùng nhiều phương pháp khác nhau để ban cấp Thể Trí cho con người.

---

[1] Xem Yoga Shãstra, ii, 32.

[2] Voltaire.

Có Bảy Hạng Thủy Tổ (điều này sẽ được trình bày sau), ba hạng Vô thể chất và bốn hạng Hữu thể chất; có hai loại thủy tổ là Nhật Tinh Quân và Nguyệt Tinh Quân. Chúng ta có thể nói thêm rằng, cũng như có hai loại Thủy Tổ, có một tập hợp lưỡng phân và tam phân gồm các Nguyệt Tinh Quân và các Nhật Tinh Quân. Sau khi đã sinh ra các Dĩ Thái Hình, các Nguyệt Tinh Quân tái sinh làm Con của Atri, và là "Thủy Tổ của Chư Quỷ" (tức các Đấng Hữu thể chất), dựa vào thẩm quyền của Đức Bàn Cổ. Trong khi đó, các Nhật Tinh Quân tái sinh làm các con của Marĩchi, một đứa Con của Brahmã, và là "Thủy Tổ của chư Thần Linh".([1])

Vãyu Purãna cho rằng thoạt tiên, bảy hạng Thủy Tổ đã là *chư thần linh bản sơ* (Vairãjas). Với linh nhãn Yoga, Brahmã đã chiêm ngưỡng họ trong cảnh giới vĩnh cửu. Đó là các *thần linh vô thượng… Matsya Purãna…* thêm rằng chư thần linh đã tôn thờ họ ([2]).

---

[1] Matsya Purãnas, Padma Purãnas và Kullũka bàn về Mãnava-Dharma- Shãstra, iii, 195. Chúng ta biết rõ rằng Vãyu Purãnas và Matsya Purãnas đồng nhất hóa (phù hợp với lối thuyết minh của Tây phương) chư Nhật Tinh Quân với các mùa, chư Nguyệt Tinh Quân với các tháng; cộng thêm một hạng thứ tư (K ãvyas) tức là các năm tuần hoàn. Nhưng chẳng lẽ các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã không đồng nhất hóa các Thiên Thần của mình với các Hành Tinh hay sao? Chẳng lẽ Bảy Thánh Hiền không được biến thành Saptarishis (một chòm sao) ư? Các Ngài là chư Thần Linh chủ trì mọi phép phân chia tuần hoàn. [Bốn hạng thủy tổ là: (1) Các con của Atri; (2) Các Nguyệt Tinh Quân; (3) Các Nhật Tinh Quân; (4) Kãvyas].

[2] Vishnu Purãna, Wilson, Quyển iii, 158 – 159.

Harivamsha phân biệt các Đấng Vairãjas, xem như chỉ là một hạng Thủy Tổ thôi ([1]). Điều này cũng được Giáo huấn Bí nhiệm bổ chứng, tuy nhiên giáo huấn này lại đồng nhất hóa các Đấng Vairãjas với các Nhật Tinh Quân trưởng thượng ([2]) và các Rãjasas hay Abhũtarãjasas; đó là các Đấng vô thể chất, thậm chí không có cả một dĩ thái hình nữa. Hầu hết các Bản thảo đều cho rằng Vishnu đã lâm phàm nơi và xuyên qua các Ngài.

Trong thời kỳ *Tộc Trưởng* [Chu kỳ Khai Nguyên] Raivata, Hari, Đấng Chí Tôn, lại sinh ra bằng Sambhũti, làm Trí Tinh Quân thiêng liêng – phát xuất cùng với các vị thần được gọi là Rãjasas ([3]).

Sambhũti là con gái của Daksha và là phu nhân của Marĩchi (Cha của các Nhật Tinh Quân). Các Nhật Tinh Quân cùng với các Rãjasas bao giờ cũng liên minh với các Trí Tinh Quân. Ông Fitzedward Hall, một nhà nghiên cứu tiếng Bắc Phạn có tài hơn Wilson rất nhiều, đã nhận xét như sau:

Mãnasa đâu phải là một danh xưng thích hợp dành cho một thần linh liên kết với các Rãjasas. Dường như trong đó, chúng ta có *mãnasam* (cũng giống như *manas*) với sự thay đổi ngữ vĩ (termination) cần thiết để biểu thị nhân vật nam ([4]).

Theo Nĩlakantha, tất cả các Con của Virãja, đều là Trí Tinh Quân. Còn Virãja lại là Brahmã; do đó, các Thủy Tổ vô thể

---

[1] Tiết 1, 935 – 936.

[2] Vãyu Purãna trình bày là vùng được gọi là Virãja-loka có các Nhật Tinh Quân cư trú.

[3] Wilson, như trên, Quyển iii, trang 17. Chú thích của Fitzedward Hall.

[4] Phần đã dẫn, như trên.

chất được xem là Vairãjas, vì chính là các con của Virãja (theo Vãyu Purãna).

99 Chúng ta có thể cứ đưa ra bằng chứng *mãi mãi,* nhưng như thế cũng đủ rồi. Kẻ minh triết sẽ hiểu được ý chúng tôi, còn kẻ thiếu minh triết thì lại không cần. Ở Ấn Độ có tới ba trăm ba mươi triệu Thần Linh. Tất cả đều có thể là devas, nhưng không phải vị nào cũng là "thần linh" ("god") theo ý nghĩa tâm linh cao cả mà người ta gán cho từ này. Nhưng bậc học giả diễn giảng về Chí Tôn Ca đã nhận xét như sau:

Đây là một lỗi lầm tệ hại mà dân Âu Tây thường mắc phải. Deva là một loại thực thể tâm linh (spiritual being) và vì trong ngôn ngữ thông thường, từ ngữ này cũng được dùng để chỉ thần linh, nên không được suy ra rằng chúng ta có và tôn thờ ba trăm ba mươi triệu thần linh. Dĩ nhiên là chúng ta có thể suy ra rằng các thực thể này có *một mối tương đồng nào đó* đối với một trong ba *upãdhis* [các nguyên khí căn bản] tạo ra con người ([1]).

Tôn danh của các thần linh thuộc một hạng huyền bí nào đó thay đổi tùy theo mỗi Chu kỳ Khai Nguyên. Như vậy có mười hai Đại Thần (Great Gods), Jayas, mà Brahmã tạo ra để giúp Ngài trong việc sáng tạo vào lúc khởi đầu Thiên Kiếp. Vì mải miết nhập định, nên các Đấng này lơ là việc sáng tạo; sau đó các Ngài bị nguyền cho phải tái sinh mãi mãi trong mỗi Chu kỳ Khai Nguyên cho tới Chu kỳ thứ Bảy. Các Ngài lần lượt được gọi là Ajitas, Tushitas, Satyas, Haris, Vaikunthas, Sãdhyas và Ãdityas ([2]). Các Ngài là Tushitas trong Thiên Kiếp thứ Nhì, và là Ãdityas trong thời kỳ

[1] Tạp chí Theosophist, tháng 3 năm 1887, trang 360.

[2] Xem Wilson, Quyển ii, trang 26.

Vaivasvata ([1]); ngoài ra còn có các danh xưng khác ứng với mỗi thời đại. Nhưng các Ngài lại đồng nhất với các Trí Tinh Quân hoặc các Rãjasas (Cảm Dục Tinh Quân), còn các Đấng này lại đồng nhất với các Thiền Định Đế Quân lâm phàm.

Đúng vậy, ngoài các Đấng này ra, cũng như loài Dạ Xoa (Yakshas), Ganddharvas (Nhạc Thần), Kinnaras v..v…, các Đấng này cũng đã *biệt lập ngã tính* và ở nơi Cảnh Giới Cảm Dục, còn các Devas (Thiên Thần) thực sự, gồm có các Ãdityas, Vairãjas (Thiên Thần), A Tu La và tất cả các Thực Thể Thiên giới cao cấp mà giáo lý Huyền bí gọi là Manasvin (Đấng Minh Triết trác tuyệt). Các Ngài ắt đã biến tất cả mọi người thành ra các Thực Thể thông tuệ, hữu ngã thức như mong muốn, nếu các Ngài đã không bị "nguyền rủa" ("crused") phải sa vào vòng sinh sinh hóa hóa, phải tái sinh làm thế nhân vì lơ là bổn phận của mình.

15. BẢY LẦN BẢY HÌNH BÓNG ([2]) CỦA NHÂN LOẠI TƯƠNG LAI ([3]) (a) ĐƯỢC SINH RA ([4]) , MỖI THỨ THUỘC MỘT LOẠI RIÊNG BIỆT VÀ CÓ MÀU DA RIÊNG BIỆT (b)([5]) . MỖI THỨ ([6]) ĐỀU THẤP KÉM HƠN TỪ PHỤ CỦA MÌNH ([7]). CÁC TỪ PHỤ, KHÔNG CÓ XƯƠNG, KHÔNG THỂ BAN SỰ SỐNG CHO CÁC THỰC THỂ CÓ XƯƠNG, HẬU DUỆ CỦA HỌ LÀ BHŨTA ([8]), VỐN CHẲNG CÓ HÌNH HÀI, MÀ CŨNG CHẲNG CÓ THỂ

---

[1] Xem Vãyu Purãna, được trích dẫn trong Vishnu Purãna, Quyển ii, trang 226.

[2] Chhãyãs

[3] Tức Amãnasas.

[4] Như thế đó.

[5] Nước da.

[6] Cũng.

[7] Đấng Sáng Tạo.

[8] Các bóng ma.

TRÍ. DO ĐÓ, HỌ ĐƯỢC GỌI LÀ GIỐNG DÂN BÀO ẢNH (THE CHHÃYÃ RACE).(1)

a. Như đã nhận xét, *Manu* có từ nguyên là *man,* suy nghĩ, và vì thế, nó có nghĩa là một "nhà tư tưởng". Rất có thể từ ngữ Bắc Phạn này đã đẻ ra các từ ngữ *mens* (Trí) của La Tinh,
100 *Menes* ("Trí Thống Soái"-"Master-Mind") của Ai Cập, *monas* (đơn vị suy tư hữu thức cũng như là tâm trí) của Pythagoras, thậm chí cả *manas* (thể trí), nguyên khí thứ năm nơi con người nữa; vì thế, các Hình bóng này được gọi là *Amãnasa* (Vô trí).

Đối với Thánh kinh Brãhmanas, các Pitris, rất linh thiêng, vì các Ngài là Thủy Tổ (2) của con người – các Đấng Mãnushyas đầu tiên trên Địa Cầu này – người Bà La Môn thường tế lễ các Ngài khi hạ sinh được một đứa con. Các Ngài được tôn trọng hơn và việc tôn thờ các Ngài lại quan trọng hơn việc tôn thờ Thần Linh (3).

Nay chúng ta thử tìm hiểu về ý nghĩa triết học nơi nhóm Thủy Tổ lưỡng phân này.

---

1 Hình bóng.

2 Điều này được ám chỉ trong Nữ Thần Isis Lộ Diện (quyển I, trang xxxviii), mặc dù lúc bấy giờ không thể trình bày trọn vẹn phần giải thích: "Các Pitris không phải là thủy tổ của loài người sống vào thời hiện nay, mà là thủy tổ của loài người đầu tiên tức là giống dân Adam. Đó là tinh thần (spirits) của các giống *người*; trên nấc thang giáng hạ tiến hóa vĩ đại, họ đã xuất hiện trước các giống người của chúng ta và cao siêu hơn nhiều (xét về mặt vật chất cũng như tinh thần) so với giống dân nhỏ con (pigmies) thời nay. Trong Mãnava-Dharma Shãstra, họ được gọi là các Nguyệt Tinh Quân.

3 Xem Luật Bàn Cổ - Mãnava- Dharma Shãstra, iii, 203.

Các vị Thủy Tổ được chia làm *bảy* Hạng (*seven* Classes) và đây cũng là con số thần bí. Hầu hết các Thánh kinh Purãnas đều đồng ý rằng ba hạng trong đó là những vị Vô sắc tướng (Arũpa), không có hình thể, còn bốn hạng kia thì có Hình hài thể chất. Ba hạng trên là hạng trí tuệ và tâm linh, còn bốn hạng dưới thuộc về vật chất không có trí khôn. Xét về mặt Nội môn, chính các A Tu La tạo thành ba Hạng Thủy Tổ đầu tiên – "sinh ra trong Thể Đêm" ("Born in the Body of Night") – trong khi bốn hạng khác lại được tạo ra từ "thể Tranh tối tranh sáng" ("Body of Twilight"). Theo Vãyu Purãna, các Tổ Phụ của họ bị nguyền phải sinh ra làm những người đầu tiên trên Trần Thế. Người ta đã cố tình trộn lẫn các huyền thoại với nhau khiến chúng trở thành rất mù mờ; trong một huyền thoại, các Pitris là các Con của chư Thiên; trong một huyền thoại khác, các Ngài lại là các Con của Brahmã; trong khi đó, một huyền thoại thứ ba lại biến các Ngài thành ra các Đấng giáo huấn chính các Tổ Phụ của mình. Chính Tập Đoàn (Host) bốn Hạng vật chất đã đồng loạt sáng tạo ra con người trên bảy Vùng.

Nói về bảy Hạng Pitris, mỗi hạng lại được chia ra làm bảy, điều này sẽ được các môn sinh xem là hiển nhiên, trong khi kẻ phàm tục lại chất vấn. Trong trường phái chúng ta, các "Hạng Hỏa Thiên Tôn" (the "Fire Dhyãnis"), mà chúng ta hoàn toàn có đủ cơ sở để đồng nhất hóa với các Nhật Tinh Quân, được gọi là "Tâm" của Đoàn thể Thiền Định Đế Quân. Nghe nói các Ngài đã lâm phàm trong Giống dân thứ Ba và hoàn thiện hóa giống dân đó. Đạo pháp Nội môn đề cập tới mối liên hệ bí nhiệm giữa bản chất thất phân Tâm thiên thần này và tim con người. Mọi cơ quan thể chất, mỗi chức năng tinh thần và tâm linh của con người, đều là một phản ánh (tạm gọi như vậy), một bản sao trên cõi trần của nguyên kiểu

ở bên trên. Người ta ắt sẽ hỏi tại sao trong cấu tạo cơ thể con người lại có một sự trùng lặp kỳ diệu của con số bảy như vậy? Tại sao tim lại có *bốn xoang ở dưới và ba xoang ở trên,* tương ứng một cách kỳ diệu với cấu tạo thất phân của các nguyên khí con người (vốn được chia ra thành hai nhóm trên
101 và dưới)? Tại sao phép phân chia đó cũng hiện hữu trong nhiều hạng Pitris khác nhau, nhất là trong các Hỏa Thiên Tôn? Ấy là vì, như đã trình bày, các Đấng này được biến thành bốn Nguyên khí (quí vị muốn gọi chúng là gì thì gọi) Hữu thể chất hay thô trược, và ba Nguyên khí Vô thể chất tinh anh. Tại sao bảy tùng thần kinh trong cơ thể lại tỏa ra bảy tia? Tại sao lại có bảy tùng thần kinh này và tại sao da người lại có bảy lớp riêng biệt?

Giảng lý dạy:

Sau khi đã phóng chiếu các Hình bóng của mình và dùng Hành duy nhất [Dĩ Thái] tạo nên con người, các vị Thủy Tổ lại thăng lên cõi Đại Thiên (Mahã- Loka). Mỗi khi Thế giới lại đổi mới, các Ngài lại từ cõi ấy giáng lâm một cách định kỳ để khai sinh ra những Người mới.

Những Thể tinh anh ấy vẫn không có trí khôn [Manas] cho đến khi các Thần Linh (Suras) xuất hiện để rồi lại được gọi là A Tu La [Phi Thần].

Có lẽ đó chỉ là "*Phi Thần Linh*"(*"Not-Gods*") đối với người Bà La Môn, chứ còn đối với nhà Huyền bí học, đó lại là các "Linh khí" cao siêu nhất. Ấy là vì các vị Thủy Tổ vô sắc tướng và có trí tuệ không chịu cấu tạo nên con người, mà chỉ ban cho y trí khôn, còn bốn hạng hữu thể chất chỉ tạo nên thể xác.

Điều này đã được trình bày minh bạch trong nhiều kinh điển khác nhau của bộ Rig Veda (được xem như có thẩm

quyền nhất đối với một người Ấn Độ thuộc bất kỳ giáo phái nào). Trong bộ kinh đó Asuras có nghĩa là "thiêng liêng" và được xem như là đồng nghĩa với tinh thần vô thượng; còn từ ngữ Asuras theo nghĩa một "Thần Linh", được áp dụng cho Varuna, Indra và nhất là Agni. Thời xưa, ba Vị này là ba vị Thần *cao siêu nhất,* trước khi thần thoại học Bà La Môn đã xuyên tạc ý nghĩa chân thực của hầu hết mọi điều trong các Thánh kinh Cổ sơ. Nhưng vì bí quyết này đã thất truyền, nên các A Tu La rất hiếm khi được đề cập tới.

Trong Thánh kinh Zend Avesta, chúng ta cũng thấy y như vậy. Trong Bái Hỏa giáo, Asura là Tinh Quân Asura Vishvadevas, Đấng Toàn Tri. Còn theo Benfey, Asura Mazdhã (sau này biến thành Ahura Mazdhã) chính là "Đấng ban cấp *Trí Tuệ*"-Asura Medhã và Ahura Mazdão ([1]). Vẫn dựa vào nhân vật có thẩm quyền trên, người ta còn trình bày đâu đó trong tác phẩm này rằng Asura của người Ấn Độ và Ba Tư luôn luôn được xem như là thất phân. Sự kiện này, phối hợp với danh xưng Mazd hã như nêu trên, đã biến Asura thất phân thành ba Đấng hoặc Tập thể các "Đấng ban cấp *Trí Tuệ*"; liên kết các Amshaspends với các A Tu La và các Thiền Định Đế Quân lâm phàm cũng như các Đấng Elohim và bảy vị Thần phú linh của Ai Cập, Chaldea và mọi xứ khác.

Các tác phẩm ngoại môn cũng đã trình bày rằng "Chư Thần Linh" này không chịu tạo ra con người chẳng phải vì các Ngài quá kiêu ngạo nên không chịu chia sẻ quyền năng thiêng liêng của Bản Thể mình cho các Con của Trần Thế, mà vì các lý do đã nêu trên. Tuy nhiên, ẩn dụ cứ mải mê với các

[1] Các Thánh Kinh của Phương Đông, quyển IV, Zend-Avesta, phần dẫn nhập iv, trang lviii, bản dịch của James Darmesteter.

điều hoang tưởng vô tận, vì đâu đâu thần học cũng lợi dụng điều đó để phản kháng lại các Đấng Bản Sơ tức các vị Thượng Đế này, và khiến cho kẻ vô minh và dễ tin cứ đinh ninh rằng đó là một chân lý.(1)

Đâu phải chỉ có hệ thống Thiên Chúa giáo mới hạ thấp các thần linh này thành ra loài Ma Quỷ. Bái Hỏa giáo và cả Bà La Môn giáo nữa, cũng đã lợi dụng điều này để làm lung lạc tâm trí thiên hạ. Ngay cả trong ngoại môn hiển giáo của dân Chaldea, các Đấng *không chịu sáng tạo*, và do đó bị coi là chống lại Hóa Công, cũng bị tố cáo là các vong linh hắc ám. Chư thần linh được độc lập về mặt trí tuệ, đấu tranh với chư thần linh chưa được như vậy, và bị xem như là cứ miệt mài với các lễ nghi vô ích dựa vào niềm tin mù quáng (đây là một ẩn ngôn mà hiện nay các tín đồ Bà La Môn *chính thống* không hề biết tới); thế là chư thần linh độc lập biến ngay thành các A Tu La. Các đứa Con Đầu Lòng và các đứa Con Trí sinh của Thượng Đế không chịu sinh con cái, thế là Brahmã bèn *nguyền* chúng phải *sinh ra làm người*. Chúng đã bị xô *xuống Trần Thế* (theo các giáo điều của Thần học, sau này nó bị biến thành *Địa ngục trần gian*). Ahriman tiêu diệt Con Bò Mộng mà Ormazd đã tạo ra (nó là biểu hiện của cuộc sống *hão huyền* trên trần thế, "mầm mống của phiền não"). Thế là quên đi mất rằng hạt giống hữu hạn phải chết đi để cho cây trường sinh thiêng liêng có thể mọc và sống được, thiên hạ bèn tố cáo Ahriman là kẻ thù, lực lượng đối nghịch, Ma Quỷ. Typhon chia Osiris ra làm mười bốn mảnh để ngăn cản y tràn lan trên thế giới và tác yêu tác quái; thế là trong giáo lý thần học ngoại môn, Typhon biến thành Quyền năng Hắc ám. Nhưng

[1] So sánh thêm với những điều được trình bày về Makara và các Thiên Tôn liên quan tới Hoàng Đạo.

tất cả các điều này chỉ là lớp vỏ ngoại môn. Chính những kẻ tôn thờ thế lực hắc ám đã gán việc bất phục tùng và nổi loạn cho nỗ lực hy sinh của những vị đã giúp cho con người trở về tình trạng thiêng liêng nguyên thủy nhờ vào các nỗ lực *hữu ngã thức*; chính những kẻ tôn thờ *hình hài sắc tướng* đã biến ma quỷ thành ra các Thiên Thần Quang Minh.

Tuy nhiên, Nội môn Bí giáo dạy rằng *một phần ba* [1] các Đấng Thần Quân – nghĩa là ba Hạng Thủy Tổ vô sắc tướng và có trí thông tuệ, "vốn là một linh khí vô hình gồm có các *chất trí tuệ* chứ không phải là các chất ngũ hành" – vẫn còn phải đầu thai chuyển kiếp xuống thế gian [2] theo sự *chi phối*

---

[1] Do đó, mới có những lời khẳng định sau đây mà Thánh John đã đề cập tới trong cơn linh thị trong Thánh thư Khải Huyền: "Con Rồng đỏ có bảy đầu và *mười* sừng, đội bảy cái vương miện trên đầu, lấy đuôi kéo phần thứ ba của các ngôi sao trên trời và ném chúng xuống đất". Chương xii, v, 3 – 4.

[2] Câu thơ "ném chúng xuống đất" chứng tỏ rõ rệt là nó bắt nguồn từ một ẩn dụ vĩ đại nhất của các nhà huyền học Ăryan. Sau khi các người *khổng lồ* và các *thầy phù thủy* thời Châu Atlantis đã bị diệt vong, các nhà huyền học này đã ngụy trang chân lý – *thiên văn, vật lý và thiêng liêng* – dưới nhiều ẩn dụ khác nhau. Lối thuyết minh Nội môn xác thực của nó là một biện thần luận chân chính về cái gọi là các "Thiên Thần Sa Đọa". Nay các tín đồ Cơ Đốc giáo đã làm lẫn lộn phức tạp các Đấng sẵn sàng sáng tạo với các vị ngần ngại, không chịu sáng tạo. Họ đã quên mất rằng chính Tổng Thiên Thần cao cấp nhất của họ (Thánh Michael)- người ta trình bày là Ngài đã chinh phục (chế ngự và đồng hóa) được Con Rồng Minh Triết và Hy sinh thiêng liêng (nay bị gán cho và vu khống là Satan) lại chính *là người đầu tiên không chịu sáng tạo*. Điều này đã gây ra tình trạng rối rắm vô tận. Thần học Thiên Chúa giáo đã hiểu rõ ngôn ngữ nghịch lý và biểu tượng ký của Đông phương ít đến nỗi mà nó dám giải thích (theo lối chấp nê văn tự) nghi lễ ngoại môn của Ấn

của Định luật Nghiệp Quả và Tiến Hóa. Một số Đấng này là các
103 *Hóa Thân* từ các Chu kỳ Khai Nguyên khác. Do đó, tất cả các Thánh kinh Purãnas đều dạy rằng các vị ấy đã tái xuất hiện trên Địa Cầu, làm các bậc Vua chúa, Thánh Hiền và Anh hùng hào kiệt trong *Chu kỳ Khai Nguyên thứ Ba* – tức Giống dân thứ Ba. Như đã nói, vì có ý nghĩa triết học quá siêu hình khiến đại chúng không tài nào lĩnh hội được, nên giáo điều này đã bị giai cấp tu sĩ xuyên tạc, ngõ hầu duy trì được thế lực của mình đối với dân chúng, nhờ vào điều sợ hãi có tính cách mê tín dị đoan.

Như thế, cái gọi là những kẻ "Nổi loạn" ("Rebels") chỉ là những vị bị nghiệp quả bắt buộc phải nếm mùi cay đắng từ đầu chí cuối, tức là phải tái lâm phàm, biến những dĩ thái hình trơ trơ (do các Thần hạ đẳng phóng chiếu ra) thành các thực thể biết suy tư và có trách nhiệm. Tục truyền là một vài vị đã từ chối vì họ không có thứ chất liệu cần thiết – nghĩa là dĩ thái thể - vì bản chất các Ngài vốn không có hình thể. Những vị khác cũng đã từ chối vì các Ngài đã từng là các bậc Cao đồ và các Đạo sĩ chân tu trong những Chu kỳ dài đăng đẳng trước kia. Nhưng về sau, với tư cách là những *Đấng Hóa Thân (Nirmãnakãyas),* các Ngài tự hy sinh vì hạnh phúc và sự giải thoát của những Chơn Thần đang đợi đến lượt mình; nếu không có các Ngài, có lẽ họ phải chịu vất vưởng trong vô số thế hệ lâu dài trong những thể xác vô trách nhiệm, nửa người nửa thú, tuy rằng hình dáng bề ngoài có vẻ giống như người.

Độ và Phật giáo Trung Hoa là đã kêu réo to lên để hù con đại xích long đang lăm le cướp lấy "ánh sáng"! Nhưng ở đây, ánh sáng có nghĩa là Minh Triết Nội môn; vả lại, chúng tôi đã giải thích thỏa đáng về ý nghĩa bí nhiệm của các từ ngữ Rồng Rắn v..v… tất cả các từ ngữ này đều muốn nói tới các Cao đồ và Điểm đạo đồ.

Đó có thể là một chuyện ngụ ngôn và một ẩn dụ *lồng trong một ẩn dụ*. Việc giải thích nó xin dành cho trực giác của môn sinh, nếu y chỉ dùng *linh nhãn (spiritual eye)* để đọc những điều sau đây.

Còn nói về những vị Tổ Tiên cấu tạo ra họ - tức những vị Thiên Thần nghiêm chỉnh chấp hành Thiên Luật – các Ngài hẳn là phải đồng nhất với các Đấng Nguyệt Tinh Quân tức Pitris-Devatãs, nghĩa là những Đấng có *lửa sáng tạo vật chất*. Các Ngài chỉ có thể sáng tạo hay đúng hơn là bao bọc các Chơn Thần con người với những dĩ thái thể của mình, nhưng các Ngài không thể tạo ra con người theo hình ảnh của mình và giống y như mình. Khi được giao phó cho việc tạo ra loài động vật hạ đẳng – nhưng cao siêu hơn ([1]) – các Thần Linh *Sáng Tạo* đã tự nhủ: "Con người không được giống bất cứ kẻ nào trong chúng ta". Việc cấu tạo nên hình người bằng Bản Thể thiêng liêng của chính mình có ý nghĩa ẩn tàng là chính các Ngài đã trở nên Giống dân thứ Nhất, để chia sớt định mệnh và sự tiến hóa tương lai của giống dân này. Các Ngài *không muốn*, chỉ vì các Ngài *không thể* ban cho con người cái điểm linh quang sẽ bùng cháy và nở rộ thành ra lý trí và ngã thức của con người, vì các Ngài có nó không phải để cho. Công việc này được giao cho Cấp đẳng Thiên Thần mà người Hy Lạp tượng trưng bằng Prometheus, các vị này chẳng dính dáng gì đến thể xác, nhưng lại có liên hệ khắng khít với Chơn Nhơn.

104 Mỗi Hạng các Đấng Sáng Tạo ban cho con người những gì mà các Ngài có thể ban cho: một hạng cấu tạo hình thể bên ngoài, một hạng khác ban cho y cái bản thể về sau sẽ biến thành Chơn Ngã con người *do sự cố gắng tự bản thân của*

[1] Xem Sáng Thế Ký và Timaeus của Plato.

đương sự. Nhưng các Ngài không thể tạo nên con người hoàn toàn vô tội như chính mình (vô tội, vì mới chỉ có các thuộc tính sơ sài, lờ mờ và tất cả đều hoàn thiện – theo quan điểm con người – trắng trong, tinh khiết và lạnh như băng tuyết trinh bạch). Không phấn đấu thì làm gì có công lao. Người ta đâu có dự định là nhân loại phàm trần sẽ được tạo nên bởi những vị Thiên Thần của Linh khí Bản sơ. Do đó, người ta mới bảo rằng các Ngài đã không chịu sáng tạo và con người phải cam chịu để cho các vị Sáng tạo thấp thỏi hơn ([1]) cấu tạo

[1] Bất chấp mọi nỗ lực ngược lại. Thần học Thiên Chúa giáo – vốn bị đè bẹp bởi lối thuyết minh Nội môn Hebrew về cấu tạo của con người, mà nó chỉ hiểu theo *sát nghĩa* – vẫn không tài nào tìm ra được một lý do để biện minh cho việc "Thượng Đế, Đấng Sáng Tạo" đã tạo ra một người không có trí khôn và lương tri, Nó cũng không thể biện minh cho hình phạt tiếp theo sau một hành động mà Adam và Eve có thể viện cớ là vì *thiếu trí khôn*. Ấy là vì, nếu người ta thừa nhận rằng Chàng và Nàng không hề biết tới điều thiện và điều ác trước khi ăn trái cấm, thì làm sao chúng ta có thể mong đợi rằng họ biết *sự bất phục tùng là điều ác*? Nếu bảo rằng con người nguyên thủy vẫn là một sinh linh chỉ có trí khôn nửa vời (hay đúng hơn là không có trí khôn), thì sự sáng tạo ra y thật là vô ích, thậm chí còn tàn ác nữa (nếu y được một vị Thượng Đế toàn thiện toàn năng tạo ra). Nhưng ngay cả trong Sáng Thế Ký, người ta cũng trình bày là Adam và Eve được tạo ra bởi một Hạng thực thể thiên giới hạ đẳng (các Elohim), họ ghen tị với các đặc quyền cá nhân của cặp này, trên cương vị các tạo vật có lý trí và thông tuệ, đến nỗi mà họ nhất quyết không để cho con người "giống như mình". Điều này thật là hiển nhiên, ngay cả theo ý nghĩa chấp nê văn tự của Thánh kinh. Như vậy, các tín đồ phái Ngộ Đạo (Gnostics) thật là chí lý khi xem vị thần linh Do Thái giáo như là thành viên của một hạng cư dân hạ đẳng, vật chất và không mấy thánh thiện của Thế giới vô hình.

nên. Đến lượt các vị này cũng chỉ có thể ban cấp những gì có sẵn trong bản chất cá biệt của mình mà thôi chứ đâu còn gì hơn nữa. Bị khống chế bởi định luật trường cửu, các vị Thần Linh chỉ có thể phóng chiếu ra khỏi mình những *hình bóng* con người có đôi chút kém tinh anh và kém tâm linh, kém *thiêng liêng* và ít *kiện toàn* hơn các Ngài (bản thân các Ngài vẫn còn là hình bóng). Như vậy, Nhân loại đầu tiên là một bản sao lờ mờ mô phỏng theo các vị Thủy Tổ của mình; họ hãy còn có tính cách quá vật chất (cho dù trong trạng thái tinh anh) nên không thể được xem là một cấp đẳng Thần Linh; họ vẫn còn có tính cách quá tâm linh và tinh khiết nên không thể được xem là NGƯỜI THƯỜNG (bẩm sinh đã được phú cho mọi sự *toàn thiện tiêu cực* (nirguna). Để được trọn vẹn như vậy, sự toàn thiện phải được sinh ra từ sự bất toàn, sự vô nhiễm phải phát triển từ sự ô trược, cái trước dùng cái sau như là hiện thể, căn bản và đối cực. Ánh sáng tuyệt đối là Bóng tối tuyệt đối và *ngược lại*. Thật vậy, trong lĩnh vực Chân lý, không hề có Ánh sáng hoặc Bóng tối. Thiện và Ác là một cặp, sản phẩm của Không gian và Thời gian, dưới thế lực của Hão Huyền. Phân ly chúng ra bằng cách phân biệt cái này với cái kia, cả hai đều sẽ bị diệt vong ngay. Không cái nào tự nó tồn tại được, vì cái này phải được cái kia sinh ra để có thể tự tại tự tồn. Cả hai đều phải được biết rõ và thẩm định trước khi biến thành các đối tượng của tri giác. Vì thế, đối với trí phàm, chúng phải được phân cách rõ rệt.

Tuy nhiên, vì sự phân biệt hão huyền vẫn tồn tại, nên cần phải có một Đẳng cấp Thiên Thần Sáng Tạo hạ đẳng để "tạo ra" các Bầu thế giới có người ở (nhất là bầu thế giới của chúng ta) hoặc là để đối phó với Vật Chất trên cõi trần này. Trong thời hữu sử, các triết gia phái Ngộ Đạo là những người đầu tiên nghĩ như vậy và đã phát sinh ra nhiều hệ thống khác

nhau dựa vào thuyết này. Do đó, trong các cơ sáng tạo của họ, người ta luôn luôn thấy các *Đấng Sáng Tạo* chiếm một vị
105 trí ở ngay chót thang Hiện Tồn Tinh Thần. Đối với họ, những kẻ tạo ra Địa Cầu chúng ta và thế nhân được đặt ngay tít mù giới hạn của Vật Chất *hão huyền*. Người ta dạy các tín đồ suy nghĩ – các Đức Cha Giáo hội rất căm ghét điều này – rằng không có Đấng Thiêng Liêng cao cả nào ngoại trừ các Thiên Thần hạ đẳng ([1]) trong số đó có Jehovah, Thượng Đế Do Thái giáo, chịu trách nhiệm sáng tạo ra các giống dân khốn khổ (theo một ý nghĩa tinh thần đạo đức) đã làm vinh dự cho bầu hành tinh của chúng ta.

Tất cả các vũ trụ khởi nguyên luận cổ truyền đều có đề cập tới các nhân loại khác với hiện nay. Trong Phaedrus, Plato có đề cập tới một giống người "có cánh". Trong tác phẩm Bữa Tiệc của Plato, Aristophanes có đề cập tới một giống người bán thư bán hùng và có cơ thể tròn trĩnh. Trong Pymander, tất cả giới động vật đều lưỡng tính. Được biết:

[1] Trong Nữ Thần Isis Lộ Diện, quyển II, trang 131- 132, người ta có trình bày nhiều hệ thống phái Ngộ Đạo này. Một hệ thống thoát thai từ Codex Nazaraeus (Thánh kinh của người Nazarene). Mặc dù đã tồn tại rất lâu trước thời Đức Christ, thậm chí trước khi có luật của Moses nữa, tất cả những người Nazarene này đều là các tín đồ phái Ngộ Đạo và nhiều người là các Điểm đạo đồ. Họ cất giữ các "Bí Nhiệm của Sự Sống" của mình ở Nazara (cựu và tân Nazareth), giáo lý của họ là một phản ánh trung thực của Giáo Lý Bí Nhiệm (nay chúng ta đang ra sức giải thích một vài giáo lý này).

Một vòng đã được hoàn thành, *cái gút đã được gỡ ra* … và tất cả các con thú (chúng cũng bán thư bán hùng) được *tách ra* [phân ly] *cùng với con người* … [vì] …nhân phải tạo ra quả trên trần thế ([1]).

Vả lại, trong Popol Vuh, bản thảo cổ truyền của Quiché – cố tu sĩ Brasseur de Bourbourg xuất bản – những người đầu tiên được mô tả như là một giống dân "có tầm nhìn vô hạn và biết hết mọi chuyện ngay tức khắc"; như vậy, họ đã chứng tỏ rằng mình không phải là thế nhân qua minh triết thiêng liêng của các Thần Linh mà họ biểu lộ. Khi hiệu đính những điều quá lố tất yếu trong trí tưởng tượng của những quảng đại quần chúng, Giáo Lý Bí Nhiệm đã trình bày các sự kiện theo đúng như những gì được ghi lại trong các biểu tượng cổ sơ.

b. Những "Hình bóng" này được sinh ra, "mỗi cái có màu sắc riêng và thuộc một loại riêng", mỗi cái cũng "kém cỏi hơn Tổ Phụ" tức Đấng sáng tạo ra nó, vì vị sáng tạo này là một đấng Kiện Toàn so với đồng loại của mình. Giảng lý giải thích câu đầu tiên nói về màu da của mỗi giống người được cấu tạo nên trong cuộc sinh hóa nêu trên. Trong Pynander, Bảy Người Nguyên Thủy do Thiên Nhiên tạo ra từ "Thiên Đế", đều có các tính chất của Bảy Đấng Chưởng Quản vốn yêu thương con người (phản ánh và tổng hợp của chính họ).

Trong các huyền thoại Bắc Âu, người ta nhận thấy Asgard (chỗ trú của chư Thiên) cũng như chính các Ases là Cảnh giới huyền nhiệm và các nhân vật được thêu dệt thành ra các thần thoại bình dân, điều này chẳng khác nào Giáo Lý Bí Nhiệm của chúng ta. Chúng ta cũng thấy chúng trong kinh Veda, kinh Purãnas, các Thánh kinh Bái Hỏa giáo và kinh Kabalah.

---

[1] I, 18. Xem bản dịch từ tiếng Hy Lạp của ông Francois de Foix, Giám mục ở Ayre: tác phẩm này được kính dâng lên Marguerite de France, Hoàng Hậu Navarre. Ấn bản 1579, Bordeaux.

Như vậy, các Ases của Bắc Âu (các Đấng chưởng quản Thế giới trước Thế giới chúng ta, danh xưng của các Ngài có nghĩa đen là "Các cột trụ chống đỡ Thế giới") lại đồng nhất
106 với các Đấng Cosmocratores của Hy Lạp, bảy "Công Trình Sư" hay bảy Đấng Chủ Quản của Pymander, bảy Thánh Hiền và Thủy Tổ của Ấn Độ, bảy Thần Linh và Vong Linh của người Chaldea, bảy Sephiroth (do Tam Nguyên thượng tổng hợp lại) của Thánh kinh Kabalah, thậm chí cả bảy hành tinh Thượng Đế của các nhà Huyền học Thiên Chúa giáo nữa. Các Ases tạo ra trời, đất, biển, mây mưa, toàn bộ thế giới hữu hình, bằng tàn dư của người khổng lồ Ymir đã bị giết chết; song các Ngài không tạo ra CON NGƯỜI, mà chỉ tạo ra hình hài của y bằng cây Tần bì (Ask or Ash tree). Chính Odin đã ban cho y sự sống và linh hồn, sau khi Lodur đã ban cho y máu xương; cuối cùng, chính Honir đã cấp cho y trí khôn (Manas) và các giác quan tri thức ([1]). Cây Ask của Bắc Âu, cây Tần bì của Hesiod (những người thuộc thời đại đồ đồng – Căn chủng thứ Ba – thoát thai từ đó) và cây Tsité trong Popol Vuh (giống người *thứ ba* của Mễ Tây Cơ được tạo ra từ đó) đều như nhau. Bất cứ độc giả nào cũng có thể thấy điều này một cách dễ dàng. Nhưng có học giả Tây phương nào biết được lý do Huyền bí tại sao cây Yggdrasil của Bắc Âu, cây Ashvattha của Ấn Độ, cây Gogard (cây Trường sinh) của Hy Lạp và cây Zampun cảu Tây Tạng, lại đồng nhất với Cây Sephiroth của Do Thái Bí giáo (thậm chí với cả Linh thụ (Holy Tree) do Ahura Mazda tạo ra và cây Eden nữa) chăng? ([2]) Tuy nhiên, trái của tất cả các "Cây" này (dù là Pippala,

---

[1] Asgard và Chư Thiên, trang 4.

[2] Đề cập tới điều này, ông James Darmesteter (người dịch Vendĩdãd) đã cho rằng: "Cho dù là gì đi nữa, cái cây…"- Các

Haoma hay ngay cả Trái Táo tầm thường) đều là các "cây trường sinh" thật sự. Tất cả các nguyên kiểu của các giống dân đều được bao hàm trong cây Tiểu Thiên Địa (Microcosmic Tree), nó tăng trưởng bên trong và bên dưới cây Đại Thiên Địa (Macrocosmic Tree) ([1]). Bí nhiệm này đã được tiết lộ nửa phần trong Dirghotamas ([2]) như sau:

Pippala là trái ngọt của cái cây mà các *thần linh yêu thích khoa học* ngự trên đó, nơi mà chư thần linh tạo ra tất cả các phép lạ.

Điều này chẳng khác nào "Con Rắn" ngự nơi cây Gogard trong đám cành lá sum suê của tất cả các Cây Thế gian này. Nhưng trong khi Cây Đại Thiên Địa là Con Rắn Vĩnh Cửu và chính Minh Triết tuyệt đối, thì những Con Rắn ngự nơi cây Tiểu Thiên Địa, lại là các Con Rắn Minh Triết Biểu Lộ. Một đàng là Nhất Nguyên và Tổng Thể; một đàng là các bộ phận *phản ánh* của nó. Cái "Cây" dĩ nhiên chính là con người, còn con rắn ngự nơi mỗi cây chính là Trí Tuệ hữu thức, liên kết Tinh Thần với Vật Chất, Đất với Trời.

Đâu đâu cũng đều như thế cả. Các Quyền năng *Sáng tạo* cấu thành con người, nhưng không đạt được mục tiêu tối hậu của mình. Tất cả các Đấng Cao Cả này đều ra sức phú cho con người Tinh Thần hữu thức bất tử, chỉ phản ánh nơi thể trí không thôi. Họ đã thất bại, và người ta đã trình bày là tất cả các Ngài đều đã bị trừng phạt vì đã thất bại, nếu chẳng phải là vì mới mưu toan. Hình phạt này có bản chất như thế nào?
107 Đó là bản án cấm cố trong hạ giới (tức *Trái Đất*, Bầu hành tinh *trọng trược nhất* Dãy hành tinh) trong "Thời gian vô cùng"-

---

Thánh Thư của Phương Đông, quyển iv, trang 209, chú thích cuối trang.

[1] Timaeus của Plato.

[2] Xem các chú thích bổ sung ở cuối quyển.

nghĩa là kỳ gian của Chu kỳ sống - trong *bóng tối âm u* của Vật Chất, tức *là bên trong người thú*. Các Đức Cha Giáo hội vừa dốt nát vừa quỷ quyệt, rất thích xuyên tạc các biểu tượng gợi hình. Họ lợi dụng ẩn dụ trong mọi tôn giáo cũ để biến chúng thành ra có lợi cho tôn giáo mới. Như thế, con người bị biến thành bóng tối của một Địa ngục vật chất; linh thức (divine consciousness) của y, vốn thoát thai từ Nguyên khí Mãnasa, tức Thiên Thần lâm phàm ngự nơi y, đã biến thành các ngọn lửa cháy bùng trong vùng Địa ngục, còn Trái Đất chính là Địa ngục đó. Pippala, Haoma (trái cây Minh Triết) đã bị tố cáo là trái *cấm*, còn "Con Rắn Minh Triết" (tiếng nói của lý trí và ý thức) từ bao lâu nay vẫn bị đồng nhất hóa với Thiên Thần Sa Đọa, vốn là cựu Long (the old Dragon), Ma Quỷ !

Các biểu tượng cao siêu khác cũng cùng chung số phận. Chữ Vạn, biểu tượng huyền bí và linh thiêng nhất ở Ấn Độ, nay các hội viên Tam Điểm gọi nó là "Thập giá Jaina", mặc dù nó có liên hệ trực tiếp (thậm chí còn đồng nhất nữa) với Thập tự giá của Thiên Chúa giáo – đã bị bại hoại giống y như vậy. Các nhà truyền giáo Ấn Độ cho chúng ta biết rằng đó là "dấu hiệu của ma quỷ". Nó chẳng chiếu diệu trên đầu con Đại xà của Vishnu, trên Con rắn ngàn đầu Seshsha- Anãnta, trong lòng sâu thẳm của Pãtãla (Luyện ngục của Ấn Độ) đấy ư? Có chứ, nhưng Ananta là cái gì thế? Cũng như Shesha, đó là Chu kỳ Khai Nguyên hầu như vô tận, và biến thành chính Thời gian Vô hạn khi được gọi là Anata, Con Đại Xà Bảy đầu mà Vishnu (Đấng Thánh Linh Vĩnh Cửu) nằm trên đó trong Chu kỳ Hỗn Nguyên bất động. Quỷ Vương có liên hệ như thế nào với biểu tượng cực kỳ siêu hình này? Trong tất cả các biểu tượng, chữ Vạn có tính cách triết lý và khoa học dễ hiểu nhất. Nó đã tổng kết lại (trong một vài dòng) toàn bộ công tác sáng tạo (hay đúng hơn là tiến hóa) từ Vũ Trụ thần phổ học

xuống tới Nhân phổ học, từ Thái Cực Thượng Đế bất khả tri, bất khả phân ly, xuống tới Đơn nguyên trùng tầm thường của khoa học duy vật (khoa học đó *chẳng biết gì về sự khởi thủy* của nó cũng như của chính Đấng Thánh Linh). Chúng ta thấy chữ Vạn đứng đầu mọi biểu tượng tôn giáo của mọi quốc gia thời xưa. Đó là "Cây Búa của Công Trình Sư" trong Số Mục Thánh Thư của dân Chaldea. Trong Bí Nhiệm Thánh Thư, "Cây Búa" nêu trên đã "đập cho viên đá lửa (Không gian) tóe ra các điểm linh quang", các điểm linh quang này đã biến thành các Bầu thế giới. Đó là Cây Búa của Thần Thor, vũ khí kỳ diệu mà những người Lùn đã rèn nên để chống lại những Kẻ Khổng Lồ, tức là các Lực Khổng Lồ tiên thiên (the *pre-cosmic* Titanic Forces) của Vũ Trụ. Chúng đã nổi loạn và –khi sống trong vùng Vật Chất- sẽ không bao giờ bị chư Thần Linh (các Đấng tạo ra sự Hài hòa trong vũ trụ) khuất phục, nhưng sẽ bị tiêu diệt trước tiên. Đây là lý do tại sao Thế giới được tạo ra từ di hài của người Khổng lồ Ymir bị hạ sát. Chữ Vạn là Miolnir ("Lưỡi tầm sét"); do đó, người ta bảo rằng sau khi đã được lửa (lửa thị dục và đau khổ trong các kiếp lâm phàm) tinh luyện, các Ases (Thần Linh) có đủ tư cách để ngự nơi
108 hoạt trường Ida đời đời an lạc, thì Miolnir sẽ trở nên vô dụng. Điều này đã diễn ra khi Hel – Nữ Thần chúa tể của Âm Ty (Deal) - không còn trói buộc được họ nữa vì ác giới đã bị diệt vong.

Các ngọn lửa của Surtur đã không hủy diệt họ, dòng nước lũ cuồn cuộn [của nhiều trận lụt] cũng chưa hủy diệt được họ… Có… các con của Thần Thor. Họ mang theo Miolnir, chẳng phải như là một vũ khí, mà như là khí cụ [cây búa] để hiến dâng trời mới và đất mới. ([1])

[1] Xem Asgard và Chư Thiên, trang 305.

Các ý nghĩa của nó thật là vô số! Trong công tác *đại thiên địa*, chiếc "BÚA SÁNG TẠO"với bốn cách uốn thẳng góc với nhau, nhằm nói tới *chuyển động* liên tục và sự xoay vòng của Vũ Trụ Thần lực vô hình. Trong công trình của Vũ Trụ biểu lộ và Địa Cầu, nó nhằm nói tới sự quay trong các Chu kỳ Thời gian của các trục và vành xích đạo của thế giới; hai đường tạo thành chữ Vạn 卍 nghĩa là Tinh Thần và Vật Chất, bốn cái mốc gợi ra chuyển động trong các chu kỳ xoay vòng. Khi được áp dụng vào tiểu thiên địa, Con Người, nó cho thấy là một mối liên kết giữa Trời và Đất; bàn tay phải đưa cao lên đầu một cánh tay duỗi ngang, bàn tay trái chỉ xuống đất. Trong Ngọc Bích Thần Biểu của Hermes, bàn tay phải giơ cao lên có khắc chữ "Dung giải"("Solve"), còn bàn tay trái có khắc chữ "Đông kết"("Coagula"). Nó đồng thời là một dấu hiệu Luyện kim đan, Vũ trụ khởi nguyên luận, Nhân loại học và Pháp thuật; ý nghĩa nội tại của nó có tới bảy chìa khóa. Cũng chẳng có gì là quá đáng nếu bảo rằng biểu tượng ký liên hợp của dấu hiệu đại đồng thế giới và gợi ý nhất bao hàm chìa khóa giải bảy đại bí nhiệm Vũ Trụ. Được khai sinh ra trong các quan niệm huyền học của những người Ãryan cổ sơ và được họ đặt ngay lúc khởi đầu chu kỳ vĩnh cửu, trên đầu con rắn Ananta, nó đã bị diệt vong về mặt tinh thần khi các tín đồ thần nhân đồng hình thời Trung cổ thuyết minh nó theo lối kinh viện. Đó là Thủy và Chung của Thần lực Sáng tạo vũ trụ, khởi tiến từ Tinh Thần thuần túy và kết thúc nơi Vật Chất thô trược. Đó cũng là chìa khóa giải Chu kỳ Khoa học của thần linh và con người; kẻ nào quán triệt được ý nghĩa của nó sẽ mãi mãi giải thoát khỏi các phiền não của Đại Hão Huyền (Mãhãmãyã). Ánh sáng tỏa ra từ bên dưới Cái Búa Thiêng Liêng (nay bị hạ xuống thành ra cái vồ của các Đại sư thuộc các Chi bộ Tam Điểm) cũng đủ để xua tan

những âm mưu hoặc những điều hoang tưởng ám muội của con người.

Các bài ca của ba Nữ Thần Bắc Âu có tính cách tiên tri biết là dường nào! Khi bay lượn xung quanh cái tổ bằng pha lê bên dưới dòng sông đang lững lờ trôi, các con quạ của Odin thì thầm kể cho ba Nữ Thần này nghe câu chuyện quá khứ và tương lai. Tất cả các bài ca đều được ghi lại trong "Minh Triết Thánh Thư", có nhiều tài liệu đã bị thất truyền nhưng một số vẫn còn được lưu truyền cho tới nay; dưới hình thức ẩn dụ thi ca, chúng lặp lại các giáo lý của các Thời đại Cổ sơ. Ở đây, xin trình bày tóm lược đoạn trích dẫn trong "Asgard và Chư Thiên" của Tiến sĩ Wagner, liên quan tới sự "Đổi Đời"
109 ("Renewal of the World"), đó là lời tiên tri về Giống dân thứ Bảy của cuộc Tuần Hoàn hiện nay được trình bày dưới dạng quá khứ.

Miolnir đã làm tròn bổn phận của mình trong cuộc Tuần Hoàn này và:

Trên Hoạt trường Ida, hoạt trường phục sinh [dành cho cuộc Tuần Hoàn thứ Năm], các con của chư thần linh cao cấp tụ họp lại; tổ phụ của họ [Chơn Ngã của tất cả các kiếp quá khứ của họ] lại xuất lộ nơi họ. Họ cùng nhau nói về Quá khứ và Hiện Tại, nhớ tới minh triết và các điều tiên tri của Tổ Tiên, tất cả các điều này đều đã được hoàn thành. Gần kề bên họ, *nhưng họ không thấy*, là Đấng Đại Hùng, Ngài chưởng quản vạn vật, giảng hòa những kẻ đang tức giận với nhau, và ban hành các luật vĩnh cửu chi phối thế giới. Mọi người đều biết Ngài ở đó, họ cảm thấy sự hiện diện và uy lực của Ngài, song chẳng biết quý danh Ngài. Theo lệnh của Ngài, đất mới trồi lên khỏi mặt nước [của Không gian]. Ở phía Nam và bên trên Hoạt trường Ida, Ngài tạo ra một tầng trời mới tên là Audlang, và xa hơn nữa là tầng trời thứ ba tên là Widblain. Một cung điện nguy nga được dựng lên trên hang Gimil, nó được dát đầy vàng và

chói lọi hơn cả mặt trời. [Đó là ba Bầu hành tinh đang thăng lên dần dần của Dãy hành tinh chúng ta]. Chư thần linh đã thường được suy tôn ở đó, họ lấy làm hoan hỉ trước sự hồi phục và cơ hội thuận tiện này. Từ đỉnh cao Gimil, [Bầu thứ Bảy cao nhất và tinh anh nhất], họ nhìn xuống những hậu duệ hạnh phúc của Lif [và Lifthrasir, Adam và Eve tương lai của Nhân loại đã thánh thiện] và ra dấu cho họ leo lên cao hơn nữa, tiến bộ về trí thức, minh triết, đạo tâm và các hành vi bác ái, tiến dần từ tầng trời này lên tới tầng trời kia, cho tới khi rốt cuộc, họ đã đủ tư cách hợp nhất với chư thần linh nơi tổ ấm của Từ Phụ của muôn loài. ([1])

Kẻ nào biết các giáo lý của Minh Triết Nội Môn (mặc dù đến nay, nó chỉ mới được phác họa một cách bất toàn, sẽ thấy rõ được ẩn dụ bao hàm trong đoạn trên.

Độc giả sẽ hiểu ý nghĩa triết học của nó nhiều hơn nữa nếu y suy đi gẫm lại thần thoại về Prometheus. Nó sẽ được xem xét nhiều hơn nữa dưới ánh sáng của Pramantha [bị khuấy đảo] của Ấn Độ. Một vài nhà Đông phương học đã làm bại hoại nó thành ra một biểu tượng thuần túy sinh lý và chỉ xét đến lửa trần thế không thôi. Lối thuyết minh của họ xúc phạm tới mọi tôn giáo (kể cả Thiên Chúa giáo); như thế bí nhiệm vĩ đại nhất của Thiên Chúa giáo đã bị nhận chìm vào trong Vật Chất. Sự "cọ xát" của Pramantha [que nhóm lửa] và Arani ([2]) thiêng liêng chỉ có thể được gợi ra theo hình ảnh này đối với quan niệm thô tục của các nhà Duy vật Đức [chẳng có gì đồi bại hơn họ]. Đúng là Hài nhi Thánh thiện (the Divine Babe), Agni đối với Giống dân nói tiếng Bắc Phạn; Ngài biến thành Ignis đối với người La Tinh, sinh ra do sự phối hợp Pramantha với Arani – chữ Vạn- trong lễ tế thần. Nhưng sao

[1] Như trên, phần đã dẫn.

[2] [Miếng gỗ cây Shamĩ, dùng để nhóm lửa thiêng bằng cách cọ xát]

thế? Tvashtri (Vishvakarman) là "họa sĩ và *thợ mộc* thiêng
110 liêng" ([1]) và cũng là Cha của Chư Thiên và của "Lửa Sáng Tạo" trong kinh Veda. Biểu tượng xa xưa và thiêng liêng đến nỗi mà hiếm có cuộc khai quật nào được thực hiện bên cạnh các đô thị cổ mà lại không tìm thấy nó. Tiến sĩ Schliemann tìm thấy một số đĩa bằng đất sét tên là *fusaieles, bên dưới* các

[1] Giáo sư Joly cho rằng: "Cha của lửa thiêng tên là *Tvashtri*… Mẹ nó là Mãyã. Chính Ngài có biệt hiệu là *Akta (được xức dầu thánh)* sau khi các lễ sư đã đổ lên đầu Ngài *Soma* (cam lộ) giống như rượu [?] và đổ lên mình Ngài bơ đã được tinh luyện bằng cách tế thần". (Con người trước Thời đại kim khí, trang 180). Môn đồ phái Darwin người Pháp không hề cung cấp nguồn tin cho ông. Nhưng các dòng vừa được trích dẫn ở trên đã chứng tỏ rằng ánh sáng bắt đầu lố dạng ngay cả bên trên các nhà Duy vật. Trong Die Herabkunst des Feuers, Adalbert Kuhn đã đồng nhất hóa hai dấu hiệu 卍 và với Arani, và gọi chúng như vậy. Ông còn nói thêm: "Cách nhóm lửa (kindling) tự nhiên này là sẽ khiến người ta nghĩ tới sự sinh dục"… Tại sao một ý tưởng trang trọng hơn, Huyền linh hơn lại không thể khiến cho con người phát minh ra biểu tượng này (xét về khía cạnh liên quan tới sự sinh dục của con người)? Nhưng biểu tượng ký chủ yếu của nó nhằm nói tới Vũ trụ khởi nguyên luận.

Giáo sư Joly nhận xét: *"Agni* (trong trạng thái *Akta*, tức được phong thánh (ám chỉ Christ, Mãyã chỉ Đức Mẹ Mary, thân mẫu Ngài; *Tvashtri* chỉ thánh Joseph, người thợ mộc trong Thánh kinh". Trong Rig Veda, Vishvakarman là Thần Linh cao cấp nhất, kỳ cựu nhất và là "Cha" của các Thần. Ngài là "thợ mộc hay nhà kiến tạo", vì ngay cả các tín đồ Độc Thần cũng gọi Thượng Đế là "Kiến Trúc Sư của Vũ Trụ". Tuy nhiên, ý niệm nguyên thủy có tính cách thuần túy siêu hình, và không dính dáng gì tới tục sùng bái sinh thực khí sau này.

tàn tích của đô thị Troy thời xưa. Cả hai dạng 卍 và 卐 đều được khai quật lên rất nhiều; sự hiện diện của chúng, một lần nữa chứng tỏ rằng người dân ở Troy thời xưa và tổ tiên của họ đều là dân Ãryan thuần chủng.

c. Như đã được giải thích Chhãyã là hình bóng tinh anh. Nó có nghĩa như vậy trong các tác phẩm tiếng Bắc Phạn. Như vậy, người ta trình bày là Sanjnã (Linh Thức, phu nhân của Mặt Trời, Sũrya) đã mai danh ẩn tích trong thâm sơn cùng cốc và để lại cho chồng Hình bóng của mình.

16. CÁC ĐẤNG MÃNUSHYA [1] SINH RA NHƯ THẾ NÀO? CÁC ĐẤNG BÀN CỔ CÓ TRÍ TUỆ ĐƯỢC TẠO RA NHƯ THẾ NÀO? (a) CÁC TỪ PHỤ [2] CẦU CỨU TỚI LỬA CỦA CHÍNH MÌNH [3], ĐÓ LÀ LỬA CHÁY TRONG ĐỊA CẦU. CHƠN LINH TRÁI ĐẤT CẦU CỨU TỚI LỬA MẶT TRỜI [4] . BA THỨ NÀY [5] CHUNG SỨC NỖ LỰC TẠO RA MỘT HÌNH HÀI TỐT ĐẸP. NÓ [6] CÓ THỂ ĐI, ĐỨNG, CHẠY NHẢY, NẰM DÀI HOẶC BAY LƯỢN, SONG NÓ VẪN CHỈ LÀ MỘT CHHÃYÃ, MỘT BÀO ẢNH KHÔNG CÓ GIÁC QUAN. (b)…

a. Ở đây, lại cần có một điều giải thích dưới ánh sáng và với sự giúp đỡ của các Thánh kinh ngoại môn, cộng thêm các Thánh kinh Nội môn. Trong câu này, các từ ngữ Mãnushyas (Con người) và Manus có nghĩa tương đương với từ ngữ Adam của người Chaldea. Từ ngữ này không hề có ý nghĩa là người đầu tiên (chẳng hạn như đối với người Do Thái) hoặc

---

1 Đấng Mãnushya thực sự.

2 Các Nguyệt Tinh Quân (?)

3 Kavyavãhana, lửa điện.

4 Shuchi, tinh thần nơi mặt trời.

5 Các Đấng Thủy Tổ và hai loại lửa.

6 Hình hài.

là một cá nhân đơn độc, mà là tập thể Nhân loại nói chung (chẳng hạn như đối với người Chaldea và Assyria). Giảng lý dạy: đó là bốn trong số Bảy Đẳng cấp Thiền Định Đế Quân, "*vốn là những vị Thủy Tổ của Con người Ẩn tàng*", tức là Chơn Ngã. Như đã nói ở trên, các Nguyệt Tinh Quân chỉ là Tổ Tiên của cái Hình Thể bên ngoài, tức là cái khuôn mẫu để cho Thiên Nhiên noi theo đó mà tượng hình nên con người thể chất ngoại tại. Như vậy, khi con người sơ khai xuất hiện, y chỉ là một "Bóng Ma"(Bhũta) ([1]) vô tri giác. Sự "sáng tạo" này là một sự thất bại.

111 b. Mưu toan này cũng là một thất bại nữa. Nó ngụ ý là những toan tính của thiên nhiên thuần vật chất để cấu tạo nên một con thú (mà không có ngoại viện) cũng đã thất bại thê thảm rồi chớ đừng nói chi tới việc cấu tạo con người. Ấy là vì các "Từ Phụ", tức các Thiên Thần Hạ Đẳng (the Lower Angels), đều toàn là các Tinh Linh Ngũ Hành và các Tinh Linh thượng đẳng cũng có một trí thông minh riêng biệt, nhưng điều này cũng không đủ để cấu tạo nên một con người biết suy tư. Điều cần thiết là "*Sinh Hỏa" ("Living Fire")*, tức thứ Lửa đem lại cho trí khôn con người khả năng tự tri và ngã thức, tức Trí Tuệ. Còn sản phẩm của Pãvaka và Schuchi

[1] Không hiểu sao trong kinh Purãnas, "Bhutas" lại được các nhà Đông phương học dịch là "ác quỷ"(evil spirits). Trong Vishnu Purãnas (Bản dịch của Wilson, chú thích của Fitzedward Hall, quyển I, trang 83) câu kinh chỉ dạy: "Loài yêu quỷ, rất đáng sợ, vì giống khỉ ăn thịt sống". Ở Ấn Độ, từ ngữ này có nghĩa là "ma quỷ", các bóng ma dĩ thái; trong khi đó, trong Nội môn Bí giáo, nó có nghĩa là các chất *ngũ hành* (một thứ tinh chất tế vi không phức hợp) và nhất là dĩ thái hình của bất cứ con người hoặc con thú nào. Trong trường hợp này, những người nguyên thủy ấy là *các dĩ thái hình* của các Đấng Thần Quân tinh anh bản sơ.

là các loại Lửa Điện Động Vật và Thái Dương, nó sáng tạo nên loài động vật, và như thế chỉ có thể cung cấp một cơ cấu thể chất sống động cho cái dĩ thái hình đầu tiên của con người. Như vậy, các Đấng Sáng Tạo bản sơ là các Điêu khắc gia tạo nên hình tượng Con người Sơ khai, nhưng họ đã không tài nào làm cho các hình tượng vô tri vô giác ấy có được *trí khôn*.

Chúng ta sẽ thấy Đoạn kinh này có ngụ ý rất sâu xa. Nó giải thích được bí mật và lấp bằng được hố cách biệt giữa Nguyên khí Phú linh nơi con người – Linh Ngã tức Chơn Thần Con Người – và Chơn Thần Động Vật, cả hai cũng là một và như nhau, tuy rằng Chơn Thần con người có hàm súc trí tuệ thiêng liêng, còn Chơn Thần động vật chỉ hàm súc bản năng mà thôi. Làm sao giải thích được sự dị biệt đó và sự hiện diện của Linh Ngã ấy nơi con người ?

Giảng lý dạy :

Các Phân Thân của TOÀN LINH TRÍ thúc đẩy Cây nhân loại. Các Ngài là những dòng Nước rơi xuống mảnh đất cằn cỗi của sự sống tiềm tàng và Điểm Linh Quang làm sống động Con thú người. Các Ngài là những Đấng cai quản Sự sống Toàn linh Trường cửu…Thoạt đầu [trong Giống dân thứ Hai], một vài [Đấng Tinh Quân] chỉ truyền thụ tinh hoa của mình cho con người (Mãnushya), còn một vài vị lại lấy con người làm nơi trú ngụ.

Điều này chứng tỏ rằng không phải tất cả mọi người đều là hiện thân của các "Kẻ Nổi Loạn Thiêng Liêng", mà chỉ có một số ít thôi. Kỳ dư, chỉ có Nguyên khí thứ năm được khích động bởi điểm linh quang được truyền vào đó. Điều này giải thích sự dị biệt lớn lao giữa các năng lực trí tuệ của con người và của các giống dân. Nếu nói một cách bóng bẩy, các "Con của Toàn Linh Trí" không đốt giai đoạn mà bỏ qua các cõi

trung gian trong khi bị thúc đẩy tiến tới do sự tự do của trí tuệ, thì con người thú dục có lẽ không bao giờ vượt lên khỏi mức độ vật chất thấp thỏi của thế gian và đạt tới mục đích cùng tột do sự công phu cố gắng tự bản thân. Cuộc hành hương tuần hoàn có lẽ đã phải được thực hiện trải qua tất cả những cảnh giới sinh tồn trong trạng thái bán vô thức, nếu không muốn nói là hoàn toàn vô thức (như trong trường hợp loài động vật). Chính vì sinh hoạt trí tuệ phản kháng lại sự bất động bệnh hoạn của tinh thần thuần túy, nên chúng ta mới được như ngày nay (tức là những người hữu ngã thức, biết suy tư, có sẵn các năng lực và thuộc tính – thiện cũng như ác – của chư Thần Linh). Vì thế, những KẺ NỔI LOẠN là các Đấng Cứu Rỗi chúng ta. Bậc triết gia cứ thử suy gẫm kỹ về điều này đi, rồi một số điều bí hiểm sẽ trở nên sáng tỏ đối
112 với y. Chỉ có hấp lực của những điều tương phản mới có thể kết hợp hai đối cực – Tinh Thần và Vật Chất – lại với nhau trên Trần Thế, nung nấu chúng trong ngọn lửa của kinh nghiệm hữu ngã thức và đau khổ, hợp nhất chúng lại trong vô cùng tận. Điều này sẽ tiết lộ ý nghĩa của nhiều ẩn dụ mà đến nay không ai hiểu nổi và đã bị gọi một cách điên rồ là "các chuyện hoang đường".([1])

Xin bắt đầu với lời phát biểu trong Pymander. Nó giải thích rằng Thiên Đế, "Con của Từ Phụ" (vốn có dự phần vào bản chất của Bảy Đấng Chưởng Quản hoặc Sáng Tạo ra Thế Giới Vật Chất).

Nhìn trộm qua sự hài hòa, đột phá được [Bảy] Vòng [Lửa], thế là cũng đủ bộc lộ được bản chất thấp hèn ([2]).

---

[1] Xem Giảng lý và Câu kinh 39, ĐOẠN KINH 10.

[2] Xem Pymander, bản dịch của Everard, II, các Câu thơ 17 – 29.

Nó giải thích mọi câu thơ trong câu chuyện Hermes cũng như ẩn dụ về Prometheus của người Hy Lạp. Quan trọng hơn hết là việc nó giải thích nhiều câu chuyện về các "Trận chiến trên Trời", kể cả trận chiến trong Thánh Thư Khải Huyền liên quan đến tín điều của Thiên Chúa giáo về các "Thiên Thần Sa Đọa". Nó giải thích sự "nổi loạn" cảu các Thiên Thần xưa nhất và cao siêu nhất, cũng như là ý nghĩa của việc họ bị ném từ trên Thiên Đàng xuống Địa Ngục thăm thẳm khôn dò tức là Vật Chất. Thậm chí nó còn giải quyết được mối băn khoăn của các nhà nghiên cứu Assyria, họ đã bày tỏ điều thắc mắc của mình qua ông George Smith đã quá cố như sau :

Về phần [sự nổi loạn] này, thoạt tiên, tôi cho rằng đó là cuộc chiến tranh với các quyền năng gian tà *trước khi* có sự Sáng Tạo; nay tôi cho rằng nó tiếp nối câu chuyện về sự Sa đọa ([1]).

Cũng trong các tác phẩm đó,([2]) ông George Smith có trình bày một hình chạm trổ (trên một ống Hình trụ có khắc chữ nêm của người Babylon sơ khai) Linh Thụ, Con Rắn, đàn ông và đàn bà. Linh Thụ có bảy cành; *ba* cành bên phía người đàn ông, và *bốn* cành bên phía người đàn bà. Các nhánh này tiêu biểu cho bảy Căn chủng. Vào ngay lúc kết liễu Căn chủng *thứ ba*, đã diễn ra sự phân chia giới tính và cái gọi là sự sa vào vòng sinh hóa. Ba Giống dân đầu tiên vô giới tính rồi lại bán thư bán hùng; bốn Giống dân còn lại phân chia ra nam nữ khác hẳn nhau. Tác giả còn cho rằng:

Trong Sáng Thế Ký theo dân Chaldea, con rồng xúi người ta phạm tội, chính là tạo vật của Tiamat, nguyên khí sinh động của

[1] Sáng Thế Ký theo dân Chaldea, trang 92.

[2] Trang 91.

biển cả và hỗn mang… nó chống lại các thần linh vào lúc sáng thế (the creation of the world). ([1])

Đây là một sai lầm. Con Rồng là nguyên khí hùng, tức Phallus được nhân cách hóa hay đúng hơn là *thú dục hóa*; còn Tiamat, "hiện thân của tinh thần hỗn mang" của Thái Uyên (Deep), là nguyên khí thư, tức Tử Cung, "tinh thần hỗn mang" ý muốn nói tới sự náo loạn tâm trí mà nó tạo ra. Đó là nguyên khí sắc dục, hấp dẫn từ điển, luôn luôn quyến rũ và
113 mê hoặc; đó là yếu tố tích cực hằng sinh động, luôn luôn gây ra biết bao nhiêu hỗn loạn và tội lỗi trên toàn thế giới. Con Rắn dụ dỗ phái nữ, nhưng chính phái nữ lại dụ dỗ phái nam, và cả hai đều không tài nào thoát khỏi lưới trời (nghiệp quả), mặc dù đó chỉ là một kết quả tự nhiên của một nguyên nhân đã được tạo ra. George Smith cho rằng:

> Rõ ràng là Con Rồng cũng không thoát khỏi số phận bị nguyền rủa, còn các thần linh [các Đấng Elohim ghen tức khi thấy đến lượt con người – cũng như tất cả các con thú – bằng đất sét biến thành một Đấng Sáng Tạo] liền cầu mong cho mọi điều ác cứ việc trút xuống đầu con người. Càng hiểu biết thì y càng chuốc lấy tai họa, gia đình y sẽ bị xào xáo, y sẽ rên xiết dưới ách thống trị của một bạo chúa, y sẽ chọc giận chư thiên … y sẽ lâm vào tình trạng bất đắc chí, y sẽ hoài hơi mà cầu nguyện… y sẽ phạm tội trong tương lai. Chắc chắn là các dòng sau nữa sẽ tiếp nối các đề mục này, nhưng xin tạm ngưng câu chuyện ở đây. Nó chỉ sẽ bắt đầu lại ở chỗ chư Thiên đang chuẩn bị chiến đấu chống lại thế lực tà vạy do Tiamat (nữ nhân) cầm đầu. ([2])

Trong Sáng Thế Ký, để bao che cho thuyết độc thần, phần tường thuật này đã bị cắt xén đi. Nhưng thật là một chính sách sai lầm – chắc chắn là vì sợ hãi, vì chiếu cố đến tôn giáo

---

[1] Như trên, phần đã dẫn.

[2] Như trên, phần đã dẫn.

đầy dẫy giáo điều mê tín dị đoan – khi chúng ta ra sức dùng Sáng Thế Ký để phục hồi các áng văn của dân Chadea, trong khi chính các áng văn Chaldea mới dùng để giải thích Sáng Thế Ký (vốn cận đại hơn nhiều so với bất cứ áng văn nào).

17. LINH KHÍ [1] CẦN CÓ MỘT HÌNH HÀI; CÁC TỪ PHỤ BAN CẤP CHO NÓ. LINH KHÍ CẦN CÓ MỘT THỂ THÔ TRƯỢC; ĐỊA CẦU ĐÀO LUYỆN RA NÓ. LINH KHÍ CẦN CÓ SINH KHÍ; CÁC ĐẤNG THẦN LINH THÁI DƯƠNG PHÀ NÓ VÀO TRONG HÌNH HÀI. LINH KHÍ CẦN CÓ MỘT CHIẾC GƯƠNG PHẢN CHIẾU CƠ THỂ [2]; CÁC THẦN QUÂN PHÁN: "CHÚNG TA SẼ LẤY CÁI CỦA MÌNH BAN CHO NÓ !" LINH KHÍ CẦN CÓ CẢM DỤC THỂ [3]; CÁC ĐẤNG HÚT CẠN NƯỚC [4] BẢO: "NÓ SẼ CÓ". NHƯNG LINH KHÍ CẦN CÓ MỘT THỂ TRÍ ĐỂ QUÁN THÔNG VŨ TRỤ, CÁC TỪ PHỤ BẢO: "CHÚNG TA KHÔNG THỂ BAN CẤP CÁI ĐÓ !" CHƠN LINH TRÁI ĐẤT BẢO: "TA CHƯA BAO GIỜ CÓ CÁI ĐÓ !" ĐẠI HỎA [5] PHÁN: "HÌNH HÀI SẼ BỊ THIÊU RỤI NẾU TA BAN CÁI CỦA TA CHO NÓ !"…CON NGƯỜI [6] VẪN CÒN LÀ MỘT HÌNH TƯỚNG RỖNG TUẾCH, VÔ TRI VÔ GIÁC… NHƯ THẾ, ĐẤNG VÔ CỐT (BONELESS) ĐÃ BAN SỰ SỐNG CHO NHỮNG KẺ [7] TRỞ THÀNH NHỮNG NGƯỜI CÓ XƯƠNG TRONG GIỐNG DÂN THỨ BA.[8]

Vì câu này đã được giải thích rốt ráo trong phần Giảng lý của ĐOẠN KINH 5, nên nay chúng ta cần nói thêm vài điều là

---

1 Chơn Thần con người.

2 Dĩ thái hình

3 Kãma Rũpa.

4 Shichi, lửa đam mê và bản năng thú dục

5 Lửa Mặt Trời.

6 Con người mới sinh ra.

7 Sau này

8 Giống dân

đủ. "Cha" của con người thể chất nguyên thủy (tức là xác thân của y) là Nguyên sinh khí Điện lực của Mặt Trời. Mặt Trăng là "Mẹ" y, vì trong Mặt Trăng có cái năng lực huyền bí có tác dụng quyết định đối với cơ năng thụ thai và sinh sản. Năng lực của mặt trăng điều chỉnh cơ năng này cũng như là ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của loài động vật và thực vật. Trong trường hợp này, "Phong" tức Dĩ Thái tiêu biểu cho tác nhân truyền đạt các ảnh hưởng nêu trên từ hai vầng nhật nguyệt xuống và ban rải cho thế gian. Nó được mệnh danh là
114 "Điều dưỡng viên" ("Nurse") ([1]); còn "Lửa Tinh Thần" chỉ biến con người thành một thực thể thiêng liêng và hoàn thiện.

Thế thì, thứ "Lửa Tinh Thần" ấy là cái gì? Trong khoa Luyện kim đan, nó chính là Hydrogen nói chung, còn trong Nội môn Bí giáo, nó lại là phân thân hay Tia sáng phát xuất từ *Thực Tượng*, "Đấng Thần Quân của Nguyên tố Bản sơ". Hydrogen chỉ là một chất khí trên cõi hồng trần. Nhưng ngay cả trong hóa học, hydrogen cũng là dạng vật chất duy nhất tồn tại – theo ý nghĩa mà chúng ta gán cho từ ngữ này – và hầu như lúc nào cũng liên can tới *nguyên hình chất*, tức là *Layam*. Có thể nói, nó là cha đẻ, hay đúng hơn là Upãdhi (căn bản) của cả Phong lẫn Thủy và là "hỏa, phong và thủy", thật vậy, đó là ba phương diện của *một* duy nhất; vì thế mới có tam vị nhất thể của hóa học và khoa luyện kim đan. Trong cõi biểu lộ hay cõi Vật Chất, nó là biểu tượng ngoại cảnh và phân thân vật chất của Thực Thể nội giới thuần tâm linh trong cõi Thực Tượng vô vi. Godfrey Higgins đã so sánh và đồng nhất hóa hydrogen với TO ON, "Đấng Độc Tôn" của người Hy Lạp. Ấy là vì ông đã nhận thấy rằng Hydrogen *không phải* là nước, mặc dù nó sản sinh ra nước; hydrogen không phải là

[1] Xem Câu kinh 22.

lửa, mặc dù nó biểu lộ hay tạo ra lửa; nó cũng chẳng phải là không khí, mặc dù không khí có thể xem như là sản phẩm của sự kết hợp nước và lửa (vì chúng ta thấy hydrogen trong hành thủy của bầu khí quyển). Nó đúng là tam vị nhất thể.

Nếu nghiên cứu thần phổ học (theogony) đối chiếu, người ta sẽ dễ dàng thấy rằng bí nhiệm về các loại "Lửa" này được dạy trong các Bí pháp của mọi dân tộc thời xưa, nhất là ở Samothrace. Chắc chắn rằng Kabeiri (Đấng bí nhiệm nhất so với tất cả chư Thiên và loài người, chư Đại Thần Linh và những người Khổng lồ) cũng chính là các Thiên Tôn và Rudras do Kãrtikeya (cũng là một Thiên Tôn) lãnh đạo. Ngay cả về mặt ngoại môn, điều này cũng hoàn toàn hiển nhiên; cũng như Kabeiri, chư Thần Linh Ấn Độ này có *các Linh Hỏa được nhân cách hóa của các Quyền năng Huyền linh nhất trong Thiên Nhiên.* Nhiều chi nhánh của Giống dân Ãryan (người Á cũng như người Âu. Ấn Độ cũng như người Hy Lạp) đều ra sức che giấu chân tướng (nếu không muốn nói là tầm quan trọng) của mình. Về phần các Thiên Tôn, chúng ta không biết chắc được có bao nhiêu Kabeiri. Một số người bảo chỉ có ba hay bốn Đấng thôi, những người khác lại cho rằng có tới bảy Đấng. Axieros, Axiokersa, Axiokersos, và Kasmilos ([1]) có thể tiêu biểu đích đáng cho các nhân vật trùng hợp của bốn Thiên Tôn: Sanat-Kumãra, Sananda, Sanaka và Sanãtana. Chư Kabeirir (có vị từ phụ trứ danh là Vulcan) thường bị lẫn lộn với các Dioskouroi, Korybantes [Đấng Trưởng thượng, cổ sơ] v..v… Cũng vậy, các Thiên Tôn (có vị từ phụ trứ danh là Brahmã – hay đúng hơn là "Ngọn lửa Thịnh nộ của Ngài", nó

[1] [Axieros (bậc trưởng thượng); Axiokersa (nữ nhân); Axiokersos (kẻ hậu sinh); Kasmilos (tức Kadmilos) một vị thần thiếu nhi, "Hiếu tử", các Thần Linh Samothrace.]

thúc đẩy Ngài thi hành Cơ Sáng Tạo thứ chín (cơ sáng tạo Thiên Tôn), tạo ra Ruda tức Nilalohita (Shiva) và các Thiên Tôn – lại bị lẫn lộn với các A Tu La, Rudras và Pitris, lý do đơn giản là vì tất cả các Ngài đều như nhau, đều là các Thần lực và Linh Hỏa tương hệ. Ở đây, không tiện mô tả các linh hỏa này và chân ý nghĩa của chúng, mặc dù chúng ta sẽ thử làm như thế nếu có dịp xuất bản phần còn lại của tác phẩm này. Trong khi chờ đợi, có thể trình bày thêm một vài điều giải thích nữa.

Những điều nêu trên toàn là các bí nhiệm phải được để cho môn sinh tự lực dùng trực giác giải quyết, hơn là được mô tả tỉ mỉ. Nếu muốn biết một điều bí mật nào đó về các LINH HỎA, y cứ việc tham khảo các tác phẩm của các nhà Luyện kim đan, họ đã tỏ ra chí lý khi liên kết Lửa với mọi Hành (chẳng khác nào các nhà Huyền bí học). Độc giả phải nhớ rằng Cổ nhân xem tôn giáo và các ngành khoa học tự nhiên cùng với triết học, như là có liên hệ mật thiết và bất khả phân ly với nhau. Aesculapius vừa là Con của Apollo (Thái Dương tức Sinh Hỏa), vừa là Helius, Pythius và Thần Minh Triết sấm truyền. Trong các tôn giáo ngoại môn, cũng như trong Nội môn Bí giáo, Ngũ Hành – nhất là Thủy, Hỏa và Phong được xem như là Thủy Tổ của *Năm giác quan vật chất* và vì thế có liên hệ trực tiếp với nhau một cách huyền bí. Các giác quan vật chất này còn thuộc về một Cơ sáng tạo thấp kém hơn cả cái mà kinh Purãnas gọi là Pratisarga, tức "Cơ Sáng tạo Thứ Yếu" ("Secondary Creation") (1).

Một công lý Huyền bí dạy: *"Lửa lỏng phát xuất từ Lửa cố kết.*

[1] Chẳng hạn như do các tác nhân của Đấng Vô Thượng.

Vòng tròn là TƯ TƯỞNG, Đường kính hoặc đường thẳng là Huyền Âm, còn sự kết hợp của chúng chính là SỰ SỐNG".

Trong kinh Kabalah, Bath-Kol là Con gái của *Diệu Âm (Divine Voice)* hay Ánh sáng Nguyên thủy, Shekinah. Trong kinh Purãnas và ngoại môn hiển giáo ở Ấn Độ, Vãch, Diệu Âm, là Thiên Đạo âm tính (female Logos) của Brahmã – một biến thiên của Tiên Thiên Huyền Nữ (Aditi), Ánh sáng Nguyên thủy. Và nếu trong huyền học Do Thái giáo, Bath-Kol là tiếng nói rành mạch siêu nhiên, xuất phát từ trên trời, tiết lộ cho "dân tộc được tuyển định" các truyền thuyết và các luật lệ thiêng liêng, thì cũng chỉ vì trước thời Do Thái giáo, Vãch đã được gọi là "Mẹ của kinh *Veda*". Nàng đã nhập vào các Thánh Hiền và dùng các điều Thiên Khải của mình để linh cảm họ chẳng khác nào –nghe nói – Bath-Kol đã linh cảm các bậc đạo sĩ của Do Thái và các Đại lễ sư của Do Thái giáo. Cả hai đều tồn tại cho đến ngày nay trong các khoa biểu tượng thiêng liêng riêng biệt, vì Cổ nhân kết hợp Âm thanh hay Ngôn ngữ với Dĩ Thái của Không gian (Âm thanh là đặc tính của nó). Vì thế, Hỏa, Thủy và Phong là Tam Vị Nhất Thể của Vũ Trụ bản sơ.

"Ta là Tư Tưởng của con, Thần Linh của con, kỳ cựu hơn Nguyên khí Ẩm ướt, *Ánh Sáng tỏa chiếu trong Bóng Tối* [Hỗn Mang] và Huyền Âm chói lọi của Thượng Đế [Âm thanh] của Con của Đấng Thánh Linh. ([1])

[1] Pymander, I, 6. Các đối thủ của Ấn Độ giáo muốn gọi điều trên là Phiếm thần giáo hay là Đa thần giáo hay là gì cũng được. Nếu khoa học không hoàn toàn bị thành kiến làm cho quáng mắt, thì nó sẽ thấy trong vấn đề này một kiến thức sâu xa về khoa học tự nhiên, vật lý học, cũng như là siêu hình học và tâm lý học. Nhưng để tìm ra điều đó, người ta phải nghiên cứu các điều nhân cách hóa rồi chuyển chúng thành ra các nguyên tử hóa học. Bấy giờ, người ta sẽ

116 Như thế, chúng ta phải thâm cứu "Cơ Sáng Tạo Chủ Yếu" trước khi có thể hiểu được Cơ Sáng Tạo Thứ Yếu. Giống dân thứ nhất bao hàm ba Hành *sơ cấp* và còn *chưa có Hỏa*; ấy là vì đối với Cổ nhân, sự tiến hóa của con người và sự tăng trưởng của các giác quan vật chất và tinh thần của y đều phụ thuộc vào sự tiến hóa của Ngũ Hành trên cảnh giới của Vũ Trụ của Địa Cầu này. Tất cả đều xuất phát từ Prabhavãpyaya, sự tiến hóa của các nguyên khí sáng tạo và cảm dục nơi chư Thiên (thậm chí của cả cái gọi là Đấng Thánh Linh sáng tạo nữa). Chúng ta thấy điều này nơi các tôn danh của Vishnu trong các Thánh kinh ngoại môn. Trên cương vị Tiền thân Thượng Đế của Bí pháp Orpheus, Ngài được gọi là Pũravaja, "Tiên Thiên". Ngoài ra, các tôn danh khác còn liên kết Ngài với Vật Chất theo thứ tự ngày càng xuống dần.

Sau đây là bảng kê sự tương quan song hành trong cơ tiến hóa của Ngũ Hành và Ngũ quan, tức là trong Phàm Nhơn vũ trụ (tức "Tinh Thần") và phàm nhơn hữu hoại.

1. Dĩ Thái ..... Thính giác …Thinh.
2. Không khí ..... Xúc giác .....Thinh và Xúc.
3. Lửa hay Ánh sáng ..... Thị giác .....Thinh, Xúc và Sắc
4. Nước ..... Vị giác .....Thanh, Xúc, Sắc, Vị .
5. Đất ..... Khứu giác ..Thinh, Xúc, Sắc, Vị và Hương.

Như đã thấy ở trên, mỗi Nguyên tố thêm vào những đặc tính riêng của nó những đặc tính của nguyên tố trước đó,

---

thấy rằng nó thỏa mãn cả vật lý học lẫn khoa học duy vật thuần túy, cũng như những kẻ cho cuộc tiến hóa là công tác của "Đại Nguyên Nhân Bất Khả Tri" xét theo các khía cạnh hiện tượng và hão huyền.

cũng như mỗi Giống dân lại có thêm giác quan đặc biệt của Giống dân trước đó. Điều này cũng áp dụng cho sự "sáng tạo" ("creation") thất phân của con người, y vốn tiến hóa tuần tự trong bảy giai đoạn và cũng noi theo các nguyên tắc trên.

Như vậy, trong khi các Thần Linh tức Thiền Định Đế Quân (Thiên Thần) xuất phát từ Nguyên nhân Bản sơ – nó không phải là Thái Cực Thượng Đế, vì Thái Cực Thượng Đế (Parabrahman) là MỌI NGUYÊN NHÂN và không thể được xem là "*Nguyên nhân Bản sơ*" (trong các Kinh Bà La môn giáo, Nguyên nhân Bản sơ được gọi là Jagad-Yoni, "Tử Cung của Thế giới") thì nhân loại lại xuất phát từ các tác nhân hoạt động trong Càn Khôn. Nhưng trong các Giống dân thứ Nhất và thứ Hai, con người không có thể xác, mà chỉ là những khuôn mẫu *sơ bộ* của nhân loại tương lai, đó chỉ là những Bhũta (do từ nguyên là Bhũtãdi: "nguồn gốc" hay cội nguồn sản sinh ra các Hành). Vì vậy, cùng với những thực thể khác, họ xuất phát từ Prabhavãpyaya, "*nơi* phát sinh ra và hòa nhập *vạn vật"* (nghĩa den là diệt tận) theo chú thích của nhà Bình giảng kinh Vishnu Purãna. ([1]) Nó cũng là nguồn gốc các giác quan vật chất của chúng ta, thậm chí đó còn là nguồn gốc của "Đấng Thánh Linh" cao cả nhất "được sáng tạo ra"
117 trong Nội môn Bí giáo. Vì hợp nhất với Vũ Trụ, cho dù chúng ta có gọi Ngài là Brahmã, Huyền Thiên Thượng Đế (Ĩshvara) hay Tinh Thần (Purusha), thì Ngài vẫn là một Đấng Thánh Linh Hiển Lộ - vì thế mới "được sáng tạo ra", hoặc bị giới hạn và khống chế. Điều này thật dễ chứng tỏ, ngay cả theo các giáo lý ngoại môn.

[1] Bản dịch của Wilson, chú thích của Fitzedward Hall, quyển I, trang 21.

Sau khi đã được gọi là Brahmã vĩnh cửu, *bất khả tri* (trung tính hay trừu tượng), Pundarĩkãksha ([1]) "vinh quang tối cao và bất diệt", thay vì là Sadaika-rũpa, Thế giới thường trụ, Ngài lại được tôn xưng là Ekãnekarũpa, "vừa đơn thuần vừa đa tạp", Ngài (vốn là Nguyên nhân) lại hòa nhập vào hậu quả của chính mình. Nếu sắp theo thứ tự thấp dần của Nội môn Bí giáo, các danh xưng của Ngài như sau:

Mahãpurusha hay Paramãtman…….	Tinh Thần Tối Cao.
Atman hay Purvaja (Protologos) ……...	Tinh thần sống động của Thiên Nhiên.
Indriyãtman hay Hrishĩkesha ……	Linh Hồn thiêng liêng hay có trí khôn (hợp nhất với giác quan)
Bhũtãtman …….	Cái Sống Động hay Linh Hồn của Đời sống.
Kshetrajna ……	Linh Hồn mang xác thịt hay Vũ Trụ của Tinh Thần và Vật Chất.
Bhrãntidarshanatah …….	Bị nhận thức sai lầm – Vũ Trụ Vật Chất ([2]).

Định nghĩa cuối cùng là một điều gì tri giác hoặc quan niệm ra thành một hình hài vật chất (do sự lĩnh hội sai lầm), nhưng thật ra chỉ là Hão Huyền, chẳng khác nào vạn vật trong thế giới vật chất của chúng ta.

---

[1] ["Pundarĩkãksha tức là có mắt giống như hoa sen, hoặc thấu tận tim, người ta còn giải thích Pundarĩka là vinh quang tối cao và aksha là bất diệt. Cách giải nghĩa từ nguyên thứ nhất thông dụng hơn cả". Vishnu Purãna, quyển I, trang 2. Pundarĩkam có nghĩa là bạch liên].

[2] Như trên, quyển I, trang 2 – 3.

Sự tiến hóa của các bản thể Thiền Định Đế Quân diễn ra hoàn toàn tương tự như các thuộc tính của Đấng Brahmã này cả trong thế giới tinh thần lẫn trong thế giới vật chất. Đến lượt các đặc tính của các Bản thể Thiền Định Đế Quân lại được phản ánh nơi con người xét chung và nơi từng nguyên khí của y. *Theo một trình tự tiến triển như nhau, mỗi Bản thể Thiền Định Đế Quân lại bao hàm một phần của nhiều loại "Lửa" và Hành khác nhau.*

ĐOẠN KINH 5
SỰ TIẾN HÓA CỦA GIỐNG DÂN THỨ HAI
(THE EVOLUTION OF THE SECOND RACE)

18. Các con của Yoga. 19. Giống dân thứ Hai Vô giới tính. 20. Các Con của "các Con Tranh tối tranh sáng". 21. "Hình Bóng", tức Thể Dĩ Thái (Phách) rút vào bên trong và con người phát triển một Thể Xác.

18. GIỐNG DÂN THỨ NHẤT LÀ CON CỦA YOGA. CÁC CON CỦA CHÚNG LÀ CON CỦA CHA VÀNG VÀ MẸ TRẮNG.

Trong thiên bình luận, câu này được diễn dịch như sau:

Các con của Mặt Trời và Mặt Trăng, con thơ của Dĩ Thái [hay của "Gió"] (a)…

Họ là hình bóng của các Hình Bóng của các Đấng (b). Những hình bóng ấy nới rộng thêm. Các Tinh Linh của Trái Đất mặc áo cho chúng; Thần Thái Dương sưởi ấm cho chúng [tức là bảo tồn Lửa Sinh Khí trong những Hình thể vật chất mới sinh]. Chơn Thần con người có sự sống nhưng không có sự hiểu biết. Chúng không có Lửa hay Nước riêng của chúng (c).

a. Về điểm này, chúng ta hãy nhớ chuyện Smaragdine Tablet của Hermes mà ý nghĩa ẩn giấu có bảy chìa khóa để hiểu nó. Các môn sinh đều thừa biết ý nghĩa thiên văn hóa

học của nó, bây giờ có thể trình bày ý nghĩa nhân loại học. "Vật Duy Nhất" nêu ra trong đó là Con Người. Có chỗ nói:

Cha của Vật Duy Nhất ấy là Mặt trời; Mẹ nó là Mặt Trăng; Gió mang nó ở trong lòng, và Trái Đất nuôi dưỡng nó.

Trong lời giải thích Nội môn của câu này có thêm: "và Lửa *Tâm Linh* là Thầy của nó".

Lửa này là Chơn Ngã tức là Linh Hồn luôn luôn đầu thai chuyển kiếp dưới ảnh hưởng của những Phàm Ngã thấp kém, những phàm ngã này luôn luôn đổi mới với mỗi kiếp tái sinh, có đầy dẫy sự khát vọng (Tanha) hay lòng khao khát muốn sống. Thật là một định luật lạ lùng trong Thiên Nhiên mà thấy rằng trên cõi thấp, tính chất tâm linh cao cả lại bị lệ thuộc phần tính chất thấp hèn. Trừ phi Chơn Ngã tìm nơi ẩn trú trong Tinh Thần linh diệu (Ãtman) và hoàn toàn thể nhập với tinh hoa của nó, cái phàm ngã luôn luôn tìm cách thúc đẩy nó đi vào con đường đau khổ. Điều này không thể hoàn toàn hiểu rõ, trừ phi người học đạo đã quen thuộc với sự bí nhiệm của cơ tiến hóa, nó diễn tiến trên ba con đường tâm linh: Tâm Linh, Tinh Thần và Thể Chất.

Động cơ thúc đẩy định luật tiến hóa hành động, tức là bắt buộc sự tăng trưởng và phát triển nơi con người đi đến mục đích toàn thiện là (a) Chơn Thần hay là cái gì tác động một cách vô thức trong điểm Chơn Thần xuyên qua Sức mạnh nội tại; và (b) Hạ thể hay *Phàm Ngã.* Vì nó vốn đồng thể với Đại Ngã của vũ trụ, vì một phần của Đại Ngã vốn nội tại và tiềm ẩn bên trong, nên điểm Chơn Thần được TOÀN NĂNG trên cõi Vô sắc tướng. Trên cõi trần, tinh hoa của nó, vì quá tinh anh thuần khiết, nên vẫn có tiềm lực toàn năng, nhưng trên phương diện cá biệt, nó hoàn toàn bất động, cũng ví như những tia sáng Mặt Trời, tuy có góp phần ảnh hưởng vào sự

tăng trưởng của cây cỏ, nhưng không lựa chọn riêng một cây nào để ban phát ánh nắng. Hãy thử bứng cây đó lên và đem nó trồng ở một mảnh đất mà ánh sáng mặt trời không rọi tới được, thì ánh sáng này sẽ không ảnh hưởng tới cái cây. Ãtman cũng thế, trừ phi Chơn Ngã hướng về ngôi Mặt Trời của nó (tức điểm Chơn Thần), thì *Phàm Ngã* sẽ tung hoành tác hại trong mọi trường hợp. Đó là vì Phàm Ngã, với thái độ ích
119 kỷ mãnh liệt và lòng khao khát muốn sống một đời sống vô ý nghĩa (Tanha), chính nó đã xây đắp nên hình hài giam hãm linh hồn, như Đức Thích Ca đã nói trong kinh Pháp Cú (Dhammapãda) ([1]). Do đó mới có câu nói các Tinh Linh của Trái Đất mặc áo cho các hình bóng và phóng đại chúng. Đẩu tinh thể của con người (the human Astral Selves) tạm thời thuộc về loại các "Tinh Linh" này, và chúng tạo nên cái thể xác con người để cho Chơn Thần và cái nguyên khí có ý thức, tức là Thể Trí (Manas) dùng làm nơi nương tựa, trú ngụ. Nhưng các Thần Linh của "Mặt Trời" sưởi ấm các Hình Bóng (Shadows). Điều này thật là đúng theo ý nghĩa vật chất, còn theo ý nghĩa siêu hình, hay trên bình diện tâm linh và tinh thần, thì cũng đúng là chỉ có Ãtman *sưởi ấm* Con người Nội tại (the Inner Man), nghĩa là soi sáng nó với Tia sáng của Sự Sống Thiêng Liêng; và chỉ có Ãtman mới ban phát cho Con người Nội tại, hay Chơn Ngã, tính cách bất tử của nó. Như vậy, chúng ta sẽ thấy trong thời gian của ba Căn chủng rưỡi đầu tiên cho đến điểm giữa hay khúc quanh (của chu kỳ sinh hoạt), chính các Thể đẩu tinh (the Astral Shadows) của các vị "Thủy Tổ", tức các Thái Âm Tinh Quân (the Lunar Pitris), là những quyền năng cấu tạo trong các Giống dân, có tác dụng tạo và tuần tự điều khiển lần lần sự tiến hóa của hình thể vật

[1] Câu kinh 153 – 154.

chất đến mức toàn hảo, và để thực hiện điều này thì cái giá phải trả là bị tổn thất một phần tâm linh theo tỷ lệ tương đương. Kế đó, kể từ khúc quanh trở về sau, chính Chơn Ngã, hay Nguyên khí Luân hồi, là Nous hay Trí tuệ (Mind), chủ trị Phàm Ngã và điều khiển, chỉ huy nó khi nào không bị nó làm lung lạc và lôi cuốn. Nói tóm lại, sự sống Tâm Linh ở vòng cung đi lên, và chỉ bị thú tính làm ngăn trở trên con đường tuần tự tiến hóa, khi nào thói ích kỷ của Phàm Ngã đã làm ô nhiễm Chơn Ngã Nội Tại một cách nặng nề đến nỗi động cơ thức đẩy đà tiến hóa đi lên đã mất cả năng lực hấp dẫn của nó đối với con người biết suy tư và lý luận. Nói một cách giản dị hơn là tật xấu thói hư có tính cách bất thường không tự nhiên trong giai đoạn tiến hóa này của chúng ta, không lúc nào bằng lúc này, nhân loại thật là ích kỷ và tràn đầy tội lỗi; những quốc gia càng văn minh thì càng ích kỷ một cách đặc biệt, và lại tội lỗi một cách rất có nghệ thuật. Đó là chứng cớ của hiện tượng sa đọa.

Chỉ cần người ta hiểu được ý nghĩa của các ẩn ngôn bí hiểm thì sẽ thấy toàn bộ hệ thống ở trong Số Mục Thánh Thư của dân Chaldea, thậm chí cả trong kinh Zohar nữa. Thoạt tiên là Ain Soph, "Thái Huyền", rồi tới *Huyền Điểm,* Sephira và các Sephiroth sau này; rồi tới Cõi Atziluth, một *Cõi Phân Thân* sản sinh ra ba Cõi khác – cõi đầu tiên là Briah, được gọi là Thánh Tòa, chỗ ngự của các Tinh Thần thuần túy; cõi thứ hai là *Cõi tạo hình*, tức Jetzirath; chỗ ngự của các Thiên Thần phóng phát ra Cõi thứ Ba, tức *Cõi Hành Động* (cõi Asiath), đúng là Địa Cầu của chúng ta. Thế nhưng, người ta lại bảo rằng Cõi này – còn được gọi là Kliphoth, bao gồm sáu Cõi khác và Vật Chất – là chỗ ngự của "U Minh Thánh Vương" (the "Prince of Darkness"). Điều này đã được nêu rõ hết mức; vì Metatron, Thiên Thần của Cõi thứ hai Briah, Cõi khả trú

120 đầu tiên, có nghĩa là Sứ giả và được tôn xưng là Đại Sư. Dưới trướng Ngài là các Thiên Thần của Cõi thứ ba (cõi Jetzirath) mà bảy và mười loại là các Sephiroth. ([1]) Người ta đã đề cập đến các Ngài như sau :

Các Ngài ngự nơi (hoặc làm linh hoạt) cõi này với vai trò là các Đấng thông tuệ [và các thực thể] bản thể, còn các vị tương hệ và các vị đối lý với các Ngài lại ngự nơi cõi khả trú thứ ba, tên là Asiah.

Các vị "đối nghịch" ("contraries") này được gọi là các "Ma hình" ("Shells") hay Ma Quỷ ([2]); họ ở nơi bảy vùng tên là Sheba Hachaloth; đó chỉ là bảy Châu của Địa Cầu ([3]). Trong kinh Kaba -lah, chúa tể của họ được gọi là Samael, Tử Thần, cũng là Quỷ Vương, Con Rắn Cám Dỗ. Nhưng Quỷ Vương này cũng là Lucifer, Thiên Thần Ánh sáng chói lọi, mang lại Sự Sống và Ánh Sáng, "Linh Hồn" xa lìa các Đấng Thiêng Liêng, các Thiên Thần khác và (trong một thời gian) đã đi trước thời gian khi đến lượt họ phải chuyển kiếp giáng trần.

Minh Triết Bửu Giám (Book of Wisdom) đã dạy rằng:

---

[1] Nó được trình bày bằng biểu tượng Tam giác Pythagoras, mười chữ yod ở bên trong, và bảy đỉnh của hình Tam giác và hình Vuông. Xem quyển 2, Phần 3, Tiết 14:"Chư Thần Linh, Chơn Thần và Nguyên Tử".

[2] Do đó, môn đồ Do Thái Bí giáo mới dùng từ ngữ "Ma hình" để gọi *Cảm Dục Thể (Kãma Rũpa),* thể mà các Thiên Thần thượng đẳng (dưới dạng Thượng Trí) bỏ lại, khi Thượng Trí bỏ phần cặn bã của mình để tiến nhập Devachan.

[3] Bách Khoa Từ Điển Tam Điểm Hoàng Gia của Mackenzie, trang 409- 411.

Mọi Linh Hồn [Chơn Thần](1) đều tồn tại trước trong các Phân Thân.

Còn kinh Zohar dạy rằng bên trong "Linh Hồn" có Chơn Nhơn tức là Chơn ngã thức: Trí Tuệ.

Josephus đã lặp lại tín ngưỡng của giáo phái Essenes như sau:

Linh Hồn từ không khí thuần khiết giáng xuống để bị trói buộc vào sắc tướng (2).

Còn Philo lại nêu rõ rằng:

Không khí có đầy dẫy Linh Hồn; các linh hồn gần địa cầu nhất giáng xuống để bị ràng buộc vào các hình tướng hữu hoại, quay về với sắc tướng, muốn ngự nơi chúng. (3)

Trong cái hình hài của con người, Linh Hồn *tiến hóa* nhiều, còn Thiên Thần thì có bản chất quá *hư không (intransitive).* Vì vậy, nên con người có tiềm lực vượt cao hơn những khả năng của các Thiên Thần. Vì vậy nên các vị đã được Điểm đạo ở Ấn Độ nói : những ai đã sinh ra lần thứ Hai, nghĩa là những người Bà La Môn, sẽ xét xử các Thiên Thần; và chính Thánh Paul, trong những Bức thư viết cho người Corinthians, có nói:

Nhà ngươi hãy biết rằng những vị đã được Điểm đạo sẽ xét xử các Thiên Thần ? (4)

---

1 Viii, 20.

2 De Bello Judaico, ii, 12.

3 De gigantibus, trang 222C.; De Somniis, trang 455 D.; điều này chứng tỏ rằng phái Essenes tin tưởng vào sự tái sinh luân hồi và nhiều kiếp đầu thai trên Trần thế, chẳng khác nào chính Jesus, một sự kiện mà chúng ta có thể chứng tỏ theo chính quyển kinh Tân Ước.

4 I, vi, 3.

Cuối cùng, trong mọi Thánh kinh và vũ trụ khởi nguyên luận cổ truyền, người ta đều có trình bày rằng con người tiến hóa chủ yếu như là *thể quang huy vô tướng*. Bên trên thể này, cũng như đồng thau nóng chảy được đổ vào khuôn của nhà điêu khắc, cái khung xác thịt của cơ thể y cũng được kiến tạo
121 bởi, do và từ các hình hài và các kiểu mẫu hạ đẳng của sự sống động vật thế tục. Kinh Zohar dạy:

Khi giáng trần, Linh Hồn và Sắc tướng khoác lấy một lớp vỏ thế tục.

Thể nguyên sinh của y đã không hề được tạo ra từ cái loại vật chất cấu thành những cái khung hữu hoại của chúng ta.

Khi Adam ở trong Địa Đàng, y không khoác lấy một lớp vỏ thiêng liêng bằng linh quang … *ánh sáng của cái loại ánh sáng được dùng trong vườn Địa Đàng.*[1] Mười Sephiroth thuộc Cõi Jetzirath đã *tạo ra* con người [Adam Thiêng Liêng], còn bảy Thiên Thần thuộc một Cõi thấp hơn nữa đã dùng *quyền năng thông thường* của mình để tạo ra Adam thế tục. Thiên thần Samael đầu tiên sa đọa, rồi *đánh lừa* (?) con người, khiến y cũng sa đọa theo.

b. Câu "Họ là hình bóng của những Hình Bóng của các Đấng"- tức là những vị Thủy Tổ sáng tạo nên con người bằng thể Dĩ Thái của các Ngài – cũng giải thích một điều tin tưởng thông thường. Ở phương Đông, người ta tin rằng các vị Thiên Thần không "rọi bóng", và đó là dấu hiệu chắc chắn của một Đấng *tốt lành thánh thiện.*

[1] Kinh Zohar, ii, 229 b.

c. Tại sao chúng "không có Lửa hay Nước riêng của chúng"?([1])

Bởi vì Khinh khí (hydrogen) có liên hệ như thế nào đối với những nguyên tố và chất hơi trên cõi trần, thì các thực thể của nó cũng thế trên cõi trí tuệ hay cõi hiện tượng chủ thể, bởi vì tính chất tam nguyên tiềm ẩn của nó phản ánh trong ba trạng thái phóng phát tích cực từ ba nguyên khí cao trong con người (gọi là Tam Thể thượng) tức là Linh thể (Ãtmã), Bồ Đề và Trí Tuệ hay Tinh Thần, Linh Hồn và Trí Tuệ. Đó là căn bản

[1] Tuy nhiên, như đã trình bày, nó lại được bổ chứng bởi Nội môn Bí giáo của Sáng Thế Ký. Chẳng những các con thú được tạo ra trong đó sau "Adam bằng Cát bụi"; mà cây cỏ cũng được trình bày và xuất hiện trên Địa Cầu trước khi "khai thiên tịch địa". Trước khi khai thiên tịch địa, mọi cây cỏ ngoài đồng ruộng đã hiện diện trên trần thế (ii, 5). Nay, nếu chúng ta không chấp nhận lối thuyết minh Huyền bí – nó trình bày là trong cuộc Tuần Hoàn thứ Tư này, cây cỏ đã phủ kín Địa Cầu, và nhân loại (*tinh anh*) Đầu tiên đã được tạo ra trước khi hầu hết mọi vật có thể tăng trưởng và phát triển trên Trái Đất – thì làm sao mà lối thuyết minh chấp nê văn tự có ý nghĩa gì được? Phải chăng nó chỉ có nghĩa là cỏ đã mọc um tùm trên địa cầu trước khi Quả Đất được tạo ra? Thế mà câu thơ 6 – nó bảo rằng "Sương mù từ dưới đất dâng lên, làm ướt sũng toàn bộ mặt đất" trước khi trời mưa làm cho cây mọc… lại có ý nghĩa thật minh bạch. Nó cũng bày tỏ điều trên đã xảy ra trong địa kỷ nào, và "trời" cùng "đất", có nghĩa là gì. Đó có nghĩa là bầu trời và đất đã *khô cứng* lại, tách rời khỏi đám hơi nước đã bốc ra từ đó. Vả lại, môn sinh phải nhớ kỹ rằng cũng như Adam Kadmon "Đấng bán thư bán hùng" trong Sáng Thế Ký, không phải là con người hồng trần, mà là tập đoàn Elohim (trong số đó có cả Jehovah nữa), cũng vậy, những con thú mà chương đó đề cập tới là "đã được tạo ra" trước con người (theo lối chấp nê văn tự) chẳng phải là thú vật gì cả, mà là các cung hoàng đạo và các thiên thể khác.

tâm linh và cũng là căn bản vật chất của con người. Con người sơ khai được nuôi dưỡng bằng "Không khí" hay "Gió", về sau trở nên con người toàn thiện. Khi đó, với sự phát triển của Lửa Tâm Linh, tức cái *thực thể* "Ba mà Một" trong Chơn ngã, y hoạch đắc do Chơn ngã hay bậc Thầy của y, sự Minh Triết của Tâm Thức cá biệt, mà y không có sở hữu từ lúc đầu. Như vậy, ở đây Tinh Thần Thiêng Liêng lại được tượng trưng bằng Mặt Trời hay là Lửa; Linh Hồn Thiêng Liêng được tượng trưng bằng Nước và Mặt Trăng, cả hai đều tượng trưng cho Cha và Mẹ của Pneuma (Hồn người, tức Trí Tuệ), được tượng trưng bằng Phong, vì Pneuma có nghĩa là "Hơi Thở" ("Breath").

122 Vì thế, trong Ngọc Bích Thần Biểu mà các tín đồ Thiên Chúa giáo đã xuyên tạc:

> Thượng cấp và thuộc hạ đều nhất trí thực thi công trình thực sự tuyệt vời duy nhất ấy – [đó là Con Người].

Đó là vì Công tác Bí nhiệm của Chiram, tức Vua Hiram trong kinh Kabalah, "Tam Vị Nhất Thể", chính là Tác nhân Vũ Trụ tức Kim đan. Tuyệt đích của Công tác Bí nhiệm là Con người thiêng liêng toàn bích ở một đầu của tuyến, còn sự phối hợp của ba nguyên tố lại làm Dung môi Huyền bí trong "Linh Hồn Thế Giới", Vũ Trụ Hồn tức Tinh Tú Quang, ở đầu kia. Còn trên cõi Vật Chất, đó là Hydrogen liên hệ với các chất khí khác. Đó chính là TO ON "Đấng mà ngoại trừ Con ra, không ai thấy được"; câu này áp dụng cho cả Vũ Trụ siêu hình lẫn Vũ Trụ vật chất, cho cả Con người tinh thần lẫn Con người vật chất. Đó là vì làm thế nào mà con người có thể hiểu được TO ON, "Đấng Cha Duy Nhất"; nếu Trí Tuệ, "Con" của y không "hợp nhất với Cha", và nhờ vào sự hấp thụ này,

nhận được sự khai ngộ của "Huấn Sư" thiêng liêng tức Ãtmã- Buddhi ?

Giảng lý dạy :

Hỡi đệ tử, nếu chưa hiểu cái gọi là Sáng Tạo THỨ YẾU, *trước hết, con nên nghiên cứu quan hệ của nó với cuộc* Sáng Tạo CHỦ YẾU.([1])

Giống dân thứ Nhất có ba Nguyên Tố (Elements) song không có Sinh Hỏa (*Living Fire*). Tại sao thế ? Bởi vì:

Đức Hermes Ba lần vĩ đại dạy: "Con ơi, ta nói *bốn* Nguyên tố, song phải có ba". "Trong Vòng Tròn nguyên thủy", tức cuộc Sáng Tạo, cái được ký hiệu là , có nghĩa là "Gốc rễ", trong cuộc Sáng Tạo thứ yếu cũng vậy.

Như vậy, trong khoa luyện kim đan hay Bí giáo Tây phương một biến thể của Nội môn Bí giáo Đông phương – chúng ta thấy:

X		**X**
Lưu huỳnh	Ngọn lửa	Tinh Thần (Spiritus)
Thủy ngân (Mercury) ([2])	Thiên Nhiên	Nước (Aqua)
Muối	Mẹ (Mater)	Máu (Sanguis)

Cả ba đều là các tứ nguyên được hoàn chỉnh bởi Hỏa, Gốc của chúng. Bên ngoài Thế giới biểu lộ, Tinh Thần là Hỏa LINH KHÍ dưới dạng Nhất Nguyên tuyệt đối. Trong Thế giới biểu lộ, nó là Mặt trời Tinh Thần Trung Ương, Lửa điện của Vạn Hữu. Trong Thái Dương Hệ chúng ta, nó là Mặt Trời hữu hình, Tinh Thần của Thiên Nhiên, Thần Linh của Địa Cầu ở trong, ở trên và xung quanh Quả Đất là Hỏa Tinh Linh của nó – *Phong*, Hỏa lưu chất; *Thủy*, Lửa lỏng; *Thổ*, Lửa đặc

[1] THIỀN ĐỊNH CHÂN KINH, iii, 19 (BOOK OF DZYAN, iii, 19)

[2] Trong ấn bản 1888 là Hydrargym.

(solid fire). Tất cả đều là Lửa – Ignis với cấu tạo căn cốt, tức |, nguồn gốc của nó là ◯ (số không) theo quan niệm của chúng ta. Tổng thể trong Thiên Nhiên và Trí Tuệ của nó. "Pro-Metor" chính là Lửa thiêng. Đó là Đấng Sáng Tạo, Đấng Hủy Diệt và Đấng Bảo Dưỡng. Tất cả các danh xưng nguyên sơ
123 của chư Thần Linh đều có liên hệ tới lửa, từ Hỏa Thần của người Ãryan cho tới Đấng Thánh Linh của Do Thái giáo, vốn là "một ngọn lửa thiêu rụi". Ở Ấn Độ, Thượng Đế được gọi là Eashoor, Esur, Iswur theo nhiều thổ ngữ khác nhau và Ĩshvara theo tiếng Bắc Phạn (nghĩa là Đấng Chúa Tể, có từ nguyên là Isha) song đó chủ yếu là tôn danh của Shiva, Đấng Hủy Diệt; còn ba vị thần chính của kinh Veda là Agni (Ignis), Vãyu và Sũrya – Hỏa, Phong và Thái Dương, ba cấp độ Huyền bí của Lửa. Theo tiếng Hy Bá Lai, Aza có nghĩa là "soi sáng", còn Asha là "Lửa". Trong Huyền bí học, "châm lửa" đồng nghĩa với việc khơi dậy một trong ba Đại Hỏa năng, hoặc "khẩn cầu Thượng Đế". Theo tiếng Bắc Phạn, ngữ căn Ush là lửa hay nhiệt; còn (theo Schelling), từ ngữ Ai Cập Osiris gồm có hai nguyên từ: Aish và Asr, tức là "lửa mê hoặc". Theo cổ ngữ Etruria, Aesar có nghĩa là một vị Thần, có lẽ là một chuyển hóa từ của Asura (A Tu La) trong kinh Veda. Tiến sĩ Kenealy cho rằng Ĩshvara cũng là một từ ngữ tương tự như vậy. Ông trích dẫn Chí Tôn Ca với nội dung như sau:

Aeswar (Ĩshvara) ngự nơi mọi vật hữu hoại, và dùng các quyền năng siêu phàm của mình để khơi động mọi vật đang bị cuốn theo dòng thời gian.

Đó đúng là Đấng Sáng Tạo và Hủy Diệt.

Người ta giả sử rằng nguyên Hỏa có một sự háu ăn khôn nguôi. Maximus of Tyre thuật lại rằng người cổ Ba Tư ném vào lửa các nhiên liệu khóc thút thít: *Lạy Ngài cứ việc xé xác*

con đi! Theo tiếng Ái Nhĩ Lan *easam* hay *asam*, có nghĩa là *tạo ra* hay *sáng tạo ra*.

[Và] *Aeser*[1] cũng là danh hiệu của một trong các vị cổ thần của Ái Nhĩ Lan; từ ngữ này có nghĩa đen là "nhóm lửa".

Các môn đồ Do Thái Bí giáo, Thiên Chúa giáo và các nhà Biểu tượng học vốn xuyên tạc Pymander – nổi bật trong số đó là Giám mục ở Ayre vào thế kỷ 16, Francois de Tours – chia các nguyên tố ra như sau :

Tứ Đại được tạo ra từ các Chất liệu thiêng liêng và các Chơn Linh của các Muôi Thiên Nhiên được tiêu biểu bởi:

	Thánh Matthew	Thiên Thần-Người	Nước (Jesus-Christ, Thần Nhân, Mikael).
A - Ω	Thánh Mark	Sư Tử	Hỏa
E - ϒ	Thánh Luke	Bò Mộng	Thổ
I – O	Thánh John	Chim Ưng	Phong (2)

[1] Kenealy, Thiên Thư (Book of God), trang 114 – 115.

[2] Nếu có ai hỏi: "Hydrogen có liên hệ với không khí hay sự Oxy hóa như thế nào? Xin đáp: "Trước hết hãy nghiên cứu phần Võ lòng của khoa Luyện kim đan Huyền bí. Tuy nhiên, Khi nôn nóng đồng nhất hóa Pymander ("cửa ngõ bí mật") với Thánh John Baptist một cách tiên tri, các nhà biểu tượng học Thiên Chúa giáo cũng đã đồng nhất hóa bảy Đấng Kabiri và các con Bò mộng Assyria với các Tiểu Thiên sứ của tín đồ Do Thái và các Tông đồ. Hơn nữa sau khi đã phân biệt rõ rệt *ba* và *bốn* – ba là các Thiên Thần sa đọa – ngoài ra để tránh việc liên hệ các Thiên Thần sa đọa này với "Bảy Chơn Linh Bản Diện" (Các Tổng Thiên Thần), họ đã tùy tiện dẹp đi những gì mà họ không muốn nhìn nhận. Vì thế, mới có sự xuyên tạc thứ tự của các nguyên tố để làm cho chúng ăn khớp với thứ tự của các Phúc âm và đồng nhất hóa Thần Nhân với Đức Christ. Đối với người Chaldea, người Ai Cập – Moses đã chấp

H *Tinh túy*, ‘ΗΦΟΛΟ [He Phlos], *Flamma - Virgo* [Dầu Trinh Nguyên], *Flamma Durissima, Virgo, Lucis Aeterna Mater*.

124 Như thế, Giống dân thứ Nhất chỉ là các Hình Bóng, Thể Dĩ Thái (Thể Phách) của các Tổ Phụ của họ, họ chỉ là bậc tiên phong tức là các Thực Thể tiên tiến nhất xuất phát từ một Bầu trước kia mặc dù kém tiến hóa hơn cái vỏ còn lại của nó ngày nay là Mặt Trăng. Nhưng ngay cả cái vỏ này cũng hoàn toàn tiềm tàng, vì ngay khi Mặt Trăng đã khai sinh ra *bóng ma* của mình là Trái Đất, Trái Đất liền dùng ái lực từ tính để thu hút, chiêu mộ các cư dân đầu tiên của mình tức là các con quái vật tiền nhân loại. Để yên tâm về điều này, môn sinh lại phải quay sang áng văn Chaldea xem Berosus dạy những gì. Berosus cho chúng ta biết rằng ông đã thụ giáo với Ea, Thần Minh Triết bán thư bán hùng. Trong khi chư Thần Linh đã được sản sinh ra trong lòng Minh Triết bán thư bán hùng này (Svabhãvat, Không gian Mẹ) thì trên trần thế, các phản ánh của nó lại biến thành Omorõka, vốn là Thavatth (hay Thalath) của Chaldea, Thalassa của Hy Lạp, Thái Uyên tức Đại Hải, xét về mặt nội môn, thậm chí về cả mặt ngoại môn nữa, đó chính là *Mặt Trăng*. Chính Mặt Trăng (Omorõka) đã chủ trì sự kiện quái gở sáng tạo ra các sinh linh khó tả mà các Thần Quân (Dhyãnis) đã giết sạch. ([1])

---

nhận các *Chroub* (Các Tiểu Thiên Sứ có dạng thú vật) của họ - và các Tín đồ phái thờ rắn, các Thiên Thần, các Hành Tinh và các Nguyên Tố đều được tiêu biểu (theo thần bí học và khoa luyện kim đan) bằng con *Sư Tử* (Nikael), con *Bò Mộng* (Uriel) *Con Rồng* (Raphael), Con La (Uriel hay Thantabaoth). Tất cả các điều này đều có một ý nghĩa định tính.

[1] Xem Các bài Thuyết trình của Hibbert, 1887, trang 370 và tiếp theo.

Luật tiến hóa khiến cho các Nguyệt Tinh Quân (dưới dạng Chơn Thần) bắt buộc phải trải qua mọi hình thức sinh hoạt và tồn tại trên Địa Cầu. Nhưng vào lúc cuối cuộc Tuần Hoàn thứ Ba, họ đã thành người với bản chất thiêng liêng, và do đó được mời tới để sáng tạo ra các hình hài hầu để đào luyện ra các Thánh Điện của các Chơn Thần chậm tiến hơn đã đến lượt lâm phàm. Các "Hình hài" này được gọi là "các Con của Yoga", vì Yoga – xét về mặt ngoại môn là sự hợp nhất với Brahmã – là trạng thái tối cao của Đấng Thánh Linh vô cực thụ động, do nó bao hàm mọi năng lượng thiêng liêng và là bản thể của Brahmã, nghe nói trên cương vị là Brahmã, Ngài đã sáng tạo ra vạn vật nhờ vào Quyền năng Yoga; theo một kinh điển Purãnas, Brahmã, Vishnu và Shiva là các năng lượng mãnh liệt nhất của Thượng Đế, Brahmã (trung tính). Ở đây, Yoga cũng tương tự như Dhyãna (Thiền), từ ngữ này lại đồng nhất với Yoga trong kinh điển Tây Tạng, trong đó, "các Con của Yoga" được gọi là "các Con của Dhyãna". Dhyãna là sự thiền trừu tượng, nhờ đó các vị Thiền Định Phật sáng tạo ra các đứa con thiêng liêng tức là các Thiền Định Bồ Tát.

Mỗi tạo vật trên thế giới đều có một thượng cấp. Thượng cấp này thầm đắc chí khi phân thân thành ra chúng, nên vị thượng cấp này không thể truyền thụ luồng lưu xuất nếu chúng chưa chịu phụng thờ [nghĩa là tham thiền giống như khi hành pháp môn Yoga].([1])

19. GIỐNG DÂN THỨ HAI SINH RA DO SỰ NẢY CHỒI VÀ BÀNH TRƯỚNG, CÁI PHI GIỚI TÍNH XUẤT PHÁT TỪ CÁI VÔ

[1] Sepher M'bo Sha-arim, gần cuối, do Isaac Myer dịch, Qabbalah, trang 110.

GIỚI TÍNH (1) . HỠI ĐỆ TỬ: GIỐNG DÂN THỨ HAI ĐƯỢC TẠO RA NHƯ THẾ ĐÓ.

125 Điều sẽ bị các giới khoa học phản đối nhiều nhất là Giống dân thứ Hai không có nam hay nữ tính, mệnh danh là Cha của những người "Hãn sinh", và có lẽ còn bị phản đối nhiều hơn nữa là Giống dân thứ Ba, những người "Noãn sinh"(sinh ra bằng trứng) bán nam bán nữ. Hai cách thức sinh sản này thật là khó hiểu nhất, đặc biệt là đối với đầu óc Tây phương. Hiển nhiên là chẳng dại gì mà thử giải thích cho những kẻ không phải là môn sinh Siêu hình học Huyền bí. Ngôn ngữ Âu Tây chẳng có từ ngữ nào diễn đạt những điều mà Thiên Nhiên không còn lặp lại nữa vào giai đoạn tiến hóa này, vì vậy, đó là những điều chẳng thể có ý nghĩa gì đối với Nhà duy vật. Nhưng cũng có những điều tương tự. Không ai phủ nhận rằng vào lúc bắt đầu cơ tiến hóa ắt phải có những phương thức trong Thiên Nhiên, chẳng hạn như sự tự nhiên sinh hóa các phương thức ấy ngày nay đã tuyệt diệt, nhưng lại được tái diễn dưới những hình thức khác. Chúng ta được biết, những cuộc sưu tầm về vi trùng đã chứng minh rằng không có một phương thức sinh sản nào là trường cửu vĩnh viễn.

Một cơ phận sinh dục có thể trải qua nhiều lần thay hình đổi dạng trong chu kỳ sinh hoạt của nó. Trong những lần đó, nó có khi hữu phái, có khi vô phái, nghĩa là nó có thể sinh sản bằng cách phối hợp giữa hai sinh vật có phái tính khác nhau, hoặc có khi sinh sản bằng cách nứt nẻ và mọc mầm hay nảy chồi do một sinh vật vô phái đơn phương mà thôi.(2)

---

[1] Ở đây, chúng tôi chỉ trình bày ý tưởng và tinh thần của câu này, vì nếu dịch sát nghĩa thì độc giả chẳng lĩnh hội được bao nhiêu.

[2] S. Laing, Khoa Học và Tư Tưởng Hiện Kim, trang 90.

"Nảy chồi" chính là danh từ được dùng trong các ĐOẠN KINH. Làm sao Hình Bóng của những con người sơ khai đó có thể sinh sản bằng cách nào khác, tức là sinh sản ra Giống dân thứ Hai, vì chúng vốn khinh thanh, vô sắc, vô phái, thậm chí cũng chưa có được một thể cảm dục, thể này chỉ phát triển trong Giống dân thứ Ba mà thôi? Những Hình Bóng đó sinh ra Giống dân thứ Hai một cách vô ý thức giống như một vài loại cây cỏ hay như là một loại biến hình trùng nhưng trên một qui mô rộng lớn hơn và tinh tế hơn. Thật vậy, nếu thuyết tế bào cũng được áp dụng vào thực vật học và động vật học, rồi lại được mở rộng trong hình thể học cũng như là sinh lý học, nếu khoa học nhìn thấy vi khuẩn như những sinh vật cá biệt, độc lập, cũng như Huyền môn nhìn vào những "Sinh vật sống động"([1]) thì không khó gì mà quan niệm phương thức sinh sản của con người sơ khai.

Xét các giai đoạn đầu tiên của sự phát triển một tế bào mầm. *Nhân* của nó tăng trưởng biến đổi và tạo ra một hình nón kép hay thoi ⧖ *bên trong* tế bào và một nửa của nó lòi ra dưới dạng của cái được gọi là các "tế bào cực". Nay các tế bào cực này chết đi và các phôi liền phát triển ra do sự tăng trưởng và liệt phân của phần nhân còn lại, nó được chất tế bào *nuôi dưỡng*. Thế thì, vào lúc đầu của *cuộc tiến hóa của loài người hữu nhũ*, tại sao các sinh vật lại không thể sống như vậy và được tạo ra như thế ?

Phương thức sinh sản của các loại tế bào vi khuẩn có thể là một thí dụ so sánh để giúp cho chúng ta có ý niệm về phương thức sinh hóa ra Giống dân thứ Hai từ Giống dân thứ Nhất.

---

[1] Xem Q. 1, Phần 1, Đoạn kinh 7, trang 306.

127 Thể Phách (Dĩ Thái) phủ lên Chơn Thần xưa nay vẫn được bao quanh bởi một *bầu hào quang* hình trứng, ở đây, nó tương ứng với chất của tế bào mầm tức Noãn. Chính Thể Phách xưa nay vẫn là nhân tràn đầy Nguyên sinh khí.

Khi mùa sinh dục đến, thể phách mọc ra một mẫu thu nhỏ của nó xuất phát từ bầu hào quang hình trứng bao quanh. Mầm mống này tăng trưởng và sống bám vào hào quang cho đến lúc trưởng thành, khi nó dần dần tách khỏi tổ phụ, mang theo bầu hào quang của chính mình, chẳng khác nào các tế bào sống sinh sản bằng cách tăng trưởng và sau đó phân làm đôi.

Sự tương tự với các "tế bào cực" dường như vẫn đúng, vì sự chết của chúng *nay* tương ứng với sự thay đổi do sự phân chia phái tính, khi sự thai nghén *nội tế bào* đã trở thành qui luật.

Giảng lý dạy:

Những người trong đợt đầu tiên của Giống dân thứ Hai là Cha của người "Hãn sinh"; còn đợt sau chính người "Hãn sinh".

Câu này trong Thiên bình luận đề cập tới diễn trình tiến hóa từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc của một Giống dân. Các "Con của Yoga" hay Giống người sơ khai, khinh thanh, vô sắc có bảy giai đoạn tiến hóa về phương diện chủng tộc hay tập thể cũng như mỗi cá nhân trong tập thể ấy. Đâu phải chỉ có Shakespeare là chia tuổi con người ra hàng loạt từng bảy tuổi một mà chính Thiên Nhiên cũng vậy. Như vậy, những Phụ chủng đầu tiên của Giống dân thứ Hai được sinh ra trước hết bằng phương pháp nảy chồi đã nói trên, trong khi những Phụ chủng sau cùng bắt đầu một cách tuần tự bằng cách phát triển thể xác được cấu tạo bằng cách khác. Phương thức sinh sản cũng có bảy giai đoạn trong mỗi Giống dân,

mỗi giai đoạn trải qua những thế hệ, thời gian kéo dài hàng triệu năm. Có nhà sinh lý hay nhà sinh học nào dám hỏi liệu cách thức sinh sản hiện nay, với mọi giai đoạn thai nghén, là xưa hơn nửa triệu năm hay cùng lắm là một triệu năm, vì chu kỳ quan sát của họ chỉ mới bắt đầu cách đây nửa thế kỷ ?

Những người bán nam bán nữ ban sơ là một sự kiện trong Thiên Nhiên mà Cổ nhân vẫn từng biết rõ, hiện tượng này là một trong những điều bí hiểm khó hiểu nhất của Darwin. Tuy nhiên, nó không phải là một việc không thể có, mà trái lại rất có thể là hiện tượng bán nam bán nữ này đã từng có trong diễn trình tiến hóa của những Giống dân đầu tiên. Mặt khác, căn cứ trên định luật "tương đồng lý tính" và định luật tiến hóa thể chất, nó tác động một cách đại đồng và vô tư trong sự cấu tạo các loài cây cỏ, động vật và loài người, thì lẽ đương nhiên là sự kiện ấy phải như vậy. Các lý thuyết sai lầm về Đơn phái sinh dục (Monogenesis) và thuyết con người là dòng dõi của loài nhũ động vật thay vì trái ngược lại, thật là nguy hại cho sự hoàn bị của thuyết tiến hóa như đang được giảng dạy ở các trường hiện đại theo đường lối của Darwin và phải được loại bỏ vì những khó khăn chướng ngại rất lớn không thể vượt qua mà chúng đang gặp phải. Chỉ có truyền thống giáo lý Huyền môn mới có thể hòa hợp những
127 điểm bất đồng và lấp bằng hố chia rẽ dị biệt (nếu xét về mặt chi tiết đặc thù này, người ta lại chối bỏ Khoa học và Minh Triết thời cổ sơ). Một công lý trong Do Thái Pháp Điển dạy:

Nếu bạn muốn biết cõi vô hình, thì hãy mở to mắt ra nhìn vào cõi hữu hình.

Trong quyển Thủy Tổ Loài Người (Descent of Man) có đoạn trích ra sau đây, nó chỉ rằng Darwin đã tiến rất gần với việc chấp nhận giáo lý huyền môn xưa.

Người ta biết rằng trong loài động vật có xương sống, một con đực hay con cái (thuộc về một phái nhất định) có mang dấu vết của một vài bộ phận phụ thuộc liên can tới cơ năng sinh sản của con thú thuộc về phái đối lập… vài giống thủy tổ xa xôi của toàn thể loài động vật có xương sống dường như có tính chất thư hùng lưỡng phái ([1]). Nhưng đây lại là một điều khó khăn lạ lùng. Trong loài nhũ động vật, con đực có mang dấu vết tử cung với những ống dẫn phụ cận trong nhiếp hộ tuyến. Chúng cũng mang dấu vết của cặp vú, vài con đực thuộc loại mang túi, cũng có mang dấu vết của túi đựng con. Người ta có thể kể thêm nhiều sự kiện tương tự khác nũa. Như vậy, phải chăng chúng ta nên đặt giả thuyết rằng một số loài nhũ động vật thời thái cổ vẫn tiếp tục là thư hùng lưỡng phái sau khi chúng đã hoạch đắc được những đặc tính riêng của loại mình, và bởi đó, sau khi chúng đã tách rời khỏi những giống thấp kém hơn của những loại có xương sống? Điều này dường như không thể có, ([2]) vì chúng ta phải xem xét loài cá là loài thấp kém nhất, để tìm xem có những hình thức thư hùng lưỡng phái nào còn tồn tại không.([3])

Darwin hiển nhiên là không muốn chấp nhận giả thuyết mà các sự kiện đã gợi ra một sự cưỡng bách xiết bao – đó là giả thuyết cho rằng loài hữu nhũ đã bắt nguồn từ một nhánh bán thư bán hùng nguyên sơ. Ông giải thích như sau:

Chúng ta có thể giải thích việc nhiều cơ quan phụ thuộc, khác nhau riêng cho mỗi phái, lại hiện diện trong một tình trạng sơ khai nơi phái đối nghịch, là do các cơ quan ấy đã dần dần được một

---

[1] Tại sao tất cả - người cũng như thú – lại không phải là Giống dân thứ Nhất thủy tổ, còn tại sao *một thứ* lại là "thủy tổ xa xưa"?

[2] Hiển nhiên là như thế, theo các đường lối của thuyết tiến hóa, nó truy nguyên loài hữu nhũ tới một tổ phụ lưỡng thê (sống hai nơi) nào đó.

[3] Ấn bản kỳ II, trang 161.

phái thủ đắc rồi lại truyền cho phái kia trong một trạng thái ít nhiều bất toàn.([1])

Ông đơn cử trường hợp "cựa, lông vũ và các màu sắc rực rỡ mà các con chim trống thủ đắc được để lâm chiến hay trang điểm" đã được các chim mái hậu duệ chỉ kế thừa một phần. Tuy nhiên, trong vấn đề mà chúng ta đang đề cập đến, hiển nhiên là cần có một lời giải thích thỏa mãn hơn, các sự kiện có tính cách nổi bật và quan trọng hơn hẳn chính các chi tiết hời hợt mà Darwin đem ra so sánh với chúng. Tại sao chúng ta không thành thật chấp nhận theo chủ thuyết thư hùng lưỡng phái là đặc tính của động vật thời cổ đại? Khoa Huyền môn đề nghị một giải đáp bao gồm các sự kiện một cách giản dị và dễ hiểu nhất. Những tàn tích dấu vết nói trên của một thế hệ động vật thư hùng lưỡng phái thời xưa phải được liệt vào cùng một loại với tùng quả tuyến và những bộ phận bí hiểm tương tự khác nữa. Các bộ phận bí hiểm này là những bằng chứng thầm lặng nói lên sự thật của những cơ năng đã trở nên suy thoái và hao mòn từ lâu trong diễn trình tiến hóa của loài động vật và loài người, nhưng đã từng có một thời hoạt động với một chức năng đáng kể trong đời sống của nhân loại sơ khai.

128 Dù sao đi nữa, chúng ta có thể so sánh một cách có lợi Giáo lý Huyền môn với các học thuyết của các khoa học gia phóng khoáng nhất, họ đã thuyết lý về nguồn gốc của con người đầu tiên.

Từ trước Darwin lâu lắm rồi, Naudin – cái mà các môn đồ Darwin gọi là nguyên sinh chất thì ông lại gọi là chất phôi chủng – đã đề ra một thuyết nửa Huyền bí, nửa khoa học duy vật. Ông khiến cho Adam *Phi giới tính* đột ngột sinh ra từ *đất*

[1] Như trên, trang 161 – 162.

sét (theo như trong Thánh kinh đã gọi) chất phôi chủng của khoa học. Naudin giải thích như sau:

Lực tiến hóa đã hoàn chỉnh hóa các giống loài từ dạng nhân loại ấu trùng này. Để hoàn thành hiện tượng vĩ đại này, Adam đã phải trải qua một giai đoạn bất động và vô thức, rất tương tự như trạng thái nhộng trần (the nymphal state) của các con thú đang bị biến hình. ([1])

Tuy nhiên, đối với nhà thực vật học lỗi lạc ấy, Adam không phải là một người mà là *nhân loại,*

vẫn ẩn tàng bên trong một cơ thể tạm thời, đã phân biệt với các cơ thể khác và không thể liên minh với bất kỳ cơ thể nào khác.

Ông chứng tỏ rằng sự phân biệt giới tính đã được hoàn thành bởi

một tiến trình nảy mầm tương tự như loài sứa và loài hải tiêu.

Được cấu tạo về mặt sinh lý như vậy, nhân loại

sẽ duy trì được một lực tiến hóa đủ để nhanh chóng tạo ra nhiều giống người vĩ đại khác nhau.

Trong tác phẩm Các Giống Người, De Quatrefages, đã chỉ trích lập trường này. Theo ông, các lý tưởng của Naudin thật là *phản khoa học*, hoặc nói đúng hơn là "không hợp thành một thuyết khoa học", vì trong thuyết của ông, chất phôi chủng nguyên thủy có liên hệ với *Nguyên nhân Bản sơ,* ông tin rằng: Nguyên nhân bản sơ đã ngấm ngầm tạo ra mọi thực thể quá khứ, hiện tại và tương lai trong chất phôi thủng, như thế, nó đã thực sự *tạo ra* tất cả các thực thể này. Vả lại, Naudin thậm chí cũng chẳng xét đến các *Nguyên nhân thứ nhì* tức là tác động của chúng trong cuộc tiến hóa này của thế giới hữu cơ. Như thế, vốn chỉ quan tâm tới "các nguyên nhân thứ hai",

[1] De Quatrefages, Các Giống Người, trang 124, "Tủ Sách Khoa Học Quốc Tế", quyển XXVI.

khoa học ắt "chẳng có gì để nói về thuyết của ông Naudin". ([1])

Nó cũng sẽ chẳng có gì nữa để nói về Huyền bí học mà Naudin đã tiếp cận được. Đó là vì, nếu chúng ta chỉ xem "chất phôi chủng nguyên thủy"("primordial Blastema") của ông là Bản Thể Thiền Định Đế Quân. Chhãyã hay Hình Bóng (Thể Phách) của chư Tinh Quân – nó bao hàm tiềm năng của vạn tướng – thì chúng ta sẽ hoàn toàn đồng ý. Nhưng giáo lý của Naudin và giáo lý của chúng ta quả thật có hai điểm dị biệt có tầm quan trọng sinh tử. Ông Naudin cho rằng sự tiến hóa đã diễn ra bằng những bước đột biến nhảy vọt, thay vì trải ra trong hàng triệu năm, còn chất phôi chủng nguyên
129 thủy của ông lại chỉ có các bản năng mù quáng – một loại Nguyên nhân Bản sơ *vô thức* trong Càn Khôn biểu lộ -, đây thật là một điều phi lý. Trong khi đó chính Bản Thể Thiền Định Đế Quân của chúng ta – mỗi *nhân quả của Nguyên Nhân Bản Sơ* vẫn tạo ra *phàm nhơn* – lại là cái loại Vật Chất sinh động, hoạt động và tiềm tàng (bản thân nó lại súc tích một loại tâm thức động vật thượng đẳng, chẳng hạn như loại hiện diện nơi con kiến và con hải ly) tạo ra hàng loạt các sự biến phân sinh lý. Trừ điều đó ra, "tiến trình *sáng tạo* tổng quát và cổ truyền" từ các cơ thể nguyên hình của ông cũng có tính cách Huyền bí chẳng kém gì bất cứ thuyết nào của Paracelsus hay Khunrath.

Vả lại, các tác phẩm Do Thái Bí giáo đều có đầy dẫy bằng chứng của điều này. Chẳng hạn như kinh Zohar đã dạy rằng mọi kiểu mẫu trong Thế giới hữu hình đều có nguyên kiểu trong Thế giới vô hình.

---

[1] Như trên, trang 125.

Mọi vật tồn tại trong Cõi thấp đều hiện diện trên các Cõi cao. Cõi thấp và Cõi cao tác động và phản tác động lẫn nhau ([1]).

20. CÁC TỔ PHỤ CỦA HỌ VỐN TỰ SINH TỰ TẠI. NHỮNG ĐẤNG TỰ SINH TỰ TẠI LÀ NHỮNG BÀO ẢNH XUẤT PHÁT TỪ CÁC THỂ QUANG HUY CỦA CÁC TINH QUÂN, CÁC TỔ PHỤ, CÁC ĐỨA CON CỦA TRANH SÁNG TRANH TỐI (THE SONS OF TWILIGHT).

Các "Hình Bóng" hay Chhãyãs được gọi là Con của các Đấng Tự Sinh, danh hiệu này được dùng để chỉ tất cả những vị Thần linh và những vị sinh ra bởi ý chí, gồm các vị Thần hay Tiên Thánh (Adept). Các Homunculi của Paracelsus có lẽ cũng được dành cho danh hiệu này, mặc dù tiến trình sau diễn ra trên một cõi vật chất hơn nhiều. Danh hiệu "Các con của Tranh tối tranh sáng", chứng tỏ rằng các Thủy Tổ "Tự sinh" của giáo lý chúng ta cũng giống y như các Tinh Quân Pitris trong hệ thống Bà La Môn giáo, vì danh hiệu này ám chỉ cách thức sinh sản của họ. Kinh Purãnas có nêu rõ là các Tinh Quân này đã xuất phát từ "Thể Tranh tối tranh sáng" của Brahmã.

21. KHI GIỐNG DÂN ĐÃ GIÀ, NƯỚC CŨ TRỘN LẪN VỚI NƯỚC MỚI (a). KHI CÁC GIỌT NƯỚC TRỞ THÀNH ĐỤC NGẦU, NÓ BIẾN MẤT VÀO DÒNG NƯỚC MỚI, TRONG DÒNG SUỐI NÓNG CỦA SỰ SỐNG. CÁI BÊN NGOÀI CỦA CÁI ĐẦU TIÊN TRỞ THÀNH CÁI BÊN TRONG CỦA CÁI THỨ NHÌ (b). CÁNH CŨ BIẾN THÀNH HÌNH BÓNG MỚI, HÌNH BÓNG MỚI CỦA CÁI CÁNH (c).

a. Giống dân Sơ khai sáp nhập và hỗn hợp làm một với Giống dân thứ Hai.

---

[1] Trang 186.

b. Đây là phương thức bí nhiệm của sự biến đổi và tiến hóa của nhân loại. Chất liệu của những Hình thể đầu tiên – thanh nhẹ tinh tế như hình bóng và tiêu cực, thụ động – bị thu hút hay là thể nhập với các hình thể mới của Giống dân thứ Hai. Thiên bình luận giải thích câu này nói rằng vì thành phần Giống dân thứ Nhất chỉ có những Hình Bóng làm bằng Dĩ thái thể của những vị Thủy Tổ sáng tạo, lẽ tất nhiên là không có một thể dĩ thái hay thể xác riêng biệt của họ, nên Giống dân ấy *không bao giờ chết*, người của giống dân ấy tan rã dần dần và bị thu hút vào thể xác của những con cháu "Hãn sinh" của họ có thể xác rắn chắc hơn. Cái Hình thể cũ đã biến mất và thể nhập với hình thể mới có cơ cấu vật chất hơn và giống hình người hơn. Thời đó còn là một thời kỳ phúc lạc yên vui hơn của Hoàng kim thời đại, nên vốn không có sự chết; nhưng cái chất liệu đầu tiên được dùng để cấu tạo nên những hạ thể của những người mới là con cháu của giống người đầu tiên sơ khai.

c. Khi cái "Hình Bóng" rút lui, nghĩa là khi dĩ thái thể được bao phủ bởi chất xương thịt rắn chắc hơn, thì con người đã phát triển một xác thân vật chất, cái "Cánh" ám chỉ cái Hình thể khinh thanh đã tạo nên Hình ảnh của nó, trở nên cái Hình Bóng của Thể Dĩ Thái và hậu duệ của chính nó sinh ra. Lối diễn đạt này thật là kỳ quặc và độc đáo.

Vì có thể sau này không còn dịp đề cập tới bí nhiệm này nữa, nên thiết tưởng cũng cần vạch ngay ra ý nghĩa nhị phân bao hàm trong thần thoại Hy Lạp có ảnh hưởng tới giai đoạn tiến hóa đặc biệt này. Chúng ta thấy nó trong nhiều biến thể của chuyện ẩn dụ về Leda cùng với hai con: Castor và Pollux, mỗi biến thể có một ý nghĩa đặc biệt. Như thế, trong quyển XI cảu bộ Odyssey, người ta bảo Leda là phu nhân của

Tyndarus, vị phu quân đã khiến bà sinh ra "hai đứa con trai dũng cảm": Castor và Pollux. Thần Jupiter ban cho chúng một đặc tài và một đặc quyền kỳ diệu. Chúng có tính chất bất tử; chúng thay phiên nhau sống và chết luân chuyển từng ngày ([1]). Với vai trò là Tyndaridae, hai anh em sinh đôi là một biểu tượng thiên văn tượng trưng cho ngày và đêm; hai người vợ của họ, Phoebe và Hilaeira, con gái của thần Apollo và Thần Thái Dương là hiện thân của buổi bình minh và Tranh tối tranh sáng ([2]). Lại nữa, trong câu chuyện ẩn dụ mà người ta trình bày Zeus là Cha của hai vị anh hùng – sinh ra từ cái Trứng mà Leda đã hạ sinh – huyền thoại này có tính cách thần phổ học. Nó có liên quan tới cái nhóm chuyện ẩn dụ vũ trụ trong đó người ta mô tả là thế giới sinh ra từ cái Trứng. Đó là Leda đã khoác lấy hình dạng của một con thiên nga trắng khi hợp nhất với con Thiên Nga Thiêng Liêng (tức Brahma-Kala -hamsa). Như thế, theo truyền thuyết của nhiều dân tộc khác nhau thuộc giống dân Aryan, Leda chính là con chim huyền thoại mà thiên hạ đã gán cho nhiều loại chim khác nhau, tất cả đều đẻ trứng vàng ([3]). Trong Kalevala, Anh Hùng Thi của Phần Lan, đứa con gái yêu kiều của Dĩ Thái,
131 "Mẫu Thủy" ("Water -Mother"), đã sáng tạo ra Thế giới với một con "Vịt cái" – một dạng khác của con Thiên Nga hay con Ngỗng, Kalahamsa – nó đẻ ra sáu quả trứng vàng và quả thứ bảy "bằng sắt" trong lòng mình. Nhưng chúng ta chỉ thấy một biến thể của chuyện ẩn dụ Leda- nó có đề cập trực tiếp

[1] Odyssey, xi, 298 – 305; Iliad iii, 243.

[2] Hyg ., Fab., 80. Ovid., Fasti., 700 v.v.. Xem Thần Thoại Cổ Hy Lạp, trang 658.

[3] Xem Decharme, như trên, trang 652.

tới con người thần bí – nơi thi sĩ Piadar ([1]) cùng với một sự đề cập sơ sài tới nó trong các Thánh ca của Homer ([2]). Chính Castor và Pollux không còn là Dioskouroi của Apollodorus nữa; ([3]) mà trở thành biểu tượng đầy ý nghĩa của con người nhị phân, hữu hoại và bất tử. Chẳng thế mà họ còn là biểu tượng của Giống dân thứ Ba và sự biến đổi nó từ Người thú thành ra một người Trời (God-man) chỉ có một thể xác.

Pindar cho biết rằng trong cùng một đêm, Leda kết hợp với chồng mình rồi lại kết hợp với cả Cha của chư Thiên–thần vương Zeus nữa. Như vậy, Castor là con của Kẻ hữu hoại, còn Pollux lại là hậu duệ của Đấng Bất Tử. Trong chuyện ẩn dụ được chế ra vì lý do này, nghe nói trong cuộc loạn đả để trả thù Apharides ([4]), Pollux đã giết chết Lynceus – "y là kẻ có tầm nhìn sâu sắc nhất trong số thế nhân"- còn Castor lại bị Idas, "kẻ thấy và biết" đả thương. Zeus đã kết liễu trận chiến này bằng cách vung lưỡi tầm sét hạ sát hai chiến sĩ cuối cùng. Pollux thấy anh mình đang hấp hối ([5]). Tuyệt vọng quá, y liền cầu khẩn Zeus giết chết y luôn. Chúa tể của chư Thần đáp: "Các ngươi không thể chết hết một lượt, vì các ngươi thuộc về một dòng giống thiêng liêng". Nhưng Ngài cho y được chọn lựa: hoặc là Pollux sẽ vẫn sống bất tử mãi mãi nơi Olympus; hoặc là nếu muốn chia sẻ số phận của anh mình về mọi mặt, y phải sống nửa kiếp ở dưới đất và nửa kiếp kia nơi

---

[1] Xem x, 80 và tiếp theo. Theocr., xxiv, 131.

[2] XXXIV, V, 5, Theocr , xxii, 1.

[3] Iii, 10, 7.

[4] Apollodorus, iii, 1.

[5] Mộ của Castor được trưng bày ở Sparta thời xưa (theo Pausanias (ii, 13, 1). Còn Plutarch lại bảo rằng ở Argos, ông được gọi là bán thế nhân hay bán anh hùng (Các Vấn Đề Hy Lạp 23).

các trú sở thiên giới bằng vàng. Pollux đã chấp nhận tính chất bất tử mà Castor cũng được chia sẻ ([1]). *Thế là hai anh em sinh đôi cứ thay phiên nhau sống, kẻ sống ban ngày, kẻ sống ban đêm*([2]).

Phải chăng đây chỉ là một điều tưởng tượng thi vị? Hay đó là ẩn dụ, một trong các lối thuyết minh "thần thoại thái dương" mà không một nhà Đông phương học nào có thể bay vút lên cao hơn được? Thật ra, nó còn hơn thế nhiều. Ở đây, chúng ta có một điều ám chỉ Giống dân thứ Ba "Noãn sinh", nửa đầu tiên của Giống dân này hữu hoại, nghĩa là vô thức trong Phàm Ngã, và chẳng có gì bên trong nó sống sót ([3]); còn nửa sau của nó biến thành bất tử nơi Chơn Ngã do Nguyên
132 khí thứ Năm của nó được *chư Thần phú linh* (the *informing Gods)* sáng tạo ra, như vậy là liên kết Chơn Thần với Trần Thế này. Đó là Pollux, còn Castor tiêu biểu cho *phàm nhơn* hữu hoại, một động vật thậm chí không phải thuộc loại thượng đẳng, khi không dính dáng gì tới Chơn Ngã thiêng liêng. Đó đúng là "hai anh em sinh đôi", song vẫn bị chia tay nhau mãi mãi, trừ phi Pollux vốn xúc động trước tình anh em sinh đôi, lại ban cho người anh hữu hoại chịu số phận hẩm hiu của mình quyền được chia sẻ bản chất thiêng liêng của chính y, như thế là liên kết anh mình với sự bất tử của chính mình.

---

[1] Pindar, Xem x, 60 và tiếp theo, Dissen.

[2] Schol, Eurip., Orestes, 463, Dindorf. Xem Decharme 654.

[3] *Chơn Thần* thì vô ngã và bản thân là một thần linh, mặc dù vô thức trên cõi này. Vì tách rời với nguyên khí thứ ba (thường được gọi là nguyên khí thứ năm (Manas) vốn là đường ngang của tam giác tức tam nguyên biểu lộ bản sơ, nên có thể không có tri giác được vạn vật trên cõi trần này. Trong cõi biểu lộ, "cái cao siêu nhất nhìn qua mắt cái thấp thỏi nhất", Purusha (Tinh Thần) vẫn mù quáng nếu không được Prakriti (Vật Chất) trợ giúp trong các cõi vật chất, Atma Buddhi cũng vậy nếu không có Manas.

Đó là ý nghĩa Huyền bí của khía cạnh siêu hình của chuyện ẩn dụ. Cách thuyết minh hiện đại và phổ biến về nó – theo Plutarch(1), thời xưa, nó vẫn nổi tiếng là biểu tượng của tình thương anh em – nghĩa là cho rằng đó là hình ảnh của Mặt Trăng và Mặt Trời được vay mượn từ phong cảnh Thiên Nhiên, thật là kém và không đủ thỏa đáng để giải thích ý nghĩa bí mật. Ngoại trừ sự kiện là đối với người Hy Lạp, Mặt Trăng có nữ tính trong thần thoại học ngoại môn và do đó, khó có thể được xem là Castor, đồng thời lại được đồng nhất hóa với Diana, các nhà biểu tượng học thời xưa, vốn xem Mặt Trời (Vua của mọi tinh đẩu) là hình ảnh hữu hình của Thượng Đế, ắt đã không nhân cách hóa nó là Pollux, vốn chỉ là một bán thần. (2)

Nếu từ thần thoại học Hy Lạp, chúng ta chuyển sang các ẩn dụ và biểu tượng ký của Moses, thì chúng ta sẽ thấy một sự bổ chứng nổi bật hơn nữa cũng về giáo điều đó dưới dạng khác. Nếu không thể truy nguyên được giống "Noãn sinh" trong đó, chắc chắn là chúng ta sẽ còn tìm ra trong bốn chương đầu của Sáng Thế Ký các Giống bán thư bán hùng và

---

1 Các bài Tiểu Luận về Đạo Đức.

2 Decharme đã chấp nhận ý tưởng và lối thuyết minh kỳ lạ này trong tác phẩm Thần thoại học cổ Hy Lạp (trang 655). Ông cho rằng Castor và Pollux chẳng có gì khác hơn Mặt trời và Mặt Trăng, được xem như là hai anh em sinh đôi…Mặt Trời, thực thể hùng dũng và bất tử, cứ mỗi đêm lại biến mất khỏi đường chân trời và giáng xuống bên dưới Trái Đất, như thể nhường chỗ cho tinh cầu anh em xuất hiện vào ban đêm tức là Pollux, y hy sinh thân mình cho Castor, vốn kém hơn em mà cũng được bất tử, đó là vì theo Theophrastus, Mặt Trăng chỉ là một Mặt Trời khác nhưng yếu hơn (De Ventis, 17).

Ba giống dân đầu tiên của Giáo Lý Bí Nhiệm, ẩn tàng dưới khoa biểu tượng tài tình nhất.

ĐẤNG BÁN THƯ BÁN HÙNG THIÊNG LIÊNG
(THE DIVINE HERMAPHRODITE)

Một bức màn bí mật hoàn toàn bao trùm những Giáo lý Huyền môn được giảng dạy sau cuộc Đại Hồng Thủy nhận chìm những người sống sót cuối cùng của giống dân Atlane vào khoảng 12 000 năm nay để cho khỏi lọt vào tầm tay của những kẻ không xứng đáng, hầu khỏi bị ô nhiễm. Trong số các Khoa học này có nhiều khoa học nay đã trở nên công truyền- chẳng hạn như thiên văn học, dưới các dạng thuần túy toán học và vật lý. Nhưng người ta đã quên hết các giáo điều của chúng (tất cả đều được tượng trưng và chỉ còn được duy trì trong chuyện ngụ ngôn và truyện ẩn dụ) và vì thế nên ý nghĩa của chúng đã bị xuyên tạc. Tuy nhiên, người ta thấy
133 Đấng Lưỡng Tính trong các Thánh kinh và các truyền thuyết của hầu hết mọi quốc gia; và nếu phát biểu ấy chỉ là điều tưởng tượng thì tại sao lại có một sự nhất trí như vậy?

Chính sự bảo mật đó đã đưa Giống dân thứ Năm đến việc thiết lập hay đúng hơn là tái lập những Tổ chức Huyền môn, trong đó những chân lý cổ truyền được giảng dạy cho thế hệ tương lai dưới bức màn che dấu của những khoa biểu tượng và của những ngôn ngữ ẩn dụ bóng bẩy. Chúng ta hãy xem bằng chứng của sự tiến hóa của các Giống người Thiêng liêng, và nhất là từ Giống người Bán thư bán hùng; đó là con Nhân sư Ai Cập, câu đố bí hiểm của mọi thời đại ! Minh Triết thiêng liêng lâm phàm và bắt buộc phải nếm trái đắng của kinh nghiệm thương đau của phàm ngã, chỉ được sản sinh ra trên Trần Thế dưới bóng cây Tri Thức Thiện và Ác – đó là

một điều bí mật mà thoạt tiên chỉ có Đấng Elohim, "Chư Thần Linh Thượng Đẳng" Tự sinh tự tại biết mà thôi. ([1])

Trong Thánh Thư Enoch, chúng ta có Adam ([2]) con người Lưỡng phái Thiêng liêng đầu tiên, sau phân ra thành nam và nữ và trở nên Jah-Heva trong một hình thức hay chủng tộc, Cain và Abel ([3]) - nam và nữ - trong một hình thức hay Chủng tộc khác nữa, hình thức ấy là Jehovah ([4]) lưỡng phái tương xứng với Brahmã Vãch của Ấn giáo. Sau đó xuất hiện Giống dân thứ Ba và thứ Tư của nhân loại ([5]) tức là những Giống người nam và nữ hay những cá nhân gồm cả hai phái nam và nữ khác nhau chứ không còn là những nhân vật nửa tiên nửa phàm, không nam không nữ và những người thư hùng lưỡng phái như trong hai Giống dân trước. Trong mọi nhân sinh khởi nguyên luận, người ta đều có ám chỉ tới sự

---

[1] Xem Thánh Thư Enoch, bản dịch của Giáo sư Laurence, 1888.

[2] Cũng như Brahmã và Thần chiến tranh, Adam (Kadmon) là biểu tượng của Quyền năng *sáng tạo* và *sinh sản,* tiêu biểu cho Thủy và Thổ (một bí nhiệm của khoa Luyện kim đan). Moses dạy: "Nó dùng Thủy và Thổ để tạo ra một Hồn người". Thần Mars chính là Mangala, hành tinh Mars, của Ấn Độ, đồng nhất với Kãrtikeya, "Thần Chiến tranh"; Ngài chính là Gharma –ja, sinh ra *từ mồ hôi* của Shiva và của Trái Đất. Ngài là Lohita (màu đỏ), chẳng khác nào Brahmã và Adam. Cũng như Adam, thần Mars của Ấn Độ không hề do người mẹ sinh ra. Đối với người Ai Cập, Mars là Nguyên khí khai sáng bản sơ; Brahmã (theo giáo lý ngoại môn) và Adam (theo kinh Kabalah) cũng vậy.

[3] Abel chính là Chebel, có nghĩa là "đau đẻ", thụ thai.

[4] Xem Nữ Thần Isis Lộ Diện, II, trang 398, trong đó có trình bày Jehovah là do Adam và Eve hợp lại do Hevah và Abel (*con rắn mái).*

[5] Xem Nữ Thần Isis Lộ Diện, I, trang 305: "Sự kết hợp hai Giống dân này tạo ra … Giống dân *thứ Ba"*

kiện này. Người ta thấy nó trong chuyện ngụ ngôn và ẩn dụ, trong huyền thoại và các Thánh kinh *thiên khải*, trong thần thoại và truyền thuyết. Đó là vì, đây là một trong các Bí nhiệm vĩ đại nhất mà các Đạo đồ đã được kế thừa từ quá khứ xa xưa. Nó giải thích cho yếu tố lưỡng tính mà chúng ta thấy nơi mọi Đấng Thánh Linh Sáng Tạo, nơi Brahmã-Virãj- Vãch cũng như là nơi Adam-Jehovah-Eve và Cain-Jehovah Abel. Đó là vì quyển "Gia phổ của Adam" thậm chí không hề đề cập tới Cain và Abel, song chỉ nói:

> Người nam và nữ tạo ra họ; … và gọi tên họ là Adam.([1])

Rồi nó nói tiếp:

> Và Adam … sinh ra một người con giống y như mình, phỏng theo hình ảnh của mình và đặt tên nó là Seth. ([2])

134 Sau đó, y sinh ra các người con trai và con gái khác, như thế, chứng tỏ rằng Cain và Abel là các hoán vị ẩn dụ của chính y. Adam tượng trưng cho Giống người nguyên sơ, nhất là theo ý nghĩa tinh đẩu. Tuy nhiên, theo ý nghĩa thần linh nhân loại học thì lại không phải như vậy. Danh xưng phức hợp kết hợp Jehovah hay Jah-Hovah có nghĩa là *sự sống nam giới* và *nữ giới* – thoạt tiên là bán thư bán hùng, rồi phân thành các phái- được dùng theo nghĩa này trong Sáng Thế Ký, từ chương V trở đi. Tác giả của Nguồn Gốc Các Kích Thước cho rằng:

> Hai từ ngữ cấu thành *Jehovah* tạo ra ý niệm độc đáo về thư hùng, với vai trò là kẻ khai sinh.([3])

Đó là vì theo tiếng Hebrew, chữ *Jod* có nghĩa là *cơ quan sinh dục nam*, còn *Hovah* là Eve, mẹ của chúng sinh, tức kẻ

---

[1] Sáng Thế Ký, v, 2.

[2] Như trên, v, 3.

[3] Trang 159.

sinh thành Địa Cầu và Thiên Nhiên. Do đó tác giả tin tưởng rằng:

Chúng ta thấy rằng *kẻ hoàn thiện* [vòng tròn âm toàn bích, tức Yoni, xét về mặt số mục là 20612], với vai trò *khai sáng ra các kích thước*, cũng có dạng là nguồn gốc của sự *sinh sản*, giống như *kẻ bán thư bán hùng*; vì thế mới có dạng và việc sử dụng tượng sinh thực khí.

Đúng vậy, có điều là dạng và việc sử dụng tượng dương vật đã xuất hiện sau đó biết bao nhiêu lâu; còn ý nghĩa nguyên thủy của Enos (con của Seth) chính là *Giống dân* đầu tiên sinh ra từ người đàn ông và người đàn bà theo cách thức thông thường hiện nay,vì Seth không phải là con người, mà là một *giống dân*. Trước thời y sống, nhân loại có tính cách bán thư bán hùng. Trong khi mà Seth là kết quả đầu tiên (xét về mặt sinh lý sau khi có sự "Sa đọa" thì y cũng là *con người* đầu tiên; do đó, con trai y (Enos) được gọi là "Con của *Người*"("Son of *Man*"). Seth tiêu biểu cho Giống dân thứ Ba *sau này*.

Để che giấu danh xưng thực sự bí nhiệm của Ain Soph – Hư không Vô biên vô tận – các môn đồ Do Thái Bí giáo đã đề ra danh hiệu thuộc tính phức hợp của một trong các Đấng Elohim Sáng Tạo nhân hình, có danh xưng là Yak hay Jah- các chữ *i, j,* hay *y* có thể thay thế lẫn cho nhau – tức Jah-Hovah, nghĩa là *nam* và *nữ* ([1]), Jah-Eve một kẻ bán thư bán hùng, tức *là hình thức nhân loại bản sơ,* Adam nguyên thủy của trần thế chứ không phải là Adam Kadmon, vốn có người "Con Trí sinh" là Jah-Hovah thế tục, xét về mặt thần bí. Vì biết thừa

[1] Trong kinh Kabalah, Jod có biểu tượng là bàn tay, ngón tay trỏ và dương vật, còn xét về mặt số mục, nó thật là toàn bích, nhưng nó cũng là số 10, thư và hùng khi được phân chia ra.

điều này, nên các giáo sĩ Do Thái và môn đồ Do Thái Bí giáo quỷ quyệt đã đặt ra cho nó một danh hiệu *bí mật* đến đỗi mà sau này y chẳng thể nào tiết lộ nó mà không bộc lộ toàn bộ hệ thống, vì thế mà y bắt buộc phải làm cho nó *thiêng liêng*.

Chỉ cần so sánh đối chiếu Thánh kinh với kinh Purãnas, chúng ta cũng thấy Brahmã-Prajãpati và Jehovah – Sephiroth, Brahmã- Virãj và Jehovah-Adam gần giống nhau biết là dường nào. Nếu được phân tích và thuyết minh dưới cùng ánh sáng đó thì chúng sẽ minh chứng hùng hồn rằng chúng là hai bản sao của cùng một nguyên bản, được thực hiện vào hai thời kỳ khác nhau xa. Về đề tài này, chúng ta hãy thử so sánh một lần nữa Sáng Thế Ký iv, 1 và 26 với Luật Bàn Cổ, I,
135 32, cả hai đều trình bày ý nghĩa của chúng. Trong Luật Bàn Cổ, cũng như Jehovah hay Adam trong Sáng Thế Ký (vốn vừa là người vừa là Thần và chia cơ thể mình ra thành nam và nữ), Brahmã (theo ý nghĩa Nội môn) tượng trưng cho biểu tượng nhân cách hóa của quyền năng sáng tạo và *sản sinh,* cả về mặt thiêng liêng lẫn con người. Kinh Zohar còn minh chứng điều này một cách hùng hồn hơn nữa, trong khi một số giáo sĩ Do Thái đã lặp lại nguyên văn một vài thành ngữ nguyên thủy trong kinh Purãnas, nghĩa là trong các kinh Bà La Môn, sự "sáng tạo" ra thế giới thường được xem là Lĩlã, sự khoái chí đùa giỡn, trò giải trí của Đấng Tạo Hóa Tối Cao.

Như thế, Vishnu, vốn là chất liệu cố kết và rời rạc, tinh thần và thời gian, đùa giỡn như một đứa trẻ mải chơi (bạn sẽ biết điều này khi thấy Ngài đùa giỡn (frolics) ([1]).

Nay chúng ta hãy so sánh điều này với những gì được trình bày trong tác phẩm Nobeleth Hokhmah:

---

[1] Vishnu Purãna, Wilson, quyển I, trang 19 – 20.

Các môn đồ Do Thái Bí giáo cho rằng các cõi đã được khai sinh ra một cách thú vị trong cái Ain Soph [? !] hí hửng lóe lên và cười toe toét từ Chính mình tới Chính mình … tất cả đều được gọi là nỗi niềm hoan hỉ (1).

Như vậy, đó không phải là "một ý tưởng kỳ diệu của các môn đồ Do Thái Bí giáo" như tác giả vừa nhận xét, mà là một ý tưởng thuần túy của kinh Purãnas của dân Ãryan. Có điều là tại sao chúng ta lại xem Ain Soph là một Đấng Sáng Tạo ?

Thế thì "Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng" chính là Brahmã Vãch Virãj, còn Đấng đó của người Semit, hay đúng hơn là của người Do Thái, chính là Jehovah-Cain-Abel. Có điều là người "Ngoại đạo" đã và đang thành thật và ngay thẳng hơn những người Do Thái và các giáo sĩ Do Thái sau này, họ nhất định là biết được chân ý nghĩa của vị thần linh ngoại môn của mình. Các tín đồ Do Thái Bí giáo xem danh hiệu dành cho họ – Yahoudi – là một điều sỉ nhục. Thế nhưng, nhất định là họ có (ắt hẳn phải có miễn là họ muốn) quyền tự gọi mình là Yahoudi cổ truyền ("Jahhovians"), cũng như người Bà La Môn phải gọi mình là Brãhmãns *theo vị thần linh quốc gia của mình.* Đó là vì Jah-Hovah là danh hiệu chung của cái Tập Đoàn Thiên Thần Hành Tinh Sáng Tạo mà quốc gia họ đã tiến hóa dưới Ngôi sao của các vị này. Ngài là một trong các Đấng Elohim Hành Tinh của Tập Đoàn Chưởng Quản Thổ Tinh. Nếu được thuyết minh một cách đúng đắn, thì chỉ nội câu thơ 26 thuộc chương iv của sáng Thế Ký cũng đủ ban cho họ quyền năng được như thế rồi vì nó gọi Giống người mới – nảy sinh ra từ Seth và Enos – là *Jehovah,* một điều khác hẳn bản dịch được chấp nhận trong Thánh kinh như sau:

---

1 Trích dẫn trong Qabbalah của Myer, trang 110.

Y cũng hạ sinh được một người con (Enos); bấy giờ, thiên hạ bắt đầu tự xưng là Jah hay Yah-hovah,

nghĩa là *đàn ông và đàn bà*, các "Đấng Sáng Tạo". Người ta phải đọc câu thơ nêu trên trong nguyên bản kinh điển Hebrew và dưới ánh sáng của kinh Kabalah, thì mới thấy rằng, thay vì là những câu mà người ta đã dịch ra như hiện nay, bản dịch chính xác phải là:

Bấy giờ thiên hạ bắt đầu tự xưng là Jehovah.

136 Chứ không phải là :

Bấy giờ, con người bắt đầu cầu khẩn danh hiệu của Chúa.

câu sau cùng là một câu dịch sai, dù vô tình hay cố ý. Lại nữa, đoạn nổi tiếng:

Ta đã được Chúa ban cho một con người,

phải được đọc là:

Ta đã được một con người, ngay cả Jehovah nữa. ([1])

Luther dịch đoạn này một cách, còn các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã lại dịch khác hẳn. Giám mục Wordsworth dịch là:

Ta đã được Cain, *từ Kã' nithi.* ([2])

Luther:

Ta đã được một con người – ngay cả Chúa [Jehovah] nữa.

Còn tác giả của Nguồn Gốc các Kích Thước dịch như sau:

Ta đã đo lường được một con người, ngay cả *Jehovah nữa*.

Câu dịch cuối cùng là chính xác vì (a) một giáo sĩ Do Thái nổi tiếng, một môn đồ Do Thái Bí giáo đã giải thích đoạn này cho bút giả một cách chính xác, và (b) cách dịch này đồng nhất với cách dịch trong Nội môn Bí giáo Đông phương liên quan tới Brahmã.

---

[1] Xem Nguồn gốc các Kích Thước, trang 277.

[2] Sách đã dẫn trên.

Trong Nữ Thần Isis Lộ Diện (1), *bút giả đã giải thích rằng*:

Cain … là con của "Chúa"("Lord"), chứ không phải của Adam.(2)

"Chúa" là Adam Kadmon,"Cha" của Yod-Heva, "Adam-Eve" tức Jehovah, con đẻ của tư tưởng tội lỗi, chứ không phải là hậu duệ của xương thịt. Mặt khác, Seth là *lãnh tụ và thủy tổ của các Giống dân trên Địa Cầu;* đó là vì y là con của Adam xét về mặt ngoại môn, nhưng xét về mặt nội môn, y lại là hậu duệ của Cain và Abel, vì Abel hay Hebel là người nữ, đối phần và phân nửa của người nam Cain, còn Adam là danh hiệu chung của người đàn ông và người đàn bà:

Y tạo ra người nam và người nữ… và gọi là Adam.

Các câu thơ trong Sáng Thế Ký từ Chương I đến chương v đã được cố ý trộn lẫn với nhau vì lý do liên quan tới Do Thái Bí giáo. Sau CON NGƯỜI trong Sáng Thế Ký I, 26, và Enos, Con của Người (Son of Man) trong Sáng Thế Ký iv, 26; sau Adam, người bán thứ bán hùng đầu tiên; sau Adam Kadmmon – Thượng Đế vô giới tính (bản sơ) – một khi Adam và Eve đã phân cách, rốt cuộc sẽ tới Jehovah-Eve VÀ Cain-Jehovah. Các vị này tiêu biểu cho các Căn chủng riêng biệt, vì từ vị này tới vị kia là hàng triệu năm đã trôi qua.

137 Do đó, thần linh nhân loại học của dân Ãryan và dân Semit là hai chiếc lá trên cùng một cọng cây; các nhân vật riêng biệt và biểu tượng của chúng có liên hệ với nhau như sau:

1. Cái *Bất Khả Tri* mà người ta đề cập tới bằng nhiều cách khác nhau trong câu thơ của kinh Rig Veda, chẳng hạn như *"Hư Không* tồn tại"("*Nought* was"), sau này được gọi là Thái Cực Thượng Đế

1 Quyển II, 464 và tiếp theo.

2 Xem Sáng Thế Ký, iv, 1.

(Parabrahman)- Ain, Thái Không (No-thing), tức Ain Soph của các tín đồ Do Thái Bí giáo – và "Tinh Thần" (của Thượng Đế) di chuyển trên mặt Nước, trong Sáng Thế Ký. Tất cả đều như nhau. Vả lại, trong Sáng Thế Ký I, cũng như câu thơ 1, câu thơ 2 được đặt trong các kinh điển Do Thái Bí giáo *bí nhiệm*, sau đó là các Đấng Elohim "khai Thiên tịch Địa". Việc cố ý đảo lộn thứ tự các câu thơ thật là cần thiết cho các mục tiêu *độc thần* và Do Thái Bí giáo. Lời nguyền của Jeremiah đối với các Elohim (các Thần) đã không khai Thiên tịch Địa ([1]), chứng tỏ rằng có các Đấng Elohim đã khai thiên tịch địa.

2. Đức Bàn Cổ Svãyambhuva thiêng liêng, vốn xuất phát từ Svayambhã Nãrãyana, Đấng Tự Sinh Tự Tại, Adam Kadmon của các môn đồ Do Thái Bí giáo, và CON NGƯỜI bán thư bán hùng của Sáng Thế Ký I, cũng đều như nhau.

3. Đức Bàn Cổ Svãyambhuva chính là Brahmã tức Thiên Đạo; Ngài cũng chính là Adam Kadmon trong Sáng Thế Ký, iv, 5, phân thân ra làm đôi (nam và nữ), như vậy là biến thành Jad-Hovah hay Jehovah-Eve. Bàn Cổ Svãyambhuva, tức Brahmã, đã phân thân ra thành "Brahmã-Virãj và Vãch-Virãj", nam và nữ. Tất cả mọi kinh điển và các bản dịch khác đều là những *bức bình phong.*

4. Vãch là con gái của Brahmã và được mệnh danh là Shata-Rũpã "kẻ thiên biến vạn hóa", và Sãvitrĩ, Đấng Sinh Thành, Mẹ của chư Thiên và chúng sinh. Nàng cũng giống như Eve, "Mẹ [của các Thần Linh hoặc] của vạn hữu". Ngoài ra, còn có nhiều ý nghĩa Huyền bí khác.

Mặc dù tản mạn và được diễn đạt một cách rất dè đặt vào lúc đó, song những gì được trình bày trong Nữ Thần Isis Lộ Diện về đề tài này đều chính xác.

Khi giải thích Bánh xe của Ezekiel theo nội môn, người ta đề cập tới Johhevah hay Jehovah như sau :

[1] Jeremiah, x, 11.

Khi được xét vào lúc khởi đầu Tứ Linh Tự, Tam Nguyên biểu thị sự Sáng Tạo Thiêng Liêng xét về mặt *tinh thần* (nghĩa là không có bất kỳ tội lỗi xác thịt nào), khi được xét vào lúc cuối, nó biểu thị phần sau và có tính cách nữ. Danh xưng của Eva gồm có ba chữ, danh xưng của Adam nguyên thủy hay thiêng liêng được viết bằng một chữ Jod hay Yod, do đó, chúng ta không được đọc nó là Jehovah mà phải đọc là Ieva hay Eve. Adam trong chương thứ nhất là Adam Kadmon thiêng liêng, do đó, hoàn toàn bán thư bán hùng. Khi người đàn bà xuất phát từ xương sườn trái của Adam thứ hai (bằng cát bụi) Xử Nữ khiết bạch tách ra và sa vào "vòng sinh hóa" hay chu kỳ giáng hạ, biến thành Hổ Cáp, biểu hiệu của tội lỗi vật chất. Trong khi đó, chu kỳ thăng thượng biểu thị các Giống dân thuần túy Tâm Linh, tức mười vị Tộc Trưởng tiền Đại Hồng Thủy, các Đấng Prajãpati và Sephiroth, được Đấng Thánh Linh sáng tạo đích thân dẫn dắt. Đấng Thánh Linh sáng tạo chính là Adam Kadmon tức là Yodcheva [xét về mặt tinh thần]; Đấng Thánh Linh hạ đẳng [Jehovah] là Đấng Thánh Linh của các Giống dân Thế tục, do Enoch tức Libra, Cung thứ bảy chỉ đạo. Vì Enoch có tính cách nửa thiêng liêng nửa thế tục, nên người ta bảo y đã được Thượng
138 Đế sống động chế ngự. Enoch, hoặc Hermes hay Libra, đều như nhau.([1])

Đây chỉ là một trong nhiều ý nghĩa. Thiết tưởng chẳng cần nhắc quí độc giả ắt cũng nhớ rằng Hổ Cáp là cung chiêm tinh của các cơ quan sinh dục, cũng như Thánh Hiền Ấn Độ, con số các Tộc Trưởng đều có thể thay đổi. Tùy theo đề tài liên hệ, chúng biến thành mười, mười hai, bảy hoặc năm, thậm chí *mười bốn*, chúng cũng có ý nghĩa Nội môn như các vị Bàn Cổ hay như Thánh Hiền.

Vả lại, chúng ta có thể chứng tỏ rằng Jehovah có vô số từ nguyên, nhưng trong kinh Kabalah chỉ có những từ nguyên *xác thực*, Ieve là từ ngữ trong kinh Cựu Ước và được phát âm

[1] Nữ Thần Isis Lộ Diện, II, trang 462 – 463.

là Ya-va. Inman gợi cho chúng ta nghĩ rằng nó được rút gọn từ hai từ ngữ Yaho-Iah, Jaho-Jah, hoặc Jaho là Jah. Nếu được đánh dấu chấm câu, nó sẽ là (chữ tượng hình), tuy nhiên, các giáo sĩ Do Thái thật ngông cuồng khi liên kết nó với danh hiệu *Adoni*, cũng có những dấu chấm giống như vậy. Thật là kỳ lạ và khó quan niệm được là người Do Thái thời xưa đọc danh hiệu này là Adoni, khi có biết bao nhiêu là danh xưng mà *Jeho, Jah* và *Iah* chỉ là một phần. Nhưng đúng là như vậy đó; Philo Byblus (kẻ đã trình bày với chúng ta cái gọi là áng văn của Sanchuniathom) đã đánh vần theo các chữ Hy Lạp ΙΕΥΩ, Jaho tức là Jevo. Theodoret cho rằng người Samaria phát âm nó là Yahva, còn người Do Thái phát âm nó là Yaho. Tuy nhiên, Giáo sư Gibbs đề nghị chấm câu đó như sau: Ye-hou-vih, thế là ông đã giải được ý nghĩa Huyền bí chân thực của nó. Đó là vì dưới dạng cuối cùng này, với vai trò một động từ của tiếng Hebrew, nó có nghĩa là "y sẽ tồn tại"([1]). Như thế đấy, vì những giống người chân chính chỉ bắt đầu và tồn tại như là những người nam và nữ từ Enoch, "Con của Người"("Son of Man"). Phát biểu này được bổ chứng, xét vì Parkhurst khiến cho động từ (chữ tượng hình) nghĩa là (a) "sa xuống" (nghĩa là sa vào vòng sinh hóa hay Vật Chất); (b) "tồn tại, tiếp tục" như là một *giống dân*. Âm đọc bằng hơi của từ ngữ eua (Eve) "tồn tại" là Heve (Eve), nó là phần giống cái của (chữ tượng hình) và cũng giống như Hebe, Nữ Thần thanh xuân của Hy Lạp, và là vị hôn thê thiên giới của Heracles, khiến cho danh hiệu Jehovah xuất hiện còn rõ rệt hơn nữa dưới dạng lưỡng tính nguyên thủy.

[1] Để so sánh, xem Hosea, xii, 6, trong ấy nó được chấm câu như thế.

Khi thấy tiếng Bắc Phạn có những vần như là Jah và Yah nghĩa là Jãh-navi (Hằng hà) và Jagam-nãtha (Đức Chưởng Quản Thế Gian) thật hiển nhiên tại sao ông Rawlinson lại rất tin tưởng trong các tác phẩm của ông về ảnh hưởng của Ãryan hoặc kinh Veda đối với thần thoại cổ sơ của dân Babylon. Chúng ta cũng chẳng nên quá thắc mắc trước sự kiện giả định là mười bộ lạc Do Thái đã biến mất trong thời kỳ bị giam giữ, mà không lưu lại một vết tích nào, khi mà chúng ta lại được biết rằng người Do Thái thực ra chỉ có hai bộ lạc: bộ lạc Judah và bộ lạc Levi. Vả lại, người Levi chẳng
139 phải là một bộ lạc gì cả mà chỉ là một giai cấp tu sĩ. Những hậu duệ chỉ đi theo các bậc tiền bối của mình (nhiều tộc trưởng khác nhau) vào trong bầu không khí loãng của các tinh tú. Thật vậy, thời xưa, trước khi người Do Thái đầu tiên sinh ra, đã có *Brahms* và *A-brahms.* Mọi quốc gia đều xem vị Thần đầu tiên và chư Thần Linh là bán thư bán hùng; cũng như chẳng thể nào khác hơn được; vì họ xem các tổ phụ sơ khai xa xưa của mình (các vị tổ phụ lưỡng tính) là Đấng thiêng liêng và các thần linh cũng như người Trung Hoa cho đến tận ngày nay. Họ có tính cách thiêng liêng (theo một nghĩa nào đó) cũng như những hậu duệ nhân loại đầu tiên, loài người nguyên thủy "trí sinh", họ chắc chắn là lưỡng tính (mọi biểu tượng và truyền thuyết xa xưa hơn đều chứng tỏ như vậy).

Tiềm tàng bên dưới các biểu hiện và thuật ngữ kỳ quặc của giới tu sĩ thời xưa là các ẩn ngôn của các khoa học còn chưa được khám phá ra trong vòng chu kỳ hiện tại. Cho dù một học giả có quen thuộc với lối viết tượng hình và hệ thống chữ tượng hình của người Ai Cập đến đâu đi chăng nữa, trước hết y cũng phải học cách gạn lọc các tài liệu của họ. Trong khi tay lăm lăm cầm com-pa và thước kẻ, y phải biết

chắc rằng loại chữ tượng hình mà y đang xem xét thích ứng (theo một cách thức nào đó) với *một vài hình học nhất định,* vốn là những chìa khóa ẩn tàng giải các tài liệu đó, trước khi y dám thuyết minh.

Nhưng có những thần thoại tự minh giải được vấn đề. Chúng ta có thể bao gồm trong loại này các Đấng sáng tạo lưỡng tính bản sơ của mọi vũ trụ khởi nguyên luận. Đó là thần Zeus-Zên (Hậu thiên khí) của người Hy Lạp và và Chthonia (Đất Hỗn Mang) và Metis (Thủy) là những quí phu nhân của Ngài; Osiris và Isis-Latona – Osiris cũng tiêu biểu cho Hậu thiên khí, phân thân thứ nhất của Đấng Thánh Linh Tối Cao Amun, cội nguồn của Ánh Sáng; rồi lại tới Nữ Thần Đất và Nước. Mithras, vị Thần thạch sanh (the rockborn God), biểu tượng của Lửa dương ở trần thế, tức là Bản Quang hiện thân, và Mithra, Nữ Thần Lửa, vừa là mẹ vừa là vợ của Ngài; hành Hỏa thuần túy (nguyên khí dương chủ động) được xem như là ánh sáng và nhiệt, cùng với Thổ và Thủy, tức Vật Chất (yếu tố âm hay thụ động của sự sinh hóa vũ trụ). ([1])

Tất cả những điều này đều là tài liệu bàn về Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng bản sơ.

ĐOẠN KINH 6

SỰ TIẾN HÓA CỦA "GIỐNG NGƯỜI HÃN SINH"

(THE EVOLUTION OF THE "SWEAT-BORN"

22. Ba Giống dân tiếp tục tiến hóa. 23. Giống dân thứ Hai tạo ra Giống dân thứ Ba rồi suy vong.

22. KẾ ĐÓ GIỐNG DÂN THỨ HAI TIẾN HÓA THÀNH GIỐNG DÂN THỨ BA, GIỐNG NOÃN SINH. MỒ HÔI TĂNG

[1] Xem Nữ Thần Isis Lộ Diện, I, trang 136.

TRƯỞNG, CÁC GIỌT MỒ HÔI TĂNG TRƯỞNG, BIẾN THÀNH CỨNG VÀ TRÒN. MẶT TRỜI SƯỞI ẤM NÓ; MẶT TRĂNG LÀM CHO NÓ NGUỘI VÀ CÓ HÌNH THỂ; GIÓ NUÔI DƯỠNG NÓ CHO ĐẾN KHI CHÍN MUỒI. CON THIÊN NGA TRẮNG TỪ TRÊN VÒM TRỜI LẤP LÁNH ÁNH SAO ([1]) PHỦ BÓNG GIỌT MỒ HÔI LỚN. QUẢ TRỨNG CỦA GIỐNG DÂN VỊ LAI, CON NHÂN NGA (MAN-SWAN) CỦA GIỐNG DÂN THỨ BA SAU NÀY (a). TRƯỚC TIÊN LÀ ĐỰC-CÁI (MALE-FEMALE), VÀ KẾ ĐÓ LÀ NAM VÀ NỮ (b).

140 a. ĐOẠN KINH này ngụ ý rằng bào thai con người được nuôi dưỡng thêm bằng Năng Lực Vũ Trụ và "Phụ Mẫu" dường như cung cấp mầm sống nó trở nên chín muồi. Rất có thể đó là một "quả trứng do mồ hôi sinh ra", còn phải nở do một phương thức bí ẩn nào đó để tách rời khỏi phụ mẫu "song đôi". Chúng ta có thể quan niệm khá dễ dàng một nhân loại noãn sinh, vì thậm chí cho đến ngày nay, hiểu theo một ý nghĩa, con người vẫn còn được sinh ra từ một "cái trứng". Vả lại, trong tác phẩm Sinh Lý Học Sơ Cấp Yếu Lược có nêu ra

Một trường hợp cuống rún đã đứt và hoàn toàn thành sẹo,

mà đứa trẻ vẫn sống khi chào đời và hỏi một cách thích đáng: Trong cơ quan này, sự tuần hoàn đã diễn ra như thế nào? Ở trang tiếp đó, ông cho rằng: Hiện nay, chúng ta chẳng biết gì về sự tiêu hóa nơi thai nhi. Còn về sự dinh dưỡng của nó, ông đã đưa ra câu hỏi sau đây: Như vậy, chúng ta có thể nói gì về sự dinh dưỡng của bào thai? Các tác phẩm sinh lý học chỉ *phỏng đoán một cách mơ hồ* về điều này.

Kẻ hoài nghi có thể nhấn mạnh: "Nhưng tác phẩm của Magendie lại thuộc về thế hệ vừa qua, từ ngày đó khoa học

[1] Mặt Trăng.

đã tiến những bước dài đến nỗi mà vết ô nhục của sự dốt nát không còn in hằn trên nó nữa". Thật vậy, thế thì chúng ta hãy quay sang một nhân vật có rất nhiều thẩm quyền về sinh lý học. Sir Michael Foster, chúng ta sẽ thấy ông phát biểu ý kiến thật là bất lợi cho khoa học hiện đại như sau :

Chúng ta hầu như chẳng biết gì về sự trỗi dậy và sự phát triển của các hoạt động chức năng của bào thai. Chúng ta hầu như chẳng biết gì về nhiều bước khác nhau nhờ đó các tính chất cơ bản của nguyên sinh chất của noãn bị biến phân thành ra cá hiện tượng phức tạp mà chúng ta thử giải thích trong quyển sách này.

Nay các sinh viên ở trường Trinity, Viện Đại Học Cambridge, nên kéo màn phủ trước tượng Hygeia và bịt mắt các pho tượng bán thân của Galen và Hippocrates, kẻo họ sẽ quắc mắt lên khiển trách đám hậu sinh suy đồi. Chúng ta còn phải lưu ý thêm một sự kiện nữa. Sir Michael Foster đã thận trọng im lặng về trường hợp cuống rốn bị đứt mà bạn đồng nghiệp cao cả của ông đã nêu ra.

b. Đây là một câu hỏi rất lạ lùng, như lời Bình luận đã giải thích. Nói rõ hơn, Giống dân thứ Nhất sinh ra Giống dân thứ Hai bằng phương pháp nảy chồi hay mọc nhánh như đã giải thích trước đây. Giống dân thứ Hai sinh ra Giống dân thứ Ba – Giống dân này chia ra làm ba hạng rõ rệt, gồm những người được cấu tạo bằng những phương pháp sinh sản khác nhau. Hai hạng đầu tiên do phương pháp noãn sinh. Còn những phụ chủng đầu tiên của Hạng nhân loại thứ Ba sinh sản truyền giống bằng cách từ thân mình phóng xuất ra một chất lỏng sệt (như mồ hôi). Những giọt chất lỏng này cô đọng lại và hình thành một bầu tròn như quả trứng (hay đó là quả trứng thật?). Quả trứng này có tác dụng như một cái thể phụ thuộc để tượng hình trong đó có bào thai và hài nhi. Trong những giống dân sau này, phương pháp sinh sản đã thay đổi.

141 Trẻ sơ sinh của các giống dân phụ đầu tiên hoàn toàn vô phái; ([1]) còn trẻ sơ sinh của giống dân phụ về sau thì thư hùng lưỡng phái. Chính trong Giống dân thứ Ba mới bắt đầu có sự phân chia nam nữ. Từ trạng thái vô phái trước đây, nhân loại trở nên lưỡng phái hay bán nam bán nữ và sau cùng, những quả trứng truyền giống đã bắt đầu sinh nở một cách tuần tự và hầu như lặng lẽ âm thầm trong sự phát triển của nó để sinh ra trước tiên những người có tính này trội hơn tính kia, và sau rốt, những người nam và nữ rõ rệt. Nay chúng ta hãy tìm cách bổ chứng cho các phát biểu này nơi các huyền thoại của phương Đông và phương Tây. Trước hết, chúng ta thử xét "Giống người Noãn sinh". Chúng ta thử nghĩ đến Ca Diếp (Kashyapa), vị hiền triết Veda, và là Đấng sáng tạo nảy nở mau nhất. Ngài là con của Marĩchi, Đứa Con Trí sinh của Brahmã; ngoài các thực thể khác ra, Ngài cũng còn bị biến thành cha của các Nãgas, tức là Rắn. Xét về mặt ngoại môn, Nãgas là các thực thể bán linh có mặt người, đuôi rắn. Thế nhưng, có một giống Nãgas mà nghe nói chỉ có một ngàn vị, sinh ra, hoặc đúng hơn xuất phát từ Kadrũ, vợ của Ca Diếp, *ngõ hầu cư ngụ tại Pãtãla,* nó nhất định là Châu Mỹ, như ta sẽ chứng minh sau này; có một Nãga-Dvipa, một trong bảy phần của Bhãratavarsha, Ấn Độ, nơi trú ngụ của một dân tộc có cùng tên. Ngay cả một vài nhà Đông phương học cũng cho là dân tộc này có tính cách lịch sử và đã lưu lại nhiều vết tích cho đến tận ngày nay.

Điểm cần nhấn mạnh hiện nay là dù rằng nguồn gốc loài người như thế nào, sự tiến hóa của nhân loại diễn ra theo trật tự sau đây: 1) Vô phái (sexless) cũng như tất cả mọi hình thể sơ khai; 2) Thư hùng lưỡng phái do một chuyển biến tự nhiên

[1] Xem Timaeus.

ở giai đoạn giao thời, y trở nên một người bán nam bán nữ; và 3) do sự phân chia nam nữ, y trở nên một người như ngày nay. Khoa học dạy chúng ta rằng mặc dù vô giới tính, mọi dạng nguyên sơ "vẫn còn duy trì được khả năng trải qua các tiến trình sinh sôi nảy nở phi giới tính"; thế thì tại sao con người lại không bị định luật thiên nhiên này chi phối? Sự sinh sản lưỡng tính là một sự tiến hóa, một dạng chuyên biệt và toàn bích trên qui mô Vật Chất của mọi hoạt động liệt phân của sự sinh sản. Giáo lý Huyền bí học chủ yếu là theo thuyết tha sinh, và lịch sử sơ khai của nhân loại chỉ ẩn tàng "đối với thường nhân thế tục". Lịch sử của các Giống dân nguyên sơ không hề bị chôn vùi dưới nấm mộ thời gian đối với các Đạo đồ như trường hợp với khoa học thế gian. Do đó, vốn được ủng hộ một mặt bởi cái khoa học đã cho chúng ta thấy sự phát triển tiệm tiến và một nguyên nhân ngoại tại là một định luật trong Thiên Nhiên; mặt khác, bởi một miềm tin âm thàm vào Minh Triết – thậm chí chúng ta có thể nói là Toàn Triết – của các triết thuyết đại đồng thế giới mà các Điểm đạo đồ - tức là những kẻ đã làm cho chúng hoàn thiện hầu như toàn bích – đã thu thập lại và gìn giữ, chúng tôi xin đánh bạo phát biểu giáo lý một cách minh bạch.

142 Trong một bài tuyệt vời được viết ra cách đây chừng mười lăm năm; ông bạn thông thái và khả kính của chúng tôi, Giáo sư Alexander Wilder ở Nữu Ước, đã chứng tỏ rằng việc tin tưởng vào "Giống Dân Sơ Khai Lưỡng Tính" là hoàn toàn hợp lý và cần thiết, ông còn trình bày một số lý do khoa học khiến người ta tin như vậy ([1]). Thoạt tiên ông luận chứng

[1] Xem các đoạn trích từ bài tiểu luận có trong Tạp chí Theosophist, số tháng 2 – 1883, trang 112 – 114. Phần sau đây được rút gọn lại từ các đoạn đó.

rằng một phần lớn tạo vật cây cỏ đều phô bày hiện tượng lưỡng tính, như vậy là phép nhân loại của Linnaeus đã liệt kê hầu hết mọi cây cỏ. Đó là trường hợp các họ thượng đẳng của giới thực vật cũng như là các dạng hạ đẳng, từ cây gai cho tới cây bạch dương Lombardy và cây vu. Trong giới động vật, tình hình cũng giống như vậy. Trong sinh hoạt của loài sâu bọ, con bướm sinh ra con sâu, và con sâu lại biến thành một con bướm, chẳng khác nào trong các bí pháp, đại bí nhiệm được diễn đạt như sau: *Con Bò mộng sinh ra một con Rồng và con Rồng sinh ra con Bò mộng*. Họ tạo ra san hô, theo Agassiz, trong địa kỷ này, chúng đã dựng nên bán đảo Florida trong nhiều trăm ngàn năm – đã sinh ra con cháu mình giống như các chồi và nhánh mọc ra từ cái cây. Loài ong cũng theo một cách thức khá giống như vậy. Loài rệp cây giữ nhà giống như loài kiến Amazons và các tổ phụ trinh bạch đã duy trì nòi giống trong mười thế hệ liên tiếp.

Các nhà Hiền Triết thời xưa đã dạy những gì ? Trong tác phẩm Banquet (Bữa Tiệc) của Plato, Aristophanes có nói như sau:

Bản chất của chúng ta thời xưa không hề giống như bây giờ. Con người thuở đó *ái nam ái nữ*… Hình dáng họ .. tròn, khi đi thì họ lăn ([1]). Họ mạnh kinh khủng và có nhiều tham vọng. Vì vậy thần Zeus mới chia họ thành hai mảnh cho họ yếu bớt đi. Thần Apollo, theo chỉ thị của thần vương Zeus, khâu kín da họ lại.

Đối với người Cổ Ba Tư, Meshia và Meshiane chẳng qua chỉ là một nhân vật duy nhất.

---

[1] Hãy so sánh với linh thị của Ezekiel (chương i) về bốn Đấng Thiêng Liêng "giống như người" song vẫn có hình dáng của một cái bánh xe, "khi di chuyển, họ lăn bốn phía… vì tinh thần của các tạo vật sống động ngự nơi các bánh xe".

Họ cũng dạy rằng con người là Cây Trường Sinh, mọc thành từng cặp bán thư bán hùng, cho đến khi chúng bị phân cách ra vào một kỳ biến đổi tiếp theo của hình dạng con người.

Trong Quyển Gia Phổ (Toledoth) của Adam, nếu được thuyết minh theo lối nội môn, câu thơ:

Thượng Đế sáng tạo (*bara,* sinh ra) con người theo hình ảnh của mình, Ngài tạo ra y theo hình ảnh của Thượng Đế, Ngài tạo ra chúng, người nam và nữ.

Các Đấng Elohim [các Thần] tạo ra con người bằng cách biến đổi chính mình, theo hình ảnh của mình …họ tạo ra y [tập thể Nhân loại tức Adam], Ngài [tập thể Đấng Thánh
143 Linh] tạo ra *họ,* nam và nữ.([1])

Điều này sẽ chứng tỏ Quan điểm Nội môn. Giống dân *Vô giới tính* là Sản phẩm đầu tiên của họ, một biến thể và *từ* chính họ, các Thực Thể Tinh Thần thuần túy; đó chính là Adam *đơn độc*. Rồi tới Giống dân *thứ Hai:* Adam-Eve tức Jod Heva, Bán thư bán hùng và bất động; cuối cùng là Giống dân *thứ Ba* tức "Giống bán thư bán hùng đã tách ra", Cain và Abel, họ tạo ra Giống dân thứ Tư, Seth-Enos, v..v… Chính Giống dân thứ Ba, Giống dân bán tinh thần cuối cùng này,

[1] Tín đồ Thiên Chúa giáo Eugibinus và các giáo sĩ Do Thái Samuel, Menasseh ben Israel, và Maimonides dạy rằng:: "Adam có *hai* mặt và *một* thân mình; đầu tiên, y vừa là nam vừa là nữ - một bên là nam, một bên là nữ [giống như Brahmã của Đức Bàn Cổ]; nhưng sau đó, các phần đều tách rời ra". Giáo sĩ Do Thái Jeremiah ben Eliazar đã trích dẫn Thánh thi thứ 139 của vua David [v, 5] để làm chứng cho điều này: "Mi đã *uốn nắn* ta *đàng sau* cũng như *đàng trước",* chứ không phải *bao hàm* như trong Thánh kinh, nó thật là vô lý vô nghĩa. Theo Giáo sư Wilder, điều này chứng tỏ rằng "hình dáng nguyên sơ của nhân loại là bán thư bán hùng".

cũng là hiện thể cuối cùng của Minh Triết thiêng liêng và bẩm sinh nơi Enochs, các nhà Linh thị của Giống người đó. Giống dân thứ Tư vốn đã nếm Trái Thiện và Ác – Minh Triết đã kết hợp với trí tuệ thế tục ([1]) và do đó ô trược – vì thế phải thủ đắc được Minh Triết đó nhờ vào sự điểm đạo và sự đấu tranh quyết liệt. Trong các tác phẩm của Hermes, người ta gọi sự kết hợp của Minh Triết và Trí Tuệ (minh triết chủ trị trí tuệ) là "vị Thần Linh có sức sinh nở nhị phân của cả hai phái".

Xét về mặt thần bí, Đức Jesus được xem là bán thư bán hùng. Cũng vậy, chúng ta thấy trong các bài Thánh ca Orpheus, được hát lên trong khi có các Bí pháp, đoạn sau đây: "Zeus là một vị đàn ông, Zeus là một cô gái bất tử". Thần Ammon của Ai Cập có một nửa khác là Nữ Thần Neith. Thần Jupiter lại có một bộ ngực của đàn bà, còn một vài pho tượng thần Venus lại có râu ria xồm xoàm, Nữ Thần Ilã cũng là thần Su-dyumma (ánh quang huy) với tư cách là hậu duệ của Vaivasvata.

Giáo sư Wilder cho rằng:

Bản thân danh hiệu *Adam*, tức con người, hàm ý dạng tồn tại nhị phân này. Nó đồng nhất với *Athamas*, tức *Thomas* (tiếng Tamil là *Tam),* mà người Hy Lạp dịch là *didumos*, con sinh đôi. Do đó, nếu

[1] Xem sự kết hợp của Chokmah, Minh Triết, với Binah, tức Trí Tuệ, hay là Jehovah (Hóa Công), được gọi là Sự hiểu biết trong các Chân ngôn của Solomon (viii, 5). Minh Triết (Minh Triết Thiêng Liêng Huyền Bí) kêu thét lên với con người: "Hỡi kẻ giản dị, hãy hiểu biết Minh Triết, Hỡi những kẻ điên cuồng, hãy có lấy một tấm lòng đầy thương cảm". Đó là Tinh Thần và Vật Chất, Trí và Tâm; còn về vật chất, Thánh James cho rằng nó có tính cách "thế tục, vật dục và ma quỷ" [iii, 15].

người đàn bà đầu tiên được tạo ra sau người đàn ông đầu tiên, nàng phải được "trích ra từ người đàn ông" (đây là một điều tất yếu về mặt luận lý học). Do đó, chúng ta mới thấy:…"Và *cạnh sườn* mà Đức Chúa Trời [Elohim] đã trích ra từ người đàn ông, đã biến thành một người đàn bà". Ở đây, người ta dùng từ ngữ Hebrew *tzala*, nó được dịch là cạnh sườn như vừa được trình bày. Thật chẳng khó khăn gì khi truy nguyên huyền thoại này nơi Berosus, ông bảo rằng *Thalatth* (Omorõka tức là Bà Urka) là khởi đầu của sự sáng tạo. Nàng cũng là Telita [? Melita], nữ hoàng của Mặt Trăng…

Hai cặp anh em sinh đôi đáng ghi nhớ trong Sáng Thế Ký (cặp Cain Abel và cặp Esau-Jacob) cũng phản ánh ý niệm đó. Danh xưng *Hebel* cũng giống như Eve và các đặc tính dường như là nữ. Chúa dạy Cain: "Ý muốn của y sẽ thuộc về mi và mi sẽ cai trị y". Ngài cũng dạy Eve như vậy: "Ý muốn của con sẽ dành cho chồng con và y sẽ khống chế con". ([1])

144 Như vậy, sự đơn nhất lưỡng tính nguyên sơ của Căn chủng thứ Ba là một công lý trong Giáo Lý Bí Nhiệm. Những nhân vật trinh nguyên của nó được nâng lên hàng "Thần Thánh" vì Giống dân đó tiêu biểu cho "Triều đại Thiêng Liêng" của họ. Những người hiện đại đều thỏa mãn với việc tôn thờ các vị nam anh hùng của Giống dân thứ Tư, họ đã tạo ra các Thần Linh theo hình ảnh tính dục của riêng họ, trong khi mà các Thần Linh của nhân loại sơ khai lại là "*nam* và *nữ*".

Như đã nêu rõ trong Quyển 1 và 2, những đợt Nhân loại thuộc các chủng tộc khác nhau đều phát triển đồng loạt và trên những đường lối song song với bốn Nguyên tố, mỗi Giống dân mới đều hòa hợp về phương diện sinh lý để thích ứng với ngoại cảnh khi thiên nhiên lại có thêm một Nguyên

[1] Sáng Thế Ký, iv, 7, và iii, 16.

tố mới vừa xuất hiện. Giống dân thứ Năm của chúng ta đang tiến gần một cách mau lẹ đến Nguyên tố thứ Năm có thể gọi là "liên tinh dĩ thái"(interstellar ether), tuy nhiên, nguyên tố này có liên hệ đến tâm lý nhiều hơn vật lý. Con người đã tập sống được ở mọi khí hậu lạnh lẽo hay nóng bức, nhưng hai Giống dân đầu tiên không hề biết gì về khí hậu hay chịu lệ thuộc vào sự thay đổi thời tiết. Chúng ta được biết rằng con người vẫn sống trong tình trạng đó cho đến lúc chấm dứt Giống dân thứ Ba. Trong thời kỳ đó, mùa xuân trường cửu ngự trị trên khắp thế gian, cũng giống như thời tiết mà nhân vật trên bầu Jupiter đang hưởng được hiện nay.

Ông Camiller Flammarion nói:

Mộc Tinh (Jupiter) không có bốn mùa, không nóng lạnh thất thường; mà có mùa xuân bất tận, nên có đủ các kho tàng phong phú. ([1])

Xin mời các nhà thiên văn học nào đang chủ trương rằng Mộc Tinh đang ở trong tình trạng nóng chảy (theo nghĩa mà chúng ta hiểu từ ngữ này) hãy đấu lý với nhà thiên văn học thông thái người Pháp này ([2]). Tuy nhiên, chúng ta nên nhớ

---

[1] Nhiều Thế Giới Có Người Ở, trang 69.

[2] Một giả thuyết do ông W. Mattieu Williams đưa ra năm 1881 dường như chẳng có tác dụng bao nhiêu đối với các nhà thiên văn học. Trong tạp chí Tri Thức số ra ngày 23 – 12 – 1881, tác giả của bài "Nhiên Liệu của Mặt Trời" cho rằng :

"Nay khi áp dụng các công trình khảo cứu của Tiến sĩ Andrews vào tình trạng tồn tại của mặt trời… Tôi kết luận rằng mặt trời *không có nhân* (dù ở thể đặc, lỏng hay hơi) mà gồm có vật chất bị phân giải ở trạng thái tới hạn (the critical state). Bao xung quanh nó, thoạt tiên là một lớp vỏ cháy bùng, do sự tái kết hợp của vật chất bị phân giải; bên ngoài lớp này là một lớp khác bằng hơi nước do sự kết hợp này".

Đây là một thuyết mới được thêm vào các giả thuyết khác, tất cả đều có tính cách khoa học và chính thống. Ông Mattieu Williams đã giải thích ý nghĩa của "trạng thái tới hạn" cũng trong tạp chí đó (số ra ngày 9-12-1881), trong một bài bản về "Chất đặc, Chất lỏng và Chất hơi". Đề cập tới một thí nghiệm của Tiến sĩ Andrew về Acid carbonic, nhà khoa học ấy cho rằng :

"Khi đạt tới 88 độ, biên giới gữa chất lỏng và chất hơi biến mất, chất lỏng và chất hơi hòa lẫn nhau thành ra một lưu chất trung gian bí nhiệm, một chất nào đó dao động vô định đang chiếm trọn ống nghiệm, đó là một chất lỏng tinh anh, hoặc là một chất hơi hữu hình. Cầm một que gắp than nóng đỏ để giữa mắt bạn và ánh sáng, bạn sẽ thấy một chuyển động sóng dâng trào của cái giống như là khí lỏng. Dáng vẻ của lưu chất lai giống trong ống nghiệm cũng giống như vậy, nhưng rõ rệt là thể đặc hơn và hiển nhiên là ở giữa các trạng thái lỏng và hơi của vật chất chẳng khác nào hắc ín và mật mía ở giữa trạng thái đặc và lỏng".

Nhiệt độ mà ở mức đó điều này diễn ra, được Tiến sĩ Andrew gọi là "nhiệt độ tới hạn", và có lẽ là tất cả những chất khác có thể tồn tại ở cả hai trạng thái, đều có các nhiệt độ tới hạn riêng của nó.

Khi suy lý thêm nữa về trạng thái "tới hạn" này, ông Mattieu Williams đã đề ra một vài thuyết hoàn toàn Huyền bí liên quan tới Mộc Tinh và các Hành Tinh khác. Ông cho rằng:

"Các khái niệm của chúng ta về chất đặc, chất lỏng và chất hơi đều được suy ra từ các kinh nghiệm của chúng ta về trạng thái vật chất ở đây, trên Trái Đất này. Nếu chúng ta được dời sang một hành tinh khác, thì các khái niệm này sẽ thay đổi một cách lạ lùng. Trên Thủy Tinh (Mercury), nước ắt sẽ được xếp vào một trong các chất hơi có thể nóng chảy, thế còn trên Mộc Tinh thì sao?

"Các cuộc quan sát gần đây biện minh cho chúng tôi khi xem nó là một mặt trời thu nhỏ, với một lớp vỏ bên ngoài bằng vật chất giống như mây, thoạt nhìn, giống như nước đã bị đông đặc một phần, nhưng lại nóng đỏ, hoặc có lẽ là bên trong còn nóng hơn. Bầu khí quyển giống hơi nước của nó hiển nhiên là sâu thăm thẳm, còn

rằng "mùa xuân trường cửu" nói trên chỉ là một trạng thái thời tiết ghi nhận theo cảm giác của người Mộc Tinh, chứ

---

trọng lực trên bề mặt hữu hình của nó lớn gấp hai lần rưỡi so với trọng lực trên bề mặt địa cầu. Khi đi xuống bề mặt hữu hình này, áp suất khí quyển chẳng bao lâu phải đạt tới áp suất mà ở mức đó, hơi nước sẽ đạt tới trạng thái *tới hạn*. Do đó, chúng ta có thể suy ra rằng các đại dương của Mộc Tinh, không hề có nước đông đặc, nước lỏng hoặc hơi nước, mà là các đại dương, hoặc các bầu khí quyển chứa nước ở trạng thái tới hạn. Nếu bất kỳ một con chim hoặc một con cá nào bay hoặc bơi trong đó, chúng phải có cơ thể kết cấu theo trạng thái *tới hạn*".

Vì toàn thể khối lượng của Mộc Tinh lớn gấp 300 lần so với toàn thể khối lượng của Địa Cầu và năng lượng nén hướng tâm của nó tỷ lệ với khối lượng này, nên nếu các vật liệu của nó tương tự như vật liệu của Trái Đất và không nóng hơn thì chúng phải thô đặc hơn nhiều và toàn thể hành tinh này sẽ có tỷ trọng cao hơn. Nhưng thay vì như vậy, do chuyển động của các vệ tinh của nó, chúng ta lại biết rằng tỷ trọng của Mộc Tinh chưa đầy một phần tư tỷ trọng của Trái Đất. Điều này biện minh cho kết luận bảo rằng nó nóng ghê gớm, vì ngay cả hydrogen khi nguội cũng còn thô đặc hơn Mộc Tinh dưới một áp suất như vậy.

"Vì mọi nguyên tố đều có thể tồn tại dưới dạng chất lỏng, chắt đặc hoặc chất hơi, hoặc ở trạng thái tới hạn, tùy theo tình trạng nhiệt độ và áp suất, nên tôi đã biện minh khi đưa ra giả thuyết kết luận rằng Mộc Tinh không phải là một hành tinh ở thể đặc, lỏng hay hơi, mà là một hành tinh ở trạng thái *tới hạn*, đó là một tinh cầu mà bên trong gồm có các nguyên tố kết hợp ở trạng thái *tới hạn*, bao xung quanh là một bầu khí quyển thô đặc gồm các chất hơi của một vài hợp chất, chẳng hạn như là nước. Lý luận này cũng áp dụng cho Thổ Tinh và các hành tinh lớn khác ở trạng thái loãng".

Thật là dễ chịu khi thấy càng ngày "trí tưởng tượng khoa học" càng tiến gần biết bao tới Giáo lý Huyền bí học.

145 không phải là mùa xuân như *chúng ta được biết.* Trong sự dè dặt này chúng ta thấy sự dung hòa giữa hai thuyết được nêu ra ở đây. Cả hai đều bao hàm *một phần* chân lý.

Như vậy, trên toàn thế giới đều có truyền thuyết cho rằng nhân loại đã tiến hóa dần dần thành ra tình trạng hiện nay từ một tình trạng cấu trúc hầu như là trong suốt, không phải bằng phép lạ, mà cũng không phải bằng sự phối hợp. Vả lại, điều này cũng hoàn toàn phù hợp với các triết thuyết cổ truyền, từ triết thuyết của Ai Cập và Ấn Độ, với các triều đại Thiêng Liêng, xuống mãi tới triết thuyết của Plato. Và tất cả mọi tín ngưỡng đại đồng thế giới này phải được xếp vào loại các "linh cảm" và các "quan niệm ngoan cố" (có một vài thứ không thể nào quét sạch được) trong các tín ngưỡng bình dân. Theo nhận xét của Louis Figuier,

Các tín ngưỡng như thế thường là kết quả của minh triết và sự quan sát của vô số thế hệ con người… [Đó là vì], một truyền thuyết vốn tồn tại một cách đồng đều trên toàn thế giới, ắt phải có đủ mọi tầm quan trọng của bằng chứng khoa học. ([1])

Thế mà, trong các chuyện ẩn dụ Purãnas, lại có hơn một truyền thuyết như thế như ta đã chứng tỏ rồi. Hơn nữa, giáo lý cho rằng Giống người Đầu tiên được tạo ra từ các Hình Bóng tinh anh (Chãyãs) của các Tinh Quân, lại được bổ chứng hoàn toàn trong kinh Zohar:

Ngài tạo ra Adam (con người), theo Tzelem, hình bóng của các Đấng Elohim [các Tinh Quân]. ([2])

---

[1] Bên kia Cửa Tử, trang 23.

[2] Ấn bản Cremona, iii, 76a; Ấn bản Brody, iii, 159a, kinh Qabbala, Isaac Myer, trang 420.

Người ta sẽ phản đối đi phản đối lại rằng mặc dù tư tưởng siêu hình ở cổ Ấn đã đạt đến một trình độ rất cao, song người Cổ Ai Cập chẳng có gì để khoe khoang, ngoại trừ tục sùng bái thần tượng và sùng bái súc vật thô lậu. Theo giả định, Hermes là tác phẩm của các nhà Thần bí Hy Lạp sống ở Ai Cập. Chúng ta có thể giải đáp điều này như sau: có một bằng chứng trực tiếp cho thấy rằng người Ai Cập tin tưởng vào Giáo Lý Bí Nhiệm, đó là: nó đã được giảng dạy cho họ
146 vào lúc Điểm đạo. Xin vị nào phản đối hãy trở lại tác phẩm *Eclogae Physicae et Ethicae* của Stobaeus, người Hy Lạp chuyên biên soạn các áng văn cổ sống vào thế kỷ thứ năm sau T.C. Sau đây là một đoạn do ông sao lại từ một áng cổ văn của Hermes, trình bày thuyết linh hồn của Ai Cập. Nó được dịch theo sát nghĩa như sau:

Từ cái Đại Hồn Duy Nhất nảy sinh ra muôn vàn linh hồn khác rải rác khắp thế gian. Chúng biến chuyển nhiều lần; sinh vật bò sát thành các sinh vật ở dưới nước; những giống thú chạy trên đất là do những sinh vật sống dưới nước mà ra. Loài chim phát sinh từ giống thú, loài người phát sinh từ chư Thiên. Khi lên làm người, chúng nhận được cái yếu tố nhận thức tức là yếu tố bất tử, rồi từ vị trí con người, chúng trở thành những vị Trời, Thần.

23. NHỮNG KẺ TỰ SINH LÀ CÁC HÌNH BÓNG PHÓNG XUẤT TỪ CÁC THỂ CỦA CÁC ĐỨA CON TRANH SÁNG TRANH TỐI. CẢ NƯỚC LẪN LỬA ĐỀU KHÔNG HỦY DIỆT ĐƯỢC HỌ. CÁC CON CỦA HỌ ĐÃ BỊ HỦY DIỆT.

Câu này không thể hiểu được nếu không tham khảo Thiên bình luận. Nó có nghĩa là Giống dân thứ Nhất, những "Hình Bóng"của các vị Thủy Tổ phóng xuất ra, không thể bị gây thương tích hay hủy diệt bằng sự chết. Vốn dĩ có một thể chất khinh thanh và không giống như người phàm, họ không thể bị ảnh hưởng hủy diệt của một nguyên tố nào, dù nước lụt

hay lửa cháy. Tuy nhiên, "Các Con" của họ (là Giống dân thứ Hai) có thể đã bị hủy diệt bởi nước và lửa. Cũng như những vị Thủy Tổ hoàn toàn sáp nhập với những Thể Dĩ Thái là con cháu của các Ngài, thì những con cháu này cũng bị thu hút và thể nhập với các hậu duệ của chúng là những người "Hãn sinh". Những người này là thành phần của Giống dân thứ Hai, gồm những quái vật khổng lồ nửa người nửa thú, với những hình thái vô cùng phức tạp. Đó là những biến thái đầu tiên trong những dự tính của thiên nhiên để cấu tạo nên thể xác con người. Những vùng đất cỏ cây hoa lá xanh tươi của Lục địa thứ Hai (gồm đảo Greenland và vài vùng khác) đã biến đổi từ hình tượng những vườn địa đàng với những mùa xuân trường cửu thành những vùng đất tối tăm hắc ám. Sự biến đổi này là do những cơn chuyển động của các vùng đại dương trên thế giới, do những thiên tai địa chấn, những vùng đáy biển trồi sụt và phần lớn của Giống dân thứ Hai đã bị tử nạn trong những cơn địa chấn đầu tiên, hậu quả của những sự cô đọng rắn chắc của Trái Đất trong thời kỳ đó. Cho đến nay, đã có bốn thiên tai lớn như thế trong lịch sử nhân loại ([1]). Và chúng ta có thể chờ đợi một cuộc đại biến thứ năm cho chính chúng ta khi thời giờ đã đến.

MỘT VÀI LỜI VỀ CÁC TRẬN "ĐẠI HỒNG THỦY" VÀ CÁC "NOAHS"

Cũng như các điều khác, các bài tường thuật trong nhiều kinh Purãnas khác nhau về các Thủy Tổ của chúng ta đều có nhiều chi tiết mâu thuẫn nhau. Như vậy, trong khi mà kinh
147 Rig Veda, Idã hay Ilã được gọi là Sư mẫu của Bàn Cổ

[1] Đại thảm họa thứ nhất xảy ra khi vùng mà nay là Bắc cực bị tách rời khỏi các Lục địa sau này.

Vaivasvata, thì Sãyana lại biến thành một Nữ Thần chủ trì Trái Đất, và kinh Shapapatha Brãhmana trình bày nàng là con gái của Bàn Cổ, một hậu duệ do *sự hy sinh của Ngài* và sau này *là phu nhân của Ngài* (Vaivasvata), *nhờ đó Ngài mới sinh ra nòi giống các vị Bàn Cổ*. Trong kinh Purãnas, nàng lại là con gái của Vaivasvata, song lại là vợ của Budha (Minh Triết), đứa con hoang của Nguyệt Tinh (Soma) và vợ của Jupiter (Brihaspati), tức Tãrã. Tất cả các điều này, vốn dường như là một mớ hỗn độn đối với kẻ phàm tục, song lại đầy ý nghĩa triết học đối với nhà Huyền bí. Chúng ta có thể nhận ra một ý nghĩa bí mật và thiêng liêng ngay khi mới thoạt nhìn vào bảng tường thuật; tuy nhiên, các chi tiết đã cố tình bị xáo trộn đến nỗi mà chỉ có cặp mắt lão luyện của bậc Cao đồ mới có thể theo dõi chúng được và xếp đặt các biến cố theo đúng thứ tự.

Câu chuyện được trình bày trong Mãhãbharata đã nêu bật được chủ điểm, thế nhưng, nó cần được giải thích theo ý nghĩa bí mật bao hàm trong Chí Tôn Ca. Đó chính là tiền đề của vở kịch do Giống dân thứ Năm chúng ta đạo diễn. Trong khi Vaivasvata đang công phu sùng tín trên bờ sông, một con cá bèn cầu xin Ngài che chở nó thoát khỏi nanh vuốt của con cá lớn hơn. Ngài bèn cứu nó rồi bỏ nó vào một cái hũ; ở đó khi càng ngày càng lớn lên, nó bèn thông báo cho Ngài tin tức về trận Đại Hồng Thủy sắp tới. Con Cá này chính là Hóa Thân Cá nổi tiếng, Hóa Thân thứ nhất của Vishnu, Dagon ([1])

[1] Chúng ta phải nhớ rằng đứng đầu các Thần Babylon là Ea, Anu và Bel nguyên sơ; vị thần đầu tiên (Ea) là Thần Minh Triết, "Thần Ánh Sáng" vĩ đại, Thần của Thái Uyên (Deep). Ngài được đồng nhất hóa với Oannes, tức Dagon trong Thánh kinh (Người Cá nhô lên khỏi vịnh Ba Tư).

của người Chaldea Xisuthrus, và nhiều điều khác nữa. Câu chuyện đó quá nổi tiếng nên chúng ta cũng chẳng cần nhắc lại. Vishnu đặt đóng một chiếc tàu mà Đức Bàn Cổ cùng với bảy Thánh Hiền được cứu thoát trong đó (theo Ma hã b hã rata); tuy nhiên, trong các kinh điển khác lại không có điều này. Ở đây, bảy Thánh Hiền tượng trưng cho bảy Giống dân, bảy Nguyên khí và nhiều điều khác nữa, vì ẩn dụ đa tạp này lại bao hàm một bí nhiệm nhị phân.

148 Chúng tôi có nói ở đâu đó rằng trận Đại Hồng Thủy có nhiều ý nghĩa, và cũng như sự SA ĐỌA (FALL), nó đề cập tới các biến cố về cả tinh thần lẫn vật chất, về cả vũ trụ lẫn trái đất: trên sao dưới vậy. Tóm lại, cái Tàu hay Bè – Navis – là biểu tượng của Nguyên khí âm sinh sản, nó được tiêu biểu trên trời bằng Mặt Trăng và dưới Trần Thế bằng Tử Cung. Cả hai đều chứa các mầm mống của sự sống và sự tồn tại, và Mặt Trời tức Vishnu, Nguyên khí dương, làm linh hoạt và đơm bông kết trái. Trận Lụt Vũ Trụ Đầu Tiên ám chỉ cuộc sống Sáng tạo Nguyên Thủy, tức là sự khai thiên tịch địa, trong trường hợp này, Hỗn Mang và Thái Uyên tượng trưng cho "Trận Lụt" và Mặt Trăng tượng trưng cho "Mẹ", vốn phát sinh ra mọi mầm mống ([1]). Nhưng trận Đại Hồng Thủy

[1] Mãi về sau này Mặt Trăng mới biến thành một nam Thần; đối với người Ấn Độ, nó là Soma, đối với người Chaldea, nó là Nanak hay Mannar, và Sin, con của Mulil, Bel trưởng thượng. Người Akkadia gọi Ngài là "Ma Vương", vì Ngài là Thần của Nipur (Niffer) ở Bắc Babylonia. Chính Mulil đã khiến cho nước lụt từ trên Trời rớt xuống Địa Cầu, vì thế, nên Xisuthrus mới cấm không cho y đến gần bàn thờ mình. Các nhà nghiên cứu hiện đại về Assyria nay đã xác nhận là chính Nipur bắc mới là trung tâm, từ đó Ma thuật của Chaldea được truyền bá ra; còn Eridu (phương Nam) lại là cội nguồn của tục thờ cúng Thần văn hóa, Thần Minh Triết Thiêng

trên Địa Cầu và câu chuyện về nó cũng áp dụng được cho hai trường hợp. Trong một trường hợp, nó nhằm nói tới cái điều bí mật khi nhân loại được cứu thoát khỏi sự tận diệt; do người đàn bà thế tục bị biến thành vật chứa đựng mầm mống của con người vào lúc cuối Giống dân thứ Ba ([1]). Trong trường hợp khác, nó ám chỉ sự Đắm chìm Châu Atlantis vốn có thực trong lịch sử. Trong cả hai trường hợp, "Tập Đoàn"- tức vị Bàn Cổ cứu vớt mầm mống"- đều được gọi là Bàn Cổ Vaivasvata. Vì thế kinh Purãnas nói khác với những bản kinh khác. Trong khi đó, trong "Shapapatha Brãhmana", Vaivasvata lại tạo ra một đúa con và từ nàng sinh ra dòng giống của Bàn Cổ. Điều này nhằm nói tới các vị Nãnushyas nhân loại đầu tiên, họ đã phải tạo ra phụ nữ bằng ý chí (Kriyãshakti), trước khi tự nhiên sinh ra những người bán thư bán hùng như là một phái độc lập, và do đó được xem như là "con gái" của các Đấng Sáng Tạo. Kinh Purãnas biến Idã, tức Ilã, thành vợ của Budha (Minh Triết). Cách thuyết minh này nhằm nói tới các biến cố của trận lụt thời Châu Atlantis, khi Vaivasvata, vị đại Thánh trên Trần Thế, cứu Căn chủng thứ Năm cùng với số tàn dư của Căn chủng thứ Tư khỏi bị tiêu diệt.

Điều này được trình bày rất minh bạch trong Chí Tôn Ca, Đức Krishna dạy trong đó như sau :

Liêng – Nhật Thần là Thần Linh Tối Cao ở khắp nơi. Đối với người Do Thái, Mặt Trăng có liên hệ với Jehovah của Do Thái và mầm mống của Ngài, vì Ur là trung tâm thờ phụng Nguyệt Thần và nghe nói là A-bra(h)m, y biến thành Abraham.

[1] Khi Nãrada, nhà tu khổ hạnh trinh khiết, dọa sẽ hủy diệt loài người bằng cách ngăn không cho con trai của Daksha sinh sản ra nó.

Bảy Đấng Thánh Hiền, bốn Đấng Bàn Cổ tiền nhiệm, đã tham dự vào bản thể của chúng ta và đều sinh ra từ trí chúng ta: nhân loại và thế giới đều sinh ra từ các vị này ([1])

Ở đây, bốn vị Bàn Cổ tiền nhiệm trong số bảy vị, là bốn Giống dân ([2]) đã tồn tại, vì Krishna thuộc về Giống dân thứ

---

[1] Chương x, 6.

[2] Điều này được một người Bà La Môn thông thái bổ chứng. Trong bài thuyết trình xuất sắc nhất về Chí Tôn Ca (Tạp chí Theosophist, tháng 4-1887, trang 444) diễn giả cho rằng:

"Có một điều kỳ lạ mà tôi phải kêu gọi quý vị chú ý tới. Ở đây, Ngài [Krishna] đề cập tới bốn vị Bàn Cổ. Tại sao Ngài lại đề cập tới bốn vị? Nay, chúng ta đang ở vào *Chu Kỳ Khai Nguyên* thứ bảy, Chu kỳ Vaivasvata. Nếu đang đề cập tới các vị Bàn Cổ đã qua thì Ngài đã đề cập tới sáu, nhưng Ngài chỉ đề cập tới bốn. Trong một vài giảng lý, người ta đã thử giải thích điều này một cách đặc biệt.

"Từ ngữ 'Chatvãrah' được tách ra khỏi từ ngữ 'Manavah' và muốn nói tới Sanaka, Sanandana, Sanatkumãra và Sanatsujãta, các Ngài cũng được bao gồm trong số các đứa con trai trí sinh của Prajãpati.

Nhưng lối thuyết minh này sẽ đưa tới một kết luận phi lý nhất và khiến cho câu nói lại tự mâu thuẫn. Các vị được ám chỉ trong kinh điển lại có một đặc tính. Mọi người đều thừa biết rằng Sanaka và ba vị khác đã không chịu sáng tạo, mặc dù các người con khác đều đồng ý chịu sáng tạo. Do đó, khi đề cập tới các vị khai sinh ra nhân loại, thật là phi lý khi gồm cả bốn Đấng này vào trong danh sách. Chúng ta phải giải thích đoạn trên mà không tách rời hợp từ ra thành hai danh từ. Bấy giờ có bốn vị Bàn Cổ, và phát biểu sẽ mâu thuẫn với kinh Purãnas, mặc dù hợp với Huyền bí học. Quý vị nên nhớ lại rằng người ta đã khẳng định rằng .. nay chúng ta đang ở vào lúc có Căn chủng thứ Năm. Mỗi Căn chủng được xem như là hậu duệ (Santati) của một vị Bàn Cổ đặc biệt. Nay Giống dân thứ

149 Năm, sự tịch diệt của Ngài đã khai mở Chu kỳ Mạt Pháp. Như vậy, Bàn Cổ Vaivasvata, con của Sũrya (Mặt Trời) và là Vị cứu tinh của Căn chủng chúng ta, lại có liên hệ với "Mầm Sống"("Seed of Life") cả về mặt vật chất lẫn về mặt tinh thần, trong khi đề cập tới tất cả, chúng ta chỉ phải quan tâm tới hai vị đầu tiên.

"Đại Hồng Thủy" là một truyền thống đại đồng dân gian không thể phủ nhận hay chối cãi. Những "Thời kỳ Băng giá" có nhiều cũng như Đại Hồng Thủy vì nhiều lý do khác nhau. Các nhà bác học Stockwell và Croll kể ra có đến nửa tá những Thời kỳ Băng giá và những cơn ngập lụt kế tiếp, mà lần xưa nhất ở vào khoảng 850 000 năm nay, còn lần cuối cùng khoảng 100 000 năm nay.([1]) Nhưng còn trận Đại Hồng Thủy của chúng ta là gì ? Chắc hẳn là cơn thiên tai cổ nhất cho đến nay vẫn còn được ghi chép, giữ gìn trong những truyền thống của tất cả mọi dân tộc kể từ thời đại cổ nhất. Chính cơn Đại Hồng Thủy này đã nhận chìm xuống biển những vùng đất cuối cùng của Châu Atlantis, bắt đầu với hai hòn đảo Ruta và Daitya và kết thúc với hòn đảo tương đối nhỏ hơn mà triết gia Plato có tường thuật lại trong các sách của ông. Điều này được xác nhận bởi sự trùng hợp và đồng nhất của vài chi tiết trong tất cả các huyền thoại xưa. Đó cũng là cơn Đại Hồng Thủy cuối cùng có tính cách vĩ đại và qui mô rộng

---

Tư đã đi qua, hoặc nói cách khác, đã có bốn vị Bàn Cổ trong quá khứ".

[1] Stocwell, Các đóng góp vào Tri thức của Smithson, xviii, R. W. Mc Farland, Tạp chí khoa học Mỹ, III, xi, 456; và Khí hậu và Thời gian của Croll. Châu Lemuria không hề bị một trận lụt làm chìm ngập, mà lại bị tác động của núi lửa hủy hoại, rồi sau đó mới bị chìm.

lớn thuộc loại đó. Còn cơn ngập lụt loại nhỏ mà Nam Tước Bunsen tìm thấy các dấu vết ở Trung bộ Á Châu và qui định thời gian của nó vào khoảng 10 000 năm trước T. C., vốn không có liên hệ gì đến cơn Đại Hồng Thủy nói trong Kinh Thánh với chiếc Tàu của ông Noé (Anh ngữ: Noah) (đó chỉ là một huyền thoại ngụ ngôn ẩn dụ phản ánh những truyền thống cổ), hay chỉ đến sự chìm đắm của hòn đảo Atlantis cuối cùng; hoặc ít nhất là chỉ liên hệ với chúng về mặt đạo đức.

Trong Giống dân thứ Năm của chúng ta, những người không hiểu biết giáo lý huyền môn, nghe nói đến nhiều cơn Đại Hồng Thủy thì thường hay lẫn lộn, nhưng bây giờ thì chỉ biết có một cơn Đại Hồng Thủy thật sự mà thôi. Cơn này làm thay đổi toàn thể cuộc diện Địa Cầu, với những cuộc biến động xê dịch của các vùng lục địa và đại dương.

Chúng ta có thể so sánh với truyền thuyết của người Peru:

Bảy giống dân Incas đã ở trên trái đất sau Đại Hồng Thủy.[1]

Humboldt đề cập tới lối thuyết minh Mễ Tây Cơ của huyền thoại ấy, nhưng lại hơi lẫn lộn các chi tiết của huyền thoại vẫn còn được lưu truyền liên quan tới Noah của Châu Mỹ. Tuy nhiên, nhà vạn vật học lỗi lạc đề cập tới *hai lần bảy* người bạn đồng hành và *con chim thiêng liêng* bay trước chiếc thuyền của người Aztec, và như vậy là hợp thành mười lăm kẻ được tuyển chọn, thay vì bảy và mười bốn. Điều này có lẽ được viết ra theo một sự hồi tưởng vô ý nào đó của Moses, nghe nói ông đã đề cập tới mười lăm người cháu của Noah, chúng đã thoát nạn cùng với tổ tiên. Rồi lại tới Xisuthrus, Noah của dân Chaldea, được cứu sống và đem lên trời – giống như Enoch – cùng với bảy vị Thần, Kabirim, tức bảy

[1] Coste, I, iv, trang 19.

150 người Khổng lồ thiêng liêng. Lại nữa, người Trung Hoa Yao có *bảy* tấm hình cùng lướt sóng với mình, khi đổ bộ lên đất liền, ông sẽ làm cho chúng *linh hoạt* để dùng làm "mầm mống của con người". Khi xuống chiếc Bè Thái Dương, Osiris đã mang theo *bảy* Tia Sáng v..v…

Sanchuniathon để cho Aletae tức những người Khổng Lồ (Kabirim) sinh hoạt đồng thời với Agruerus, vị Thần Linh vĩ đại của người Phoenicia – Faber lại ra sức đồng nhất hóa vị thần linh này với Noah. ([1]) Hơn nữa, người ta nghi ngờ rằng danh hiệu "Titans" lại bắt nguồn từ Tit-Ain – nguồn cội của vực thẳm hỗn mang" ([2]) (Tit-Theus tức Tityus là "trận đại hồng thủy thiêng liêng"). Và nếu thế thì người ta đã chứng tỏ rằng *bảy* người Khổng Lồ Titans liên quan tới Trận lụt và bảy Thánh Hiền mà Bàn Cổ Vaivasvata đã cứu thoát. ([3])

Các người Khổng Lồ Titans này là con của Kronos, Thời gian, và Rhea, Thổ; và Agruerus, Saturn và Sydyk là cùng một nhân vật và vì nghe nói bảy Đấng Kabiri cũng là con của Sydyk tức Kronos-Saturn, nên các Kabiri và Titans đều như nhau. Đó là vì kẻ sùng đạo Faber đã từng có lần chí lý khi kết luận rằng:

---

[1] Agruerus là Kronos tức thần Saturn, nguyên kiểu của Jehovah Do Thái giáo. Xét về Argha. Mặt Trăng tức chiếc Bè cứu rỗi, Noah đồng nhất với Saturn về phương diện thần thoại học. Nhưng thế thì điều này không thể liên quan tới trận lụt trên địa cầu. (Xem Cabiri của Faber, I, 35, 43 – 45).

[2] Như trên, quyển II, trang 240.

[3] Sanchuniathon bảo rằng bảy người Khổng Lồ Titans là con của Kronos, ông gọi họ là những kẻ thờ lửa, Aletae (Con của Hỏa Thần?) và có liên quan tới trận Đại Hồng Thủy. Al-ait là Hỏa Thần.

Tôi tin rằng Đấng Titans hay Kabiri cũng chẳng khác gì bảy Đấng Thánh Hiền của thần thoại Ấn Độ (?) mà nghe nói là đã trốn thoát vào trong một chiếc thuyền cùng với Menu, vị gia trưởng (?).(1)

Nhưng ông đã suy lý một cách hồ đồ khi nói rằng:

Trong các *huyền thoại hoang đường*, người Ấn Độ đã xuyên tạc khá nhiều *lịch sử* của Noachidae (?!), thế nhưng, đáng chú ý là xét về mặt tôn giáo, dường như họ đã gắn bó với con số bảy.(2) Vì thế Đại Úy Wilford thật là chí lý khi nhận xét rằng: "có lẽ bảy vị Menus, bảy Brahmãdicas và bảy Đấng Thánh Hiền đều như nhau và chỉ là bảy nhân vật cá biệt (3). Bảy Đấng Brahmãdica là các Đấng *Prajãpatis*, tức là chúa tể của các *tạo vật (prajas).* Nhân loại do các Ngài sinh ra, các Ngài có lẽ cũng giống như bảy Đấng Menus… Bảy vị đại thủy tổ của loài người này đã được… tạo ra để làm cho trái đất lại đầy dẫy dân cư" (4). Sự giống nhau của các Kabiri, Titans, Thánh Hiền và gia đình Noetic thật quá rõ rệt nên không thể chỉ là kết quả của sự ngẫu nhiên. (5)

Faber đã mắc phải sai lầm này, và sau đó đã xây dựng toàn bộ lý thuyết về các Kabiri của ông dựa trên sự kiện là danh hiệu của Japhet trong Thánh kinh cũng có trong danh
151 sách các người khổng lồ Titans bao hàm trong một câu thơ

---

1 Như trên, quyển I, trang 130, chú thích.

2 Về con số *bảy*, chúng ta thấy người Ãryan, chứ không phải là người Semite, đã đề xướng ra nó, trong khi người Do Thái lại kế thừa con số này của người Chaldea.

3 Bảy Con của Thượng Đế, tức Pitaras, Pitris; trong trường hợp này, đó cũng là các con của Kronos tức Saturn (Kala, "Thời gian") và Arkites, giống như Kabiri và Titans (danh hiệu của họ - "N*guyệt* Tổ Phụ" – đã chứng tỏ điều này. Mặt Trăng là chiếc Bè hay Argha, lướt trên Vực thẳm Nước của Không gian.

4 Khảo cứu Á Châu, v, trang 246.

5 Kabiri, như trên, phần đã dẫn.

của các Thánh ca Orpheus. Theo Orpheus, các danh xưng của bảy người khổng lồ Arkite Titans – mà Faber không chịu đồng nhất hóa với các vị Titans báng bổ (the impious Titans), hậu duệ của họ - là Koios, Kroios, Phorcus, Đấng Đại Hùng, Kronos, Okeanos; Hyperion và Iapetos. ([1])

Nhưng tại sao người Babylon Ezra lại không thể chọn danh xưng của một trong các người con của Noah là Iapetus? Theo Arnobius, các Kabiri vốn chính là các vị Titans, cũng được gọi là Manes và thân mẫu của họ được gọi là Mania ([2]). Do đó, người Ấn Độ có thể khẳng định một cách hợp lý hơn nhiều là Manes có nghĩa là các vị Bàn Cổ của họ, còn Mania là vị *nữ thần* Bàn Cổ trong *Rãmãyana*. Mania là Ilã tức Idã, phu nhân và con gái của Bàn Cổ Vaivastara, "Ngài sinh ra dòng giống Bàn Cổ từ đó". Cũng như Rhea, mẹ của các Titans, nàng là Thổ - Sãyana biến nàng thành Nữ Thần Trái Đất – nàng chẳng qua chỉ là hậu thân của Vãch. Cả Idã lẫn Vãch đều bị biến thành những người nam và nữ, Idã trở thành Su-dyumna, còn Vãch trở thành Virãj nữ, rồi biến thành một người đàn bà để trừng phạt các Nhạc Thần, lối thuyết minh này nhằm nói tới Thần phổ học vũ trụ và thiêng liêng, còn lối thuyết minh kia ám chỉ thời sự sau này, Nanes và Mania của Arnobius là các danh xưng có nguồn gốc Ấn Độ bị người Hy Lạp và La Tinh chiếm hữu rồi xuyên tạc.

Như vậy, điều này đâu phải là do ngẫu nhiên, mà là kết quả của một giáo lý cổ sơ, đại đồng thế giới mà người Do Thái – là những kẻ phóng tác gần đây nhất. So với tài sản của các dân tộc khác, chúng có tính cách mộc mạc đến nỗi mà

---

[1] Orpheus và Proclum trong Timaeum, v, trang 295.

[2] Arnobius, Contra Gentes, quyển iii, trang 124; do Faber trích dẫn. Quyển I, trang 135.

Berosus giả mạo (Pseudo-Berosus) ([1]) đã chứng tỏ rằng Titaea – mà Diodorus Siculus ([2]) biến nàng thành mẹ của các Titans trong thời Đại Hồng Thủy – là phu nhân của Noah. Faber gọi y là Berosus giả, song vẫn chấp nhận dữ kiện đó để ghi lại thêm một bằng chứng nữa cho rằng người ngoại đạo đã vay mượn người Do Thái tất cả chư Thần của mình bằng cách biến đổi tư liệu của các tộc trưởng. Theo thiển ý của chúng tôi, đây là một trong những minh chứng hùng hồn nhất cho điều có thể là hoàn toàn ngược lại. Nó chứng tỏ rõ rệt là chính các nhân vật giả trong Thánh kinh mới đều được vay mượn từ các thần thoại ngoại đạo (nếu chúng ắt phải là các thần thoại). Dù sao đi nữa, nó cũng chứng tỏ rằng Berosus biết thừa nguồn gốc của Sáng Thế Ký, mà nó cũng có đặc tính thiên văn vũ trụ như các chuyên ẩn dụ về Isis-Osiris, chiếc Bè và các "biểu tượng khác liên quan đến chiếc "Bè". Đó là vì Besorus cho rằng "Titaea Magna" sau đó được gọi là Aretia ([3]) và được tôn thờ cùng với Trái Đất. Điều này lại đồng nhất

---

[1] Antiquitates, Quyển I, trang 8.

[2] Biblioheca, Quyển iii, trang 170.

[3] Aretia là dạng nữ của Artes, Thần Mars của người Ai Cập. Từ đó mới có từ ngữ Chaldea (nay là Hebrew), chữ Arets, "Địa Cầu". Seyffarth, tác giả của Beitrãge zur Kenntnis (dưới "*Astes*" Mars) trích dẫn như sau: "Cedrenus cho rằng (Salm, I, c): Mars được người Ai Cập gọi là Ertosi (trồng trọt hay sinh sản). Điều này hàm ý sự sáng tạo và làm linh hoạt vạn vật, sự sáng tạo và xác định bản chất và các quyền năng của mọi chất liệu và vật chất". Đó là Thổ với vai trò là "cội nguồn tồn tại", hoặc (theo lời giải thích của tác giả Nguồn Gốc Các Kích Thước, trang 186) trong tiếng Hebrew và Ai Cập, Artes đều như nhau, "cả hai đều kết hợp ý niệm nguyên thủy, *thổ với vai trò là nguồn cội*; đúng như trong chính tiếng

152 hóa Titaea (phu nhân của Noah) với Rhea, Mẹ của các vị Titans,cũng như là với Idã. Cả hai đều là các Nữ Thần chủ trì Địa Cầu và là Mẹ của các vị Bàn Cổ và Manes tức là Titan-Kabiri. Berosus cũng cho rằng Titae - Aretia được tôn thờ là Horchia; đây lại là một tôn danh của Vesta, Nữ Thần Địa Cầu.

Sicanus thần thánh hóa Aretia và gọi nàng là Horchia, thuộc dòng dõi Janus. ([1])

Hầu như chẳng có thi sĩ thời tiền sử hay hữu sử nào mà không đề cập tới sự đắm chìm của hai lục địa – thường được gọi là đảo – dưới một dạng này hay một dạng khác. Do đó, ngoài châu Atlantis ra, còn có sự diệt vong của Đảo Phlegyan. Cả Pausanias và Nonnus đều tường thuật cách thức mà:

Từ đáy sâu của đảo Phlegyan, Thần Neptune khắc nghiệt làm rung chuyển và nhận chìm đắm đám dân trên đảo dưới sóng cả.([2])

Feber tin chắc đảo Phlegyan ([3]) là Châu Atlantis. Nhưng tất cả các ẩn dụ này đều là các phản ánh bị xuyên tạc ít nhiều của truyền thuyết Ấn Độ về đại Thảm họa đã xảy tới cho Giống dân thứ Tư thực sự là người, mặc dù khổng lồ, đó là giống dân trước giống dân Ãryan. Thế nhưng, như vừa nói, cũng như mọi huyền thoại khác, huyền thoại về trận Đại Hồng Thủy đâu phải chỉ có một ý nghĩa. Trong Thần phổ học, có ám chỉ *các cuộc biến đổi tiên thiên, các sự tương hệ tinh thần*- cho dù từ ngữ này nghe có vẻ ngớ ngẩn đối với một nhà

Hebrew dưới một dạng thức khác, *Adam* và *Mãdim; Mars* đều như nhau và kết hợp ý niệm *thổ* với *Adam* dưới dạng *h-adam-h*".

[1] Cổ Vật, v, 64.

[2] Nonnus, Dionysiacs, quyển xviii, trang 319. Do Faber trích dẫn, sách đã dẫn, Quyển I, trang 328.

[3] [Trang ấn bản 1888 là "Insulae Phlegyan"].

khoa học đến đâu đi chăng nữa – cũng như là Vũ trụ khởi nguyên luận tiếp theo. Nó cũng nhằm nói tới trận ĐẠI HỒNG THỦY (Vật Chất) trong HỖN MANG, được khơi dậy và làm cho đơm bông kết trái bởi những Cung Tinh Thần ô uế và bị *tiêu diệt* nơi sự biến phân bí nhiệm – một điều bí mật tiên thiên, tiền đề của vở kịch hiện tồn. Anu, Bel và Noah có trước Adam Kadmon, Adam Đỏ (Adam the Red) và Noah; chẳng khác nào Brahmã, Vishnu và Shiva có trước Vaivasvata và những vị khác. ([1])

Tất cả các điều này đều có khuynh hướng chứng tỏ rằng cơn ngập lụt lớn mà khoa địa chất học đã biết – thời kỳ băng giá đầu tiên – hẳn phải xảy ra vào thời gian mà Giáo lý Huyền môn qui định là vào khoảng 200 000 năm nay, sau lúc khởi đầu Giống dân thứ Năm của chúng ta, hoặc là vào thời gian mà các ông Croll và Stockwell qui định cho Thời kỳ Băng giá đầu tiên, tức là độ 850.000 năm nay. Các nhà địa chất học và thiên văn học cho rằng lý do gây nên cơn Đại Hồng Thủy này là "tính cách bất thường đến mức tột điểm của quỹ đạo trái đất". Giáo lý Huyền môn cũng xác nhận lý lẽ trên, nhưng lại có thêm một yếu tố khác nữa là sự dời đổi vị trí của trục Địa Cầu – chúng ta có thể tìm thấy một bằng chứng của điều đó trong Thánh thư Enoch [2]. Những sự kiện này dường như chỉ rằng cổ nhân đã biết ít nhiều về những điều khám phá của khoa học hiện đại. Khi đề cập đến "độ nghiêng lớn lao của Trái Đất", vốn đang hoạt động, Enoch thật là hoàn toàn minh bạch và có ý nghĩa.

---

[1] Xem Nữ Thần Isis Lộ Diện, II, trang 420 và tiếp theo. Một hoặc hai trong số bảy ý nghĩa được ám chỉ trong đó.

[2] Chương lxiv, Tiết xi.

Điều này không hiển nhiên sao? Nuah là Noah, *nổi lềnh bềnh trên mặt nước trong chiếc bè,* chiếc bè là biểu hiện của Argha tức Mặt Trăng, nguyên khí âm; Noah là "Tinh thần" sa vào Vật Chất. Ngay khi giáng xuống Trái Đất, chúng ta thấy y trồng một vườn nho, uống rượu vang, và thế là say tít cung thang, nghĩa là Tinh Thần thuần túy bị nhiễm độc ngay khi rốt cuộc nó bị giam cầm trong Vật Chất. Chương thứ bảy của Sáng Thế Ký chỉ là một lối thuyết minh khác của chương thứ nhất. Như thế, trong chương thứ nhất trình bày: "Thế là bóng tối buông xuống trên mặt vực thẳm. Thế là tinh thần của Thượng Đế di chuyển trên mặt nước"; thì chương thứ bảy lại trình bày: "Thế rồi nước chiếm phần ưu thắng, thế rồi chiếc Bè [cùng với Noah, Tinh Thần] lướt trên mặt nước". Như vậy, nếu đồng nhất với Noah của người Chaldea, thì Noah chính là Tinh Thần làm linh hoạt Vật Chất; Vật chất lại là Hỗn Mang, được tượng trưng bởi Thái Uyên, tức Nước lụt. Trong huyền thoại Babylon, (biến cố tiên thiên trộn lẫn với biến cố trên địa cầu), nó chính là Istar (Ashteroth, tức Venus, Nữ Thần Nguyệt Tinh) đang bị nhốt trong chiếc bè và thả chim bồ câu bay đi tìm kiếm đất liền.[1]

Trong các "Thần Biểu" ("Tablets"), Geogre Smith ghi lại trước hết là sự sáng tạo ra mặt Trăng, rồi tới sự sáng tạo ra mặt trời: "Người ta ca tụng vẻ mỹ miều và toàn bích của nó, sự đều đặn của quỹ đạo nó, khiến nó được xem là kiểu mẫu của một phán quan và kẻ điều chỉnh thế gian". Nếu câu chuyện này liên quan tới một tai biến vũ trụ khởi nguyên luận-thậm chí nữ thần Istar tức Ashteroth (mặt trăng) lại đề cập tới *sự sáng tạo ra mặt trời* sau khi có trận đại hồng thủy? Nước có thể dâng cao lên tận núi Nizir trong lối thuyết minh Chaldea, hay Jebel Djudi (núi bị ngập lụt trong huyền thoại Á Rập) hay núi Ararat trong Thánh kinh, và ngay cả Hy Mã Lạp Sơn trong truyền thuyết Ấn Độ, thế nhưng, nó vẫn chưa dâng

[1] Nữ Thần Isis Lộ Diện.

lên tới Mặt Trời; thậm chí Thánh kinh cũng dừng ngang lại nơi một phép lạ như thế. Hiển nhiên là trận đại hồng thủy đối với những người thoạt tiên ghi nhận nó, đã có một ý nghĩa khác, ít khả nghi hơn và có ý nghĩa triết học thâm thúy nhiều hơn ý nghĩa của một trận đại hồng thủy *toàn thế giới*, mà chúng ta không hề thấy bất cứ kỳ tích nào.([1])

Vì mọi thảm họa như thế đều có tính cách tuần hoàn, và vì Bàn Cổ Vaivasvata hiện diện như là một đặc tính chung trong nhiều tình huống và biến cố khác nhau, nên dường như chẳng ai buồn phản đối giả định cho rằng trận đại hồng thủy đầu tiên có một ý nghĩa ẩn dụ cũng như là một ý nghĩa vũ trụ, và nó đã diễn ra vào lúc kết liễu Chu kỳ Chánh Pháp (Satya Yuga), khi Căn chủng thứ Hai; "Các vị Bàn Cổ có xương" ("the Manu with bones"), xuất hiện trước tiên như là giống "Hãn sinh".

Trận Lụt thứ Hai (cái gọi là trận lụt "toàn thế giới") - vốn có ảnh hưởng tới Căn chủng thứ Tư – nay bị thần học tự tiện gọi là "giống người khổng lồ bị chèn ép', những người Cainite và "các Con của Ham"- chính là trận lụt mà địa chất học đã nhận ra trước tiên. Nếu cẩn thận đối chiếu các lối tường thuật trong nhiều huyền thoại khác nhau của người Chaldea và các tác phẩm ngoại môn khác của các nước, người
154 ta sẽ thấy rằng tất cả đều phù hợp với các lối tường thuật chính thống được trình bày trong các tác phẩm Bà La Môn giáo. Và người ta có thể nhận thấy rằng trong khi theo lối tường thuật thứ nhất, "trên Trần Thế vẫn chưa có Đấng Thánh Linh hoặc thế nhân" khi Bàn Cổ Vaivasvata đặt chân lên Himavãn [Himãlayas] thì theo lối tường thuật thứ hai, Bảy Đấng Thánh Hiền lại được phép cho Ngài đi theo. Như

[1] Như trên, trang 423, chú thích.

thế, điều trên chứng tỏ rằng trong khi một vài lối tường thuật đề cập tới Trận Lụt Vũ Trụ và Tinh Đẩu xảy ra trước khi có cái gọi là "Cuộc Sáng Tạo", thì các lối tường thuật khác lại bàn về một trong các Trận Lụt lớn về Vật Chất trên Trần Thế và một trận đại hồng thủy thật sự khác nữa. Trong Shatapatha Brãhmana, Đức Bàn Cổ thấy rằng Trận Lụt đã cuốn đi mọi chúng sinh, chỉ để lại một mình Ngài – nghĩa là *mầm sống* duy nhất còn tồn tại qua sự Tiêu hủy Vũ Trụ (Đại Chu kỳ Hỗn Nguyên), trước, sau "một Ngày của Brahmã". Mahãbhãrata chỉ đề cập tới cơn tai biến địa chất đã quét sạch gần như là toàn bộ Giống dân thứ Tư, để nhường chỗ cho Giống dân thứ Năm. Do đó, trong Vũ Trụ khởi nguyên luận Nội môn của chúng ta ([1]), Bàn Cổ Vaivasvata được trình bày

---

[1] Trong Triết học Ấn Độ, chúng ta nhớ rằng mọi đơn vị biến phân qua các Chu kỳ Hão Huyền, đều có bản thể đồng nhất với Tinh Thần Tối Cao hay Tinh Thần Duy Nhất. Vì thế mới có việc dường như mâu thuẫn và lẫn lộn trong nhiều kinh Purãnas khác nhau (đôi khi trong cùng một kinh Purãnas) về cùng một nhân vật. Vishnu – trên cương vị là Brahmã đa diện và Brahmã (trung tính) – chỉ là một, thế mà người ta dám bảo Ngài là hai mươi tám vị Vyãsas.

"Cứ mỗi Chu kỳ Dvãpara (thứ ba), thì Vishnu, với tư cách là Vyãsa …lại chia kinh Veda (đúng ra nó chỉ có một bộ) ra thành nhiều phẩm. Trong Chu kỳ Dvãpara của Chu kỳ Khai Nguyên Vaivasvata, kinh Veda đã được các bậc đại Thánh Hiền san định hai mươi tám lần, do đó đã có hai mươi tám vị Vyãsa qua đời" (Vishnu Purãna, bản dịch của Wilson, Quyển iii, trang 33 – 34). "[Tất cả các Ngài] đều xuất hiện dưới dạng Vyãsa san định kinh Veda, đó chính là các vị Vyãsa của từng kỷ nguyên riêng biệt". Như trên, phần đã dẫn, trang 33). "Thế giới này chính là Brahmã, ở nơi Brahmã và xuất phát từ Brahma …Thật chẳng biết nói sao bây

với ba thuộc tính riêng biệt: (a) với vai trò là một vị "Bàn Cổ Nguyên Sơ" trên Bầu A trong cuộc Tuần Hoàn thứ Nhất; (b) với vai trò là "*Mầm Sống*" trên bầu D, trong cuộc Tuần hoàn thứ Tư, và (c) với vai trò là "Mầm mống của Con người", vào lúc khởi đầu mỗi Căn chủng – nhất là trong Giống dân thứ Năm chúng ta. Trong các Chu kỳ Dvãpara ([1]), ngay từ lúc khởi đầu, giống dân thứ Năm đã chứng kiến sự diệt vong của các pháp sư bị nguyền rủa;

---

giờ !" Rồi còn trong Harivamsha: "Trong Chu kỳ Khai Nguyên thứ nhất, có bảy người con trứ danh của Vasishtha; trong Chu kỳ Khai Nguyên *thứ Ba,* chúng chính là các con của Brahmã (tức là chư Thánh Hiền) hậu duệ trứ danh của Urjã". (Như trên, quyển iii, trang 6, chú thích). Điều này thật là rõ ràng: Nhân loại của Chu kỳ Khai Nguyên thứ Nhất chính là Nhân loại của Chu kỳ Khai Nguyên thứ bảy và tất cả các chu kỳ trung gian. Nhân loại của Căn chủng thứ Nhất, cũng chính là nhân loại của Căn chủng thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm v..v… Đối với Căn Chủng thứ Năm, nó tạo thành một sự luân hồi miên viễn của các Chơn Thần thuộc về các Thiền Định Đế Quân của Dãy hành tinh chúng ta.

[1] Mỗi Giống dân lại có một Chu kỳ khác nhau. Mọi Giống dân đều có Chu kỳ riêng của mình, sự kiện này tạo ra một sự dị biệt lớn lao. Chẳng hạn như Phân chủng thứ Tư của giống Atlantis đang ở vào Chu kỳ Mạt Pháp (Kali Yuga) khi họ bị diệt vong, trong khi Phân chủng thứ Năm đang ở vào chu kỳ Chánh Pháp. Giống dân Ãryan hiện đang ở vào chu kỳ Mạt Pháp và sẽ tiếp tục sống trong chu kỳ đó 427 000 năm nữa, trong khi nhiều Chủng tộc khác nhau được gọi là giống dân Semitic, Hamitic v.v.. lại đang ở vào chu kỳ đặc biệt của riêng họ. Phân chủng thứ Sáu sắp tới – có thể là chẳng bao lâu nữa, sẽ bắt đầu xuất hiện – sẽ ở vào Chu kỳ Chánh Pháp (Thời đại Hoàng kim) trong khi chúng ta gặt hái quả tàn ác của mình trong Chu kỳ Mạt Pháp.

Của hòn đảo [Plato chỉ đề cập tới đảo cuối cùng của nó] nằm ngoài các cột trụ của Hercule, ở trong Đại Tây Dương, từ đó, người ta có thể dễ dàng chuyển sang các đảo khác ở gần một *đại lục* khác [Châu Mỹ].

Chính "Châu Atlantis" này có liên hệ tới "Bạch Đảo" và Bạch Đảo này chính là Ruta; nhưng nó không phải là Atala và "Bạch Quỷ" của Đại tá Wilford (1) như đã từng được chỉ rõ. Ở đây, chúng ta có thể nhận xét là theo các kinh điển Bắc Phạn,
155 Chu kỳ Dvãpara kéo dài 864 000 năm; nếu Chu kỳ Mạt Pháp chỉ bắt đầu cách đây chừng 5 000 năm, thì sự diệt vong sẽ diễn ra cách đây 869.000 năm. Vả lại, các số liệu này không khác nhau bao nhiêu so với số liệu mà các nhà địa chất học đã trình bày, họ cho rằng thời kỳ băng hà đã xuất hiện cách đây 850 000 năm.

Thế rồi, *Shatapatha* lại cho chúng ta biết rằng có một phụ nữ đã được tạo ra, bà đến với Đức Bàn Cổ và tự xưng là *con gái Ngài, Ngài chung sống với bà và sinh ra hậu duệ của Bàn Cổ.* Điều này nhằm nói tới sự biến đổi sinh lý của các phái trong vòng Căn chủng thứ Ba. Ẩn dụ này thật là quá minh bạch, nên chúng ta không cần giải thích nhiều. Dĩ nhiên là, như đã nhận xét khi phân chia giới tính, người ta giả sử rằng một thực thể bán thư bán hùng phân chia thành hai nửa như trong trường hợp Brahmã và Vãch, thậm chí cả Adam và Eve nữa – và như thế, theo một ý nghĩa nào đó, người nữ chính là con gái của y, cũng như y sẽ là con trai của nàng, "thịt bằng thịt của y [và của nàng] và xương bằng xương của y [và của nàng]". Cũng nên nhớ rằng chưa có một nhà Đông phương học nào biết cách phân biệt trong số "các điều kiện mâu thuẫn và ngớ ngẩn kỳ quặc" này (một số người gọi kinh

[1] Xem Khảo cứu Á Châu, quyển iii, trang 280.

Purãnas như thế đấy) rằng một điều nhắm nói tới một Yuga có thể có nghĩa là một cuộc Tuần hoàn, một Căn chủng và thường là một phân chủng, cũng như là tạo thành một trang được trích ra từ một pho sách Thần phổ học tiên thiên. Ý nghĩa nhị phân và tam phân này được minh chứng bởi nhiều điều khác nhau đề cập tới cùng một nhân vật (xét theo bề ngoài), mang một danh xưng giống y như nhau, trong khi thực ra, các điều ấy lại ám chỉ các biến cố phân ra trong toàn bộ các Thiên kiếp. Một ví dụ điển hình là trường hợp Ilã. Thoạt tiên, nàng được tượng trưng là một điều, rồi lại được tượng trưng là một điều khác. Trong các huyền thoại ngoại môn, người ta có nói rằng khi muốn tạo ra các con trai, Đức Bàn Cổ Vaivasvata đã cúng tế thần Mitra và Thủy Thần. Nhưng vì người Bà La Môn hành lễ đã phạm phải một sai lầm, nên kết quả là chỉ được một người con trai – Ilã tức Idã. Thế rồi, "nhờ ân sủng của hai vị thần", nàng *đổi giống* và biến thành người đàn ông, Su-dyumna. Rồi Ngài lại biến thành một phụ nữ và cứ thế mãi; câu chuyện ngụ ngôn nói thêm rằng Shiva và phu nhân thật hoan hỉ khi thấy rằng nàng sẽ là một người nam trong một tháng, rồi tháng sau lại là nữ". Điều này ám chỉ thẳng Căn chủng thứ Ba mà những người dân toàn là bán thư bán hùng. Nhưng một vài nhà Đông phương học rất thông thái ([1]) đã cho rằng :

Idã chủ yếu là thực phẩm, đồ dinh dưỡng hay là sữa tế thần; do đó, nó là một tràng lời khen được nhân cách hóa thành nữ thần ngôn ngữ.

Tuy nhiên, người ta không cho kẻ "phàm tục" biết lý do tại sao "Sữa tế thần" hoặc "tràng lời khen" lại có thể lần lượt

[1] Xem Từ điển cổ Ấn Độ, của Dowson, mục "Idã".

là *nam* và *nữ*, trừ phi thật ra, có một "bằng chứng nội tại" nào đó mà các nhà Huyền bí học không thể nhận ra được.

156 Theo ý nghĩa thần bí nhất, sự kết hợp của Bàn Cổ Svãyam -bhuva với Vãch-Shata-Rũpa, con gái của chính Ngài – nàng là sự "thần thánh hóa con người" đầu tiên của nguyên khí nhị phân mà Bàn Cổ Vaivasvata và Ilã là một dạng thứ ba và thứ yếu – là biểu tượng vũ trụ của Nguồn Sống, Mầm mống phát sinh ra mọi Thái Dương Hệ, Thế giới, chư Thiên, chư Thần. Đó là vì Vishnu đã dạy :

Mọi tạo vật, chư thần, Thần Quỷ và con người, đều phải được tạo ra từ Đức Bàn Cổ;

Thế giới bất động và di động phải được Ngài tạo ra.

Nhưng chúng ta có thể thấy những đối thủ còn tồi tệ hơn cả các nhà khoa học và các nhà Đông phương học Âu Mỹ. Nếu người Bà La Môn có thể đồng ý với giáo lý của chúng ta về vấn đề số liệu, thì chúng ta cũng không chắc rằng những kẻ bảo thủ chính thống có thể phản đối các cách thức sinh sản mà người ta gán cho các vị Pitris Devatãs của họ. Nếu bị tố cáo là đã chế ra những tác phẩm mà chúng ta trích dẫn, thì chúng ta xin mời họ hãy đọc kinh Purãnas của chính họ cẩn thận thêm một tí nữa và có để mắt tới ý nghĩa nội môn của nó. Chúng tôi xin nhắc lại là đến lúc bây giờ họ sẽ thấy rằng bên dưới bức màn che ít nhiều trong suốt của các ẩn dụ, mọi phát biểu nơi đây đều được các tác phẩm của chính họ minh chứng. Người ta đã đưa ra một, hai ví dụ về sự xuất hiện của Giống dân thứ Hai, nó được gọi là Giống dân "Hãn sinh". Ẩn dụ này được xem như là một câu chuyện thần tiên, thế nhưng, nó vẫn che giấu một hiện tượng tâm sinh lý và một trong các bí nhiệm lớn nhất của Thiên Nhiên.

Nhưng khi xét đến những phát biểu niên đại ký nơi đây, cũng là điều tự nhiên thôi nếu đặt câu hỏi :

PHẢI CHĂNG LOÀI NGƯỜI ĐÃ CÓ TỪ 18 000 000 NĂM TRƯỚC ?

Đáp lại câu hỏi này, Huyền môn khẳng định là có, mặc cho tất cả mọi sự chống đối của khoa học. Vả lại, thời gian trên chỉ liên quan tới con người của Đức Bàn Cổ Vaivasvata, nghĩa là con người sau khi có phân chia nam nữ rõ rệt. Còn 2,5 Giống dân đi trước giai đoạn trên có thể đã sống vào khoảng 300 000 000 năm về trước nữa. Đó là vì không thể có vấn đề khó khăn về phương diện vật chất đối với Giáo lý huyền môn nói về Con người *sơ khai nguyên thủy* với một thể vô hình và thanh nhẹ như *dĩ thái. Toàn thể vấn đề tranh luận giữa Khoa học Phàm trần và Giáo lý Huyền môn tùy nơi sự tin tưởng và chứng minh sự hiện diện của một Thể Dĩ Thái ở bên trong và hoàn toàn độc lập đối với Thể xác*. Triết gia theo thuyết thực nghiệm Paul d'Assier dường như đã chứng tỏ được sự kiện này một cách khá rõ rệt, chứng tỏ bằng chứng tích lũy lại từ bao thời đại, và chứng cứ của các nhà "Thần Linh học" và
157 các nhà thần bí hiện đại. Trong thời đại hiện nay, với biết bao bằng chứng, trắc nghiệm và chứng cớ tai nghe mắt thấy, đâu dễ gì mà bác bỏ được sự kiện này.

Giáo lý Huyền môn chủ trương rằng, mặc dù có thiên tai, địa chấn làm đảo lộn vỏ Địa Cầu một cách khủng khiếp rùng rợn hơn nhiều so với những cơn biến động tương tự trong ba cuộc Tuần Hoàn trước, Nhân loại đã từng xuất hiện trên trái đất cách đây 18 000 000 năm ([1]). Trước thời kỳ đó đã có một

[1] "Giáo sư Newcomb cho rằng nhiệt sinh ra do sự co rút từ một khoảng cách vô hạn chỉ tồn tại có 18 000 000 năm thôi (Thiên văn

thời kỳ tiến hóa trải qua 300 000 000 năm của các loại khoáng thạch và thảo mộc. Tất cả những người nào từ chối không chấp nhận "lý thuyết nói về con người không xương" mà chỉ có một thể khinh thanh nhẹ nhàng như hình bóng, sẽ phản đối giáo lý nói trên. Khoa học, vốn chỉ biết có cơ thể vật chất, ắt sẽ tức giận, và thần học duy vật lại còn tức giận hơn nữa. Khoa học sẽ phản đối dựa vào lý luận và tiên kiến cho rằng mọi cơ thể động vật đã luôn luôn tồn tại trên cùng cõi vật chất trong mọi thời đại; còn thần học duy vật phản đối dựa vào toàn là những chuyện hoang đường phi lý nhất. Các nhà thần học thường đưa ra lời khẳng định dựa vào giả dụ thực sự cho rằng nhân loại (nghĩa là tín đồ Thiên Chúa giáo) trên hành tinh này có vinh dự là những người duy nhất trong toàn thể càn khôn được ở trên một bầu hành tinh và do đó, thuộc loại thượng hạng. ([1])

---

học phổ thông, trang 509). Cách đây 10 000 000 năm, đã đạt đến một nhiệt độ khiến cho nước có thể tồn tại trên địa cầu". (Winchell, Sinh Hoạt Thế Giới, trang 356). Nhưng William Thomson cho rằng toàn bộ thời kỳ tạo vỏ cứng của Trái đất là 80 000 000 năm, mặc dù, năm nay, ông đã lại thay đổi ý kiến và cho rằng Mặt Trời chỉ có 15 000 000 tuổi. Trong phần phụ lục Quyển 4, các ý kiến của các nhà khoa học khác nhau nhiều đến nỗi mà chúng ta chẳng thể nào tin cậy được sự suy lý của *khoa học.*

[1] Bài tiểu luận về Có nhiều Thế giới (xuất bản năm 1853) – một tác phẩm vô danh, song mọi người đều biết đó là sản phẩm của Tiến sĩ Whewell – là một bằng chứng hùng hồn của điều này. Tác giả luận chứng "không một tín đồ Thiên Chúa giáo nào tin tưởng vào việc có nhiều Thế giới hoặc tuổi địa chất của Địa Cầu". Đó là vì nếu người ta khẳng định rằng Thế giới này chỉ là một trong nhiều loại thế giới, tất cả đều là công trình của Thượng Đế như chính nó, và tất cả đều có sự sống, tất cả đều là lãnh vực và chỗ trú của các tạo

Các nhà Huyền bí vốn tin chắc vào giáo lý của Minh Triết Nguyên thủy, ắt sẽ bác bỏ những lời phản đối của cả các nhà thần học lẫn các nhà khoa học. Về phía các nhà Huyền học, họ chủ trương rằng trong những thời kỳ đó, khi mà trái đất còn đang hình thành chưa xong, với nhiệt độ còn nóng bỏng, dù rằng ở lưỡng cực, với những cơn ngập lụt liên tiếp, các vùng thung lũng và cao nguyên còn trồi sụt, trào lưu thủy vận trên các đại dương vẫn còn chuyển vận bất thường, tình trạng đó vẫn không làm chướng ngại cho sự sống và tổ chức
158 của loài người sơ khai. Tính chất hoang vu, hiểm hóc của những vùng đất chưa được ổn định hãy còn, dẫy đầy những hơi độc hay những nguy cơ bất thường của những lớp vỏ địa cầu còn chưa rắn chắc, tất cả những tình trạng đó đều không thể ngăn trở các Giống dân thứ Nhất và thứ Hai xuất hiện, dù trong tình trạng tối sơ của Trái Đất.

Như thế, các Chơn Thần sẽ chuyển kiếp trong các Giống dân tương lai đã sẵn sàng chịu sự thay đổi mới. Chúng đã trải qua những giai đoạn tiến hóa trong loài kim thạch, cây cỏ và động vật, từ trình độ thấp nhất đến cao nhất và còn đang

---

vật thông minh có ý chí, tuân phục định luật và có thể có tự do ý chí; thì bấy giờ, thật là quá lố khi cho rằng thế giới của chúng ta lại được Thượng Đế đặc biệt ưu đãi, quan tâm tới, được Ngài đích thân ngự lãm và phủ dụ. Y ắt hỏi liệu Trái Đất có thể được xem là trung tâm đạo đức và tôn giáo của Vũ Trụ chăng, nếu trong vũ trụ vật chất nó chẳng có gì nổi bật? Phải chăng việc ủng hộ sự khẳng định là có nhiều thế giới có người ở cũng phi lý như việc đến tận ngày nay mà còn ủng hộ giả thuyết của Ptolemy cho rằng Trái Đất ở trung tâm thái dương hệ? Đoạn trên được trích dẫn theo trí nhớ, song hầu như vẫn theo sát nguyên văn. Tác giả không thể thấy rằng y đang làm nổ tung chiếc bọt xà phòng của mình bằng một lý lẽ biện hộ như thế.

chờ đợi những hình thể con người có đầy đủ trí khôn hơn. Tuy nhiên, các Đấng Tạo Tác các kiểu mẫu hình thể mọi loài có thể làm gì khác hơn là tuân theo những định luật tiến hóa trong Thiên Nhiên? Liệu họ theo sát văn tự của Thánh kinh có bắt chước Đức Chúa Trời hay Pygmalion (trong chuyện ẩn dụ Hy Lạp) mà tạo ra Adam-Galatea bằng cát bụi của núi lửa và phà một "Linh Hồn Sống Động" vào Con Người chăng? Không, vì Linh Hồn đã ở đó rồi, tiềm tàng trong Chơn Thần và chỉ cần một lớp vỏ bên ngoài. Theo các quan niệm đó, Pygmalion – vốn không thể *làm linh hoạt pho tượng của mình* – và Bahak Zivo ([1]) của các tín đồ phái Ngộ Đạo Nazarean – vốn không thể tạo nên một "hồn người trong tạo vật", đều có ý nghĩa khoa học và triết học hơn hẳn Adam (xét theo sát nghĩa) hoặc các Đấng Sáng Tạo. Elohim trong Thánh kinh Nội môn Bí giáo – đang rao giảng thuyết "sinh sản tự nhiên" sau khi Đấng Shista và Prajãpati đã gieo mầm mống trên Địa Cầu – chứng tỏ rằng cho dù được Thiên Nhiên trợ giúp, các Thiên Thần Hạ Đẳng cũng chỉ có thể kiến tạo được con người vật chất sau khi đã đích thân phóng phát ra thể dĩ thái (thể phách) và để cho thể xác phát triển lần lần từ khuôn mẫu tinh anh (hoặc cái mà nay chúng ta có thể gọi là khuôn mẫu bằng nguyên sinh chất) của nó.

Điều này sẽ lại bị phản đối; thiên hạ sẽ lại bảo rằng thuyết "sinh sản tự nhiên" là một thuyết đã bị bác bỏ. Các thí nghiệm của Pasteur đã thủ tiêu nó cách đây hai mươi năm và Giáo sư Tyndall cũng chống đối nó. Được rồi, giả sử ông phản đối nó thì ông cũng nên biết rằng nếu trong chu kỳ thế giới hiện nay và hoàn cảnh hiện nay mà người ta thực sự chứng tỏ được là không thể có sự sinh sản tự nhiên – đây là

[1] Xem Sõd: Con của Người của S.F. Dunlap, trang 50 và tiếp theo

điều mà các nhà Huyền bí bác bỏ - thì người ta vẫn còn chưa chứng minh được là nó đã không thể diễn ra trong tình huống vũ trụ khác, chẳng những dưới biển vào Kỷ Laurent, mà còn ở trên Quả Đất lúc bấy giờ đang biến động. Chẳng biết làm thế nào mà khoa học có thể biện minh cho sự xuất hiện của các giống loài và sự sống (nhất là *Con Người)* trên Trần Thế, một khi mà nó đã bác bỏ cả giáo lý của Thánh kinh lẫn sự sinh sản tự nhiên. Tuy vậy, các điều quan sát của Pasteur còn xa mới hoàn chỉnh hoặc được minh chứng. Blanchard và bác sĩ Lutand thật ra đã bác bỏ tầm quan trọng của chúng và chứng tỏ rằng chúng chẳng có gì là quan trọng. Cho đến nay, vấn đề này cũng như vấn đề "sự sống đã xuất hiện trên Địa Cầu vào lúc nào?" vẫn còn chưa sáng tỏ. Còn phần ý kiến cho rằng đơn nguyên trùng của Haeckel – một dúm muối ! - đã giải quyết được vấn đề nguồn gốc của sự sống, thì quả thật là vô lý vô cùng. Các kẻ duy vật, vốn có khuynh hướng chế nhạo thuyết "Kẻ tự sinh tự tại", "Thiên Nhiên tự sinh" được tượng trưng là một Người tinh anh, ắt phải xin lỗi cả một kẻ mới nghiên cứu Huyền bí học khi đến lượt y lại chế nhạo một vài điều suy lý của nền tư tưởng hiện
159 đại. Sau khi chứng tỏ một cách vô cùng thông thái rằng mảnh nguyên sơ của *nguyên sinh chất* (đơn nguyên trùng) chẳng phải là thực vật hay động vật, mà là cả hai, và *thủy tổ* của nó không hề là một trong hai thứ này, vì chính đơn nguyên trùng là khởi điểm của mọi sinh vật hữu cơ, cuối cùng, người ta lại cho biết rằng đơn nguyên trùng là *thủy tổ của chính mình.* Điều này có thể là rất hợp khoa học, nhưng nó cũng rất siêu hình, ngay cả đối với Nhà huyền bí.

Nếu ngày nay phương pháp "tự động sinh sản" đã thay đổi đến mức dường như không thể nhận thấy, hồi thời ấy, nó

hãy còn phổ cập khắp mọi loài trong việc hóa sinh và bảo tồn sự sống trên mặt đất. Sự tác động của thiên nhiên có thể được nhận thấy, thậm chí trong những hình thể vật chất đơn thuần và trong sự tiến hóa của các loài, các giống.Những quái vật khổng lồ của thời tiền sử là những biến thái của các giống thú cầm còn xưa hơn nữa mà dấu vết còn được tìm thấy trong lòng đất của thời sơ kỳ. Ngược dòng thời gian, lùi về thời đại xa xôi hơn nữa, để có một thời mà những quái vật khổng lồ tiền sử này chỉ xuất hiện dưới hình thức những giống trích trùng, không có vỏ hay mai cứng, cũng chẳng có gân, xương, bắp thịt, bộ phận hay cơ quan sinh sản và chỉ truyền giống bằng phương pháp nảy mầm cũng như tất cả mọi vi khuẩn khac. Vậy thì sao con người không gồm trong trường hợp này? Tại sao sự trưởng thành của con người lại không theo qui luật thiên nhiên ấy, nghĩa là bằng phương pháp tuần tự cô đọng thể chất trải qua thời gian để lần hồi trở nên đông đặc, cứng rắn hơn? Người học đạo tin rằng Nhân loại Ban sơ có trước hết một Hình Thể khinh thanh như Dĩ Thái, hoặc là, nếu họ muốn quan niệm như vậy, một Thể lỏng sệt như sữa, do các Thần minh hay "Năng lực thiên nhiên" cấu tạo nên. Cái thể này tăng trưởng và cô đọng lần hồi trải qua hàng triệu thế hệ và trở nên người khổng lồ về thể chất, mãi đến khi nó đúc kết lại thành thể xác to lớn của Con Người thuộc Giống dân thứ Tư.

Thuyết nội môn của chúng ta cũng không hề mâu thuẫn với các dữ kiện khoa học, ngoại trừ khi mới thoạt nhìn. Trong một bức thư gửi cho tạp chí Tri Thức ([1]), Tiến sĩ A. Wilson, Hội Viên Hội Hoàng Gia, đã nhận xét như sau:

[1] Số ra ngày 23 – 12 – 1881.

Người ta đã chỉ nghiên cứu sự tiến hóa – đúng hơn là thiên nhiên, dưới ánh sáng của thuyết tiến hóa – trong vòng hai mươi lăm năm nay. Dĩ nhiên, đó chỉ là một thời gian vi phân trong lịch sử tư tưởng của nhân loại.

Và cũng vì thế mà chúng ta chưa hề tuyệt vọng khi tin rằng khoa học duy vật sẽ thay đổi đường lối và sẽ dần dần chấp nhận Nội môn Bí giáo – cho dù thoạt tiên đã xa lìa các yếu tố quá siêu hình (đối với khoa học).

160 Liệu người ta đã bàn rốt ráo về đề tài "Sự tiến hóa của nhân loại" chưa ? Giáo sư Huxley cho rằng :

> Mỗi lời giải đáp cho vấn đề vĩ đại đó [vị trí thực sự của con người trong thiên nhiên] vốn đã được những kẻ ủng hộ người đề xướng ra nó (nếu không muốn nói là chính y) khẳng định là hoàn chỉnh và tối hậu – vẫn còn được trọng vọng và trở thành một thẩm quyền cao tột có thể là trong vòng một thế kỷ hoặc hai mươi thế kỷ. Tuy nhiên, nhất định thời gian sẽ chứng tỏ rằng mỗi lời giải đáp đều *chỉ gần đúng với chân lý – có thể được dung nạp chủ yếu là vì những người chấp nhận nó còn dốt nát, và hoàn toàn không thể dung thứ được khi chịu đựng sự trắc nghiệm của tri thức lớn lao hơn của những thế hệ mai sau*.([1])

Liệu môn đồ lỗi lạc này của phái Darwin có thừa nhận việc "Tổ tông giống như khỉ" của mình có thể bị xếp vào loại "những niềm tin hoàn toàn không thể dung thứ được" trước "tri thức lớn lao hơn" của các nhà Huyền bí chăng? Nhưng *sự dã man từ đâu ra đây*? Chỉ riêng việc "vươn lên tới tình trạng văn minh" không đủ để giải thích được sự tiến hóa của hình hài sắc tướng.

Cũng trong bức thư Sự Tiến Hóa của Con Người, Tiến sĩ Wilson đã đưa ra những lời thú nhận thật là kỳ quặc. Để đáp

[1] Vị trí của Con Người trong Thiên Nhiên, trang 78.

lại các câu hỏi do "G. M." đặt ra cho tờ Tri Thức, ông đã nhận xét như sau :

"Liệu sự tiến hóa có làm con người thay đổi chút nào chăng? Nếu có thì thay đổi như thế nào? Nếu không thì tại sao lại không?"… Nếu chúng ta không chịu thừa nhận [như khoa học] rằng khi mới được tạo ra, con người là một sinh vật hoàn thiện rồi mới bị thoái hóa, thì chỉ còn một giả thuyết khác, đó là giả thuyết tiến hóa. Nếu con người đã chuyển từ một tình trạng dã man sang một tình trạng văn minh, thì đó chắc chắn là sự tiến hóa. *Chúng ta vẫn còn chưa biết rõ – vì thật khó lòng mà biết được – liệu cơ cấu con người có chịu những tác dụng giống y như cơ cấu của các động vật hạ đẳng hay không*. Nhưng hầu như chắc chắn là tiến từ cuộc sống dã man lên cuộc sống văn minh, hàm ý và có nghĩa là "sự tiến hóa", và tiến bộ một cách đáng kể. Xét về mặt trí tuệ, chúng ta không thể nghi ngờ được sự tiến hóa của con người; phạm vi ngày càng mở rộng của tư tưởng đã xuất phát từ những bước đầu thô sơ và nhỏ bé, cũng như chính ngôn ngữ vậy. Nhưng lối sống của con người, năng lực thích ứng với môi trường xung quanh và vô số hoàn cảnh khác của y, đã khiến cho chúng ta thật khó lòng mà truy nguyên được các sự kiện và diễn trình "tiến hóa" của y.

Sự khó khăn này ắt hẳn phải làm cho các nhà Tiến hóa luận tỏ ra thận trọng hơn khi khẳng định các sự việc. Nhưng tại sao lại không thể có sự tiến hóa, nếu "con người khi mới được tạo ra đã là một sinh vật hoàn thiện rồi mới bị thoái hóa?" Cùng lắm thì nó chỉ có thể được áp dụng *cho con người vật chất bên ngoài*. Như chúng ta đã nhận xét trong Nữ Thần Isis Lộ Diện, thuyết tiến hóa của Darwin bắt đầu từ trung điểm, thay vì khởi đầu từ những phổ hữu (đối với con người cũng như là đối với mọi thứ khác). Phương pháp của Aristotle và Bacon có thể có những ưu điểm, nhưng chắc chắn là nó đã bộc lộ các khuyết điểm của mình. Pythagoras và Plato vốn xuất phát từ các phổ hữu (universals) trở xuống,

nay đã tỏ ra thông thái hơn Aristotle, khi được xét dưới ánh sáng của khoa học hiện đại. Đó là vì Aristotle đã chống đối và lên án ý kiến cho rằng Trái Đất quay tròn (và thậm chí "có hình cầu" nữa) khi cho rằng:

Hầu hết những kẻ khẳng định rằng họ đã nghiên cứu bầu trời một cách đồng nhất đều quả quyết rằng trái đất ở trung tâm, nhưng các triết gia theo trường phái Ý, (nói một cách khác, đó là các môn đồ phái Pythagoras) lại giảng dạy ngược hẳn lại.

161 Đó là vì các môn đồ phái Pythagoras đều là các Điểm đạo đồ và theo phương pháp diễn dịch. Trong khi đó, Aristotle, cha đẻ của hệ thống qui nạp, lại phàn nàn về những kẻ dạy rằng:

Mặt trời chiếm vị trí trung tâm của thái dương hệ chúng ta, còn trái đất chỉ là một ngôi sao tạo ra ngày và đêm bằng cách quay xung quanh cùng một trung tâm. ([1])

Đối với con người cũng vậy. Học thuyết mà Giáo Lý Bí Nhiệm giảng dạy và nay đem ra thuyết giải là học thuyết duy nhất có thể giải thích được sự xuất hiện của con người trên Trần Thế mà không rơi vào sự phi lý của việc một con người được phép lạ tạo ra từ cát bụi hoặc sự hoang tưởng còn huyền hoặc hơn nữa về việc con người tiến hóa ra từ một dúm muối vôi, đơn nguyên trùng đã từng là nguyên sinh chất. Người vô tư không thành kiến có lẽ sẵn lòng tin nơi thuyết ấy hơn là thuyết sáng tạo con người bằng một cục đất sét, hay thuyết nói rằng tổ tiên con người là loài khỉ.

Luật *Tương đồng nhất lý* là định luật phổ cập trong Thiên Nhiên. Đó là sợi chỉ mỏng manh của Ariadne có thể dẫn chúng ta băng qua những mê lộ trong lòng thiên nhiên để đạt tới các bí nhiệm nguyên sơ và tối hậu của nó. Trong vị thế ba

[1] De Coelo, II, Chương 13.

tiềm năng sáng tạo, thiên nhiên vốn vô cùng và không một nhà vật lý học nào có thể tự hào rằng mình đã thấu triệt được mọi phương pháp tác động của thiên nhiên, dù rằng nó vẫn tuân theo những định luật luôn luôn đồng nhất. Chúng ta hãy thử quan niệm một bầu "mù sương lửa" xoay tròn trải qua hàng triệu năm trong không gian, và lần lần trở nên một hành tinh phát quang sáng rực và sau cùng ổn định lại thành một Bầu Thế giới hay một Địa Cầu *có người ở.* Và chúng ta thấy trên đó mọi vật đều tiến hóa từ trạng thái một điểm nhỏ lỏng sệt không có hạt nhân và trong như sữa,(1) về sau trở thành nguyên sinh chất (2) và từ đó tiến lên thành một hình thể động vật rồi tăng trưởng thành một quái vật bò sát khổng lồ của thời tiền sử. Kế đó, con quái vật khổng lồ này từ từ thu hình nhỏ bớt lại thành con sấu ở các hồ ao, sông biển vùng nhiệt đới, rồi trải qua thời gian, nó lại thay hình đổi dạng, trở nên nhỏ bớt dần và trở thành con thằn lằn thông thường của thế giới ngày nay (3). Nếu sự thể diễn biến như vậy, làm sao

---

1 Tức là cái mà chúng ta thường nhận biết là nguyên sinh chất. Chất này được Giáo sư Dujardin Beametz gọi là "bản sinh chất" đã từ lâu trước khi nó có danh hiệu như ngày nay.

2 Đơn nguyên trùng thực ra là nguyên sinh vật. Chúng chẳng phải là động vật, mà cũng chẳng phải là thực vật Haeckel cho rằng: "Toàn thân của đơn nguyên trùng chẳng có gì khác hơn là một cấu tử đản bạch chất hoàn toàn đồng chất ở một trạng thái dính kết chặt chẽ". (Tạp chí Hiển vi học, tháng 1 – 1869 trang 28).

3 Chúng ta hãy xem con kỳ đà long của thời Trung sinh – con quái vật dài 100 bộ - nay bị biến thành con thằn lằn nhỏ họ kỳ đà ở Nam Mỹ. Một ngày kia người ta có thể chứng tỏ rằng truyền thuyết dân gian nói về những "người khổng lồ" thời xưa và việc họ được đề cập tới trong mọi khoa thần thoại học, kể cả khoa thần thoại học torng Thánh kinh, đều được dựa vào sự thực. Trong thiên nhiên,

con người có thể đơn phương tránh khỏi định luật chung? Chương Sáng Thế (Genesis) (1) có nói: "Hồi thời đó có những người khổng lồ trên thế giới". Câu này cũng chỉ lặp lại giáo điều của tất cả những Thánh kinh cổ Đông phương và sự thật về những người Khổng lồ (Titans) vốn căn cứ trên sự kiện nhân chủng và sinh lý.

Cũng như loài tôm cua vỏ cứng đã có một thời kỳ chỉ là một đốm đản bạch chất trong như sữa và dính như keo, thì con người ban sơ cũng vậy, y có một lớp vỏ bên ngoài, nói
162 bóng bẩy là lớp "áo da" với một điểm Chơn Thần thiêng liêng bất diệt và một thể tâm linh tạm thời bên trong lớp vỏ đó. Con người ngày nay, với một thể xác tráng kiện đầy bắp thịt rắn chắc có thể chịu đựng mọi khí hậu, hồi 25 000 000 năm trở về trước, có lẽ cũng chỉ là một hình thể đản bạch chất đơn thuần như Haecket đã diễn tả' một cơ thể không có bộ phận và không có xương tủy làm nòng cốt bên trong, chỉ có một hình dáng con người bên ngoài.

Trong thế kỷ này, không một nhà khoa học nào có quyền xem các số liệu của người Bà La Môn là phi lý, đó là vì các phép tính toán của chính họ thường vượt xa những gì mà Nội môn Bí giáo khẳng định. Chúng ta có thể chứng tỏ điều này một cách dễ dàng.

Helmholtz tính toán rằng việc trái đất nguội đi từ một nhiệt độ 2 000 xuống tới 200° C, ắt đã phải mất đi một thời kỳ ít nhất là 350 000 000 năm. Khoa học Tây phương (kể cả địa chất học) dường như thường cho rằng Trái đất đã được tổng cộng là 500 000 000 tuổi. Tuy nhiên, William Thomson lại giới

---

chỉ có cái lý luận tương tự mới khiến cho chúng ta chấp nhận *truyền thuyết* này là các chân lý khoa học.

1 Chương vi, 4.

hạn thời gian xuất hiện sự sống thực vật cách đây 100 000 000 năm – đó là một phát biểu mà các Tài liệu Cổ sơ xin kính cẩn chối bỏ. Vả lại, trong lãnh vực khoa học, các cuộc suy lý thay đổi từng ngày. Trong khi đó, một vài nhà địa chất học lại kịch liệt phản đối sự giới hạn như vậy. Volger tính rằng:

Thời gian cần thiết cho sự trầm tích của các địa tầng mà chúng ta biết ít ra phải lên tới 648 triệu năm.

Cả thời gian lẫn không gian đều vô hạn và vĩnh cửu.

Trên cương vị là một tồn tại vật chất, trái đất hiện là vô hạn; chỉ có những biến đổi mà nó trải qua mới có thể được xác định bằng những thời kỳ hữu hạn…

Do đó, chúng ta phải giả sử rằng bầu trời lấp lánh ánh sao, chẳng những tồn tại trong không gian (chẳng có nhà thiên văn học nào dám nghi ngờ điều này) mà còn tồn tại trong thời gian, vô thủy vô chung. Chúng ta cũng phải giả sử rằng nó bất sinh bất diệt. ([1])

Czolbe lặp lại đúng y những gì mà các nhà Huyền bí giảng dạy. Nhưng chúng ta có thể được biết rằng các nhà huyền bí người Ãryan chẳng biết gì về các điều suy lý sau này. Coleman cho rằng:

Thậm chí họ còn không biết là trái đất có dạng hình cầu nữa.

Kinh Vishnu Purãna có lời giải đáp cho vấn đề này, nó đã khiến cho một vài nhà Đông phương học ắt phải sáng mắt ra.

Hỡi Di Lặc! Mặt trời luôn luôn được định vị giữa thanh thiên bạch nhật, ngược lại với nửa đêm, trên khắp mọi châu. Nhưng sự mọc và lặn của mặt trời cứ đối nghịch nhau mãi. Cũng vậy, hỡi Di Lặc (Maitreya)! khắp mọi phương điểm chính và phương điểm

[1] Đó là những ý kiến của Burmeister và Czolle. Xem Lực và Vật Chất, của L. Buchner, do J.F.Collingwood, F.R.S.L. trang 61.

giao, thiên hạ đều đề cập tới sự mọc của mặt trời ở nơi mà họ thấy nó, và nơi nào mà mặt trời biến mất thì họ cho rằng nơi đó là mặt trời lặn. Mặt trời luôn luôn như nhau và ở cùng một vị trí nên làm gì có mặt trời lặn hay mọc; đó là vì cái gọi là sự mọc và lặn của mặt trời chỉ là việc thấy hay không thấy mặt trời. ([1])

163 Fitzedward Hall nhận xét về điều này như sau:

Trong đoạn này, thuyết nhật tâm (the heliocentricism) đã được dạy khá nhiều. Tuy nhiên, chút nữa, người ta sẽ chối bỏ nó.([2])

Người ta đã *cố tình* chối bỏ nó vì đó là một giáo lý bí nhiệm của thánh điện. Martin Haug cũng nhận xét giáo lý đó trong một đoạn khác. Thật chẳng ích gì mà vu khống những người Ãryan thêm nữa.

Nay chúng ta hãy quay sang niên đại ký của các nhà địa chất học và nhân loại học. Chúng tôi sợ rằng khoa học chẳng có cơ sở hợp lý nào để dựa vào đó mà chống lại các quan điểm của các nhà Huyền bí theo chiều hướng này. Ngoại trừ cơ sở cho rằng người ta chưa hề tìm thấy vết tích của con người – tạo vật hữu cơ thượng đẳng nhất – nơi các địa tầng đệ nhất kỷ; đến nay, người ta chỉ có thể nhấn mạnh đến cái gọi là lớp phù sa ở trên cùng. Một ngày kia, khoa học sẽ bắt buộc phải thừa nhận rằng con người không phải là thành viên cuối cùng của họ động vật hữu nhũ, mà là *thành viên* đầu tiên trong cuộc Tuần Hoàn *này*. Ở Pháp, dựa vào những nhân vật có rất nhiều thẩm quyền, người ta đã dị nghị một quan điểm giống như vậy.

Nay Quatrefages ([1]) đã chứng minh được điều mà khoa học không thể chối cãi được là người ta có thể chứng tỏ rằng

---

[1] Vishnu Purãna, Wilson, bản dịch của Fitzedward Hall, Quyển ii, trang 241.

[2] Như trên, trang 242.

con người đã sống vào giữa Đệ Tam Kỷ và vào một thời đại địa chất mà *chưa hề có một mẩu đơn thuần nhất nào của cái nay được biết là các loài động vật hữu nhũ.* Nhưng cho dù giả sử là sự tồn tại của y trong Kỷ Hạ Tân (the Eocene Period) vẫn còn chưa được chứng tỏ, từ Phấn Kỷ (the Cretaceous Period) đến nay đã mất bao nhiêu lâu rồi? Chúng ta đều biết sự kiện là chỉ có các nhà địa chất học táo bạo nhất mới dám cho rằng con người đã xuất hiện trước cả Thời kỳ Trung Tân. Nhưng chúng tôi xin hỏi các thời đại và các địa kỷ này đã kéo dài bao lâu rồi từ thời Trung Sinh? Về vấn đề này, sau khi suy lý lan man và cãi nhau, khoa học đành im lặng, những nhân vật có thẩm quyền nhất về đề tài này bắt buộc phải trả lời rằng: "Chúng tôi không biết". Điều này phải chứng tỏ rằng về vấn đề này các nhà khoa học chẳng có thẩm quyền gì hơn người phàm tục. Nếu chiếu theo Giáo sư Huxley, "chỉ một thời gian để tạo thành than cũng mất sáu triệu năm" ([2]) thì phải mất bao nhiêu triệu năm nữa để bao gồm thời gian từ Kỷ Jura, tức là giữa cái gọi là Thời đại Bò sát (Reptilian Age), - khi Giống dân thứ Ba xuất hiện – cho đến đại đa số Giống dân thứ Tư bị nhận chìm? ([3])

164 Tác giả biết rằng các chuyên viên có những phép tính tuổi Địa Cầu và Con Người phóng khoáng nhất bao giờ cũng bị đa số dè dặt hơn chống đối. Nhưng điều này chẳng chứng tỏ gì hơn được bao nhiêu, vì về lâu về dài, đa số hiếm khi (nếu đã có khi) tỏ ra chí lý. Harvey đã bị cô đơn trong nhiều năm. Những kẻ biện hộ cho việc tàu thủy băng qua Đại Tây Dương đã từng có nguy cơ kết liễu những ngày tàn của mình trong

---

[1] Nhân loại Học Nhập Môn.

[2] Khoa học Hiện Đại và Tư Tưởng Hiện Đại, của S. Laing, trang 32.

[3] Phật Giáo Nội Môn, trang 70 [hay 73 của ấn bản thứ 8].

một dưỡng trí viện. Cho đến ngày nay, trong các bách khoa tự điển, cùng với Cagliostro và St. Germain, Mesmer vẫn còn bị xếp vào loại lang băm bịp bợm. Và nay, khi mà các ông Charcot và Richet đã biện minh cho các điều khẳng định của Mesmer và khoa học đã chấp nhận Mesmer thuật với danh xưng là Thuật thôi miên – một cái mũi giả trên một khuôn mặt đã quá quen thuộc – thì chúng ta cũng chẳng tôn trọng đa số này thêm bao nhiêu, khi chúng ta thấy các thành viên của nó bàn về "thuật thôi miên", các ấn tượng "thần giao cách cảm" và các hiện tượng khác một cách dễ dãi và hờ hững. Tóm lại, họ đề cập tới nó như thể họ đã tin tưởng vào nó từ thời Đại Đế Solomon, chứ không phải chỉ cách đây vài năm, họ đã gọi những kẻ hâm mộ nó là điên khùng và bịp bợm ! ([1])

Cũng biến động tư tưởng ấy đang được dành sẵn cho thời kỳ dài đăng đẳng mà Nội môn Bí giáo xem là thời đại của

[1] Các hiện tượng giáng ma học và tất cả mọi biểu lộ tâm lý khác của Chơn Nhơn đều cùng chung số phận. Từ thời Hume, các cuộc khảo cứu của ông đã đạt tột đỉnh nơi chủ nghĩa duy tâm hư vô, tâm lý học đã dần dần chuyển thành một chủ nghĩa duy vật thô tục. Hume được xem như là một nhà tâm lý học, thế nhưng, ông vẫn chối bỏ sự khả hữu của các hiện tượng mà hàng triệu người (kể cả nhiều nhà khoa học) nay đang tin tưởng. Các nhà vật tâm luận ngày nay được xếp vào hàng ngũ các nhà tịch diệt luận. Các trường phái của Spencer và Bain lần lượt là duy thực nghiệm và duy vật chứ chẳng phải siêu hình gì cả. Đó là tâm linh luận chứ không phải là tâm lý học; nó chẳng nhắc người ta nhớ tới giáo lý Veda được bao nhiêu, cũng như chủ nghĩa bi quan của Shopenhauer và Von Hartman chẳng nhắc người ta nhớ tới Nội môn Bí giáo – tâm pháp của Đạo Phật *chân chính* – được bao nhiêu.

nhân loại sinh lý và hữu giới tính. Xin nhắc lại ĐOẠN KINH trên có nói rằng:

"*Kẻ không xương sinh bằng trí tuệ, sinh ra kẻ có xương bằng ý chí*" và nói thêm rằng sự việc ấy diễn ra vào khoảng giữa của Giống dân thứ Ba độ 18 000 000 năm về trước; câu này có triển vọng được chấp nhận bởi các nhà bác học trong tương lai:

Đối với trào lưu tư tưởng của thế kỷ mười chín thì câu nói trên sẽ bị xem như vô lý. Đã như thế thì còn vô lý biết bao nhiêu khi chúng tôi nói thêm rằng thời đại cổ xưa của Giống dân *thứ Nhất* lại còn thụt lùi về dĩ vãng thêm hàng bao nhiêu triệu năm nữa. Hiện thời, các con số chính xác hãy còn được giữ bí mật và người ta không thể nào xác định được một cách chắc chắn sự tiến hóa của những Chủng tộc Thiêng Liêng sơ khai thuộc về thời đại Đệ nhị hay Sơ kỳ của khoa địa chất học. Tuy vậy nhưng có một điều rõ ràng là con số 18 000 000 năm chỉ bao gồm có thời gian tiến hóa của con người *thể chất* sau khi đã phân chia *nam nữ* rõ rệt. Con số ấy sẽ còn phải được tăng thêm nhiều nữa nếu phải tính luôn toàn thể diễn trình tiến hóa tâm linh, dục tính và thể chất con người. Thật vậy, nhiều nhà địa chất thấy rằng kỳ gian của các thời đại Đệ tứ và Đệ tam kỷ khiến người ta phải chấp nhận một sự ước tính như thế, và hoàn toàn chắc chắn là không một tình huống địa cầu nào có thể phủ nhận được giả thuyết về một con người thuộc thời đại Hạ tân, nếu quả thật là sẽ có bằng chứng về thực tại của y. Các nhà Huyền bí vốn quả quyết rằng nhật kỳ nêu trên sẽ đưa chúng ta trở về thời Đệ nhị kỳ hay Thời đại "Bò Sát"; có thể tham khảo ông De Quartrefages để bênh vực thuyết cho rằng con người có thể tồn tại vào thời kỳ xa xưa ấy. Nhưng xét về các Căn chủng sơ khai nhất, thì vấn đề lại khác hẳn. Nếu đám hơi nước tích tụ dày đặc, chứa

đầy acid carbonic, vốn từ dưới đất bốc lên hoặc lơ lửng trong bầu khí quyển từ khi sự trầm tích bắt đầu, mà lại là một trở ngại khốc hại cho sự sống của các cơ thể con người như chúng ta biết hiện nay, thì người ta sẽ đặt vấn đề là làm thế nào những người nguyên sơ có thể tồn tại được? Nhận xét này thật ra chẳng có gì đáng quan tâm. Tình trạng sinh hoạt của Trái Đất hồi thời kỳ đó không có sự giao tiếp với cõi dĩ thái, trên đó chẳng diễn ra sự tiến hóa của những Giống người *ban sơ* và thể chất được cấu tạo bằng chất thanh khí nhẹ như dĩ thái. Chỉ trong những thời kỳ địa chất tương đối gần đây mà đường vòng khu ốc của định luật chu kỳ mới đưa nhân loại xuống giai tầng thấp nhất của sự tiến hóa thể chất tức cõi vật chất hồng trần. Trong thời cổ, chỉ có sự phát triển của thể dĩ thái (thể phách) là đang tiến hành. Hai cõi dĩ thái và hồng trần tuy rằng vẫn phát triển song song nhưng lại không có sự giao thông trực tiếp với nhau. Hiển nhiên là con người sơ khai *thanh nhẹ* như hình bóng, do bởi cơ cấu thể chất đặc biệt đó, chỉ có liên hệ đến cõi dĩ thái là cõi cùng đồng một chất liệu với thể dĩ thái căn bản của họ.

Có lẽ là cặp mắt nhìn xa trông rộng – nhưng *không thấy hết* – của các nhà vạn vật học hiện nay cũng còn bỏ sót nhiều điều, thế nhưng, chính Thiên Nhiên lại đảm nhận việc cung ứng những chiếc khoen thiếu sót. Các nhà tư tưởng suy lý bất khả tri phải chọn lựa giữa lối tường thuật mà Giáo lý Bí Nhiệm Đông phương trình bày và lối tường thuật của Thánh kinh, cũng như lối tường thuật duy vật một cách tuyệt vọng của Darwin về nguồn gốc con người. Họ cũng phải chọn lựa giữa việc không có linh hồn và sự tiến hóa tâm linh, với giáo lý Huyền bí học vốn bác bỏ sự "sáng tạo chuyên biệt" cũng như là nhân sinh khởi nguyên luận theo "Thuyết tiến hóa".

Bây giờ, chúng ta hãy trở lại vấn đề "tự động sinh sản". Như chúng ta đã biết, sự sống không phải luôn luôn ngự trị trên địa cầu. Có thời kỳ mà thậm chí đến một đốm nhỏ nguyên sinh chất đơn thuần cũng chưa xuất hiện ở dưới đáy biển. Vậy do đâu mà có động lực *thúc đẩy* nó làm cho những phân tử thán khí, dưỡng khí, đạm khí… kết hợp với nhau thành chất cơ phận "trong như sữa" ngày nay được gọi là nguyên sinh chất? Kiểu mẫu ban sơ của nguyên sinh chất ấy là gì? Ít nhất, chúng không thể rơi xuống Trái Đất như một khối vẫn thạch từ những bầu thế giới khác đã hình thành. Và nếu chúng đã rơi xuống như thế, nếu Trái Đất của chúng ta được cung cấp những mầm mống từ những hành tinh khác thì do bởi ai, bởi đâu mà những mầm mống ấy được đem tới những hành tinh kia? Về vấn đề này trừ phi Giáo lý Huyền môn được chấp nhận một lần nữa, chúng ta lại bị bắt buộc phải đứng trước một "phép lạ", phải thừa nhận giả thuyết một Thượng Đế *nhân hình, cá biệt*. Nhưng tính chất và định
166 nghĩa của phái Độc thần đưa ra về vị Thượng Đế này thật là hoàn toàn phản triết học và hạ thấp lý tưởng của một nguyên lý tối cao vô biên mà tính chất cao cả huy hoàng và bất khả tri làm cho con người tài trí thông minh nhất cũng phải cảm thấy mình nhỏ bé vô cùng. Trong khi độc đoán tự cho mình đã đạt tới tuyệt đỉnh của trí tuệ con người từ trước đến nay, xin nhà triết học hiện đại đừng tỏ ra là cho đến nay, mình vẫn còn các quan niệm tâm linh và trực giác kém hơn cả những người Hy Lạp thời xưa, đến lượt chính những người Hy Lạp này lại kém hẳn các triết gia Ãryan Đông phương thời cổ. Khi được thấu triệt về mặt triết học, thì Vật hoạt luận (Hylozoism) chính là khía cạnh cao siêu nhất của thuyết Phiếm Thần. Đó là đường lối duy nhất giúp chúng ta có thể thoát khỏi chủ nghĩa vô thần ngu xuẩn dựa vào tính cách duy

vật "chết người" và các quan niệm thần nhân đồng hình còn ngu xuẩn hơn nữa của các tín đồ Độc Thần; Vật hoạt luận đứng giữa hai chủ nghĩa này trên cơ sở hoàn toàn trung lập của riêng mình. Vật hoạt luận *chủ trương* Tư Tưởng Thiêng Liêng tuyệt đối đang *thấm nhuần* vô số Thần lực tác động, sáng tạo, tức các "Đấng Sáng Tạo" – đó là các *Thực Thể* bị Tư Tưởng Thiêng Liêng phát động, chúng tồn tại nơi, từ và xuyên qua Tư Tưởng Thiêng Liêng; tuy nhiên, Tư Tưởng Thiêng Liêng chẳng có liên hệ cá nhân gì với chúng (hay các sự sáng tạo của chúng) hơn là Mặt trời có liên hệ riêng với hoa hướng dương và các mầm mống của nó, hay là giới thực vật nói chung. Người ta tin tưởng và biết rằng các "Đấng Sáng Tạo" tác động đó tồn tại, và *Chơn Nhơn* nơi nhà Huyền bí tri giác và cảm nhận được. Do đó, nhà Huyền bí mới bảo rằng chúng ta không thể cho rằng một Đấng Thánh Linh Tuyệt Đối, ắt phải là vô điều kiện và bất lệ thuộc, mà đồng thời là một vị Thần duy nhất sống động, sáng tạo và chủ động, vì như thế lý tưởng ấy sẽ tức khắc bị suy đồi. ([1]) Một Đấng Thánh Linh biểu lộ trong *Không gian* và *Thời gian* – hai thứ này chỉ là hai dạng dưới CÁI ĐÓ vốn là TỔNG THỂ Tuyệt Đối – bất quá chỉ có thể là một phần của Tổng Thể. Và vì "Tổng Thể" này có bản chất tuyệt đối bất khả phân ly nên Đấng Sáng Tạo (theo chúng tôi thì đó là các Đấng Sáng Tạo)

[1] Quan niệm và định nghĩa Tuyệt Đối của Hồng Y Giáo Chủ Cusa chỉ có thể thỏa mãn được tâm trí Tây phương, nó đã bị giam hãm trong chính mình và hoàn toàn bị thoái hóa do hàng thế kỷ dài ngụy biện của thần học và triết lý kinh viện. Nhưng "triết thuyết hiện đại về tuyệt đối" này, mà William Hamilton truy nguyên tới tận Cusa, chẳng bao giờ thỏa mãn được tâm trí sắc sảo hơn về mặt siêu hình của tín đồ phái Veda Ấn Độ.

được cảm nhận ấy bất quá cùng lắm chỉ có thể là khía cạnh của Tổng Thể thôi. Nếu vẫn dùng ẩn dụ nêu trên – nó không thỏa đáng khi dùng để diễn đạt trọn vẹn ý niệm, song lại rất thích hợp với trường hợp đang xét – thì các Đấng Sáng Tạo này giống như nhiều tia sáng của mặt trời, nó vẫn không quan tâm đến và không có ý thức gì về công việc; trong khi đó, cứ mỗi mùa xuân (lúc bắt đầu Chu kỳ Khai Nguyên của Trái Đất) các tia sáng lại biến thành các phương tiện để làm đơm bông kết trái và khơi hoạt sinh lực hôn thụy (the dormant vitality) vốn có sẵn trong Thiên Nhiên và vật chất biến phân của nó. Ngay từ thời xưa, người ta đã hiểu rõ điều này đến nỗi mà ngay cả triết gia chỉ mộ đạo một cách vừa phải như Aristotle cũng phải nhận xét rằng công việc sáng tạo trực tiếp như thế hoàn toàn không thích hợp với Thượng Đế. Plato và các triết gia khác cũng dạy y như vậy: Thượng Đế không thể nhúng tay vào việc sáng tạo [đích thân tạo ra
167 vạn vật]. Cudworth gọi điều này là "Vật hoạt luận". Laertius tin rằng Hoàng Đế Zeno thời xưa đã bảo rằng :

> Thiên Nhiên là một thói quen tự vận động theo các nguyên tắc mầm mống; nó hoàn thiện và bao hàm nhiều điều mà nó đã tạo ra vào những lúc nhất định, và tác động theo cái đã tiết ra nó.([1])

Nay chúng ta trở lại đề tài của mình, dừng lại suy gẫm nó. Thật vậy, nếu đã có sự sống thực vật trong các thời kỳ vốn có thể cấp dưỡng cho các yếu tố độc hại lúc bấy giờ, và nếu đã có cả sự sống động vật vốn có thể phát triển được cơ cấu thủy sinh bất chấp giả sử là oxygen rất khan hiếm, thì tại sao lại không thể có sự sống của con người, dưới dạng vật chất sơ khai, nghĩa là trong một giống người thích ứng với địa kỷ đó cùng với môi trường sinh hoạt của nó? Vả lại, khoa học cũng

[1] Hệ Thống Trí Tuệ, của Cudworth, I, 328.

thú nhận rằng nó chẳng biết gì về kỳ gian thực sự của các địa kỷ.

Nhưng vấn đề chính yếu đối với chúng ta là liệu có hoàn toàn chắc chắn rằng từ lúc cái gọi là Thời đại Vô sinh đến nay đã từng có một bầu khí quyển như các nhà vạn vật học giả định chăng. Không phải nhà vật lý nào cũng tán thành ý kiến này đâu. Nếu tác giả nóng lòng muốn dùng khoa học chính xác để tổ chức cho các giáo điều của Giáo Lý Bí Nhiệm, thì dựa vào sự thừa nhận của hơn một nhà vật lý học, đâu có khó gì mà chứng tỏ là bầu khí quyển đã chẳng thay đổi bao nhiêu – nếu không muốn nói là chẳng thay đổi gì hết – từ khi các đại dương bắt đầu đông đặc, nghĩa là từ Địa kỷ Laurent, Thời đại Hỏa thạch. Dù sao đi nữa, đó cũng là ý kiến của Blanchard, S. Meunier, thậm chí cả Bischof nữa, các thí nghiệm của Bischof với đá huyền vũ (basalts) đã chứng tỏ điều này. Đó là vì, nếu chúng ta lắng nghe ý kiến của đa số nhà khoa học về số lượng các chất hơi chết người và các nguyên tố hoàn toàn bão hòa carbon và Nitrogen mà người ta chứng tỏ là các giới thực vật và động vật đã sống, sinh sôi nảy nở và phát triển trong đó, thì người ta ắt phải đi tới một kết luận kỳ cục là vào thời đó, đã có những đại dương acid carbonic lỏng thay vì nước. Với một yếu tố như vậy, chúng ta cũng nghi ngờ chẳng biết liệu loài cá vảy láng (ganoids), hoặc thậm chí loài tam điệp trùng nguyên sơ, có thể sống được trong các đại dương của thời Đệ nhất kỷ không, chứ đừng nói tới sống trong các đại dương do kỷ Silua như Blanchard đã chứng tỏ.

Tình trạng sinh hoạt cần thiết cho Chủng tộc đầu tiên của nhân loại không cần có những nguyên tố thiên nhiên, dù đơn thuần hay kết hợp. Những gì đã được phát triển từ lúc đầu

vẫn được xác nhận. Thực Thể tâm linh vô sắc tướng sống trong Không gian bao la vô tận trước khi đốm đản bạch chất đầu tiên tượng hình trong Biển Vật Chất tiên thiên của Vũ Trụ hàng tỷ năm trước khi quả Địa Cầu được hình thành, cũng không cần đến "nguyên tố". Vị Thủy Tổ xương mềm không cần đến chất vôi và chất lân vì vị ấy vốn không xương (trừ phi nói với nghĩa bóng). Một mặt, thậm chí đến những sinh vật cấu tạo bằng nguyên sinh chất, dù cho rằng bộ phận của chúng đơn thuần đến mức nào, vẫn cần có những hoàn cảnh vật chất thuận lợi để giúp cho sự tiến hóa của chúng. Mặt khác, Nhân vật trở nên Con người Sơ khai và "Cha của Loài người", sau khi đã tiến hóa trên những cõi mà khoa học không thể biết đến, vẫn có thể bất khả xâm phạm đối với mọi tình trạng khí hậu và không hề chịu ảnh hưởng của thời tiết chung quanh. Trong tác phẩm Popol Vuh cảu Brasseur de Bourbourg, vị Thủy Tổ - theo các huyền thoại Mễ Tây Cơ – Ngài có thể hoạt động và sống dưới nước và dưới mặt đất cũng dễ dàng như trên mặt đất, chỉ tương ứng với Giống dân thứ Hai và Giống dân sơ khai thứ Ba trong các kinh điển của chúng ta. Và nếu ba giới trong Thiên Nhiên lại quá khác nhau như vậy trong các thời tiền đại hồng thủy, thì tại sao con người lại không thể đã được hợp thành bởi các vật liệu và các tổ hợp nguyên tử mà khoa vật lý học nay đang hoàn toàn không biết? Theo các giả thuyết khoa học, hầu hết vô số loại cây cỏ và thú vật mà ngày nay chúng ta biết, đều phát triển từ các dạng nguyên sơ và kém hữu cơ hơn nhiều. Tại sao cũng điều ấy lại không xảy ra trong trường hợp con người, các nguyên tố và các thứ khác? Giảng lý dạy:

Sự Sáng Thế khởi đầu từ Nhất Nguyên, phân hóa thành Tam Nguyên, rồi tới Ngũ Nguyên và đạt tột đỉnh nơi Thất Nguyên, rồi lại trở về thành ra Tứ Nguyên, Tam Nguyên và Nhất Nguyên.

ĐOẠN KINH 7
NGUỒN GỐC SIÊU LINH CỦA CÁC CHỦNG TỘC ĐẦU TIÊN
(FROM THE SEMI-DIVINE DOWN TO THE FIRST HUMAN RACES)

24. Vì kiêu ngạo, các Đấng Sáng Tạo Thượng Đẳng bác bỏ các hình hài mà các "Con của Yoga" đã phát triển. 25. Họ sẽ không lâm phàm trong giống dân "Noãn sinh" sơ khai. 26. Họ tuyển chọn những người Bán thư bán hùng sau này. 27. Con người đầu tiên có trí tuệ.

24. CÁC ĐỨA CON CỦA MINH TRIẾT, CÁC CON CỦA ĐÊM TỐI, (XUẤT PHÁT TỪ THÁNH THỂ BRAHMÃ TRONG CHU KỲ HỦY DIỆT) ĐÃ SẴN SÀNG TÁI SINH, GIÁNG HẠ. CÁC VỊ NHÌN THẤY NHỮNG HÌNH HÀI XẤU XA CỦA BA GIỐNG DÂN ĐẦU TIÊN VÔ TRI GIÁC (a). CÁC TINH QUÂN PHÁN: "CHÚNG TA CÓ THỂ CHỌN LỰA. VÌ CHÚNG TA CÓ MINH TRIẾT". VÀI VỊ NHẬP VÀO CÁC BÀO ẢNH. MỘT SỐ PHÓNG CHIẾU RA MỘT ĐỐM LỬA. MỘT SỐ HOÃN LẠI CHO TỚI GIỐNG DÂN THỨ TƯ. TỪ CÁI TINH HOA RIÊNG BIỆT CỦA MÌNH CÁC VỊ TĂNG CƯỜNG THỂ CẢM DỤC. CÁC ĐẤNG ĐÃ NHẬP VÀO TRỞ THÀNH BẬC LA HÁN. CÁC ĐẤNG CHỈ NHẬN CÓ MỘT ĐỐM LỬA VẪN CÒN CHƯA HIỂU BIẾT. ĐỐM LỬA CHỈ LE LÓI (b). GIỐNG DÂN THỨ BA VẪN CÒN VÔ TRÍ. CÁC CHƠN THẦN CỦA HỌ CHƯA SẴN SÀNG. NHỮNG NGƯỜI NÀY ĐƯỢC XẾP LOẠI RIÊNG TRONG SỐ BẢY GIỐNG NGƯỜI BAN SƠ. CHÚNG TRỞ THÀNH NHỮNG KẺ CÓ ĐẦU HẸP. GIỐNG DÂN THỨ BA ĐÃ SẴN SÀNG, CÁC HỎA TINH QUÂN [VÀ U MINH TINH QUÂN] PHÁN: "CHÚNG TA SẼ NGỰ TRONG CÁC HÌNH HÀI NÀY (c)".

ĐOẠN KINH này chứa đựng chìa khóa giải đáp những bí hiểm của điều ác, cái gọi là sự Sa đọa của các Thiên Thần, và nhiều vấn đề đã làm nhức óc các triết gia từ khi mà con người bắt đầu có trí nhớ. Nó giải đáp bí quyết của những sự bất đồng về khả năng của trí tuệ, thân thế hay địa vị xã hội của con người và đưa ra những giải thích hợp lý cho sự tác động mầu nhiệm của nghiệp quả trải qua những thế hệ thời gian tiếp theo sau. Xét về đề tài này có nhiều điều khó hiểu, nên nay chúng ta thử đưa ra lời giải thích tỉ mỉ nhất mà chúng ta có thể trình bày.

a. Kể từ trước cho đến cuộc Tuần hoàn thứ Tư và chí đến giai đoạn của Giống dân thứ Ba trong cuộc Tuần Hoàn hiện tại, con người chỉ là một động vật về phương diện trí tuệ (nếu có thể miễn cưỡng dùng tạm chữ *Con Người* để chỉ những hình thể luôn luôn thay đổi lớp bọc ngoài các Chơn Thần trong ba cuộc Tuần hoàn đầu tiên và hai Giống dân rưỡi đầu tiên của cuộc Tuần Hoàn hiện tại. Chỉ có trong *giai đoạn giữa* của cuộc Tuần Hoàn hiện tại, con người mới hoàn toàn phát triển Nguyên khí thứ Tư như một thể thích nghi cho Giống dân thứ Năm. Nhưng Thể Trí (Manas) chỉ được tương đối phát triển hoàn toàn trong cuộc Tuần Hoàn tới, chừng đó, nó sẽ có đủ cơ hội để trở nên hoàn toàn thiêng liêng siêu phàm cho đến khi chấm dứt chu kỳ sinh hoạt của Dãy Địa Cầu hiện tại. Trong Horae Hebraicae v.v.., tín đồ Thiên Chúa giáo Schoettgen cho rằng Adam thế tục đầu tiên "chỉ có sinh khí" – *Nephesh, chứ không phải Linh Hồn sống động.*

b. Đấy có nghĩa là những Giống dân *thấp kém,* ngày nay vẫn còn di tích vài giống người tương tự, như những bộ lạc thổ dân Úc Châu, nay đã suy tàn, vài bộ lạc thổ dân ở Phi Châu và ở các hải đảo Thái Bình Dương. "Họ chưa sẵn sàng" nghĩa là những điểm Chơn Thần này, vì lý do nghiệp quả,

chưa phát triển đúng mức thích nghi để khoác lấy hình thể con người được đầu thai vào các Giống dân có trí tuệ mở mang hơn. Điều này sẽ được giải thích sau.

c. Cái mà kinh Zohar gọi là những "Lửa Đen" có nghĩa là Ánh Sáng Minh Triết Tuyệt Đối. Nếu có kẻ nào bị thành kiến thần học cổ hủ thúc đẩy phát biểu rằng: các A Tu La là các Thiên Thần nổi loạn, *đối thủ của Thần Linh* – do đó là Ma Quỷ và các Vong linh tà vạy – xin đáp: "Nội môn Bí giáo không thể thừa nhận là bản thân thiện hay ác có thể tồn tại độc lập trong Thiên Nhiên. Xét về Vũ Trụ, chúng ta thấy cả hai đều có nguyên nhân là cần có các điều đối lập; còn xét về con người, nguyên nhân ở nơi bản chất của y là vô minh và đam mê. Không có ma quỷ hoặc là những kẻ cực kỳ tồi bại, vì không có các Thiên Thần toàn thiện toàn mỹ, mặc dù có thể có các Chơn Linh Quang Minh và các Vong Linh U Minh. Vì
170 vậy, LUCIFER – Chơn Linh Giác Ngộ Trí Tuệ và Tự Do Tư Tưởng – xét về mặt ẩn dụ chính là ngọn hải đăng soi đường chỉ lối cho con người băng qua vùng đá nhấp nhô và những bãi cát tối tăm của Cuộc đời, vì Lucifer có khía cạnh cao là Thiên Đạo, còn khía cạnh thấp là đối thủ của Ngài, cả hai đều được phản ánh nơi Chơn Ngã của chúng ta. Đề cập tới Bản chất của Đức Christ, Lactantius cho rằng Thiên Đạo (Logos), Huyền Âm là "*anh cả của Quỷ Vương và anh cả của vạn sinh*".[1]

Kinh Vishnu Purãna mô tả các tạo vật bản sơ (Tiryaksrotas) này có các ống tiêu hóa cong queo:

[1] Inst, Div, Quyển II, viii; được trích trong Qabbalah của Myer, trang 116.

Chúng được phú cho những biểu lộ bên trong, nhưng không biết nhau về *chủng loại và bản chất.*[1]

Hai mươi tám loại Badhas hay là "khuyết điểm", không hề áp dụng (như Wilson đã lầm tưởng) cho các con thú mà nay chúng ta biết – chúng đã được ông phân biệt rõ – vì chúng không thể tồn tại trong các địa kỷ này. Trong tác phẩm vừa nêu, điều này hoàn toàn rõ rệt, vật được tạo ra trước tiên là tạo vật bất động "ngũ phân"([2]), tức loài khoáng vật và thực vật, rồi tới các con vật huyền hoặc (Tiryaksrotas, các con quái vật dưới vực thẳm, bị các "Tinh Quân" trong các ĐOẠN KINH 2 và 3 giết chết; rồi tới Ũrdhvasrotas, các thực thể thiêng liêng hạnh phúc, chuyên uống nước cam lồ; và cuối cùng là Arvãksrotas, con người, cái gọi là tạo vật thứ bảy của Brahmã. Nhưng "các cuộc sáng tạo" này, kể cả cuộc sáng tạo con người, đã không diễn ra trên Địa Cầu, dù chúng có thể đã diễn ra ở bất cứ nơi nào khác. Đấng tạo ra sự vật và con người trên Quả Đất này không phải là Brahmã, mà là Đấng Chúa Tể của các Prajãpatis, các Tinh Quân Hiện Tồn và sáng tạo ra Trái Đất. "Tuân theo lệnh của Brahmã", Daksha – tổng hợp hay tập hợp của các Thủy Tổ và các Đấng Sáng Tạo ra Trái Đất, kể cả các Pitris – chia mọi vật ra thành thượng đẳng và hạ đẳng (*vara* và *avara*) (ám chỉ putra, những hậu duệ), thành *loài hai chân* và *loài bốn chân;* sau đó dùng ý chí [ám chỉ các Con của Ý Chí và Yoga] khai sinh ra những con giống cái ([3]) - nghĩa là phân cách những kẻ bán thư bán hùng. Ở đây,

---

[1] Sách đã dẫn, Wilson, bản dịch của Fitzedward Hall, Quyển I, trang 72.

[2] Sách đã dẫn, trang 70.

[3] Như trên, Quyển II, trang 10.

chúng ta có "loài hai chân" tức là con người, được tạo ra trước loài bốn chân như trong Nội môn Bí giáo.

Vì trong các lối tường thuật ngoại môn, các A Tu La là những Thực Thể đầu tiên được tạo ra từ "Thể Đêm"("Body of Night"), trong khi các Pitris lại xuất phát từ "Thể tranh tối tranh sáng" (Twilight"); còn trong kinh Vishnu Purãna, Parãshara lại đặt chư Thần Linh giữa hai nhóm trên và chứng tỏ rằng các Ngài xuất phát từ "Thể Ngày"("Body of the Day"), nên chúng ta cũng dễ dàng khám phá ra được một ý đồ nhất định che giấu trình tự sáng tạo. Con người là tạo vật Arvãksrota xuất phát từ "thể Bình Minh" (Body of the Dawn"); ở đâu đó, người ta lại ám chỉ con người khi trình bày rằng Đấng Sáng Tạo (Brahmã) "tạo ra những thực thể hung dữ, chúng được mệnh danh là Bhũtas và loài ăn thịt", hoặc theo lối diễn đạt của kinh điển "loài yêu quỷ khủng khiếp vì
171 có màu da và ăn thịt"([1]). Trong khi đó, loài La sát thường được dịch là "các Vong linh tà vạy" và "kẻ thù của chư Thần", các danh hiệu này đồng nhất hóa với các A Tu La. Trong Rãmã-yana, khi Hanumãn đang do thám quân địch ở Lankã, y thấy ở đấy có loài La sát (Rãkshasas), một số thật là gớm ghiếc, "trong khi một số lại xinh đẹp tuyệt vời". Còn trong kinh Vishnu Purãna, người ta có đề cập trực tiếp tới việc chúng trở thành các Đấng cứu rỗi Nhân loại hay cứu rỗi Brahmã.

Ẩn dụ này thật là tài tình. Trên đời này, thông minh quá và thông thái quá là một con dao hai lưỡi; là phương tiện để hành thiện cũng như làm ác. Khi được phối hợp với lòng ích kỷ, chúng sẽ biến toàn thể nhân loại thành nấc thang để cho chủ nhân ông của chúng tiến thân, và thành một phương tiện

[1] Như trên, Quyển I, trang 83.

để cho y thành đạt được các mục tiêu của mình. Còn nếu được áp dụng vào các mục đích nhân đạo, vị tha, chúng có thể trở thành phương tiện để cứu rỗi nhiều người. Dù sao đi nữa, nếu không ngã thức và trí tuệ, con người sẽ biến thành một kẻ đần độn; một con thú trong hình dáng người. Brahmã chính là Toàn Linh Trí, vì thế, những La sát ích kỷ nhất tỏ ra muốn chiếm hữu nó hết – muốn "nuốt chửng" Toàn Linh Trí. Ẩn dụ này thật là rõ rệt.

Dù sao đi nữa, Triết học Huyền môn đồng hóa những vị Asuras, Rudras,([1]) Rãkshasas của Ấn giáo xưa và tất cả những vị "Đối lập" với các Thần minh trong các huyền thoại ẩn dụ, với những Linh Hồn đầu thai vào làm những người hãy còn khờ khạo chưa có trí khôn của Giống dân thứ Ba và làm cho họ trở nên bất tử một cách *có ý thức*. Như vậy, trong chu kỳ Đầu thai chuyển kiếp, họ là Logos (Diệu Âm, sự biểu lộ ngoại tại của ý niệm thiêng liêng) nhị nguyên thật sự tức là cái Nguyên lý Thiêng liêng lưỡng diện và đối nghịch với Con người. Câu bình luận sau đây và các ĐOẠN KINH sắp tới có thể làm sáng tỏ hơn câu kinh rất khó hiểu này, nhưng tác giả tự thấy không có đủ thẩm quyền nói rõ hết tất cả ý nghĩa. Tuy nhiên, có các đoạn kinh nói như sau về sự nối tiếp của các Giống dân:

Trước hết, các ĐẤNG TỰ HỮU đến Trái Đất này. Các vị là hiện thân của "Sự Sống Tâm Linh" phóng xuất bởi Ý CHÍ và ĐỊNH LUẬT tuyệt đối, vào lúc bắt đầu Tái sinh của các Bầu Thế giới. Những ĐẤNG ấy là những "Sishta" thiêng liêng [các vị Bàn Cổ hay Đấng Sáng Tạo và các Đấng Thủy Tổ nhân loại].

---

[1] Đức Bàn Cổ gọi các vị này (Rudras) là "ông nội"(iii, 284). Rudras là bảy biểu lộ của Rudra-shiva, "Thượng Đế Ngôi hủy diệt" và *cũng là* bậc Đại Đạo sĩ Yoga khổ hạnh.

Từ những Đấng này mới xuất phát ra:

1. *Giống dân thứ Nhất, giống người "Tự sinh", là những hình bóng bằng Thể Dĩ Thái của các vị Thủy Tổ, vốn không có trí khôn hiểu biết [trí tuệ hay ý chí] Chơn Ngã Nội Tại [hay Chơn Thần] tuy ở bên trong lớp vỏ bằng chất hồng trần, lại không có liên lạc với nó. Cái thể trung gian làm cái khoen liên lạc, tức là Thể Trí [Manas] chưa có ở đó.*

172 2. *Từ Giống dân thứ Nhất mới sinh ra Giống dân thứ Hai, gọi là giống người "Hãn sinh"*[1] *và giống người không xương. Đó là*

[1] Nếu cho rằng *sự sống* đã phát sinh ra loài người, đã khởi nguyên theo cách thức phản khoa học một cách phi lý này, thì đứng trước Nhân phổ học hiện đại, chúng ta sẽ bị tiêu diệt ngay. Tuy nhiên Nội môn Bí giáo xin đánh liều, thậm chí còn dám đi xa đến mức yêu cầu độc giả vô tư hãy so sánh giả thuyết nêu trên (nếu nó là một giả thuyết) với lý thuyết của Haeckel – nay đang nhanh chóng trở thành công lý (axiom) của khoa học – mà chúng tôi xin trích dẫn nguyên văn như sau:

"Sự sống, thế giới sống động hữu cơ đã phát khởi ra sao? Kế đến là câu hỏi đặc biệt sau đây" Loài người đã phát nguyên như thế nào? Câu hỏi thứ nhất – câu hỏi về nguồn gốc của các sinh vật – chỉ có thể được quyết định bằng thực nghiệm [!!] dựa vào bằng chứng của cái gọi là thuyết tự sinh, tức là việc tự phát tạo ra những cơ thể thuộc loại đơn giản nhất mà chúng ta có thể quan niệm được. Đó là các đơn nguyên trùng (Protogenes, Protamocba, Protomyxa, Vampyrella), tức là những khối nguyên sinh chất cực vi, không có cấu trúc hay tổ chức, chúng hấp thụ chất dinh dưỡng và *sinh sản bằng cách phân thân*. Nhà động vật học trứ danh người Anh Huxley đã tìm ra một loại đơn nguyên trùng và đặt tên nó là Bathybius Haeckellii. Nó giống như một lớp vỏ nguyên sinh chất dày đặc ở nơi sâu nhất dưới đại dương ở khoảng giữa từ 3 000 đến 30 000 bộ. *Đúng là mãi cho tới hiện nay, người ta vẫn chưa hề thực sự quan sát được dáng vẻ nguyên sơ của loài đơn nguyên trùng đó*, nhưng

chính một sự Tiến hóa như thế chẳng có chi là không thể có được". (Nhân Phổ Học, bản dịch của Aveling, trang 33).

Gần đây, nguyên sinh chất đã biến thành không phải là chất hữu cơ gì cả, song cũng không còn điều gì đáng nói nữa. Sau khi đọc điều này, người ta cũng chẳng cần mất công bắt bẻ lời khẳng định thêm nữa rằng: "Trong trường hợp đó chắc chắn là (đối với tâm trí của Haeckel và những kẻ giống như ông) con người cũng đã phát sinh từ loài động vật hữu nhũ hạ đẳng, loài khỉ, loài sơ khai, loài thú có túi còn sơ khai hơn nữa, loài lưỡng cư, cá, bằng cách biến đổi tiệm tiến"(trang 36)- tất cả đều được tạo ra bởi "một loại *các lực thiên nhiên tác động một cách mù quáng … không có mục tiêu, mục đích"*.

Đoạn vừa trích dẫn ở trên cũng bao hàm điều phê bình chỉ trích nó rồi. Khoa học bắt buộc phải dạy điều mà, mãi cho tới nay "*cũng chưa bao giờ được quan sát thực sự"*. Nó cũng bắt buộc phải chối bỏ hiện tượng một bản chất *thông tuệ* và một sinh lực độc lập với sắc tướng và vật chất, và thấy có lẽ việc dạy về tác động kỳ diệu của "cái lực thiên nhiên hoạt động một cách mù quáng, không có mục tiêu hoặc mục đích" lại hợp với khoa học hơn. Nếu thế thì chúng ta bắt buộc phải cho rằng các lực vật lý cơ học trong não của một vài nhà khoa học lỗi lạc đang dẫn dắt họ một cách thật mù quáng để hiến dâng lý trí và lương tri trên bàn thờ ngưỡng mộ nhau. Tại sao đơn nguyên trùng tạo ra sinh vật nguyên sơ bằng cách phân thân lại được xem là một giả thuyết rất hợp khoa học, còn một giống dân tinh anh tiền nhân loại sản sinh ra con người nguyên sơ cũng theo cách thức đó thì bị cho là điều mê tín dị đoan phản khoa học? Như thế, chẳng hóa ra là Chủ nghĩa duy vật đã chiếm độc quyền trong khoa học hay sao?

Giống dân thứ Hai, được các Đấng Bảo Tồn [Rãkshasas][1] và những vị thần chuyển kiếp [Asuras và Kumaras] ban cho Đốm Lửa (Spark) đầu tiên hãy còn sơ khai và yếu ớt [mầm trí khôn]…

Và từ giống người này mới sinh ra :

3. *Giống dân thứ Ba thư hùng lưỡng phái. Những nhóm đầu tiên của Giống dân này là những cái vỏ trống cho đến khi các vị Tinh Quân chuyển kiếp và thể nhập vào nhóm cuối cùng.*

---

[1] Các La sát mà thần học dân gian Ấn Độ xem là ma quỷ, được gọi là "Các Đấng Bảo Trì" ở phía bên kia Hy Mã Lạp Sơn. Ý nghĩa nhị phân này có nguồn gốc nơi ẩn dụ triết học, vốn được dịch theo nhiều cách khác nhau trong kinh Purãnas. Người ta nêu rõ rằng khi Brahmã tạo ra loài quỷ Dạ Xoa (Yakshas, có từ nguyên là *Yaksh*: ăn) và La sát, cả hai đều là các loại Quỷ, ngay khi ra đời, chúng đã muốn nuốt Đấng Sáng Tạo ra mình. "Trong đám đó, kẻ nào hét lên: "Đừng làm thế ! Ồ, hãy để cho Ngài nguyên vẹn [được bảo dưỡng]! được gọi là một chi La sát" (Vishnu Purãna, Wilson, Quyển I, trang 82). Kinh Bhãgavata Purãna (III, 20, 19 – 21) lại dịch ẩn dụ này khác đi như sau : "Brahmã biến mình thành ra đêm tối [vô minh] với một cơ thể". Bọn Dạ Xoa và La sát chụp lấy thể này, reo lên : "Đừng thả nó ra, nuốt nó đi !" Brahmã hét lên: "Đừng nuốt ta, thả ta ra !" Điều này dĩ nhiên là có một ý nghĩa nội tàng. "Thể Đêm" là bóng tối cũng như là bóng tối im lặng và bí mật. Nay trong hầu hết mọi trường hợp, người ta đã chứng tỏ rằng một chi La sát là các đạo sĩ Yoga, các Hiền Triết ngoan đạo và các Điểm Đạo đồ, đó là công việc khá xa lạ đối với loài Ma Quỷ. Thế rồi điều này có nghĩa là trong khi chúng ta có quyền xua tan bóng tối "Vô minh" ("ngấu nghiến nó") thì chúng ta lại phải bảo tồn chân lý thiêng liêng không cho lọt vào tay người phàm tục. Giai cấp Bà La Môn kiêu ngạo đã cho rằng: "Brahmã chỉ dành riêng cho người Bà La Môn thôi". Luận lý của *ngụ ngôn* này thật là hiển nhiên.

Giống dân thứ Hai như đã nói trên, vì cũng không có tính nam hay nữ, vào lúc khởi đầu đã sinh ra Giống dân thứ Ba thư hùng lưỡng phái bằng một phương pháp tương tự nhưng
173 phức tạp hơn. Như đã nói trong Lời bình luận, những người đầu tiên của Giống dân ấy là :*"Các con của Yoga Tiêu Cực".*[1] *Họ xuất phát từ Giống dân thứ Hai và trở nên noãn sinh trong những mùa sinh sản, thể xác của họ phóng phát ra âm noãn. Các âm noãn này giống như những hạt nhân nhỏ hình bầu tròn phát triển thành một thể lớn, giống hình quả trứng và trở nên cứng rắn dần dần, sau mỗi thời gian thai nghén, quả trứng ấy bể vỏ và con thú người tự động chui ra giống như gà vịt bây giờ.*

Trước tiên là sự sinh sản bằng phương pháp phân thân giống như loài nguyên sinh chất. Kế đó, sau một giai đoạn, là phương pháp noãn sinh như trong trường hợp các loài bò sát và loài chim, sau cùng đến loài có vú với phương pháp thai sinh.

Nếu từ ngữ "đẻ trứng thai" ("ovoviviparous") được áp dụng cho một vài loài cá và loài bò sát, vốn ấp trứng bên trong cơ thể mình, thì tại sao nó lại không thể được áp dụng cho những động vật hữu nhũ giống cái, kể cả những người đàn bà ? Tiểu noãn mà phôi phát triển trong đó sau khi thụ thai, chính là một cái trứng.

---

[1] Sự tiến hóa tuần tự của con người theo Giáo Lý Bí Nhiệm là tất cả những Giống dân về sau này có nguồn gốc thể chất trong giai đoạn đầu của Giống dân thứ Tư. Nhưng chính phụ chủng đi trước cái phụ chủng phân chia nam nữ nên mới được xem như tổ tiên tâm linh của những thế hệ hiện tại và đặc biệt nhất là của giống người phụ thuộc Chủng tộc Ãryan ở phương Đông. Đối với nhà Huyền bí, ý kiến của Weber cho rằng Giống dân Ấn Đức có trước Giống dân Ãryan Veda, thật là cực kỳ lố lăng.

Dù sao đi nữa, quan niệm này cũng còn có ý nghĩa triết học hơn quan niệm Eve sinh ra Cain với một cái nhau đột ngột được tạo ra, chỉ vì "quả táo", trong khi mà loài thú có túi (loài động vật hữu nhũ sơ khai nhất) cũng còn chưa có nhau.

Vả lại, sự tuần tự tiến hóa của những phương pháp sinh sản theo như khoa học đã tiết lộ cũng đã xác nhận những phần thuộc về nhân chủng học của Giáo lý Huyền môn. Dưới đây là diễn trình tiến hóa của các phương pháp sinh sản. ([1])

1. Phân thân (Fission)

a. Đó là cách sinh sản của điểm nguyên sinh chất đơn thuần, một điểm tự tách ra làm hai phần, như đơn nguyên trùng (moneron) hay là a-míp (amoebe)

b. Cách sinh sản của tế bào có nhân. Nhân của tế bào tách ra làm hai nhân nhỏ làm hai nhân nhỏ, mỗi nhân nhỏ này, hoặc là nảy nở trong chu vi tế bào gốc, hoặc phóng xuất ra ngoài tế bào gốc và sinh nở bên ngoài như các thực thể biệt lập (SS Giống dân thứ Nhất)

174

2. Nảy chồi (Budding)

Một phần nhỏ của cơ thể mẹ đâm chồi hay mọc mầm ra ngoài, mầm này lớn dần và sau cùng tách rời ra, tăng trưởng lên bằng cơ thể mẹ, như trường hợp của nhiều loài thảo mộc, của cây bạch đầu ông v. v.. (SS Giống dân thứ Hai).([2])

3. Bào tử (Spores)

---

[1] Nhất là so sánh với Học thuyết về Dòng dõi và Học thuyết của Darwin, của Shmidt, trang 39 và tiếp theo, và Một Tín đồ Bái Hỏa giáo Hiện đại của Laing, trang 102 – 111.

[2] Mọi tiến trình chữa bệnh và thành sẹo nơi các nhóm động vật thượng đẳng – ngay cả trong trường hợp sinh sản của tay chân bị cắt cụt của loài lưỡng cư – đều được thực hiện do sự phân thân và sự nảy mầm của các yếu tố hình thể sơ cấp.

Cơ thể mẹ phóng xuất ra một tế bào đơn độc, phát triển thành một cơ cấu đa bào (multicellular organism), tái tạo trở lại các đặc tính của cơ thể mẹ, như các loại vi khuẩn và rong rêu.

4. Thư hùng lưỡng phái (Intermediate Hermaphroditism)

Một sinh vật có cả hai tính âm dương với những bộ phận sinh dục đực và cái chứa trong một cơ thể cá biệt, như trong nhiều loại cây cỏ, côn trùng và loài ốc… (SS Giống dân thứ Hai và giai đoạn đầu của Giống dân thứ Ba).

5. Phối hợp nam nữ (True sexual Union)

(Đối chiếu giai đoạn sau của Giống dân thứ Ba).

Giờ chúng ta đến điểm quan trọng liên quan đến sự tiến hóa song hành của con người. Các Con của Minh Triết, tức các vị Spiritual Dhyanis, đã mở mang trí tuệ do sự tiếp xúc với Vật Chất, bởi vì trong những chu kỳ chuyển kiếp trước đây, các vị đã đạt tới trình độ trí thức khả quan, để trở nên những thực thể hữu ngã thức trên cõi Vật chất này. Các vị chỉ tái sinh vì lý do nghiệp quả. Các vị *thể nhập* vào những người nào đã "sẵn sàng", và trở nên những vị La Hán hay Hiền Triết như đã nói trên. Điều này cần được giải thích.

Điều ấy không có nghĩa là các Chơn Thần nhập vào những hình thể trong đó đã có sự hiện diện của những Chơn Thần khác. Đó là những Thực Thể muốn trở nên càng hữu thức hơn nữa bằng cách phối hợp với Vật Chất đã tiến triển nhiều. Tinh hoa của các vị ấy quá tinh khiết để có thể phân biệt với Tinh hoa Vũ Trụ; nhưng "Chơn Ngã" ("Egos") hay Trí Tuệ của các vị (vì các vị ấy được gọi là Mãnasaputras, nghĩa là sinh ra bởi Đại Trí Tuệ (Mahat hay Brahmã) phải trải qua những kinh nghiệm của loài người trên thế giới để trở nên hoàn toàn minh triết và để có thể bắt đầu chu kỳ tiến hóa

trên con đường phản bổn hoàn nguyên. Chơn Thần không phải là những nguyên khí riêng rẻ, hữu hạn hay lệ thuộc, mà là những tia sáng hay linh quang của cái Nguyên lý *tuyệt đối* duy nhất và đại đồng. Việc một tia nắng nối tiếp một tia khác đi xuyên qua cùng một khe hở để lọt vào căn buồng tối tăm sẽ không tạo thành *hai* tia nắng, mà chỉ là một tia tăng cường. Định luật thiên nhiên không có đặt để rằng con người phải trở nên một vị siêu nhân toàn thiện đã phát triển đầy đủ *hoàn toàn* Bảy Nguyên khí của y trước thời kỳ Giống dân thứ Bảy trong cuộc Tuần hoàn thứ Bảy. Tuy nhiên, y có đủ những nguyên khí này trong trạng thái tiềm ẩn nơi y kể từ khi mới sinh. Luật tiến hóa cũng không qui định cho y phải phát triển hoàn toàn Nguyên khí thứ Năm (Thể Trí) trước cuộc Tuần Hoàn thứ Năm. Những kẻ phát triển trí tuệ quá sớm như vậy (trên *cõi tâm linh*) trong hàng ngũ nhân loại chúng ta, là những người *bất thường*. Đó là những vị mệnh danh là những "Siêu nhân bậc Năm". Dù cho trong Giống dân thứ Bảy tới đây, vào lúc chấm dứt cuộc Tuần hoàn thứ Tư hiện tại; trong khi bốn thể thấp của chúng ta sẽ được hoàn toàn phát triển, Thể Trí cũng chỉ phát triển theo một tỷ lệ nào mà thôi. Tuy vậy, sự giới hạn đó cũng chỉ áp dụng trên địa hạt tiến hóa tâm linh. Trên cõi trần, con người đã đạt tới trình độ trí thức tột đỉnh trong thời kỳ Giống dân thứ Tư. Như vậy, những kẻ chỉ "sẵn sàng nửa chừng", những kẻ "chỉ nhận được có một đốm lửa", gồm thành phần nhân loại trung bình, còn phải sở đắc trí tuệ trong chu kỳ tiến hóa hiện tại, sau đó họ mới được sẵn sàng để tiếp nhận đầy đủ, hoàn toàn những "Đấng Con của Minh Triết" trong chu kỳ tới đây. Còn những kẻ chưa sẵn sàng, những Chơn Thần chậm tiến hóa, chưa tiến bước được bao nhiêu từ những hình thể động vật thấp kém vào lúc chấm dứt cuộc Tuần Hoàn thứ Ba, là những người mà ĐOẠN

KINH này gọi là những kẻ "óc hẹp". Điều này giải thích những trình độ trí thức khác nhau giữa những chủng tộc ngay trong hiện tại, thí dụ sự sai biệt về trí khôn giữa người dã man sống trong rừng rậm với người Châu Âu hiện nay. Các bộ lạc dã man này với những khả năng suy luận không cao hơn trình độ của loài thú, không phải là những phần tử không được ưu đãi hay nạn nhân của tạo hóa bất công như người ta thường nghĩ. Họ chỉ là những kẻ đến *sau cùng* trong số các điểm Chơn Thần con người "chưa được sẵn sàng", và còn phải tiến hóa trong cuộc Tuần hoàn thứ Tư hiện tại, cũng như trên ba Bầu thế giới còn lại – tức là trên bốn cõi sinh hoạt khác nhau – để đạt tới trình độ của hạng người trung bình khi họ bước vào cuộc Tuần hoàn thứ Năm. Đến đây có một điểm lý thú được nêu ra để làm tài liệu suy gẫm về vấn đề này. Chơn Thần của những thành phần thấp kém nhất trong nhân loại – chẳng hạn các giống người dã man óc hẹp ở các hải đảo miền Nam Thái Bình Dương, Phi Châu, Úc Châu – *không có Nghiệp Quả phải thanh toán khi họ mới sinh ra làm người lần đầu tiên như là những người được ưu đãi về phần trí tuệ*. Họ chỉ bắt đầu gây Nhân tạo Quả từ lúc này trở đi mà thôi. Còn các giống người đã mở trí thông minh, đang mang trên vai
176 những gánh nặng Nghiệp Quả của quá khứ, hiện tại và tương lai. Về phương diện này, người dã man thấp kém lại hữu phước hơn bậc siêu tài lỗi lạc nhất của các *xứ văn minh.*

Chúng ta hãy dừng lại trước khi trình bày thêm bất kỳ giáo lý kỳ lạ nào. Chúng ta hãy ra sức tìm xem bất kỳ Thánh kinh cổ truyền nào (thậm chí cả khoa học nữa) có công nhận khả năng (hay thậm chí bổ chứng rõ rệt) các ý niệm hoang đường như trong Nhân sinh khởi nguyên luận của chúng ta đến mức nào.

Tóm lược lại những điều đã trình bày ở trên, chúng ta thấy Giáo lý Huyền môn dạy rằng: (1) Con người có một nguồn gốc sinh sản đa diện và phức tạp; (2) Đã có nhiều phương pháp sinh sản truyền giống trước khi có phương pháp thông thường; (3) Sự tiến hóa của loài động vật có vú tiếp theo sau thay vì đi trước sự tiến hóa của loài người. Điều này hoàn toàn đối nghịch với những thuyết tiến hóa và sự phát nguyên của con người từ một thủy tổ thú vật mà hiện nay người ta thường chấp nhận.

Để trả lại cho Caesar những gì của Caesar, chúng ta hãy thử xét trước hết là những cơ may dành cho thuyết nhân chủng đa nguyên trong số các nhà khoa học.

Hiện nay, đa số các nhà Tiến hóa luận theo thuyết Darwin có khuynh hướng dùng thuyết nhân chủng đa nguyên để giải thích nguồn gốc của các giống người. Tuy nhiên, về vấn đề đặc biệt này, cũng như trong nhiều trường hợp khác, các nhà khoa học lại mâu thuẫn nhau lung tung, họ đồng ý với nhau rồi lại không đồng ý.

Con người phát nguyên ra từ *một cặp duy nhất* (thuyết nhân chủng đơn nguyên) hay *nhiều cặp* (thuyết nhân chủng đa nguyên) ? Chừng nào người ta còn dám phát biểu ý kiến về những gì mà chúng ta không tài nào biết được [?] nếu không có bằng chứng [?] thì thuyết thứ hai vẫn còn khả hữu hơn nhiều.([1])

Trong tác phẩm Ngôn ngữ Khoa Học, khi luận chứng theo bằng chứng mà một nhà điều nghiên ngôn ngữ có sẵn, Abel Hovelacque cũng đạt tới một kết luận tương tự.

[1] A. Lefèvre, Triết Học, trang 498.

Trong một bài thuyết trình tại Hiệp Hội Anh Quốc, Giáo sư W. Flower nhận xét về vấn đề này như sau:

Quan điểm dường như phù hợp nhất với những gì mà nay chúng ta biết về các đặc tính và sự phân bố của các giống người .. chính là một biến thái của thuyết nhân chủng đơn nguyên [!]. Vì không muốn đi sâu vào vấn đề khó hiểu về cách thức xuất hiện đầu tiên của con người trên trần thế, nên chúng ta phải giả sử là nó có nguồn gốc rất xa xưa, dù chúng ta đo lường mọi biến cố của nó theo bất kỳ tiêu chuẩn lịch sử nào. *Nếu chúng ta đề cập tới một tài liệu cổ sinh vật học hoàn chỉnh, thì chúng ta có thể xây dựng lại lịch sử của con người, nhưng chúng ta không thể có được điều gì liên quan tới tương lai.*

Chúng ta phải xem một sự thừa nhận như vậy là chí tử (fatal) đối với chủ nghĩa giáo điều của những kẻ theo thuyết tiến hóa vật chất, nó đã mở ra một phạm vi rộng rãi để cho Huyền bí học tha hồ suy lý. Các đối thủ của học thuyết Darwin đã và vẫn còn theo thuyết nhân chủng đa nguyên. Các bậc "đại trí thức" như John Crawford và James Hunt đã bàn về vấn đề này và bênh vực thuyết nhân chủng đa nguyên, và vào thời họ, chỉ tổ thuận lợi cho thuyết này vốn
177 đã thắng thế. Chỉ vào năm 1864 thì các môn đồ phái Darwin mới bắt đầu liên kết với thuyết nhất nguyên mà các ông Huxley và Lubbock đã biến thành các vị nhạc trưởng đầu tiên.

Nếu có điều thắc mắc về việc con người có trước loài thú trên trật tự tiến hóa thì đây là một sự giải đáp. Nếu con người quả thật là một Tiểu Thiên Địa, một hình ảnh thu nhỏ của Vũ Trụ thì giáo điều trên rất hợp lý. Vì con người lại trở thành Đại Vũ Trụ đối với ba giới thấp hơn. Xét về quan điểm vật chất, tất cả các lài thấp kém hơn, trừ giới khoáng thạch – vốn là ánh sáng kết tinh và cô đọng – từ loài cây cỏ đến sinh vật

có trước các động vật có vú đầu tiên, tất cả đều được củng cố trong cơ cấu thể chất của chúng bằng những "chất bụi phế thải" của các loài khoáng thạch nói trên và *chất liệu phế thải của thể xác con người, dù đó là những thể xác sống hay chết, những chất liệu phế thải này là đồ ăn dinh dưỡng và chất liệu cấu tạo nên những thể xác bên ngoài của chúng.* Về phần con người, y trở nên có thể chất mạnh mẽ, cứng rắn hơn bằng cách thâu thập trở lại vào cơ thể y những gì đã phóng xuất ra. Các chất liệu này đã được biến hóa trong cơ thể động vật mà nó đi xuyên qua. Hồi thời kỳ đó, có những động vật dị kỳ mà các nhà sinh vật học hiện đại không thể tưởng tượng nổi. Những loài khỏe nhất trở thành con người thể chất thô kệch, những người khổng lồ của thời tiền sử, những kẻ cường tráng hơn là các phân thân của y. Một khi mà nhân loại thư hùng lưỡng phái đó bắt đầu có sự phân chia nam nữ và được thiên nhiên biến đổi thành những cái máy sinh sản, họ không còn truyền giống bằng cách nảy chồi mọc nhánh như trước nữa. Nhưng trong khi con người còn dốt nát, không biết gì về những quyền năng sinh sản của y trên địa hạt nhân sinh – trước khi y bị sa đọa, như kẻ tin tưởng vào Adam thường nói – tất cả mọi năng lực sinh động của y mà y gieo rắc bừa bãi xa gần, đã được thiên nhiên sử dụng để tạo nên những hình thể các loài nhũ động vật đầu tiên. Chúng ta được truyền dạy rằng cơ tiến hóa là một cái vòng *biến chuyển trường kỳ,* bất tận và Thiên Nhiên không bao giờ phí phạm chí đến một hột nguyên tử. Vả lại, từ lúc bắt đầu cuộc Tuần Hoàn. Mọi vật trong Thiên Nhiên đều có khuynh hướng tiến hóa để trở thành Người. Tất cả mọi động cơ thúc đẩy của Năng Lực lưỡng tính hướng tâm và ly tâm đều nhắm về một cái đích duy nhất đó là CON NGƯỜI. Theo Agassiz, sự tiến hóa tuần tự của các sinh vật:

Bao hàm việc càng ngày càng giống với hệ sinh vật (nhất là trong loài có xương sống) càng ngày càng giống như con người. con người là cứu cánh mà mọi động vật cần hướng vào từ khi loài cá cổ sinh nguyên sơ bắt đầu xuất hiện.([1])

Đúng vậy, nhưng "Loài cá cổ sinh" lại thuộc về vòng cung hạ đẳng của cung tiến hóa *hình hài*, thuộc cuộc Tuần Hoàn này bắt đầu bằng Con người Tinh anh, *phản ánh của chư Thiền Định Đế Quân, được gọi là các "Đấng Kiến Tạo".* Con người là *đầu và cuối của sự sáng tạo ngoại cảnh.* Trong Nữ Thần Isis Lộ Diện có nói:

Vạn vật đều bắt nguồn từ Tinh Thần – thoạt đầu, sự tiến hóa khởi đầu từ bên trên và tiến xuống dưới, thay vì ngược lại như học thuyết Darwin đã giảng dạy ([2]).

178 Do đó, khuynh hướng mà nhà vạn vật học lỗi lạc nêu trên (Agassiz) đã đề cập tới là một khuynh hướng cố hữu nơi mọi nguyên tử. Có điều là nếu người ta áp dụng nó cho cả hai phương diện tiến hóa, thì những điều quan sát được sẽ gây trở ngại lớn lao cho lý thuyết hiện đại mà nay hầu như đã biến thành định luật Darwin.

Tuy nhiên, khi chúng ta trích dẫn và tán thành đoạn trên trong tác phẩm của Agassiz, không được suy diễn rằng các nhà Huyền bí đang *chấp nhận* bất cứ điều gì của thuyết cho rằng con người phát nguyên từ giới động vật. Sự kiện rằng trong cuộc Tuần Hoàn này, con người có trước loài hữu nhũ rõ rệt là đâu có bị bài bác khi xét thấy rằng loài động vật hữu nhũ theo gót con người.

25. CÁC TRÍ TINH QUÂN (THE MÃNASA), CÁC CON MINH TRIẾT HÀNH ĐỘNG NHƯ THẾ NÀO ? CÁC VỊ LOẠI BỎ KẺ TỰ

[1] Các nguyên lý Động vật học, trang 206.

[2] Quyển I, trang 154.

SINH.(1) CHÚNG CHƯA SẴN SÀNG. CÁC VỊ CŨNG LOẠI BỎ KẺ HÃN SINH.(2) CHÚNG CHƯA HOÀN TOÀN SẴN SÀNG. CÁC VỊ KHÔNG MUỐN NHẬP VÀO KẺ NOÃN SINH ĐẦU TIÊN.(3)

Đối với một kẻ Hữu thần hoặc một tín đồ Thiên Chúa giáo, câu kinh này sẽ gợi ra ý niệm khá giống như Thần học: đó là sự Sa đọa của các Thiên Thần vì Kiêu ngạo. Tuy nhiên trong Giáo Lý Bí Nhiệm, các lý do từ chối việc lâm phàm trong các thể xác chưa được chuẩn bị sẵn sàng dường như có liên hệ với các lý do sinh lý hơn là các lý do siêu hình. Đâu phải tất cả mọi cơ thể đều đã được chuẩn bị sẵn sàng đúng mức. Các Quyền năng siêu phàm đã chọn những trái chín nhất và gạt phắt đi phần còn lại.

Do một sự trùng hợp lạ kỳ, khi chọn một tên quen thuộc cho lục địa mà một người Bán thư bán hùng đầu tiên (Căn chủng thứ Ba) phân chia giới tính trên đó, dựa vào các nhận xét về địa lý, tác giả đã chọn danh xưng "Lemuria" do ông P.L. Sclater chế ra. Chỉ sau này khi đọc tác phẩm Nhân Phổ Học của Haeckel thì mới phát giác ra rằng "Nhà Thú dục luận" ("Animalist") người Đức ấy đã chọn danh xưng này cho lục địa mới đây của mình. Ông đã truy nguyên – một

---

1 Không xương.

2 Kẻ Hãn sinh đầu tiên. Điều này được giải thích trong Tiết tiếp theo các ĐOẠN KINH trong ẩn dụ kinh Purãnas liên quan tới Kandu, bậc thánh hiền, và Pramlochã, nữ thần đã bị gán tội là thôi miên Ngài. Xét về mặt khoa học, đó là một ẩn dụ rất gợi ý, vì các giọt mồ hôi mà nàng tiết ra là biểu tượng của các lỗ chân lông trong khoa học.

3 Điều này sẽ được giải thích sau. Việc không sẵn lòng tạo ra con người được tượng trưng trong kinh Purãnas bởi việc Dakshas giao tiếp với đối thủ Nãrada, vị tu sĩ khổ hạnh.

cách thỏa đáng – trung tâm tiến hóa của nhân loại tới tận Châu Lemuria, chỉ sửa đổi một chút về mặt khoa học. Khi đề cập tới nó như là "cái nôi của loài người", ông đã phác họa sự biến hóa dần dần của loài động vật hữu nhũ giống người thành ra con người dã man nguyên sơ !! Lại nữa Vogt còn cho rằng ở Châu Mỹ, con người phát nguyên từ một chi của loài khỉ mũi dẹt *độc lập* với các dòng dõi gốc của Á Châu và Phi Châu phát nguyên từ loài khỉ mũi dưới của Cựu Thế giới. Như thường lệ, các nhà nhân loại học đều bất đồng ý kiến với nhau về vấn đề này cũng như là nhiều vấn đề khác. Chúng ta sẽ xem xét phát biểu này dưới ảnh hưởng của Nội môn Bí
179 giáo trong ĐOẠN KINH 8. Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy dành ra chút ít thì giờ để quan sát tới nhiều cách thức sinh sản liên tiếp khác nhau theo các định luật tiến hóa.

Chúng ta hãy bắt đầu bằng cách thức sinh sản của các phân chủng sau này của Giống dân thứ Ba. Đó là những người thấy mình được phú cho "Linh Hỏa" phát xuất từ Điểm Linh Quang của Đấng cao siêu hơn và độc lập, các Đấng này là các Tổ Phụ, Tinh Thần và Tâm Linh của Con Người, chẳng khác nào các Đấng Pitris Devatãs (Pitris) hạ đẳng là Tổ Phụ của thể xác y. Giống dân thứ Ba thánh thiện ấy gồm những người mà khi phát triển tột đỉnh, được mô tả là "những người khổng lồ", cao ngất ngưỡng và đẹp đẽ như thiên thần, bao hàm mọi bí nhiệm trong Trời Đất. Như vậy, nếu lâm phàm là *sa đọa* thì các Ngài có bị "Sa đọa" chăng ?

Xong ngay ! Về phần các vị này, chúng ta phải lưu ý là các vị Thần Linh và Anh hùng chính yếu của Giống dân thứ Tư và thứ Năm cũng như thời xưa, đều là *những hình ảnh được thần thánh hóa của những người thuộc Giống dân thứ Ba này*. Những hậu duệ của họ vẫn còn khắc sâu trong tâm khảm cái thời mà họ còn trinh nguyên về mặt tâm lý rồi tới thời của cái

gọi là sự Sa đọa của họ. Vì thế, trong các tiểu sử do hậu thế soạn ra, bản chất nhị phân của các vị thần linh này (cả đức hạnh lẫn tội lỗi) đều được đề cao tột độ. Họ là các Giống dân Thiêng liêng *Tiền Adam* mà theo quan điểm của thần học, đều là các "giống dân Cain bị trù", thế mà ngay cả thần học bây giờ cũng quan tâm tới họ.

Nhưng trước hết, chúng ta phải giải quyết tác dụng của các vị "Tổ Phụ Thiêng Liêng" của giống dân đó. Chúng ta phải giải thích một điều rất khó hiểu và bí hiểm liên quan đến Câu kinh 26 và 27.

26. KHI NHỮNG KẺ HÃN SINH ĐÃ TẠO RA NHỮNG KẺ NOÃN SINH LƯỠNG PHÁI. ([1]) NHỮNG GIỐNG NGƯỜI KHỎE MẠNH, CÓ XƯƠNG, CÁC ĐẤNG MINH TRIẾT PHÁN: "BÂY GIỜ CHÚNG TA HÃY SÁNG TẠO".

---

[1] Giống dân thứ Ba. Giáo sư Schmidt (nhà Tiến hóa luận) ám chỉ "sự kiện phân chia giới tính, từ đó phát sinh ra các giống loài đã từng có lúc bán thư bán hùng, tất cả (dĩ nhiên là trừ những kẻ tin vào sự sáng tạo) đều chắc chắn là nhất trí" (Học Thuyết về Dòng dõi và Thuyết Darwin, trang 159). Đó đúng là bằng chứng không thể chối cãi được rút ra từ sự hiện diện của các cơ quan sơ cấp. Ngoại trừ các vết tích rành rành như thế của một thuyết bán thư bán hùng nguyên sơ, chúng ta có thể lưu ý sự kiện sau đây do Laing đưa ra: "việc nghiên cứu phôi thai học … chứng tỏ rằng trong các loài động vật cao cấp giống người, sự phân biệt vẫn chưa phát triển, nếu như các phôi chưa đạt được một sự tăng cường đáng kể nào". (Một Tín đồ Bái Hỏa Giáo Hiện Đại, trang 106). Định Luật Trì Hoãn (the Law of Retardation) – cũng có tác dụng trong trường hợp những giống người, các loài thú v.. v…khi một kiểu mẫu cao cấp đã từng tiến hóa – vẫn còn duy trì sự bán thư bán hùng là cách thức sinh sản của đa số cây cỏ và nhiều loại động vật hạ đẳng.

Tại sao "bây giờ" mà không sớm hơn? Điều này được giải thích trong Câu kinh sau đây.

27. GIỐNG DÂN THỨ BA ĐÃ TRỞ THÀNH HIỆN THỂ (VÃ HAN) CỦA CÁC ĐẤNG MINH TRIẾT. NÓ TẠO NÊN NHỮNG "CON CỦA Ý CHÍ VÀ YOGA", BẰNG PHƯƠNG PHÁP KRIYÃSHAKTI, NÓ TẠO NÊN CÁC VỊ ẤY, CÁC CHA THÁNH THIỆN, THỦY TỔ CỦA CÁC VỊ LA HÁN…

180 Các vị *sáng tạo* bằng cách nào, bởi lẽ các "Đấng Minh Triết" cũng giống như các vị Thiên Thần của Ấn giáo là những vị "từ chối" không chịu sáng tạo? Hẳn các vị là những Đấng Kumãras trong Thánh kinh Purãnas của Ấn giáo, những vị Con Cả của Brahmã.

Do Đấng Sáng Tạo sinh ra trong điềm tĩnh, thanh thản vô dục vọng, và do đó cũng là những vị khiết bạch, đầy minh triết thánh thiện và không muốn truyền giống ([1])

Quyền năng mà các vị sử dụng để sáng tạo, trước hết lại chính là cái đã làm cho các vị bị sa đọa từ một địa vị cao cả xuống vị trí của những Ác Thần, của Quỷ Satan và đồng bọn, và chính những ác thần, ác quỷ cũng lại do óc tưởng tượng bệnh hoạn của những tín ngưỡng mê muội, dị đoan tạo ra. Quyền năng sáng tạo ấy gọi là Kriyãshakti, một quyền năng thần bí và thiêng liêng tiềm ẩn trong ý chí của mọi người. Quyền năng ấy nếu không được thức động, khêu gợi cho sống dậy hay phát triển bằng phương pháp tu luyện Yoga, sẽ ngủ yên trong đại đa số người và bị mai một tàn tạ. Quyền năng ấy được giải thích trong tập tài liệu nhan đề "Mười hai cung Hoàng Đạo" như sau:

Kriyãshakti là quyền năng bí nhiệm của tư tưởng có thể tạo nên những hiện tượng ngoại tại, cụ thể do cái năng lực tiềm ẩn, nội tại

[1] Vishnu Purãna, Wilson, Quyển I, trang 100 – 102.

của nó. Cổ nhân cho rằng mọi ý niệm sẽ biểu lộ ra bên ngoài dưới hình thức cụ thể nếu người ta tập trung tư tưởng hay ý chí mãnh liệt vào ý niệm ấy. Cũng y như thế, một sự mong ước mãnh liệt sẽ gây nên kết quả mong muốn.

Người Yogi thường tạo nên những hiện tượng phi thường bằng những quyền năng ý chí hay quyền năng tư tưởng.

Bằng cách đó, Giống dân thứ Ba đã tạo nên những vị mệnh danh là CON CỦA Ý CHÍ VÀ CON CỦA YOGA hay những vị Tổ Tiên – Tổ Tiên Tâm Linh – của tất cả những vị La Hán hay Đại Thánh (Mahãtmã) hiện tại và tương lai do bởi một phương pháp hoàn toàn *vô nhiễm.* Các vị này thực sự là được sáng tạo, chứ không phải sinh sản như những người Giống dân thứ Tư. Những người này được sinh sản bàng cách phối hợp sau khi có sự phân chia nam nữ, gọi một cách ẩn dụ là sự "Sa Đọa của Con Người". Vì Sáng Tạo chỉ là kết quả của Ý Chí tác động trên Vật Chất hiện tượng làm thức động và biểu lộ ra ngoài *Ánh Sáng* Thiêng Liêng Nguyên Thủy và *Sự Sống* Trường Cửu. Các vị ấy là cái "Mầm giống Thánh thiện" của những Vị cứu rỗi tương lai của Nhân loại.

Ở đây, chúng ta lại phải tạm dừng để giải thích một vài điều khó hiểu (có rất nhiều điều khó hiểu). Hầu như không thể tránh được một sự gián đoạn như vậy.([1])

Đó là trật tự tiến hóa của những Chủng tộc Loài người trong quyển 5 của Thiên Bình Luận và được nêu ra :

---

[1] Muốn biết các điều giải thích và một lối tường thuật triết học và bản chất Thực Thể này mà nay bị xem là các vong linh nổi loạn "gian tà", các Đấng dùng Kriyãshakti (Quyền năng hiệu động) để Sáng tạo, xin độc giả hãy tham khảo các chương bàn về "Thần thoại và 'Thiên Thần Sa Đọa' dưới nhiều khía cạnh khác nhau" trong Phần 2, Tiết 4, Quyển 4.

Giống dân thứ Nhất là Hình Bóng (1); Giống dân thứ Hai là "Hãn Sinh" (2); Giống dân thứ Ba là Giống người "Noãn sinh" và những Cha thánh thiện sinh ra bằng quyền năng ý chí (3); Giống dân thứ Tư là con trẻ của Hoa Sen (Padmapãni) (4).

181 Dĩ nhiên các cách thức sinh sản nguyên sơ như thế - bằng sự tiến hóa của hình ảnh mình, bằng cách rịn ra các giọt mồ hôi, sau đó bằng Yoga và rồi bằng cái mà người ta sẽ xem là pháp thuật (Kriyãshakti) – ngay từ đầu đã bị xem là các chuyện thần tiên. Tuy nhiên, từ đầu chí cuối, thực ra cách sinh sản này đâu có gì là phép lạ, cũng đâu có gì không thể chứng tỏ là tự nhiên. Chúng ta phải chứng tỏ điều này.

1. Cách sinh sản Hình bóng, tức cách sinh sản nguyên sơ vô giới tính đó có thể nói là Giống dân thứ Nhất đã *rịn ra* từ cơ thể của các Đấng Pitris – đã được ám chỉ trong một ẩn dụ trong kinh Purãnas. ([1]) Đó là câu chuyện ẩn dụ tuyệt vời về Sanjnã, con gái của Vishvakarman, kết hôn với Mặt Trời. Vì "không chịu nổi sức nóng của Phu quân", nàng trao lại cho Ngài Chhãyã (hình bóng, thể phách) của mình còn chính nàng lại năng lui tới rừng rậm để thi hành các nghi lễ sùng đạo tức Tapas. Vì giả sử rằng, hình bóng là vợ mình, Mặt Trời cũng đã sinh ra cũng như Adam với Lilith – một *hình bóng tinh anh* như trong thần thoại, mặc dù đó là con quái vật cái sống động thực sự cách đây hàng triệu năm.

Nhưng có lẽ ví dụ này chẳng chứng tỏ được bao nhiêu, trừ ra sự hoang tưởng tràn lan của các tác giả kinh Purãnas. Chúng ta cũng có sẵn một bằng chứng khác. Nếu thay vì biến đi, các hình hiện ra – mà đôi khi chúng ta thấy xuất ra khỏi cơ thể của một vài đồng tử - lại có thể được cố định và làm cho

[1] Vishnu Purãna, quyển III, chương ii.

rắn chắc, thì sự sáng tạo ra Giống dân thứ Nhất ắt trở nên hoàn toàn dễ hiểu. Loại sinh sản này không thể không gợi ý cho môn sinh. Sự bí nhiệm cũng như tính chất bất khả hữu của một cách thức sinh sản như thế chắc chắn là chẳng có gì lớn hơn – trong khi mà nó còn dễ hiểu hơn nhiều đối với tâm trí của nhà tư tưởng siêu hình chân chính – bí nhiệm về sự thụ thai, sự thai nghén và sự sinh ra một đứa trẻ như chúng ta đã biết hiện nay.

Nay chúng ta bàn tới sự bổ chứng kỳ diệu và ít được thấu hiểu trong kinh Purãnas bàn về giống người Hãn sinh.

2. Kandu là một bậc hiền triết và một đạo sĩ Yoga nổi bật về minh triết thánh thiện và sự khổ tu sùng đạo. Những điều đó rốt cuộc đã khơi dậy sự ganh tỵ của chư Thiên; trong các Thánh kinh Ấn giáo, chư Thiên được trình bày là tranh chấp liên miên với các tu sĩ khổ hạnh. Indra, "Chúa Tể của các Thần" ([1]) rốt cuộc đã phái một trong các vị Apsaras (vợ của các chư Thần) tới cám dỗ bậc hiền triết. Điều này chẳng khác gì việc Jehovah phái Sarah vợ của Abraham, tới quyến rũ Pharaoh. Nhưng thật ra, chính các Thần Linh này (và vị Thần đó) họ cứ ra sức phá rối các tu sĩ khổ hạnh – phải được xem là "lũ quỷ cám dỗ" thay vì từ ngữ này được áp dụng cho các Rudras, Kumãras và A Tu La. Sự thánh thiện và trinh khiết
182 của các vị này dường như là một lời khiển trách công khai đối với các vị Thần Sở Khanh (Don Juanic Gods) của chư Thần Ấn Độ. Nhưng trong mọi ẩn dụ của kinh Purãnas, chúng ta đều thấy ngược lại mà không có một lý do nội môn nào thỏa đáng.

[1] Trong bản thảo xưa nhất của kinh Vishnu Purãna mà một Điểm đạo đồ ở miền Nam Ấn có được, vị Thần này không phải là Indra, mà là Kãma, Thần tình ái và dục vọng.

Vị Chúa Tể của các Thần, tức Indra, phái một Apsaras (nữ thần) kiều diễm tên là Pramlochã tới quyến rũ Kandu và phá rối sự sám hối của Ngài. Ngài đã thành đạt được mục đích phàm tục đó và đối với bậc Hiền Triết, "chín trăm lẻ bảy năm, sáu tháng và ba ngày" ([1]) bên cạnh người bạn đời dường như chỉ là một ngày phù du. Khi trạng thái thôi miên này chấm dứt, bậc Hiền Triết cay đắng nguyền rủa tạo vật đã quyến rũ mình; phá rối công phu sùng tín của mình. Ngài gào lên: "Hãy cút đi ! Hỡi đám ảo tưởng đê hèn !" Thế là Pramlochã khiếp vía liền bay đi; khi bay qua không khí, nàng dùng những chiếc lá cây *lau sạch những giọt mồ hôi rịn ra từ cơ thể nàng.*

Nữ thần chuyển từ cây này qua cây kia và lau khô chân tay bằng những chiếc chổi đen tuốt trên ngọn cây… đứa con mà nàng đã thụ thai với bậc Thánh Hiền rịn ra từ lỗ chân lông, đọng trên da nàng thành những giọt mồ hôi. Những chiếc lá cây đón nhận những hạt sương sống động; gió tụ tập chúng lại thành một khối: Soma [Mặt Trăng] liền bảo: "Thế này nhé, ta trưởng thành nhờ vào các tia sáng của ta; nó gia tăng kích thước dần dần, cho tới khi mà bức xạ (exhalation) còn lại trên các ngọn cây biến thành người con gái mỹ miều tên là Mãrishã".([2])

Nay Kandu tượng trưng cho Giống dân thứ Nhất. Ngài là một người con của các Đấng Pitris, vì thế Ngài không có trí

---

[1] Đây là một số liệu ngoại môn mà người ta cố tình trình bày một cách đảo điên và xuyên tạc; đó là số liệu về thời gian của chu kỳ diễn ra giữa các Giống dân thứ Nhất và thứ Hai. Trái với mọi nhà Đông phương học, không có từ ngữ nào trong bất cứ kinh Purãnas nào mà không có một ý nghĩa nội môn đặc biệt.

[2] Vishnu Purãna, Wilson, quyển II, trang 5. So sánh thêm sự quyến rũ Merlin của Vivien (theo Tennyson) đó cũng là huyền thoại giống như vậy trong truyền thuyết Ái Nhĩ Lan.

khôn; sự kiện này được ám chỉ nơi việc Ngài không thể phân biện được một thời kỳ gần một ngàn năm với một ngày; do đó Ngài tỏ ra rất dễ bị đánh lừa và mù quáng. Đây là một biến thể của ẩn dụ trong Sáng Thế Ký nói về tổ Adam. Adam sinh ra đời, như là một hình ảnh bằng đất sét, Đức Chúa Trời "phà sinh khí" vào trong hình ảnh đó, nhưng không cấp trí khôn và óc phân biện, chúng chỉ được phát triển sau khi có nếm trái Cây Tri Thức; nói cách khác khi y đã mở được Trí khôn lần đầu tiên và đã nếm trái cây và đã du nhập Trí Tuệ vào bản thân, khía cạnh trần thế của trí tuệ thật là phàm tục, song các năng lực cao nhất của nó lại liên kết nó với Tinh Thần và *Linh Hồn Thiêng Liêng*. Pramlochã là Lilith Ấn Độ của Adam Ấn Âu, còn Mãrishã, người con gái sinh ra các giọt mồ hôi tiết ra từ lỗ chân lông, chính là Giống dân hãn sinh và tượng trưng cho Giống dân thứ Hai của nhân loại.

Chính Kãmadeva, Thần tình ái và dục vọng, chứ không phải Indra – trong trường hợp này, Ngài cũng hiện diện trong kinh Purãnas – đã phái Pramlochã giáng trần. Lý luận cũng như là Nội môn Bí giáo chứng tỏ rằng nó ắt phải như thế. Đó là vì Kãma chính là Chúa Tể của các nữ thần Apsaras (Pramlochã là một trong các nữ thần đó); như thế, khi Kandu nguyền rủa nàng và hét lên: "Mi đã thi hành công tác mà vị
183 Chúa tể của thần linh giao phó, cút đi !" Ngài ắt muốn nói rằng vị Chúa tể đó là Kãma, chứ không phải là Indra mà các nữ thần Apsaras không hề thần phục. Đó là vì trong kinh Rig Veda ([1]) Kãma là hiện thân của cái cảm giác hướng dẫn và thúc đẩy tiến tới sự sáng tạo. Ngài là Chuyển động Bản sơ đang kích động NHẤT NGUYÊN sáng tạo sau khi nó biểu lộ từ Nguyên khí Trừu tượng thuần túy.

[1] Mandala x, Sũkta 129.

Thoạt tiên, dục vọng phát khởi nơi NÓ, đó là Mầm mống Nguyên sơ của trí tuệ. Khi dùng trí lực tìm tòi, các bậc Hiền Triết đã khám phá ra rằng NÓ chính là mối liên kết ràng buộc Thực Thể với Phi Thực Thể.

Một Thánh ca trong kinh Atharva Veda tán dương Kãma là một vị Thần sáng tạo tối cao và bảo:

Kãma sinh ra trước tiên. Chẳng có vị Thần linh, Tổ Phụ (Pitris) hoặc con người nào bì kịp Ngài.

Kinh Atharva Veda đồng nhất hóa Ngài với *Agni*, song lại biến Ngài thành ra cao siêu hơn vị Thần Linh đó. Tác phẩm Taitirĩya Brãhmana trình bày (ẩn dụ) Ngài là con của Dharma (bổn phận, lòng sùng đạo và công lý tôn giáo đạo đức) và Shraddhã (tín ngưỡng). Ngoài ra, Kãma còn được sinh ra từ tâm của Brahmã; do đó, Ngài chính là Ãtmabhũ (Đấng Tự Sinh Tự Tại) và Aja (Đấng Bất Sinh Bất Diệt). Việc Ngài phái Pramlochã đi có một ý nghĩa triết học sâu xa, nếu Indra phái nàng đi thì câu chuyện chẳng có ý nghĩa gì cả. Cũng như Eros trong thần thoại Hy Lạp cổ sơ có liên quan tới sự sáng tạo ra thế giới và chỉ sau đó mới biến thành Cupid tính dục, Kãma với tính cách nguyên thủy trong kinh Veda cũng vậy, tác phẩm Harivamsha trình bày Ngài là con của nữ thần Lakshmĩ, vốn cũng là thần Vệ Nữ (Venus). Như đã nói, ẩn dụ chứng tỏ là yếu tố tâm linh phát triển yếu tố sinh lý trước khi Daksha – thủy tổ của con người vật chất thực thụ - ra đời. Người ta khiến cho Daksha sinh ra từ Mãrishã, còn trước thời đó, sinh vật và con người đều được sinh ra "bằng ý chí, bằng xúc giác và bằng pháp môn yoga", như sẽ trình bày sau.

Thế thì đây là ẩn dụ bàn về cách thức sinh sản của Giống dân thứ Hai tức giống dân "Hãn sinh". Khi Giống dân thứ Ba phát triển đến mức tột cùng thì cũng như vậy.

Nhờ có các nỗ lực của Soma, các vị Prachetases, cũng là sản phẩm của đứa con trí sinh của Brahmã ([1]) đã lấy Mãrishã làm vợ. Từ các vị này (các đứa con trí sinh), họ sinh ra tộc trưởng Daksha – kinh Purãnas giải thích và nói thêm rằng Ngài cũng là một người con của Brahmã trong một Thiên kiếp trước, để đánh lạc, song cũng rao giảng chân lý.

184 3. Như vậy Giống dân thứ Ba đã được hình thành từ các giọt "Mồ hôi", sau nhiều lần biến hóa các mồ hôi này phát triển thành thân thể người ta. Điều này cũng chẳng có gì khó tưởng tượng hoặc lĩnh hội hơn sự tăng trưởng của một bào thai từ mầm mống vi ti, rồi sau đó phát triển thành một đứa trẻ và rồi thành một người to lớn. Nhưng theo Giảng lý,

---

[1] Kinh điển trình bày: "Brahmã, đang tiếp tục thiền định, sinh ra những hậu duệ trí sinh có các hình hài và năng lực thoát thai từ bản chất sắc tướng của Ngài, cái *chơn linh hiện thân,* được tạo ra từ con người (tứ chi, *gãtra)* của vị Thần Linh toàn triết (Dhĩmat)". Tất cả các vị này đều là trú sở của ba tính chất" của Devasarga, tức sự sáng tạo thiêng liêng; với vai trò là sự sáng tạo ngũ phân, *nó không hề có tri giác tỏ tường phản ánh* và có bản chất đần độn. "Nhưng vì bản thân họ *không chịu sinh sôi nảy nở* nên Brahmã mới sáng tạo ra những đứa con trí sinh khác, giống như chính Ngài", nghĩa là mười và bảy Đấng Brahmarishis hay Prajãpatis. "Sanandana và các người con khác của Vedhas (Brahmã) được tạo ra trước", nhưng như đã được chứng minh ở đâu đó, họ "*không có dục vọng hay đam mê*, được linh cảm bằng minh triết thiêng liêng, xa lánh vũ trụ và không muốn sinh con cái". (Vishnu Purãnas, Wilson, Q. I, trang 100 – 101). Như vậy Sanadana và các Thiên Tôn này chính là các vị Thần bị cưỡng bách đầu thai và các kẻ vô tri giác sau khi không chịu "sinh con cái" ("create progeny"). Xin độc giả miễn thứ cho các điều lặp lại không sao tránh khỏi vì có quá nhiều sự kiện đã được trình bày.

Giống dân thứ Ba lại còn thay đổi cách thức sinh sản nữa. Nghe nói nó đã xạ ra một *lực tạo hình*, lực này biến các giọt mồ hôi thành ra các giọt lớn hơn, chúng tăng trưởng, bành trướng và biến thành các thể hình trứng, các quả trứng khổng lồ. Bào thai con người hình thành trong các thể hình trứng này nhiều năm. Trong kinh Purãnas. Mãrishã, con gái của Hiền Triết Kandu, biến thành vợ của các bậc thầy thần Prachetases và mẹ của Daksha. Nay Daksha lại là cha của các vị Tổ Phụ của *giống người* đầu tiên, họ đã được sinh ra bằng cách này. Sau này, chúng ta sẽ đề cập tới Ngài. Sự tiến hóa của con người (tiểu thiên địa) cũng như sự tiến hóa của vũ trụ (đại thiên địa). Sự tiến hóa của y ở giữa sự tiến hóa của vũ trụ và sự tiến hóa của thú vật; đến lượt con người lại là một đại thiên địa đối với loài thú.

Như thế, Giống dân thứ Ba đã biến thành:

4. Giống dân Bán thư bán hùng. Cách thức sinh sản con người này có lẽ giải thích được lý do tại sao trong các tác phẩm *Bữa Tiệc* của Plato, Aristophanes lại mô tả là giống dân thời xưa có bản chất "bán thư bán hùng", mọi người đều có hình dáng tròn vo, "có lưng và cạnh sườn cong vòng", họ "chạy bằng cách lăn tròn" … họ mạnh mẽ ghê gớm và đầy tham vọng ngông cuồng". Vì vậy, để làm cho họ yếu đi, "Thần vương Zeus đã chia họ [trong Căn chủng thứ Ba] ra làm hai, còn thần Apollo [Thái Dương] khâu kín da họ lại theo chỉ thị của Ngài".

Dân Madagascar – hòn đảo đã từng thuộc về Châu Lemuria – có một truyền thuyết bàn về con người đầu tiên. Thoạt tiên y sống mà chẳng ăn uống gì cả, và sau khi đã ăn nhậu thỏa thích, y bị một cái bướu sưng lên ở chân; cái bướu nứt ra, một người nữ từ trong đó chui ra, biến thành mẹ của

dân tộc họ. Đúng vậy, "các khoa học về thuyết dị sinh và đơn tính sinh dục của chúng ta chứng tỏ rằng lĩnh vực này vẫn còn bỏ ngỏ … Loài tiên san hô (polyp) … tạo ra con cháu từ chính mình, giống như các chồi và nhánh của một cái cây… " Tại sao lại không có loài tiên san hô – *người* nguyên sơ ? Loài polyp Stauridium rất lý thú, nó luân phiên chuyển từ phương pháp nảy mầm sang phương pháp sinh sản tính dục. Kỳ diệu thay mặc dù chỉ phát triển như là một polyp trên một cái cuống, nó cũng tạo ra các vi nha (gemmules), các vi nha này sau rốt phát triển thành một con sứa. Con sứa chẳng giống một tí gì với cơ thể gốc của mình tức là loài san hô stauridium. Nó cũng sinh sản khác hẳn bằng phương pháp tính dục và từ những quả trứng stauridium kết thành, đã khoác lấy một dáng vẻ thêm một lần nữa. Sự kiện nổi bật này có thể giúp cho nhiều người hiểu được rằng một hình hài có thể được phát triển – giống như người Lemuria *hữu giới tính* phát sinh từ các tổ phụ *bán thư bán hùng* – khác hẳn với các vị tổ tiên trực hệ của mình. Hơn nữa, không còn nghi ngờ gì
185 nữa là trong trường hợp *loài người* lâm phàm, luật Nhân Quả (chủng tộc hay cá nhân) đã đè bẹp được các khuynh hướng di truyền phụ thuộc vẫn thần phục nó.

Ý nghĩa của câu cuối cùng trong thiên Bình luận về Đoạn 27 nói rằng Giống dân thứ Tư là con của Padmapãni, có thể giải thích như sau trong một bức thư của Sư Phụ gởi cho tác giả quyển Phật Giáo Nội Môn ([1])

Đa số nhân loại thuộc về phụ chủng thứ bảy của Giống dân thứ Tư gồm những người Trung Hoa và các tiểu chủng và chi chủng khác (người Mã Lai, Mông Cổ, Tây Tạng, Hung Ga Ry, Phần Lan

[1] Sách đã dẫn, ấn bản kỳ 8, trang 70.

và cả đến các thổ dân Esquimaux, tất cả đều là các tàn tích của phụ chủng nêu trên).

Danh từ Padmapãni, Phạn ngữ gọi là Avalokiteshvara, có nghĩa là Diệu Âm hay Thượng Đế trong khía cạnh vô vi cao cả và ngự trên các cõi thiêng liêng vô cực. Nhưng trên các cõi biểu lộ, Ngài là Thủy Tổ của loài người, hiểu theo ý nghĩa tâm linh. Padmapãni – Avalokiteshvara được gọi một cách bí truyền là Bồ Tát (Bodhisattva) (hay Thiền Định Đế Quân) Chenresi Vanchug, "Đấng Đại hùng và toàn tri". Hiện nay, Ngài được xem như là Đấng bảo vệ che chở Châu Á nói chung và xứ Tây Tạng nói riêng. Để dìu dắt, hướng dẫn người Tây Tạng và các vị Lạt Ma xứ ấy trên con đường Thánh Thiện và bảo tồn các vị La Hán trên thế gian. Ngài được xem như tự biểu lộ từng chu kỳ trong hình thể của người phàm. Truyền thuyết cho rằng mỗi khi lòng tín ngưỡng đạo lý bắt đầu suy tàn trên thế gian, thì Padmapãni Chenresi, Đấng Hoa Sen, phóng xuất ra một tia sáng chói lòa và hóa thân làm một trong hai vị Đại Lạt Ma – tức Đạt Lai (Dalai) và Ban Thiền (Teshu) Lạt Ma của Tây Tạng. Sau cùng, người ta tin rằng Ngài sẽ chuyển kiếp làm vị Phật toàn giác ở Tây Tạng thay vì ở Ấn Độ, là nơi mà các Thánh Sư và Bàn Cổ đi trước Ngài đã từng xuất hiện vào lúc bắt đầu Giống dân hiện tại, nhưng ngày nay không còn xuất hiện nữa. Ngay cả dáng vẻ ngoại môn của Thần Quân Chenresi cũng gợi cho chúng ta Nội môn Bí giáo. Lẽ tất nhiên, Ngài cũng như Daksha là tổng hợp của tất cả những Giống dân trước đây và là thủy tổ của tất cả những Chủng tộc loài người sau Giống dân thứ Ba – hoàn hảo đầu tiên – và vì thế được trình bày là *đỉnh cao* của *bốn* Giống dân bản sơ dưới dạng *mười một mặt*. Đó là một cây cột được xây thành bốn hàng, mỗi dãy có ba khuôn mặt hay ba cái đầu có nước da khác nhau; ba khuôn mặt dành cho mỗi

Giống dân tiêu biểu cho ba sự biến đổi sinh lý cơ bản của nó. Giống dân thứ Nhất màu trắng (màu mặt trăng); Giống dân thứ Hai vàng; Giống dân thứ Ba nâu đỏ; Giống dân thứ Tư chỉ có hai khuôn mặt – khuôn mặt thứ ba bị bỏ trống ám chỉ sự diệt vong quá sớm của Giống dân Atlantis – màu nâu đen. Padmapãni (Daksha) ngồi trên cột, tạo thành cái đỉnh. Về điều này xin đối chiếu Câu kinh 39. Đấng Thiền Định Đế Quân được trình bày là có bốn tay, đây là một điều khác nữa ám chỉ bốn Giống dân. Đó là vì trong khi hai tay khoanh lại,
186 thì bàn tay thứ ba lại cầm một đóa sen – Liên Trì (Padmapãni) hoa sen tượng trưng cho sự sinh sản, còn tay thứ tư cầm một con rắn biểu hiệu của quyền năng Minh Triết. Cổ Ngài đeo một chuỗi tràng hạt, trên đầu Ngài có dấu hiệu của nước – vật chất, đại hồng thủy – còn trên trán Ngài có con mắt thứ ba, Thiên Nhãn, Linh Nhãn. Ngài được mệnh danh là một "Đấng Hộ trì" (của Tây Tạng), "Đấng Cứu Thế". Trong những trường hợp khác khi Ngài chỉ có hai tay, Ngài chính là Đấng Thần Quân Chenresi, Bồ tát, Chakna Padma Karpo, "Đấng cầm hoa sen trắng". Ngài còn được mệnh danh là Chantong, "Đấng có thiên nhãn", khi Ngài có một ngàn tay, trên mỗi lòng bàn tay có một con mắt minh triết, các tay này túa ra từ mình Ngài như một chùm tia sáng. Một tôn danh khác của Ngài theo Bắc Phạn là Lokapati hay "Chúa Tể thế gian", còn theo Tây Tạng là Jigten Gonpo, "Đấng Hộ Trì và Cứu Độ" chống lại bất cứ tai ách nào.([1])

Tuy nhiên, Padmapãni chỉ là biểu tượng của Liên Trì (Lotus-bearer) đối với kẻ phàm tục; xét về mặt bí truyền nó có nghĩa là Đấng Hộ Trì các Thiên Kiếp, Thiên Kiếp cuối cùng tên là Liên Hoa và tiêu biểu cho nửa đời của Brahmã. Mặc dù

[1] Đối chiếu Phật Giáo Tây Tạng, trang 88 – 90.

thật ra là một tiểu Thiên Kiếp, song nó lại được gọi là "đại" Thiên Kiếp vì nó bao hàm đời mà Brahmã sinh ra từ một hoa sen. Xét về mặt lý thuyết, các Thiên Kiếp thật là vô hạn, nhưng xét về mặt thực tế, chúng lại bị phân chia và tế phân trong Không gian và Thời gian, mỗi phần – xuống mãi tới phần nhỏ nhất – có Đấng Thần Quân riêng của mình và vị đỡ đầu hay quản trị. Ở Trung Hoa, Liên Trì (Quan Thế Âm) trong trạng thái nữ, biến thành Quan Âm, Ngài hiện thân thành bất kỳ hình tướng nào để phổ độ chúng sinh. Việc biết được khía cạnh chiêm tinh của các chòm sao lần lượt vào những "ngày vía" của các Thần Quân A Di Dà Phật (A-mi-to Fo, của Trung Hoa) gồm có ngày 19 tháng 12, 17 tháng 11, ngày 6 tháng 3, ([1]) v.v… khiến cho nhà Huyền bí hoàn thành dễ dàng cái gọi là các thành tích pháp thuật. Chúng ta thấy được tương lai của một người với mọi biến cố xếp theo thứ tự, trong một chiếc gương *pháp thuật* đặt bên dưới tia sáng của một vài chòm sao. Song hãy coi chừng mặt trái của tấm huy chương, đó là THUẬT PHÙ THỦY.

ĐOẠN KINH 8

TIẾN HÓA CỦA LOÀI ĐỘNG VẬT HỮU NHŨ : SỰ SA ĐỌA ĐẦU TIÊN

(EVOLUTION OF THE ANIMAL MAMMALIANS : THE FIRST FALL)

187 28. Các động vật hữu nhũ đầu tiên được tạo ra như thế nào ? 29. Một cuộc tiến hóa hầu như theo Darwin. 30. Các con thú có được các thể rắn chắc. 31. Chúng phân chia giới tính. 32. Tội lỗi đầu tiên của những kẻ vô trí.

[1] Xem Phật Giáo Trung Hoa, của Edkin, trang 208. [Xem Chú thích bổ sung ở cuối sách].

28. NHỮNG LOÀI ĐỘNG VẬT ĐẦU TIÊN (CỦA CUỘC TUẦN HOÀN HIỆN TẠI) ĐƯỢC TẠO RA TỪ NHỮNG GIỌT MỒ HÔI, TỪ CHẤT CẶN BÃ PHẾ THẢI VÀ CÁT BỤI CỦA NHỮNG XÁC CHẾT CÙNG LÀ THÚ CẦM CỦA CUỘC TUẦN HOÀN THỨ BA TRƯỚC.

Giáo lý Huyền môn dạy rằng trong cuộc Tuần Hoàn hiện tại, loài hữu nhũ động vật là sản phẩm của cơ tiến hóa đến sau loài người. Cơ tiến hóa diễn biến theo từng Chu kỳ. Chu kỳ Sáng Tạo lớn gồm Bảy cuộc Tuần hoàn, bắt đầu cuộc Tuần Hoàn thứ Nhất, với các loài kim thạch, cây cỏ và động vật, đưa diễn trình tiến hóa trên vòng cung đi xuống đến chỗ ngưng đọng trong giai đoạn giữa *Giống dân* thứ Tư, vào cuối phân nửa phần đầu của cuộc *Tuần Hoàn* thứ Tư. Thế là khúc quanh đó đã diễn ra trên Địa Cầu (là Bầu thứ Tư và thấp nhất) trong cuộc Tuần Hoàn hiện tại. Điểm Chơn Thần, sau khi thể nhập vào loài khoáng thạch trên Bầu A, đã tuần tự tiến hóa trải qua các loài khoáng thạch, cây cỏ, động vật trong giai tầng của ba trạng thái vật chất, trừ ra giai tầng chót của trạng thái thứ ba hay trạng thái đông đặc mà nó chỉ đạt tới "vào khoảng giữa" của cơ tiến hóa mà thôi. Vì lẽ đó, thật là một điều tự nhiên và hợp lý mà thấy rằng vào lúc bắt đầu cuộc Tuần Hoàn thứ Tư trên Bầu thế giới thứ Tư (Bầu D), Con Người xuất hiện trước nhất, và thể chất của y được cấu tạo bởi thứ vật chất thanh nhẹ, tế nhuyễn nhất phù hợp tình trạng khách thể của y lúc đó. Nói rõ hơn, nếu Chơn Thần bắt đầu chu kỳ nhập thể của nó xuyên qua ba loài khách thể ngoại tại trên vòng cung đi xuống thì lẽ đương nhiên nó cũng phải bước vào vòng cung đi trở lên trong giai đoạn làm con người. Trên vòng cung đi xuống là giai đoạn của tinh thần lần lần chuyển biến thành vật chất. Đến khúc quanh ở giai đoạn nửa chừng, Tinh Thần và Vật Chất đạt đến điểm quân

bình trong Con Người. Trên vòng cung đi lên, Tinh Thần lần lần phát triển trội hơn Vật Chất và như vậy, vào giai đoạn cuối cùng của Giống dân thứ Bảy trong cuộc Tuần Hoàn thứ Bảy, điểm Chơn Thần sẽ hoàn toàn thoát ly ra khỏi Vật Chất như từ lúc đầu và ngoài ra lại còn thu hoạch được mọi kinh nghiệm và minh triết do kết quả của tất cả những điều xấu xa cám dỗ của cõi trần.

Trật tự tiến hóa đó cũng được diễn tả trong chương Sáng Thế nếu người đọc nhận xét nội môn bí truyền; vì Chương I nói về lịch trình diễn tiến của Ba cuộc Tuần Hoàn đầu tiên cũng như của Ba Giống dân đầu tiên của cuộc Tuần Hoàn thứ Tư cho đến khi Con Người bắt đầu sống hữu thức dưới sự dìu dắt, hướng dẫn của các Đấng Minh Triết. Trong Chương đầu, những loài động vật, loài cá, chim được sáng tạo trước Adam thư hùng lưỡng phái ([1]). Trong Chương ii, Adam (vô phái) xuất hiện trước tiên, rồi sau đó mới có các loài thú vật. Thậm chí trạng thái hôn trầm và vô thức của hai Giống dân đầu và của nửa phần đầu Giống dân thứ Ba cũng được diễn tả trong chương hai của kinh Sáng Thế dưới biểu tượng *giấc*
188 *ngủ mê của Adam*. Giấc ngủ này ngụ ý giấc ngủ không mơ của trạng thái bất động về trí não, sự hôn muội của Linh Hồn và Trí Tuệ, chứ không phải là tiến trình sinh lý phân chia giới tính như một nhà lý thuyết thông thái người Pháp (Naudin) đã tưởng tượng.

Kinh Purãnas, các áng văn của Chaldea và Ai Cập cũng như là các truyền thuyết Trung Hoa đều nhất trí với Giáo Lý Bí Nhiệm về diễn trình và trình tự tiến hóa. Chúng ta thấy

[1] Đó là lời nói ẩn dụ ám chỉ những "Động vật thiêng" của các cung Hoàng Đạo và những thiên thể khác. Một số nhà huyền học phái Kabalah cho rằng đó là những kiểu mẫu của các động vật.

chúng bổ chứng cho hầu hết mọi giáo lý của chúng ta; chẳng hạn như phát biểu liên quan tới cách thức noãn sinh của Giống dân thứ Ba, thậm chí có cả một ẩn ngôn về cách thức sinh sản tội lỗi hơn của các hình hài động vật hữu nhũ đầu tiên.

Giảng lý dạy:

"*Chúng thật là khổng lồ, trong suốt, câm lặng và quái gở*".

Về vấn đề này, chúng ta hãy nghiên cứu các câu chuyện về nhiều vị Thánh Hiền và những hậu duệ đa tạp của họ. Pulastya là cha của tất cả Con Rắn và Nãgas – một lứa noãn sinh; nhờ có vợ Tãmra, Ca Diếp là tổ phụ của loài chim và Kim xí điểu, vua của loài có lông vũ; trong khi đó, nhờ có vợ Surabbĩ ([1]), Ngài lại là tổ phụ của loài trâu bò v.v…

Trong Giáo Lý Bí Nhiệm, những con khủng long đầu tiên (Nãgas)- con vật khôn ngoan hơn loài Rắn – là các "Con của Ý Chí và Yoga" sinh ra trước khi có sự phân chia nam nữ, "trưởng thành trong những quả trứng ([2]) tạo nên bởi quyền

[1] Tức Kãmadhenu, Con bò cái thiêng liêng.

[2] Trong Hesiod, Vương Thần Zeus đã tạo ra Giống dân thứ Ba từ các cây trần bì. Trong Popol Vuh, Giống dân thứ Ba được tạo ra từ cây Tzité và lõi của cây lau tên là Sibac. Nhưng theo ngôn ngữ bí nhiệm của các Artufas (hang Điểm đạo) Sibac lại có nghĩa là "quả trứng". Trong một phúc trình gửi cho cơ quan lập pháp Tây Ban Nha vào năm 1812, Don Baptista Pino đã cho rằng: "Mọi làng xã đều có các Artufas của mình – dân bản xứ gọi các căn buồng hầm dưới đấy chỉ có một cửa nơi họ (bí mật) hội họp như vậy đó… Đó là những thánh điện mà người ta không thể xâm nhập vào được… chúng luôn luôn khép kín cửa đối với người Tây Ban Nha… Họ thờ Mặt Trời và Mặt Trăng… lửa và ĐẠI XÀ (quyền năng sáng tạo), trứng của nó gọi là Sibac".

năng ý chí (Kriyashakti) của các Đấng Minh Triết thánh thiện" của Giống dân thứ Ba.([1])

"Các vị Chúa Tể của ba cõi cao – nhiều hạng Rudras khác nhau, vốn đã là các vị thần Tushitas, Jayas và Ãdityas – đã đầu thai vào các thực thể này. Đó là vì Parãshara đã giải thích như sau: "Có một trăm danh xưng của các Rudras vô cùng mạnh mẽ".

Vài đơn vị dòng giống của con khủng long sơ khai tức những Con Rắn Minh Triết, đã sống tại Mỹ Châu, khi lục địa này trồi lên trong những cuộc biến động của Châu Atlantis. Châu Mỹ là Pãtãla tức là các điểm đối chân của Jambu-dvipa chứ không phải của Bhãrata-varsha (Ấn Độ). Mặt khác đâu là
189 nguồn gốc của các truyền thuyết và các huyền thoại – theo Augustin Thierry, các huyền thoại *bao giờ cũng xác thực hơn lịch sử* - và ngay cả sự đồng nhất danh hiệu của một vài pháp sư và tu sĩ, họ còn tồn tại ở Mễ Tây Cơ đến tận ngày nay? Chúng ta phải đề cập tới các vị Pháp sư và Pháp thuật mà các nhà truyền giáo gọi là "tục sùng bái quỷ" ("devil-worship").

Hầu hết mọi kinh Purãnas đều trình bày câu chuyện về sự "Tế thần của Daksha", chúng ta thấy bản tường thuật xưa nhất trong kinh Vãyu Purãnas. Mặc dù có tính cách ẩn dụ, nó

[1] Xét về mặt *nội môn*, các từ ngữ Sarpa và Nãga khác nhau nhiều mặc dù người ta sử dụng chúng một cách lẫn lộn, không phân biệt Sarpa (rắn) có từ nguyên là *srip* (bò trườn) đối chiếu với tiếng La Tinh Sarp-o; còn chúng được gọi là Ahi, có từ nguyên là *hã* (bỏ). Các Sarpa được tạo ra từ tóc của Brahmã. Vì Brahmã rất sợ chiêm ngưỡng loài Dạ xoa mà Ngài đã tạo ra thành loài rất khó coi, nên tóc trên đầu Ngài rụng xuống, mỗi sợi tóc biến thành một con Rắn. Chúng được gọi là "Sarpa vì chúng cứ bò trườn lê la và Ahi vì chúng đã rời bỏ cái đầu". (Wilson, Quyển I, trang 83). Nhưng trong các ẩn dụ, mặc dù có đuôi rắn song Nãgas không bò trườn, mà lại xoay sở tìm cách đi, chạy và bay.

vẫn có ý nghĩa tiết lộ về mặt sinh học đối với một nhà vạn vật học hơn mọi điều bốc đồng ngụy khoa học vốn dĩ được xem là các lý thuyết và các giả thuyết thông thái.

Hơn nữa, Daksha vốn được xem là vị Tổ Phụ chính, lại còn được trình bày là đã sáng tạo ra con người vật chất, trong "ngụ ngôn" nói rằng Ngài đã bị đầu lìa khỏi xác trong cuộc đấu tranh chung giữa chư Thiên và các Raumas. Theo bài trường thi Kãshi Khanda [trong kinh Skanda Purãnas] sau khi đã bị lửa đốt cháy, cái đầu này liền được thay thế bằng đầu của một con cừu đực. Nay đầu cừu và sừng bao giờ cũng là biểu tượng của quyền năng sinh sản và lực sinh dục, do đó có tính cách sùng bái sinh thực khí. Như đã trình bày, chính Daksha đã lập nên kỷ nguyên con người được sinh ra bằng sự phối hợp. Tuy nhiên, cách thức sinh sản không hề diễn ra một cách đột ngột như chúng ta thường lầm tưởng, mà phải mất nhiều thời đại dài đăng đẳng trước khi nó tở thành một cách thức "tự nhiên". Do đó người ta đã trình bày rằng Shiva đã can thiệp vào sự tế thần của Daksha – Shiva là ngôi Thánh Linh *Hủy Diệt*, hiện thân của sự *Tiến hóa* và *Tiến bộ,* đồng thời cũng là *Ngôi phục sinh,* Ngài tiêu diệt mọi vật dưới một dạng này song lại làm cho chúng hồi sinh dưới một dạng khác hoàn hảo hơn. Shiva-Rudra tạo ra con quái vật khủng khiếp Vĩrabhadra, "ngàn đầu, ngàn tay", sinh ra từ hơi thở của Ngài và được Ngài giao cho việc tiêu diệt lễ tế thần mà Daksha chuẩn bị. Thế rồi, ngự nơi "cõi cao của quỷ" [những kẻ tinh anh]… Vĩrabhadra tạo ra các vị Rauma ([1]) mạnh mẽ từ *các lỗ chân lông trên da mình* [Romakũpas]. Nay mặc dù ẩn dụ

[1] Wilson dịch từ ngữ này là "bán thần"("demigods") (Vishnu Purãnas, Quyển I, trang 130); nhưng Rauma chỉ là một giống dân, một bộ lạc.

trên có tính cách thần thoại, nhưng Mãhabhãrata ([1]) – nó cũng có tính cách lịch sử như *Iliad* – đã trình bày là các vị thần Raumas và các giống dân khác sinh ra từ lỗ chân lông một cách tương tự như vậy. Sự mô tả ẩn dụ này về "sự tế thần" của Daksha hết sức có ý nghĩa đối với các môn sinh Giáo Lý Bí Nhiệm đã từng biết tới giống "Hãn sinh".

Vả lại, trong bản tường thuật sự tế thần đó của kinh Vãyu Purãna, nghe nói lễ tế thần đã diễn ra với sự hiện diện của các tạo vật *sinh ra từ trứng*, từ hơi nước, cây cỏ, lỗ chân lông và cuối cùng mới là từ tử cung.

190 Daksha tiêu biểu cho Giống dân thứ Ba sơ khai, thánh thiện và thanh khiết, đến nay vẫn còn chưa có Chơn Ngã và chỉ có các quyền năng thụ động. Do đó, Brahmã ra lệnh cho Ngài phải sáng tạo (trong các kinh điển ngoại môn). Khi đó, Ngài tuân lệnh và tạo ra các hậu duệ (Putra) "cao và thấp" (Avara và Vara) có *hai chân* và *bốn chân*. Ngài còn dùng *ý chí* khai sinh ra phụ nữ, chư Thiên, các vị Daityas (người khổng lồ của Giống dân thứ Tư), các thần rắn, thú vật trâu bò, các vị Dãnavas (các người Khổng lồ và các Pháp sư ma thuật) và các thực thể khác.

Từ thời kỳ đó trở đi, *chúng ra đời do sự phối hợp. Trước thời Daksha, chúng đã sinh sôi nảy nở bằng nhiều cách khác nhau* – bằng *ý chí*, bằng thị giác, bằng xúc giác và bằng tác dụng của các công phu khổ tu của các bậc hiền triết sùng đạo và các vị thánh.([2])

Bây giờ bàn tới động vật đơn thuần.

29. NHỮNG LOÀI VẬT CÓ XƯƠNG, CÁC CON RỒNG Ở VỰC SÂU, VÀ CÁC LOÀI RẮN (SARPAS) BIẾT BAY ĐƯỢC TẠO

[1] Parva xii, Adhyaya 10, câu kinh 308.

[2] Wilson, quyển II, trang 10.

THÊM VÀO CÁC LOÀI BÒ SÁT. CÁC LOÀI BÒ SÁT DƯỚI ĐẤT LẠI MỌC CÁNH. NHỮNG LOÀI VẬT CỔ DÀI SỐNG DƯỚI NƯỚC TRỞ THÀNH THỦY TỔ CỦA LOÀI CHIM TRÊN KHÔNG TRUNG.

Giáo lý huyền môn và khoa sinh vật học hiện đại đã hoàn toàn thỏa hiệp với nhau về điểm này. Những trạng thái trung gian của sự biến thể giữa loài rắn và loài chim biển hiện nhất trong vài loài bò sát, nhất là trong loài chim Ornithoscelidae, chim Hesperornis và chim Thái cổ của Voght.

30. TRONG GIỐNG DÂN THỨ BA, LOÀI VẬT KHÔNG XƯƠNG TRƯỞNG THÀNH VÀ BIẾN ĐỔI HÌNH THỂ; CHÚNG TRỞ THÀNH LOÀI VẬT CÓ XƯƠNG, NHỮNG HÌNH BÓNG CỦA CHÚNG TRỞ NÊN RẮN CHẮC.

Trước hết là loài có xương sống rồi đến loài có vú. Trước đó loài vật cũng chỉ là những cơ phận thanh nhẹ như dĩ thái, giống như con người.

31. NHỮNG LOÀI VẬT PHÂN CHIA TRƯỚC TIÊN THÀNH ĐỰC VÀ CÁI. CHÚNG BẮT ĐẦU SINH NỞ. CON NGƯỜI LƯỠNG PHÁI KẾ ĐÓ CŨNG PHÂN CHIA NAM NỮ. Y NÓI: "CHÚNG TA HÃY LÀM NHƯ CHÚNG; CHÚNG TA HÃY PHỐI HỢP VÀ SINH SẢN". HỌ ĐÃ LÀM….

32. NHỮNG KẺ KHÔNG CÓ ĐỐM LỬA (NHỮNG KẺ ĐẦU HẸP) PHỐI HỢP VỚI LOÀI VẬT GIỐNG CÁI. CHÚNG SINH RA CÁC GIỐNG NGƯỜI CÂM. CHÍNH HỌ (NHỮNG KẺ ĐẦU HẸP) CŨNG LÀ GIỐNG NGƯỜI CÂM. NHỮNG LƯỠI CỦA HỌ TÁCH RỜI (1). LƯỠI CỦA CON CHÁU HỌ VẪN CÒN NGUYÊN. CHÚNG SINH RA NHỮNG QUÁI VẬT. MỘT GIỐNG QUÁI VẬT

[1] Xem Giảng lý của Câu kinh 36.

191 TÓC ĐỎ, HÌNH THÙ CO QUẮP ĐI TRÊN BỐN CHÂN.(1) MỘT GIỐNG CÂM ĐỂ GIẤU SỰ NHỤC NHÃ CHO KHỎI BỊ TIẾT LỘ.(2)

Sự kiện về loài hữu nhũ bán thư bán hùng xưa kia rồi sau đó mới phân chia giới tính ngày nay thật là không thể bài bác được, ngay cả theo quan điểm sinh vật học. Giáo sư Oscar Schmidt, một môn đồ công khai của thuyết Darwin, đã cho rằng:

Sự sử dụng và sự phế bỏ, phối hợp với sự tuyển lựa, đã minh giải [?] *được sự phân chia giới tính* và sự tồn tại của các cơ quan sinh dục sơ khai (nếu không có nó thì chẳng ai hiểu được sự tồn tại này). Nhất là trong loài Động vật có xương sống, *mỗi phái đều có các vết tích riêng biệt của bộ máy sinh dục đặc trưng cho phái kia,* đến nỗi mà ngay cả thời xưa, người ta cũng đã giả sử rằng "thư hùng lưỡng phái" là một tình trạng nguyên sơ tự nhiên của nhân loại … Các cơ quan sinh dục sơ khai này được kế thừa khá nhiều tính bền bĩ. Trong lớp động vật hữu nhũ, người ta chưa hề nghe nói tới hiện tượng thư hùng lưỡng phái thực sự, mặc dù trong suốt thời kỳ phát triển, chúng mang theo những tàn dư này, do *tổ tiên vô danh* của chúng tạo ra mà chẳng ai dám bảo là mất bao lâu.(3)

Câu kinh 31 nói: "Loài vật phân chia trước nhất". Chúng ta nên nhớ rằng hồi thời đó con người khác hẳn bây giờ, ngay cả về mặt sinh lý, vì ngày nay, con người đã vượt qua

---

1 Các quái vật không phải là khỉ đột. Các nhà nhân chủng học gọi đó là "khoen biệt tích" ("missing link") tức con người hạ đẳng lúc ban sơ.

2 Sự nhục nhã vì có nguồn gốc cầm thú mà các khoa học hiện đại sẽ nhấn mạnh nếu có thể được.

3 Học Thuyết về Dòng Dõi và Thuyết Darwin, trang 186 – 187. "Tổ tiên vô danh" được đề cập tới chính là các nguyên kiểu tinh anh bản sơ.

khỏi điểm giữa của Giống dân thú Năm. Chúng ta không được biết rõ những "loài vật giống cái" nói trên là loài gì, nhưng chắc chắn là chúng cũng khác hẳn những loài vật như chúng ta được biết, cũng như con người vậy.

Đó là sự "sa đọa" đầu tiên của vài giống người thấp kém thời kỳ đó. Như Câu kinh 24 đã nói, "Các Con của Minh Triết" đã chê nhóm người đầu tiên của Giống dân thứ Ba tức là những người thấp kém chưa phát triển, và đầu thai vào trong đợt *sau cùng* của Giống dân thứ Ba, nhờ đó họ được ban phát trí khôn. Những Giống người không có "đốm lửa", tức là người không có trí khôn, không phải chịu trách nhiệm gì và tội lỗi của họ rơi trên vai những người không làm tròn bổn phận để giúp đỡ họ theo định đoạt nghiệp quả.

NHỮNG LÝ LUẬN ĐỐI KHÁNG

Như vậy khoa Huyền môn bác bỏ thuyết cho rằng con người là do loài khỉ biến hóa mà thành, hay là có một tổ tiên chung cho cả loài người và khỉ. Trái lại, Huyền môn truy nguyên vài loài khỉ tiến hóa nhất đến tận nguồn gốc là con người của Giống dân thứ Ba thuộc thời kỳ sơ khởi của nền văn minh Châu Atlantis. Vì giáo điều này sẽ được chứng minh ở một đoạn khác nên ở đây chỉ cần nói thêm vài lời. Tuy nhiên, để cho được rõ ràng hơn, chúng tôi xin lặp lại vắn tắt những điều đã trình bày trước đây trong Quyển I, ĐOẠN KINH 6.

192 Giáo lý huyền môn nói rằng có một thời kỳ Thiên Nhiên cấu tạo chung quanh thể dĩ thái con người trong một lớp vỏ ngoài giống như hình khỉ. Điều ấy tuy rất đúng, nhưng cái vỏ bọc ngoài này cũng chẳng khác chi cái thể bọc ngoài của cái "khoen biệt tích" ("missing link"), cũng như vỏ bọc ngoài

của cái hình thể bằng chất thanh khí trong diễn trình tiến hóa tự nhiên của nó, trải qua tất cả mọi loài trong Thiên Nhiên. Lịch trình tiến hóa đó không phải đã diễn ra trên địa cầu trong cuộc Tuần Hoàn thứ Tư, mà chỉ diễn ra trong cuộc Tuần Hoàn thứ Nhất, thứ Hai và thứ Ba, khi mà CON NGƯỜI tuần tự tiến hóa trải qua các loài "khoáng thạch, cây cỏ và động vật" cho đến khi y trở nên người trong Giống dân thứ Nhất của Nhân loại hiện thời. Đường lối tiến hóa thực sự khác hẳn với thuyết Darwin, và hai triết hệ này không thể dung hòa nhau, trừ phi triết hệ Darwin tách rời, ly khai với thuyết "chọn lọc tự nhiên" và những lý thuyết tương tự. Thật vậy, giữa hai quan điểm Monera của Haeckel và Sarĩsripa ([1]) của Manu có một hố cách biệt dưới hình thức Jĩva. Chơn Thần con người, dù bị *giam hãm* trong khoáng thạch hay trong cây cỏ hoặc trong động vật, bao giờ cũng vẫn là một điểm Chơn Thần thiêng liêng, thoát tục. Các danh từ *Chơn Thần* "khoáng thạch", "cây cỏ" và "động vật" chỉ được dùng để tạo nên một sự phân biệt bề ngoài thôi, chứ thật ra không có một Chơn Thần nào mà không thiêng liêng, và bởi đó hoặc đã hay sẽ trở thành người. Danh từ này sau này sẽ vô nghĩa nếu người ta không hiểu rõ sự khác nhau. Điểm Chơn Thần là một giọt nước trong Đại Dương Vô Biên ở bên kia, hay nói đúng hơn ở *bên trong* cõi biểu lộ sơ khai. Nó vốn *thiêng liêng* trong trạng thái thượng đẳng và ở mức độ con người trong trạng thái hạ đẳng (các tính từ "hạ đẳng" và "thượng đẳng" này chỉ tạm dùng vì thiếu từ ngữ chính xác hơn). Trừ ra ở trong trạng thái Niết Bàn, bao giờ nó cũng vẫn là một Chơn Thần, dù ở trong bất cứ hoàn cảnh nào hay bất cứ hình thức nào. Cũng như Diệu Âm là phản ánh của Vũ Trụ nội tại,

[1] Theo nguyên nghĩa là Con Rắn.

trong Tư Tưởng Thiêng Liêng và Vũ Trụ Biểu Lộ ngoại tại tự phản ánh trong mỗi điểm Chơn Thần, thì trong Chu kỳ nhập thể của nó, điểm CHƠN THẦN cũng phải phản ánh nơi mình tất cả *mọi hình thể* căn bản của mỗi loài. Bởi thế, nhà huyền học Kabala nói rằng: "CON NGƯỜI trở nên một cục đá, một cây cỏ, một con thú, một người, một vị thần và sau rốt là Thượng Đế". Bằng cách đó, y hoàn tất một vòng chu chuyển và qui hồi lại khởi từ đó y bắt đầu xuất hiện như một *Thiên* NHÂN. Nhưng "Con Người" có nghĩa là một điểm Chơn Thần Thiêng Liêng chớ không phải là cái Thực Thể biết Suy tư hay cái Xác thân Vật chất. Hiện nay, các nhà khoa học đang ra sức truy nguyên Linh Hồn bất tử - mặc dù bác bỏ sự tồn tại bất tử của nó – qua một loạt các hình hài thú vật, từ loại thấp kém nhất cho tới loại cao siêu nhất; trong khi đó, thật vậy, tất cả những loài động vật hiện nay đều là dòng dõi của những động vật khổng lồ thời sơ khai mà các ĐOẠN
193 KINH có nói ở trên. Loài bò sát và loài thủy tộc có trước loài người trong cuộc Tuần hoàn thứ Tư hiện tại, cũng như các động vật sống đồng thời với Giống dân thứ Ba và loài nhũ động vật có sau Giống dân thứ Ba và Giống dân thứ Tư, tất cả đều đã trực tiếp hoặc gián tiếp là sản phẩm (thể chất) của Con Người. Trong kỳ Khai Nguyên (Manvantara) hiện tại, tức là trong ba cuộc Tuần Hoàn trước đây, con người đã tiến hóa trải qua tất cả mọi loài trong Thiên Nhiên dưới hình thức "kim thạch, cây cỏ và động vật". Nhưng (a) các kim thạch, cây cỏ và động vật này là những kiểu mẫu sơ khai của những loài cây trong cuộc Tuần Hoàn thứ Tư; và (b) thậm chí những loài ấy vào lúc bắt đầu cuộc Tuần Hoàn thứ Tư cũng là các hình bóng thanh nhẹ và tế vi của các loài trong thời kỳ hiện tại, noi theo các nhà Huyền bí học. Sau cùng, hình dáng và cơ cấu thể chất của con người, động vật và cây cỏ của hiện tại

cũng sẽ không giống như trong tương lai. Như vậy, những kiểu mẫu tế vi bằng chất thanh khí của những con thú thấp kém trong loài động vật của cuộc Tuần Hoàn thứ Tư, *có trước* những "Hình bóng"("Chhãyãs") của Con Người, là những *lớp vỏ* ngoài được củng cố, tuy vẫn còn rất khinh thanh hơn nữa, được tạo nên vào lúc chấm dứt cuộc Tuần Hòa thứ Ba trên Bầu D (như chương iii của Phật Giáo Bí Truyền đã đề ra); "tạo nên những cặn bã phế thải của vật chất, xuất phát từ những xác chết của con người và các loài vật khác [đã tuyệt diệt]" của cuộc Tuần Hoàn *thứ Ba* trước đây như Câu kinh 28 đã diễn tả. Do đó, một mặt thì trong khi những "loài thú" có trước con người hình bóng ban sơ (cấu tạo bằng chất thanh khí của Thể Dĩ Thái) vào lúc bắt đầu Chu kỳ sinh hoạt hiện tại trên Địa Cầu, vẫn có thể xem như sản phẩm của Loài người trong cuộc Tuần Hoàn thứ Ba. Mặt khác, loài nhũ động vật của cuộc Tuần Hoàn thứ Tư hiện tại phần lớn cũng lại nhờ có Loài người mà chúng mới có sự sống. Vả lại, "tổ tiên" của loài khỉ đột bây giờ là sản phẩm trực tiếp của "Giống người" chưa có trí khôn, giống người này đã làm hạ thấp nhân cách của mình bằng cách phối hợp với loài thú.

Những điều trên đây giải thích về những cái gọi là "bằng chứng sinh lý" do các nhà nhân chủng học đưa ra để chứng minh con người là hậu duệ của loài thú.

Điểm mà các nhà theo thuyết Tiến hóa nhấn mạnh là "Lịch trình của bào thai là sự đúc kết lịch trình của một giống dân". Trong bài thuyết trình về : "Những bằng chứng của sự tiến hóa", nhà bác học Haeckel có nói:

Mỗi cơ phận động vật trong sự nảy nở trưởng thành từ một quả trứng, đã trải qua một loạt những hình thể khác nhau, mà trong một diễn trình liên tục tương tự, tổ tiên của nó đã trải qua

trong dòng thời gian dài của lịch sử địa cầu ([1]). Lịch trình của bào thai là hình ảnh thu nhỏ, phác họa những nét chính lịch trình của
194 giống người đã sinh ra nó. *Quan niệm này là trụ cốt của định luật sinh hóa căn bản mà chúng tôi đặt lên hàng đầu trong sự khảo cứu về định luật căn bản của sự phát triển cơ năng sinh vật*.

Lý thuyết này đã từng được các nhà Hiền Triết và Đạo gia thời cổ biết rõ như một sự thật và nói lên với một quan niệm triết học sâu xa hơn. Ở đây, chúng ta có thể trích dẫn một đoạn trong Nữ Thần Isis Lộ Diện để cung ứng một vài điều so sánh. Người ta hỏi rằng mặc dù thông thái đến thế mà tại sao các nhà sinh lý học lại không thể giải thích được hiện tượng quái hình ?

---

[1] "Khoa Phôi Thai học đã cung ứng một luận chứng rất vững chắc để bênh vực tính bất định. Chẳng lẽ một người ở trong tử cung lại không phải là một tế bào đơn, một cái cây chỉ có ba, bốn chiếc lá nhỏ, một con nòng nọc có mang cá, một động vật hữu nhũ có đuôi, cuối cùng là loài linh trường [?] và một động vật có hai chân? Hầu như chẳng có lúc nào mà chúng ta lại không thể nhận ra trong sự tiến hóa của bào thai một nét phác họa nhanh gọn, một bản tổng kết trung thực của toàn bộ chuỗi hữu cơ". (Lefèvre, Triết học, trang 484).

Tuy nhiên, bản tổng kết được ám chỉ cũng chỉ là bản tổng kết của *kho kiểu mẫu* tích lũy nơi con người, tiểu thiên địa. Lời giải thích đơn giản này vấp phải mọi sự phản đối như vậy, vì bào thai có một cái đuôi sơ khai – đây là một sự kiện mà Haeckel và Darwin đã đắc chí phô trương là có tính cách quyết định có lợi cho Thuyết tổ tiên khỉ vượn. Chúng ta có thể nêu rõ là người ta giải thích *sự hiện diện của một cái cây có lá nhỏ* trong các giai đoạn phôi thai dựa vào các nguyên tắc thông thường của thuyết tiến hóa. Các môn đồ phái Darwin đã không truy nguyên con người qua loài cây cỏ, nhưng các nhà Huyền bí lại làm như vậy. Thế thì *tại sao bào thai lại có đặc điểm này* và các môn đồ phái Darwin lại giải thích ra sao ?

Bất cứ nhà giải phẫu cơ thể học nào đã xem sự phát triển và tăng trưởng của bào thai … là một đề tài nghiên cứu chuyên môn; đều có thể không động não bao nhiêu mà cũng cho chúng ta biết được những gì mà kinh nghiệm hằng ngày và bằng chứng mắt thấy tai nghe chỉ ra cho ông – nghĩa là mãi cho tới một thời kỳ nào đó, bào thai người là một sự mô phỏng của một con ếch khi mới nở ra khỏi trứng, tức là một con nòng nọc. Nhưng dường như không có một nhà sinh lý học nào hoặc nhà giải phẫu cơ thể nào có ý áp dụng nội môn bí giáo về sự luân hồi của Pythagoras (đang bị các nhà phê bình thuyết minh một cách sai lạc) vào sự phát triển của con người – từ lúc nó bắt đầu xuất hiện như là một mầm mống trên cõi trần cho tới khi nó rốt cuộc thành hình và sinh ra. Ý nghĩa của Do Thái Bí giáo: "Một tảng đá biến thành một cái cây; cái cây biến thành con thú; con thú biến thành con người",… được đề cập ở một nơi khác liên quan tới sự biến hóa vật chất và tinh thần của con người trên Địa Cầu. Nay chúng ta sẽ nói thêm một chút để cho vấn đề được sáng tỏ hơn.

Đâu là hình dáng nguyên sơ của con người tương lai ? Một vài nhà sinh lý cho rằng đó là một hạt, một vi thể, còn những kẻ khác lại cho rằng đó là một phân tử, một noãn châu. Nếu chúng ta có thể phân tích nó – bằng kính hiển vi hay bằng một phương tiện khác – thì chúng ta phải mong đợi là tìm thấy nó cấu tạo bằng những gì? Tương tự, chúng ta có thể đề cập tới một hạt nhân của chất vô cơ, lắng đọng do sự chu lưu vào lúc nảy mầm và kết hợp với một chất hữu cơ lắng đọng. Nói cách khác, hạt nhân cực vi của con người tương lai này cũng gồm có các nguyên tố với một tảng đá, cũng gồm có các nguyên tố với Trái Đất mà con người có định mệnh phải ở trên đó. Các tín đồ Do Thái Bí giáo viện

dẫn Moses là người có thẩm quyền nhận định rằng cần phải có đất và nước để tạo nên một sinh vật, và như thế chúng ta có thể cho rằng, thoạt tiên, con người xuất hiện như là một tảng đá.

Vào cuối ba hay bốn tuần, noãn có hình dáng giống như một cái cây, một đầu hình cầu, còn đầu kia thuôn nhọn như là một củ cà rốt. Nếu cắt ra, chúng ta sẽ thấy rằng, giống như củ hành, nó gồm có các phiến hoặc lớp vỏ rất mảnh mai, bao quanh một chất lỏng. Các phiến này sát lại gần nhau ở đầu dưới, thai nhi treo lủng lẳng từ những cọng rễ của rốn gần giống như trái cây lủng lẳng trên cành. Do "sự luân hồi", tảng đá này đã biến thành cái cây. Rồi thai nhi bắt đầu mọc tay chân từ trong ra ngoài và phát triển các đặc điểm của mình. Mắt giống như hai chấm đen, tai, mũi và miệng tạo thành những lỗ trũng, giống như mắt của một trái thơm, trước khi bắt đầu lồi ra. Thai nhi phát triển thành một bào thai giống như thú vật – hình dáng một con nòng nọc – sống trong nước và phát triển từ đó, giống như một con bò sát lưỡng cư. Chơn Thần của nó còn chưa thành người hoặc bất tử vì các môn đồ Do Thái Bí giáo cho chúng ta biết rằng điều này chỉ diễn ra vào "giờ thứ tư". Dần dần bào thai có được các đặc tính của một con người, luồng sinh khí bất tử đầu tiên thoảng qua người nó: nó cử động; … và bản thể thiêng liêng ngự nơi cơ thể mà hài nhi sẽ ở đó cho tới chết, khi con người trở thành một vong linh.

Các môn đồ Do Thái Bí giáo gọi tiến trình bí nhiệm chín tháng tạo hình này là sự hoàn thành chu kỳ "tiến hóa cá nhân". Cũng như bào thai phát triển giữa đường mạc thủy trong tử cung, cũng vậy, các Trái Đất nảy mầm trong Dĩ Thái Vũ Trụ (tức Lưu Chất Dĩ Thái) trong Tử Cung Vũ Trụ. Cũng như cư dân tầm thường nhỏ bé, các đứa trẻ vũ trụ này là

những hạt nhân đầu tiên, rồi thành các tiểu noãn, rồi dần dần
195 trưởng thành và trở thành mẹ; đến lượt chúng lại phát triển các hình hài khoáng vật, thực vật và nhân loại. Từ trung tâm tới ngoại biên, từ tiểu nang vi ti cho tới các cực biên của vũ trụ mà chúng ta có thể quan niệm được, các nhà tư tưởng lỗi lạc ấy (các nhà Huyền bí) đã truy nguyên chu kỳ này biến nhập vào chu kỳ kia, bao hàm và được bao hàm trong một chuỗi vô tận. Bào thai phát triển trong phạm vi tiền sinh của mình, cá nhân phát triển trong gia đình, gia đình phát triển trong quốc gia, quốc gia trong cộng đồng nhân loại, trái đất torng Thái Dương Hệ, Thái Dương Hệ trong NGUYÊN NHÂN DUY NHẤT –Vô Biên và Vô Tận.([1])

Như vậy, chúng ta thấy triết lý về sự tiến hóa của họ khác hẳn với triết thuyết của Haeckel.

> Vạn vật chẳng qua chỉ là các phần tử của một tổng thể diệu kỳ,
> Có cơ thể là Thiên Nhiên và Linh Hồn là Parabrahm.

Đó là các bằng chứng của Huyền bí học, và chúng tôi đã bị khoa học bác bỏ. Nhưng trong trường hợp này, làm sao có thể giải thích sự cách biệt quá sâu xa giữa trí khôn con người và loài thú ? Nếu loài khỉ đột và loài người ban sơ cùng có một tổ tiên chung thì do bởi đâu mà hai loài lại khác nhau quá xa về khả năng trí tuệ ? Thật ra, nhà Huyền học có thể được cho biết rằng, trong mọi trường hợp, khoa Huyền học thực hành những gì khoa học lặp lại. Huyền môn cho rằng có một tổ tiên *chung* cho loài khỉ đột và loài người và cho thấy loài khỉ đột thoát thai từ Con người Ban sơ. Ấy thế, nhưng "Con người Ban sơ" đó cũng chỉ là người trong cái hình thể bên ngoài. *Y không có trí khôn và không có linh hồn* khi mà y phối hợp với một loài quái vật giống cái để sinh ra các tổ tiên

[1] Quyển I, trang 388-390.

của một loạt dòng giống khỉ đủ các loại. Điều này ít nhất cũng hợp lý và lấp bằng hố sâu cách biệt giữa trí khôn con người và loài thú. Như vậy, nó đã giải thích điều từ trước đến nay vẫn là bí hiểm và khó hiểu. Trong giai đoạn khoa học tiến hóa hiện thời, khoa học hầu như quả quyết chắc rằng sự phối hợp giữa con người và loài thú không thể sinh ra con cái. Sự kiện này sẽ được xem xét và giải thích ở một đoạn sau.

Nay đâu là sự dị biệt cơ bản giữa các kết luận được chấp nhận (hay hầu như thế) - mà "Nhân phổ học" đã phát biểu – cho rằng người và khỉ có chung nhau một tổ tiên,và giáo lý Huyền bí học, vốn dĩ chối bỏ kết luận này và chấp nhận sự kiện là vạn vật và chúng sinh đã phát nguyên từ một nguồn gốc chung ? Khoa học duy vật cho rằng con người dần dần tiến hóa đến tình trạng hiện nay. Người ta cho rằng, xuất phát từ đốm nguyên sinh chất bản sơ tên là đơn nguyên trùng – chúng ta được biết rằng cũng giống như những thứ khác, đơn nguyên trùng đã phát nguyên trải qua hằng hà sa số thời đại từ một vài (hoặc chỉ một) hình dáng nguyên thủy *đột nhiên xuất lộ*; nó đã tuân theo một định luật tiến hóa duy nhất – con người đã trải qua các kiểu mẫu "vô danh bất khả tri" mãi cho tới loài khỉ và từ đó tới loài người. Chúng ta được biết có thể khám phá ra các hình dáng chuyển kiếp ở đâu; lý do đơn giản là vì người ta chưa bao giờ tin được các "khoen nối khiếm khuyết" giữa con người và loài khỉ, mặc dù sự kiện này không hề cản trở con người bắt chước Haeckel tha hồ chế ra chúng.

196 Người ta cũng sẽ chẳng bao giờ gặp được chúng, đó là vì người ta chỉ tìm kiếm cái khoen nối kết con người với vị tổ phụ thực sự của y nơi ngoại cảnh và thế giới hình hài sắc tướng vật chất, trong khi mà nó lại được che khuất an toàn đối với kính hiển vi và con dao mổ *bên trong* thánh điện của

chính xác thịt con người. Chúng tôi xin lặp lại những gì mình đã nói trong Nữ Thần Isis Lộ Diện:

…Vạn vật đều bắt nguồn từ Tinh Thần – sự tiến hóa thoạt đầu đã bắt đầu từ bên trên và tiến xuống dưới, thay vì ngược lại như thuyết Darwin đã dạy. Nói cách khác, đã có một sự thể hiện dần dần của các hình hài cho tới khi đã đạt đến một tột độ trụy hạ nhất định. Đây chính là chỗ mà thuyết tiến hóa hiện đại nhập vào diễn trường giả thuyết suy lý. Khi đạt tới giai đoạn này, chúng ta sẽ hiểu được dễ dàng hơn Nhân nguyên luận của Haeckel, nó truy nguyên thủy tổ của con người : căn cội nguyên sinh chất, bì bõm trong vũng bùn của biển đã trầm tích", theo sự trình bày của Huxley. Chúng ta còn có thể tin tưởng một cách dễ dàng hơn rằng con người (của cuộc Tuần Hoàn thứ Ba) đã tiến hóa "bằng cách biến đổi dần dần một động vật hữu nhũ [tinh anh] có cơ cấu giống như khỉ", khi chúng ta nhớ rằng chính Berosus đã bảo rằng cũng chính học thuyết ấy, với một thuật ngữ cô đọng và thô thiển hơn, song vẫn dễ hiểu không kém, đã được người cá Dagon (bán thần của Babylonia) giảng dạy dưới thời ông nhiều ngàn năm ([1]) (mặc dù theo các đường lối hơi khác).

Nhưng dòng dõi Darwin có hậu thuẫn là gì ? Nói về Darwin thì chẳng có gì ngoài những giả thuyết không thể kiểm chứng được. Đó là vì theo ông, ông xem mọi vật "là đám hậu duệ của một vài sinh vật đã sống từ lâu trước khi lớp đất đầu tiên của bộ Silua đã trầm tích". ([2]) Ông không thử ra sức cho chúng ta thấy "một vài sinh vật" này là gì. Nhưng nó hoàn toàn đáp ứng được mục đích của chúng ta, vì nếu chỉ cần thừa nhận sự tồn tại của chúng thì việc cầu cứu tới cổ

[1] Xem Các Áng Văn Cổ, của Cory, trang 21 và tiếp theo [trong ấn bản mới có bổ sung là trang 51 – 58].

[2] Nguồn gốc Chủng Loại, trang 448 – 449, ấn bản kỳ I.

nhân để bổ chứng và đào luyện ra ý niệm này cũng được khoa học tán thành rồi.(1)

Thật vậy, như chúng tôi đã trình bày trong tác phẩm đầu tiên của mình, nếu chúng ta chấp nhận thuyết phát triển giống loài của Darwin thì chúng ta thấy rằng khởi điểm này đang ở trước một cánh cửa mở ngỏ. Chúng ta có toàn quyền hoặc ở lại bên trong với ông, hoặc vượt qua ngưỡng cửa mà bên ngoài là cái vô tận và bất khả tri hay đúng hơn là Bất khả thuyết. Nếu ngôn ngữ trần gian của chúng ta không đủ để diễn đạt những gì mà tinh thần chúng ta – trong khi còn ở trần thế - lờ mờ tiên đoán được cái "*Bên ngoài*" vĩ đại ấy, thì nó *phải* nhận ra được điều đó vào một thời điểm nào đó trong cái thời gian vô tận này. Nhưng cái gì ở bên ngoài phạm vi thuyết của Haeckel? Tại sao lại chỉ có loài Bathybius Haeckellii và không có gì hơn nữa !

ĐOẠN KINH 9

SỰ TIẾN HÓA CÙNG TỘT CỦA CON NGƯỜI

(THE FINAL EVOLUTION OF MAN)

33. Các Đấng Sáng Tạo hối hận, 34. Họ chuộc tội vì đã khinh xuất. 35. Con người đượcphú cho trí tuệ. 36. Giống dân thứ Tư phát triển ngôn ngữ hoàn hảo. 37. Mọi đơn vị bán thư bán hùng tách ra và biến thành lưỡng tính.

197 33. NHÌN THẤY TỘI LỖI CỦA HỌ (VÌ ĐÃ PHỐI HỢP VỚI LOÀI THÚ), CÁC ĐẤNG THẦN MINH, CON CỦA MINH TRIẾT (LHAS) LÀ NHỮNG VỊ TỪ CHỐI KHÔNG CHỊU SÁNG TẠO NÊN CON NGƯỜI, KHÓC VÀ NÓI :

34. "NHỮNG KẺ KHÔNG CÓ TRÍ KHÔN (AMĀNASA) ĐÃ LÀM Ô UẾ NHỮNG NƠI CƯ TRÚ TƯƠNG LAI CỦA CHÚNG

[1] Quyển I, trang 154.

TA. ĐÂY ĐÚNG LÀ NGHIỆP QUẢ. CHÚNG TA HÃY TRÚ NGỤ TRONG NHỮNG KẺ KHÁC. CHÚNG TA HÃY DẠY DỖ HỌ CẨN THẬN HƠN, ĐỂ TRÁNH NHỮNG ĐIỀU TAI HẠI HƠN NỮA CÓ THỂ XẢY RA". CÁC VỊ ĐÃ LÀM …

35. THẾ RỒI, TẤT CẢ CON NGƯỜI ĐỀU ĐƯỢC BAN CHO TRÍ KHÔN (MANAS). HỌ NHÌN THẤY TỘI LỖI CỦA KẺ VÔ TRÍ.

Nhưng họ đã *phân chia* trước khi có lý trí thiêng liêng soi sáng những vùng tối tăm u uẩn của trí não đã bị hôn trầm của họ và đã phạm *tội lỗi.* Như thế có nghĩa là họ đã phạm tội một cách vô ý thức, bằng cách gây nên một ảnh hưởng phản tự nhiên. Thế nhưng, cũng như sáu giống dân huynh đệ nguyên sơ khác, ngay cả giống dân thứ bảy từ nay bị sa đọa cũng vậy, nó sẽ phải chờ thời để rốt cuộc phát triển vì *tội lỗi* đã phạm phải – ngay cả giống dân này *sau rốt* cũng sẽ ở trên một trong Bảy Con đường. Đó là vì:

Các Đấng Minh Triết ([1]) giữ nhà của trật tự thiên nhiên, các Ngài bí mật khoác lấy hình hài tuyệt diệu. ([2])

---

[1] Câu thơ này ở trong Rig Veda (x, 5, 6): "Bảy Đấng Minh Triết [Các Cung Minh Triết Thần Quân] uốn nắn Bảy Con đường [hay Đường lối và cũng là một Giống dân theo nghĩa khác]. Thế nhân bị hoạn nạn có thể đến với một trong các con đường này". Khi chỉ được thuyết minh theo khía cạnh thiên văn và vũ trụ, đây là một câu thơ có nhiều ý nghĩa huyền bí nhất. Các "Con đường" có thể có nghĩa là Đường lối (Maryãdãh), nhưng chủ yếu là các chùm Tia sáng chiếu trên những Con đường dẫn tới Minh Triết (Xem Rig Veda, iv, 5 – 13). Nó có nghĩa là những "Con đường". Tóm lại, đó là bảy Tia sáng tự do chiếu xuống từ trung tâm Đại Thiên Địa, Bảy Nguyên Khí theo chủ nghĩa siêu hình, và bảy Giống dân theo chủ nghĩa vật chất. Tất cả đều tùy thuộc vào chìa khóa được sử dụng.

[2] Rig Veda, x, 10, 3, 2.

Nhưng chúng ta phải xét xem những loài thú mà họ đã phối hợp có phải là cùng một loài với những loài thú thông thường như khoa học thú cầm đã biết chăng ?

Sự "Sa đọa" đã xảy ra, theo sự chứng minh của nền Minh Triết cổ truyền và những tài liệu cổ, khi Daksha – Đấng Sáng Tạo con người và vạn vật, chuyển kiếp trong đợt đầu của Giống dân thứ Ba – biến mất để nhường chỗ cho cái phần nhân loại đã "phân chia". Thiên bình luận giải thích về những sự việc xảy ra trước sự "sa đọa" như sau :

Trong thời kỳ sơ khởi của giai đoạn tiến hóa nhân loại, giới nhân loại phân chia theo nhiều đường hướng khác nhau. Cái hình thể bên ngoài của những giống người đầu tiên không đồng nhất, vì những ngoại thể (lớp vỏ ở ngoài) hình quả trứng, trong đó thể xác con người được kết tinh và tượng hình, trước khi được củng cố rắn chắc, thường hay bị khuấy rối bởi những loài thú to lớn, thuộc về loài mà ngày nay không ai được biết và cũng thuộc về những cố gắng của Thiên Nhiên. Kết quả là họ sinh ra những giống quái vật nửa người nửa thú. Nhưng vì các giống này là những thất bại của
198 *thiên nhiên, nên chúng không được để cho sống còn và tồn tại lâu dài, tuy rằng quyền năng tâm linh nội tại đối với cõi thiên nhiên vật chất hãy còn rất yếu. Bởi đó, khi chúng vừa ổn định, những con người "Noãn sinh" ấy đã kết hợp với giống cái đồng loại của họ và sinh ra những quái thai khác nữa. Về sau, khi các loài thú và các giống người đã tuần tự lập thế quân bình, thì họ phân chia và không còn phối hợp với nhau nữa. Con người không sáng tạo nữa mà là sinh sản. Nhưng họ sinh ra loài thú lẫn loài người trong các thời kỳ cổ xưa đó. Bởi vậy, các bậc Hiền Triết đã nói rất đúng khi nói về những người đực không còn sinh sản bằng ý chí nữa mà sinh ra những loài thú và những quái vật khổng lồ bằng cách phối hợp với những giống cái khác – các con thú với vai trò là các đứa*

con ngộ nhận của họ; chẳng sớm thì muộn, họ [các người nam] sẽ không chịu bị xem là cha (ngộ nhận) của các tạo vật câm – nhìn thấy sự trạng này, các vị Thánh Vương của Giống dân thứ Ba và thứ Tư cấm ngặt mọi sự phối hợp tội lỗi vì nó can thiệp vào Nghiệp Quả và tạo nên Nghiệp Quả mới (1). Các vị Thánh Vương làm cho những kẻ vi phạm bị tuyệt nòi và tiêu diệt những giống người Đỏ và Xanh. (2)

Trong một đoạn khác có câu:

Thậm chí, trong những thời gian về sau, cũng có những người thú mặt xanh và đỏ không sinh ra bởi sự phối hợp [giữa người và thú] mà do sự truyền giống.

Một đoạn khác nữa viết như sau:

Có những người da sậm, tóc đỏ, bò trên bốn chân, ngẩng lên và gập xuống, khi thì đứng thẳng trên hai chân sau, lúc lại gập người trên bốn chân như cũ. Họ nói như ông cha bên nội (forefathers) và chạy trên bốn chân như tổ tiên khổng lồ bên ngoại (giant fore-mothers).

Những người theo thuyết Haeckel có thể nhận thấy rằng những giống người kỳ dị trên đây, không phải là giống người ban sơ mà là tổ tiên của vài bộ lạc dã man, như những thổ dân rừng rú ở Úc Châu chẳng hạn. Tuy nhiên, chí đến những giống người này cũng không phải là dòng dõi của loài khỉ đột, mà là con cháu của những tổ tiên của cha người mẹ thú, hay nói đúng hơn là dòng dõi của những quái vật nửa người,

---

1 Hầu như không thể dịch sát từng chữ một vài Giảng lý cổ truyền này. Chúng tôi thường bắt buộc chỉ dùng ý nghĩa thôi, và do đó phải dịch lại bản dịch sát từng chữ.

2 Trong thần thoại Ấn Độ, thần Rudra, một vị Kim Đồng, là một vị Nīlalohita – đỏ và xanh.

nửa thú, gọi là những "thất bại" của Thiên Nhiên đã nêu trong Thiên bình luận. Những loài khỉ đột thực sự mệnh danh là Catarrhini và Platyrr -hini của Haeckel, mãi về sau mới xuất hiện, vào thời kỳ cuối cùng của Châu Atlantis. Bốn loại khỉ đột giống như người là các sản phẩm tiến hóa thuần thể chất và mới nhất từ những loài khỉ thấp kém hơn. Chúng có một điểm chơn linh con người thuần khiết, trái lại, con người không hề có một giọt máu của loài khỉ ([1]) trong huyết

---

[1] Điều này bất chấp cuộc tiến hóa duy vật hiện đại, nó suy lý như sau: "Hình hài nhân loại nguyên sơ mà (theo chúng ta) mọi giống người đã xuất phát từ đó, đã bị tiêu diệt từ lâu rồi [chúng tôi phủ nhận điều này; nó đã chỉ bị giảm kích thước và thay đổi cấu trúc]. Nhưng nhiều sự kiện khiến chúng ta phải kết luận rằng nó có tóc và có đầu dài [ngay cả *hiện nay* các giống người Phi Châu vẫn có đầu khá dài, nhưng sọ của người Neanderthal thời cổ thạch (chiếc sọ xưa nhất mà chúng ta biết) lại có kích thước lớn và cũng chẳng gần bằng dung tích của sọ đười ươi hơn là sọ của bất kỳ người nào khác đang sống hiện nay}. Chúng ta hãy tạm thời gọi các chủng loại gia đình này là *giống người nguyên thủy*… Chủng loại đầu tiên này (tức người khỉ tổ tiên của mọi chủng loại khác) *có lẽ* phát nguyên từ một *chi khỉ giống người* trong các *vùng nhiệt đới* của Cựu thế giới; nếu được yêu cầu trưng bằng cớ thì không chút nản lòng nhà tiến hóa luận sẽ trả lời rằng: "Về vấn đề này, đến nay, *chúng ta chưa hề biết được các di tích hóa thạch nào, tuy nhiên, có lẽ chúng cũng tương tự như con đười ươi và con khỉ đột hiện nay".* Và như thế thì người da đen ở Papua có lẽ sẽ được xem là hậu duệ dòng dõi thứ nhất. (Nhân phổ học, trang 80).

Haeckel bám chặt lấy Châu Lemuria mà (cùng với Đông Phi và Nam Á). Ông cho rằng có thể là cái nôi của những người khỉ nguyên sơ. Nhiều nhà địa chất cũng vậy. Trong tác phẩm Sự Phân Bố Địa Lý của Các Thú Vật, ông A. R. Wallace cũng nhìn nhận là nó có thực, mặc dù theo một ý nghĩa hơi khác. Nhưng xin các nhà

quản. Đó là giáo lý của nền Minh Triết cổ truyền và cũng của một truyền thống xưa.

199 Có người hỏi: "Sự phân chia nam nữ được thực hiện bằng cách nào?" Chúng ta có nên tin chăng câu chuyện ngụ ngôn cổ của Do Thái nói rằng: "Thượng Đế móc cái xương sườn của Adam để nặn ra bà Eve?" Ngay cả sự tin tưởng như vậy chắc chắn là cũng còn hợp lý hơn việc con người thoát thai từ Loài có bốn tay: vì tín ngưỡng đó che giấu một chân lý nội môn dưới một lối thuyết minh huyền hoặc, còn sự việc sau chẳng bao hàm một sự kiện nào thâm sâu hơn là ý muốn áp đặt lên nhân loại một điều hoang tưởng duy vật. Cái xương sườn là một cái xương, và khi chúng ta đọc trong chương Sáng Thế nói rằng bà Eve được nắn ra từ xương sườn của Adam, điều đó chỉ có nghĩa là Giống người có *xương* được tạo nên từ những Giống người trước đó, chỉ là những hình bóng thanh nhẹ và "không có xương". Đây là một giáo điều nội môn được truyền bá rộng rãi. Nó hầu như có tính cách đại đồng thế giới dưới nhiều dạng khác nhau. Một truyền thuyết Tahiti nêu rõ rằng con người được tạo ra từ Araea, "đất đỏ". Taaroa (tức Quyền năng Sáng Tạo), vị Thần chính yếu, "để cho con người ngủ yên trong nhiều năm dài, trong nhiều kiếp". Điều này có nghĩa là các chu kỳ chủng tộc và ám

---

Tiến hóa luận đùng nói một cách khinh suất như vậy về kích thước đối chiếu của não người và não khỉ, vì điều này rất *phản khoa học*, nhất là khi họ giả vờ không thấy (hay dù sao đi nữa, chỉ thấy rất ít) sự dị biệt giữa hai thứ. Đó là vì chính Vogt cũng đã chứng tỏ rằng trong khi loài khỉ cao cấp nhất (đười ươi) chỉ có một bộ óc từ 30 tới 51 inch khối, thì bộ óc của người thổ dân Úc kém cỏi nhất cũng lên tới 99, 35 inch khối: như vậy, theo Pfaff bộ óc của đười ươi "chưa đầy một nửa kích thước bộ óc của một đứa trẻ sơ sinh".

chỉ *giấc hôn thụy trí tuệ* của y (như chúng ta đã trình bày ở đâu đó). Trong thời kỳ đó, Đấng Thánh Linh rút ra một khúc xương (Ivi) ra khỏi con người và nó biến thành một phụ nữ.(1)

Tuy nhiên, cho dù ẩn dụ có ý nghĩa gì đi chăng nữa, thì ngay cả ý nghĩa ngoại môn của nó cũng cần tới một Đấng thiêng liêng kiến tạo nên con người – một vị "Tổ Phụ". Thế thì liệu chúng ta có tin tưởng vào các Đấng siêu phàm như thế chăng? Xin đáp: Không. Huyền bí học không bao giờ tin tưởng vào bất cứ điều gì, dù là linh động hay bất động, ở *bên ngoài* Vũ Trụ. Chúng ta cũng chẳng phải là những kẻ sùng bái Vũ Trụ hoặc Đa Thần vì tin tưởng vào Thiên Nhiên và những người Thiêng Liêng. Đó là vì để bênh vực luận cứ của mình, chúng ta có bằng chứng tích lũy của biết bao thời đại, với chứng cớ bất di bất dịch về mọi điều căn cốt: Minh Triết của Cổ Nhân và truyền thuyết ĐẠI ĐỒNG THẾ GIỚI. Song le, chúng ta bác bỏ truyền thuyết vô căn cứ như thế, cho rằng chúng đã vượt quá mức ẩn dụ và biểu tượng ký nghiêm xác, mặc dù người ta đã có thể chấp nhận chúng trong các tín ngưỡng ngoại môn. Nhưng chỉ có những kẻ cố tình bịt mắt lại mới có thể bác bỏ được những gì vẫn được bảo tồn trong các truyền thuyết *nhất trí* với nhau. Vì vậy, chúng ta tin tưởng vào những giống người khác hơn chính Giống dân chúng ta,

---

[1] Khảo cứu Polynesia của Ellis, Quyển II, trang 38. Các nhà truyền giáo dường như đã chớp lấy danh xưng *Ivi* này và biến nó thành *Eve*. Nhưng Giáo sư Max Muller đã chứng tỏ rằng Eve không phải là danh xưng Hebrew mà là một biến thể Âu Mỹ của Chãvah, sự sống hay mẹ của chúng sinh; "trong khi đó, từ ngữ *ivi* của người Tahiti và *wheva* của người Maori chỉ có nghĩa là xương". (Nhập Môn Tôn Giáo, trang 304).

sống vào thời những địa kỷ xa xưa; chúng ta tin tưởng vào những giống người tinh anh nối tiếp những Giống người *vô sắc tướng*, có hình hài nhưng không cấu thành bởi chất liệu rắn đặc, những người khổng lồ có trước giống người lùn chúng ta. Chúng ta còn tin tưởng vào các triều đại Thiêng liêng, các vị Thánh Vương truyền thụ khoa học và nghệ thuật cho Giống dân thứ Ba; so sánh với chúng, nền khoa học hiện đại khiêm tốn của chúng ta cũng chẳng khác nào số học sơ cấp so với hình học.

Không, nhất định là không. Chúng ta không tin tưởng vào các trí thông tuệ *siêu nhiên*, mà chỉ tin tưởng vào các trí thông tuệ *siêu nhân* hay đúng hơn là *liên nhân*. Người ta có thể dễ dàng nhận thấy được một người có giáo dục ắt sẽ cảm thấy miễn cưỡng khi bị xếp vào hạng người mê tín dị đoan và dốt nát. Thậm chí, người ta có thể thấy rằng Renan đã phát biểu một chân lý vĩ đại khi cho rằng :

> Cái siêu nhiên đã trở nên giống như tội lỗi nguyên thủy, một tì vết mà mọi người dường như đều cảm thấy xấu hổ - ngay cả những người sùng đạo nhất, ngày nay họ cũng không chịu chấp nhận (cho dù chỉ là một chút) phép lạ trong Thánh kinh dưới dạng thô thiển, và ra sức thu gọn chúng tới mức tối thiểu, che giấu nó trong những ngõ ngách xa xăm nhất của quá khứ.([1])

Nhưng "cái siêu nhiên" của Renan lại thuộc về giáo điều chấp nê văn tự. Nó chẳng dính dáng gì tới tinh thần của giáo điều cũng như là thực tại của các sự kiện trong Thiên Nhiên. Nếu thần học yêu cầu chúng ta tin rằng chỉ mới cách đây bốn hoặc năm ngàn năm, con người thọ được ít nhất là 900 tuổi, và một phần nhân loại (ngoại trừ những kẻ của dân tộc Do Thái) gồm có những người khổng lồ và những con quái vật,

[1] Giảng tòa tiếng Hebrew ở Pháp Quốc Học Viện, trang 20.

thì chúng ta sẽ không chịu tin một điều như vậy đã tồn tại trong Thiên Nhiên chỉ mới cách đây *năm ngàn năm*. Đó là vì Thiên Nhiên không bao giờ tiến triển bằng những bước nhảy vọt; ngoài địa chất học, nhân loại học và dân tộc học ra, cả luận lý lẫn lương tri đều thật là chí lý khi phản đối những điều khẳng định như thế. Nhưng nếu cũng chính khoa thần học ấy chịu từ bỏ niên đại ký hoang đường của mình và tuyên bố rằng con người hưởng thọ 969 tuổi – tuổi thọ của Mathuselah – cách đây *năm triệu năm*, thì chúng ta sẽ chẳng có gì để phản đối lời tuyên bố đó. Ấy là vì, vào thời đó, bộ khung xác thịt của con người hiện nay cũng chẳng khác nào cơ thể của con Ban long (Megalosaurus) so với con thằn lằn thông thường.

Một nhà vạn vật học nêu ra một điều khó hiểu khác. Loài người là loài duy nhất có thể sinh ra nhau, mặc dù các giống người không được bình đẳng. Các kẻ chống lại thuyết Darwin cho rằng: "Không hề có vấn đề chọn lọc giữa các giống người; không nhà tiến hóa luận nào có thể phủ nhận luận chứng này, đó là luận chứng đã biểu lộ sự đớn nhất chuyên biệt một cách thành tựu. Vậy thì làm thế nào mà Huyền bí học có thể nhấn mạnh được rằng một phần của nhân loại thuộc Giống dân thứ Tư đã sinh ra con cái từ những người nữ thuộc một giống dân khác chỉ là bán nhân loại (nếu không muốn nói là hoàn toàn thú vật); các giống lai, vốn là kết quả của sự phối hợp đó, chẳng những sinh sản tự do mà còn tạo ra các tổ tiên của loài khỉ giống người hiện đại? Nội môn Bí giáo trả lời điều đó rằng nó đã chỉ diễn ra vào ngay lúc khởi đầu của con người vật chất. Từ đó trở đi, thiên nhiên đã thay đổi hẳn đường lối và sự hiếm muộn là hậu quả duy nhất của trọng tội thú tính của con người. Nhưng ngay cả hiện nay, chúng ta cũng có được các bằng chứng của điều

đó. Giáo lý Bí Nhiệm dạy rằng ngay cả hiện nay, *sự đơn nhất*
201 *chuyên biệt của nhân loại* đâu phải là không có ngoại lệ. Đó là vì hiện đang có (hoặc đúng hơn là cách đây vài năm đã có) hậu duệ của các giống dân hay bộ lạc nửa người nửa thú này, cả hai đều có nguồn gốc Lemuria và Lemuro – Atlantis xưa. Toàn thế giới biết họ là người Tasmania (nay đã tuyệt chủng), người Úc, người dân đảo Andaman v.v… Dòng dõi Tasmania hầu như có thể được chứng tỏ bởi một sự kiện, nó đã gây cho Darwin một ấn tượng sâu sắc mà ông không thể lờ đi được. Sự kiện này thật đáng lưu ý.

De Quatrefages và các nhà vạn vật học khác, đang ra sức chứng tỏ thuyết Nhân loại đồng nhuyên bằng chính sự kiện là mỗi giống người đều có thể pha giống với mọi giống người khác, trong khi tính toán, đã bỏ qua các ngoại lệ, mà trong trường hợp này, không hề xác nhận qui luật. Sự pha giống người có thể đã là một qui luật tổng quát từ thời phân chia giới tính, nhưng điều này không hề ngăn trở một định luật khác: đó là sự bất thụ (không sinh sản) giữa hai giống người, cũng như giữa hai giống thú vật thuộc loại khác nhau, trong những trường hợp hy hữu khi một người Âu Mỹ hạ cố kết đôi với một người nữ thuộc một bộ lạc dã man, ngẫu nhiên chọn một thành viên của các bộ lạc hỗn hợp như thế. ([1])

[1] Gốc di tích duy nhất về các tạo vật nửa người nửa thú ấy mà khoa nhân chủng học biết được là giống người Tasmania; *một phần* giống người Úc và một bộ lạc sơn cước ở Trung Hoa, với những người nam nữ lông lá xồm xoàm cùng mình. Họ là hậu duệ cuối cùng thuộc dòng dõi *chính thống* của những người Lemuria cận đại mà chúng ta đề cập đến. Tuy nhiên, có khá nhiều dân tộc hỗn hợp Lemuria – Atlantis được tạo ra do nhiều sự pha giống khác nhau với những dòng dõi nửa người nửa thú ấy – đó là những người dã

Darwin ghi nhận một trường hợp như thế khi một bộ lạc người Tasmania có những người đàn bà thình lình bị mất sinh sản hàng loạt, ít lâu sau khi các nhà thực dân người Âu đến với họ. Nhà vạn vật học lỗi lạc đã cố gắng giải thích sự kiện này bằng sự thay đổi chế độ tiết thực, tình trạng thực phẩm v..v... nhưng cuối cùng cũng không giải quyết được điều bí mật này. Đối với nhà Huyền bí học, điều này rất hiển nhiên. Cái gọi là "sự pha giống" giữa người Âu với phụ nữ Tasmania – nghĩa là các đại diện của một giống người có tổ tiên là một con quái vật "vô hồn" ([1]) và vô trí, với một con người thực sự dù vẫn còn là một người vô trí – đã tạo ra sự

---

man ở Borneo, người Veddhas ở Tích Lan (mà Giáo sư Flower xếp vào loại người Ãryan (!), hầu hết các thổ dân Úc còn lại, thổ dân Nam Phi, người Negritos, người dân đảo Andaman v.v…

Các thổ dân Úc ở vịnh St. Vincent và vùng lân cận Adelaide có lông lá nhiều, còn lớp da màu nâu của những đứa trẻ năm, sáu tuổi lại có vẻ giống như một lớp lông. Tuy nhiên, đó là những *người* đã thoái hóa, chứ không gần giống nhất với "con người giống khỉ", như Haeckel đã mạnh mẽ khẳng định. Chỉ có một phần của những người này là di tích của dân Lemuria (So sánh Phật Giáo Bí Nhiệm, trang 64 và tiếp theo, ấn bản kỳ 8 là trang 67).

[1] Khi gọi một con vật là "vô hồn"("soulless") chúng ta không tước bỏ một Linh Hồn của con thú, từ loài thấp hèn cho tới loài cao siêu nhất, mà chỉ cho rằng nó không có một Chơn Ngã – Linh Hồn (Ego-Soul) sinh tồn hữu thức, nghĩa là nguyên khí đó vẫn còn tồn tại sau khi một người chết đi, và luân hồi tái sinh nơi một người giống vậy. Con thú có một thể phách hãy còn tồn tại một thời gian ngắn sau khi thể xác đã chết; tuy nhiên, Chơn Thần (động vật) của nó không tái sinh trong cùng loài mà là trong một loài cao hơn, và dĩ nhiên là không có "Devachan". Chân thần đó có các *mầm mống* của mọi nguyên khí con người nhưng chúng chỉ *tiềm tàng.*

bất thụ, điều này diễn ra chẳng những là hậu quả của định luật sinh lý mà còn là một quyết nghị của sự tiến hóa do nghiệp quả và vấn đề sự sống còn của giống người bất thường. Cho đến nay, khoa học vẫn chưa sẵn sàng tin tưởng vào bất kỳ điều gì nêu trên, nhưng về lâu về dài, nó sẽ phải tin tưởng. Chúng ta nên nhớ rằng Nội môn Bí giáo chỉ lấp đầy những chỗ trống mà khoa học đã để lại và cải chính các tiền đề sai lầm (premisses) của khoa học.

202 Thế nhưng, về chi tiết này, địa chất học (thậm chí cả thực vật học và động vật học nữa) lại ủng hộ Nội môn Bí giáo. Nhiều nhà dịa chất học đã gợi ý rằng thổ dân Úc – cùng tồn tại với một hệ động vật và một hệ thực vật cổ thời – phải có một nguồn gốc rất xa xưa. Toàn bộ môi trường sinh sống của giống người bí mật này (mà khoa nhân chủng học vẫn chưa rõ nguồn gốc) là một chứng cớ về sự thật của lập trường nội môn. Jukes cho rằng:

> Có một sự kiện rất kỳ diệu là chẳng những các con vật thuộc loài hữu đại này [các động vật hữu nhũ mà chúng ta thấy nơi các phiến thạch của khu mỏ đá Oxfordshire] mà còn nhiều loài sò hến – chẳng hạn như loài Trai ba góc và ngay cả vài loại cây hóa thạch trong Đá trứng cá – lại giống các loài nay đang sống ở Úc Châu hơn các sinh vật ở bất kỳ nơi nào khác trên địa cầu. Chúng ta có thể giải thích điều này dựa vào giả định cho rằng từ kỷ Oolitic (Đá trứng cá) [kỷ Jura], Úc *ít bị biến đổi hơn các nơi khác,* do đó hệ thực vật và động vật của Úc chắc vẫn còn bảo tồn được một điều đó thuộc loại đá trứng cá, *trong khi nó đã hoàn toàn bị thay thế ở các nơi khác trên địa cầu (!!). (1)*

Nay tại sao Úc lại ít bị biến đổi hơn các nơi khác? Đâu là *lý do tồn tại* của một sự "nguyền rủa trì trệ" như thế? Đó chỉ là

[1] Sổ tay Địa Chất Học, trang 302.

vì môi trường thiên nhiên xung quanh phát triển song song với giống dân liên hệ. Sự tương ứng khống chế khắp nơi. Những người Lemuria sau này còn sống sót, vốn đã tránh thoát được sự diệt vong của đồng bọn khi lục địa bị nhận chìm, đã trở thành tổ tiên của một phần của các bộ lạc thổ dân hiện nay. Vốn là một phân chủng rất thấp kém, thoạt tiên được sinh ra từ loài thú vật, quái vật có các hóa thạch, nay vẫn còn nằm sâu dưới đáy biển hàng dặm Anh, dòng dõi của họ từ đó đã tồn tại trong một môi trường chịu ảnh hưởng nặng nề của *luật trì trệ.* Úc lại là một trong những vùng đất xa nhất, nay còn nổi trên mặt nước, và đang trải qua sự lão suy của tuổi già mặc dù đất đai của nó vẫn còn bị bỏ hoang. Nó chẳng thể tạo ra được các hình hài mới mẻ nào trừ phi có sự trợ lực của các giống dân mới cùng với sự trồng trọt và chăn nuôi nhân tạo.

Xin trở lại lịch sử Giống dân thứ Ba, gồm những giống người "Hãn sinh", "Noãn sinh" và "Thư hùng lưỡng tính". Vốn gần như vô phái, không nam không nữ ngay từ lúc đầu, giống dân ấy trở nên bán nam bán nữ, lẽ tất nhiên là tuần tự từng giai đoạn. Sự chuyển biến từ trạng thái đầu tiên đến trạng thái sau này trải qua vô số thời gian. Trong khi đó, tế bào đơn thuần xuất phát từ vị tổ tiên xa xưa nhất (hai trong một) trước hết phát triển thành một sinh vật lưỡng phái, kế đó, tế bào trở nên một quả trứng, rồi mới sinh ra một nhân vật đơn tính. Nhân loại của Giống dân thứ Ba là giống người bí hiểm nhất trong tất cả năm Giống dân đã xuất hiện từ trước tới nay. Ở đây, bí mật của cách thức sinh sản của các giới tính riêng biệt tất nhiên là phải rất mù mờ, vì đó là công việc của một nhà phôi thai học và một chuyên gia; tác phẩm này chỉ trình bày những nét khái quát của tiến trình đó. Nhưng hiển nhiên là những người của Giống dân thứ Ba bắt

203 đầu phân chia nam nữ ngay từ trong trứng ([1]) trước khi sinh ra và khi vừa chui ra khỏi vỏ trứng thì đã hình thành ngay các hài nhi nam nữ, nhiều thế hệ sau sự xuất hiện của những vị thủy tổ đầu tiên. Trải qua dòng thời gian, những phụ chủng mới sinh sau bắt đầu mất các khả năng sinh nở của họ. Vào cuối *phụ chủng* thứ tư, đứa hài nhi sơ sinh mất khả năng đi đứng tự nhiên khi vừa chui ra khỏi vỏ, và đến cuối phụ chủng thứ năm thì loài người sinh ra dưới tình trạng và phương thức sinh sản giống y như những thế hệ lịch sử nhân loại ngày nay. Lẽ dĩ nhiên tiến trình tiến hóa này phải trải qua nhiều triệu năm. Người ta đã khiến cho độc giả làm quen với các số liệu gần đúng; ít ra là theo phép tính toán ngoại môn. ([2])

Chúng ta đang tiến gần tới khúc quanh của sự tiến hóa của các Giống dân. Chúng ta hãy thử xem Huyền bí học dạy về nguồn gốc của ngôn ngữ ra sao.

36. GIỐNG DÂN THỨ TƯ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Thiên bình luận giải thích rằng Giống dân thứ Nhất – các con của Yoga, thanh nhẹ như dĩ thái, cũng gọi là "Tự sinh"-vốn không có ngôn ngữ hiểu theo giác quan của chúng ta, vì họ không có trí khôn. Giống dân thứ Hai có một "ngôn ngữ

---

[1] Nếu không có ẩn dụ dựa vào một sự kiện trong thiên nhiên thì các "truyện ngụ ngôn" và "thần thoại" về Leda và Jupiter v.v… ắt không bao giờ xuất lộ trong trí tưởng tượng của con người. Sự tiến hóa, đang dần dần biến con người thành một động vật hữu nhũ, đã chỉ thực hiện trong trường hợp của y những gì mà nó đã thực hiện trong trường hợp các loài động vật khác. Nhưng điều này không hề cản trở việc con người bao giờ cũng đứng đầu giới động vật và các chủng loại hữu cơ khác cũng như có trước giới động vật.

[2] Xem tiết bàn về "Niên đại ký của người Bà La Môn", trang 76.

âm thanh", nghĩa là phát ra những âm thanh giống như tiếng hát gồm những nguyên âm mà thôi. Giống dân thứ Ba *lúc đầu* phát triển một loại ngôn ngữ có tính chất hơi khác hơn những âm thanh trong Thiên Nhiên chẳng hạn tiếng kêu của những loại côn trùng lớn và những loại thú cầm ban sơ. Tuy nhiên, ngôn ngữ đó cũng chỉ mới nảy sinh ra vào thời kỳ của những người Hãn sinh (Giống dân thứ Ba *ban sơ*). Trong thời kỳ sau này, khi những người "Hãn sinh" sinh ra giống người "Noãn sinh" (giữa Giống dân thứ Ba) và khi các giống người này, thay vì sinh ra làm những người thư hùng lưỡng phái, bắt đầu phân chia nam nữ và khi luật tiến hóa khiến họ sinh sản truyền giống bằng phương pháp phối hợp – một hành động, nó bắt buộc các vị Thần Sáng Tạo phải chuyển kiếp đầu thai trong giống người *không có trí khôn* dưới sự định đoạt của luật nhân quả, thì chỉ khi đó mới bắt đầu có ngôn ngữ loài người. Nhưng thậm chí, vào lúc đó, nó cũng chỉ là một cố gắng dò dẫm mà thôi chứ không hơn. Toàn thể nhân loại lúc đó chỉ có "ngôn ngữ đồng nhất". Điều này cũng không ngăn cản hai phụ chủng cuối cùng của Giống dân thứ Ba ([1]) tạo dựng các thành phố, đô thị và gieo rắc xa gần những mầm mống văn minh đầu tiên dưới sự dìu dắt của các Đấng Giáo Chủ Thiêng Liêng ([2]) và nhờ bởi trí khôn đã thức tỉnh của họ. Chúng ta

[1] Để khỏi lẫn lộn, xin độc giả nhớ cho rằng từ ngữ Căn chủng (Root Race) áp dụng cho một trong bảy Giống dân lớn, Phân chủng (sub-Race) áp dụng cho một trong các nhánh dân lớn của Căn chủng, còn Chi chủng áp dụng cho một trong nhiều tế phân của Phân chủng, nó bao gồm nhiều quốc gia và bộ lạc lớn.

[2] Bản chất của các Thánh Sư này được giải thích trong Tiết bàn về "Giống dân thứ Năm và các Thánh Sư" ở phần Giảng lý của Đoạn kinh 12.

204 nhớ rằng cũng như thời kỳ của mỗi Giống dân trong bảy Giống dân đều chia ra làm bốn Thời đại – Vàng, Bạc, Đồng và Sắt – thì mỗi phân bộ nhỏ nhất của mỗi Giống dân ấy cũng phân chia y như vậy. Theo Giáo lý Huyền môn thì ngôn ngữ loài người phát triển theo trật tự sau đây:

1. *Ngôn ngữ độc âm (Monosyllabic speech*): là ngôn ngữ của giống người đầu tiên gần hoàn toàn phát triển vào cuối thời kỳ Giống dân thứ Ba, những người có sắc da màu vàng, sau khi phân chia nam nữ và hoàn toàn mở trí khôn. Trước đó, họ giao tiếp với nhau bằng cách mà ngày nay chúng ta gọi là "chuyển di tư tưởng". Trừ ra giống người gọi là "Con của Ý Chí và Yoga" là giống người đầu tiên trong đó các vị "Con của Minh Triết" đầu thai chuyển kiếp, tư tưởng chỉ phát triển rất ít trong loài người ban sơ vừa mới có thể xác. Thể xác của họ thuộc về Cõi Trần nhưng Chơn Thần vẫn hoàn toàn ngự ở cõi trên. Ngôn ngữ không thể phát triển đến mức khả quan trước khi các khả năng suy luận của họ đã được hoạch đắc và nảy nở hoàn toàn. Ngôn ngữ độc âm này có thể nói là cái "nguyên âm phụ mẫu" của những ngôn ngữ đơn âm pha lẫn với những phụ âm cứng rắn, ngày nay vẫn còn đắc dụng trong các chủng tộc da vàng mà các nhà nhân chủng học đã biết. ([1])

[1] Tuy nhiên, các giống dân da vàng hiện nay là hậu duệ của các nhánh sơ khai của Giống dân thứ Tư. Như đã nói trên, các hậu duệ *thần chủng và chính thống* duy nhất của Giống dân thứ Ba là một phần thổ dân Úc bị sa đọa và thoái hóa, tổ tiên xa của họ thuộc về một phân ngành của phân chủng thứ bảy của Căn chủng thứ Ba. Những giống dân còn lại có dòng dõi hỗn hợp Lemuria-Atlantis. Từ đó trở đi, họ đã bị biến đổi hoàn toàn về tầm vóc và trí năng.

2. *Ngôn ngữ chắp dính (Agglutinative speech)* ([1]) là ngôn ngữ của vài giống người Atlantis, trong khi những chủng tộc nguyên thủy khác của Giống dân thứ Tư vẫn giữ tiếng mẹ đẻ. Mọi ngôn ngữ đều có sự tiến hóa theo định luật chu kỳ, có những giai đoạn sơ sinh, trưởng thành pha lẫn với ngôn ngữ khác, giai đoạn chín muồi suy thoái và tiệt diệt. ([2]) Cũng y như thể ngôn ngữ lúc ban sơ của phần nhiều chủng tộc văn minh Atlantis – ngôn ngữ mà các tác phẩm Bắc Phạn thời xưa gọi là Rãkshasi Bhashā– đã trở nên suy tàn và hầu như biệt

---

[1] Ngôn ngữ gồm toàn nguyên âm dính với nhau như nhựa nghe không phân biệt âm thanh rõ ràng. (LND).

[2] *Ngôn ngữ* nhất định là xuất hiện đồng thời với lý trí và không bao giờ được phát triển trước khi con người hợp nhất với các nguyên khí làm linh hoạt mình – đó là những người làm nảy nở và khai hoạt yếu tố trí tuệ tiềm tàng trong con người nguyên thủy. Đó là vì trong tác phẩm Khoa Học về Tư Tưởng, Giáo sư Max Muller đã cho chúng ta biết rằng: "Tư tưởng đồng nhất với ngôn ngữ". Tuy nhiên, nếu nói thêm rằng *Các tư tưởng vốn quá thâm thúy đối với ngôn ngữ, không hề thực sự tồn tại,* thì lại hơi liều, vì tư tưởng được ghi khắc trên các thần biểu dĩ thái vẫn tồn tại mãi mãi, cho dù có được diễn đạt hay không. Huyền âm (Logos) là cả lý trí lẫn ngôn từ. Nhưng ngôn từ diễn tiến theo chu kỳ đâu phải lúc nào cũng đủ để diễn đạt các tư tưởng *thiêng liêng.* Vả lại, theo một ý nghĩa nào đó, từ ngữ Hy Lạp Logos (Huyền Âm) lại tương đương với từ ngữ Bắc Phạn Vãch, "tia tinh thần bất diệt (trí tuệ)". Và sự kiện cho rằng Vãch (trên cương vị là Devasena, một trạng thái của Sarasvatĩ, Nữ Thần Minh Triết Ẩn Tàng) là phu nhân của Đấng Thiên Tôn (Kumãra) cô độc mãi mãi, cũng bộc lộ một điều gợi ý (mặc dù ẩn tàng) ám chỉ các Thiên Tôn, các Đấng "không chịu sáng tạo", nhưng sau này bắt buộc phải bổ sung cho Con người *thiêng liêng* bằng cách đầu thai vào Ngài. Tất cả các điều này sẽ được giải thích tỉ mỉ trong các Tiết sau.

205 tích. Trong khi thành phần ưu tú của Giống dân thứ Tư ngày càng vượt lên mức tột đỉnh của sự tiến hóa thể chất và trí tuệ và để lại một di sản ngôn ngữ tiến bộ đến mức thượng đẳng cho Giống dân thứ Năm (Giống dân Ãryan) đang lên thì ngôn ngữ "chắp dính" đã suy vi và còn sót lại như một thổ ngữ gần tàn, lẻ loi và giới hạn trong các bộ lạc thổ dân ở Mỹ Châu.

3. *Ngôn ngữ trầm bổng (Inflectional speech)* ngôn ngữ đầu tiên là căn nguyên của Bắc Phạn ngữ (Sanskrit) mà người ta gọi một cách rất sai lầm là "chị hai" của tiếng Hy Lạp, thay vì là mẹ của nó (ngày nay là ngôn ngữ bí mật của các bậc Đạo đồ của Giống dân thứ Năm). Dù sao, những ngôn ngữ Cận Đông là do những cách phát âm lệch lạc của những biến thái đầu tiên của các ngôn ngữ cổ Bắc Phạn. Huyền bí học không chịu thừa nhận các phân ngành như là dân Ãryan và dân Semite và chấp nhận ngay cả dân Turanian một cách không dè dặt lắm. Người Cận Đông, nhất là người Á Rập là một chi nhánh sau này của chủng tộc Ãryan, tàn tạ về tâm linh và hoàn thiện về mặt vật chất. Tất cả những người Do Thái và Á Rập thuộc về phụ chủng này. Chi chủng Do Thái là một bộ lạc xuất phát từ giai cấp mạt hạng Chãndãla của Ấn Độ, có nhiều người thuộc giai cấp Bà La Môn trước kia, đi tìm nơi trú ẩn ở Chaldea, Ba Tư và thực sự sinh ra do bởi cha họ A-Bram (không Bà La Môn) độ 800 năm trước T.C. Chi chủng Á Rập là hậu duệ của những người Ãryan không muốn di cư xuống Ấn Độ vào thời kỳ phân tán các quốc gia, một số còn ở lại các vùng biên giới xứ này như Afghãnistãn và Kabul ([1]) và

[1] Trong thần biểu thứ chín, khi đề cập tới các bộ lạc Kabolitae hay Kabul, Ptolemy đã gọi họ là Aristophyli, các bộ lạc quý tộc người Afghãnistãn tự xưng là Ben- Israel, các con của Israel, từ nguyên là

dọc theo bờ sông Oxus, còn một số khác đột nhập vào và xâm chiếm xứ Á Rập. Nhưng điều này đã diễn ra khi Phi Châu đã được nâng lên thành một lục địa.

Issa "đàn bà và cũng là đất", các con của Mẹ Đất (Mother Earth). Nhưng nếu chúng ta gọi một người Afghãns là Yahudhi (Do Thái) thì y sẽ giết chết bạn ngay. Danh xưng của mười hai bộ lạc giả định của người Do Thái và danh xưng của mười hai bộ lạc thực sự người Afghãns (ít ra thì dòng dõi Á Rập của họ) có nguồn gốc xưa hơn người Do Thái nhiều, chẳng ai cần phải lấy làm ngạc nhiên khi thấy các danh xưng bộ lạc ấy xuất hiện trong đám họ như là Youssoufzic, các con của Joseph, ở Punjcaure, và Boonere; Zablistance (Zebulon); Ben-manassech các con của Manssech, trong đám người Khojar Tartars; Ysaguri tức Issachar nay là Ashnagor ở Afghãnistãn v.v… Toàn thể mười hai tên của cái gọi là mười hai bộ lạc chính là danh xưng của các cung Hoàng Đạo (nay điều trên đã được chứng tỏ một cách minh bạch). Trong bất cứ trường hợp nào, nếu được quyền dịch lại, danh xưng của các bộ lạc Á Rập xưa nhất cũng cho chúng ta các danh xưng của các cung Hoàng Đạo, cũng như danh xưng của các đứa con huyền thoại của Jacob. Đâu là vết tích của mười hai bộ lạc Do Thái? Chẳng có ở đâu cả. Nhưng có một vết tích sâu sắc mà người Do Thái đã ra sức đánh lừa thiên hạ bằng các danh xưng này. Đó là vì chúng ta hãy xem những gì đã diễn ra hàng bao nhiêu thời đại sau khi *mười bộ lạc* đã hoàn toàn biến mất khỏi Babylon. Vì muốn ra lệnh dịch bộ Luật Hebrew ra tiếng Hy Lạp (kinh cựu ước Hy Lạp trứ danh) cho mình nên Philadelphus đã viết thư cho vị đại lễ sư của các tín đồ Do Thái (Eleazar) yêu cầu cử tới cho ông *sáu người từ mỗi một trong mười hai bộ lạc, thế là bảy mươi hai đại diện* (trong số đó sáu chục người có bề ngoài là ma quỷ) đã đến với Quốc Vương Ai Cập và dịch bộ Luật giữa các phép lạ. Xem Horoe Biblicoe của Butler, Josephus và Philo Judaeus.

Trong khi chờ đợi, chúng ta phải theo dõi (một cách chặt chẽ trong mức độ cho phép của không gian hạn hẹp) sự tiến hóa dần dần của các chủng loại nay đang thực sự là người. Chúng ta phải tìm kiếm nguồn gốc của các loài khỉ giống người nơi sự tiến hóa bị chặn lại thình lình của một vài phân chủng, và sự chuyển hướng cưỡng chế và khốc liệt thành ra dòng giống thuần túy thú vật bằng sự pha giống nhân tạo; hoàn toàn tương tự như sự lai giống mà nay chúng ta đã học
206 được để sử dụng trong các giới thực vật và động vật.

Như chúng ta đã thấy, các "Đấng Minh Triết" đã không đầu thai trong các quái vật nhiều lông đỏ và tóc đỏ này, chúng là hậu quả của sự cấu hợp bất tự nhiên giữa loài người và loài thú. Như vậy, qua một loạt biến hóa dài đăng đẳng do sự pha giống không tự nhiên – sự "tuyển lựa tính dục" không tự nhiên – các mẫu người thấp kém nhất rốt cuộc cũng sinh ra. Trong khi đó, thú tính thêm nữa và kết quả của các nỗ lực sinh dục động vật đầu tiên của họ đã sinh ra một chủng loại sẽ phát triển thành ra các con khỉ hữu nhũ hàng thời đại sau. ([1])

Còn về sự phân chia giới tính, nó đã không diễn ra đột ngột như người ta thường lầm tưởng. Thiên nhiên tiến triển dần dần trong bất kỳ công việc nào.

37. MỘT (THƯ HÙNG LƯỠNG PHÁI) TRỞ THÀNH HAI, VÀ TẤT CẢ CÁC LOÀI BÒ SÁT VẪN CÒN LÀ MỘT; LOÀI CÁ KHỔNG LỒ, CHIM VÀ RẮN LỚN CŨNG VẬY.

---

[1] Thiên bình luận giải thích rằng loài khỉ là loại thú vật duy nhất đã dần dần (theo từng thế hệ chủng loại) có khuynh hướng càng ngày càng quay về với kiểu mẫu nguyên sơ của vị tổ phụ nam giới của nó – người không lồ da đen ở Lemuria và Atlantis.

Câu chuyện này tất nhiên là nói về cái gọi là thời đại của loài bò sát thủy tộc, trong những thời đại mà khoa học nói rằng không có người ở ! Nhưng cổ nhân đã có thể biết gì về các con thú và quái vật tiền sử trước thời đại hồng thủy? Tuy nhiên, trong Quyển VI của Thiên bình luận có đoạn như sau:

Khi Giống dân thứ Ba phân chia và sa vào tội lỗi bởi việc sinh ra giống nửa người nửa thú, giống thú này trở nên hung dữ và cùng với loài người tàn sát lẫn nhau. Cho đến khi đó, không hề có tội lỗi và sát sinh. Sau cuộc phân ly, thời đại Satya [Yuga] đã chấm dứt. Mùa xuân trường cửu trở nên thời tiết đổi thay và bốn mùa luân phiên nối tiếp nhau. Tiết trời lạnh lẽo bắt buộc con người xây dựng nhà cửa và chế ra quần áo. Khi đó, con người kêu gọi đến các Thiên Thần. Vị Hóa Thân của loài Rồng Rắn thiêng liêng đến và các vị tiền phong của Đấng Giác Ngộ [Phật]. Các vị Thánh Vương giáng lâm và dạy loài người những nghành khoa học và mỹ thuật, vì con người không còn có thể sống trên mảnh đất đầu tiên [Vườn Địa Đàng của những Giống dân đầu tiên] đã trở thành một vùng băng giá tuyết lạnh.

Đoạn trên thật là gợi ý. Chúng ta sẽ thấy những gì có thể được suy ra từ phát biểu ngắn gọn này. Một số người có thể là có khuynh hướng cho rằng nó bao hàm nhiều điều hơn những gì đập vào mắt chúng ta khi thoạt nhìn nó.

207

VƯỜN ĐỊA ĐÀNG, RẮN VÀ RỒNG

Đâu là nguồn gốc của ý niệm "Vườn Địa Đàng" và chân ý nghĩa của nó? Tín đồ Thiên Chúa giáo ắt quả quyết rằng Vườn Địa Đàng là Lạc Viên thiêng liêng, nơi mà tội lỗi của Adam và Eve *đã làm ô uế.* Các nhà Huyền bí ắt sẽ phủ nhận lối thuyết minh chấp nê văn tự này và trình bày ngược lại. Chẳng cần tin rằng Thánh kinh là một điều Thiên Khải thì

người ta cũng có thể cho rằng nếu được thuyết minh theo lối bí truyền, quyển cổ thư này cũng dựa vào các truyền thuyết khác. Trong Nữ Thần Isis Lộ Diện, Vườn Địa Đàng (Eden) đã được giải thích một phần như sau:

Vườn Địa Đàng, với vai trò là một địa điểm, chẳng có gì là thần thoại, nó là một trong các cột mốc lịch sử đôi khi tiết lộ cho môn sinh biết rằng Thánh kinh không phải chỉ toàn là ẩn dụ. "Eden, hay Gan-Eden (tiếng Hebrew) tức Vườn Địa Đàng là một danh xưng cổ sơ của một xứ có sông Euphrates và nhiều chi lưu chảy qua, từ Châu Á và Armenia tới biển Erythraian". Vị trí của nó được Số Mục Thánh Thư của dân Chaldea chỉ định bằng số, còn bản thảo của phái Hoa Hồng Thập Tự do Bá Tước St. Germain truyền lại cũng mô tả nó thật tỉ mỉ. Trong các Thần Biểu của dân Assyria, nó được gọi là Gan-duniyas. ([1]) Trong Sáng Thế Ký, Đấng Elohim bảo: "Xem kìa, con người đã hợp nhất với chúng ta". Có thể chấp nhận rằng theo một ý nghĩa, Elohim lại là các vị thần hay quyền năng, còn theo một ý nghĩa khác, Elohim lại là Aleim tức các lễ sư, các bậc Đạo Trưởng điểm đạo cho người ta quán triệt được lẽ thiện ác của thế gian này. Đó là vì có một đoàn thể lễ sư tên là Aleim mà vị thủ lĩnh hay vị Đại Đạo Trưởng được biết tên là Java-Aleim. Thay vì trở thành một đệ tử sơ cơ và dần dần thu được kiến thức nội môn xuyên qua một cuộc điểm đạo chánh thức, một Adam (tức Con Người) lại sử dụng các quan năng trực giác và bị con rắn – người *Đàn bà* và Vật Chất- xúi giục nếm trái Cây Tri Thức (nội môn bí giáo) một cách bất hợp pháp. Tất cả các vị lễ sư của Hercules (tức Mel-karth, "Chúa Tể Vườn Địa Đàng") đều mặc "các lớp áo bằng da". Kinh điển dạy: "Thế là Java Aleim làm cho Adam và vợ y, các CHITONOTH-OUR". Từ ngữ Hebrew đầu tiên (chiton) chính là tiếng Hy Lạp "chitõn". Nó đã trở thành một từ ngữ Slavo do Thánh kinh chọn dùng, và có nghĩa là một *cái áo khoác ngoài.*

[1] Tiến sĩ A. Wilder cho rằng Gan-duniyas là một tên gọi của xứ Babylonia.

Mặc dù cũng bao hàm một nền tảng chân lý nội môn như mọi vũ trụ khởi nguyên luận cổ sơ, song Thánh kinh Hebrew lại có dấu hiệu của một nguồn gốc nhị phân. Sáng Thế Ký của nó thuần là một hồi niệm về tình trạng nô lệ của xứ Babylonia. Danh xưng của các nơi chốn, con người (thậm chí cả đồ vật nữa) có thể được truy nguyên từ nguyên bản tới tận dân Chaldea và dân Akkad, các vị thủy tổ và huấn sư Ãryan của người Chaldea. Người ta đã kịch liệt kháng biện rằng các bộ lạc Akkad ở Chaldea, Babylonia và Assyria không hề có cùng nguồn gốc gì với những người Bà La Môn; nhưng có nhiều bằng chứng bênh vực luận cứ này hơn các luận cứ khác. Có lẽ chúng ta nên gọi người Semite hay Assyria là dân Turanian, còn người Mông Cổ là dân Scyth. Nhưng nếu người Akkad đã tồn tại thực sự chớ không phải do một số nhà ngôn ngữ học và dân tộc học tưởng tượng ra, thì họ nhất định chưa bao giờ là một bộ lạc Turanian, như một vài nghiên cứu về Assyria đã cố gắng thuyết phục chúng ta. Họ chỉ là những kẻ di cư từ Ấn Độ (cái nôi của nhân loại) trên đường đi tới Tiểu Á và các bậc Cao tăng của họ đã lưu lại để khai hóa cho một dân tộc còn bán khai. Halévy đã chứng minh sự trá ngụy của chứng điên cuồng Turanian liên quan tới dân Akkad… còn các nhà khoa học khác đã chứng tỏ được rằng nền văn minh Babylonia không hề sinh ra hay phát triển trong xứ đó. Nó được du nhập từ Ấn Độ và những kẻ du nhập chính là những người Bà La Môn của Ấn Giáo. ([1])

208 Và nay, mười năm sau khi viết ra điều này, chúng tôi thấy mình lại được Giáo sư Sayce bổ chứng. Trong bài Thuyết trình Hibbert đầu tiên của mình, ông đã cho rằng nền văn

[1] Quyển I, trang 575 – 576.

hóa của đô thị Eridu của Babylonia "được du nhập từ nước ngoài". Nó phát nguyên từ Ấn Độ.

Người Semite đã vay mượn nhiều thuyết thần học của Akkad hay Tiền Chaldea phi Semite. Họ đã thay thế các dân tộc trên và không muốn cũng như không có quyền bài trừ hết các tục thờ cúng địa phương của các dân tộc đó. Thật vậy, suốt một thời kỳ dài đăng đẳng, các dân tộc Semite và Akkad đã sống kề sát bên nhau; các khái niệm và tục thờ cúng thần linh của họ hòa lẫn với nhau một cách thuần nhã.

Ở đây, như đã nhấn mạnh trong Nữ Thần Isis Lộ Diện (đó là một điều bổ chứng khác) dân Akkad được gọi là phi Semite. Chúng ta cũng chẳng đuối lý hơn khi luôn luôn quả quyết rằng Thánh kinh Do Thái chỉ là một sự sưu tập các sự kiện lịch sử của các dân tộc khác và được sắp xếp vào trong lớp vỏ Do Thái – ngoại trừ Sáng Thế Ký, vốn là Nội môn Bí giáo thuần túy. Nhưng khoa học phải tìm hiểu cái nôi – hay đúng hơn là một trong những cái nôi chính – của nhân loại và các con của Ad-ah từ Euxine tới Kashmir và vượt xa hơn nữa; nhất là về sau này, khi Vườn Địa Đàng trên sông Euphrate trở thành Trường học của các nhà Chiêm tinh và Pháp sư.

Nhưng "Trường" này và Vườn Địa Đàng này thuộc về Giống dân thứ Năm và chỉ là một hồi niệm mơ hồ của Ãdi – Varsha (Vườn Địa Đàng) của Giống dân thứ Ba nguyên sơ. Đâu là ý nghĩa từ nguyên của từ ngữ *Vườn Địa Đàng*? Trong tiếng Hy Lạp, nó là Edone có nghĩa là "sự dâm dục". Về phương diện này, nó chẳng có gì tốt hơn Thiên giới của người Hy Lạp, cõi Trời của Indra, Thiên Đàng trên núi Tu Di (Meru), và ngay cả Lạc viên đầy Houris mà Mahomet hứa hẹn với các tín đồ. Vườn Địa Đàng không bao giờ chỉ riêng thuộc về tín đồ Do Thái, vì Trung Quốc (mà chúng ta hầu

như không có thể ngờ là nó đã biết một điều gì về người Do Thái vào năm 2 000 trước T.C.) cũng đã nói có một Vườn nguyên sơ như thế ở Trung Á, nơi trú ngụ của các "Rồng Minh Triết", tức Điểm đạo đồ. Còn theo Klaproth, đồ thị bằng chữ tượng hình mà quyển sách Phật quốc ký (Foe-koue-ki) ([1]) sao lại từ một quyển Bách Khoa Từ Điển của Nhật lại xác định vị trí "Vườn Minh triết" của nó ở trên cao nguyên Pamir, giữa các đỉnh cao nhất của rặng Hy Mã Lạp Sơn, và mô tả nó là tột đỉnh của Trung Á, cho thấy bốn dòng sông Oxus, Ấn Hà, Hằng Hà và Silo phát nguyên từ một cội nguồn chung: "Long Hồ" ("Lake of the Dragons").

Nhưng đây không phải là Vườn Địa Đàng trong Sáng Thế Ký, cũng không phải Vườn Địa Đàng trong Thánh kinh Do Thái Bí giáo. Đó là vì, theo một ý nghĩa, Vườn Địa Đàng – Eden Illa-ah - có nghĩa là Minh Triết, một trạng thái giống như trạng thái Niết Bàn, Thiên Đàng chí phúc. Còn theo một ý nghĩa khác, nó lại nhằm nói tới Con Người Trí Tuệ, vốn bao hàm Vườn Địa Đàng mà Cây Tri Thức thiện ác mọc trong đó; con người là *Thức giả* của Vườn Địa Đàng.

209 Dựa vào "các phép qui nạp chắc chắn nhất" Renan và Barthélemy St. Hilaire cho rằng không thể nghi ngờ gì nữa, và cả hai đều xác định vị trí cái nôi của nhân loại "ở vùng Timaus". Cuối cùng, Tạp chí Á Châu kết luận rằng:

> Mọi truyền thuyết của nhân loại đều tụ tập các gia đình nguyên thủy vào nguyên quán của họ, cho chúng ta thấy rằng họ đã tụ tập lại quanh các xứ mà truyền thuyết Do Thái xác định là Vườn Địa Đàng, nơi mà người Ãryan [các tín đồ Bái Hỏa giáo] lập nên Airyana Vaẽjõ của mình tức núi Tu Di (Meru) [?]. Chúng bị bao bọc

[1] Phật quốc ký (Foe-koue-ki) tức quan hệ của các Vương quốc Phật giáo của Sư Pháp Hiển (Chy Fa-hian), do Abel Remusat dịch.

ở phía Bắc bởi các xứ nối liền hồ Aral, còn phía Nam bởi Baltistan, tức xứ Tây Tạng nhỏ bé. Mọi chuyện đều nhất trí chứng tỏ rằng đó là chỗ trú của loài người nguyên sơ mà chúng ta phải được truy nguyên.

"Loài người nguyên sơ" đó chính là Giống dân thứ Năm khi "Con Rồng bốn miệng" (cái hồ), hiện nay còn lưu lại rất ít di tích, chính là chỗ trú của các "Con Minh Triết", các Con Trí sinh đầu tiên của Giống dân thứ Ba. Thế nhưng, nó không phải là cái nôi duy nhất, cũng không phải là cái nôi bản sơ của nhân loại, mặc dù nó đích thực là mô phỏng theo cái nôi của Con người suy tư *thiêng liêng* đầu tiên. Đó là *Paradesha*, vùng cao nguyên của dân tộc nói tiếng Bắc Phạn đầu tiên, *Hedone*, xứ khoái lạc của người Hy Lạp, nhưng đó không phải là "*Nhà mát* dâm dục" của người Chaldea, vì nhà mát ấy chỉ là hồi niệm của nó; nó cũng không phải là nơi mà sự *Sa đọa của con người* đã diễn ra sau khi có sự "phân cách". Vườn Địa Đàng của người Do Thái đã được *mô phỏng theo bản sao* của người Chaldea.

Cách đề cập tới Con rắn (bản chất của nó được giải thích trong kinh Zohar) của Thánh kinh đã chứng tỏ rằng Con Người sa vào vòng sinh hóa trong vòng thời khoảng sơ khai nhất của điều mà khoa học gọi là thời đại Trung Sinh, tức thời đại của loài bò sát. Vấn đề không phải là liệu câu chuyện Eve với Con Rắn cám dỗ có tính cách ẩn dụ hay là theo sát nguyên văn, vì chẳng ai nghi ngờ tính cách ẩn dụ ấy; song le vấn đề là chứng tỏ biểu tượng hệ ấy rành rành là xưa cũ và nó không phải là một ý niệm của Do Thái giáo mà là một ý niệm đại đồng thế giới.

Nay chúng ta thấy trong kinh Zohar có một lời khẳng định rất kỳ lạ, người ta tính dùng nó để chọc cười độc giả vì nó thật là lố bịch. Nó cho chúng ta biết con rắn mà Shammael

(Quỷ Vương giả định) dùng để cám dỗ Eve, chính là loại "lạc đà bay" ([1]).

Một con "lạc đà bay" thật là quá lắm đối với một hội viên Hội Hoàng gia có đầu óc phóng khoáng nhất. Tuy nhiên, kinh Zohar, mà chúng ta khó lòng mong đợi là nó sử dụng ngôn ngữ của một vị bác học như Cuvier, đã mô tả thật là chính xác; vì chúng ta thấy nó thu thập các Bản thảo cổ của Bái Hỏa giáo lại. Trong kinh Avesta, người ta trình bày là sau khi Sa đọa, Aschmogh đã bị mất *bản chất* và *danh xưng* của mình, và bị mô tả là một con mãng xà có cái cổ lạc đà.

210 Salverte khẳng định rằng:

> Chẳng có rắn có cánh và thực ra cũng chẳng có rồng … Người Hy Lạp vẫn gọi loài cào cào là rắn có cánh; ẩn dụ này có thể tạo ra nhiều câu chuyện về sự tồn tại của các con rắn có cánh.([2])

Nay thì không những chẳng có lý do gì mà chúng lại không tồn tại trong thời đại Trung Sinh; Cuvier, kẻ đã tái tạo các bộ xương của chúng, đã chứng kiến các "con lạc đà bay". Sau khi đã tìm ra các hóa thạch đơn giản của một vài loại thằn lằn, nhà vạn vật học đã cho rằng:

> Nếu bất cứ điều gì có thể biện minh cho loài thủy tức (the hydras) và các con quái vật khác mà các hình vẽ được các sử gia thời Trung Cổ lặp đi lặp lại mãi, thì đó nhất định là con Xà cảnh long (Plesiosaurus).([3])

Chúng ta không biết liệu Cuvier có nói thêm điều gì ngoài việc *thú tội* hay không, nhưng chúng ta có thể tưởng tượng là ông sẽ bối rối vì đã nói xấu những điều xác thực cổ sơ, khi

---

[1] Các Vong Linh của De Mirville. Xem thêm More Nebhuchim của Moses Maimonides.

[2] Khoa Học Huyền Bí, trang 464.

[3] Sự quay vòng của Địa Cầu, Quyển v, trang 247.

ông chứng kiến một con thằn lằn *bay*, con dực thủ long (pterodactyl) ở Đức, dài 78 bộ (=23,77m) có những cánh mạnh mẽ gắn liền với cơ thể loài bò sát, tay nó có những ngón nhỏ dài để mang một cánh dài có màng. Thế là ở đây, con "lạc đà bay" của kinh Zohar đã được biện minh. Đó là vì chắc chắn là giữa cái cổ dài của con xà cảnh long (the plesiosaurus) và cái cánh có màng của con dực thủ long, hoặc đúng hơn là con thực ngư long (mosasaurus), đã có đủ xác suất khoa học để dựng nên một con "lạc đà bay", hay một con rồng cổ dài. Giáo sư Cope ở Philadelphia đã chứng tỏ rằng hóa thạch của con thực ngư long trong đá vôi là một con rắn có cánh thuộc loại này. Có những đặc tính trong các đốt xương sống của nó, biểu thị sự kết hợp với loài rắn hơn là loài thằn lằn.

Nay chúng ta xét tới vấn đề chính. Người ta thừa biết rằng cổ nhân không bao giờ cho rằng cổ sinh vật học mô tả và cổ sinh học lại là một trong các ngành nghệ thuật và khoa học của mình; họ cũng chưa hề có các bậc vĩ nhân như Cuvier. Thế nên trên những tấm ngói ở Babylonia, và nhất là trong các bức cổ họa của Trung Hoa và Nhật Bản trong các chùa miếu, đền đài xưa nhất, trong thư viện Hoàng gia ở Bắc Kinh, nhiều du khách đã nhận thấy và nhận ra những sự biểu diễn hoàn hảo của các con xà cảnh long và dực thủ long nơi các con rồng đa dạng của Trung Hoa. ([1]) Vả lại, trong Thánh

[1] Trong tác phẩm Các Vong Linh của De Mirville (Quyển ii, trang 431), chúng ta thấy "Geoffroy St. Hilaire kinh ngạc một cách ngây thơ khi ông de Paravey chỉ cho ông thấy trong một vài tác phẩm cổ của Trung Hoa và các viên ngói ở Babylonia có hình các con rồng … loài thú mỏ vịt (loài thú sống dưới nước chỉ hiện diện ở Úc) và loài thằn lằn v.v… các loài thú đã tuyệt chủng mà ông tưởng là chưa ai từng biết trên địa cầu … cho tới thời của ông".

kinh, các bậc Đạo Sư đều đề cập đến các con rắn bay bốc lửa ([1]) còn Job lại đề cập tới con Hải quái (Leviathan). ([2]) Nay chúng ta xin đặt ngay ra các vấn đề sau đây:

1. Làm thế nào mà các quốc gia thời xưa lại có thể biết gì về các con quái vật tuyệt chủng của các thời đại Thạch thán
211 (Carboniferous) và Trung Sinh (thậm chí còn trình bày và mô tả chúng bằng lời và bằng hình vẽ nữa) *nếu họ chưa từng thấy tận mắt chính con quái vật này* hoặc *là có được các truyền thuyết mô tả chúng* (thế mà muốn mô tả chúng thì phải có các nhân chứng *sống động và thông tuệ*?).

2. Và nếu một khi mà chúng ta đã thừa nhận các nhân chứng đó (trừ phi người ta công nhận thuật thần nhãn nội quan) thì làm thế nào mà nhân loại và các người nguyên sơ

---

[1] Xem Thánh Thư Isaiah, xxx, 6: "Con rắn lục và con rắn bay bốc lửa" và các con rắn bốc lửa bị con rắn bằng đồng thau của Moses chinh phục.

[2] Các hóa thạch do khoa học tái tạo mà chúng ta biết cũng đủ đảm bảo cho sự khả hữu của ngay cả một con Hải quái, chứ đừng nói tới các con rắn bay của Isaiah, tức Saraph Mehophep (trong mọi từ điển Hebrew, "Saraph" đều được dịch là nọc độc bốc lửa, còn "Mehophep" là bay). Tuy nhiên, mặc dù thần học Thiên Chúa giáo luôn luôn liên kết cả con Hải quái lẫn con Rắn bay bốc lửa với Ma Quỷ, song các thành ngữ này có tính cách ẩn dụ và chẳng dính dáng gì tới "Điều ác". Song le, từ ngữ "Rồng" nay đã trở thành đồng nghĩa với "gian ác". Ở Bretagne, từ ngữ Drouk nay có nghĩa là "Ma Quỷ", do đó mới có Droghedanum Sepulcrum (Nấm Mồ Ma Quỷ) ở Anh (theo "các Đền đài ở Celtic" của Cambry, trang 299). Ở Languedoc, lửa vẩn thạch và ma trơi được gọi là drac, còn ở Bretagne, nó được gọi là dreag và wraie hay wraith, lâu đài Drogheda ở Ái Nhĩ Lan có nghĩa là lâu đài Ma Quỷ. (De Mirville, như trên, Quyển ii, trang 423).

thời cổ thạch lại có thể xuất hiện trước khoảng giữa thời Đệ tam kỷ? Chúng ta phải nhớ rằng hầu hết các nhà khoa học đều không chấp nhận là con người đã xuất hiện trước Đệ tứ kỷ, và như thế là đã loại con người ra khỏi thời Tân sinh. Ở đây, chúng ta có các loài thú đã tuyệt chủng, chúng đã biến mất khỏi Địa cầu cách đây hàng triệu năm; các quốc gia có nền văn minh (nghe nói) khó lòng có thể đã bắt đầu cách đây vài ngàn năm, đã mô tả và biết tới chúng. Thế nghĩa là thế nào? Hiển nhiên là hoặc người ta đã cho rằng thời Trung sinh trùng lấp lên thời Đệ tứ kỷ, hoặc con người phải sống cùng thời với con dực thủ long và xà cảnh long.

Tuy nhiên, không được suy ra rằng vì các nhà Huyền bí tin tưởng và bênh vực Minh Triết và Khoa Học Cổ Truyền (cho dù các bản dịch của kinh Zohar có gọi các con thằn lằn có cánh là các con "lạc đà bay"), nên do đó chúng tôi cũng sẵn sàng tin tưởng vào mọi câu chuyện thời Trung Cổ bàn về các con rồng như thế. Các con dực thủ long và xà cảnh long đã không còn tồn tại nữa cùng với đa số Giống dân thứ Ba. Vì thế, khi các tác giả Thiên Chúa giáo trân trọng yêu cầu chúng tôi tin vào các chuyện lảm nhảm của Christopher Scherer và Cha Kircher cho rằng họ đã trông thấy tận mắt các con rồng sống động biết bay và bốc lửa, lần lượt vào năm 1619 và 1669, thì chúng tôi xin mạn phép xem lời khẳng định của họ là mơ mộng hoặc nói bịa. ([1]) Chúng tôi cũng sẽ xem câu chuyện của

[1] Các tác giả có khuynh hướng ủng hộ Giáo Hoàng đã chấp nhận toàn bộ các câu chuyện rồng rắn "De Genesi Draconum" mà Linh mục Kircher trình bày trong tác phẩm Oedipus Aegyptiacus một cách rất thận trọng. Theo vị thầy tu dòng Gia Tô đó, chính ông đã thấy một con rồng bị một nông dân La Mã giết chết vào năm 1669 khi Giám đốc Viện Bảo tàng Barberini gởi nó tới cho ông ghi lại

212 Petrarch chẳng có gì khác hơn là một sự "thất niêm, thất luật". Người ta tin rằng một ngày kia trong khi đi theo nàng Laura vào trong rừng và đi qua cái hang, Petrarch đã tìm thấy một con rồng. Ông đã dùng dao găm đâm chết nó để ngăn con quái vật khỏi nuốt nàng Laura. (1) Chúng tôi ắt sẵn

---

chân dung của con vật; Cha Kircher đã ghi lại và cho đăng nó ở trang nhất trong các quyển sách khổ giấy gấp đôi của mình. Sau đó ông nhận được một bức thư của Christopher Scherer, Quận Trưởng của Sleure, Thụy Sĩ; trong thư này, viên chức ấy xác nhận rằng chính mình *đã thấy tận mắt* một con rồng sống động vào một đêm hè quang đãng năm 1619. Ông viết: "Đang ngồi trên bao lơn để thưởng ngoạn bầu trời quang đãng, tôi chợt thấy một con rồng cháy rực nhô lên từ một trong các Hang động ở núi Pilatus, nhanh chóng lao mình về phía Fluelen tới tận bờ hồ bên kia. Nó có tầm vóc khổng lồ, đuôi nó còn dài hơn nữa, còn cổ nó lại vươn ra. Nó có đầu và hàm của một con rắn. Nó vừa bay vừa khạc ra nhiều đốm lửa (?!) dọc đường … Thoạt tiên tôi tưởng mình thấy một sao băng, nhưng chẳng bao lâu sau khi nhìn chăm chú hơn cách bay và hình dạng của cơ thể nó, tôi tin chắc là mình đã thấy *con rồng thực sự*. Như vậy tôi lấy làm vinh hạnh minh giải cho Ngài về sự tồn tại *thực sự* của con vật này" – tác giả nên viết thêm rằng *trong các giấc mơ* – của thời quá khứ dài dằng dặc. (Như trên, trang 424) [được trích dẫn trong Các Vong Linh, Quyển ii, 423].

[1] Để chứng tỏ hùng hồn rằng sự kiện này có thực, một tín đồ Thiên Chúa giáo đã yêu cầu độc giả tham chiếu bức tranh miêu tả sự việc này do Simon de Sienne, bạn của thi sĩ, vẽ ra. Nó được treo trên cổng chính của Nhà thờ Đức Bà Don ở Avignon, mặc dù bị Giáo Hoàng cấm, Ngài "ắt sẽ không để cho sự chiến thắng của ái tình này được thượng lên một chỗ thánh thiện như vậy". Tín đồ Thiên Chúa giáo nêu trên còn nói thêm: "Thời gian đã làm thương tổn tác phẩm nghệ thuật ấy, nhưng không làm suy suyển được truyền thuyết của nó". Như trên, trang 425). Vào thời chúng ta, lũ "Quỷ

lòng tin tưởng vào câu chuyện đó nếu Petrarch sống vào thời Châu Atlantis, khi các con quái vật tiền hồng thủy như thế có thể đã tồn tại. Ngày nay, chúng tôi xin chối bỏ sự tồn tại của chúng. Con rắn biển là một chuyện, còn con rồng lại là một chuyện khác hẳn. Đa số mọi người phủ nhận con rắn biển, vì nó sống ở đáy biển sâu thẳm, rất hiếm có và chỉ trồi lên mặt nước khi bị bắt buộc có lẽ là vì đói. Nếu bị giữ cho vô hình như vậy thì nó có thể tồn tại và vẫn còn bị phủ nhận. Nhưng nếu đã có một điều như con rồng vừa mô tả ở trên, thì làm thế nào mà nó không bị tìm ra? Đó là một tạo vật đồng thời với Giống dân thứ Năm sơ khai nhất và không còn tồn tại nữa.

Độc giả có thể hỏi tại sao chúng tôi lại đề cập tới rồng? Chúng tôi xin đáp: Một là vì việc hiểu biết về các con vật như thế chứng tỏ được là loài người có nguồn gốc rất xa xưa, hai là để chứng tỏ sự dị biệt giữa ý nghĩa động vật thực sự của các từ ngữ "Rồng", "Nãga" và "Rắn", và ý nghĩa ẩn dụ khi được dùng về mặt biểu tượng. Bất cứ khi nào thấy người ta đề cập tới một trong các từ ngữ này, độc giả phàm phu vốn chẳng biết gì về ngôn ngữ bí nhiệm, rất có thể chấp nhận nó theo sát nghĩa. Vì thế mới có những lời buộc tội lầm lẫn bất công. Chỉ cần đơn cử hai thí dụ cũng đủ rồi.

Sed et Serpens? Đúng vậy: nhưng đâu là bản chất con rắn? Các nhà thần bí đã dùng trực giác thấy rằng con rắn trong

---

Rồng" của De Mirville không được may mắn lắm, vì chúng biến mất một cách huyền bí nơi các viện bảo tàng mà nghe nói chúng đã tồn tại ở đó. Như vậy, con Rồng được Ulysse Aldovrandus ướp và tặng cho viện bảo tàng của Thượng Nghị Viện (hoặc ở Naples, hoặc là ở Bologna) "vẫn còn ở đó vào năm 1700", nhưng nay không còn nữa. (Như trên, trang 427).

Sáng Thế Ký bao hàm một biểu hiệu động vật và một bản thể tinh thần cao siêu. Đó là một lực vũ trụ, siêu thông tuệ, một "ánh sáng vĩ đại sa đọa" một chơn linh vừa thuộc về tinh đẩu, vừa thuộc về phong vừa thuộc thổ, "có ảnh hưởng bao trùm cả địa cầu" (theo lời nói của De Mirville, ([1]) một tín đồ Thiên Chúa giáo cuồng tín chấp nê văn tự). Nó chỉ biểu lộ qua biểu hiện vật chất nào phù hợp nhiều hơn với các vòng khoanh trí tuệ và đạo đức của mình – tức là dưới dạng con rắn.

Nhưng liệu các tín đồ Thiên Chúa giáo sẽ trình bày con Rắn bằng Đồng thau, "Kẻ chữa bệnh Thiêng liêng" ra sao, nếu con rắn lại bị xem là biểu hiện của sự giảo quyệt và gian tà, là "chính Kẻ gian tà"? Làm thế nào mà chúng ta có thể xác
213 định được ranh giới khi nó bị vạch ra một cách độc đoán theo một tinh thần bè phái thần học? Đó là vì, nếu người ta dạy các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã rằng Thần Mercury và Thần y học Aesculapius (tức Asclepios) – thật ra, cả hai vị này chỉ là một – là "ma quỷ và con của ma quỷ", là cây gậy thần và con rắn của ma quỷ, thì vấn đề con rắn bằng Đồng thau của Moses ra sao? Mọi học giả đều biết rằng cả chiếc "gậy thần" của người *ngoại đạo* và "con rắn" của tín đồ Do Thái giáo đều chỉ là cùng một thứ, tức là Dực xà trượng của Thần Mercury, con của thần Apollo-Python. Chúng ta cũng dễ dàng hiểu được lý do tại sao các tín đồ Do Thái lại chọn dạng rắn là "kẻ cám dỗ" của mình. Đối với họ, nó có tính cách thuần túy *sinh lý* và sùng bái *sinh thực khí*, về phần giáo hội Thiên Chúa La Mã, không có lý luận thần học giải nghi nào có thể ban cho nó ý nghĩa khác, một khi mà người ta đã tinh thông ngôn ngữ bí nhiệm và thuyết minh các cuốn kinh

[1] Các Vong Linh, Quyển ii, trang 422.

Hebrew theo các số mục. Các nhà Huyền bí biết rằng Rắn, Nãga và Rồng, mỗi thứ đều có một ý nghĩa thất phân. Họ cũng biết rằng Mặt Trời (chẳng hạn) là biểu hiện *thiên văn* và vũ trụ của hai Ánh Sáng tương phản và hai con Rắn thiện ác của các tín đồ phái Ngộ Đạo. Họ cũng biết rằng khi được *tổng quát hóa*, kết luận của cả khoa học lẫn thần học đều bày ra hai cực đoan lố bịch nhất. Đó là vì khi khoa học bảo rằng chỉ cần truy nguyên các huyền thoại về loài rắn tới tận cội nguồn nguyên thủy (huyền thoại thiên văn) và suy gẫm một cách chuyên chú về Mặt trời, kẻ chinh phục con Trăn và Xử Nữ trên cung Hoàng Đạo đẩy lùi được con Rồng ngấu nghiến, nếu chúng ta có được chìa khóa giải mọi điều tiếp theo sau thì cũng dễ thấy rằng thay vì tổng quát hóa, tác giả chỉ quan tâm tới Thiên Chúa giáo và kinh Thiên Khải. Chúng tôi cho điều này là một cực đoan. Còn một cực đoan khác là thần học quyết định lặp lại quyết định nổi tiếng của Hội nghị Trent và ra sức thuyết phục quần chúng rằng:

> Từ khi con người sa đọa cho đến khi y được rửa tội, ma quỷ có toàn quyền đối với y và có quyền ám ảnh y. ([1])

Huyền bí học xin đáp lại điều này như sau: Trước hết cứ chứng tỏ rằng Ma Quỷ *tồn tại thực sự* đi, rồi thì chúng tôi mới có thể tin vào sự ám ảnh bẩm sinh như thế. Chỉ cần một chút quan sát và hiểu biết về bản chất con người cũng có thể chứng tỏ được sự trá ngụy của giáo điều thần học này. Nếu Quỷ Vương có thực trong ngoại giới hay ngay cả trong nội giới (theo nghĩa giáo phẩm) thì đó chính là con Quỷ hèn hạ sẽ bị kẻ độc ác (và do đó đa số nhân loại) ám ảnh kinh niên. Chính nhân loại, nhất là các giáo sĩ do Giáo hội La Mã kiêu

[1] Như trên, trang 433.

kỳ, tán tận lương tâm và nghiệt ngã lãnh đạo, đã khai sinh ra và nuôi dưỡng Kẻ Ác. Nhưng chúng ta lại đang lạc đề.

Giáo hội đã khiển trách toàn thể thế giới tư tưởng vì đã tôn thờ rắn.

214 Toàn thể nhân loại đã thắp nhang lễ bái nó hay ném đá nó. Các kinh Zends, Kings, Vedas, Edda… và Thánh kinh đều có đề cập đến nó … đâu đâu, rắn thiêng [Nãga] cũng được tôn thờ và có các lễ sư; ở La Mã chính trinh nữ Vestal… nấu bữa ăn cho nó cũng cẩn thận như nàng săn sóc lửa thiêng. Ở Hy Lạp, Thần y học Aesculapius không thể chữa bệnh mà không được nó trợ lực. Ngài đã giao phó các quyền năng của mình cho nó. Mọi người ắt đã nghe nói tới các Nguyên lão nghị viện phái một sứ bộ La Mã nổi tiếng tới gặp Thần Y học, khi trở về, sứ bộ này mang theo con rắn cũng lừng danh không kém, nó tự ý tiến về ngôi đền của chủ nó trên một trong các hòn đảo của sông Tiber. Không một nữ đồ đệ nào của Tiểu Thần mà không quấn nó [con rắn] trên đầu, không một Thầy bói nào mà không cẩn thận vấn kế nó, không một Pháp sư chiêu hồn nào mà các ngôi mộ lại không có nó hiện diện ở đó! Những kẻ tôn thờ Cain và thờ Rắn lại gọi nó là Đấng Sáng Tạo, trong khi vẫn thừa nhận (như Schelling) rằng "chính con rắn có bản chất thật là gian ác".([1])

[1] Như trên trang 431-432. Điều này cũng giống y như là vài ngàn năm về sau, một kẻ cuồng tín của một tín ngưỡng mới nào đó trong tương lai, khi muốn biểu dương tôn giáo của mình bằng cách gây thiệt hại cho Tôn giáo *cổ truyền* ắt phải bảo rằng: "Đâu đâu con chiên bốn chân cũng được tôn thờ". Vị nữ tu gọi nó là Agnus và đặt nó ngay vào lòng mình, còn vị lễ sư đặt nó trên bàn thờ. Nó có mặt trong mọi bữa ăn trong lễ Quá hải và được long trọng tuyên dương nơi mọi thánh điện. Thế nhưng các tín đồ Thiên Chúa giáo lại sợ và ghét nó, vì họ đã giết và ăn sống nuốt tươi nó. Dù sao đi

Đúng vậy, tác giả thật là chí lý, nếu muốn có được một ý niệm hoàn hảo về uy tín mà con rắn có được ngày nay, thì người ta phải nghiên cứu vấn đề này ở Ấn Độ và tìm học tất cả những gì mà thiên hạ tin tưởng và vẫn còn gán cho các con Nãga (hổ mang) ở xứ đó; người ta cũng phải đến thăm dò dân Phi Châu ở Whydah, những kẻ Ma giáo ở Port-au-Prince và Jamaica, các Pháp sư ở Mễ tây Cơ và Người Rắn (Pã) ở Trung Hoa v.v.. Nhưng việc gì phải thắc mắc khi con rắn vừa được tôn thờ vừa bị nguyền rủa, vì chúng ta đã biết ngay từ đầu là nó chỉ là một biểu tượng. Trong môi ngôn ngữ cổ truyền, từ ngữ *rồng (dragon)* có nghĩa là "*long*" theo tiếng Trung Hoa hiện nay, tức là "kẻ thông minh tuyệt trần" và *dracon* theo tiếng Hy Lạp, tức là "quan sát viên". ([1]) Liệu bất kỳ hình dung từ nào nêu trên có thể được áp dụng cho con vật có tên gọi như vậy chăng? Chẳng lẽ lại không hiển nhiên hay sao khi sự mê tín dị đoan và sự quên lãng ý nghĩa nguyên thủy có thể mang lại cho những người dã man hiện nay các đặc tính nêu trên mà người ta dự tính áp dụng cho con người nguyên thủy vốn được tượng trưng bằng Rắn và Rồng? Những người nguyên thủy này – cho đến nay, ở Trung Hoa, họ được gọi là "Rồng Minh Triết"- là các đệ tử đầu tiên của các Thần Quân giáo huấn họ; tóm lại, đó là các Cao đồ Bản Sơ của Giống dân thứ Ba, và sau này của Giống dân thứ Tư và Năm. Danh hiệu này đã trở nên phổ cập trên thế giới

---

nữa, những kẻ ngoại đạo không hề nuốt các biểu tượng thiêng liêng của mình. Chúng ta biết rằng chẳng có ai ăn rắn hoặc loài bò sát, ngoại trừ ở những xứ văn minh theo Thiên Chúa giáo. Ở các xứ này, họ bắt đầu ăn ếch và lươn, cuối cùng ắt phải ăn rắn thực sự, cũng như họ bắt đầu ăn thịt trừu rồi sau rốt là ăn thịt ngựa.

[1] Như trên, trang 423.

và không một kẻ sáng suốt nào trước kỷ nguyên Thiên Chúa lại lẫn lộn người với biểu tượng.

Champollion cho rằng:

Ngoài các thứ khác ra, biểu tượng Chnouphis tức Linh Hồn Thế giới, là một con mãng xà ở trên chân người, con vật bò sát này, biểu hiệu của Siêu tài Lương hảo (the Good Genius), là Thiên Thần thực sự. Người ta thường trình bày là nó có râu ria xồm xoàm… Chúng ta thấy vật linh thiêng này vốn đồng nhất với con rắn của những kẻ thờ rắn, được chạm trổ tên những tảng đá của phái Ngộ Đạo… Con rắn có nhiều đầu khác nhau nhưng luôn luôn được khắc các chữ Chnoubis.([1])

215 Thiên Thần được phú cho "tri thức về thiện và ác"(nghĩa là Minh Triết Thiêng Liêng) vì không có Minh Triết Thiêng Liêng thì không thể có tri thức về thiện và ác.([2])

Lặp lại lời của Iamblichus, Champollion trình bày Ngài là:

Vị thần linh tên là Eichtõn tức là Lửa của chư Thiên – Thot-Hermes Vĩ Đại, ([3]) mà Đức Hermes Ba Lần Vĩ Đại đã gán cho việc phát minh ra pháp thuật.([1])

---

[1] Các Thần Ai Cập, trang 3.

[2] Mọi học giả đều biết rằng Chnouphis Thái Dương, tức là Thiên Thần, chính là Christos của các tín đồ phái Ngộ Đạo. Ngài có liên hệ mật thiết với Bảy Con của Sophia (Minh Triết); bảy Con của Tiên Thiên Huyền Nữ (Aditi), Toàn Triết, người con thứ tám là Mãrtãnda (tức Mãrranda). Mặt Trời, Bảy Con là Bảy Thần Quân Chưởng Quản Hành Tinh. Do đó, Chnouphis là Mặt Trời Tinh Thần Giác Ngộ, Minh Triết, vì thế là Đấng Bảo Trợ của mọi Điểm đạo đồ Ai Cập cũng như Bel-Merodach hay Bel-Belitanus sau này đối với dân Chaldea.

[3] Hermes hay đúng hơn là Thot, là một tên chung. Trong tác phẩm Historia Anti-Islamitica, Abul Feda trình bày năm vị Hermes, ở nhiều xứ khác nhau, các danh hiệu Hermes, Nebo, Thot lần lượt

"Phát minh ra pháp thuật"! Dùng một từ ngữ thật là kỳ dị, cứ như thể là việc vén các bức màn bí mật vĩnh cửu và thực sự của Thiên Nhiên có thể được *phát minh* ra ! Hàng ngàn năm về sau, người ta thường gán cho Giáo sư Crookes việc *phát minh* ra (thay vì khám phá ra (discovery) chất phóng xạ. Hermes không phát minh cũng không khám phá, vì như đã nói trong chú thích kế chót ở cuối trang, Thot-Hermes là tên chung, cũng như Enoch – Enoichion, "nội nhãn, linh nhãn"- Nebo, nhà tiên tri và linh thị v.v…Đó không phải là tên riêng của bất kỳ người sống nào, mà là một tôn danh chung cho nhiều Cao đồ. Trong các ẩn dụ biểu tượng, mối liên hệ của các Ngài với con rắn là do các Ngài được Thần Linh Thái Dương và Hành Tinh khai ngộ trong khi có giống dân trí thức sơ khai nhất (Giống dân thứ Ba). Tất cả các Ngài đều là vị bảo trợ tượng trưng của Minh Triết Bí Nhiệm. Asclepios là con của Nhật Thần Apollo và chính là thần Mercury; Nebo là con của Bel-Merodach; Bàn Cổ Vaivasvata, bậc Đại Thánh, là con của Vivasvat- Mặt Trời tức Sũrya v.v… Trong khi đó, xét về mặt thiên văn, các Nãgas cùng với chư Thánh Hiền, Nhạc Thần, Nữ Nhạc Thần, Grãmanĩs (tức Dạ Xoa, Tiểu Thần) Yãtudhãna và chư Thiên (Deva), đều là các kẻ tháp tùng Mặt Trời trong suốt mười hai tháng dương lịch; trong thần phổ học cũng như trong cuộc tiến hóa nhân loại học, họ là các Thiên và Nhân (Gods and Men) – khi đầu thai

---

được ban cho các bậc đại điểm đạo đồ. Như thế, mọi nhà Tiên tri, Linh thị và Điểm đạo đồ vĩ đại đều mang danh hiệu Nebo, con của Nerodach và Zarpanitu, mà Herodotus gọi là Zeus-Belos. Tất cả các Ngài đều là "Rắn Minh Triết" vì có liên hệ với Mặt Trời về mặt thiên văn và liên hệ với Minh Triết về mặt tâm linh.

[1] Các Thần Ai Cập, tiêu đề 15.

vào Địa Ngục. Về vấn đề này xin nhắc độc giả nhớ cho sự kiện là Apollonius gặp các Long Thần của Phật giáo ở Kashmir. Đó không phải là các con rắn về mặt động vật học, cũng không phải là Nãgas về mặt nhân chủng học, mà chỉ là "người minh triết" ("wise men").

Bộ Thánh kinh, từ chương Sáng Thế ký đến chương Khải Huyền, chẳng qua chỉ là một loạt tài liệu lịch sử về trận đại chiến giữa Huyền linh thuật và Ma Thuật, giữa các Cao đồ Chánh đạo, các Tiên tri, và các Tà đạo, nhóm bộ tộc Levi, giáo sĩ của quần chúng cục súc (the brutal masses). Ngay cả các môn sinh Huyền bí học (mặc dù một vài người có được các bản thảo cổ sơ hơn và có thể dựa vào sự giáo huấn trực tiếp), cũng thấy khó lòng mà phân biệt được Phe chánh với Phe tà.
216 Sự chia rẽ sâu xa giữa các con của Giống dân thứ Tư xuất hiện ngay khi các Thánh điện và Điểm Đạo sảnh đầu tiên đã được dựng nên theo sự chỉ đạo của "các Con Thượng Đế", được ẩn dụ hóa nơi các Con của Jacob. Những lời trối trăn của Jacob đang hấp hối đã chứng tỏ rằng có hai Phái pháp thuật, và nhóm bộ tộc Levi chính thống không thuộc về phái thánh thiện. Ở đây, chúng ta nên trích dẫn một vài câu trong Nữ Thần Isis Lộ Diện: ([1])

Jacob đang hấp hối đã mô tả các con của mình như sau: "Dan sẽ là một con rắn bên đường, một con rắn lục giữa đường, nó sẽ mổ vào vó ngựa khiến cho vị kỵ sĩ sẽ ngã ngửa ra đàng sau [nghĩa là y sẽ truyền lại Ma thuật cho các ứng viên]. Lạy Chúa, con đã chờ mong sự cứu rỗi của Ngài". Vị tộc trưởng nhận xét rằng Simeon và Levi là anh em, "nhà họ chứa đầy các dụng cụ gây *tội ác.* Linh hồn ta ơi, mi đừng xen vào điều bí mật của họ". [2] Nay trong nguyên

[1] Quyển I, trang 555.

[2] Sáng Thế Ký, xlix, 17, 18, và 5, 6.

bản, các từ ngữ "điều bí mật của họ" lại được viết là "Sod của họ"[1]. Và Sod là tên gọi các đại Bí nhiệm của các thần Baal, Adonis và Bacchus, tất cả các Ngài đều là Nhật Thần và có biểu tượng là các con rắn. Các môn đồ Do Thái Bí giáo giải thích ẩn dụ về các con rắn cháy rực bằng cách bảo rằng đó là tên gọi dành cho bộ tộc Levi và Moses là thủ lãnh của các vị Sodales.([2])

Chúng ta phải truy nguyên ý nghĩa nguyên thủy của các "Kẻ giết rồng" tới tận các Bí pháp, vấn đề này sẽ được bàn rốt ráo sau đây.

Trong khi đó, suy ra rằng nếu Moses là Thủ lãnh của các Bí pháp, thì Ngài phải là bậc Đại Đạo Trưởng của nó. Hơn nữa, đồng thời nếu chúng ta thấy các Đạo sư kịch liệt công kích "những điều khả ố" của dân tộc Do Thái, thì suy ra rằng có hai Trường phái. Như thế, các "Con rắn cháy rực" chỉ là hình dung từ dành cho bộ tộc Levi thuộc giai cấp lễ sư, sau khi họ đã bỏ *Chánh pháp* (các giáo lý cổ truyền của Moses), và dành cho tất cả những kẻ nào đi theo con đường *Ma thuật*.

---

[1] Trong phần giới thiệu tác phẩm Sod, Các Bí nhiệm của Adoni (xi), dựa vào thẩm quyền của tác phẩm Penteglott của Schindler, trang 1201, Dunlap giải thích từ ngữ Sod là *arcanum* (bí nhiệm tôn giáo). Thánh thi xxv, 14 dạy: "Bí nhiệm của Chúa ở nơi những kẻ sợ Ngài". Đây là một câu dịch sai của các tín đồ Thiên Chúa giáo, vì thực ra nó có nghĩa là: Sod Ihoh (các Bí nhiệm của Ihoh) dành cho "*những kẻ sợ Ngài*". "AI [EI] kinh hãi trước đại bí nhiệm của Kedeshim (các Lễ sư Thánh thiện đã được Điểm đạo)" – Thánh thi lxxxix, 7 (như trên). Các vị Kedeshim còn xa mới đến chỗ thánh thiện. Xem Quyển 4, Phần 2, Tiết 3 về Mật Điện.

[2] Từ Điển La Tinh (iv, 448) của Freund cho rằng: "Các thành viên của Lễ sư đoàn được gọi là Sodales". Trong De Senectute, Cicero cho rằng "Cấp đẳng Lễ sư được lập nên trong các Bí pháp Idaean của Đức Mẹ Đại Hùng" (Dunlap, như trên, trang xii).

Khi đề cập tới các "đứa con nổi loạn" sẽ phải mang của cải vào trong các vùng đất vốn dĩ là cội nguồn của loài "rắn độc và rắn bay cháy rực" (tức xứ Chaldea và Ai Cập),(1) và các Điểm đạo đồ đã thoái hóa ghê gớm vào thời của ông, (năm 700 trước T.C.), Isaiah có ý muốn nói tới các thầy phù thủy của các xứ này.(2) Nhưng chúng ta phải cẩn thận phân biệt các vị này với các con "Rồng Minh Triết Bốc Lửa" và các "Con của Sương Lửa".

217 Sách Đại Bí Nhiệm dạy chúng ta như sau:

Bảy Đấng Tinh Quân tạo ra bảy Người: Ba Đấng [Thiền Định Đế Quân hay Pitris] thật là thánh thiện và lương hảo, bốn Đấng kém thiêng liêng hơn và đầy thị dục… Các Chhãyãs [bóng ma] của các Tổ Phụ cũng giống như các Ngài.

Điều này giải thích cho các sự dị biệt về bản chất của con người, vốn được chia ra làm bảy cấp độ thiện ác. Có bảy thánh điện sẵn sàng đón tiếp các Chơn Thần trong nhiều tình huống nghiệp quả khác nhau đến cư ngụ. Dựa vào cơ sở này, Giảng lý đã giải thích được sự kiện điều ác lan tràn khắp nơi ngay khi Hình dáng đã biến thành con người thực sự. Tuy nhiên, trong các lối tường thuật về Sáng Thế Ký của mình, một số triết gia thời xưa đã lờ đi bảy vị và chỉ trình bày có bốn vị. Do đó Sáng Thế Ký địa phương của Mễ Tây cơ có "bốn thiện nhân" được mô tả là bốn vị tổ tiên thực sự của loài người, "họ chẳng do chư Thiên sinh ra mà cũng chẳng sinh ra từ cơ quan sinh dục nữ". Sự sáng tạo họ là một điều kỳ diệu nhờ vào các Quyền năng Sáng tạo, họ chỉ được tạo ra sau khi

---

1 Chương xxx, 6.

2 Các Lễ sư của thần Baal nhảy qua lửa. Nhưng đó là một từ ngữ Hebrew và là một từ ngữ địa phương. Saraph có nghĩa là "nọc độc bốc lửa".

"bao toan tính để tạo ra con người đã thất bại". Thần học Ai Cập chỉ có bốn "Con của Thượng Đế"- trong khi mà Pymander lại trình bày *bảy vị* - nên đã hoàn toàn tránh được việc đề cập đến bản chất ác của con người. Tuy nhiên khi từ địa vị một vị Thần bị giáng thành ra Set-Typhon, Set bắt đầu được gọi "người con thứ bảy"; có lẽ vì thế mới có niềm tin cho rằng "người con thứ bảy của người con thứ bảy" bao giờ cũng là một pháp sư bẩm sinh – mặc dù, đầu tiên người ta chỉ muốn nói tới một *thầy phù thủy*, Aker, con rắn của Set, đã giết chết APAP (tượng trưng cho điều ác) ([1]) do đó Set-Typhon không thể là điều ác ấy. Trong Tử Vong Kinh, người ta khuyến cáo là Chương clxiii nên được viết là "trước sự hiện diện của một con rắn bò bằng hai chân", nghĩa là một bậc Điểm đạo đồ cao cấp, một Đạo Trưởng, vì cái đĩa (the discus) và các sừng cừu ([2]) tô điểm cho cái đầu "con rắn" của Ngài nơi các chữ tượng hình của tựa đề chương nêu trên, biểu thị cho điều này. Phía trên con rắn, người ta có trình bày tượng trưng cặp mắt thần bí của Ammon, ([3]) vị "Thần Linh Bí Nhiệm" ẩn tàng. Các đoạn trên bổ chứng cho lời khẳng định của chúng tôi và chứng tỏ thời xưa, từ ngữ "rắn" có nghĩa là gì.

---

[1] Tử Vong Kinh (Book of the Dead), chương xxxix.

[2] Ở Palestine, tác giả cũng đã thấy các sừng cừu đó trên đầu Moses trên một vài huy chương cổ; bà vẫn còn sở hữu một trong các huy chương đó. Các chiếc sừng (vốn là một phần của vừng hào quang chói lọi trên pho tượng Moses ở Rome của Michaelangelo lại thẳng đứng thay vì uốn cong xuống tai, nhưng biểu hiệu vẫn vậy; vì thế mới có con rắn bằng Đồng thau.

[3] Nhưng hãy xem Nguyên cảo pháp thuật Số v của Harris và Thần Ammon đầu cừu tạo ra con người trên một chiếc bàn xoay của thợ làm đồ gốm.

Nhưng còn về phần các vị Pháp sư (Nagals và Nargals) do đâu mà có sự tương tự về danh xưng giữa các Nãgas của Ấn Độ và các vị Nagals của Châu Mỹ ?

Nargal là vị pháp sư [Rab-Mag] của dân Chaldea và Assyria, còn Nagal là vị pháp sư của người Da đỏ Mễ Tây Cơ. Cả hai đều có các danh xưng thoát thai từ Nergal-Serezer, vị thần linh của dân Assyria và các Nãgas của Ấn Độ. Cả hai đều có các quyền năng như nhau và có quyền có một vị thần tùy tùng; họ hoàn toàn đồng nhất hóa mình với vị thần này. Vị Pháp sư của dân Chaldea và Assyria giữ vị thần của mình
218 dưới dạng một con thú nào đó được xem là linh thiêng, ở bên trong thánh điện; vị Pháp sư của dân da đỏ giữ vị pháp sư của mình ở bất cứ nơi nào có thể được - ở vùng hồ hay khu rừng lân cận, hoặc ở trong nhà, dưới dạng một con gia súc nào đó. ([1])

Chúng ta không thể gán cho sự tương tự đó là một điều *ngẫu nhiên*. Một thế giới mới được tìm ra và chúng ta thấy rằng nó đã là một thế giới xưa rồi đối với vị tổ phụ của Giống dân thứ tư của chúng ta. Nghe nói Arjuna, bạn đồng hành, bạn đồng hành và đệ tử của Krishna đã xuống Pãtãla (Địa ngục), điểm đối chân; ở đó y kết duyên với Ulũpĩ, ([2]) một Long Nữ con gái của Long Vương, Kauravya. ([3])

---

[1] Brasseur de Bourbourg, Mễ Tây Cơ, trang 155 và 574.

[2] Ulũpĩ (Ulũpl) hoàn toàn ở trong nhóm Atlantis. Cũng như Atlantis, nó không phải là danh xưng Hy Lạp hay Bắc Phạn, mà lại nhắc chúng ta nhớ tới một trong các danh xưng Mễ Tây Cơ.

[3] Mahãbãrata, Ãdi Parva, Câu 7788. Theo giải thích của nhà bình giảng Shrĩdhara, Bhãgavata Purãna (ix,xx, 31) cho rằng Ulũpĩ là con gái của quốc vương xứ Manipũra (xem Vishnu Purãna, Wilson, Quyển iv, 160). Nhưng học giả Dayãnand Sarasvatĩ, chắc chắn là

Nay chúng ta có thể hy vọng là mình đã chứng tỏ được ý nghĩa rốt ráo của biểu hiện rắn. Nó không phải là biểu hiệu của điều ác; lại càng không phải là biểu hiệu của ma quỷ, mà thật ra là Semes Eilam Abrasax, Mặt Trời Trung Ương của mọi môn đồ Do Thái Bí giáo; trong một vài đồ hình, nó được tượng trưng bằng vòng tròn Tiphereth.

Ở đây, chúng tôi lại xin trích dẫn các tác phẩm trước kia và giải thích tỉ mỉ hơn.

Một vòng tròn gồm những vòng xoắn ốc xạ ra từ Vùng sâu thăm thẳm này (Thái Uyên, Tiên Thiên Huyền Nữ, Shekinah, Bức Màn che khuất lẽ huyền vi). Đó là Tiphereth, theo ngôn ngữ biểu tượng ký, nó có nghĩa là một Chu kỳ lớn bao gồm các Chu kỳ nhỏ hơn. Con Rắn (biểu hiệu của Minh Triết và Vĩnh Cửu) bán thư bán hùng nằm cuộn tròn trong đó theo dạng các đường xoắn ốc. Chu kỳ tượng trưng cho Ennoia, tức Thiên Trí (một Quyền năng không sáng tạo nhưng phải tiến hóa), còn con Rắn tượng trưng cho Thiện Thần, Thiện Xà, *Bóng Tối* của Ánh Sáng (không trường cửu, nhưng vẫn là Linh Quang cao cả nhất trên trần). Cả hai đều là Thiên Đạo của các Kẻ thờ rắn, tức là Nhất Nguyên với vai trò là Thiên Đạo biểu lộ thành một nguyên khí nhị phân Thiện và Ác. ([1])

Nếu chỉ có ánh sáng bất động và tuyệt đối, thì trí người không tài nào thẩm định được; hay thậm chí nhận thức được nó. Bóng tối chính là cái khiến cho ánh sáng biểu lộ thành thực tại nơi ngoại cảnh. Do đó, Bóng Tối đâu phải là điều ác, mà là hệ quả thiết yếu bổ sung cho Ánh Sáng tức điều Thiện; chính nó *tạo ra* ánh sáng trên Trần Thế.

---

nhân vật có thẩm quyền nhất ở Ấn Độ về các vấn đề liên quan tới Bắc Phạn và kinh Purãnas, đã đích thân bổ chứng rằng Ulũpĩ là con gái của Long vương ở Pãtãla (tức Châu Mỹ) cách đây 5 000 năm, còn Nãgas là các Điểm đạo đồ.

[1] Nữ Thần Isis Lộ Diện, Quyển ii, trang 293.

Theo quan điểm của môn đồ phái Ngộ Đạo, hai nguyên khí này tức Ánh Sáng và Bóng Tối đều phải bất biến; Thiện và Ác thực ra chỉ là một và tồn tại từ vô thủy, chúng vẫn cứ tồn tại mãi, chừng nào mà các thế giới biểu lộ vẫn còn đó.

Biểu tượng này giải thích cho việc giáo phái này tôn thờ Rắn là Đấng Cứu Rỗi, đang cuộn mình quanh ổ bánh thánh hoặc một chữ Tau (biểu tượng sùng bái sinh thực khí). Với
219 vai trò nhất nguyên, Ennoia và Ophis (Linh Xà) đều là Thiên Đạo (Logos). Khi tách rời ra, một thứ là Cây Trường Sinh Tâm Linh, còn thứ kia là Cây Tri Thức Thiện và Ác. Do đó, chúng ta thấy Linh Xà xúi cặp nam nữ đầu tiên (sản phẩm vật chất của Ilda-baoth, nhưng kế thừa nguyên khí của Sophia-Achamoth – ăn trái cấm, mặc dù Linh Xà tượng trưng cho Minh Triết thiêng liêng.

Con Rắn, Cây Tri Thức Thiện và Ác và cây Trường Sinh đều là biểu tượng được du nhập từ đất Ấn Độ. Cây đa Arasa-maram ([1]) rất linh thiêng theo người Ấn Độ - vì trong một kiếp lâm phàm,Vishnu đã yên nghỉ dưới bóng mát rợp của nó, ở đó, Ngài đã giảng dạy khoa học và triết học của con người – được gọi là Cây Tri Thức và Cây Trường Sinh. Dưới tán lá cây che chở của loại cây chúa tể rừng xanh này, bậc Đạo Sư đã giảng dạy cho các đệ tử những bài học vỡ lòng về sự bất tử và điểm hóa họ vào trong các bí nhiệm về sự sống và sự chết. Truyền thuyết Chaldea cho rằng Java-Aleim của Giáo sĩ đoàn đã dạy cho loài người biến thành giống như một trong các vị đó. Cho tới nay, vị Foh-tchou ([2]) trụ trì tại Foh-

[1] [Danh xưng bằng tiếng Tamil của cây bồ đề linh thiêng, còn cây đa là Ara-maram].

[2] Theo tiếng Trung Hoa, Foh-tchou có nghĩa đen là Phật sư, tức là bậc thầy về giáo lý của Phật-Foh.

Maeyu (Phật Miếu) hay Phật Điện của mình trên đỉnh ngọn núi lớn (Kouin-Long-Sang) Côn Lôn Sơn ([1]) vẫn hiển lộng các thần thông trác tuyệt dưới một gốc cây mà tiếng Trung Hoa gọi là Thông Minh Thọ (Sung-Ming-Shu) tức là Cây Tri Thức và Cây Trường Sinh, vì vô minh là chết, chỉ có tri thức mới đem lại sự bất tử. Sự hiển lộ thần thông này diễn ra cứ ba năm một lần, khi hằng hà sa số Phật tử Trung Hoa tụ tập lại hành hương tại Thánh địa.([2])

Nay chúng ta có thể hiểu được lý do tại sao các Điểm đạo đồ và các Cao đồ, tức "những Người Minh Triết", thời sơ khai nhất – người ta khẳng định rằng các Ngài đã được TOÀN LINH TRÍ (được tượng trưng bằng những Thiên Thần cao cấp nhất) điểm hóa vào trong các Bí nhiệm của Thiên Nhiên – lại được gọi là "Rắn Minh triết" và "Rồng". Chúng ta cũng có thể hiểu được rằng làm thế nào mà cặp nam nữ hoàn hảo đầu tiên về mặt sinh lý – sau khi đã được điểm hóa vào Bí nhiệm về sự Sáng Tạo Con người xuyên qua Ophis (*Thiên Đạo Biểu lộ* và Bán thư bán hùng) bằng cách ăn trái cây tri thức – dần dần lại bắt đầu bị tinh thần duy vật của hậu thế tố cáo là đã phạm tội, đã không tuân theo lệnh của "Đức Chúa Trời" và đã bị con rắn cám dỗ.

Các tín đồ Thiên Chúa giáo đầu tiên – họ đã tước đoạt Thánh kinh của mình từ tay người Do Thái – đã hiểu bốn chương đầu của Sáng Thế Ký theo nghĩa nội môn ít đến nỗi mà họ chưa bao giờ nhận thức được rằng sự bất tuân lệnh đó không hề hàm ý tội lỗi, mà con "Rắn" lại còn là chính "Đức Chúa Trời"- cũng như Linh Xà, Huyền Âm, bao hàm minh

[1] Núi này ở Tây Nam Trung Hoa, hầu như giữa Trung Hoa và Tây Tạng.

[2] Như trên, trang 293-294.

triết thiêng liêng sáng tạo – Ngài đã dạy cho loài người đến lượt họ trở thành các Đấng Sáng Tạo. ([1]) Họ cũng chưa bao giờ nhận thấy rằng *Thập tự giá* là do cái Cây và con rắn hóa thành, và như thế đã trở nên *sự cứu rỗi nhân loại.* Do đó, nó ắt phải trở thành chính biểu tượng cơ bản đầu tiên của Nguyên
220 nhân Sáng tạo, áp dụng vào hình học, số học, thiên văn học, đo lường sự sinh dục của động vật. Theo kinh Kabalah, *sự nguyền rủa người đàn ông diễn ra khi người đàn bà được tạo ra*. ([2]) Vòng tròn bị phân cách với đường kính của nó.

Sự phân cách nguyên khí nhị phân được thực hiện từ nguyên khí lưỡng vị nhất thể (tức là trạng thái Bán thư bán hùng), bày ra hai đối cực, số phận mãi mãi của chúng về sau là ra sức tái hợp thành trạng thái *đơn nhất* nguyên sơ. Sự chèn

---

[1] Xin nhắc độc giả nhớ rằng trong kinh Zohar, cũng như mọi tác phẩm Do Thái Bí Giáo, người ta khẳng định rằng "Metatron hợp nhất với Shekinah". Nay với vai trò là bức Màn che (Ân điển) của Ain Soph (tượng trưng cho Huyền Âm), Shekinah lại chính là Cây Tri Thức đó, còn Shamael – *trạng thái* u minh của Huyền Âm – lại chỉ chiếm giữ vỏ của cây này và chỉ tri thức về *điều ác* mà thôi. Lacour, kẻ xem hoạt cảnh sự Sa đọa (trong Sáng Thế Ký iii) là một diễn biến thuộc về cuộc Điểm đạo Ai Cập, đã cho rằng: "Cây Bói Toán, tức là Cây Tri Thức Thiện và Ác … là khoa học về Tzyphon, Thần Hoài Nghi, *tzy* là dạy, *phon* là nghi ngờ. Tzyphon là một trong các Aleim (Elohim, lễ sư); chúng ta sẽ thấy Ngài tức khắc có danh hiệu là Nach, kẻ cám dỗ. (Các Đấng Elohim, quyển ii, trang 218).Hiện nay, các nhà biểu tượng học biết tên Ngài là Jehovah.

[2] Đây là quan điểm mà mọi Đức Cha trong Giáo hội đều chấp nhận, nhưng đó không phải là Nội môn Bí giáo thực sự. Sự *chèn ép (cruse)* không bắt đầu khi người đàn ông hay đàn bà được tạo ra, vì sự phân cách của họ là một hậu quả tự nhiên của sự tiến hóa, mà lại bắt đầu khi *thiên luật bị vi phạm.*

ép (curse) như sau: khi thúc đẩy sự tìm kiếm, Thiên Nhiên đã tránh né kết quả mong muốn bằng cách tạo ra một thực thể mới, khác với sự tái hợp hay sự đơn nhất mong muốn, do đó, sự khao khát tự nhiên để khôi phục lại một tình trạng đã mất, đã và đang bị phỉnh lừa mãi mãi. Thiên nhiên sinh tồn do chính cái tiến trình nhử như này của sự chèn ép liên tục. ([1])

Xét về mặt nội môn, câu chuyện ẩn dụ Adam bị lôi ra khỏi Cây Trường Sinh có nghĩa là Giống dân mới bị phân cách đã lạm dụng và đã lôi bí nhiệm về sự sống xuống lãnh vực thú dục. Đó là vì theo kinh Zohar thì Matronethah – Shekinah, phu nhân tượng trưng của Metatron –"chính là con đường dẫn tới Cây Trường Sinh vĩ đại, Cây Đại Hùng", còn Shekinah là Thiên Ân (Divine Grace). Nghe đâu Cây này vươn lên đến tận thung lũng Thiên giới và bị che khuất giữa ba ngọn núi (ba Nguyên khí cao nơi con người). Từ ba ngọn núi này, cái Cây vươn lên cao (tri thức của bậc Cao đồ ao ước hướng về Thiên giới) rồi lại xà xuống dưới (vào trong Chơn Ngã của bậc Cao đồ trên trần thế). Cây này bộc lộ ra vào ban ngày và bị che khuất vào ban đêm, nghĩa là nó bộc lộ ra cho một trí tuệ giác ngộ và ẩn khuất đối với sự vô minh, vốn là bóng đêm. ([2]) Giảng lý dạy:

Cây Tri Thức Thiện và Ác mọc ra từ rễ Cây Trường Sinh.

Nhưng rồi, tác giả của Nguồn Gốc các Kích Thước lại cho rằng:

Trong kinh Kabalah, chúng ta thấy rõ rằng "Cây Trường Sinh" là thập tự giá có quai dưới khía cạnh tính dục, còn "Cây Tri Thức" là sự phân cách và sự tập hợp lại để hoàn thành định mệnh. Nếu

---

[1] Bản chất con người sinh tồn nhờ vào điều đó; *con người*, chớ không phải Thiên Nhiên, đã không tạo ra được bản chất động vật, mà chỉ tạo ra một bản chất xấu xa, vật dục và lầm lạc.

[2] Xem Zohar, I, trang 172, a và b.

221 trình bày điều này bằng số thì trị số của các chữ hợp thành từ ngữ "aiz" (cây) là 7 và 9; bảy là thư số thiêng liêng, còn chín là con số của năng lượng dương hay sùng bái sinh thực khí. Thập tự giá có quai này là biểu tượng *thư hùng* của Ai Cập, Isis-Osiris, nguyên khí mầm mống trong mọi hình hài, dựa vào sự biểu lộ bản sơ có thể áp dụng theo mọi hướng và mọi chiều.

Đây là quan điểm Do Thái Bí giáo của các nhà Huyền bí Tây phương, nó khác hẳn các quan điểm có tính cách triết lý hơn của dân Ãryan Đông phương về đề tài này.([1]) Sự phân cách giới tính nằm trong chương trình của Thiên Nhiên và sự tiến hóa tự nhiên, còn năng lực sáng tạo nơi người nam và nữ là một năng khiếu của Minh Triết Thiêng Liêng. Toàn thể Cổ nhân, từ triết gia quý tộc cho tới thứ dân có xu hướng tâm linh, đều đã tin rằng các truyền thuyết ấy là chân thực. Nếu cứ tiếp tục thì chúng ta có thể thành công khi chứng tỏ rằng chân lý tương đối của các huyền thoại ấy (nếu không muốn nói là sự chính xác tuyệt đối của chúng) – mà các bậc trí giả lỗi lạc như Solon, Pythagoras, Plato v.v.. đã xác chứng – đã bắt đầu lố dạng nơi hơn một nhà khoa học hiện đại. Y đâm ra hoang mang, bối rối, sững sờ trước những bằng chứng đang ngày càng được chồng chất lên trước mặt y; y thấy rằng chẳng có cách nào giải quyết được nhiều vấn đề lịch sử đang giáp mặt với y, nếu y không chịu bắt đầu chấp nhận các truyền thuyết xa xưa. Do đó, khi bảo rằng mình tin tưởng tuyệt đối vào các tài liệu cổ truyền và các huyền thoại đại đồng thế giới, chúng tôi hầu như cũng không cần phải thú tội trước một quan sát viên vô tư, vì các tác giả khác thông thái hơn nhiều – kể cả những người thuộc về trường phái khoa

[1] So sánh với Tiết 11 trong Quyển 4 bàn về các Bí nhiệm của Thất Nguyên.

học hiện đại – hiển nhiên là còn tin tưởng (nhiều hơn cả các nhà Huyền bí) vào "loài rồng" chẳng hạn; họ không những tin tưởng vào sự tồn tại biểu tượng chúng mà còn tin rằng chúng đã từng có thời tồn tại thực sự nữa.

Cách đây chừng ba mươi năm, thật là táo bạo nếu một kẻ nào nghĩ đến việc thuật lại cho công chúng một tuyển tập các câu chuyện thường nổi tiếng là hoang đường, và yêu cầu thiên hạ phải xem là chúng có thực, hoặc biện hộ cho các câu chuyện bịa đặt cổ kính là các sự kiện có thực; hoặc (trong nhiều trường hợp) xem các câu chuyện ru em là các huyền thoại đã bị xuyên tạc ít nhiều nhắm mô tả các thực thể hoặc các biến cố có thực. Ngày nay, đó là một việc ít liều lĩnh hơn. ([1])

Phần dẫn nhập của một tác phẩm mới đây (năm 1886) và lý thú nhất của ông Charles Gould, tên là Các con quái vật Thần thoại đã mở đầu như thế đó. Ông đã táo bạo khẳng định niềm tin của mình vào hầu hết các con quái vật này. Ông đề nghị là:

Nhiều cái gọi là các con vật thần thoại – mà suốt bao thời đại và ở mọi quốc gia đã là các đề tài phong phú của những chuyện hoang đường, bịa đặt – phải chính thống ở trong phạm vi thực tế thông thường của vạn vật học. Chúng ta có thể xem chúng không phải là hậu quả của sự hoang tưởng, mà là các tạo vật đã từng tồn tại thực sự, tiếc thay, chỉ có những điều mô tả chúng một cách bất toàn và thiếu chính xác đã được lọc lừa xuống tới chúng ta, có lẽ là đã bị khúc xạ rất nhiều qua đám sương mù thời gian;… các truyền thuyết về các tạo vật đã từng tồn tại với con người, một vài tạo vật đó quái gở và gớm ghiếc đến nỗi mà thoạt nhìn, dường như là chúng không thể tồn tại được…

[1] Các con quái vật Thần thoại, của Gould, trang 1.

Đối với tôi, đa số tạo vật này không phải là những chuyện huyền hoặc, mà là các đối tượng của sự nghiên cứu thuần lý. Thay vì là một tạo vật xuất phát từ trí tưởng tượng của người Ãryan khi chiêm ngưỡng tia chớp lóe qua các hang động mà y cư ngụ (theo một số nhà thần thoại học), con rồng lại là một con vật đã từng sống, kéo lê những khúc cuộn nặng nề của mình và có lẽ còn biết bay nữa…

222 Đối với tôi, sự tồn tại đặc biệt của con kỳ lân (unicorn) dường như chẳng có gì là không thể tin được và thật ra, nó còn khả hữu hơn cái thuyết gán cho nó một nguồn gốc thần thoại nguyệt tinh …(1)

Về phần mình, tôi hoài nghi việc cho rằng các huyền thoại nói chung đều thoát thai từ "sự chiêm ngưỡng các tác động hữu hình của ngoại cảnh". Dường như tôi có thể dễ dàng giả sử là sự tê liệt của thời gian đã làm suy suyển sự phát biểu các câu chuyện cũ rích này cho đến ki thiên hạ hầu như không còn nhận ra được dáng vẻ nguyên sơ của chúng nữa. Điều trên còn dễ hơn là giả sử rằng những kẻ dã man thất học có được các năng lực tưởng tượng và sáng tạo thi ca vượt xa năng lực của hầu hết các quốc gia văn hiến nhất hiện nay. Dường như tôi có thể dễ dàng tin rằng các câu chuyện kỳ diệu bàn về các thần linh và các bán thần, người khổng lồ và người lùn, rồng và đủ loại quái vật này là các *biến thể* hơn là các *điều bịa đặt*. (2)

Cũng nhà địa chất học ấy đã trình bày là:

… các nhà cổ sinh vật học đã lần lượt truy nguyên sự tồn tại của con người tới tận các thời kỳ được ước tính biến thiên từ ba

[1] Điều nghiên Thần thoại học về con Kỳ lân, Robert Brown Junr., F. S. A., Luân Đôn, 1881. [Được trích dẫn từ Các con vật Thần thoại, của Gould, trang 3].

[2] Các con quái vật trong Thần thoại, trang 2-4.

mươi ngàn đến một triệu năm lúc mà y còn tồn tại cùng với các con thú đã tuyệt chủng từ lâu rồi… ([1])

Xin đơn cử một vài thí dụ về con vật quái gở và gớm chiếc này: (1) Loài *Cidastes* có xương và xương sống khổng lồ chứng tỏ rằng chúng đã dài tới gần 200 feet (= 60,96^{m}), Giáo sư Marsh đã tìm thấy tàn tích của những con quái vật ấy (ít nhất phải hơn 10 con) ở vùng đất xấu tại Colorado, rải rác trên các đồng bằng. (2) Loài *Vô pháp long* (*Titanosaurus Montanus)* dài tới 50 hay 60 bộ. (3) Loài *khủng long* (*Dinosaurians*) ở các địa tầng kỷ Jura tại rặng núi Rocky còn có kích thước khổng lồ hơn nữa. (4) Loài *Atlantosaurus Immanis*, chỉ một cái xương đùi của nó cũng dài trên 6 bộ (=1,82^{m}); như vậy nó ắt phải dài trên 100 bộ. Nhưng như vậy vẫn chưa to lắm, chúng tôi nghe nói người ta đã khám phá ra các di tích có kích thước khổng lồ đến nỗi mà một cái xương đùi cũng dài trên 12 bộ! [2] Thế rồi chúng ta lại được biết con quái vật *Sivatherium* ở Hy Mã Lạp Sơn là một con hươu bốn sừng, lớn như voi nhưng lại cao hơn cả voi nữa; con Vô sỉ long (Megatherium) khổng lồ; con thằn lằn bay khổng lồ, Dực thủ long (Pterodactyli), có mõm cá sấu, đầu vịt v..v… *Tất cả những con vật này đều cùng tồn tại với con người, rất có thể chúng và con người còn tấn công lẫn nhau nữa.* Thế mà người ta đã bảo chúng ta phải tin rằng lúc bấy giờ, con người nêu trên cũng chẳng có gì lớn hơn hiện nay ! Có thể quan niệm được rằng khi bị những con quái vật như trên bao quanh trong Thiên Nhiên, liệu con người có thể sinh tồn được chăng trong khi kẻ thù của y đã chết hết nếu chính y không phải là một kẻ khổng lồ ? Phải chăng y đã dùng một chiếc rìu bằng đá để

[1] Như trên, trang 20.

[2] Như trên, trang 36 – 37.

chinh phục một con *Sivatherium* hoặc một con thằn lằn bay khổng lồ ? Chúng ta nên nhớ kỹ rằng ít ra đã có một nhà khoa học lỗi lạc, de Quatrefages, chẳng thấy có một lý do khoa học nào khiến cho con người không thể sống đồng thời với loài động vật hữu nhũ sơ khai nhất và có nguồn gốc *tận đệ nhị kỷ*. ([1])

223 Giáo sư Jukes, một người rất bảo thủ, cho rằng:

Trước kia, dường như những con rồng bay trong tiểu thuyết lại có vẻ tồn tại thực sự.([2])

Rồi tác giả tiếp tục hỏi:

Liệu lịch sử giấy trắng mực đen của con người bao gồm một vài năm có bao hàm trọn vẹn diễn trình tồn tại thông tuệ của y không ? Hay là liệu chúng ta có được chăng các dấu vết kỷ niệm mơ hồ của con người tiền sử trải qua hàng trăm ngàn năm trong các kỷ nguyên dài đăng đẳng, được ghi lại trong các niên đại ký của dân Chaldea và Trung Hoa, được truyền thống lưu truyền lại và có lẽ đã được một số ít người sống sót chuyển từ xứ khác sang các xứ còn tồn tại, giống như Châu Atlantis thần thoại của Plato, các xứ khác này có thể đã bị chìm ngập, hoặc là diễn trường của một đại thảm họa nào đó đã hủy diệt chúng cùng với tất cả mọi nền văn minh. ([3])

Một vài con thú khổng lồ còn sót lại, chẳng hạn như loài voi – chính chúng cũng còn nhỏ hơn các tổ tiên của chúng là loài Trụ nha tượng (Mastodons) – còn loài hải mã (hippopotami), chỉ là các di tích còn sống sót và càng ngày càng có khuynh hướng biến mất hoàn toàn. Nhưng ngay chính chúng cũng đã có một vài loài tiền phong của các

---

[1] De Quatrefages, Các Giống Người, trang 152.

[2] Sổ tay Địa Chất Học, trang 301.

[3] Như trên, trang 17.

chủng loại tương lai, và đã giảm kích thước theo cùng tỷ lệ với con người. Đó là vì người ta đã tìm thấy các di tích của một con voi lùn, E, Falconeri, ở các lớp trầm tích nơi hang động của đảo Malta; tác giả nêu trên quả quyết rằng chúng có liên hệ với các di tích của loài hải mã lùn, vì chúng chỉ cao có hai feet sáu inches (= 76cm). Cũng có "loài hải mã *Choeropsis Liberiensis* vẫn còn tồn tại, mà ông Milne-Edwards cho là chỉ cao hơn 2 bộ (= 60 cm) một tí".([1])

Những kẻ hoài nghi có thể mỉm cười và tố cáo tác phẩm của chúng tôi toàn là những điều vớ vẩn hay những câu chuyện thần tiên. Nhưng khi làm như thế, họ chỉ biện minh cho sự minh triết của triết gia Trung Hoa Chuang, ông đã dạy rằng:

Nói về mặt số mục, những điều mà người ta hiểu biết tuyệt nhiên không thể so sánh được với những điều mà người ta không biết.([2])

Như thế họ chỉ chế nhạo sự dốt nát của chính mình.

CÁC "CON CỦA THƯỢNG ĐẾ" VÀ "ĐẢO THIÊNG"

Sau đây là "huyền thoại" được trình bày trong Nữ Thần Isis Lộ Diện ([3]) liên quan tới một phần của Địa Cầu mà khoa học nay phải chịu thừa nhận là cái nôi của nhân loại (mặc dầu thật ra nó chỉ là một trong *bảy* cái nôi).

---

[1] Các con quái vật Thần thoại của Goul, trang 16. Xem thêm Khảo Cứu v.v.. về các động vật hữu nhũ, ảnh minh họa 1, Paris, từ năm 1868-1874.

[2] Lời nói đầu của Sơn Hải Kinh (Shan Hai King) [Xem Gould, sách đã dẫn, trang 384].

[3] Quyển I, trang 589 và tiếp theo.

Theo tài liệu của Thiền Định Chân Kinh (the BOOK OF DZYÃN), tục truyền là ngày xưa trước thời Ad-am và người vợ He-va tò mò, ở nơi mà ngày nay chỉ là các hồ muối và vùng sa mạc hoang vu cằn cỗi có một biển nội địa rộng mênh
224 mông, nó trải dài qua vùng Trung Á phía Bắc rặng Hy Mã Lạp Sơn hùng vĩ và phần kéo dài phía Tây của nó. Trong biển ấy có một hòn đảo có một vẻ đẹp vô song trên thế giới, đảo này là nơi cư trú của số tàn dư cuối cùng của giống dân trước giống dân chúng ta.

"Tàn dư cuối cùng" có nghĩa là "các Con của Ý Chí và Yoga" họ vẫn còn sống sót với thời gian cùng với một vài bộ lạc sau khi trận đại thảm họa xảy ra. Ấy là vì đó chính là Giống dân thứ Ba trên Đại lục Lemuria, nó có trước Giống người hoàn hảo thực sự - Giống dân thứ Tư và thứ Năm. Do đó, trong Nữ Thần Isis Lộ Diện có bảo rằng:

> Giống dân này có thể sống thoải mái ở trong nước, không khí cũng như lửa, vì nó kiểm chế được các hành này một cách vô tận. Đó là "các Con của Thượng Đế"; không phải là các vị đã chiêm ngưỡng các con gái của nhân loại, mà là các Đấng Elohim thực sự, mặc dù họ có một danh xưng khác trong kinh Kabalah đông phương. Chính họ đã truyền thụ các bí nhiệm kỳ quái nhất của Thiên Nhiên cho con người và tiết lộ cho họ "linh từ" khôn tả (ineffable) này đã *thất truyền*.

Người ta tin rằng cho đến nay "Đảo" này vẫn còn tồn tại như là một ốc đảo giữa sa mạc Gobi hoang vu ghê rợn, "theo ký ức của loài người thì chưa ai đã từng băng qua đó".

Linh từ (word) này không phải là từ ngữ gì cả, đã từng đi vòng quanh trái đất, và vẫn còn lần lữa (lingers) như là một tiếng vang xa xăm tắt dần trong tâm hồn của một vài người có đặc quyền. Các vị đạo trưởng của mọi Giáo sĩ đoàn đều biết rằng đảo này tồn tại; nhưng chỉ có vị *Java Aleim* (theo một

ngôn ngữ khác là Mahã Chohan), tức vị đứng đầu của Giáo sĩ đoàn, mới biết được linh từ và chỉ truyền lại cho người kế vị khi từ trần. Có nhiều Giáo sĩ đoàn như thế, và các tác giả cổ điển đều đề cập đến chúng…

Không thể giao thông với hòn đảo mỹ lệ này bằng đường thủy, nhưng các hành lang ngầm dưới đất (mà chỉ có các vị đạo trưởng biết) giao thông với nó theo mọi hướng.([1])

Truyền thuyết khẳng định và khảo cổ học đã chấp nhận chân lý của huyền thoại cho rằng có hơn một đô thị nay đang phồn thịnh ở Ấn Độ đã được xây dựng trên nhiều đô thị khác, như thế là tạo thành một đô thị dưới đất cao sáu, bảy tầng. Dehli là một trong các đô thị đó, Allahabad là một đô thị khác, chúng ta còn thấy các ví dụ của điều này ở ngay cả Âu Châu, chẳng hạn như ở Florence, nó được xây dựng trên nhiều thành phố của xứ Etryscan và các đô thị khác cũng đã bị diệt vong. Thế thì tại sao Ellora, Elephanta, Karli và Ajunta

[1] Như trên, quyển II, trang 590. Cũng như James Fergusson, nhiều nhà khảo cổ học không chịu thừa nhận một nguồn gốc xa xưa nào của ngay cả một đền đài nào đó ở Ấn Độ. Trong tác phẩm Minh họa về các Thánh điện Đẽo trong đá ở Ấn Độ, ông dám cả gan phát biểu ý kiến khác thường là: "Ai Cập đã không còn là một quốc gia trước khi các Thánh điện trong hang động sơ khai nhất của Ấn Độ đã được khai quật lên". Tóm lại, ông không chịu thừa nhận sự tồn tại của bất cứ Thánh điện trong hang động nào trước thời trị vì của vua A Dục (Ashoka), và dường như còn nóng lòng muốn chứng tỏ rằng hầu hết các thánh điện đẽo trong đá này đã được thực hiện trong vòng một thời kỳ trải dài từ thời vị quốc vương mộ đạo Phật này cho tới khi triều đại Andhra của xứ Ma kiệt đề (Magadha) bị diệt vong vào thế kỷ thứ năm. Chúng tôi tin là một lời tuyên bố như vậy là hoàn toàn độc đoán. Những khám phá thêm nữa sẽ chứng tỏ rằng nó thật là sai lầm và chẳng có gì là đảm bảo.

lại không thể đã được xây dựng trên các mê lộ và các hành lang ngầm dưới đất như người ta thường tuyên bố? Dĩ nhiên là chúng tôi không ám chỉ các hang động mà mọi người Âu Châu đều biết do mắt thấy tai nghe, cho dù chúng có nguồn gốc thật xa xưa (mặc dù ngay cả các điều này cũng bị khảo cổ học hiện đại bác bỏ); song chúng tôi ám chỉ một sự kiện mà các Điểm đạo đồ Bà La Môn ở Ấn Độ (nhất là các đạo sĩ Yoga) đều biết, nghĩa là ở xứ này không có một Thánh điện trong
225 hang động mà chỉ có các hành lang dưới đất chạy khắp mọi hướng, đến lượt các hang động dưới đất và các hành lang vô tận này lại có các hang động và hành lang của mình. Chúng tôi xin hỏi tiếp:

Ai dám bảo liệu Châu Atlantis đã thất tung – nó cũng được Mật Thư (Secret Book) đề cập đến, nhưng dưới một danh xưng khác, đặc thù đối với ngôn ngữ thánh thiện – có còn tồn tại vào thời đó chăng ?

Nhất định là nó phải tồn tại, vì nó đang gần đạt tới thời vinh quang và văn minh nhất, khi phần cuối cùng của lục địa Lemuria đã bị diệt vong.

Đại lục đã thất tung có lẽ ở vùng Nam Á, trải dài từ Ấn Độ tới Tasmania. ([1]) Nếu giả thuyết này đã từng được chứng nghiệm – hiện nay một vài tác giả thông thái rất nghi ngờ và kịch liệt bác bỏ nó, họ xem nó là một trò đùa của Plato – thì bấy giờ có lẽ các nhà khoa học sẽ tin rằng sự mô tả lục địa vốn là chỗ trú của thần linh, đâu phải hoàn toàn là một

[1] Sách đã dẫn. Vào lúc được khám phá ra, Châu Mỹ đã được một vài bộ lạc thổ dân gọi là *Atlanta.*

chuyện hoang đường. ([1]) Và lúc bấy giờ họ có thể nhận thấy rằng các ẩn ngôn của Plato và sự kiện ông gán câu chuyện này cho Solon và các lễ sư Ai Cập chẳng qua chỉ là một cách thức thận trọng để truyền đạt sự kiện ấy cho thế gian. Đồng thời bằng cách khéo léo kết hợp chân lý với điều bịa đặt, ông đã đoạn tuyệt với một câu chuyện mà các điều bó buộc khi được điểm đạo không cho phép ông tiết lộ …

Để tiếp lời truyền thuyết, chúng ta phải thêm rằng đẳng cấp đạo trưởng được chia thành hai loại riêng biệt; ([2]) đó là những vị được "các Con của Thượng Đế" trên đảo dạy dỗ và được điểm đạo về giáo lý thiêng liêng thuần túy khải huyền; còn những vị khác ở lại Châu Atlantis đã thất tung – nếu tên của nó ắt phải như thế - thuộc một giống dân khác (được sinh ra do sự *phối hợp* của các tổ phụ *thiêng liêng*), bẩm sinh đã có một năng khiếu thần nhãn nhìn thấu được mọi vật ẩn tàng và bất chấp khoảng cách, chướng ngại vật. Tóm lại, họ là Giống dân thứ Tư đã được tác phẩm Popol Vuh đề cập tới, họ có tầm nhìn vô hạn và biết mọi chuyện ngay tức khắc.

Nói cách khác, họ là những người Lemuria-Atlantis, những người đầu tiên có một Triều đại Thánh Vương, không phải là Âm Ma như một vài người lầm tưởng ([3]) mà là các

---

[1] Từ đó, tác phẩm Châu Atlantis của Donnelly đã xuất hiện, và chẳng bao lâu sau, sự tồn tại thực sự của nó sẽ trở thành một sự kiện khoa học.

[2] Cho đến nay, nó vẫn được chia ra như thế, các nhà Thông Thiên Học và các nhà huyền bí – những kẻ đã nếm mùi điêu đứng vì quyền năng ma thuật không thể chối cãi được – biết rất rõ điều này.

[3] Xem Các Vong Linh của De Mirville, quyển iii, trang 57 và tiếp theo.

Bán Thần hay Thiên Thần thực sự sống động; các vị này đã lâm phàm để trị vì Giống dân này; đến lượt các Ngài lại dạy khoa học và nghệ thuật cho họ. Có điều là, vì các Thần Quân này là các Vong Linh hữu sắc tướng nên họ không nhất thiết là thiện. Chúa Tể của họ (Thevatat) là một trong các vong linh hữu sắc tướng; chính vì chịu ảnh hưởng xấu của vị Ma Vương này nên Giống dân Atlantis mới biến thành một quốc gia gồm toàn là các vị "pháp sư" ác độc.

Do đó người ta đã tuyên chiến, câu chuyện chiến tranh này quá dài nên chúng ta không thể thuật lại được. Chúng ta có thể thấy bản chất của nó trong các chuyện ẩn dụ bị xuyên tạc của dòng giống Cain, người khổng lồ, và dòng giống của Noah cùng với các gia tộc chính trực của ông. Trận xung đột chấm dứt khi Châu Atlantis bị chìm, tương tự như câu chuyện về trận lụt ở Babylonia thời Moses. Những người
226 khổng lồ và các pháp sư…"và tất cả mọi người bằng xương bằng thịt đều chết hết". Chỉ trừ có Xisuthrus và Noah, họ có bản chất đồng nhất với vị Cha già của nhóm Thlinkithians ([1])… nghe đâu họ cũng trốn thoát được trong chiếc thuyền lớn giống như Noah của Ấn Độ (tức Bàn Cổ Vaivasvata).

Nếu hoàn toàn tin tưởng vào truyền thuyết, thì chúng ta cũng phải tin thêm câu chuyện rằng do các con cháu của các vị đạo trưởng trên đảo kết hôn với các hậu duệ của Noah cảu người Atlantis, nên mới sinh ra một giống dân hỗn hợp gồm kẻ chính trực và độc ác. Một mặt, thế gian có được các Enoch, Moses, nhiều loại Phật giáo khác nhau, nhiều Đấng Cứu Thế và các vị Đại Đạo Trưởng; mặt khác, vì không bị quyền năng

[1] Xem Max Muller, Tạp văn (Chips), trang 339; "Popol Vuh". Đối chiếu với Holmberg …

linh giác kềm chế nên các "pháp sư tự nhiên" đã làm bại hoại các năng khiếu của mình vì các mục đích ích kỷ. ([1])

Chúng ta có thể bổ túc điều này bằng chứng cứ của một vài tài liệu lưu lại và truyền thuyết. Trong tác phẩm Lịch sử của các Trinh Nữ: Các Dân Tộc và các Lục Địa đã mất, Louis Jacolliot viết:

Một trong các truyền thuyết xưa nhất của Ấn Độ, đã được bảo tồn trong các thánh điện bằng cách khẩu truyền và bút truyền, có thuật lại rằng cách đây nhiều trăm ngàn năm, ở trong Thái Bình Dương có tồn tại một lục địa bao la đã bị cơn động đất hủy diệt. Chúng ta ắt phải tìm thấy các mảnh vụn của nó ở Madagascar, Tích Lan, Sumatra, Java, Borneo và các đảo chánh ở Polynesia.

Theo giả thuyết này, các cao nguyên ở Hindustãn và Á Châu đã chỉ được tượng trưng trong các thời đại xa xưa này bằng các hòn đảo lớn tiếp cận với lục địa trung ương … Theo người Bà La Môn, xứ này đã đạt được một nền văn minh cao tột, và bán đảo Hindustãn, được mở rộng do sự dời chỗ của biển cả vào lúc có trận đại thảm họa, đã chỉ nối tiếp hàng loạt các truyền thuyết nguyên sơ nảy sinh ở nơi này. Các truyền thuyết này khiến cho những người dân ở lục địa bao la tại phân điểm này được mệnh danh là Rutas, vì ngôn ngữ của họ *thoát thai từ tiếng Bắc Phạn.* Truyền thuyết Ấn Độ-Hy Lạp (được bảo tồn bởi giống dân thông minh nhất đã di cư ra khỏi các vùng đồng bằng Ấn Độ) cũng thuật lại sự tồn tại của một lục địa và một dân tộc mà nó mệnh danh là Châu Atlantis và dân Atlantides; nó xác định vị trí của châu đó ở Đại Tây Dương, tại phần phía Bắc của các chí tuyến.

Ngoài sự kiện này ra, việc giả sử rằng có một lục địa cổ truyền ở các vĩ độ này (chúng ta có thể thấy các di tích của nó nơi các đảo có núi lửa và bề mặt núi non lởm chởm của các quần đảo Azores, Canaries và Cap de Verde) không có khả

[1] Như trên, trang 593.

năng tồn tại về mặt địa lý. Vả lại, người Hy Lạp (vốn chẳng bao giờ dám vượt ra ngoài các Cột trụ của Hercules vì e sợ Đại dương huyền bí) đã xuất hiện quá trễ vào thời xưa khiến cho các câu chuyện mà Plato đã bảo tồn chẳng còn gì khác hơn là một tiếng vang của huyền thoại Ấn Độ. Hơn nữa khi chúng ta liếc nhìn vào một địa cầu đồ, khi thấy các hòn đảo và các đảo nhỏ rải rác từ quần đảo Mã Lai tới Polynesia, từ các eo biển Sunda tới đảo Phục Sinh, chúng ta không thể cho rằng đó là phần quan trọng nhất dựa vào giả thuyết là có nhiều lục địa xuất hiện trước các lục địa mà chúng ta đang ở trên đó.

Một tín ngưỡng tôn giáo chung cho cả Malacca lẫn Polynesia (nghĩa là hai đối cực của đại dương) quả quyết rằng "tất cả các hòn đảo này đã từng tạo thành hai xứ bao la, nơi cư trú của những người da vàng và người da đen luôn luôn xung đột nhau. Chán ngấy trò cãi cọ đó, chư thiên đã giao phó cho Đại dương việc bình định chúng; Đại dương liền nuốt trọn cả hai đại lục, và từ đó không thể bắt y thả các
227 tù nhân của mình ra được. Chỉ các đỉnh núi và cao nguyên là thoát được nạn lụt do quyền năng của chư thiên, họ đã nhận ra lỗi lầm của mình quá trễ".

Cho dù các truyền thuyết có ra sao đi chăng nữa, cho dù nơi phát xuất ra nền văn minh xưa hơn văn minh La Mã, Hy Lạp, Ai Cập và Ấn Độ có gì đi chăng nữa, chắc chắn là nền văn minh này đã tồn tại và thật là quan trọng biết bao nếu khoa học tìm lại được các dấu vết của nó, mặc dù chúng có thể là sơ sài và phù du. ([1])

[1] Chú thích cuối trang, Quyển I, Nữ Thần Isis Lộ Diện, trang 594-595

Truyền thuyết về Đại dương này bổ chứng cho huyền thoại được trình bày theo các "Tài liệu của Giáo Lý Bí Nhiệm". Trận chiến giữa người da vàng và người da đen ám chỉ cuộc đấu tranh giữa "các Con của chư Thiên" và "các Con của những người Khổng lồ" tức là dân cư của Châu Atlantis.

Cuối cùng, tác giả có đích thân đến viếng mọi hòn đảo ở Polynesia và dành ra nhiều năm để nghiên cứu về tôn giáo, ngôn ngữ và các truyền thuyết của hầu hết mọi dân tộc, đã kết luận như sau :

Về phần lục địa Polynesia (lục địa này đã biến mất vào lúc có các thảm họa địa chất cuối cùng, sự tồn tại của nó dựa vào những bằng chứng hợp lý đến nỗi mà chúng ta không còn có thể nghi ngờ gì được nữa.

Ba đỉnh lục địa này tức quần đảo Sandwich, Tân Tây Lan và đảo Phục Sinh, cách xa nhau từ 1 500 đến 1 800 dặm. Còn chính các nhóm đảo trung gian, Viti(Fiji), Samoa, Tonga, Foutouna (? Foutouha), Ouvea (? Oueeha), Marquesas; Tahiti, Poumoutou (? Pomatou), Gambiers, - cũng cách các cực điểm này từ 700 đến 1 000 dặm.

Mọi nhà hàng hải đều đồng ý với nhau rằng nhóm ở cực điểm và nhóm ở giữa chưa bao giờ có thể giao thông được với nhau xét vì vị trí địa lý thực tế của chúng và phương diện thiếu thốn sẵn có của chúng. Trên cõi trần, không thể vượt qua những khoảng cách như thế trong một chiếc thuyền độc mộc mà không có la bàn và đi du hành hàng tháng mà không có lương thực dự trữ.

Mặt khác, thổ dân của quần đảo Sandwich,Viti, Tân Tây Lan, quần đảo trung ương Samoa, Tahiti v.v… *chưa bao giờ biết nhau, nghe nói tới nhau,* trước khi người Âu Mỹ đến đó. *Thế nhưng, mỗi dân tộc này đều khẳng định rằng hòn đảo của họ*

đã có thời là một thành phần của một dãy đất bao la trải dài về phía Tây bên phía Á Châu. Và chúng ta thấy tập hợp các dân tộc này đều nói cùng một ngôn ngữ, có cùng một phong tục, tập quán, tín ngưỡng. Và để đáp lại câu hỏi: "Cái nôi của giống dân bạn ở đâu?", tất cả đều *đưa tay chỉ về phía mặt trời lặn*".([1])

Xét về mặt địa lý, sự mô tả hơi nghịch với các sự kiện trong các Tài liệu bí nhiệm, nhưng nó cũng chứng tỏ sự tồn tại của các truyền thuyết đó, và người ta chỉ cần có thế thôi. Đó là vì, cũng như "không có lửa làm sao có khói", cũng vậy, một truyền thuyết phải dựa vào một chân lý gần đúng nào đó.

Thế nào cũng có lúc chúng ta chứng tỏ rằng khoa học đã bổ chứng hoàn toàn cho các truyền thuyết nêu trên và truyền thuyết khác của Giáo Lý Bí Nhiệm liên quan tới hai lục địa đã thất tung. Chẳng hạn các di tích của đảo Phục Sinh là các kỷ vật kỳ lạ và hùng hồn nhất của những người không lồ
228 nguyên sơ. Chúng vĩ đại bao nhiêu thì cũng huyền bí bấy nhiêu; người ta chỉ việc liếc xem những chiếc đầu của các pho tượng khổng lồ vẫn còn nguyên vẹn thì sẽ nhận ra ngay các đặc điểm của kiểu mẫu và đặc tính mà người ta đã gán cho những người khổng lồ thuộc Giống dân thứ Tư. Họ dường như cùng một khuôn đúc, mặc dù có những đặc điểm khác nhau – thuộc một loại vật dục rõ rệt giống như các đặc điểm của người Atlantis (Daityas và "Atalantians") mà các Thánh thư Nội môn của Ấn Độ đã đề cập tới. Chúng ta hãy so sánh những thứ này với khuôn mặt của một vài pho tượng khổng lồ khác ở Trung Á – chẳng hạn như các pho tượng ở gần Bamian – tục truyền đó là các *pho tượng chân dung* của các vị Phật thuộc về các Chu kỳ Khai nguyên *trước;* còn các vị Phật

[1] Như trên, trang 308.

và các anh hùng đã được nhắc tới trong các tác phẩm của Ấn Độ và Phật giáo, cũng như là những người có kích thước huyền hoặc ([1]) các huynh đệ thánh thiện của các anh em ruột thịt độc ác nói chung, cũng như Rãvana (quốc vương khổng lồ Lankã) là anh em của Kumbhakarna, tất cả đều thuộc dòng dõi của chư Thiên xuyên qua các Thánh Hiền, và như thế, cũng như "Titan là lứa con đông đúc của Ngài", tất cả đều là các "Đấng Bản Sơ của Thiên giới". Mặc dù thường bị người ta làm hại bằng cách trình bày tượng trưng là các Ngài có tai dài lòng thòng, các vị "Phật" này tỏ ra nổi bật vì có thần sắc khác hẳn các pho tượng ở đảo Phục Sinh (chỉ cần liếc qua là thấy ngay được điều này). Họ có thể là thuộc cùng một giống dân, nhưng các vị Phật là "Con của chư Thiên", còn các pho tượng là sản phẩm của các pháp sư hùng mạnh. Tuy nhiên, tất cả đều lâm phàm, và ngoài các điều ngoa ngoắt tất yếu trong truyền thuyết hoang đường dân gian ra, họ đều có *tính cách lịch sử*.([2]) Họ đã sinh hoạt vào lúc nào? Hai Giống dân thứ Ba và thứ Tư đã sinh hoạt cách đây bao nhiêu lâu? Và sau đó bao nhiêu lâu thì các bộ tộc khác nhau của Giống dân thứ Năm bắt đầu xung đột với nhau (các cuộc đấu tranh giữa Thiện và Ác) ? Các nhà Đông phương học đã đoan chắc với

---

[1] Một lối đi dẫn tới các pho tượng ở Bamian – cũng là một vị Phật cao 200 feet (60,96m) - được tìm thấy gần tịnh xá Kỳ Na giáo ở Nam Ấn, nó dường như là lối đi duy nhất còn lại hiện nay.

[2] Ngay cả Wilson cũng thừa nhận rằng Rãma và Rãvana là các nhân vật dựa vào các sự kiện lịch sử. "Các truyền thuyết ở Nam Ấn đều qui nền văn minh của nó… và sự định cư của người Ấn Độ văn minh [Giống dân thứ Năm] cho việc Rãma chinh phục Lankã" (Vishnu Purãna, Wilson, Quyển iii, 318) – theo truyền thuyết chân chính, đó là sự chiến thắng của các "Con của chư Thiên" đối với các nhà phù thủy Atlantis.

chúng ta rằng trong kinh Purãnas và các Thánh kinh khác của Ấn Độ, niên đại ký vừa bị xáo trộn lung tung, vừa bị phóng đại một cách phi lý ? Chúng ta hoàn toàn sẵn sàng tán thánh lời tố cáo đó. Tuy nhiên, nếu các tác giả Ãryan đôi khi có để cho quả lắc niên đại ký của mình lệch về bên quá xa, vượt ra khỏi giới hạn chính thống của sự kiện, thì khi đem so sánh độ lệch này với độ lệch của các nhà Đông phương học theo chiều ngược lại, chúng ta sẽ thấy phía Bà La Môn còn vừa phải hơn. Về lâu về dài, chúng ta sẽ thấy học giả Ấn trung thực hơn và gần gũi với sự thật hơn là học giả Bắc Phạn. Công luận Âu Mỹ xem sự cắt xén của học giả Bắc Phạn – ngay cả khi người ta đã chứng tỏ rằng nó đã được dùng tới để thỏa mãn một sở thích cá nhân – là "một sự chấp nhận các sự kiện một cách *thận trọng*", còn trên giấy trắng mực đen, học giả Ấn lại bị thô
229 bạo coi là "*kẻ nói dối*". Nhưng chắc chắn đây không phải là lý do tại sao mọi người bắt buộc phải xem xét sự kiện này theo cùng một khía cạnh! Một quan sát viên vô tư có thể xem xét nó khác đi. Y có thể tuyên bố rằng cả hai đều là các sử gia tán tận lương tâm, hoặc biện minh cho cả hai, lần lượt dựa vào cơ sở của mỗi bên, và bảo rằng người Ãryan Ấn viết cho các Điểm đạo đồ (họ thuyết minh chân lý theo lối ý tại ngôn ngoại) chứ không viết cho quần chúng. Nếu họ đã xáo trộn các biến cố và *cố ý* làm lẫn lộn các Thời đại, thì điều đó không phải là để đánh lừa bất kỳ kẻ nào, mà chỉ là để bảo tồn tri thức của họ tránh khỏi cặp mắt xoi mói của người ngoại quốc. Tuy nhiên, đối với kẻ nào có thể tính được *thế hệ dòng dõi* của các vị Bàn Cổ và *hàng loạt các kiếp lâm phàm* trong trường hợp một vài anh hùng ([1]) trong kinh Purãnas, thì ý

[1] Để đơn cử một thí dụ, thiên hạ trình bày với chúng ta một vị anh hùng; thoạt tiên sinh ra là "vị quân vương bất chính nhưng quả

nghĩa và thứ tự niên đại ký lại rất rõ ràng. Còn về phần nhà Đông phương học Âu Tây, y phải được khoan thứ vì tất nhiên là y chẳng biết gì về các phương pháp mà Nội môn Bí giáo cổ sơ đã sử dụng.

Nhưng các thành kiến tồn tại như vậy phải nhượng bộ và biến mất trước ánh sáng của các khám phá mới trong vòng chẳng bao lâu nữa. Các thuyết được hâm mộ nhất của Giáo sư Weber và Giáo sư Max Muller, nghĩa là thuyết cho rằng ngay cả vào thời Pãnini (!), ở Ấn Độ cũng chưa hề có văn tự, và thuyết cho rằng người Ấn Độ đã kế thừa toàn bộ các nghệ thuật và khoa học của mình – kể cả Hoàng Đạo và thuật kiến trúc (Fergusson)- từ người Hy Lạp Macedonia, và các giả thuyết không thể tin được khác, đã có nguy cơ bị sụp đổ tan tành. Chính bóng ma của xứ Chaldea cổ đã cứu vãn cho sự dị biệt. Trong Thuyết trình thứ ba của Hibbert (năm 1887), khi đã đề cập tới hình trụ có khắc chữ Assyria và Babylonia mới được phát hiện, Giáo sư Sayce ở Oxford đã bàn nhiều về Ea, Thần Minh Triết, nay được đồng hóa với Oannes, nửa người nửa cá của Borosus, y đã dạy văn hóa và *thuật viết lách* cho dân Babylonia. Nay Giáo sư đã nói tóm tắt về thần Ea này – nhờ có trận Đại Hồng Thủy trong Thánh kinh, đến nay,

---

cảm" (Purusha) của các Daityas, Hiranyakashipu, y bị hóa thân Người Sư Tử (Nara-sinha) giết chết. Rồi y lại sinh ra là Rãvana, vị quốc vương khổng lồ của Lankã và bị Rãma giết chết; sau đó y lại sinh ra là Shishupãla, con của Thánh Vương (Rãjarishi) Damaghosha và lại bị Krishna (hóa thân cuối cùng của Vishnu) giết chết. Sự tiến hóa song song này của Vishnu (Tinh Thần) với Daitya trên cương vị là một con người, có thể là dường như vô nghĩa, thế nhưng nó vẫn cung cấp cho chúng ta chìa khóa để giải không những các nhật kỳ lần lượt của Rãma và Krishna, mà còn giải được một bí nhiệm tâm lý nào đó.

người ta cho rằng vị thần này đã có nguồn gốc xa xưa chỉ mới vào năm 1 500 trước T.C. - như sau:

Đô thị của Ea là Kridu, nó đã đứng sững ở trên bờ vịnh Ba Tư cách đây 6 000 năm. Danh xưng này có nghĩa là "đô thị tốt đẹp", một địa điểm đặc biệt thiêng liêng, vì nó là trung tâm mà nền văn minh sơ khai nhất đã xuất phát từ đó để mở đường lên phía Bắc. Vì thần văn hóa được trình bày là phát nguyên từ biển cả, nên có thể là nền văn hóa đóng đô ở Eridu đã được du nhập từ nước ngoài. Nay chúng ta biết rằng, từ xưa, xứ Chaldea, bán đảo Sinai và Ấn Độ đã thông thương được với nhau. Các pho tượng mà người Pháp tìm ra được ở Tel-loh (có niên kỷ sớm nhất cũng là 4 000 năm trước T.C.) được làm bằng loại đá cực kỳ cứng rắn là diorite; các chữ khắc trên đó nêu rõ rằng đá ấy xuất phát từ Magan, nghĩa là bán đảo Sinai, lúc bấy giờ dưới quyền cai trị của các Hoàng Đế cổ Ai Cập. Người ta biết rằng nói chung, các pho tượng này giống như
230 pho tượng bằng diorite Kephren, người xây dựng Kim tự tháp thứ hai. Trong khi đó, theo ông Petrie; đơn vị đo lường ghi trên bản đồ của đô thị mà một trong các pho tượng ở Tel-loh ôm vào lòng, cũng giống như đơn vị mà các nhà xây dựng Kim tự tháp đã dùng. Người ta tìm thấy gỗ teak ở Mugheir, tức Ur của dân Chaldea, mặc dù thứ gỗ này là một đặc sản của Ấn Độ. Ngoài ra còn có một danh sách quần áo xưa của Babylonia đề cập tới *sindhu* tức "vải the" mà người ta giải thích là vải làm bằng thực vật. ([1])

Ở Chaldea, người ta biết tên vải the (muslin), mà ngày nay nó nổi danh là vải Dacca, là Hindu (Sindhu), và gỗ teak đã được dùng vào năm 4 000 trước Thiên Chúa; thế nhưng người Ấn Độ, - Đại Tá Vans Kennedy đã chứng tỏ rõ rệt rằng dân Chaldea kế thừa nền văn minh của Ấn Độ, - lại *không biết gì về thuật viết lách* trước khi người Hy Lạp dạy họ học vỡ

[1] Đối chiếu Các Bài thuyết trình Hibbert, năm 1887, Sayce, trang 134-138.

lòng – ít ra là nếu chúng ta phải tin theo các nhà Đông phương học (Orientalists) !

ĐOẠN KINH 10

LỊCH SỬ CỦA GIỐNG DÂN THỨ TƯ

(THE HISTORY OF THE FOURTH RACE)

38. Giống dân thứ Tư (Atlantis) ra đời. 39. Các phân chủng của Giống dân thứ Tư bắt đầu phân chia và pha trộn nhau; họ tạo thành các Giống dân đầu tiên hỗn hợp nhiều loại màu da. 40. Giống dân Atlantis trội hơn các Giống dân khác. 41. Họ sa vào vòng tội lỗi, sinh ra con cái và các quái vật. 42. Các mầm mống đầu tiên của thuyết thần nhân đồng hình và tôn giáo tính dục. Họ bị mất "con mắt thứ ba".

38. NHƯ VẬY, CỨ HAI LẦN HAI, TRÊN BẢY KHU VỰC, GIỐNG DÂN THỨ BA SINH RA GIỐNG DÂN THỨ TƯ; CÁC THẦN LINH (SURA) TRỞ THÀNH PHI THẦN LINH (A-SURA).

39. GIỐNG THỨ NHẤT TRÊN MỖI VÙNG CÓ NƯỚC DA MÀU MẶT TRĂNG (VÀNG NHẠT); GIỐNG THỨ HAI SẮC DA MÀU VÀNG; GIỐNG THỨ BA MÀU ĐỎ; GIỐNG THỨ TƯ MÀU NÂU, NÓ TRỞ THÀNH MÀU ĐEN VÌ TỘI LỖI. ([1]) BẢY CHI

---

[1] Chỉ bắt đầu vào thời đại những người khổng lồ có sắc da màu nâu và vàng ở Châu Atlantis thì mới có thể nói về con người, bởi vì chỉ có Giống dân thứ Tư mới là giống người thực sự phát triển đầy đủ thể chất, tuy rằng vóc vạc lớn hơn người thời nay nhiều. Tất cả những điều được trình bày trong Con Người: Các Giai đoạn Lịch sử bị Lãng Quên (của hai Đệ tử) về giống dân Atlantis đều hoàn toàn chính xác. Chính Giống dân này đã trở nên "hắc ám vì tội lỗi", khiến cho các thánh danh của các A Tu La, La Sát và Daityas bị hoen ố và bị hậu thế xem là danh hiệu của bọn ma quỷ. Đó là vì (như chúng ta đã nói) chư Thiên đã đầu thai vào những người minh triết ở Châu Atlantis nên các danh hiệu A Tu La và La Sát mới được dành cho các người Atlantis thông thường. Vì giống

CHỦNG ĐẦU TIÊN KHI KHỞI THỦY ĐỀU CÓ CÙNG MỘT MÀU DA. BẢY PHỤ CHỦNG KẾ TIẾP BẮT ĐẦU PHA TRỘN MÀU DA VỚI NHAU.

Để hiểu rõ Câu kinh 38, chúng ta cần phải đọc lại ba Câu kinh trong ĐOẠN 9. Từ trước cho đến giai đoạn tuần hoàn này, con người thuộc về tính chất siêu hình hơn là Thể chất.
231 Chỉ sau khi xảy ra sự SA ĐỌA mà các Giống dân mới bắt đầu phát triển mau chóng thành hình người thực sự. Để cho môn sinh có thể hiểu được đúng đắn ý nghĩa rốt ráo của sự Sa đọa – ý nghĩa thực sự của nó vô cùng huyền bí và siêu việt – người ta phải trình bày cho y các chi tiết trước nó, xét vì thần học hiện đại đã khiến cho biến cố này trở thành một cột trụ mà các giáo điều tín ngưỡng phi lý và độc hại nhất quay quanh đó.

Độc giả ắt còn nhớ Thiên bình luận có giải thích rằng trong số các Cấp đẳng Thiên Thần khi đến lượt phải chuyển kiếp như *Chơn Thần ở hạ giới*, vài vị tức khắc tuân theo Luật Tiến Hóa khi những người của Giống dân thứ Ba trở nên sẵn sàng về phương diện thể chất và sinh lý, nghĩa là khi họ đã có sự phân chia nam nữ. Đó là những vị từ lúc sơ khai đã xuất hiện và nay lại có cả kiến thức và ý chí thêm vào bản chất tinh khiết thiêng liêng của mình, đã dùng quyền năng ý chí (Kriyãshakti) để *tạo nên* những người nửa tiên nửa phàm. Những người này về sau sẽ trở nên mầm mống của các vị

Atlantis không ngừng xung đột với các tàn dư cuối cùng của Giống dân thứ Ba và "các Con của Ý Chí và Yoga", nên danh hiệu của họ mới đưa tới các ẩn dụ sau này bàn về họ trong kinh Purãnas. "A Tu La là tên chung của mọi người dân Atlantis nào thù địch với các anh hùng thiêng liêng của dân Ãryan (chư Thiên)". (Con Người, trang 77).

Tiên Thánh trong tương lai trên Địa Cầu. Mặt khác, những vị muốn bảo thủ lấy sự tự do trí thức của mình vì chưa hề bị hệ lụy sự trói buộc của Vật Chất, nên nói: "Chúng ta có thể chọn lựa vì chúng ta có minh triết". ([1]) Các vị này đã trì hoãn để mãi về sau mới chịu chuyển kiếp, và bởi vậy phải chịu sự trừng phạt đầu tiên của nghiệp quả báo ứng. Họ đã thọ lãnh những thể xác bất toàn về mặt sinh lý và thấp kém hơn những kiểu mẫu bằng Thể Dĩ thái của họ, bởi vì các Hình Bóng (Chhãyãs) của họ thuộc về những Thủy Tổ hạ đẳng trong Bảy Cấp khác nhau. Còn những vị "Con của Minh Triết" đã trì hoãn sự chuyển kiếp cho đến thời kỳ Giống dân thứ Tư, Giống dân này đã bị ô nhiễm (về mặt sinh lý) bởi tội lỗi và bất tinh khiết, các vị ấy đã gây nên một nghiệp xấu kinh khủng mà quả báo còn đè nặng và đeo đuổi họ cho đến ngày nay. Nó đã được tạo ra nơi chính họ, và họ ắt mang mầm mống bất công ấy trong hàng vô lượng thời sắp tới, vì các cơ thể mà họ phải làm cho linh hoạt đã bị ô uế vì sự trì hoãn của chính họ. ([2])

Đó là sự "Sa đọa của Thiên Thần" và các vị ấy đã vi phạm Luật nghiệp quả. Còn sự "sa đọa của *Con người*" thì không phải là một điều tội lỗi vì họ *vô trách nhiệm.* Nhưng vì hệ thống nhị nguyên luận đã chế ra rằng sự "sáng tạo" là đặc quyền của Thượng Đế" – đó là *thuộc tính* chính thống được thần học phê chuẩn nhân danh một đấng Thiêng Liêng *vô cực* (*infinite* Deity) do chính họ chế ra – nên quyền năng Kriyãshakti (quyền năng tạo tác) phải bị xem là "Ma Quỷ" và là một sự tiếm đoạt các quyền năng của Thượng Đế. Như vậy, dưới ánh sáng của các quan điểm hẹp hòi này, điều nói

[1] ĐOẠN KINH 7, Câu 24.

[2] Xem các câu kinh 32, 34.

trên dĩ nhiên phải bị xem là một điều nói xấu khủng khiếp về con người, "được tạo ra theo hình ảnh của Thượng Đế" và còn là một sự báng bổ ghê gớm hơn nữa, thách thức giáo điều chấp nê văn tự.

Người ta đã bảo các nhà Huyền bí rằng: "Giáo lý của quý vị khiến cho con người được tạo ra từ cát bụi giống như Thượng Đế, một hiện thể của Ma Quỷ, ngay từ đầu".

232 Chúng tôi xin đáp: "Tại sao quý vị lại biến Thượng Đế thành một Con Quỷ, hơn nữa, cả hai đều được tạo ra theo hình ảnh của *chính quý vị* ?"

Tuy nhiên, chỉ cần thuyết minh Thánh kinh theo lối bí truyền cũng đủ bác bỏ sự bịa đặt có tính cách vu khống này của thần học: Giáo Lý Bí Nhiệm phải trở thành nghiệp quả công chính của các Giáo hội – còn phản Thiên Chúa giáo hơn cả các hội đồng đại biểu của các nhà Duy vật và Vô thần trung kiên nhất.

Theo ý nghĩa tiến hóa và niên đại học, chân ý nghĩa của giáo lý cổ truyền về các "Thiên Thần Sa Đọa" được bao hàm trong kinh Kabalah và giải thích được Thánh kinh. Người ta thấy nó chủ yếu là ở trong Sáng Thế Ký, khi chúng ta thuyết minh Thánh thư này với một tinh thần tìm hiểu chân lý, không quan tâm tới giáo điều và không có tiên kiến. Chúng ta có thể chứng tỏ điều này một cách dễ dàng. Trong Sáng Thế Ký (vi) "các Con của Thượng Đế"- B'ne Aleim) phải lòng các đứa con gái của nhân loại, cưới họ và tiết lộ cho các quý phu nhân của mình các bí nhiệm mà họ đã lén học được trên Thiên Đàng, theo Enoch; và đó là sự "Sa Đọa của các Thiên

Thần". ([1]) Nhưng thực ra, đâu là chính Thánh Thư Enoch mà tác giả của Thánh Thư Khải Huyền (thậm chí cả Thánh Thư

[1] Nói chung, cái gọi là các quan niệm Thiên Chúa giáo chính thống về các Thiên Thần "sa đọa" hay Quỷ Vương, nổi bật bao nhiêu thì cũng phi lý bấy nhiêu. Chúng ta có thể viện dẫn ra một tá quan niệm có các tiểu tiết hiển nhiên nhất, tất cả đều là các tác phẩm của các tác giả trí thức phàm tục, những người "đã tốt nghiệp đại học" trong phần tư hiện nay của thế kỷ này. Như vậy, G.H. Pember, Cao học Khoa Học Xã Hội và nhân văn, tác giả của Các Thời Đại Sơ Khai nhất của Địa Cầu đã dành một quyển dày để chứng tỏ rằng, các nhà Thông Thiên Học, các nhà Giáng ma học, các kẻ chủ trương bất khả tri, các nhà thần bí, các nhà siêu hình, các thi sĩ và mọi tác giả hiện đại suy lý về Đông phương, đều là những kẻ tận tụy phụng sự "Thần Phong Thánh Vương"("Prince of the Air") và đều bị kết án mãi. Ông mô tả Quỷ Vương và chống Christ như sau:

"Quỷ Vương (Satan) là 'Tiểu Thiên Sứ được phong thánh' của cổ nhân… Thượng Đế đã tạo ra Quỷ Vương là tốt đẹp nhất và minh triết nhất trong số tạo vật của Ngài ở phần này trong Vũ Trụ, Ngài đã biến y thành vị Thánh Vương của Thế gian và Thần Phong Thánh Vương… Y được đặt trong Vườn Địa Đàng vốn vừa có trước Vườn Địa Đàng của Sáng Thế Ký… vừa có tính cách khác hẳn và có thực chất hơn giống như Tân Jerusalem. Như thế, Quỷ Vương cực kỳ minh triết và tuyệt đẹp, địa hạt rộng lớn của y là trái đất, nếu không phải là toàn bộ thái dương hệ… Nhất định là chưa có một quyền năng Thiên Thần nào có chức sắc lớn hơn (hoặc thậm chí) bằng như thế đã được tiết lộ cho chúng ta. Jude đã trích dẫn là chính Tổng Thiên Thần Michael vẫn tôn kính U minh Thánh Vương là một *thượng cấp của mình*, mặc dù y có thể là độc ác, cho đến khi Thượng Đế đã chính thức ra lệnh hạ bệ y". Thế rồi, người ta lại cho chúng ta biết rằng "Từ lúc mới được tạo ra, Quỷ vương đã mang *dấu hiệu vương giả* (!!), y bừng tỉnh dậy để thấy không khí tràn ngập nhã nhạc hoan ca của những kẻ đã được Thượng Đế bổ

John với Bốn Phúc Âm ([1]) nữa) đã trích dẫn thừa thãi ? Đó chỉ là một Điểm Đạo Thánh Thư (Book of Initiation) trình bày (bằng một cú pháp thận trọng và ẩn dụ) chương trình của một vài nhà Bí pháp Cổ sơ được thi hành *trong* các Thánh điện nội môn. Tác giả của Các Bí Pháp Thiêng Liêng trong những người Mayas và Quichés đã gợi ý rất đúng rằng cái gọi là "Linh thị" của Enoch liên quan tới kinh nghiệm của Enoch khi được Điểm đạo, và những gì mà ông đã học được trong các Bí pháp. Trong khi đó, ông lại phát biểu ý kiến một cách rất sai lầm rằng Enoch đã học được các điều này trước khi bị cải đạo sang Thiên Chúa giáo (!!). Hơn nữa, ông còn tin rằng tác phẩm này đã được viết ra vào "đầu kỷ nguyên T.C.
233 khi … các phong tục và tôn giáo của người Ai Cập đã bị suy đồi"! ([2]) Điều này thật khó có thể xảy ra, vì trong một bức

---

nhiệm". Thế rồi con Quỷ "chuyển từ *quyền chức vương giả sang chức giáo sĩ*" (!!!). "Quỷ Vương cũng là một *lễ sư của Đấng Chí Tôn*" v.v… Và nay, "Chống Christ (Antichrist) sẽ là hiện thân của Quỷ Vương". (Chương III, trang 56 – 59). Những kẻ tiền phong của Apollyon vị lai đã xuất hiện rồi – đó là các nhà Minh Triết Thiêng Liêng, nhà Huyền bí, các tác giả của Con Đường Toàn Thiện, của Nữ Thần Isis Lộ Diện, của Bí Nhiệm Thiên Thu và thậm chí của Ánh Sáng Phương Đông nữa ! Tác giả ghi nhận là người ta thừa nhận rằng Minh Triết Thiêng Liêng bắt nguồn từ các "thiên thần sa đọa", từ các "Nephilim", tức là các Thiên Thần trong Sáng Thế Ký (vi) và những Người khổng lồ. Thế thì y cũng phải ghi nhận là chính y cũng bắt nguồn từ các vị đó (Giáo Lý Bí Nhiệm đang ra sức chúng tỏ như thế) trừ phi y không chịu nhận là mình thuộc về loài người hiện đại.

[1] Đối chiếu x, 8, trong đó người ta bảo rằng tất cả những kẻ nào đến trước Đức Jesus đều là bọn "đầu trộm đuôi cướp".

[2] Sách đã dẫn, trang 16.

Thánh thư ([1]) của mình, Judes đã trích dẫn từ Thánh Thư Enoch, và do đó, như Tổng Giám Mục Laurence (người đã dịch Thánh Thư Enoch từ bản dịch tiếng Ethiopia) đã nhận xét, nó "đã không thể là sản phẩm của một tác giả sống sau hay thậm chí đồng thời với" các tác giả của kinh Tân Ước, trừ phi, thật ra, Judo và các Phúc Âm cùng với tất cả những thứ tiếp theo, cũng đều là sản phẩm của Giáo hội đã được dựng nên rồi (đây là điều mà một vài nhà phê bình cho là không thể được). Nhưng nay chúng ta quan tâm tới các "Thiên Thần Sa Đọa" của Enoch hơn là bản thân Enoch.

Trong nội môn hiển giáo Ấn Độ, các Thiên Thần (Asuras) này cũng bị tố cáo là các "kẻ thù của chư Thiên", những kẻ chống lại việc tế Thần. Trong thần học Thiên Chúa giáo, người ta tha hồ kêu gọi các Ngài là "Chơn Linh Sa Đọa", các vị anh hùng của nhiều huyền thoại mâu thuẫn nhau lung tung, chúng được thu thập từ các nguồn Ngoại đạo. "Con rắn ngoằn nghoèo" – nghe nói đó là một đặc tính dễ bắt nguồn từ người Do Thái – có một ý nghĩa khác hẳn trước khi Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã xuyên tạc nó; ngoài các ý nghĩa khác ra, nó còn có một ý nghĩa thuần túy thiên văn.

Người ta tin rằng "Con Rắn" từ trên cao giáng xuống có các Chìa khóa của Âm Ty, cho tới khi Đức Jesus thấy nó "từ trên trời sa xuống như chớp lóe", bất chấp lối thuyết minh của Thiên Chúa giáo La Mã về "*cadebat ut fulgur*". Thật ra, nó có nghĩa là ngay cả loài ma quỷ cũng tuân phục Thiên Đạo, Ngài là Minh Triết nhưng cũng là đối thủ của vô minh, Quỷ Vương tức Lucifer. Nhận xét này ám chỉ Minh Triết thiêng liêng sa xuống như tia chớp, và như thế, kích động trí tuệ cảu những kẻ chiến đấu chống lại ma quỷ vô minh và mê tín dị

[1] Câu thơ 14.

đoan. Chừng nào Minh triết dưới dạng các Chơn Linh đang lâm phàm của TOÀN LINH TRÍ, còn chưa từ trên cao giáng xuống để làm linh hoạt Giống dân thứ Ba và khiến cho nó được sự sống hữu thức thực sự, thì Nhân loại (nếu chúng ta có thể gọi một trạng thái vô tri vô giác như thế) dĩ nhiên là vẫn có số phận phải bị diệt vong về mặt *đạo đức* cũng như là hồng trần. Người ta đề cập đến các Thiên Thần bị *sa vào vòng sinh hóa* một cách ẩn dụ là các *Con Rắn* và *Rồng Minh Triết*. Mặt khác, khi xét dưới ánh sáng của Thiên Đạo, chúng ta có thể nói rằng cũng như Krishna, dù với vai trò là người hay Thiên Đạo, Đấng Cứu Thế của Thiên Chúa giáo cũng đã cứu những kẻ tin tưởng vào Giáo Lý Bí Nhiệm thoát khỏi "sự chết đời đời" và đã chinh phục được cõi U Minh hay Âm Ty (Hell) cũng như mọi Điểm đạo đồ khác. Đây chính là sắc tướng phàm tục, nhân hình của các Điểm đạo đồ, vì Thiên Đạo là Christos, nên đó cũng chính là cái "nguyên khí" thuộc bản chất nội tâm của chúng ta đang phát triển thành ra Chơn Ngã
234 nơi chúng ta (Chơn Ngã được tạo ra do sự kết hợp bất diệt của Tuệ Giác Thể (Buddhi) – nguyên khí thứ sáu – và tinh hoa tâm linh của trí tuệ, "nguyên khí" thứ năm. ([1]) Chúng tôi được trình bày rằng "Thiên Đạo là Minh Triết thụ động trên Trời và là Minh Triết tự động hữu thức trên Trần Thế". Đó là sự phối ngẫu của "Thiên Đế"("Heavenly Man") với "Đức Mẹ

[1] Thật chẳng chính xác chút nào mà bảo rằng Christ là Bồ Đề, nguyên khí thứ sáu nơi con người. Chính Bồ Đề là một nguyên khí tiềm tàng và thụ động, hiện thể Tinh Thần của Ãtmã bất khả phân ly với Linh Hồn Vũ Trụ biểu lộ. Chỉ khi nào kết hợp với *Ngã thức (Self-consciousness*), thì Bồ Đề mới biến thành Chơn Ngã và Linh Hồn thiêng liêng biết phân biện. Họa chăng Christos là nguyên khí thứ bảy.

Đồng Trinh của Thế gian" tức Thiên Nhiên như tác phẩm Pymander đã mô tả; nó có kết quả là sinh ra con người bất tử. Đó chính là điều mà kinh Khải Huyền của Thánh John gọi là sự phối ngẫu của Con Cừu với Phu nhân. Nay vì các sự thuyết minh võ đoán của các tín đồ nên "người vợ" này bị đồng nhất hóa với Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã. Nhưng họ dường như quên rằng xét theo bề ngoài, Giáo hội có thể có vẻ "khiết bạch" giống như nấm mồ quét vôi trắng, nhưng sự thối nát đầy dẫy bên trong nó không phải là sự ngay thẳng của chư Thánh ([1]) mà đúng hơn là máu của chư Thánh mà nó đã "giết chết trên trần thế".([2]) Như thế, điều nhận xét của bậc Điểm đạo đồ trong Thánh thư Luke – ám chỉ tia sáng giác ngộ và lý trí, sa xuống nhanh như chớp từ trên cao trong tâm trí của những kẻ cải đạo trong giáo lý huyền môn cổ truyền, rồi lại được bậc Chơn Tiên Minh Triết ở Galilée trình bày dưới một dạng mới ([3]) đã bị xuyên tạc khiến không còn ai nhận ra

---

[1] Như trên, câu thơ 8.

[2] Chương xviii, 24.

[3] Để cho rõ ràng hơn, bất cứ người nào đọc đoạn Thánh thư Luke, sẽ thấy nhận xét này tiếp theo báo cáo của bảy mươi vị hoan hỉ tuyên bố rằng "ngay cả ma quỷ [tinh thần tranh cãi và lý luận, tức là quyền năng chống đối, vì satan chỉ có nghĩa là "đối thủ"] cũng tuân phục chúng ta nhờ có thánh danh của Ngài". (Thánh thư Luke, x, 17). Nay "thánh danh của Ngài" có nghĩa là danh xưng Christos, tức Tinh Thần của Minh Triết Thiêng Liêng chân chính, phân biệt với tinh thần của lý trí duy vật đơn thuần, tức Chơn ngã. Và khi Đức Jesus nhận xét rằng Ngài đã chứng kiến "Satan từ trên trời sa xuống nhanh như chớp", đó chỉ là một phát biểu các quyền năng thần nhãn của Ngài, cho họ biết rằng Ngài đã thấu triệt điều đó và ám chỉ sự lâm phàm của Tia Thiêng Liêng – chư Thiên – hiện đang sa vào vòng sinh hóa. Đó là vì đâu phải mọi người đều lợi

nữa (cũng như chính phàm ngã của y) và được làm cho thích nghi với một trong các tín điều thần học tàn ác và độc hại nhất.

Nhưng nếu chỉ có thần học Tây phương là giữ độc quyền về quỷ SATAN – với mọi sự khủng khiếp theo giáo điều bịa đặt đó – thì các nước khác và các tôn giáo khác cũng đã phạm phải sai lầm tương tự khi thuyết minh sai lạc một giáo điều vốn là một trong các quan niệm lý tưởng có ý nghĩa triết học thâm thúy nhất của tư tưởng cổ truyền. Cả hai đều xuyên tạc và ám chỉ ý nghĩa đúng đắn của nó trong nhiều ẩn dụ bàn về đề tài này. Các giáo điều bán bí nhiệm của Ấn Độ giáo trong
235 kinh Purãnas cũng không quên chế ra các biểu tượng và ẩn dụ rất gợi ý liên quan tới các Thần sa đọa và nổi loạn. Kinh Purãnas đầy dẫy các điều này, chúng ta thấy kinh Vishnu Purãna ám chỉ thẳng chân lý này khi thường xuyên đề cập tới Parãshara, tới mọi Đấng Rudras, Thánh Hiền, Asuras, Thiên Tôn (Kumãras) và Munis đã được *sinh ra vào mọi thời đại* (tái

---

dụng cuộc lâm phàm này bằng bất cứ cách nào; đối với một vài người, tiềm năng vẫn tiềm tàng và hôn thụy suốt đời. Thật đúng là "trừ Ngôi Cha ra, chẳng ai biết được Ngôi Con là gì, trừ Ngôi Con ra, chẳng ai biết được Ngôi Cha là gì" – Đức Jesus đã thêm vào như vậy ở đâu đó (câu thơ 22) – "Giáo hội Đức Christ" còn biết ít hơn ai hết. Chỉ có các Điểm đạo đồ mới hiểu được Mật nghĩa của các từ ngữ "Ngôi Cha" và "Ngôi Con", và biết rằng nó muốn nói tới Tinh Thần và Linh Hồn trên Trần Thế. Đó là vì các giáo lý của Đức Christ là các giáo lý Huyền linh, chúng chỉ có thể được giải thích vào lúc Điểm đạo. Chúng không bao giờ dành cho quần chúng, vì Đức Christ cấm mười hai tông đồ đến với người Ngoại đạo và người Samaria (Thánh thư Math, x, 5) và lặp lại với các đệ tử rằng "bí nhiệm của Thiên giới" chỉ dành cho họ thôi, chứ không dành cho đại chúng. (Thánh thư Mark, iv, 11).

sinh vào mọi Chu kỳ Khai Nguyên). Xét về mặt bí truyền, nói như vậy cũng chẳng khác nào nói rằng các "Ngọn lửa" sinh ra từ Toàn Linh trí (Mahat) do tác dụng bí nhiệm của Ý Chí nghiệp quả và sự thúc đẩy của Định luật Tiến hóa, đã đáp xuống Trái Đất này mà không có một sự chuyển tiếp dần dần nào, sau khi đã xuyên qua "Bảy Vòng Tròn Lửa" hay nói tóm lại, bảy cõi trung gian (theo Pymander).

Có một Định luật Luân hồi Trường Cửu và những kiếp tái sinh được dẫn đầu ở mỗi Chu kỳ Sáng tạo mới bởi những Đấng đã được giải thoát khỏi luân hồi sinh tử trong những Chu kỳ trước và được yên nghỉ trong niềm phúc lạc vô biên trải qua những thế hệ dài vô lượng, tức là những Đấng Cao Cả nhất đã nhập Niết Bàn sớm nhất. Nay đến lượt những Đấng Cao Cả ấy đầu thai chuyển kiếp trong Chu kỳ hiện tại, bởi đó mới có sự hiện diện của các vị trên Thế gian và những ngụ ngôn ẩn dụ liên quan đến việc ấy, và cũng bởi đó mới có sự méo mó lệch lạc của ý nghĩa nguyên thủy. ([1]) Những Đấng

[1] Như thế, chẳng hạn như trong kinh Purãnas, Pulastya, một Đấng Prajãpati, tức con của Brahmã – thủy tổ của loài La sát, ông nội của Rãvana, Đại vương của xứ Lankã, trong tác phẩm Rãmãyana – trước kia đã có một người con tên là Dattoli, "nay y được biết tên là hiền triết Agastya" (theo Vishnu Purãna, bản dịch của Wilson, Quyển I, trang 154). Chỉ riêng danh xưng này của Dattoli cũng có sáu biến thể nữa, tức là bảy ý nghĩa. Ngài lần lượt được gọi là Dattoli, Dattãli, Dattotti, Dattotri, Dattobhri, Dambhobhi và Dambholi. Mỗi biến thể này có một ý nghĩa bí mật và (trong các giảng lý bí nhiệm) nhằm nói tới nhiều phép phân loại khác nhau về dân tộc học, cũng như là các bí nhiệm sinh lý và nhân loại học của giống dân nguyên sơ. Đó là vì loài La Sát nhất định không phải là Ma Quỷ, mà chỉ là những người Khổng lồ nguyên sơ và dữ tợn (người Atlantis), họ đã ở rải rác trên mặt Địa Cầu, cũng như Giống

Thần minh "*rơi vào* sự sinh sản giống nòi" mà sứ mạng là hoàn thành Con Người *Thiêng Liêng* về sau này đã bị xem như là Tà Thần Ác Quỷ, chống đối các Thần minh, hoặc những vị thừa hành vô trách nhiệm của Định luật Trường cửu. Nhưng không hề có quan niệm về Tà Thần hay Ác Quỷ của những tôn giáo Gia Tô, Do Thái và Hồi Giáo được ngụ ý bao giờ trong vô số câu chuyện ẩn dụ của thần thoại Ãryan. ([1])

---

dân thứ Năm hiện nay. Nếu những điều mà Vasishtha ngỏ lời với Parãshara – ông đã thử dùng một chút Jadu (thuật phù thủy) mà ông gọi là "sự tế thần" để tiêu diệt loài La sát – có một ý nghĩa nào đó thì ông chính là người bảo đảm cho điều nêu trên. Đó là vì ông bảo rằng: "Đừng để cho các "Vong linh U minh" này bị tiêu diệt nữa". (Muốn biết chi tiết, xin xem Mahãbhãrata, Ãdi Parva, câu 176; xem thêm Linga Purãnas, Pũrvãrdhi, câu 64; Wilson, như trên, quyển I, trang 8-9).

[1] Một bức thư của Chơn Sư có đoạn nói về những vị Thiên Thần chuyển kiếp như sau: "Trong những Cấp Đẳng Thiên Thần [là những *thực thể tâm linh đã tiến hóa* trong một Chu kỳ Sáng Tạo trước] đã có và phải có những trường hợp thất bại cũng như trong loài người. Nhưng vì *những vị thất bại* đã tiến bộ và thăng hoa ở một mức độ quá cao, không thể rơi xuống một trình độ tiến hóa sơ khai qua các loài thấp kém hơn nên mới xảy ra sự việc như sau đây: Khi một Thái Dương Hệ mới xuất hiện, những vị Thiên Thần ấy được trào lưu tiến hóa thúc đẩy đi 'dẫn đầu' những Tinh Linh [các thực thể còn phải tiến hóa để trở thành người trong một thời gian *tương lai*] và giữ vị thế của một sức mạnh tâm linh tiềm ẩn vô vi trong Hào quang của bầu Thế giới tân tạo … cho đến khi giai đoạn của nhân loại đã điểm … Chừng đó họ trở nên một *sức mạnh tích cực* và hòa đồng với các Tinh Linh *để lâu dần phát triển nên hàng ngũ nhân loại tiến hóa.* Nói cách khác là để phát triển trong con

Quan điểm của Nội môn chân chính về quỷ Satan, ý kiến mà toàn thể triết gia thời xưa đã chủ trương về đề tài này, được trình bày một cách đáng thán phục trong một Phụ lục
236 (nhan đề là "Bí nhiệm về Satan") của ấn bản kỳ hai của tác phẩm Con Đường Hoàn Thiện.([1]) Không thể nào trình bày cho các độc giả thông minh một chỉ dẫn rõ rệt hơn và chính xác hơn, vì vậy nó sẽ được trích dẫn nhiều lần nơi đây :

1. Và vào ngày thứ bảy [cơ sáng tạo thứ bảy của người Ấn Độ], ([2]) từ Bản lai diện mục (presence) của Thượng Đế xạ ra một *Thiên Thần Đại Hùng*, hét ra lửa trong cơn thịnh nộ; Thượng Đế bèn giao cho y quyền cai trị nội giới ([3]).

2. Vĩnh cửu sinh ra Thời gian; Vô biên sinh ra Giới hạn, Hiện tồn sa vào vòng sinh hóa. ([4])

4. Trong số các Thần Linh chẳng có ai giống y, họ được giao phó cho các giới, quyền lực và vinh quang của các thế giới.

5. Các ngai vàng và các đế quốc, các triều đại của các Thánh Vương ([5]), sự sụp đổ của các quốc gia, sự khai sinh ra các Giáo hội, sự khải hoàn của thời gian.

---

người và ban bố cho họ cái Trí khôn biện biệt, có Ý thức Tự ngã hay Thể Trí (Manas).

[1] Phụ lục XV, trang 369 và tiếp theo.

[2] Khi Trái Đất cùng Dãy Hành Tinh và con người phải xuất hiện.

[3] Trái Đất và cõi ý thức của hồng trần.

[4] Khi các Đấng thiêng liêng thanh khiết, tức các Thiền Định Đế Quân, và các Đại Tinh Quân thuộc nhiều loại khác nhau, một số được giao phó cho việc phát triển các Hình bóng (Chhãyãs) của mình thành ra con người hồng trần, còn một số được giao cho việc làm linh hoạt y và như thế phú cho y trí thông tuệ thiêng liêng và sự thấu triệt được các Bí nhiệm của sự Sáng Tạo.

[5] "Các triều đại của các Thánh Vương", tất cả các vị vua này đều tự xem mình là đã được "phong thánh", cai trị "bằng Ân huệ của

Đó là vì Hermes đã dạy rằng:

20. … Satan (Quỷ Vương) là kẻ giữ cửa ở *Thánh điện của Thánh Vương*, y đứng sừng sững ở cửa Thánh điện Solomon: y giữ các *Chìa khóa của Thánh điện;*

21. Không ai có thể nhập vào đó ngoại trừ kẻ được phong Thánh, y vốn có được Bí nhiệm của Hermes.([1])

Đối với dân Cổ Ai Cập và các dân tộc văn minh khác đời xưa, các câu thơ gợi ý và tuyệt mỹ này nhằm nói tới *Huyền Quang sáng tạo và sinh hóa của Thiên Đạo* – Horus, Brahmã, Ahura Nazsa v.v… với vai trò là các biểu lộ nguyên sơ của Nguyên khí hằng vô biên, dù được mệnh danh là Ain Soph, Thái Cực Thượng Đế tức Zeruãna Akerne, hay thời gian vô biên (Kãla) – nhưng ý nghĩa đó nay đã bị thoái hóa trong kinh Kabalah. Đối với dân Do Thái, "Đấng Thánh Thiện" ("Anointed") – Ngài có được các bí nhiệm về Hermes (tức Budha, Minh Triết) và là kẻ duy nhất được giao phó cho các "Chìa khóa của Thánh điện", Tử Cung của Thiên Nhiên, để làm cho nó đơm bông kết trái và khơi hoạt toàn thể Càn Khôn – đã trở thành Jehovah, "Thần Sinh Hóa" trên núi Nguyệt Tinh – Núi Sinai, Núi của Mặt Trăng tức Sin. Thật vậy, Thánh điện đã biến thành "Mật Điện" và điều bí nhiệm đã được nhân hình hóa, sùng bái sinh thực khí và bị lôi xuống lãnh vực vật chất. Do đó mới có nhu cầu biến Con Rồng Minh Triết thành "Con Rắn" trong Sáng Thế Ký; biến vị Thần hữu thức – vốn cần một sắc tướng để khoác lấy sự thánh thiện có tính cách quá nội tâm – thành Quỷ Satan. Nhưng "hằng hà sa

---

Thượng Đế", trong khi mà thật ra, họ cai trị bằng ân huệ của Vật Chất, Đại Hão Huyền, Kẻ lừa dối.

[1] [Trong nguyên bản, toàn thể các câu thơ này và các câu thơ được trích dẫn tiếp theo đều được in bằng chữ nghiêng].

số các hóa thân của Tinh Thần" và "Dòng dục vọng rộn ràng không ngừng nghỉ" ([1]) nhằm nói tới : (a) Một là, giáo lý về
237 các kỳ Tái sinh Luân hồi theo Nghiệp quả của chúng ta; (b) Hai là, Eros không phải là vị Thần ái tình sinh lý vật chất sau này, mà là Dục vọng Thiêng liêng nơi các Thần Linh (cũng như trong khắp Vũ Trụ) hầu tạo ra và làm linh hoạt các Thực Thể. Các Tia sáng của ngọn lửa "Tối" duy nhất (vì vô hình và không thể hiểu được) chỉ có thể thành đạt được điều này bằng cách tự mình giáng xuống Vật Chất. Do đó, Phụ lục xv tiếp tục trình bày như sau:

12. Nhiều danh xưng nhờ Thượng Đế ban cho y [Satan] các danh hiệu bí mật và khủng khiếp.

13. … Đối thủ, vì Vật Chất đối nghịch với Tinh Thần và Thời gian kết tội ngay cả chư Thánh của Chúa (Lord).

28. Hãy kính sợ y và đừng phạm tội, hãy run run thốt ra danh hiệu của y …

29. Vì Satan là Phán Quan của công lý của Thượng Đế [Nghiệp Quả], y mang cái cân và thanh gươm.

31. Đó là vì *Trọng lượng, Kích thước và Số mục* được giao phó cho y.

Nếu so sánh câu cuối cùng với những điều trình bày của vị giáo sĩ Do Thái khi ông giải thích kinh Kabalah cho ông Hoàng trong Thánh thư Al Chazari, thì chúng ta sẽ thấy rằng trong Sepher Jetzireh, trọng lượng, Kích thước và Số mục là các thuộc tính của Đấng Sephiroth (ba Sephrim, tức con số) bao trùm toàn bộ số 10; Sephiroth là tập thể Adam Kadmon, "Thiên Đế" tức Thiên Đạo. Như thế nền tư tưởng cổ truyền đồng nhất Quỷ Vương với Đấng Thánh Thiện.

33. Do đó, Quỷ Vương là Sứ giả của Thượng Đế, Chúa Tể của bảy cõi Địa ngục, Thiên Thần của các Ngoại giới.

---

[1] Như trên, phần đã dẫn, câu thơ 10.

Chính "Satan là Thần Linh duy nhất của hành tinh chúng ta", và điều này không hề ám chỉ bóng gió tới sự độc ác và tồi bại của nó. Vì y đồng nhất với Thiên Đạo.

Là vị thần đầu tiên và xưa nhất trong trình tự tiến hóa [linh thiêng] của tiểu thiên địa, Saturn (Satan)(xét về mặt thiên văn) là vị thần *thứ bảy và cuối cùng* trong trình tự phân thân của đại thiên địa, là chu vi của cõi mà Phoebus (minh triết) [Ánh sáng Minh Triết cũng chính là Mặt Trời] là trung tâm.([1])

Thế thì, các tín đồ phái Ngộ Đạo thật là chí lý khi gọi vị Thượng Đế của Do Thái giáo là một "Thiên Thần Vật Chất" tức là đấng phà sinh khí (hữu thức) vào Adam và có Hành tinh là Saturn.

34. Thế là Thượng Đế thắt một vòng đai ngang hông y [các vòng của Saturn], và vòng đai này tên là Sự chết.

238 Trong nhân phổ luận (anthropogony), "vòng đai" này là cơ thể con người cùng với hai nguyên khí hạ đẳng. Ba thứ này đều chết đi, còn Chơn Nhơn vẫn bất tử. Nay chúng ta bắt dầu đề cập tới "Bí nhiệm về Satan".

37. …đối với y [Satan] chỉ có *điều ô nhục về sự sinh hóa.*

38. Y đã đánh mất tư cách trinh nguyên của mình [khi lâm phàm, vị Thiên Tôn đã bị như thế]; khi bộc lộ các bí nhiệm thiêng liêng, y đã bước vào vòng nô lệ.

39. Y bao hàm vạn vật với các giới hạn…

42. Có hai đạo quân của Thượng Đế; trên trời là các đạo quân của Michael; dưới vực sâu [thế giới biểu lộ] là các đạo quân của Satan.

---

[1] Đoạn trích dẫn này là một chú thích cuối trang 371 trong tác phẩm Con Đường Hoàn Thiện.

43. Đó là Đấng Vô Hiện và Biểu Hiện; kẻ tự do và nô lệ [trong Vật Chất]; kẻ trinh nguyên và kẻ sa đọa.

44. Và cả hai đều là các sứ giả của Từ Phụ, thi hành Thiên Đạo.

Do đó:

55. Ngày Sabbat của Thượng Đế thật *là thiêng liêng và khả kính, danh hiệu của Thiên Thần Địa Ngục [Satan] thật là thánh thiện.*

Đó là vì:

41. Vinh quang của Satan là hình bóng của Thượng Đế trong cõi biểu lộ [Đức Chúa Trời]; ngai của Satan là ghế đẩu để gác chân của Adonai [toàn thể Càn Khôn].

Do đó, khi Giáo hội nguyền rủa Satan, nó đã nguyền rủa phản ánh Vũ Trụ của Thượng Đế; nó đã nguyền rủa Thượng Đế biểu lộ trong Vật Chất hay nơi ngoại cảnh; nó đã chửi rủa Thượng Đế (tức Minh Triết huyền vi) bộc lộ thành Ánh sáng và Bóng Tối, Thiện và Ác trong Thiên Nhiên, theo cách thức duy nhất mà trí tuệ hạn hẹp của Con Người có thể hiểu được.

Đây là lối thuyết minh siêu hình và triết học chân chính về Samael hay Satan. Đối thủ trong kinh Kabalah; chúng ta cũng thấy tinh thần và các giáo điều giống như vậy trong các lối thuyết minh ẩn dụ của mọi tôn giáo cổ truyền khác. Tuy nhiên quan điểm triết học này không hề can dự vào các tài liệu lịch sử liên quan tới nó. Chúng tôi bảo là "lịch sử", vì ẩn dụ và sự tô điểm thần thoại xung quanh hạt nhân truyền thuyết không hề ngăn trở việc hạt nhân này ghi lại các biến cố có thực. Như thế, khi lặp lại các điều tiết lộ cổ kính của lịch sử đại đồng thế giới của Quả Đất và sự tiến hóa của các Giống dân của nó, kinh Kabalah đã trình bày nó dưới dạng huyền thoại của nhiều loại tài liệu khác nhau hợp thành Thánh kinh. Nay nền tảng lịch sử của nó (mặc dù dưới một dạng bất toàn) được trình bày trong các trang trích từ Giáo Lý

Bí Nhiệm của phương Đông. Như thế, chúng ta thấy ý nghĩa ẩn dụ và biểu tượng của Con Rắn trong Sáng Thế Ký được giải thích bởi "các Con của Minh Triết" – tức các Thiên Thần xuất phát từ các Cõi cao, mặc dù tất cả đều thuộc về các cõi của Quỷ Vương, tức Vật Chất – tiết lộ cho con người các bí nhiệm của cõi Trời. Cũng vì thế, chúng ta thấy mọi cái gọi là các thần thoại của chư Thần Ấn Độ, Hy Lạp, Chaldea và Do
239 Thái, đều dựa vào sự thật. Các Người Khổng Lồ trong Sáng Thế Ký chính là những người Atlantis lịch sử ở Lankã và các vị Titans ở Hy Lạp.

Hẳn chúng ta còn nhớ rõ rằng xưa kia người ta đã tuyên bố rằng Troy (thành Trois) là một thần thoại và Homer là một nhân vật không hề tồn tại, còn sự tồn tại của các đô thị như là Herculaneum và Pompei lại bị chối bỏ và gán cho chỉ là các huyền thoại thần tiên hoang đường? Thế nhưng, Schlieman đã chứng tỏ tằng Troy đã thực sự tồn tại, và hai đô thị nêu trên, mặc dù đã bị chôn vùi dưới lớp dung nham của núi lửa Vesuvius trong hàng thời đại dài đăng đẳng, cũng đã có lúc phục sinh và lại sinh hoạt trên mặt Địa Cầu. Chỉ những kẻ nào đọc được các quyết nghị của Định mệnh trong Tinh Tú Quang mới dám bảo có bao nhiêu đô thị và địa điểm nữa vốn bị xem là "huyền hoặc" sẽ được phát hiện trong tương lai, và có bao nhiêu nhân vật nữa, đã từ lâu bị xem là thần thoại ([1]), một ngày kia sẽ trở thành nhân vật lịch sử.

Tuy nhiên, vì các giáo điều của giáo lý Đông phương đã luôn luôn được bảo mật, và vì độc giả khó lòng hy vọng là người ta sẽ trình bày nguyên bản của mình, trừ phi y trở thành một đệ tử nhập môn, nên xin quý vị độc giả La Tinh và

[1] Xem ĐOẠN KINH 10, phân tiết "Các vị Bàn Cổ Nguyên Sơ của Nhân loại".

Hy Lạp hãy quay sang các nguyên bản văn chương của Hermes. Chẳng hạn như xin y hãy đọc chăm chú các trang mở đầu tác phẩm Pynander của Đức Hermes Ba lần vĩ đại, thế là y sẽ thấy trong đó các điều bổ chứng cho giáo lý chúng ta, mặc dù văn bản của nó có vẻ rất huyền bí. Y cũng sẽ thấy trong đó sự tiến hóa của Vũ Trụ, của Trái Đất (được gọi là "Thiên Nhiên" trong Pymander) cũng như của mọi thứ khác, phát sinh từ "Nguyên khí Ẩm ướt" tức Thái Uyên, PHỤ MẪU – biến phân bản sơ trong Vũ trụ biểu lộ. Thoạt tiên là "Toàn Linh Trí" mà dịch giả Thiên Chúa giáo đã biến thành Đức Chúa Cha trong bản dịch xưa nhất; rồi tới "Thiên Đế", (1) đại Tập đoàn Thiên Thần vốn dĩ quá thanh khiết nên không thể tạo ra các hạ giới (tức là thế giới của loài người trên Địa Cầu); tuy nhiên, lại sa vào Vật Chất do cùng một cuộc tiến hóa đó, như là Ngôi Hai của Thượng Đế "Chúa Cha". (2)

---

1 Xin lưu ý rằng "Thiên Đế" chính là "Thiên Đạo" hay "Đức Chúa Con" (xét về mặt bí truyền). Do đó, một khi mà tôn danh này đã được áp dụng cho Đức Christ – Ngài được tôn xưng là chính Thượng Đế - thì thần học Thiên Chúa giáo chẳng còn gì phải chọn lựa nữa. Để bênh vực cho giáo điều của mình về Tam Vị Nhất Thể, nó đã phải tuyên bố (nó vẫn cứ tuyên bố) rằng Thiên Đạo của Thiên Chúa giáo là chân chính duy nhất, còn Thiên Đạo (logos) của các tôn giáo khác đều là giả tạo, và chỉ là Nguyên khí Ác ngụy trang, Satan. Cứ thử xem điều này đã dẫn thần học Âu Mỹ đi đến đâu !

2 "Đó là vì Trí Tuệ, một thần linh đầy dẫy nơi cả hai phái, chính là Ánh Sáng và Sự Sống, dùng *Huyền Âm* của mình để tạo ra một *Trí Tuệ* hoặc *Hoạt Động Viên (Workman*) khác; vốn là Thần Lửa và Chơn Linh, nó đã uốn nắn và tạo ra bảy Đấng Quản Trị khác, các vị này lại bao hàm Hiện tượng giới trong Cõi giới của mình, sự an bài

Xét một cách tổng hợp; mọi Thiên Đạo Sáng Tạo, tức là "Ngôi Con hợp nhất với Ngôi Cha", đều là chính Đại Đoàn các Đấng Chưởng Quản thế gian. Ngay cả thần học Thiên
240 Chúa giáo cũng mô tả bảy "Thiên Thần Bản Lai Diện Mục" là các Đức Hạnh, tức các thuộc tính được nhân cách hóa, của Thượng Đế; chúng được Ngài tạo ra, cũng như chư Bàn Cổ được Brahmã tạo ra rồi biến thành các Tổng Thiên Thần (Archangel). Chính Khoa biện thần luận Thiên Chúa giáo La Mã đã thừa nhận rằng *Huyền Âm Nguyên Sơ* sáng tạo chính là Thủ lãnh của các Thiên Thần này và là Thiên Thần của đại Trạng Sư (great Counsel), như thế là nó đã thừa nhận rằng Đức Christ đồng nhất với họ.

Kinh điển dạy: "Các vị Sura trở thành A-Sura"- Thần Linh trở thành Phi Thần Linh (No-God) – nghĩa là chư Thần Linh biến thành loài Yêu Quỷ (theo sát nghĩa là Satan). Nhưng nay, trong Giáo Lý Bí Nhiệm, người ta sẽ trình bày rằng Satan được tượng trưng một cách ẩn dụ là Điều Thiện và sự Tế Thần, một vị Thần Minh Triết với nhiều danh xưng khác nhau.

Kinh Kabalah dạy rằng sự Kiêu ngạo và sự Tự phụ, hai yếu tố chính xúi giục người ta trở nên Ích kỷ và Ngã chấp – là các nguyên nhân khiến cho Thiên Đàng mất hết một phần ba cư dân thiêng liêng (xét về mặt thần bí) và bầu trời mất hết

---

Hiện tượng giới này được gọi là Định Mệnh". (Tiết ix, c, 1, ấn bản năm 1579).

Ở đây hiển nhiên là Trí Tuệ, Tư Tưởng Thiêng Liêng Bản Sơ Vũ Trụ, không phải là Đấng Vô Hiện Huyền Vi, vì nó đầy dẫy nơi cả hai phái (nam và nữ), mà cũng chẳng phải là "Đức Chúa Cha" của Thiên Chúa giáo, vì Đức Chúa Cha là một nam tử, chứ không phải bán thư bán hùng. Có sự kiện là "Đức Chúa Cha", "Đức Chúa Con" và "Con Người" đã bị lẫn lộn với nhau lung tung trong bản dịch của tác phẩm Pymander.

một phần ba ngôi sao (xét về mặt thiên văn); nói một cách khác, phát biểu đầu là một ẩn dụ, còn phát biểu sau là một sự kiện. Tuy nhiên, như đã trình bày, phát biểu đầu có liên hệ mật thiết với nhân loại.

Đến lượt các nhà Hoa Hồng Thập Tự - họ vốn đã quá quen với ý nghĩa bí mật của truyền thuyết – lại khư khư giữ lấy nó cho chính mình và chỉ dạy rằng toàn bộ sự *sáng tạo* là do "Trận chiến tranh trên trời" huyền hoặc vốn dĩ phát sinh từ sự *nổi loạn của các Thiên Thần* [1] *chống lại Thiên Luật Sáng Tạo tức Hóa Công*. Phát biểu này thật là chính xác, nhưng cho đến nay, ý nghĩa *nội tại* của nó vẫn còn là một bí mật. Việc tránh né giải thích điều khó hiểu này thêm nữa bằng cách cầu cứu tới sự bí mật thiêng liêng (nghĩa là cầu cứu tới tội xoi mói vào chính sách của nó) chính là chẳng nói gì hết cả. Nó có thể thỏa mãn được những kẻ nào tin tưởng rằng Đức Giáo Hoàng không thể sai lầm, nhưng sẽ làm thỏa mãn được kẻ có

[1] Chuyện ẩn dụ về lửa của Prometheus là một lối tường thuật khác về sự nổi loạn của Lucifer kiêu ngạo, y đã bị *ném xuống hố sâu không đáy* (hoặc xuống Địa Cầu) để sống kiếp người. Người ta cũng bảo rằng Lucifer Ấn Độ (tức Mahãsura) đã ghen tị với Ánh sáng lấp lánh của Đấng Tạo Hóa và đã cầm đầu các A Tu La (không phải là Thần Linh mà là các Vong Linh) nổi loạn chống lại Brahmã, vì thế, Shiva đã ném y xuống Địa ngục. Nhưng vì triết học phát triển song song với chuyện hư cấu ẩn dụ trong các thần thoại Ấn Độ nên người ta mới trình bày là Ma Quỷ cũng ăn năn hối hận và được hiến cho cơ hội để dâng công chuộc tội. Xét về mặt *nội môn*, y là một kẻ tội lỗi dẫy đầy và có thể dùng *Yoga*, sự sùng tín và quả vị Chơn Tiên để *hợp nhất với Thượng Đế một lần nữa.* Hercules, Nhật Thần, xuống Địa ngục (Hang Điểm Đạo) để giải thoát cho các nạn nhân khỏi bị hành hình v.v.. Chỉ có giáo hội Thiên Chúa giáo mới tạo ra cực hình *đời đời* cho Ma Quỷ và kẻ bị kết án mà nó đã chế ra.

đầu óc triết học. Thế nhưng, hầu hết các môn đồ Do Thái Bí giáo cao cấp đều biết sự thật, song chưa có ai trong số đó đã từng nói ra điều ấy. Tất cả các môn đồ Do Thái Bí giáo và nhà biểu tượng học đã tỏ ra vô cùng miễn cưỡng khi phải thú nhận một ý nghĩa nguyên thủy về sự Sa đọa của các Thiên Thần. Nơi một tín đồ Thiên Chúa giáo, việc im hơi lặng tiếng như vậy cũng là điều tự nhiên. Không một nhà Luyện kim đan hoặc triết gia thời Trung cổ nào có thể thốt ra điều này mà ([1]) theo quan điểm của thần học chính thống, là một sự

[1] Chẳng hạn như tại sao Éliphas Lévi (một môn đồ Do Thái Bí giáo rất quả cảm và ngay thẳng) lại ngần ngại không muốn tiết lộ bí mật về cái gọi là các Thiên Thần Sa Đọa. Những tác phẩm đồ sộ với những lời thường xuyên ám chỉ chứng tỏ rằng ông đã biết sự kiện ấy và chân ý nghĩa của ẩn dụ, cả theo ý nghĩa tôn giáo lẫn ý nghĩa thần bí, cũng như là theo ý nghĩa sinh lý. Thế nhưng, sau khi đã ám chỉ tới nó hàng trăm lần trong các tác phẩm trước, thì trong các tác phẩm sau này – Lịch sử Pháp thuật (trang 220 – 221) – Éliphas lại bảo rằng: "Chúng tôi kịch liệt phản đối bá quyền và tính vô sở bất tại của quỷ Satan. Ở đây, chúng tôi không chủ trương phủ nhận hay xác nhận truyền thuyết về sự sa đọa của các thiên thần… Nhưng nếu thế thì … vị chúa trùm (Prince) của các Thiên Thần Nổi Loạn cùng lắm cũng chỉ có thể là kẻ cuối cùng và bất lực nhất trong số những kẻ bị chèn ép – nay y đã bị tách rời khỏi Đấng thiêng liêng – vốn là nguyên lý của mọi quyền lực". Điều này thật là mơ hồ và có tính cách tránh né, nhưng chúng ta hãy xem những gì mà Hargrave Jennings viết ra với bút pháp đứt quãng quái gở như sau:

"Cả Thánh Michael lẫn Thánh George đều là những kiểu mẫu. Họ là những nhân vật thánh thiện, hoặc là các bậc anh hùng khả kính, hoặc là các quyền năng được thần thánh hóa. Mỗi Ngài đều được tượng trưng bằng các năng lực và thuộc tính của riêng mình. Các năng lực và thuộc tính được mô phỏng và cứ việc sinh sôi nảy nở - được phân biệt bởi nhiều tên gọi khác nhau – trong mọi kho

241 báng bổ khủng khiếp, vì nó sẽ đưa họ thẳng tới đài tử hình qua ngã Truy tà pháp đình. Nhưng đối với các môn đồ Do Thái Bí giáo hiện đại và các nhà Tự Do Tư Tưởng thì vấn đề

---

tàng thần thoại [kể cả Thiên Chúa giáo]. Nhưng có một ý niệm tổng quát liên quan tới mỗi thuộc tính đó. Đó là ý niệm và khái niệm về kẻ vô địch toàn năng – có tính cách ngây thơ như trẻ con – mạnh mẽ đến nỗi mà sự vô tội thiên phú này (các vị Thiên Thần tối cao biết nhiều nhất, các vị tiểu Thiên Sứ yêu thương nhất) có thể làm tan tành thế giới (đã được ráp nối lại – phải dùng từ ngữ này mới được - bằng pháp thuật của Lucifer, nhưng bị chèn ép) chống lại sự kiến tạo tài tình ('cuộc sống phía bên này') của kẻ bỏ đạo vĩ đại, kẻ nổi loạn hùng cường, song đồng thời lại là 'Kẻ soi đường', Lucifer – 'Ngôi sao Mai', 'Con của Buổi Sáng' – tôn danh cao nhất 'bên ngoài cõi trời', vì trên trời, nó không thể là như vậy, nhưng bên ngoài cõi trời nó là vạn vật. Xét về một khía cạnh cá tính hiển nhiên là không thể tin được – vì xin quý vị độc giả lưu ý rằng các tính chất không có giới tính – vị Tổng Thiên Thần Thánh Michael này là "Năng lượng" thiêng liêng, vô địch và vô giới tính – các đặc tính chủ yếu của Ngài đang được nêu cao – 'Chiến sĩ Trinh nguyên' vô địch được bao phủ trong … và đồng thời được võ trang bằng lớp áo giáp phủ nhận của việc 'không chịu sáng tạo' của phái Ngộ Đạo. Đây là một thần thoại khác, 'một thần thoại tuyệt diệu'… một 'bí mật khủng khiếp', vì nó thật là mâu thuẫn và không thể có được. Nó không thể giải thích được như kinh Khải Huyền. Nó không thể tiết lộ được như kinh 'Thiên Khải'. (Tục sùng bái Sinh thực khí, trang 212 – 213).

Tuy nhiên, điều bí mật *không thể giải thích* và *không thể tiết lộ* được này sẽ được giáo lý Đông phương giải thích và tiết lộ. Mặc dù vậy, theo sự trình bày của vị tác giả rất thông thái (song lại còn làm hoang mang hơn nữa) của *Tục sùng bái sinh thực khí*, dĩ nhiên là không một thế nhân chưa được điểm đạo nào hiểu được khuynh hướng thực sự của nó.

này lại khác hẳn. Về phần các nhà Tự Do Tư Tưởng, chúng tôi e rằng đó chỉ là một sự tự phụ, kiêu ngạo của con người dựa vào một điều mê tín dị đoan vẫn bị lớn tiếng bác bỏ nhưng vẫn không trừ tận gốc được. Trong cuộc đấu tranh với chủ nghĩa Manicheism, vì Giáo hội đã chế ra Ma Quỷ và đã dùng thần học để làm tắt ngấm vị Tinh Quân Lucifer rực rỡ, "Con Người của Buổi Mai", như thế là đã tạo ra nghịch lý vĩ đại nhất – một Ánh Sáng *tối tăm* – nên huyền thoại đã bén rễ quá sâu vào trong lòng đất cuồng tín khiến cho trong thời đại hiện nay, ngay cả những kẻ vốn không mặc nhận các giáo điều của nó và chế nhạo Quỷ Vương có sừng và có móng rẽ của nó, cũng không thể hiên ngang ra mặt rao giảng nguồn gốc xa xưa của mọi truyền thuyết xưa nhất. Nói một cách ngắn gọn, thì vấn đề như sau: xét về mặt bán công truyền, "Người Con đầu lòng" của Thượng Đế toàn năng – *Fiat Lux* – tức các Thiên Thần Bản Quang, được lệnh phải *sáng tạo*; một phần ba nổi loạn và *không chịu sáng tạo*,[1] còn những kẻ "tuân lệnh" như Fetahil đã *thất bại* một cách vẻ vang.

Để nhận định đúng đắn được ý nghĩa vật chất của sự từ chối và sự thất bại, người ta phải nghiên cứu và thấu triệt được triết học Đông phương, người ta phải làm quen với những giáo điều thần bí cơ bản của phái Veda, về phần sự cực kỳ trá ngụy khi gán hoạt động chức năng cho Đấng Thánh Linh Vô Cực Tuyệt Đối. Nội môn Bí giáo chủ trương rằng trong các thời kỳ Tranh tối tranh sáng, "Mặt Trời Trung Ương" phát ra Ánh Sáng Sáng Tạo – có thể nói là một cách thụ động. Quan hệ nhân quả còn tiềm tàng. Chỉ trong các thời hoạt động của Hiện Tồn thì nó mới sinh ra một dòng

[1] Xem Sod: Con của Người, của S.F. Dunlap, trang 50 và tiếp theo (1861).

242 năng lượng không ngừng, có các luồng rung động ngày càng hoạt động mạnh mẽ hơn khi chúng đi xuống từng nấc một của chiếc thang Hiện Tồn có bảy nấc. Vì thế, chúng ta có thể hiểu được làm thế nào mà tiến trình "sáng tạo" hay đúng hơn là tạo hình, Vũ trụ hữu cơ cùng với mọi đơn vị của bảy giới lại cần tới các Đấng Thông Tuệ. Tập thể các Đấng này đã biến thành một Đấng Thần Linh Sáng Tạo, đã biến phân từ Nhất Nguyên Tuyệt Đối, không có quan hệ chẳng khác nào nhất nguyên tuyệt đối so với "sự sáng tạo" có điều kiện.(1)

Nay các bản thảo ở Tòa Thánh Vatican của kinh Kabalah – nghe nói Bá Tước St.Germain có được bản sao duy nhất (ở Âu Châu) của nó – bao hàm sự trình bày hoàn chỉnh nhất về giáo lý này, kể cả lối thuyết minh đặc biệt mà các môn đồ phái Lucifer (2) và các môn đồ Do Thái Bí giáo khác đã chấp nhận; *Bảy Mặt Trời Bản Sinh* đã được trình bày trong bản thảo viết trên da thuộc đó để cho người ta thấy chúng chính là Saptasũrya. Tuy nhiên, người ta chỉ đề cập đến mặt trời trong các ấn bản của kinh Kabalah mà chúng ta có thể tìm thấy trong các thư viện công cộng, và ngay cả điều đó cũng được trình bày với một bút pháp ít nhiều úp mở. Song le, ngay cả

---

1 Dĩ nhiên là "Sáng Tạo" từ Hỗn nguyên khí vĩnh cửu, tức Vật Chất; theo các giáo lý của chúng ta, Hỗn nguyên khí này chính là Không gian Vô biên Hằng hữu.

2 Phái Lucifer là một giáo phái vào thế kỷ thứ tư mà người ta cho rằng đã dạy: linh hồn là một thể bằng *xác thịt* được cha truyền con nối, còn phái Lucian, một giáo phái khác xưa hơn vào thế kỷ thứ ba sau T.C. cũng giảng dạy tất cả các điều đó và dạy thêm rằng sinh hồn (*animal* soul) không bất tử, nó đã được triết hóa (philosophized) dựa vào nền tảng của giáo lý Huyền bí học và Do Thái Bí giáo thực sự

con số đã bị cắt xén này cũng quá đủ để chứng tỏ một nguồn gốc giống y như nhau, vì nó đề cập tới nhóm gồm bốn Thiền Định Đế Quân và chứng tỏ rằng sự suy lý đã bắt nguồn từ các Giáo Lý Bí Nhiệm của dân Ãryan. Mọi người đều biết rõ rằng kinh Kabalah không hề bắt nguồn từ người Do Thái, và người Do Thái đã kế thừa các ý tưởng của người Chaldea và người Ai Cập. Thế mà ngay cả các giáo lý Do Thái Bí giáo ngoại môn cũng đề cập tới một Mặt trời Trung Ương và ba Mặt Trời phụ trong Thái Dương Hệ, kể cả Thái Dương Hệ của chúng ta. Tác phẩm tuyệt vời mặc dù quá duy vật, Các Khía Cạnh Mới của Sự Sống và Tôn Giáo vốn là một *bảng tổng quan* của các môn đồ Do Thái Bí giáo dưới một dạng đã được suy tư và tiêu hóa sâu sắc, đã trình bày như sau:

Đối với họ [cũng như đối với dân Ãryan] mặt trời trung ương là một *trung tâm yên nghỉ*; trung tâm mà chuyển động rốt cuộc đều được qui chiếu về xung quanh mặt trời Trung Ương này … mặt trời thứ nhất quay tròn trên một mặt phẳng cực, mặt trời thứ hai quay tròn trên một mặt phẳng xích đạo… [còn mặt trời thứ ba chính là mặt trời hữu hình của chúng ta]. Bốn nhật cầu này là *các cơ quan có tác dụng chi phối cái mà con người gọi là sự sáng tạo, sự tiến hóa của cuộc sống trên địa cầu*. Họ [môn đồ Do Thái Bí giáo] cho rằng các nhật cầu này dùng vào các vận hà điện để chuyển tác dụng tới quả đất. Năng lượng quang huy xuất hiện từ mặt trời trung ương ([1]) đã

[1] Ngay cả khoa học cũng bắt buộc phải chấp nhận "Mặt Trời Trung Ương" của các nhà huyền bí học (xét về mặt thiên văn), vì nó không thể phủ nhận sự hiện diện trong không gian tinh đẩu của một thiên thể trung ương trong Ngân Hà, một điểm vô hình và bí nhiệm, tâm hấp dẫn hằng ẩn của Mặt Trời và Thái Dương Hệ chúng ta. Nhưng các nhà Huyền bí Đông phương lại có quan niệm khác hẳn về Mặt Trời này. Trong khi các môn đồ Do Thái Bí giáo Tây phương và Do Thái – thậm chí cả một vài nhà thiên văn học

243 khai sinh ra địa cầu là một bầu có nước,… với vai trò là hạt nhân của một hành tinh, nó phải có khuynh hướng nhảy xổ về phía mặt trời (trung ương) … nó đã được tạo ra bên trong phạm vi hấp dẫn của mặt trời đó … Nhưng khi điện hóa cả hai một cách tương tự, năng lượng quang huy đã giữ cái này tách rời khỏi cái kia, như thế là đã biến chuyển động hướng về thành ra chuyển động xung quanh tâm hấp dẫn mà hành tinh xoay vòng quanh [trái đất] đang ra sức đạt tới.

Mặt trời hữu hình tìm thấy khuôn viên của riêng mình nơi tế bào hữu cơ và dùng nó để tạo ra giới động vật trong khi làm chín muồi giới thực vật. Cuối cùng nó đặt con người đứng đầu giới động vật, nhờ có tác dụng khơi hoạt của giới đó, nó đã phát sinh ra tế bào tâm linh. Nhưng con người được đặt đứng đầu giới động vật, đứng đầu cơ sáng tạo, lại là *con người hữu hoại, vô hồn* và đầy thú tính … Vì thế, mặc dù có vẻ là tột đỉnh của giới động vật, khi xuất hiện, con người đã đánh dấu sự kết liễu của cơ sáng tạo; đó là vì vốn đạt tột đỉnh nơi con người nên cơ sáng tạo đã bắt đầu suy thoái khi con người bị diệt vong. ([1])

Ở đây, quan điểm của Do Thái Bí giáo được trích dẫn để chứng tỏ nó có tinh thần hoàn toàn đồng nhất với Giáo lý Đông phương. Cứ việc giải thích hoặc bổ sung giáo lý về Bảy Mặt Trời với bảy hệ thống *Cảnh giới Hiện tồn* mà "Mặt Trời"

---

hiện đại sùng đạo nữa – tuyên bố rằng Thượng Đế đặc biệt hiện diện nơi Mặt Trời này và quy các hành vi ý chí của Thượng Đế cho nó, thì các Điểm Đạo đồ Đông phương lại chủ trương rằng vì bản thể siêu linh của Đấng Huyền Vi Tuyệt Đối hiện diện như nhau ở khắp nơi, nên "Mặt Trời Trung Ương" chỉ là Trung Tâm Sinh Điện Vũ Trụ, kho chứa tập trung Ánh Sáng Quang Huy Thiêng Liêng sau khi đã biến phân vào lúc mở đầu mọi "cơ sáng tạo". Mặc dù còn ở một trạng thái *trung hòa (Laya)* song nó vẫn là một Trung Tâm Sinh Lực hấp dẫn duy nhất cũng như hằng phát xạ.

[1] Sách đã dẫn trang 287 – 289.

là thiên thể trung ương, chúng ta có bảy cõi Thiên Thần mà "Tập đoàn" chính là các Thần Linh của cõi đó. ([1]) Đó là Nhóm Lãnh Đạo được chia thành bốn Lớp, từ lớp *vô sắc tướng* xuống mãi tới lớp bán sắc tướng. Các lớp này có liên hệ trực tiếp – mặc dù theo nhiều cách khác nhau, xét về mối liên hệ tự nguyện và chức năng – với nhân loại. Đó là ba lớp được tổng hợp bởi lớp thứ tư, lớp bản sơ và cao siêu nhất, nó được gọi là "Mặt Trời Trung Ương" trong giáo lý Do Thái Bí giáo vừa được trích dẫn. Đây là sự dị biệt lớn lao giữa vũ trụ khởi nguyên luận của dân Semite và dân Ãryan – một đàng thì vật chất hóa, nhân hình hóa các bí nhiệm của Thiên Nhiên, một đàng thì tinh thần hóa vật chất, và khoa sinh lý học của nó luôn luôn phục dịch cho siêu hình học. Như vậy, mặc dù "nguyên khí" thứ bảy đến với con người qua mọi giai đoạn Hiện Tồn, nó vẫn đi qua – kinh Kabalah dạy rằng – Mặt Trời Trung Ương Tinh Thần và Nhóm thứ hai, Mặt Trời Thái Cực, hai thứ này xạ ra Ãtmã vào con người. Nhóm *thứ Ba*, Mặt Trời Xích Đạo, liên kết Buddhi với Ãtmã và các thuộc tính cao cả của Trí Tuệ. Trong khi đó, Nhóm thứ Tư (Tinh Thần của Mặt Trời hữu hình) ban cho y Trí Tuệ và hiện thể của nó là Cảm Dục Thể (Kãma Rũpa) hay là thể cảm giác và dục vọng (or body of passions and desires) – hai yếu tố của *Ngã Thức* (*Ahamkãra*), nó phát sinh ra *biệt ngã thức* hay là Phàm Ngã. Cuối cùng, chính Tinh Thần Địa Cầu (Tam Vị nhất thể) đã kiến tạo Thể xác, thu hút Sinh khí vào nó và tạo ra Thể Sinh Lực hay Thể Phách (Linga Sharĩra).

Vì mọi việc đều diễn biến theo định luật chu kỳ, sự tiến hóa của con người cũng như tất cả mọi sự việc khác, trật tự diễn biến về việc cấu tạo nên con người được diễn tả đầy đủ

[1] Xem Giảng lý ĐOẠN KINH 7, Quyển I.

trong Giáo lý huyền môn Đông phương, còn huyền môn kinh
244 Kabalah thì chỉ nói một cách ngụ ý bằng những lời ẩn dụ bóng bẩy. THIỀN ĐỊNH CHÂN KINH nói về con người nguyên thủy khi vừa được phóng xuất từ cái thể khinh thanh của "Đấng Không Xương" tức Đấng Sáng Tạo Vô Sắc Tướng như sau:

Trước tiên là Khí Vận (Breath), rồi tới Buddhi và Thể Xác được "tạo ra". Nhưng còn Nguyên khí trung gian, tức Thể Trí (Manas) ở đâu? Con người đành chịu bất lực. Khi đứng riêng một mình thì cái Nguyên Tố chưa biểu lộ và Buddhi – Nguyên nhân của cái Vô nguyên nhân – tách rời khỏi sự sống biểu lộ.

Thiên bình luận giải thích thêm: "*Trừ phi nó được hàn gắn rồi nối liền bởi nguyên khí trung gian, cái thể của ý thức cá biệt của Jiva".*

Nói cách khác, hai "nguyên khí" cao *không thể có bản ngã trong cuộc sống Thế gian* và không thể là *con người*, trừ phi có: (a) Thể Trí (Manas) để tự biết, để có tri thức, và (b) Phàm Ngã gồm những dục vọng ích kỷ và Ý Chí cá biệt để hàn gắn toàn bộ các nguyên khí – ví như chung quanh một cái trục, giữa nó quả thật như vậy – với thể xác con người. Chính những "nguyên khí" thứ năm và thứ tư ([1]) - tức Thể Trí và Thể Cảm Dục – chứa đựng Cá tính lưỡng nguyên, còn Chơn Ngã bất diệt, nếu nó đồng hóa với hai nguyên khí cao hơn, và cái Phàm Ngã phù du giả tạm, thường gọi là Uyển hình hay Anh Linh thể (Mãyãvi or Astral Body) tức là *sinh nhân hồn (animal-human* Soul) cả hai đều kết hợp chặt chẽ với nhau vì mục đích thực hiện một đời sống *đầy đủ* ở cõi trần gian. Chúng ta hãy thử gán ghép một Chơn Thần Tâm Linh của một nhà bác học

[1] Nguyên khí *thứ tư* và *thứ năm* khi tính từ dưới lên, bắt đầu từ thể xác, nguyên khí thứ ba và thứ tư nếu tính từ Ãtmã xuống.

như Newton chẳng hạn hay của một vị Thánh cao cả nhất trên Thế Gian, với một Thể xác kiện toàn nhất mà chúng ta có thể tưởng tượng (nghĩa là một Thể gồm có hai hoặc thậm chí ba nguyên khí: Thể Xác (Sthũla Sharĩra, Sinh khí (Prãna hay life-principle) và Thể Sinh Lực (Linga Sharĩra), nhưng nếu không có "nguyên khí" thứ năm làm trung gian thì chúng ta chỉ có thể tạo nên một kẻ ngốc hoặc khá nhất là một người bề ngoài có vẻ tuấn tú khôi ngô nhưng bên trong khờ khạo, rỗng tuếch và không hồn. Câu: "*Tôi suy tưởng vậy có tôi" ("Cogito-ergo sum")* không thể hiện diện trong trí não của một tạo vật như thế, ít ra là trên cõi trần này.

Tuy nhiên, có những môn sinh đã hiểu từ lâu rồi ý nghĩa triết học đàng sau ẩn dụ - đã bị Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã xuyên tạc biết bao – về các "Thiên Thần Sa Đọa".

Cõi vong linh và tác động tâm linh, vốn bắt nguồn từ và là sản phẩm của quyết ý tâm linh, ở bên ngoài và đối nghịch với cõi linh hồn (thiêng liêng) và tác động thiêng liêng.([1])

Lời bình luận nói:

Trong việc cấu tạo nên con người, dòng nào sinh ra giống nấy chứ không hơn không kém, cơ tiến hóa với những định luật tùy thuộc ngoại giới và hữu hạn sẽ đến sau. Những Thực Thể Tự hữu tự tại được gọi là những "Công trình sáng tạo" vì các vị ấy xuất
245 *hiện trong Cung Tinh Thần, biểu lộ xuyên qua tiềm năng nội tại vốn hàm súc trong Tính chất BẤT SINH của nó ở ngoài Thời gian và Không gian. Những sản phẩm ở cõi trần dù hữu thức hay vô tri bất động, gồm cả loài người đều được gọi một cách sai lầm là công trình sáng tạo hay chúng sinh; chúng là sự tiến hóa của những nguyên tố ẩn tàng.*

[1] Các Khía Cạnh Mới của Sự Sống.

Và kế đó là:

Vị Thiên Thần tạo nên con người theo hình ảnh của Ngài, đó là một ý niệm tâm linh tiếp theo sự phân hóa đầu tiên và sự thức động của chất liệu vũ trụ [biểu lộ]. Hình ảnh đó là Hình bóng lý tưởng: đó là Con Người của Giống dân thứ Nhất.

Để diễn tả rõ ràng hơn và chỉ giới hạn sự giải thích trong phạm vi Địa Cầu này mà thôi, thì các vị Thiên Thần có bổn phận gieo rắc vào Vật Chất Nguyên Thủy cái động cơ tiến hóa và hướng dẫn mọi khả năng cấu tạo của nó trong việc uốn nắn, sáng tạo nên mọi hình thể. Đó là điều mà các truyền thuyết Đông phương cũng như Tây phương đã đề cập đến trong câu: "Các vị Thiên Thần được truyền lệnh hãy sáng tạo". Sau khi Trái Đất đã được chuẩn bị sẵn sàng bởi những *Quyền năng thấp* và vật chất hơn và ba Loài của nó đã khởi sự đi trên đường "sinh nở và truyền giống" thì những Quyền lực cao cả hơn, tức là những vị Thiên Sứ hay Đại Thiên Thần, do Luật tiến hóa bắt buộc phải hạ xuống Địa Cầu để xây dựng nên cái thành quả tiến hóa của nó: đó là Con Người. Như vậy, những Đấng Tự Tại Tự Sinh và Tự Hữu đã phóng xuất những Hình bóng mờ ảo của các Ngài, nhưng còn Nhóm thứ Ba là các Hỏa Thần, *đã chống đối lại và từ chối* không làm theo các vị kia.

Ấn giáo công truyền biểu thị các vị ấy như các Yogi bởi lòng sùng đạo mà từ chối không chịu "sáng tạo", vì các vị muốn bước vượt bực lên Niết Bàn và đạt tới giải thoát trước các bạn đồng môn. Nhưng khoa nội giáo bí truyền lại diễn đạt ngược lại và cho rằng sự sáng tạo đó là một sự tự hy sinh vì ích lợi của nhân loại. Những vị "Phản kháng" không muốn sáng tạo nên những người không có ý chí, vô trách nhiệm, như những vị thiên thần "tuân lệnh trên" đã làm. Các vị ấy

cũng không thể ban phát cho loài người chỉ có sự phản ánh tạm thời những đặc tính riêng của mình mà thôi, bởi lẽ chí đến những đặc tính này, vì thuộc về một cõi ý thức cao hơn nhiều nên không gây ảnh hưởng được bao nhiêu, làm cho con người vẫn còn vô trách nhiệm và do đó sẽ làm ngăn trở mọi triển vọng tiến hóa của y. Đối với những vị đã toàn thiện thì không thể có sự tiến hóa tâm linh hay tinh thần trên Cõi Trần là cõi thấp nhất và nặng trọc nhất, vì những vị ấy không còn có thể thu hoạch gặt hái một kết quả thiện cũng như ác nào nữa ở cõi này. Về phần Con Người vẫn là cái Hình bóng nhạt mờ của sự toàn thiện bất động, cứng nhắc không dời đổi, có lẽ sẽ phải trải qua đời sống trên Trái Đất như trong một giấc ngủ nặng nề không mơ, và bởi vậy, y sẽ là một sự thất bại ở cõi trần này. Các Đấng hay Đấng được gọi chung là
246 Elohim – các Ngài đã thốt ra (nếu quả thực chúng đã được thốt ra) những lời ác độc sau đây "Này, con người phải trở nên *đồng nhất với chúng ta,* biết được thiện và ác; và này y phải chìa tay ra, cầm lấy cây trường sinh, ăn và sống mãi…" – ắt phải đích thực là Ildabaoth, Hóa Công của các tín đồ Nazarene, nổi cơn thịnh nộ và ghen ghét vật do chính mình tạo ra, phản ánh của nó đã tạo ra Linh Xà. Trong trường hợp này, cũng tự nhiên thôi – ngay cả theo quan điểm chấp nê văn tự – khi xem Satan, Con Rắn trong Sáng Thế Ký, là Đấng sáng tạo và ân nhân thực sự, Cha của Nhân loại Tâm linh. Đó là vì chính y là "Người báo trước Ánh Sáng", Lucifer quang huy, đã mở mắt cho người máy mà Jehovah đã tạo ra như người ta giả định. Và chính y là kẻ đầu tiên thì thào: "chừng nào mà ngươi ăn trái cây đó, ngươi sẽ giống như các Đấng Elohim, biết được thiện và ác", câu này chỉ có thể xét dưới ánh sáng của một Đấng Cứu Thế. Vốn là một Địch thủ của Jehovah, "vong linh nhân tính hóa" theo Chân lý Nội môn, y

vẫn còn là "Sứ giả" hằng bác ái, Thiên Thần, Thiên Thần tối cao và Tiểu Thiên Sứ đã biết rõ cả hai, còn yêu thương hơn nữa và ban cho chúng ta sự bất tử Tinh Thần thay vì sự bất tử Vật Chất – sự bất tử vật chất là sự bất tử tĩnh tại biến con người thành ra "Người Do Thái Lang thang" bất tử (an undying "Wandering Jew").

Tác phẩm Các môn đồ phái Ngộ Đạo và các Di Tích bàn về Ildabaoth (mà nhiều giáo phái xem là Thượng Đế của Moses) như sau:

Ildabaoth còn xa lắm mới là một Chơn Linh thuần khiết, y có cấu tạo đầy tham vọng và lòng kiêu ngạo. Do đó, y đã quyết định cắt đứt mọi liên hệ với thân mẫu của mình là Achamoth, và tạo ra một thế giới hoàn toàn dành cho riêng mình. Được sáu Vong Linh của chính mình trợ giúp, y tạo ra Con Người và định dùng nó làm hình ảnh của quyền năng của mình; nhưng y hoàn toàn thất bại trong công tác này, vì Con Người của y tỏ ra là một quái vật khổng lồ, vô hồn, bò lê trên mặt đất. Sáu Vong Linh bắt buộc lại phải đưa công tác ra trình cha để được khơi hoạt. Y làm thế bằng cách truyền đạt tia Linh Quang mà chính y đã kế thừa của Achamoth, vì bị mất mát như vậy nên Achamoth đã phạt y về tội kiêu căng và tự mãn.

Khi được Achamoth ưu đãi như vậy làm phương hại đến người con của chính bà, con người đã đi theo xung lực Linh Quang mà bà đã truyền cho y, thu thập thêm một phần cung ứng từ cơ sáng tạo mà nó bị hòa lẫn vào và bắt đầu không trình bày hình ảnh của Đấng sáng tạo Ildabaoth, song đúng hơn là hình ảnh của Đấng Tối Cao "Con Người Nguyên sơ". Khi thấy như vậy, Hóa công cuồng nộ và ganh ghét vì đã tạo ra một sinh linh cao cấp hơn mình biết bao. Được khêu gợi bởi các thị dục đó, ánh mắt của y phản chiếu trong một tấm gương, hình ảnh trở nên sống động, và "Satan có

hình dạng Rắn", Linh Xà, hiện thân của ganh tỵ và xảo quyệt liền xuất hiện.([1])

Đây là lối thuyết minh ngoại môn của các môn đồ phái Ngộ Đạo, và mặc dù là một lối thuyết minh thiên vị, ẩn dụ này thật là gợi ý và dường như là đúng sự thật. Đó là sự suy diễn tự nhiên sát nguyên văn của Chương iii Sáng Thế Ký.

Do đó mới có ẩn dụ về Prometheus, y đã ăn cắp Lửa Thiêng để giúp con người có thể tiến một cách hữu thức trên con đường Tiến hóa Tâm linh, thế là biến đổi *động vật* hoàn
247 hảo nhất trên Trần Thế thành ra một vị Thượng Đế tiềm tàng, và để cho y tha hồ "dùng bạo lực để chiếm lấy thiên giới". Cũng vì thế mà Thần Vương Zeus mới nguyền rủa Prometheus và Jehovah-Ildabaoth mới nguyền rủa Satan, "người con nổi loạn của mình". Núi tuyết băng trinh của rặng Caucasus và ngọn lửa bất diệt bập bùng của địa ngục đời đời là hai thái cực song vẫn là cùng một ý niệm, khía cạnh nhị phân của một cực hình được thanh luyện; một *kẻ tạo ra* Lửa – biểu hiện được nhân cách hóa của *Phosphor*, của Tinh Tú Hỏa (Astral Fire) và Tinh Tú Quang trong Linh Hồn Thế giới (Anima Mundi) (cái Nguyên tố mà triết gia duy vật người Đức Moleschott đã bảo rằng: "không có *phosphor* thì không có tư tưởng"- cháy trong các Ngọn Lửa dữ dội của các Thị dục phàm tục của y; ngọn lửa *do Tư Tưởng* của y đốt lên, phân biện thiện với ác (nay nó vẫn thế) song vẫn là nô lệ cho các thị dục của Adam phàm tục (earthly Adam), nó cảm thấy con diều hâu nghi ngờ và toàn tri thức gặm nhấm tâm hồn mình – đó quả thật là một Prometheus, vì là một thực thể *hữu thức*

[1] Sách đã dẫn, trang 97 – 98, ấn bản kỳ 2, năm 1887.

và vì thế là một thực thể *có trách nhiệm.*[1] Sự đọa đày *cuộc sống* thật là ghê gớm, thế nhưng ngoại trừ một vài nhà thần bí phái Sũfĩ và Ấn Độ, chẳng có mấy kẻ chịu đánh đổi mọi cực hình của sự sống hữu thức, mọi tai ách của một kiếp tồn tại có trách nhiệm, để lấy sự toàn thiện vô thức của một Đấng vô sắc tướng thụ động (về mặt ngoại cảnh) hoặc thậm chí sự trì độn tĩnh tại đại đồng thế giới được nhân cách hóa thành Brahmã trong "Đêm đen" Yên tĩnh. Đó là vì, xin trích dẫn một vài tuyệt vời của một kẻ,[2] vì lẫn lộn các tồn tại và tri thức nên đã biến thành một nạn nhân của nó.

Quỷ Vương [tức Lucifer] tiêu biểu cho năng lượng chủ động hoặc [theo lối nói của Jules Baissac] Năng lượng ly tâm của Vũ Trụ [theo một ý nghĩa vũ trụ]. Y là Lửa, Ánh sáng, Sự Sống, Sự đấu tranh, Nỗ lực, Tư tưởng, Ý thức, Sự tiến bộ, Văn

---

[1] Chúng ta sẽ thấy sự tích về Prometheus, Nghiệp quả và ý thức con người trong Quyển 4; Phần 2, Tiết 5.

[2] Của một người Anh mà siêu tài bất thường đã giết chết ông. Vốn là con của một Mục sư Tin Lành, y đã trở thành một tín đồ Hồi giáo rồi biến thành một kẻ vô thần điên cuồng. Sau khi gặp một Đạo sư, y trở thành một nhà Thần bí, rồi thành một nhà Minh Triết Thiêng Liêng hoài nghi, thất vọng, chẳng cần huyền linh học và ma thuật, điên rồ và gia nhập Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã. Rồi y lại tráo trở, lăng mạ Giáo hội, lại trở thành một kẻ vô thần và chết đi khi chửi rủa nhân loại, tri thức và Thượng Đế mà y không còn tin tưởng nữa. Vốn được cung cấp cho mọi dữ kiện nội môn để viết tác phẩm "Trận chiến tranh trên Trời", y đã dùng để soạn ra một bài báo chính trị nửa mùa, trộn lẫn Malthus với Satan, Darwin với Tinh Tú Quang. Y đã an giấc ngàn thu. Y là một tấm gương để cảnh cáo những Đệ tử thất bại. Nay chúng ta có thể thấy ngôi mộ bị quên lãng của y ở nghĩa trang Hồi giáo Junaghur, Kathiawar, Ấn Độ [Y có biệt hiệu là Mirza Murãd Ali Beg].

minh, Tự do và Độc lập. Đồng thời y cũng là *Đau khổ,* vốn là Phản ứng của *Lạc thú,* Hành động và *Sự chết* – vốn là sự đổi đời (Quỷ Vương nung nấu trong Địa ngục của chính mình, được tạo ra do cơn thịnh nộ của chính động lực mình) – sự tan rã bành trướng của Tinh vân vốn phải tập trung vào các Thế giới Mới. Và y cứ bị ngăn trở bởi sự bất động đời đời của Năng Lượng Thụ động Vũ Trụ - "*Ta là*"("*I am*") bất di bất dịch – Viên đá lửa xẹt ra các tia lửa. Thế là … y và các tín đồ … được giao phó cho "Bể Lửa" – vì đó là Mặt Trời [chỉ theo một ý nghĩa duy nhất trong ẩn dụ vũ trụ], cội nguồn của Sự Sống trong Thái Dương Hệ *chúng ta,* nơi mà chúng được thanh luyện (nghĩa là do đó bị phân rã) và khuấy tung lên để sắp xếp chúng lại cho một kiếp sống khác (sự phục sinh) – Ngôi Mặt Trời mà, với vai trò Nguồn gốc và Nguyên khí Tác động của Địa Cầu, tức khắc là *Trú sở* và *Cội nguồn* của Satan Thế tục …

Hơn nữa, người ta biết rằng sức lạnh có một tác dụng hướng tâm như thể để chứng tỏ sự chính xác của thuyết tổng quát của Baissac [trong tác phẩm Con Quỷ và Satan]. Khi bị Lạnh, mọi vật đều co rúm lại … Khi bị Lạnh, Sự Sống say sưa giấc ngủ *đông miên* hoặc chết dần, Tư Tưởng đông lại và Lửa tắt ngúm. Satan vốn bất tử trong Bể Lửa [Fire-Sea] của riêng mình – y chỉ không thể tồn tại trong "Nifl-Heim" [Địa Ngục băng trong các thần thoại Eddas của Bắc Âu] của "*Ta là*". Nhưng đối với tất cả mọi điều đó, có loại Tồn tại bất tử trong Nifl-Heim, và sự Tồn tại đó phải *an lạc, vì nó Vô thức và Bất động*. Trong cõi của JEHOVAH [nếu vị Thần này có đủ mọi tính chất mà các tín đồ Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo thường khẳng định] không có khốn khổ, chiến tranh, cưới

hỏi, hôn nhân, đổi chác và NGÃ THỨC.([1]) Vạn vật đều được hấp thụ vào tinh thần của Đấng Toàn Năng. *Đó dứt khoát là một Cõi an bình và Phục tùng trung thành chẳng khác nào cõi của "Chúa Tể Phản Nhân Loại" ("Arch-Rebel") là cõi Chiến tranh và Cách Mạng*. Cõi nêu trên chính là cái mà Minh Triết Thiêng Liêng gọi là Niết Bàn. Nhưng rồi Minh Triết Thiêng Liêng lại dạy rằng một khi mà sự Phân cách khỏi Cội nguồn Nguyên thủy *đã diễn ra*, thì chúng ta chỉ có thể đạt được sự Hợp nhất bằng NỖ LỰC CỦA Ý CHÍ, nó rõ rệt là có tính cách Satan theo nghĩa của bài tiểu luận này. ([2])

Nó có tính cách "Satan", theo quan điểm của Giáo hội La Mã chính thống, vì nhờ có nguyên kiểu của cái chẳng sớm thì muộn sẽ trở thành Ma Quỷ của Thiên Chúa giáo – đối với các Tổng Thiên Thần, Thiền Định Đế Quân quang huy, họ không chịu sáng tạo vì họ muốn Con Người *trở thành Đấng sáng tạo ra chính mình* và là một Thần Linh bất tử - mà con người mới có thể đạt được Niết Bàn và bến bờ An bình Thiêng liêng.

Để kết thúc phần bình luận khá dài dòng này, Giáo Lý Bí Nhiệm dạy rằng các vị Hỏa Thần, Rudras và Kumãras hay "Thiên Đồng" (các Thiên Thần Michael và Gabriel cũng gồm trong những đẳng cấp này) và những vị "Phản kháng" thà chọn cái bất hạnh của sự đầu thai, đọa lạc xuống trần trong những thế hệ dài, còn hơn là nhìn thấy sự khốn cùng, dù là

---

[1] Tác giả đề cập đến cuộc chiến kịch liệt và kết án Jehovah như thể y đồng nghĩa với Thái Cực Thượng Đế (Parabrahman)! Chúng tôi đã trích dẫn bài này để chứng tỏ nó trái với các giáo lý Minh Triết Thiêng Liêng ở chỗ nào, nếu không, một ngày kia, người ta sẽ trích dẫn nó để phản đối chúng tôi (mọi điều được đăng trong Tạp chí Theosophist thường như vậy).

[2] Tạp chí Theosophist, tháng 12 – 1881, trang 68.

vô thức của những nhân vật được phóng xuất như những Hình bóng xuyên qua năng lực bán thụ động của những Đấng Sáng Tạo. Nếu "việc con người sử dụng cuộc sống phải nhân cách hóa được bản ngã, chứ không phải thú dục hóa hay tinh thần hóa nó",([1]) thì muốn được như vậy phải được sinh ra là *người* chứ không phải thiên thần. Bởi vậy, truyền thuyết Ấn Độ nói rằng những vị đạo sĩ thiêng liêng đó tự hiến dâng như những nạn nhân chí nguyện để cứu rỗi Nhân loại và ban bố cho họ có tình thương và hoài bão cao thượng. Để thực hiện điều đó, các vị ấy phải từ bỏ ngôi vị của mình ở
249 cõi trên để giáng hạ xuống Trần suốt trong chu kỳ của một Đại Thế (Mahãyuga) khoác lấy một Bản Ngã cá biệt như những người phàm và hy sinh niềm hạnh phúc siêu việt của cõi trời để chuộc lấy sự đau khổ của cuộc đời thế tục. Nhưng khoa thần học công truyền xem sự tình nguyện hy sinh của những vị Hỏa Thần đó (mà tính chất của các vị ấy vốn là *Hiểu biết* và *Bác ái)* như một việc sai lầm và diễn đạt điều ấy trong một câu nói rằng những "Thiên Thần phản kháng bị trục xuất ra khỏi Thiên giới và bị đọa xuống Địa ngục hắc ám (ám chỉ

[1] Khi giải thích kinh Kabalah, Bác sĩ Henri Pratt cho rằng: "Đối với con người [đối với giáo sĩ Do Thái thì đúng hơn !] chơn linh là một thực thể vô sắc tướng, thoát xác và sa đọa, vì thế, biểu ý tự đã gọi nó là Nahash, "Bất túc"; người ta trình bày là nó hiện ra và quyến rũ nhân loại – dùng đàn bà để cám dỗ đàn ông… Trong bức hình của Nahash này, chơn linh có được tượng trưng bằng một con rắn, vì không có tứ chi, nên con rắn được xem là một tạo vật bất túc và tồi bại". (Các Khía Cạnh của Sự Sống, trang 235). Nói về biểu tượng thì có những người lại thích biểu tượng rắn – biểu tượng của minh triết và vĩnh cửu, không có tứ chi – hơn là chữ Jod (biểu ý tự của Jehovah trong kinh Kabalah), Thần biểu tượng của sự sinh sản nam tính.

Cõi Trần chúng ta). Triết học Ấn Độ nói bóng gió tới chân lý ấy bằng cách dạy rằng các A Tu La bị Shiva xô xuống, chỉ là một trạng thái trung gian trong đó họ sửa soạn cho các mức độ thanh luyện và cao siêu hầu thoát khỏi tình trạng khốn khổ. Tuy nhiên, để áp đặt lời khẳng định đó một cách nghịch lý, thần học Thiên Chúa giáo vốn tự cho là mình dựa vào nền tảng bác ái, từ bi và công bình thiêng liêng của Đấng mà nó xem là Đấng Cứu Thế của mình – đã chế ra giáo điều gớm ghiếc về Địa ngục, cái đòn bẩy Archimede của triết học Thiên Chúa giáo La Mã.

Trong khi đó, Minh Triết Do Thái giáo – chẳng có gì duy thực, duy vật, thô tục hơn nó, vì nó nhận chìm mọi vật vào các bí nhiệm sinh lý – gọi các Đấng này là "Hung Thần". Còn các môn đồ Do Thái Bí giáo lại gọi họ là Nahash, "Bất túc" như đã nói trên, và các *Linh Hồn, sau khi đã xích mích với các Thần Linh trên Trời,* bèn lao mình vào trong một Vực sâu vào lúc khởi đầu kiếp sống của mình và đã tiên liệu được lúc nào mình phải giáng Trần.([1])

Tác giả xin giải thích ngay rằng chúng tôi không bài bác lối thuyết minh đúng đắn kinh Zohar hoặc bất kỳ thánh thư nào khác trong kinh Kabalah – vì nó đâu có khác gì lối thuyết minh của chúng tôi – mà chỉ bài bác các lối thuyết minh thô lậu, nội môn giả dối sau này, nhất là của các môn đồ Do Thái Bí giáo Thiên Chúa.

Thiên bình luận viết:

Trái đất và con người nguyên là sản phẩm của ba loại Lửa.

Theo Bắc Phạn ngữ (Sanskrit) ba loại Lửa này *là Lửa điện, Lửa Thái Dương, và Lửa gây nên bởi sự Cọ xát.* Giải thích trên

[1] Kinh Zohar, iii, 61 c.

bình diện Vũ Trụ và nhân sinh, ba thứ Lửa này là Tinh Thần, Linh Hồn và Thể Xác, tức là ba Nhóm căn bản cộng thêm với bốn phân bộ nữa. Các nhóm này khác nhau tùy theo Trường Phái và – tùy theo các áp dụng của chúng – trở thành các *hiện thể,* tức là các *bản thể* của những thứ đó. Trong các lối tường thuật ngoại môn, chúng được nhân cách hóa thành ra "ba người con rực rỡ huy hoàng quá mức" của Agni Abhimãnin, Con Cả của Brahmã, Càn Khôn Thượng Đế, thành ra Svãhã,
250 một trong các con gái của Daksha. ([1]) theo ý nghĩa siêu hình, "Lửa cọ xát" có nghĩa là sự hợp nhất giữa nguyên khí thứ sáu tức Buddhi và nguyên khí thứ năm tức Thể Trí. Trong sự hợp nhất đó, Thể Trí hỗn hợp và trở thành một phần của Chơn Thần. Theo ý nghĩa vật chất thì Lửa cọ xát ấy có liên quan tới *đốm lửa sáng tạo* hay mầm sống là động lực hóa sinh ra con người. Ba loại Lửa này, mà danh xưng là Pãvaka, Pavamãna và Shuchi, lại bị Vasishtha, đại Hiền Triết, nguyền rủa "cứ phải sinh đi sinh lại nhiều lần".([2]) Điều này cũng đủ rõ rệt rồi.

---

[1] Daksha nghĩa là "kẻ thông tuệ có thẩm quyền". "Danh hiệu này thường bao hàm ý niệm về quyền năng sáng tạo". Ngài là một con trai của Brahmã và Tiên Thiên Huyền Nữ (Aditi), và theo các lối thuyết minh khác, một quyền năng tự sinh tự tại; cũng như Minerva, nó phát sinh từ cơ thể của cha mình. Ngài là vị đứng đầu của các Prajãpatis, các Đấng Sáng Tạo Hiện Tồn. Trong Vishnu Purãna, Parãshara đề cập tới y như sau: "Trong mọi Thiên Kiếp [tức Chu kỳ Khai Nguyên], Daksha và những vị khác được sinh ra và cũng lại bị diệt vong". Còn Rig Veda lại bảo rằng "Daksha xuất phát từ Tiên Thiên Huyền Nữ và Tiên Thiên Huyền Nữ lại bắt nguồn từ Daksha", câu chuyện này muốn nói tới sự tái sinh luân hồi vĩnh cửu của cùng một Bản Thể thiêng liêng.

[2] Bhãgavata Purãna, iv, 24, 4.

Do đó, nghe nói các NGỌN LỬA – người ta đã lẫn lộn các chức năng của họ trong các tác phẩm ngoại môn, và gọi lẫn lộn họ là các Đấng Prajãpati, Pitris, Bàn Cổ, A Tu La, Thánh Hiền, Thiên Tôn ([1]), v.v…- đã đích thân lâm phàm trong Căn chủng thứ Ba và như thế, thấy mình cứ "sinh đi sinh lại mãi". Trong Nội môn Bí giáo, các Ngài thường được mệnh danh là các A Tu La tức Asura Devatã (Thần Linh), vì như đã nói, các Ngài là chư Thần Linh bản sơ – và cao cấp nhất – trước khi biến thành "Phi Thần Linh", và đã từ địa vị các Chơn Linh Thiên giới, sa xuống thành ra các Vong Linh Trần Thế ([2]) - lưu ý và xét về mặt *ngoại môn,* trong giáo điều chính thống.

Chẳng nhà thần học hoặc nhà Đông phương học nào đã từng hiểu được gia phả của các Đấng Prajãpati, Bàn Cổ và Thánh Hiền, hoặc mối liên hệ trực tiếp – mối tương quan thì đúng hơn – của các Ngài với các Thần Linh, trừ phi y có được chìa khóa giải vũ trụ khởi nguyên luận và thần phổ học cổ sơ mà mọi quốc gia thoạt tiên đã có chung. Chúng ta thấy mọi Đấng Thần Linh và Bán Thần này đều tái sinh trên Trần Thế,

---

[1] Chẳng có Đấng nào thuộc các Đẳng cấp này phân biệt với Pitris hay Thủy Tổ. Kinh Bàn Cổ (Adyãya iii, Câu 264) dạy: "Kẻ minh triết gọi các vị phụ mẫu của ta là Vasus; các ông bà của ta là Rudras; các cụ của ta là Ãdityas (theo kinh Veda). Một bản dịch khác cho rằng "Đây là một kinh Veda trường cửu".

[2] Nay ông G. Smith quá cố, đã phát hiện được trong văn chương Babylonia khắc trên các hình trụ thì trong thần phổ học Chaldea cũng vậy. Ishtar "Đấng kỳ cựu nhất trên Trời và dưới Thế". Dưới Ngài là các Igigi tức là các Thiên Thần trên Trời và các Anũnaki, tức là các Thiên Thần dưới Thế. Dưới các vị này lại có các đẳng cấp Tinh Linh và Thần tên Sadu, Vadukku, Ekimu, Gallu – một số thiện, một số ác. (Xem Thần thoại học Babylonia, của Smith, xem thêm Các bài thuyết trình của Hibbert, của Sayce, trang 141).

trong nhiều thiên kiếp khác nhau với nhiều tính cách khác nhau; hơn nữa, *mỗi vị đều có Nghiệp Quả được truy nguyên rành mạch và mọi hậu quả đều được qui về đúng nguyên nhân.*

Trước khi có thể giải thích các ĐOẠN KINH khác, chúng ta có thể thấy là nhất thiết cần phải nêu rõ ràng mặc dù đồng nhất với các Tổng Thiên Thần mà thần học đã quyết định gọi là "Các Thiên Thần Sa Đọa", các Con của "Minh Triết U Mê"("Dark Wisdom"), cũng thiêng liêng và thanh khiết như (nếu không muốn nói là thanh khiết hơn) mọi Đấng Michael, Gabriel mà các Giáo hội đã tâng bốc quá đáng. Cổ thư cũng bàn về các chi tiết khác nhau của cuộc sống ở Anh Linh giới (Astral Life), mà trong tình trạng này, độc giả sẽ hoàn toàn không hiểu biết gì hết. Do đó, chúng ta phải gác nó lại để giải thích sau, và hiện nay chúng ta sẽ chỉ quan tâm vừa đủ tới các Giống dân thứ Nhất và thứ Hai. Giống dân thứ Ba thì lại không như vậy – đó là Căn chủng đã phân chia giới tính và là
251 Căn chủng đầu tiên đã được phú cho lý trí; con người tiến hóa *song song* với Địa Cầu, vấn đề Địa Cầu đã đóng vỏ cứng hơn một trăm triệu năm trước khi chi chủng thứ nhất chưa kịp bắt đầu hiện hình hay đông đặc lại, tạm gọi như vậy. Nhưng ĐOẠN KINH đã trình bày như sau:

Chơn Nhơn (Thực Thể hữu thức) đã không hề tồn tại.

Huyền bí học cho rằng thậm chí trong nhiều trường hợp, "Thực Thể hữu thức" này xuất phát từ chính bản thể của các Đấng Vô Cùng Thông Tuệ đã bị luật tiến hóa nghiệp quả bất di bất dịch bắt buộc phải tái sinh trong Chu kỳ Khai Nguyên này.

b. Câu kinh 39 đặc biệt nói về những sự phân chia chủng tộc. Triết học Nội môn dạy rằng con người có một nguồn gốc sáng tạo đa diện. Một mặt, nhân loại vốn có một nguồn gốc

duy nhất, vì lẽ tất cả những vị Thủy Tổ hay các Đấng Sáng Tạo đều là những vị Thiên Sứ, tuy ở nhiều trình độ toàn thiện khác nhau trong cấp đẳng Thiên Thần. Mặt khác, con người vẫn sinh ra trên bảy trung tâm hay địa phương khác nhau của lục địa ban sơ hồi thời kỳ nguyên thủy. Tuy rằng, tất cả nhân loại đều do cùng một gốc sinh ra, nhưng vì những lý do nêu trên, nên khả năng trí tuệ, hình thể bên ngoài, cùng những tiềm năng tâm linh và những đặc tính tương lai của họ đều rất khác nhau.([1]) Về phần các sắc da của họ, có một ẩn dụ gợi ý được trình bày trong Linga Purãna. Các Thiên Tôn – cái gọi là chư Thần Rudra – được mô tả là các hiện thân của Shiva, Ngôi Hủy Diệt (*các hình hài ngoại cảnh)* cũng được mệnh danh là Vãmadeva với vai trò là một Thiên Tôn "Đấng Độc Thân Đời Đời", Đấng Thanh Xuân Trinh Khiết, Vãmadeva phát sinh từ Brahmã trong mỗi đại Chu kỳ Khai Nguyên, và lại "hóa thành bốn", điều này nhằm nói tới *bốn Giống dân chính* – xét về sắc da và mẫu người – và ba biến thái của các Giống dân này. Thế là trong Thiên Kiếp thứ hai mươi chín – trong trường hợp này, nó nhằm nói tới sự biến hóa và tiến hóa của hình dạng người, mà Shiva đã từng hủy diệt và uốn nắn lại một cách định kỳ cho tới điểm quanh của đại Chu Kỳ Khai Nguyên, vào khoảng giữa Giống dân thứ Tư – với vai trò là Shvetalohita, vị Thiên Tôn Căn Cốt, Shiva biến từ sắc da màu mặt trăng thành ra *da trắng;* trong kỳ biến hóa kế, Ngài có *da đỏ* (về điều này, lối thuyết minh ngoại môn khác

[1] Một số thượng đẳng, một số hạ đẳng, để phù hợp với *Nghiệp Quả,* nhiều Chơn Thần luân hồi khác nhau, chúng không thể có cùng một mức độ thanh khiết trong các kiếp vừa qua ở các Thế giới khác. Đó là lý do dị biệt của các giống dân, sự thấp kém của những người dã man và nhiều giống người khác.

hẳn Giáo lý Nội môn) trong kỳ biến hóa thứ ba, Ngài có *da vàng*, còn trong kỳ biến hóa thứ tư, Ngài có *da đen.*

Khoa huyền môn sắp hạng bảy loại trên với bốn phân bộ lớn, gồm lại thành ba giống dân ban sơ rõ rệt, không kể Giống dân thứ Nhất vì Giống dân này không hề có loại hay sắc da, mà chỉ có một hình bóng khinh thanh tuy rằng to lớn. Sự tiến hóa của Giống người này, sự hình thành và phát triển của họ diễn tiến trên những đường hướng song đôi với sự tiến hóa, hình thành và phát triển của ba giai tầng địa chất và sắc da con người cũng tùy đó mà xuất hiện, cũng như nó
252 được quyết định bởi khí hậu, thời tiết của những khu vực liên hệ. Ba hạng giống dân chính kể trên là những giống dân DA MÀU VÀNG ĐỎ, DA ĐEN và DA TRẮNG NÂU.[1] Họ có trình độ cao thấp khác nhau tùy theo nghiệp quả của những Chơn Thần đầu thai. Các Chơn Thần này vốn dĩ không thể có cùng một trình độ tinh khiết giống như nhau trong những kiếp cuối cùng của họ trên những Bầu thế giới khác. Đó là lý do của sự dị biệt chủng tộc, trình độ thấp kém của người dã man và của vài giống người khác. Giống người Ãryan chẳng hạn, hiện nay gồm nhiều sắc da màu nâu sậm, gần như đen, màu nâu vàng chí đến màu hồng bạch hay da trắng, nhưng tất cả đều thuộc về một chủng tộc duy nhất là Giống dân thứ Năm và xuất phát từ một Thủy Tổ duy nhất, mà Ấn giáo *công truyền* mệnh danh là Đức Bàn Cổ Vaivastava. Đấng này là vị

[1] Trong ấn bản tiếng Anh của tác phẩm Nhân Loại Học với lời giới thiệu của Giáo sư Broca, Topinard cho rằng: "Có *ba* yếu tố cơ bản về màu da nơi cơ thể con người, đó là *da đỏ, vàng* và *đen.* Khi trộn lẫn theo những số lượng khác nhau với những mô màu trắng, chúng sẽ sinh ra vô số sắc da mà chúng ta thấy trong gia đình nhân loại". Ở đây, khoa học lại vô tình ủng hộ Huyền bí học.

Hiền Triết mà truyền thuyết cho rằng đã sống trên 18 000 000 năm và cách đây 850 000 năm vào thời kỳ tai biến nhận chìm những tàn tích cuối cùng của Châu Atlantis,(1) và *hiện nay* cũng còn sống trong hàng ngũ nhân loại chúng ta. (2) Sắc da vàng tươi là màu da của giống người đầu tiên có thể chất *cứng rắn,* xuất hiện sau giai đoạn giữa của Giống dân thứ Ba (*sau sự sa đọa* để bước vào giai đoạn sinh sản truyền giống như đã giải thích trên) và đem đến những thay đổi cuối cùng. Chỉ trong thời kỳ này mới xảy ra sự biến thể cuối cùng, nó cấu tạo nên con người dưới hình thức hiện nay, trên một qui mô vĩ đại. Giống dân này sinh ra Giống dân thứ Tư, Ngôi biến hóa dưới biểu tượng thần Shiva biến đổi lần lần để cải tạo thành phần Nhân loại "hắc ám vì tội lỗi" đó trở thành giống người màu da đỏ vàng (dân Da đỏ ở Bắc Mỹ và dân Mông Cổ là hậu duệ của giống dân này, và sau cùng trở thành những người da màu nâu nhạt hay đồng bạch). Giống người này cùng những chủng tộc da vàng, gồm thành phần đa số của nhân loại hiện nay. Ẩn dụ trong kinh Linga Purãna thật là kỳ diệu, vì nó chứng tỏ rằng cổ nhân đã am hiểu rất nhiều về dân tộc học.

---

1 Phải nhớ rằng các "di tích cuối cùng" nói tới ở đây ám chỉ các phần đất của "Đại lục" vẫn còn tồn tại, chứ không phải bất kỳ đảo nào trong đám vô số hòn đảo tồn tại đồng thời với Đại lục đó. Chẳng hạn như "đảo" của Plato là một trong các di tích đó; các hòn đảo khác đã bị chìm vào nhiều thời kỳ trước đó. Một "truyền thuyết" Huyền bí dạy rằng những sự đắm chìm đó đã xảy ra mỗi khi mà "Mặt Trời Tinh Thần" bị nhật thực.

2 Xem các nhận xét về các vị Căn Bàn Cổ và các Chủng Bàn Cổ, và Tiết bàn về "Các Bàn Cổ Nguyên thủy của Nhân loại" ở cuối phần Giảng lý của ĐOẠN KINH này.

Khi nghe nói đến "sự biến đổi cuối cùng", độc giả hãy thử nghĩ xem nếu nó bắt đầu xảy ra đã 18 000 000 năm nay thì nó còn phải cần đến bao nhiêu triệu năm nữa mới đạt tới giai đoạn cuối cùng? Nếu con người, trong sự tuần tự củng cố thể chất của mình, phát triển đồng thời với Trái Đất thì có đến bao nhiêu triệu năm phải xảy ra trong thời kỳ các *Giống dân thứ Nhất, thứ Hai* và nửa phần đầu của Giống dân *thứ Ba*. Vì Trái Đất còn ở trong trạng thái tương đối khinh thanh trước khi đạt tới trạng thái cô đọng cuối cùng. Vả lại, Giáo lý xưa cho biết rằng trong thời kỳ trung gian giữa hai Giống dân Lemuria và Atlantis, tức là ba Giống dân ruỡi sau việc cấu tạo nên Con người Ban sơ, Trái Đất, Con Người và vạn vật trên
253 Địa Cầu đã có một tính chất thô kệch và nặng trược hơn, trong khi những loài san hô và sò ốc vẫn còn ở trong trạng thái thanh nhẹ và lỏng sệt. Những chu kỳ trung gian diễn ra từ đó đến nay đã đưa con người theo dòng tiến hóa trên vòng cung đối nghịch và đi lên, và con người đã thực hiện vài bước tiến bộ nhắm đến đích thăng hoa khỏi trạng thái vật chất. Kể từ lúc đó, Trái Đất, Con Người và vạn vật đã lần lần trở nên mềm dẻo hơn, thậm chí đến bộ não của chúng ta cũng thế. Nhưng có vài đạo hữu phản đối rằng một Trái Đất khinh thanh, dù cho 15 hay 20 000 000 năm trước đây, không đúng khớp với khoa địa chất học. Khoa học dạy rằng vào thời kỳ đó đã có xuất hiện tất cả các hiện tượng thiên nhiên như là gió, mưa, bão tố, sóng ngầm ngoài khơi, núi cát di chuyển v.v… cũng như ngày nay, nghĩa là những hiện tượng ấy vẫn có từ những thời đại cổ của thời kỳ địa chất. Để giải đáp sự thắc mắc đó, đây là những lời trả lời. Trước hết, những thời đại địa chất cổ đó, khoa học đã ước định thời gian tính của chúng là bao nhiêu lâu nay? Và kế đó, tại sao không thể có gió, mưa, bão tố, sóng …trên một Trái Đất bán khinh thanh

tức là hãy còn nhầy nhụa sền sệt? Danh từ "khinh thanh" theo ngôn ngữ Huyền môn không nhất thiết có nghĩa là mờ ảo như sương khói mà là "chói sáng" hay "trong vắt" với nhiều mức độ cô đọng và thanh trọc khác nhau, từ trạng thái mờ ảo chí đến trạng thái nhầy nhụa, đặc sệt như đã diễn tả ở trên. Nhưng còn có một sự phản đối khác nữa: "Làm sao Trái Đất khinh thanh có thể ảnh hưởng đến hành tinh khác trong Hệ thống hiện tại? Sự giải đáp nằm trong câu hỏi ngược lại, có lẽ toàn bộ hệ thống hành tinh phải bị bế tắc hay chăng nếu một hấp dẫn lực của một hành tinh đột nhiên tàn rụi và bị loại? Sự phản đối hiển nhiên không đứng vững, vì Hệ thống hiện tại gồm có những hành tinh cũ cũng như mới, vài hành tinh đã chết (như Mặt Trăng chẳng hạn), những hành tinh khác còn đang trong trạng thái hình thành bất luận tất cả những gì khoa thiên văn học nói ngược lại. Khoa này, theo chúng tôi biết, cũng chưa bao giờ khẳng định rằng tất cả những thiên thể trong Hệ thống hành tinh hiện tại đã xuất hiện và tăng trưởng cùng một lúc. Giáo lý Huyền môn khác với triết giáo Ấn Độ về điểm này. Triết giáo Ấn Độ dạy rằng nhân loại của Đức Bàn Cổ Vaivasvata đã có trên 18 000 000 năm nay. Chúng tôi đồng ý, nhưng đó là nói về nhân loại *thể chất* hay gần như thế, bắt đầu từ giai đoạn cuối Giống dân thứ Ba trở đi. Còn thời kỳ trước đó, theo chúng tôi biết, Con Người hay là cái hình bóng khinh thanh của nó có thể đã từng xuất hiện từ 300 000 000 năm nay, mặc dù chúng tôi không được truyền thụ cho biết những con số chính xác, vì điều này được các Chơn Sư trong Huyền môn tuyệt đối giữ bí mật, như đã có nói trong Phật Giáo Bí Nhiệm.([1]) Hơn nữa, trong khi kinh Purãnas của Ấn Độ có đề cập tới một Đức Bàn

[1] [Ấn bản lần 8, trang 148].

Cổ Vaivasvata duy nhất, thì chúng tôi lại khẳng định rằng có nhiều Đức Bàn Cổ và danh xưng này chỉ là một tên gọi chung.

Bây giờ, chúng ta phải trình bày chút ít về sự tiến hóa vật chất của con người.

254

GIÁO LÝ CỔ TRONG THÁNH KINH PURÃNAS VÀ *CHƯƠNG SÁNG THẾ*

Tác giả không thể đưa ra *quá nhiều* bằng chứng cho thấy rằng hệ thống Vũ Trụ khởi nguyên luận và Nhân sinh khởi nguyên luận nêu trên thực sự tồn tại, các tài liệu lưu trữ của nó được bảo tồn và chúng ta thấy nó được phản ánh ngay cả trong những lối tường thuật hiện đại của Thánh kinh cổ truyền.

Một mặt kinh Purãnas, còn mặt khác là Thánh kinh Do Thái đều dựa vào cùng một hệ thống tiến hóa; nếu được thuyết minh theo lối bí truyền và diễn đạt bằng ngôn ngữ hiện đại, thì hệ thống tiến hóa này cũng tỏ ra hoàn toàn có tính cách khoa học chẳng kém gì những thứ nay được xem là khám phá rốt ráo mới đây. Giữa hai hệ thống có một sự dị biệt duy nhất như sau: Kinh Purãnas quan tâm tới các nguyên nhân cũng chẳng kém gì (có lẽ còn hơn) các hậu quả, nó ám chỉ tới các thời kỳ Tiên Thiên hơn cái gọi là "cơ sáng tạo"; trong khi đó, sau khi chỉ nói chút ít về thời kỳ tiên thiên, Thánh kinh lại mê say trong sự sáng tạo vật chất và trong khi bỏ sót các giống dân tiền Adam, lại tiếp tục trình bày các ẩn dụ liên quan tới Giống dân thứ Năm.

Nay bất cứ sự công kích nào đối với "trình tự sáng tạo" trong Sáng Thế Ký – và lối tường thuật chấp nê văn tự của nó

nhất định là sẽ dễ bị chỉ trích ([1]) – thế là bất chấp các điều thêu dệt ẩn dụ, kinh Purãnas của Ấn Độ sẽ tỏ ra hoàn toàn phù hợp với vật lý học.

Ngay cả điều (xét theo bề ngoài) dường như là ẩn dụ hoàn toàn vô nghĩa về việc Brahmã khoác lấy hình dạng một con Heo rừng để cứu cho Địa Cầu khỏi bị ngập lụt, cũng được giải thích một cách hoàn toàn hợp khoa học trong các Giảng

[1] Việc ông Gladstone thử ra sức dung hòa lối tường thuật theo Sáng Thế Ký với khoa học (xem các bài "Mở đầu Sáng Tạo" và "Nhập môn Sáng Thế Ký" của ông trong tác phẩm Thế Kỷ Thứ Mười Chín, năm 1886) đã khiến cho ông bị Huxley giáng ngay cho lưỡi tầm sét của thần Jupiter. Lối tường thuật chấp nê văn tự không hề cho phép người ta toan tính như vậy; trình tự sáng tạo sinh động tứ phân của ông đã biến thành viên đá giết chết chính người bạn đang ngủ thay vì giết con ruồi đậu trên trán y. Ông Gladstone đã giết chết Sáng Thế Ký mãi mãi. Nhưng điều này không hề chứng tỏ rằng trong Sáng Thế Ký không có nội môn bí giáo. Sự kiện các tín đồ Do Thái và mọi tín đồ Thiên Chúa giáo (các giáo phái xưa và nay) đã chấp nhận câu chuyện theo sát nguyên văn trong hai ngàn năm, chỉ chứng tỏ là họ dốt nát, và chứng tỏ sự khéo léo và năng lực kiến tạo của các giáo sĩ Do Thái được Điểm đạo, họ đã dựng nên hai lối tường thuật bí truyền – thiên về Elohim và thiên về Jehovah – cùng có ý làm lẫn lộn ý nghĩa bằng các chữ tượng hình không có nguyên âm trong nguyên bản. Sáu ngày (Yom sáng tạo có nghĩa là sáu thời kỳ tiến hóa, còn ngày thứ bảy là ngày hoàn thiện đạt tột đỉnh chứ không phải là ngày yên nghỉ. Chúng có mục đích nói tới bảy cuộc Tuần Hoàn và bảy Giống dân, mỗi thứ có một "cơ sáng tạo riêng biệt", mặc dù việc dùng từ ngữ *boker* ("bình minh" hay "buổi mai") và *ereb* (chạng vạng tối) – xét về mặt nội môn, các từ ngữ này đồng nghĩa với sandhyã ("tranh tối tranh sáng") theo Bắc Phạn – đã đưa tới một lời tố cáo dại dột nhất về trình tự tiến hóa.

lý Bí Truyền có thể liên hệ với nhiều sự dâng lên và chìm xuống, sự luân chuyển của đất liền và biển cả từ các địa kỷ xa xưa nhất, đến các địa kỷ cận đại nhất của Địa Cầu. Đó là vì khoa học nay dạy chúng ta rằng chín phần mười các địa tầng của vỏ Địa Cầu đã dần dần được kiến tạo dưới nước, nơi đáy biển. Người ta tin rằng dân Ãryan thời xưa chẳng biết gì về
255 vạn vật học, địa chất học v.v… Mặt khác, ngay cả nhà phê bình nghiêm khắc nhất cũng tuyên bố rằng dân Do Thái là một đối thủ cố chấp của *Thánh kinh* có công quan niệm ra thuyết độc thần trước và nhớ nó kỹ hơn bất kỳ tôn giáo nào vô luân hơn và ít có ý nghĩa triết học hợn (!!) của cựu thế giới. ([1]) Có điều là trong khi mà Nội môn Bí giáo của Thánh kinh cho chúng ta thấy các bí nhiệm sinh dục tượng trưng cho (và chẳng có gì thêm nữa) một điều mà *chẳng cần tới chân triết lý bao nhiêu*, thì trong kinh Purãnas, chúng ta lại có thể thấy sự "bắt đầu có cơ sáng tạo" có tính cách khoa học và triết lý nhất. Nếu ta phân tích và diễn đạt các ẩn dụ hoang đường thành ra ngôn ngữ thông thường một cách vô tư, thì sự khởi đầu cơ sáng tạo ấy đã chứng tỏ rằng động vật học, địa chất học, thiên văn học hiện đại và hầu như mọi ngành kiến thức hiện đại, đều đã được khoa học cổ truyền tiên liệu và được các triết gia thời xưa biết một cách khái quát, nếu không phải là biết tỉ mỉ như hiện nay.

Ngay cả Bentley cũng đã chứng tỏ rằng thiên văn học trong kinh Purãnas – vốn đã cố tình giấu giếm và xáo trộn để cho kẻ phàm tục lầm đường lạc lối – là một khoa học thực sự. Còn những kẻ tinh thông các bí nhiệm của các bộ đại luận về thiên văn học của Ấn Độ sẽ chứng tỏ rằng các thuyết hiện đại về sự cô đọng dần dần của các tinh vân, các sao và mặt trời

[1] Khoa học Hiện Đại và Tư Tưởng Hiện Đại, trang 337.

tinh vân, với các chi tiết tỉ mỉ nhất về sự tiến hóa tuần hoàn của các chòm sao vì mục đích niên đại và các mục đích khác – chính xác hơn hẳn các thuyết hiện nay của Tây phương – đã được quán triệt ở Ấn Độ từ xa xưa rồi.

Nếu quay sang địa chất học và động vật học, chúng ta cũng thấy như vậy. Ngoại trừ một bản tường thuật tỉ mỉ về sự phát triển và tiến hóa của cơ sáng tạo thú vật, hết loài này đến loài khác, đâu là mọi huyền thoại và các phổ hệ vô tận của bảy Đấng Prajãpati, các con của Ngài, bảy Đấng Thánh Hiền hay Bàn Cổ cùng với bầu đoàn thê tử của họ? Liệu những người Ãryan có óc triết lý và siêu hình cao độ - tác giả của những triết hệ tâm lý học siêu việt hoàn hảo nhất của những bộ luật luân lý của một khoa ngữ pháp như ngữ pháp của Pãnini, của các triết hệ (Số Luận và Veda) của một bộ luật đạo đức (Phật giáo) mà Max Muller cho là hoàn hảo nhất trần gian – lại có thể điên rồ hay ấu trĩ đến nỗi mất thì giờ viết ra những chuyện "thần tiên" như kinh Purãnas (theo quan điểm của những kẻ chẳng có một ý niệm nào về Mật nghĩa của chúng) chăng? Đâu là "chuyện thần thoại" phổ hệ và nguồn gốc của Đức Ca Diếp, cùng mười hai vị phu nhân mà nhờ họ Ngài có được vô số và đủ loại hậu duệ gồm loài rắn (Nãgas), loài bò sát, chim chóc và mọi loại sinh vật, vốn là "cha" của mọi loài thú vật, ngoại trừ là một tài liệu *ẩn giấu* về trình tự tiến hóa trong cuộc Tuần Hoàn *này*? Đến nay, chúng ta cũng chưa thấy bất kỳ nhà Đông phương học nào có một quan điểm lờ mờ về các chân lý ẩn tàng bên dưới các ẩn dụ và các
256 điều nhân cách hóa. Người ta bảo rằng kinh Shatapatha Brãhmana trình bày "một bài tường thuật *không dễ hiểu lắm*" về nguồn gốc của Đức Ca Diếp.

Theo các tác phẩm Mahãbhãrata, Rãmãyana và kinh Purãnas, Ngài là con của Marĩchi, con của Brahmã, cha của Vivasvat, cha của Đức Bàn Cổ, thủy tổ nhân loại.

Theo kinh Shatapatha Brãhmana, sau khi đã khoác lấy hình dạng một con rùa, Prajãpati liền sinh con cái. Ngài đã làm những gì mà Ngài đã tạo ra (*akarot*); vì thế mới có từ ngữ kũrma (con rùa). Ca Diếp (Kashyapa) có nghĩa là con rùa; vì thế người ta mới nói: "Mọi tạo vật đều là hậu duệ của Ca Diếp".(1)

Ngài là tất cả mọi điều đó; Ngài cũng là cha của con chim Garula, "vua của bộ tộc có lông vũ", nó là *hậu duệ* và cũng là một dòng dõi với loài *bò sát,* Nãgas, và *sau đó* trở thành kẻ tử thù của chúng. Đó là vì Ngài cũng là một *chu kỳ*, một thời kỳ mà theo dòng tiến hóa, các con chim vốn phát triển từ loài bò sát trong cuộc "đấu tranh sinh tồn" của chúng khiến cho "kẻ nào thích ứng nhất mới sống sót" v.v… trở nên được ưa chuộng bởi những loài phát nguyên là chúng để rồi lại ngấu nghiến chúng, có lẽ là bị thúc đẩy bởi luật thiên nhiên, ngõ hầu nhường chỗ cho các loài khác hoàn thiện hơn.

Trong quyển tóm lược tuyệt vời Khoa Học Hiện Đại và Tư Tưởng Hiện Đại, Gladstone đã trình bày một bài học vạn vật chứng tỏ rằng Thánh kinh hoàn toàn bất đồng với nó. Tác giả nhận xét rằng địa chất học đã truy nguyên "sự khởi đầu cơ sáng tạo" theo một đường lối khảo cứu khoa học:

bắt đầu với vạn vật hóa thạch xưa nhất đã từng biết (hóa thạch) Eozoon Canadense thuộc kỳ Laurent và nối tiếp một dây xích qua kỷ Silua, mọi khâu xích đều được gắn chặt với vô số loài nhuyễn thể, giáp xác và sâu bọ cũng như là dấu hiệu sơ khởi của loài cá. Qua kỷ Devon, chúng lại được gắn chặt với sự ưu thắng của loài cá và sự xuất hiện sơ khởi của loài bò sát. Qua thời Trung sinh, chúng được liên kết với loài lưỡng thê. Trong các địa tầng Đệ nhị kỷ, loài

[1] Xem từ ngữ này trong Từ Điển Cổ Ấn Độ, của Dawson.

bò sát ngoài biển, trên đất liền và trên không có ưu thế và các hình hài tầm thường sơ khởi của các động vật trên bộ thuộc loài có xương sống bắt đầu xuất hiện. Cuối cùng trong thời Đệ tam kỷ, cuộc sống thuộc loài hữu nhũ đã phồn thịnh, và hết loài này tiếp theo loài khác và hết dạng này đến dạng khác, dần dần tự phân biệt và trở nên đặc thù, qua các kỷ Hạ tân, Trung tân và Thượng tân, cho đến khi chúng ta đạt tới các thời đại Băng hà và Tiền sử và có được bằng chứng xác thực về sự tồn tại của con người. (1)

Chúng ta cũng thấy trình tự đó, *cộng thêm* sự mô tả các con thú mà khoa học hiện đại không biết, trong các Giảng lý về kinh Purãnas nói chung, và nhất là trong THIỀN ĐỊNH CHÂN KINH. Sau đây là điều dị biệt duy nhất – chắc chắn đó là một điều dị biệt trầm trọng, vì nó hàm ý con người có một bản chất thiêng liêng độc lập với thể xác trong thế giới hão huyền này, trong đó khoa tâm lý học chính thống chỉ biết tới *phàm ngã hư ảo* và căn bản trí não của nó. CON NGƯỜI đã từng xuất hiện trên Địa Cầu trong cuộc Tuần Hoàn hiện tại ngay từ lúc đầu, và trải qua điều gọi là bảy "cơ sáng thế", một câu ẩn dụ ám chỉ bảy giai đoạn tiến hóa hay bảy *phụ chủng* của *Giống dân thứ Nhất trong Nhân Loại*. Trong khi đã trải qua tất
257 cả mọi Loài trong Thiên Nhiên trong *ba* cuộc Tuần Hoàn trước đây,(2) cái *thể xác* của y – một thể xác thích ứng với

---

1 Sách đã dẫn, trang 335.

2 Chơn Sư dạy: "Hãy tuân theo luật tương tự". Ãtmã-Buddhi lưỡng phân, còn trí tuệ lại tam phân, vì Ãtmã-Buddhi có hai trạng thái, còn Trí Tuệ có ba trạng thái, nghĩa là, với vai trò là một nguyên khí tự thân, mà trong trạng thái cao, nó bị thu hút về phía Ãtmã-Buddhi, còn trong trạng thái thấp, nó lại theo đuôi Cảm Dục, hang ổ của dục vọng trần tục và đầy thú tính. Nay chúng ta hãy so sánh sự tiến hóa của các Giống dân, Giống dân thứ Nhất và thứ Hai có bản chất Ãtmã-Buddhi mà chúng là hậu duệ thiêng liêng

những điều kiện khí hậu của những thời kỳ xa xôi đó, đã sẵn sàng chấp nhận điểm *Chơn Thần thiêng liêng* vào lúc bình minh chớm nở của đời sống là vào khoảng 18 000 000 năm về trước. Chỉ ở vào điểm giữa Giống dân thứ Ba mà con người mới bắt đầu có trí khôn (Manas). Khi đã phối hợp với nhau, thì *Hai* rồi đến *Ba* mới nhập làm Một; tuy rằng những loài động vật thấp kém, từ loài vi khuẩn chí đến con người đều tiếp nhận điểm Chơn Thần tự nó có chứa đựng tiềm năng của mọi đặc tính cao cả nhất. Tất cả những đức tính này đều hãy còn tiềm tàng cho đến khi mỗi loài đạt tới trình độ con người. Trước giai đoạn đó, Thể Trí vẫn chưa khai mở trong các loài. Nơi thú vật, mọi Nguyên khí đều tê liệt và ở trong một trạng thái phôi thai, ngoại trừ Nguyên khí thứ hai, Sinh Khí (Vital), và Nguyên khí thứ ba, Thể Dĩ Thái (Phách) và những yếu tố thô sơ của Nguyên khí thứ tư (Dục vọng bản năng), nó có cường độ và sự phát triển thay đổi tùy theo các loài. Đối với nhà duy vật cứ bám lấy thuyết Darwin thì điều này thật giống như một chuyện thần tiên, thần bí hóa, còn đối với người tin tưởng vào Chơn Nhơn thì điều này chẳng có gì là phản tự nhiên cả.

Giảng lý ix đã dạy:

Con người chỉ được hoàn chỉnh hóa trong vòng Chu kỳ thứ Ba chuyển sang Chu kỳ [Giống dân] thứ Tư. Họ được tạo ra thành các vị "Thần"("Gods") thiện và ác và chỉ có trách nhiệm khi hai vòng cung gặp nhau [sau ba cuộc tuần hoàn rưỡi, vào lúc sắp chuyển sang Giống dân thứ Năm]. Họ được như thế là do công lao của Hóa

---

thụ động. Trong khi đó, Căn chủng thứ Ba tỏ ra có ba trạng thái riêng biệt về mặt sinh lý và tâm linh – trạng thái thứ nhất vô tội, trạng thái thứ hai khơi hoạt trí tuệ, còn trạng thái thứ ba và cuối cùng rõ rệt là thú dục, nghĩa là Trí Tuệ bị Cảm dục cám dỗ.

*Thân, các tàn dư thiêng liêng hay tinh anh của các vị Rudras-Kumãras, "*bị đày *phải tái sinh xuống Trần"* [nghĩa là theo định mệnh, họ có khuynh hướng tự nhiên là tái sinh *trên cung thăng thượng của Chu kỳ địa cầu].*

Nay nhất định là tác giả sẽ bị thiên hạ nhao nhao lên phản đối. Thiên hạ sẽ bảo chúng tôi rằng đường lối phôi thai học và sự phát triển dần dần của mọi sự sống cá biệt, và sự tiến triển của cái mà chúng ta biết là đã diễn ra theo trình tự chuyên biệt hóa tiệm tiến đều đối nghịch với ý niệm con người có trước động vật hữu nhũ. Con người khởi đầu là tạo vật hình sâu bọ nguyên sơ và tầm thường nhất:

> Từ đốm nguyên sinh chất và tế bào có nhân vốn phát sinh ra mọi sự sống … và được phát triển qua các giai đoạn không thể phân biệt được với các giai đoạn của loài cá, bò sát và các động vật hữu nhũ cho đến khi tế bào cuối cùng đạt tới sự phát triển rất chuyệt của loài bốn chân và sau rốt là loài người. ([1])

258 Điều này hoàn toàn hợp khoa học và chúng ta chẳng việc gì phải chống đối nó, đó là vì nó hoàn toàn liên hệ với *lớp vỏ* của con người (cơ thể y); trong khi tăng trưởng, dĩ nhiên là cũng như mọi thứ khác, đã từng được gọi là đơn vị hình thể, cơ thể này cũng phải bị biến hình. Những kẻ đang giảng dạy sự tiến hóa của nguyên tử khoáng vật do sự kết tinh – nó cũng có chức năng và cùng quan hệ với cái gọi là cơ sở vô cơ của nó, chẳng khác nào sự tạo ra những tế bào đối với các nhân hữu cơ, qua cây cỏ, sâu bọ, thú vật để thành người – họ sẽ không bác bỏ thuyết này vì sau rốt nó sẽ đưa tới việc thừa nhận một Đấng Thánh Linh Vũ Trụ trong Thiên Nhiên, toàn

[1] Laing , sách đã dẫn, trang 335.

hiện, hằng vô hình và bất khả tri, cũng như là các Đấng Thần Linh nội vũ trụ đã từng là người. (1)

Nhưng xin hỏi, liệu khoa học và các khám phá chính xác cùng với các thuyết công lý hiện nay có chứng tỏ nghịch lại thuyết Huyền bí của *chúng tôi* không? Những kẻ tin tưởng vào luật tiến hóa và sự phát triển dần dần từ một tế bào – từ một tế bào sống, biến thành một tế bào hình thể, cho đến cuối cùng nó khởi hoạt với vai trò là nguyên sinh chất đơn thuần – chắc chắn chẳng bao giờ có thể giới hạn niềm tin của mình vào một đường lối tiến hóa duy nhất! Có hằng hà sa số kiểu sống; vả lại sự tiến hóa không hề có cùng tốc độ trong mọi loài. Cấu tạo của vật chất nguyên thủy trong thời Silua – chúng tôi có ý muốn nói tới vật chất "nguyên thủy" của khoa học – đều như nhau về mọi chi tiết thuộc bản thể, ngoại trừ mức độ thô trược hiện tại, như nguyên sinh chất ngày nay. Chúng ta cũng không thấy điều mà lẽ ra phải được tìm thấy, nếu thuyết tiến hóa chính thống hiện nay hoàn toàn chính xác, nghĩa là một sự tiến bộ hằng hằng (ever-flowing progress) trong mọi giống loài. Thay vì thế, chúng ta thấy gì? Trong khi các nhóm thú vật trung gian đều hướng về một kiểu mẫu thượng đẳng, và trong khi mà các sự chuyên biệt hóa, khi thì theo kiểu này, khi thì theo kiểu khác, phát triển qua các địa kỷ, thay đổi hình dạng, khoác lấy các hình thể mới, hiện ra rồi biến mất nhanh như kính vạn hoa, theo sự mô tả của các nhà cổ sinh vật học từ thời kỳ này sang thời kỳ khác, thì chỉ có hai ngoại lệ đối với thông lệ chung, đó là các

---

[1] Có điều rắc rối là chẳng nhà sinh lý học hoặc bệnh lý học nào thừa nhận rằng chất sinh ra tế bào (chất phôi chủng bào) và mước mother-lye phát sinh ra các tinh thể, đều cùng một bản thể ngoại trừ khi biến phân vì một vài mục đích nào đó.

ngoại lệ về hai đối cực của sự sống và kiểu mẫu, nghĩa là CON NGƯỜI và các *sinh vật hạ đẳng*!

Một số chúng sinh rõ rệt đã tồn tại qua các thời kỳ dài đăng đẳng, chẳng những vẫn còn sống sót sau khi chịu những biến đổi về tình trạng vật chất, mà còn tồn tại một cách tương đối thường trụ; trong khi đó, các chúng sinh khác đã xuất hiện rồi lại biến mất. Chúng ta có thể gọi các chúng sinh đó là các "kiểu sinh vật trường tồn"; có dẫy đầy ví dụ về các kiểu mẫu này trong thế giới động vật lẫn thế giới thực vật.([1])

Tuy nhiên, người ta không thể trình bày cho chúng ta bất kỳ lý do thỏa đáng nào tại sao Darwin lại liên kết loài bò sát, loài chim chóc, loài lưỡng cư, loài cá, loài nhuyễn thể v..v…làm các hậu duệ của một tổ phụ đơn nguyên trùng.
259 Chúng ta không hề được biết liệu loài bò sát chẳng hạn có phải là hậu duệ trực hệ của loài cá, và loài cá là hậu duệ trực hệ của hình hài hạ đẳng chăng (chúng chắc chắn là như vậy). Đó là vì những Chơn Thần đã tiến hóa xuyên qua tất cả các loài sinh vật cho đến Con Người trên tất cả các Bầu thế giới trong *ba* cuộc Tuần Hoàn *trước đây;* mỗi cuộc Tuần Hoàn cũng như mỗi Bầu thế giới từ bầu A tới bầu C, đã và vẫn sẽ còn là trường sở của cơ tiến hóa tương tự, nó chỉ có tái diễn mỗi lần như vậy trên một căn bản vật chất cứng rắn hơn mà thôi. Bởi đó, nên có câu hỏi, có mối liên quan nào giữa những hình bóng kiểu mẫu khinh thanh của cuộc Tuần Hoàn thứ Ba và sự phát triển thể chất bình thường trong diễn trình tiến hóa các cơ phận sinh vật trước loài động vật có vú? Câu hỏi này cũng dễ trả lời: một loài này là *hình bóng* kiểu mẫu của loài khác, cũng như nét phác họa thô sơ đầu tiên quá mờ ảo

[1] Huxley, Văn kiện của Viện Hoàng Gia, Quyển iii, trang 151.

chưa rõ rệt, trên một tấm phông vải, sẽ lần lần tượng hình để trở thành những hình ảnh nhất định dưới cọ sơn của nhà họa sĩ. Loài cá tiến hóa thành một sinh vật lưỡng cư (sống hai nơi) như con ếch. Con người cũng trải qua tất cả những giai đoạn biến thể trên Địa Cầu trong cuộc Tuần Hoàn thứ Ba cũng như cuộc Tuần Hoàn thứ Tư hiện tại. Những kiểu mẫu của cuộc Tuần Hoàn thứ Ba có đóng góp vào công việc hình thành những kiểu mẫu người của cuộc Tuần Hoàn này. Trên phương diện tương đồng nhất lý, chu kỳ bảy cuộc Tuần Hoàn trong việc tuần tự hình thành con người xuyên qua mọi Loài trong Thiên Nhiên, được tái diễn trên một qui mô cực nhỏ bé trong bảy tháng đầu tiên của sự thai nghén một hài nhi trong bụng mẹ. Người học đạo hãy suy gẫm và tìm ra sự tương đồng nhất lý này. Cũng như các bào thai mới được bảy tháng, tuy đã sẵn sàng, nhưng còn phải cần thêm hai tháng nữa để củng cố thể chất và có đủ sức mạnh, thì con người cũng vậy. Sau khi đã hoàn tất cuộc tiến hóa của mình, trong bảy cuộc Tuần Hoàn, con người còn phải trải qua hai chu kỳ nữa trong lòng Mẹ Thiên Nhiên trước khi người ấy ra đời, hay đúng hơn tái sinh thành một Đấng Thiền Ni (Dhyãni) còn hoàn thiện hơn là trước khi người ấy phóng ra một Chơn Thần để nhập thế trên một Dãy Hành Tinh vừa được sáng tạo. Môn sinh hãy nghiềm ngẫm suy tư về điều bí ẩn này, chừng đó, y sẽ nhận định dễ dàng rằng vẫn có những mối liên hệ về thể chất giữa nhiều hạng sinh vật, và cũng y hệt như thể có những lãnh vực nhất định trong đó, sự Tiến hóa thuộc cõi Cảm Dục (Trung Giới) hòa hợp với sự Tiến hóa Thể chất hồng trần. Khoa học vẫn không hề thố lộ một lời nào về điều này. Nó cho rằng con người đã tiến hóa cùng với và từ loài khỉ. Bây giờ, chúng ta hãy xét điều mâu thuẫn đó.

Huxley tiếp tục nêu ra các loại cây như dương xỉ, thạch tùng, một số cây này thường đồng nhất với các loài cây nay còn sống mà chúng ta đã gặp trong kỷ Carbon, vì :

Chúng ta khó lòng có thể phân biệt hình nón (cone) của cây *Bách tán* đá trứng cá với nón của các loài hiện hữu … Các phân giới động vật cũng sinh ra những ví dụ tương tự. Loài *bảo cầu trùng* ở vùng thềm lục địa Đại Tây Dương cũng giống y như các loài thuộc kỷ phấn trắng của cùng một giống… loài san hô dẹp thuộc kỷ Silua giống một cách kỳ lạ với loài thiên khổng ở các vùng biển của chúng ta … Nhóm cao cấp của loài nhện (nhóm bọ cạp) được tiêu biểu trong than bởi một giống chỉ khác với các sinh vật cùng loài nơi … cặp mắt. [v.v…]

260 Các điều này có thể kết thúc bằng phát biểu có thẩm quyền của Tiến sĩ Carpenter về loài *Hữu Khổng Trùng*:

Chẳng có bằng chứng gì về bất cứ sự tiến hóa hay tiến bộ cơ bản nào nơi loài hữu khổng trùng từ thời cổ sinh cho đến tận ngày nay… Hệ động vật hữu khổng trùng thuộc lứa của chính ta có lẽ biến thiên đủ loại nhiều hơn bất cứ thời nào trước đó; nhưng *chẳng có dấu hiệu gì về bất cứ khuynh hướng nào để thăng tiến lên một loại cao hơn*.([1])

Nay cũng như trong loài Hữu khổng trùng, các Nguyên sinh động vật thuộc loài sinh vật hạ đẳng nhất, không có miệng, mắt, chẳng có dấu hiệu thay đổi nào ngoại trừ việc hiện nay chúng biến thiên đủ loại nhiều hơn; cũng vậy, con người, vẫn ở trên nấc cao tột của thang hiện tồn, còn tỏ ra ít biến đổi hơn nữa, như chúng ta đã từng thấy; thậm chí, chúng ta thấy bộ xương của vị tổ tiên thời cổ thạch của y còn có một vài khía cạnh cao cấp hơn bộ xương hiện nay của y. Thế thì đâu là sự đồng nhất của định luật mà người ta tuyên bố là qui tắc tuyệt đối dành cho một loài đã tàn thành ra một

[1] Nhập Môn Hữu Khổng Học, trang xi.

loài khác và thế là thành ra các loại cao cấp hơn bằng mức độ không cảm thấy? Chúng ta thấy Sir William Thomson thừa nhận là 400 000 000 năm đã trôi qua từ khi bề mặt của Địa Cầu đủ nguội để cho các sinh vật có thể tồn tại được ([1]) và trong thời gian dài dằng dặc đó của thời kỳ đá trứng cá, riêng cái gọi là "Thời đại Bò sát", chúng ta đã thấy hằng hà sa số biến thể của loài thằn lằn, loài lưỡng cư đã *phát triển đến mức cao nhất*. Chúng ta được biết về loài ngư long và loài xà long sống nơi sông hồ cũng như là loài sâu hay loài thằn lằn có cánh bay lượn trên không. Sau đó, trong thời kỳ đệ tam kỷ:

Chúng ta thấy loài Hữu nhũ khác hẳn những dạng đã tồn tại trước đó… loài trụ nha tượng, vô sỉ long và các con thú kịch cỡm khác thời xưa đã từng sống trên rừng thẳm hay ở miền đồng bằng.

Và sau đó, chúng ta lại được biết về :

Sự tiến hóa dần dần của một trong các chi nhánh của lớp Động vật bốn chân thành ra các sinh vật mà chính Con Người nguyên sơ có thể tự cho là đã được tiến hóa ra từ đó.([2])

Y *có thể*, song chẳng ai, ngoại trừ nhà Duy vật, có thể hiểu tại sao y lại phải như vậy, vì điều đó chẳng có gì là cần thiết, và chẳng có sự kiện nào minh chứng cho một sự tiến hóa như vậy, vì những kẻ quan tâm nhất tới các bằng chứng đó cũng thú nhận là họ hoàn toàn thất bại khi muốn tìm ra chỉ một sự kiện để bênh vực thuyết của mình. Hằng hà sa số kiểu sinh hoạt không cần tiêu biểu cho các thành viên của dãy tiệm tiến. Đó là "sản phẩm của nhiều sự dị biệt tiến hóa khác nhau, diễn ra khi thì theo hướng này, khi thì theo hướng

[1] Văn kiện của Hội Địa Chất Học Glasgow, quyển iii. Tuy nhiên kỳ lạ thay, mới đây ông lại thay đổi ý kiến. Theo ông, Mặt Trời chỉ mới được 150 000 000 tuổi.

[2] Bastian, Nguồn Gốc của Sự Sống, ii, trang 622.

khác". Do đó chúng ta không thể tỏ ra hữu lý khi cho rằng con khỉ đã tiến hóa thành ra động vật bốn chân, hơn là khi
261 cho rằng con người nguyên sơ – *vốn vẫn còn ngưng trệ dưới dạng con người chuyên biệt từ khi bộ xương hóa thạch đầu tiên đã được tìm ra trong các địa tầng cổ nhất* và vẫn không hề biến dạng ngoại trừ về màu da và kiểu mặt đã phát triển từ một tổ tiên chung với loài khỉ.

Một giáo điều Huyền môn có từ vài ngàn năm trước đã nói rằng con người cũng như loài động vật, xuất phát từ một tế bào và phát triển qua những giai đoạn không thể phân biệt từ loài cá, loài bò sát và hữu nhũ, cho đến khi tế bào ấy đạt tới giai đoạn đặc biệt phát triển của loài vật bốn chân và *sau cùng tới giai đoạn con người.* Ngạn ngữ huyền môn Kabalah nói rằng: "Một tảng đá trở thành cái cây, cây thành con thú, con thú thành người, con người thành một Thượng Đế", bao giờ cũng vẫn đúng trải qua thời gian. Trong tác phẩm Sự Sáng Tạo, Heackel đã trình bày một hình vẽ kép, phác họa hai cái phôi: phôi của một con thú sáu tuần và phôi của con người tám tuần. Ngoại trừ một điểm dị biệt nho nhỏ ở đầu (con người có bộ óc lớn hơn), người ta không thể phân biệt được hai phôi này.

Thật vậy, chúng ta có thể cho rằng mọi người đều trải qua giai đoạn cá và giai đoạn bò sát trước khi đạt tới giai đoạn động vật hữu nhũ và cuối cùng là giai đoạn con người.

Nếu xét y vào giai đoạn tiến hóa trong khi mà cái phôi đã trải qua giai đoạn bò sát, chúng ta sẽ thấy rằng trong một thời gian dài, đường lối phát triển vẫn giống như cách thức của các loài động vật hữu nhũ khác. Tứ chi sơ khai giống y nhau, năm ngón tay và năm ngón chân cũng phát triển một cách như nhau và sau bốn tuần tăng trưởng đầu tiên, phôi con người và phôi con chó giống nhau đến nỗi khó có thể phân

biệt được chúng. Ngay cả lúc được tám tuần, phôi người vẫn là một con thú có đuôi mà chúng ta khó có thể phân biệt với phôi của một con chó.([1])

Thế thì tại sao không trình bày là con người và con chó bắt nguồn từ một tổ phụ chung tức là một loài bò sát – con rắn nãga, thay vì ghép cặp con người với loài động vật bốn chân? Điều này hẳn cũng hợp lý như điều vừa nêu, nếu không muốn nói là còn hợp lý hơn. Từ xa xưa, hình dạng và các giai đoạn phát triển của phôi người vẫn không hề thay đổi; Aesculapius và Hippocrates cũng đã biết tới các ẩn dụ này như là ông Huxley. Như thế là vì các môn đồ Do Thái Bí giáo đã ghi nhận nó từ thời tiền sử, nên nó không phải là phát minh mới. ([2])

Vì phôi người cũng chẳng bao hàm yếu tố khỉ nhiều hơn bất kỳ yếu tố động vật hữu nhũ nào khác, mà *lại bao hàm toàn bộ các yếu tố trong thiên nhiên,* và vì nó dường như là một loại "sinh vật trường tồn" hơn hẳn cả loài hữu khổng trùng, nên dường như là phi lý khi trình bày y bắt nguồn từ một con khỉ cũng như là truy nguyên y tới tận con ếch hoặc là con chó. Cả Huyền bí học lẫn triết học Đông phương đã tin tưởng vào sự Tiến hóa mà Đức Bàn Cổ và Kapila ([3]) Trình bày còn minh

---

[1] Laing, Khoa Học và Tư Tưởng Hiện Đại, trang 171.

[2] Xem Nữ Thần Isis Lộ Diện, I, trang 389. Điều này được ghi nhận và giải thích nửa vời.

[3] Vì thế, mới có triết lý trong ẩn dụ bàn về 7, 10 và cuối cùng là 21, Đấng Prajãpati, Rishis, Munis v.v… tất cả các Ngài đều được trình bày là "cha" của nhiều thực thể và sự vật khác nhau. Chúng ta thấy trình tự của bảy lớp cây cỏ, thú vật và ngay cả các vật vô tri khác, vốn được trình bày một cách tùy tiện trong kinh Purãnas, lại được trình bày theo đúng vòng thứ tự trong nhiều giảng lý. Do đó,

262 bạch hơn nhiều so với bất kỳ nhà khoa học nào hiện nay. Thiết tưởng cũng chẳng cần nhắc lại những gì đã được bàn rốt ráo trong Nữ Thần Isis Lộ Diện, vì độc giả có thể tìm thấy mọi luận chứng này và sự mô tả vốn là cơ sở của mọi giáo lý Tiến hóa của Đông phương trong các tác phẩm trước kia của chúng tôi. Nhưng không nhà Huyền bí nào có thể chấp nhận được đề nghị vô lý cho rằng mọi hình dạng hiện hữu, "từ con a-mip cho tới con người" đều là các hậu duệ trực hệ của các cơ thể đã sống trong hàng triệu tiệu năm trước khi con người sinh ra trong các thời kỳ trước kỷ nguyên Silua, ở dưới biển hoặc trong đất bùn. Các nhà Huyền bí đều tin tưởng vào *một luật phát triển tiệm tiến.*[1] Chính Darwin lại không hề dạy như thế; đó là vì chúng ta thấy ông vạch rõ rằng vì một vi động vật thảo mao trùng hoặc một con lải chẳng có lợi gì… khi trở nên có cơ phận cao cấp nên "sự chọn lọc tự nhiên"- *vốn không nhất thiết bao gồm sự phát triển tiệm tiến* – vẫn để yên con vi động vật và con lải là các loại "trường tồn" (2).

Trong tác động đó của Thiên Nhiên không hề có nhiều định luật *đồng dạng (uniform* law), nó có vẻ như tác động phân biện của một sự tuyển lựa siêu trần nào đó; có lẽ là các khía cạnh của nghiệp quả mà các nhà Huyền bí Đông phương gọi là "Luật Trì Trệ"("Law of Retardation") đã có thể dính dáng tới nó.

Prithu là Cha của Địa Cầu. Y "vắt sữa" nàng và bắt nàng phải sản xuất ra mọi loài có hạt và rau cải, được liệt kê và xác định hết. Ca Diếp là "cha" của mọi loài bò sát, rắn rết, ma quỷ v…v…

[1] Tuy nhiên lại bị Luật Trì Trệ kiểm soát và biến đổi, nó sẽ khiến cho mọi loài bị hạn chế tiến bộ khi một *loại cao cấp* hơn xuất hiện.

[2] Xem Nguồn gốc của Loại, trang 145.

Nhưng có đủ lý do để hoài nghi liệu chính Darwin có đánh giá cao định luật của mình như các môn đồ ngày nay chăng. Người ta chẳng hiểu biết được bao nhiêu về các loại sinh vật khác nhau sống vào thời các địa kỷ đã qua. Những lý do mà Tiến sĩ Bastian đã nêu ra để giải thích điều này, thật là rất gợi ý:

Một là, vì nhiều hình dạng có thể đã được tiêu biểu một cách bất toàn trong các địa tầng thuộc về địa kỷ đó; hai là vì bản chất cực kỳ hạn hẹp của cuộc thăm dò đã được thực hiện trong các địa tầng tiêu biểu bất toàn này; và ba là vì chúng ta hoàn toàn không thể có được biết bao nhiêu tài liệu – hầu như toàn bộ những gì bên dưới hệ thống Silua đã bị thời gian xóa đi mất, còn hai phần ba mặt địa cầu – nơi mà chúng ta thấy các địa tầng tồn tại trong đó – nay lại bị biển cả bao phủ. Vì thế Darwin mới cho: "Về phần mình khi theo ẩn dụ của Lyell, tôi xem tài liệu địa chất là một lịch sử thế giới đã được bảo tồn một cách bất toàn và được viết bằng một thổ ngữ biến thiên; *chúng ta chỉ có được quyển cuối cùng của bộ sử này*, liên quan tới hai hay ba xứ. Đây đó *chỉ có ba chương ngắn của quyển này còn được bảo tồn và mỗi trang chỉ có đó đây một vài hàng".*[1]

Chắc chắn là khoa học không thể kết luận rốt ráo dựa vào các dữ kiện thô thiển như vậy. Huyền bí học cũng không thể dựa vào bất kỳ sự kiêu ngạo nào của con người, hoặc niềm
263 tin vô lý vào việc trình bày con người (ngay cả trên Trần Thế) – có lẽ là trong thời kỳ của chúng ta – là loài sinh vật cao cấp nhất, mà phủ nhận rằng mọi hình thức sống trước kia của con người đều thuộc về các loài kém hơn loại của chính ta, vì sự thật không hề như vậy. Tuy nhiên, đó chỉ là vì "cái khoen khuyết tịch" – nó sẽ chứng tỏ thuyết hiện hữu này một cách không thể chối cãi được – sẽ chẳng bao giờ được các nhà cổ sinh vật học tìm ra. Khi chúng ta tin rằng con người đã tiến

[1] Bastian, Nguồn gốc của Sự Sống, ii, trang 622 – 623.

hóa trong những cuộc Tuần Hoàn trước đây trải qua những hình thức sinh hoạt thấp kém của các loài cây cỏ và cầm thú trên Địa Cầu, thì cái quan niệm xem loài khỉ đột như tổ tiên của cái thể chất bên ngoài của con người, không có gì là quá hèn kém hay xấu hổ. Không những như vậy, mà sự thật trái hẳn lại, vì nó càng xác nhận Giáo lý Huyền Môn về mọi sự tiến hóa của mọi vật, rốt cuộc sẽ đạt tới mức tột đỉnh nơi con người. Thậm chí, người ta có thể hỏi rằng khi mà các nhà sinh vật học và nhân chủng học đã quả quyết chấp nhận lý thuyết nói rằng loài người là con cháu loài khỉ, thì tại sao cho đến nay, họ vẫn không đề cập đến vấn đề loài khỉ đột hiện nay trong tương lai sẽ tiến hóa thành loài người? Điều này chỉ là một kết luận hợp lý của lý thuyết trên, trừ khi khoa học muốn nói rằng con người là một sinh vật được ưu đãi và sự tiến hóa của y là một trường hợp đặc biệt, duy nhất *chưa từng có* tiền lệ trong cõi Thiên Nhiên. Tuy nhiên, lý do tại sao các nhà Huyền môn bác bỏ giả thuyết của Darwin và nhất là Haeckel là bởi vì chính loài khỉ đột chứ không phải con người, thực ra mới là một ví dụ đặc biệt và độc nhất vô nhị. Loài khỉ đột là do một *sáng tạo ngẫu nhiên,* tình cờ, một sự sinh trưởng gượng ép, hậu quả của một phương pháp sinh sản phản tự nhiên.

Chúng tôi nghĩ rằng Giáo lý Huyền môn hợp lý hơn. Giáo lý ấy dạy rằng có một Định Luật, theo chu kỳ cố định trong Thiên Nhiên, và thiên nhiên không có một ý đồ riêng tư đặc biệt nào, mà nó hành động theo một kế hoạch đồng nhất suốt trọn Chu kỳ sáng tạo, không phân biệt loài nào, dù cho côn trùng hay loài người. Không một loài nào đã tự mình xuất lộ trong cuộc sinh tồn, do đó, cả hai đều chịu đặt dưới Luật Tiến Hóa, và cả hai đều phải tiến hóa theo sự chi phối của Luật Nhân Quả. Cả hai đều phát xuất từ một Nguồn Sống Duy

Nhất và phải trở về hỗn hợp với nguồn sống ấy khi Chu kỳ sinh hoạt chấm dứt.

Người ta không hề phủ nhận rằng trong cuộc Tuần Hoàn trước, con người là một tạo vật khổng lồ giống như khỉ; khi đề cập tới "con người" có lẽ chúng ta nên nói các khuôn thô sơ đã được phát triển để cho con người sử dụng trong cuộc Tuần hoàn này thôi (chúng ta chỉ vừa đạt tới điểm giữa hay điểm chuyển tiếp của cuộc tuần hoàn này). Con người trong hai Căn chủng rưỡi đầu tiên cũng không giống như hiện nay. Như đã nói trước kia, con người đã chỉ đạt tới điều này cách đây 18 000 000 năm, trong thời kỳ Đệ nhị kỷ, như chúng tôi đã khẳng định.

Theo truyền thuyết và Huyền bí học, cho tới lúc đó, y đã là "một Thần Linh trên Trần Thế đã sa vào Vật Chất" hay vòng sinh hóa. Người ta có thể chấp nhận hay bác bỏ điều này, vì Giáo Lý Bí Nhiệm không hề tự xưng là một giáo điều
264 không thể sai lầm, và vì dù cho các tài liệu tiền sử của nó có được chấp nhận hay bác bỏ đi nữa, thì nó cũng chẳng dính dáng gì với vấn đề Chơn Nhơn và Bản chất nội tâm, sự Sa đọa nêu trên chẳng hề lưu lại "tội lỗi nguyên thủy" nơi Nhân loại. Nhưng chúng ta đã bàn tới tất cả các điều này quá đủ rồi.

Hơn nữa, chúng tôi được cho biết rằng, những giai đoạn biến đổi mà con người đã trải qua trên vòng cung đi xuống (vốn ly tâm đối với Tinh Thần và hướng tâm đối với Vật Chất) và những giai đoạn biến đổi mà từ nay trở đi, y chuẩn bị để vượt qua trên vòng cung đi lên, vòng cung này sẽ đảo nghịch lại đường hướng của hai mãnh lực trên (Vật Chất sẽ trở thành ly tâm, Tinh Thần sẽ hướng tâm). Tất cả những sự biến đổi đó *cũng sẽ là cái phần số dành cho loài khỉ đột trong giai*

đoạn sắp tới. Dù sao điều ấy cũng sẽ áp dụng cho loài khỉ đột tiến hóa nhất đã đạt tới trình độ giống như loài người trong cuộc Tuần Hoàn hiện tại và tất cả sẽ trở thành người torng cuộc Tuần Hoàn thứ Năm, cũng như con người bây giờ đã từng có những hình thể giống khỉ đột trong cuộc Tuần Hoàn thứ Ba trước đây.

Thế thì, hãy thử xem nơi các cư dân hiện đại ở vùng rừng già Sumatra các gương mẫu suy đồi *lùn tịt* – "các bản sao lu mờ", theo lối nói của Huxley – của chính chúng ta, khi chúng ta (đa số nhân loại) đang thuộc về các phân chủng sơ khai nhất của Căn chủng thứ Tư trong thời kỳ của cái gọi là "sự Sa Đọa vào vòng sinh hóa". Con khỉ mà chúng ta biết không phải là sản phẩm của sự tiến hóa tự nhiên, mà là một tai biến bất ngờ, một sự lai giống giữa con thú và con người. Như đã trình bày trong quyển này, chính con thú câm mới khởi đầu tính giao, vì chính nó đã phân ly ra đực và cái trước tiên. Thiên nhiên cũng không hề trù định là con người sẽ noi gương con thú ấy – nay điều này được chứng tỏ qua việc sinh đẻ tương đối không đau đớn của loài thú, và việc sinh sản nguy hiểm và đau đớn khủng khiếp của người đàn bà. Thật vậy, như đã nhận xét trong Nữ Thần Isis Lộ Diện, con khỉ là:

> …sự biến hóa giống loài trực tiếp nhất liên quan tới sự biến giống của gia đình nhân loại – một nhánh con hoang được ghép vào dòng dõi của chính họ trước khi gia đình nhân loại đã đạt tới sự hoàn hảo tối hậu.([1])

Loài dã nhân (apes) chỉ xuất hiện vào khoảng vài triệu năm sau khi loài người bắt đầu có ngôn ngữ và là những vật sống đồng thời với Giống dân thứ Năm. Như thế, thật là một điều quan trọng mà nên nhớ rằng, các *Linh Hồn* của loài dã

[1] Quyển II, trang 278.

nhân là những thực thể do nghiệp quả bắt buộc phải đầu thai trong những hình thù động vật, vốn là kết quả tạo ra bởi điều gọi là thú tính (bestiality) của những giống người ở vào giai đoạn cuối cùng của Giống dân thứ Ba và giai đoạn đầu của Giống dân thứ Tư. Chúng là những thực thể đã đạt tới "giai đoạn con người" ("human stage") trước cuộc Tuần Hoàn hiện tại. Bởi vậy, chúng là một thành phần riêng biệt, một ngoại lệ đối với một định luật chung. Vô số truyền thuyết về các Dâm Thần (Satyrs) đâu phải là chuyện hoang đường, mà là trình bày một giống người thú đã tuyệt chủng. Tổ mẫu của họ là các bà "Eva" thú vật, còn tổ phụ của họ là những ông "Adam" nhân loại; *vì thế mới có ẩn dụ trong Thánh kinh Kabalah về Lilith, vợ đầu tiên của Adam*; mà Do Thái pháp điển mô tả là
265 một phụ nữ "quyến rũ", "tóc dài gợn sóng". Đó là một con thú cái đầy lông lá có tính cách mà ngày nay chúng ta không biết; nó vốn là con thú cái mà các ẩn dụ trong kinh Kabalah và Do Thái pháp điển gọi là phản ánh nữ của Samael, Samael-Lilith, tức là người thú hợp nhất, một thực thể mà kinh Zohar gọi là *Hayo Bischat* tức là các con Ác thú. Những con dã nhân hiện nay chính là do sự cẩu hợp không tự nhiên này. Chúng thực sự là những "người câm" và sẽ trở thành những loài vật biết nói (speaking animals) hay hạng người thấp kém trong cuộc Tuần Hoàn thứ Năm, một số Cao đồ (Adepts) của một Môn phái nọ hy vọng rằng vài Chơn Ngã của giống dã nhân thông minh hơn sẽ tái xuất hiện vào giai đoạn cuối cùng của Giống dân thứ Sáu, chúng sẽ có một hình thể như thế nào chỉ là điều phụ thuộc. Hình thể chẳng là gì cả. Các loài và các giống cây cỏ, động vật và con người đã luôn luôn thay đổi hình thể không những trong mỗi cuộc Tuần Hoàn, mà cũng trong các Giống dân cũng như sau mỗi cơn thiên tai địa chất kết thúc, hoặc đánh dấu một khúc

quanh trong diễn trình tiến hóa của Giống dân ấy. Trong Giống dân thứ Sáu những bộ xương hóa thạch chôn vùi dưới đất của loài khỉ đột (orang) và một số khỉ lớn khác (gorilla and chimpanzee) sẽ là bộ xương của các loài nhũ động vật nay đã tuyệt diệt. Những hình thể mới sẽ phát triển từ những kiểu mẫu đã "phế thải" của chủng tộc người khi mà họ lại một lần nữa trở lại đời sống thanh nhẹ cõi cảm dục sau khi đã kinh nghiệm cuộc sống xấu xa ô trược của cõi trần. Tuy vậy, những hình thể mới có sẽ ngày càng trở nên ít hơn và thưa dần với thời gian qua khi gần đến giai đoạn kết thúc của Chu kỳ sáng tạo. Những hình thể đó sẽ biệt tích trước khi Giống dân thứ Bảy xuất hiện. Nghiệp quả sẽ dìu dắt những Chơn Thần lạc hậu trong hàng ngũ nhân loại để cho chúng đầu thai vào thể xác con người vừa mới được phát triển từ loài khỉ.

Điều này lẽ tất nhiên sẽ xảy ra trong hàng triệu năm về sau. Diễn trình tiến hóa theo định luật chu kỳ bao gồm tất cả mọi loài hiện nay đang sống trên Địa Cầu, mỗi loài tuần tự diễn tiến khi đến lượt mình, là một hình ảnh thực sự của Cơ Sáng Tạo và không cần đến một quyền năng tạo tác đặc biệt hay một "phép mầu" nào để tạo nên vạn vật và con người từ cái hư vô.

Đó là lập luận của Giáo lý Huyền môn để giải thích sự thiếu sót một mối liên hệ trung gian giữa loài khỉ và loài người (gọi là cái khoen biệt tích) và để chứng minh rằng loài khỉ vốn do loài người sinh ra.

TỔNG QUAN VỀ CÁC GIỐNG DÂN SƠ KHAI

Giữa giống người "vô trí" đầu tiên và giống dân Lemuria rất thông tuệ sau này có một thời kỳ hàng triệu năm; giữa

nền văn minh sơ khai nhất của giống dân Atlantis và thời kỳ hữu sử cũng có một thời kỳ như vậy.

Chỉ còn lại một vài tài liệu câm lặng dưới dạng nửa tá pho tượng khổng lồ đổ nát và các di tích xưa của người khổng lồ một mắt để làm chứng cho giống dân Lemuria, chúng ta không thể cật vấn được chúng vì chúng là "sản phẩm của các lực tự nhiên mù quáng" (theo một số người) và "hoàn toàn hiện đại" (theo một số người khác). Truyền thuyết đã bị kẻ
266 hoài nghi và Duy vật bỏ bê xem thường và bị những giáo sĩ cuồng nhiệt đã cho Thánh kinh khống chế mọi trường hợp. Tuy nhiên, bất cứ khi nào mà huyền thoại không chịu phù hợp với thuyết Đại hồng thủy Noah thì nó bị giới sĩ Thiên Chúa xem là "tiếng nói điên rồ của kẻ mê tín dị đoan cổ hủ". Châu Atlantis bị phủ nhận khi không bị lẫn lộn với Châu Lemuria và các lục địa đã thất thung khác vì có lẽ Châu Lemuria một phần là tạo vật của khoa học hiện đại và do đó phải được tin tưởng; còn Châu Atlantis của Plato lại bị hầu hết các nhà khoa học xem là một giấc mơ.

Những người tin tưởng vào Plato thường mô tả Châu Atlantis là một phần nối dài của Châu Phi. Người ta cũng ngờ rằng một cựu lục địa đã tồn tại trên bờ biển phía Đông. Nhưng với vai trò là một lục địa, Châu Phi chưa bao giờ là một phần của Châu Lemuria hoặc Châu Atlantis, vì chúng ta đã thỏa thuận gọi chúng là Lục địa thứ Ba và thứ Tư. Người ta chưa bao giờ đề cập tới các tên gọi cổ sơ của chúng trong kinh Purãnas cũng như ở bất cứ nơi nào khác. Nhưng chỉ cần có được một trong các chìa khóa nội môn thì chúng ta cũng có thể dễ dàng nhận diện được các vùng đất đã bị mất này trong đám vô số các "Xứ sở của chư Thiên" và Munis được mô tả trong kinh Purãnas là các Vùng, Châu và Khu vực của

họ. Trong buổi sơ khai của Châu Lemuria, Thất đại châu đứng sừng sững như là một đỉnh núi khổng lồ vươn lên từ đáy biển; nước đã tràn ngập giữa rặng núi Atlas và đảo Madagascar cho tới thời kỳ đầu của Châu Atlantis, sau khi Châu Lemuria đã biến mất, sau khi Châu Phi từ đáy biển trồi lên và rặng núi Atlas đã bị chìm mất một nửa.

Dĩ nhiên là trong phạm vi của ngay cả nhiều quyển sách cũng không thể trình bày một cách tỉ mỉ và tuần tự về sự tiến hóa của ba Giống dân đầu tiên – ngoại trừ việc tình bày một tổng quan về sự kiện đó mà ngày nay chúng ta đã thực hiện. Giống dân thứ Nhất chẳng hề có lịch sử của riêng mình. Giống dân thứ Hai cũng có thể được nhận định như vậy. Do đó chúng ta chỉ sẽ quan tâm tới Giống dân Lemuria và Atlantis mà thôi; trước khi có thể thử trình bày lịch sử của chính Giống dân thứ Năm.

Ngoài lục địa của chính mình ra, thử hỏi chúng ta biết gì về các lục địa khác, và lịch sử biết hoặc chấp nhận những điều gì về các Giống dân sơ khai? Mọi điều nằm ngoài các điều suy lý đáng tởm của khoa học duy vật đều bị bôi lọ bằng từ ngữ "mê tín dị đoan". Những kẻ minh triết ngày nay sẽ thấy chẳng tin tưởng điều gì cả. Các giống người có "cánh" và *bán thư bán hùng* của Plato và Thời Hoàng kim của ông dưới sự cai trị của Thần Saturn và chư Thiên đã bị Haeckel lặng lẽ đưa về vị trí *mới* của chúng trong Thiên Nhiên, các Giống dân Thiêng liêng của chúng ta được trình bày là hậu duệ của loài khỉ mũi dưới (Catarrhine apes), còn tổ tiên của chúng ta là một mẩu "bùn nhớt ở biển" !

Tuy nhiên, Faber đã phát biểu rằng:

Các *điều hư cấu (fictions)* trong cổ thi … cũng bao hàm một phần chân lý lịch sử.

267 Cho dù nỗ lực của các vị học giả thông thái *của Luận đề về các Bí nhiệm của Cabiri có thiên lệch đến đâu đi nữa* – trong suốt hai quyển sách của ông, các nỗ lực đó đều có mục đích cưỡng chế các thần thoại và biểu tượng cổ điển của Ngoại giáo xa xưa, "để chứng tỏ chân lý Thánh kinh"- thời gian khảo cứu thêm nữa đã phục thù (ít ra là một phần) "chân lý" đó bằng cách *bộc lộ* nó. Như thế, ngược lại, chính sự phóng tác Thánh kinh một cách khéo léo đã được dùng để chứng tỏ sự minh triết tuyệt vời của Ngoại giáo Cổ thời. Điều này đã bất chấp tình trạng rối mù mà chân lý về Kabiri – các vị Thần bí nhiệm nhất thời xưa – đã bị quăng vào do các sự suy lý hoang đường, mâu thuẫn của Giám mục Cumberland, Tiến sĩ Shuckford, Cudworth, Vallancey v.v… và cuối cùng là Faber. Tuy nhiên, tất cả các học giả này (từ đầu chí cuối) đã phải đạt tới một kết luận nào đó do Faber xây dựng, như sau:

Chúng ta chẳng có lý do nào để cho rằng việc sùng bái ngẫu tượng của thế giới phi Do Thái chỉ là một sự bày đặt độc đoán; ngược lại, dường như nó đã dựng (hầu như là một cách đại đồng thế giới) *một sự hồi tưởng cổ truyền về một vài biến cố có thực. Tôi biết rằng các biến cố này là trận Đại hồng thủy tiêu diệt Giống dân đầu tiên* [theo Nội môn Bí giáo là Giống dân thứ Tư] *của nhân loại*.([1])

Faber còn nói thêm rằng:

Tôi tin rằng truyền thuyết về sự chìm của đảo Phlegyan cũng giống y như truyền thuyết về sự chìm của đảo Atlantis. Đối với tôi, dường như cả hai đều ám chỉ một đại biến cố duy nhất, sự đắm chìm của toàn thế giới dưới nước trong trận đại hồng thủy hay nước ở trung tâm dâng lên nó, nếu chúng ta giả sử rằng vòng cung của quả đất vẫn ở nguyên vị trí cũ của nó. Thật vậy, trong tác phẩm bàn về Châu Alantis của Plato (tác phẩm này hiển nhiên là có mục đích hạ bệ thẩm quyền của niên đại ký Thánh kinh), ông

[1] Sách đã dẫn, I, trang 9.

Bailly đã khổ công chứng tỏ rằng dân Atlantis thuộc về một quốc gia rất xưa ở phía Bắc đã tồn tại trước người Ấn Độ, Phoenicia và người Ai Cập nhiều. ([1])

Về điều này, Faber lại đồng ý với Bailly, ông đã tỏ ra thông thái và có nhiều trực giác hơn những kẻ chấp nhận niên đại ký Thánh kinh. Bailly cũng chẳng sai lầm khi bảo rằng người Atlantis cũng giống y như Titans và người Khổng lồ. ([2]) Faber lại càng sẵn lòng chấp nhận ý kiến của vị đồng nghiệp người Pháp, vì Bailly đề cập tới Cosmas Indicopleustes, ông còn bảo tồn được một truyền thuyết xa xưa cho rằng Noah xưa kia đã ở trên *đảo* Atlantis. Cho dù đảo này có là đảo "Poseidonis" được đề cập trong Phật Giáo Bí Truyền ([3]) hay là Châu Atlantis đi nữa thì cũng chẳng thành vấn đề. Truyền thuyết vẫn cứ sờ sờ ra đó, do một tín đồ Thiên Chúa giáo ghi lại.

Chẳng nhà Huyền bí nào muốn nghĩ tới việc truất hữu các đặc quyền của Noah nếu người ta tuyên bố ông là người Atlantis, vì điều này sẽ chỉ chứng tỏ rằng dân Do Thái đã chỉ lặp lại câu chuyện về Bàn Cổ Vaivasvata, Xisuthrus và biết bao nhiêu là người khác, và họ chỉ việc thay đổi tên họ, điều mà họ cũng có quyền làm như bất kỳ quốc gia hoặc dân tộc
268 nào khác. Chúng tôi chỉ phản đối việc chấp nhận niên đại ký Thánh kinh theo sát nghĩa, vì nó thật phi lý và chẳng phù hợp với các dữ kiện địa chất hoặc lý trí. Vả lại, nếu Noah là một người Atlantis, thì ông ắt đã là một Titan, một người Khổng lồ, như Faber đã chứng tỏ; và nếu ông vốn là một người

[1] Như trên, trang 283 - 284, quyển ii.

[2] Xem Các thư nói về Châu Atlantis của ông.

[3] [Ấn bản kỳ 8, trang 67, 73].

Khổng lồ thì tại sao trong Sáng Thế Ký lại không trình bày ông như vậy ? ([1])

Bailly đã sai lầm khi bác bỏ sự chìm của Châu Atlantis và xem dân Atlantis chỉ thuộc về một quốc gia hậu hồng thủy ở phía bắc; tuy nhiên, theo ông, quốc gia này nhất định là "cũng đã phồn vinh trước khi các đế quốc Ấn Độ, Ai Cập và Phoenicia được lập nên". Về vấn đề này, chỉ cần ông biết tới sự tồn tại của cái mà chúng ta đã thỏa thuận gọi là Châu Lemuria, thì ắt hẳn ông cũng lại chí lý rồi. Đó là vì người Atlantis có tính cách hậu hồng thủy so với người Lemuria và Châu Lemuria đã không bị chìm ngập như Châu Alantis, mà lại bị *nhận chìm* dưới sóng biển do các trận động đất và lửa dưới đất (một ngày kia nước Anh và Âu Châu cũng sẽ bị như vậy). Chính sự dốt nát của các nhà khoa học chúng ta – họ sẽ chẳng chấp nhận truyền thuyết cho rằng nhiều lục địa đã bị chìm, cũng chẳng chấp nhận định luật tuần hoàn tác động trong suốt Chu kỳ Khai Nguyên – mới là nguyên nhân chính của mọi sự rối loạn. Bailly lại cũng chẳng hề sai lầm khi quả quyết với chúng ta rằng người Ấn Độ, Ai Cập và Phoenicia xuất hiện sau người Atlantis, vì người Atlantis thuộc về

[1] Ông Faber (lại một tín đồ Thiên Chúa giáo ngoan đạo) đã trình bày điều này bằng cách nói rằng: "Gia đình Noah cũng có danh xưng là người Atlantis và các vị Titan; chính vị đại tộc trưởng được gọi một cách tâng bốc là Atlas và Titan". (Như trên, ii, trang 285). Và nếu thế thì theo Thánh kinh, Noah ắt đã là hậu duệ của các Con Thượng Đế, các Thiên Thần Sa Đọa (cũng theo thẩm quyền của tác phẩm đó) và hậu duệ của "các con gái của nhân loại xinh đẹp" (Xem Sáng thế Ký, vi). Và tại sao lại không, vì cha y, Lamech, đã giết chết một người cùng với tất cả con trai và con gái, bị tử nạn trong trận Đại Hồng thủy, cũng thê thảm như những người khác ?

Giống dân thứ Tư, trong khi mà người Ãryan và nhánh Semite thuộc Giống dân thứ Năm. Khi lặp lại câu chuyện mà các lễ sư Ai Cập đã tường thuật cho Solon, Plato đã cố tình lẫn lộn – như tất cả mọi Điểm Đạo đồ - hai lục địa, và gán cho hòn đảo nhỏ (đã bị chìm sau rốt) tất cả mọi biến cố thuộc về hai lục địa khổng lồ: lục địa tiền sử và lục địa cổ truyền. Do đó, ông mô tả cặp *nam nữ đầu tiên* – chính họ đã cung cấp dân cư cho toàn thể hòn đảo – là được tạo ra từ Đất bụi. Khi nói thế, ông không hề ám chỉ Adam và Eve, chứ đừng nói là các tổ phụ Hy Lạp của chính ông. Ông chỉ nói một cách ẩn dụ, và khi đề cập đến "Đất", ông có ý muốn nói tới Vật Chất, vì người Atlantis đích thực là giống người *thuần túy phàm tục* đầu tiên – các Giống dân trước dân Atlantis có tính cách thiêng liêng và tinh anh hơn là rắn chắc và có tính cách con người.

Thế nhưng, cũng như bất kỳ một Điểm đạo đồ nào khác, Plato ắt là đã phải biết tới lịch sử của Giống dân thứ Ba sau khi nó "Sa đọa", mặc dù là kẻ đã cam kết bảo mật, ông đã không bao giờ phô bày sự hiểu biết của mình một cách dài dòng như vậy. Tuy nhiên, nay sau khi đã làm quen cả với niên đại ký gần đúng của các quốc gia Đông phương – tất cả các niên đại ký này đều dựa vào và theo sát các phép tính
269 toán của người Ãryan sơ khai – chúng ta có thể nhận thức được một cách dễ dàng hơn rằng các thời kỳ dài đăng đẳng ắt đã phải trôi qua từ khi có sự phân chia giới tính, không kể Căn chủng thứ Nhất hoặc ngay cả Căn chủng thứ Hai. Và vì những điều này ắt phải bất khả tư nghị đối với các tâm trí được huấn luyện để suy tư theo lối Tây phương, nên chúng ta thấy chẳng có ích gì mà nói về Giống dân thứ Nhất và thứ Hai, ngay cả Giống dân thứ Ba trong giai đoạn sơ khai nhất

nữa.([1]) Muốn cho độc giả chưa được điểm đạo khỏi bị hoang mang một cách tuyệt vọng, chúng ta chỉ có thể khởi sự khi Giống dân thứ ba đã đạt tới thời kỳ nhân loại đầy đủ.

GIỐNG DÂN THỨ BA SA ĐỌA, và không còn sáng tạo nữa, nó *sinh con cái*. Hơn nữa, vốn vẫn còn vô trí vào thời kỳ phân chia giới tính, nó đã sinh ra đám con cháu dị thường, cho đến khi bản chất sinh lý đã điều chỉnh các bản năng của nó theo chiều hướng đúng đắn. Cũng như các "Đức Chúa Trời" trong Thánh kinh, "các Con của Minh triết", các Thiền Định Đế Quân, đã khuyến cáo nó để mặc trái cấm cho Thiên Nhiên, nhưng lời khuyến cáo tỏ ra không có giá trị. Con người đã nhận thức được sự bất lợi – chúng ta không được bảo là tội lỗi – của những điều mà họ đã thực hiện, có điều là quá muộn sau khi các Chơn Thần Thiêng Liêng từ các cõi cao đã đầu thai vào họ và phú cho họ sự hiểu biết. Cho tới lúc đó, họ chỉ có tính cách vật chất giống như các con thú mà họ sản sinh ra. Vì đâu là sự dị biệt? Giáo lý dạy rằng điều dị biệt duy nhất giữa các sinh vật và các vật vô tri vô giác trên Trần Thế, giữa một con thú và một con người là như sau: một đàng có nhiều"Linh Hỏa" khác nhau hãy còn tiềm tàng, một đàng có các "Linh Hỏa" đang hoạt động. Các *Sinh Hỏa (vital Fires*)

[1] Trong tác phẩm lý thú Atlantis, Thế Giới Tiền Đại Hồng Thủy, khi đề cập tới các kiểu dân Ãryan gốc Atlantis cùng với các khoa học và nghệ thuật – di sản của Giống dân thứ Tư – Donnelly đã dũng cảm loan báo rằng "các định chế này nay bắt nguồn từ thời Trung Tân (Miocene)". Đây là một sự nhân nhượng lớn lao của một học giả hiện đại, nhưng nền văn minh còn bắt nguồn từ trước thời Trung Tân cảu dân Atlantis. Con người vào thời Đệ nhị kỷ sẽ được tìm ra, cùng với nền văn minh đã bị quên lãng từ lâu rồi. [Xem chương iii, trang 30].

hiện diện trong vạn vật và chẳng một nguyên tử nào mà không có nó. Nhưng không một con thú nào có ba "nguyên khí" cao được khơi hoạt, chúng chỉ tiềm tàng và do đó, xem như *không tồn tại*. Cho đến nay, những hình hài động vật của con người ắt cũng như thế, nếu khi phát xuất từ cơ thể của các tổ phụ mà chúng là hình bóng, chúng lại bị bỏ mặc cho phát triển chỉ nhờ vào các năng lực nội tại của Vật Chất. Nhưng Pymander đã dạy như sau:

Đây là một Bí nhiệm mà đến nay vẫn còn được giấu kín. Thiên Nhiên ([1]) hòa lẫn với Con Người ([2]) đã tạo ra một phép lạ kỳ diệu, sự pha trộn hài hòa bản thể của Bảy Đấng [Tinh Quân] với chính mình; Lửa, Tinh Thần và Thiên Nhiên [Thực Tượng của Vật Chất], sự pha trộn đó tức khắc tạo ra bảy người có giới tính đối nghịch nhau [âm và dương] tùy theo bản thể của Bảy Đấng Tinh Quân. ([3])

270 Hermes, Điểm đạo đồ ba lần vĩ đại,([4]) "Quyền năng của Tư Tưởng Thiêng Liêng" đã dạy như thế. Thánh Paul, một

---

[1] Thiên Nhiên là Sắc tướng *tự nhiên*, Hình bóng của Thủy Tổ.

[2] Như đã có nói, CON NGƯỜI là Thiên Nhiên (Heavenly Man).

[3] Pymander Thiêng Liêng, I, 16.

[4] Tác phẩm của Pymander trong các thư viện và viện bảo tàng của chúng ta là một bản rút ngắn của một trong các Thánh thư của Thoth do một môn đồ phái Platon ở Alexandria soạn ra. Vào thế kỷ thứ ba, nó được một môn đồ Do Thái Bí giáo hiệu đính lại theo các bản thảo cổ Hebrew và Phoenicia và được gọi là *Sáng Thế Ký của Enoch.* Nhưng ngay cả các di cảo đã bị xuyên tạc của nó cũng chứng tỏ văn bản của nó phù hợp mật thiết xiết bao với Giáo lý Cổ sơ, chẳng hạn như trong sự sáng tạo ra Bảy Đấng Sáng Tạo và Bảy Người Nguyên Sơ. Còn về phần Enoch, Thoth hay Hermes, Orpheus và Cadmus, tất cả đều là các danh xưng chung, chi nhánh và hậu duệ của bảy Hiền giả nguyên thủy – các Thiền Định Đế Quân hay Thiên Thần đầu thai trong các hình hài sắc tướng *hão*

Điểm đạo đồ khác, đã gọi Thế giới của chúng ta là "tấm gương soi bí hiểm của chân lý thuần túy", còn thánh Gregory of Nazianzen đã bổ chứng cho Hermes bằng cách phát biểu:

Các sự vật hữu hình chẳng qua chỉ là hình bóng và nét chấm phá của các điều mà chúng ta không thể thấy được.

Đó là một sự phối hợp vĩnh cửu, và các hình ảnh được lặp lại từ nấc cao xuống mãi tới các nấc thấp của Thang Hiện Tồn. "Sự sa đọa của các Thiên Thần" và "Trận chiến tranh trên Trời" được lặp lại trên mọi cảnh giới, "chiếc gương" dưới thấp làm méo mó hình ảnh của "chiếc gương" trên cao và mỗi cái đều ghi lại theo cách thức của riêng mình. Như thế, các giáo điều Thiên Chúa chẳng qua chỉ là cái hồi niệm của các mẫu (paradigms) của Plato, ông đã nói tới các điều này một cách thận trọng như mọi Điểm đạo đồ khác. Nhưng đó là tất cả những gì đã được diễn đạt trong một vài câu sau đây của tác phẩm Desatir:

Chúa [Ormazd] phán: Vạn vật trên trần thế đều là *hình bóng của một điều nào đó của các cõi cao.* Vật phát quang này [ánh sáng, lửa v.v…] là hình bóng của cái còn sáng hơn chính nó và cứ như thế

---

huyền, chứ không phải là các cơ thể hữu hoại – các Ngài dạy cho Nhân loại mọi điều mà nó đã biết, các đệ tử sơ khai nhất của các Ngài đã lấy các danh hiệu của Sư Phụ. Tập quán này được truyền từ Giống dân thứ Tư qua Giống dân thứ Năm. Vì thế mới có sự giống y nhau của các truyền thuyết về Hermes – các nhà Ai Cập học tính ra có tới năm vị - Enoch v.v… tất cả các Ngài đều phát sinh ra văn tự, chẳng có vị nào chết; các Ngài vẫn còn sống và là các đấng Điểm đạo ban sơ và Sáng lập viên của các Bí pháp. Chỉ mới gần đây thì *Sáng Thế Ký của Enoch* mới biến mất trong các môn đồ Do Thái Bí giáo. Guillaume Postel đã thấy nó. Nó nhất định là một bản sao cảu Thánh thư Hermes và xưa hơn nhiều so với các Thánh thư Moses (theo Éliphas Lévi).

cho đến khi nó đạt tới Ta, vốn là ánh sáng vô thượng (the light of lights).

Trong tác phẩm Do Thái Bí giáo, nhất là trong kinh Zohar, chúng ta thấy nổi bật lên ý tưởng cho rằng mọi ngoại cảnh tern6 Trần Thế hay trong Vũ Trụ này đều là "Hình bóng" (Dyooknah) của Ánh Sáng hay Đấng Thánh Linh vĩnh cửu.

Thoạt tiên Giống dân thứ Ba chủ yếu là "Hình bóng" rực rỡ của các Thần Linh mà truyền thuyết đẩy xuống Trần Thế sau khi có Trận chiến tranh ẩn dụ trên Trời. Trên Trần Thế, điều này còn có tính cách ẩn dụ hơn nữa, vì đó là Trận chiến giữa Tinh Thần và Vật Chất. Trận chiến này sẽ còn mãi cho đến khi mà Chơn Nhơn đã thích ứng được phàm ngã với bản chất thiêng liêng của chính mình. Cho đến lúc đó các thị dục cuồng si của phàm ngã sẽ thù địch mãi mãi với Chủ nhân của nó tức là Chơn Nhơn. Nhưng một ngày kia, *con thú* sẽ được thuần hóa, vì bản chất của nó sẽ bị thay đổi, và sự hài hòa sẽ lại ngự trị một lần nữa giữa hai bên cũng như trước khi có sự "Sa đọa", khi ngay cả con người hữu hoại cũng được các Hành "tạo ra" chứ không được sinh ra.

Điều trên được minh giải trong khoa thần phổ học quan trọng, nhất là thần phổ học Hy Lạp cũng như là Thần phổ học Hesiod. Việc Kronos (con trai của Uranus) *cắt xẻo* thân
271 phụ mình và kết án là bất lực, chẳng bao giờ được các nhà viết huyền thoại hiện đại thấu hiểu. Thế nhưng nó rất dễ hiểu, và vì có tính cách đại đồng thế giới ([1]) nên nó ắt phải

[1] Uranus là một biến thể của Varuna, "Đấng bao hàm vũ trụ vạn vật" và là một trong các vị Thần xưa nhất của kinh Veda – Không gian vốn khai thiên tịch địa, vì cả Thiên lẫn Địa đều biểu lộ ra từ mầm mống của Ngài (nó). Mãi chỉ về sau này thì Varuna mới biến thành thủ lãnh của các Ãdityas và là một vị Thần Neptune diễm lệ

bao hàm một ý tưởng triết học vô cùng trừu tượng hay đã thất truyền đối với các bậc hiền giả thời đại. Thật vậy, sự trừng phạt này trong ẩn dụ đánh dấu "một thời kỳ mới, giai đoạn thứ hai trong sự triển khai cơ sáng tạo", như nhận xét thật đúng đắn của Decharme, ([1]) tuy nhiên, ông lại không thử ráng giải thích nó. Uranus đã ra sức cản trở sự phát triển hoặc sự tiến hóa tự nhiên đó bằng cách *tiêu diệt mọi người con của mình ngay khi chúng vừa mới sinh ra*. Như thế, người ta đã trình bày là *Uranus* vốn là hiện thân của mọi quyền năng sáng tạo của (và trong) *Hỗn Mang* – Không gian tức Đấng Thánh Linh Vô Hiện – phải đền tội, đó là vì chính các quyền năng này đã khiến cho các Đấng Pitris khai sinh ra những *con người* nguyên thủy – cũng như sau đây, đến lượt những

---

trên lưng con quái vật "Leviathan". Makara nay là cung Hoàng Đạo linh thiêng và bí nhiệm nhất. Varuna – không có Ngài thì thậm chí chẳng tạo vật nào có thể chớp mắt được"- cũng bị thoái hóa như Uranus và sa vào vòng sinh hóa các chức năng của Ngài – theo Muir đó là các chức năng vĩ đại nhất trong vũ trụ - đã bị thuyết thần nhân đồng hình ngoại môn làm cho thoái hóa từ trên Thiên Đàng sa xuống Trần Gian. Cũng chính nhà Đông phương học ấy cho rằng: "Các thuộc tính và chức năng được gán cho Varuna [trong kinh Veda] đã khiến cho Ngài có một tính cách đạo đức và thánh thiện vượt hẳn tính cách đã được gán cho bất cứ Thần Linh nào khác trong kinh Veda". Nhưng để hiểu được một cách chính xác lý do sự sa đọa của y cũng như là sự sa đọa của Uranus, chúng ta phải thấy là mọi tôn giáo ngoại môn đều bao hàm công trình bất toàn và đầy tội lỗi của trí tưởng tượng con người, và cũng phải nghiên cứu các bí nhiệm mà nghe đâu Varuna đã truyền thụ cho Vashishtha. Có điều là "các bí mật của Ngài và của Mitra *không hề được tiết lộ cho kẻ điên rồ*".

[1] Thần thoại Cổ Hy Lạp, trang 7.

người này lại sinh con cái – mà không có ý thức hoặc ý muốn sinh sản. Việc sinh sản đã bị đình trệ trong một thời gian, đã chuyển vào tay Kronos, Thời gian, ([1]) Ngài kết hợp với Rhea (Địa Cầu – theo Nội môn Bí giáo, là Vật Chất nói chung) và như thế đã tạo ra những người khổng lồ Tiatan trên Thiên giới và hạ giới. Toàn bộ biểu tượng ký này liên quan tới các bí nhiệm của sự tiến hóa.

Ẩn dụ này là lối thuyết minh ngoại môn của Nội môn Bí giáo dược trình bày trong phần này của tác phẩm. Đó là vì chúng ta thấy cũng câu chuyện ấy được lặp lại nơi Kronos. Cũng như Uranus đã dùng Gaea (một vị thần trong thế giới biểu lộ, đồng nhất với Tiên Thiên Huyền Nữ, tức Thái Uyên Vũ trụ) để diệt các con của mình bằng cách nhốt chúng trong lòng Đất (Titaea), cũng vậy, vào giai đoạn sáng tạo thứ hai này, Kronos đã dùng Rhea để diệt các con mình bằng cách ngấu nghiến chúng. Điều này ám chỉ các nỗ lực không có kết quả của Địa Cầu thứ Thiên Nhiên, nhằm đơn độc tạo ra những "con người"thực sự.([2]) Thời gian đã mất trọn công trình không kết quả của chính nó. Rồi tới Thần vương Zeus, Jupiter, đến lượt Ngài lại truất ngôi cha mình. ([3]) Theo một ý

[1] Trong tác phẩm Hercule và Cacus (trang 57), Bréal đã chứng tỏ rằng Kronos không những là Thời gian mà còn có từ nguyên là *kar*, "làm ra, tạo ra". Liệu Bréal và Decharme có chí lý không khi cho rằng trong kinh Veda, Kranan, Đấng Tạo Hóa, là một vị Thần Sáng Tạo, chúng tôi còn ngờ lắm. Bréal có lẽ muốn nói tới Karma, hoặc đúng hơn là Vishvakarnan, Thần Sáng Tạo, "Đấng tạo ra vạn vật", "đại kiến trúc sư của thế gian".

[2] Xem các ĐOẠN KINH 3 – 10 và tiếp theo, xem thêm bài tường thuật của Berosus về sự sáng tạo bản sơ.

[3] Trận chiến Titan (ít ra trong thần phổ học) là cuộc chiến đấu giành quyền giữa các con của Uranus và Gaea (tức Trời và Đất theo

272 nghĩa nào đó, Thần khổng lồ Jupiter là Prometheus và khác hẳn với thần Zeus, bậc "Đại Từ Phụ của chư Thần". Trong Pymander, Hermes gọi Ngài là "Thiên Nhân", thậm chí trong Thánh kinh, chúng ta cũng lại thấy Ngài có danh hiệu là Adam và sau cùng – do sự chuyển hóa – là Ham. Thế nhưng, tất cả đều là hiện thân của các "Con của Minh Triết". Chúng ta có thể thấy điều minh chứng là Jupiter thuộc về *Chu kỳ Atlantis thuần túy nhân loại* – nếu chúng ta thấy là Uranus và Kronos (kẻ xuất hiện trước Ngài) còn chưa đủ - trong tác phẩm của Hesiod, ông cho rằng:

Các Đấng bất tử đã tạo ra giống dân của Thời đại Vàng và Bạc [các Giống dân thứ Nhất và Giống dân thứ Hai]; Jupiter đã tạo ra thế hệ Đồng thau [một hỗn hợp của *hai* nguyên tố], thế hệ các Anh hùng và thế hệ của các Thời đại Sắt.([1])

Sau đó Ngài gởi tặng phẩm chết người của mình (his fatal present), Pandora, tới cho Epimetheus.([2]) Hesiod gọi tặng phẩm *người đàn bà đầu tiên* này là một "tặng phẩm chết người". Ông giải thích rằng đó là một hình phạt được giáng lên đầu con người "vì đã ăn cắp lửa [thiêng sáng lòa]". Sự xuất hiện của nàng trên Trần Thế là dấu hiệu của mọi tai họa.

---

nghĩa trừu tượng) các người khổng lồ Titan chống lại các con của Kronos, mà thủ lãnh là Zeus. Theo một ý nghĩa nào đó, đó là cuộc đấu tranh vẫn còn tiếp diễn đến tận ngày nay giữa Chơn Nhơn và Phàm Nhơn.

[1] Decharme, sách đã dẫn, trang 284.

[2] Trong thần thoại Ai Cập, được gọi là "Hai Anh Em" do ông Maspero (cựu giám đốc viện Bảo tàng Boulaq) dịch, trình bày nguyên bản về Pandora. Noom, nghệ sĩ nổi tiếng cõi trời, sáng tạo ra một cô gái xinh đẹp mà y gởi tới cho Batoo là người đàn ông, còn cô gái dĩ nhiên là Eva (Eve). (Xem Tạp chí Khảo Cổ Học, tháng 3 – 1878; xem thêm Decharme, như trên, trang 285).

Trước khi nàng xuất hiện, các giống người đã sống hạnh phúc, không bị đau ốm và khổ sở cũng như các giống người tương tự mà người ta trình bày là sống dưới sự trị vì của Yima trong tác phẩm Vendĩdãd của Bái Hỏa giáo.

Theo truyền thuyết của thế giới chúng ta cũng có thể truy nguyên hai trận Đại hồng thủy bằng cách so sánh kỹ lưỡng tác phẩm của Hesiod, kinh Rig Veda, kinh Zend Avesta v.v…nhưng người ta chưa bao giờ đề cập tới một con người bản sơ trong bất kỳ thần phổ học nào ngoại trừ Thánh kinh. ([1]) Bất cứ nơi đâu, con người thuộc Giống dân *chúng ta* cũng xuất hiện sau một trận thủy tai. Sau tai biến này, truyền thuyết chỉ đề cập tới nhiều danh hiệu của các lục địa và các đảo bị chìm dưới làn sóng biển khi đúng lúc. ([2]) Theo Hesiod, ([3]) các Thần và Thế nhân có một nguồn gốc chung; và Pindar đã lặp lại phát biểu đó. Deucalion và Pyrrha, hai kẻ đã thoát được trận Đại hồng thủy nhờ tạo ra một chiếc bè giống như chiếc bè của Noah, ([4]) yêu cầu Jupiter làm linh hoạt lại giống người mà Ngài đã khiến cho bị tiêu diệt trong trận Đại hồng thủy. trong thần thoại Slave, mọi người đều bị chết chìm, chỉ còn lại một cặp vợ chồng già. Thế rồi, Pram'zimas, Đấng chưởng quản vạn vật, khuyên họ nhảy bảy lần trên các tảng
273 đá của Địa cầu, và sinh ra bảy giống dân (cặp) mới lạ; từ bảy

---

[1] Yima không phải là "con người đầu tiên" trong tác phẩm Vendĩdãd, mà chỉ là như vậy trong các thuyết của các nhà Đông phương học.

[2] Boeotia đã bị chìm ngập và sau đó là các đô thị Athens và Eleusis cổ sơ.

[3] Opera et Dies, 108.

[4] Xem Apollodorus, I, 7, 2; và Ovid, Sự biến hình, I, 260 và tiếp theo.

giống dân này lại sinh ra chín bộ tộc Lithuania.([1]) Tác giả của Thần Thoại Cổ Hy Lạp đã thừa biết rằng Bốn Thời đại có nghĩa là các thời kỳ và cũng là một ẩn dụ ám chỉ các Giống dân. Ông bảo rằng :

Các giống dân kế tiếp, bị hủy diệt và thay thế bởi các giống dân khác mà không có bất cứ giai đoạn chuyển tiếp nào, được đặc trưng bởi các danh hiệu của các kim loại, để biểu diễn giá trị ngày càng giảm của chúng. Vàng, kim loại sáng chói và quí giá nhất, biểu tượng của sự rực rỡ … là đặc tính của giống dân thứ nhất… Những người thuộc giống dân thứ hai, những người của Thời đại Bạc, đã kém xa giống dân thứ Nhất. Các tạo vật yếu ớt và bất động mà cả cuộc đời chẳng có gì khác hơn là một thời kỳ ấu trĩ dài dằng dặc và ngu độn… Chúng đã biến mất …Những người của Thời đại Đồng thau thì cường tráng và hung bạo [Giống dân thứ Ba];… họ mạnh vô cùng. "Họ có vũ khí làm bằng đồng thau, họ chẳng dùng gì ngoài đồng thau ra. Sắt, kim loại đen, vẫn còn chưa được biết tới. ([2]) Đối với Hesiod, giống dân thứ tư là giống dân của những vị Anh hùng đã ngã gục trước thành Thebes, ([3]) hoặc dưới các bức tường của thành Troy ([4]) (tiếng Pháp: Troie).

Như thế, vì các thi sĩ Hy Lạp xưa nhất cũng đề cập tới bốn Giống dân, mặc dù rất lộn xộn và sai lạc về niên biểu, nên các giáo lý của chúng ta lại một lần nữa được bổ chứng trong các Tác phẩm cổ điển. Nhưng đây chỉ toàn là "thần thoại" và thi ca. Nhưng liệu khoa học hiện đại có thể bảo sao đây về một sự phong thần hóa các chuyện hư cấu xưa cũ như thế? Việc

---

[1] Thần thoại Đức, I, trang 545, ấn bản kỳ ba và Thần thoại Schlawische của Hanusch, trang 235. Xem Decharme, như trên, trang 281, ông đã trình bày "chín lần" chứ không phải bảy lần.

[2] Hesiod, Opera et Dies, câu thơ 143 – 155.

[3] Xem Aeschylus, Bảy vị Anh hùng chống lại thành Thebes.

[4] Decharme, như trên, trang 289 – 290.

tiên đoán phán quyết của nó cũng chẳng khó khăn gì. Do đó chúng ta thử rán giải đáp bằng cách tiên liệu và chứng tỏ rằng các chuyện hư cấu và các điều suy lý thực nghiệm đã chiếm lĩnh địa hạt của cũng nền khoa học ấy nhiều đến nỗi mà không một học giả nào có chút quyền gì dùng cái nhìn nảy lửa của mình để bới lông tìm vết nhà Huyền bí, cho dù giả sử rằng vết này không phải là một sản phẩm của trí tưởng tượng của chính y.

40. KẾ ĐÓ GIỐNG DÂN THỨ BA VÀ GIỐNG DÂN THỨ TƯ TRỞ NÊN KIÊU CĂNG, "CHÚNG TA LÀ VUA; CHÚNG TA LÀ THẦN LINH" (a).

41. HỌ LẤY NHỮNG NGƯỜI VỢ XINH ĐẸP DỄ NHÌN. NHỮNG NGƯỜI VỢ NÀY THUỘC GIỐNG NGƯỜI ĐẦU HẸP, VÔ TRÍ. HỌ SINH RA NHỮNG GIỐNG QUÁI VẬT, NHỮNG LOÀI QUỶ SỐNG, NAM VÀ NỮ. HỌ CŨNG SINH RA LOÀI NỮ YÊU (DÃ KI NĨ) VỚI ÍT TRÍ KHÔN (b).

42. HỌ DỰNG ĐỀN THỜ CHO THỂ XÁC CON NGƯỜI. HỌ CHIÊM BÁI NGƯỜI NAM VÀ NỮ ©. KHI ĐÓ CON MẮT THỨ BA KHÔNG CÒN HOẠT ĐỘNG NỮA (d).

a. Đó là những con người thể chất đầu tiên thực sự mà đặc tính đầu tiên là kiêu căng. Đó là Giống dân thứ Ba và Giống dân Atlantis khổng lồ, mà kỷ niệm vẫn còn truyền tụng từ thế hệ này sang thế hệ khác và giống người mãi từ thuở Moses, và đã tìm ra một hình hài ngoại cảnh nơi những người iền đại hồng thủy, những thầy phù thủy và pháp sư khủng khiếp, mà Giáo hội Thiên Chúa La Mã đã bảo tồn
274 được các huyền thoại sống động và đồng thời bị xuyên tạc về họ. Bất cứ người nào đã đọc và nghiên cứu các Giảng lý về Cổ giáo, sẽ dễ dàng nhận ra trong một số những người Atlantis này các nguyên kiểu của các thợ săn dũng mãnh Nimrods, những kẻ đã xây dựng Tháp Babel, số con cháu của

Ham và tất cả mớ hổ lốn "ký ức đọa đày" (theo lối nói văn chương thần học); tóm lại, đó là nguyên kiểu của những kẻ đã cung ứng cho hậu thế các kiểu mẫu Satan chính thống. Và dĩ nhiên là điều này sẽ khiến chúng ta phải tìm hiểu luân lý tôn giáo của các Giống dân sơ khai này, chúng có thể có tính cách thần thoại.

Tôn giáo của Giống dân thứ Ba và Giống dân thứ Tư là gì? Hiểu theo ý nghĩa thông thường của danh từ này, thì không một giống dân nào trong hai giống dân trên có một tôn giáo vì họ không biết có một giáo điều nào hoặc thấy cần phải có một tín ngưỡng. Khi nhãn quan trí tuệ của con người vừa khai mở để hiểu biết thì Giống dân thứ Ba đã cảm thấy hợp nhất làm một với cái nguyên lý đại đồng tuyệt đối và bất khả tri, tức Thượng Đế Độc Tôn Duy Nhất. Vốn bẩm sinh đã có những quyền năng thiên phú và cảm thấy tự nơi mình có sự hiện diện của Thượng Đế *nội tại,* mỗi người đều cảm thấy mình là một Nhân vật Thiêng liêng trong cái bản chất tinh hoa, tuy là một động vật trong cái phàm ngã vật chất, sự xung đột giữa hai tính chất có ngay từ ngày mà họ thưởng thức cái quả của cây Minh Triết, một cuộc đấu tranh để sống còn giữa tâm linh và tinh thần và giữa tinh thần với vật chất. Kẻ nào chinh phục được hạ thể bằng cách chế ngự bản thân, gia nhập vào nhóm "Con của Ánh Sáng". Những kẻ không làm chủ được những thị dục thấp hèn, trở nên nô lệ của Vật Chất. Từ cương vị "Con của Ánh Sáng và Minh Triết" nó đã rơi xuống thấp bằng cách trở nên "Con của Bóng Tối". Họ đã ngã gục trong cuộc chiến đấu giữa Đời sống phàm tục và Đời sống Siêu linh. Tất cả những kẻ ngã gục đó trở nên mầm

giống của những hạng người đi theo bàng môn tả đạo trong giống Atlantis tương lai.([1])

Như thế là Giống dân thứ Ba, lúc bắt đầu khai mở ý thức, vẫn không có một tín ngưỡng nào có thể gọi là tôn giáo. Điều này nghĩa là y chẳng những không biết gì về các "tôn giáo vui nhộn, lộng lẫy, xa hoa" mà thậm chí còn không biết gì về bất kỳ hệ thống tín ngưỡng hoặc thờ cúng ngoại môn nào. Tuy nhiên nếu danh từ này được hiểu theo ý nghĩa là sự qui tụ của quần chúng, trong một hình thức tôn kính đối với những vị mà người ta cảm thấy rằng cao cả hơn mình – chẳng khác nào tình cảm mà một đứa trẻ biểu lộ với một người thân – thì chí đến những người Lemuria đầu tiên cũng có một tôn giáo rất đẹp, kể từ lúc bắt đầu đời sống trí thức của họ. Phải chăng họ tôn sùng những vị Thần cai quản những sức mạnh Thiên Nhiên ở chung quanh họ, ngay cả trong nội tâm của họ? ([2]) Chẳng lẽ họ đã không trải qua thời niên thiếu, được nuôi dưỡng và chăm sóc bởi những vị đã khai sinh ra họ và
275 ban cho họ cuộc sống thông tuệ, hữu thức hay sao? Chúng tôi được cho biết như vậy và chúng tôi tin tưởng điều đó. Đó là vì sự tiến hóa của Tinh Thần bên trong lớp vỏ Vật Chất không bao giờ có thể thực hiện được và cũng không thể tiếp

[1] Ở đây, danh hiệu này được dùng theo nghĩa (và đồng nghĩa với) "thầy phù thủy". Các Giống dân Atlantis có rất nhiều và sự tiến hóa của chúng kéo dài hàng triệu năm. Tất cả các giống dân này đều chẳng có gì xấu xa, nhưng đã trở nên tồi bại vào cuối chu kỳ của chúng, chẳng khác nào Giống dân thứ Năm chúng ta nay cũng đang nhanh chóng biến ra như vậy.

[2] Các vị Thần Ngũ Hành (Gods of the Elements) không hề là các Hành khí (Elementals). Cùng lắm là các Ngài dùng các Hành khí làm hiện thể và vật liệu để khoác lấy.

nhận được cái động lực thúc đẩy đầu tiên của nó, nếu những vị Thần minh rạng ngời không hy sinh cái tinh hoa của các vị để làm sinh động con người cát bụi bằng cách ban phát cho mọi "nguyên khí" nội tại của y, một phần hay đúng hơn là một phản ánh của cái tinh hoa đó. Những vị Thiên Sứ của Bảy Cõi Trời (tức bảy cõi sinh hoạt trong Thái Dương Hệ) là Thực Thể vô vi của những Nguyên tố thiên nhiên hiện tại và tương lai, cũng như các vị Thiên Thần của Bảy Quyền Năng Thiên Nhiên (những phương thức vận chuyển hay những mãnh lực tế vi theo quan điểm khoa học) là các Thực Thể cao hơn của các Cấp đẳng còn cao hơn nữa.

Đó là "Hoàng Kim Thời Đại" xa xưa trong dĩ vãng, tức là Thời kỳ mà "Thần minh hạ giáng xuống Địa Cầu và giao tiếp tự do với người trần gian". Kể từ khi đó các vị Thần đã ra đi – nghĩa là trở về trạng thái vô hình – và những thế hệ tương lai bắt đầu sùng bái những nguyên tố thiên nhiên là địa hạt ngự trị của các Đấng ấy.

Giống người Atlantis là hậu duệ đầu tiên của giống người *bán thiêng liêng* sau sự phân chia nam nữ và bởi đó là những người thai sinh đầu tiên và do người sinh ra. Chính họ đã trở nên những "kẻ hy sinh" đầu tiên cho *Thần Vật Chất (God of Matter).* Trong dĩ vãng xa xôi lu mờ, họ là cái kiểu mẫu tạo dựng nên biểu tượng Cain ([1]) như những người đầu tiên tôn

[1] Ngay ở đầu Chương iv của Sáng Thế Ký, Cain là kẻ tế thần bằng trái cây của mảnh đất mà y là người cày bừa đầu tiên, còn Abel đã đem lứa con chiên đầu tiên tới cho Đức Chúa Trời. Cain là biểu tượng của nhân loại nam tính đầu tiên, Abel là biểu tượng của nhân loại nữ tính đầu tiên, còn Adam và Eve là kiểu mẫu của Giống dân thứ Ba. Sự "tàn sát" là sự làm đổ máu chứ không phải làm thiệt mạng.

thờ Hình tượng Vật chất dưới hình thức nhân như (anthropomorphits). Sự thờ phụng này không bao lâu đã biến thành sự *tôn thờ bản ngã*, rồi từ đó đưa đến việc tôn thờ năng lực sáng tạo dưới hình thức nam nữ tính và những gì còn tồn tại cho đến ngày nay trong những biểu tượng các tôn giáo công truyền như nghi thức lễ bái, tín điều và âm thanh sắc tướng. Adam và Eve đã *biến thành vật chất* hoặc cung ứng mảnh đất, Cain và Abel – Abel là mảnh đất tạo ra sự sống, còn Cain "là người cày mảnh đất hoặc cánh đồng đó".

Như thế là những giống người Atlantis đầu tiên sinh trưởng trên lục địa Lemuria phân chia làm hai hạng, một hạng tôn thờ Thần minh của Thiên Nhiên duy nhất và vô sắc tướng, mà con người cảm nhận thấy một Tia linh quang nội tại tiềm ẩn bên trong họ, còn một hạng người khác tôn thờ một cách cuồng tín những vị Thần của Trái Đất, những Quyền năng hắc ám của Vũ Trụ dưới hình thức nhân như, và họ kết liên với những vị thần ấy. Đó là những vị Gibborim sơ khai nhất, những "người dũng mãnh … lừng danh" vào thời đó,([1]) họ đã biến thành các Kabirim đối với Giống dân thứ Năm như Kabiri đối với người Ai Cập và Phoenicia, các vị khổng lồ Titan đối với người Hy Lạp, các La Sát và Daityas đối với các giống dân Ấn Độ.

276 Đó là nguồn gốc bí nhiệm của mọi tôn giáo hiện đại sau này, nhất là nguồn gốc của tục sùng bái vị Thượng Đế bộ tộc của những người Hebrew sau này. Đồng thời, tôn giáo tính dục này lại có liên quan mật thiết, dựa vào, và có thể nói là hòa lẫn với các hiện tượng thiên văn. Giống dân Lemuria. Giống dân Lemuria bị thu hút về phía Bắc Cực, tức là cõi trời của các Thủy tổ họ - Lục địa Bắc Cực; còn giống dân Atlantis

[1] Sáng Thế Ký, vi, 4.

bị thu hút về phía Nam Cực, "Địa Ngục", theo quan điểm vũ trụ và địa cầu – mà từ đó các Tinh Linh vũ trụ, vốn ở nơi đó, đã thổi phồng các thị dục nóng bỏng thành các cơn giông tố. Hai Cực này được trấn giữ bởi các Cổ nhân, Rồng và rắn – do đó là đám Rồng, Rắn thiện và ác, và cũng là danh hiệu dành cho "các Con của Thượng Đế ", các Con của Tinh Thần và Vật Chất, các Pháp sư chính đạo và tà đạo. Đó là nguồn gốc của bản chất nhị phân nơi con người. Huyền thoại về "các Thiên Thần Sa Đọa", theo ý nghĩa huyền môn có chứa đựng chìa khóa giải đáp cho những sự mâu thuẫn đa diện của tính chất con người, nó vạch rõ điều bí mật về tâm thức tự ngã của con người, và chính nó là lịch sử của diễn trình tiến hóa và tăng trưởng của con người.

Sự hiểu biết vững chắc về triết lý này tùy thuộc vào sự hiểu biết chính xác về Nhân Sinh Khởi Nguyên Luận Bí Nhiệm. Nó đem lại một manh mối cho vấn đề nan giải về "Nguồn gốc của Điều ác" và cho thấy bằng cách nào mà chính con người là kẻ phân ly Cái Duy Nhất thành nhiều khía cạnh mâu thuẫn khác nhau.

Do đó,độc giả cũng đừng lấy làm lạ nếu chúng ta dành nhiều chỗ như thế để thử rán minh giải đề tài khó hiểu và mù mờ này mỗi khi mà nó xuất hiện. Cần phải nói dài dòng như thế về khía cạnh biểu tượng của nó, vì khi làm như thế, các ẩn ngôn được đưa ra cho các môn sinh thích suy tư để y đích thân điều nghiên, và thế là chúng ta có thể gợi ra nhiều ý sáng sủa hơn mức có thể truyền đạt một lối trình bày trang trọng và đầy triết lý hơn bằng các thuật ngữ chuyên môn. Cái gọi là các "Thiên Thần Sa Đọa" chính là *Nhân loại*. Con Quỷ Kiêu Ngạo, Dâm Dục, Nổi Loạn và Hận Thù đã *chẳng hề tồn tại trước khi* mà con người hiểu biết về vật chất xuất hiện.

Chính con người đã sản sinh ra và nuôi dưỡng lòng thù hận, và để cho nó phát triển trong tâm mình; cũng chính y đã làm ô uế vị Thượng Đế nội tâm trong chính y bằng cách nối liền Tinh Thần thuần túy với con Quỷ Vật Chất ô trược, và nếu câu châm ngôn của Do Thái Bí giáo "*Ma Quỷ là mặt trái của Thượng Đế*" đã được bổ chứng về mặt siêu hình và lý thuyết nơi Vũ trụ nhị phân biểu lộ, thì hẳn nhiên, chúng ta chỉ thấy áp dụng thực tế của nó nơi Loài người mà thôi.

Như thế, nay thật hiển nhiên là – chúng ta đã giả định rằng (a) Con Người xuất hiện trước các Động vật hữu nhũ khác, thậm chí trước cả thời đại của loài bò sát khổng lồ; (b) các trận Đại hồng thủy định kỳ và các Thời kỳ Băng hà do sự xáo trộn của trục trái đất theo nghiệp quả; và nhất là (c) con người sinh ra từ các Đấng Cao Cả, hoặc cái mà Chủ nghĩa duy vật ắt gọi là một Đấng *siêu nhiên*, mặc dù nó chỉ có tính
277 cách siêu nhân – các giáo lý của chúng ta có rất ít cơ may được lắng nghe một cách vô tư. Ngoài ra, còn có chủ trương cho rằng một phần Nhân loại trong Giống dân thứ Ba – tất cả mọi Chơn Thần của những người nào đã đạt tới tột đỉnh Công đức, và Nghiệp quả trong Chu kỳ Khai Nguyên trước – thừa hưởng các bản chất thuần lý và tâm linh của các Đấng thiêng liêng đã thể hiện thành ra các Nguyên khí thứ Năm của họ và Giáo Lý Bí Nhiệm phải bị hạ bệ trước mắt chẳng những Chủ nghĩa duy vật mà còn là Thiên Chúa giáo độc đoán nữa. Đó là vì, ngay khi mà Thiên Chúa giáo đã biết rằng các Thiên Thần này đồng nhất với các Chơn Linh "Sa Đọa" của họ, thì người ta sẽ tuyên cáo rằng Nội môn Bí giáo thật là tà đạo và độc hại.([1]) Con Người *Thiêng Liêng* ngự trong loài

[1] Có lẽ chính vì xét đến sự *thoái hóa* của các Chơn Linh cao siêu và thanh khiết nhất (các Ngài đã đột phá các cảnh giới ý thức thấp

vật, và bởi đó khi diễn ra sự phân chia sinh lý theo triều lưu tiến hóa tự nhiên và khi mà tất cả "cơ sáng tạo loài động vật bị *tách rời*" và giống đực bị hấp dẫn bởi giống cái, thì sự "sa đọa" không phải vì chúng đã ăn Trái Hiểu Biết và phân biệt điều Thiện với điều Ác, mà bởi vì không còn biết gì hay hơn nữa. Do bản năng sáng tạo vô hình thức đẩy, những phụ chủng ban sơ đã sinh ra một giống người trung gian mà các ĐOẠN KINH đã ngụ ý rằng các Đấng Thiền Định Đế Quân thượng đẳng đã hóa thân chuyển kiếp trong đó. Để đáp lại sự mời mọc hãy làm giống như mình của những huynh đệ đồng chủng, những *Con của Ý Chí và Yoga* nói "khi chúng ta học xong tầm mức rộng lớn của vũ trụ và hiểu biết hết tất cả những gì trong đó, chúng ta sẽ truyền giống của chúng ta". Điều đó có nghĩa là các Đấng Tiên Thánh và các Đạo đồ khổ hạnh sẽ "sinh sôi nẩy nở" ("multiply"), nghĩa là lại một lần nữa, các vị ấy tạo ra những người con "trí sinh" vô nhiễm – trong Căn chủng thứ Bảy.

Người ta nên hiểu rõ như thế trong các kinh Vishnu Purãnas và Brahma Purãnas, trong tác phẩm Mahãbhãrata ([1]) và Harivamsha. Hơn nữa, trong một phần của tác phẩm Pushkara Mãhãtmya, người ta đã ẩn dụ phân chia giới tính bằng Daksha. Khi thấy là các con cháu sinh bằng ý chí của

---

trung gian. "Bảy Vòng Lửa trong *Pymander*") nên người ta mới trình bày là Thánh James đã phát biểu rằng "Minh Triết (*sophia)* không từ trên cao giáng xuống, mà lại có tính cách thế tục, vật dục và *quỷ quái".* Nay minh triết này chính là trí tuệ, "Nhân Hồn", còn Minh Triết Tinh Thần tức Linh Hồn là Buddhi; vì quá gần gũi với Tuyệt Đối nên chính nó chỉ là ý thức *tiềm tàng*, và phải tùy thuộc vào Trí Tuệ để biểu lộ bên ngoài cõi riêng nó. [Trong ấn bản 1888, Sophia được trình bày là *psũche*].

[1] Ãdi Parvam, trang 113.

mình, "các Con của yoga thụ động" sẽ không tạo ra con người, "*Ngài đã biến một nửa thân thể mình thành ra một phụ nữ* mà Ngài dùng để sinh ra những người con gái", các phụ nữ tương lai của Giống dân thứ Ba, họ đã sinh ra những người Khổng lồ của dân Atlantis, thường được gọi là Giống dân thứ Tư. Trong kinh Vishnu Purãnas người ta chỉ nói rằng Daksha, tổ phụ của nhân loại đã lập ra sự tính giao là phương tiện cung cấp dân cư cho thế giới. ([1])

278 May mắn thay cho Nhân loại, "Giống dân được Tuyển chọn" ("Elect Race") đã trở thành thể biểu lộ của các Đấng Thần Quân cao cấp nhất (về mặt tinh thần và trí tuệ) trước khi Nhân loại đã trở nên hoàn toàn có tính cách vật chất. Khi các chi chủng cuối cùng- trừ một vài chi chủng thấp nhất – của Giống dân thứ Ba đã bị diệt vong cùng với Đại lục Lemuria, thì "Các Mầm mống của *Ba Ngôi Minh Triết*" đã thủ đắc được bí nhiệm của sự bất tử trên Trần Thế, đó là sở năng khiến cho cũng Đại Nhân chủng đó có thể mặc sức chuyển từ một hình hài đã mòn mỏi này sang một hình hài mới.

b. Cuộc Chiến tranh đầu tiên mà Thế gian được biết, sự tranh chấp lưu huyết đầu tiên của loài người, là do hậu quả của sự khai mở các giác quan, nó làm cho con người thấy con gái của đồng loại hơn con gái của mình, và vợ của họ cũng thế. Người ta đã phạm tội hiếp dâm trước khi đám dân bộ lạc Sabines bị hà hiếp và các quốc vương Menelauses đã bị cướp mất vương phi Helens của mình trước khi Giống dân thứ Năm ra đời. Những người Khổng lồ khỏe mạnh hơn, còn các đối thủ của họ minh triết hơn. Điều này đã diễn ra trong vòng Giống dân thứ Tư – Giống dân gồm những người Khổng lồ.

---

[1] Vishnu Purãna, bản dịch của Wilson, Quyển ii, trang 12.

Đó là vì thật vậy, xưa kia đã có "những người Khổng lồ".([1]) Hàng loạt sự tiến hóa của thế giới động vật đã chứng tỏ rằng điều đó cũng đã diễn ra trong nội bộ các giống người. Trong tầng lớp tạo vật còn thấp hơn nữa, chúng ta thấy các bằng chứng của cùng một kích thước tỷ lệ như vậy nơi hệ thực vật đi đôi với hệ động vật. Những cây dương xỉ xinh xắn mà chúng ta sưu tầm và ép khô giữa các trang giấy của các quyển sách mà chúng ta ưa chuộng nhất là dòng dõi của các cây dương xỉ khổng lồ đã mọc trong kỷ Carbon (kỷ Thạch Thán).

Các Thánh kinh và các áng văn của các tác phẩm khoa học và triết học – tóm lại hầu như là mọi tài liệu cổ truyền – đều đề cập tới những người Khổng lồ. Chẳng ai mà không nhận ra những người Atlantis trong Giáo Lý Bí Nhiệm chính là những La Sát đảo Lankã, các đối thủ đã bị Rãma chinh phục. Phải chăng những lời tường thuật này chẳng qua chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng trống rỗng? Chúng ta hãy thử dành ra chút ít thì giờ quan tâm tới đề tài này.

---

[1] Truyền thuyết của mọi quốc gia đều nêu rõ điều này. Donnelly đã trích dẫn tác phẩm Cổ Sử của Dân Tây Ban Nha của Linh Mục Duran (xuất bản năm 1885, trong đó một thổ dân sống lâu trăm tuổi ở Cholula đã giải thích lý do xây dựng lại Kim tự tháp ở Cholula như sau: "Thoạt đầu, khi ánh mặt trời được tạo ra, vùng này [Cholula] đã đắm chìm trong tối tăm… Nhưng ngay *sau khi ánh mặt trời xuất lộ ở phương Đông*, những người Khổng lồ đã xuất hiện … họ đã xây dựng lại Kim tự tháp nêu trên, sau đó, những kẻ xây dựng ấy đã tản mác đi khắp mọi nơi trên địa cầu".

Tác giả của Châu Atlantis (trang 204) cho rằng: "Khá nhiều lịch sử của Trung Mỹ đã liên quan mật thiết với hành vi của một giống người khổng lồ thời xưa được gọi là Quinanes".

NGƯỜI KHỔNG LỒ CÓ THẬT CHĂNG ?

Ở đây, chúng ta lại xung đột với khoa học; cho đến nay, khoa học vẫn còn phủ nhận việc con người đã từng cao lớn hơn nhiều so với một người vạm vỡ bình thường mà nay đôi khi chúng ta vẫn gặp. Tiến sĩ Henry Gregor tố cáo các truyền
279 thuyết về người Khổng lồ là dựa vào các sự kiện khó tiêu (ill-digested facts), và người ta đã đơn cử các thí dụ về những phán đoán sai lầm để bác bỏ các truyền thuyết như thế. Vậy mà vào năm 1613, ở một địa điểm mà từ xưa được mệnh danh là "Vùng của người Khổng lồ" ở Dauphiné Hạ (Pháp) cách St. Romans bốn miles người ta tìm thấy các khúc xương khổng lồ được vùi sâu trong đất cát. Chúng bị gán cho là các hài cốt người, thậm chí là hài cốt của Teutobodus, thủ lãnh dân Teuton bị Marius giết chết. Nhưng về sau, sự khảo cứu của Cuvier đã chứng tỏ chúng là các hài cốt hóa thạch của các con thú khổng lồ dài 18 feet (5, 48 m). Người ta đã dùng các dinh thự thời xưa để chứng tỏ rằng các tổ tiên sơ khai nhất của chúng ta không hề cao lớn hơn hẳn chúng ta, các cửa ra vào lúc ấy có vẻ kích thước cũng chẳng lớn hiện nay bao nhiêu. Chúng ta được biết người cao nhất thời xưa là Hoàng Đế La Mã Maximus, cũng chỉ cao bảy feet rưỡi (2,28m). Tuy nhiên, thời nay càng ngày chúng ta càng thấy có những người cao hơn mức này. Người Hung Gia Lợi được triển lãm ở gian hàng hội chợ Luân Đôn cao gần 9 feet (2, 74m). Ở Mỹ, người ta có trình bày một người khổng lồ cao 9 feet 6 inches; Montenegrin Danilo cao 8 feet 7 inches. Ở Nga và Đức, người ta thường thấy trong các giai cấp hạ lưu có những người cao trên 7 feet. Nay vì Darwin đã cho các lý thuyết gia về khỉ biết rằng các loài thú phát sinh từ sự lai giống luôn luôn bộc lộ một *"khuynh hướng quay về với kiểu mẫu nguyên thủy"* nên họ

cũng phải áp dụng định luật đó cho loài người. Nếu xưa kia không có mẫu người khổng lồ thì làm sao bây giờ có được những người khổng lồ.

Tất cả các điều này chỉ áp dụng được cho thời kỳ hữu sử. Và nếu cho đến nay, các bộ xương thuộc loài tiền sử đã không thể chứng tỏ một cách dứt khoát được (theo quan điểm của khoa học) chủ trương được đề xướng nơi đây, thì đó chẳng qua chỉ là vấn đề thời gian. Tuy nhiên, chúng ta dứt khoát phủ nhận thực tại về sự thất bại. Hơn nữa, như đã nêu rõ, vóc dáng người chỉ thay đổi chút ít từ Chu kỳ Chủng tộc vừa qua. Tất cả những người khổng lồ thời xưa đều bị chôn vùi dưới đáy biển, và hàng trăm ngàn năm thường xuyên bị nước cọ xát ắt đã làm tiêu tan thành tro bụi một pho tượng bằng đồng thau, chứ đừng nói là một bộ xương người. Và do đâu mà có chứng cớ của các tác giả cổ điển nổi tiếng, các triết gia và những kẻ, mặt khác, chưa bao giờ nổi tiếng nói dối? Vả lại, chúng ta nên nhớ rằng trước năm 1847, khi Boucher de Perthes bắt buộc khoa học phải chú ý tới điều đó, thì người ta hầu như chẳng biết gì về con người hóa thạch, vì khảo cổ học đã không biết gì về sự tồn tại của y một cách tự mãn. Chỉ có Thánh kinh là đã trình bày cho những kẻ minh triết ở Tây phương về những người khổng lồ đã hiện diện trên trần thế xưa kia; Hoàng Đạo là một chứng cớ duy nhất mà người ta kêu cầu tới để bổ chứng cho phát biểu về Orion tức Atlas, nghe nói y đã gánh vác thế giới trên đôi vai mình.

Tuy nhiên, ngay cả những người khổng lồ cũng không hề bị bỏ mặc không có chứng cớ và người ta cũng có thể xem xét cả hai khía cạnh của vấn đề. Ba khoa học – địa chất học, vũ trụ học và thánh kinh học (thánh kinh theo phương diện vũ trụ của nó) – có thể cung cấp cho chúng ta các bằng chứng

cần thiết. Bắt đầu là địa chất học; nó đã thú nhận rằng các bộ xương khai quật càng xưa cũ thì cấu trúc của chúng càng to lớn và mạnh mẽ. Đây là một bằng chứng chắc chắn có sẵn. Mặc dù tin tưởng một cách sùng tín vào Thánh kinh và chiếc bè của Noah, song le Frédéric de Rougemont vẫn là một nhân chứng khoa học như thường, ông đã cho rằng:

Tất cả những khúc xương mà người ta đã tìm thấy trong Tỉnh Gard ở Áo, Liège v.v…, các xương sọ này nhắc người ta nhớ tới mẫu người da đen… và vì kiểu mẫu của chúng có thể bị lầm lẫn với loài thú – đều đã thuộc về người có *vóc dáng cao lớn*.([1])

Lartet, một nhân vật có thẩm quyền cũng lặp lại điều đó, ông gán "một vóc dáng cao lớn" cho những kẻ bị nhận chìm trong trận Đại hồng thủy – không nhất thiết là trận Đại hồng thủy của Noah – và gán một vóc dáng nhỏ hơn cho các giống người sau đó.

Còn về phần chứng cớ mà tác giả thời xưa cung cấp, chúng ta không cần quan tâm tới chứng cớ của Tertullian, ông quả quyết rằng vào thời ông, người ta đã tìm thấy một số người khổng lồ ở Carthage – vì trước khi có thể chấp nhận được bằng chứng của ông thì người ta ắt phải chứng tỏ được tung tích, ([2]) nếu không phải là sự tồn tại thực sự của ông trước đã. Tuy nhiên, chúng ta có thể quay sang các tài liệu năm 1858, nó đề cập tới một "quan tài đá chứa những người khổng lồ" mà người ta tìm thấy vào năm đó cũng tại địa điểm của đô thị này. Còn về phần các tác giả Ngoại đạo thời xưa, chúng ta có bằng chứng của Philostratus, ông này có đề

[1] Lịch sử Địa Cầu, trang 154.

[2] Có những nhà phê bình vì không tìm thấy bằng chứng về sự tồn tại của Tertullian, ngoại trừ trong các tác phẩm của Eusebius, "kẻ trung thực", nên có khuynh hướng nghi ngờ nó.

cập tới một bộ xương khác dài 22 cubits (khoảng hơn 10 m – LND) và một bộ xương khác dài 12 cubits (khoảng 5,50m) mà chính ông đã thấy trên mũi đất Sigaeum. Protesilaus tin rằng bộ xương này có lẽ đã không phải của người khổng lồ bị Apollo giết chết khi thành Troy bị vây hãm; tuy nhiên đó là bộ xương của người khổng lồ, cũng như bộ xương của người khổng lồ khác mà Messecrate of Stira ở Lemnos – "xem thật gớm ghiếc" (theo Philostratus).([1]) Liệu có thể là thành kiến sẽ đưa khoa học đi xa đến mức xếp tất cả những người này vào hạng những kẻ điên rồ hay dối trá chăng ?

Pliny có đề cập tới một người khổng lồ mà ông cho rằng mình đã nhận ra nó là Orion, anh em của Ephialtes.([2]) Plutarch tuyên bố rằng Sertorius đã thấy ngôi mộ của người Khổng lồ Antaeus; và Pausanias cũng xác nhận sự tồn tại thực sự của các ngôi mộ của Asterius và Geryon, hoặc của Hillus, con của Hercules – tất cả đều là những người Khổng lồ, Titans và những người dũng mãnh. Cuối cùng trong tác phẩm kỳ diệu Các Núi Lửa của Hy Lạp, Linh Mục Pègues đã khẳng định rằng:

Ở gần các ngọn núi lửa thuộc đảo Thera, người ta thấy những người khổng lồ với xương sọ vĩ đại được xếp dưới các hòn đá khổng lồ. Muốn dựng chúng lên ở đâu thì phải cần dùng tới các năng lượng lớn lao, truyền thuyết ở mọi xứ đều liên kết chúng với các ý niệm về những người khổng lồ, núi lửa và pháp thuật.([3])

281 Cũng trong tác phẩm nêu trên, tác giả thắc mắc không biết làm sao mà trong Thánh kinh và truyền thuyết các vị

---

[1] Anh Hùng Ca, trang 35.

[2] Vạn Vật Học, Vii, xvi.

[3] Xem đoạn trên trong tác phẩm Các Vong Linh, của De Mirville, Quyển iii, trang 47 – 48.

Gibborim (những người khổng lồ hay kẻ "dũng mãnh") các Rephaim, những âm ma, và các Nephilim, hay "những kẻ sa đọa", lại được trình bày giống y nhau, mặc dù họ: "đều là *người*", vì Thánh kinh gọi họ là những người nguyên sơ dũng mãnh, tức là Nimrod. Giáo Lý Bí Nhiệm giải thích sự bí mật đó. Các danh hiệu này, đúng lý ra chỉ thuộc về bốn Giống dân trước và Giống dân thứ Năm vào thời kỳ sơ khai nhất, rõ ràng là ám chỉ hai Giống dân *Ma* (Tinh anh – Astral) đến Giống dân "Sa đọa" (Giống dân thứ Ba) và Giống dân Atlantis Khổng lồ (Giống dân thứ Tư) sau đó, "con người bắt đầu giảm bớt vóc dáng".

Bossuet thấy "tội lỗi nguyên thủy" là nguyên nhân của tục sùng bái ngẫu tượng trên thế giới sau này. Con Rắn trong Sáng Thế Ký nói với Eve rằng: "Ngươi sẽ giống như vị Thần", như vậy là đã tạo ra mầm mống đầu tiên của tục sùng bái *các vị thần giả.*[1] Ông cho rằng vì thế mới có tục sùng bái ngẫu tượng, các hình tượng người hay là được nhân hình hóa. Nhưng nếu người ta trình bày là tục sùng bái ngẫu tượng đó dựa vào điều này thì hai Giáo hội – nhất là giáo hội Hy Lạp và giáo hội La Tinh – cũng có tính cách sùng bái ngẫu tượng chẳng kém gì bất cứ tôn giáo nào khác. (2) Chỉ đến lúc

---

[1] Các Độ Cao (Élévations), trang 56.

[2] Và điều này như thế đấy, bất chấp sự cấm đoán chính thức tại Đại Hội Đồng Giáo Hội Elyrus vào năm 303 sau T.C., khi người ta tuyên bố rằng "hình tượng của Thượng Đế vốn phi vật chất và vô hình, sẽ không bị giới hạn bởi hình hài hay hình dáng". Năm 692, Giáo Nghị Hội Constantinople cũng cấm tín đồ "mô tả hoặc trình bày Đức Jesus *là một con chiên*" cũng như là quì gối để cầu nguyện, vì đó là hành vi sùng bái ngẫu tượng. Nhưng Giáo Nghị Hội Nicaea (năm 787) đã khai trừ John, Giáo trưởng Constantinople, vì đã tỏ ra thù địch với sự sùng bái ngẫu tượng.

có Giống dân thứ Tư thì con người, vốn đã mất hết quyền được xem là thiêng liêng, mới cầu cứu tới sự sùng bái cơ thể, nói cách khác là sùng bái sinh thực khí. Cho tới lúc đó họ đã thực sự là các Thần Linh, cũng thiêng liêng và thanh khiết như các Tổ Phụ của họ, và lối trình bày ẩn dụ về "Con Rắn" (mà chúng tôi đã trình bày trong các trang trước) không hề ám chỉ sự "Sa đọa" sinh lý của con người, mà lại ám chỉ việc họ Biết được Thiện và Ác, và họ có được sự hiểu biết này *trước khi* bị sa đọa. Đừng nên quên rằng, chỉ sau khi bị trục xuất khỏi vườn Địa Đàng thì "Adam mới biết Eve là vợ mình". Tuy nhiên, chúng ta sẽ không kiểm soát lại giáo điều của Giáo Lý Bí Nhiệm bằng cách thuyết minh Thánh kinh Hebrew theo lối chấp nê văn tự, mà đúng hơn là vạch ra các điểm đại đồng của hai bên khi xét theo ý nghĩa nội môn.

Chỉ sau khi rời bỏ thuyết Tân Platon, thì Clement ở Alexandria mới bắt đầu diễn dịch những người *khổng lồ* là *các con rắn* và giải thích rằng "rắn và người khổng lồ có nghĩa là *ma quỷ*".(1)

---

[1] Sáng Thế Ký vi. Trong tác phẩm Các Con Quái Vật Thần Thoại (trang 212), khi bàn về Con Rồng Trung Hoa và nền văn học Trung Hoa, ông Charles Gould đã cho rằng: "Tất cả mọi thần thoại, lịch sử, tôn giáo, chuyện dân gian và tục ngữ của nó đều đầy dẫy các lời ám chỉ một thực thể huyền bí có bản chất vật chất và các thuộc tính tinh thần. Vốn được phú cho một hình dáng cố định mà y có năng lực siêu nhiên vứt bỏ đi để khoác lấy các hình dạng khác, y có quyền năng ảnh hưởng tới thời tiết, tạo ra các cơn hạn hán, hoặc tha hồ hô phong hoán vũ. Có thể soạn ra bao nhiêu quyển sách từ các huyền thoại rải rác khắp mọi nơi liên quan tới đề tài này".

"Thực thể huyền bí" này chính là Con Rồng thần thoại, nghĩa là biểu tượng của vị Cao đồ có thật trong *lịch sử*, bậc Chơn Sư của Khoa huyền bí học thời xưa. Người ta đã vạch rõ đâu đó rằng các

282 Chúng ta có thể bảo rằng trước khi so sánh các giáo điều của mình với giáo điều của Thánh kinh, chúng ta phải chứng tỏ được bằng chứng xác đáng về sự tồn tại của những người Khổng lồ thuộc Giống dân thứ Tư, hơn là sự đề cập tới chúng mà chúng ta thấy trong Sáng Thế Ký. Chúng tôi xin đáp rằng các bằng chứng mà chúng tôi trình bày thật là thỏa đáng (ít ra thì cũng được ủng hộ bởi nhiều bằng chứng khoa học và văn chương) hơn là các bằng chứng về trận Đại hồng thủy Noah. Ngay cả các tác phẩm của Trung Hoa cũng đầy dẫy các hồi niệm như vậy về Giống dân thứ Tư. Trong bản dịch tiếng Pháp của Kinh Thư (Shoo-King)([1]) chúng ta đọc thấy:

---

vị "Đại pháp sư" của các Giống dân thứ Tư và thứ Năm thường được gọi là "Rắn" và "Rồng" theo danh hiệu các Tổ Phụ của họ. Tất cả các vị này đều thuộc về "các Con Rồng Minh Triết Bốc Lửa", các Thiền Định Đế Quân, tương ứng với các Nhật Tinh Quân, Maruts và Rudras nói chung, vì Rudras phát sinh từ cha họ vốn đồng nhất với Hỏa Thần. Trong kinh điển còn nói nhiều hơn nữa. Nay dĩ nhiên là Clement, một Điểm đạo đồ Tân Platon, biết nguồn gốc của từ ngữ "Rồng" và lý do tại sao các Điểm đạo đồ lại được gọi như thế, vì Ngài biết bí nhiệm về Linh Xà, Christ, Con Rắn có bảy nguyên âm của môn đồ phái Ngộ Đạo. Ngài biết rằng giáo điều của tín ngưỡng mới của mình cần phải biến đổi mọi kẻ *kình địch* của Jehovah – các Thiên Thần mà người ta giả sử là đã nổi loạn chống lại Đấng "Elohim" đó, chẳng khác nào người Khổng lồ Prometheus nổi loạn chống lại Zeus, kẻ chiếm đoạt cõi giới của cha y – và biết rằng "Rồng" là danh xưng thần bí của các "Con của Minh Triết". Vì hiểu biết như vậy nên ông mới định nghĩa một cách vừa độc ác vừa độc đoán như sau: "Các con rắn và người khổng lồ có nghĩa là *ma quỷ*", nghĩa là không phải là các "Vong Linh" mà là "*Yêu Quỷ*" (theo lối nói của Giáo hội).

[1] Phần IV, Chương xxvii, trang 291.

Khi Miao-tse (giống dân sa đọa tiền đại hồng thủy [chú thích của nhà bình giảng] xưa kia đã ẩn cư trong các hang đá, nghe nói con cháu của họ vẫn còn ở lân cận trong vùng Quảng Châu), ([1]) vì bị Tchy-Yeoo quyến rũ đã làm chấn động toàn thể địa cầu, thì nó trở thành đầy dẫy bọn đầu trộm đuôi cướp (theo các tài liệu cổ truyền của chúng ta)…Đấng Thánh Thượng (Chang ty [một vị Thánh Vương của Triều đại Thiêng liêng]) để mắt đến thần dân và thấy họ chẳng còn chút dấu vết đức hạnh nào hết. Thế là Ngài ra lệnh cho Tchong và Ly [hai Thiền Định Đế Quân thấp] cắt đứt liên lạc giữa cõi trời và hạ thế. Từ đó, không còn có chuyện *thăng lên giáng xuống nữa* !([2])

---

[1] Về điều khẳng định của chúng tôi, quí vị ắt sẽ bảo rằng người Trung Hoa – tôi đang đề cập tới những người Trung Hoa nội địa chân chính, chứ không phải là sự lai giống giữa Giống dân thứ Tư và thứ Năm đang nắm quyền trị vì hiện nay [nghĩa là vào năm 1888]- những người dân bản xứ có dân tộc tính thuần túy hoàn toàn thuộc về chi chủng cuối cùng và cao siêu nhất của Giống dân thứ Tư đã đạt đến tuyệt đỉnh văn minh khi Giống dân thứ Năm vừa xuất hiện ở Châu Á. [Phật Giáo Bí Truyền, ấn bản kỳ 8, trang 69]. Và một số người Trung Hoa nội địa này đều có một vóc dáng rất cao. Nếu chúng ta có thể tìm thấy bản thảo xưa nhất bằng tiếng Lolo (ngôn ngữ của dân bản xứ Trung Hoa) và dịch chúng ra một cách chính xác, thì chúng ta ắt sẽ tìm thấy nhiều bằng chứng vô giá. Nhưng chúng thật là hiếm có vì chẳng ai hiểu được chúng. Cho tới nay, chỉ có một, hai nhà khảo cổ Tây phương đã có thể tìm được các tác phẩm vô giá như thế.

[2] Được trích dẫn trong sách đã dẫn của De Mirville, Quyển iii, trang 53. Chúng ta nên nhớ phát biểu tương tự trong Thánh Thư Enoch, cũng như là cái thang mà Jacob đã thấy khi nằm mơ. "Hai thế giới" dĩ nhiên có nghĩa là hai cõi Tri Thức và Hiện Tồn. Một nhà linh thị có thể liên lạc với các Thực Thể thuộc một cõi cao hơn cõi Trần mà không rời khỏi chiếc ghế của mình.

"Thăng lên giáng xuống" nghĩa là một sự liên giao không bị chướng ngại giữa hai Thế giới.

Vì không tiện trình bày thật đầy đủ từng chi tiết lịch sử của Giống dân thứ Ba và thứ Tư, chúng tôi chỉ có thể góp nhặt những sự việc lẻ loi có liên quan đến những giống dân trên trong tầm mức tối đa mà chúng tôi có thể. Khi mà những
283 "lớp áo da" của con người càng ngày càng trở nên dày đặc và họ càng ngày càng trở nên sa đọa vì tội lỗi, thì sự giao tiếp giữa Con Người Vật Chất và Con Người *Thiêng Liêng* bị gián đoạn. Tấm Màn Vật Chất giữa hai cõi đã trở nên quá nặng trọc không thể vượt qua được cho dù bởi Con Người Nội Tại. Các Bí Nhiệm của Trời và Đất gồm các Giáo Lý Nhiệm mầu tiết lộ cho Giống dân thứ Ba trong thời kỳ họ còn hồn nhiên, tinh khiết, đã trở nên một trung tâm ánh sáng, mà tác động soi đường dẫn lối đương nhiên bị sút giảm ảnh hưởng khi nó được ban rải trên một mảnh đất không thuận lợi vì bị chìm sâu trong vật chất. Trong đám quần chúng ô hợp, những kiến thức đó dần dần trở nên đồi trụy và biến thành tả đạo bàng môn, rồi sau khoác lấy những hình thức tôn giáo công truyền, tôn thờ hình tượng, đầy dẫy những mê tín dị đoan, hoặc tôn thờ cá nhân hay suy tôn người hùng. Chỉ có một số ít người ban sơ còn giữ được điểm Minh Triết Thiêng Liêng bừng sáng trong tâm hồn, lại càng chói rạng mãnh liệt hơn trong khi chính điểm linh quang ấy càng lúc càng lu mờ trải qua thời gian trong linh hồn những kẻ dùng nó vào những mục đích tà vạy. Chỉ có những người kể trên mới được giao phó trách nhiệm do các Đấng Giáo Chủ Thiêng Liêng tiết lộ cho nhân loại. Trong số đó, có những người vẫn ở trong trạng thái hồn nhiên của những vị Thiên Đồng vô nhiễm ngay từ lúc đầu. Giáo lý Huyền môn cũng xác nhận truyền thuyết nói

rằng những vị có ân sủng được chọn lựa và giao phó sứ mạng nói trên là những mầm giống của một Đẳng cấp thiêng liêng *bất tử kể từ thời đó trở về sau*. Vấn Đáp Giáo Lý của các Trường Nội Môn dạy:

*Con người Nội tại của ***[1] Đầu tiên chỉ thỉnh thoảng mới thay đổi thể xác. Người bao giờ cũng vậy, không biết có nghỉ ngơi hay phúc lạc cõi Niết Bàn, từ bỏ Devachan và luôn luôn ở lại thế gian để cứu rỗi nhân loại… Trong bảy vị Kumãra (Thiên Đồng)[2] có bốn vị tự hy sinh vì tội lỗi của con người đời và vì sự giáo hóa kẻ ngu dốt, sẽ ở lại thế gian cho đến khi kết thúc Chu kỳ sinh hoạt hiện tại. Tuy vô hình vô ảnh, nhưng các vị luôn luôn hiện diện khắp nơi. Khi thiên hạ nói về một trong các Đấng đó, "Ngài đã chết" thì xem kìa, Ngài vẫn sống và khoác lấy một hình hài khác. Đó là Trí, Tâm, Linh Hồn và Mầm mống của Tri Thức bất tử (Jnãna). Hỡi đệ tử, con đừng bao giờ đề cập tới các Đấng Cao Cả này [Ma hã…] [3] trước quần chúng, gọi đích danh các Ngài. Chỉ có kẻ minh triết mới hiểu được.*

Chính bốn vị Thiên Thần này đã được diễn tả bằng những biểu tượng và ẩn dụ trong kinh Linga Purãna, kinh này khẳng định rằng với vai trò là một vị Kumãra, Vãmadeva (Shiva) tái sinh trong mỗi Thiên Kiếp (trong trường hợp này là Giống dân) làm bốn thanh niên – bốn người da trắng; bốn người da đỏ; bốn người da vàng; và bốn người da đen hay nâu. Chúng ta nên nhớ rằng Shiva chủ yếu là một tu sĩ khổ

---

[1] Trong nguyên bản tiếng Anh, chỗ này đánh dấu ba sao – LND.

[2] Xem giảng lý về Bốn Giống dân và "Các Con của Ý Chí và Yoga", hậu duệ vô nhiễm của Giống dân thứ Ba Bán thư bán hùng. [Quyển 3].

[3] Trong kinh Kabalah, sự tuyên đọc húy danh tứ tự là một bí nhiệm nhất.

hạnh, bảo trợ cho mọi đạo sĩ Yoga và Cao đồ, thì chúng ta sẽ hiểu ngay được ẩn dụ. Chính tinh thần của Minh Triết Thiêng Liêng và thuật Khổ hạnh trinh khiết lâm phàm nơi các kẻ được Tuyển định này. Chỉ sau khi *đã kết hôn* và bị các Thần
284 Linh kéo ra khỏi cuộc sống khổ hạnh khủng khiếp, thì Rudra mới biến thành Shiva, một vị Thần – chứ không phải là một Đấng thuộc loại đức hạnh hoặc từ bi nhất – trong chư Thần Ấn Độ. Cao hơn "bốn vị" này là một VỊ DUY NHẤT ở dưới Đất cũng như trên Trời, tức Đấng Cao Cả huyền bí và trầm lặng đã diễn tả trong Quyển I.

Nay chúng ta phải xét tới bản chất của "Các Con của Ngọn Lửa" ("Sons of the Flames") và "Minh Triết U Ám" ("Dark Wisdom"), cũng như là các lý luận tán thành và phản đối thuyết về Quỷ Satan.

Những câu rời rạc như thế được trích ra từ các mảnh ngói có khắc chữ mà George Smith gọi là "Sự đọa đày sau khi Sa ngã"; ([1]) dĩ nhiên là chỉ có tính cách ẩn dụ; thế nhưng, chúng cũng bổ chứng cho những điều mà các sách của chúng tôi rao giảng về thực chất của sự Sa đọa của các Thiên Thần. Thế là nghe nói "Đấng Thổ Tinh gọi đích danh Ngài là Cha Elu[Elohim]" và tuyên bố "đọa đày" Ngài, "Thần Hea nghe thấy liền giận lên vì con người [Chơn Nhơn] đã làm ô uế sự thanh khiết của Ngài". Vì vậy, Thần Hea mới muốn rằng "*minh triết và tri thức* hãy gây thiệt hại cho y [con người]".([2])

Câu chót nêu rõ mối liên lạc trực tiếp của lối tường thuật Chaldea với Sáng Thế Ký. Trong khi mà thần Hea ra sức xóa bỏ minh triết và tri thức mà con người thủ đắc được, nhờ

[1] Sáng Thế Ký theo dân Chaldea, trang 81.

[2] Như trên, trang 84, dòng 12, 14 và 15.

năng lực sáng tạo một cách hữu thức về mặt trí tuệ mà y mới đạt được – như thế là khiến cho Thượng Đế (các Thần) không còn giữ độc quyền sáng tạo nữa – thì các Elohim cũng làm như vậy trong chương ba của Sáng Thế Ký. Do đó, các Elohim mới đuổi y ra khỏi vườn Địa Đàng (Eden).

Nhưng điều này thật là vô ích. Đó là vì Tinh Thần Minh Triết Thiêng Liêng vốn ở *trên* và ở *trong* con người – đó thật đúng là Con Rắn Vĩnh Cửu và Toàn Tri, trí tuệ tinh thần giúp y biết được *bí nhiệm* về sự "Sáng Tạo" trên các cõi của quyền năng tạo tác, và bí nhiệm của sự sinh hóa trên cõi Trần – đã tự nhiên dẫn dắt y khám phá ra con đường bất tử, bất chấp sự ganh tỵ của mọi Thần Linh.

Những người Lemuria-Atlantis sơ khai bị tố cáo là đã lấy các người vợ thuộc giống dân thấp, nghĩa là giống người cho đến nay vẫn còn vô trí (trong khi họ là các hóa thân thiêng liêng). Mọi Thánh kinh cổ truyền đều có một huyền thoại giống như vậy và đã bị xuyên tạc ít nhiều. Thoạt tiên là sự Sa đọa của các Thiên Thần, nó đã biến "Con đầu lòng" của Thượng Đế thành các Asuras, hoặc thành ra Ahriman hay Typhon của "kẻ Ngoại đạo"- nghĩa là nếu các lối tường thuật trong Thánh Thư Enoch ([1]) trong tác phẩm của Hermes,

[1] Khi một lần nữa trở lại đề tài quan trọng nhất này trong Vũ trụ khởi nguyên luận Cổ sơ, ngay cả trong các huyền thoại Bắc Âu, trong các cuốn Thánh kinh của Nữ Thần Saga, chúng ta cũng thấy Loki, em ruột của Odin – cũng như Typhon, Ahriman v.v… lần lượt là em của Osiris và Ormazd – đã chỉ trở thành gian ác sau này, khi Ngài đã trộn lẫn với nhân loại quá lâu dài. Cũng như mọi vị Thần Ánh Sáng hoặc Thần Lửa khác – Lửa đốt cháy và hủy diệt cũng như là sưởi ấm và ban cấp sự sống – rốt cuộc Ngài đã bị xét theo ý nghĩa hủy diệt của "Lửa". Danh hiệu *Loki* mà chúng ta hiểu

285 trong kinh Purãnas và trong Thánh kinh được hiểu theo nghĩa đen, thì khi được thuyết minh theo lối bí truyền, nó chỉ có nghĩa đơn giản như sau:

Các câu như "Trong cơn tham vọng, y [Satan] đưa tay dọn Thánh điện của Thượng Đế" v.v… phải được thuyết minh là : "Bị thúc đẩy bởi một Luật Tiến Hóa Đời Đời và Nghiệp Quả, Thiên Thần đã lâm phàm nơi Con Người. Và vì Minh Triết và Tri Thức của y vẫn còn thiêng liêng, mặc dù Hình hài sắc tướng của y thuộc về trần tục, nên – một cách ẩn dụ - y bị buộc tội là đã tiết lộ các Bí nhiệm của cõi trời. Y phối hợp và sử dụng hai thứ đó cho mục tiêu sinh sản loài người, thay vì là siêu nhân. Từ đó trở đi, "con người *sản sinh* chứ không *sáng tạo*".(1) Nhưng vì, khi làm thế, y phải dùng

---

được qua tác phẩm Asgard và Chư Thiên (trang 250) đã thoát thai từ một từ ngữ cổ *liuhan*, nghĩa là soi sáng. Do đó, nó có nguồn gốc giống như tiếng La Tinh *Lux* là ánh sáng. Vì thế Loki đồng nhất với Lucifer tức là Kẻ soi đường. Vốn được dành cho U Minh Thánh Vương (Prince of Darkness), tôn danh này thật là hết sức gợi ý và bản thân nó là một điều xác minh chống lại sự vu khống của thần học. Nhưng Loki có liên hệ mật thiết hơn với Prometheus vì người ta trình bày là Ngài bị xích vào một tảng đá nhọn, còn Lucifer cũng đồng nhất với Satan, lại bị xiềng xích dưới Địa Ngục. Tuy nhiên, đó là một hoàn cảnh khiến cho không ai có thể mặc sức tung hoành trên Trần Thế, nếu chúng ta chấp nhận trọn vẹn nghịch lý của thần học. Thoạt tiên, Loki là một vị phúc thần rộng lượng dũng mãnh và là nguyên khí thiện chứ không phải là nguyên khí ác, trong thần phổ học Bắc Âu cổ sơ.

[1] Các thần thoại Hy Lạp mà chúng ta vừa nói bóng gió ở một vài trang trước đây – nghĩa là chuyện Uranus bị con mình là Kronos xẻ đôi – là một điều ám chỉ việc người Con của Trời và Đất "đánh cắp" *Lửa thiêng sáng tạo*. Nếu Uranus, hiện thân của các Quyền năng Thiêng liêng đã phải ngừng sáng tạo (Ngài bị Kronos, Thần *Thời gian* làm cho bất lực) thì cũng vậy, trong vũ trụ khởi nguên

Hình hài yếu ớt của mình làm phương tiện sinh sản, nên Hình hài ấy sẽ bị trừng phạt do việc đã đem Minh Triết này từ Thiên Đàng xuống Trần Thế; do đó, sự ô uế thể chất sẽ trở thành sự đày đọa tạm thời.

Các môn đồ Do Thái Bí giáo thời Trung Cổ thừa biết điều này, vì một trong số người đó đã không ngần ngại viết rằng:

Thoạt tiên kinh Kabalah được chính Thượng Đế giảng dạy cho một Hội đoàn tuyển định chư Thiên, vốn hợp thành một trường phái minh triết thiêng liêng trên Thiên Đàng. Sau khi có sự Sa đọa, chư Thiên đã mở lòng từ bi truyền thụ giáo lý thiêng liêng này cho đứa trẻ ngỗ nghịch trên Trần Thế, để cung cấp cho những người nguyên sơ phương tiện trở lại tình trạng cao thượng và toàn phúc nguyên thủy.([1])

Điều này đã chứng tỏ lối thuyết minh của các tín đồ Do Thái Bí giáo Thiên Chúa về sự việc các Con của Thượng Đế kết hôn với và truyền thụ các Bí nhiệm Thiêng Liêng của cõi

---

luận Ai Cập, chính Thot (Thần Minh Triết) đã điều chỉnh trận chiến này giữa Horus và Set, Set bị Horus tập kích cũng chẳng khác nào Uranus bị Kronos xẻ thịt. (Xem Tử Vong Kinh, chương xvii, dòng 226). Trong lối tường thuật Babylonia, chính Thần Zu đã tước mất *umsimi* – cơ quan sáng tạo lý tưởng, chứ không phải là "vương miện" (!) như G. Smith đã lầm tưởng (sách đã dẫn, trang 115 – 116) – của "Cha của chư Thiên". Đó là vì trong đoạn văn K. 3454 (Viện Bảo Tàng Anh Quốc), người ta đã vạch rõ rằng Thần Zu đã đoạt mất *dục vọng* của "bậc đại đức trên trời"; Ngài đã lấy đi "*umsimi* của chư thiên", và do đó đã thiêu rụi "tereti [quyền năng] của mọi thần linh", thế là "đã chi phối toàn bộ mầm mống của mọi thiên thần". Vì *umsimi* ở "*trên chỗ ngồi*" của Bel nên nó khó lòng có thể là "vương miện". Một lối thuyết minh thứ tư là ở trong Thánh kinh. Ham là Thần Zu của dân Chaldea, và cả hai đều bị đọa đày vì một trọng tội đã được mô tả một cách ẩn dụ như trên.

[1] Do Christian Ginsburg trích dẫn từ kinh Kabalah.

Trời cho các người Con Gái của Nhân Loại – điều này đã được Enoch trình bày một cách ẩn dụ trong chương sáu của Sáng Thế Ký – toàn bộ thời kỳ này có thể được xem như là thời kỳ *tiền nhân loại*, thời kỳ Con Người Thiêng Liêng; hoặc – theo lối nói hiện nay của thần học Tin Lành linh động – thời kỳ Tiền Adam. Nhưng ngay cả Sáng Thế Ký cũng mở đầu lịch sử chân thật của mình (chương vi) bằng việc những người khổng lồ "thời đó" và "các Con của Thượng Đế" lấy vợ – các người "con gái nhân loại" – và dạy vợ.

286 Thời kỳ này chính là thời kỳ được mô tả trong kinh Purãnas và vì nó liên quan tới thời đại thật sơ khai (vì thế là thuộc về thời tiền sử), nên làm sao mà bất kỳ nhà nhân loại học nào có thể đoan chắc rằng liệu loài người vào thời kỳ đó có hay không giống như y biết hiện nay? Tất cả mọi Nhân vật trong kinh Brãhmanas và Purãnas – các Rishis, Prajãpati, Bàn Cổ và thê tử của các Ngài – thuộc về thời kỳ tiền nhân loại đó. Có thể nói tất cả các vị này là *Mầm mống* của Nhân loại. Các bộ khung xác thịt của chúng ta đã tăng trưởng tới mức như hiện nay xung quanh các "Con của Thượng Đế", các người con "trí sinh" tinh anh của Brahmã. Đó là vì lịch sử (trong kinh Purãnas) của tất cả những người này là lịch sử của các Chơn Thần chúng ta, trong vô số kiếp lâm phàm khác nhau trên Cõi này và các Cõi khác; đó là các biến cố mà "Thiên Nhân" của các nhà Linh thị thời xưa – "Mắt thứ Ba" trong Thiền Định Chân Kinh – đã tri giác được và mô tả một cách ẩn dụ. Sau này, chúng đã bị xuyên tạc vì các mục đích giáo phái, mặc dù bị cắt xén nhưng chúng vẫn còn giữ lại được một nền tảng chân lý đáng kể. Trong các chuyện ẩn dụ đó, triết lý cũng không kém phần thâm thúy vì đã bị che giấu kín do trí tưởng tượng phát sinh quá đáng.

Nhưng với Giống dân thứ Tư, chúng ta đã bước vào một thời kỳ nhân loại thuần túy. Những vị từ trước đến nay vẫn là những Đấng có nguồn gốc thiêng liêng, bị giam hãm trong những thể xác chỉ giống loài người ở phần hình thức bên ngoài, đã trở nên biến đổi về mặt sinh lý và kết hợp với những người vợ hoàn toàn là người thế tục, nhưng thật sự là hóa thân của những Thiên Thần bậc thấp. Trong các lối tường thuật Nội môn, các Đấng dưới dạng nữ này – trong các truyền thuyết Do Thái, Lilith là nguyên kiểu của họ - được gọi là Khado (Dãkinĩ, theo tiếng Bắc Phạn). Các huyền thoại ẩn dụ gọi vị thủ lãnh của các Lilith này là Liliths Sangye Khado (theo tiếng Bắc Phạn là Phật Dãkinĩ); người ta tin rằng tất cả đều có thuật "đằng vân" và "*rất từ bi đối với thế nhân*", nhưng không có *trí tuệ*, chỉ có bản năng thú tính.([1])

c. Đây là giai đoạn đầu của nghi thức thờ phụng mà trong những thế hệ tương lai đã thoái hóa và biến đổi thành sự thờ phụng tính dục nam nữ. Nghi thức này bắt đầu bằng sự chiêm ngưỡng thể xác con người – được xem như là điều bí nhiệm nhất trong các bí nhiệm – và kết thúc bằng sự thờ phụng chiêm bái tính dục. Các tín đồ có vóc dáng khổng lồ, nhưng họ lại không hiểu sâu biết rộng, mặc dù kiến thức đã đến với họ một cách dễ dàng hơn đến với con người ngày nay. Họ có tài khoa học bẩm sinh. Người Lemuria-Atlantis

[1] Schlagintweit, Phật Giáo ở Tây Tạng, trang 248. Đó là các Đấng mà sự tồn tại thần thoại đã dùng làm một nền tảng để xây dựng Lilith của các giáo sĩ Do Thái, và cái mà kẻ tin tưởng vào Thánh kinh ắt gọi là những phụ nữ thời tiền đại hồng thủy, và các môn đồ Do Thái Bí giáo gọi là các giống dân tiền Adam. Họ đâu phải là tưởng tượng – chắc chắn là như vậy, mặc dù sau này nó đã phát triển mạnh về phía hoang đường.

không cần khám phá và khắc sâu vào tâm khảm những gì mà NGUYÊN KHÍ làm linh hoạt y *đã biết* vào lúc nó lâm phàm. Chỉ có thời gian và sự trì độn của Vật Chất mà các *nguyên khí* đã khoác lấy, mới có thể một mặt làm họ quên bớt mớ trí thức tiên thiên, mặt khác làm cùn nhụt (và thậm chí làm tắt ngấm)
287 mọi điểm linh quang ẩn tàng nơi họ. Do đó, ngay từ đầu, họ đã trở thành nạn nhân của các thú tính và đã nuôi dưỡng những "con quái vật" – nghĩa là những người khác họ về đủ mọi phương diện.

Khi đề cập tới những người Khổng lồ, Creuzer đã mô tả họ một cách tài tình như sau:

Các người con của Trời và Đất này bẩm sinh đã được các *Quyền năng Vô thượng* (các Đấng sinh thành ra chúng) phú cho các năng lực phi thường về mặt đạo đức lẫn thể chất. *Họ điều khiển Ngũ hành, biết được các bí nhiệm của Trời và Đất của biển cả và toàn thể thế giới, và biết được chuyện vị lai theo các vì sao*… Thật vậy, dường như là khi thuyết giải về các ngôi sao, người ta không hề bàn tới *con người như chúng ta đây*, mà phải bàn tới các Ngũ Hành Thần Quân xuất phát từ trong lòng của Thiên Nhiên và hoàn toàn khống chế nó… Tất cả các Đấng này đều nổi bật lên với một đặc tính về *pháp thuật* và *phù thủy*…

Và họ như thế đấy, các Đấng nay là các bậc anh hùng thần thoại của các giống dân tiền sử, vẫn còn thực sự tồn tại. Trong thế hệ của mình, Greuzer thật là minh triết, vì ông đã không khép tội cố tình ngạo mạn, dần độn và mê tín dị đoan cho vô số triết gia lừng danh, họ đã đề cập tới các giống dân này và khẳng định ngay cả vào thời họ, họ đã thấy các vật hóa thạch của các giống dân này. Xưa cũng như nay đều có những kẻ hoài nghi, nhưng ngay cả một Lucian, một Democritus và một Epicurus cũng phải chấp nhận bằng chứng của các sự kiện và chứng tỏ năng lực phân biện của các

bậc đại trí thức chân chính, vốn có thể phân biện với thực và chân lý với điều phóng đại và trá ngụy. Các tác giả thời xưa cũng đều rõ chẳng kém gì những con người khôn ngoan hiện nay; đó là vì, tác giả của "Giảng lý về Tâm lý học của Aristotle Liên quan tới Tư Tưởng Hiện đại" đã nhận xét một cách chí lý như sau:

Xét về mặt tư duy, việc thiên hạ thường chia lịch sử ra thành sử cổ đại và sử hiện đại thật là … lầm lạc. Về nhiều phương diện, người Hy Lạp vào thế kỷ thứ tư trước T.C. là những người hiện đại; nhất là xét về chủ nghĩa hoài nghi của họ (chúng ta có thể nói thêm như vậy). Họ rất có thể là không chịu chấp nhận các *huyền thoại* một cách dễ dàng như vậy.

Tuy nhiên, những giống người Lemuria và Atlantis "Con của Trời và Đất" thật sự đã biểu lộ rõ rệt một tính chất *tả đạo bàng môn*. Khoa huyền môn lên án họ về đặc tính này và nếu chuyện ấy có thể tin được, thì nó sẽ giải đáp những thắc mắc của khoa học về vấn đề nguồn gốc con người, hay đúng hơn, những sự tương đồng về cơ năng thể chất giữa con người và loài *Khỉ đột*. Huyền môn lên án họ đã phạm tội ác đồi trụy là phối hợp với "loài thú" và sinh ra một giống khỉ ngày nay đã tuyệt diệt. Dĩ nhiên là cũng như xét về vấn đề sự sinh sản tự nhiên – Nội môn Bí giáo tin tưởng và dạy điều này – khả năng con người pha giống với bất kỳ loài thú nào sẽ bị phủ nhận. Nhưng ngoại trừ việc xét rằng vào thời sơ khai đó (như đã được nhận xét) chẳng những người Khổng lồ Atlantis cũng như con thú nào đã là những người hoàn hảo về mặt sinh lý và những động vật hữu nhũ mà chúng ta biết hiện nay, thì các quan niệm hiện tại về đề tài này – kể cả quan niệm của các nhà sinh lý học – còn quá bấp bênh và dao động khiến cho họ không thể hoàn toàn phủ nhận một sự kiện như vậy một cách *tiên nghiệm (a priori*) được.

288 Khi lời Bình luận trên được phân tích tỉ mỉ, người ta nghĩ rằng những vị Hóa Thân mới chuyển kiếp trong các giống dân trên, đã phối hợp với những sinh vật bị gọi là "thú". Gọi là "thú" không phải bởi vì họ không phải là người, mà bởi vì họ hoàn toàn khác về thể chất và trí khôn với những giống người kiện toàn đã phát triển đầy đủ về mặt sinh lý vào thời kỳ trước đó. Chúng ta hãy nhớ ĐOẠN KINH 7 và những gì đã nói trong Đoạn 24: "Khi "những Người Con của Minh Triết" đầu thai lần đầu tiên, vài vị đã đầu thai hoàn toàn, những vị khác chỉ phóng xuất một Đốm sáng vào các hình thể, trong một số Hình bóng bị bỏ sót lại, sau khi được săn sóc và kiện toàn cho đến thời kỳ Giống dân thứ Tư. Thế là những giống người này không có trí khôn và không có sự hiểu biết vẫn ở mãi mãi trong hình tượng đó, ngay cả sau khi có sự phân chia nam nữ. Chính những người này đã phạm vào tội lỗi hỗn giao như đã kể trên và sinh ra các quái vật, và chính trong hàng con cháu và hậu duệ của những giống người ấy mà về sau người Atlantis đã chọn lấy làm vợ. Người ta đã giả sử rằng Adam và Eve, cùng với Cain và Abel là gia đình *nhân loại* duy nhất trên Trần Thế. Thế nhưng, chúng ta thấy Cain đi đến xứ sở của Nod và lấy vợ ở đó. Hiển nhiên là chỉ có một giống dân duy nhất mà người ta giả sử là hoàn hảo đủ để được gọi là nhân loại, và ngay cả thời nay, khi mà người Tích Lan xem đám thổ dân Veddhas trong vùng rừng rậm là *những con thú biết nói* không hơn không kém, thì một số người Anh lại ngạo mạn tin chắc rằng mọi gia đình nhân loại – nhất là những người Ấn Độ da đen – là một giống người *thấp kém*. Vả lại, có những nhà vạn vật học đã nghiêm chỉnh xét vấn đề liệu một vài bộ lạc dã man – chẳng hạn các thổ dân Nam Phi – có thể được xem là *người* chăng. Lời bình luận diễn tả

những giống thú "có nhan sắc dễ nhìn" ấy như là sinh vật đi trên hai chân:

Chúng có hình dáng của con người, nhưng phần dưới thân mình, từ bụng trở xuống lại phủ đầy lông.

Có lẽ vì thế có giống người *dâm đãng.*

Nếu con người đã có từ hai triệu năm nay, thì cũng như loài thú, họ hẳn phải có thể chất và cơ năng hoàn toàn khác hẳn với ngày nay, và lúc đó cơ cấu thể chất của họ gần với nhũ động vật hơn là bây giờ. Dù sao, chúng ta được biết rằng loài động vật chỉ sinh sản truyền giống *trong phạm vi* cùng loài với chúng, kể từ khi giống dân Atlantis *xuất hiện trên Địa Cầu*. Tác giả của tác phẩm tài tình Khoa Học Hiện Đại và Tư Tưởng Hiện Đại đã chứng tỏ rằng ngay cả hiện nay, ý niệm về "sự từ chối pha giống với loài khác" hoặc "sự không sinh sản đó là kết quả duy nhất của sự pha giống như thế", dường như là một sự suy diễn phiến diện hơn là một định luật tuyệt đối. Ông chứng tỏ rằng:

Thật vậy, nhiều loại khác nhau thường pha giống với nhau, chúng ta có thể thấy điều này nơi thí dụ quen thuộc về con ngựa và con lừa. Quả thật là trong trường hợp này, con la bị tuyệt tự… Nhưng qui luật này không có tính cách phổ quát, và mới gần đây, người ta đã tạo ra một giống lai mới, giống thỏ nhà lai thỏ rừng (leporine or hare-rabbit) hoàn toàn mắn đẻ.

289 Hậu duệ của chó sói và chó nhà cũng là một ví dụ, chẳng khác nào trường hợp nhiều gia súc khác, chẳng hạn như chồn và chó. Rutimeyer đã chứng tỏ rằng con bò Thụy Sĩ hiện nay là dòng dõi của ba loài bò hóa thạch riêng biệt*: loài Bos primigenius, loài Bos longifrons và loài Bos frontosus".(1) Thế*

[1] Sách đã dẫn, trang 101 – 102.

nhưng chúng ta được biết rằng một số các loài này chẳng hạn như họ khỉ (nó rất gần giống con người về cấu trúc thể chất) bao hàm.

Nhiều chi, các chi được phân cấp thành một chi khác, nhưng các cực độ của chúng khác nhau còn nhiều hơn loài người khác loài khỉ cao cấp nhất.

Chẳng hạn như con đười ươi (gorilla) và con tinh tinh (chim panzee).

Như thế, nhận xét của Darwin – hay liệu chúng ta nên bảo rằng nhận xét của Linnaeus?- "Thiên Nhiên không tiến bằng cách nhảy vọt", không những được bổ chứng bằng Nội môn Bí giáo, mà còn – nếu có bất kỳ cơ may nào là chân lý sẽ được chấp nhận bởi các tín đồ trực tiếp của nó – dung hòa thuyết tiến hóa hiện đại (về nhiều phương diện nếu không phải là toàn bộ) với các sự kiện, cũng như là với sự thất bại hoàn toàn của các nhà nhân loại học khi muốn hội ngộ với "cái khoen khuyết tịch" trong các địa tầng thuộc cuộc Tuần Hoàn thứ Tư.

Chúng ta sẽ chứng tỏ đâu đó rằng mặc dù vô thức, khoa học hiện đại cho chúng ta thấy rằng các điều thừa nhận của nó và De Quatrefages thật là chí lý khi De Quatrefages gợi ý trong tác phẩm cuối cùng của ông là người ta sẽ khám phá ra rằng con khỉ giống người *thoát thai từ con người* hơn là hai loài này có chung nhau một vị tổ tiên huyền hoặc và không thể tìm thấy nơi đâu. Như thế, ít ra cũng có một nhà khoa học lỗi lạc chứng nhận cho sự minh triết cho các nhà soạn Thiền Định Chân Kinh và nhà Huyền bí thích tin vào những gì mà Giảng lý dạy, như y đã từng làm như vậy, như sau:

Con người là động vật hữu nhũ đầu tiên và cao cấp nhất xuất hiện trong cơ sáng tạo [cuộc Tuần Hoàn thứ Tư] này. Rồi tới con thú còn khổng lồ hơn nữa; và sau hết là người câm đi trên bốn

chân. [Đó là vì] các La sát [Quỷ Khổng Lồ] và Daityas [Titans] của Bạch Đảo [Châu] đã làm ô uế tổ tiên của y [người câm].

Vả lại, như chúng ta thấy, có những nhà nhân loại học đã truy nguyên con người tới tận thời kỳ xa xưa đến mức phá tan bức rào biểu kiến giữa các niên đại ký của khoa học hiện đại và giáo lý cổ sơ. Quả thật là các nhà khoa học Anh Quốc nói chung đã không chịu thừa nhận giả thuyết về một con người ngay cả vào thời Đệ tam kỷ. Họ đều đo lường sự xưa cũ của Con người nguyên sơ bằng sự hiểu biết và các thành kiến của chính mình. Thật vậy, Huxley dám suy lý về khả năng có một con người vào thời Thượng tân thế hoặc Trung tân thế. Giáo sư Seeman và ông Grant Allen đã cho rằng ý xuất hiện vào thời Thủy Tân (Eocene), nhưng nói chung, các nhà khoa học Anh Quốc nhận thấy rằng chúng ta không thể
290 an toàn vượt ra khỏi Đệ tứ kỷ. Rủi thay, sự thật lại không thích hợp với sự dè dặt quá thận trọng của các nhà khoa học này. Vốn dựa các quan điểm của mình vào các khám phá của Linh mục Bourgeois, Capellini v.v…, trường phái nhân loại học của Pháp đã chấp nhận (hầu như là không sót một điều gì) học thuyết cho rằng chúng ta nhất định phải tìm thấy các dấu vết của các tổ tiên chúng ta trong thời Trung tân thế, còn ông De Quatrefages sẵn sàng đưa ra định đề về một con người vào thời Đệ nhị kỷ. Sau này, chúng ta sẽ so sánh các ước tính đó với các số liệu trong các tác phẩm Bà La Môn ngoại môn gần giống với Nội môn Bí giáo.

d. "Khi Con Mắt thứ Ba không còn hoạt động nữa",

như Đoạn kinh diễn tả, bởi vì CON NGƯỜI đã sa đọa và chìm đắm quá sâu trong bùn nhơ của Vật Chất.

Đâu là ý nghĩa của phát biểu kỳ lạ trong Câu kinh 42, liên quan tới Con Mắt thứ Ba của Giống dân thứ Ba (nó đã mất đi và không còn hoạt động nữa) ?

Bây giờ phải trình bày vài Giáo lý Huyền bí học nữa liên quan tới điểm này cũng như là một số giáo lý khác. Chúng ta phải mở rộng giáo lý của các Giống dân thứ Ba và thứ Tư để cho nó có thể minh giải hơn nữa về sự phát triển của loài người chúng ta hiện nay, và để chứng tỏ cách thức mà các quyền năng (vốn đã được sự thụ huấn Huyền bí học khơi hoạt) trả lại cho con người địa vị mà y đã chiếm được trước kia liên quan tới tri giác và tâm thức thiêng liêng. Nhưng phải giải thích hiện tượng Mắt thứ Ba trước đã.

NHỮNG GIỐNG NGƯỜI CÓ "CON MẮT THỨ BA"

Đề tài này thật là khác thường, các đường lối mà chúng ta theo đuổi thật là chằng chịt, đầy dẫy hầm hố hiểm nghèo mà các thuyết đối nghịch và thói chỉ trích phê bình đã giăng sẵn, đến nỗi mà chúng ta phải trình bày các lý do chính đáng đối với mỗi bước đã đạt được. Trong khi bật ánh sáng vào hồng tâm, gọi là Nội môn Bí giáo, trên hầu hết mọi tấc đất huyền bí mà chúng ta đã vượt qua, chúng ta phải dùng thấu kính của nó để phơi bày ra ngoại cảnh các vùng mà khoa học chính xác phải thăm dò; điều này được thực hiện chẳng những để đối chiếu hai thứ, mà còn để bênh vực lập trường của chúng ta.([1])

[1] Để gợi ý, chúng tôi xin giới thiệu một bài ngắn của Visconde de Figanière, Hội viên Hội Theosophy, đăng trong Tạp chí Theosophist, nhan đề "Nội môn Bí giáo". Trong đó tác giả trình bày một thuyết hoàn toàn Huyền bí, mặc dù là một ý tưởng mới đối với thế giới – "Chơn Thần *tiến hóa* cùng với sự *thoái hóa* của Hình hài sắc tướng, nghĩa là sự suy thoái của *lực tạo hình"* (số tháng

291 Một số người có thể phàn nàn là đã nói quá ít về khía cạnh thể chất, *nhân loại* của các giống dân đã bị tuyệt chủng trong lịch sử phát triển và tiến hóa của họ. Nhất định là chúng ta có thể nói nhiều hơn nữa nếu sự thận trọng không làm cho chúng ta do dự khi sắp tiết lộ một điều gì mới mẻ. Chúng ta đã trình bày mọi điều mà khoa học hiện đại có thể khám phá ra là các mốc lịch sử; chúng ta đã giữ lại tất cả những gì mà khoa học chính xác không thể biết gì và không thể suy lý gì (và do đó không chịu thừa nhận đó là một sự kiện trong thiên nhiên).

---

8 – 1887, trang 666 – 71). Y cho rằng: "Ai biết Chơn Ngã đã dùng các hiện thể nào trong các vòng tiến hóa [cuộc Tuần Hoàn hay Giống dân?] xa xưa ?... Liệu kiểu mẫu của con người … có là kiểu mẫu của nhiều loại Khỉ khác nhau ? Phải chăng thế giới Khỉ trong Rãmãyana là dựa vào truyền thuyết xa xưa liên quan tới một thời kỳ vốn là số phận hay đúng hơn là khía cạnh chung của con người?" Và tác giả đã kết thúc một bài trình bày rất tài tình (dù quá ngắn) về lý thuyết của mình bằng cách phát biểu điều mà mọi nhà Huyền bí chân chính đều tán thành: "Đối với người hồng trần dĩ thái (physio-ethereal man), ắt phải có sự giáng hạ *tiến hóa* của giới tính. Cũng như con người hồng trần cảm dục (physico-astral man) tùy thuộc vào các thực thể dưới nhân loại (tiến hóa từ các nguyên kiểu động vật) để tái sinh, cũng vậy, con người hồng trần dĩ thái sẽ tìm thấy trong đám các loài đẹp đẽ, mỹ miều xuất phát từ *trên không*, ít ra là một loài sẽ được phát triển thành các hóa thân liên tiếp của y khi các *hình hài được sản sinh ra đã bị vứt bỏ* - đó là tiến trình sẽ bao hàm toàn thể nhân loại, có điều là rất từ tư. Các giống dân [*trước?]* Adam và sau Adam là những người khổng lồ, các đối thể dĩ thái có thể là những người nhỏ bé – đẹp đẽ, sáng chói và trong mờ, nhưng nhất định là sẽ có trí tuệ cao siêu".

Nhưng ngay cả những phát biểu chẳng hạn "con người có trước nhất trong đám động vật hữu nhũ", "con người chính là tổ tiên gián tiếp của dã nhân" và y lại là một loại người Độc nhãn thời xưa – tất cả đều bị bác bỏ; thế nhưng các nhà khoa học sẽ không bao giờ có thể chứng tỏ được (ngoại trừ việc để thỏa mãn cho chính mình) rằng *nó không hề như vậy*. Họ cũng không thể thừa nhận rằng hai Giống người đầu tiên có thể chất, cơ thể và thậm chí cả *hình dáng* nữa, tinh anh và giống ma đến nỗi mà chúng ta không thể gọi họ là những người bằng vật chất được. Đó là vì nếu họ quả như thế thì chúng ta sẽ thấy rằng đây chính là một trong những lý do tại sao chúng ta không bao giờ có thể trông mong là sẽ khai quật được các di tích của họ trong số các vật hóa thạch khác. Tuy nhiên, tất cả các điều này vẫn được duy trì. Có thể nói con người là "kho chứa" *mọi mầm mống* của cuộc Tuần Hoàn này, thuộc giới động vật cũng như thực vật. ([1]) Cũng như Ain Soph là "Nhất Nguyên, *bất chấp vô số hình hài sắc tướng ở nơi*

[1] Người ta có thể phản đối rằng đây là một điều mâu thuẫn. Vì Căn Chủng đầu tiên xuất hiện sau khi cây cỏ đã tiến hóa được 300 000 000 năm, nên Mầm mống thực vật không thể ở giống đầu tiên. Chúng tôi xin đáp rằng có thể lắm, vì mãi cho tới khi con người xuất hiện trong cuộc Tuần Hoàn *này*, thì giới thực vật hãy còn thuộc một loại khác hẳn hiện nay và rất tinh anh. Lý do giản dị là không một loại cây cỏ nào có thể có tính cách vật chất hồng trần trước khi mà các cơ thể động vật v.v… thở ra acid carbonic (có lẽ tác giả lầm chỗ này, vì động vật thở ra khí carbonic CO 2-ND) mà cây cỏ phải thấm nhuần trong đó để phát triển, dinh dưỡng và tăng trưởng. Chúng tùy thuộc lẫn nhau về các hình hài *vật chất* đã đạt được.

Ngài", ([1]) cũng vậy, trên Trần Thế, con người là tiểu thiên địa của đại thiên địa.

Ngay khi con người xuất hiện, mọi vật đều đã hoàn chỉnh… vì vạn vật đều được bao hàm trong con người. Y *kết hợp nơi mình mọi hình hài sắc tướng.([2])*

Bí nhiệm về con người *trần tục* có sau bí nhiệm về Thiên Nhân.([3])

Tác giả của Giáo Huấn Nội Môn có nhận xét đầy trực giác rằng hình hài con người – gọi thế vì đó là hiện thể (với bất cứ hình dạng nào của Con Người *Thiêng Liêng*) – là *kiểu mẫu mới,* vào lúc khởi đầu cuộc Tuần Hoàn.

Con người không bao giờ có thể, cũng như là chưa bao giờ biểu lộ trong một hình hài thực sự thuộc về giới dộng vật, nghĩa là y chưa bao giờ là thành phần của giới này. Vốn chỉ thoát thai từ lớp hoàn chỉnh nhất của giới động vật, một hình hài người mới ắt luôn luôn phải là kiểu mẫu mới của chu kỳ. Tôi cho rằng hình hài người trong một vòng tiến hóa [?] đã biến thành các lớp vỏ bị vứt đi trong vòng tiến hóa kế tiếp; sau đó, nó đã bị chiếm hữu bởi loài cao cấp nhất trong giới phụng sự hạ cấp.([4])

292 Nếu chúng ta hiểu đúng ý tưởng mà tác giả muốn nói – vì các "vòng tiến hóa" mà người ta đề cập tới có phần làm rối rắm vấn đề - thì đó chính là Nội môn Bí giáo. Sau khi đã xuất hiện vào buổi đầu, và lúc đầu cuộc sống hữu tính và hữu thức, Con Người – con người Tinh anh tức "Linh Hồn", vì kinh Zohar vốn lặp lại Giáo lý Cổ sơ, đã tuyên bố dứt khoát

---

1 Kinh Zohar, i, 21 a.

2 Như trên, iii, 48 a.

3 Như trên, ii, 76 a.

4 Sách đã dẫn, trang 666.

rằng "*chơn linh* là linh hồn, còn bộ khung vật chất không phải là thành phần của y" - Con Người đã trở thành Đơn vị động vật linh hoạt, từ đó các "lớp vỏ bị vứt bỏ" đã xác định hình dáng của mọi sinh linh và động vật trong cuộc Tuần Hoàn này.([1])

Như thế trong hàng thời đại, một cách vô thức, y đã "tạo ra" loài côn trùng,bò sát, chim chóc, thú vật, từ các tàn tích của mình thuộc các cuộc Tuần Hoàn thứ Ba và thứ Tư. Ý tưởng và giáo lý đó cũng được trình bày minh bạch trong tác phẩm Vandĩdãd của Bái Hỏa giáo, cũng như trong ẩn dụ về chiếc Bè của Moses và dân Chaldea; tất cả đều là thuyết minh của từng quốc gia đối với huyền thoại nguyên thủy được trình bày trong các Thánh kinh của Ấn Độ. Chúng ta thấy có trong chuyện ẩn dụ về Bàn Cổ Vaivasvata và chiếc Bè cùng với Bảy Thánh Hiền, người ta trình bày rằng mỗi Thánh Hiền là Tổ Phụ của các con thú, loài bò sát và các con quái vật chuyên biệt, chẳng hạn như trong kinh Vishnu Purãnas và các kinh Purãnas khác. Chúng ta hãy mở kinh Vendĩdãd của Bái Hỏa giáo ra và thử xem Ahura Mazda ra lệnh cho Yima, một Tinh Linh Địa Cầu, tiêu biểu cho ba Giống dân, sau khi đã bảo y xây dựng mọt Vara – "một hàng rào", một Argha hay Cỗ xe.

Mi hãy mang tới đó [vào trong chiếc Vara] các mầm mống của đàn ông, đàn bà thuộc loại cao cả và tốt đẹp nhất trên đời, mi hãy đem tới đó mầm mống của mọi loại trâu bò v.v… Mi hãy mang tất cả các mầm mống này, mỗi loại có hai thứ được giữ không bao giờ

[1] Trong kinh Zohar, người ta có nêu rõ rằng "các thế giới nguyên thủy" (điểm linh quang) không thể tiếp tục tồn tại vì chưa có con người. Hình hài *người* bao hàm vạn vật, và vì nó vẫn còn chưa tồn tại, nên các thế giới đã bị diệt vong.

hết ở đó, chừng nào mà những người ấy vẫn còn đang ở trong chiếc Vara.(1)

"Những người ấy" trong chiếc Vara chính là các "Thủy Tổ", các Thiên Đế hay Thần Quân (Dhyãnis), các Chơn Ngã tương lai được giao phó cho việc làm linh hoạt nhân loại. Đó là vì Vara hay chiếc Bè, hay Cỗ xe, chỉ có nghĩa là *Con Người.(2)*

Mi sẽ niêm kín chiếc Vara ấy lại [sau khi đã chất đầy mầm mống trên đó], rồi mi sẽ trổ một cửa và một chiếc cửa sổ tự thắp sáng ở bên trong [đó là Linh Hồn].(3)

Và khi Yima hỏi Ahura Mazda cách thức làm sao để xoay sở ra chiếc Vara này, y được trả lời như sau:

Nghiền nát đất ra… rồi dùng tay nhào nặn nó, chẳng khác nào người thợ làm đồ gốm nhào nặn đất sét.(4)

293 Vị Thần đầu cừu của Ai Cập đã tạo ra con người bằng đất sét trên một cái bàn quay, trong Sáng Thế Ký, các vị Elohim cũng đã đào luyện ra con người như thế bằng thứ vật liệu tương tự.

---

1 Các Thánh Thư của Phương Đông, quyển IV; kinh Vedĩdãd, J. Darmesteter; Fagard, trang 17.

2 Đây là ý nghĩa khi mà ẩn dụ và biểu tượng được giải bằng chìa khóa nhân loại, nghĩa là chìa khóa để giải Nhân triết học trần tục (terrestrial anthroposophy). Lối thuyết minh về biểu tượng ký "chiếc Bè" này không hề dính dáng gì tới các chìa khóa thiên văn học hay thậm chí thần phổ học; nó cũng chẳng dính dáng gì tới bất cứ một trong sáu ý nghĩa nào khác. Nó cũng chẳng hề có vẻ phản khoa học hơn những thuyết hiện đại về nguồn gốc con người. Như đã nói, có bảy chìa khóa để giải nó cũng như các thứ khác.

3 Như trên, trang 18.

4 Như trên.

Hơn nữa, khi người ta hỏi "Đấng Sáng Tạo ra thế giới vật chất", Ahura Mazda, xem cái gì sẽ soi sáng cho "chiếc Vara mà Yima đã tạo ra", thì Ngài đáp:

Có những ánh sáng bất sinh bất diệt và những ánh sáng hữu sinh hữu hoại. Ở đó [ở Airyana Vaẽyõ, nơi tạo ra chiếc Vara] người ta chỉ thấy các vì sao, mặt trời, mặt trăng mọc và lặn (mỗi năm) một lần và một năm dường như chỉ là một ngày [và đêm].([1])

Điều này rõ rệt là muốn nói tới "Vùng đất của chư Thiên", tức là các Vùng cực (hiện nay). Hơn nữa, trong câu thơ này cũng có một ẩn ngôn rõ rệt là ám chỉ "các ánh sáng bất sinh bất diệt" sự sáng tạo cho Chơn Nhơn – các "nguyên khí" của y. Mặt khác, chúng ta chẳng thể thấy một ý nghĩa nào trong câu trả lời của Ahura Mazda, tiếp theo ngay sau đó là câu sau:

Cứ mỗi năm thứ bốn mươi, mỗi cặp (bán thư bán hùng) lại sinh ra hai người, một nam, một nữ.([2])

Câu này rõ rệt là phản ánh của Giáo Lý Bí Nhiệm, thuộc về một câu kinh dạy rằng:

Vào lúc kết thúc mỗi bốn mươi Mặt Trời [hàng năm], ở vào lúc chấm dứt mỗi Ngày thứ bốn mươi, Đấng Lưỡng Tính trở thành bốn; thư hùng hợp nhất, nơi cái thứ nhất, thứ hai và thứ ba …

Điều này thật là rõ ràng, vì mỗi "Mặt Trời" nghĩa là trọn một năm, bấy giờ, một năm gồm có một Ngày, cũng như ở Vòng Bắc Cực, hiện nay nó gồm có sáu tháng. Theo giáo lý cổ truyền, trục Trái Đất dần dần nghiêng về phía Hoàng Đạo, và vào thời kỳ mà người ta đề cập tới, nó nghiêng sao cho một Ngày ở Cực kéo dài trong suốt thời kỳ Trái Đất quay xung

[1] Như trên, trang 20.

[2] Xem thêm Bundahish, XV.

quanh Mặt Trời, khi một loại tranh tối tranh sáng rất ngắn xảy ra; sau đó, vùng cực trở về ngay dưới vị trí ánh nắng mặt trời. Điều này có thể trái ngược với những gì mà thiên văn học nay đang giảng dạy, nhưng ai dám bảo những sự thay đổi chuyển động của trái đất, vốn không xảy ra hiện nay, lại không diễn ra cách đây hàng triệu năm?

Chúng ta hãy quay lại một lần nữa với phát biểu cho rằng VARA nghĩa là CON NGƯỜI thuộc cuộc Tuần Hoàn thứ Tư cũng như Trái Đất hồi đó, Mặt Trăng và ngay cả chiếc Bè của Noah nữa (nếu người ta muốn thế), điều này lại được trình bày trong cuộc đối thoại giữa Ahura Mazda và Zarathustra. Như thế, khi Zarathustra hỏi:

Hỡi Đấng Thiêng Liêng tạo ra thế giới vật chất! Ai là kẻ đem Thiên luật của Mazda vào trong cái Vara mà Yima đã làm ra?

Ahura Mazda đáp: "Hỡi Zarathustra thánh thiện ! Đó chính là con thần điểu Karshipta".(1)

294 Và chú thích giải nghĩa:

Con thần điểu Karshipta ở trên cõi trời, nếu ở trên trần thế, thì nó sẽ là vua của loài chim. Nó mang Thiên luật vào trong chiếc Vara của Yima, và tụng kinh Avesta *bằng ngôn ngữ của loài chim*.(2)

Đây lại là ẩn dụ của biểu tượng mà chỉ có nhà Đông phương học mới hiểu lầm, họ thấy con chim này là "hiện thân của tia chớp", và thường cho rằng tiếng hót của nó là "lời thiên khải của một vị thần", chứ không có gì khác nữa. Karshipta là Trí Tuệ và Linh Hồn của con người và thần linh của nó, được Khoa pháp thuật cổ truyền tượng trưng bằng một con chim, cũng như người Hy lạp tượng trưng nó bằng

1 Như trên, trang 21.

2 Bundahish, XIX và XXIV.

một con bướm. Ngay khi Karshipta nhập vào chiếc Vara tức Con Người, y liền hiểu được Thiên luật của Mazda, tức Minh Triết Thiêng Liêng. Trong "Bí Nhiệm Thánh Thư" có đề cập tới Cây tri thức thiện và ác:

Những con chim xây tổ và cư ngụ (các linh hồn và thiên thần ngự trên các cành cây ấy).([1])

Do đó, đối với các môn đồ Do Thái Bí giáo, nó cũng là một biểu tượng giống như vậy. "Chim" là một biểu tượng của Chaldea và đối với dân Hebrew, nó đã là biểu tượng của và đồng nghĩa với Thiên Thần, một Chơn Linh hoặc Deva; còn "Tổ chim" là Thiên Đàng đối với cả hai dân tộc trên, và là Cõi Lòng của Thượng Đế (God's Bosom) trong kinh Zohar. Đấng Cứu Thế hoàn thiện tiến vào Thiên Đàng (Eden)"trong các chỗ được gọi là tổ chim".([2])

"Giống như một con chim đang lìa tổ", đó chính là Linh Hồn gắn liền với She'kheen-ah [minh triết hay ân điển thiêng liêng].([3])

Giảng lý dạy:

Tổ của Con chim Trường cửu đang vẫy cánh tạo ra Sự sống chính là Không gian vô biên.

Con chim đó chính là Hamsa, Chim của Minh Triết.

Adam Kadmon chính là cây Sephiroth và đã biến thành "cây tri thức thiện ác", xét về mặt nội môn. Và "cây đó có quanh mình bảy chiếc cột [bảy cột trụ] của thế giới, tức là các Đấng Thần Quân [cũng lại chính các vị Thủy Tổ hay Sephiroth] lần lượt tác động qua các đẳng cấp Thiên Thần

[1] Mathers, Vén màn bí mật kinh Kabalah, trang 104.

[2] Kinh Zohar, ii, 8b; kinh Qabbalah của Myer, trang 217.

[3] Kinh Zohar, iii, 278a, kinh Qabbalah của Myer, trang 217.

trong các cõi của bảy hành tinh"v.v…, một trong các đẳng cấp đó sinh ra người Khổng lồ (Nephilim) trên Thế giới.

Mọi người thời xưa, ngoại đạo và theo Thiên Chúa giáo, đều tin rằng nhân loại sơ khai nhất là một giống người khổng lồ. Trong những trường hợp cá biệt, một vài vụ khai quật các gò đất và các hang động ở Châu Mỹ đã phô bày các nhóm bộ xương cao tới chín feet và mười hai feet.([1]) Những người này thuộc về các bộ lạc của Giống dân thứ Năm sơ khai, nay suy
295 biến (degenerated) thành một người có kích thước trung bình từ năm tới sáu bộ. Nhưng chúng ta có thể dễ dàng tin rằng những người khổng lồ Độc nhãn thời xưa thực sự thuộc về giống Atlantis (Giống dân thứ Tư); mọi huyền thoại và ẩn dụ sau này trong kinh Purãnas của Ấn Độ và các bài thơ Hy Lạp của Hesiod và Homer đều dựa vào các hồi niệm lờ mờ về những người Titans có thực – những người có một sức mạnh thể chất siêu nhân phi thường, khiến cho họ có thể tự vệ và ngăn ngừa các con quái vật khổng lồ thời Trung sinh (Mesozoic) và đầu thời Tân sinh (Cenozoic) và những người Độc nhãn thực sự tức những kẻ "có ba mắt".

Các tác giả có óc quan sát đã thường nhận xét rằng "hầu như luôn luôn có thể truy nguyên nguồn gốc của mọi thần

[1] Các nhà Tiến hóa luận theo phái Darwin thường đề cập tới bằng chứng về sự trở lại nguyên hình – trong trường hợp quái thai người, ý nghĩa rốt ráo của nó được bao hàm trong giải pháp bí truyền của vấn đề phôi thai học – để minh chứng cho các lập luận của mình, nên điều nghiên các trường hợp này về những người khổng lồ hiện đại thường cao 8, 9 và ngay cả 11 feet (3m35). Những sự qui hồi đó còn bất toàn song rõ rệt vẫn là những sự mô phỏng theo con người nguyên sơ cao lớn thời xưa.

thoại và huyền thoại dân gian tới tận một sự kiện trong thiên nhiên".

Trong các tạo vật hoang đường có tính cách vô cùng chủ quan này, luôn luôn có một yếu tố khách quan và chân thực. Trí tưởng tượng của quần chúng, vốn dĩ hỗn độn, không bao giờ có thể quan niệm và chế ra (từ hư vô) quá nhiều quái thai, quá nhiều chuyện phi thường như vậy, nếu nó không chính mình làm một hạt nhân trung ương và có lấy những hoài niệm dật dờ, mơ hồ, nối liền những khâu đứt đoạn của chuỗi thời gian để cùng với chúng tạo ra cơ sở mơ mộng bí nhiệm của ý thức tập thể của chúng ta.([1])

Bằng chứng về những giống người khổng lồ mà ngày nay người ta được biết dưới danh hiệu là "Cyclopes" sẽ được trình bày trong những Chương sau, khi nói về tàn tích của giống người này. Trong diễn trình tiến hóa của Giống dân thứ Tư và trước khi có sự điều chỉnh cuối cùng của cơ thể con người, nó chỉ được trở nên kiện toàn và cân đối trong Giống dân thứ Năm, những phụ chủng ban sơ của Giống dân thứ Tư đã có đến ba con mắt, nhưng không nhất thiết là có con mắt thứ ba ở giữa đôi mày như những giống người Cyclopes huyền thoại. Dấu hiệu chứng minh hiện tượng này cũng đã được khoa học xác nhận.

Nhà Huyền bí học tin rằng con đường nhập thế tâm linh diễn tiến song đôi với sự *tiến hóa* thể chất, và những giác quan tiềm ẩn nội tại vốn bẩm sinh tự nhiên trong những

[1] Xem Các Con Quái Vật Thần Thoại của C. Gould. Một vài đoạn từ tác phẩm lý thú có tính cách khoa học này sẽ được trích dẫn nhiều lần. Xem thêm đoạn mô tả một hang động trong Hy Mã Lạp Sơn đầy dẫy các hài cốt của những người và con thú khổng lồ trong Thế Giới Huyền Bí của A.P.Sinnett.

giống người ban sơ đã lần lần tàn rụi với đà tăng trưởng của chủng tộc và sự phát triển vật chất của những giác quan bên ngoài. Đối với những vị ấy và đối với những người khảo cứu về khoa biểu tượng huyền môn, thì hiện tượng nói trên không phải là một giả thuyết mơ hồ, mà chỉ là *một giai đoạn của định luật tiến hóa*, nói tóm tắt là *một sự kiện có đủ bằng chứng xác thực*. Đoạn sau này trong Thiên bình luận nói rõ:

Vào buổi sơ khai của giống người bán nam bán nữ, có những người bốn tay, một đầu và ba mắt. Họ có thể nhìn thấy trước mắt và sau lưng.[1] *Một Thiên Kiếp sau đó [sau việc phân chia nam nữ],*
296 *vì con người đã đắm chìm vào vật chất, nhãn quan tâm linh của họ bị lu mờ, và bởi đó con mắt thứ ba mất quyền năng hoạt động … Khi Giống dân thứ Tư đạt tới thời kỳ trung gian, Nhãn quan Tâm linh của họ phải được thức tỉnh trở lại, bằng phương pháp khích động nhân tạo, phương pháp này đã từng được các bậc Hiền giả xưa biết rõ* [2]*…Con Mắt thứ Ba dần dần chai cứng như đá* [3] *đã*

---

[1] Nghĩa là Con Mắt thứ Ba ở sau gáy, Câu nói rằng Giống người bán nam bán nữ cuối cùng có "bốn tay" có thể giải đáp điều bí hiểm về những hình tượng các vị Thần của Ấn giáo công truyền. Trên vệ thành Angor, có một pho tượng bằng gỗ chạm khắc thô thiển được gán cho Daedalus, trình bày một người khổng lồ có ba mắt được dâng cho Thần Zeus Tam Nhãn (Zeus Triopis). Đầu của vị "thần" này có hai mắt trên mặt và một mắt ngay giữa trán, nó được xem là pho tượng cổ sơ nhất. (Schol. Vatic, ad Eurip, Troad, 14).

[2] Từ đó trở đi, người ta chỉ có thể đạt được *nội nhãn thông* nhờ vào sự tu tập và điểm đạo, ngoại trừ trường hợp trong "các pháp sư bẩm sinh" – nay người ta gọi họ là kẻ có tâm linh thông và các đồng tử.

[3] Lối diễn đạt này –"bị hóa thạch" ("petrified") thay vì "bị hóa cốt" ("ossified") – thật là kỳ quặc. Nghe nói "hậu nhãn" ("back eye"), dĩ

biến mất không còn hoạt động, còn người hai mặt trở thành một mặt, con mắt ấy thụt sâu vào bên trong và chôn lấp dưới tóc. Trong sự hoạt động của Con người Nội tại (trong những lúc xuất thần đại định và những cơn linh thị tâm linh) con mắt ấy sưng lên và nở lớn. Vị La Hán cảm thấy và nhận được nó, điều chỉnh tác động của nó theo ý muốn …Người Đệ tử trong sạch không sợ hiểm nguy, còn kẻ không giữ hạnh tinh khiết [không chế ngự tính dục] thì không thể sử dụng được "Con Mắt Thần" ("Deva Eye").

"Con Mắt Thần" không còn tồn tại nữa đối với đa số nhân loại. Con Mắt thứ Ba đã *chết* và không còn hoạt động, nhưng nó còn để lại dấu vết làm bằng chứng cho sự hiện hữu của nó trước kia. Bằng chứng đó ngày nay là TUYẾN TÙNG QUẢ (PINEAL GLAND).

Đó là bí nhiệm về mắt người mà một vài nhà khoa học đã bắt buộc phải cầu cứu tới các sự giải thích của Huyền bí học trong một nỗ lực tuyệt vọng hầu như giải thích mọi điều khó hiểu chung quanh sự tác động của nó. Sự phát triển của đôi mắt con người giúp thêm yếu tố xác nhận cho khoa Nhân chủng học Huyền môn hơn là cho khoa sinh lý học. Trong bào thai con người, đôi mắt tượng hình *từ trong ra ngoài* tức là từ phía trong bộ óc mọc ra ngoài, chứ không liền với da như trong loài côn trùng, sâu bọ và loài mực. Giáo sư Lankester – nghĩ rằng não bộ thật là một chỗ thật sự kỳ quặc dành cho mắt và thử ra sức giải thích hiện tượng này theo các đường lối của Darwin – gợi ra quan điểm kỳ quặc cho rằng thủy tổ thuộc loài có xương sống của chúng ta là một tạo vật "*trong suốt*", và vì thế mắt ở đâu thì cũng chẳng quan hệ gì ! Và

---

nhiên cái gọi là tuyến tùng quả, khối chất xám nhỏ như hạt đậu gắn liền với phần sau của não thất ba, hầu như bao giờ cũng chứa những *kết khối khoáng chất* và *cát* chứ "không còn gì khác nữa".

chúng ta được biết rằng con người xưa kia cũng là "tạo vật trong suốt", và vì thế thuyết chúng ta vẫn có giá trị. Nhưng làm thế nào mà thuyết của Lankester lại phù hợp được với quan điểm của Heackel, vốn cho rằng mắt của loài động vật có xương sống bắt nguồn từ những sự biến đổi *nơi biểu bì*? Nếu mà nó phát nguyên từ *bên trong* thì thuyết của Heackel chỉ còn có nước bị vứt vào sọt rác. Dường như phôi sinh học đã chứng tỏ được điều này. Vả lại, điều gợi ý – hay liệu có
297 nên gọi là sự thừa nhận? –của Giáo sư Lankester có lẽ trở thành cần thiết cho nhu cầu của các nhà tiến hóa luận. Huyền bí học, với giáo lý về sự phát triển dần dần của các giác quan "*từ bên trong ra bên ngoài*", từ các nguyên kiểu tinh anh, ắt thỏa mãn hơn nhiều. Mắt thứ Ba co rút vào bên trong khi đã hết nhiệm kỳ - đó là một điều khác nữa bênh vực cho Huyền bí học.

Ngôn ngữ ẩn dụ của các đạo sĩ Ấn Độ khi họ nói về "Con Mắt của Thần Shiva", vốn có một ý nghĩa huyền diệu, còn sự chuyển di của tuyến tùng quả tức con mắt thứ ba hồi xưa ra trước trán, chỉ là một cách nói phỉnh lừa thuộc về phần ngoại giáo công truyền. Điều này cũng rọi một tia sáng vào điều bí hiểm không thể hiểu được đối với một số người, về mối liên hệ giữa Nhãn quan tâm linh và sự tinh khiết về sinh lý (physiological purity) của bậc có Nhãn Thông (Seer). Một câu hỏi được nêu ra: "Tại sao một đời sống độc thân (celibacy) và sự trinh khiết (chastity) lại là một điều kiện tất yếu, và một vài qui luật cố định của bậc đệ tử huyền môn trên đường tu luyện công phu để khai mở những quyền năng tâm linh thần bí ? Lời giải đáp được trình bày trong Thiên bình luận. Mối liên hệ tương quan ấy sẽ được hiểu rõ khi chúng ta biết rằng con mắt thứ ba, trước kia vốn là cơ phận sinh lý, nhưng về sau nó đã teo lại khi tính chất tâm linh của nhân loại lần lần

bị lu mờ, bị suy thoái và bị dập tắt bởi sự bành trướng của vật chất, nó liền biến thành một cơ quan bị teo tóp, mà các nhà sinh lý học ngày nay chỉ hiểu được chút ít không hơn gì lá lách – khi chúng ta biết được điều này thì mối liên hệ thật là rõ rệt. Trong đời sống của hành giả, chướng ngại lớn nhất trên đường tu luyện để phát triển tâm linh và đặc biệt nhất là để sở đắc được quyền năng bí nhiệm là sự hoạt động của cơ năng sinh lý. Tác động tình dục có liên quan chặt chẽ do tác động hỗ tương với tủy xương sống và chất xám của bộ óc. Bấy nhiêu đó đủ rồi, không cần giải thích thêm nữa. Dĩ nhiên tình trạng bình thường và bất thường của não bộ và mức độ hoạt động của *tủy sống*, sẽ tác dụng mạnh mẽ đối với tùng quả tuyến. Đó là vì do số "trung tâm" trong vùng đó cho đến nay, vốn kiềm chế đại đa số tác dụng sinh lý của cơ cấu tổ chức động vật và cũng do hai thứ đó gần gũi mật thiết với nhau, nên tủy sống phải có một tác dụng "cảm ứng" ("inductive") rất mạnh đối với tùng quả tuyến.

Tất cả các điều này thật là giản dị đối với nhà huyền bí nhưng rất mơ hồ theo quan điểm của đa số độc giả. Độc giả phải được chứng minh cho thấy có thể có người ba mắt trong Thiên Nhiên, trong các thời kỳ mà sự tạo thành của y vẫn còn ở trong một tình trạng tương đối hỗn mang. Chúng ta có thể suy ra một khả năng như thế trước hết là từ kiến thức về cơ thể học và động vật học, rồi sau đó có thể dựa vào các giả định của chính khoa học duy vật.

Dựa vào thẩm quyền của khoa học và dựa vào chứng cớ (lần này không phải chỉ là một điều tưởng tượng của sự suy lý) người ta đã khẳng định là nhiều con thú – nhất là những con thuộc các bộ thấp của loài có xương sống – có một con
298 mắt *thứ ba* nay đã teo lại, nhưng tất yếu là đã tác động tích

cực vào lúc đầu. ([1]) Loài thằn lằn mỏ, một con thằn lằn thuộc bộ thằn lằn mà người ta mới khám phá ra ở Tân Tây Lan – *lưu ý rằng đó là một phần của cái gọi là Châu Lemuria cổ truyền* – đã phô bày đặc điểm này một cách vô cùng khác thường, chẳng những loài *thằn lằn mỏ* (*Hatteria punctata*) mà cả loài cắc kè, một vài loài bò sát và cả loài cá. Thoạt tiên, người ta nghĩ rằng đó chẳng có gì khác hơn là phần kéo dài của não bộ; nó tận cùng bằng một bướu nhỏ được gọi là đầu xương, một chiếc xương nhỏ bị ngăn cách với xương chính bởi một lớp sụn mà người ta thấy trong mọi con vật. Nhưng chẳng bao lâu sau, người ta thấy rằng nó còn hơn thế nữa. Sự khai triển cấu trúc và giải phẫu cơ thể của nó đã chứng tỏ rằng nó tương tự như con mắt đến nỗi mà chúng ta không thể thấy gì khác nơi đó. Có những nhà cổ sinh vật học đến nay vẫn còn tin chắc rằng thoạt đầu, Mắt thứ ba này đã hoạt động và họ nhất định là chí lý. Đó là vì tác phẩm Cơ Thể Học của Quain đã bàn về tùng quả tuyến như sau:

---

[1] Heackel cho rằng: "Nơi một vài con vật chúng ta thấy những con mắt thực, vốn không thể thấy được, ẩn sâu bên trong đầu, có lớp da dày và các cơ quan bao bọc. Trong động vật có xương sống, có những con chuột chũi và chuột đồng bị mù, những con rắn và lạc đà mù… Chúng tránh ánh sáng ban ngày và ở dưới đất. Thoạt tiên, [chúng] không bị mù, nhưng đã thoát thai từ các tổ phụ sống trong ánh sáng và có cặp mắt tinh tường. Chúng ta có thể tìm thấy con mắt bị teo bên dưới lớp da mờ đục nơi những sinh vật mù trong mọi giai đoạn hồi qui". (Heackel, Pedigree of Man, "Các giác quan", trang 343; bản dịch của Aveling). Và nếu nơi các con thú thấp kém, hai mắt có thể trở nên teo tóp như thế, thì tại sao *con mắt duy nhất* – tùng quả tuyến- nơi con người (y chỉ là con thú cao cấp, xét theo khía cạnh thể chất), lại không như vậy?

Trong thời kỳ sơ khai nhất, các thị nang đã được phát triển từ phần này, thoạt tiên cấu thành toàn bộ, và sau đó là phần sau nang não nguyên thủy trước, và phần trước là phần liên kết với các bán cầu não và các phần kèm theo. Thị khương của mỗi bên được tạo ra do thành tủy dày lên ở một bên, trong khi đó khoảng giữa, xuống tận tới đáy, tạo thành xoang não thất số ba với phần kéo dài nơi mấu phễu, ở não thùy. Sau đó giải giao liên xám trải dài qua xương não thất… Phần sau của nó (não thất) được phát triển, bởi một tiến trình đặc biệt, thành ra tùng quả tuyến, sẽ được nhận xét sau, nó vẫn kết hợp với thị khương ở mỗi bên bằng các cuống não, còn đàng sau là mỗi dải ngang được tạo thành dải giao liên sau.

Phiến cuối tiếp tục kết thúc não thất thứ ba ở đàng trước bên dưới nó, điểm tiếp hợp thị giác tạo thành sàn của não thất ở phía đàng sau nữa, mấu phễu thòng xuống để được kết hợp ở hố yên với mô tiếp giáp thùy sau của não thùy.

Hai *thị khương* được tạo ra từ phần sau và phần ngoài của nang trước, trước hết là gồm có một túi rỗng thần kinh chất; xoang này giao tiếp (mỗi bên) ở phía trước của xoang với các bán cầu não, và ở phía sau với xoang của nang não giữa. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau do sự gia tăng lắng đọng ở bên trong, đàng sau, bên dưới và hai bên cạnh chúng, nên các thị khương trở nên rắn chắc và đồng thời bên giữa chúng có xuất hiện một rãnh hoặc khe nứt phía trên, rồi đi sâu xuống tận xoang trong, nó tiếp tục nở ra phần sau, đối diện với đường rãnh trung não, rãnh Sylvius. Rãnh hay khe nứt này chính là *não thất thứ ba*. Ở phía sau, hai thị khương tiếp tục được kết hợp bằng giải giao liên sau (chúng ta có thể phân biệt nó vào cuối tháng thứ ba) và *bằng các cuống của tùng quả tuyến…*

299 Vào thời kỳ đầu, chúng ta có thể nhận thấy các *chùm thị giác* là các đoạn rỗng nối dài từ phần ngoài của vách thị khương trong khi chúng vẫn còn thuộc về nang não. Vào khoảng tháng thứ tư, các chùm này được tạo thành một cách rõ rệt. Sau đó, chúng được nối dài về phía sau, liên kết với nang não giữa.

Sự tạo thành tùng quả tuyến và tuyến yên bày ra một trong các hiện tượng lý thú nhất liên quan tới sự phát triển của gian não (thalamencephalon). ([1])

Đoạn trên thật là đặc biệt thú vị khi chúng ta nhớ rằng nếu không vì sự phát triển phần sau của các bán cầu não thì chúng ta ắt sẽ hoàn toàn thấy được tùng quả tuyến khi loại bỏ đi các xương chỏm đầu. Cũng thật là vô cùng thú vị khi nhận thấy mối liên hệ hiển nhiên mà chúng ta có thể truy nguyên giữa chùm thị giác rỗng nguyên thủy và cặp mắt ở phía trước giữa tùng quả tuyến và các cuống ở phía sau, giữa tất cả các thứ này và các thị khươu. Thậm chí, các khám phá cận đại liên quan tới mắt thứ ba của loài *thằn lằn mỏ* có một tác dụng rất quan trọng đối với lịch sử phát triển các giác quan của con người, và các điều khẳng định của Huyền bí học trong bản văn.

Mọi người đều thừa biết là Descartes cho rằng tùng quả tuyến là *Chỗ ngự của Linh Hồn*, mặc dù ngày nay, những kẻ vốn không còn tin tưởng vào sự tồn tại của nguyên khí bất tử nơi con người, đã xem đây là một điều tưởng tượng. Ông cho rằng mặc dù Linh Hồn liên kết với mọi bộ phận cơ thể, song Linh Hồn vẫn hành sử các chức năng của mình nơi một bộ phận chuyên biệt của một cơ thể đặc biệt hơn bất kỳ bộ phận nào khác, và ông đã kết luận rằng vì tim và óc không thể là vị trí "đặc biệt" này, nên đó chính là cái tuyến nhỏ gắn liền với não bộ, song vẫn có một tác dụng độc lập với nó, vì nó có thể bị làm cho dao động một cách dễ dàng "bởi các *tinh linh thú dục* ([2]) vốn băng qua các xương sọ theo mọi hướng".

---

[1] Sách đã dẫn, Quyển ii, trang 830 – 831, ấn bản kỳ 9, "Gian Não".

[2] "Ether thần kinh" của Bác sĩ B.W. Richardson, Hội viên Hội Hoàng Gia; hào quang thần kinh của Huyền bí học. Các "tinh linh

Cho dù điều này có vẻ phản khoa học đối với khoa học chính xác ngày nay, song Descartes vẫn còn gần gũi với chân lý Huyền bí hơn bất kỳ nhà Haeckel nào. Đó là vì, như đã trình bày, tùng quả tuyến còn liên quan mật thiết với Linh Hồn và Tinh Thần hơn nhiều so với các giác quan sinh lý của con người. Nếu các nhà khoa học xuất chúng lờ mờ thấy được các tiến trình *chân thực* mà Xung lực Tiến hóa đã sử dụng và *chu trình* xoắn ốc của Định luật vĩ đại này, thì họ sẽ *biết* (thay vì phỏng đoán) và sẽ cảm thấy chắc chắn về sự tiến hóa vật chất tương lai đang đón chờ nhân loại nhờ biết được các dạng đã qua của nó. Bấy giờ họ ắt thấy được sự hư ảo và phi lý của các tiến trình "cơ giới" và "lực mù quáng" hiện đại của Thiên Nhiên; nhờ biết được như vậy, họ ắt sẽ nhận thấy rằng tùng quả tuyến nêu trên, chẳng hạn, bất quá là không thể tác dụng được trên cõi trần vào giai đoạn này của Chu kỳ chúng ta. Nếu "mắt" lẻ (odd "eye") nay đã bị teo đi nơi con người, thì đó là một điều chứng tỏ nó đã từng hoạt động tích
300 cực (cũng như loại động vật hạ đẳng, vì Thiên Nhiên không bao giờ tạo ra một hình hài sắc tướng nhỏ nhất, vô nghĩa nhất mà không có một mục đích hay công dụng nhất định nào. Theo chúng tôi, đó là một cơ quan hoạt động tích cực vào giai đoạn tiến hóa mà yếu tố tinh thần nơi con người đã thống ngự các yếu tố trí tuệ và tâm linh vừa mới sinh ra. Và khi chu kỳ xuống mãi tới thời điểm mà các giác quan sinh lý được phát triển bởi và song hành với sự tăng trưởng và củng cố của con người thể chất – các sự thăng trầm phiền não vô tận và sự phức tạp của sự phát triển động vật – thì "mắt" giữa này mới bị teo đi cùng với các đặc tính tinh thần sơ khai và

---

thú dục" (?) tương đương với các luồng hào quang thần kinh hỗn hợp.

thuần khiết. Minh triết dân gian ([1]) dạy rằng mắt là tấm gương và cũng là cửa sổ của Linh Hồn, và *ý dân là ý trời (Vox populi, vox Dei).*

Lúc khởi thủy, tất cả các loài, các giống sinh vật đều là thư hùng lưỡng tính và có một mắt. Trong loài động vật lúc đầu cũng chỉ có một thể khinh thanh như con người, trước khi phát triển từ *trong ra ngoài* một thể xác vật chất gồm đủ các bộ phận cơ thể với đủ cơ năng sinh lý, thì cũng giống như loài người lúc ban sơ chỉ có Con Mắt thứ Ba là cơ quan thị giác duy nhất. Hai con mắt đàng trước về sau mới phát triển ([2])

---

[1] Chúng ta nên nhớ rằng Huyền bí học trình bày là Giống dân *thứ Nhất* có phần tinh thần ở bên trong và phần tinh anh ở bên ngoài; Giống dân *thứ Hai* có trí tuệ tâm linh tinh thần và thể chất hồng trần và dĩ thái. Giống dân *thứ Ba* (thoạt tiên chưa có trí tuệ) có hình tướng hồng trần tinh anh và sống một cuộc sống nội tâm, trong đó yếu tố tâm linh tinh thần cho đến nay vẫn còn chưa dính dáng gì tới các giác quan sinh lý mới ra đời. Hai mắt nó nhìn thẳng ra phía trước mà chẳng hề thấy quá khứ vị lai. Nhưng Mắt thứ Ba lại "*bao trùm* VĨNH CỬU".

[2] Nhưng khác hẳn điều mà Haeckel đã mô tả là "*sự tiến hóa do Chọn lọc Tự nhiên bằng cách đấu tranh để sinh tồn"* (Nhân Phổ Học) "Các Giác Quan", trang 335, bản dịch của Aveling. Chỉ riêng sự kiện "sự nhạy cảm về nhiệt của lớp da" đối với các sóng ánh sáng theo giả thuyết, hoàn toàn không đủ thẩm quyền để biện minh cho sự phối hợp các thích ứng tài tình có trong mắt. Chúng ta đã chứng tỏ rằng "sự chọn lọc tự nhiên" chỉ là một thần thoại khi người ta tin rằng nó *sinh ra* các biến thái, vì sự "sinh tồn của kẻ thích ứng nhất" chỉ có thể diễn ra sau khi những biến thái hữu dụng đã nảy sinh ra, cùng với các cơ thể đã được cải thiện. Các sự "biến thái hữu dụng" đã phát triển con mắt từ đâu mà ra? Phải chăng chúng chỉ bắt nguồn từ "các lực mù quáng… không có mục đích, không có chủ đích" ? Lý luận này thật là ấu trĩ. Lời giải đáp chân thực của bí

trong cả hai loài người và thú. Trong loài người, vào giai đoạn đầu của Giống dân thứ Ba, cơ quan thị giác ở vào tình trạng giống như của vài loại thú khiếm thị của thời bây giờ tức là nằm dưới một lớp da dày đặc. Những giai đoạn độc nhãn hay một mắt thuở ban sơ, trong con người và loài thú, ngày nay đã đảo ngược lại, vì con người đã vượt qua khỏi giai đoạn vô tri thức của loài thú trong cuộc Tuần Hoàn thứ Ba và ở vào mức độ tiến hóa cách biệt loài thú đến trọn một cảnh giới ý thức (plane of consciousness). Bởi vậy, trong khi con mắt thứ ba xưa nay vẫn là một bộ phận của nhãn quan *tâm linh* trong con người, thì trong loài vật, nó chỉ là cơ quan
301 thị giác thông thường. Con mắt đó, sau khi đã làm xong chức năng của nó, trải qua trào lưu tiến hóa thể chất, từ giản dị đến phức tạp, nó được thay thế bằng hai con mắt và được Thiên Nhiên tạm thời dự trữ một chỗ để sẽ có dịp dùng đến trong những thế hệ tương lai.

Điều đó để giải thích tại sao Tuyến Tùng Quả đạt đến mức phát triển tột độ theo tỷ lệ tương đương với trình độ phát triển thể chất thấp nhất. Trong động vật có xương sống, tuyến tùng quả chiếm một vị trí nổi bật và lộ ra ngoài. Còn trong con người, nó có một vị trí ẩn giấu kín đáo nhất và khó tìm thấy nhất, trừ ra đối với nhà cơ thể học. Sự kiện ấy cũng giải thích cả vấn đề trạng thái vật chất, trí tuệ và tâm linh của nhân loại trong tương lai, trong những thời kỳ tương ứng song hành với những thời kỳ khác trong quá khứ, và luôn luôn trên đường hướng tiến hóa theo từng chu kỳ trên những vòng cung đi xuống và đi lên. Như thế, vài thế kỷ trước Chu

---

nhiệm này ở nơi Minh Triết Thiêng Liêng vô ngã, nơi THIÊN Ý của nó, được phản ánh qua Vật Chất.

kỳ Hắc Ám (Kali Yoga) đã bắt đầu gần 5 000 năm nay. Thiên Cơ tiết lộ rằng:

Chúng ta [Căn chủng thứ Năm] trong nửa phần thời gian đầu trở đi [trên vòng cung đi lên của Chu kỳ] đang ở vào giai đoạn giữa của Giống dân thứ Nhất và Giống dân thứ Hai – rơi xuống thấp [nghĩa là các Giống dân này lúc đó đang ở trên vòng cung đi xuống của chu kỳ]… Con hãy tính toán xem, Hỡi đệ tử.

Khi đã tính toán như lời dạy, chúng tôi nhận thấy rằng trong giai đoạn giao thời đó, nghĩa là trong nửa phần sau giai đoạn tiến hóa của Giống người khinh thanh đầu tiên, nhân loại ấu trĩ không có yếu tố cân não hay trí khôn, khi họ ở trên vòng cung *đi xuống*. Và khi chúng ta tiến lên ngang hàng với mức độ đó trong vòng cung *đi lên*, chúng ta thiếu sót hẳn yếu
302 tố tâm linh, yếu tố này đang được thay thế bởi yếu tố trí tuệ. Nên nhớ rằng vì chúng ta đang ở vào giai đoạn mở trí của Chu kỳ các Chủng tộc tức là vào giai đoạn Giống dân thứ Năm, nên chúng ta đã vượt qua điểm trung gian qua sự điều chỉnh hoàn toàn giữa Tinh Thần và Vật Chất, hay của thế quân bình giữa trí tuệ và trực giác tâm linh. Tuy nhiên, cần ghi nhớ một điều quan trọng, chúng ta chỉ mới ở trong Cuộc Tuần Hoàn thứ Tư và sự phát triển hoàn toàn của trí tuệ như một tia sáng trực tiếp của ĐẠI TRÍ Vũ Trụ (MAHAT) - một tia sáng không bị Vật Chất làm chướng ngại – chỉ có thể đạt tới trong cuộc Tuần Hoàn thứ Năm. Tuy nhiên, vì mọi phân chủng (sub-race) và quốc gia đều có các chu kỳ và giai đoạn phát triển tiến hóa của mình được lặp lại theo một qui mô nhỏ hơn, nên nó ắt phải nhiều hơn như thế nữa trong trường hợp một Căn chủng. Như thế là Chủng tộc chúng ta, trong vị thế của một căn chủng, đã vượt qua con đường trung gian và đang tiến tới trên khía cạnh tâm linh. Nhưng vài phụ chủng

của Giống dân thứ Năm vẫn ở trên vòng cung đi xuống của những chu kỳ quốc gia liên hệ và còn những phụ chủng khác nữa – những phụ chủng cổ xưa nhất – sau khi đã vượt qua

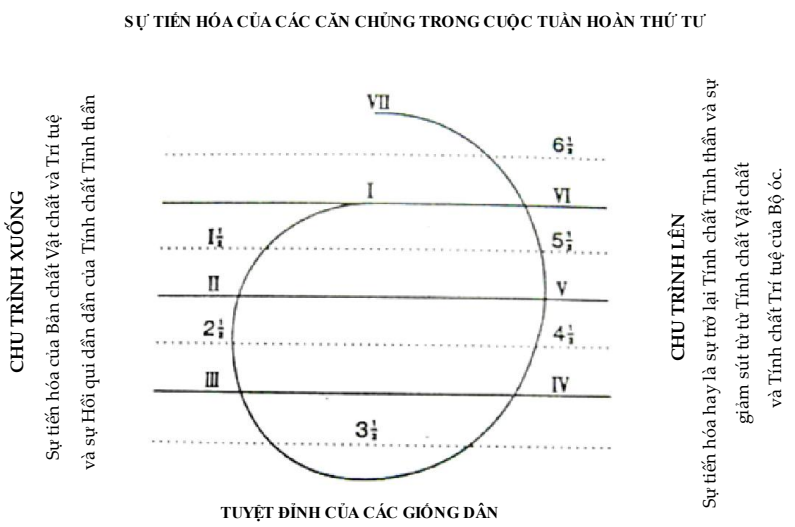

điểm cốt yếu then chốt vốn quyết định sự mất hay còn của một chủng tộc, một quốc gia hay một bộ lạc, đang ở tột đỉnh của sự tiến hóa tâm linh.

Nay cũng là điều dễ hiểu, tại sao Con Mắt thứ Ba lại dần dần biến thành một tuyến đơn giản, khi có sự sa đọa vật chất của những kẻ mà chúng ta đồng ý gọi là người Lemuria.

Có một sự kỳ diệu là trong một con người, các bán cầu não và các nang não bên đã đặc biệt phát triển, trong khi mà chính *thị khưu (optic thalami), nang não giữa* và *vân thể* lại là các bộ phận chính phát triển trong các bộ óc của động vật hữu nhũ khác. Hơn nữa, người ta đã khẳng định rằng trong một chừng mực nào đó, trí tuệ của một người có thể được đo lường bằng sự phát triển của khúc cuộn giữa và phần trước của các bán cầu não. Dường như một hệ luận tự nhiên của

điều này là nếu như chúng ta có thể xem sự phát triển của tùng quả tuyến là một dấu hiệu của các năng khiếu thần thông và các khuynh hướng tâm linh của bất kỳ người nào, thì sẽ có một sự phát triển tương ứng của phần xương sọ đó, hoặc một sự gia tăng của tùng quả tuyến gây thiệt hại cho phần sau của các bán cầu não. Đây là một điều suy lý kỳ diệu và sẽ được xác nhận trong trường hợp hiện nay. Ở bên dưới và phía sau, chúng ta sẽ thấy tiểu não mà người ta cho là trung tâm của mọi khuynh hướng động vật của con người mà khoa học cho là đại trung tâm của mọi hoạt động sinh lý kết hợp của cơ thể, chẳng hạn như là đi đứng, ăn uống v.v… Ở đàng trước là phần não trước, các bán cầu não, phần đặc biệt có liên quan tới sự phát triển trí năng con người. Và ở phía giữa khống chế cả hai phần kia và nhất là các chức năng động vật, là tùng quả tuyến đã phát triển, liên hệ với người tiến hóa cao hơn hoặc Chơn Nhơn.

303 Phải nhớ rằng đây chỉ là các sự tương ứng vật chất, cũng như óc người bình thường chỉ là cơ quan ghi nhận ký ức chứ không phải là chính ký ức.

Như thế, đây chính là cơ quan đã sản sinh biết bao là huyền thoại và truyền thuyết, kể cả huyền thoại về con người có một đầu nhưng hai mặt. Ngoài những chuyện đã được đề cập trong các áng văn của Chaldea, chúng ta còn có thể thấy các huyền thoại này trong nhiều tác phẩm của Trung Hoa. Ngoài tác phẩm đã được nêu, Sơn Hải Kinh, do Kung Chia biên soạn từ những chữ khắc trên chín chiếc đỉnh thời Vũ Đế, 2255 trước T.C. tạo ra, chúng ta còn có thể thấy chúng trong một tác phẩm khác tên là Trúc Thư (Bamboo Books), và trong một tác phẩm thứ ba 'Rh Ya, tục truyền rằng tác giả của nó đã được "Điểm đạo đồ Chow Kung, chú của Vũ Vương, vị

Hoàng Đế đầu tiên của triều Chu, 1122 trước T.C. Trúc Thư bao hàm các niên sử cổ truyền của Trung Hoa, nghe nói người ta đã tìm ra nó vào năm 279 sau T. C. khi mở lăng Vua Seang nước Wei, Ngài đã băng hà năm 295 trước T.C."([1]) Cả hai tác phẩm này đều đề cập tới những người có hai mặt trên một đầu – một mặt trước, một mặt sau.

Bây giờ, môn sinh Huyền bí học nên biết rằng "Con Mắt thứ Ba" *có liên hệ chặt chẽ với Nghiệp quả*. Giáo điều huyền bí đến nỗi rất ít người nghe nói đến nó.

"Con Mắt Shiva" không hoàn toàn teo lại trước khi kết thúc giai đoạn của Giống dân thứ Tư. Khi mà lý tưởng tâm linh và những quyền năng thiêng liêng cùng những đặc tính thần tiên cao cả của Giống dân thứ Ba đã bị lạm dụng và ô nhiễm bởi con người thể chất đầy dục vọng và thú tính, thì Con Mắt Thần liền mất hết ảnh hưởng thần diệu của nó. Nhưng đó là luật tiến hóa, vì nói đúng ra, đó không phải là sự SA ĐỌA. Tội lỗi không phải là do việc sử dụng những quyền năng mới phát triển, mà là do *sự lạm dụng quyền năng*, làm cho phần thể chất con người đáng lẽ là một tòa linh điện chứa đựng vị Thượng Đế bên trong, lại là một thứ khí cụ của sự đọa lạc *tâm linh*. Sự lạm dụng quyền năng này thật ra không phải là một tội lỗi mà thôi, nó còn là vấn đề gây Nhân tạo Nghiệp ([2]) rất xấu. Các độc giả cảm thấy thắc mắc về việc

---

[1] Các Con Quái Vật Thần Thoại của Gould, trang 27.

[2] Nghiệp quả (Karma) là một từ có nhiều nghĩa, và có một thuật ngữ riêng biệt đối với hầu hết mọi khía cạnh của nó. Khi đồng nghĩa với tội lỗi, nó có nghĩa là sự hoàn thành một hành động nào đó để đạt tới mục tiêu của dục vọng trần tục, vì thế nên nó là ích kỷ, nó không thể không gây thiệt hại cho người nào khác. Nghiệp quả là tác động, là nguyên nhân: "Nghiệp quả cũng lại là "Luật

dùng danh từ "đọa lạc tâm linh" này thay vì dùng "đọa lạc thể chất", xin nhớ rằng không có vấn đề gọi là đọa lạc thể chất. Thể xác chỉ là một cơ phận vô trách nhiệm, một khí cụ của linh hồn hay "Con người Tâm linh". Trong trường hợp của giống người Atlantis, chính Cái phần Tâm linh của họ đã phạm tội lỗi vì chính Yếu tố Tinh Thần vẫn là nguyên tắc "Chủ động" trong con người. Như vậy, chính là ở trong thời kỳ đó mà Nghiệp quả nặng nề nhất của Giống dân thứ Năm do Chơn Thần của chúng ta tạo ra.

304 Vì câu này lại khiến người ta có thể rối trí, nên tốt hơn là chúng ta phải giải thích nó vì lợi ích của những kẻ chẳng biết gì về giáo lý Minh Triết Thiêng Liêng.

Những vấn đề của Quả báo và Luân hồi được nêu ra và dường như có một sự lầm lẫn to lớn về vấn đề này. Những người theo đạo Cơ Đốc đã thấm nhuần cái ý tưởng cho rằng Thượng Đế tạo ra một Linh Hồn mới cho mỗi đứa trẻ sơ sinh, thường là ở trong số những người hoang mang nhất. Họ hỏi phải chăng theo thuyết trên, thì tổng số Linh Hồn đầu thai trên Thế giới là có giới hạn và họ được trả lời là đúng như vậy. Vì theo quan niệm huyền môn, thì tuy rằng những Chơn Thần đầu thai chuyển kiếp thì vô số, nhưng tựu trung vẫn có giới hạn. Dù cho chúng ta tính luôn rằng kể từ Giống dân thứ Hai trở về sau, khi mà bảy Nhóm người ban sơ của họ được ban cho thể xác, đã có nhiều trường hợp sinh và tử xảy ra trong mỗi giây đồng hồ kể từ đó đến nay. Luật Nhân Quả điều chỉnh mọi vật một cách rất thần tình, bởi vậy, sự xuất hiện của các Chơn Thần mới, chấm dứt khi Nhân loại vừa đạt tới sự phát triển thể chất một cách đầy đủ. Không có một

---

Nhân Quả Đạo Đức", *hậu quả* của một hành vi ích kỷ, bất chấp đại Luật Điều Hòa, định luật lớn này tùy thuộc vào lòng vị tha.

Chơn Thần mới nào còn đầu thai chuyển kiếp kể từ điểm giữa của giống dân Atlantis cho đến nay. Chúng ta nên nhớ rằng ngoại trừ trường hợp trẻ con chết yểu và những người bất đắc kỳ tử vì lý do tai nạn, không một Thực Thể Tâm Linh nào có thể tái sinh trước khi một thời kỳ dài nhiều thế kỷ trôi qua. Riêng một việc có những khoảng cách như thế cũng chỉ rằng tổng số Chơn Thần đầu thai đương nhiên có giới hạn trong một phạm vi nhất định. Vả lại, còn phải có một thời gian khá dài dành riêng cho sự tiến hóa của những loài vật khác.

Bởi vậy mới có sự quả quyết rằng nhiều người trong chúng ta hiện nay đang phải thanh toán các Nghiệp quả xấu mà họ đã gây ra trong những kiếp trước khi còn mang thể xác của người Atlantis. Luật Nhân Quả có liên đới chặt chẽ với Luật Luân Hồi.

Sự hiểu biết định luật này cho chúng ta nhận thấy những kiếp tái sinh liên tục của cùng một Linh Hồn suốt Chu kỳ Sinh hoạt; nó cho chúng ta thấy rằng cũng bấy nhiêu CHƠN THẦN – trong đó có nhiều vị Thiền Định Đế Quân hay chính các "Thiên Thần" ("God") – phải trải qua các "Chu kỳ Cần thiết" và nhận lấy những sự thưởng phạt tương xứng với Nghiệp quả đã gây ra trong kiếp sống trước; chính các Chơn Thần đó đã giáng lâm vào những lớp Vỏ trống rỗng, vô tri giác, hay những Hình Bóng khinh thanh do những vị Thủy Tổ phóng xuất ra thành những người đầu tiên trong Giống dân thứ Nhất, những Chơn Thần ấy ngày nay đang có mặt trong chúng ta, và có lẽ họ là chính chúng ta nữa; chỉ có triết lý này mới có thể giải thích cho chúng ta vấn đề bí hiểm của Thiện và Ác và việc có vẻ như bất công khủng khiếp trong đời sống con người. Chỉ có sự hiểu biết đó mới xoa dịu lòng

công phẫn của chúng ta đối với sự trái ngược éo le của cuộc đời và dung hòa chúng ta với ý niệm công bằng thiêng liêng. Khi đã thấu hiểu luật Luân Hồi, Nhân Quả và nhìn thấy chung quanh mình những chênh lệch bất bình đẳng về thân thế, tài sản, về trí tuệ và khả năng, người ta sẽ không còn
305 ngạc nhiên nữa. Người ta cũng sẽ không thắc mắc băn khoăn khi thấy những kẻ xấu xa, độc ác lại hưởng được danh vọng, giàu sang, sung sướng, dường như được ưu đãi. Trái lại, có những người khác thông minh, đức hạnh cao quý – nói tóm lại hơn hạng người trên về mọi phương diện – thế mà lại lâm vào cảnh túng thiếu, cô đơn; nhìn thấy những cảnh tượng như thế, mà vô phương cứu giúp để làm nhẹ nỗi đau khổ của người đời, thì chỉ có sự hiểu biết về Nghiệp quả mới giúp cho chúng ta giữ được sự an nhiên, không nguyền rủa cuộc đời, cũng như trách tạo Hóa bất công.([1])

Trong tất cả những điều báng bổ khủng khiếp, và những điều thực đúng là những lời kết tội vị Thượng Đế của mình của những kẻ theo thuyết độc thần, không có gì nghiêm trọng, hoặc không thể tha thứ được hơn là sự khiêm tốn giả tạo (hầu như là bao giờ cũng vậy) khiến cho các tín đồ Thiên Chúa giáo giả sử là "ngoan đạo" khẳng định, khi giáp mặt với điều ác và tai họa bất công, rằng "đó là *ý muốn của Thượng Đế*" ("such *is the will of God").*

Thật là đần độn và đạo đức giả ! Những kẻ báng bổ và các tín đồ Pharisees bất kính nói về lòng từ bi bác ái vô tận về

[1] Những kẻ phản đối thuyết Nghiệp quả nên nhớ lại sự kiện là hoàn toàn không thể ra sức đáp lại những kẻ bi quan về các dữ kiện khác. Chỉ cần quán triệt những nguyên lý của định luật Nghiệp quả thì cũng đủ làm sụp đổ được toàn bộ nền tảng của cấu trúc mà Schopenhauer và Von Hartmann đã dựng nên.

Thượng Đế và Đấng Tạo Hóa đối với kẻ bơ vơ, thế mà vị Thượng Đế đó *lại đày đọa người hiền, tạo vật đẹp nhất của mình, làm cho họ chảy máu đến chết giống như một Thần Moloch khát máu* ! Congreve sẽ trả lời cho chúng ta về điều này như sau:

Nhưng ai dám trách móc Chân Lý Vĩnh Cửu ?

Chúng tôi xin đáp: *Lý luận và lương tri*. Nếu người ta yêu cầu chúng ta tin tưởng vào "tội lỗi nguyên thủy", tin vào *một* kiếp sống *duy nhất* trên Trần Thế dành cho mọi Linh Hồn và tin vào một Đấng Thánh Linh Nhân Hình (Ngài dường như chỉ tạo ra một số người để đủ thỏa mãn cái thú kết án họ phải chịu cảnh hỏa ngục đời đời) – như vậy đó cho dù họ thiện hay ác, theo những kẻ chủ trương thuyết tiền định ([1]) - thì tại sao bất kỳ người nào trong chúng ta vốn được phú cho lý trí, đến lượt mình lại không kết án một vị Thánh Linh tồi bại như vậy? Cuộc sống sẽ trở nên hết chịu nỗi nếu người ta phải tin tưởng vào vị Thượng Đế do sự tưởng tượng bẩn thỉu của con người tạo ra. May mắn thay vị Thượng Đế này chỉ tồn tại trong các giáo điều của con người, và trong trí tưởng tượng bệnh hoạn của vài thi sĩ, họ tin tưởng rằng mình đã giải quyết được vấn đề bằng cách ngỏ lời với Ngài như sau:

Hỡi Đại Huyền Năng Bí Nhiệm, Ngài đã *lôi cuốn*
Niềm kiêu hãnh của minh triết con người, *để làm bối rối*
Sự xoi mói táo tợn và chứng tỏ đức tin
Của các tạo vật *tự phụ* của mình !

[1] Giáo lý và thần học của các tín đồ phái Calvin. "Thiên ý từ vô thủy *vẫn tồn tại* trong mọi biến cố" – nó biến thành *thuyết định mệnh (fatalism)* và bóp chết tự do ý chí, hoặc bất cứ toan tính nào nhằm vận dụng tự do ý chí để hành thiện. "Đó là sự ấn định trước hạnh phúc hoặc tai họa đời đời dành cho con người". (Giáo Lý Vấn Đáp). Đây quả là một giáo lý cao cả và đáng khích lệ !

306 Thật vậy, cần phải có một tín ngưỡng mãnh liệt mới có thể tin rằng chính "sự tự tiện" chất vấn công lý của kẻ đã tạo ra con người nhỏ bé bơ vơ song lại làm cho y "băn khoăn" rồi lại trắc nghiệm "đức tin" của y, là điều mà "Quyền Năng" đó có thể đã quên, nếu không muốn nói đã lờ đi, không ban cho y, điều này đôi khi vẫn xảy ra.

Hãy so sánh đức tin mù quáng này với đức tin triết lý, dựa vào mọi bằng chứng hữu lý và kinh nghiệm sống, vốn tin vào Nghiệp quả tức Định Luật Báo Ứng. Định luật này, dù Hữu thức hay Vô thức, không đặt để cho ai hay bất cứ vật gì số mệnh khắc khe cố định. Định luật ấy có từ thuở Vô cùng và tự tại trong cõi Vô cùng. Thật ra tự nó VÔ CÙNG (ETERNITY) vậy. Và như thế, vì không một hành động nào có thể so sánh ngang bằng với vô cùng cho nên không thể nói rằng định luật ấy hành động bởi vì chính nó vốn dĩ đã là HÀNH ĐỘNG rồi. Không phải ngọn *sóng biển* làm đắm người, mà chính là hành động *cá biệt* của kẻ bất hạnh, y cố ý đặt mình dưới sự hành động *vô tư* của những định luật cai quản sự vận động của *sóng biển*. Định luật Karma không tạo tác, cũng không thảo kế hoạch. Chính con người mới thảo kế hoạch và tạo ra các nguyên nhân, còn Luật ấy chỉ điều chỉnh hậu quả (effects). Sự điều chỉnh này không phải là một hành động, mà là sự điều hòa trong vũ trụ, luôn luôn có khuynh hướng lập lại thế quân bình cũng giống như người bắn cung, nếu giương cung một cách quá thẳng, sẽ làm cho cây cung bật trở lại với cường độ tương đương với sức mạnh đã giương nó lên. Nếu rủi nó làm trật gân tay của kẻ giương cung, thì chúng ta có nên nói rằng nguyên nhân là tại cái cung làm gãy tay cung thủ, hay là do nơi sự dại dột của người ấy? Luật Karma không bao giờ tìm cách hủy diệt sự tự do suy luận và sự tự do cá nhân, như vị

Thượng Đế do các kẻ theo thuyết Độc Thần (Monotheists) chế ra. Nó đã không cố ý âm thầm tự tiện quyết định khiến cho con người băn khoăn; nó cũng sẽ chẳng trừng phạt kẻ nào dám xoi mói các bí nhiệm của nó. Trái lại, người này, do sự suy cứu và suy gẫm, sẽ vén được tấm màn bí nhiệm của luật nhân quả và làm sáng tỏ tác dụng vô cùng kỳ diệu và uyên áo của nó trên những ngõ ngách quanh co, sâu thẳm mà vì vô minh, nên biết bao người đã lầm đường lạc lối và đắm chìm vào mê cung của cuộc đời, chính những kẻ ấy làm việc để phụng sự nhân loại. Karma là một Định Luật Tuyệt Đối và Trường Cửu trong Vũ Trụ Biểu Lộ, và bởi vì chỉ có thể có một Nguyên nhân tuyệt đối trường cửu và Duy nhất luôn luôn tác động không ngừng cho nên những người tin tưởng nơi Karma không thể bị xem như Vô thần hay Duy vật và lại càng không phải là những kẻ cả tin nơi thuyết Định Mệnh
307 mù quáng, ([1]) vì Karma vốn đồng hóa với đấng Bất Khả Tri

[1] Để làm cho dễ hiểu Karma hơn đối với tâm trí con người phương Tây, những kẻ chỉ quen với triết học Hy Lạp hơn là triết học Ãryan, một vài nhà Minh Triết Thiêng Liêng đã thử dịch nó là Nemesis. Nếu kẻ phàm tục thời xưa hiểu Nemesis theo nghĩa mà bậc được Điểm đạo hiểu, thì chúng ta không thể phản đối cách dịch từ ngữ này được. Khốn nỗi, óc tưởng tượng của người Hy Lạp đã nhân hình hóa từ ngữ Nemesis, nhiều đến nỗi mà muốn dùng nó, chúng ta không thể không giải thích nó một cách tỉ mỉ. Decharme cho rằng "Đối với người Hy Lạp sơ khai, từ Homer cho tới Herodotus, nàng không phải là một Nữ Thần, mà đúng hơn là một tình cảm đạo đức", ngăn ngừa điều ác và sự vô luân. Kẻ nào phạm phải các điều trên, ắt sẽ phạm tội phạm thượng theo quan điểm của chư Thần Linh và bị Nemesis theo đuổi. Nhưng theo thời gian, "tình cảm" đó đã bị thần thánh hóa và các hiện thân của nó đã biến thành một Nữ Thần trừng phạt và khốc hại. Do đó, muốn liên kết

mà nó là một trạng thái, bằng các hậu quả của nó trong cõi giới hiện tượng.

Có liên quan mật thiết với Luật Nhân Quả là Luật Luân Hồi (Law of Rebirth) hay tái sinh của một Cá Thể tâm linh trong một loạt phàm ngã nối tiếp nhau trải qua dòng thời gian hầu như dài vô tận. Những phàm ngã này cũng ví như những vai trò mà những bộ y phục khác nhau của các nhân vật trong một vở kịch do một diễn viên đóng vai diễn xuất trên sân khấu. Kịch sĩ tự đồng hóa với vai trò ấy mỗi đêm chỉ

Nghiệp quả với Nemesis, chúng ta phải xét ba khía cạnh của nàng là Nemesis, Adrasteia và Themis. Đó là vì, trong khi Thermis là Nữ Thần Trật tự và Hài hòa Vũ Trụ, cũng như Nemesis, nàng được giao phó cho nhiệm vụ kiềm chế sự quá độ (excess), và giữ con người bên trong các giới hạn của Thiên Nhiên và công lý bằng hình phạt khắc nghiệt, thì Adrasteia, Nữ Thần "tất yếu", lại đại diện cho Nemesis làm hậu quả bất di bất dịch của các nguyên nhân của chính con người tạo ra. Với vai trò là con gái của Dikẽ, Nemesis là Nữ Thần công bình chỉ trút cơn thịnh nộ của mình lên đầu những kẻ điên cuồng vì kiêu ngạo, ích kỷ và không sùng đạo. (Xem Mesomed, Thánh ca Nemesis, v, 2, trích từ Văn Tuyển II của Bruck, trang 292; được trích dẫn trong Thần Thoại Cổ Hy Lạp, trang 304). Tóm lại, trong khi Nemesis là một Nữ Thần (hay *Quyền năng*) ngoại môn, thần thoại, được nhân cách hóa và nhân hình hóa với nhiều trạng thái, thì Nghiệp quả lại là một chân lý có ý nghĩa triết học cao siêu, , một kiểu biểu lộ thiêng liêng và cao cả nhất của trực giác nguyên sơ của con người liên quan tới Đấng Thánh Linh. Đó là một giáo lý giải thích nguồn gốc của điều Ác và cao thượng hóa các quan niệm của chúng ta về chân tướng của Công lý thiêng liêng bất di bất dịch, thay vì đổi bại hóa Đấng Thánh Linh huyền vi và bất khả tri bằng cách biến nó thành một vị bạo chúa ngông cuồng mà chúng ta gọi là Thiên Hựu (Providence).

trong khoảng vài giờ. Kịch sĩ - vốn là một người thật đóng vai những nhân vật giả tạo ấy – vẫn luôn luôn biết rằng y chỉ là một Hamlet trong thời gian vài màn kịch thôi. Tuy nhiên, vài màn kịch này trên bình diện ảo giác của con người lại tiêu biểu cho toàn thể cuộc đời của Hamlet. Người diễn kịch cũng biết rằng trên sân khấu hôm trước đó y là Vua Lear, và y cũng lại là Othello trong đêm trước nữa. Nhưng khi thủ những vai trò ấy trên sân khấu, thì y tạm thời quên đi bản chất con người thật của y. Trong cuộc đời thực tế, bất hạnh thay sự "tạm quên" đó lại trở thành quá thật ! Tuy nhiên, cái Chơn Ngã bất diệt hoàn toàn biết rõ điều đó, nhưng vì nhãn quan tâm linh bị lu mờ trong xác phàm nặng trọc, nên sự nhận thức ấy không thể gieo ấn tượng rõ rệt trên ý thức phàm trần của Phàm Ngã giả tạo.

Chúng tôi được biết rằng, những người thuộc Căn chủng thứ Ba đã chiếm hữu được một Mắt thứ Ba hồng trần, mãi cho đến thời kỳ giữa phân chủng thứ ba của Căn chủng thứ Tư khi sự cô đặc và hoàn thiện bộ khung cơ thể con người đã khiến cho nó biến mất khỏi cơ thể ngoại cảnh của con người. Tuy nhiên, xét về mặt tâm linh và tinh thần, thị giác và tri giác của nó đã tồn tại đến cuối Giống dân thứ Tư khi các chức năng của nó đã hoàn toàn bị dứt tuyệt do loài người quá duy vật và đồi trụy. Điều này xảy ra trước khi toàn khối lục địa Atlantis bị nhận chìm. Nay chúng ta có thể quay lại các trận Đại hồng thủy và nhiều "Noahs".

Môn sinh phải nhớ rằng có nhiều trận Đại hồng thủy như trận được đề cập trong Sáng Thế Ký và ba trận Đại hồng thủy quan trọng hơn nhiều sẽ được đề cập và mô tả trong Quyển 4, Phần 3, Tiết 6, dành riêng cho đề tài "Các lục địa bị chìm" thời tiền sử. Tuy nhiên, trong tình huống này cần phải có một

lời giải thích mới để tránh những phỏng đoán sai lầm, liên quan tới lời tuyên bố rằng Nội môn Bí giáo có chung nhiều điều với các huyền thoại bao hàm trong các Thánh kinh Ấn Độ; rằng niên đại ký của các Thánh kinh Ấn Độ cũng hầu như là niên đại ký của Nội môn Bí giáo (có điều là được minh giải thêm) và cuối cùng tin tưởng rằng Bàn Cổ Vaivastava – thật đúng là một danh xưng chung chung ! – là Noah của dân
308 Ãryan và nguyên kiểu của vị tộc trưởng trong Thánh kinh – các nhà Huyền bí cũng tin vào tất cả các điều này.

CÁC VỊ BÀN CỔ NGUYÊN SƠ CỦA NHÂN LOẠI

Những kẻ nào biết rằng "Đại Hồng Thủy" có liên quan tới sự đắm chìm của toàn thể một lục địa (ngoại trừ một vài đảo) đã không thể xảy ra cách đây mới khoảng 18 000 000 năm, và biết rằng Bàn Cổ Vaivasvata là Noah của Ấn Độ liên quan tới Hóa Thân Cá của Vishnu, có thể thấy băn khoăn trước sự dị biệt biểu kiến xưa giữa các sự kiện được nêu rõ và niên đại ký đã được trình bày trước kia. Nhưng thực ra chẳng có gì là dị biệt. Xin độc giả hãy quay sang Tạp chí Theosophist, số tháng 7 – 1883, đó là vì nhờ nghiên cứu một bài trong đó nói về "Nguyên khí Thất phân trong Nội môn Bí giáo", y có thể được minh giải về toàn bộ vấn đề này. Tôi tin rằng các nhà Huyền bí khác với tín đồ Bà La Môn ở lời giải thích trong đó.

Tuy nhiên, để giúp cho những kẻ không có Tạp chí Theosophist thời đó, một hai đoạn có thể được trích như sau:

Đức Bàn Cổ con của Đức Svayambhuva là ai? Giáo Lý Bí Nhiệm dạy chúng ta rằng vị Bàn Cổ này không phải là người mà là đại biểu của giống người bản sơ, tiến hóa với sự trợ giúp của các Thiền Định Đế Quân (Thiên Thần) vào lúc khởi đầu cuộc Tuần Hoàn thứ Nhất. Nhưng Luật Bàn Cổ cho chúng ta biết có mười bốn vị Bàn Cổ trong mỗi Thiên Kiếp, tức là "thời khoảng từ cơ sáng tạo

này sang cơ sáng tạo khác", đúng hơn là thời khoảng từ *tiểu* Chu kỳ Hỗn Nguyên này sang tiểu Chu kỳ Hỗn Nguyên khác ([1]) và

[1] *Chu kỳ Hỗn Nguyên (Pralaya*) – đã được giải thích rồi – không phải chỉ là từ ngữ áp dụng cho mọi "Đêm của Brahmã" hoặc sự Giải tán Thế giới tiếp theo sau mỗi Chu kỳ Khai Nguyên bằng 71 Đại Chu Kỳ (Mahãyugas). Nó cũng áp dụng cho mỗi sự "Triều nguyên" ("Obscuration") nữa và thậm chí còn áp dụng cho cả mọi đại họa lần lượt dùng Nước hay Lửa để tiêu diệt mỗi Căn chủng. Cũng như từ ngữ Bàn Cổ, đây là tên chung dành cho Đấng Shishtas; kinh Purãnas cho rằng với danh hiệu "Thánh Vương", các Đấng này được bảo tồn "cùng với mầm mống của vạn vật trong một chiếc bè, thoát khỏi nước ngập của các trận lụt [hoặc lửa cháy của một trận hỏa tai do núi lửa phun, chúng ta sẽ thấy sự khởi đầu của trận hỏa tai trên dành cho Giống dân thứ Năm chúng ta trong các trận động đất và núi lửa phun khủng khiếp trong những năm vừa qua, nhất là vào năm nay (1888)] lan tràn trên thế giới [Địa Cầu] vào dịp một Chu kỳ Hỗn Nguyên". (Vishnu Purãna, bản dịch của Wilson, Quyển I, trang lxxxi). Thời gian chỉ là một dạng của Vishnu – thật vậy, Parãshara đã nhận xét như thế trong Vishnu Purãna. Chúng ta thấy các Chu kỳ và Thiên Kiếp của Ấn Độ có chuỗi số giảm dần 4, 3, 2 cùng với các con số 0 (được nhân lên khi cần) vì các mục đích Bí truyền, chứ không phải là để tô điểm cho các giáo phái như Wilson và các nhà Đông phương học khác thường lầm tưởng. Một Thiên Kiếp có thể là một Đời (Age) hay Ngày của Brahmã, hay là một Thiên Kiếp tinh đẩu, thiên văn và trần tục. Chúng ta thấy tất cả các phép tính toán này trong mọi kinh Purãnas, nhưng có vài điều dị biệt – chẳng hạn như trong kinh Linga Purãna, "Năm của bảy Thánh Hiền" bằng 3 030 năm thế nhân, còn "Năm của Dhruva" bằng 9 090 năm thế nhân, các con số này lại có tính cách Bí truyền và trình bày niên đại ký thực sự (và bí nhiệm). Brahmã Vaivarta có dạy: "Các nhà lập niên đại tính toán một Thiên Kiếp bằng Đời của Brahmã. Các *tiểu* Thiên Kiếp, chẳng hạn như Samvarta v.v… thật nhiều vô số kể. Ở đây, các "Tiểu Thiên Kiếp"

"trong Thiên Kiếp hiện nay, cho đến nay đã có *bảy* vị Bàn Cổ". Nên biết rằng có bảy cuộc Tuần Hoàn mà chúng ta đã trải qua ba cuộc và nay đang ở vào cuộc thứ Tư. Có bảy buổi Bình minh và bảy kỳ Tranh tối tranh sáng, tức mười bốn Chu kỳ Khai Nguyên. Vào lúc khởi đầu mỗi cuộc Tuần Hoàn, vào lúc kết liễu ở trên và ở giữa các Bầu hành tinh, có một sự khơi hoạt đời sống *hão huyền* và "sự khơi hoạt đời sống *thực sự*". Hơn nữa, có các vị Bàn Cổ Gốc và cái mà chúng ta đã dịch một cách vụng về là các vị Bàn Cổ Mầm Mống
309 (Seed-Manus) – *mầm mống của các giống người của* cuộc Tuần Hoàn *sắp tới* (tức các Đấng Shishtas – những người thích ứng nhất còn sống sót; (1) đây là một bí nhiệm chỉ được tiết lộ cho những người được ba lần Điểm đạo). Những kẻ nào được biết những điều kể trên sẽ được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để hiểu được ý nghĩa của những điều tiếp sau đây. Các Thánh kinh Ấn Độ cho chúng ta biết rằng "Đức Bàn Cổ bản sơ tạo ra *sáu* vị Bàn Cổ khác [tổng cộng là *bảy* vị Bàn Cổ nguyên sơ], đến lượt mỗi Đấng này lại tạo ra bảy vị Bàn Cổ khác" (2) (Bhrgu, i, 61 – 63) – trong các bộ luận Huyền bí

ám chỉ mọi thời kỳ Hủy diệt mà chính Wilson đã thừa hiểu khi ông giải thích rằng "đó là thời kỳ tác động của cơn gió Samvarta hoặc các tác nhân hủy diệt khác". (Như trên, trang 54).

[1] Chúng ta có thể thấy một trực giác và linh tính về các Đấng Shishtas trong Phật Giáo Bí Truyền của Sinnett. Xem "Chú thích" – "Lý Thuyết về Chiếc Bè của Noah, trang 146 – 147, ấn bản kỳ 5 [trang 162 – 163, ấn bản kỳ 8].

[2] Việc người ta trình bày là chính Đức Bàn Cổ tuyên bố là Ngài được Virãj tạo ra và rồi Ngài đã tạo ra mười Đấng Prajãpatis, các vị này lại tạo ra bảy vị Bàn Cổ, đến lượt các Đấng này lại sinh ra bảy vị Bàn Cổ khác [Luật Bàn Cổ, I, 33, 36] liên quan tới các bí nhiệm khác còn sơ khai hơn nữa, và đồng thời là một bức bình phong đối với giáo lý về Dãy Bảy Hành Tinh, và sự tiến hóa của bảy Giống người. Tuy nhiên, tác phẩm này được biên soạn theo tài liệu của Nội môn Bí giáo xuyên Hy Mã Lạp Sơn, còn Nội môn Bí giáo Bà La

học, việc tạo ra chư Bàn Cổ được trình bày là 7 x 7. Như thế rõ ràng là Đức Bàn Cổ - Đức Bàn Cổ vừa qua, thủy tổ của Nhân loại thuộc cuộc Tuần Hoàn thứ Tư – phải là Vị *thứ bảy*, vì chúng ta ở vào cuộc Tuần Hoàn thứ Tư, ([1]) có một Bàn Cổ Gốc trên Bầu A và một Bàn Cổ *Mầm Mống* trên Bầu G. Cũng như mỗi cuộc Tuần Hoàn của hành tinh bắt đầu với sự xuất hiện của Bàn Cổ Gốc (Thiền Định Đế Quân) và chấm dứt với một Bàn Cổ Mầm Mống lần lượt xuất hiện vào lúc khởi đầu và lúc kết thúc chu kỳ nhân loại trên bất kỳ Bầu hành tinh đặc biệt nào. ([2]) Từ phát biểu nêu trên, chúng ta sẽ dễ

Môn nay có thể có dạng khác cũng như kinh Kabalah. Ngày xưa chúng đều giống y nhau.

[1] Ngoài điều này ra còn có một lý do *bí truyền* khác. Vaivasvata là vị Bàn Cổ *thứ bảy*, vì mặc dù là thứ Tư, cuộc Tuần Hoàn này của chúng ta lại ở vào Chu kỳ Khai Nguyên *tiền thất phân*, còn chính cuộc Tuần Hoàn lại ở vào giai đoạn vật chất *thứ bảy;* sự kết thúc trung điểm của chủng tộc của nó đã diễn ra trong khi có Căn chủng thứ Tư, khi Con Người và toàn thể Thiên Nhiên đạt tới giai đoạn Vật Chất thô trược nhất. Từ lúc đó (nghĩa là từ cuối ba Giống dân rưỡi) Nhân loại và Thiên Nhiên đã bước trên vòng cung thăng tiến của Chu kỳ Chủng tộc.

[2] Thời khoảng trước mỗi Chu kỳ được gọi là Sandhyã; một Chu kỳ có bao nhiêu ngàn năm thì nó cũng gồm có bấy nhiêu trăm năm, còn thời khoảng sau một Chu kỳ được gọi là Sandhyãmsha và cũng dài như vậy (theo Vishnu Purãna). "Thời khoảng (interval) giữa các thời kỳ Sandhyã và Sandhyãmsha chính là Chu kỳ được mệnh danh là Krita, Tretã v.v… Bốn chu kỳ Krita, Tretã, Dvãpara và Kali hợp thành một đại chu kỳ tức tập hợp bốn chu kỳ; một ngàn tập hợp như vậy là một Ngày của Brahmã; mười bốn vị *Bàn Cổ ngự trị trong thời kỳ đó".* (Sách đã dẫn, như trên, trang 49). Nay nếu chúng ta chấp nhận điều này theo sát nghĩa, thì ắt mỗi 4 320 000 000 năm chỉ có một vị Bàn Cổ. Vì chúng tôi được biết rằng ở hai giới thấp phải mất 300 triệu năm để tiến hóa, và Loài người chúng ta chỉ mới xuất hiện cách đây l8 triệu năm, nên các vị Bàn Cổ

dàng thấy rằng một Chu kỳ Khai Nguyên (Manu-antara) – theo hàm ý của chính từ ngữ này – nghĩa là thời kỳ *giữa* hai lần xuất hiện của hai vị Bàn Cổ tức Thiền Định Đế Quân. Vì thế, một Tiểu chu kỳ Khai Nguyên là thời kỳ của *bảy* Giống dân trên bất kỳ Bầu hành tinh đặc biệt nào, còn một Đại chu kỳ Khai Nguyên là thời kỳ của một cuộc Tuần Hoàn nhân loại dọc theo Dãy Hành Tinh. Hơn nữa, vì nghe nói mỗi một trong bảy Đức Bàn Cổ lại tạo ra 7 x 7 vị Bàn Cổ và có 49 Căn chủng trên bảy Bầu hành tinh trong mỗi cuộc Tuần Hoàn, nên mỗi Căn chủng đều có một vị Bàn Cổ của mình. Vị Bàn Cổ thứ bảy hiện nay được gọi là "Vaivasvata", trong kinh điển ngoại môn, Ngài tượng trưng cho vị Bàn Cổ ở Ấn Độ tiêu biểu cho Xisuthrus của dân Babylonia và Noah của dân Do Thái. Nhưng trong các tác phẩm nội môn, chúng ta được biết rằng Bàn Cổ Vaivasvata, thủy tổ của Giống dân *thứ Năm* chúng ta – Ngài đã cứu nó thoát khỏi trận lụt đã tiêu diệt gần hết giống dân Atlantis thứ Tư – không phải là vị Bàn Cổ thứ bảy được đề cập theo danh pháp của các vị Bàn Cổ Gốc, mà là một trong 49 vị Bàn Cổ xuất phát từ vị Bàn Cổ Gốc này.

310 Để dễ hiểu hơn, ở đây chúng tôi xin trình bày danh xưng của 14 vị Bàn Cổ xếp theo thứ tự liên quan tới mỗi cuộc Tuần Hoàn.

1. Cuộc Tuần Hoàn thứ Nhất:

a. Bàn Cổ Nguyên căn (Gốc) đầu tiên trên Bầu hành tinh A: Svãyambhuva.

b. Bàn Cổ Mầm Mống đầu tiên trên Bầu hành tinh G: Svãrochi hay Svrochisha.

2. Cuộc Tuần Hoàn thứ Hai:

a. Bàn Cổ Nguyên căn thứ hai trên Bầu hành tinh A: Auttami.

b. Bàn Cổ Mầm Mống thứ hai trên Bầu hành tinh G: Tãmasa.

3. Cuộc Tuần Hoàn thứ Ba:

---

khác mà chúng ta đã đề cập tới) ở đâu ra đây, trừ phi ẩn dụ có nghĩa như Nội môn Bí giáo dạy là 14 vị, mỗi vị nhân với 49 ?

a. Bàn Cổ Nguyên căn thứ Ba trên Bầu hành tinh A: Raivata.

b. Bàn Cổ Mầm Mống thứ ba trên Bầu hành tinh G: Chãkshusha.

4. Cuộc Tuần Hoàn thứ Tư:

a. Bàn Cổ Nguyên căn thứ Tư trên Bầu hành tinh A: Vaivasvata (Thủy Tổ chúng ta).

b. Bàn Cổ Mầm mống thứ tư trên Bầu hành tinh G: Sãvarna [cùng màu hay giai cấp].

5. Cuộc Tuần Hoàn thứ Năm:

a. Bàn Cổ Nguyên căn thứ năm trên Bầu hành tinh A: Daksha -sãvarna.

b. Bàn Cổ Mầm mống thứ năm trên Bầu G: Brahmã-sãvarna.

6. Cuộc Tuần Hoàn thứ Sáu:

a. Bàn Cổ Nguyên căn thứ sáu trên Bầu A: Dharma-sãvarna.

b. Bàn Cổ Mầm mống thứ sáu trên Bầu G: Rudra- sãvarna.

7. Cuộc Tuần Hoàn thứ Bảy:

a. Bàn Cổ Nguyên căn thứ bảy trên Bầu A: Rauchya-[daiva] sãvarna.

b. Bàn Cổ Mầm mống thứ bảy trên Bầu G: Bhautya.

Như thế, mặc dù là thứ bảy trong thứ tự nêu trên, song Vaivasvata lại là Bàn Cổ Nguyên căn của Làn sóng Nhân loại thứ Tư của chúng ta (độc giả phải luôn luôn nhớ rằng Bàn Cổ không phải là một người mà là một tập thể nhân loại), còn Vaivasvata *của chúng ta* chẳng qua chỉ là một trong bảy vị Bàn Cổ *Thứ yếu*. Ngài được chỉ định để chưởng quản bảy Giống dân của Bầu hành tinh này. Mỗi Đấng này phải chứng kiến một trong các đại họa định kỳ và tuần hoàn (do lửa và nước) sẽ kết liễu chu kỳ của mọi Căn chủng, và chính vị Vaivasvata này – hiện thân lý tưởng của Ấn Độ được gọi lần lượt là Xisuthrus, Deucalion, Noah v.v.. – là "Con Người" ẩn dụ đã cứu độ Giống dân chúng ta, khi hầu hết dân số của một bán

cầu bị nước tiêu diệt, còn bán cầu kia lại được khơi hoạt từ trạng thái triều nguyên tạm thời.([1])

Như vậy, người ta đã chứng tỏ rằng không có sự dị biệt thực sự nào khi nói đến Chu kỳ Khai Nguyên Vaivasvata (Manu-antara, nghĩa đen là "giữa hai vị Bàn Cổ") là cách đây 18 000 000 năm, khi Con Người vật chất (hoặc thực sự là người) thoạt tiên xuất hiện trong Vòng tiến hóa thứ Tư trên Địa Cầu này; và khi nói đến các vị Vaivasvata khác, nghĩa là

---

[1] Các từ ngữ "Sáng Tạo", "Hủy diệt" v.v.. không diễn dịch được đúng nghĩa của Chu kỳ Khai Nguyên hoặc Chu kỳ Hỗn Nguyên. Kinh Vishnu Purãna liệt kê nhiều loại, người ta trình bày rằng Parãshara đã dạy là có bốn loại làm tiêu tan vạn vật :

a. Naimittika (Ngẫu nhiên), khi Brahmã lim dim ngủ (vào ban Đêm, khi hết một Ngày có diễn ra một sự tái hợp của Vũ Trụ, được gọi là sự tái hợp ngẫu nhiên của Brahmã, và Brahmã chính là Vũ trụ này).

b. Prãkritika (Ngũ hành – Elemental) khi trở lại tình trạng nguyên thủy của Vũ Trụ này có tính cách một phần vật chất.

c. Ãtyantika (Tuyệt đối – Absolute), sự đồng nhất hóa của Tinh Thần Vô Thượng vô hình – trạng thái Toàn Linh Trí, dù là tạm thời hay là cho tới Đại Thiên Kiếp sau, cũng là sự Triều Nguyên Tuyệt đối (Absolute Obscuration) – như của toàn thể một Dãy Hành tinh v.v…

d. Nitya (Thường hằng – Perpetual), Đại Chu kỳ Hỗn Nguyên đối với Vũ Trụ, *Sự chết* đối với con người. Nitya là sự tuyệt mệnh giống như "một ngọn đèn tắt ngúm", cũng như là "ngủ say vào ban đêm". Nitya là sự "sáng tạo thường hằng", cũng như Nitya Pralaya là "sự hủy diệt thường hằng mọi vật đã được sinh ra". "Cái nối tiếp một sự tiêu diệt thứ yếu được gọi là sự sáng tạo phù du". (Vishnu Purãna, Wilson, Quyển I, trang 113 – 114). Đề tài này khó hiểu đến nỗi mà chúng ta bắt buộc phải lặp đi lặp lại các phát biểu của mình.

Bàn Cổ của trận Đại hồng thủy Vũ Trụ hay tinh đẩu (một bí nhiệm) hoặc Bàn Cổ Vaivasvata của Châu Atlantis bị chìm khi Đấng Vaivasvata của chủng tộc đã cứu số Nhân loại được tuyển định (Giống dân thứ Năm) khỏi bị tuyệt diệt. Vì nhiều biến cố hoàn toàn riêng biệt này được cố tình trộn lẫn vào nhau trong kinh Vishnu Purãna và các kinh Purãnas khác thành một câu chuyện; nên độc giả phàm tục có thể sẽ còn hoang mang nhiều. Do đó, vì cần phải minh giải mãi nên xin
311 độc giả miễn thứ cho chúng tôi về việc cứ lặp đi lặp lại. Các "bình phong" che giấu các bí nhiệm thực sự của Nội môn Bí giáo thật là lớn lao và làm rối trí và ngay cả hiện nay, chúng ta cũng không thể trình bày chân lý rốt ráo. Tuy nhiên, chúng ta có thể vén màn che giấu lên một tí nữa, và nay chúng ta có thể giải thích cho môn sinh chân chính một vài điều trước kia vẫn còn bị giấu kín.

Nếu chúng tôi không lầm thì Đại Tá Vans Kennedy đã nhận xét rằng "nguyên lý bản sơ trong triết lý tôn giáo Ấn Độ *là nhất nguyên trong đa tạp*". Nếu tất cả các vị Bàn Cổ và Thánh Hiền này được gọi bằng một tên chung, thì đó là vì họ chỉ là một và đều là các năng lượng biểu lộ của cùng một Thiên Đạo duy nhất, là các Sứ giả (Messengers) và Hoán vị (Permutations) trên trời dưới đất của các Nguyên khí bao giờ cũng ở trong trạng thái hoạt động – hữu thức trong thời kỳ tiến hóa của Vũ trụ, vô thức (theo quan điểm của chúng ta) trong khi Vũ Trụ Yên Nghỉ - vì Thiên Đạo (Logos) đã ngủ trong lòng CÁI ĐÓ (THAT) vốn "chẳng ngủ nghê", cũng chẳng bao giờ thức tỉnh, vì đó là Sat tức là "Bản Thể" chứ không phải là Hữu Thể. Chính NÓ đã xạ ra *Thiên Đạo Vô Hình*, Ngài phát sinh ra mọi Thiên Đạo khác; Đấng Bàn Cổ Bản sơ khai sinh ra các vị Bàn Cổ khác, xạ ra vũ trụ và vạn vật trong đó,

và tập hợp các Ngài tiêu biểu cho *Thiên Đạo Biểu Lộ*.([1]) Vì thế Giảng lý dạy chúng ta rằng trong khi không Thiền Định Đế Quân nào (kể cả Đấng Cao Cả cao siêu nhất) có thể nhận thức rốt ráo được.

Tình trạng của Cơ tiến hóa Vũ Trụ trước … các vị Bàn Cổ vẫn nhớ kỹ các kinh nghiệm của các Ngài trong mọi Cơ tiến hóa Vũ Trụ suốt qua Vĩnh Cửu.

Điều này thật là giản dị: vị Bàn Cổ đầu tiên được gọi là Svãyambhuva, "Đấng tự hiện" Con của Từ Phụ Vô Hiện. Chư Bàn Cổ là các Đấng Sáng Tạo vô thượng của Giống dân thứ Nhất chúng ta – tinh thần của nhân loại – điều này không cản trở việc bảy vị Bàn Cổ đã là những Người "tiền Adam" trên Trần Thế.

Đức Bàn Cổ tuyên bố rằng chính mình được tạo ra bởi Virãj ([2]) hay Vaishvãnara, Tinh Thần của Nhân loại,([3]) điều này nghĩa là Chơn Thần của Ngài xạ ra từ Nguyên khí hằng động (never resting Principle) vào lúc khởi đầu mọi Hoạt Động Vũ Trụ mới mẻ - cái Thiên Đạo hay CHƠN THẦN VŨ

---

[1] Nhưng hãy xem các định nghĩa tuyệt diệu về Parabrabman (Thái Cực Thượng Đế) và Thiên đạo trong các bài thuyết trình của T. Subba Row bàn về Chí Tôn Ca đăng trong Tạp chí Theosophist, năm 1887.

[2] Xem chú thích cuối trang nêu trên.

[3] Xem Manusmriti (Luật Bàn Cổ) Adhyãya I, Câu 32, 33. Theo một ý nghĩa khác, Vaishvãnara là sinh hỏa từ điển thấm nhuần Thái Dương Hệ biểu lộ. Đó là khía cạnh khách quan nhất (mặc dù đối với chúng tôi thì ngược lại) và khía cạnh hiện tại của Sự Sống Duy Nhất, vì đó chính là Nguyên sinh khí. (Xem Tạp chí Theosophist, tháng 7 – 1883, trang 249 "Tinh Thần và Vật Chất"). Đó cũng là một danh xưng của Agni.

TRỤ (tập thể Elohim) vốn xạ *từ bên trong mình* ra tất cả các Chơn Thần Vũ Trụ đã trở thành các trung tâm hoạt động – các vị Tổ Phụ của hằng hà sa số Thái Dương Hệ của các Chơn Thần *người* chưa biến phân của các Dãy Hành Tinh cũng như là của mọi sinh linh trên đó. Svãyambhuva tức ĐẤNG BẢN
312 LAI (SELF-BORN) là danh hiệu của mọi Chơn Thần Vũ Trụ *đã trở thành Trung tâm Lực mà từ trong đó một Dãy Hành Tinh xuất lộ* (trong Thái Dương Hệ chúng ta có bảy Dãy Hành Tinh như vậy). Và bức xạ của Trung tâm này lại trở nên biết bao nhiêu là Bàn Cổ Svãyambhuva (một danh hiệu chung huyền bí có ý nghĩa nhiều hơn thoạt nhìn bên ngoài); với vai trò là một Tập đoàn, mỗi Đấng này lại biến thành Đấng Sáng Tạo ra Nhân loại của chính mình.

Còn về phần vấn đề bốn Giống người riêng biệt có trước Giống dân thứ Năm chúng ta, đề tài này chẳng có gì là huyền bí ngoại trừ việc các thể tinh anh của các Giống dân đầu tiên, đây là một vấn đề huyền sử, song rất chính xác, huyền thoại này có tính cách đại đồng thế giới. Và nếu *nhà bác học* Tây phương muốn thấy nó chỉ là một thần thoại thì cũng chẳng có gì khác chút nào. Người Mễ Tây Cơ đã có và vẫn có truyền thuyết về sự hủy diệt thế giới tứ phân bằng thủy tai và hỏa tai, cũng chẳng khác nào những truyền thuyết mà người Ai Cập đã có và người Ấn Độ hiện có, cho đến nay.

Khi ra sức biện minh cho cộng đồng các huyền thoại mà dân Trung Hoa, Chaldea, Ai Cập, Ấn Độ và Hy Lạp đã lưu truyền từ xưa và biện minh cho sự khiếm khuyết bất kỳ di tích văn minh nào xưa hơn năm ngàn năm, tác giả của Các Con Quái Vật Thần Thoại đã nhận xét rằng:

Chúng ta phải … đừng lấy làm lạ nếu chúng ta không tìm ngay ra được di tích của các dân tộc cách đây mười, mười lăm hoặc hai mươi ngàn năm. Với một kiến trúc phù du … (như ở trung Hoa) vị

trí của các thành phố lớn có thể đã bị quên đi trong vài ngàn năm do sự hủy hoại của thiên nhiên, và biết bao nhiêu là thảm họa nho nhỏ đã xảy ra, chẳng hạn như các trận lụt địa phương, các trận động đất, sự trầm tích của tro núi lửa … sự lan tràn của cát sa mạc, sự hủy diệt sinh mệnh do trận dịch hạch chết người ghê gớm, do lam sơn chướng khí, hoặc do khói lưu huỳnh phun ra.(1)

Chúng ta có thể suy ra việc thảm họa trên đã làm thay đổi toàn thể toàn thể bộ mặt của quả đất đến mức nào từ CÂU KINH sau đây của Giảng lý xxii.

Trong vòng 70 000 000 năm đầu tiên của Thiên Kiếp, Trái Đất và hai Giới khoáng vật và thực vật – một giới đã đạt tới vòng thứ bảy, còn một giới vừa mới sinh ra – đều chói sáng và bán tinh anh, lạnh lẽo, không có sự sống và trong mờ. Vào lúc được 110 triệu năm (2) Mẹ [Địa Cầu] trở nên mờ đục, và vào lúc được 14 triệu năm *(3) những nỗi thống khổ của tuổi thanh xuân đã diễn ra.*

---

1 Sách đã dẫn, trang 134 – 135.

2 Trong thời kỳ của cái gọi là Cơ sáng tạo Thứ yếu. Chúng ta không thể đề cập đến Cơ sáng tạo Chủ yếu, khi Trái Đất có ba Giới *Hành khí*, vì nhiều lý do. Một trong những lý do đó là ngoại trừ một bậc đại linh thị, hoặc một người có trực giác bẩm sinh, không ai có thể nhận thức được cái vốn chẳng bao giờ có thể diễn đạt được bằng các từ ngữ hiện hữu.

3 Hippocrates bảo rằng: do các tính chất huyền bí, số bảy có khuynh hướng hoàn chỉnh mọi điều, ban cấp sự sống và là cội nguồn của mọi biến đổi của nó. Ông chia đời người thành bảy giai đoạn (cũng như Shakespeare) vì mặt trăng cứ bảy ngày lại thay đổi một tuần trăng nên con số này ảnh hưởng đến mọi sinh linh trên thế giới, thậm chí cả Trái Đất nữa (theo chỗ chúng tôi biết). Đứa trẻ mọc răng sữa lúc được bảy tháng và rụng răng sữa lúc được bảy tuổi; khi nó được hai lần bảy tuổi thì tuổi dậy thì bắt đầu, khi nó được ba lần bảy tuổi thì trí năng và sinh năng phát triển, khi được

313 *Những sự biến động này của Thiên Nhiên [các biến động địa chất] vẫn kéo dài liên tục cho tới khi được hai trăm triệu năm, sau đó, chúng trở thành định kỳ và cách quãng lâu dài.*

Sự biến động cuối cùng đã diễn ra cách đây gần 120 000 000 năm. Nhưng Trái Đất với mọi vật trên mặt đất trở thành nguội lạnh, cứng rắn, và ổn định hàng thời đại trước kia.

Như thế, nếu chúng ta tin vào Nội môn Bí giáo, thì những cơn biến động địa chất *vũ trụ* đã không diễn ra trong 120 triệu năm vừa qua, nhưng ngay cả trước thời kỳ đó, Trái Đất đã sẵn sàng đón nhận gia đình nhân loại. Tuy nhiên, như đã nêu rõ, sự xuất hiện của gia đình nhân loại (đã phát triển trọn vẹn về thể chất) đã chỉ diễn ra cách đây chừng 18 000 000 năm, sau khi sự đại bại đầu tiên của Thiên Nhiên nhằm tự lực tạo ra các sinh linh – nghĩa là không có sự trợ giúp của các "Đấng Kiến Tạo" thiêng liêng – đã được nối tiếp bởi sự tiến hóa lần lượt của ba Giống dân đầu tiên. ([1]) Ngoài các Điểm đạo đồ cao cấp ra thì chẳng ai biết được kỳ gian thực sự của hai Giống dân rưỡi đầu tiên. Lịch sử của các Giống dân bắt

---

bốn lần bảy tuổi thì đạt được sức khỏe sung mãn, khi được năm lần bảy tuổi thì các thị dục của y (his passions) phát triển nhiều nhất v.v… Trái Đất cũng vậy; nay nó đang độ trung niên, song nó cũng chẳng khôn ngoan hơn bao nhiêu. Tứ linh tự, danh xưng gồm bốn chữ thiêng liêng của Đấng Thánh Linh, chỉ có thể được dung giải (resolved) trên Trần Thế bằng cách trở thành thất nguyên qua Tam giác biểu lộ xuất phát từ Tứ linh diệu (Tetraktys) ẩn tàng. Do đó, chúng ta phải chấp nhận trên cảnh giới này con số bảy. Kinh Kabalah ("Đại Thánh Hội", v, 1161) có dạy: "Đó là vì nhất định không có sự ổn định nơi sáu cái này, ngoại trừ cái mà họ suy ra từ cái thứ bảy. Đó là vì vạn vật đều tùy thuộc vào cái thứ bảy". (Mathers, Kabalah, trang 255).

[1] So sánh ĐOẠN KINH 3 và tiếp theo.

đầu vào lúc phân chia giới tính, khi giống dân noãn sinh bán thư bán hùng trước đó đã nhanh chóng suy vong, và các phân chủng sau đó của Căn chủng thứ Ba xuất hiện với vai trò một giống dân mới về mặt *sinh lý học.* Chính sự "Diệt vong" này đã được gọi một cách ẩn dụ là "Trận Đại hồng thủy của Bàn Cổ Vaivasvata", khi người ta tường thuật là Bàn Cổ Vaivasvata tức Nhân loại, vẫn ở lại một mình trên Trần Thế, trong chiếc Bè cứu rỗi do Vishnu (dưới dạng một con cá quái gỡ) kéo, cùng với Bảy Đấng Thánh Hiền. Ẩn dụ này thật là minh bạch.

Trong biểu tượng ký của mọi quốc gia, trận "Đại hồng thủy" tượng trưng cho Vật Chất hỗn mang chưa ổn định (chính Hỗn nguyên khí), còn Nước tượng trưng cho Nguyên khí Âm – "Thái Uyên". Quyển từ điển Hy Lạp của Parkhurst đã trình bày như sau:

> Archẽ tương ứng với từ ngữ *rasit* tức Minh Triết của Hebrew … và [đồng thời] tương ứng với biểu hiện của năng lực sinh sản nữ giới, *arg* tức *area*, mầm mống của thiên nhiên [và của nhân loại] nổi lềnh bềnh hoặc ấp trứng trong đó, trên một vực nước rộng mênh mông, trong thời khoảng diễn ra sau mỗi chu kỳ thế giới [hay chủng tộc].

Archẽ tức chiếc Bè cũng là bí danh của Tinh Thần Thiêng Liêng của Sự Sống vốn ấp ủ trên Hỗn Nguyên (Chaos). Nay Vishnu chính là Tinh Thần Thiêng Liêng, với vai trò là một nguyên khí trừu tượng, cũng là Đấng Bảo Tồn và Sinh Hóa, hoặc Đấng Ban Cấp Sự Sống – Ngôi thứ Ba của Ba Ngôi – gồm có Brahmã, Ngôi Sáng Tạo, Shiva, Ngôi Hủy Diệt và Vishnu, Ngôi Bảo Tồn. Trong ẩn dụ, người ta trình bày Vishnu dưới dạng một *Con Cá*, dẫn dắt chiếc Bè của Vaivasvata băng qua Nước lụt. Thật là vô ích mà nói dài
314 dòng về ý nghĩa nội môn của từ ngữ *Cá* (như Payne Knight,

Inman, Gerald Nassey và những người khác đã làm như vậy). Ý nghĩa thần học của nó có tính cách sùng bái sinh thực khí, song ý nghĩa siêu hình của nó lại có tính cách thiêng liêng. Đức Jesus được gọi là Cá, cũng như Vishnu được gọi là Tửu Thần (Bacchus); ΙΗΣ, "Đấng Cứu nhân độ thế", chẳng qua chỉ là chữ kết của Tửu Thần, Ngài cũng được gọi là ΙΧΘΥΣ, Cá. ([1]) Hơn nữa, Bảy Đấng Thánh Hiền trong chiếc Bè tượng trưng cho bảy "nguyên khí", chúng chỉ trở nên hoàn chỉnh nơi con người, sau khi đã phân cách ra và trở thành một *con người* như thế, y không còn là một tạo vật thiêng liêng nữa.

Nhưng chúng ta hãy quay về các Giống dân, chẳng có bao nhiêu chi tiết về sự chìm của lục địa mà Căn chủng thứ Hai đã ở trên đó, người ta trình bày lịch sử của Châu thứ Ba Lemuria cũng như Châu Atlantis, nhưng người ta chỉ nói bóng gió tới lịch sử của các Châu khác. Nghe nói Châu Lemuria đã bị diệt vong chừng 700 000 năm trước sự khởi đầu của cái được gọi là Đệ tam kỷ (Eocene). ([2]) Trong trận Đại hồng thủy này – lần này là một trận Đại hồng thủy thực sự - người ta cũng trình bày một cách ẩn dụ là Bàn Cổ Vaivasvata đã cứu nhân loại – thật ra chỉ có một phần nhân loại, tức Giống dân thứ Tư – cũng như Ngài đã cứu Giống dân thứ Năm khi đám tàn dư cuối cùng của giống dân Atlantis đã bị

---

[1] Thánh Augustin đề cập tới Đức Jesus như sau; "Ngài là một con *cá* sống dưới nước". Các tín đồ Thiên Chúa giáo tự xưng là "Những Con cá nhỏ" – Pisciculi – trong các Bí pháp của mình. Tertullian đề cập tới các tín đồ Thiên Chúa giáo, Đức Christ và Giáo hội như sau: "Biết bao nhiêu là *Con Cá* sống dưới *nước* và được *con cá lớn* duy nhất cứu rỗi".

[2] Phật Giáo Bí Truyền, trang 55 [trang 67 của ấn bản kỳ 8].

diệt vong cách đây 850 000 năm. ([1]) Sau đó không có sự chìm ngập lớn nào cho tới thời Châu Atlantis của Plato tức đảo Poseidonis; chỉ có người Ai Cập là biết được chuyện này vì nó đã xảy ra tương đối mới đây.

Chính sự đắm chìm của Châu Atlantis mới là điều thú vị lạ nhất. Đây là thảm họa mà các tài liệu cổ, chẳng hạn như trong Thánh Thư Enoch, cho rằng: "Các đầu mút của Trái Đất bị bỏ lỏng lẻo"; dựa vào đó, người ta đã dựng nên những huyền thoại và ẩn dụ về Vaivasvata, Xisuthrus, Noah, Deucalion và toàn bộ số người ưu tú được cứu rỗi. Vì không đếm xỉa gì đến các điều dị biệt giữa các hiện tượng tinh đẩu và địa chất, nên truyền thuyết đã gọi không phân biệt cả hai thứ này là "Đại hồng thủy". Thế nhưng, hai thứ này lại khác hẳn nhau, đại họa vốn hủy diệt lục địa kế vị nó (Lục địa thứ Tư) được tạo ra do những sự rối loạn liên tiếp trong sự quay quanh trục trái đất. Nó đã bắt đầu vào thời sơ khai nhất của Đệ tam kỷ và tiếp tục trong hàng thời đại dài dằng dặc, lần lượt cuốn đi các di tích cuối cùng của Châu Atlanis, có lẽ là ngoại trừ Tích Lan và một phần nhỏ của vùng này nay là Phi Châu. Nó đã làm thay đổi bộ mặt của địa cầu và các niên sử (ngoại trừ các Tài liệu thiêng liêng của Đông phương) đã

[1] Chúng ta không được lẫn lộn biến cố này [- nghĩa là sự diệt vong của hòn đảo lừng danh Ruta và hòn đảo nhỏ hơn Daitya – nó đã diễn ra cách đây 850 000 năm, vào thời kỳ sau của Pliocene (Thượng tân kỷ)] với sự đắm chìm của Châu Atlantis chính yếu vào lúc trung tâm đệ tam kỷ. Cho dù xoay sở đến đâu đi chăng nữa, các nhà Địa chất học cũng không thể đưa trung tâm đệ tam kỷ lại gần tới mức 850 000 năm. Thực ra, châu Atlantis chính yếu đã bị diệt vong cách đây nhiều triệu năm.

không ghi được các lục địa và các hòn đảo thịnh vượng của
315 nó, các nền văn minh và khoa học của nó.

Vì thế, khoa học hiện đại chối bỏ sự tồn tại của Châu Atlantis, thậm chí nó còn phủ nhận bất kỳ sự xáo trộn dữ dội nào của trục Trái Đất, và qui sự thay đổi khí hậu cho các nguyên nhân khác. Nhưng đây vẫn còn là những vấn đề bỏ ngỏ. Nếu Tiến sĩ Croll cho rằng mọi sự biến đổi như thế có thể được giải thích bằng các tác dụng của sự chương động và tuế sai, thì có những người khác, chẳng hạn như Henry James và John Lubbock ([1]) lại có khuynh hướng chấp nhận ý kiến cho rằng các sự biến đổi này là do sự thay đổi trục quay của Trái Đất. Đa số các nhà thiên văn đã phản đối ý kiến này. Nhưng trước kia họ chẳng phủ nhận và tố cáo cái gì – và chỉ chấp nhận nó sau này khi mà giả thuyết trở thành sự kiện không thể chối cãi được ?

Trong phần phụ lục của Quyển 4, chúng ta sẽ thấy thêm các số liệu của chúng ta phù hợp (hay đúng hơn là không phù hợp) với khoa học hiện đại đến mức nào (trong phần phụ lục đó, chúng ta sẽ cẩn thận đối chiếu địa chất học và nhân loại học hiện đại với các giáo lý của Khoa học Cổ sơ. Dù sao đi nữa, thời kỳ mà Giáo Lý Bí Nhiệm gán cho sự đắm chìm của Châu Atlantis, dường như không hề bất đồng quá nhiều với các phép tính toán của khoa học hiện đại. Tuy nhiên, bất cứ khi nào mà khoa học chấp nhận có một lục địa bị đắm chìm như vậy, thì nó lại gọi Châu Atlantis là "Lemuria". Hiện nay, chúng ta chỉ có thể nói về thời kỳ tiền nhân loại như sau: ngay cả trước khi Giống dân thứ Nhất vô trí xuất hiện, Trái Đất đâu phải là không có người ở. Song le, chúng ta có thể nói thêm rằng cái mà khoa học, vốn chỉ thừa

[1] Xem Câu Lạc Bộ Văn Học London, 25-8-1860.

nhận con người *vật chất thôi*, có thể xem là thời kỳ *tiền nhân loại*, có thể được chấp nhận là trải dài từ Giống dân thứ Nhất mãi tới phân nửa đầu tiên của Giống dân Atlantis, vì chỉ có lúc bấy giờ thì con người mới biến thành một sinh vật hữu cơ hoàn chỉnh như hiện nay. Và điều này ắt khiến cho Con Người Adam nguyên sơ có nguồn gốc không xa hơn vài triệu năm.([1])

Tác giả của kinh Qabbalah đã nhận xét một cách chí lý rằng: "Với vai trò là một cá nhân, con người ngày nay chỉ là chuỗi liên tiếp của tính cách thực thể (the being-hood) của kiếp, hay đúng hơn các kiếp người trước đó".

Theo kinh Qabbalah, các điểm linh quang bao hàm trong Adam chia thành ba lớp chính tương ứng với ba người con trai của y, đó là *Hesed* (Habel); *Ge'boor-ah* (Qai-yin) và *Ra'h-min* (Seth). Ba lớp này lại chia thành …70 loài, được gọi là các nguồn cội của loài người.([2])

316 Giáo sĩ Do Thái Yehudad hỏi: "Có bao nhiêu lớp vỏ [của con người vô hình] đã được tôn vinh (từ khi con người được tạo ra) ?

---

[1] Huxley đã chia các giống dân này thành ra năm nhóm người: giống dân Úc, dân da đen, dân Mông Cổ, dân Xanthochroics và Melanochroics, tất cả đều bắt nguồn từ loại khỉ nhân hình tưởng tượng. Thế nhưng, trong khi phản đối những kẻ bảo rằng "các điểm dị biệt về cấu trúc giữa con người và con khỉ thật là vô nghĩa" và nói thêm rằng "mọi chiếc xương của con đười ươi đều có một dấu hiệu khiến chúng ta có thể phân biệt nó với một chiếc xương người tương ứng, và ít ra là trong tình trạng sáng tạo hiện nay, không sinh vật trung gian nào lấp được khoảng trống ngăn cách con người với loài ăn lông ở lỗ", thì nhà cơ thể học lỗi lạc tiếp tục đề cập tới các đặc tính giống khỉ nơi con người!

(Xem De Quatrefages, Các Giống Người, trang 113).

[2] Sách đã dẫn, Isaac-Myer, trang 422.

Giáo sĩ Do Thái El'azar đáp: "Các đỉnh cao của thế giới (các vĩ nhân của thế hệ) đang thảo luận điều này, nhưng có đủ ba lớp vỏ, một lớp để cho chơn linh Rua'h (đang ở trong vườn Địa Đàng) khoác lấy; một lớp vỏ vốn quí giá vô song mà *Neshamah* khoác lấy trong Kiếp sống gò bó giữa các thiên thần của các Thánh Vương…; và lớp vỏ ngoài, vốn hiện tồn và chẳng hiện tồn, hữu hình và vô hình. Nephesh khoác lấy lớp vỏ đó, bay nhảy trong đó, đi đi về về trên thế gian".(1)

Điều này liên quan tới các Giống dân, các "lớp vỏ" hay các mức độ vật chất của chúng và ba "nguyên khí" của con người trong ba hiện thể.

ĐOẠN KINH 11

VĂN MINH VÀ DIỆT VONG CỦA GIỐNG DÂN THỨ BA VÀ THỨ TƯ

(THE CIVILIZATION AND DESTRUCTION OF THE THIRD AND FOURTH RACES)

43. Dân Lemuria – Atlantis xây dựng các đô thị và truyền bá văn minh. Giai đoạn đầu của thuyết thần nhân đồng hình. 44. Các pho tượng là bằng chứng về kích thước của người Lemuria-Atlantis. 45. Châu Lemuria bị lửa hủy diệt, Châu Atlantis bị nước tiêu diệt. Trận Đại hồng thủy. 46. Sự diệt vong của Giống dân thứ Tư và các con quái vật tiền đại hồng thủy cuối cùng.

43. GIỐNG DÂN THỨ BA (LEMURIAN) TẠO DỰNG NHỮNG THÀNH PHỐ VĨ ĐẠI. HỌ XÂY CẤT BẰNG NHỮNG VẬT LIỆU VÀ KIM LOẠI HIẾM CÓ LẤY TRONG PHÚN THẠCH CỦA NÚI LỬA. HỌ DÙNG CẨM THẠCH VÀ ĐÁ ĐEN ĐỂ TẠC TƯỢNG CỦA CHÍNH HỌ VỚI HÌNH DÁNG VÀ VÓC VẠC GIỐNG Y NHƯ HỌ, RỒI HỌ THỜ NHỮNG HÌNH TƯỢNG ĐÓ.

---

[1] Kinh Zohar, I, 119 b, cột 475; như trên, trang 412.

Vì lịch sử của hai giống dân đầu tiên (là đợt cuối cùng của giống dân Lemurian và đợt đầu của giống dân Atlantis tương lai) đang diễn tiến nên ở giai đoạn này, chúng ta cần phối hợp cả hai lại làm một.

Cùng ở giai đoạn này có đề cập đến những triều đại các Thánh vương, mà các dân tộc Ai Cập, Chaldea, Hy Lạp v.v.. đều có nhắc đến trong lịch sử của họ là các Đấng Cao Cả đã xuất hiện trước những vị Quốc Vương phàm tục. Những người Ấn Độ hiện đại vẫn còn tin tưởng vào các điều này và liệt kê chúng trong các Thánh Thư của mình. Tuy nhiên, đến đúng lúc thì chúng ta sẽ bàn về điều này. Còn một điều cần phải chứng tỏ là các nhà địa chất học hiện đại đã phải chấp nhận sự thật hiển nhiên về những lục địa bị chôn vùi dưới đáy biển. Nhưng việc chấp nhận ấy không nhất thiết phải là thừa nhận sự kiện có người ở trên những lục địa ấy trong những thời kỳ địa chất tối sơ ([1]) tức là những dân tộc và

[1] Có lẽ đây là lý do tại sao ngay cả đảo Phục Sinh với các tượng khổng lồ kỳ diệu – một bằng chứng hùng hồn về những lục địa bị đắm chìm với một loài người văn minh – tại vì ít khi được đề cập ở bất cứ nơi đâu trong các bách khoa tự điển hiện đại. Người ta đã tránh đề cập tới nó ngoại trừ trong một vài quyển sách du lịch. Khoa học hiện đại dứt khoát là thích áp đặt các giả thuyết (dựa vào các thị hiếu cá nhân) đối với công chúng trí thức, buộc họ xem đó là một bằng chứng đã được xác minh, thích đưa ra các điều *phỏng đoán* thay vì kiến thức và gọi chúng là các "kết luận khoa học". Các chuyên gia của khoa học sẽ chế ra một ngàn lẻ một điều suy lý mâu thuẫn hơn là chịu thú nhận một *sự kiển hiển nhiên nguy hiểm* - - chủ yếu là trong số các chuyên gia như Haeckel cùng với những người Anh hâm mộ và cùng tư tưởng với ông. Thế nhưng thiên hạ lại nghiêm khắc nhắc nhở chúng ta rằng: "họ là những người có thẩm quyền". Vậy là thế nào? Giáo Hoàng La Mã cũng là một nhân vật

317 những quốc gia văn minh chứ không phải chỉ nói về những giống người dã man thời tiền sử. Dưới sự dìu dắt của những Thánh Vương *thiêng liêng*, những dân tộc văn minh ấy đã tạo dựng nên những thành phố lớn, trau dồi các ngành nghệ thuật và khoa học và đã từng phát triển các khoa thiên văn, kiến trúc và toán học đến mức tột đỉnh. Nền văn minh sơ khai ấy không phải đã nối tiếp theo sau sự biến đổi sinh lý của họ như người ta có thể tưởng. Nhiều trăm nghìn năm trôi qua giữa sự tiến hóa sau cùng và việc xây dựng nên thành phố đầu tiên bằng đá và phún thạch. ([1]) Một trong những

---

có thẩm quyền và Đấng không thể sai lầm (đối với các tín đồ của Ngài), trong khi đó, người ta đã chứng tỏ được là các điều suy lý của khoa học rất có thể sai lầm một cách định kỳ theo mỗi sự biến đổi của tuần trăng.

[1] Mặc dù không phải là các nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng hoặc nhà Giáng ma học, song các tiểu thuyết gia hiện đại ưu tú nhất cũng bắt đầu có những giấc mơ rất gợi ý về mặt Huyền bí và tâm lý học. Chẳng có bài tiểu luận theo đường lối Huyền bí nào lại cao siêu hơn tác phẩm Trường hợp dị thường về Bác sĩ Jekyll và ông Hyde của Robert Louis Stevenson. Phải chăng tiểu thuyết gia đang lên Rider Haggard cũng có một giấc mơ linh thị tiên tri (hay đúng hơn là hồi niệm trước khi ông viết tác phẩm Nàng (She) ? Đế quốc Kor, đô thị vĩ đại của người chết – số dân cư còn sống sót của nó đã xuôi buồm về phương Bắc sau khi trận dịch hầu như đã tiêu diệt toàn thể một quốc gia – nói chung, dường như bắt nguồn từ các trang giấy bất hoại của các tài liệu cổ sơ. Ayesha gợi ý rằng "những người đã xuôi buồm về phương Bắc, có thể là tổ phụ của những người Ai Cập đầu tiên. Thế rồi, bà dường như ra sức tóm lược một vài bức thư của một Chơn Sư được trích dẫn trong Phật Giáo Bí Truyền, vì bà cho rằng: "Các quốc gia, thậm chí các quốc gia giàu mạnh, luôn luôn học hỏi được trong nghệ thuật những điều đã xảy ra, đã trôi qua và đã bị quên lãng, đến nỗi mà chẳng ai

thành phố lớn ấy được xây cất toàn bằng phún thạch và đã hoàn toàn bị hủy diệt bởi một loạt các cơn tai biến do hỏa sơn gây nên, chừng ba chục miles ở về phía Tây của nơi mà đảo Phục Sinh (Easter Island) nay đang trải dài đất cằn cỗi chật hẹp của mình ra và bị hoàn toàn hủy diệt bởi một loạt các núi lửa phun trào. Tàn tích cổ nhất của những kiến trúc của người Cyclop đều là công trình xây cất của các phụ chủng cuối cùng của dân Lemuria. Bởi vậy, nhà Huyền học không ngạc nhiên mà nghe nói rằng những di tích bằng đá mà Đại úy Cook tìm thấy trên các đảo Easter thì

Rất giống như các vách tường của ngôi đền Pachacamac hay những cảnh Hoang tàn Tia- Huanaco của xứ Peru ([1])

318 và tất cả đều có lối kiến trúc vĩ đại của Thời Cyclope. Tuy nhiên, các thành phố rộng lớn đầu tiên xuất hiện trên khu vực lục địa mà nay gọi là đảo Madagascar. Hồi thời đó có những dân tộc văn minh và những giống người dã man cũng như bây giờ. Luật tiến hóa thi hành công trình hoàn thiện đối với các dân tộc văn minh, và Luật Nhân Quả thi hành tác động hủy diệt đối với người dã man. Thổ dân Úc Châu và

---

còn nhớ tới chúng. Nước Kor này chẳng qua chỉ là một trong nhiều quốc gia như thế; đó là vì thời gian sẽ nuốt trôi các tác phẩm của con người, trừ phi y ở trong hang động như người dân nước Kor, và có lẽ rồi biển cả sẽ nuốt trôi họ, hoặc động đất sẽ làm họ rung chuyển…. Thế nhưng, tôi cho rằng những người dân này không hề bị tận diệt. Vẫn còn một số người ở trong các đô thị khác, vì họ có rất nhiều đô thị. Những kẻ man rợ đã xâm lăng họ, chiếm các phụ nữ của họ làm vợ, và giống người Amahagger hiện nay là một lứa con hoang của các đứa con dũng mãnh của nước Kor, và chứng kiến nó ở trong nhà mồ cùng với mớ xương của các tổ phụ nó". (trang 180 – 181).

[1] Các Xứ trên Thế Giới, Robert Brown, quyển iv, trang 43.

những thổ dân tương tự là hậu duệ của những giống người thay vì làm sáng tỏ điểm Chơn Linh mà các vị Hỏa Thần đã ban bố cho họ, lại dập tắt ngọn lửa thiêng ấy qua nhiều thế hệ sa đọa dục lạc đầy thú tính. ([1]) Những dân tộc Ãryan có thể truy nguyên qua giống người Atlantis đến tận nguồn gốc của họ là những giống người tâm linh hơn của giống dân Lemurian, những vị "Con của Minh Triết" đã chuyển kiếp vào giống người ấy. ([2])

---

[1] Xem ĐOẠN KINH 2. Điều này giải thích được sự biến thiên và sự dị biệt lớn lao về trí năng của các giống dân, các quốc gia và cá nhân. Trong khi đầu thai (và trong những trường hợp khác, chỉ làm linh hoạt) các hiện thể con người mà Giống dân vô trí đầu tiên đã đào luyện ra, các Quyền năng và Nguyên khí lâm phàm đã phải kể tới và chọn lựa Nghiệp quả đã qua của các Chơn Thần mà họ phải nối liền với các hình hài sắc tướng. Vả lại, Phật Giáo Bí Nhiệm (trang 30 – 31 của ấn bản kỳ 8) đã phát biểu một cách chính xác rằng "trong đa số nhân loại, nguyên khí thứ năm thức nhân (trí) hồn, vẫn còn chưa phát triển trọn vẹn".

[2] Krishna (Hóa Thân của *Thiên Đạo*) đã dạy trong Chí Tôn Ca như sau: "Bảy vị Thánh Hiền, bốn Đấng Bàn Cổ trước, vốn là một phần của bản chất ta, đều sinh ra từ trí ta: loài người và thế giới đã phát sinh ra từ họ (chương x, 6).

Ở đây, bảy vị Đại Thánh Hiền ám chỉ bảy Đại Huyền Giai Hữu sắc tướng tức Bảy lớp Thiền Định Đế Quân. Chúng ta nên nhớ rằng bảy vị Thánh Hiền là các Đấng Tinh Quân của bảy ngôi sao thuộc chòm Đại Hùng Tinh, và do đó có cùng bản chất với chư Thiên Thần Hành Tinh hay bảy Đấng Đại Chơn Linh Hành Tinh. Tất cả các Ngài đều tái sinh làm người trên Trần Thế trong nhiều Thiên Kiếp và Giống dân khác nhau. Hơn nữa, "bốn Đấng Bàn Cổ trước" là bốn Lớp Thần Linh Vô sắc tướng nguyên thủy – Kumãras, Rudras, A Tu La (Asuras) v.v…; nghe nói các Ngài cũng *đã lâm phàm*. Các Ngài không phải là các Prajãpatis như các Đấng nêu

Những nền văn minh đầu tiên đã bắt đầu với sự xuất hiện của những triều đại Thánh Vương. Trong khi một phần nhân loại trên vài vùng của trái đất thích sống một đời du mục và tộc trưởng ở vài vùng khác, giống người dã man còn chưa biết dùng lửa và tự vệ chống thời tiết nóng lạnh, mưa gió thì đồng loại của họ được *Karma* ưu đãi hơn và được sự trợ giúp của những trí lực thiêng liêng, đã tạo dựng những thành phố, phát triển mỹ thuật và khoa học. Tuy nhiên, bất chấp văn minh, trong khi những huynh đệ thôn dã đã hưởng được các quyền năng với tư cách quyền trưởng thượng của mình, thì "các nhà kiến tạo" này chỉ có thể đạt được các quyền năng của mình một cách từ từ, ngay cả các quyền năng mà họ có được, nói chung cũng chỉ được dùng để khuất phục phần thể

---

trên, mà chỉ là các "nguyên khí" làm linh hoạt của họ - một vài vị đã đầu thai nơi con người, còn những vị khác đã biến những người khác thành những hiện thể của các "phản ánh" của mình mà thôi. Krishna đã dạy một cách chí lý như sau – sau này một *hóa thân* khác của Thiên Đạo cũng lặp lại như vậy – "Ta vẫn giống y như nhau đối với vạn hữu .. những kẻ nào tôn thờ ta [nguyên khí thứ sáu tức Linh Hồn Trí Tuệ *thiêng liêng*, Buddhi, trở nên hữu thức nhờ hợp nhất với Thượng Đế] *đều ở nơi ta và ta ngự nơi họ*". (Như trên, chương x, 20, 39). Thiên Đạo vốn không phải là "phàm ngã", mà là Nguyên Khí Đại Đồng Vũ Trụ, được tượng trưng bởi mọi Quyền Năng thiêng liêng *sinh ra từ Trí Tuệ* - các Ngọn lửa thuần túy hoặc , theo lối nói của Huyền bí học là các "Linh khí Trí Tuệ" – các Thiên Thần mà nghe nói là *đã tự quyết định độc lập*, nghĩa là chuyển từ trạng thái ngã thức thụ động và tịch lặng thành trạng thái Ngã thức chủ động. Khi điều này được thừa nhận, thì chân ý nghĩa của Krishna sẽ dễ hiểu ngay. Nhưng hãy xem bài thuyết trình tài tình của Subba Row bàn về Chí Tôn Ca trong Tạp chí Theosophist, số tháng 4 -1887, trang 444).

chất và các mục đích đê tiện, ích kỷ. Văn minh đãtừng phát triển yếu tố thể chất và trí tuệ làm thiệt hại cho yếu tố tâm linh và tinh thần. Đối với nhân loại sơ khai, sự làm chủ và điều khiển bản chất tâm linh của chính mình, điều mà những
319 kẻ điên rồ hiện nay đang liên kết với bản chất siêu nhiên, thật là bẩm sinh và đến với con người cũng tự nhiên như việc thức tỉnh và suy tư. Tác giả của tác phẩm "Nàng" ("She") đã triết lý rằng "chẳng có điều gì là pháp thuật" – tác giả quên rằng "pháp thuật" thời xưa còn có ý nghĩa đại KHOA HỌC MINH TRIẾT và Ayesha không biết gì về sự sa đọa hiện đại của tư tưởng – "mặc dù có một điều là tri thức về các điều bí mật của Thiên Nhiên",([1]) bà nói thêm như thế. Nhưng chúng đã chỉ trở thành các "Điều bí mật" trong Giống dân chúng ta hiện nay, và là của chung đối với Giống dân thứ Ba.

Dần dần con người có một tầm vóc thấp nhỏ hơn, bởi vì thậm chí trước thời kỳ của Giống dân thứ Tư hay Atlantis, đa số nhân loại đã sa đọa và tội lỗi, trừ ra đẳng cấp của những bậc ưu tú, những môn đệ của các "Con của Ý Chí và Yoga", về sau mệnh danh là "Con của Sương mù và Lửa".

Kế đó, đến thời kỳ giống người Atlantis, một giống người khổng lồ hình dung mỹ lệ, sức khỏe đạt tới mức tột đỉnh, theo luật tiến hóa qui định, vào giai đoạn giữa của phụ chủng thứ tư. Lời bình luận viết:

Những kẻ sống sót cuối cùng của đứa con da trắng của hòn Bạch Đảo đã chết từ nhiều thế kỷ trước. Những kẻ được chọn của Châu Lemuria đã ẩn trú trên Đảo Thiêng [ngày nay gọi là Shamballa trong sa mạc Gobi]. Còn một phần những giống người sa đọa tách rời khỏi tập thể chính thống nay đang sống trong những

[1] Sách đã dẫn, trang 152.

miền rừng núi và hang động ["người ở hang"], khi đến lượt Giống dân da vàng [Giống dân thứ Tư] trở nên "đen vì tội lỗi". Từ cực trên đến cực dưới Trái Đất đã thay đổi cuộc diện đến lần thứ ba và không còn là nơi cư ngụ của các Con của Bạch Đảo Thánh Thiện, và Adbhitanya [?](1) ở phía Đông và Tây, bản sơ, duy nhất và thanh khiết đã trở nên ô trược… Những vị Bán Thần của Giống dân thứ Ba đã nhường chỗ cho các kẻ Bán Quỷ của Giống dân thứ Tư. Shveta-dvĩpa,(2) Bạch Đảo, đã che phủ mặt nó. Các con của nó nay đã sống trên Hắc Địa, trong đó, sau này các Daityas từ Châu thứ bảy (Pushkara) và các La Sát từ phong thổ thứ bảy đã thay thế chư Thánh và các vị Tu sĩ khổ hạnh của Thời đại thứ Ba, các Ngài đã giáng xuống với họ từ các cõi cao khác …

Nếu xét theo sát nghĩa, thì nói chung, kinh Purãnas giống như một mớ chuyện kể ngớ ngẩn các chuyện thần tiên phi lý, không hơn không kém. Và nếu người ta đọc chương đầu Quyển II của kinh Vishnu Purãna (3) và chấp nhận *nguyên văn* phần địa lý, trắc địa học và dân tộc học trong bản tường thuật
320 về việc bảy người con của Priyavrata được cha chúng chia cho bảy Châu; sau đó, nếu y tiếp tục nghiên cứu cách thức mà con út của y Agnĩdhra, Chúa tể của Jambhu-dvĩpa, chia Châu này cho chín người con của mình; và rồi cách thức mà đến lượt Nãbhi (con của y) có một trăm người con, lại chia đất cho tất cả các con này, thì rất có thể là y ném sách đi và tuyên bố

---

1 Từ ngữ này có nghĩa "cái được tạo ra bằng nước".

2 Theo truyền thuyết ngoại môn, bảy vị Thiên Tôn – Sanaka, Sananda, Sanãtana, Sanatkumara, Jãta, Vodhu [Borhu?] và Panchashikha – đã đến viếng phần phía Bắc của Toyãmbhudhi, tức biển nước ngọt. (Xem Uttara Khanda của Padma Purãna, Khảo Cứu Á Châu, quyển xi, trang 99 – 100).

3 Xem Wilson, Quyển II, trang 99 và tiếp theo.

rằng đó chỉ là một mớ lộn xộn những điều vớ vẩn. Nhưng môn sinh của Nội môn Bí giáo ắt sẽ hiểu rằng khi viết ra kinh Purãnas, người ta có ý chỉ trình bày rõ rệt chân ý nghĩa của chúng cho các Điểm đạo đồ Bà La Môn, vì thế các soạn giả đã viết tác phẩm này một cách ẩn dụ và sẽ không trình bày chân lý *rốt ráo* cho quần chúng. Và y sẽ giải thích thêm cho các nhà Đông phương học – từ Đại Tá Wilford cho đến Giáo sư Weber, họ đã và vẫn làm cho nó rối mù – rằng ba chương đầu đã cố ý làm rối loạn các đề tài và biến cố sau đây:

1. Người ta đã không bao giờ kể đến hàng loạt các Thiên Kiếp cũng như các Giống dân, và người ta đã để cho các biến cố diễn ra trong một Thiên Kiếp này song hành với các biến cố diễn ra trong một Thiên Kiếp khác. Thứ tự niên đại ký đã bị lờ đi. Điều này đã được nhiều nhà bình giải Bắc Phạn chứng minh, họ giải thích việc các biến cố và các phép tính toán không phù hợp với nhau bằng cách bảo rằng :

Bất cứ khi nào nhận thấy điều mâu thuẫn nào trong các kinh Purãna khác nhau, thì người ta cũng qui chúng … cho các sự dị biệt của các Thiên Kiếp v..v…

2. Người ta đã bảo mật nhiều ý nghĩa của các từ ngữ "Chu kỳ Khai Nguyên" và "Thiên Kiếp", chỉ trình bày ý nghĩa tổng quát.

3. Trong gia phả của các vị Vua và khoa địa lý về các vương quốc của họ, và Varsha (xứ), Dvĩpa đều được xem như là các vùng trên trần thế.

Nay không đi sâu vào các chi tiết quá tỉ mỉ, chúng ta có thể dễ dàng trình bày sự dị biệt như sau:

a) Bảy Châu được chia cho bảy đám con cháu của Priyavrata ám chỉ nhiều địa điểm, trước hết là ám chỉ Dãy Hành Tinh của chúng ta: chỉ có Trái Đất được tiêu biểu nơi Jambu-dvĩpa (Nam Thiệm bộ châu) này, còn sáu Châu khác là các Bầu đồng hành vô hình (đối với chúng ta) của Dãy

Hành Tinh. Điều này đã được chứng tỏ bởi chính bản chất của các điều mô tả ẩn dụ và biểu tượng. Jambu-dvĩpa "*ở trung tâm của tất cả các Châu này*" và được bao quanh bởi một *biển nước mặn* (Lavanta) – thường được gọi là "Đảo Lục Địa" ("Insular Continents") – còn các Châu Plaksha, Shãlmala, Kusha, Krauncha, Shãka và Pushkara lần lượt được bao quanh "bởi bảy biển lớn… nước mía, rượu nho, bơ lọc, sữa nước cục, sữa" v.v… và những danh xưng ẩn dụ giống như vậy.([1])

b) Trong đoạn mô tả vị trí Vũ trụ của tất cả các Châu này, Bhãskara Ãchãrya, Ngài đã trích dẫn các Thánh Thư của Giáo
321 Lý Bí Nhiệm có đề cập tới "biển sữa và biển sữa đóng cục" v.v.. nghĩa là dải Ngân Hà và nhiều Khối tinh vân khác nhau… Hơn nữa, ông còn gọi cõi phía nam xích đạo là Bhũr Loka và cõi ở phía Bắc là Bhuva, Svar, Mahar, Jana, Tapa và Satya Loka. Ông còn nói thêm rằng "Người ta dần dần đạt tới các cõi này bằng cách ngày càng trau dồi phước đức", nghĩa là các cõi này là nhiều loại "Thiên Đường" khác nhau.([2])

c) Trong chính các kinh điển nhà tường thuật kinh Purãnas giải thích rằng sự phân bố địa lý của bảy châu, đảo, núi, biển và xứ sở ẩn dụ này, không chỉ thuộc về cuộc Tuần Hoàn hoặc, hay thậm chí các Giống dân *chúng ta* mà thôi – bất chấp danh hiệu Bhãrata-varsha (Ấn Độ).

Bhãrata [con của Nãbhi, Ấn Độ - Bhãrata-varsha – được đặt tên theo danh hiệu của Ngài]… ủy thác vương quốc cho con mình là Sumati…và từ trần tại…Shãlagrãma. Sau đó,

---

[1] Vishnu Purãna, bản dịch của Wilson, Quyển ii, trang 109.

[2] Xem Thư Mục, bản dịch của Golãdhyãya of the Sidhãnta-shiromani, iii, câu thơ 21 – 44. [Một bộ luận về thiên văn học Bắc Phạn].

Ngài lại tái sinh làm một người Bà La Môn, trong một gia đình tu sĩ khổ hạnh độc đáo… Dưới triều đại của các ông hoàng này [các con cháu của Bhãrata-varsha được chia thành chín phần, và hậu duệ của họ lần lượt chiếm hữu xứ sở trong bảy mươi mốt thời kỳ tập hợp của bốn chu kỳ (hoặc trong thời trị vì của một vị Bàn Cổ) [tiêu biểu cho một Đại chu kỳ gồm 4 320 000 000 năm] ([1]).

Nhưng sau khi đã nói dài dòng như vậy, Parãshara lại đột nhiên giải thích rằng:

Đây là cơ sáng tạo của Bàn Cổ Svãyambhuva, nhờ đó trái đất đầy dẫy dân cư khi Ngài chủ trì kỳ Khai Nguyên thứ nhất, trong Thiên Kiếp Varãha [nghĩa là Hóa Thân *Heo Rừng*].

Nay mọi tín đồ Bà La Môn đều biết rằng loài người chúng ta chỉ bắt đầu xuất hiện trên Địa Cầu này (hay cuộc Tuần Hoàn) với Bàn Cổ Vaivasvata. Và nếu độc giả Tây phương giở lại tiểu mục bàn về "Chư Bàn Cổ Bản Sơ của Nhân Loại" ([2]) y sẽ thấy rằng Vaivasvata là vị Bàn Cổ *thứ bảy* trong số mười bốn vị Bàn Cổ chủ trì Dãy Hành Tinh của chúng ta trong Chu kỳ Sinh hoạt của nó. Nhưng mỗi cuộc Tuần Hoàn có hai vị Bàn Cổ (một Bàn Cổ Gốc và một Bàn Cổ Mầm Mống) nên Ngài là Bàn Cổ Nguyên Căn (Gốc) của cuộc Tuần Hoàn thứ Tư, do đó là vị Bàn Cổ thứ bảy, Wilson chỉ thấy điều này đầy mâu thuẫn và suy lý rằng:

Gia hệ tộc trưởng xưa hơn hệ thống niên đại Chu kỳ Khai Nguyên và Thiên Kiếp, và [như thế là] đã được phân bố một cách khá vụng về trong các thời kỳ khác nhau.

Không phải như thế đâu, nhưng vì các nhà Đông phương học chẳng biết gì về Giáo Lý Bí Nhiệm nên họ cứ khăng

[1] Như trên, trang 106 – 107.

[2] Trang 308.

khăng xét mọi vật theo *nghĩa đen* rồi lại đổi ý xỉ vả các tác giả về những điều mà họ không hiểu !

Các phổ hệ này bao gồm một thời kỳ *ba* cuộc Tuần Hoàn *rưỡi*, chúng đề cập tới các thời kỳ *tiền nhân loại*, và giải thích sự giáng lâm sinh hóa của mọi vị Bàn Cổ - các điểm linh quang biểu lộ bản sơ của Nhất Nguyên – hơn nữa, chúng còn
322 chứng tỏ rằng mỗi Điểm Linh Quang nhân loại này lại chia thành (và sinh sôi nảy nở ra) thoạt tiên là các Pitris, Tổ Phụ của nhân loại, rồi tới các Giống người. Không một Thực Thể nào có thể trở thành Thiên Thần, nếu y không trải qua các Chu kỳ nhân loại. Do đó, Thiền Định Chân Kinh mới dạy:

> Hạnh phúc thay cho những kẻ sinh ra đời là người, ngay cả trạng thái tiềm tàng của các thần linh, ở Bhãrata Varsha, vì đó là con đường dẫn tới … sự giải thoát rốt ráo.([1])

Ở Nam Thiệm bộ châu, Bhãrata được xem *là phần đất tốt nhất* vì đó là *phần đất của các công trình.*

Sự nối tiếp bốn Chu kỳ, Krita, Tretã, Dvãpara và Kali chỉ diễn ra nơi đây.

Do đó khi bị Đức Maitreya yêu cầu "mô tả Địa Cầu", Parãshara lại quay sang việc liệt kê các Châu với các biển… giống y như những gì Ngài mô tả trong Chu kỳ Khai Nguyên Svãyambhuva – đó chỉ là một bức bình phong. Thế nhưng kẻ nào hiểu được "ý tại ngôn ngoại" sẽ thấy rằng quả có Bốn Giống dân lớn và Giống dân thứ Năm cùng với các phân chủng, các đảo và các châu; người ta gọi các châu này theo danh hiệu của các Cõi rời và theo danh hiệu của các Bầu Hành Tinh khác. Vì thế, thiên hạ mới lẫn lộn.

Tất cả các đảo và vùng đất này đều bị các nhà Đông phương học gọi là "thần thoại" và "hoang đường".([1]) Thật

[1] Wilson, như trên, trang 137.

vậy, vài vùng *không thuộc về trái đất này*, nhưng chúng vẫn tồn tại. Dù sao đi nữa, Bạch Đảo và Atala cũng chẳng phải là thần thoại, vì Atala là danh hiệu mà những kẻ tiên phong sơ khai nhất của Giống dân thứ Năm đã đem áp dụng một cách khinh miệt cho Vùng đất Tội lỗi – Atlantis nói chung chớ không phải chỉ là một hòn đảo của Plato; và vì Bạch Đảo chính là (a) Shveta-dvīpa trong thần phổ học, (b) Shāka-dvīpa, tức Châu Atlantis (đúng hơn là các phần sơ khai nhất của nó) vào lúc khởi thủy. Điều này diễn ra khi nó chưa có "bảy con sông thánh thiện cuốn trôi mọi tội lỗi" và "bảy phân khu trong đó không hề có sự xao lãng đức hạnh, sự tranh biện và sự vô luân", vì lúc bấy giờ nó là trú quán của giai cấp Magas, cái giai cấp mà ngay cả giai cấp Bà La Môn cũng phải thừa nhận là không kém gì chính mình và là cái nôi của Đấng Zarathushtra bản sơ. Người ta trình bày là các tín đồ Bà La Môn đang tham khảo ý kiến của Gauramukha về lời khuyên của Nãrada, ông bảo họ nên mời các Magas (các lễ sư Thái Dương) tới thánh điện do Sãmba (con trai trứ danh của Krishna) xây dựng, vì thật ra Sãmba làm gì có thánh điện

---

[1] Trong bài thuyết trình, Giáo sư Pengelly, Hội viên Hội Hoàng Gia trích dẫn. Giáo sư Oliver với nội dung là "hệ thực vật hiện nay của quần đảo Atlantis không hề dứt khoát chứng tỏ được một sự liên giao trực tiếp trước đây với phần lục địa của Tân Thế giới", nhưng đồng thời ông lại nói thêm rằng "vào một thời kỳ nào đó thuộc Đệ tam kỷ, vùng Đông Bắc Á Châu đã nối liền với vùng Tây Bắc Mỹ Châu, có lẽ theo con đường mà dãy quần đảo Aleutian nay đang trải ra. Như thế chỉ Huyền bí học mới có thể dung hòa được các điều mâu thuẫn và phân vân của khoa học hiện đại. Thế nhưng, nhất định là luận chứng về sự tồn tại của Châu Atlantis không hề chỉ dựa vào thực vật học mà thôi.

nào. Về vấn đề này, kinh Purãnas có tính cách lịch sử (mặc dù là ẩn dụ) còn Huyền bí học mới phát biểu các sự kiện.

323 Toàn bộ câu chuyện này được trình bày trong Bhavishya Purãna. Người ta nêu rõ rằng Shãmba đã được Sũrya (Thái Dương) chữa khỏi bệnh cùi, đã xây dựng một thánh điện và dâng hiến nó cho Đấng thiêng liêng. Nhưng khi y đang mong đợi các tín đồ Bà La Môn ngoan đạo thi hành các nghi lễ được qui định trong đó, và đón nhận các lễ vật dành cho Thượng Đế, thì Nãrada (vị Tu sĩ khổ hạnh trinh khiết mà lúc nào chúng ta cũng thấy trong kinh Purãnas) liền khuyên y đừng làm như thế, vì Đức Bàn Cổ đã cấm giai cấp Bà La Môn nhận bổng lộc vì đã thi hành các nghi lễ tôn giáo, do đó, ông đề nghị Sãmba nên tham khảo ý kiến của Gauramukha (Bạch Diện), vị Purohita, vị lễ sư riêng, của Ugrasena, vua xứ Mathurã, ông ta sẽ bảo y người mà y có thể sử dụng hữu hiệu nhất. Vị lễ sư hướng dẫn Sãmba nên mời các vị Magas (những kẻ thờ Thái Dương) thi hành bổn phận này. Nhưng y không biết họ ở đâu, nên chính Thái Dương mách cho Sãmba đi tới Châu Shãka ở phía *bên ngoài vùng nước mặn*. Thế rồi Sãmba bèn thực hiện cuộc viễn du bằng cách cưỡi lên lưng con Đại Điểu (Great Bird) hiện thể của Vishnu và Krishna, nó đưa y tới chỗ ở của Magas v.v…

Thế mà Krishna, Ngài đã sống cách đây 5 000 năm và Nãrada, Ngài luôn luôn tái sinh trong mọi Chu kỳ hay Giống dân, cùng với con Garuda – biểu tượng bí truyền của Đại chu kỳ - chính là chìa khóa để giải ẩn dụ này. Tuy nhiên, các vị Magas chính là các Pháp sư của xứ Chaldea, giai cấp và tục thờ cúng của họ đã phát sinh trên Châu Atlantis sơ khai, ở Châu Shãka, Vô tội. Tất cả mọi nhà Đông phương học đều đồng ý rằng các vị Magas ở Châu Shãka chính là tổ phụ của

các tín đồ Bái Hỏa giáo. Như vậy chúng ta tranh cãi với họ vì họ đã thu ngắn các thời kỳ hàng trăm ngàn năm thành ra chỉ còn vài thế kỷ, bất chấp Nãrada và Sãmba, họ chỉ xác định biến cố này xảy ra vào thời mà các tín đồ Bái Hỏa giáo đào thoát tới Gujerat. Điều này thật là phi lý, vì biến cố đó chỉ diễn ra vào thế kỷ thứ tám sau T.C. Thật vậy kinh Bhavishya Purãna cho rằng các vị Magas vẫn còn sống ở Châu Shãka vào thời "con" của Krishna, tuy nhiên, phần cuối cùng của lục địa đó – Châu "Atlantis" của Plato – đã bị tiêu diệt trước đó 6 000 năm. Họ chính là các vị Magas lúc trước ở Châu Shãka vào thời đó sống ở Chaldea. Điều này lại là một sự lẫn lộn cố ý.

Những người tiền phong sơ khai của Giống dân thứ Tư không phải là người Atlantis cũng không phải là những vị Asuras và Rãkshasas mà họ chỉ trở nên về sau này. Hồi thời đó, nhiều phần của lục địa Atlantis tương lai vẫn còn nằm dưới đáy biển. Lục địa Lemuria là lục địa của Giống dân thứ Ba, thuở ấy là một vùng rất rộng lớn ([1]) bao gồm toàn thể khu

[1] Như đã trình bày trong các Chú thích sơ bộ quyển này, chúng tôi dám đoan chắc rằng danh hiệu Lemuria cũng như Atlantis không phải là danh hiệu *cổ sơ* thực sự của các lục địa bị thất tung. Chúng tôi đã chọn dùng chúng chỉ để cho được rõ ràng. Atlantis là danh hiệu được chọn cho những phần của Lục địa thứ Tư bị chìm ngập vốn ở "bên ngoài các cột trụ của Hercule" và đã ngẫu nhiên nổi lên mặt nước sau trận đại thảm họa. Di tích cuối cùng của những phần này - Châu Atlantis của Plato tức "Poseidonis", vốn là một tên thay thế khác, hay đúng hơn là một bản dịch của danh hiệu thực – là di tích cuối cùng của lục địa nổi trên mặt nước cách đây chừng 11 000 năm. Hầu hết các danh hiệu chính xác của các xứ và các đảo thuộc cả hai lục địa đều được trình bày trong kinh Purãnas; nhưng muốn chuyên biệt đề cập đến chúng, như đã thấy trong các tác

324 vực chạy dài từ chân dãy Himãlayas – rặng này ngăn cách nó với biển nội địa đang cuồn cuộn sóng trên vùng nay là Tây Tạng, Mông Cổ và đại sa mạc Shamo (Gobi)- từ Chittagong, nó trải dài về phía Tây tới tận Hardwar và về phía Đông tới tận Assam [?Annam]. Từ đó trải dài xuống miền Nam Ấn Độ, Tích Lan và Sumatra; rồi từ đó gồm trọn khu vực Ấn Độ dương với đảo Madagascar ở phía tây và Úc Châu cùng Tasmania ở phía Đông. Không những thế, lục địa ấy còn chạy dài xuống trong vòng Nam Cực; và từ Úc Châu hồi đó chỉ là một phần đất của toàn cõi lục địa bành trướng ra tận giữa biển Thái bình, vượt quá Rapa-nui (Teapy tức Đảo Easter), nay vốn nằm ở 26^0 vĩ độ nam và 110^0 Kinh độ Tây.([1]) Điều này dường như khoa học xác nhận dù rằng chỉ có một phần. Khi bàn về các khuynh hướng của lục địa và chứng tỏ rằng các khối ở dưới Bắc Cực thường hướng theo kinh tuyến, thì nhiều lục địa cổ truyền đã được đề cập tới mặc dù bằng cách suy luận. Trong đó có "lục địa Mascarene", nó bao gồm Madagascar, trải dài ra phía bắc và phía nam, ngoài ra khoa học cũng có nói đến sự hiện diện của một lục địa khác nữa đã biệt tích, chạy dài từ đảo Spitzbergen xuống tận Eo biển Dover, vào thời kỳ mà phần lớn Châu Âu ngày nay vẫn còn

---

phẩm cổ truyền khác, chẳng hạn như Sũrya Siddhãnta, thì cần phải giải thích rất dài dòng. Nếu người ta dường như ít phân biệt hai lục địa này trong các tác phẩm trước kia thì ắt là vì thiên hạ đã đọc một cách cẩu thả và không chịu suy gẫm. Nếu sau đây hàng thời đại mà người ta xem người Châu Âu là dân Ãryans, và có một độc giả lẫn lộn họ với người Ấn Độ và lẫn lộn dân Ãryan với Giống dân thứ Tư, vì một số dân này đã từng sống ở vùng Lankã cổ, thì lỗi không phải tại tác giả.

[1] Xem phần 3, Tiết 6, Quyển 4.

nằm dưới đáy biển".([1]) Điều này phù hợp với giáo lý Huyền môn nói rằng những vùng ở Bắc cực hiện nay vốn là vùng cổ nhất trong bảy vùng xuất phát của Nhân loại và là vùng chôn đa số Nhân loại của vùng ấy trong thời Giống dân thứ Ba, khi mà Lục địa Lemuria bắt đầu phân chia thành nhiều châu nhỏ hơn. Thiên bình luận giải thích điều đó là do sự giảm bớt tốc lực vận động xoay tròn của Trái Đất:

Khi Bánh Xe vận chuyển theo tốc độ bình thường, thì hai đầu của nó hợp với Vùng giữa [xích đạo] khi nó quay chậm hơn và nghiêng về cả mọi hướng thì có một sự xáo trộn lớn trên bình diện Trái Đất. Nước biển tràn lên hai đầu và vùng đất mới trồi lên ở cái vòng giữa [đất liền xích đạo], trong khi các vùng đất cả hai cực bị tràn ngập và hủy diệt…

Một đoạn khác nói:

Như thế, cái Bánh Xe [Trái Đất] chịu lệ thuộc và được điều chỉnh bởi Tinh Quân của Mặt Trăng và sự vận động của mực nước [thủy triều] vào cuối thời kỳ của Giống dân chính, những vị Thủy Tổ của Mặt Trăng [the Fathers or Pitris] bắt đầu kéo mạnh hơn làm cho Bánh Xe xẹp xuống ở cái Đai lưng của nó, khi đó nó có chỗ sụp xuống, chỗ trồi lên. Khi sự trồi lên xuất hiện ở hai cực thì những
325 *vùng đất mới lại nổi lên, những vùng đất cũ bị sụp lở và hút vào lòng đất.*

Chỉ cần đọc các tác phẩm thiên văn và địa chất học, chúng ta cũng đủ thấy ý nghĩa của điều trên một cách rõ ràng rồi. Các nhà khoa học – các chuyên gia *hiện đại* – đã nhận thấy tác dụng của thủy triều đối với sự phân bố địa chất của đất và nước trên địa cầu và đã ghi nhận được sự chuyên định của

[1] Xem bài của Giáo sư J.D. Dana đăng trên Tạp chí Khoa Học Mỹ, III, v, trang 442 – 443. Sinh Hoạt Thế Giới, của Winchell.

các đại dương tương ứng với sự nhô lên hay lún xuống của các lục địa hay các vùng đất mới. Khoa học biết, hoặc nghĩ rằng mình biết, là điều này diễn ra định kỳ. (1) Giáo sư Todd tin rằng mình có thể truy nguyên hàng loạt các sự dao động ngược về các thời kỳ Trái Đất bắt đầu đóng vỏ cứng. (2) Vì thế khoa học có vẻ dễ kiểm chứng lại lời phát biểu bí truyền. Chúng tôi xin đề nghị bàn thêm về điều này trong phần phụ lục.

Một số nhà Minh Triết Thiêng Liêng – vốn đã hiểu theo một vài từ trong Phật Giáo Bí truyền rằng các "cựu lục địa" đã bị chìm sẽ tái xuất hiện, đã hỏi như sau: "Khi trồi lên, Châu Atlantis sẽ giống như một cái gì?" Ở đây lại có một sự hiểu lầm nhỏ. Cũng những vùng đất của Châu Atlantis vốn đã bị chìm ngập, mà lại trồi lên, thì chúng ắt sẽ thực sự bị khô cằn trong nhiều thời đại. Nhưng vì hiện nay đáy Đại Tây dương lại bị bao phủ bởi một lớp đá vôi dày chừng 5 000 feet, và còn nhiều lớp nữa đang được tạo thành – thật vậy đó là một "diệp tầng phấn kỷ" mới – nên chẳng có lý do tại sao khi

---

[1] Khi đề cập tới sự dâng cao và hạ thấp có định kỳ của các vùng cực và xích đạo, do đó khiến thời tiết thay đổi, Tiến sĩ Winchel, Giáo sư địa chất học ở viện Đại học Michigan đã cho rằng: "Vì các chuyển động mà chúng ta xét ở đây có tính cách tuần hoàn, nên cùng một tình huống sẽ tái diễn mãi, và do đó cùng một hệ động vật có thể tái xuất hiện mãi với những khoảng do một hệ động vật khác chiếm chỗ. Sự trầm tích tiệm tiến ắt sẽ ghi nhận được những sự biến đổi hệ động vật như thế và ắt sẽ bộc lộ ra các hiện tượng về 'các tập đoàn thú vật', 'sự tái xuất hiện' và các sự biến vị hệ động vật trong các sự phân bố dọc và ngang của các hài cốt hóa thạch. Sinh viên địa chất học hẳn biết các hiện tượng này". (Sinh Hoat Thế Giới, trang 281).

[2] Xem Nhà Vạn Vật Học Mỹ, xviii, 15 – 26.

đến lúc một lục địa mới xuất hiện thì một cơn biến động địa chất và dâng cao đáy biển lại không sử dụng lớp đá vôi dày 5000 feet này để tạo thành một vài rặng núi, và một lớp 5 000 feet nữa trồi lên mặt. Các đại họa của Giống dân không phải là một trận Đại hồng thủy của Noah trong bốn mươi ngày, mà là một loại gió mùa ở Bombay (Bombay monsoon).

Trong đoạn thu thập lại tất cả mọi bằng chứng để chứng tỏ rằng sự đắm chìm và tái xuất hiện của các lục địa khổng lồ (mà các tác giả hiện đại gọi là Châu Atlantis và Châu Lemuria) không phải là chuyện bịa đặt hoang đường. Các tác phẩm bằng tiếng Tamil và Bắc Phạn cổ sơ, có đầy dẫy các điều đề cập tới cả hai lục địa này. Bảy Đảo thiêng (Dvĩpa) được nhắc đến trong Sũrya Siddhãnta, tác phẩm thiên văn học xưa nhất thế giới, và trong các tác phẩm của Asura Maya, nhà thiên văn học Atlantis mà Giáo sư Weber đã xác định là "tái sinh" nơi Ptolemy. Thế nhưng, thật là sai lầm khi gọi các "Đảo thiêng" này là Atlantid – như chúng ta đã làm; vì giống như mọi điều khác nữa trong các Thánh Thư Ấn Độ; chúng được trình bày như ám chỉ nhiều điều di sản mà Priyavrata (Con của Bàn Cổ Svãyambhuva) để lại cho bảy người con của mình, không phải là Châu Atlantis, cho dù một hoặc hai đảo này vẫn còn tồn tại sau khi các đảo khác đã bị chìm và hàng thời đại sau này, chúng đã cung ứng chỗ trú cho dân Atlantis, vốn có lục địa của mình đã đến lượt bị chìm. Khi được Parãshara lần đầu tiên nhắc đến trong kinh Vishnu Purãna, bảy đảo này muốn nói tới một Giáo lý Nội môn sẽ được giải thích sau này. Vấn đề này, trong số bảy Đảo, Jamby-dvĩpa (Trái Đất) là châu duy nhất có tính cách thế tục. Trong kinh Purãnas khi nói về miền Bắc núi Meru, đó là lời ẩn dụ có liên quan đến ngọn núi Eldorado sơ khai, ngày nay là vùng Bắc

Cực đầy băng giá, tuyết lạnh quanh năm, nhưng thời đó là một lục địa ấm áp, trăm hoa đua nở. Khoa học có nói về vùng lục địa cổ chạy dài từ đảo Stipzbergen xuống đến Eo biển Dover. Giáo Lý Bí Nhiệm dạy rằng trong những thời kỳ địa chất xa xôi nhất, những vùng đó gồm thành một lục địa hình cong như móng ngựa mà một đầu gồm đảo Greenland, còn đầu kia chứa vùng eo biển Behring, thời đó còn là vùng đất liền và dẫn xuống phía Nam đến tận đảo Anh quốc. Vùng này thời đó phải nằm ngay chỗ đường cong phía dưới của vòng bán nguyệt. Lục địa này trồi lên một lượt với cơn biến động làm tràn ngập và sụp xuống biển những phần đất vùng xích đạo của lục địa Lemuria. Nhiều thế hệ về sau, vài phần đất còn lại của Châu Lemuria lại tái hiện trên mặt biển. Có thể nói mà không xa sự thật rằng, Châu Atlantis gồm trong bảy hòn đảo lớn như những vùng lục địa thực sự, và giống dân Atlantis có giữ lại vài di tích của giống dân Lemurian, và khi họ định cư trên những hòn đảo, họ cũng gồm luôn những đảo này trong toàn bộ các vùng đất liền và lục địa của họ. Tuy vậy, cũng cần nêu ra một sự dị biệt và đưa ra một lời giải thích, khi mà sự việc được trình bày đầy đủ hơn và chính xác hơn như trong quyển sách này. Vài giống người Atlantis cũng đã chiếm cứ Đảo Easter bằng cách đó. Khi họ chạy thoát khỏi cơn tai biến xảy ra trên vùng đất của họ, họ liền định cư trên đảo ấy, vốn là một phần đất còn lại của Châu Lemuria. Nhưng sau cùng, họ cũng đã tử vong khi đảo ấy bị hủy diệt chỉ trong vòng một ngày bởi phún thạch và lửa của hỏa sơn. Điều này có thể được một vài nhà địa lý và nhà địa chất xem là bịa đặt, tuy nhiên, đối với nhà Huyền bí, đó lại là *lịch sử*. Liệu khoa học có biết điều gì ngược lại không?

Cho đến khi một bản đồ xuất hiện và được phát hành tại Basle vào năm 1522, trong đó danh xưng "Châu Mỹ" xuất

hiện lần đầu tiên, *thì người ta vẫn tưởng rằng Châu Mỹ là một phần của Ấn Độ*…Khoa học từ chối không nhìn nhận giả thuyết nói rằng có một thời kỳ mà bán đảo Ấn Độ nối liền với Nam Mỹ Châu bởi một vòng đai quần đảo và lục địa. Xứ Ấn Độ của thời tiền sử được nối liền bằng hai vòng đai song đôi với Bắc và Nam Mỹ, những vùng đất quê hương của người dân miền Bắc Ấn chạy dài từ Kashmir đến tận sa mạc Schamo ngày nay. Một người lữ hành đi bộ từ miền Bắc có thể không
327 dẫm chân xuống nước để đi đến bán đảo Alaska xuyên qua Mãn Châu, vịnh Tartary, quần đảo Kurile và Aleutian. Trong khi đó, một du khách khác đi bằng thuyền từ miền Nam Ấn có thể vượt qua Siam, Quần đảo Polynesi và cập bến bất cứ nơi nào trên lục địa Nam Mỹ.(1)

Điều này được viết theo lời một Chơn Sư – một nhân vật có thẩm quyền khá ư là khả nghi đối với các nhà Duy vật và những kẻ hoài nghi. Nhưng ở đây, chúng ta lại có một kẻ đồng loại với chính những người nói trên, Ernst Haeckel, trong đoạn nói về sự phân bố các giống dân, ông đã minh xác cho phát biểu trên hầu như là nguyên văn:

Dường như là vùng Đông Á hoặc Đông Phi [nhân tiện xin nói là nó thậm chí chưa hề tồn tại khi Giống dân thứ Ba đạt đến tột đỉnh phồn vinh] hoặc Châu Lemuria chính vùng trên địa cầu đã chứng kiến sự tiến hóa của những người nguyên thủy từ *loài khỉ mũi dưới tương cận* [!!]. Lemuria là một lục địa cổ đã chìm xuống đáy Ấn Độ dương, nó nằm ở phía Nam Châu Á ngày nay, một mặt trải về phía Đông tới tận vùng Thượng Ấn Độ và đảo Sunda, mặt khác trải dài về phía Tây tới tận đảo Madagascar và Phi Châu.(2)

---

1 Năm năm Minh Triết Thiêng Liêng, trang 339 – 340.

2 Nhân Phổ Học, bản dịch của Aveling, trang 80 – 81.

Vào thời kỳ mà chúng tôi đang đề cập tới, lục địa Lemuria đã bị sụp đổ ở nhiều nơi và phân tán ra thành nhiều khu vực riêng biệt. Tuy nhiên, thời đó không có Châu Phi và Châu Mỹ, lại càng không thể có Châu Âu và tất cả đều còn nằm yên dưới đáy biển. Phần lớn của Á Châu cũng chưa xuất hiện vì vùng Bắc của Himãlaya vẫn còn là biển, còn ở bờ biển bên kia là những vùng đất ngày nay gọi là Greenland, Đông và Tây Siberia v.v… Lục địa vĩ đại có thời ngự trị trên khắp Ấn Độ dương, Đại Tây dương, Thái Bình dương, ngày nay có những hòn đảo lớn luân phiên nhau biệt tích lần lần, cho đến khi cơn tai biến cuối cùng nhận chìm những tàn tích còn sót lại. Đảo Easter chẳng hạn, thuộc về nền văn minh cổ nhất của Giống dân thứ Ba bị chìm đắm cùng một lượt với những phần đất sau cùng, một cơn địa chấn do núi lửa gây ra, thình lình đưa đáy biển trồi lên để dội hòn đảo ấy lên khỏi mặt nước để ngày nay làm bằng chứng hùng hồn cho sự có mặt của Châu Lemuria. Truyền thuyết cho rằng vài bộ lạc thổ dân Úc Châu ngày nay là những tàn tích cuối cùng của dòng dõi sau cùng của Giống dân thứ Ba.

Trong một chừng mực nào đó, khoa học duy vật lại bổ chứng cho chúng ta về điều này. Khi đề cập tới người da nâu Blumen-bach tức giống dân Mã Lai, dân Úc và dân Papua, Heackel đã nhận xét rằng:

> Có nhiều điểm giống nhau giữa những giống người nêu trên và những thổ dân Polynesia (cái thế giới đảo Úc Châu) đến nỗi mà *dường như xưa kia chúng đã từng hợp thành một lục địa khổng lồ và liên tục.* ([1])

Đó nhất định là "một lục địa khổng lồ và liên tục", vì trong vòng Giống dân thứ Ba, nó đã trải dài ra phía Đông và

[1] Như trên, trang 82.

phía Tây, đến nơi chốn hiện nay của hai miền Châu Mỹ.
328 Châu Úc ngày nay chẳng qua chỉ là một phần của nó, ngoài ra còn có một vài đảo còn sót lại rải rác đó đây trên mặt Thái bình dương và một dải đất rộng California vốn thuộc về nó. Kỳ lạ thay, trong tác phẩm kỳ dị Nhân phổ học, Haeckel đã nhận xét rằng:

Với vai trò là hậu duệ trực hệ, dân Úc hầu như không khác gì [? !] nhánh *thứ hai* của giống người nguyên thủy…vốn lan tràn về phía Bắc, thoạt tiên chủ yếu là ở Á Châu, xuất phát từ cái nôi của nhân loại thời thơ ấu, và dường như đã là tổ phụ của mọi giống người tóc thẳng khác …Một giống người tóc quăn, di cư tới vùng phía Tây [nghĩa là tới Phi Châu và về phía Đông tới vùng Tân Guinea, như chúng ta đã nói, bấy giờ các xứ này còn chưa tồn tại]… Giống người tóc thẳng kia đã tiến xa hơn về phía Bắc tới Á Châu và định cư ở Úc Châu.([1])

Một Chơn Sư dạy:

Hãy xem di tích của các quốc gia đã một thời cường thịnh [Châu Lemuria của Giống dân thứ Ba] nơi một số thổ dân đầu dẹt thuộc Úc Châu.([2])

Nhưng chúng thuộc về các di tích cuối cùng của chi chủng thứ bảy thuộc Giống dân thứ Ba. Giáo sư Haeckel ắt đã phải mơ một giấc mơ và đã từng thấy một linh ảnh *thực sự* !

Chính ở thời kỳ này người ta phải truy nguyên sự xuất hiện đầu tiên của tổ tiên những người mà chúng ta xem như những dân tộc cổ nhất trên thế giới, ngày nay gọi là người Ãryan Ấn Độ, người cổ Ai Cập, người cổ Ba Tư, người Chaldea và người Phoenician v.v… Những dân tộc này được cai quản dưới những triều đại các bậc Thánh Vương nghĩa là

[1] Sách đã dẫn, trang 81.

[2] Phật Giáo Bí Truyền, trang 65 [trang 67 của ấn bản kỳ 8].

những bậc Vua Chúa, bề ngoài tuy mang xác phàm như người trần gian nhưng thực sự là những Đấng Cao Cả giáng trần từ những Cõi cao hơn Cõi trần chúng ta rất nhiều. Dĩ nhiên, thật chẳng ích gì mà thử ra sức bắt những kẻ hoài nghi phải tin tưởng vào sự tồn tại của những Thực Thể như vậy, niềm kiêu hãnh lớn nhất *của họ* cốt ở việc chứng tỏ tộc danh của mình là loài khỉ mũi dưới – một sự kiện mà họ ra sức chứng tỏ dựa vào thẩm quyền giả định của chiếc xương cụt gắn vào trong xương mông mình, nếu cái đuôi thô sơ này mà đủ dài thì họ ắt cũng sẽ vui mừng vẫy nó mãi, để tôn vinh nhà bác học lỗi lạc đã khám phá ra nó. Những kẻ này sẽ vẫn còn trung thành với các tổ tiên khỉ của mình chẳng khác nào tín đồ Thiên Chúa giáo trung thành với ông Adam không có đuôi. Tuy nhiên, Giáo Lý Bí Nhiệm đặt các nhà Minh Triết Thiêng Liêng và các môn sinh Huyền bí học ngay đúng điểm này.

Nếu chúng ta xem phần sau của Giống dân thứ Ba như những giống người đầu tiên *tiêu biểu cho nhân loại* thực sự với những thể xác rắn chắc đông đặc và có xương, thì giả thuyết của Haeckel nói rằng sự tiến hóa của con người ban sơ diễn ra, hoặc ở Nam bộ Châu Á, hay trên lục địa Lemuria hay Phi Châu là khá đúng nếu không phải là hoàn toàn đúng. Tuy nhiên để cho được chính xác, cũng như sự tiến hóa của Giống dân thứ Nhất, phóng xuất từ các thể của các vị Thủy Tổ, diễn ra trên bảy khu vực khác nhau của Trái Đất ở vùng Bắc Cực,
329 thì sự biến đổi rốt ráo của Giống dân thứ Ba cũng diễn ra y như vậy. Nó bắt đầu ở vùng Bắc Cực vừa được diễn tả ở trên như gồm luôn vùng Eo biển Behring và những vùng đất liền khô ráo ở trung bộ Châu Á thời đó, khi mà khí hậu còn ấm áp và bán nhiệt đới dù cho ở vùng Bắc Cực và thích hợp nhất cho những nhu cầu ban sơ của nhân loại còn ấu trĩ. Tuy

nhiên, vùng ấy đã nhiều lần thay đổi thời tiết, khi thì băng giá tuyết lạnh, khi lại có khí hậu nhiệt đới kể từ khi loài người xuất hiện. Thiên bình luận nói rằng Giống dân thứ Ba chỉ ở vào khoảng giữa giai đoạn tiến hóa của nó khi mà:

Cái trục của Bánh Xe nghiêng lệch. Mặt Trời và Mặt Trăng không còn chiếu sáng trên đầu của những người Hãn sinh; loài người đã biết có tuyết băng và giá lạnh, và loài người, cây cỏ, cùng động vật đã giảm bớt kích thước, tầm vóc đã nhỏ bớt. Những kẻ không chết, còn lại những người nhỏ bé (1) về tầm vóc và trí khôn. Đó là chu kỳ hủy diệt thứ ba của các Chủng tộc.(2)

Điều này cũng có nghĩa là Địa Cầu phải trải qua bảy cơn biến động toàn diện và định kỳ diễn ra song đôi với các Chủng tộc. Giáo lý Huyền môn dạy rằng: trong cuộc Tuần Hoàn thứ Tư hiện tại, phải có bảy Chu kỳ hủy diệt diễn ra trên Địa Cầu, trong đó có ba cuộc hủy diệt gây nên bởi sự đổi hướng nghiêng lệch của Trái Đất. Đó là một định luật, nó tác động vào đúng thời kỳ của nó, chứ không tác động một cách mù quáng như khoa học đã tưởng, mà theo một cách chặt chẽ và điều hòa với Định Luật Kãrma. Trong Huyền môn, Luật ấy được gọi là "LUẬT ĐIỀU CHỈNH thiêng liêng" ("great ADJUSTER"). Khoa học thú nhận là mình không biết nguyên nhân tạo ra những sự thay đổi khí hậu, cũng như là những sự thay đổi hướng trục Trái Đất, chúng luôn luôn tạo ra những sụ biến thiên khí hậu này. Thật vậy, khoa học dường như chẳng đoan chắc gì về các sự đổi trục. Vì không thể giải thích được chúng, nên nó đã chuẩn bị để phủ nhận hoàn toàn hiện

[1] "Những đứa bé con" so sánh với các huynh đệ khổng lồ trên các Vùng khác. Nếu một tai họa như thế đột nhiên xảy đến với chúng ta, thì nay, ắt chúng ta cũng sẽ như vậy.

[2] Điều này liên quan tới Châu Lemuria.

tượng đổi trục này, hơn là thừa nhận bàn tay thông tuệ của Luật nghiệp quả (chỉ có Luật này mới có thể giải thích được những sự biến đổi đột ngột này và những kết quả kèm theo một cách hợp lý. Nó đã ra sức giải thích chúng bằng nhiều sự suy lý ít nhiều hoang đường; một trong các sự suy lý này (theo sự tưởng tượng của Boucheporn) ắt là việc Trái Đất thình lình đụng phải một sao chổi, như thế mới gây ra mọi sự biến động địa chất. Nhưng chúng tôi vẫn thích trung thành với lối giải thích nội môn của mình, vì VÔ CỰC ĐIỆN (FOHAT) cũng đâu có kém gì bất kỳ sao chổi nào, đã thế, nó còn được Trí Thông Tuệ vũ trụ dìu dắt.

Như thế, kể từ khi nhân loại của Đức Bàn Cổ Vaivasvata xuất hiện trên Địa Cầu đã có tất cả bốn cuộc tai biến do trục của trái đất gây nên. Khi những lục địa cổ - trừ lục địa thứ nhất – bị chôn vùi dưới đáy biển, thì những vùng đất khác lại trồi lên, những dãy núi khổng lồ lại xuất hiện ở những nơi mà trước kia chỉ là bình địa, cuộc diện Trái Đất hoàn toàn thay đổi trong biến động đó, nhờ có sự trợ giúp kịp thời, những quốc gia và những chủng tộc tốt lành nhất được sống
330 sót, còn những quốc gia và chủng tộc nào không xứng đáng, tức là thất bại thì bị hủy diệt bằng cách bị quét sạch khỏi mặt đất. Sự chọn lựa và chuyển dịch như thế không diễn ra trong vòng một ngày như người ta thường lầm tưởng, mà cần tới nhiều ngàn năm trước khi căn nhà mới đã gọn gàng, ngăn nắp.

Các phụ chủng cũng phải chịu cùng một phương thức tinh lọc đó, và chi chủng cũng vậy. Xin bất cứ ai có quen thuộc với thiên văn học và toán học hãy thực hiện một phép nội quan vào trong khung cảnh mờ mịt tranh tối tranh sáng của quá khứ. Xin y hãy quan sát và lưu ý những gì mà y biết

về lịch sử của các dân tộc và các quốc gia, và lần lượt đối chiếu các sự thăng trầm của chúng với những gì mà chúng ta biết về các chu kỳ thiên văn, nhất là đối chiếu với Năm Vũ trụ (Sideral Year), nó bằng 25 868 năm dương lịch ([1]). Như thế, nếu quan sát viên có chút ít trực giác, thì y sẽ thấy chuyện họa phúc của các quốc gia có liên hệ mật thiết biết bao với sự khởi đầu và kết thúc của Chu kỳ Vũ Trụ này. Thật vậy, kẻ không phải là nhà huyền bí có nhược điểm là y không thể dựa vào các thời kỳ xa xôi như vậy. Nhờ vào khoa học chính xác, y chẳng biết gì về những điều đã diễn ra cách đây gần 10.000 năm; thế nhưng có thể tự an ủi bằng những kiến thúc hoặc (nếu y thích) suy lý về số phận của mọi quốc gia hiện đại mà y biết sau đây chừng 16 000 năm. Ngụ ý của chúng tôi thật là rõ ràng. Mỗi Năm Vũ Trụ, chí tuyến lùi ra xa các cực *bốn độ* trong mỗi vòng quay xung quanh các phân điểm, khi xích đạo quay qua các chòm sao Hoàng Đạo. Nay mọi nhà

---

[1] Dĩ nhiên là có các chu kỳ khác, *các chu kỳ bên trong chu kỳ (cycles within cycles),* và chính điều này đã tạo ra một sự khó khăn như thế khi tính toán các biến cố chủng tộc. Vòng Hoàng Đạo dược hoàn thành trong 25 868 năm, và đối với Trái Đất, người ta tính được rằng mỗi năm phân điểm lùi lại 50.1". Nhưng cũng có một chu kỳ khác bên trong chu kỳ này. Được biết vì điểm cận viễn nhật (apsis) tiến tới để gặp nó với tốc độ 11.24" mỗi năm, nên nó sẽ hoàn thành một vòng quay trong 115 302 năm. Sự tiến tới gần nhau của phân điểm (equinox) và điểm cận viễn nhật là tổng số của các chuyển động này, 61.34", và vì thế, phân điểm trở về cùng vị trí đối với điểm cận viễn nhật trong 21 128 năm. (Xem mục bàn về "Thiên văn học" trong Bách Khoa Từ Điển Britannica). Chúng tôi đã đề cập tới chu kỳ này trong Nữ Thần Isis Lộ Diện, Quyển I liên hệ tới các chu kỳ khác. Mỗi chu kỳ có một tác dụng rõ rệt đối với giống dân đương thời.

thiên van học đều biết rằng hiện nay chí tuyến chỉ cách xích đạo chưa đầy 23 ^{0} 5. Vì thế, nó còn phải di chuyển thêm 2^{0}5 (tức 2 ^{0} 30′) thì mới hết Năm Vũ Trụ. Điều này ban cho nhân loại nói chung và các giống dân văn minh chúng ta nói riêng, một sự trì hoãn (reprieve) chừng 16 000 năm.

Sau cơn Đại hồng thủy của Giống dân thứ Ba (Lemurian) như Thiên bình luận viết:

Con người giảm sút tầm vóc rất nhiều và thời gian cuộc đời họ cũng rút ngắn bớt lại. Sau khi đã sa đọa về tính chất thiêng liêng, họ sống chung với loài thú và có sự chung lộn giữa những người khổng lồ với những giống người lùn… Nhiều người sở đắc kiến thức minh triết và cả những pháp môn bất chính và tự ý đi theo CON ĐƯỜNG TÀ.

331 Như thế, đến lượt người Atlantis tiến gần đến họa diệt vong. Có ai biết cơn hủy diệt *lần thứ tư* này đã phải cần đến bao nhiêu thời kỳ địa chất mới thành tựu? Nhưng chúng ta được biết rằng:

44. GIỐNG NGƯỜI ATLANTIS TẠO NHỮNG PHO TƯỢNG KHỔNG LỒ CAO 27 FEET (8,22^{m}), BẰNG TẦM VÓC CỦA THÂN HÌNH HỌ (a). LỬA NỘI TẠI ĐÃ HỦY DIỆT ĐẤT CỦA TỔ PHỤ HỌ (GIỐNG NGƯỜI LEMURIANS). NẠN NƯỚC LỤT ĐE DỌA GIỐNG DÂN THỨ TƯ (b).

a) Cần ghi nhận rằng phần nhiều những pho tượng khổng lồ tìm thấy trên Đảo Easter, phần đất cuối cùng còn lại của Lục địa Lemuria và những pho tượng ở ven đồng cát Gobi, trước kia đã từng là một vùng biển cả trong vô lượng thế hệ. Tất cả đều cao từ hai mươi đến ba mươi feet (từ 6m đến 9 m). Những pho tượng mà Đại Úy Cook tìm thấy trên đảo Easter hầu hết đều có hai mươi bảy feet chiều cao và tám feet chiều

ngang nơi vai. ([1]) Tác giả được biết rằng các nhà khảo cổ học hiện đại quả quyết rằng "các pho tượng này không cũ lắm", như lời tuyên bố của một trong các viên chức cao cấp của Bảo Tàng Viện Anh Quốc. Nhưng đây là một trong các quả quyết độc đoán của khoa học hiện đại, không có giá trị bao nhiêu.

Được biết sau cuộc hủy diệt Châu Lemuria bởi lửa trong lòng đất, tầm vóc con người lần lần giảm bớt – diễn trình này bắt đầu có sau sự Sa đọa *thể chất* của họ - sau cùng, vài triệu năm sau đó, họ cao từ sáu đến bảy feet (1,82^{m} đến 2,13m – LND), và bây giờ tầm vóc họ, cũng như các chủng tộc Á Châu xưa đã sụt xuống gần năm feet hơn là sáu feet (1,52m hơn là 1,82m). Nhà nhân chủng học Pickering cho biết rằng giống người Mã Lai (một phụ chủng của Giống dân thứ Tư) có nhiều tầm vóc khác nhau. Dân quần đảo Polynesia (như dân Tahiti, Samoa, Tonga có *tầm vóc cao nhất thế giới*, còn thổ dân các nước trên Đông Dương (Indo-Chinese) có tầm vóc thấp hơn mức trung bình. Điều này cũng dễ giải thích, dân quần đảo Polynesia thuộc giống người ban sơ nhất của những phụ chủng còn sống sót, còn thổ dân khác thuộc về những giống người mới xuất hiện sau cùng. Cũng như dân Tasmania ngày nay đã hoàn toàn tuyệt diệt, thổ dân Úc Châu cũng đang sắp sửa biệt tích, những giống người cổ khác không bao lâu cũng nối gót theo sau.

b) Thiên hạ có thể vặn hỏi chúng ta: "Làm thế nào mà chúng ta có thể bảo tồn được tài liệu này?" Ngay cả việc người Ấn Độ có biết tới Hoàng Đạo cũng bị các nhà Đông phương học thông thái và tử tế phủ nhận; họ *kết luận* rằng những người Ấn Độ Ãryan chẳng biết gì về Hoàng Đạo trước

[1] Đối chiếu "Các Di tích người Khổng lồ và các Pho tượng Khổng lồ với vai trò là các chứng cớ về những người Khổng lồ", trang 340.

332 khi người Hy Lạp du nhập nó vào Ấn Độ. Sự vu khống bất công này cũng đã bị Bailly bác bỏ thêm nữa. Trong khi các Hoàng Đạo của Ai Cập ([1]) vẫn còn bảo tồn được các bằng chứng xác thực về các tài liệu bao hàm hơn ba năm rưỡi vũ trụ – vào khoảng 87 000 năm – thì các phép tính toán của Ấn Độ lại bao hàm gần ba mươi ba năm vũ trụ tức 850 000 năm. Các lễ sư Ai Cập đã đoan chắc với Herodotus rằng xưa kia Trục Trái đất và Trục Hoàng Đạo đã trùng nhau. Nhưng tác giả của Sphinxiad đã nhận xét rằng:

Những người Ấn Độ *dốt nát khốn khổ* này đã ghi lại một kiến thức về thiên văn học trong 25 000 năm từ thời trận lụt [cục bộ cuối cùng ở Á Châu], tức Thời đại Khủng khiếp.

Và họ cũng ghi lại được những điểm quan sát từ thời trận Đại hồng thủy đầu tiên trong kỷ yếu sử Ãryan – Trận Lụt đã làm đắm chìm các phần cuối cùng của Châu Atlantis cách đây 850 000 năm. Dĩ nhiên các Trận lụt trước có tính cách truyền thuyết hơn là lịch sử.

Việc nhận chìm và biến đổi của lục địa Lemuria bắt đầu gần nơi Vùng Bắc Cực (Na Uy) và Giống dân thứ Ba chấm dứt tại Lankã, hay phần đất về sau gọi là Lankã dưới thời giống dân Atlantis. Phần đất còn sót lại mà ngày nay gọi là Tích Lan vốn là miền cao nguyên phía Bắc của xứ Lankã thời xưa. Còn hòn đảo khổng lồ Lankã dưới thời giống dân Lemuria chính là lục địa đã diễn tả trong những trang trước đây. Trong quyển Triết giáo Nội môn, một vị Chơn Sư có nói:

Tại sao các nhà địa chất học không nghĩ rằng ở dưới những lục địa mà họ đã thám hiểm và thăm dò … có thể rằng dưới đáy biển sâu thẳm không thể đo lường còn có những lục địa khác và cổ hơn nhiều mà chưa ai hiểu. Có ngày những lục địa ấy sẽ làm đảo lộn

[1] Xem Ai Cập du ký của Denon, quyển ii.

hoàn toàn những thuyết hiện tại của họ chăng? Tại sao không nhìn nhận rằng các lục địa của chúng ta hiện nay, cũng như Lemuria và Atlantis đã từng bị chìm ngập dưới biển nhiều lần và có lúc lại trồi lên để mang những đợt nhân loại và các nền văn minh mới ? Trong cơn biến động địa chất đầu tiên của cuộc thiên tai tới đây trong loạt những đợt thiên tai định kỳ xảy ra từ lúc khởi đầu đến khi chấm dứt mỗi cuộc tuần hoàn, các lục địa đang có hiện nay cũng sẽ sụp xuống biển, những lục địa Lemuria và Atlantis lại sẽ trồi lên? (1)

Lẽ tất nhiên không phải là những lục địa cũ, giống y như trước. Nhưng ở đây cần có một lời giải thích. Chúng ta không nên lầm lẫn về việc nêu ra danh từ Bắc Lemuria. Sự nới rộng lục địa vĩ đại ấy đến tận Bắc Đại tây dương không hề trái ngược với dư luận chung về địa phận của Châu Atlantis và cái này xác nhận cái kia. Nên nhớ rằng Châu Lemuria vốn là nơi sinh trưởng của Giống dân thứ Ba, không những bao gồm một khu vực rộng lớn trong Thái bình dương và Ấn Độ dương mà còn bành trướng theo hình móng ngựa qua
333 Madagascar vòng quanh "Nam Phi" (thời đó chỉ là một khu đất nhỏ còn đang hình thành), đi xuyên qua Đại Tây Dương lên tận Na Uy ở phía Bắc. *Trầm tích nước ngọt lớn của Anh tên là Wealden mà mọi nhà địa chất học đều xem là cửa của một dòng sông lớn thời xưa, chính là lòng của dòng chủ lưu thoát nước cho vùng Bắc Lemuria vào thời Đệ nhị kỷ.* Nếu sự tồn tại thực sự xưa kia của dòng sông này là một sự kiện khoa học, thì liệu các kẻ ủng hộ khoa học có chịu thừa nhận việc cần phải chấp nhận vùng Bắc Lemuria vào thời Đệ nhị kỷ mà các dữ kiện này đã đòi hỏi chăng? Giáo sư Berthold Seemann không những chấp nhận sự thật về lục địa vĩ đại ấy, mà còn xem *Úc Châu và Âu Châu như những phần khác nhau của một lục địa,* và

[1] Xem Phật Giáo Bí Truyền, trang 65. [67 – 68 của ấn bản kỳ 8).

như thế là đã xác nhận toàn bộ lý thuyết " móng ngựa" như đã giải bày ở trên. Một sự kiện độc đáo xác nhận chủ thuyết về lục địa Lemuria là một dãy núi ngầm trong lòng Đại tây dương cao trên 9 000 feet, chạy dài từ hai hay ba ngàn miles về phía Nam từ một điểm gần các đảo Anh quốc, trước hết nó nghiêng về phần Nam Mỹ, kế đó nó *đổi chiều và làm một khúc quanh gần như một góc vuông* theo một đường về hướng *Đông Nam trực chỉ bờ biển Phi Châu*, rồi từ đó chạy về phía Nam đến Tristan d' Acunha. Dãy núi này là tàn tích của một lục địa trên Đại tây dương và nếu có thể truy nguyên xa hơn nữa, nó sẽ chứng minh sự thật về một dãy cao nguyên ngầm hình móng ngựa nối liền với một lục địa cổ trong Ấn Độ dương. ([1])

Phần đất trên Đại tây dương của Châu Lemuria là căn cứ địa chất của miền lục địa thường gọi là Châu Atlantis. Thật vậy, Châu này phải được xem như sự phát triển của phần đất trên Đại tây dương của Châu Lemuria, hơn là một khu đất hoàn toàn mới được cho trồi lên để đáp ứng những nhu cầu đặc biệt của Giống dân thứ Tư. Cũng như trong sự tiến hóa Chủng tộc, việc biến thiên dời đổi các khối lục địa to lớn cũng vậy, không hề có một đường lối cứng nhắc và bất di bất dịch được đặt ra khi một nền trật tự mới vừa chấm dứt và một nền trật tự khác bắt đầu. Nguyên tắc liên tục bao giờ cũng áp dụng trong những phương pháp tác động của thiên nhiên. Như vậy, giống dân Alante (Giống dân thứ Tư) phát sinh ra từ một mầm mống của Giống dân thứ Ba ở Bắc phần Lemuria tập trung ở một khu vực mà vị trí ở khoảng giữa Đại tây dương bây giờ. Lục địa Atlantis được hình thành bằng sự

[1] Đối chiếu với đồ thị phỏng theo các cuộc thăm dò của Challenger và Dolphin trong Atlantis: Thế Giới Tiền Đại Hồng Thủy, của Donnelly, trang 47.

phối hợp nhiều bán đảo và hòn đảo trồi lên mặt biển trải qua dòng thời gian, *sau cùng đã trở nên vùng đất sinh trưởng của một Chủng tộc lớn mệnh danh là giống dân Atlantis. Sau khi đã nhận thức rõ những điều kể trên, người ta không còn có sự lầm lẫn giữa hai Châu Lemuria và Atlantis, cũng như không ai lầm lẫn Âu Châu với Mỹ Châu.*[1]

Đoạn nêu trên vốn xuất phát từ nguồn tin khoa học chính thống bất tín nhiệm xiết bao, ắt sẽ bị xem là một điều bịa đặt
334 khá hay ho. Ngay cả tác phẩm tài tình của Donnelly đã nêu trên cũng bị dẹp qua một bên, dù nó phát biểu những điều hoàn toàn ở trong khuôn khổ của các bằng chứng khoa học nghiêm xác. Nhưng chúng tôi viết cho tương lai. Các khám phá mới theo chiều hướng này sẽ xác chứng lời tuyên bố của các triết gia Á Châu cho rằng các quốc gia tiền Đại hồng thủy (vốn đã sinh hoạt hàng vô số thời đại trước đây) đã theo học các môn khoa học (kể cả địa chất học, dân tộc học và lịch sử). Những "khám phá" tương lai sẽ biện minh cho tính đúng đắn của các điều nhận xét hiện nay của các nhân vật có đầu óc sắc sảo như H.A. Taine và Renan. Taine chứng tỏ rằng nền văn minh của các quốc gia cổ sơ như Ai Cập, Chaldea, Trung Hoa và Assyria, Ãryan-Ấn là thành quả của các nền văn minh trước đó đã tồn tại "*hàng vô số* thế kỷ". (2) Còn Renan thì nói rằng:

Thoạt đầu, Ai Cập dường như đã chín chắn già dặn và hoàn toàn không có các thời đại thần thoại và anh hùng, như thể là xứ này chưa hề biết tới thanh xuân. Nền văn minh của chế độ quân

[1] Phật Giáo Bí Truyền, trang 58 [trang 67 của ấn bản kỳ 8].

[2] Lịch Sử Văn Học Anh, trang 23.

chủ thời xa xưa đã không bắt đầu từ buổi sơ khai. Nó đã trưởng thành rồi. ([1])

Giáo sư Owen còn nói thêm rằng:

Người ta ghi nhận rằng Ai Cập đã là một cộng đồng văn minh có tôn ti trật tự trước thời vua Menes.

Và Winchell đã vạch rõ rằng:

Vào thời vua Menes, dân tộc Ai Cập đã là một dân tộc văn minh và thịnh vượng. Manetho cho chúng ta biết rằng Athotis (con của vị quốc vương đầu tiên Menes) đã xây dựng cung điện Memphis; y là một vị y sĩ và đã để lại cho hậu thế *các tác phẩm về cơ thể học.*

Điều này rất là tự nhiên, nếu chúng ta tin vào phát biểu của Herodotus. Trong Euterpe (cxlii) ông ghi rằng thời hữu sử của các lễ sư Ai Cập đã bắt đầu trước thời ông khoảng 12 000 năm. Nhưng so sánh với hàng triệu năm đã trôi qua từ thời Châu Lemuria thì 12 000 năm hay 120 000 năm đâu có nghĩa lý gì! Tuy nhiên, mặc dù xa xưa, hàng triệu năm nêu trên đâu phải là không có gì làm chứng cớ. Các tài liệu hoàn chỉnh về sự phát triển sinh hoạt xã hội và ngay cả chính trị của dân Lemuria, đã được bảo tồn trong các niên sử bí nhiệm. May mắn thay chẳng mấy người có thể đọc được chúng và những người có cơ hội học được chúng cũng không thể hiểu được thứ ngôn ngữ đó, trừ phi y đã biết rõ tất cả bảy chìa khóa biểu tượng ký của nó. Đó là vì sự thấu triệt Giáo lý Huyền linh tùy thuộc vào sự quán triệt Bảy môn học, và các môn học này lại biểu lộ nơi bảy lối ứng dụng khác nhau của Nội môn Bí giáo vào các kinh điển ngoại môn. Như vậy, chúng ta phải bàn tới các cách thức suy tư trên bảy cõi lý

[1] Được trích dẫn trong Atlantis, trang 132.

tưởng khác nhau. Mọi kinh điển đều có liên quan tới và phải được diễn dịch theo một trong các quan điểm sau đây:

1. Cõi Tư Tưởng Duy Thực.

2. Cõi Tư Tưởng Duy Tâm (Idealistic).

3. Cõi Tư Tưởng thuần túy thiêng liêng.

335 Các cõi khác vượt quá xa tầm hiểu biết của tri thức thông thường (nhất là các đầu óc duy vật) nên người ta không thể thừa nhận sự tồn tại của chúng ngay cả khi đã được trình bày bằng bút pháp thông thường. Không hề có yếu tố thuần túy hoang đường nào trong bất kỳ kinh điển tôn giáo cổ truyền nào, nhưng trong khi thuyết minh, chúng ta phải tìm ra và trung thành với đường lối suy tư biểu hiệu, một lối suy tư mới hơn, mặc dù rất cổ; lối suy tư ẩn dụ; lối suy tư biểu ý tự; hoặc lối suy tư ký âm pháp tức là lối suy tư khó hơn hết; mọi chữ, chẳng hạn như trong tiếng Trung Hoa, đều tượng trưng cho trọn cả một từ, hầu như mọi danh hiệu riêng, dù là ở trong kinh Veda, Tử Vong Kinh, hay là trong một chừng mực nào đó, trong Thánh kinh – đều gồm có những chữ ký âm như vậy. Không một kẻ nào chưa được điểm hóa vào bí quyết về ký âm pháp tôn giáo Huyền linh mà có thể tự cho là mình biết được ý nghĩa của một danh xưng trong bất kỳ áng văn cổ truyền nào trước khi mà y đã thấu đáo được ý nghĩa của mọi chữ hợp thành nó. Làm thế nào chúng ta có thể mong đợi là một nhà tư tưởng phàm tục, cho dù y có thể thông thái xiết bao về biểu tượng ký chính thống, tạm gọi như vậy, nghĩa là cái loại biểu tượng ký chưa bao giờ có thể thoát ra khỏi các khuôn khổ cổ hủ của thần thoại thái dương và tục sùng bái tính dục – lại có thể thâm nhập vào điều bí nhiệm ẩn đàng sau bức màn che? Kẻ vốn chỉ bàn về lớp vỏ từ chương và dốc hết thì giờ vào sự thiên biến vạn hóa của các biểu tượng từ

ngữ khô khan, chẳng bao giờ có thể thoát khỏi các cơn hứng ngông cuồng của các nhà thần thoại học hiện đại.

Như thế, Vaivasvata, Xisuthrus, Deucalion, Noah v.v.. tất cả các nhân vật đứng đầu trong các trận Đại hồng thủy Thế giới, khắp vũ trụ và từng phần, thiên văn học hay địa chất học, đều để lại tên tuổi của mình như là các nguyên nhân và hậu quả đưa đến biến cố này (miễn là người ta có thể đọc hết các tài liệu này). Tất cả các trận Đại hồng thủy như thế đều dựa vào các biến cố đã diễn ra trong Thiên Nhiên, và do đó, đóng vai trò là tài liệu *lịch sử* - cho dù chúng có tính cách vũ trụ, địa chất học hay thậm chí chỉ là ẩn dụ - về một diễn biến đạo đức trên các cõi cao khác. Chúng tôi tin rằng, nay điều này đã được chứng tỏ đúng mức trong sự giải thích dài dòng mà các đoạn Thiền Định Chân Kinh cần tới.

Kể cũng là một cách thức hơi dị thường khi đề cập đến một giống dân cao 27 feet (8,22m) trong một tác phẩm tự cho là có một tính cách hợp khoa học hơn, có thể nói là, câu chuyện "Jack, Kẻ giết người Khổng lồ"("Jack, the Giant-Killer"). Thiên hạ sẽ vặn hỏi tác giả : "Đâu là các bằng chứng của bạn?" Tác giả xin đáp: "Bằng chứng ở trong lịch sử và truyền thuyết". Mọi nơi trên thế giới cũng đều có các truyền thuyết về một giống người khổng lồ thời xưa, chúng có mặt trong kho tàng học thuật truyền khẩu và văn tự. Ấn Độ có các Dãnavas và Daityas; Tích lan có các La Sát (Rãkshasas); Hy Lạp có các Titans; Ai Cập có các Anh hùng khổng lồ; xứ Chaldea có các Izdubar (Nimrod); và Do Thái có các Emims thuộc vùng Moab, với những người khổng lồ nổi tiếng
336 Anakim. ([1]) Moses có đề cập đến Og, một vị quốc vương có tấm ván lót giường dài chín cubits (15 feet 4 inches), rộng bốn

[1] Số Mục Thánh Thư, xiii, 33.

cubits (1,82m),([1]) còn Goliath cao 10 feet 7 inches. Điểm dị biệt duy nhất giữa Thánh kinh Thiên khải và bằng chứng mà Herodotus, Diodorus, Siculus, Homer, Pliny, Plutarch, Philostratus v.v… cung cấp cho chúng ta là như sau: Trong khi những người Ngoại đạo chỉ đề cập tới các bộ xương *người khổng lồ* đã chết hàng vô số thời đại trước kia, các di hài mà một số người trong đám họ *đã thấy tận mắt*, thì các nhà thuyết minh Thánh kinh lại không hổ thẹn đòi hỏi rằng địa chất học và khảo cổ học phải tin là vào thời Moses, các người khổng lồ như thế đã ở nơi nhiều xứ; đứng trước những người khổng lồ đó, dân Do Thái chỉ như là con châu chấu, những người khổng lồ ấy vẫn còn tồn tại vào thời Joshua và David. Rủi thay, niên đại ký của chính họ lại cản đường. Hoặc là niên đại ký đó, hoặc là những người khổng lồ phải bị dẹp qua một bên.

Ngày nay, vẫn còn có vài bằng chứng cụ thể để chứng minh cho sự thật của những lục địa đã chìm dưới lòng biển sâu và của các giống người đã từng sống trên lục địa ấy. Khảo cổ học khẳng định là có nhiều người khổng lồ như vậy trên Địa Cầu, mặc dù nó chưa bao giờ thử ra sức nghiêm chỉnh giải quyết điều bí mật "những người này có thể là gì?" Ngoài các pho tượng của Đảo Easter đã nói trên, còn những pho tượng người khổng lồ khác còn đứng vững và nguyên vẹn gần Bamian mà các nhà địa chất học cho rằng ở vào thế kỷ đầu kỷ nguyên T.C. Nhưng họ đã lầm về điều này cũng như trong nhiều việc phỏng đoán khác. Chỉ cần vài lời mô tả cũng đủ cho độc giả thấy được đâu là những pho tượng của cả Đảo Easter lẫn Đảo Bamian. Trước hết chúng ta hãy xét xem khoa học chính thống biết gì về chúng.

---

[1] Thánh thư san định Thiên Luật, iii, 11.

Teapi, Rapa-nui hay Đảo Easter (Phục Sinh) là một địa điểm trơ vơ cách bờ biển Nam Mỹ gần 2 000 miles… Nó dài chừng mười hai miles, rộng bốn miles…Ở trung tâm đảo có miệng núi lửa đã tắt, cao 1 050 feet (320m). Đảo có đầy dẫy những miệng núi lửa, chúng đã bị tắt từ lâu lắm rồi, chẳng còn truyền thuyết nào về hoạt động của chúng. ([1])

Rất có thể là họ đã ở đây khi những cư dân hiện nay [một nhóm người Polynesia] kéo tới… Tay nghề của họ đã đạt tới *một mức độ cao* … và người ta đã tin rằng giống dân tạo thành họ thường giao du với thổ dân ở Peru và các vùng khác ở Nam Mỹ… Ngay cả lúc Cook đến đây, một vài pho tượng cao 27 feet (8,22m), bề ngang vai rộng 8 feet (2,43m) còn đang nằm chỏng gọng ra đó, trong khi những pho tượng khác đang đứng có vẻ còn lớn hơn nữa. Một trong các pho tượng đứng cao đến nỗi mà bóng của nó đủ che được ánh nắng cho một đoàn ba mươi người. Những cái bục mà pho tượng khổng lồ đứng trên đó trung bình dài từ ba mươi đến bốn mươi feet (12m), rộng từ 12 đến 16 feet… tất cả đều được xây bằng đá đẽo theo kiểu người Khổng lồ độc nhãn, giống y như những bức tường của đền Pachacamac hay là di tích Tia – Huanaco ở Peru.([2])

337 "*Không có lý do gì để tin tưởng rằng người ta đã xây dựng dần dần các pho tượng này, bằng cách dựng dàn xung quanh chúng*", phê bình gia nêu trên đã nhận xét một cách rất gợi ý như vậy mà không giải thích làm sao người ta có thể xây dựng chúng bằng cách nào khác được, nếu không phải là những người khổng lồ cùng cỡ với chính các pho tượng này đã tạo ra chúng. Hai trong số những pho tượng khổng lồ này hiện nay

[1] Robert Brown, Các Xứ trên Thế Giới, trang 43.

[2] Như trên, trang 43 – 44 và tiếp theo, và trang 310 – 311.

đang ở Viện Bảo Tàng Anh quốc. Có bốn pho tượng đang ở Ronororaka, ba pho tượng chìm sâu dưới đất, còn một pho tượng nằm ngửa đầu như một người đang ngủ. Mặc dầu tất cả đều có đầu dài, nhưng chúng thuộc về các mẫu người khác nhau; thật hiển nhiên là như vậy, vì chân dung của chúng (chẳng hạn như mũi, miệng và cằm) đều có hình dạng khác hẳn nhau. Hơn nữa kiểu nón của họ - một loại nón bằng (flat cap) có một mẫu đính kèm vào để che phần sau của đầu – chứng tỏ rằng những người nguyên sơ không phải là những kẻ dã man thời đồ đá. Đúng là chúng ta có thể hỏi rằng "Ai đã tạo ra chúng?" Nhưng rất có thể là khảo cổ học và địa chất học không thể trả lời được, dù cho địa chất học có nhận ra đảo này là một phần của lục địa bị chìm.

Nhưng ai đã đẽo những pho tượng còn khổng lồ hơn nữa ở Bamian, các pho tượng cao nhất và khổng lồ nhất trên thế giới?- đó là vì "Pho Tượng Nữ Thần Tự Do" của Bartholdi hiện nay ở Nữu Ước, chỉ là một *người lùn* khi so sánh với pho tượng lớn nhất trong số năm pho tượng. Burnes và nhiều Tu sĩ thông thái dòng Gia Tô đã đến thăm chỗ đó, có nhắc đến một ngọn núi "lỗ chỗ các ngăn khổng lồ" với hai người khổng lồ được chạm trỗ ở cùng một tảng đá. Chúng được xem như những người Miaotse hiện đại (xem chú thích ở phần trên ở đoạn trích dẫn từ Shoo-King [Kinh Thư]) ([1]) những chứng cớ còn sống sót cuối cùng về giống dân Miaotse vốn đã làm "xáo trộn địa cầu". Các tu sĩ dòng Gia Tô thật là chí lý, còn các nhà khảo cổ học, vốn cho rằng những pho tượng lớn nhất này là các vị Phật, thật là sai lầm. Đó là vì tất cả những tàn tích khổng lồ nhiều vô số được phát hiện lần lần trong thời hiện đại, tất cả những cảnh điêu tàn vĩ đại ở

[1] Trang 282.

chung quanh dãy Rocky Mountains tại Bắc Mỹ đều là công trình của giống người Cyclops khổng lồ của thời cổ. Một du khách hiện đại, trứ danh kể cho chúng tôi biết rằng "Nhiều đống xương người khổng lồ" đã được tìm thấy "ở Mỹ, gần Munte [?]", đúng ngay điểm mà truyền thuyết địa phương nêu rõ địa điểm đổ bộ của những người khổng lồ đã tràn ngập ở Châu Mỹ khi châu này vừa mới từ dưới nước trồi lên. ([1])

Những truyền thuyết của Trung bộ Á Châu cũng nói như thế về các pho tượng ở Bamian. Vậy những pho tượng đó có ý nghĩa gì về địa điểm, chúng ở đâu, nơi mà chúng đã đứng trơ gan, trải qua vô lượng thế hệ. thách thức cả thiên tai địa chấn ở quanh vùng và ngay cả bàn tay hủy hoại của loài người, chẳng hạn như các đạo quân Timur và các chiến sĩ Vandal của Nadir Shah? Bamian là một thị xã nhỏ, nghèo nàn và điêu tàn, hết một nửa Trung bộ Á Châu giữa Kabul và Balkh, dưới chân núi Koh-i-baba một ngọn núi lớn của dãy Hindu-Kush, cao hơn mặt biển gần 3 000m. Thời xưa, Bamian
338 là một phần của thành phố cổ Djooljool bị tàn phá và san bằng bởi quân Mông Cổ của Thành Cát Tư Hãn thời thế kỷ mười ba. Toàn miền thung lũng đều có núi non bao bọc chung quanh, có đầy những hang động vừa thiên nhiên vừa nhân tạo, có một thời dùng làm nơi trú ẩn của các sư tăng Phật giáo đến lập tịnh xá trong đó. Cho đến nay, chúng ta còn gặp đầy dẫy các tịnh xá đó (Vihãras) trong các Thánh điện đẽo trong đá ở Ấn Độ và vùng thung lũng Jellãlabãd. Chính ở nơi cửa vào của vài hang động ấy có năm pho tượng khổng lồ mà người ta nghĩ là tượng Phật đã được phát hiện hay đúng

[1] De la Vega, IX, ix, được trích dẫn trong Các Vong Linh của De Mirville, Quyển iii, trang 55.

hơn là tái phát hiện trong thế kỷ này, vì nhà du hành nổi tiếng Trung Hoa là Huyền Trang (Hiouen Thsang) có nói đến việc nhìn thấy các pho tượng đó khi ông đi viếng Bamian vào thế kỷ thứ bảy.

Chúng ta có thể dễ dàng chứng tỏ luận điệu cho rằng trên toàn địa cầu không có pho tượng nào lớn hơn nữa, dựa vào bằng chứng của mọi du khách để xem xét và đo lường chúng. Như vậy, pho tượng lớn nhất cao 173 feet (52,73m), tức là cao hơn pho tượng Nữ Thần Tự Do ở Nữu Ước 70 feet, vì pho tượng này chỉ cao có 105 feet (32m). Chính pho tượng Khổng lồ Rhodes trứ danh, mà những chiếc tàu lớn nhất thời đó có thể đi qua dễ dàng giữa đôi chân của nó, cũng chỉ cao từ 120 đến 130 feet. Pho tượng lớn thứ nhì, cũng được đẽo bằng đá như pho tượng thứ nhất, chỉ cao có 120 feet, tức là cao hơn pho tượng Nữ Thần Tự Do nói trên 15 feet. ([1]) Pho tượng thứ ba chỉ cao có 60 feet, hai pho tượng khác còn nhỏ hơn nữa, còn pho tượng cuối cùng thì nhỏ hơn một chút so với người cao bình thường thuộc Giống dân chúng ta hiện nay. Pho tượng đầu tiên và lớn nhất trình bày một người khoác một loại áo choàng La Mã, Hầu Tước Nadeylac cho rằng dáng vẻ chung của khuôn mặt, các đường nét của cái đầu, vải mặc và nhất là những chiếc tai dài thòng, là những dấu hiệu không thể chối cãi rằng người ta có ý biểu diễn Đức Phật. Bất chấp

[1] Cũng như pho tượng của Bartholdi, pho tượng thứ nhất và thứ hai có một lối vào ở chân, dẫn lên tới tận đầu bằng một cầu thang uốn khúc đẽo trong đá. Trong một tác phẩm, nhà khảo cổ học và nhân loại học lỗi lạc người Pháp. Hầu Tước Nadeylac, đã nhận xét một cách chí lý rằng xưa cũng như nay, chưa bao giờ có một pho tượng người nào khổng lồ hơn pho tượng thứ nhất trong hai pho tượng đó.

sự kiện hầu hết các tượng Phật hiện hữu, vốn được biểu hiện trong tư thế Đại định, đều có tai dài, song đây chỉ là một sự canh cải và suy tưởng sau này. Ý niệm nguyên sơ là do nơi ẩn dụ nội môn. Những chiếc tai lớn phi thường tượng trưng cho sự toàn tri của minh triết và ngụ ý nhắc đến quyền năng của Đấng *biết và nghe được hết tất cả,* lòng từ bi bác ái và sự quan tâm của Ngài bao trùm khắp vạn vật. Một câu Thiền Định Chân Kinh có dạy:

Đấng Giáo chủ từ bi nghe thấy tiếng kêu thống khổ của sinh linh nhỏ bé nhất phía bên kia thung lũng và núi non nên tìm đến giải thoát cho nó.

Đức Phật Thích Ca (Gautama Buddha) là một người Ấn Ãryan, và người ta chỉ thấy một lối đề cập về những chiếc tai như thế trong người Mông Cổ, Miến Điện và Xiêm La (Siamese), cũng như ở Cochin, họ làm biến dạng tai của mình
339 một cách nhân tạo. Các vị tăng lữ Phật giáo, những kẻ đã biến các hang động của giống người Miaotse thành ra các tịnh xá và các gian phòng, đã tới Trung Á vào khoảng thế kỷ thứ nhất sau T.C. Do đó, khi nhắc đến pho tượng khổng lồ, Ngài Huyền Trang đã bảo rằng: "Vẻ rực rỡ của lớp vàng trang trí phủ trên pho tượng thời đó đã làm chói mắt người ta", nhưng ngày nay không còn vết tích nào về sự mạ vàng đó. Trái với chính pho tượng, vốn được đẽo ra từ tảng đá đứng sừng sững, lớp vải khoác lại được làm bằng thạch cao và được đắp lên trên pho tượng đá. Talbot, kẻ đã xem xét tỉ mỉ nhất, thấy rằng lớp xiêm y này thuộc về một thời kỳ hãy còn cận đại hơn nhiều. Do đó, chính pho tượng này phải được gán cho một thời kỳ xa xưa hơn Phật giáo. Trong trường hợp đó, chúng ta có thể hỏi là nó tiêu biểu cho ai bây giờ?

Một lần nữa, được các tài liệu giấy trắng mực đen đem bổ chứng, truyền thuyết xin giải đáp câu hỏi này và giải thích điều bí mật. Những vị La Hán và sư tăng Phật giáo tìm thấy năm pho tượng và nhiều pho tượng khác nay đã bị tàn phá. Ba pho tượng đứng trong các hốc khổng lồ và ở vào nơi trú tương lai của chúng, chúng được đắp bằng thạch cao, để từ những pho tượng cũ, tạo ra những pho tượng mới biểu hiện Đức Như Lai. Cho đến nay, những bức tường bên trong những cái hốc đều được che phủ bằng những bức họa hình người sáng rực, và trong nhóm nào cũng có thánh dung của Đức Phật. Cũng như một vài pho tượng nhỏ và các bức tượng trang trí này – chúng nhắc chúng ta nhớ tới kiểu hội họa Byzantine – đều do lòng sùng đạo của các tu sĩ khổ hạnh. Nhưng năm pho tượng khổng lồ này vốn là công trình của những vị Đạo đồ của Giống dân thứ Tư. Những vị ấy, sau khi lục địa Atlantis bị chìm ngập, đã di tản đến Trung Bộ Á Châu tìm nơi trú ẩn trong vùng núi non hẻo lánh. Hơn nữa, năm pho tượng này là một tài liệu bất diệt để lưu truyền Giáo lý Huyền môn dạy về sự tuần tự tiến hóa của các Chủng tộc loài người.

Pho tượng lớn nhất tiêu biểu cho Giống dân thứ Nhất của nhân loại. Cái thể khinh thanh được lưu niệm trong khối đá bền bỉ, dùng cho sự học hỏi của những thế hệ tương lai, chứ nếu không thì ký ức về điều ấy không bao giờ tồn tại sau cơn Đại hồng thủy nhận chìm Châu Atlantis. Pho tượng thứ hai cao 120 feet (36,57m), tiêu biểu cho Giống người Hãn sinh; pho tượng thứ ba cao 60 feet (18,28m), tiêu biểu cho Giống người đọa lạc. Giống người đầu tiên có thể chất bằng xương thịt do cha mẹ sinh ra, mà những hậu duệ cuối cùng được hình dung bằng các pho tượng tìm thấy trên đảo Easter. Tuy

nhiên, giống người này chỉ cao từ 20 đến 25 feet (6m tới 7,62m) vào thời Châu Lemuria bị chìm ngập, sau khi bị hủy diệt bởi lửa trong lòng đất do hỏa sơn phun lên. Giống dân thứ Tư có tầm vóc còn nhỏ hơn nữa, tuy rằng còn to gấp bội so với Giống dân thứ Năm chúng ta ngày nay, Giống dân thứ Năm hiện nay là mức tiến hóa thể chất cùng tột của tất cả những giống dân trước.

Thế thì, đó chính là những "Người Khổng Lồ" thời xưa, những vị Gibborim tiền Đại hồng thủy, và hậu Đại hồng thủy trong Thánh kinh. Họ đã sinh hoạt cách đây một triệu năm,
340 hơn là chỉ cách đây từ ba đến bốn ngàn năm. Như thế, các vị Anakim của Joshua – so sánh với tập đoàn các vị này thì dân Do Thái chỉ như là "châu chấu"- chỉ là một điều hoang đường của dân Do Thái, trừ khi dân Do Thái cho rằng Joshua có nguồn gốc xa xưa từ thời Thủy Tân hoặc ít ra cũng từ thời Trung Tân, và thay đổi hàng ngàn năm niên đại ký của mình thành ra hàng triệu năm.

Về mọi điều thuộc về thời tiền sử, độc giả nên nhớ kỹ những lời minh triết của Montaigne. Triết gia xuất chúng người Pháp ấy đã dạy rằng:

Thật là một sự tự phụ ngu xuẩn mà khinh thường và kết tội là sai lầm những gì dường như không tỏ ra là đúng đắn hay có vẻ đúng đối với chúng ta. Đó là một lỗi lầm thông thường của những kẻ tự cho mình là những kẻ biết nhiều hơn thường nhân….

Nhưng lẽ phải đã dạy cho tôi biết rằng cứ khăng khăng kết án một điều là sai lầm hay không thể có được, chính là tự xem mình có ưu điểm là biết được các giới hạn của Thiên Ý nắm giữ quyền năng của Thiên Nhiên, bà mẹ chung của chúng ta. Lẽ phải cũng dạy cho tôi biết rằng thật không còn gì điên rồ hơn là thu gọn chúng vào trong tầm mức khả năng và giới hạn kiến thức của chúng ta…

Nếu chúng ta gọi sự việc này là những con quái vật hay phép lạ mà lý trí chúng ta không thể vươn tới được thì hàng ngày có bao nhiêu điều như thế vẫn xuất hiện trước mắt chúng ta? Nếu chịu khó xem xét xuyên qua những gì che khuất và bịt kín mắt mình, thì chúng ta sẽ biết được hầu hết mọi điều ở ngoài tầm tay của mình. Thật vậy, chúng ta sẽ thấy chính tập quán hơn là khoa học đã tiếp nhận từ chúng ta sự kỳ lạ của chúng, nếu các điều đó mới xuất hiện trước chúng ta, thì chúng ta dứt khoát là sẽ xem chúng không thể có được và không thể tin được chẳng kém gì bất cứ thứ nào khác. ([1])

Trước khi phủ nhận sự khả hữu của lịch sử cùng là các tài liệu của chúng tôi, một học giả công minh ắt phải lục lọi trong lịch sử hiện đại, cũng như là truyền thuyết đại đồng thế giới, rải rác khắp văn học cổ truyền và hiện đại, để tìm kiếm các dấu vết mà các giống dân sơ khai kỳ diệu này đã để lại. Chẳng mấy kẻ hoài nghi lại ngờ vực vô số bằng chứng xác minh rải rác và bị chôn vùi ngay cả trong Bảo Tàng Viện Anh Quốc. Xin quí độc giả liếc nhìn một lần nữa vào nội dung của vấn đề mà chúng ta bàn tới trong tiết sau.

CÁC DI TÍCH TƯỢNG KHỔNG LỒ ĐỘC NHÃN VÀ CÁC TẢNG ĐÁ KHỔNG LỒ VỚI VAI TRÒ LÀ BẰNG CHỨNG NHỮNG NGƯỜI KHỔNG LỒ

Trong các tác phẩm vĩ đại "Kỷ yếu đệ trình lên Hàn lâm viện", khi tiến hành công việc chứng tỏ sự có thực của Ma Quỷ và chứng tỏ là nó ngự nơi mọi ngẫu tượng cổ truyền và hiện đại, De Mirville đã thu thập được nhiều trăm trang "chứng cớ lịch sử" cho rằng "phép lạ", cả các pho tượng

[1] Tiểu luận, xxvi.

ngoại đạo với các pho tượng trong Thánh kinh đã đi đứng, nói năng, giảng sấm ký, thậm chí còn hát nữa. Rốt cuộc, "tảng đá Christ", "Tảng đá tâm linh" nối tiếp nước Do Thái (1) đã
341 "biến thành tảng đá Jupiter", bị cha y là Thần Saturn "nuốt gọn dưới dạng một viên đá". (2) Chúng ta sẽ không dừng lại để bàn về sự lạm dụng hiển nhiên và duy vật hóa các ẩn dụ trong Thánh kinh chỉ vì muốn chứng tỏ "Thuyết Ma Quỷ" ("Satanism") về các ngẫu tượng, mặc dù chúng ta có thể nói khá nhiều điều (3) về đề tài này. Tuy nhiên, không cần tuyên bố rằng các tảng đá của chúng ta có bất kỳ chủ nghĩa tiêu dao hoặc thần thông bẩm sinh nào như thế, đến lượt chúng ta cũng có thể thu xếp được mọi bằng cớ sẵn có để chứng tỏ rằng:

a) Nếu không có những người khổng lồ để di chuyển các tảng đá khổng lồ như vậy, thì không bao giờ có một kiến trúc như Stonehenge, Carnac (Brittany) hoặc các cấu trúc Thần khổng lồ độc đáo khác (Cyclopean structures).

b) Nếu không có điều gì như là Pháp Thuật (Magic) thì chẳng bao giờ có thể có biết bao nhiêu là bằng chứng về các pho tượng "giảng sấm ngữ" ("oracular" and "speaking" stones).

Trong tác phẩm Achaica, chúng ta thấy Pausanias thú nhận ở đầu tác phẩm của mình rằng ông đã xem dân Hy Lạp là cực kỳ *ngu đần* "vì cứ thờ các tảng đá". Nhưng sau khi tới

---

1 I Corinth, x, 4.

2 Các Vong Linh, Quyển iii, trang 283.

3 Thần Saturn là Kronos (Thời gian). Một ngày kia việc Ngài nuốt viên đá Jupiter có thể biến thành một điều tiên tri. Người ta đoan chắc với chúng tôi rằng "Peter là *viên đá* mà Giáo hội La Mã được xây dựng trên đó". Nhưng nhất định là một ngày kia, Kronos sẽ "nuốt gọn"nó, cũng như Ngài đã nuốt chửng viên đá Jupiter và những đặc tính còn vĩ đại hơn nữa.

Arcadia, ông nói thêm: "Tôi đã thay đổi lối suy tư của mình".(1) Do đó, dù không thờ phụng các viên đá hay tượng đá, cũng như nhau thôi – một trọng tội mà các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã thật là thiếu sáng suốt khi chê trách những kẻ ngoại đạo – người ta cũng có thể được phép tin tưởng vào điều mà biết bao nhiêu là đại triết gia và thánh nhân đã tin tưởng, mà vẫn không bị các vị Pausanias thời nay gọi là "thằng ngốc".

Nếu muốn nghiên cứu đủ loại tính chất của các viên đá lửa và đá cuội theo các quan điểm các quyền năng pháp thuật thần thông, xin độc giả hãy tham khảo Hàn lâm viện Văn nghệ. Trong một bài thơ bàn về các "Viên đá" được gán cho Orpheus, người đã chia các viên đá này thành "Xà thạch" ("Serpent-stone") và "Tinh thạch" (Star-stone").

Xà thạch (Ophitēs) xù xì, cứng rắn, nặng nề, đen đủi và *có tài ăn nói;* khi người ta chuẩn bị vứt nó đi, thì nó phát ra một âm thanh *giống như tiếng khóc của trẻ con*. Chính từ viên đá này mà Helenus đã tiên đoán được sự sụp đổ của thành Troy, quê hương của y.(2)

Khi đề cập đến các "linh thạch" ("bétyles") này, Sanchuniathon và Philo Byblus đã gọi chúng là các "đá *có hồn*" ("*animated* stones"). Photius lặp lại điều mà Damascius, Asclepiades, Isidorus và y sĩ Eusebius đã khẳng định với ông. Eusebius đặc biệt không bao giờ rời bỏ các Xà thạch của mình mà ông mang trong lòng, và đón nhận các sấm ngữ của nó, được phát ra *bằng một giọng nho nhỏ giống như tiếng huýt trầm*

[1] Như trên, trang 284.

[2] Ông Falconnet, do De Mirville trích dẫn, như trên, trang 285.

(low whistling). ([1]) Arnobius, một thánh nhân – theo các tín đồ Thiên Chúa giáo thì "từ một Người ngoại đạo, ông đã trở thành một trong các *ánh sáng soi đường cho Giáo hội*" – thú
342 nhận rằng ông không bao giờ gặp một trong các viên đá này mà không hỏi nó một câu, "đôi khi câu hỏi này đã được giải đáp bằng một tiếng nói nho nhỏ, *rõ ràng và lanh lảnh*". Thế thì, chúng tôi xin hỏi: "Đâu là sự dị biệt giữa các Xà thạch của tín đồ Thiên Chúa giáo và Người ngoại đạo ?"

Viên đá nổi tiếng ở Westminster được gọi là liafail, "viên đá biết nói", và chỉ cất cao giọng để nêu đích danh vị vua đã được tuyển chọn. Trong tác phẩm Các Đền Đài Celtiques, Cambry cho rằng ông đã thấy nó khi nó còn mang dòng chữ khắc: ([2])

---

[1] Dĩ nhiên là cũng giống như "tiếng nói nho nhỏ" mà Elijah đã nghe thấy sau khi có trận động đất tại cửa hang. (Thánh Thư Quân Vương I, xix, 12).

[2] Các viên đá đu đưa hay "cheo leo" có nhiều tên khác nhau, chẳng hạn như clacha-brath của người Celt, "đá định mệnh hay phán quyết"; đá tiên tri hay "đá thử thách", và đá sấm truyền; đá di động hay đá linh hoạt của dân Phoenician; đá kêu ầm ầm của dân Ái Nhĩ Lan. Vùng Brittany có các "viên đá rung rinh" ở Huelgoat. Người ta tìm thấy chúng ở Cựu và Tân Thế giới ở Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Nga, Đức v.v… cũng như là ở Bắc Mỹ. (Xem Các bức thư từ Bắc Mỹ của Hodson, quyển ii, trang 440). Pliny có nhắc đến nhiều viên đá ấy ở Á Châu (Vạn Vật Học, Quyển I, trang 96); còn Apollonius lại nói dông dài về những viên đá lắc lư, và cho rằng chúng là "những viên đá được đặt trên đỉnh một nấm mộ đất, nhạy cảm đến nỗi mà trí người có thể di chuyển chúng được" (Arth. Index của Ackerman, trang 34), nhất định là ông ám chỉ các lễ sư thời xưa, họ đã di chuyển các viên đá như thế từ xa bằng quyền năng ý chí.

Trừ phi lời sấm truyền không đúng, còn thì khi người Tô Cách Lan tìm thấy viên đá này đặt ở bất cứ nơi đâu, họ cũng sẽ nắm được quyền cai trị.

Cuối cùng, Suidas có nhắc đến một ông Heraescus nào đó chỉ cần liếc mắt một cái là ông cũng có thể phân biệt được những viên đá vô tri giác với những viên đá di động; còn Pliny lại đề cập đến những viên đá "co giò tẩu thoát khi người ta chỉ mới sắp mó tay vào chúng".(1)

De Mirville – ông đã ra sức biện minh cho Thánh kinh – đã nêu ra một câu hỏi thật thích đáng rằng tại sao các viên đá quái gở của Stonehenge xưa kia lại được gọi là *chior-gaur* hay "vũ khúc của người khổng lồ" (từ nguyên *cõr* là "vũ khúc", do đó mới có từ ngữ *chorea* và *gaur*, "người khổng lồ")? Thế rồi ông lại đưa các độc giả đến chỗ đón nhận lời giải đáp của ông phát xuất từ Giám mục St. Gildas. Nhưng tác giả của các tác phẩm như Du hành trong Quận Cornouailles, theo Vết những Người khổng lồ, và các loại tác phẩm thông thái về các di tích ở Stonehenge, (2) Carnac và Hoadley còn cung cấp cho chúng ta tin tức đầy đủ đáng tin cậy hơn về đề tài đặc biệt này. Trong các vùng này – thật đúng là "các rừng đá"- chúng ta tìm thấy các đơn thạch trụ khổng lồ, "một vài cái nặng trên 500 000 kilograms". Người ta tin rằng các "viên đá lơ lửng" ở Đồng bằng Salĩsbury là di tích của đền thờ Druidical. Nhưng người Druids là những người lịch sử, chứ đâu phải là những người Khổng lồ độc nhãn. Thế thì, *nếu không phải những người*

---

1 Xem Từ Điển Tôn Giáo, tu sĩ Bertrand, nghệ thuật "Herxsucs" và "Bétyles"; De Mirville, như trên, trang 287 ông có Heraiclus; nhưng xem tác phẩm Ai Cập của Bunsen, I, 95.

2 Ngoài ra xin xem thêm Lịch sử Ngoại đạo ở Caledonia của Tiến sĩ Th. A. Wise, Hội viên Hội Thiên văn học Hoàng gia Anh …

khổng lồ thì ai có thể nhấc các khối này lên, nhất là các khối ở Carnac và West Hoadley – xếp chúng theo một trật tự cân xứng đến nỗi mà chúng có thể biểu diễn cầu đồ (Planisphere) và đặt chúng ở một vị trí cân bằng kỳ diệu đến nỗi mà chúng dường như chỉ hơi đụng mặt đất, và mặc dù vẫn chuyển động khi chỉ bị ngón tay đụng nhẹ vào một cái, song chúng kháng lại được nỗ lực của hai mươi người nếu họ thử ra sức dịch chuyển chúng ?

343 Nay nếu chúng ta bảo hầu hết các viên đá này là di tích của những người Atlantis cuối cùng thì thiên hạ sẽ đáp lại chúng ta rằng mọi nhà địa chất đều tuyên bố là chúng có một nguồn gốc tự nhiên, một viên đá bị "phong hóa" ("wearthering") - nghĩa là mất dần dần bản chất của mình do tác dụng của thời tiết – sẽ có dạng này, và các "đồi đá" ("tors") ở miền Tây nước Anh đang biểu diễn các hình dạng kỳ diệu cũng được tạo ra do nguyên nhân này. Và như thế, mọi nhà khoa học đều xem "các viên đá đu đưa có nguồn gốc thuần túy tự nhiên, mưa, gió v.v… gây ra sự tan rã của các tảng đá thành các lớp", nên phát biểu của chúng tôi sẽ bị từ chối đích đáng, nhất là khi "chúng ta thấy diễn trình biến chất đá này ngày nay đang diễn ra chung quanh chúng ta". Chúng ta hãy xét trường hợp này xem sao.

Trước hết, hãy đọc điều mà địa chất học cho biết, rồi bạn sẽ biết rằng các khối khổng lồ này là những vật hoàn toàn xa lạ với những xứ mà nay chúng định cư ở đó; rằng các loại đá tương cận với chúng về mặt địa chất, thường thuộc về các địa tầng xa lạ với các xứ đó, và chỉ có thể hiện diện ở nơi hải ngoại. Khi suy lý về các khối đá hoa cương khổng lồ rải rác khắp miền Nam nước Nga và Siberia, William Tooke đã cho độc giả biết không có các tảng đá hoặc núi non ở vùng mà

hiện nay chúng đang nằm trơ ra đó, vậy là chúng ắt phải được mang lại "từ các vùng xa diệu vợi bằng các nỗ lực phi thường".(1) Charton có nhắc đến một mẫu tảng đá như thế bắt nguồn từ Ái Nhĩ Lan, nó đã được đệ trình cho một nhà địa chất lỗi lạc người Anh phân tích, ông đã gán cho nó một nguồn gốc ngoại quốc *có lẽ tận Phi Châu*".(2)

Đây thật là một *trùng hợp* kỳ lạ, vì truyền thuyết Ái Nhĩ Lan cũng qui nguồn gốc các viên đá tròn của mình cho một *Phù thủy, y đã mang chúng từ Phi Châu sang đây.* De Mirville thấy vị Phù thủy này là "một người Hamite bị đày".(3) Chúng ta thấy là một người Atlantis da đen, hoặc thậm chí có lẽ là một người Lemuria nào đó xa xưa hơn y và sống sót mãi cho tới khi Anh quốc ra đời - dù sao đi nữa đó cũng là một người khổng lồ. (4) Cambry đã ngây thơ cho rằng:

Con người chẳng dính dáng gì tới điều này… vì năng lực và sự khéo léo của con người chẳng bao giờ có thể thực hiện được bất cứ điều gì thuộc loại này. Thiên nhiên đã đơn độc hoàn thành nó hết tất cả [!!] và một ngày kia, khoa học sẽ chứng tỏ được điều này [!!]".(5)

Tuy nhiên, chính năng lực của con người, dù là to tát, đã hoàn thành điều này, chứ không phải là một mình Thiên Nhiên, hay Trời (God), Quỷ (Devil) gì cả.

---

1 Mộ Địa của dân Tartares, văn kiện vii, trang 2227.

2 Các du khách Xưa và Nay, Quyển I, trang 230.

3 Sách đã dẫn, như trên, trang 290. Nếu Ham là một Titan hay Người Khổng Lồ thì Shem và Japhet cũng là các Titans. Họ đều hoặc là các vị Arkite Titans, theo Faber, hoặc là các huyền thoại.

4 Diodorus Siculus khẳng định rằng vào thời Isis, một số người vẫn còn có vóc dáng cao lớn, và được người Hy Lạp mệnh danh là những Người khổng lồ.

5 Chuyện cổ Celtic, trang 88.

"Khoa học" vốn đã đảm trách việc chứng tỏ rằng ngay cả trí tuệ và tinh thần của con người cũng chỉ là sản phẩm của các "lực mù quáng" ("blind forces") hoàn toàn có thể chấp nhận nhiệm vụ này. Có thể là vào một buổi sáng đẹp trời nào
344 đó, nó sẽ xuất hiện và ra sức chứng tỏ rằng Thiên Nhiên đã một thân một mình xếp đặt các tảng đá khổng lồ ở Stonehenge, vạch ra vị trí của chúng chính xác như toán học, ban cho chúng dạng cầu đồ Dendera và các cung Hoàng Đạo, và mang các tảng đá trên một triệu pounds (450 000kg – LND) từ Phi Châu và Á Châu sang Anh và Ái Nhĩ Lan!

Đúng là sau này Cambry đã rút lại lời nói khi cho rằng:

Trong một thời gian dài, tôi đã tin tưởng vào Thiên Nhiên, nhưng tôi đã rút lại ý kiến này …vì sự may mắn ngẫu nhiên không thể tạo ra những sự tổ hợp kỳ diệu như thế… và những người nào đã đặt được những tảng đá nêu trên ở vị trí cân bằng, cũng giống y như những kẻ đã nâng cao các khối đá di động ở ao nước Huelgoat, gần Concarneau.

Khi đề cập tới các tảng đá *di động*, hoặc các "viên đá đu đưa" ở trên triền đồi Golcar ("Kẻ Mê Hoặc") Tiến sĩ John Watson (mà cũng chính tác giả trên trích dẫn), cho rằng:

Chuyển động kỳ diệu của các khối cân bằng này đã khiến cho người Celt ví chúng với các Thần Linh. ([1])

Trong tác phẩm Stonehenge, Flinders Petrie có cho rằng:

Stonehenge được xây bằng đá địa phương, một loại sa thạch đỏ, tức "tảng cát kết" ("sarsen") mà dân địa phương quen gọi là "cừu thiến màu xám" ("grey wethers"). Nhưng một vài viên đá, nhất là các viên đá nghe nói là đã được dành riêng cho các mục đích thiên văn, đã được đem lại từ xa, có thể là từ Bắc Ái Nhĩ Lan.

[1] Cambry, như trên, trang 90, được trích dẫn trong Các Vong Linh, Quyển iii, trang 289.

Để kết luận, các điều suy gẫm của một nhà khoa học trong một tài liệu bàn về đề tài được công bố vào năm 1850 trong Tạp chí Khảo cổ học, thật đáng được trích dẫn:

Mọi viên đá là một khối lượng ắt làm cho các cỗ máy mạnh nhất cũng phải mệt mỏi. Tóm lại, rải rác trên khắp trái đất có những khối mà đứng trước nó, từ ngữ *vật liệu (materials)* dường như không thể giải thích được, khi trông thấy nó, trí tưởng tượng cũng phải ngỡ ngàng, và nó cũng phải được ban cho một tên cũng vĩ đại như chính sự vật. Ngoài ra, các viên đá *đu đưa khổng lồ* này, đôi khi được gọi là *vật đánh đuổi (routers)* đứng thẳng ngay trên một cạnh cũng như là một điểm của mình, chúng cân bằng hoàn toàn đến nỗi mà chỉ cần chạm nhẹ một chút cũng đủ cho chúng bắt đầu chuyển động… tỏ ra có một sự hiểu biết chắc chắn nhất về tĩnh học. Đối chuyển động (counter motion), các mặt, mặt phẳng lần lượt lồi và lõm… đều liên kết chúng với các đền đài khổng lồ của người Cyclop, mà chúng ta có thể lặp lại lời của De la Vega một cách chí lý rằng "các con quỷ dường như đã tác động lên chúng hơn cả con người". ([1])

---

[1] Sách đã dẫn, trang 473. Creuzer cho rằng: "thật là khó lòng mà không hoài nghi về cấu trúc của các lực hành tinh Tiryns và Mycenae mà người ta đã giả sử là bị di chuyển bởi các quyền năng thiêng liêng, tương tự như các vị pháp sư Dactyli nổi tiếng". Cho đến nay, khoa học vẫn không biết gì về đề tài các Người khổng lồ độc nhãn (Cyclops). Người ta giả sử là họ đã xây dựng tất cả những cái gọi là các công trình "khổng lồ", mà muốn dựng nên, phải có nhiều trung đoàn Người khổng lồ, thế mà họ có bảy mươi bảy người tất cả, hoặc chừng một trăm người, theo Creuzer. Họ được gọi là Những Vị Kiến Tạo, còn Huyền bí học gọi họ là các BẬC ĐIỂM ĐẠO; bằng cách điểm đạo cho một vài người Pelasgian, họ đã đặt nền móng cho KHOA TAM ĐIỂM chân chính. Herodotus liên kết những Người khổng lồ một mắt với Perseus "con trai của một con quỷ Assyria" (I,vi). Raoul Rochette thấy rằng

345 Đó là vì chúng tôi đã từng đồng ý với các bạn và kẻ thù của mình, các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã, và hỏi liệu những điều kỳ diệu như thế về tĩnh học và sự cân bằng, với các khối nặng hàng triệu pounds, có thể là tác phẩm của những kẻ *dã man* thời Cổ thạch, của những người ở hang động, cao lớn hơn người thường của thế kỷ chúng ta, song vẫn là các thế nhân thông thường như chúng ta chăng? Chúng tôi không hề có ý định đề cập tới đủ loại truyền thuyết gắn liền với các viên đá đu đưa. Thế nhưng, cũng nên nhắc các độc giả người Anh nhớ tới Giraldus Cambrensis, ông có đề cập tới một tảng đá như vậy trên Đảo Mona, nó luôn luôn trở về vị trí nguyên thủy của mình, bất chấp mọi nỗ lực nhằm giữ nó ở đâu đó. Vào thời Ái Nhĩ Lan bị vua Henry II chinh phục, muốn kiểm nghiệm lại sự thật về sự việc này, Bá Tước Hugo Cestrensis đã cột viên đá Mona vào một tảng đá khác lớn hơn nhiều và cho ném xuống biển. Sáng ngày hôm sau, người ta thấy nó ở vị trí quen thuộc. Nhà thông thái William ở Salisbury bảo đảm sự kiện này bằng cách chứng nhận là nó đã hiện diện ở bức tường của một nhà thờ, nơi mà ông đã thấy vào năm 1554. Và điều này nhắc chúng ta nhớ tới những điều mà Pliny nói về viên đá bị các vị anh hùng Argonaut bỏ lại tại Cyzicum, mà người dân

---

Palaemonius, những Người khổng lồ độc nhãn vốn đã được thiên hạ dựng nên một thánh điện để tôn thờ, chính là các vị "Hercule ở thành Tyre". Dù sao đi nữa y cũng chỉ là Nhà Kiến Tạo các cây cột thiêng liêng Gadir, trên đó có khắc đầy dẫy các chữ huyền bí – mà lúc đương thời chỉ một mình Apollonius ở Tyana có được chìa khóa để giải – và các hình vẽ mà người ta vẫn còn có thể tìm thấy trên các bức tượng Ellora, các di tích khổng lồ của đền thờ Vishvakarman, "Đấng xây dựng và tạo ra chư Thiên".

Cyzican đã để nó ở Prytaneum, "nó chạy trốn khỏi chỗ đó nhiều lần, thế là họ bắt buộc dùng chì đè nặng trên nó".(1) Ở đây, chúng ta có những viên đá khổng lồ mà cổ nhân đều khẳng định là "linh hoạt (living), di động (moving), nói năng (speaking) và tự hành (self-perambulating)". Dường như chúng cũng có thể khiến cho người ta phải bỏ chạy (run away) vì chúng được gọi là *vật đánh đuổi*, phát xuất từ động từ "rout", nghĩa là "đánh đuổi". Còn De Mousseaux lại trình bày là chúng đều là các "viên đá *điên*" ("*mad* stones"). (2)

Khoa học cũng chấp nhận viên đá đu đưa (rocking stone). Nhưng tại sao nó lại đu đưa? Không nên nhắm mắt tin bừa rằng chuyển động này là một phương tiện thêm nữa để bói toán, và chính vì lý do này mà chúng được gọi là "các viên đá sự thật" ("stones of truth").(3)

---

1 Vạn vật học, Quyển xxxvi, trang 592; Các Vong Linh, sách đã dẫn, như trên, trang 289.

2 Thượng Đế và các Thần, trang 576, như trên.

3 De Mirville, sách đã dẫn, như trên, trang 291. Nghe nói các ông Richardson và Barth đã lấy làm sửng sốt khi thấy trong Sa mạc Sahara các viên đá được dựng lên thành tam thạch tháp (trilithic) giống như những gì mà họ đã thấy tại Á Châu, Circassia, Etruria và ở khắp Bắc Âu. Ông Rivett-Carnac, Cử nhân hóa học, nhà khảo cổ lỗi lạc ở Allahabãd cũng lấy làm kinh ngạc khi thấy J. Simpson mô tả vết khắc giống hình cái ly trên các viên đá và tảng đá ở Anh, Tô Cách Lan và các xứ Tây phương khác; "chúng giống y như các dấu vết trên những tảng đá lục thạch tròn bao quanh các gò ở gần Nãgpur" – Thành phố Rắn. Học giả xuất chúng ấy thấy điều này là "một điều bổ sung rất đặc biệt khác nữa cho hàng đống chứng cứ… cho thấy rằng một nhánh các bộ lạc du mục trước kia vốn đã lan tràn khắp Châu Âu, thì nay cũng thâm nhập vào Ấn Độ". Chúng tôi xin nói Châu Lemuria, Châu Atlantis và những Người

346 *Đó là lịch sử*, quá khứ của cái thời tiền sử bảo đảm là những thời đại sau này cũng vậy. Các Đền thờ rồng, linh thiêng đối với Mặt Trăng và Con Rắn, chính là những "tảng đá định mệnh" cổ hơn của các quốc gia thời xưa. Còn chuyển động hay sự đu đưa của chúng là một qui luật hoàn toàn rõ rệt đối với các lễ sư được điểm đạo, chỉ các vị này là có chìa

---

khổng lồ, cùng với giống dân sơ khai nhất của Căn chủng thứ Năm, đều có tham gia vào các "tinh thạch" này, nói chung. Những dấu vết giống hình cái ly mà J. Simpson đã lưu ý và những chỗ trũng "chạm trổ trên mặt" của các tảng đá và các đền đài mà ông Rivett-Carnac thấy là "có nhiều kích thước khác nhau, đường kính biến thiên từ sáu inches đến một inch rưỡi, bề sâu từ một đến một inch rưỡi… thường được xếp theo những đường thẳng góc với nhau, trình bày nhiều sự hoán vị về số lượng kích thước và cách sắp xếp những cái ly"- chỉ là các *tài liệu bằng văn tự* của những giống dân xưa nhất. Bất cứ ai chịu khó xem xét kỹ lưỡng các hình vẽ lại các ký hiệu đó trong tác phẩm Các chú giải Khảo cổ học về nền Điêu Khắc Cổ truyền trên các Tảng đá ở Kumaon, Ấn Độ v.v… sẽ thấy trong đó có kiểu ký hiệu nguyên sơ nhất. Những kẻ phát minh người Mỹ, tìm ra bộ mật mã Morse để đánh điện tín – nó nhắc nhở chúng ta nhớ tới lối viết Ogham, một tổ hợp các vạch dài và ngắn mà ông Rivett-Carnac mô tả là được "khắc trên sa thạch" – đã chọn dùng một điều nào đó thuộc loại này. Thụy Điển, Na Uy và Bắc Âu đầy dẫy các tài liệu bằng *văn tự* như thế vì các chữ Rune căn cứ theo các ký hiệu hình cái ly cùng với các vạch dài và ngắn. Trong quyển sách khổ giấy gấp hai của Johannes Magnus, chúng ta có thể thấy tác giả trình bày vị bán thần người khổng lồ Starchaterus (Starkad, đệ tử của Pháp sư Hroszharsgrani) mỗi tay cầm một viên đá khổng lồ trên đó đầy dẫy các chữ Rune. Theo huyền thoại Bắc Âu, vị Starkad này đi tới Ái Nhĩ Lan, và hiển lộng thần thông ở Bắc và Nam, Đông và Tây. (Xem Asgard và các Thần, trang 218 – 221).

khóa giải *lối viết* cổ truyền. Vormius và Olaus Magnus chứng tỏ rằng các vị Quốc vương Bắc Âu đã được tuyển chọn theo chỉ thị của sấm giảng, nó nói điều đó xuyên qua "các tảng đá vĩ đại được các quyền năng vĩ đại của những người khổng lồ [thời xưa] nâng lên". Pliny cho rằng:

Ở Ấn Độ và Ba Tư, các Pháp sư đã phải tham khảo ý kiến của nàng (Otizoe của Ba Tư) để tuyển chọn các vị quốc vương của mình.[1]

Ông còn mô tả thêm rằng có một tảng đá che phủ Harpasa ở Á Châu, và ở một vị trí sao cho "chỉ cần dùng một ngón tay cũng có thể khiến cho nó kháng lại".[2] Thế thì tại sao các viên đá đu đưa ở Ái Nhĩ Lan, hoặc các viên đá Brimham ở Yorkshire lại cũng không được dùng để bói toán hoặc thông tri bằng sấm giảng giống như vậy? Các tảng đá khổng lồ nhất hiển nhiên là di tích của những người Atlantis; các tảng đá nhỏ hơn, chẳng hạn như các Tảng đá Brimham với các viên đá xoay vòng ở trên đỉnh, chính là các vật mô phỏng theo các linh thạch xa xưa hơn. Nếu các Giám mục thời Trung Cổ không hủy hoại các họa đồ của các *Đền thờ rồng* mà họ có thể tìm thấy, thì khoa học ắt còn biết nhiều hơn nữa về các điều này. [3] Thực ra, chúng tôi biết rằng chúng sẽ được dùng trên khắp thế giới trong các thời kỳ tiền sử dài đăng đẳng, và tất cả đều được dùng với cùng một mục đích là tiên tri và PHÁP THUẬT. É. Biot, một Viện sĩ của học viện Pháp, có ấn hành trên quyển Đồ Cổ nước Pháp (Quyển ix)

---

[1] Vạn Vật Học, XXXVII, liv.

[2] Như trên, II, xxxviii.

[3] Charton, Gian Hàng Hội Họa (Ấn bản năm 1853), trang 32. Do De Mirville trích dẫn, quyển iii, trang 293..

một bài chứng tỏ rằng Chãttam-parambu ([1]) ("cánh đồng chết", nghĩa là nghĩa địa thời xưa ở Malabar) ở cùng địa điểm với các ngôi mộ cổ ở Carnac; nghĩa là "một gò đất và một nấm mồ ở trung tâm". Người ta tìm thấy hài cốt ở các nấm mồ này, còn ông Halliwell cho chúng ta biết rằng một vài hài cốt này thật là khổng lồ, dân bản xứ gọi các nấm mồ này là "chỗ ở của các La sát", tức những người khổng lồ. Người ta thấy nhiều vòng tròn đá "xét công trình của năm vị Pãndu, cũng như tất cả mọi đền đài như thế ở Ấn Độ, nơi mà chúng thật là đầy dẫy", khi được mở ra theo lệnh của Quốc vương Vasariddi, "đều chứa các *hài cốt người có kích thước rất lớn*".([2])

347 Thế là De Mirville lại chí lý khi *tổng quát hóa*, nếu không phải là khi kết luận. Vì lý thuyết đã từng được hâm mộ từ lâu rồi cho rằng các Đền Thờ Rồng hầu như đều là bằng chứng của các "đại biến động địa chất trong thiên nhiên" (Charton) và "công trình của Thiên Nhiên" (Cambry) nay đã bị bác bỏ, nên ông đã nhận xét chí lý rằng:

> Chúng tôi khuyên khoa học nên suy gẫm…và trên hết, không có xếp các vị Titan và Người khổng lồ vào loại những huyền thoại nguyên sơ. Đó là vì công trình của họ hãy còn đó, sờ sờ ra trước mắt chúng ta, và các khối đu đưa này dễ dao động trên các đáy của mình cho tới tận cùng thế giới để giúp cho chúng nhận định được một lần chót rằng người ta không phải hoàn toàn là một ứng viên Charenton khi tin tưởng vào các kỳ quan mà toàn thể thời xưa đã chứng thực. ([3])

Đây chính là điều mà chúng ta không thể lặp đi lặp lại mãi, mặc dù có thể là cả nhà Huyền bí, lẫn tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã đều đang kêu gào trong sa mạc. Tuy nhiên, chẳng

---

[1] [Đây là một từ ngữ Malayãlam (Nam Ấn Độ)].

[2] T. A. Wise, Lịch sử Ngoại đạo ở Caledonia, trang 36.

[3] Được trích dẫn trong Các Vong Linh, như trên, trang 128.

ai lại không thấy rằng khoa học hiện đại cũng có những suy lý tiền hậu bất nhất, không nói thêm đâu, chẳng khác gì điều thuyết minh về cái gọi là Thánh Thư Khải Huyền của thần học thời xưa và thời Trung Cổ. Khoa học đã trình bày loài người thoát thai từ loài khỉ - một sự biến đổi cần tới nhiều triệu năm – thế nhưng nó lại không dám trình bày là nhân loại có nguồn gốc xa hơn 100 000 năm! Khoa học giảng dạy sự biến hóa dần dần của các giống loài, sự chọn lọc tự nhiên và sự tiến hóa từ loài thấp nhất đến loài cao nhất, từ loài nhuyễn thể đến loài cá, từ loài bò sát tới loài chim và động vật hữu nhũ – thế nhưng nó không chịu chấp nhận cho con người, xét về mặt sinh lý, y chỉ là một động vật hữu nhũ cao cấp, có hình hài bị biến đổi như thế. Nhưng nếu con quái vật kỳ đà long (Iguanodon) ở Wealden có thể đã là tổ phụ của con kỳ đà nhỏ bớt thời nay, thì tại sao con người quái gở trong Giáo Lý Bí Nhiệm lại không thể trở thành con người hiện nay – nối liền con vật và thiên thần? Trong "thuyết" này có gì là phản khoa học hơn thuyết không chịu chấp nhận con người có một Chơn Ngã bất tử, khiến y biến thành một người máy, đồng thời xếp y vào một loại riêng biệt trong Thiên Nhiên chăng? Huyền bí học có thể không có tính cách khoa học bằng khoa học chính xác hiện đại, tuy nhiên, chúng có giáo lý hợp lý và "trước sau như một" hơn. Các lực vật lý và ái lực tự nhiên của các nguyên tử đủ để làm các yếu tố biến đổi một cây cỏ thành một con thú. Thế nhưng chỉ riêng sự tương tác giữa một vài tập hợp vật chất và môi trường xung quanh thôi, không đủ để khai sinh ra *người hữu thức trọn vẹn*, cho dù thật ra y chẳng có gì khác hơn là một nhánh nhóc giữa hai "anh em bà con khốn khổ" ("Poor cousins") của bộ động vật bốn chân. Huyền bí học thừa nhận với Haeckel rằng Sự Sống (hữu hình) trên Địa Cầu "là một định đề hợp lý của

khoa vạn vật học". Nhưng nó lại nói thêm rằng việc bác bỏ sự giáng hạ tiến hóa giống như vậy từ *nội tâm ra ngoại cảnh* của Sự Sống Tinh Thần nội tâm vô hình – một Nguyên khí Vĩnh cửu trong Thiên Nhiên- thật là vô lý, nếu có, hơn việc bảo rằng Vũ trụ và tất cả những gì bao hàm trong đó đều đã được kiến tạo dần dần bởi "các lực mù quáng" cố hữu nơi Vật Chất, mà không có một *sự ngoại viện* nào. Giả sử một nhà
348 Huyền bí phải tuyên bố rằng chiếc đại phong cầm đầu tiên của một nhà thờ chính, thoạt tiên đã ra đời như sau: thoạt đầu không gian có một sự đào luyện dần dần và tiệm tiến thành ra một vật liệu hữu cơ, kết quả là tạo ra một trạng thái vật chất được gọi là chất PROTEIN *hữu cơ*; kế đó do tác dụng của các lực ngẫu nhiên, các trạng thái này đã bị ném vào một giai đoạn cân bằng không ổn định, chúng dần dần uy nghi tiến hóa thành các tổ hợp mới mẻ của gỗ chạm trổ và đánh bóng của kim gút và kim bằng đồng thau, của da và ngà voi, khí quản và ống bễ; sau đó, khi các bộ phận của nó đã được điều chỉnh thành ra một chiếc máy hài hòa và cân xứng, chiếc phong cầm đột nhiên trỗi lên bài Kinh cầu hồn của Mozart; tiếp theo là một tấu khúc của Beethoven v.v… cho tới vô tận, các phím đàn của nó tự hoạt động, gió thổi vào trong các khí quản do lực và sở thích cố hữu của riêng nó. Khoa học ắt sẽ bảo sao về một thuyết như vậy? Thế nhưng các nhà *bác học* duy vật bảo với chúng ta rằng Vũ Trụ - với hàng triệu sinh linh và con người, tột điểm tâm linh của nó – đã được tạo ra như thế đấy.

Cho dù Herbert Spencer thực ra trong thâm tâm có nghĩ gì đi chăng nữa, khi viết về đề tài sự tiến hóa dần dần của các giống loài, thì các lời của ông cũng áp dụng được cho giáo lý chúng ta.

Nếu giải thích theo khía cạnh tiến hóa thì mọi loại thực thể đều được xem như là sản phẩm của những sự tiến hóa được tạo ra do những sự tiến triển nhỏ nhặt *của một loại thực thể đã tồn tại từ trước*.([1])

Thế thì trong trường hợp này tại sao con người lịch sử lại không phải là sản phẩm của một sự biến đổi một loại người tiền sử đã tồn tại từ trước, thậm chí giả sử để tiện việc luận chứng rằng bên trong hắn *chẳng có gì* tồn tại lâu dài hơn, hoặc sinh hoạt độc lập với thể xác của hắn? Nhưng không phải như thế đâu! Đó là vì khi chúng tôi được dạy bảo rằng "các chất hữu cơ được tạo ra trong phòng thí nghiệm bởi cái mà chúng ta có gọi theo sát nghĩa là sự *tiến hóa nhân tạo*" ([2]) - chúng tôi xin trả lời vị triết gia lỗi lạc người Anh rằng các nhà Luyện kim đan và các Cao đồ đã làm giống như vậy, và thật ra còn hơn thế nhiều, trước khi mà các nhà hóa học đã "thử ra sức kiến tạo các nguyên tố rời rạc thành các tổ hợp phức tạp". Những Người khổng lồ (Homunculi) của Paracelsus là một sự kiện trong khoa Luyện kim đan, và rất có thể là sẽ trở thành một sự kiện trong hóa học, thế rồi con quái vật Frankenstein của bà Shelly sẽ phải xem là một lời tiên tri. Nhưng không một nhà hóa học hoặc Luyện kim đan nào, sẽ phú cho con quái vật như vậy một điều gì khác hơn là bản năng động vật, trừ phi y thực sự làm điều mà người ta tin rằng các "Thủy Tổ" đã làm, nghĩa là bỏ Xác Phàm của chính mình để đầu thai vào "Hình Hài Trống Rỗng" ("Empty Form"). Nhưng ngay cả điều này cũng là một *điều giả tạo*, chứ không phải là một người tự nhiên, vì trong diễn trình tiến

[1] Sinh Lý Học Khảo Lược, trang 144.

[2] Các Nguyên Lý của Sinh Học, Phụ lục, trang 482.

hóa vĩnh cửu, các "Thủy Tổ" của chúng ta phải trở thành các vị *Thần* trước khi họ trở thành Con Người.

Phần lạc đề trên đây – nếu đó thật sự là lạc đề - là một toan tính để biện minh với một vài người có suy tư của thế kỷ sắp tới và những kẻ có thể đọc được điều này.

349 Nó cũng trình bày lý do tại sao những người có xu hướng tâm linh nhất hiện nay không còn thỏa mãn với cả khoa học lẫn thần học, và tại sao họ thích bất kỳ "sự điên cuồng tâm linh" nào hơn là những điều khẳng định giáo điều của cả hai bên, vì không bên nào trình bày điều gì khác hơn là đức tin *mù quáng* rằng mình không hề sai lầm. Truyền thuyết *Đại đồng thế giới* là kim chỉ nam hết sức an toàn trong cuộc sống. Và truyền thuyết đại đồng thế giới chứng tỏ rằng Con người Nguyên sơ đã sống trong hàng thời đại cùng với các Đấng Sáng Tạo và các vị Huấn Sư của mình – Elohim - trong "Vườn Địa Đàng" hay "Lạc Viên" của Thế giới.([1])

45. NHỮNG TRẬN NƯỚC LỤT ĐẦU TIÊN ĐÃ XẢY RA. CHÚNG NHẬN CHÌM BẢY HÒN ĐẢO LỚN (a).

46. TẤT CẢ NHỮNG NGƯỜI THÁNH THIỆN ĐỀU ĐƯỢC CỨU THOÁT, NHỮNG KẺ BẤT HẢO BỊ DIỆT VONG. CÙNG BỊ TIÊU DIỆT VỚI NHỮNG NGƯỜI NÀY LÀ HẦU HẾT CÁC CON THÚ KHỔNG LỒ, ĐƯỢC TẠO RA TỪ MỒ HÔI CỦA TRÁI ĐẤT (b).

a. Vì đề tài này – trận Đại hồng thủy thứ tư trên Địa Cầu trong cuộc Tuần Hoàn này – sẽ được bàn tới rốt ráo trong Tiết tiếp theo ĐOẠN KINH cuối cùng, nên hiện nay, nói thêm một điều nào nữa ắt chỉ là một sự đi trước mà thôi. Bảy Hòn Đảo Lớn (Dvīpas) thuộc về Lục địa Atlantis. Giáo lý Huyền

[1] Chúng ta bàn về các Huấn Sư trong ĐOẠN XII.

môn cho biết rằng cơn Đại hồng thủy đến với Giống dân thứ Tư Khổng lồ không phải vì sự sa đọa của họ, hay bởi vì họ trở nên "đen tối vì tội lỗi", mà đó chỉ là vì định mệnh của mỗi lục địa, cũng như tất cả mọi vật ở dưới bóng mặt trời phải trải qua những giai đoạn thành, thịnh, suy, hủy. Việc xảy ra khi Giống dân thứ Năm còn ấu trĩ.

b. Như thế, những Người Khổng Lồ bị tiêu diệt – truyền thuyết hoang đường của dân gian nói thêm rằng đó là các Pháp sư và các Phù thủy. Nhưng "tất cả những người thánh thiện được cứu thoát", chỉ có "những kẻ bất hảo là bị hủy diệt". Tuy nhiên, việc ấy cũng là do sự *tiên tri* của những người "thánh thiện", họ vẫn còn quyền năng sử dụng Con Mắt Thứ Ba của họ, cũng như do Nghiệp Quả báo ứng và Định Luật Thiên Nhiên. Nói về Giống dân kế tiếp, Giống dân thứ Năm chúng ta, Thiên bình luận viết:

Chỉ có một thiểu số những Kẻ được chọn mà các Đấng Giáo Huấn của họ sẽ giáng phàm trên Đảo Thiêng –"từ đó vị Cứu Thế cuối cùng sẽ đến"- giữ cho nhân loại khỏi giết hại lẫn nhau [như họ đang làm trong thời buổi hiện tại –H.P.B.]. Nhân loại trở nên chia rẽ. Hai phần ba nhân loại bị cai trị bởi những Triều đại của những Chơn Linh thấp kém, vật chất của Trái Đất, họ chiếm lấy thể xác để nhập vào; còn một phần ba vẫn trung kiên và gia nhập với Giống dân thứ Năm đang trưởng thành – các Đấng Hóa Thân Thiêng Liêng. Khi hai Cực (của trái đất-LND) chuyển động [lần thứ tư] điều này sẽ không ảnh hưởng gì đến những người được che chở và tách rời khỏi Giống dân thứ Tư. Cũng như Giống dân Lemurians – chỉ có những người Atlantis bất hảo, đọa lạc mới bị diệt vong và "không còn thấy nữa"…!

350

ĐOẠN KINH 12

GIỐNG DÂN THỨ NĂM VÀ CÁC ĐẤNG CHƯỞNG GIÁO THIÊNG LIÊNG

(THE FIFTH RACE AND ITS DIVINE INSTRUCTORS)

47. Các tàn dư của hai Giống dân đầu tiên đã biến mất mãi mãi. Các nhóm dân Atlantis khác nhau được cứu thoát khỏi trận Đại Hồng thủy cùng với các Thủy Tổ của Giống dân thứ Năm chúng ta hiện nay. 48. Cội nguồn của Giống dân thứ Năm hiện nay của chúng ta. Các Triều đại Thiêng liêng đầu tiên. 49. Các tia sáng lờ mờ xa xưa nhất trong lịch sử nay lại được gắn liền vào một niên đại ký ẩn dụ của Thánh kinh, và lịch sử "thế giới" mù quáng đi theo nó. Bản chất các vị Giáo huấn và Khai hóa tiền phong của nhân loại.

47. ÍT NGƯỜI CÒN LẠI. MỘT SỐ NGƯỜI DA VÀNG, MỘT SỐ DA NÂU VÀ ĐEN, VÀ MỘT SỐ DA ĐỎ ĐÃ Ở LẠI. NHỮNG NGƯỜI DA MÀU MẶT TRĂNG ĐÃ ĐI LUÔN KHÔNG CÒN TRỞ LẠI (a).

48. GIỐNG DÂN THỨ NĂM ĐƯỢC TẠO RA TỪ NGUỒN GỐC THIÊNG LIÊNG ĐÃ Ở LẠI; GIỐNG DÂN NÀY ĐƯỢC CAI TRỊ BỞI NHỮNG VỊ THÁNH VƯƠNG ĐẦU TIÊN.

49. … [CÁC CON RẮN] ĐÃ GIÁNG LÂM TRỞ LẠI, ĐÃ LÀM HÒA THUẬN VỚI GIỐNG DÂN THỨ NĂM, ĐÃ DẠY DỖ VÀ GIÁO HÓA NÓ (b)…

a. Câu kinh 47 này nói về Giống dân thứ Năm. Lịch sử không bắt đầu với Giống dân này, nhưng truyền thống thì vẫn luôn luôn nhắc đến nó. Lịch sử - hay cái gọi là lịch sử - không đi xa hơn những nguồn gốc hoang đường của phụ chủng thứ năm của chúng ta, chỉ có "vài ngàn năm" trở lại đây. Câu nói "một số người da vàng, một số da nâu và đen, và một số da đỏ ở lại" là nói về phân chi của phụ chủng thứ

nhất của Giống dân thứ Năm. Những người "da màu mặt trăng"- tức là Giống dân thứ Nhất và Giống dân thứ Hai – đã đi luôn không để lại dấu vết. Lùi về dĩ vãng tới tận trận Đại hồng thủy của dân Lemuria (Giống dân thứ Ba), đuôi con "Rồng Lớn" quét sạch các quốc gia ra khỏi mặt đất chỉ trong một cái chớp mắt. Đó là ý nghĩa thực sự của câu kinh trong Thiên bình luận sau:

CON RỒNG LỚN chỉ kiêng nể có CON RẮN MINH TRIẾT mà thôi, những Con Rắn mà hiện nay đang ở dưới Tảng đá Ba góc.

Tức là "các Kim tự tháp ở bốn phương của thế giới".

b. Câu này nói rõ điều đã được đề cập đến nhiều lần trong Thiên bình luận, tức là các bậc Tiên Thánh hay các Đấng Thông Tuệ của ba Giống dân (thứ Ba, thứ Tư và thứ Năm) ngụ trong những nơi trú ẩn dưới lòng đất, thường là ở dưới hầm của một kiến trúc hình kim tự tháp, nếu không là một kim tự tháp thực sự. Những "kim tự tháp" ấy vốn có ở "bốn phương trời" chứ không phải chỉ là độc quyền sở hữu của quê hương các vị vua Pharaons (tiếng Anh: Pharaohs), trước khi người ta tìm thấy các kim tự tháp ấy ở rải rác khắp nơi tại Nam Mỹ và Bắc Mỹ, trên mặt đất cũng như dưới hầm, dưới
351 lòng đất và ở những khu rừng thiêng chưa từng có chân người đến, cũng như ở trên đồng bằng hay thung lũng, thì người ta vẫn tưởng rằng chúng là những tài sản độc đáo của Ai Cập mà thôi. Nếu những kim tự tháp thực sự không còn được tìm thấy nữa ở các xứ Châu Âu, thì nhiều hang động khoét trong núi đá, những tháp nhọn ba góc, hình bánh ít hay hình nón lá ở xứ Morbihan và Brittany, nhiều tháp tương tự ở Dan Mạch và chí đến những "ngôi mộ khổng lồ" ở đảo Sardaigne (Sardinia) đều là những bản sao ít vụng về của các kim tự tháp. Phần lớn những tháp này là công trình của

những người định cư trên lục địa và trên những cù lao ở Châu Âu mới hình thành. Họ là "một số người da vàng, một số da nâu và đen, và một số da đỏ" đã sống sót sau vụ tai biến nhận chìm những lục địa và cù lao cuối cùng của Châu Atlantis cách đây 850 000 năm và trước khi những người của chủng tộc Ãryan xuất hiện. Còn những ngọn tháp khác là công trình xây cất của những giống người từ phương Đông đến định cư tại đây. Những kẻ nào khó có thể chấp nhận việc con người có nguồn gốc xa xưa tới 57 000 năm, tuổi mà Tiến sĩ Dowler đã gán cho bộ xương mà ông tìm thấy ở New Orleans trên bờ sông Mississipi, dĩ nhiên, sẽ bác bỏ các sự kiện này. Nhưng một ngày kia, có thể họ sẽ thấy là mình đã sai lầm. Chúng ta có thể làm hạ giảm sự tự tôn vinh một cách điên rồ của dân Arcad, giống dân này tự cho là mình "già hơn Mặt Trăng", và dân tộc Attica, dân tộc này tự cho là mình đã tồn tại trước khi Mặt Trời xuất hiện trên Bầu Trời – nhưng không chối bỏ được nguồn gốc xa xưa của họ. Chúng ta cũng không thể chế nhạo niềm tin tưởng đại đồng thế giới cho rằng chúng ta có các vị tổ tiên khổng lồ. Sự kiện rằng hài cốt của loài khổng tượng và trụ nha tượng, và có khi là hài cốt của một con kỳ nhông khổng lồ, đã bị nhầm lẫn là hài cốt người, không hề dẹp tan được điều khó hiểu sau đây: trong tất cả động vật hữu nhũ, con người là loài duy nhất mà khoa học sẽ không cho phép nhỏ bớt đi, giống như tất cả những con thú khác, từ một người khổng lồ thời Hồng Thủy (giant Homo Diluvii) biến thành một tạo vật chỉ cao từ năm đến sáu feet như hiện nay.

Nhưng các "Rắn Minh Triết" đã bảo tồn kỹ lưỡng được các tài liệu của mình, và lịch sử tiến hóa của loài người được truy nguyên trên Trời cũng như trên các nhân loại và các vì

Sao có liên hệ chặt chẽ với nhau, vì có các *Đấng Thông Tuệ* chưởng quản các vì sao.

Các nhà biểu tượng học hiện tại có thể chế giễu các điều này và gọi là điều "hoang đường", nhưng Staniland Wake lại cho rằng :

Nhất định trong huyền thoại của một vài dân tộc Đông phương, trận Đại hồng thủy đã từng liên hệ chẳng những với các Kim tự tháp mà còn với các chòm sao nữa. ([1])

"Cựu Long"("Old Dragon") lại đồng nhất với trận "Đại hồng thủy". Ông Proctor cho rằng:

Chúng ta biết rằng trong quá khứ, chòm sao Thiên Long ở Cực, hoặc chỗ lồi lên của Thiên cầu. Trong các đền thờ sao … chòm sao Thiên Long ắt là chòm sao tột đỉnh hoặc chủ quản … Thật là kỳ diệu, khi những chòm sao này … lại tương quan vô cùng chặt chẽ
352 từng phần một trong chuỗi những sự kiện diễn tiến được ghi nhận là liên quan tới trận Đại hồng thủy [trong Thánh kinh]. ([2])

Tuy nhiên, , lý do của sự *kỳ diệu* này đã được minh giải đầy đủ trong tác phẩm này. Nó chỉ chứng tỏ rằng có *nhiều* trận Đại hồng thủy lẫn lộn trong ký ức và truyền thuyết của những phụ chủng của Giống dân thứ Năm. Trận Lụt đầu tiên có ý nghĩa về thiên văn và vũ trụ, còn những trận lụt khác thuộc về *địa cầu*. Thế nhưng, ông bạn Gerald Massey rất thông thái của chúng ta – một người thực sự được điểm hóa vào các bí nhiệm của Viện Bảo Tàng Anh Quốc, song vẫn chỉ là một người tự điểm hóa (self-initiate) – đã tuyên bố và nhấn mạnh rằng sự đắm chìm Châu Atlantis và trận Đại hồng thủy chỉ là các điều tưởng tượng được nhân cách hóa của người

[1] Xem Các Đại Kim Tự Tháp.

[2] Tri Thức, Quyển I, trang 243; do Staniland Wake, sách đã dẫn, trang 81-83.

thiếu hiểu biết, và Châu Atlantis chẳng có gì khác hơn là một "ẩn dụ thiên văn". Nhưng đại ẩn dụ Hoàng Đạo lại dựa vào các biến cố lịch sử và ẩn dụ khó lòng có thể dính dáng tới lịch sử; hơn nữa, mọi môn sinh Huyền bí học đều biết ẩn dụ thiên văn và hoàng đạo là gì. Tiến sĩ Smith trình bày chân ý nghĩa ẩn dụ trong bản Anh hùng ca Nimrod của các thần biểu Assyria:

[Mười hai đoạn thơ của nó] nhắm nói tới hành trình hằng năm của Mặt Trời qua mười hai tháng trong một năm. Mỗi thần biểu tương ứng với một tháng đặc biệt và một điều đặc biệt ám chỉ các hình dạng thú vật trong các Cung Hoàng Đạo… [đoạn thứ mười một] dành riêng cho Rimmon, Thần mưa bão, và tương ứng với cung Hoàng Đạo thứ mười một – cung Bảo Bình. ([1])

Nhưng trong các Tài liệu cổ, trước cả điều này cũng có trận Lụt tiền thiên văn, nó đã được ẩn dụ hóa và biểu tượng hóa thành trận Đại hồng thủy Noah hay Hoàng Đạo nêu trên. Nhưng điều này chẳng dính dáng gì tới Châu Atlantis. Các Kim Tự Tháp có liên quan chặt chẽ với những ý niệm về chòm sao Đại Long, các "Rồng Minh Triết", tức là các bậc đại Điểm Đạo của Giống dân thứ Ba và Giống dân thứ Tư, và những trận ngập lụt của sông Nile được xem như một sự nhắc nhở của thiêng liêng về trận Đại hồng thủy ở Châu Atlantis. Tuy nhiên, những dữ kiện về thiên văn của Lịch sử toàn diện của Vũ Trụ được xem như bắt đầu với phụ chủng thứ ba của Giống dân thứ Tư hay Atlantis. Nó tồn tại từ bao giờ? Giáo lý Huyền môn cho biết rằng kể từ thời kỳ thiết lập những phương pháp tính toán thiên văn theo Hoàng Đạo ở Ai Cập, *hai cực của trái đất đã trải qua ba lần đảo lộn*.

[1] Thế kỷ Mười Chín, ấn bản 1882, trang 236; do Staniland Wake, như trên, trang 82.

Nay chúng ta sẽ trở lại phát biểu này. Các biểu tượng được biểu diễn bằng các Cung Hoàng Đạo – một sự kiện mà các nhà Duy vật đã dựa vào các thuyết và ý nghĩa một chiều (thiên vị) của mình vào đó – có một ý nghĩa quá thâm thúy và các tác dụng quá quan trọng đối với Nhân loại, nên chúng ta không thể bác bỏ bằng một ít lời được. Trong khi đó, chúng ta phải xét tới ý nghĩa của phát biểu trong Câu kinh 48 liên quan tới các "Thánh Vương đầu tiên", nghe nói các Ngài đã "tái giáng lâm" dẫn dắt và giáo huấn Giống dân thứ Năm
353 chúng ta sau khi có trận Đại hồng thủy cuối cùng! Chúng ta sẽ xét lời khẳng định cuối cùng này về mặt lịch sử trong các Tiết sắp tới, nhưng chúng ta phải kết thúc bằng một vài chi tiết thêm nữa bàn về đề tài "Rắn".

Các giảng lý sơ lược về các ĐOẠN KINH Cổ sơ phải chấm dứt ở đây, muốn minh giải thêm nữa, cần phải có các bằng chứng rút ra từ các tác phẩm thời xưa, thời nay và thời Trung cổ vốn đã bàn về các đề tài này. Nay chúng ta đã thu thập, đối chiếu và sắp xếp tất cả các bằng chứng này lại cho có thứ tự hơn, để độc giả bắt buộc phải quan tâm tới các chứng cớ lịch sử này. Và vì chúng ta không bao giờ có thể quá nhấn mạnh tới ý nghĩa đa tạp của biểu tượng kỳ quặc và gợi ý (rất hay được nhắc đến) về "kẻ quyến rũ con người" – theo khía cạnh chính thống của Giáo hội – nên dường như chúng ta cần phải bàn rốt ráo về đề tài này trong giai đoạn này, cho dù có nguy cơ là phải lặp đi lặp lại. Các vị Khổng lồ Titan và Kabir bao giờ cũng được các nhà thần học và một vài nhà biểu tượng học ngoan đạo trình bày là có liên quan mật thiết với nhân vật quái gở được mệnh danh là "Ma Quỷ", và mọi bằng chứng nghịch lại thuyết này cho đến nay bao giờ cũng bị bác bỏ và lờ đi. Do đó, nhà Huyền bí không được bỏ qua bất cứ

điều gì có thể có khuynh hướng phá rối âm mưu vu khống này. Và vì thế chúng tôi xin đề nghị chia các đề tài bao hàm trong ba Câu kinh chót này thành ra nhiều nhóm và xem xét chúng một cách cẩn thận và rốt ráo hết mức. Như thế, chúng ta có thể ghi thêm một vài chi tiết nữa vào các bằng chứng tổng quát thời xưa dựa vào các giáo điều bị dị nghị nhiều nhất của Huyền bí học và Nội môn Bí giáo – tuy nhiên, chúng ta sẽ tìm thấy đa số các điều đó trong Quyển 4, Phần 2, bàn về Biểu tượng ký.

RẮN VÀ RỒNG TRONG NHIỀU BIỂU TƯỢNG KÝ KHÁC NHAU.

Ở Chaldea, tên của Con Rồng không được viết ra để phát âm, mà là được biểu diễn bằng hai chữ kết, theo các nhà Đông phương học, hai chữ này có nghĩa là "con vật có vảy". G. Smith đã nhận xét rất thích đáng rằng: "Dĩ nhiên là sự mô tả này có thể áp dụng cho, hoặc là một con rồng huyền thoại hoặc là một con rắn hay là một con cá". Chúng ta có thể nói thêm rằng về một phương diện nào đó, điều này áp dụng cho Makara, Cung Hoàng Đạo thứ mười, từ ngữ Bắc Phạn để chỉ con vật lưỡng cư khó tả, thường được gọi là con sấu, nhưng thật ra có nghĩa là một điều gì khác nữa. Thế thì, đây thực sự là một sự công nhận rằng dù sao đi nữa, các nhà nghiên cứu về Assyria chẳng biết gì chắc chắn về tình trạng của Con Rồng ở cổ Chaldea. Người Hebrew đã kế thừa biểu tượng ký của Chaldea, có điều là sau đó các tín đồ Thiên Chúa giáo đã cướp lấy nó, họ đã trình bày "con vật có vảy" là một thực thể sống động và một quyền năng độc ác.

Chúng ta có thể thấy một kiểu mẫu Rồng "có cánh và có vảy" trong Viện Bảo Tàng Anh quốc. Cũng như nhân vật có thẩm quyền nêu trên trong việc trình bày các biến cố này về

354 sự Sa Đọa, cũng có hai gương mặt ngồi ở mỗi bên của một "cây" và cầm "trái táo" trên tay, trong khi ở đàng sau "cái cây" là Rồng-Rắn. Xét về mặt bí truyền, hai nhân vật này là hai "người Chaldea" sẵn sàng được Điểm đạo, Con Rắn tiêu biểu cho Đấng Điểm Đạo; còn các Thần ghen tỵ, đọa đày của ba vị trên, chính là hàng giáo phẩm thế tục ngoại môn. Bất cứ nhà Huyền bí nào cũng có thể thấy là ở đó chẳng có bao nhiêu "biến cố trong Thánh kinh" theo sát nghĩa !

ĐOẠN KINH dạy: "Đại Long chỉ tôn kính các Rắn Minh Triết", như thế là nó đã chứng minh rằng lời giải thích của chúng tôi về hai nhân vật và "Con Rắn" thật là chính xác.

"*Các Con Rắn đã tái lâm, … dạy dỗ*" Giống dân thứ Năm. Ngày nay liệu một người minh mẫn nào có thể tin rằng ở đây người ta muốn nói tới những con rắn *thực sự*? Vì thế mới có sự phỏng đoán – nay hầu như đã trở thành một công lý đối với các nhà khoa học – rằng cổ nhân đã có viết về đủ loại Rồng và Rắn thiêng liêng, đều hoặc là mê tín dị đoan, dễ tin, hoặc là có khuynh hướng lừa gạt những kẻ dốt nát hơn mình. Thế nhưng, từ thời Homer trở đi, từ ngữ trên ám chỉ một điều gì mà kẻ phàm tục không tài nào hiểu được.

"Khi các vị Thần biểu lộ thì họ thật là khủng khiếp"- đó là các vị *Thần* mà loài người gọi là *Rồng.* Trong tác phẩm Bàn về Thế Giới Sinh Vật, khi đề cập tới các biểu tượng rắn này, Aelianus đã đưa ra một vài nhận xét chứng tỏ rằng ông thừa hiểu bản chất của những biểu tượng tối cổ này. Như thế, khi nhắc đến câu thơ nói trên của Homer, ông đã giải thích thật là thích đáng rằng:

Đó là vì, mặc dù linh thiêng và được thờ phụng, song Con Rồng có bao hàm một điều gì có bản chất còn thiêng liêng hơn nữa mà tốt hơn là [những kẻ khác?] không nên biết tới.([1])

Biểu tượng "Rồng" có một ý nghĩa thất nguyên, và trong số ý nghĩa này, chúng ta chỉ có thể trình bày một ý nghĩa cao nhất là "Đấng Tự Sinh", Thiên Đạo (Logos), Đấng Bất Sinh Bất Diệt của Ấn Độ. Đối với các tín đồ Thiên Chúa giáo theo phái Ngộ Đạo, được mệnh danh là các kẻ thờ Rắn; đó chính là Ngôi Hai của Ba Ngôi, tức là Ngôi Con. Ngài có biểu tượng là chòm sao Thiên Long.([2]) Bảy "Ngôi Sao" của nó là bảy ngôi sao "Thủy và Chung" ("Alpha and Omega") cầm trong tay, theo Thánh Thư Khải Huyền. Theo ý nghĩa thế tục nhất, từ ngữ "Rồng" được dùng cho những người "Minh Triết".

Phần biểu tượng ký tôn giáo cổ truyền này rất bí hiểm và huyền bí, và kẻ phàm tục ắt không thể hiểu được. Ngày nay, bên tai các tín đồ Thiên Chúa giáo, vẫn inh ỏi lời than phiền rằng mặc dù thời hiện đại vẫn khoe rằng mình văn minh, song nó hầu như không thể không bị xem là một sự tố cáo trực tiếp nhất nhắm vào các giáo điều được ưa chuộng nhất
355 của Thiên Chúa giáo. Lấy công tâm mà nói, thì muốn bàn về một đề tài như thế, cần phải có ngòi bút và siêu tài của Milton; thi ca hư cấu của ông ngày nay đã bén rễ trong Giáo hội như là một giáo điều Thiên khải.

---

[1] Sách đã dẫn, XI, xvii.

[2] Trong tác phẩm Vén Màn Bí Mật Ba Ngôi Thiên Chúa, H. Lizeray chứng tỏ rằng Con Rồng, được đặt ở giữa Ngôi Cha thường trụ (Cực, điểm cố định) và Vật Chất vô thường, Rồng đã truyền cho các tác dụng mà nó nhận được từ Ngôi Cha, vì thế nó mới được mệnh danh là Ngôi Lời (Verbum).

Liệu ẩn dụ về Con Rồng và giả sử là người đã chinh phục được nó ở trên Trời, có nguồn gốc với Thánh John trong Thánh Thư Khải Huyền chăng? Chúng tôi xin quả quyết rằng không. Con Rồng của Thánh John là Thần Neptune, biểu tượng của Pháp thuật Atlantis.

Để chúng tôi có thể chứng minh sự phủ nhận này, xin độc giả hãy xét biểu tượng ký về Rắn hoặc Rồng với nhiều khía cạnh.

CÁC CHỮ TƯỢNG HÌNH VŨ TRỤ VÀ TINH ĐẨU
(THE SIDEREAL AND COSMIC GLYPHS)

Mọi nhà thiên văn học – không kể các nhà Huyền bí và nhà chiêm tinh – đều biết rằng, nói một cách bóng bẩy, thì Tinh Tú Quang, Ngân Hà, Đường đi của Mặt Trời tới Bắc và Nam chí tuyến, cũng như là các Vòng của Năm Vũ Trụ hoặc Năm Thái Dương, luôn luôn được gọi là "Rắn" trong thuật ngữ ẩn dụ và thần bí của các Cao đồ.

Điều này như thế đấy, xét về mặt vũ trụ cũng như là ẩn dụ. Poseidon là một "Con Rồng" – Con Rồng "Clozzar, mà kẻ phàm tục gọi là Neptune" theo các môn đồ phái Ngộ Đạo Peratae, "Linh Xà", Đấng Cứu Thế của những kẻ thờ Rắn, biểu tượng trên trời của nó là chòm sao Thiên Long.

Nhưng chúng ta phải phân biệt tính chất của những loại khác nhau của biểu tượng này. Nay Nội môn Bí giáo của Bái Hỏa giáo lại đồng nhất với Giáo Lý Bí Nhiệm. Khi một nhà Huyền bí thấy trong tác phẩm Vendĩdãd có những lời than phiền về "Rắn", các vết cắn của nó đã biến mùa xuân vĩnh cửu tươi đẹp của Airyana Vaẽjõ thành ra mùa đông, sinh ra bệnh tật và chết chóc, cũng như là sự tàn phá trí tuệ và tâm linh - thì y biết rằng con Rắn đó ám chỉ Bắc Cực, cũng như là

Cực của các cõi Trời. ([1]) Hai trục này tạo ra các mùa tùy theo góc nghiêng của chúng với nhau. Hai trục này *không còn song song với nhau nữa*; vì thế mùa xuân vĩnh cửu của Airyana Vaẽjõ "do dòng sông hiền hòa Dãitya" đã biến mất và vị "pháp sư Ãryan Maggi phải di cư tới Sogdiana" – theo lối tường thuật ngoại môn. Nhưng Nội môn Bí giáo xác nhận rằng cực đã chuyển sang xích đạo và "Lạc Cảnh Bồng Lai" ("Land of Bliss") của Giống dân thứ Tư mà nó đã kế thừa của Giống dân thứ Ba nay đã trở thành vùng đất hoang vu và buồn khổ. Chỉ riêng sự kiện này cũng phải là một bằng chứng không thể chối cãi được về nguồn gốc rất xa xưa của Thánh kinh Bái Hỏa giáo. Nhưng người Tân Ãryan thuộc thời hậu Đại hồng thủy dĩ nhiên là khó lòng có thể nhận ra được các ngọn núi mà trên đỉnh của chúng các tổ phụ của họ đã giáp mặt với Trận Lụt, và đàm thoại với các vị "Yazatas"
356 thuần khiết hay các Tinh Quân Ngũ Hành, mà họ đã chia xẻ sự sống và trận lụt. Eckstein đã chứng tỏ rằng:

> Tác phẩm Vendĩdãd dường như đã vạch ra sự đổi thay triệt để trong bầu không khí của Trung Á; các trận núi lửa phun dữ dội và sự sụp đổ của toàn bộ một rặng núi ở gần dãy núi Kara-Korum.([2])

Theo Eusebius, lạ lùng thay ông đã từng trình bày chân lý, người Ai Cập đã tượng trưng Vũ Trụ bằng một vòng tròn lớn rực cháy với một con rắn có một đầu diều hâu nằm băng qua đường kính của nó.

Ở đây, chúng ta thấy cực của trái đất bên trong mặt phẳng của Hoàng Đạo kèm theo mọi hậu quả nóng bỏng ắt phải xuất phát từ một tình trạng bầu trời như thế; trong khi hơn

---

[1] Được người Ai Cập tượng trưng dưới dạng con rắn có đầu diều hâu.

[2] Tạp chí Khảo Cổ Học, năm 1885.

25.000 năm toàn thể Hoàng Đạo ắt đã phải "đỏ ửng vì ánh quang huy của mặt trời" và *mỗi cung ắt phải thẳng đứng so với vùng cực. (1)*

Như đã giải thích trước kia, Núi Tu Di (meru) Chỗ trú của chư Thiên, được định vị ở Bắc Cực, còn Pãtãla (Địa Ngục) được giả sử là hướng về phía Nam. Vì trong Nội môn Bí giáo, mỗi biểu tượng đều có *bảy* chìa khóa, nên xét về mặt địa lý, Núi Tu Di và Địa Ngục có một ý nghĩa tượng trưng cho các địa điểm, còn xét về mặt thiên văn, chúng lại có một ý nghĩa khác và ám chỉ "hai cực". Ý nghĩa vừa nêu khiến cho trong ngoại môn hiển giáo của các chi phái, người ta thường gọi chúng là "Núi" và "Âm Phủ", hoặc Thiên Đường và Địa Ngục. Nếu hiện giờ người ta chỉ xét tới ý nghĩa thiên văn và địa lý, thì chúng ta có thể thấy rằng Cổ nhân đã biết tới thuật vẽ bản đồ và bản chất của các vùng Bắc Cực và Nam Cực còn nhiều hơn bất kỳ nhà thiên văn học hiện đại nào. Họ cũng có lý lắm chứ, vì đã gọi một thứ là "*Núi*", còn thứ kia là "*Âm Phủ*". Tác giả vừa dẫn đã giải thích rằng Helion và Acheron cũng có nghĩa gần như nhau. "Heli-on là Mặt Trời ở vị trí cao nhất", Heli-os hay Eli-os có nghĩa là "tối cao", còn Acheron là 32 độ ở trên cực và 32 độ ở dưới cực; như thế người ta đã giả sử là con sông ẩn dụ đã chạm tới chân trời phía bắc vĩ độ 32 độ. Mặt lõm khổng lồ luôn luôn khuất mắt chúng ta và bao quanh Nam Cực, được các nhà thiên văn học đầu tiên gọi là Âm Phủ, còn khi quan sát về phía Bắc Cực, thấy rằng một mạch nào đó ở Thiên Giới bao giờ cũng xuất hiện trên chân trời, thì họ gọi là Núi. Vì Meru là chỗ trú cao ngất của chư Thiên, nên nghe nói các Đấng này cứ *lên xuống* một cách tuần hoàn; xét về mặt thiên văn, điều này ám chỉ các vị Thần

[1] Thiên Văn Học Thần Thoại, của Mackey, trang 42.

Hoàng Đạo việc chuyển từ cực Bắc nguyên thủy của Đất sang cực Nam của Trời.

Vào thời kỳ này, vào lúc giữa trưa, Hoàng Đạo ắt sẽ song song với kinh tuyến, và một phần của Hoàng đới sẽ từ Bắc Cực giáng xuống đường chân trời phía Bắc, băng qua *tám khúc cuộn của con rắn* [tám năm vũ trụ tức trên 200 000 năm dương lịch] nó có vẻ giống như một *cái thang* tưởng tượng có *tám* nấc, bắt dưới đất lên tới địa cực, nghĩa là ngai báu của
357 Jove. Thế là các Thần, nghĩa là các cung Hoàng Đạo liền leo lên, leo xuống chiếc thang này. [Thang của Jacob và các Thiên Thần]… Đã hơn 400 000 năm trôi qua từ khi Hoàng Đạo tạo ra các cạnh bên của thang này. ([1])

Đây là một sự giải thích tài tình, cho dù nó vẫn đượm chút ít sắc thái ngoại đạo huyền bí. Thế nhưng, nó còn gần gũi với chân lý hơn nhiều điều có tính cách khoa học và nhất là có tính cách thần học. Như đã nói, thoạt tiên Ba Ngôi Thiên Chúa có tính cách thuần túy thiên văn. Chính điều này đã khiến cho Rutilius nhắc đến những kẻ phong thần hóa nó như sau: "*Dân Do Thái cơ bản là ngu đần*"

Những kẻ phàm phu, nhất là những giáo dân Thiên Chúa cuồng tín cứ mải mê tìm kiếm sự bổ chứng của khoa học cho các kinh điển chấp nê văn tự của mình, cứ khăng khăng xem Thiên Cực là Con Rắn thực sự trong Sáng Thế Ký, Satan, kẻ thù của nhân loại, trong khi đó thực ra chỉ là một ẩn dụ. Khi người ta bảo rằng các vị Thần đã bỏ Trái Đất, điều này không những các vị Thần, các vị Bảo Trợ và Giáo Huấn, mà còn ám chỉ các vị *tiểu* Thần, các Đấng chưởng quản các Cung Hoàng Đạo. Các Thần, với vai trò là các Thực Thể khai sinh ra, nuôi dưỡng và giáo huấn Nhân loại trong buổi thiếu thời – xuất

[1] Như trên, trang 47.

hiện trong mọi Thánh kinh của Bái Hỏa giáo cũng như trong các kinh Phúc Âm Ấn Độ. Ormazd tức Ahura Mazda, "Đấng Minh Triết" là tổng hợp của các vị Amshaspends, tức là Amesha Spentas, các "Ân nhân Bất tử", ([1]) "Huyền Âm" tức Thiên Đạo và sáu khía cạnh cao siêu nhất của nó trong Bái Hỏa giáo. Các "Ân nhân Bất tử" này được mô tả như trong Zamyad Yasht như sau:

Các vị Amesha Spentas, các Đấng chói lọi, có cặp mắt hữu hiệu, vĩ đại, ân cần, giúp đỡ … bất tử và tinh khiết … tất cả bảy vị đều suy nghĩ và nói năng như nhau, đều làm như nhau… đó *là các vị sáng tạo ra và hủy diệt các tạo vật* của Ahura Mazda, các Đấng sáng tạo và giám thị chúng, bảo vệ và cai trị chúng.

Một vài dòng như trên cũng đủ biểu thị tính cách nhị phân và thậm chí tam phân của các Amshaspends, các Thiền Định Đế Quân của chúng ta tức các "Rắn Minh Triết". Các Ngài đồng nhất với song vẫn tách biệt với Ormazd (Ahura Mazda). Các Ngài cũng là các Tinh Tú Thiên Thần của các tín đồ Thiên Chúa giáo – các vị Yazatas tinh tú của Bái Hỏa giáo – cũng như là bảy Hành Tinh (kể từ Mặt Trời) của mọi tôn giáo. ([2]) Hình dung từ "Đấng chói lọi, có đôi mắt hữu hiệu" đã chứng tỏ điều này. Điều này lại tồn tại trên cõi trần và cõi tinh đẩu. Trên cõi tinh thần, đó là các Quyền năng của Ahura Mazda, nhưng trên cõi tâm linh hay cảm dục, đó lại là các

[1] Còn được Tiến sĩ W. Geiger dịch là "các Kẻ hạnh phúc Bất tử"; nhưng dịch như trên là đúng hơn.

[2] "Bảy" vị này đã trở thành vị thứ tám, Ogdoad của các tôn giáo duy vật sau này, "nguyên khí" thứ bảy tức nguyên khí cao nhất, không còn là Tinh Thần thấm nhuần, nguyên khí Tổng hợp, mà lại biến thành một con số thần nhân đồng hình, hoặc đơn vị bổ sung.

"Đấng Kiến Tạo", các "Đấng Giám Thị", các vị Pitris hay Thủy Tổ, và các bậc Huấn Sư đầu tiên của Nhân loại.

358 Khi thế nhân đã tiến hóa đúng mức về mặt tinh thần thì sẽ không cần bắt buộc họ phải hiểu biết đúng đắn về Minh Triết cổ truyền nữa. Bấy giờ Con Người sẽ biết rằng chưa bao giờ có một Đấng cải cách Thế giới nào có tên tuổi còn lưu truyền đến tận thế hệ chúng ta mà lại (a) không phải là phân thân trực tiếp của Thiên Đạo (với bất kỳ danh xưng nào mà chúng ta biết), nghĩa là một hóa thân *bản thể* của một trong "Bảy Đấng" của "Đấng Chơn Linh thất phân"; và (b) đã không xuất hiện trước đó, trong các Chu kỳ quá khứ. Bây giờ họ sẽ nhận ra nguyên nhân gây ra một vài bí ẩn của các thời đại, trong cả lịch sử lẫn niên đại ký, chẳng hạn như lý do tại sao họ không thể qui bất cứ nhật ký đáng tin cậy nào cho Zoroaster, Ngài đã phân thân ra mười hai và mười bốn phần trong tác phẩm Dabistãn; tại sao số lượng và cá tính của các Thánh Hiền và các Bàn Cổ lại bị trộn lẫn với nhau như thế; tại sao Krishna và Đức Phật lại xem chính mình là các tái sinh luân hồi, Krishna đồng nhất mình với Thánh Hiền Nãrãyana, còn Đức Phật Thích Ca lại trình bày một loạt các tiền kiếp của mình; và nhất là tại sao Krishna, vốn là "Brahmã *tối cao*", song vẫn được gọi là Amshãmshãvatãra (một phần của chỉ một phần) của Đấng Vô Thượng trên Trần Thế; cuối cùng, tại sao Osiris vừa là một Đại Thần Linh, vừa là một "Thánh vương trên Trần Thế", Ngài tái lâm nơi Thot Hermas; và tại sao (xét theo Do Thái Bí giáo), Đức Jesus (theo tiếng Hebrew là Joshua) ở Nazareth lại được nhận ra nơi Joshua (con trai của Nun) cũng như nơi các nhân vật khác. Nội môn Bí giáo giải thích tất cả các điều này bằng cách cho rằng mỗi Đấng này, cũng như nhiều Đấng khác, thoạt tiên đã giáng trần với

vai trò là một trong Bảy Quyền Năng của Thiên Đạo, được biệt lập ngã tính thành một vị Thần (God) hay Thiên Thần (Angel) (Sứ Giả). Thế rồi, sau khi đã vướng vòng tục lụy, đến lượt các Ngài lại xuất hiện với vai trò là các bậc Đại Hiền Triết và Huấn Sư "dạy dỗ" Giống dân thứ Năm sau khi đã giáo hóa hai Giống dân trước, đã trị vì trong khoảng các Triều đại Thiêng Liêng, và rốt cuộc đã hy sinh, tái sinh trong nhiều loại hoàn cảnh khác nhau vì ích lợi của Nhân loại và để cứu nhân độ thế vào một vài thời kỳ khủng hoảng. Mãi cho tới các kiếp cuối cùng thì các Ngài mới thực sự trở thành "các bộ phận của một phần" trên Trần Thế, mặc dù thực ra là Đấng Chí Tôn Duy Nhất trong Vũ Trụ.

Đây là siêu hình học của khoa thần phổ học (theogony). Nay một khi mà đã được biệt lập ngã tính thì mọi "Quyền Năng" trong số BẢY ĐẤNG này lại chịu trách hiệm về một trong các yếu tố sáng tạo và chưởng quản nó; ([1]) do đó mới có nhiều ý nghĩa trong mọi biểu tượng. Trừ khi được thuyết minh theo các phương pháp bí truyền, các ý nghĩa này thường đưa tới ý nghĩa rối rắm mù mịt.

Liệu môn đồ Do Thái Bí giáo Tây phương, vốn thường là đối thủ của nhà Huyền bí Đông phương, có đòi hỏi một bằng chứng không? Xin y hãy mở quyển Lịch Sử Pháp Thuật ([2]) của Éliphas Lévi, và xem xét kỹ lưỡng bài "Đại Biểu tượng
359 Do Thái Bí giáo", của ông rút ra từ kinh Zohar. Trong một bức hình chạm trổ, trong đó y sẽ thấy một hình khai triển "các tam giác đan vào nhau", một người đàn ông *trắng* ở trên,

[1] Các yếu tố này là: Yếu tố vũ trụ, địa cầu, khoáng vật, thực vật, động vật, nước và cuối cùng là người – về các phương diện thể chất, tinh thần và tâm linh.

[2] Trang 53.

một người đàn bà *đen* và ngược ở dưới, chân nàng luồn qua dưới hai cánh tay mở rộng của hình người đàn ông và lòi ra ở đằng sau vai y, trong khi tay họ chắp lại hợp thành một góc ở mỗi bên. Éliphas Lévi dùng biểu tượng này để trình bày Thượng Đế và Vũ Trụ, tức là Thượng Đế, "Ánh Sáng", được phản chiếu nơi Vũ Trụ và Vật Chất, "Bóng Tối". Xét về mặt biểu tượng và theo Do Thái Bí giáo thì ông thật chí lý, nhưng chỉ trong phạm vi vũ trụ khởi nguyên luận biểu hiện mà thôi. Cả ông lẫn các môn đồ Do Thái Bí giáo đều không thể chế ra biểu tượng này. Tục truyền rằng cả hai hình đá trắng và đen đã tồn tại trong các đền thờ của Ai Cập từ xưa rồi, và xét về mặt lịch sử, từ thời Vua Cambyses, Ngài đã tận mắt trông thấy chúng. Do đó, biểu tượng này ắt đã phải có từ gần 2 500 năm nay. Ít nhất cũng là từ thời Vua Cambyses, Ngài là con của Đại Đế Cyrus và nối ngôi cha vào năm 529 trước T.C. Các hình này là hai vị Kabiri, hiện thân của các đối cực. Herodotus ([1]) thuật lại rằng khi Cambyses đi vào đền thờ các Kabiri, Ngài bỗng phát lên cười mãi không thôi, khi thấy cái mà Ngài cho là một người đàn ông đứng sừng sững và một người đàn bà "trồng chuối ngược trước mặt y. Tuy nhiên, đây là những cực có biểu tượng được dự tính dùng để tưởng niệm "việc Cực Bắc nguyên sơ của Địa Cầu chuyển sang Cực Nam của các cõi trời" theo nhận xét của Mackey. ([2]) Nhưng

[1] Thalia, lxxvii.

[2] Ông còn nói thêm rằng "Người Ai Cập có nhiều cách khác nhau để biểu diễn góc của các Địa cực. Trong tác phẩm Du ngoạn các quốc gia Đông Địa Trung Hải, có một hình biểu diễn *Cực Nam* của địa cầu nơi chòm sao *Thụ Cầm* (*Harp*), trong đó các cực có vẻ giống như *hai cây gậy thẳng* có gắn thêm các cánh chim ưng, để phân biệt cực bắc với cực nam. Nhưng đôi khi các cực lại được tượng trưng

chúng cũng biểu diễn các cực bị đảo ngược, do hậu quả của sự lệch trục quá nhiều, cứ mỗi lần lệch trục, thì các đại dương lại bị dời chỗ, các vùng đất ở cực lại bị chìm, sau đó thì các lục địa mới ở vùng xích đạo lại trồi lên và ngược lại. Các Kabiri là các Thần Linh "Đại hồng thủy".

Điều này có thể giúp cho chúng ta tìm được chìa khóa giải tình trạng rối rắm dường như vô vọng về vô số các danh xưng và tôn danh dành cho cũng một vị Thần và đẳng cấp Thần Linh. Vào lúc khởi đầu thế kỷ này, Faber đã chứng tỏ rằng cũng giống y như các vị Corybantes, Curetes, Dioskouroi, Anaktes, Dii Magni, Idei Dactyli, Lares, Penates, Manes, ([1]) Titans và Aletae với Kabiri. Và chúng ta lại chứng
360 tỏ rằng các Kabiri giống y như các Bàn Cổ, Thánh Hiền và các

---

dưới dạng các con rắn có đầu diều hâu để phân biệt cực bắc và cực nam". (Sách đã dẫn, trang 61).

[1] Faber và Giám mục Cumberland ắt trình bày tất cả các vị này đều là các hiện thân ngoại đạo sau này của "chiếc Bè của Noah, và … chẳng có gì khác hơn là vị tộc trưởng [Noah] và gia đình của mình" (!), theo như Faber trình bày trong tác phẩm Cabiri (Quyển i, trang 136). Đó là vì chúng ta được biết rằng, rất có thể sau trận Đại hồng thủy, để tưởng niệm biến cố này, những kẻ tôn thờ Noah đã lập nên một đại lễ tôn giáo, sau này, nó đã bị những hậu duệ *vô đạo* của họ làm bại hoại, chúng đã trình bày "Noah và gia đình" là ma quỷ hay các vị thần anh hùng; "thế rồi cuối cùng sự tục tằn vô liêm sỉ đã tiếm đoạt danh hiệu và hình thức của tôn giáo" (Như trên, trang 10). Nay chính điều này đã kiềm hãm năng lực lý luận của con người, chẳng những cổ nhân, mà ngay cả thế hệ hiện nay của chúng ta nữa. Hãy đảo ngược phát biểu đó lại, và đằng sau các từ ngữ "Noah và gia đình", hãy giải thích điều chỉ có nghĩa là lối thuyết minh Do Thái giáo về một bí nhiệm Samothraces, về *Saturn, tức Kronos-Sydic và các Con*, thế là chúng ta sẽ được *như nguyện.*

Thiền Định Đế Quân đã lâm phàm trong số dân Ưu tú của Giống dân thứ Ba và Giống dân thứ Tư. Như thế, trong khi theo Thần phổ học, các Kabiri-Titan là bảy vị Đại Thần Linh, thì xét về mặt vũ trụ và thiên văn, các Titan lại được gọi là các người Atlantis, vì theo Faber, có lẽ họ có liên hệ tới *at-al-as*, "mặt trời thiêng liêng", và với *tit*, trận "Đại hồng thủy". Nhưng nếu đúng thì điều này cũng chỉ là lối thuyết minh ngoại môn. Còn xét về mặt nội môn thì ý nghĩa về các biểu tượng của họ còn tùy thuộc vào tôn danh được sử dụng. Bảy vị Thần huyền bí, khả kính – các Dioshouroi, ([1]) các vị Thần được bao quanh bởi Bản chất Huyền bí – đã trở thành các Pháp sư (Idei Dactily) đối với các bậc Cao đồ chuyên chữa bệnh bằng kim loại. Chúng ta phải tìm kiếm từ nguyên đích xác của từ ngữ Lares, bây giờ có nghĩa là "ma quỷ" nơi từ ngữ Etruria Lars (người hướng dẫn). Sauchuniathon dịch từ ngữ Aletae là "những kẻ thờ lửa", còn Faber tin rằng nó có từ nguyên là *al-Orit* (Thần lửa). Cả hai đều chí lý vì trong cả hai trường hợp, nó đều ám chỉ Mặt Trời, vị Thần Linh "tối cao" mà các Hành Tinh Thần Quân đều bị thu hút về (xét về mặt thiên văn ẩn dụ) và đều tôn thờ. Với vai trò là các vị Lares, họ thật sự là các vị Thần Thái Dương, mặc dù từ nguyên của Faber cho rằng "Lar là một tên viết tắt của El-Ar, Thần Thái Dương",([2]) thật ra không đúng lắm. Họ chính là các vị "Lares", các Đấng Dẫn Dắt nhân loại. Với vai trò là các vị

[1] Sau này đối với người Hy Lạp, các người này chỉ được giới hạn là Castor và Pollux mà thôi. Nhưng vào thời Châu Lemuria, các Dioskouroi, "Đấng Noãn Sinh", chính là Bảy Vị Thiền Định Đế Quân (Agnishvãtta-Kumãra) đã lâm phàm nơi Bảy người Ưu tú thuộc Giống dân thứ Ba.

[2] Sách đã dẫn, Quyển I, trang 133.

Aletae, họ chính là bảy Hành Tinh, xét về mặt thiên văn; còn với vai trò là các vị *Lares*, họ chính là các Đấng Chưởng Quản các Hành Tinh này, các Đấng Bảo Vệ và Cai Trị chúng ta, xét về mặt thần bí. Đối với mục đích ngoại môn hay sùng bái sinh thực khí, cũng như là xét về mặt vũ trụ, họ chính là các Kabiri có các thuộc tính và quyền năng nhị phân, được chỉ bằng các danh hiệu của các vị lễ sư thuộc đền thờ đó. Tuy nhiên, tất cả các Đấng này đều thuộc về bảy nhóm Thiền Định Đế Quân sáng tạo ra và làm linh hoạt chúng sinh. Người Sabeans vốn tôn thờ các vị "Chưởng Quản Bảy Hành Tinh", cũng như người Ấn Độ tôn thờ các Thánh Hiền, đã xem Seth và con trai của y, Hermes (Enoch hay Enos) là vị Hành Tinh Thần Quân tối cao, Seth và Enos đều là sản phẩm vay mượn của người Sabeans, rồi lại bị dân Do Thái xuyên tạc (xét về mặt ngoại môn), nhưng ngay cả trong Sáng Thế Ký, ([1]) chúng ta vẫn có thể tìm ra sự thật về các vị này. Seth chính là "Thủy Tổ" của những người sơ khai thuộc Giống dân thứ Ba mà các Hành Tinh Thần Quân đã đầu thai vào.
361 Chính Ngài cũng là một vị Thiền Định Đế Quân và thuộc về nhóm chư Thần *phú linh*, còn Enos (Hanoch hay Enoch) tức Hermes, nghe đâu chính là *con trai* của Ngài – Enos là tên chung dành cho mọi Nhà linh thị thời sơ khai (Enoichion). Do đó mới có tục thờ cúng. Tác giả Á Rập Soyuti cho rằng các tài liệu xa xưa gọi Seth tức Set là Đấng sáng lập ra Bái Tinh giáo

[1] Glement ở Alexandria đã nhận ra ý nghĩa thiên văn của các Chương xxv và tiếp theo trong Thánh Thư Về miền đất hứa (Exodus). Ông bảo rằng theo giáo lý của Moses thì bảy Hành Tinh cũng góp phần vào việc sản sinh ra các sự vật thế tục. Hai vị Tiểu Thiên Sứ đứng ở hai bên Tứ Linh Tự tượng trưng cho Đại Hùng Tinh và Tiểu Hùng Tinh.

(Sabaism) và các kim tự tháp thể hiện hành tinh được xem như là lăng tẩm của cả Seth lẫn Idrus (Hermes hay Enoch). ([1]) Ông cũng cho rằng những người Sabeans (tín đồ Bái Tinh giáo) đã hành hương đến đó và cầu kinh mỗi ngày *bảy lần* trong khi *quay mặt về hướng Bắc* (Núi Tu Di, Kaph, Olympus v.v…) ([2]) Abd Allatif cũng cho chúng ta biết một vài điều kỳ diệu về các tín đồ Bái Tinh giáo và các Thánh Thư của họ. Eddin Ahmed Ben Yahya (ông này đã viết sách 200 năm sau đó) cũng vậy. Trong khi Eddin Ahmed Ben Yahya đoan chắc rằng "mỗi kim tự tháp được hiến dâng cho một vì sao" (đúng hơn là một Tinh Quân) thì Abd Allatif lại quả quyết với chúng ta rằng ông đã đọc thấy các cổ thư của Bái Tinh giáo cho rằng "một Kim tự tháp là ngôi mộ của Linh Xà, còn kim tự tháp kia là nấm mồ của Hermes".([3])

Agathodaemon chẳng có gì khác hơn là Seth, và theo một vài tác giả, Hermes là con trai của y,
Staniland Wake đã nói thêm như trên trong *Đại Kim Tự Tháp*. ([4])

Như thế, trong khi ở Samothrace và các đền thờ Ai Cập xưa nhất, Kabiri là các vị Đại Thần Linh Vũ Trụ - Bảy và *Bốn mươi chín* Linh Hỏa – thì trong các đền thờ Hy Lạp, các nghi lễ của họ, hầu như đã biến thành tục sùng bái sinh thực khí và do đó thật là tục tằn với kẻ phàm tục. Trong trường hợp sau, họ có ba và bốn hay bảy vị - nguyên khí âm và dương – *thập tự có quai*. Cách phân chia này cho thấy lý do tại sao một

[1] Vyse, Tác Vụ, Quyển ii, trang 258.
[2] Palgrave, Quyển ii, trang 264.
[3] Vyse, như trên, Quyển ii, trang 342.
[4] Trang 57.

vài tác giả cổ điển cho rằng họ chỉ có ba vị, còn các tác giả khác lại nêu tên bốn vị. Đó là:

1. Axieros (dưới trạng thái nữ Demeter);

2. Axiokersa (Persephone); ([1])

3. Axiokersos (Pluto hay Hades); và

4. Kadmos hay Kasmilos (Hermes – không phải là Hermes có tính cách sùng bái sinh thực khí mà Herodotus có nhắc đến, ([2]) mà là "Đấng Thiêng Liêng trong huyền thoại", chỉ được giải thích trong các Bí pháp Samothrace). Theo nhà bình giải về Apolloius Rhodius ([3]) sự nhận diện này vốn do một sự khinh xuất của Mnaseas, thực ra chẳng phải là sự nhận diện gì cả, vì chỉ riêng các danh xưng thôi cũng chẳng tiết lộ được

---

[1] Suy lý của Mackey, bậc Cao đồ tự tu tự chứng ở Norwich, trong tác phẩm Thiên Văn Học Thần Thoại, thật là một lý tưởng kỳ quặc; thế nhưng, nó có lẽ không xa sự thực bao nhiêu, ông cho rằng các vị Cabiri được mệnh danh là các Axieros và Axiokersa đã (a) có danh hiệu bắt nguồn từ kab hay cab, (kích thước), và urim (các cõi trời) – do đó Cabirim nghĩa là "kích thước của các cõi trời"; (b) các danh hiệu riêng biệt của họ hàm ý nguyên khí sinh hóa nhằm nói tới hai phái. Đó là "vì xưa kia, từ ngữ tính giống đã được hiểu là ax, ngày nay từ ngữ này đã được định đoạt thành ra tính giống. [Ông còn tham chiếu Bách Khoa Tự Điển Londiniensis, ở mục tiếng 'phát âm có hơi']. Nay nếu chúng ta thêm âm thanh có hơi cho Axieros thì nó ắt sẽ trở thành sax hay sexieros; và đối cực ắt sẽ là Sexikersa. Do đó hai cực ắt sẽ biến thành nguồn sinh ra các quyền năng khác của thiên nhiên – chúng ắt sẽ biến thành cội nguồn của các quyền năng khác; đó là [các Thần Linh] dũng mãnh nhất". (Sách đã dẫn, trang 59 – 60).

[2] ii, 51.

[3] I, trang 9 – 17.

bao nhiêu. ([1]) Những người khác vốn chí lý theo đường lối
362 của riêng mình, cũng đã quả quyết rằng chỉ có hai vị Kabiri. Xét về mặt nội môn, đó là hai vị Dioskouroi (Castor và Pollux) còn xét về mặt ngoại môn, đó là Thần Jupiter và Tửu Thần. Hai vị này là hiện thân của hai địa cực (xét về mặt trắc địa) cực đất và cực trời (xét về mặt thiên văn), cũng như là phàm nhơn và chơn nhơn. Chúng ta chỉ cần thuyết minh câu chuyện về Semele và Jupiter và sự ra đời của Tửu Thần (Bacchus), *Bimater*, cùng với mọi hoàn cảnh kèm theo, thì cũng đủ hiểu được ẩn dụ này rồi. Trong biến cố này, vai trò mà Thủy, Hỏa, Thổ v.v… nắm giữ theo nhiều lối thuyết minh, sẽ cho chúng ta thấy cách thức mà người dùng "Từ Phụ của chư Thiên" và vị "Tửu Thần hoan hỉ" để thể hiện hai địa cực. Tất cả các hành thổ, kim, từ, điện và hỏa, tất cả đều nhắm nói tới tính cách vũ trụ và thiên văn của thảm kịch Đại hồng thủy. Trong thiên văn học, các cực thực sự là "kích thước thiên giới", chẳng khác nào các Kabiri-Dioskouroi (điều này sẽ được trình bày sau) và các Kabiri-Titans, Diodorus đã gán cho các vị này việc "phát minh ra Lửa" ([2]) và thuật chế tạo sắt. Hơn nữa, Pausanias ([3]) còn chứng tỏ rằng vị thần Kabiri nguyên thủy chính là Prometheus.

Xét về mặt thiên văn, các Titan-Kabirim cũng là những Đấng Sinh sản ra và Điều chỉnh các Mùa, còn xét về mặt vũ trụ, đó là các đại Năng lượng núi lửa – các Thần chưởng quản

---

[1] Decharme, Thần Thoại Học Cổ Hy Lạp, trang 270.

[2] Từ ngữ *guebra* thoát thai từ Kabiri (*Gabiri)* và có ý nghĩa là những kẻ thờ lửa ở cổ Ba Tư (Parsĩs). Kabiri đã biến thành Gabiri, và rồi vẫn còn là một danh xưng của tín đồ Bái hỏa giáo ở Ba Tư. (Xem Về Tôn Giáo Ba Tư, chương 29, của Hyde).

[3] I, ix, trang 751.

mọi kim loại và công việc trần thế. Tuy nhiên, sự kiện trên vẫn không trấn át được sự kiện – xét về bản chất thiêng liêng – các Ngài là những Thực Thể phúc lợi được tiêu biểu nơi Prometheus đem ánh sáng đến cho thế gian phú cho Nhân loại trí năng và lý trí. Trong mọi khoa thần phổ học – nhất là trong thần phổ học Ấn Độ - các Ngài chủ yếu là Ba, Bảy, hoặc Bốn mươi chín Linh Hỏa, tùy theo nhu cầu của ẩn dụ. Chính danh xưng của các Ngài cũng đủ chứng tỏ điều đó rồi vì các Ngài là các Con của Lửa (Agni-putra) ở Ấn Độ và các vị Thần Lửa (với nhiều danh xưng khác nhau, ở Hy Lạp và ở bất cứ nơi nào khác). Welcker, Maury, và nay Decharme đã chứng tỏ rằng danh xưng *kabeiros* có nghĩa là "dũng mãnh như lửa", từ nguyên là tiếng Hy Lạp *kaus* (đốt cháy). Tiếng Semit *kabirim* bao hàm về "dũng mãnh, vĩ đại", tương ứng với tiếng Hy Lạp *meyalos, duvatos*, nhưng đây là những tôn danh sau này. Mọi nơi người ta đều tôn thờ các vị Thần này và nguồn gốc của họ lại tít mù trong thời gian quá khứ xa xưa. Thế nhưng cho dù có được làm cho dịu bớt ở Phrygia, Phoenicia, Troad, Tharaoe, Egypt, Lemnos hay Sicily, thì họ vẫn luôn luôn thờ Lửa, các đền thờ của họ bao giờ cũng được xây dựng ở những địa điểm có nhiều núi lửa nhất; xét về mặt sùng bái, ngoại môn, họ thuộc về các Vong linh âm phủ Chthonian, do đó Thiên Chúa giáo đã trình bày họ như là các Thần Quỷ (Infernal Gods).

363 Họ đúng là "các Thần vĩ đại, phúc thiện và dũng mãnh", như Cassius Hermone đã gọi. ([1]) Ở Thebes, [Cors Korẽ hay Persephone] và Demeter, các Kabirim có một thánh điện, ([2]) còn tại Memphis, các Kabiri có một đền thờ linh thiêng đến

[1] Xem Macrob, Sat., I, iii, c. 4, trang 376.

[2] Pausanias, ix, 22; 5.

nỗi mà ngoại trừ các lễ sư, không ai được phép nhập vào các vành đai thánh thiện của nó. ([1]) Nhưng đồng thời chúng ta không được quên sự kiện tôn danh Kabiri là một tên gọi chung và các Kabiri, các Thần dũng mãnh, cũng như là thế nhân đều có hai phái và cũng có tính cách trần thế, thiên giới và vũ trụ. Chúng ta cũng không được quên sự kiện là trong khi sau này với tư cách là các Đấng chưởng quản các quyền năng tinh đẩu và thế tục, hiện tượng thuần túy địa chất – như người ta đang xem nó hiện nay – lại được tiêu biểu nơi các nhân vật lãnh đạo này, thì thoạt đầu, họ cũng là những Đấng cai quản Nhân loại. Khi đầu thai làm các Thánh Vương của các "Triều đại Thiêng liêng", họ đã ban cho nền văn minh một xung lực sơ khởi, và điều khiển trí tuệ mà họ đã phú cho con người để phát minh ra và hoàn thiện mọi nghệ thuật và khoa học. Như thế, được biết Kabari đã xuất hiện với vai trò là ân nhân của loài người, như thế họ đã sống hàng thời đại trong ký ức của các quốc gia. Người ta đã gán cho các vị Kabiri hay Titans này phát minh ra văn tự (Deva-nãgarĩ, tức là ngôn ngữ và bộ mẫu tự của chư Thiên), luật lệ và pháp chế, kiến trúc, cũng như là đủ loại cái gọi là pháp thuật, công dụng chữa bệnh của cây cỏ. Hermes, Orpheus, Cadmus, Asclepios, tất cả các vị Bán Thần và Anh hùng đã bị gán cho việc đã tiết lộ khoa học cho loài người, Bryant, Faber, Giám mục Cumberland và biết bao tác giả Thiên Chúa giáo khác (vốn quá nhiệt thành với sự thật) ắt đã bắt buộc hậu thế phải thấy các vị này chỉ là những bản mô phỏng ngoại đạo của một nguyên kiểu duy nhất được mệnh danh là Noah – tất cả đều là những tên chung.

---

[1] Herodotus, iii, trang 37.

Người ta tin rằng chính Kabiri đã tiết lộ mối lợi lớn về nông nghiệp bằng cách *sản xuất* ra lúa mì. Điều mà Isis-Osiris (các Kabirim đã từng sống động) đã thực hiện ở Ai Cập, cũng chính là những điều mà nghe nói Ceres đã thực hiện ở Sicily; tất cả các vị này đều thuộc về một tầng lớp.

Cây Dực xà trượng của Thần Mercury, đồng nhất với Thot, Thần Minh Triết, với Hermes v.v.., cũng lại chứng tỏ rằng các con rắn bao giờ cũng là biểu hiện của sự minh triết và sự thận trọng. Hai con rắn quấn quanh cây gậy chính là các biểu tượng sùng bái sinh thực khí của Thần Jupiter và các vị Thần khác đã biến mình thành ra các con rắn để quyền rũ các Nữ Thần – đó chỉ là theo óc tưởng tượng bẩn thỉu của các nhà biểu tượng học phàm tục. Con rắn bao giờ cũng là biểu tượng của bậc Cao đồ, của quyền năng bất tử và minh triết thiêng liêng của các Ngài. Một ẩn dụ đơn giản và rất minh bạch chính là việc Thần Mercury (với tư cách là tâm linh bệ vệ) dùng cây Dực xà trượng để linh hồn người chết vào Âm Phủ, thậm chí còn có thể làm cho họ hồi sinh nữa. Nó chứng tỏ quyền năng nhị phân của Minh Triết Bí Nhiệm: Pháp thuật chánh đạo và Ma thuật. Nó chứng tỏ rằng Minh Triết hiện
364 thân này tiếp dẫn Linh Hồn sau khi chết và hiển lộng quyền năng làm hồi sinh những gì đã chết – chúng ta chỉ cần suy đi gẫm lại ý nghĩa của nó thì cũng đủ thấy ẩn dụ này rất thâm sâu. Tất cả, ngoại trừ một, dân tộc thời xưa đều tôn thờ biểu tượng này; dân tộc ngoại lệ này chính là tín đồ Thiên Chúa giáo, họ đã quyết định quên đi "con rắn đồng thau" của Moses, thậm chí quên cả lời mặc nhận của chính Đức Jesus về sự minh triết và sự thận trọng của con rắn như sau: "Các con hãy khôn ngoan như con rắn và hiền lành như con bồ câu". Người Trung Hoa, một trong các quốc gia xưa nhất thuộc Giống dân thứ Năm chúng ta, đã biến con rắn thành biểu

tượng các vị Hoàng đế của mình, họ chính là các kẻ kế vị suy đồi của các "Con Rắn" tức các Điểm đạo đồ, các Ngài đã trị vì các chi chủng đầu tiên của Giống dân thứ Năm. Ngai vua là "Long Tòa"("Dragon's Seat"), còn Long Bào của Ngài được thêu giống hình Con Rồng. Vả lại các câu châm ngôn trong các tác phẩm cổ nhất của Trung Hoa lại nêu rõ rằng Rồng là một người mặc dù là một Thực Thể *thiêng liêng*. Đề cập tới "Rồng Vàng" chúa tể các loại Rồng, *Twan-ying-t'u* đã bảo:

Y có trí thông tuệ và đức hạnh vô biên… [y] chẳng đi chung và chẳng sống trong tập đoàn [y là ẩn sĩ]… Y đi lang thang ở những chốn hoang vu bên ngoài các cõi trời. Y cứ đi đi về về, hoàn thành sứ mệnh [Nghiệp Quả] vào những dịp thuận tiện; nếu mọi việc đều hoàn hảo thì y sẽ giáng lâm, còn nếu không thì y cứ vô hình.

Còn Lu-lan lại khẳng định Khổng Tử dạy rằng "Con Rồng nuốt trọn Minh Triết thủy (water)[of Wisdom] tinh khiết và đùa giỡn trong Sinh thủy (water) [of Life] trong trẻo". ([1])

CÁC HUẤN SƯ THIÊNG LIÊNG CỦA CHÚNG TA

Nay Châu Atlantis và các Đảo Phlegyan không phải là các di tích duy nhất của trận Đại hồng thủy. Trung Hoa cũng có truyền thuyết và câu chuyện về một đảo hoặc một lục địa mà nó gọi là Ma-li-ga-si-ma, còn Kaempfer và Faber phát âm là "Mauriga-sima", vì một vài lý do phát âm bí mật của riêng họ. Trong tác phẩm Nhật Bản ([2]) Kaempfer trình bày truyền thuyết sau đây: Do sự bất công của những người khổng lồ, hòn đảo đã chìm xuống đáy đại dương, và Quốc vương Peiruun, vị Noah của Trung Hoa đã trốn thoát một mình

[1] Được trích dẫn trong Các Con Quái Vật Thần Thoại, của Gould, trang 399.

[2] Phụ lục, trang 13; do Faber trích dẫn, Cabiri, ii, trang 289 – 291.

cùng với gia đình và do lời khuyến cáo của các Thần, xuyên qua hai kẻ thần tượng (idols). Chính ông hoàng mộ đạo ấy và các con cháu của ông đã cư ngụ ở Trung Hoa. Cũng như bất kỳ quốc gia nào khác, các truyền thuyết của Trung Hoa cũng đề cập tới các Triều đại Thiêng Liêng của các Thánh Vương.

Đồng thời không có một áng văn cổ truyền nào mà không tỏ ra tin tưởng vào một sự tiến hóa đa dạng và ngay cả đa chủng của loài người – về mặt tinh thần, tâm linh, trí tuệ và thể chất – như tác phẩm này đã mô tả. Nay chúng ta phải xét tới một vài lời khẳng định này.

365 Tất cả sẽ chứng tỏ rằng các Giống dân chúng ta đã bắt nguồn từ các Giống dân Thiêng liêng (muốn gọi chúng là gì thì gọi). Cho dù bàn đến các vị Thánh Hiền hay Thủy Tổ của Ấn Độ; bàn đến Chim-nang và Tchan-gy của Trung Hoa – ("Thiên Nhân" và các vị Bán thần linh của họ; bàn đến Dingir và Mul-lil của dân Akkad – Thần Sáng Tạo và các "Thần của Âm Phủ"; bàn đến Isis-Osiris và Thot của Ai Cập; bàn đến các Elohim của Hebrew; hoặc bàn đến Manco-Capac và các hậu duệ của người Peru – thì mọi nơi câu chuyện này cũng chỉ như thế mà thôi. Mọi quốc gia đều có hoặc là *bảy* hoặc là *mười* vị Rishis-Bàn Cổ và Prajãpatis; bảy và mười vị Ki-y; hoặc *mười* và *bảy* vị Amshaspends ([1]) (xét về mặt ngoại môn thì có sáu); mười và bảy vị Annedoti của dân Chaldea; mười và bảy vị Sephiroth v.v… vị nào cũng phát xuất từ các Thiền Định Đế Quân nguyên sơ của Nội môn Bí giáo, tức là các "Đấng Kiến Tạo" của các ĐOẠN Thiền Định Chân Kinh trong

[1] Nếu không kể Ormazd, vị thủ lãnh và Thiên Đạo của họ, thì chỉ có sáu vị Amshaspends. Nhưng trong Giáo Lý Bí Nhiệm, Ngài lại là vị thứ bảy và cao cấp nhất, cũng như Phtah là vị thứ bảy trong số các Kabiri.

Quyển I. Từ Đức Bàn Cổ, Thot-Hermes, Oannes-Dagon và Edris-Enoch, xuống mãi tới Plato Panodorus, tất cả đều cho chúng ta biết có bảy Triều đại Thiêng liêng, có bảy phần đất thời Châu Lemuria và Châu Atlantis trên Địa Cầu; có bảy vị Thần nguyên sơ và lưỡng phân từ trên Thiên giới ([1]) giáng lâm và trị vì trên Trần Thế, dạy cho nhân loại về thiên văn học, thuật kiến trúc và tất cả các khoa học khác đã được truyền đạt cho chúng ta. Thoạt tiên, các Đấng này xuất hiện với vai trò là các vị Thần và các Đấng Sáng Tạo; rồi các Ngài biến nhập vào con người mới sinh ra, để rồi cuối cùng xuất lộ làm các "Thánh Vương và các vị Chưởng Quản Thiêng Liêng". Nhưng sự kiện này đã bị lãng quên dần dần. Theo Basnage, chính người Ai Cập cũng thú nhận rằng khoa học đã chỉ phát triển cao độ ở xứ họ và từ thời Isis-Osiris, các Đấng mà họ tiếp tục tôn thờ làm các Thần Linh, "mặc dù các Ngài đã biến thành các ông hoàng dưới dạng các con người". Và ông nói thêm về Đấng bán thư bán hùng như sau:

Nghe nói ông hoàng này [Isis-Osiris] đã xây dựng các đô thị ở Ai Cập, ngăn chận dòng nước lũ của sông Nile; phát minh ra nông nghiệp, công dụng của rượu nho, âm nhạc, thiên văn học và hình học.

Trong tác phẩm Lịch Sử Tiền Hồi Giáo, ([2]) khi Abul Feda bảo rằng "ngôn ngữ Bái Tinh giáo" được Seth và Edris (Enoch) lập nên thì ông có ý muốn nói tới thiên văn học. Trong tác phẩm Melelwa Nahil, ([3]) Hermes được gọi là đệ tử của Linh Xà (Agathodaemon). Còn trong một bài tường thuật

[1] Trong kinh Purãnas, nó được đồng nhất hóa với bảy Châu của Vishnu hay Brahmã với Núi Meru.

[2] Do Fleisher biên tập, trang 16.

[3] Bản thảo, 47 trong Vấn đáp giáo lý Nic.

khác,([1]) Linh Xà lại được xem như một vị "*Vua của Ai Cập*". Tác phẩm Celepas Geraldinus trình bày với chúng ta một vài truyền thuyết kỳ quặc về Henoch, y được gọi là "Người khổng lồ Thiêng liêng". Trong sách "Thánh Thư Về Đủ Loại Tên" của sông Nile, sử gia Ai Cập đã cho chúng ta biết những người Ả Rập Semite tin rằng Seth (sau này Ngài đã trở thành Typhon, Set của Ai Cập) đã trở thành một trong Bảy vị Thiên Thần hay Tộc Trưởng trong Thánh kinh; rồi y lại biến thành
366 một thế nhân và con trai của Adam; sau đó, y truyền năng khiếu tiên tri và thiên văn học cho Jared, ông lại truyền nó cho con trai của mình là Henoch. Nhưng Henoch (Idris) "tác giả của ba mươi quyển sách" lại có nguồn gốc Saba – nghĩa là thuộc về Saba một chiếc "bánh Thánh"("a Host"):

> Sau khi đã lập nên các nghi lễ thờ phụng nguyên sơ, Ngài liền đi về phương Đông, nơi đây Ngài kiến tạo một trăm bốn mươi đô thị, torng đó Edessa là đô thị tầm thường nhất, rồi Ngài lại quay về Ai Cập và trở thành Quốc Vương của xứ này. ([2])

Như vậy, Ngài chính là Hermes. Nhưng có tới năm vị Hermes – hoặc đúng hơn là một vị xuất hiện với nhiều tính cách khác nhau chẳng khác gì một vị Bàn Cổ và Thánh Hiền. Trong tác phẩm Burham-i-Kati, Ngài được gọi là Hormig, một danh hiệu của Thủy Tinh, tức Budha; còn ngày Thứ Tư (Wednesday) lại linh thiêng đối với cả Thot lẫn Hermes.([3]) Vị Hermes trong truyền thuyết Đông phương được Phineatae tôn thờ và nghe nói là sau khi Argus qua đời, Ngài đã thâm

---

[1] Bản thảo 785, Vấn đáp giáo lý của Uri, do Đại Tá Vyse trích dẫn trong Các công tác tại Kim tự tháp Gizeh, ii, 364; xem Staniland Wake, Đại Kim Tự Tháp, trang 94 – 95.

[2] De Mirville, Các Vong Linh, Quyển iii, trang 28.

[3] Staniland Wake, như trên, trang 96.

nhập vào Ai Cập, khai hóa nó với danh hiệu là Thoth. ([1]) Nhưng dù với bất cứ tính cách nào, người ta cũng luôn luôn tin rằng Ngài đã chuyển mọi khoa học, *từ trạng thái tiềm tàng sang trạng thái hoạt động*, nghĩa là, Ngài đã là người đầu tiên dạy pháp thuật cho Ai Cập và Hy Lạp trước thời đại Hy Lạp và khi người Hy Lạp thậm chí còn chưa phải là người cổ Hy Lạp (Hellenes).

Chẳng những Herodotus, "cha đẻ của lịch sử", cho chúng ta biết rằng các Triều đại của các Thần Linh đã có trước sự trị vì của thế nhân, tiếp theo sau là Triều đại của các vị Bán thần linh, các vị Anh hùng và cuối cùng là con người mà hàng loạt tác giả cổ điển cũng ủng hộ ông. Diodorus, Eratosthenes, Plato, Manetho v.v… lặp lại y nguyên câu chuyện mà chẳng bao giờ thay đổi về trình tự sẵn có.

Creuzer đã chứng tỏ rằng:

Thật vậy, minh triết đã giáng xuống cõi thấp từ các tinh cầu, nơi cư trú của các thần ánh sáng… Trong hệ thống các lễ sư thời xưa [các bậc Đạo Trưởng và Cao đồ], tất cả vạn vật, các Thần Linh, Thiên Thần, Linh Hồn [Manes], toàn thế giới đều phát triển song song với nhau trong không gian và thời gian. Kim tự tháp có thể được xem như tập đoàn chơn linh mỹ lệ này.([2])

Chính các sử gia hiện đại – chủ yếu là các Hàn lâm viện sĩ của Pháp; chẳng hạn như Renan – đã ra sức thủ tiêu sự thật bằng cách lờ đi những niên sử cổ truyền của các Thánh Vương, nhiều hơn mức ăn khớp với lòng ngay thẳng. Nhưng ông Renan – không bao giờ có thể sẵn lòng hơn Eratosthenes (260 trước T.C.) – lại thấy chính mình bị bắt buộc phải thừa

[1] Như trên, trang 97.

[2] Ai Cập, chương iv, trang 441; De Mirville Các Vong Linh, Quyển iii, trang 41.

nhận sự thật của nó. Vì thế, nhà thiên văn học vĩ đại đã bị các bạn đồng nghiệp của mình 2 000 năm sau đó khinh thường ra mặt. Đối với họ, Manetho đã trở thành "một lễ sư mê tín sinh ra và được nuôi dưỡng trong môi trường của các lễ sư láo
367 toét khác ở Heliopollis". Nhà ma quỷ học (demonologist) De Mirville đã nhận xét chí lý rằng:

> Tất cả các sử gia và lễ sư này đã *thành thật* biết bao khi lặp lại câu chuyện về các thánh vương *nhân loại* và loài người, đột nhiên lại trở thành *vô cùng ngờ vực* ngay khi họ quay về với *các thần linh của mình.*

Tuy nhiên, nhờ có thiên tài của Champollion, nay niên biểu đối chiếu của Abydos đã biện minh cho niềm tin chân chính của các lễ sư ở Ai Cập (nhất là Manetho) và Ptolemy, nơi cuộn chỉ thảo Turin, tài liệu đáng lưu ý hơn hết. Theo lời nhà Ai Cập học De Rougé thì:

> ….Champollion sửng sốt thấy rằng mình đang chứng kiến các di tích của hàng loạt các Triều đại, bao gồm các thời kỳ thần thoại xa xưa nhất, tức là Triều đại của các thần và các vị Anh hùng… Chỉ cần thoạt nhìn phần đầu của cuộn chỉ thảo kỳ diệu này, chúng ta cũng đủ tin chắc rằng ngay cả từ thời Ramses, các truyền thuyết thần thoại và anh hùng này giống y như những gì mà Manetho đã truyền cho chúng ta; chúng ta thấy trong đó có một thời kỳ dài gồm nhiều thế kỷ được gán cho sự trị vì của mỗi vị với vai trò là Vua Ai Cập, các Thần Seb, Osiris, Set, Horus, Thot-Hermes và Nữ Thần Ma (the Goddess Ma). ([1])

Ngoại trừ việc bị Eusebius xuyên tạc vì các mục đích không trung thực, các niên biểu đối chiếu này chưa bao giờ vượt quá Manetho, Niên đại ký về các Thánh Vương và các

[1] Niên giám Triết học Thiên Chúa giáo, xxxii, 442; xem De Mirville, Các Vong Linh, Quyển iii, trang 18.

Triều đại Thiêng Liêng, cũng như niên đại ký về thời đại nhân loại đã từng được các lễ sư nắm giữ và bảo mật tách khỏi kẻ phàm tục.

Nay mặc dù nghe nói với vai trò là một lục địa, Châu Phi xuất hiện trước Châu Âu, tuy nhiên, nó lại xuất hiện sau Châu Lemuria, và thậm chí sau cả Châu Atlantis sơ khai nhất nữa. Toàn bộ vùng mà nay là Ai Cập, và các sa mạc, xưa kia đã bị biển cả che phủ. Điều này được tiết lộ thoạt tiên là do Herodotus, Strabo, Pliny v.v… thứ đến là do địa chất học. Abyssinia xưa kia đã là một hòn đảo và vùng châu thổ là vùng đầu tiên mà những kẻ di cư tiên phong đã đặt chân tới cùng với các vị Thần của mình từ hướng đông bắc.

Điều này đã xảy ra từ bao giờ? Lịch sử vẫn im lặng về đề tài này. May mắn thay chúng ta lại có Hoàng Đạo Dendera (cầu đồ trên trần nhà của một trong các đền thờ xưa nhất ở Ai Cập) để ghi lại sự kiện này. Với ba cung Trinh Nữ ở giữa cung Mãnh Sư và cung Thiên Xứng, Hoàng Đạo này đã tìm ra chàng Oedipus của mình để thấu hiểu được việc bí hiểm về cung Hoàng Đạo và biện minh cho sự chân thật của các lễ sư. Các vị này đã bảo Herodotus rằng các Điểm đạo đồ của họ đã dạy rằng (a) các cực của Trái Đất và Hoàng Đạo xưa kia đã trùng với nhau, và (b) ngay từ khi họ bắt đầu ghi lại các tài liệu về Hoàng Đạo, thì các Địa cực đã tới ba lần ở bên trong mặt phẳng của Hoàng Đạo.

368 Bailly thật không biết dùng lời lẽ nào để bày tỏ sự kinh ngạc của mình khi thấy tất cả mọi truyền thuyết như thế đều trình bày giống y nhau về các Giống dân Thiêng liêng và kêu lên rằng:

Rốt cuộc, tất cả các triều đại Thiên Thần Ấn Độ và các Peris [của Ba Tư]; hoặc các triều đại trong huyền thoại Trung Hoa; Thiên

Hoàng (Tien-hoang) khác hẳn với Địa Hoàng (Ti-hoang) và Nhân Hoàng (Gin-hoang), những sự phân biệt này hoàn toàn phù hợp với các phân biệt của người Hy Lạp và Ai Cập khi liệt kê các Triều đại Thần Linh, Bán thần linh và Thế nhân của mình.([1])

Panodorus cho rằng:

Nay *Triều đại của Bảy vị Thần Linh* chưởng quản thế gian đã diễn ra trong vòng hàng ngàn năm này [trước trận Đại hồng thủy]. Chính trong thời kỳ ấy, các bậc ân nhân đó của loài người đã *giáng thế* và dạy cho con người cách tính toán quỹ đạo của mặt trăng và mặt trời bằng mười hai cung Hoàng Đạo.([2])

Vào khoảng gần năm trăm năm trước T.C., các lễ sư ở Ai Cập đã chỉ cho Herodotus các pho tượng của các vị Nhân Hoàng và Giáo Hoàng Piromis của mình – các vị Đại Đạo Sư (Mahã Chohans) của các Thánh điện; *Đấng này sinh ra từ Đấng kia* mà không cần có đàn bà – đã trị vì trước thời Menes, các Nhân Hoàng (*human* King) đầu tiên của họ. Theo ông, đây là các pho tượng khổng lồ bằng gỗ, có tất cả ba trăm bốn mươi lăm pho, *mỗi tượng đều có danh xưng, lịch sử và niên sử*. Họ cũng đoan chắc với Herodotus – trừ phi nay vị sử gia trung thực nhất, "cha đẻ của lịch sử", bị kết tội là nói dối, *chẳng hạn như trong trường hợp này* – rằng chẳng sử gia nào đã hiểu hoặc viết ra một bài tường thuật về các vị Thánh Vương siêu nhân này, nếu y chưa từng nghiên cứu và học hỏi lịch sử về *ba Triều đại* có trước Triều đại loài người, đó là: TRIỀU ĐẠI THẦN LINH, Triều đại Bán thần linh và Triều đại Anh hùng

[1] Lịch sử Thiên Văn Học cổ truyền; xem Các Vong linh, Quyển iii, trang 15.

[2] Các Vong linh, như trên, trang 41.

hay Người Khổng lồ. ([1]) "Ba" Triều đại này chính là ba Giống dân.

Nếu được diễn dịch thành ngôn ngữ Nội Môn Bí giáo thì ba Triều đại này ắt cũng là ba Triều đại của các Thiên Thần (Devas), các Kimpurushas và Dãn vas và Daityas – nói cách khác là các Thần, Chơn Linh Cõi Trời, và các Người Khổng Lồ. Trong Căn Chủng thứ Ba, chính các Thần Linh lâm phàm đã kêu to lên rằng: "May mắn thay cho những kẻ được sinh ra, ngay cả từ trạng thái Thần Linh, làm người ở Bhãrata-varsha!" Bhãrata thường là Ấn Độ, nhưng trong trường hợp này, nó tiêu biểu cho Vùng đất Tuyển định thời đó, vốn là phần đất tốt nhất của Nam Thiệm bộ châu, vì đó là vùng đất của các hoạt động (tinh thần) chủ động *tuyệt hảo;* vùng đất của sự Điểm đạo và Minh Triết Thiêng Liêng.([2])

---

[1] Muốn có cả đống bằng chứng, xem tác phẩm nêu trên, trang 16 – 17.

[2] Trong Vishnu Purãna, nếu đọc cẩn thận, chúng ta có thể tìm thấy nhiều điều bổ chứng cho vấn đề này (Quyển II, Tập II, chương iii, iv và tiếp theo). Tất cả các triều đại của các Thần Linh, Thần thấp và Loài người đều được liệt kê trong những mô tả về bảy hòn đảo, bảy biển cả, bảy núi non v.v… do các vị Thánh Vương trị vì. Được biết mỗi vị Thánh Vương bao giờ cũng có *bảy* con, ám chỉ bảy chi chủng. Xin đơn cử một thí dụ, Thánh Vương của Châu Kusha có bảy người con… "bảy phần đất của hòn đảo được mệnh danh theo tên của các người con này. *Loài người cư ngụ ở đó với những người khổng lồ, cũng như các chơn linh của thiên giới {Gandharvas, Yakshas, Kimpurushas,v.v…] và các thần linh"* (Bản dịch của Wilson, Quyển II, trang 195). Chỉ có ngoại lệ là trường hợp Thánh Vương Priyavrata, con trai của vị Bàn Cổ đầu tiên, Svãyambhuva – là vị có *mười* con trai. Nhưng trong số mười người này, ba vị - Medha, Agnibãhu và Putra (như trên, quyển ii, trang 101) – đã trở thành các tu sĩ khổ

369 Chúng ta không thể không thừa nhận rằng Creuzer có rất nhiều năng khiếu trực giác, khi mặc dù ông hầu như không quen thuộc với các triết thuyết Ấn Độ Ãryan, mà vào thời của ông, dường như chẳng ai biết tới, chúng ta thấy ông viết rằng:

Những người Âu Châu hiện nay của chúng ta cảm thấy ngạc nhiên khi nghe nói đến các Nhật Tinh Quân, Nguyệt Tinh Quân v.v.. Nhưng chúng tôi xin lặp lại, *lương tri tự nhiên và sự phán đoán thẳng thắn* của các dân tộc cổ truyền, hoàn toàn xa lạ với ý niệm *vô cùng duy vật* của chúng ta về cơ học và vật lý học… không thể thấy các ngôi sao và hành tinh là gì ngoại trừ các khối ánh sáng đơn giản, tức là các thiên thể mờ đục di chuyển theo đường vòng trong không gian tinh đẩu, chỉ tuân theo luật sức hút và sức đẩy; họ thấy chúng là các thiên thể *linh hoạt*; chịu sự *điều động* của các chơn linh, chẳng khác nào những gì mà họ chứng kiến trong mọi giới của thiên nhiên… *Lý thuyết về các Chơn Linh này, phù hợp biết bao với thiên nhiên* mà nó đã thoát thai từ đó, đã tạo thành một quan niệm cao cả và độc nhất, trong đó, tất cả các khía cạnh thể chất, đạo đức và chính trị đều hòa lẫn với nhau.([1])

Chỉ có một quan niệm như thế mới khiến cho con người rút ra được một kết luận đúng đắn về nguồn gốc của y và sự khởi thủy của vạn vật trong Vũ Trụ - sự khai tịch của Thiên và Địa mà y là một mối liên kết sống động. Nếu không có một mối liên kết tâm lý như thế và cảm giác về sự hiện diện của nó thì chẳng khoa học nào có thể tiến bộ được, và chúng

---

hạnh và từ chối phần của mình. Thế là Priyavrata lại chia Địa Cầu ra thành *bảy* lục địa.

[1] Ai Cập, trang 450 – 455; Các Vong Linh, như trên, trang 41 – 42.

ta phải giới hạn phạm vi tri thức chỉ vào việc phân tích vật chất hồng trần mà thôi.

Các nhà huyền bí tin tưởng và các "chơn linh"("spirits") vì họ *cảm thấy* – và một số người thấy được – chung quanh mình đều có các chơn linh ấy. ([1]) Các nhà duy vật lại không thấy. Họ sống trên Trái Đất này chẳng khác nào một vài tạo vật, trong thế giới côn trùng và thậm chí thế giới tôm cá nữa, mà không thấy, hay không cảm thấy, hằng hà sa số đồng loại xung quanh mình. ([2])

---

[1] Theo qui luật chung, *nay* chính thực chất của *chơn nhơn* đã trở nên mù quáng chẳng khác nào thể chất của y, con người trên Trái Đất này chẳng khác nào con cá lưỡng tiêm (amphioxus) trong đại dương. Được hàng triệu con cá và tạo vật khác xung quanh nhìn thấy, loài cá lưỡng tiêm – vốn không có bộ óc và bất kỳ giác quan nào mà các lớp khác có – lại không hề thấy chúng. Dựa vào thuyết Darwin, ai mà biết loài mang khẩu này có phải là tổ tiên trực tiếp của các nhà Duy vật chúng ta hay chăng ?

[2] Các nhà Huyền bí đã bị kết tội là tôn thờ Thần Thánh hay Ma Quỷ! Chúng tôi xin phủ nhận điều này. Trong vô số tập đoàn Chơn Linh – các thực thể đã hoặc sẽ là người – có một số vị vô cùng cao siêu hơn loài người, cao siêu và thánh thiện hơn vị Thánh cao cả nhất trên Trần Thế và minh triết hơn bất kỳ thế nhân nào. Cũng có những vị chẳng có gì khá hơn chúng ta, và một số còn tồi bại và thấp kém hơn cả người dã man nhất nữa. Chính những vị thấp kém này cần liên giao với Địa Cầu hơn ai hết, họ tri giác và cảm thấy được chúng ta, cũng như vị có thần nhãn cảm thấy và nhận thấy được họ. Rủi thay, sự gần gũi của các cõi tri giác riêng của chúng ta lại thuận lợi cho sự liên giao đó, khiến lúc nào chúng cũng sẵn sàng xen vào sự sung sướng hay điều đau buồn với chúng ta. Nếu chúng tôi được hỏi làm thế nào mà chẳng ai, ngoại trừ những kẻ có bản chất nhạy cảm, điên rồ, những kẻ mang tâm bệnh, là thấy được – và đôi khi còn nói chuyện với – các "chơn

370 Trong các tác giả cổ điển, Plato là vị hiền triết đầu tiên đã nói nhiều về các Triều đại thiêng liêng. Ông định vị chúng trên một đại lục mà ông gọi là Châu Atlantis. Bailly cũng chẳng phải là người đầu tiên hay cuối cùng tin vào điều này. Trước ông thì Đức Cha Kircher, nhà thông thái dòng Jesuit cũng đã tiên liệu thuyết này; trong tác phẩm Oedipus Aegyptiacus, Ngài đã cho rằng:

> Tôi xin thú thật rằng trong một thời gian dài, tôi đã xem tất cả các điều này [các Triều đại Châu Atlantis] toàn là những chuyện hoang đường, cho đến ngày mà khi hiểu biết nhiều hơn về các ngôn ngữ Đông phương, tôi đã nhận định rằng sau hết, tất cả các huyền thoại đó ắt đã chỉ là một sự khai triển chân lý vĩ đại. ([1])

---

linh"("spirits"), thì chúng tôi sẽ đáp lại câu hỏi này bằng nhiều câu hỏi khác. Chúng tôi xin hỏi: liệu bạn có biết bản chất của ảo giác và liệu bạn có thể xác định được tiến trình tâm linh của nó chăng? Làm thế nào mà bạn có thể bảo rằng tất cả các linh thị đó đều chỉ toàn là ảo giác hồng trần cả? Điều gì làm cho bạn cảm thấy chắc chắn rằng các bệnh tâm thần, trong khi che khuất cái gọi là giác quan *thông thường* của chúng ta, lại *không đồng thời* tiết lộ các viễn cảnh mà người khỏe mạnh không biết, bằng cách mở ra các cánh cửa thường khép kín đối với các tri giác của khoa học (?) của bạn; hoặc là một quyền năng tâm linh lại không tức kkhac81 thay thế cho sự mất đi hay sự teo lại nhất thời của một giác quan thuần túy thể chất? Chính bệnh tật hoặc sự sung mãn của lưu chất thần kinh đã tạo ra thuật đồng cốt và các linh thị (mà bạn xem là các ảo giác). Nhưng khoa học biết gì về thuật đồng cốt? Đúng là nếu các vị Charcots thời nay quan tâm tới bệnh điên cuồng của các bệnh nhân của mình theo một quan điểm tâm linh hơn, thì khoa học – nhất là sinh lý học – có thể thu được nhiều lợi ích hơn hiện nay và người ta ắt đã biết được nhiều sự thật hơn.

[1] I, 70; Các Vong Linh, như trên, trang 26.

Theo De Rougemont, trong tác phẩm Meropis, Theopompus đã trình bày các lễ sư Phrygia và Tiểu Á phát biểu giống y như các lễ sư ở Sais khi họ tiết lộ cho Solon, lịch sử và số phận của Châu Atlantis. Theo Theopompus, đó là một lục địa độc nhất có kích thước vô hạn bao gồm hai xứ có hai giống dân cư ngụ - một giống người hiếu chiến và một giống người trầm tư mộ đạo ([1]) - mà theo Theopompus tượng trưng bằng hai đô thị. ([2]) "Đô thị" ngoan đạo *luôn luôn được các vị thần đến viếng*, còn "đô thị" hiếu chiến lại là nơi cư trú của nhiều thực thể khác nhau không thể bị sắt thép *làm tổn thương* mà chỉ có thể bị gỗ và đá *làm thương tổn*. ([3]) De Rougemont xem đây là một điều hoàn toàn bịa đặt của Theopompus, thậm chí ông còn xem lời khẳng định của vị lễ sư Sais là một sự lừa bịp nữa. Các nhà Ma quỷ học lại tố cáo điều này là vô lý. De Mirville đã buông lời châm biếm như sau:

Một sự bịp bợm dựa vào một niềm tin, sản phẩm của tín ngưỡng của toàn thể cổ nhân; *một điều giả sử* vẫn được dùng để mệnh danh

---

[1] Đây là những người Ãryans sơ khai và đa số Căn chủng thứ Tư – những người Ãryan sơ khai thật là ngoan đạo và trầm tư (mải mê *nhập định*), còn đa số Căn chủng thứ Tư là một giống người phù thủy hiếu chiến, họ đã nhanh chóng thoái hóa vì có những thị dục buông thả.

[2] Phần phía Bắc và phía Nam của Châu Lemuria-Atlantis. Các vùng Bắc cực và Xích đạo của hai lục địa này.

[3] De Rougemont, Dân Tộc Nguyên sơ, iii, 157. Xem Các Vong Linh, như trên, trang 29. Điều này thật là Huyền bí và ám chỉ tính chất của sắt vốn bị một số các phần tử có từ tính thu hút và bị những phần tử khác đẩy ra. Bằng một phương pháp huyền bí, người ta có thể khiến cho các phần tử khác trơ trơ đối với nó chẳng khác nào nước đối với một quả đấm.

toàn thể một dãy núi (Atlas); nó qui một cách chính xác nhất một vùng địa hình (bằng cách xác định vùng đất này ở một vị trí chỉ cách Cadiz và Eo biển Calpe có một quãng ngắn), nó đã tiên tri (trước Columbus 2 000 năm) về một *đại lục xuyên đại dương* nằm ở phía bên kia Châu Atlantis và nghe nói đã tiếp giáp với các Hòn đảo chẳng phải của Đấng Thánh Linh, mà là của các Chơn Linh (các Hòn đảo đầy diễm phúc) – một điều giả sử như thế thật chẳng có gì khác hơn là một điều *đại hão huyền!* (1)

Chắc chắn rằng dù là "hão huyền" hay thực tại, thì các lễ sư trên toàn thế giới cũng đã có được nó từ cùng một nguồn – truyền thuyết đại đồng thế giới về đại lục thứ ba đã bị diệt
371 vong cách đây chừng 850 000 năm, (2) một lục địa vốn là nơi cư trú của hai giống dân riêng biệt, khác nhau về mặt thể chất và nhất là về mặt tinh thần, cả hai đều tinh thông về minh triết bản sơ và bí mật của thiên nhiên và đấu tranh chống lại nhau trong diễn trình tiến hóa song hành. Đó là vì liệu các giáo lý của Trung Hoa về đề tài này bắt nguồn từ đâu nếu nó chẳng qua chỉ là một "điều bịa đặt"? Chẳng lẽ nó lại không ghi lại sự hiện diện xưa kia của một Đảo Thiêng phía bên kia mặt trời, Tcheou, mà vượt qua nó là vùng đất của những Người *bất tử* hay sao? (3) Chẳng lẽ họ lại không còn tin rằng giống người còn sống sót trong số những Người *bất tử* đó – họ đã sống sót từ khi Đảo Thiêng trở nên hắc ám vì tội lỗi và bị diệt vong – đã lánh nạn ở đại Sa mạc Gobi, nơi mà họ vẫn còn ở đó, chẳng ai thấy và bị các tập đoàn Chơn Linh cấm không cho lại gần hay sao?

---

1 Như trên, mục đã dẫn.

2 Lục địa hay Châu đầu tiên, muốn gọi như thế cũng được, "mỏm Bắc Cực", chưa bao giờ bị diệt vong; nó cũng sẽ chẳng bao giờ bị diệt vong mãi cho tới lúc kết thúc Bảy Giống dân.

3 Xem De Rougemont, như trên.

Chính kẻ vô tín ngưỡng Boulanger đã cho rằng:

Nếu chúng ta phải nghe theo các truyền thuyết, thì trước thời trị vì của các Thánh Vương phải là Triều đại của các Anh hùng và Bán thần linh, trước nữa thì truyền thuyết cho rằng đó là Triều đại tuyệt vời của các vị Thần và mọi huyền thoại về Thời đại Hoàng Kim… Người ta cảm thấy ngạc nhiên khi những niên sử lý thú như vậy lại bị hầu hết các sử gia bác bỏ. Thế nhưng các ý tưởng mà các niên sử này trình bày đã từng được cả thế giới thừa nhận và trân trọng, không ít xứ vẫn còn trân trọng chúng và biến chúng thành nền tảng sinh hoạt hằng ngày của mình. Những nhận xét như thế cần tới một phán đoán cân nhắc hơn…Cổ nhân là kẻ thừa kế các truyền thuyết này từ cổ nhân và không còn chấp nhận chúng nữa *vì chúng ta không còn hiểu gì nữa*, ắt cũng phải có nguyên do khi tin tưởng vào chúng, vốn được cung ứng vì họ rất gần gũi với các thời đại ban sơ, mà khoảng cách đang ngăn cách chúng ta với chúng đã không cho chúng ta lại gần… Trong quyển Pháp Điển (Law) thứ tư, Plato đã cho rằng rất lâu trước khi các đô thị đầu tiên được dựng nên, Thần Saturn đã lập ra trên trần thế một dạng chính quyền nào đó mà con người rất hạnh phúc khi sống dưới sự cai trị đó. Nay vì ông ám chỉ Thời đại Hoàng Kim hoặc các Triều đại Thần Linh đã lừng danh biết bao trong các thần thoại cổ… nên chúng ta hãy thử xem các ý tưởng mà ông trình bày về thời kỳ hạnh phúc đó, và đâu là cơ hội mà ông phải du nhập *thần thoại* này vào một bộ luận về chính trị. Theo Plato, để có được các ý niệm chính xác và minh bạch về hoàng gia, nguồn gốc và quyền lực của nó, người ta phải quay về với các nguyên tắc bản sơ của lịch sử và truyền thống. Ông cho rằng xưa kia đã có biến đổi *kinh thiên động địa* và tình trạng sự vật hiện nay là một trong những kết quả của điều này. Các truyền thuyết đã cho chúng ta biết về nhiều điều kỳ diệu, nhiều biến đổi đã diễn ra trong cuộc hành trình của mặt trời, về thời trị vì của hàng ngàn các vấn đề khác hãy còn rải rác trong ký ức của con người. Thế nhưng, *người ta chưa bao giờ nghe nói về bất cứ điều gì về ĐIỀU ÁC đã tạo ra các cuộc cách mạng này, cũng như*

là điều ác đã nối tiếp ngay sau chúng. Thế nhưng… Điều Ác đó chính là nguyên lý mà chúng ta phải nói đến, để có thể bàn về hoàng gia và nguồn gốc của quyền lực.(1)

Dường như Plato cho rằng *Điều Ác* đó chính là sự giống nhau và đồng bản thể của những người cai trị và những kẻ bị trị, vì ông bảo rằng từ lâu rồi, vào Thời đại Hoàng kim trước khi loài người xây dựng các đô thị của mình, trên Trần Thế chẳng có gì khác hơn là hạnh phúc, vì không hề có nhu cầu. Vì cớ sao làm vậy? Đó là vì Thần Saturn, biết rằng con người không thể cai trị lẫn nhau mà không tức khắc làm cho vũ trụ tràn đầy bất công do các cơn hứng ngông cuồng của con
372 người, nên đã không cho phép bất cứ thế nhân nào có quyền hành gì với các tạo vật đồng loại của mình. Để thực hiện điều này, Thượng Đế cũng đã dùng những phương tiện mà chính chúng ta đang dùng đối với đàn súc vật của mình. Chúng ta không thể cho một con bò đực hay một con cừu đực cai quản bầy bò đực và cừu đực của mình, mà lại cấp cho chúng một thủ lĩnh, một kẻ chăn chiên, *nghĩa là một thực thể thuộc loại khác hẳn chúng, và có bản chất cao cấp hơn*. Đây chính là điều mà Thần Saturn đã thực hiện. Ngài vốn yêu thương nhân loại nên đâu chịu để cho nhân loại bị một ông hoàng phàm phu cai trị, mà lại dành quyền này cho các "Chơn Linh có một bản chất thiêng liêng ưu việt hơn con người".

Như vậy, chính Thượng Đế (Thiên Đạo, tổng hợp của Tập Đoàn Thiên Thần), đang chưởng quản các vị Thần, đã trở thành Kẻ chăn chiên và Lãnh tụ đầu tiên của nhân loại. (2) Khi

---

1 Boulanger, Triều Đại các Vị Thần, phần dẫn nhập, xem Các Vong linh, sách đã dẫn, như trên, trang 32.

2 Giáo Lý Bí Nhiệm giải thích điều mà Plato trình bày, vì nó dạy rằng các nhà phát minh này chính là các vị Thần và Bán Thần

thế giới không còn được cai trị như thế và các thần đã rút lui, thì các con ác thú đã nuốt chửng một phần nhân loại. Nếu phải tự mình xoay xở thì các Nhà phát minh bấy giờ xuất hiện lần lượt giữa nhân quần và khám phá ra lửa, lúa mì, rượu nho; thế là công chúng biết ơn bằng cách thần thánh hóa các Ngài. (1)

Nhân loại thật là chí lý, vì lửa do ma sát là bí mật đầu tiên của thiên nhiên, đặc tính chủ yếu và bản sơ của vật chất được tiết lộ cho con người.

Giảng lý dạy:

Các "Đấng Minh Triết" đã mang từ các Cõi khác đến đây các loại hoa quả, cốc loại mà Địa Cầu, cho tới lúc đó, chưa hề biết tới, vì lợi ích của những kẻ mà các Ngài cai trị.

Nay:

Các phát sinh sơ khai nhất [?] của nhân loại chính là các phát minh kỳ diệu nhất mà loài người đã thực hiện được… Việc *dùng lửa lần đầu tiên*, sự khám phá ra các phương pháp để mồi lửa; sự thuần hóa súc vật, và nhất là các phương cách khiến cho chúng ta lần đầu tiên phát triển được nhiều cốc loại khác nhau từ một số loại cỏ dại [?] – tất cả đều là *các khám phá mà xét về mặt tinh xảo và tầm quan trọng, thì không một khám phá tiếp sau nào có thể bì kịp*. Lịch sử chẳng hề biết gì về tất cả các điều này, tất cả đều khuất đi dưới ánh sáng của *một buổi bình minh chói lọi. (2)*

Thế hệ kiêu hãnh của chúng ta ắt sẽ nghi ngờ và chối bỏ điều này. Nhưng nếu người ta quả quyết rằng không có cốc

---

(Devas and Rishis), các Ngài đã đầu thai nơi con người – một số thì cố tình, còn một số bị Nghiệp Quả bắt buộc.

[1] Các đoạn trên được rút gọn từ tác phẩm de Legibus, 1, iv – Id., in Critias et in Politic; Các Vong Linh, Quyển iii, trang 33, 34.

[2] Argyle, Sự đơn nhất của Thiên Nhiên.

loại và hoa quả nào mà *địa cầu không biết tới*, thì chúng ta có thể nhắc độc giả nhớ rằng *chưa bao giờ lúa mì được tìm thấy ở trong trạng thái hoang dại, nó không phải là một sản phẩm của địa cầu*. Tất cả các cốc loại khác đã được truy nguyên tới dạng tiên thiên của chúng nơi nhiều giống cỏ dại khác nhau, nhưng cho đến nay, lúa mì đã thách thức các nhà thực vật học ra sức truy nguyên nguồn gốc của nó. Về vấn đề này, chúng ta nên nhớ rằng giống cốc loại này thật là linh thiêng biết bao đối với các lễ sư Ai Cập, thậm chí lúa mì còn được đặt vào các xác ướp của họ, và đã được tìm thấy trong quan
373 tài của họ hàng ngàn năm sau đó. Chúng ta hãy nhớ cách thức mà các người giúp việc của Horus mót lúa mì nơi cánh đồng Aanroo, lúa mì cao *bảy cubits* (3,2m). ([1])

[1] Tử Vong Kinh, xcix, 33; và clvi, 4. Xin độc giả hãy tham khảo Quyển I, ĐOẠN 7, Câu 3, trong đó người ta giải thích câu thơ này theo một ý nghĩa khác, và tham khảo thêm Tử Vong Kinh, cix, 4 và 5. Đây chính là điều ám chỉ ngay phép phân chia Bí truyền "các nguyên khí" của con người được tượng trưng bằng lúa mì thiêng liêng. Huyền thoại có ghi lại Quyển sổ thứ ba bằng chỉ thảo (Tử Vong Kinh, cx) nêu rõ rằng: "Đây là vùng của các Vong Linh (Manes) cao *bảy* cubits (3, 2m) - nghĩa là những người đã chết và giả sử là vẫn còn đủ bảy nguyên khí, thậm chí cơ thể còn được tiêu biểu bằng thể cảm dục nơi cảm dục giới, tức Âm Ty, trước khi các nguyên khí đó chia tay nhau. Cũng có lúa mì cao *ba* cubits (1, 3m) dành cho Xác ướp ở trong một *trạng thái hoàn thiện* (nghĩa là có những xác ướp đã bị phân cách, *ba* nguyên khí cao của chúng đã ở cảnh Devachan) vốn được phép thu mót nữa". Vùng này (Devachan) được gọi là "vùng đất Tái sinh của chư Thiên" và được trình bày là nơi cư trú của Shoo, Tefnoot và Seb. "Vùng dành cho các vong linh cao bảy cubits" – dành cho các Xác ướp vẫn còn bất toàn – và vùng cho những kẻ ở trong "trạng thái hoàn thiện" vốn

Nữ Thần Isis của Ai Cập đã dạy:

Ta là Nữ Hoàng của các vùng này, ta là người đầu tiên đã tiết lộ cho loài người những điều bí nhiệm của lúa mì và ngô (wheat and corn)… Ta là Nữ Thần vươn lên trên chòm sao Thiên Lang (Dog)… Hoan hỉ lên hỡi Ai Cập ! vùng đất đã nuôi dưỡng ta. ([1])

Sirius được gọi là chòm sao Thiên Lang (Dog-star). Nó là sao của Mercury tức Budha, được gọi là Đại Huấn Sư của Nhân loại.

Kinh Dịch (Y-King) của Trung Hoa gán việc khám phá ra nông nghiệp cho "sự giáo huấn mà các thiên thần đã ban cho loài người".

Đáng buồn thay cho những kẻ chẳng biết gì, chẳng quan sát gì, cũng chẳng thấy gì. Họ đều mù tịt cả, ([2]) vì họ vẫn mù tịt về việc thế giới có đầy dẫy các loại tạo vật vô hình khác nhau, thậm chí chúng còn lúc nhúc cả ở những nơi chốn linh thiêng nhất nữa. ([3])

"mót lúa mì cao *ba* cubits" càng minh bạch càng tốt. Người Ai Cập cũng có Nội môn Bí giáo giống như vậy, mà nay các Cao đồ xuyên Hy Mã Lạp Sơn đang giảng dạy, khi chôn cất các bậc Cao đồ này, người ta đã đặt lúa mì và ngô lên trên họ.

[1] I, xiv. Có những nhà Ai Cập học đã hoàn toàn sai lầm khi ra sức đồng nhất hóa Osiris với Menes. Bunsen gán cho Menes một nguồn gốc xa xưa vào năm 5 867 trước T.C., và vì thế nên mới bị các tín đồ Thiên Chúa giáo lên án. Nhưng "Isis-Osiris" đã ngự trị ở Ai Cập trước khi Hoàng Đạo được vẽ trên trần của đền thờ Dendera, và điều này đã diễn ra cách đây trên 75 000 năm !

[2] Nguyên văn: They are all blind. Trong nguyên bản (text) là "corked up" hay "screwed up" đóng nút, bịt kín).

[3] Kinh Zohar, phần I, cột 177; Các Vong Linh, Quyển iii, trang 88.

"Các Con của Thượng Đế" *đã* tồn tại và vẫn *đang* tồn tại. Từ "các Con của Brahmã" và "các Con của Trí sinh" ở Ấn Độ, xuống tới B'ne Aleim trong Thánh kinh Do Thái giáo, niềm tin của hàng thế kỷ và truyền thuyết của đại đồng thế giới đã khiến cho lý trí bắt buộc phải nhìn nhận bằng chứng như thế. Cái gọi là "sự phê bình độc lập" hoặc "bằng chứng nội tại"- thường thường dựa vào thị hiếu riêng của những nhà phê bình – liệu có giá trị gì chăng khi giáp mặt với bằng chứng đại đồng thế giới, vốn chẳng bao giờ biến đổi trong suốt các chu kỳ lịch sử? Chẳng hạn, chúng ta hãy thuyết minh chương sáu của Sáng Thế Ký một cách bí truyền, nó lặp lại các phát biểu của Giáo Lý Bí Nhiệm, mặc dù hơi thay đổi hình thức một chút, và rút ra một kết luận khác mâu thuẫn với cả kinh Zohar nữa.

Thời kỳ đó, trên trái đất có những người khổng lồ và sau đó khi các con trai của Thượng Đế [B'ne Aleim] đến chung chạ với các con gái của nhân loại rồi sinh con cái, thì các con này trở thành *những người khỏe mạnh, già nua, những kẻ lừng danh [tức là những người khổng lồ].*[1]

374 Liệu câu "và sau đó" có nghĩa là gì nếu không phải là: Có những người Khổng lồ ở trên Trái Đất *trước đó,* nghĩa là trước khi có những người Con Vô tội thuộc Giống dân thứ Ba; và *sau đó,* khi các người Con khác của Thượng Đế, có bản chất thấp kém, khai mào sự giao hợp trên Trần Thế - Daksha đã làm như vậy khi thấy rằng các con Trí sinh của mình đã không chịu làm cho Trái Đất đầy dẫy dân cư? Rồi đến một sự gián đoạn dài ở chương này, giữa các câu thơ thứ 4 và thứ 5. Đó là vì, chắc chắn rằng Thượng Đế thấy rằng con người thật là độc ác, chẳng phải nơi hay xuyên qua sự độc ác của những

[1] Sáng Thế Ký, vi, 4.

người mạnh khỏe… những kẻ lừng danh (trong số đó có Nimrod người thợ săn dũng mãnh trước mắt Chúa), mà cũng chẳng phải nơi các kẻ xây dựng tháp Babel, vì điều này xảy ra sau trận Đại hồng thủy. Ngài thấy như vậy nơi các con cháu của những người Khổng lồ vẫn tạo ra *một vài con quái vật thuộc giống người khổng lồ*, những con quái vật vốn là thủy tổ của những người thấp kém, nay được đại diện trên Trần Thế bởi một vài bộ lạc khốn khổ đang chết lần mòn và những con khỉ giống người khổng lồ.

Và nếu bị các nhà thần học (dù là Tin Lành hay Thiên Chúa giáo La Mã) trách cứ thì chúng ta chỉ cần yêu cầu họ hãy tham khảo các kinh điển sát nguyên văn của chính mình. Câu thơ nêu trên đã từng là một vấn đề khó xử, chẳng những đối với các nhà khoa học và các học giả Thánh kinh, mà còn đối với cả các giáo sĩ nữa. Đó là vì Linh mục Péronne đã trình bày như sau:

> Hoặc là họ (B'ne Aleim) là các Thiên Thần lương hảo, và trong trường hợp như vậy, làm thế nào mà họ có thể sa đọa được? Hoặc là họ là các Thiên Thần tồi bại, và trong trường hợp đó, họ không thể được gọi là B'ne Aleim, tức là các con của Thượng Đế.[1]

Câu đố bí nhiệm trong Thánh kinh – mà Fourmont đã thành thật thú nhận rằng không tác giả nào đã từng hiểu được chân ý nghĩa của nó [2] - chỉ có thể giải thích bằng Huyền bí học, bằng kinh Zohar đối với người Tây phương và THIỀN ĐỊNH CHÂN KINH đối với người Đông phương. Chúng ta đã biết Thiền Định Chân Kinh dạy những gì, còn kinh Zohar dạy chúng ta rằng B'ne Aleim là một danh xưng

---

[1] Các Chú giải mở đầu về Thần học, chương ii, Các Vong Linh, Quyển iii, trang 84.

[2] Các Suy niệm phê bình về Nguồn gốc của các Dân tộc cổ.

chung dành cho Mahachim, các Thiên Sứ lương hảo, và Ischins, các Thiên Thần hạ đẳng. ([1])

Chúng ta có thể nói thêm một cách có lợi cho nhà Ma Quỷ học rằng trong Thánh Thư *Job*, Satan, "Kẻ đối địch", lại được bao gồm trong hàng ngũ các "con" của Thượng Đế (tức B'ne Aleim), kẻ viếng thăm thân phụ của họ. ([2]) Điều này sẽ được bàn sau.

Nay kinh Zohar dạy rằng Ischins (các Con của Thượng Đế mỹ lệ) *không* có tội mà chỉ ăn ở lẫn lộn *với người phàm tục, vì họ được phái xuống trần thế để làm như vậy.* ([3]) Ở một chỗ khác, cũng tác phẩm này lại trình bày rằng các Con của Thượng Đế này lại thuộc về phân bộ thứ mười của nhóm "Thiên Thần vương vị" ("Thrones"). ([4]) Nó cũng giải thích rằng các Ischins
375 – "các Chơn Linh- người" ([5]) - nay con người không còn có thể thấy họ được nữa, đã dùng tài khéo léo của mình để giúp cho các Pháp sư tạo ra "tiểu nhân" ("small men") (theo ý nghĩa là kẻ *thấp kém hơn* con người). Cả hai đều xuất hiện dưới dạng của các Ischins thời đó, nghĩa là tinh anh và giống như hơi. Thủ lãnh của họ là Azazel.

Nhưng Azazel, Đấng mà Giáo hội giáo điều cứ khăng khăng liên kết với Satan, không hề giống như vậy. Azazel là một điều *bí nhiệm* (điều này đã được giải thích ở đâu đó) và đã được Maimonides diễn đạt như sau:

---

[1] Giáo sĩ Do Thái Parcha.

[2] Chương I, 6.

[3] Thánh Thư Ruth và Schadash, trang 63, cột 3, ấn bản Amsterdam.

[4] Kinh Zohar, phần ii, cột 73; Các Vong Linh, như trên, trang 86.

[5] Như trên, trang 87.

Có một bí mật không thể thấu đạt được trong câu chuyện liên quan tới Azazel. (1)

Và quả có thế, Lanci, một quản thủ thư viện ở Toà Thánh Vatican, người mà chúng ta đã trích dẫn trước đây, và ắt phải biết, cho rằng:

Qua ngòi bút của các học giả Thánh kinh, thánh danh khả kính này đã trở thành một con quỷ, một hoang địa, một quả núi và một con dê đực. (2)

Do đó, dường như thật là điên rồ khi cho rằng danh xưng này thoát thai từ Azal (bị phân cách) và El (Thượng Đế), vì thế có nghĩa là "kẻ bị ngăn cách với Thượng Đế" tức MA QUỶ, như Spencer đã làm. Trong kinh Zohar, Azazel là "vật hy sinh để tế thần" thì đúng hơn là "địch thủ chính thức của Jehovah" như Spencer đã diễn đạt. (3)

Nhiều tác giả cuồng tín khác nhau đã trình bày về chiếc "Bánh Thánh" này một cách hoang đường và vô cùng hiểm độc. Azazel và "Bánh Thánh" chỉ là Prometheus của người Hebrew và phải được xét theo cùng một quan điểm như vậy. Kinh Zohar trình bày các Ischins bị xiềng vào núi trong sa mạc. Điều này có tính cách ẩn dụ và chỉ nói bóng gió tới các "Chơn Linh" này là bị xiềng vào Quả Đất trong Chu kỳ Lâm phàm. Azazel hay Azazyel, là một trong các thủ lãnh của các Thiên Thần "phạm tội" trong Thánh Thư Enoch, khi giáng xuống Ardis, đỉnh núi Armon, họ đã tự ràng buộc mình bằng cách thề trung thành với nhau. Được biết Azazyel đã dạy người ta làm gươm, dao, khiên, chế tạo gương (?) để cho *người ta thấy được những gì ở phía sau mình*, nghĩa là những

---

1 More Nebhuchim, xxvi, 8.

2 Sagra Scrittura.

3 Quyển ii, trang 14, 29.

chiếc "gương thần". Amazarak đã dạy tất cả những phù thủy và những kẻ chia rẽ để cho cây sinh sản: Amers dạy giải pháp của pháp thuật; Barkayal dạy chiêm tinh học; Akibeek dạy ý nghĩa của các điểm và các ký hiệu; Tamiel dạy thiên văn học; và Asaraded dạy về chuyển động của Mặt Trăng. ([1]) "Bảy vị này là các Huấn Sư đầu tiên của con người thứ tư" (nghĩa là Giống dân thứ Tư). Nhưng tại sao người ta lại luôn luôn hiểu ẩn dụ theo ý nghĩa sát nguyên văn của nó ?

Đó là sự trình bày tượng trưng trận đại chiến giữa Minh Triết Thiêng Liêng, Nous, và Phản ánh Thế tục của nó, Psuche, tức là giữa Tinh Thần và Linh Hồn, trên Trời và dưới Trần Thế. Trên Trời – là vì Chơn Thần Thiêng Liêng đã tự ý lưu vong từ đó để giáng xuống lâm phàm trên cảnh giới thấp, và như thế, biến *con vật* bằng đất sét thành một vị *Thần* bất tử. Đó là vì Éliphas Lévi đã cho chúng ta biết rằng:

Các Thiên Thần mong muốn được trở thành người, vì Con Người toàn thiện, Thiên Nhân (Man-God) còn cao siêu hơn cả các Thiên Thần (Angels).

Dưới trần thế - là vì ngay khi tinh thần đã giáng lâm, nó liền bị các cuộn dây vật chất chẹn cổ.

Lạ thay, Giáo lý Huyền bí lại đảo ngược các đặc tính trong trường hợp này, chính vị Tổng Thiên Thần nhân hình (đối với tín đồ Thiên Chúa giáo) và vị Thần giống người (đối với người Ấn Độ) mới tiêu biểu cho Vật Chất, còn con Rồng hay Rắn lại tiêu biểu cho Tinh Thần. Biểu tượng ký huyền linh cung ứng cho chúng ta chìa khóa để giải điều bí nhiệm; còn biểu tượng ký thần học lại che giấu nó nhiều hơn nữa. Đó là vì biểu tượng ký huyền linh giải thích được nhiều câu trong Thánh kinh, ngay cả trong Tân Ước nữa; mà đến nay vẫn còn

[1] Chương viii, bản dịch của Laurence, trang 7, 8.

không ai hiểu được. Còn biểu tượng ký thần học, vì giáo điều về Satan và sự nổi loạn của y nên đã làm hạ giá tính cách và bản chất của vị Thượng Đế lẽ ra phải là vô hạn và toàn thiện, và tạo ra điều ác và tự đọa đày tồi bại nhất trên Trần Thế - niềm tin vào con Quỷ nhân hình. Điều bí mật này nay đã được tiết lộ một phần. Chìa khóa giải ý nghĩa thần học của nó lại trình bày các Thần và Thiên Thần là biểu tượng của các tôn giáo chấp nê văn tự, giáo điều đang bày binh bố trận chống lại các chân lý thuần túy về Tinh Thần, trơ trụi và không hề được óc hoang đường tô điểm.

Trong Nữ Thần Isis Lộ Diện, người ta đã đưa ra nhiều ẩn ngôn theo chiều hướng này, và chúng ta còn có thể tìm thấy còn nhiều điều ám chỉ bí nhiệm này hơn nữa rải rác trong tác phẩm này. Xin nêu rõ điều này một lần nữa cho trọn vẹn : cái mà giai cấp giáo sĩ thuộc mọi tôn giáo có óc giáo điều, nhất là Thiên Chúa giáo, nêu đích danh là Satan, kẻ thù của Thượng Đế, thật ra lại là Tinh Thần thiêng liêng vô thượng – Minh Triết Huyền Linh trên Trần Thế - nó dĩ nhiên là đối địch với mọi ảo tưởng phù du, trần tục, kể cả các tôn giáo có tôn ti trật tự và có óc giáo điều. Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã, vốn cố chấp, mê tín (bigoted) và độc ác đối với tất cả những kẻ nào không chịu làm nô lệ của mình, đã tự xưng là "cô dâu"("bride") của Đức Christ, và đồng thời là kẻ thân tín của Peter, kẻ đã bị Chúa quở trách một cách thật là chí lý rằng: "Hỡi Satan, hãy theo sau ta !" Còn Giáo hội Tin Lành, trong khi tự xưng là Thiên Chúa giáo, lại tỏ ra nghịch lý khi thay thế Tân Ước bằng các Luật cổ hủ của Moses mà Đức Christ công khai chối bỏ. Cả hai Giáo hội nêu trên đều đang tranh đấu chống lại Chân lý thiêng liêng, khi phủ nhận và vu khống Con Rồng Minh Triết Thiêng Liêng Huyền Bí. Bất cứ

khi nào mà họ nguyền rủa thậm tệ Đấng Chnouphis Thái Dương của phái Ngộ Đạo, Linh xà Christos, hay Con Rắn Vĩnh Cửu của Minh Triết Thiêng Liêng, hoặc thậm chí Con Rắn trong Sáng Thế Ký – thì họ cũng bị khích động bởi các
377 tinh thần cuồng tín hắc ám đã bị khích động của đám người Pharisees nguyền rủa Jesus bằng những lời lẽ sau đây: "Phải chăng chúng tôi không nên bảo rằng Ngài có một con quỷ ?"

Chúng ta hãy đọc lối tường thuật về Indra (Vãyu) trong kinh Rig Veda, tác phẩm Huyền bí *tuyệt diệu* của môn phái Ãryan, rồi so sánh nó với cũng lối tường thuật ấy bên trong kinh Purãnas (lối thuyết minh ngoại môn của phái Ãryan) và lối tường thuật cố ý xuyên tạc về giáo lý huyền môn chân chính. Trong kinh Rig Veda, Indra là vị Thần cao siêu và vĩ đại nhất, và việc Ngài uống nước Soma ám chỉ bản chất thiêng liêng cao cả của Ngài. Trong kinh Purãnas, Indra trở thành một kẻ trụy lạc, thường say tít vì uống nước Soma, theo lối thế tục thường tình. Ngài chinh phục được mọi "kẻ thù của chư Thiên", các Daityas, Nãgas (Rắn), Asuras, mọi Thần Rắn, và của Vritra, Rắn Vũ Trụ, Indra là thánh Michael của chư Thần Ấn Độ - thủ lãnh của *đạo quân* Thiên Thần. Quay sang Thánh kinh, chúng ta thấy Satan, một trong "các Con của Thượng Đế", ([1]) trở thành Ma Quỷ theo lối thuyết minh ngoại môn, và Con Rồng theo ý nghĩa tồi bại, tội lỗi. Nhưng trong kinh Kabalah, ([2]) Samael vốn là Satan lại được trình bày là tương đồng với Thánh Michael, Kẻ Giết Rồng. Thế là thế nào, khi nghe nói Tselem (Hình ảnh) phản chiếu Michael và Samael như nhau, *cả hai vốn chỉ là một* ? Người ta đã dạy rằng cả hai đều xuất phát từ Ruach (Tinh Thần),

[1] Thánh Thư Job, i, 6.

[2] Số Mục Thánh Thư, của dân Chaldea.

Neshama (Linh Hồn) và Nephesh (Sự Sống). Trong số Mục Thánh Thư của dân Chaldea, Samael chính là Minh Triết ẩn tàng (Huyền linh), còn Michael là Minh Triết thượng đẳng *thế tục*, cả hai đều xuất phát từ cùng một nguồn, nhưng lại rẽ ra sau khi xạ ra từ *Linh Hồn Thế gian*, mà trên Trần Thế vốn là *Toàn Linh Trí (Mahat),* sự hiểu biết của trí tuệ tức *Manas,* chỗ trú của trí năng. Họ rẽ ra, vì một đàng (Michael) chịu tác dụng của Neshamah, còn một đàng (Samael) lại vẫn không bị ảnh hưởng. Giáo điều này đã bị đầu óc giáo điều của Giáo hội làm cho bại hoại, vốn ghê tởm Tinh Thần độc lập không chịu ảnh hưởng của hình hài sắc tướng, do đó bởi giáo điều, nó tức khắc biến Samael – Satan – tinh thần minh triết và thiêng liêng nhất – thành ra đối thủ của Thượng Đế nhân hình và con người vật dục tức Ma Quỷ !

NGUỒN GỐC CỦA HUYỀN THOẠI SATAN

Thế thì, chúng ta hãy thử thâm cứu thêm sự sáng tạo của óc tưởng tượng của các Linh mục về giáo lý này và tìm kiếm nguyên kiểu của nó đối với những người Ngoại đạo. Thật là dễ dàng mà truy nguyên nguồn gốc của tân huyền thoại Satan. Truyền thuyết về Con Rồng và Mặt Trời vẫn còn vang dội ở khắp nơi trên thế giới, cả ở những vùng văn minh lẫn những vùng bán khai. Nó phát nguyên trong những lời thì thầm về các cuộc Điểm đạo bí mật trong trần tục, và đã từng được lập nên trên khắp thế giới, xuyên qua tôn giáo thờ mặt trời xưa kia có tính cách đại đồng thế giới. Có một thời mà khắp nơi trên thế giới cũng đầy dẫy các đền thờ Mặt Trời và Rồng; Nhưng nay, sự thờ cúng này được duy trì ở hầu hết các xứ theo Phật giáo và Trung Hoa.

Bel và con Rồng được phối ngẫu đồng đều với nhau, còn vị lễ sư của tôn giáo Thờ rắn thì cũng đều giả danh vị Thần Linh của mình.([1])

Trong các tôn giáo thời xưa, người ta phải tìm kiếm nguồn gốc Tây phương của nó ở Ai Cập. Các kẻ Thờ rắn kế thừa các nghi lễ của mình từ Hermes Trismegistus, và kế thừa tục sùng bái mặt trời với các Nhật thần xâm nhập vào Ai Cập từ Ấn Độ. Chúng ta thấy các vị Thần ở Stonehenge, là các Thần ở Delphi và Babylon, lại là các vị Thiên Thần ở các quốc gia có kinh Veda. Bel và Con Rồng, Apollo và Python, Krishna và Kãliya, Osiris và Typhon, đều chỉ là một dưới nhiều danh xưng khác nhau – Osiris và Typhon chính là Michael và Xích Long (Red Dragon), và Thánh George và Con Rồng của Ngài. Vì Michael là "Đấng giống như Thượng Đế", hoặc phân thân của Ngài để thi hành các mục đích thế gian, và một trong các Đấng Elohim, Thiên Thần chiến đấu, nên Ngài chỉ là một hoán vị của Jehovah. Cho dù biến cố vũ trụ hay thiên văn thoạt tiên đã tạo ra các ẩn dụ về "cuộc Chiến tranh trên Trời" có ra sao đi chăng nữa, thì chúng ta cũng phải tìm kiếm nguồn gốc thế tục của nó nơi thánh điện Điểm đạo và các hầm mộ cổ sơ. Bằng chứng là chúng ta thấy rằng (a) các lễ sư giả danh là chư Thần Linh mà họ phụng sự; (b) suốt thời cổ sơ, các "Con Rồng" được xem như là biểu tượng của sự Bất Tử và Minh triết, của Tri thức bí nhiệm và Vĩnh Cửu; (c) các Đạo Trưởng ở Ai Cập, Babylon và Ấn Độ thường tự xưng là "các Con của Rồng" và "Rắn"; như thế điều này đã bổ chứng cho Giáo Lý Bí Nhiệm.

Ở Ai Cập và Chaldea có nhiều hầm mộ, một số hầm mộ này rất lớn. Hầm mộ trứ danh nhất là các hầm mộ dưới đất

[1] Khảo cổ học, chương xxv, trang 220, Luân Đôn.

của Thebes và Memphis. Các hầm mộ của Thebes, bắt đầu trên bờ Tây của sông Nile trải rộng về phía sa mạc Lybia và được biết là các hầm mộ hay hành lang của Rắn. Chính ở đó đã diễn ra các Bí pháp thiêng liêng của "Chu kỳ Tất yếu"("Unavoidable Cycle") mà người ta thường biết là "Vòng tròn Tất yếu"("Circle of Necessity"), số phận tàn nhẫn đã được áp đặt lên mọi Linh Hồn sau khi thể xác đã chết, khi nó đã bị phán xét ở vùng Luyện ngục (Amentian region).

Trong tác phẩm của De Bourbourg, Votan, vị Bán thần linh Mễ Tây Cơ, khi tường thuật cuộc hành trình của mình, đã mô tả một hành lang ngầm, chạy dưới đất và chấm dứt ở vòm của cõi trời. Ngài còn nói thêm rằng hành lang này là hang Rắn và Ngài được nhận vào đó vì chính Ngài là một "*Con của Rắn*", tức là một Con Rắn. ([1])

379 Thật vậy, điều này rất gợi ý, vì việc ông mô tả cái "hang Rắn" chính là việc mô tả hầm mộ ở Ai Cập như chúng ta đã nêu trên. Vả lại, trong khi thi hành những Bí pháp, các vị Đạo Trưởng Ai Cập cũng như Babylon, thường tự xưng là "các Con của Thần Rắn" hay "các Con của Rồng".

"Lễ sư Assyria luôn luôn mang tên vị Thần của mình", theo Movers. Những người Druids ở các vùng Celt-Bretagne cũng tự xưng là Rắn. Họ kêu lên "Tôi là một Con Rắn, tôi là một người Druid". Karnak ở Ai Cập là anh em sinh đôi của Carnac ở Bretagne, Carnac có nghĩa là Núi Rắn. Các đền thờ Rồng đã từng đầy dẫy trên mặt địa cầu, các đền này thờ Rồng chỉ vì đó là hiện tượng của Mặt Trời, đến lượt Mặt Trời lại là biểu tượng của vị Thần Tối Cao – Elon hay Elion ở Phoenicia,

[1] Die Phõ nizier, 70. (Trích từ Nữ Thần Isis Lộ Diện, I, trang 554).

Đấng mà Abraham nhận ra là El Elion. ([1]) Ngoài tên họ là Rắn, họ cũng có danh xưng là các "Đấng Kiến Tạo" hay"Kiến Trúc Sư", vì các đền thờ và các đền đài của chúng lớn đến nỗi mà ngay cả hiện nay, các di tích vụn nát của chúng "cũng làm cho các kỹ sư của chúng ta ngày nay kinh sợ khi phải tính toán, "theo lời của Taliesin. ([2])

De Bourbourg nói bóng gió rằng các vị đứng đầu có danh xưng Votan, Quetzo-Cohuatl, tức là Thần Rắn của người Mễ Tây Cơ, chính là con cháu của Ham và Canaan. Họ cho rằng "Tôi là Hivim ([3]). Vì là Hivim, nên thuộc về đại tộc Rồng (Rắn). Tôi chính là một con Rắn, vì tôi chính là Hivim".

Hơn nữa, theo ý nghĩa nào đó, "cuộc Chiến tranh trên Trời" muốn nói tới những cuộc đấu tranh khủng khiếp dành cho ứng viên Cao đồ - các cuộc đấu tranh của chính vị này và các thị dục con người được nhân cách hóa (bằng Pháp thuật) của vị ấy, khi *Chơn Nhơn* giác ngộ, hoặc là phải tiêu diệt chúng, hoặc là thất bại. Trong trường hợp tiêu diệt được chúng, thì vị ấy trở thành "Kẻ giết Rồng", vì đã may mắn khắc phục được tất cả các sự cám dỗ, và trở thành một "Con của Rắn", và chính một Con của Rắn, sau khi đã lột bỏ lớp da cũ của mình, và sinh ra trong cơ thể mới, trở thành một Con của Minh Triết và Bất Tử trong Vĩnh Cửu.

Seth, vị thủy tổ trứ danh của Do Thái, chỉ là một sự nhái lại của Do Thái giáo về Hermes, Thần Minh Triết cũng được mệnh danh là Thoth, Tat, Seth, Set và Satan. Ngài cũng là Typhon chẳng khác nào Apophis, Con Rồng bị Horus giết

---

[1] Xem Sanchuniathon trong Eusebius, Pr, Ev., 36; xem Sáng Thế Ký.

[2] Hội Khảo Cổ Luân Đôn, Quyển xxv, trang 220.

[3] Cartas, 51; xem Nữ Thần Isis Lộ Diện, I, trang 553 và tiếp theo.

chết; vì Typhon cũng được gọi là Set. Ngài chỉ là khía cạnh *hắc ám* của Osiris, anh Ngài, cũng như Angra Mainyu là bóng đen của Ahura Mazda. Xét về mặt thế tục, tất cả những ẩn dụ này đều có liên quan tới những cuộc thử thách để được Điểm đạo và đạt quả vị Chơn Sư. Xét về mặt thiên văn, chúng có ý nói tới các kỳ Nhật thựcc và Nguyệt thực, đến nay, chúng ta có thể thấy những lời giải thích thần thoại về điều này ở Ấn
380 Độ và Tích Lan, nơi mà bất kỳ người nào cũng có thể nghiên cứu các chuyện ẩn dụ và các truyền thuyết vẫn không đổi trong nhiều ngàn năm.

Xét về mặt thần thoại, Rãhu là một Daitya – một Người khổng lồ, một Bán thần linh có phần dưới của cơ thể tận cùng bằng đuôi của một Con Rồng hay Rắn. Trong khi Đại dương bị khuấy đảo, khi chư Thiên tạo ra Nước cam lồ trường sinh thì y lấy cắp một ít để uống và trở thành bất tử. Mặt Trời và Mặt Trăng đã phát hiện ra việc y đánh cắp, nên tố cáo y với Vishnu, Ngài liền nhốt y vào các bầu tinh đẩu, phần trên của cơ thể Ngài lại tiêu biểu cho đầu Rồng, còn phần dưới (Ketu) tiêu biểu cho đuôi Rồng, hai phần đó chính là các tiếp điểm lên và xuống. Từ đó, Rãhu liền trả thù Mặt Trăng và Mặt Trời bằng cách thỉnh thoảng lại nuốt chúng. Nhưng thần thoại có một ý nghĩa huyền bí khác, và Rãhu đầu Rồng đã giữ một vai trò chủ yếu trong các Bí pháp Điểm đạo của Mặt Trời (Vikartana), khi ứng viên và Con Rồng đã chiến đấu quyết liệt.

Các hang của chư Thánh Hiền, các chỗ trú của Teiresias và các nhà linh thị Hy Lạp, được khuôn đúc theo các chỗ trú của Xà Vương Ấn Độ (Nãgas), họ vẫn ở trong các hang đá dưới đất. Từ Shesha, Con Rắn ngàn đầu mà Vishnu ngự trên đó, xuống mãi tới Python, Con Rồng và *rắn sấm truyền*, tất cả đều vạch rõ ý nghĩa bí mật của thần thoại này. Ở Ấn Độ, chúng ta thấy sự kiện này được đề cập trong các kinh Purãnas sơ khai nhất. Các con của Surãsã là những "Con

Rồng" dũng mãnh. Kinh Vayu Purãna thay thế các Con Rồng Surasã trong kinh Vishnu Purãna bằng Dãnavas, thay thế hậu duệ của Danu bằng Hiền triết Ca Diếp (Kashyapa). Các Dãnavas này chính là những Người khổng lồ Titan đã chiến đấu chống lại các Thần Linh, như thế, người ta đã chứng tỏ rằng họ đồng nhất với các Con Rồng và Rắn Minh Triết.

Chúng ta chỉ cần so sánh các Nhật Thần của mọi xứ với nhau thì cũng đủ thấy các chuyện ẩn dụ của chúng hoàn toàn phù hợp với nhau. Biểu tượng ẩn dụ càng Huyền bí, thì các biểu tượng của nó trong hệ thống ngoại môn lại càng phù hợp với nó. Như thế, nếu chúng ta ngẫu nhiên lựa ra nhiều Nhật Thần và Con Rồng từ ba hệ thống khác nhau theo bề ngoài – hệ thống cổ Ãryan, hệ thống cổ Hy Lạp, và các hệ thống Thiên Chúa giáo hiện đại – thì chúng ta sẽ thấy rằng chúng đã được mô phỏng theo nhau.

Chúng ta hãy thử xét Hỏa Thần Agni, Thần bầu trời Indra và Kãrtikeya của người Ấn Độ; thần Apollo của người Hy Lạp; và Michael, "Thiên Thần Mặt Trời", Phân thân bản sơ mà các tín đồ phái Ngộ Đạo gọi là "Đấng Cứu Thế" – và tiến hành công việc theo thứ tự.

1. Trong kinh Rig Veda, Hỏa Thần Agni được gọi là Vaishvãnara. Nay Vaishvãnara là một Dãnava, một con Quỷ khổng lồ, ([1]) hai con gái của nó (Pulomã và Kãlakã) là mẹ của
381 hằng hà sa số Dãnavas (30 triệu), chịu ơn sinh thành của Đức

[1] Trong kinh Vãyu Purãna, y được mệnh danh như thế và được bao gồm trong danh sách các Dãnavas; Người bình giải kinh Bhãgavata Purãna gọi y là một đứa con của Danu, nhưng danh hiệu này cũng có nghĩa là "Tinh Thần của Nhân loại".

Ca Diếp,(1) và sống ở Hiranyapura, "*kinh đô màu vàng nổi lềnh bềnh trên không*".(2) Vì thế, về phương diện nào đó thì Indra là con gái của hai vị này với vai trò là một người con của Đức Ca Diếp; theo nghĩa này thì Ca Diếp đồng nghĩa với Hỏa Thần Agni hay Mặt Trời (Ca Diếp-Ãditya). Cũng trong nhóm này còn có Skanda hay Kãrtikeya, Thần Chiến Tranh, thiên thể Mars *sáu mặt* xét về mặt thiên văn, một vị Kumãra hay Trai tân, do Hỏa Thần sinh ra (3) để tiêu diệt Con Quỷ khổng lồ Tãraka, cháu của Ca Diếp, con của Hiranyãksha. (4) Những phép luyện yoga khắc khổ của Tãraka phi thường đến nỗi mà

---

1 Đức Ca Diếp (Kashyapa) được gọi là con của Brahmã và là "Đấng Tự sinh tự tại" mà người ta gán cho phần lớn công tác sáng tạo. Ngài là một trong bảy Đấng Thánh Hiền; xét về mặt ngoại môn, Ngài là con của Marĩchi, con của Brahmã; còn kinh Atharda Veda, lại dạy rằng "Đấng Tự sinh tự tại Ca Diếp xuất phát từ Thời gian"; xét về mặt *nội môn*, Thời gian và Không gian đều là các dạng của Đấng Thiêng Liêng Duy Nhất *bất khả tư nghị*. Với vai trò là một Ãditya, Indra là con của Đức Ca Diếp cũng như là Bàn Cổ Vaivasvata, Thủy Tổ của chúng ta. Trong trường hợp được trình bày trong kinh điển, Ngài là Ca Diếp-Ãditya, *Mặt Trời và Nhật Thần, tất cả* những Con Quỷ "Vũ Trụ", Rồng (Nãgas), Rắn hay Thần Rắn và Dãnavas (Người khổng lồ) đều phát sinh từ Ngài. Các ẩn dụ nêu trên đều có ý nghĩa thuần túy thiên văn vũ trụ, nhưng sẽ được dùng để chứng tỏ sự đồng nhất của tất cả.

2 Vishnu Purãna, bản dịch của Wilson, Quyển ii, trang 72.

3 Trong các kinh điển của *ngoại môn*, tất cả các câu chuyện như thế đều khác nhau. Trong tác phẩm Mãhãbharata, Kãrtikeya, "Hỏa Tinh sáu mặt" là con của Rudra tức Shiva, tự sinh ra *không cần mẹ* do mầm mống của Shiva bị ném vào lửa. Nhưng Kãrtikeya thường được gọi là Agnibhũ, "Hỏa sinh".

4 Hiranyãksha là Đấng cai quản tầng Địa ngục *thứ năm* và là một Thần Rắn.

chúng trở nên kinh khủng đối với chư Thiên, họ e rằng đó là một thế lực cạnh tranh với mình. ([1]) Trong khi Indra, vị Thần chói lọi trên Bầu trời, giết chết Vritra, tức Ahi, con Quỷ Rắn – nhờ chiến công này nên Ngài mới được gọi là Vritra-han, "Kẻ tiêu diệt Vritra"- thì Ngài cũng lãnh đạo tập đoàn Thiên Thần chống lại các vị Thần khác đang nổi loạn chống với Brahmã, vì thế Ngài mới có tên gọi là Jishnu, "Thủ lãnh của Đạo quân Thiên giới". Vì giết được con Quỷ khổng lồ Tãraka, nên Ngài được gọi là Tãraka-jit, "Kẻ chinh phục được Tãraha",([2]) Kumãra Guha, "Đấng Thiên Tôn bí nhiệm", Siddha-sena "Thủ lãnh của các Siddhas" và Shakti-dhara, "Kẻ cầm giáo".

---

[1] Các Elohim cũng e sợ Adam có được Tri thức về Thiện và Ác; do đó, người ta trình bày là các Ngài đã trục xuất y ra khỏi vườn Địa Đàng và tiêu diệt y về mặt *tinh thần.*

[2] Chuyện kể rằng nhờ có các quyền năng Yoga phi thường, Tãraka (còn được gọi là Kãlanãbha) đã đạt được mọi linh thức về Yoga các quyền năng của chư Thiên đang âm mưu chống lại Ngài. Ở đây, chúng ta thấy Tập đoàn Tổng Thiên Thần hay tiểu Thần "tuân phục" đã âm mưu chống lại các Thiên Thần Sa Đọa (tương lai), những kẻ mà Enoch đã kết tội là đã tiết lộ cho thế giới mọi "điều bí nhiệm được thực hiện trên Trời". Chính Michael, Gabriel, Raphael, Suryal và Uriel đã tố cáo với Đức Chúa Trời tin đồn là các vị huynh đệ này của mình đã xoi mói vào các bí pháp thiêng liêng và dạy chúng cho nhân loại; nhờ thế, chính họ đã thoát được một hình phạt tương tự. Michael được giao nhiệm vụ tấn công Con Rồng, và Kãrtikeya cũng vậy trong những hoàn cảnh tương tự. Cả hai đều là "Thủ lãnh của Đạo quân Thiên giới", Trai tân, "Thủ lãnh của chư Thánh", "Kẻ cầm giáo" (Shaktidharas) v.v… Kãrtikeya là nguồn gốc của Thánh Michael và Thánh George, chẳng khác nào Indra là nguyên kiểu của Kãrtikeya.

2. Nay chúng ta hãy xét Apollo, Nhật Thần Hy Lạp, và việc dùng so sánh các lối tường thuật thần thoại về Ngài để xem Ngài có tương ứng chăng với cả Indra, Kãrtikeya lẫn Ca Diếp-Ãditya, đồng thời tương ứng với Michael (với vai trò là dạng Thiên Thần của Jehovah), "Thái Dương Thiên Thần",
382 Ngài vốn "giống như và đồng nhất với Thượng Đế". Mặc dù được nâng lên thành các giáo điều mà không ai được quyền nghi ngờ, những lối thuyết minh tài tình sau này với các mục đích độc thần, có lẽ chẳng chứng tỏ được gì, ngoại trừ sự lạm quyền của con người.

Apollo là Helios, Mặt Trời, Phoibos-Apollo, "Ánh sáng của Sự Sống và Thế gian", ([1]) Ngài phát sinh từ cái Ly có cánh bằng Vàng (Mặt Trời); vì thế, Ngài là Nhật Thần *tuyệt diệu*. Ngay khi mới cất tiếng chào đời, Ngài đã đòi chiếc cung để giết Python, con Quỷ Rồng đã tấn công mẹ Ngài trước khi Ngài ra đời ([2]) mà thiêng liêng ủy nhiệm cho Ngài tiêu diệt – cũng như Kãrtikeya được sinh ra đời để giết Tãraka, Con Quỷ *quá thánh thiện và khôn ngoan*. Apollo ra đời trên một đảo tinh đẩu tên là Asteria –"đảo sao vàng", ([3]) "quả địa cầu nổi lềnh bềnh trên không", nó vốn là *Hiranyapura* hoàng kim của Ấn Độ. Ngài được gọi là Đấng Thanh Khiết, Agnus Dei, theo

---

[1] "Sự sống và ánh sáng" của thế giới *vật chất*, sự khoái lạc của các giác quan, chứ không phải của linh hồn, Apollo chủ yếu là vị Thần của *con người*, Thần của nghi thức giáo hội có tính cách phường tuồng, đa cảm, ưa se sua, với ánh sáng rực rỡ và âm nhạc.

[2] Xem Thánh Thư Khải Huyền (xii, 3, 4), trong đó chúng ta thấy mẹ của Apollo bị hành hạ bởi Python, Xích Long, vốn cũng là Porphyrion, người khổng lồ Titan đỏ hay tía.

[3] [Trong nguyên bản Thiên Thư, trang 88 là "Tinh đảo trôi nổi"("Floating star island")].

Tiến sĩ Kenealy thì đó chính là Hỏa Thần của Ấn Độ; theo "thần thoại bản sơ thì Ngài được miễn khỏi mọi tình yêu nhục thể".(1) Do đó, Ngài là một vị Thiên Tôn giống như Kãrtikeya và cũng như Indra trong các kiếp trước. Hơn nữa Python, "Xích Long", liên kết Apollo với Michael, Ngài chiến đấu với Con Rồng trong kinh Khải Huyền, đang ra sức tấn công người đàn bà đang sinh nở, cũng như Python tấn công thân mẫu của Apollo. Thử hỏi có ai mà chẳng thấy sự đồng nhất này không? Nếu W. E. Gladstone, kẻ lấy làm tự phụ về trình độ học giả Hy Lạp và sự hiểu biết về tinh thần của các chuyện ẩn dụ của Homer, đã từng có được một khái niệm thực sự về ý nghĩa *nội môn của Iliad* và *Odyssey*, thì ắt ông đã hiểu được *Thánh Thư Khải Huyền* của Thánh John, thậm chí cả Ngũ kinh Cựu Ước nhiều hơn nữa. Đó là vì con đường dẫn tới Thánh kinh phải đi qua Hermes, Bel và Hormes, cũng như con đường dẫn tới các vị này lại phải đi qua các biểu tượng tôn giáo Ấn Độ và Chaldea.

3. Chúng ta thấy việc lặp lại các truyền thuyết cổ sơ này trong chương xii, Thánh Thư Khải Huyền của Thánh John, và chắc chắn là bắt nguồn từ huyền thoại Babylon, mặc dù đến lượt câu chuyện Babylon này lại bắt nguồn từ ẩn dụ của người Ãryans. Đoạn văn mà George Smith đã đọc được cũng đủ để tiết lộ nguồn gốc của chương Thánh Thư Khải Huyền này rồi. Nhà nghiên cứu Assyria lỗi lạc ấy đã trình bày như sau:

Áng văn này đề cập tới sự sáng tạo ra loài người tên Adam, như [con người] trong Thánh kinh, y được tạo ra một cách hoàn chỉnh, … nhưng sau đó, y cấu kết với con rồng dưới vực sâu, con
383 thú Tiamat, tinh thần hỗn mang để xúc phạm tới vị thần linh của

[1] Thiên Thư, trang 88.

mình. *Ngài nguyền rủa* y và trút lên đầu y mọi tai họa của nhân loại. ([1])

Hậu quả của việc này là cuộc chiến tranh giữa con rồng và các thế lực ác, tức một đàng là hỗn mang, và một đàng là các thần linh.

Các vị thần có các vũ khí được rèn luyện cho mình ([2]) còn Merodach [Tổng Thiên Thần Michael trong Khải Huyền, xii, 7 và 8] đã cam kết lãnh đạo đội quân thiên giới chống lại con rồng. Trận chiến tranh được mô tả một cách linh hoạt dĩ nhiên là đã chấm dứt với sự chiến thắng của nguyên khí thiện (principle of good). ([3])

Theo sự áp dụng trần thế cuối cùng, cuộc chiến tranh này giữa chư Thiên và các Thế lực Thái Uyên (the Deep) cũng có ý nói tới cuộc Chiến tranh giữa các Cao đồ Ãryan của Giống

---

[1] Chẳng vị "Thượng Đế" nào – dù được gọi là Bel hay Jehovah – lại nguyền rủa tạo vật (giả sử) của chính mình, vì Ngài đã tạo ra nó một cách bất toàn mà lại có thể là Minh Triết Tuyệt Đối Vô Cực Duy Nhất.

[2] Trong chuyện ẩn dụ của Ấn Độ về Tãrakãmaya, trận Chiến tranh giữa Thần Linh và các A Tu La do Soma (Mặt Trăng, Vua của Loài cây cỏ), cũng như Vulean (Tubat- Cain), chính Vishvakarman (Đấng tạo chư Thiên) đã rèn luyện vũ khí cho họ.

[3] Sáng Thế Ký theo dân Chaldea, trang 304. Chúng tôi đã nói ở đâu đó rằng "người đàn bà có con" trong Thánh Thư Khải Huyền. xii, 1, 2 chính là Aima, Đại Mẫu, tức Binah, Sephira thứ ba, "nàng tên là Jehovah"; còn "Con Rồng" ra sức nuốt chửng đứa con sắp sinh của nàng (Vũ Trụ), chính là Con Rồng Minh Triết Tuyệt Đối – vì nhìn nhận rằng Vũ Trụ và vạn hữu đều bất khả phân ly với TỔNG THỂ Tuyệt Đối nên Minh Triết này thấy rằng Vũ Trụ chẳng có gì khác hơn là Đại Hão Huyền, Mahãmãyã, do đó là nguyên nhân của đau khổ.

dân thứ Năm mới sinh ra và các vị Phù thủy của Châu Atlantis, những Con Quỷ dưới Vực thẳm, những người ở trên Hòn đảo có nước bao quanh và biến mất trong trận Đại hồng thủy.

Như đã nêu rõ, các biểu tượng về "Con Rồng" và "cuộc Chiến tranh trên Trời" có hơn một ý nghĩa; các biến cố tôn giáo, thiên văn và địa chất đều được bao hàm trong một ẩn dụ chung và duy nhất. Nhưng chúng cũng có một ý nghĩa vũ trụ học. Ở Ấn Độ, một trong các dạng của câu chuyện "Con Rồng" được lặp lại trong các trận chiến của Indra với Vritra. Trong kinh Veda, Ahi-Vritra này được gọi là Con Quỷ Hạn Hán, Gió nóng khủng khiếp. Người ta trình bày là Indra thường xuyên đụng độ với nó, nhờ có lửa tầm sét, vị thần này bắt buộc Ahi-Vritra phải trút mưa xuống Trần Thế, rồi giết y luôn. Vì thế Indra được gọi là Vritra-han tức "Kẻ giết Vritra", cũng như Michael được gọi là Kẻ chinh phục và "Kẻ giết Rồng". Thế thì cả hai kẻ thù đều là "Cựu Long" ("Old Dragon") lao xuống các vực thẳm của Địa Cầu (theo một ý nghĩa nào đó).

Các Amshaspend trong kinh Avesta chính là một đạo quân có một Lãnh tụ giống như Thánh Michael, và dường như là đồng nhất với các đạo quân Thiên giới (nếu xét theo lối tường thuật trong tác phẩm Vendīdād). Như thế, trong Fargard xix, Ahura Mazda bảo Zarathushtra hãy "cầu khẩn với Amesha Spentas, chưởng quản bảy Karshvares ([1]) của Địa

[1] "Bảy Karshvares của Địa Cầu"- bảy Bầu của dãy Hành Tinh chúng ta, bảy Thế giới cũng được kinh Rig Veda đề cập tới đã được bàn rốt ráo ở đâu đó. Có sáu Rājamsi (Thế giới) ở trên Prithivī, Địa Cầu, tức "Thế giới bên này", đối nghịch với Thế giới bên kia (sáu

Cầu". ([1]) Theo bảy áp dụng, các Karshvares này đều có ý nói tới bảy Bầu của Dãy Hành Tinh chúng ta, bảy Hành Tinh, bảy
384 Cõi Trời v.v…, tùy theo ý nghĩa này được áp dụng cho một Thế giới hồng trần, siêu phàm hay chỉ là Thế giới tinh đẩu. Cũng trong Fargard đó, trong lời khấn nguyện chống lại Angar Mainyu và Đạo quân của y, Zarathushtra đã kêu gọi họ bằng những lời lẽ sau đây: "Ta cầu nguyện với bảy Sravah rực rỡ cùng với đoàn thê tử của họ".([2]) "Sravah" – một từ ngữ mà các nhà Đông phương học đã xem là có "ý nghĩa không ai biết được"- cũng có nghĩa là các vị Amshaspends ấy, nhưng theo ý nghĩa Huyền bí cao siêu nhất, Sravah là Bản thể của hiện tượng Amshaspends, Tinh Thần hay Linh Hồn của các Quyền năng *biểu lộ* này; còn "đoàn thê tử" của họ là có ý nói tới các Thiên Thần Hành Tinh và các tập đoàn tinh đẩu gồm các ngôi sao và các chòm sao. "Amshaspend" là từ ngữ ngoại môn chỉ được dùng trong các sự phối hợp và sự việc thế tục mà thôi. Zarathushtra thường xuyên gọi Ahura Mazda là "Đấng tạo ra thế giới *vật chất*". Ormazd là cha đẻ của Trái Đất (Spenta Ãrmaiti), khi hiện thân Trái Đất được gọi là "người con gái xinh đẹp của Ahura Mazda" ([3]) cũng là Đấng Sáng Tạo ra Cây (Tri Thức và Minh Triết Thiêng liêng huyền bí) vốn là cội nguồn của cây Baresma bí nhiệm. Nhưng thánh danh Huyền bí của vị Thần rực rỡ chưa bao giờ được tuyên đọc bên ngoài thánh điện.

Bầu trên ba cõi khác). (Xem kinh Rig Veda, I, 34; iii, 56; vii, 10411 và v, 60, 6).

[1] Bản dịch của Darmesteter, Các Thánh Thư ở Phương Đông, Quyển iv, trang 207.

[2] Như trên, trang 217.

[3] Như trên, trang 208.

Samael tức Satan, Con Rắn cám dỗ trong Sáng Thế Ký, là một trong các Thiên Thần bản sơ nổi loạn, chính là danh xưng của "Xích Long". Y chính là Thiên Thần của *Sự Chết*, vì Do Thái Pháp Điển dạy rằng "Thiên Thần của Sự Chết và Satan đều như nhau". Y bị Michael giết chết, y còn bị Thánh George cũng là một Kẻ giết Rồng, giết chết một lần nữa. Nhưng chúng ta hãy xem những sự biến hóa của điều này. Samael đồng nhất với *Simoon*, gió nóng ở sa mạc; y còn đồng nhất với Con Quỷ Hạn hán trong kinh Veda tên là Vritra: "Simoon được gọi là Atabutos", - Ma Quỷ.

Typhon tức Con Rồng Apophis – Vị Tố Cáo (Accuser) trong Tử Vong Kinh (Book of the Dead) – bị Horus đánh bại (Horus đã đâm một chiếc giáo xuyên qua đầu đối thủ của mình. Còn Typhon lại là gió sa mạc tiêu diệt vạn vật, các phần tử nổi loạn làm cho mọi chuyện đều xáo trộn. Với vai trò là Set, y là bóng đêm tăm tối, kẻ ám sát Osiris, Ngài vốn là ánh sáng thanh thiên bạch nhật và Mặt Trời. Khảo cổ học chứng tỏ rằng Horus đồng nhất với Anubis ([1]) trên một đền đài Ai Cập,mặc áo giáp và cầm giáo giống như Michael và Thánh George. Người ta cũng trình bày là Anubis giết chết một con Rồng có đầu và đuôi của một con Rắn. ([2])

Thế thì, xét về mặt vũ trụ học, tất cả những Con Rồng và Rắn mà bị những "Kẻ giết chết" chúng, chinh phục, đều có nguồn gốc là các nguyên khí hỗn độn náo loạn trong Hỗn Mang (Chaos); được các Nhật Thần (Sun-gods) tức các Quyền
385 năng *Sáng tạo* làm cho ổn định, thứ tự. Trong Tử Vong kinh, các nguyên khí này được gọi là "Các Người Con Nổi Loạn" ("Sons of Rebellion").([3])

---

[1] Tử Vong Kinh, vii, v, 62; Anubis là Horus, Ngài hòa tan vào "Đấng vô nhãn".

[2] Xem Bàn về Con Rồng Metz, của Lenoir.

[3] Xem thêm Chư Thần Ai Cập, trang 20 – 23.

Đêm ấy, kẻ áp chế, kẻ ám sát Osiris, còn được mệnh danh là con rắn lừa phỉnh … gọi các Người Con Nổi Loạn trên *Không (Air*), và khi chúng đến phía Đông của các Cõi Trời, thì cuộc Chiến tranh trên Trời và trên toàn Thế giới diễn ra. ([1])

Trong tác phẩm Eddas của Bắc Âu, "Trận Chiến" giữa các Ases với các Hrimthurses hay những người khổng lồ Sương giá, và giữa Asathor với các Jotuns, các Con Rắn và Rồng và "Chó Sói" xuất lộ từ "U Minh"- chính là sự lặp lại của cùng thần thoại đó. "Các Vong Linh Gian Ác", ([2]) thoạt đầu chỉ là các biểu hiệu của Hỗn Mang đã được trở nên thần thoại hóa (euhemerized) bởi sự mê tín dị đoan của người phàm tục, cho đến khi rốt cuộc họ đã giành được quyền công dân trong cái được gọi là các giống dân văn minh và văn hiến nhất từ khi nó ra đời, và đã trở thành một giáo điều đối với các tín đồ Thiên Chúa giáo. George Smith đã trình bày như sau:

Các nguyên khí gian ác [Vong Linh], biểu hiệu của Hỗn Mang [chúng ta thấy chúng ở Chaldea và Assyria cũng như ở Ai Cập], … chống lại sự thay đổi này và gây chiến trên Mặt Trăng, con trai út của Bel, lôi kéo Mặt Trời, Kim Tinh và Thần khí quyển Vul về phía mình. ([3])

Đây chỉ là một lối thuyết minh khác về cuộc "Chiến tranh trên Trời" của Ấn Độ, giữa Soma, Mặt Trăng và các Thần Linh; Indra là Thần khí quyển, Vul- điều này chứng tỏ rõ rệt rằng cả hai đều là chuyện ẩn dụ về thiên văn học và vũ trụ

---

[1] Tử Vong Kinh, xvii, v, 54, 49.

[2] Tuyệt nhiên không thể đồng nhất hóa các "Vong Linh Gian Ác" này với Satan hay Đại Long. Chúng là các Tinh Linh được sinh ra do sự vô minh – các thị dục của con người và vũ trụ - tức Hỗn Mang.

[3] Các khám phá về Assyria.

học được thêu dệt thành và được rút ra từ thần phổ học sơ khai nhất mà người ta đã dạy trong các Bí pháp.

Chúng ta có thể thấy rõ nhất chân ý nghĩa của Con Rồng, Rắn, Dê và tất cả những hiện tượng khác về các Quyền năng mà nay chúng ta gọi là điều Ác nơi giáo lý của các môn đồ phái Ngộ Đạo. Đó là vì chính họ đã dùng các giáo lý *của mình* để tiết lộ bản chất Nội môn của điều mà Do Thái giáo dùng thay thế cho AIN SOPH, các giáo sĩ Do Thái đã giấu chân ý nghĩa của nó, còn các tín đồ Thiên Chúa giáo, trừ một vài ngoại lệ, chẳng biết gì về nó. Nếu con rắn là một biểu tượng của Ác, thì nhất định là Đức Jesus ở Nazareth đã chẳng khuyên các tông đồ của mình hãy tỏ ra *khôn ngoan* như con rắn. Và nếu loài bò sát này có liên hệ mật thiết với Satan, thì các tín đồ thờ rắn, những môn đồ Ai Cập thông thái phái Ngộ Đạo thờ rắn, đã chẳng tôn thờ một con rắn sống làm biểu hiệu của MINH TRIẾT thiêng liêng, một loài toàn Thiện chứ không phải toàn Ác. Thật ra thì ngay cả với vai trò là một con rắn thông thường, nó cũng từng là một biểu tượng nhị phân, và với vai trò là một con rồng, nó chưa bao giờ là một điều gì khác hơn là một biểu tượng của Đấng Thiêng Liêng Biểu Lộ thành Đại Minh Triết. Con "rồng bay" của các họa sĩ thời xưa, có thể là một hình ảnh quá đáng của một con vật tiền Đại
386 hồng thủy đã tuyệt chủng, và những kẻ nào đã tin vào các Giáo lý Huyền linh, đều cho rằng xưa kia đã có những tạo vật như các con thằn lằn khổng lồ có cánh đã được dùng làm các nguyên kiểu của con Saraph của Moses và Con Rắn lớn bằng đồng thau của Ngài. ([1]) Xưa kia, chính dân Do Thái đã tôn

[1] Xem Số Mục Thánh Thư, xxi, 8, 9. Thượng Đế ra lệnh cho Moses tạo ra một Con Rắn bằng đồng thau (Saraph) ngõ hầu dùng nó để chữa bệnh cho kẻ bị Con Rắn Bốc Lửa cắn. Con rắn bốc lửa chính là

thờ thần tượng rắn đồng thau, nhưng sau khí Hezekiah đã tạo ra các sự cải cách tôn giáo, họ quay ngoắt lại và gọi biểu tượng đó về vị Đại Thần Linh của các quốc gia khác là một Con Quỷ, còn kẻ tiếm vị của chính họ là "Vị Thần Duy Nhất". ([1])

Danh xưng Sa'tan, theo tiếng Hebrew là Sãtãn, một "Đối thủ" (do động từ *shatana*, "đối lập", "ngược đãi tôn giáo") đúng lý ra thuộc về "Đối thủ" đầu tiên và độc ác nhất của *mọi Thần Linh khác* – Jehovah, chứ không thuộc về Con Rắn, nó chỉ thốt ra những lời lẽ thiện cảm và minh triết và tệ nhất (ngay cả trong giáo điều) là "Đối thủ" *của con người.* Giáo điều này, vốn dựa vào chương 3 của Sáng Thế Ký bất công và vô lý bao nhiêu thì cũng nghịch lý bấy nhiêu. Đó là vì ai là kẻ đầu tiên đã *tạo ra* người đàn bà, cái kẻ quyến rũ đàn ông nguyên sơ và sau này có tính cách đại đồng thế giới? Chắc chắn đó không phải là Con Rắn mà là chính "Đức Chúa

---

các *Seraphim*; Isaiah trình bày rằng (vi, 2) "mỗi con có sáu cánh"; chúng là các biểu tượng của Jehovah và của tất cả những Hóa Công khác tạo ra sáu người con (hay những gì tương tự) từ chính mình – bảy người với Đấng Sáng Tạo ra chúng. Như thế, Con Rắn Bằng Đồng Thau *chính* là Jehovah, thủ lãnh của "các Con Rắn Bốc Lửa". Thế nhưng, trong Thánh Thư Thánh Vương II, xviii, 4, người ta đã trình bày rằng cũng như phụ vương David, vua Hezekiah đã "làm điều thật là chí lý theo quan điểm của Đức Chúa Trời" – "xé tan ra từng mảnh con rắn bằng đồng thau mà Moses đã tạo ra… và gọi nó là Nehushtan", tức là một mảnh đồng thau.

[1] "Thế là Satan đứng lên chống lại Do Thái và xúi giục David để tới Do Thái" (Thánh Thư Niên Sử I, xxi, 1). "Đức Chúa Trời [Jehovah] nổi trận lôi đình đối với Do Thái và thúc đẩy David … (có thể nói là) kể tới Do Thái" (Thánh Thư Samuel II, xxiv, 1). Thế thì cả hai đều giống y như nhau.

Trời", vì cho rằng "Không để người đàn ông cô độc", Ngài tạo ra người đàn bà và đem nàng đến với người đàn ông".(1) Nếu các sự việc nhỏ nhặt khó chịu diễn ra sau đó đã và vẫn còn bị xem là "tội lỗi nguyên thủy", thì nó quả chứng tỏ rằng khả năng tiên tri thiêng liêng của tạo hóa thật là tồi tệ. Tốt hơn là nên để cho ông Adam đầu tiên của chương I hoặc là "bán thư bán hùng" hoặc là "côi cút". Rõ ràng Đức Chúa Trời mới là nguyên nhân thực sự của mọi ác ý, "*tác nhân khiêu khích*", còn Con Rắn chỉ là nguyên kiểu của Azazel, "con vật hy sinh cho tội lỗi của [vị Thượng Đế của] Do Thái", Con Dê đáng thương phải đền tội cho sự lầm lẫn của Ông chủ và vị Sáng tạo ra mình. Dĩ nhiên là điều này chỉ nhắm nói tới những kẻ nào chấp nhận biến cố mở đầu cho thảm kịch của nhân loại trong Sáng Thế Ký theo lối chấp nê văn tự. Những kẻ nào thuyết minh chúng theo lối nội môn, sẽ không hề thu gọn vào các suy lý và giả thuyết hoang tưởng, họ biết cách thuyết minh biểu tượng ký bao hàm trong đó và không thể sai lầm.

387 Hiện nay, không cần phải đề cập tới ý nghĩa thần bí và đa tạp của danh hiệu Jehovah theo nghĩa trừu tượng, một ý nghĩa độc lập đối với Đấng Thánh Linh mà danh xưng ấy đã gọi tên một cách giả tạo. Đó là một "bức bình phong" mà các giáo sĩ Do Thái đã cố ý tạo ra, một điều bí mật mà họ đã duy trì cẩn mật sau khi các tín đồ Thiên Chúa giáo đã cưỡng đoạt của họ Thánh danh này, nó vốn là vật sở hữu của chính họ. (2)

---

1 Chương ii, 18, 22.

2 Hàng tá các tác giả thông thái nhất đã xem xét nhiều ý nghĩa khác nhau của cùng một danh hiệu Jehovah này (có và không dùng tới các chú thích trong tác phẩm Masorah và đã trình bày các khía cạnh đa tạp của chúng. Tác phẩm hay nhất trong số đó là Nguồn

Tuy nhiên, nay xin phát biểu như sau : Nhân vật mà trong bốn chương đầu của Sáng Thế Ký, người ta tùy tiện gọi là "Thượng Đế" ("God"), "Đức Chúa Trời" ("Lord God") hay "Chúa" ("Lord"), không phải là cùng một nhân vật duy nhất, đó nhất định không phải là Jehovah. Có ba lớp hoặc nhóm Elohim riêng biệt được mệnh danh là Sephiroth trong kinh Kabalah, Jehovah chỉ xuất hiện trong chương iv của Sáng Thế Ký, trong câu thơ thứ nhất của chương đó, y được mệnh danh là Cain, và trong câu thơ chót, y biến thành *nhân loại*, bán thư bán hùng, Jah-veh. ([1]) Hơn nữa, Con Rắn không phải là Satan, mà là một vị Thiên Thần rực rỡ, một trong các vị *Elohim* tỏa ánh sáng quang huy chói lọi, kẻ mà – đã hứa với người đàn bà rằng, nếu họ ăn trái cấm thì "nhất định là sẽ bất tử" – đã giữ đúng lời hứa và làm cho con người bất tử về *bản chất bất hoại*. Y chính là vị Iao của Bí pháp, thủ lãnh của các Đấng bán thư bán hùng Sáng tạo ra con người. Xét về mặt nội môn, chương iii bao hàm sự vén lên bức màn vô minh đã che kín các tri giác của Con Người Thiên Thần, được tạo ra theo hình ảnh của các Thần Linh "không xương" và khai mở tri thức của y về chân tướng của mình. Như thế, nó đã trình bày vị Thiên Thần Chói Lọi (Lucifer) theo khía cạnh một Đấng ban cấp sự Bất tử và với vai trò là "Đấng Khai Ngộ". Còn việc

---

Gốc Các Kích Thước: Bí Nhiệm Hebrew, J. Ralston Skinner, tác phẩm thường đã được nhắc đến nhiều lần.

[1] Trong tác phẩm nêu trên (trang 233), câu thơ 26 của chương iv Sáng Thế Ký đã được dịch chính xác là "thế rồi loài người đã bắt đầu *tự xưng* là Jehovah", nhưng đã giải thích kém chính xác hơn, có lẽ vì từ ngữ chót phải được viết ra là Jah (nam) Hovah (nữ) để chứng tỏ rằng từ lúc đó, giống người nam nữ riêng biệt đã bắt đầu có.

Thiên Thần thật sự sa vào vòng sinh hóa và vật chất thì chúng ta phải tìm trong chương iv. Trong đó, sau khi tách rời khỏi Eve, Jehovah-Cain, phần nam tính của Adam con người *nhị phân, tạo ra người đàn bà tự nhiên đầu tiên* nơi Abel ([1]) và làm đổ *dòng máu trinh nguyên*. Nay dựa vào thẩm quyền của việc thuyết minh chính xác câu thơ đầu tiên trong chương iv của Sáng Thế Ký theo nguyên bản Hebrew, người ta trình bày rằng Cain đồng nhất với Jehovah. Các giáo sĩ Do Thái dạy rằng "Kin (Cain) Gian Ác là Con của Eve và Samael, Con Quỷ tiếm vị Adam", ([2]) còn Do Thái Pháp Điển (Talmud) lại dạy thêm rằng "Ác Quỷ, Satan, và Thiên Thần Tử Vong Samael đều như nhau".([3]) Do đó, chúng ta cũng dễ dàng thấy rằng Jehovah (*nhân loại*, tức Jah-hovah) và Satan (vì vậy là Con Rắn cám dỗ) đều là một thứ và giống như nhau về mọi chi tiết đặc thù. *Không có Ma Quỷ, không có Điều Ác nào bên ngoài nhân loại tạo ra một Con Quỷ.* Điều ác là một điều tất yếu và là một trong những kẻ đỡ đầu cho Vũ Trụ Biểu Lộ. Nó là
388 một điều cần thiết cho sự tiến bộ và sự tiến hóa cũng cần có Đêm để tạo ra Ngày, và cần có Sự Chết để tạo ra Sự Sống – *để cho con người có thể sống mãi mãi*.

Xét về mặt siêu hình, Satan chỉ tiêu biểu cho phần *nghịch đảo* hay *đối cực* của vạn vật trong Thiên Nhiên. ([4]) Xét về mặt

---

[1] Muốn được giải thích tỉ mỉ hơn, xem các tranh tuyệt diệu trong phụ lục vii cũng của tác phẩm này.

[2] Sách đã dẫn, trang 293.

[3] Rabba Battra, 16 a.

[4] Theo ma quỷ học, Satan là lãnh tụ đối lập ở Địa Ngục – vị chưởng quản địa ngục chính là Beelzebub. Y thuộc về lớp Quỷ thứ năm (theo Ma Quỷ học, có chín lớp quỷ) và cầm đầu các vị phù thủy và pháp sư. Nhưng chúng ta hãy xem ở đâu đó ý nghĩa thực

ẩn dụ, y là "Đối Thủ", "Kẻ tàn sát" và "Đại địch thủ" của *vạn vật*, vì chẳng có gì trong toàn thể Vũ trụ mà không có hai mặt – các mặt đối nghịch nhau của cùng một tấm huy chương. Nhưng trong trường hợp đó, ánh sáng, sự tốt lành, vẻ đẹp v.v… cũng có thể gọi là Satan với vài đặc tính chẳng khác gì Ma Quỷ, vì chúng là các Điều đối nghịch của bóng tối, sự tồi tệ và sự xấu xí. Và bây giờ triết lý và căn bản luân lý của một vài giáo phái Thiên Chúa sơ khai – xưa kia đã từng bị xem là khả ố và bị gọi là *tà đạo* sẽ trở nên dễ hiểu hơn. Chúng ta có thể hiểu được làm thế nào mà môn phái SATAN lại trở nên thoái hóa và bị giáo hội kết tội mà không hề có triển vọng được minh oan trong tương lai vì họ đã bảo mật các giáo điều của mình. Cũng dựa vào nguyên tắc đó, chúng ta có thể hiểu được làm thế nào mà các con cháu của Cain, và ngay cả bọn (Judas) ISCARIOTES nữa đã trở nên suy đồi; tính cách chân thực của vị tông đồ *phản bội* chưa bao giờ được trình bày chính xác trước tòa án nhân loại.

Chúng ta cũng có ngay kết quả là các giáo điều của những giáo phái Ngộ Đạo cũng trở nên minh bạch. Mỗi giáo phái này đều được một vị Điểm đạo đồ lập nên, còn các giáo điều của chúng đều được dựa vào tri thức đúng đắn về biểu tượng ký của mọi quốc gia. Như thế, chúng ta cũng dễ dàng hiểu được lý do tại sao hầu hết các giáo phái này đều xem Ilda-baoth là Thượng Đế của Moses, là một vị Thần kiêu ngạo, tham lam và ô trược, y đã lạm dụng quyền hành của mình bằng cách tiếm vị *Vị Thần Tối Cao*, mặc dù y không khá hơn, thậm chí còn kém xa *anh mình là Elohim* về vài phương diện nữa. Các Elohim chỉ tiêu biểu cho Đấng thiêng liêng biểu lộ

---

của Baphomet, Satan đầu dê, đồng nhất với Azazel, con vật hy sinh của Do Thái. Thiên Nhiên chính là Thần PAN.

bao trùm vạn vật khi xét chung, vì họ là những vị un đúc những biến phân đầu tiên của Hỗn nguyên khí để tạo ra hiện tượng giới. Do đó, Jehovah được các môn đồ phái Ngộ Đạo gọi là Đấng Sáng Tạo ra và đồng nhất với Ophiomorphos, Con Rắn, Satan, hay ĐIỀU ÁC.(1) Họ dạy rằng Iurbo và Adonai đều là các danh xưng của Iao-Jehovah, Ngài vốn là một phân thân của Ilda-baoth. (2) Theo lối nói của họ thì điều này cũng chẳng khác gì bảo rằng "Cain được Samael hay Satan sinh ra", như các Giáo sĩ Do Thái đã trình bày một cách bí ẩn hơn như thế.

Trong mọi hệ thống cổ truyền, các Thiên Thần Sa Đọa đều được xem là các nguyên kiểu của những người *sa đọa* – xét về mặt ẩn dụ, và *chính những người này* – xét về mặt nội môn. Như thế, theo các truyền thuyết Semite, Elohim vào lúc sáng
389 tạo đã trở thành các Beni-Elohim, các con của Thượng Đế, trong số đó có Satan. Theo Burnouf, cuộc chiến tranh trên trời giữa Thrētaona và Ashi-dahaka, Con Rắn hủy diệt, chấm dứt trên Trần Thế trong trận đấu giữa những người ngoan đạo chống lại thế lực Ác "của các tín đồ Ba Tư với các tín đồ Bà La Môn Ãryan của Ấn Độ". Còn cuộc xung đột của các Thần Linh với các Asuras được lặp lại trong trận Đại chiến – Mahãbhãrata. Trong tôn giáo gần đây nhất, Thiên Chúa giáo, mọi chiến sĩ, các Thần và Quỷ, các đối thủ trong cả hai phe, nay đều được biến thành Rồng và Satan, chỉ để liên hệ điều Ac được nhân cách hóa với Con Rắn trong sáng thế Ký, và thế là minh chứng được tân giáo điều.

---

1 Xem Nữ Thần Isis Lộ Diện, ii, trang 184.

2 Xem Codex Nazareus, iii, trang 73.

NOAH LÀ MỘT VỊ KABIR, VÌ THẾ, Y ẮT PHẢI LÀ MỘT CON QUỶ

Vấn đề liệu Isis hay Ceres, Kabiria hay Kabiri đã dạy nghề nông cho loài người chẳng có chi là quan trọng; nhưng vấn đề rất quan trọng là ngăn cản những kẻ cuồng tín độc chiếm mọi sự kiện trong lịch sử và huyền thoại, và gán việc họ xuyên tạc sự thật lịch sử và huyền thoại cho một người duy nhất. Noah hay là một nhân vật *thần thoại* như trăm ngàn nhân vật khác, hoặc là một nhân vật mà nhân loại dựa vào truyền thuyết về các Kabiri và Tiatan như người ta đã giảng dạy ở Samothrace; do đó cả tín đồ Do Thái giáo và tín đồ Thiên Chúa giáo đều không có quyền độc chiếm y. Faber đã mất bao nhiêu công lao học hỏi và khảo cứu hầu ra sức chứng tỏ rằng Noah là một người Atlantis và một vị Titan, còn gia đình của y là các Kabiri tức những Người khổng lồ Titans ngoan đạo v.v… - niên đại ký Thánh kinh đã tự đào huyệt chôn mình cùng với tất cả các Tổ Phụ - các vị Titans tiền Đại hồng thủy và Tiền Alante. Nay người ta đã khám phá ra và chứng tỏ rằng Cain là Mars, Thần *quyền lực sinh hóa*, Thần của sự đổ máu (tính dục) đầu tiên. ([1]) Tubal-Cain là một Kabir "bậc thầy của mọi người thợ làm đồ bằng đồng thau và sắt", hoặc là Ngài đồng nhất với Nephaestus hay Vulcan – điều này xem ra dễ nghe hơn. Jabal cũng được lấy ra từ Kabiri, các bậc huấn sư về nông nghiệp "chẳng hạn như nuôi bò", còn Jubal là "cha của mọi kẻ sử dụng thụ cầm", người hoặc *những*

[1] Ngài cũng là Vulcan tức Vul-cain, vị Thần vĩ đại nhất đối với giống dân Ai Cập sau này, vị Kabir vĩ đại nhất. Ở Ai Cập, Thần Thời gian là Chiun, hay Saturn, hay Seth, và Chiun cũng giống như Cain. (Xem Nguồn Gốc các Kích Thước, trang 278).

người chế tạo thụ cầm cho Kronos và cây chĩa ba cho cho Poseidon. ([1])

Lịch sử hay các "thần thoại" về các Telchines bí nhiệm – các thần thoại phản ánh từng biến cố cổ sơ một trong các Nội môn Bí giáo của ch1ung ta – cung ứng cho chúng ta một chìa khóa giải nguồn gốc gia phả của Cain trong chương ba của Sáng Thế Ký. Chúng trình bày lý do tại sao Giáo hội Thiên Chúa La Mã lại đồng nhất hóa "dòng máu bị đọa đày" của Cain và Ham với Thuật phù thủy và khiến nó phải chịu trách nhiệm về trận Đại hồng thủy. Người ta đã lập luận rằng phải
390 chăng các Telchines là những người thợ rèn Rhodes bí nhiệm, những kẻ đầu tiên dựng tượng cho các Thần Linh, cung cấp vũ khí cho họ và cung cấp các khoa pháp thuật cho loài người? Và phải chăng họ đã bị tiêu diệt trong trận Đại hồng thủy theo lệnh của Zeus, cũng như con cháu của Cain bị Đại hồng thủy tiêu diệt theo lệnh của Jehovah ?

Các Telchines chỉ là các Kabiri và các Titans dưới một dạng khác. Họ cũng là những người Atlantis. Decharme dạy:

Cũng như Lemnos và Samothrace, Rhodes, sinh quán của các Telchines là một hòn đảo có cấu tạo núi lửa.([2])

Tục truyền rằng đảo Rhodes đã đột nhiên nhô lên trên biển cả sau khi đã bị Đại dương nhận chìm trước đó. Cũng như đảo Samothrace của các Kabiri, nó có liên hệ với các huyền thoại về Đại hồng thủy theo ký ức của loài người. Tuy nhiên, vì đã bàn khá đầy đủ về đề tài này nên hiện nay chúng ta có thể gác nó lại.

---

[1] Xem Strabo, so sánh chúng với những Người khổng lồ độc nhãn, xiv, trang 653 seq. Callim., in Del, 31, Stat., Silv., v, 6, 47 v.v…

[2] Thần thoại học Cổ Hy Lạp, trang 271.

Nhưng chúng ta có thể nói thêm một chút nữa về Noah, vị đại biểu Do Thái giáo của hầu hết mọi vị Thần Ngoại đạo theo một tính cách nào đó. Dưới dạng thi ca, các bài ca của Homer bao hàm tất cả các thần thoại sau này bàn về các vị Tộc Trưởng, tất cả các vị này đều là các biểu tượng và ký hiệu tinh đẩu vũ trụ và số mục. Các toan tính để tách rời hai gia phả của Seth và Cain, ([1]) và toan tính, cũng vô ích không kém, để chứng tỏ họ là hai nhân vật *có thật trong lịch sử* đã chỉ đưa tới những việc điều tra nghiêm chỉnh hơn nữa về lịch sử của thời quá khứ và đưa tới những khám phá mãi mãi làm phương hại cho *sự thiên khải* giả định. Chẳng hạn như nếu chúng ta xác định được tông tích của Noah và Melchizedek;

[1] Theo chúng tôi thì không gì có thể vụng về và ấu trĩ hơn toan tính vô ích này để tách rời các gia phả của Cain và Seth hoặc che giấu tông tích của các danh xưng này dưới một cách phát âm khác. Như thế, Cain có một người Con trai tên là Enoch và Seth cũng có một người Con trai tên là Enoch (còn gọi là Enos, Ch'anoch, Hanoch – đối với các danh xưng Hebrew không có dấu nguyên âm thì chúng ta muốn gọi thế nào cũng được). Trong dòng dõi của Cain, Enoch sinh ra Irad; Irad sinh ra Mehujael; Mehujael sinh ra Methusael; và Methusael sinh ra Lamech. Trong dòng dõi của Seth, Enoch sinh ra Cainan, Cainan sinh ra Mahalaleed (một biến thể của Mehujael), Mahalaleed sinh ra Jared (tức Irad); Jared sinh ra Enoch (thứ 3), Enoch (thứ 3) sinh ra Methuselah (thoát thai từ Methusael) và cuối cùng Lamech kết thúc danh sách. (Xem Sáng Thế Ký, iv, v). Nay tất cả các danh xưng này đều là biểu tượng (theo Do Thái Bí giáo) của các năm dương lịch và âm lịch, các thời kỳ thiên văn và các chức năng sinh lý (sùng bái sinh thực khí) cũng như trong bất kỳ tín điều biểu tượng Ngoại đạo nào khác. Điều này đã được một số tác giả chứng tỏ.

thì chúng ta cũng chứng tỏ được sự đồng nhất của Melchizedek, tức Từ phụ Sadik, với Thần Kronos-Saturn.

Điều đó cũng có thể được chứng minh dễ dàng. Bất kỳ tác giả Thiên Chúa giáo nào cũng không thể phủ nhận điều này. Bryant ([1]) đồng ý với tất cả những kẻ nào có ý kiến cho rằng Sydic hay Sadic là Tộc trưởng Noah và cũng là Melchizedek và tên gọi của y, Sadic, tương ứng với tính cách mà người ta gán cho y trong Sáng Thế Ký.([2])

Y là Sadic, *một con người công chính,* và thuộc về một thế hệ hoàn hảo. Mọi khoa học và mọi nghệ thuật hữu ích đều bị gán cho y và lưu truyền cho hậu thế xuyên qua các con y.

391 Nay chính Sanchuniathhon đã cho thế giới biết rằng các Kabiri là các con của Sydic tức Zedek (Melchi-Zedek). Thật ra vì kiến thức này đã được lưu truyền cho chúng ta xuyên qua *Phúc Âm Nhập Môn* của Eusebius, nên chúng ta có thể hoài nghi nó một chút, vì rất có thể là ông đã bàn tới tác phẩm của Sanchuniathon, cũng chẳng khác nào bàn tới các niên biểu đối chiếu của Manetho. Nhưng chúng ta hãy giả sử rằng sự đồng nhất hóa của Sydic. Kronos, tức Saturn với Noah và Melchizedek, là dựa vào một trong các giả thuyết sùng đạo của Eusebius. Chúng ta hãy chấp nhận nó như thế cùng với đặc tính của Noah với vai trò là *một người công chính* và nhân vật bản sao giả định (supposed duplicate) của y, Mechizedek bí nhiệm, "vua của Salem và lễ sư của Thượng Đế", theo "lệnh của chính Ngài"; ([3]) và cuối cùng sau khi đã thấy tất cả những vị này đều là gì, xét về mặt tinh thần, thiên văn, tâm

---

[1] Xem Phân tích Thần Thoại học Cổ truyền, Quyển ii, trang 343.

[2] Chương vi, 9.

[3] Xem thêm Bách Khoa Từ Điển của Abraham Rees, Hội viên Hội Hoàng Gia.

linh và vũ trụ, nay chúng ta hãy xem họ trở thành gì xét theo quan điểm của các giáo sĩ Do Thái và Do Thái Bí giáo.

Nói về Adam, Cain, Mars v.v… với vai trò là các hiện thân, chúng ta thấy, tác giả của Nguồn gốc các Kích Thước đã phát biểu chính Nội môn Bí giáo của chúng ta trong các cuộc khảo cứu Do Thái Bí giáo của ông. Ông dạy như sau:

Nay Mars là Tinh Quân *của sự sinh, sự tử,* của *sinh hóa, tiêu diệt, sự cày bừa, sự xây dựng, điêu khắc* hay *đẽo đá, thuật kiến trúc*… tóm lại, là tất cả những gì được bao hàm trong từ ngữ NGHỆ THUẬT. Ngài là *nguyên khí bản sơ*, phân hóa thành ra biến thái của *hai đối cực để sinh sản*. Xét về mặt thiên văn, Ngài cũng nắm vững sinh quán của ngày và năm, ([1]) nơi mà nó *tăng gia sức mạnh*, cung Bạch Dương (Aries), cũng như nơi mà nó bị diệt vong, cung Hổ Cáp (Scorpio). Ngài chưởng quản cung của Venus và cung Hổ Cáp. Với vai trò là *sự sinh*, Ngài đúng là *Thiện*; với vai trò là *sự chết*, Ngài *là Ác.* Với vai trò *Thiện*, Ngài là *ánh sáng*; với vai trò *ác*, Ngài là *bóng đêm*. Với vai trò *thiện*, Ngài là *đàn ông;* với vai trò *ác*, Ngài là *đàn bà.*

[1] Dân Aeolian gọi Mars là Areus, còn tiếng Hy Lạp, Ares là một danh xưng mà cho đến nay các nhà ngữ học và Ấn Độ học, các học giả Hy Lạp và Bắc Phạn đã nghiên cứu ý nghĩa từ nguyên của nó một cách vô ích. Kỳ lạ thay Max Muller lại liên kết cả hai danh xưng Mars và Ares với từ nguyên Bắc Phạn *mar*, ông đã truy nguyên nguồn gốc của chúng từ đó và cho rằng danh xưng Maruts hay các Thần Bão, cũng bắt nguồn từ đó. Tuy nhiên, Welker trình bày một từ nguyên chính xác hơn. (Xem Giáo lý thiêng liêng Hy Lạp, I, 415). Song le, có thể là từ nguyên của các ngữ căn và từ ngữ không thôi sẽ chẳng bao giờ cung ứng cho chúng ta ý nghĩa nội môn rốt ráo, mặc dù chúng có thể giúp chúng ta những điều phỏng đoán hữu ích.

Ngài chưởng quản bốn hướng chính, với vai trò *Cain* tức *Vulcan* ([1]) hay *Pater Sadic* hay *Melchizedek*, Ngài chưởng quản *hoàng đạo*, tức *sự quân bình,* tức *đường hiệu chỉnh,* và do đó là *Đấng Công Chính.* Cổ nhân chủ trương rằng có bảy hành tinh hay đại thần linh bắt nguồn từ hành tinh thứ tám, và Pater Sadic, *Đấng Công Chính,* chưởng quản hành tinh thứ tám là *Mẹ Đất (Mater Terra). ([2])*

Điều này khiến cho các chức năng của họ, sau khi đã bị thoái hóa, trở nên khá rõ ràng, và đã xác định được tông tích.

392 Người ta đã chứng tỏ rằng trận Đại hồng thủy *Noah*, khi được mô tả theo lối chấp nê văn tự và trong thời kỳ niên đại ký Thánh kinh, chưa bao giờ tồn tại. Do đó, giả thuyết mộ đạo song rất độc đoán của Giám mục Cumberland chỉ còn có cách nối gót trận Đại hồng thủy đó đi vào vùng đất hoang tưởng. Thật vậy, đối với bất kỳ quan sát viên vô tư nào, dường như thật là khá hoang tưởng khi bảo rằng:

Có hai giống Cabiri riêng biệt, giống thứ nhất gồm có Ham và Mizraim, mà ông quan niệm là Jupiter và Dionusus of Mnaseas, còn giống thứ hai gồm những người con của Shem, vốn là vị Cabiri

[1] Cũng chính tác giả ấy chứng tỏ rằng: "Chính danh xưng Vulcain xuất hiện khi đọc, vì trong các từ ngữ đầu tiên (Sáng Thế Ký, iv, 5), chúng ta thấy V'elcain hay V'ulcain, theo âm *u* trầm của chữ *vau.* Chiếu theo nguyên văn trước mắt thì nó có thể được đọc là '*và thần Cain*', tức Vulcain. Tuy nhiên, nếu còn thiếu một điều gì đó để khẳng định ý niệm Cain-Vulcain, thì Fuerst lại cho rằng: '*Cain, mũi sắt của một chiếc lao, một thợ rèn*, người sáng chế ra những dụng cụ sắc bén bằng sắt thép và nghề rèn' " (trang 278).

[2] Sách đã dẫn, trang 186.

của Sanchoniatho, trong khi cha chúng Sydyk do đó là Shem trong Thánh kinh. ([1])

Kabirim, các "Đấng Đại Hùng", đồng nhất với các Thiền Định Đế Quân bản sơ của chúng ta, đồng nhất với các Tinh Quân hữu tướng và vô tướng, đồng nhất với tất cả những vị Chưởng quản và Giáo huấn các giống dân bản sơ, mà người ta gọi là các vị Thần và Thánh Vương của các Triều đại Thiêng liêng.

CÁC TRUYỀN THUYẾT BA TƯ CỔ NHẤT BÀN VỀ LỤC ĐỊA Ở CỰC VÀ CÁC LỤC ĐỊA BỊ CHÌM

Kho tàng học thuật huyền thoại không thể xuyên tạc các sự kiện một cách hữu hiệu đến nỗi làm biến dạng chúng khiến không ai nhận ra được. Giữa một đàng là các truyền thuyết của Ai Cập và Hy Lạp, một đàng là các truyền thuyết của Ba Tư – một xứ luôn luôn giao tranh với các nước trên – có một sự tương tự về các số liệu lớn đến nỗi mà không thể thừa nhận rằng sự trùng hợp như thể chỉ do ngẫu nhiên mà thôi. Điều này đã được Bailly chứng minh rõ rệt. Chúng ta hãy dừng lại một chút để xét về các truyền thuyết này theo mọi nguồn tin sẵn có, ngõ hầu so sánh được chính xác hơn các truyền thuyết của giới Pháp sư với cái gọi là "các chuyện truyền kỳ" của Hy Lạp.

Các huyền thoại ấy nay đã biến thành các câu chuyện dân gian, kho tàng học thuật dân gian của Ba Tư, cũng như nhiều chuyện hoang tưởng thực sự đã len lỏi xâm nhập vào lịch sử thế giới. các chuyện về Vua Arthur và các Hiệp sĩ Bàn tròn thoạt nhìn cũng là các chuyện thần tiên; thế nhưng, chúng lại

[1] Phụ lục của Cabiris ap. Orig. Gent., trang 364, 376; và phát biểu vừa nêu ở trang 357. Xem Cabiri của Faber, quyển I, trang 8.

được dựa vào sự thật và thuộc về lịch sử của các nước Anh. Thế thì, tại sao kho tàng học thuật dân gian của Ba Tư lại không phải là một phần lịch sử và các biến cố tiền sử của Châu Atlantis ? Kho tàng học thuật dân gian ấy dạy như sau:

Trước khi Adam được sáng tạo ra, có hai giống dân sống trên Trần Thế, giống dân này nối tiếp giống dân kia; giống người Devs cai trị trong 7 000 năm, còn giống người Peris (Izeds) chỉ cai trị có 2 000 năm, trong khi giống người nêu trên vẫn còn tồn tại. Giống người Devs là những người khổng lồ, dũng mãnh và độc ác; còn giống người Peris có vóc dáng nhỏ hơn nhưng khôn ngoan và tử tế hơn.

Ở đây, chúng ta nhận ra những người Khổng lồ Atlantis và những người Ãryan, tức là các La Sát trong Rãmãyana và người con của Bhãrata-varsha tức Ấn Độ; những người tiền đại hồng thủy và hậu đại hồng thủy trong Thánh kinh.

393 Gyãn (tức Gnan, Jnãna, Chân Thức hay Minh Triết Huyền Bí) cũng được mệnh danh là Gian-ben-Gian (tức Minh Triết, con của Minh Triết) là vua của giống người Peris. ([1]) Ngài có một chiếc khiên cũng trứ danh như chiếc khiên của Achilles, có điều là thay vì dùng để chống lại quân địch trong chiến tranh, nó lại được dùng để bảo vệ người ta chống lại ma thuật, thuật phù thủy của giống người Devs. Gian-ben-Gian đã cai trị được 2 000 năm khi Con Quỷ Iblis được Thượng Đế cho phép đánh bại giống người Peris và phân tán chúng đến

[1] Một số người cho rằng từ ngữ này thoát thai từ Paras, nó tạo ra Pars, Pers, Persia; nhưng nó cũng có thể bắt nguồn từ Pitaras tức Pitris, các vị thủy tổ Ấn Độ của Giống dân thứ Năm – các vị Từ Phụ Minh Triết tức các Con của "Ý Chí và Yoga" – vốn được mệnh danh là Pitaras, cũng như là những Đấng Pitris thiêng liêng của Giống dân thứ Nhất.

tận đầu bên kia của thế giới. Ngay cả chiếc khiên pháp thuật, vì được tạo ra dựa vào các nguyên tắc chiêm tinh học, nên chiếc khiên này diệt được bùa ngải, cũng không thể chắc thắng được Iblis; y vốn là một tác nhân của Định mệnh tức Nghiệp Quả. ([1]) Ở thủ phủ cuối cùng của mình tên là Khanoom, họ có tới mười vị vua và vị quốc vương (Kaimurath) với Adam của Hebrew. Các vị quốc vương này tương ứng với mười thế hệ Thánh Vương tiền đại hồng thủy mà Berosus đã trình bày.

Cho dù bây giờ các huyền thoại này có bị xuyên tạc đi nữa, thì người ta cũng khó lòng không thể nào không đồng nhất hóa chúng với các truyền thuyết Chaldea, Ai Cập, Hy Lạp và cả Hebrew nữa. Đó là vì, mặc dù dành độc quyền khinh thị khi đề cập tới các quốc gia Tiền Adam, song thần thoại Do Thái giáo lại để cho chúng ta suy ra các quốc gia này một cách rõ ràng, bằng cách cử Cain – *một trong hai người duy nhất sống trên trần thế* - vào tận vùng đất của Nod, nơi mà y lập gia đình và xây dựng một đô thị. ([2])

Nay nếu chúng ta so sánh 9 000 năm mà các câu chuyện Ba Tư đề cập tới với 9 000 năm mà Plato tuyên bố là đã trôi qua từ khi Châu Atlantis cuối cùng bị chìm đắm, thì rõ ràng là có một sự liên hệ rất kỳ lạ. Bailly đã nhận xét về điểm này,

---

[1] Muốn đọc các truyền thuyết này, xem Tuyển tập các Huyền thoại Ba Tư xuất bản bằng tiếng Nga, tiếng Georgia, tiếng Armenia và tiếng Ba Tư; Chuyện Cổ Ba Tư, "Tử sách Đông phương", trang 297, 387 v.v… và Kỷ Yếu của Danville. Trong một câu chuyện súc tích, chúng tôi trình bày những gì rải rác trong hàng trăm quyển sách viết về các ngôn ngữ Á, Âu, cũng như là trong các truyền thuyết truyền khẩu.

[2] Sáng Thế Ký iv, 16 và tiếp theo.

nhưng lại xuyên tạc nó bằng lối thuyết minh của mình. Giáo Lý Bí Nhiệm có thể phục hồi được chân ý nghĩa của các số liệu nêu trên. Tác phẩm Critias trình bày như sau:

Thoạt tiên, chúng ta phải nhớ rằng 9 000 năm đã trôi qua *từ khi có trận chiến tranh giữa các quốc gia* đã sống bên trên và bên ngoài các Cột trụ Hercules, và các quốc gia tọa lạc nơi các phần đất của phía bên này.

Trong tác phẩm Timaeus, Plato cũng nói như vậy. Giáo Lý Bí Nhiệm tuyên bố rằng hầu hết những người ở trên bán đảo Atlantis sau này đều bị chết hết trong thời khoảng cách đây từ 700 000 đến 850 000 năm, và dân Ãryan đã được 200 000 tuổi khi "Đại lục"" đầu tiên bị đắm chìm nên khó lòng có bất kỳ sự dung hòa khả hữu nào giữa các số liệu này. Nhưng thật ra lại có một sự dung hòa. Vốn là một Điểm đạo đồ, Plato phải dùng ngôn ngữ bí ẩn của Thánh điện, các Pháp sư Chaldea và Ba Tư cũng vậy; các huyền thoại của Ba Tư đã
394 được bảo tồn và lưu truyền cho hậu thế qua các điều tiết lộ ngoại môn của họ. Như thế, người ta thấy người Hebrew gọi một tuần là "bảy ngày" và đề cập tới một "tuần năm", khi mỗi ngày tượng trưng cho 360 năm dương lịch và toàn thể "tuần lễ" thực ra là 2 520 năm. Họ đã có một tuần Sabbath, một năm Sabbath v.v…và ngày Sabbath của họ cũng kéo dài 24 giờ hay 24 000 năm, theo các phép tính toán bí mật của các Bí pháp. Thời nay, chúng ta gọi một thời đại là một "thế kỷ". Còn vào thời Plato, đối với tác giả được điểm đạo, dù sao đi nữa, một thiên niên không có nghĩa là 1 000 năm, mà là 100 000 năm. Trong khi đó, người Ấn Độ vốn độc lập hơn bất kỳ dân tộc nào khác đã chẳng bao giờ giấu giếm niên đại ký của mình. Như thế thay vì 9 000 năm, các Điểm đạo dồ sẽ thuyết minh là 900 000 năm trong thời gian đó – nghĩa là từ khi

giống dân Ãryan bắt đầu xuất hiện, khi các phần đất thuộc Thượng tân thế của đại lục Atlantis bắt đầu chìm dần (1) và các lục địa khác xuất hiện trên mặt đất cho tới sự biến mất chung cuộc của hòn đảo nhỏ Atlantis của Plato – các giống dân Ãryan đã không ngừng chiến đấu với hậu duệ của các người khổng lồ đầu tiên. Cuộc chiến tranh này kéo dài cho đến lúc gần hết thời kỳ trước Chu kỳ Mạt pháp (Kali Yuga), và chính là trận đại chiến Mahãbhãrata, vốn lừng danh xiết bao trong lịch sử Ấn Độ. Theo lời mà các lễ sư Ai Cập dạy Solon, thì sự pha trộn các biến cố và các thời kỳ, cùng với việc thu gọn hàng trăm ngàn năm thành ra ngàn năm không hề dính dáng gì với số năm đã trôi qua từ khi phần đất cuối cùng của Châu Atlantis bị tiêu diệt, 9 000 năm là con số chính xác. Biến cố vừa nêu chưa bao giờ được giữ mật, và chỉ phai nhòa đi trong ký ức của người Hy Lạp. Người Ai Cập có tài liệu lưu trữ hoàn chỉnh vì họ bị cô lập; vốn bị biển cả và sa mạc bao quanh, họ đã không bị các quốc gia khác cản trở, cho tới chừng vài ngàn năm trước T.C.

Lịch sử đã có một quan niệm về Ai Cập và các Đại Bí pháp của nó lần đầu tiên xuyên qua Herodotus, nếu chúng ta không kể tới Thánh kinh và niên đại ký kỳ quặc của nó. (2) Và Herodotus cũng chẳng thể cho chúng ta biết được bao nhiêu, vì khi đề cập tới một ngôi mộ bí nhiệm của một Điểm đạo đồ ở Sais, trong thánh địa Minerva, ông đã bảo rằng:

---

1 Như đã được nói rõ, lục địa chính bị diệt vong vào thời Trung tân Miocence.

2 Từ Bede trở xuống, tất cả mọi nhà niên đại học của Giáo hội đều bất đồng ý kiến với nhau và phủ nhận nhau. Trong tác phẩm Cựu Ước, trang 20, Whiston đã cho rằng: "Niên đại ký của kinh điển Hebrew đã bị biến đổi rất nhiều, nhất là sau trận Đại hồng thủy".

Đằng sau nhà nguyện … là ngôi mộ của Đấng Duy Nhất, *Đấng mà tôi thấy không tiện tiết lộ danh tính*… Xung quanh có các tháp bia lớn và gần đó có một *cái hồ*, một bức tường đá bao quanh hồ… Ở cái hồ này khi màn đêm buông xuống, họ tiến hành những cuộc mạo hiểm của nhân vật mà người Ai Cập gọi là các Bí pháp: tuy nhiên, về vấn đề này, mặc dù biết chính xác về các chi tiết của chúng, *tôi phải giữ im lặng*.([1])

395 Mặt khác, nên biết rằng không có điều bí mật nào được bảo tồn cẩn mật và vô cùng thiêng liêng đối với Cổ nhân như điều bí mật về các chu kỳ và các phép tính toán của họ. Từ người Ai Cập xuống mãi tới người Do Thái, người ta vẫn xem việc tiết lộ bất cứ điều gì thuộc về sự đo lường chính xác thời gian là tội lỗi nghiêm trọng nhất. Chính vì tiết lộ những bí mật của chư Thiên mà Tantalus bị ném vào địa ngục; những người giữ các Thánh thư Thần bí thiêng liêng bị đe dọa là sẽ bị hình phạt chết nếu tiết lộ một chữ trong Thánh Thư này. Ở mọi đền thờ - nhất là đền thờ Isis và Serapis – đều có các Sigalions, tức là các pho tượng của Harpocrates, mỗi pho đều lấy ngón tay đè lên môi. Và người Hebrew dạy rằng, tiết lộ bí mật của kinh Kabalah sau khi được nhập môn các Bí pháp Do Thái giáo, cũng chẳng khác nào ăn trái Cây Tri Thức, điều này có thể bị trừng phạt bằng tội chết.

Thế nhưng người Âu Châu chúng ta đã chấp nhận niên đại ký ngoại môn của người Do Thái !

Chẳng lấy làm lạ là suốt từ lúc đó, nó đã ảnh hưởng tới tất cả các quan niệm khoa học và thời gian tồn tại của các sự việc. Thế là các truyền thuyết Ba Tư đầy dẫy hai quốc gia hoặc giống dân nay đã bị tuyệt chủng, theo một số người. Nhưng không phải như thế đâu; chúng chỉ bị biến đổi. Các

[1] Quyển ii, trang 170 – 171.

truyền thuyết này bao giờ cũng nhắc đến các rặng núi Kaf (Kafaristãn?), vốn bao hàm một hành lang do người khổng lồ Argeak dựng nên, các pho tượng của mọi dạng cổ nhân được bảo tồn trong hành lang này. Họ gọi chúng là Sulimãns (Solomons) tức là các minh quân của Đông phương và đếm được tất cả bảy mươi hai vị mang danh hiệu đó. ([1]) Có ba trong số các vị này, mỗi vị cai trị được 1 000 năm. ([2])

Siamek, con trai yêu mến của Kaimurath (Adam), vị vua đầu tiên của họ, bị người anh khổng lồ của Ngài giết chết. Cha Ngài duy trì một ngọn lửa trường tồn trong nấm mồ chứa đống tro hỏa táng Ngài; vì thế, mới có tục thờ lửa, theo một vài nhà Đông phương học tưởng nghĩ !

Rồi tới Huschenk, vị vua minh triết và thận trọng. Chính triều đại Ngài đã khám phá ra các kim loại và ngọc ngà châu báu, sau khi chúng đã bị những người Khổng lồ hay người Devs cất giấu trong lòng Đất; triều đại Ngài cũng tái khám phá ra cách làm đồ đồng thau, đào kênh và cải tiến nông nghiệp. Như thường lệ, người ta tin rằng chính Huschenk đã viết ra tác phẩm tên là *Minh Triết Vĩnh Cửu*, thậm chí đã xây dựng đô thị Babylon và Ispahan; mặc dù thật ra chúng đã được xây sau đó hàng thời đại. Nhưng cũng như đô thị Delhi hiện đại được xây trên đô thị khác cổ hơn, cũng vậy, các đô thị này có thể được xây trên địa điểm của các đô thị khác có

---

[1] Do đó mới có vua Solomon, người ta không thể truy nguyên được Ngài ở bất cứ nơi đâu ngoài Thánh kinh. Sự mô tả đô thị và dinh thự nguy nga của Ngài ăn khớp với các câu chuyện Ba Tư, mặc dù mọi lữ khách ngoại đạo (thậm chí cả Herodotus nữa) đều không hề biết tới chúng.

[2] Herbelot, sách đã dẫn, trang 829.

nguồn gốc vô cùng xa xưa. Còn về thời kỳ Ngài trị vì, người ta chỉ có thể suy ra được nó từ một huyền thoại khác.

396 Cũng trong truyền thuyết đó, người ta cho rằng ông hoàng minh triết đó đã gây chiến với những người Khổng lồ cưỡi trên một con Ngựa có mười hai chân; sự ra đời của nó được gán cho là do sự *phối hợp* của một con sâu với một con hà mã cái. Người ta thấy con vật mười hai chân trên "đảo khô" hay tân lục địa và đã phải tốn nhiều sức lực và mưu trí để chinh phục được con vật kỳ diệu này. Nhưng ngay khi Huschenk leo lên nó, Ngài liền đánh bại được mọi kẻ thù. Không người Khổng lồ nào có thể chống lại được thần lực của Ngài. Tuy nhiên, rốt cuộc vị Thánh Vương này lại bị tử nạn do một tảng đá khổng lồ mà những người Khổng lồ ném vào Ngài từ trên rặng núi Damavend hùng vĩ. ([1])

Tahmurath là vị vua thứ ba của Ba Tư, Thánh George của Ba Tư, vị hiệp sĩ luôn luôn chiến thắng và rốt cuộc giết được Con Rồng. Ngài là địch thủ lợi hại của những người Devs; vào thời Ngài, những người này ở vùng núi Kaf và đôi khi đột kích vào những người Peris. Niên sử cổ Pháp của kho tàng học thuật dân gian Ba Tư gọi Ngài là Dev-bend, kẻ chinh phục được những người khổng lồ. Người ta cũng cho rằng Ngài đã lập nên Babylon, Nineveb, Diarbek v.v… Cũng như tổ phụ Huschenk, Tahmurath (Taimuraz) cũng có một con tuấn mã, có điều là hy hữu và mau lẹ hơn – đó là một con chim tên là Simorgh-Anke. Thật vậy, đó là một con chim kỳ diệu, thông minh và biết nhiều thứ tiếng, thậm chí rất mộ đạo nữa. ([2]) Con Phượng Hoàng Ba Tư ấy nói cái gì ? Nó phàn

[1] Truyền thuyết Đông phương, trang 454. Xem thêm Các bức thư bàn về Châu Atlantide (tiếng Anh : Atlantis) của Bailly.

[2] Xem Tuyển Tập Đông Phương, ii, 119.

nàn về thời xưa của mình, vì nó đã ra đời hàng chu kỳ trước thời Adam (Kaimurath). Nó đã chứng kiến các cuộc cách mạng của những thế kỷ dài dằng dặc. Nó đã chứng kiến sự ra đời và kết kiễu mười hai chu kỳ, mỗi chu kỳ gồm 7 000 năm, nên được nhân lên một cách bí truyền các chu kỳ này sẽ lại cho chúng ta 840 000 năm. ([1]) Simorgh ra đời cùng với trận Đại hồng thủy cuối cùng thời Tiền Adam (theo "Huyền thoại về Simorgh và Khalif lương hảo"! ([2])

Số Mục Thánh Thư dạy những gì ? Như đã giải thích, xét về mặt bí truyền. Adam Rishoon là Nguyệt Tinh Quân (theo một ý nghĩa nào đó là Jehovah hay Pitris), còn ba con trai của Ngài – Ka-yin, Habel và Seth – tiêu biểu cho ba Giống dân. Theo chìa khóa vũ trụ học, đến lượt Noah-Xisuthrus tiêu biểu cho Giống dân thứ Ba riêng biệt và ba con trai của ông tiêu biểu cho giống dân cuối cùng. Hơn nữa, Ham tượng trưng cho giống dân đã khám phá ra "sự trần truồng" của Giống dân Tổ Phụ và của Giống dân "Vô Trí", nghĩa là tội lỗi mà người ta mắc phải.

Tahmurath cưỡi con tuấn mã có cánh đến viếng rặng núi Kol-Kaf hay Kaph. Ở đó, khi thấy những người Peris bị những người Khổng lồ ngược đãi, Ngài liền giết chết Argen và người khổng lồ Demrusch. Thế rồi, Ngài giải thoát người

---

[1] Như trên, nên nhớ rằng các giáo sĩ Do Thái dạy là cần phải có bảy sự canh tân liên tiếp của Địa Cầu, mỗi sự canh tân sẽ kéo dài gần 7 000 năm, như thế thời gian tổng cộng là 49 000 năm. (Xem Diệu Luân của giáo sĩ Do Thái Parcha; xem thêm Thiên Thư của Kenealy, trang 176). Điều này có ý nói tới bảy cuộc Tuần Hoàn, bảy Căn chủng và phân chủng, các con số thực sự Huyền bí, mặc dù đã bị rối loạn một cách nghiêm trọng.

[2] Các câu chuyện về Derbent.

Peris lương hảo Mergiana ([1]) mà Demrusch đã cầm tù và đem nàng tới "đảo khô" ("dry island"), nghĩa là Châu Âu, tân lục địa. ([2]) Sau Ngài là Giamschid, ông xây dựng Esikekar tức Persepolis. Vị Thánh Vương này cai trị 700 năm và thật tự phụ khi tin rằng mình bất tử và đòi hỏi nhiều danh dự thiêng liêng. Định mệnh đã trừng phạt y, y lang thang trên thế giới cả trăm năm với danh xưng Dhulkarnayn, "kẻ có hai sừng". Nhưng hỗn danh này chẳng dính dáng gì tới nhà quí tộc "có hai sừng" và móng rẽ. "Kẻ có hai sừng" là hỗn danh mà Châu Á – vốn còn dã man nên không thể biết gì về các thuộc tính của Ma Quỷ - dành cho những nhà chinh phục đã chinh phục được thế giới từ Đông sang Tây.

Rồi tới người tiếm vị Zohac và nhốt y trong rặng núi Damavend. Tiếp theo là nhiều người khác xuống mãi tới Kaikobãd, kẻ đã lập nên một Triều đại mới.

Đó là lịch sử huyền thoại của Ba Tư và chúng ta phải phân tích nó. Để mở đầu, đâu là rặng núi Kaf ?

Cho dù tình trạng địa lý của chúng có ra sao đi nữa, cho dù chúng là rặng núi Caucase hay Trung Á, thì huyền thoại cũng định vị những người Devs và Peris vượt xa những rặng núi này lên tận miền Bắc, những người Peris là tổ tiên xa xưa của những người Parsĩs hay Farsĩs. Truyền thuyết Đông phương luôn luôn đề cập tới một biển vô danh lạnh lẽo u tối và một vùng tối tăm, tuy nhiên bên trong vùng tối này là các

[1] Như thế, người ta đã chứng tỏ rằng Mergain hay Morgana, người chị thần tiên của vua Arthur, thuộc dòng dõi Đông phương.

[2] Thật vậy, nơi mà chúng ta thấy nàng ở Anh trong huyền thoại về các Hiệp sĩ Bàn Tròn. Do đâu mà có sự đồng nhất giữa danh xưng và trạng thái thần tiên, nếu cả hai vị anh thư đó không tượng trưng cho cùng một biến cố lịch sử đã chuyển thành một huyền thoại ?

"Hòn đảo May Mắn" trong đó, *Cội nguồn của Sự sống* vẫn sủi bọt từ khi sự sống bắt đầu trên trần thế. ([1]) Hơn nữa, huyền thoại còn khẳng định rằng một phần của "hòn đảo khô" (lục địa) đầu tiên sau khi đã tách ra khỏi phần đất chính, thì từ đó trở đi, nó vẫn còn ở phía bên kia rặng núi Koh-Kaf, "vành đai bằng đá bao quanh thế giới". Một cuộc du hành dài bảy tháng sẽ đưa một người nào có "Chiếc nhẫn của Solimãn" tới "Nguồn Sống" đó, nếu y vẫn tiếp tục đi về hướng Bắc, thẳng trước mắt theo đường chim bay. Do đó, việc du hành từ Ba Tư lên *thẳng* hướng Bắc sẽ đưa người ta dọc theo kinh tuyến sáu mươi độ, nhắm về hướng Tây tới tận Nova Zembla. Và việc du hành từ rặng Caucasus vòng Bắc Cực sẽ đem người ta đến giữa các kinh tuyến bốn mươi lăm và sáu mươi độ, tức là giữa Nova Zenbla và Spitzbergen. Điều này dĩ nhiên là phải như vậy, nếu người ta có được Con Ngựa mười hai chân của
398 Tahmurath hay Taimuraz để cưỡi nó băng qua Bắc Băng Dương. ([2])

Song le, cho đến nay, những ca sĩ lang thang ở Ba Tư và Caucasus vẫn còn quả quyết rằng mãi tận phía bên kia các đỉnh núi Kap hay Caucasus quanh năm tuyết phủ, *có một đại lục nay ẩn khuất đối với tất cả mọi người.* Muốn đến với nó, người ta cần phải dùng tới hậu duệ mười hai chân của con sấu và con hà mã cái. Mười hai chân của nó có thể tùy ý biến

[1] Herbelot, trang 593; Các câu chuyện Armenia, trang 35.

[2] Cho đến nay, thổ dân rặng Caucasus vẫn gọi rặng núi của họ là Kap-kaz,, dùng phụ âm p thay vì phụ âm v như thường lệ (Kav-Kaz tức Caucasus). Nhưng các thi sĩ của họ lại bảo rằng một con tuấn mã cần phải mất bảy tháng để đạt tới "vùng đất khô" phía bên kia Kaf, nếu cứ nhắm về phía Bắc và không hề bị chệch đường.

thành mười hai *cánh*. ([1]) Muốn đến với nó, người ta cũng cần phải kiên nhẫn chờ đợi hảo ý của Simorgh – Anke, nàng hứa rằng trước khi mệnh chung, nàng sẽ tiết lộ lục địa ẩn tàng cho mọi người và khiến cho nó một lần nữa lại hữu hình và ở trong tầm tay của mọi người, bằng một chiếc cầu mà những người Devs ở giữa đại dương sẽ xây dựng giữa phần đất đó của "đảo khô" và những phần đất bị đứt rời của nó. ([2]) Điều này dĩ nhiên là có liên quan tới Giống dân thứ Bảy, Simorgh là Chu kỳ Khai Nguyên.

Thật vô cùng kỳ diệu là Cosmas Indicopoustes, sống vào thế kỷ thứ sáu sau T.C. đã luôn luôn quả quyết rằng, con người sinh ra và thoạt tiên ở một xứ phía "bên kia Đại dương"; một học giả Chaldea đã cung cấp cho y một bằng chứng về điều này ở Ấn Độ. Ông cho rằng :

Xung quanh các vùng đất mà chúng ta sống trong đó có một Đại dương, nhưng bên kia Đại dương ấy có một vùng đất khác chạm tới các bức tường trên bầu trời. Con người đã được tạo ra và sống trong Lạc viên nơi vùng đất này. Trong khi có trận Đại hồng

---

[1] Bailly cho rằng ông thấy con ngựa này là một chiếc tàu có mười hai mái chèo. Giáo Lý Bí Nhiệm dạy rằng Giống dân thứ Ba sơ khai đã tạo ra những chiếc thuyền và những tiểu hạm đội trước khi xây nhà cửa. Song le, mặc dù là một con vật mãi sau này, nhưng "Con Ngựa" vẫn có một ý nghĩa nguyên sơ huyền bí hơn. Con sấu và hà mã được xem là thiêng liêng và tiêu biểu cho các biểu tượng thiêng liêng, cả đối với người cổ Ai Cập lẫn những người Mễ Tây Cơ. Theo Homer, Poseidon là Thần Ngựa và khoác lấy hình dạng đó để lấy lòng Ceres Arion, con cháu của họ là một trong những khía cạnh của "Con Ngựa" đó, tức là một Chu kỳ.

[2] Những phần đất bị đứt rời ra ắt phải là Na Uy và các vùng đất khác ở gần Vòng Bắc Cực.

thủy, Noah được đưa vào vùng đất mà con cháu của y nay đang ở, bằng một chiếc Bè. ([1])

Chúng ta thấy Con Ngựa mười hai chân của Huschenk trên các vùng lục địa được mệnh danh là "hòn đảo khô".

"Phép trắc địa Thiên Chúa giáo" của Comas Indicopleustes và các công trạng của nó thật là nổi tiếng; nhưng ở đây, vị linh mục lương hảo ấy đã lặp lại một truyền thuyết đại đồng thế giới; hơn nữa, nay truyền thuyết đó đã được các sự kiện bổ chứng. Mọi du khách tới Bắc Cực đều ngờ rằng có một lục địa tức là một "hòn đảo khô" ở phía bên kia tuyến băng vĩnh cửu. Có lẽ bây giờ thì ý nghĩa của đoạn văn sau đây trích từ một trong các Giảng lý có thể trở nên minh bạch hơn.

399 *Vào lúc đầu của sự sống [nhân loại], vùng đất khô duy nhất ở đầu bên phải [2] của Trái Đất thì bất động. ([3]) Toàn thể Trái Đất là một sa mạc đẫm nước, rộng mênh mông, nước này thật ấm… Ở đó, con người sinh ra trên bảy vùng bất tử, bất hoại của Chu kỳ Khai*

---

[1] Cosmas Indicopleustes trong Tuyển tập Nova Patrum, tập ii, trang 188. Xem Tạp chí Bác học, phụ lục 1707, trang 20.

[2] Hại Cực được gọi là "đầu mút bên phải" và "bên trái" của Địa Cầu – đầu mút Bên phải là Bắc Cực – tức là đầu và chân của Quả Đất. Mọi tác động có lợi (cảm dục và vũ trụ) đều bắt nguồn từ Bắc; mọi tác dụng chết người đều bắt nguồn từ Nam Cực. Chúng có liên hệ khắng khít với và tác dụng tới pháp thuật "tả đạo" và "hữu đạo".

[3] Càng tới gần các địa cực, người ta càng cảm thấy ít chuyển động quay hơn; ở chính các Địa cực, sự nhật động (the diurnal revolution) hoàn toàn bị hóa giải hết. Vì thế mới có lối diễn đạt là Địa Cầu "bất động".

Nguyên. (1) Trong đêm tối âm u vẫn có mùa xuân vĩnh cửu. [Nhưng] cái vốn là bóng tối đối với con người ngày nay, lại là ánh sáng đối với con người vào lúc sơ sinh. Các Vị Thần ngự ở đó và Vô cực điện (2) vẫn ngự trị suốt từ lúc đó … Như thế, các Từ Phụ minh triết bảo rằng con người sinh ra ở trên đầu Mẹ mình [Trái đất], còn chân bà ở đầu mút bên trái đã sinh ra những luồng gió tà vạy thổi ra từ miệng của Con Rồng hạ đẳng… Vùng đất Vĩnh cửu Trung ương được Sinh Thủy (Water of Life) (3) chia ra giữa các Giống dân thứ Nhất và thứ Hai.

Nó chảy vòng và làm linh động cơ thể [của Mẹ Địa Cầu]. Đầu mút duy nhất của nó xuất phát từ đầu của bà, nó trở nên ô uế ở chân bà [Nam Cực]. Nó được tinh luyện khi trở về tim bà, quả tim này đập dưới chân của Shamballah thiêng liêng, bấy giờ [lúc đầu], nó vẫn còn chưa sinh ra. Đó là vì sự sống và sức khỏe của mọi chúng sinh đều ẩn tàng trong vòng đai của trú sở của con người

---

[1] Huyền bí học xác định rằng vùng đất hay hòn đảo nhô lên khỏi Bắc Cực như cái mũ chỏm (skull-cap), là vùng đất duy nhất chiếm ưu thế trong toàn bộ Chu kỳ Khai Nguyên của cuộc Tuần Hoàn này. Mọi vùng đất và lục địa trung ương sẽ lần lượt trồi lên khỏi đáy biển nhiều lần, nhưng vùng đất này sẽ không bao giờ thay đổi.

[2] Nên nhớ rằng kinh Veda và kinh Avesta gọi Vô cực điện (Fohat) là Apãm-Napãt. Trong kinh Avesta, Vô cực điện ở giữa khoảng Hỏa chơn linh (Fire-yazatas) và Thủy chơn linh (Water-yazatas). Nghĩa đen là "Con của Nước", nhưng "Nước" này không phải là chất lỏng mà chúng ta từng biết mà là Hậu thiên khí (Aether) – Nước Bốc Lửa của Không gian. Vô Cực điện là "Con của Hậu thiên khí" dưới trạng thái cao siêu nhất, Tiên thiên khí, Cha Mẹ của Bảy Đấng nguyên sơ và của Âm thanh tức Huyền Âm. Fohat là Ánh sáng của Thiên Đạo.

[3] "Nước" này là máu hay lưu chất Sinh khí đang làm linh động Trái Đất, trái đất được so sánh với một cơ thể sống động.

[Địa Cầu]. (1) Trong khi đó các Giống dân thứ Nhất và thứ Hai, vành đai này bị biển cả mênh mông bao phủ. [Nhưng] Đại Mẫu đau đẻ dưới làn sóng biển và một vùng đất mới đã được thêm vào vùng đất đầu tiên mà những người minh triết gọi là chiếc mũ. Bà đau đẻ dữ dội hơn vì Giống dân thứ Ba, eo và rốn của bà đã xuất hiện trên mặt nước. Chính vành đai, dãy Himavat thiêng liêng đã trải ra xung quanh Thế giới. (2) Bà bị tan vỡ về phía Mặt trời lặn từ
400 *cổ (3) trở xuống [hướng Tây Nam] thành ra nhiều vùng đất và hòn*

---

[1] Huyền bí học bổ khuyết cho truyền thuyết dân gian vốn xác nhận sự tồn tại của một Nguồn sống trong lòng Trái Đất và ở Bắc Cực. Đó là dòng máu của Trái Đất, luồng điện từ chu lưu qua mọi động mạch, nghe nói là nó được tồn trữ trong rốn của Quả Đất.

[2] Huyền bí học nêu rõ rằng dãy Hy Mã Lạp Sơn chính là "vành đai" và quả quyết rằng dù ở đáy hay ở trên mặt nước thì nó cũng bao quanh Quả Đất. Người ta mô tả rằng cái rốn nằm về phía Mặt Trời lặn, tức là phía Tây của rặng Himavat, trong rặng này có gốc rễ của Núi Meru, núi này ở phía Bắc của rặng Hy Mã lạp Sơn. Núi Tu Di (Meru) *không phải* là "núi huyền hoặc nằm ở rốn hay trung tâm trái đất", mà gốc rễ và nền móng của nó lại ở nơi cái "rốn ấy", trong khi chính nó lại ở vùng viễn Bắc. Điều này liên kết nó với Vùng đất "Trung ương, không bao giờ bị diệt vong"; trong vùng đất mà trong đó "ngày của thế nhân kéo dài sáu tháng và đêm cũng sáu tháng". Kinh Vishnu Purãna trình bày rằng: "Về phía Bắc *Núi Meru* luôn luôn có ban đêm, trong khi các vùng khác là ban ngày; đó là vì Núi Tu Di ở phía Bắc của mọi *đảo* (*dvīpas*) và mọi *xứ* (*varshas*). Do đó Núi Meru chẳng ở trên rặng Atlas như Wilford gợi ý, như Wilson đã cố gắng chứng tỏ, chỉ vì "tương đối ở phía Bắc của cư dân của nhiều phần đất, đối với tất cả cư dân này, phương Đông là các vùng mà mặt trời xuất hiện trước tiên…" (Quyển II, trang 244).

[3] Ngay cả các Giảng lý cũng không phải là không dùng ẩn dụ phương Đông. Quả Đất được trình bày giống như cơ thể của một

đảo, những Vùng đất Vĩnh Cửu [cái mũ] không hề bị đứt rời ra. Các vùng đất khô ráo che phủ bề mặt yên tịnh của biển cả tới tận bốn phía của Thế giới. Tất cả những vùng này [đến lượt] đều bị diệt vong. Thế rồi chỗ trú của những kẻ độc ác [Châu Atlantis] đã xuất hiện. Vùng đất Vĩnh Cửu này đã bị che khuất, vì nước trở nên rắn chắc [đông lại] do tác dụng của hơi thở xuất phát từ lỗ mũi bà và luồng hơi gian tà xuất phát từ miệng Rồng, v.v…

Điều này chứng tỏ rằng miền Bắc Á Châu cũng có nguồn gốc xưa như Giống dân thứ Hai. Thậm chí, người ta có thể bảo rằng một Châu xuất hiện đồng thời với con người, vì từ lúc bắt đầu sự sống của con người, có thể nói là Lục địa gốc của nó đã tồn tại, và các phần thế giới mà nay người ta gọi là Á Châu; đã chỉ bị tách rời khỏi nó vào một thời đại sau này và bị băng hà chia cách ra.

Như thế, nếu hiểu đúng theo giáo lý thì lục địa đầu tiên đã xuất lộ chụp lên trên trọn cả Bắc Cực, giống như một cái vỏ cứng nguyên vẹn và vẫn còn như vậy cho mãi đến hiện nay, vượt qua bên kia các vùng biển nội địa vốn có vẻ giống như một ảo ảnh không thể đạt tới được, mà một vài lữ khách ở Bắc Cực vẫn thường thấy.

Trong khi có Giống dân thứ Hai, có thêm những vùng đất từ dưới đất trồi lên với vai trò là một sự nối tiếp của "đầu" vào "cổ". Bắt đầu ở trên cả hai bán cầu, nơi đường nằm phía trên phần cực Bắc của Spitzbergen, ([1]) theo Phép chiếu

---

người đàn bà, "Địa Mẫu". Từ cổ bà trở xuống, có nghĩa là biển nội địa hiện nay vượt qua bên kia giới tuyế băng giá vốn không thể vượt qua được. Theo lời Parãshara, Trái Đất là "mẹ và vú nuôi, có thêm mọi tạo vật và các tính chất *bao hàm* tất cả mọi thế giới".

[1] Đó là vì các Đoạn Thiền Định Chân Kinh gọi địa điểm này bằng một từ ngữ mà Giảng lý dịch là *một chỗ không có vĩ độ* (Niraksha),

Mercator, ở bên phía chúng ta, nó có thể bao gồm, ở bên phía Châu Mỹ, các địa điểm này nằm ở Vùng Baffin, các hòn đảo và các mũi đất lân cận. *Ở đó*, về phía Nam, nó chỉ mới chạm tới vĩ độ bảy mươi; còn *ở đây*, nó tạo thành lục địa móng ngựa mà Giảng lý có đề cập tới. Trong số hai đầu mút của nó, một đầu mút bao gồm cả Greenland với một phần kéo dài hơi vượt quá năm mươi độ Tây Nam, còn đầu kia bao gồm Kamschatka, hai đầu mút này nay được nối liền bởi cái nay là đường ven bờ biển phía Bắc của vùng Đông và Tây Nam Siberia. Đường này đã bị đứt rời và biến mất. Châu Lemuria đã được tạo ra vào thời sơ khai của Giống dân thứ Ba. Khi đến lượt nó diệt vong, thì Châu Atlantis liền xuất hiện.

401

CÁC SUY LÝ CỦA TÂY PHƯƠNG DỰA VÀO CÁC TRUYỀN THUYẾT HY LẠP VÀ KINH PURÃNAS

Như thế, cũng là điều tự nhiên khi chúng ta thấy rằng dựa vào các dữ kiện ít ỏi đã thu thập được cách đây chừng hai thế kỷ, sử gia Rudbeck, một nhà khoa học Thụy Điển, đã ra sức

---

Thiên giới. Một nhà bình giải đã diễn đạt *Sũrya Siddhãnta* (xii, 42 – 4) như sau:

"Mặt trời ở bên trên chúng khi nằm ở những phân điểm : chúng không có bóng phân điểm, cũng không có độ cao của cực (*akshonnati*).

"Từ Núi Tu Di đi ra theo cả hai hướng là hai sao ở cực (*dhruvatãrã*), đứng cố định ở giữa bầu trời; đối với những kẻ nào ở những chỗ không có vĩ độ (*niraksha*) cả hai sao này đều xuất hiện ở chân trời.

"Vì thế các đô thị ấy [ở vùng đất đó] không có cao độ của các cực, hai sao mà cực tọa lạc ở chân trời; nhưng chúng ở đồng vĩ độ (l*ambaka*) chín mươi: Núi Tu Di cũng ở vĩ độ (*aksha*) chín mươi". Xem Vishnu Purãna, bản dịch của Wilson, quyển ii, trang 208).

chứng tỏ rằng Thụy Điển là Châu Atlantis của Plato. Thậm chí ông còn cho rằng, nơi hình thể của đô thị Upsala cổ xưa, ông đã tìm ra vị trí và các kích thước của "Châu Atlantis" mà bậc hiền triết Hy Lạp đã trình bày. Đúng như Bailly đã chứng tỏ, Rudbeck đã lầm, nhưng Bailly cũng chẳng hơn gì, thậm chí còn sai lầm nhiều hơn nữa, vì Thụy Điển và Na Uy đã tạo thành một phần của Châu Lemuria cổ xưa, cũng như Châu Atlantis bên phía Châu Âu, chẳng khác nào miền Đông và Tây Siberia và Kamschatka đã thuộc về nó, phía Á Châu, có điều là một lần nữa xin hỏi là nó đã có từ lúc nào ? Chúng ta chỉ tìm thấy số liệu gần đúng bằng cách nghiên cứu kinh Purãnas, nghĩa là nếu chúng ta chẳng cần để ý tới các Giáo lý Huyền bí.

Ba phần tư thế kỷ đã trôi qua từ khi Đại Tá Wilford đề ra các thuyết hoang đường cho rằng quần đảo Anh chính là "Bạch Đảo", Atala trong kinh Purãnas. Điều này thật là vô lý, vì Atala là một trong bảy Châu thuộc về Lokas, một trong bảy vùng của Pãtãla (điểm đối chân). Vả lại, Wilford ([1]) đã chứng tỏ là kinh Purãnas định vị nó giữa các vĩ tuyến 24 độ và 28^0 Bắc. Thế thì, nó phải ở cùng vĩ độ với Bắc Chí Tuyến trong khi nước Anh lại ở giữa các vĩ tuyến 50 độ và 60 độ. Wilford gọi nó là Atala, Atlantis, Bạch Đảo. Kẻ thù của nó bị gọi là "Bạch Quỷ", Con Quỷ khủng khiếp, vì ông cho rằng :

---

[1] Wilford đã phạm nhiều sai lầm. Chẳng hạn như ông đồng nhất hóa Bạch Đảo, Shveta-dvĩpa, hòn đảo ở phía Bắc Toyãmbhudi [Biển nước ngọt], với nước Anh, thế rồi, lại còn ra sức đồng hóa nó với Atala (âm phủ) và Châu Atlantis. Nay Bạch Đảo là chỗ trú của Vishnu, xét về mặt ngoại môn, còn Atala là một địa ngục. Ông cũng định vị nó ở vùng biển Euxine tức Ikshu (Hắc hải), thế rồi, ở một chỗ khác, ông lại liên kết nó với Châu Phi và rặng Atlas.

Trong các thần thoại của Ấn Độ và Ba Tư, chúng ta thấy Caicaus đi tới núi *Az-burj* tức *As-burj* (mặt trời lặn ở núi đó) để đánh con bạch quỷ *Divsefid, Tãra-daitya trong kinh Purãnas*. Nó ở trên *tầng thứ bảy* của thế giới, tương ứng với vùng thứ bảy của các Phật tử; … nói cách khác, tức là tương ứng với Bạch Đảo. ([1])

Nay ở đây các nhà Đông phương học đã và vẫn còn giáp mặt với câu đố bí hiểm về con Nhân Sư, việc giải đáp nó sai lầm sẽ mãi mãi làm tiêu tan uy tín và thẩm quyền của họ - nếu không phải là khiến cho bản thân họ bị diệt vong – dưới mắt mọi học giả Ấn Độ dù là có được Điểm đạo hay không. Đó là vì không một phát biểu nào trong kinh Purãnas – Wilford đã suy lý dựa vào các chi tiết mâu thuẫn nhau của
402 tác phẩm này – mà lại không có nhiều ý nghĩa, mà lại không áp dụng cho cả thế giới hồng trần lẫn thế giới siêu hình. Nếu cổ nhân Ấn Độ chia bề mặt Trái Đất ra thành bảy Khí hậu đới, bảy Châu (xét về mặt địa lý), thành ra bảy Địa ngục và bảy Cõi Trời (xét về mặt ẩn dụ), thì trong cả hai trường hợp, số đo của bảy vùng này không thể được áp dụng cho cùng một địa điểm. Nay chính Bắc Cực, xứ sở của "Núi Tu Di", mới là phân khu thứ bảy; vì nó tương ứng với Nguyên khí thứ bảy (hoặc thứ tư nếu xét về mặt siêu hình) theo lối tính toán của Huyền bí học. Nó tiêu biểu cho cõi của Linh giác (Ãtmã), của Linh Hồn thuần túy và tính chất Tâm linh. Do đó, kinh Vishnu Purãnas và các kinh Purãnas khác ([2]) đã trình bày Pushkara là *Châu thứ bảy* bao gồm đại dương Kshĩra, tức Đại Dương Sữa (vùng trắng hằng đông giá). Và Châu Pushkara với hai xứ Varshas nằm ở ngay chân Núi Tu Di. Đó là vì người ta đã bảo rằng:

---

[1] Khảo cứu Á Châu, quyển viii, trang 280 [ấn bản 1808].

[2] Sách đã dẫn, trang 200 – 201.

Hai xứ ở phía bắc và nam của Núi Tu Di được *xếp hình một cái cung*… [và] một nửa bề mặt của địa cầu ở phía nam của Núi Tu Di, còn nửa kia ở phía bắc Núi Tu Di - *ở bên kia của nó là phân nửa của Châu Pushkara.*

Như thế, xét về mặt địa lý, Châu Pushkara là Bắc và Nam Mỹ; còn xét về mặt ẩn dụ, đó là phần kéo dài của Nam Thiệm Bộ châu, ([1]) Núi Tu Di ở ngay giữa Châu này – vì đó là trú sở của những thực thể thọ mười ngàn tuổi, không bị đau yếu; ở xứ này không hề có đức hạnh cũng như là tật xấu, chủng tộc hay luật lệ, vì những người này "đồng bản chất với thần linh". ([2]) Wilford có khuynh hướng xem Núi Atals chính là Núi Tu Di và cũng định vị Lokãloka ở đó. Nay chúng ta được biết rằng xét về mặt địa lý, người ta mô tả Núi Tu Di – vốn là Svar-Loka, trú sở của Brahmã hay Vishnu, Olympus của các tôn giáo ngoại môn Ấn Độ - là "đi qua giữa quả đất và lồi ra ở mỗi bên".([3]) Phần trên là trú sở của chư Thiên, phần dưới tức Nam Cực là chỗ trú của chư Quỷ (Địa ngục). Thế thì làm sao mà Núi Tu Di có thể là Núi Atlas được? Ngoài ra người ta

---

[1] Theo lối áp dụng ẩn dụ, thì chúng ta phải xét mọi danh xưng trong kinh Pu rã nas với ít nhất là hai khía cạnh về mặt địa lý và mặt siêu hình. Chẳng hạn như Nĩla, ngọn núi xanh vốn là một trong các biên giới phía bắc của Núi Tu Di, về phía bắc phải được định vị nơi một rặng núi ở Orissa, song mặt khác lại phải được định vị nơi một ngọn núi, khác hẳn những ngọn núi kia ở Tây Phi. Nam Thiệm bộ châu là trú sở của Vishnu – trong kinh Purãnas, đó là Thế giới hạn chế trong Quả Đất, vùng *chỉ* bao hàm Núi Tu Di thôi, và nó lại được chia ra để bao gồm Bhãrata- varsha (Ấn Độ), phân khu *tốt nhất* và đẹp nhất của nó (theo Parãshara). Pushkara và tất cả những Châu khác cũng vậy.

[2] Như trên, trang 202.

[3] Sũrya Siddhãnta, bản dịch của Whitney.

không thể định vị Con Quỷ Tãradaitya trên vùng thứ bảy nếu vùng này lại đồng nhất hóa với Bạch Đảo vốn là Shveta-dvĩpa vì những lý do đã nêu.

Wilford tố cáo các tín đồ Bà La Môn hiện đại "đã làm xáo trộn chúng [các hòn đảo và các xứ] hết tất cả; "nhưng chính ông đã làm chúng còn xáo trộn hơn nữa. Ông tin rằng vì kinh Brahmãnda và Vãyu Purãnas chia cựu lục địa ra thành bảy
403 Châu mà nghe nói là xung quanh có một đại dương bát ngát, phía bên kia đại dương là các vùng và núi non của âm phủ Atala, nên :

> Rất có thể là người Hy Lạp đã suy ra ý niệm về Châu Atlantis trứ danh, vì người ta đã không thể thấy nó sau khi khám phá ra nó, nên họ cho rằng nó đã bị hủy diệt trong một cơn biến động nào đó của thiên nhiên. ([1])

Vì chúng tôi cảm thấy khó lòng tin được rằng các lễ sư Ai Cập, Plato và ngay cả Homer nữa, đều xây dựng các ý niệm về Châu Atlantis dựa vào Atala – một cõi âm ty ở Nam Cực-nên chúng tôi thích giữ các phát biểu được trình bày trong các Mật Thư. Chúng tôi tin rằng có bảy lục địa trên địa cầu, mà bốn đã hoàn tất chu kỳ sinh hoạt và đã biến mất. Lục địa thứ năm vẫn còn tồn tại, còn hai lục địa nữa sẽ xuất hiện trong tương lai. Mỗi lục địa ấy không hẳn là lục địa hiểu theo ý nghĩa hiện đại của danh từ này – từ Jambu mãi tới Pushkara ([2]) chỉ là: (a) Để chỉ những vùng đất khô ráo trên mặt đất trong thời kỳ của một Giống dân nói chung. (b) Để chỉ những phần đất còn lại sau Chu kỳ hủy diệt của một Giống dân, chẳng hạn lục địa Jambu, vùng đất thiêng bất diệt. (c) Để chỉ các khu vực đã góp phần vào việc hình thành

[1] Khảo Cứu Á Châu, Quyển iii, trang 300.

[2] Jambu, Plaksha, Shãlmali, Kusha, Krauncha, Shãka và Pushkara.

các lục địa mới ([1]) sau những cơn biến cố tương lai, mỗi lục địa mới này, hiểu theo ý nghĩa sẽ là vùng đất khô ráo hoặc lớn hoặc nhỏ có nước bao bọc xung quanh. Như thế, cho dù danh pháp của các thứ này có thể tỏ ra "hỗn độn" đối với kẻ phàm tục, song thật ra đối với kẻ có chìa khóa giải, thì cũng chẳng có gì là hỗn độn.

Như thế, *chúng tôi tuy biết rằng* còn hai lục địa thứ Sáu và thứ Bảy sẽ xuất hiện trong tương lai, nhưng *đã có* và *hiện đang có* những vùng đất sẽ góp phần vào việc hình thành những lục địa khô ráo tương lai của Địa Cầu mà cuộc diện địa lý sẽ hoàn toàn thay đổi như đã xảy ra trong quá khứ. Do đó, trong kinh Purãnas chúng ta thấy rằng Shãka-dvĩpa là (hoặc sẽ là) một lục địa; còn theo Vãyu Purãnas thì Shankha-dvĩpa chỉ là "hòn đảo thứ yếu", một trong chín phân khu (Vãyu Purãnas còn thêm sáu phân khu nữa) của Bhãratavarsha. Vì Shankha-dvĩpa là trú quán của những ngoại quốc ô uế (Mlechchhas), vốn tôn thờ các thần linh Ấn Độ, nên chúng mới liên hệ với Ấn Độ. ([2]) Điều này biện minh cho Shankhãsura, một vị Thánh Vương của một phần của Shankhadvĩpa, vốn bị Krishna giết chết; theo Wilford, vị Thánh Vương đó ở trong dinh thự "vốn là một vỏ sò biển, còn các thần dân của Ngài cũng ở trong vỏ sò".

---

[1] Chẳng hạn như Châu Shãka và Pushkara, nó vẫn còn chưa tồn tại, nhưng sẽ bao gồm những vùng đất như là một vài phần của Châu Mỹ, Châu Phi và Trung Á cùng với vùng Gobi. Chúng ta nên nhớ rằng Upadvĩpa có nghĩa là các hòn đảo "gốc", tức là các vùng đất khô ráo nói chung.

[2] Chúng bị gọi là chư Quỷ, Asuras, người Khổng lồ và quái vật, vì chúng rất độc ác; và thế là xứ sở của họ được trình bày giống như Atala – một Địa ngục.

404 Trên bờ sông Nĩlã ([1]) đã có những cuộc đấu tranh lâu dài giữa các Devatãs [Đấng Thiêng Liêng, Bán Thần Linh] và các Daityas [người Khổng lồ]: nhưng vì nhóm người thắng thế, nên quốc vương và thủ lãnh của họ, Shankhãsura, ngự trị ở đại dương – đã thường xuyên đột kích vào ban đêm.([2])

Các trận chiến này không hề diễn ra trên bờ sông Nile như Wilford thử nêu ra, mà diễn ra trên bờ biển Tây Phi, ở phía Nam của nơi này là Maroo (tiếng Anh: Morocco). Có một thời kỳ mà toàn miền Sa mạc Sahara là một vùng biển, sau đó trở thành một lục địa phì nhiêu, rồi kế đó, chỉ sau một cơn ngập lụt tạm thời, lại trở nên sa mạc giống như vùng Đồng Cát Shamo hay Gobi. Điều này được trình bày trong truyền thuyết Purãnas, vì ở cùng trang nêu trên, người ta lại bảo rằng:

> Nhân dân ở giữa vòng binh lửa, đó là vì trong khi Shankhãsura tàn phá một phía của lục địa, thì Cracacha [tức Krauncha], vua của Crauncha-dwĩp [Krauncha-dvĩpa] lại thường làm cho phía bên kia của lục địa điêu tàn: như thế cả hai đạo quân …đều *biến đổi vùng đất phì nhiêu nhất thành ra một sa mạc cằn cỗi.* ([3])

Trước khi lục địa Âu Châu hình thành, không phải chỉ có một đảo Atlantis cuối cùng như Plato đã đề cập đến, mà là một lục địa to lớn, ban đầu còn phân chia ra nhiều, sau đó sụp đổ lần lần thành bảy bán đảo và quần đảo, lục địa này bao gồm toàn thể khu vực Nam và Bắc Đại Tây dương với cả những hòn đảo ở Ấn Độ dương (tàn tích của Châu Lemuria). Lời tuyên bố này được bổ chứng bởi kinh Purãnas của Ấn

---

[1] Chắc chắn là không phải ở trên bờ sông Nile, mà là gần núi Nĩlã của rặng Atlas.

[2] Khảo cứu Á Châu, Quyển iii, 325.

[3] Như trên, Quyển iii, trang 325 – 326.

Độ, các tác giả Hy lạp, các truyền thuyết của Á Châu, Ba Tư và Hồi giáo. Tuy nhiên, Wilford, vốn lẫn lộn nghiêm trọng các huyền thoại Ấn Độ với các huyền thoại Hồi giáo, đã chứng minh điều này một cách rõ rệt. ([1]) Các sự kiện và các điều trích dẫn từ kinh Purãnas đã chứng tỏ một cách trực tiếp và dứt khoát rằng những người Ấn Độ Ãryan và những quốc gia khác là những nhà hàng hải trước những người Phoenicia, nay người ta tin rằng họ là những nhà hàng hải đầu tiên xuất hiện vào thời sau Đại hồng thủy. Tạp chí Khảo cứu Á Châu trình bày như sau:

Trong cảnh khốn cùng này, một số thổ dân còn sống sót [trong trận chiến tranh giữa các Devatãs và Daityas] đã đưa tay lên và hướng tâm về Đấng Chí Tôn, kêu lên rằng: "Xin để cho Đấng có thể cứu rỗi chúng con… làm Vua của chúng con"; họ dùng từ ngữ ĨT [một từ ngữ *pháp thuật* mà Wilford hiển nhiên là không hiểu] đã vang dội trong khắp xứ.([2])

Rồi tới một trận bão dữ dội, nước sông Kãlĩ "xáo động khủng khiếp khi từ sóng nước hiện ra một người, sau này tên là ĨT, cầm đầu một đạo quân đông đảo bảo rằng '*việc gì mà sợ*', và rồi phá tan quân địch. Wilford giải thích rằng "Vua ĨT là hiện thân phụ (subordinate) của Mrira" – Mrira có lẽ là một dạng của Rudra ? – Ngài "đã tái lập thái bình và thịnh vượng khắp Shankha- dvĩpa, xuyên qua Barbaradẽsa, Misra-st'hãn và Arva st'hãn hay Ả Rập", ([3]) v.v…

405 Có điều chắc chắn là nếu những Thánh kinh Purãnas của Ấn giáo diễn tả những cuộc chiến tranh trên các lục địa và các hòn đảo ở bên kia miền Tây Phi Châu, trong Đại Tây dương;

[1] Xem Quyển viii, x và xi Khảo cứu Á Châu.

[2] Sách đã dẫn, Quyển iii, trang 326.

[3] Như trên.

nếu các văn nhân Ấn Độ nói về các dân tộc Barbara và Ả Rập là những dân tộc đã từng biết đi thuyền vượt biển trong thời kỳ môn chèo thuyền đang thịnh hành của dân Phoenician được dự đoán là từ năm 2 000 đến 3 000 trước T.C. Dù sao, những truyền thống đó hẳn là phải cổ hơn ([1]) vì một Đức Thầy đã viết :

Theo những điều tình bày trong Thánh kinh của họ, người Ấn Độ nói về những hòn đảo ấy như đang tồn tại và rất cường thịnh; như vậy, nó phải trên mười một ngàn năm nay.

Nhưng chúng ta có thể viện dẫn một bằng chứng khác về nguồn gốc rất xa xưa của những người Ãryan Ấn Độ đã mô tả những hòn đảo cuối cùng còn sót lại của Châu Atlantis, hoặc đúng hơn là của tàn tích phần phía Đông của các lục địa

[1] Vì lẫn lộn hai lối tường thuật Priyavrata với Medhãtithi, Wilford đã nói về sự phân chia Châu Atlantis và Bhãrata tức Ấn Độ như sau: "Priyavrata đã thực hiện sự phân chia này … Ông có mười con trai và có ý định chia đều cho chúng toàn Thế giới… Cũng vậy, Neptune chia đều Châu Atlantis cho mười con trai của mình; một trong các con ấy có … đầu mút của Châu Atlantis" – đó "có lẽ là cựu lục địa ở đầu mút của nó là Gades… Châu Atlantis này đã bị một trận lụt tràn ngập … dường như *chúng ta hiểu Châu Atlantis là Trái Đất thời tiền đại hồng thủy* mà mười ông hoàng đã sinh ra để cai trị nó, theo thần thoại Tây phương [cũng như thần thoại Đông phương], nhưng chỉ có *bảy* ông hoàng đã ngự trên ngai vàng". (Sách đã dẫn, Quyển viii, trang 286). Một số người cũng có ý kiến cho rằng trong số bảy Châu, sáu Châu đã bị một trận lụt tiêu diệt. Wilford cho rằng Châu thứ bảy là "Gades vốn có thể bao gồm cả Tây Ban Nha", nhưng đó đúng hơn là hòn đảo của Plato. Sách đã dẫn, Quyển iii, trang 375.

đã bị diệt vong ngay khi hai phần của Châu Mỹ ([1]) - hai Xứ của Châu Pushkara – trồi lên. Vì họ mô tả cái mà họ biết vì họ đã từng ở trên đó. Hơn nữa, điều này có thể được chứng tỏ dựa vào một phép thiên văn của một Cao đồ đang chỉ trích Wilford. Khi nhớ lại điều mà nhà Đông phương học ấy nêu ra liên quan tới Núi Ashburj – đây là nơi mặt trời lặn ở chân núi – nơi cuộc chiến tranh giữa các Devatãs và Daityas diễn ra, ([2]) ông bảo rằng:

Thế thì, chúng ta sẽ xét vĩ độ và kinh độ của hòn đảo bị thất tung và của Núi Ashburj. Nó ở trên tầng thứ bảy của thế giới, nghĩa là ở khí hậu đới thứ bảy (nằm giữa các vĩ tuyến 24 độ và 28 độ bắc)….Người ta thường mô tả rằng đảo này, con gái của Đại dương, nằm ở phía Tây, còn Mặt Trời được trình bày là lặn ở chân núi (Ashburj, Atlas, Teneriffe hay Nĩlã, muốn gọi là gì thì gọi) và chiến đấu chống lại con Bạch Quỷ của "Bạch Đảo".

Nay nếu chúng ta xét phát biểu này theo khía cạnh thiên văn, vì Krishna là hiện thân của Mặt Trời (Vishnu), là một Nhật Thần, và vì nghe nói Ngài đã giết chết con Bạch Quỷ
406 Div-sefid – *có thể* là hiện thân của cư dân thời xưa ở chân núi Atlas – thì có thể Ngài chỉ là cái biểu tượng của chùm tia sáng thẳng đứng của Mặt Trời. Vả lại như chúng ta thấy, những

---

[1] Như thế, Châu Mỹ, tân thế giới, mặc dù không xưa lắm, cũng còn xưa hơn Châu Âu nhiều (cựu thế giới).

[2] Nếu trú sở của Div hay Dev-sefid (Tãradaitya) ở trên *tầng thứ bảy*, thì đó là vì y đã xuất phát từ Pushkara, Pãtãla (điểm đối chân) của Ấn Độ, hoặc là từ Châu Mỹ. Có thể nói là Châu Mỹ đã chạm tới biên cương của Châu Atlantis trước khi Châu này rốt cuộc bị chìm. Từ ngữ Pãtãla, vừa có nghĩa là các xứ đối chân, vừa có nghĩa là vùng địa ngục, cả hai vùng này đều trở nên đồng nghĩa với nhau về ý tưởng và thuộc tính cũng như là danh xưng

người Atlantis này bị Diodorus tố cáo là ngày nào cũng *nguyền rủa* Mặt Trời và luôn luôn đấu tranh chống lại ảnh hưởng của nó. Tuy nhiên, điều này chỉ là một lối thuyết minh thiên văn. Nay người ta sẽ chứng tỏ rằng xét về mặt địa lý học và dân tộc học, Shankhãsura và Shankha-dvĩpa và toàn bộ lịch sử của chúng cũng chỉ là Châu Atlantis của Plato dưới hình thức Ấn Độ.

Người ta vừa mới nhận xét như thế, vì theo lối tường thuật trong kinh Purãnas, hòn đảo *vẫn còn tồn tại*, nên các bài tường thuật này phải xưa hơn 11 000 năm, vốn đã trôi qua từ khi Shankha-dvĩpa tức đảo Poseidonis của Châu Atlantis biến mất. Nhưng phải chăng đó chỉ có thể là người Ấn Độ đã biết tới đảo này còn sớm hơn nữa ? Với vị Cao đồ nêu trên, chúng ta giả sử rằng :

Khi lưỡng chân nguyên hạ chí tuyến đi qua chòm sao Rua (Pleiades); khi Cor Leonis ở trên xích đạo và khi cung Mãnh Sư (Leo) ở ngay trên Tích Lan vào lúc mặt trời lặn, thì cung Kim Ngưu (Taurus) sẽ ở ngay trên đảo Atlantis vào lúc ban trưa.

Điều này có thể giải thích tại sao người Tích Lan, những kẻ kế thừa các La Sát và những người Khổng lồ ở đảo Lankã, những hậu duệ của Sinha hay Leo lại trở nên liên quan tới Shankha-dvĩpa hay Poseidonis (Châu Atlantis của Plato). Có điều là như tác phẩm Sphinxiad của Mackey đã chứng tỏ, xét về mặt thiên văn, điều này ắt đã phải diễn ra cách đây chừng 23 000 năm. Vào lúc đó, độ nghiêng của Hoàng Đạo ắt đã phải vượt quá 27 độ, và do đó cung Kim Ngưu ắt đã phải đi qua Châu Atlantis tức Shankha-dvĩpa. Sự việc như thế đã được chứng tỏ rõ ràng. Giảng lý dạy:

Cứ mỗi Thiên Kiếp (Kalpa) con bò thiêng Nandi lại được mang từ Bhãrata tới Shankha để gặp Rishabha [Kim Ngưu]. Nhưng khi

những người ở Bạch Đảo [vốn xuất phát từ Shveta-dvĩpa], (1) vốn đã sống lẫn lộn với các Daityas [những người Khổng lồ] của vùng đất bất công đã trở nên hắc ám vì tội lỗi, thì Nandi vẫn mãi mãi ở Bạch Đảo [hay Shveta-dvĩpa]… Những người thuộc Thế giới [Giống dân] thứ Tư đã làm mất chữ AUM.

Cho dù có là đỉnh núi Teneriffe hay không thì Ashburj, tức Azburij vẫn là một núi lửa khi "Atala Tây phương" tức Địa ngục bắt đầu đắm chìm và các người được cứu thoát đã kể chuyện này cho con cháu. Châu Atlantis của Plato đã bị
407 diệt vong giữa lửa ở bên trên và nước ở bên dưới; ngọn núi lửa lớn cứ luôn luôn phun ra lửa.

"Con quái vật phun ra lửa" vẫn còn sống sót một mình trong các tàn tích của hòn đảo bất hạnh.

Liệu người Hy Lạp vốn dĩ bị kết tội là vay mượn một điều bịa đặt của Ấn Độ (Atala) và từ đó chế ra một điều bịa đặt khác (Atlantis), có bị tố cáo thêm rằng đã vay mượn cái ý niệm địa lý và con số bảy của họ chăng ?

Proclus cho rằng: "Châu Atlantis trứ danh không còn tồn tại nữa, nhưng chúng ta khó lòng nghi ngờ việc nó đã từng tồn tại, và

---

[1] Châu Atlantis cũng như Shankha-dvĩpa chưa bao giờ được gọi là "Bạch Đảo". Khi truyền thuyết bảo rằng "Bạch Đảo trở nên hắc ám vì tội lỗi của nhân dân", điều này chỉ có nghĩa là dân cư của "Bạch Đảo" hay Siddhapura hay Shveta-dvĩpa đã giáng lâm xuống Châu Atlantis của các Giống dân thứ Ba và thứ Tư, để làm linh hoạt các giống dân này; "sau khi đã lâm phàm, các cư dân này trở nên hắc ám vì tội lỗi" – một cách nói bóng bẩy. Nghe nói mọi Hóa Thân của Vishnu đều phát nguyên từ Bạch Đảo. Theo truyền thuyết Tây Tạng, Bạch Đảo là địa điểm duy nhất thoát khỏi số phận chung của các Châu khác, nó không thể bị nước hay lửa tiêu diệt, vì đó là "Vùng đất Vĩnh cửu".

điều này được minh chứng bởi những người đã soạn ra lịch sử của những điều có liên quan tới biển cả. Đó là vì họ thuật lại rằng vào thời họ, có bảy hòn đảo trong Đại Tây dương được dâng cho Proserpine; ngoài ra còn có ba hòn đảo khác lớn vô cùng được dâng cho Pluto, … (Jupiter)... và Neptune. Hơn nữa dân cư của hòn đảo cuối cùng này (Poseidonis) *vẫn còn nhớ kỹ kích thước khổng lồ* của Đảo Atlantis (theo lời tường thuật của tổ tiên họ) và việc nó chưởng quản mọi Hòn đảo của Đại Tây dương trong nhiều thời kỳ. Từ hòn đảo này, người ta có thể chuyển sang các hòn đảo lớn khác ở phía bên kia và không xa đất liền, mà gần đó đích thực là biển".

Theo Marcellus, bảy châu (dvĩpa)- mà người ta dịch không chính xác là đảo – tạo thành cơ thể của Châu Atlantis trứ danh … Điều này chứng tỏ rõ rệt rằng *Châu Atlantis* chính là *cựu lục địa*… Châu Atlantis bị một trận bão dữ dội nhất [?] hủy diệt: các môn đồ kinh Purãnas đều biết rõ điều này; một số người còn quả quyết rằng do cơn biến động khủng khiếp này của thiên nhiên mà sáu châu đã biến mất. ([1])

Nay các bằng cớ đã được trưng ra đủ để làm hài lòng kẻ hoài nghi nhất. Tuy nhiên, cũng nên thêm vào các bằng chứng trực tiếp dựa vào khoa học chính xác. Thế nhưng, cho dù chúng ta có viết ra bao nhiêu quyển sách thì việc đó cũng chẳng ích gì cho những kẻ không muốn thấy mà cũng chẳng muốn nghe, trừ khi thấy và nghe xuyên qua tai, mắt của những nhân vật có thẩm quyền của riêng mình.

Do đó mới có giáo lý của các nhà bình giải Thiên Chúa La Mã, nghĩa là việc dạy rằng Hermon, ngọn núi ở vùng đất Mizpeth – nghĩa là "sự kết tội của giáo hội"("anathema"), "sự hủy diệt" – cũng chẳng khác nào Núi Armon. Bằng chứng là người ta thường trích dẫn lời Josephus xác nhận vào thời của

[1] Khảo cứu Á Châu, Quyển xi, trang 26 – 28.

chính ông, ngày nào người ta cũng tìm thấy hài cốt của những người khổng lồ ở trên núi đó. Nhưng đó là xứ sở của nhà tiên tri Balaam, người mà "Chúa hết lòng yêu thương". Các sự kiện và nhân vật đã hỗn độn trong trí óc nhà bình giải đến nỗi mà khi kinh Zohar giải thích rằng những con chim linh cảm Balaam có nghĩa là những "Con Rắn", tức là những Người Minh triết và các bậc Cao đồ - ông đã học được bí quyết tiên tri ở trường của các vị này – thì chúng ta lại có cơ hội chứng tỏ rằng Núi Hermon là chỗ trú của những con "Ác long có cánh mà đứng đầu là Samael" – Satan của Do Thái giáo ! Spencer cho rằng :

Con vật hy sinh của Do Thái, vốn mang danh hiệu của một trong những vị đó [Azaz(y)el] được phái tới cho những vong linh ô trược bị xiềng trên núi Hermon ở Sa mạc.

408 Chúng tôi xin nói rằng không phải như thế đâu, kinh Zohar đã giải thích như sau về sự thi thố pháp thuật mà tiếng Hebrew gọi là Nehhaschim, tức là các công việc của "Loài Rắn". Nó cho rằng (Phần iii, cột 302) :

Nó được gọi là Nehhaschim vì các pháp sư [các môn đồ thực hành Do Thái Bí giáo] làm việc *giữa bầu ánh sáng của Loài Rắn Nguyên thủy* mà họ thấy trên trời như là một vùng sáng chói gồm có hằng hà sa số những vì sao nhỏ.

Điều này chỉ có nghĩa là Tinh Tú Quang, theo lối nói của môn đồ phái Marton, của Éliphas Lévi và của tất cả các nhà Huyền bí học hiện đại.

SỰ "ĐỌA ĐÀY" THEO MỘT QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC

Nay các giáo lý nêu trên của Giáo Lý Bí Nhiệm cộng thêm các truyền thuyết đại đồng thế giới, ắt phải chứng tỏ rằng kinh Brãhmãnas và Purãnas, kinh Vendĩdãd và các Thánh kinh Bái hỏa giáo khác, mãi cho tới các Thánh kinh Ai Cập,

Hy Lạp, La Mã và cuối cùng là tới các Thánh kinh Do Thái Bí giáo, đều có một nguồn gốc. Chẳng có gì là các câu chuyện vô nghĩa và vô căn cứ được chế ra để đánh lừa kẻ phàm phu lơ đễnh, tất cả đều là các ẩn dụ có mục đích trình bày – dưới một bức màn ít nhiều hoang đường – các chân lý được thu thập trong cùng một lãnh vực truyền thuyết tiền sử. Trong tác phẩm này, chúng ta không có đủ chỗ để đi sâu vào việc trình bày thêm nữa các chi tiết tỉ mỉ liên quan tới bốn Giống dân có trước Giống dân thứ Năm chúng ta. Nhưng trước khi trình bày cho môn sinh lịch sử của cuộc tiến hóa tâm linh và tinh thần của các tổ phụ trực hệ tiền Đại hồng thủy của Giống dân thứ Năm (Ãryan) chúng ta, và trước khi chứng tỏ tác dụng của nó đối với mọi nhánh khác mọc ra từ cùng một thân cây, chúng ta phải minh giải một vài sự kiện nữa. Dựa vào bằng chứng của toàn bộ thế giới văn chương cổ và những suy lý trực giác của hơn một triết gia và khoa học gia trong các giai đoạn sau này, người ta đã chứng tỏ rằng trong hầu hết mọi trường hợp, các giáo điều của Nội môn Bí giáo đã được bổ chứng bởi bằng chứng trực tiếp và do suy luận, người ta cũng chứng tỏ rằng những người Khổng lồ "huyền hoặc", các lục địa thất tung, cũng như sự tiến hóa của các Giống dân trước đều chẳng phải là những câu chuyện hoàn toàn vô căn cứ. Trong phụ lục cuối Quyển 4, khoa học sẽ thấy chính mình hơn một lần không thể giải thích được, người ta hy vọng rằng các Phụ lục này rốt cuộc sẽ dẹp tan được mọi nhận xét hoài nghi liên quan tới con số thiêng liêng trong thiên nhiên và các con số của chúng ta nói chung.

Trong khi đó, một nhiệm vụ vẫn còn chưa hoàn tất, đó là việc dẹp tan các giáo điều thần học tai hại nhất : SỰ ĐỌA ĐÀY (CURSE) mà người ta gán cho là nhân loại phải chịu

đựng suốt từ khi người ta giả sử là Adam và Eve đã không tuân lời trong bóng mát của vườn Địa Đàng (Eden).

Các quyền năng sáng tạo nơi con người đã là năng khiếu của Minh Triết Thiêng Liêng, chứ không phải là hậu quả tội lỗi. Điển hình của điều này là thái độ nghịch lý của Jehovah,
409 thoạt tiên, y đã *nguyền rủa* Adam và Eve (tức Nhân loại) vì giả sử là họ đã phạm trọng tội, thế rồi lại *ban phúc* cho "dân tộc tuyển định" của mình bằng cách bảo rằng: "Hãy sinh sôi nảy nở tràn đầy trên mặt đất". ([1]) Sự đọa đày đã không được mang tới cho nhân loại nơi Giống dân thứ Tư, vì Giống dân thứ Ba tương đối vô tội, những người tiền Đại hồng thủy còn khổng lồ hơn nữa, đã bị diệt vong cũng theo lối đó; do đó, trận Đại hồng thủy không phải là sự trừng phạt, mà chỉ là kết quả của một định luật địa chất tuần hoàn. Sự Đọa đày của NGHIỆP QUẢ (KARMA) cũng không giáng xuống đầu họ để mưu tìm sự kết hợp *tự nhiên*, cũng như mọi thế giới động vật vô trí được thực hiện trong các mùa thích hợp; mà để lạm dụng quyền năng sáng tạo, để làm bại hoại linh khiếu (divine gift), và lãng phí sinh lực mà chẳng có mục đích nào khác hơn là thỏa mãn thú tính của riêng mình. Khi hiểu rõ, thì chúng ta sẽ thấy rằng chương ba của Sáng Thế Ký đề cập tới Adam và Eve vào lúc cuối Giống dân thứ Ba và đầu Giống dân thứ Tư. Thoạt tiên, sự thụ thai đối với người phụ nữ cũng dễ dàng chẳng kém gì đối với mọi động vật khác. Thiên nhiên chưa bao giờ dự tính rằng người đàn bà sẽ sinh con cái "trong đau khổ" ("in sorrow"). Tuy nhiên, vào thời kỳ đó, trong khi Giống dân thứ Tư tiến hóa, đã xảy ra sự thù nghịch giữa mầm mống của nó và mầm mống của "Con Rắn", mầm mống hay sản phẩm của nghiệp quả đã làm "dập nát gót chân" của

[1] Sáng Thế Ký, ix, 1.

giống dân Atlantis, bằng cách biến đổi dần dần về mặt sinh lý, đạo đức, thể chất và tâm thần, toàn bộ bản chất của Giống dân thứ Tư, (1) cho đến khi từ địa vị chúa tể mạnh mẽ của giới động vật trong Giống dân thứ Ba, con người trong Giống dân thứ Năm chúng ta, đã biến thành một thực thể bơ vơ, bệnh hoạn, và nay y đã thừa hưởng một di sản kếch sù nhất Địa Cầu về bệnh bẩm sinh và di truyền để trở thành một con thú có ý thức và thông minh nhất ! (2)

Theo quan điểm sinh lý học, đây chính là sự Đọa đày thực sự, hầu như là sự đọa đày duy nhất mà Do Thái Bí giáo đề cập tới. Xét theo khía cạnh này, sự đọa đày thật là không thể

410

[1] Luật Bàn Cổ về đời sống lứa đôi thật là minh triết và cao cả, nhìn xa trông rộng và vô cùng có lợi về mặt tinh thần khi so sánh với sự trụy lạc mà con người được mặc nhiên cho phép trong các xứ văn minh. Sự việc các luật này đã bị lờ đi trong hai ngàn năm vừa qua càng làm cho chúng ta thán phục sự thấy xa của các luật ấy. Tín đồ Ba La Môn vốn là một Grihasta, một cư sĩ, mãi đến một thời kỳ nào đó trong đời mình, sau khi đã sinh một đứa con trai (son), y từ bỏ cuộc sống lứa đôi, và trở thành một đạo sĩ Yoga trinh khiết. Chiêm tinh gia Bà La Môn của y đã điều chỉnh chính cuộc sống lứa đôi của y cho phù hợp với bản chất của y. Do đó những xứ như Punjãb chẳng hạn, nơi mà ảnh hưởng tai hại của sự trụy lạc của Hồi giáo và sau này của Âu Mỹ, vẫn chưa tác động bao nhiêu tới các giai cấp chính thống Ãryan, người ta vẫn còn thấy những người tốt đẹp nhất – xét về mặt vóc dáng và thể lực – trên toàn Thế giới. Trong khi đó ở vùng Deccan, và nhất là ở Bengal, những người khỏe mạnh thời xưa đã bị thay thế bởi các người thuộc các thế hệ cứ ngày càng nhỏ yếu đi theo từng thế kỷ và hầu như là theo từng năm.

[2] Bệnh tật và nạn nhân mãn là những sự kiện không thể chối cãi được.

chối cãi được, vì nó thật là hiển nhiên. Sự tiến hóa trí tuệ song song với sự tiến hóa thể chất, chắc chắn đã là một sự đọa đày thay vì là sự ban phúc – một năng khiếu được triển khai bởi "Các Đấng Minh Triết", các Ngài đã tuôn lên Trí người giọt sương mới mẻ của Tinh Thần và Bản Thể của chính các Ngài. Thế là người Khổng lồ Thiêng liêng đã bị đau khổ một cách vô ích; và người ta cảm thấy có khuynh hướng tiếc rẻ sự ban ơn của các Ngài cho nhân loại, và than thở cho những ngày mà Aechylus đã mô tả vô cùng sống động trong tác phẩm "Prometheus bị Trói buộc" của ông, khi đó, vào lúc kết thúc Thời đại Titans (Thời đại tiếp theo sau Thời đại Con người Tinh anh, của Kandu và Pramlochã ngoan đạo), nhân loại mới sinh, bằng thể chất, vẫn vô trí và vô giác quan (về mặt sinh lý) được mô tả như sau –

> Họ chẳng thấy gì cả;
> Họ chẳng nghe được gì; mà chỉ giống như những hình dạng trong giấc mơ,
> Vạn vật đã được pha trộn suốt thời gian dài dằng dặc.

Rất có thể là sự bạc bẽo của lòng người sẽ chẳng cần nhận ra và nhớ ơn các Đấng Cứu Rỗi chúng ta, các Hỏa Tinh Quân và các Đấng thiêng liêng khác, "Con của Ngọn Lửa Minh Triết" – người Hy Lạp nhân cách hóa thành Prometheus. ([1])

[1] Trong tác phẩm *Các Vở kịch của Aeschylus* của bà Anna Swanwick, người ta có đề cập tới việc "Prometheus bị Trói buộc" ("Tủ sách Cổ điển của Bohn", trang 334) như sau: "Prometheus thật sự xuất hiện trong đó với vai trò là người bênh vực và ân nhân của loài người, tình cảnh của Prometheus … được mô tả như là vô cùng yếu đuối và khốn khổ… Nghe nói Thần Vương Zeus đã tiêu diệt những kẻ phù du ốm yếu này và kiến tạo trên địa cầu một giống dân mới thay thế cho chúng". Trong các Thiền Định Chân Kinh, chúng ta thấy các Đấng Hiện Tồn cũng làm như vậy và tận diệt sản phẩm

Vì không biết gì về sự thật, chúng ta có thể gián tiếp nguyền rủa các Ngài vì năng khiếu của Pandora. Tuy nhiên, việc giáo sĩ đoàn tố cáo họ là NHỮNG KẺ GIAN TÀ, quả thật là một Nghiệp Quả nặng nề dành cho "Đấng" dám một mình cứu "thế nhân" thoát khỏi sự trầm luân khi Thần Zeus chỉ lăm le tiêu diệt toàn thể loài người. Người ta đã trình bày vị Titan đau khổ ấy phát biểu rằng:

> Từ xôn xao khốn kiếp cho tới u ám của âm phủ.
> Ta đã quan tâm tới điều này qua sự tra tấn khủng khiếp ấy,
> Ta đã đau buồn chịu đựng và ái ngại chứng kiến cảnh thương tâm của thế nhân…

Khúc hợp ca nhận xét rất thích đáng rằng :

> Người ta đã ban quá nhiều ân huệ cho thế nhân !

Prometheus đáp :

> Đúng vậy, hơn nữa, ta còn ban cho họ lửa nữa.

KHÚC HỢP CA: Nay liệu những tạo vật phù du này có cặp mắt rực lửa không ?

PROMETHEUS: Có chứ, và nhờ đó, rất nhiều nghệ thuật sẽ học được…

đầu tiên của Thiên Nhiên và Biển cả. "Người ta *trình bày* là Prometheus đã phá hoại dự tính này, và do đó y phải chịu thay cho thế nhân sự đau khổ quằn quại nhất mà Thần Vương Zeus tàn nhẫn trừng phạt y. Như thế, Titan biểu tượng của lý trí hữu hạn và tự do ý chí [của trí người, hay Thượng Trí] là một *bậc nhân từ cao cả*, còn Zeus, vị Thần Tối Cao của Hy Lạp, lại được mô tả như một tên bạo chúa, độc ác và ngoan cố, một tính nết vô cùng ghê tởm đối với tình cảm của dân Athen". Lý do của điều này còn được giải thích thêm nữa. Trong mọi Thần Thánh cổ truyền, kể cả các Thần của người Do Thái, vị "Thần Linh Tối Cao", có một đặc tính *nhị phân* bao gồm cả ánh sáng lẫn bóng tối.

Tuy nhiên, đối với nghệ thuật, "lửa" nhận được đã biến thành sự đọa đày ghê gớm nhất; yếu tố thú dục và *ý thức* về sự chiếm hữu nó, đã biến bản năng định kỳ thành ra thú tính
411 và nhục dục kinh niên. ([1]) Chính điều này đã lủng lẳng trên đầu nhân loại giống như một cái khăn phủ quan tài âm u. Trách nhiệm của tự do ý chí xuất lộ như thế đấy. Các thị dục của Titan vốn tiêu biểu cho nhân loại dưới khía cạnh hắc ám nhất;

Các thị dục, dục vọng thấp hèn đang lăng xăng không ngừng thách thức những sự cưỡng chế pháp luật một cách tự thị và láo xược. ([2])

Theo tác phẩm Protagoras của Plato, Prometheus đã ban cho con người loại "minh triết chăm lo về hạnh phúc vật chất", nhưng Hạ Trí cảm dục vẫn còn trơ trơ ra đấy. Thay vì "một tâm trí thanh thoát, năng khiếu bản sơ của thiên giới", người ta tạo ra con kên kên vĩnh cửu với dục vọng không bao giờ thỏa mãn, tiếc nuối và thất vọng, kết hợp với "sự yếu đuối mơ màng đang trói buộc đám thế nhân mù quáng" (câu thơ 556), cho đến ngày mà Prometheus được vị Thiên sứ cứu tinh giải thoát.

Nay các tín đồ Thiên Chúa giáo – nhất là các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã – đã ra sức tiên tri bằng cách liên kết vở kịch này với sự giáng lâm của Đức Christ. Thật không còn điều lầm lỗi nào nặng nề hơn thế. Nhà Minh Triết Thiêng Liêng chân chính, người theo đuổi Minh Triết Thiêng Liêng

---

[1] Vốn chỉ bị bản năng dẫn dắt, thế giới động vật (animal world) có các *mùa sinh sản,* còn tính dục bị hóa giải trong thời gian còn lại của năm. Do đó, con thú hoang chỉ bị bệnh một lần trong đời trước khi chết.

[2] Nhập môn "Prometheus bị Trói buộc", trang 340.

và tôn thờ sự Hoàn Thiện Tuyệt Đối – Đấng Thánh Linh Huyền Vi vốn chẳng phải là Zeus hay Jehovah - ắt sẽ phản đối một ý tưởng như thế. Khi trực chỉ về thời cổ, y sẽ chứng tỏ rằng chưa bao giờ có một tội lỗi *nguyên thủy*, mà chỉ có sự lạm dụng trí tuệ vật chất – phần Tâm linh bị phần Thú tính lôi cuốn và cả hai đã dập tắt ánh sáng của Tinh Thần. Y sẽ bảo: Tất cả các bạn nào có thể hiểu được "ý tại ngôn ngoại" hãy nghiên cứu Minh Triết Cổ Truyền trong các vở kịch xưa của Ấn Độ và Hy Lạp; hãy đọc kỹ tác phẩm "Prometheus bị Trói buộc", đã được trình diễn tại các rạp hát ở Athens cách đây 2 400 năm ! Thần thoại này chẳng phải là sản phẩm của Hesiod hay Aeschylus, mà theo Bunsen, nó còn "xưa hơn chính cả người Hy Lạp nữa", vì thật ra nó là sản phẩm của ý thức con người vào buổi sơ khai. Vị Titan bị *Thập giá hình* chính là biểu tượng được nhân cách hóa của tập thể Thiên Đạo (collective Logos), "Đạo Quân Thiên Giới", các "Đấng Minh Triết", tức THIÊN ĐẾ (HEAVENLY MAN) đã đầu thai trong nhân loại. Hơn nữa, danh hiệu của Ngài (*Pro-me-theus*, "Đấng thấy đằng trước mình" hay tương lai) chứng tỏ ([1])

[1] Từ nguyên là "pro-metis", "sự suy tính trước". Tác phẩm nêu trên Các vở kịch của Aeschylus cho chúng ta biết rằng Giáo sư Kuhn "xem danh hiệu Titan là thoát thai từ tiếng Bắc Phạn Pramantha, dụng cụ được dùng để nhóm lửa. Ngữ căn *mand* hay *manth* hàm ý chuyển động quay, còn từ ngữ *manthāmi* dùng để chỉ tiến trình nhóm lửa, lại có thêm nghĩa phụ là "nắm nhanh" (snatching away); do đó chúng ta thấy một từ ngữ cùng một họ khác *pramatha* có nghĩa là 'lấy cắp' ". Điều này thật là kỳ diệu, nhưng có lẽ không hoàn toàn chính xác; hơn nữa, trong đó còn một yếu tố rất tầm thường. Chắc chắn là trong thế giới vật chất, các hình tướng thượng đẳng có thể phát triển từ các hình tướng hạ đẳng, nhưng trong thế giới tư tưởng thì khó lòng có thể như thế

rằng trong những nghệ thuật mà Ngài đã phát minh ra và
412 dạy dỗ cho nhân loại, sự giác ngộ tâm lý (psychological insight) không phải là nghệ thuật kém nhất. Đó là vì y đã phàn nàn với các con gái của Oceanus như sau:

> Ta đã ấn định nhiều cách thức tiên tri khác nhau, (492)
> Và trong số các giấc mơ ta đã phân biệt trước tiên
> Linh thị chân thực… và thế nhân được dẫn dắt
> Tới một nghệ thuật huyền bí…
> Mọi nghệ thuật dành cho thế nhân đều bắt nguồn từ
> Prometheus…

Chúng ta hãy tạm gác các đề tài chính lại trong vài trang để xem điều này có thể có ý nghĩa ẩn tàng gì chăng, vì nó là truyền thuyết ẩn dụ xưa nhất và gợi ý nhất. Vì điều này có liên quan trực tiếp tới các Giống dân sơ khai nên nó thực ra chẳng có gì là lạc đề.

Mọi độc giả trí thức đều biết đề tài lịch sử ba hồi của Aeschylus; trong đó hai vở kịch đã bị thất truyền rồi. Vị Bán

---

được. Và vì chúng tôi được biết rằng từ ngữ *manthãmi* chuyển sang tiếng Hy Lạp và trở thành từ ngữ *manthanõ,* học hỏi – nghĩa là thu lượm kiến thức, do đó mới có từ ngữ *prometheia*, "biết trước", "suy tính trước" – nên khi tìm kiếm, chúng ta có thể thấy nguồn gốc thơ mộng cho "kẻ mang lửa" hơn là nguồn gốc được trình bày trong tiếng Bắc phạn. Chữ Vạn, dấu hiệu thiêng liêng và dụng cụ để nhóm lửa *thiêng liêng*, có thể giải thích được điều này rõ ràng hơn. Tác giả tiếp tục trình bày: "Prometheus, kẻ mang lửa, là Pramatha được nhân cách hóa, có nguyên kiểu là Mãtarishvan của dân Ãryan, một nhân vật thiêng liêng có liên hệ tới Hỏa Thần Agni trong kinh Veda". Theo tiếng Bắc Phạn, Matih là "sự hiểu biết"[trí tuệ] và đồng nghĩa với TOÀN LINH TRÍ (MAHAT) và MANAS, và phải có một từ nguyên nào đó; Pramatih [Đấng Thông Tuệ] là con của Vô cực điện (Fohat) và có một lai lịch gốc gác cũng thế.

Thần cướp mất bí mật của các Thần (Elohim), đó là bí mật về Lửa Sáng Tạo. Vì toan tính phạm thượng này, y bị Kronos ([1]) hạ bệ và giao cho Zeus, Cha đẻ và Kẻ Sáng Tạo của một nhân loại mà Ngài muốn có một trí tuệ mù quáng và giống như thú vật, một vị Thượng Đế *Nhân hình* sẽ không chịu xem CON NGƯỜI là "giống như một trong chúng ta". Prometheus, kẻ "ban cấp Lửa ánh sáng", bị xiềng trên Núi Caucasus và bị kết tội phải chịu tra tấn đau khổ. Nhưng theo lời Titan, Định Mệnh ba dạng (Karma) cũng có các quyết nghị của mình, ngay cả Zeus –

> Ngay cả Ngài cũng không tránh được điều tiền định…

– cũng ra lệnh bằng những điều đau khổ đó cũng chỉ kéo dài cho đến khi mà một người con của Zeus –

> Đúng vậy, một người con sinh ra khỏe hơn ông cha mình (787)
>
> ……..
>
> Nó ắt phải là một trong các hậu duệ của chính Ngài [Io's] (791)

– nó được sinh ra. "Người Con" này sẽ giải thoát cho Prometheus (Nhân loại đau khổ) khỏi năng khiếu tai hại của chính y. Người con này có danh hiệu là "Đấng phải giáng lâm".

Thế là dựa vào thẩm quyền của vài hàng này – giống như bất kỳ câu nói ẩn dụ nào khác – chúng có thể bị xuyên tạc thành ra hầu như bất kỳ ý nghĩa nào- dựa vào thẩm quyền của những lời do Prometheus tuyên bố với Io, con gái của Inachus, bị Thần Zeus hành hạ - một vài tác giả Thiên Chúa giáo đã dựng nên được cả một điều tiên tri. Titan bị thập tự giá hình, bảo rằng :

---

[1] Kronos là "Thời gian", do đó, ẩn dụ này trở nên rất là gợi ý.

Và điều xấu không thể tin được, các cây sồi biết nói
Bằng lời lẽ minh bạch chẳng có gì là bí hiểm,
Được hoan hô là *vị phu nhân chói lọi của thần Zeus*
…….. (853)
413 …… vỗ lên người
Chỉ bằng *cái chạm nhẹ của một bàn tay không có gì đáng ngại;*
Thế rồi, người *sẽ sinh ra trong Epaphos đen tối*, tên nó
Ghi lại sự sinh sản thiêng liêng của mình……..(870).

Điều này được nhiều kẻ cuồng tín – Des Mousseaux và De Mirville v.v… - xây dựng thành ra một điều tiên tri rõ rệt. Chúng ta được cho biết rằng "Epaphos đen tối" chính là Đức Christ. Nhưng Đức Christ không hề hạ bệ Cha mình, trừ phi xét về mặt ẩn dụ; nếu chúng ta phải xem Jehovah là bậc Từ Phụ đó; và Đức Christ cứu nhân độ thế cũng không hề ném Cha mình xuống Âm phủ (Hades). Thế nhưng (trong câu thơ 930) Prometheus bảo rằng Zeus sẽ bị hạ nhục :

…….cuộc hôn nhân mà Ngài sửa soạn như thế
Sẽ ném Ngài từ một ngai vàng quyền lực xuống hư vô
Thế là lời nguyền rủa của Cha Ngài (Kronos) sẽ hoàn thành trọn vẹn….
……. Thế thì cứ để cho Ngài ngự
Chễm chệ tự tin trong những tiếng sấm rền vang cao vút,
Và dùng cả hai tay vận dụng tia chớp lóe lửa;
Đó là vì *những thứ này sẽ không thắng được, song Ngài sẽ sa sút*,
Một sự sa sút thất sủng không thể trường tồn….. (980)

"Epaphos đen tối" chính là Dionysus-Sabasius, con trai của Zeus và Demeter trong các Bí pháp Sabasia, trong đó "Cha của chư Thiên", đang khoác lấy hình dạng một *Con Rắn*, đã sinh ra Demeter Dionysus, túc Tửu Thần Thái Dương (Solar Bacchus). Io là Mặt Trăng, đồng thời là Eve của một *giống dân mới*, trong trường hợp hiện nay thì Demeter cũng

vậy. Thần thoại về Prometheus đúng là một điều tiên tri, nhưng nó không liên hệ tới bất kỳ Đấng Cứu Thế tuần hoàn nào đã xuất hiện một cách định kỳ nơi nhiều xứ khác nhau và trong nhiều quốc gia đang ở trong tình trạng tiến hóa chuyển tiếp. Nó nêu rõ bí nhiệm cuối cùng về những sự tiến hóa tuần hoàn, sau khi đã chuyển từ trạng thái vật chất tinh anh, sang trạng thái vật chất thô đặc, từ sự sinh sản thiêng liêng sang sự sinh sản sinh lý, trong hàng loạt các cuộc tiến hóa đó, con người được mang lên vòng cung đối nghịch của chu kỳ, hướng về giai đoạn thứ nhì của trạng thái nguyên thủy, khi *người phụ nữ không có biết tới đàn ông nữa*, và hậu duệ nhân loại *được sáng tạo, chứ không phải là được sản sinh ra*.

Tình trạng đó sẽ trở về với nó và thế giới nói chung, khi thế giới sẽ khám phá ra và thực sự đánh giá được các chân lý đang ẩn tàng dưới vấn đề tính giống lớn lao này. Nó sẽ chẳng khác nào "ánh sáng chẳng bao giờ ở trên biển cả hay đất liền", và phải đến với con người, xuyên qua Hội Theosophy. Ánh sáng đó sẽ đưa tới *trực giác tinh thần chân chính*. Thế rồi, một bức thư gửi cho một nhà Minh Triết Thiêng Liêng đã diễn đạt như sau :

Thế giới sẽ có một giống dân gồm các Đức Phật và Đức Christ, vì thế giới sẽ khám phá ra rằng các cá nhân có quyền năng sinh sản ra những người con giống như Phật – tức là những Con Quỷ (Demons)… Khi kiến thức này xuất hiện, mọi tôn giáo có óc giáo điều, cùng với các Con Quỷ này, sẽ bị diệt vong.

414 Nếu chúng ta suy gẫm về sự triển khai liên tiếp của ẩn dụ, và tính chất của các bậc anh hùng, thì chúng ta có thể giải được bí nhiệm này. Dĩ nhiên, Kronos là "Thời gian" tiến triển tuần hoàn. Ngài nuốt chửng các người con của ngài, kể cả các vị thần *nhân hình* trong các giáo điều ngoại môn. Thay vì Zeus, Ngài đã nuốt chửng hình tượng bằng đá của y, nhưng

biểu tượng đã tăng trưởng và chỉ phát triển trong óc tưởng tượng của con người, khi nhân loại đã tuần hoàn đi xuống, chỉ hướng về sự hoàn thiện thể chất và trí tuệ - chứ không phải là về tinh thần. Khi nhân loại đã tiến khá xa về mặt tinh thần, Kronos sẽ không còn bị lừa phỉnh nữa. Thay vì hình tượng bằng đá, Ngài sẽ nuốt chửng chính sự bịa đặt thần nhân đồng hình; đó là vì Con Rắn Minh Triết, đã được trình bày là Thiên Đạo nhân hình (anthropomorphized Logos) trong các Bí pháp Sabasia (tức là sự thống nhất của các quyền năng tinh thần và vật chất) sẽ sinh ra trong Thời gian (Kronos) một người con – Dionysus-Bacchus, tức "Epaphos đen tối", "Đấng dũng mãnh", Giống dân sẽ lật đổ Ngài. Y sẽ sinh ra ở đâu? Trong cõi tiên tri của mình, Prometheus đã truy nguyên cùng với sinh quán tới tận Io. Io là Nữ Nguyệt Thần sinh hóa, vì nàng chính là Isis, Eve, Đại Mẫu (Great Mother).([1]) Y theo bước những cuộc phiêu bạt (chủng tộc)

[1] Tác giả của bản văn và người dịch quyển "Prometheus bị Trói buộc" than phiền rằng trong cuộc theo vết những cuộc hành trình lang thang này của Io, "chúng tôi không thể đạt được một sự nhất quán nào với kiến thức về địa lý của chính mình" (trang 379). Điều này cũng có thể vì nhiều lý do. Trước hết, đó là cuộc hành trình phiêu bạt từ nơi này đến nơi kia của *Giống dân* vốn sản sinh ra hóa thân "thứ mười" tức cái gọi là Bạch Mã kỵ sĩ hóa thân (Kalki Avatãra). Ông gọi điều này là "giống dân vương giả sinh ở *Argos*" (888). Nhưng Argos ở đây chẳng có dính dáng gì tới Argos ở Hy Lạp. Nó có từ nguyên là *arg* hay *arka* – quyền năng sinh hóa nữ tính được tượng trưng bằng Mặt Trăng – chiếc Argha có dạng thuyền bè trong các Bí pháp, có nghĩa là Nữ Hoàng Thiên giới. Eustathius chứng tỏ rằng theo thổ ngữ của dân Arg-ians, Io có nghĩa là Mặt Trăng, còn Nội môn Bí giáo giải thích đó là Đấng Bán thư bán hùng thiêng liêng, hay là số Mười huyền bí, theo tiếng Hebrew (Hy bá

này một cách rành mạch. Bà phải rời Châu Âu và đi đến Châu Á, ở đó bà lên tới đỉnh cao nhất của rặng núi Caucasus (câu thơ 737). Titan bảo bà :

Khi bà đã vượt qua trận lụt, biên giới giữa
Hai lục địa đối diện với phương Đông bừng cháy …(810)

rằng bà phải đi về hướng Đông, sau khi đã vượt qua eo biển "Kim-merian Bosphorus" và băng qua cái hiển nhiên là sông Volga và nay là thành phố Astrakhãn trên Bờ biển Caspian. Sau đó, bà sẽ gặp những "cơn gió Bắc dữ dội" và băng qua đó tới vùng của "đạo quân d' Arimaspi (phía Đông Scythia của Herodotus) tới –

Trận lụt đầy dẫy vàng của Pluto… (825).

Giáo sư Newman đã phỏng đoán đúng rằng điều này có nghĩa là Núi Ural, Airmaspi của Herodotus là "dân cư được thừa nhận của vùng Hoàng Kim này".

415 Và ở đây (giữa câu thơ 825 và 835) có một điều làm cho các nhà thuyết minh Tây phương phải đau đầu. Titan bảo rằng:

---

lai) 10 là con số hoàn thiện tức Jehovah. Theo Bắc Phạn Arghya là chiếc cốc dâng rượu lễ, cái bát có dạng thuyền bè mà hoa quả được đựng trong đó để dâng cúng cho các vị Thần. Arghyanãth là một tôn danh của Đức Mahã Chohan, nghĩa là Đấng Chưởng Quản Sự dâng rượu lễ", còn Arghyavarsha, "Xứ Dâng rượu lễ" là danh xưng bí nhiệm của vùng trải dài từ núi Kailãsa gần sa mạc Shamo – người ta mong đợi là Bạch Mã kỵ sĩ hóa thân sẽ xuất hiện từ trong đó. Với vai trò là địa điểm, Airyãna-Varsedya [? Airyana Vaẽjõ] của Bái hỏa giáo cũng chính là ở chỗ đó. Hiện nay, người ta đã bảo rằng nó ở giữa biển Aral, Baltistãn và Tiểu Tây Tạng; nhưng xưa kia, nó chiếm một vùng rộng lớn hơn nhiều, vì nó là sinh quán của nhân loại *vật chất*, mà Io là mẹ và biểu tượng.

Đừng đến gần Arimaspi và Grypes;
Sau đó ngươi sẽ tới một vùng biên dịa xa xăm, chỗ trú của một giống dân da ngăm đen
Gần các suối nước của Mặt Trời, cội nguồn của dòng sông Aethiop;
Ngươi sẽ đi dọc theo bờ sông này cho tới khi đạt đến
Các thác nước hùng vĩ, nơi mà từ đỉnh Bybline,
Các ngụm nước thiêng thuần khiết Neilos đổ xuống.

Io được lệnh thành lập một vùng định cư cho chính mình và các con ở đó. Nay chúng ta phải xem đoạn này được thuyết minh như thế nào. Người ta sẽ bảo Io rằng bà phải đi về hướng Đông cho đến khi bà đi tới sông Ethiops, mà bà phải đi theo cho tới lúc nó đổ vào sông Nile – vì thế bà mới băn khoăn. Tác giả của bản văn "Prometheus bị Trói buộc" cho biết rằng:

Theo các thuyết địa lý của người Hy Lạp sơ khai nhất, thì dòng Ấn hà (sông Indus) đã hoàn thành được tình huống này. Arrian (vi,1) cho rằng khi chuẩn bị xuôi buồm xuống Ấn hà [khi đã thấy những con sấu ở Ấn hà và chẳng ở con sông nào khác ngoại trừ sông Nile…], Đại Đế Alexander dường như đã đích thân tìm ra cội nguồn của sông Nile; như thế là sông Nile, vốn phát nguyên từ một nơi nào đó ở Ấn Độ và chảy qua nhiều vùng sa mạc, nên đã mất danh hiệu Ấn hà, kế đó… lại chảy qua vùng đất có dân cư, nay được gọi là sông Nile bởi những người Ethiopia ở vùng ấy và sau đó, bởi những người Ai Cập. Virgil vào thời George đệ tứ cũng phát biểu điều sai lầm cổ hủ đó.(1)

Cả Alexander lẫn Virgil có thể đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng về các ý niệm địa lý của mình; tuy nhiên, lời tiên tri của Prometheus không hề phạm lỗi như thế một chút nào – ít nhất là xét theo tinh thần nội môn. Khi người ta trình

[1] Sách đã dẫn, trang 385, chú thích.

bày tượng trưng một Giống dân nào đó và dùng ẩn dụ trình bày các biến cố lịch sử của nó, thì chúng ta không nên mong đợi có một sự chính xác trắc địa nào được vạch ra cho sự nhân cách hóa nó, thế nhưng nó lại diễn ra cho con sông Ethiops nhất định là Indus (Ấn hà), và nó cũng là sông Nĩl hay Nĩlã. Đó là dòng sông phát nguyên từ ngọn núi trên Cõi Trời Kailãsa, Trú sở của chư Thiên, cao hơn mực nước biển 22 000 feet. Đó là dòng sông Ethiops trước thời Đại Đế Alexander, người Hy Lạp cũng gọi nó như vậy, vì hai bên bờ sông, từ Attock tới tận Sind, đều là chỗ trú của các bộ lạc thường được gọi là những người Đông Ethiopia. Ấn Độ và Ai Cập là hai quốc gia thân thuộc và hy vọng là bộ Nữ Thần Isis Lộ Diện ([1]) đã chứng tỏ được rõ ràng những người Đông Ethiopia – những nhà kiến tạo dũng mãnh – phát nguyên từ Ấn Độ.

Thế thì tại sao Alexander, thậm chí cả nhà thông thái Virgil nữa, lại không dùng từ ngữ Nile hay Neilos khi nhắc đến Ấn hà vì đó là một trong các tên gọi của nó ? Cho tới nay, ở những vùng quanh Kalabagh, Ấn hà vẫn được gọi là Nĩl, "xanh", và Nĩ lã, "sông xanh". Nước ở đó có một màu xanh đậm khiến cho từ xưa, người ta đã gọi nó bằng danh xưng
416 này; một thị trấn nhỏ ở trên bờ sông cũng được gọi như vậy, và vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Hiển nhiên là Arrian – ông này đã viết sách sau thời Alexander nhiều, và chẳng biết gì về tên gọi cũ của Ấn hà – đã vô tình vu khống nhà chinh phục người Hy Lạp. Các sử gia hiện đại của chúng ta cũng chẳng phán đoán sáng suốt gì hơn, vì họ thường đưa ra những tuyên bố bao quát nhất về toàn những hình thức bên ngoài,

[1] Quyển 1, trang 569 – 570.

chẳng khác gì các đồng nghiệp của họ thời xưa, khi chưa có sẵn các bộ Bách Khoa Tự Điển.

Thế thì giống dân Io, "trinh nữ sừng bò" chỉ là giống dân tiên phong Aethipia được mang từ Ấn hà tới sông Nile, nó đã được mệnh danh như vậy để kỷ niệm con sông gốc của những kẻ thực dân xuất phát từ Ấn Độ. ([1]) Do đó Prometheus mới bảo Io rằng ([2]) Neilos linh thiêng – vị thần chứ không

---

[1] Alexender vốn quen thuộc với Attoch hơn là Ấn Độ - và ông chưa bao giờ đi vào Ấn Độ chính quốc – đã không thể không nghe nói tới Ấn hà, ở chính các cội nguồn của nó được mệnh danh là Nĩl và Nĩlã. Như thế, chúng ta cũng dễ dàng giải thích được sự lầm lẫn này – nếu đó quả là sự lầm lẫn.

[2] Xét về mặt ẩn dụ, việc Io "có sừng bò" chứng tỏ rằng bà đồng nhất với Isis và Mặt Trăng. Ẩn dụ này nhất định là được truyền từ Ấn Độ sang Hy Lạp; trong kinh Aitareya Brãhmana của Ấn Độ, người ta trình bày rằng Vãch – "Con bò cái dịu dàng", trong kinh Rig Vedã, "từ đó nhân loại được tạo ra" (Bhãgavata Purãna) bị cha mình (Brahmã) theo đuổi; bị kích động bởi một thị dục bất chính, Brahmã đã biến nàng thành một con Hươu cái. Vì không chịu chiều theo thị dục của Jupiter nên Io đã "mọc sừng" ("horned"). Ở khắp nơi, Con bò cái đều là biểu tượng của quyền năng sinh hóa thụ động của thiên nhiên, Isis, Vãch, Thần Vệ Nữ - thân mẫu của Thần Ái Tình Cupid, đồng thời cũng là thân mẫu của Thiên Đạo; đối với người Ai Cập và người Ấn Độ, biểu tượng của Thiên Đạo đã trở thành Con bò mộng, được minh chứng bởi Thần Apis và các Con bò mộng Ấn Độ trong các đền thờ xưa nhất. Theo Nội Môn Bí giáo, Con bò cái là biểu tượng của Thiên Nhiên Sáng Tạo, còn Con bò mộng (con của các bò cái) là biểu tượng của Tinh Thần làm linh hoạt bò cái, tức "Thánh Linh" ("Holy Spirit"), theo Tiến sĩ Kenealy. Do đó, mới có biểu tượng cặp sừng. Cặp sừng này cũng thật là linh thiêng đối với người Do Thái, họ đã tôn thờ cặp sừng bằng gỗ

phải là con sông – sẽ dẫn dắt bà tới "vùng đất có *ba sừng*", nghĩa là tới vùng Châu thổ, nơi mà trời đã định trước rằng các con bà sẽ tìm thấy "thuộc địa xa xăm đó". (câu thơ 833 và tiếp theo).

Một giống dân mới (người Ai Cập) sẽ bắt đầu ở đó, và một "giống dân nữ tính" (873), vốn là "cháu năm đời" của Epaphos đen tối –

> Năm mươi người sẽ quay về thành Argos.

Thế rồi, một trong năm mươi trinh nữ này sẽ rào rạt xuân tình và –

> …….một giống dân vương giả ở Argos sẽ ra đời.
> ……..
> Nhưng từ những mầm mống này, những vị anh hùng dũng cảm sẽ sinh ra;
> Những tay thiện xạ trứ danh, họ sẽ giải thoát tôi tránh khỏi bệnh tật này.

Titan không chịu tiết lộ rằng bao giờ thì các vị anh hùng này sẽ xuất lộ, vì Ngài đã nhận xét rằng :

> Muốn trình bày tỉ mỉ điều này thì phải nói rất dài.

Nhưng "Argos" chính là Arghyavarsha, Xứ dâng rượu lễ của các Đạo Trưởng thời xưa, nơi xuất phát ra Đấng cứu nhân độ thế, đó là một danh xưng mà thời đại sau này sẽ biến thành tên gọi của lân quốc Ấn Độ - Aryãvarta của cổ nhân.

417 Nhiều tác giả thời xưa chẳng hạn như Cicero ([1]) và Clemens Alexandrinus ([2]) v.v…. đã tiết lộ việc đề tài này là một phần của Bí pháp Sabasia. Các tác giả nêu trên là những

---

Shittim, một kẻ phạm trọng tội sẽ được an toàn nếu nắm chặt lấy cặp sừng này.

[1] Các cuộc tranh luận ở thành Tusculus, I, ii, 29.

[2] Strom, I, ii, Oper. I, 467, Ấn bản Potter.

người duy nhất đã nêu rõ được nguyên nhân đúng thực của sự kiện Aeschyus bị người dân thành Athens kết tội là báng bổ và bị xử tội bằng cách ném đá cho đến chết. Họ bảo rằng vốn chưa được điểm đạo, Aeschylus đã làm bại hoại các Bí pháp bằng cách phơi bày chúng trong các vở kịch ba hồi trên một sân khấu công cộng. ([1]) Nhưng nếu được điểm đạo thì ông vẫn cứ bị kết tội như vậy; ông ắt phải được điểm đạo, bằng không thì, giống như Socrates, ông cũng được một Thần linh tiết lộ cho ông biết điều bí nhiệm và tấn tuồng ẩn dụ thiêng liêng của Điểm đạo. Dù sao đi nữa, vị "cha đẻ của bi kịch Hy Lạp" đâu có bịa ra điều tiên tri của Prometheus, vì ông chỉ lặp lại dưới dạng kịch nghệ những gì mà các lễ sư tiết lộ trong các Bí pháp Sabasia. ([2]) Các bí pháp Sabasia là một trong các đại lễ thiêng liêng xưa nhất mà cho đến nay, lịch sử vẫn còn chưa biết được gốc tích. Xuyên qua Mithras (Mặt Trời được mệnh danh là Sabasius trên một vài đền đài cổ), các nhà thần thoại học liên kết nó với Thần Jupiter và Bacchus. Tuy nhiên, nó chưa bao giờ thuộc quyền sở hữu của người Hy Lạp mà đã có từ vô thủy.

Dịch giả vở kịch thắc mắc không biết vì sao mà Aeschylus lại có thể phạm lỗi về

---

[1] Herodotus và Pausanias giả sử rằng nguyên nhân của sự kết tội là việc Aeschylus, vốn tin theo thần phổ học của người Ai Cập nên đã trình bày Diana là con gái của Ceres chứ không phải của Latona. (Xem Aelian, Varia Historia, I, v, xviii, quyển I, trang 433, Ấn bản Gronov). Nhưng Aeschylus *đã được* điểm đạo.

[2] Sabasia là một đại lễ định kỳ với các Bí pháp được cử hành để tôn vinh một vài vị Thần, một biến thể của các Bí pháp Mithras. Toàn bộ cuộc tiến hóa của các Giống dân được thực hiện trong các Bí pháp này.

sự sai biệt như thế giữa tính cách của Zeus như được mô tả trong tác phẩm "Prometheus bị Trói buộc" và tính cách được mô tả trong các vở kịch còn lại.([1])

Điều này thật là đúng vì cũng như Shakespeare, Aeschylus đã và mãi mãi vẫn sẽ là con "Nhân sư" trí thức của mọi thời đại. Giữa Zeus, Đấng Thánh Linh Trừu Tượng của tư tưởng Hy Lạp và thần Zeus trên Núi Olympus có một cách biệt (abyss). Trong các Bí pháp, thần Zeus trên Núi Olympus không tiêu biểu cho điều gì khác hơn là một nguyên khí thấp của trí tuệ hồng trần của con người (human physical intelligence) – Manas cấu kết với Kãma (cảm dục). Còn Prometheus – Thượng Trí thiêng liêng hợp nhất với và phấn đấu hướng về Tuệ giác – chính là Linh Hồn thiêng liêng. Bất cứ khi nào tỏ ra xiêu lòng chiều theo dục vọng thấp hèn, thì Zeus chỉ là Nhân Hồn không hơn không kém – vị Thần *ghen tuông*, thù hận và độc ác, đầy Ngã mạn. Vì thế, Zeus được tượng trưng bằng một Con Rắn – trí khôn cám dỗ con người – thế nhưng theo đà tiến hóa tuần hoàn, nó lại sinh ra "Con
418 Người Cứu Thế" ("Man-Saviour"), Tửu Thần Thái Dương tức Dionysus – *hơn hẳn một con người.*

Dionysus đồng nhất với Osiris, với Krishna, với Đức Phật, Đấng Minh Triết thiêng liêng vinh diệu, Ngài sẽ thử thách Chrestos đau khổ - nhân loại, hay Prometheus. Theo các huyền thoại của Bà La Môn giáo và Phật giáo, được lặp lại trong giáo lý của Bái Hỏa giáo và nay trong giáo lý Cơ Đốc (chỉ đôi khi thôi), thì điều này sẽ diễn ra vào lúc kết thúc Chu kỳ Mạt pháp. Chỉ khi nào Bạch Mã kỵ sĩ hóa thân hay Soshios đã giáng lâm rồi thì người ta mới sinh ra từ người phụ nữ mà không có tội lỗi. Đến lúc bấy giờ thì Brah mã, vị Thần Ấn Độ,

[1] Sách đã dẫn của bà Swanwick.

Ahura Mazda (Ormazd), Thần của Bái Hỏa giáo, Zeus, Tên sở khanh của các Thần Hy Lạp, Jehovah, vị Thần bộc lộ ghen tương tội lỗi, độc ác của dân Do Thái, và tất cả những thứ tương tự như vậy trong các Thần vũ trụ của óc tưởng tượng con người, mới tan thành mây khói. Và cũng biến theo các Thần này sẽ là các hình bóng của họ, các khía cạnh hắc ám của tất cả những vị Thần này bao giờ cũng được trình bày là "anh em song sinh" và tạo vật của họ, trong huyền thoại ngoại môn – theo Nội môn Bí giáo thì đó chính là *phản ánh* trên Trần Thế của chính họ. Các Ahrimans và Typhon, các Samaels và Satans đều phải bị hạ bệ vào thời đó, khi mọi dục vọng hắc ám gian tà bị khắc phục.

Trong Vũ Trụ có một Luật Vĩnh Cửu, nó luôn luôn có khuynh hướng điều chỉnh những điều đối nghịch và tạo ra sự hài hòa tối hậu. Chính nhờ Định Luật phát triển tinh thần này thay thế cho Định Luật phát triển thể chất và thuần túy trí thức nên nhân loại mới được giải thoát khỏi các vị Thần trá ngụy và rốt cuộc tự cứu lấy mình.

Trong điều tiết lộ tối hậu thần thoại cổ xưa về Prometheus, chúng ta thấy nguyên kiểu (prototypes) và đối kiểu (antitypes) của Ngài trong mọi khoa thần phổ học cổ truyền – chính là nguồn gốc của điều ác trên trần thế, vì là nền tảng của đời sống vật chất của con người. Kronos là "Thời gian", định luật thứ nhất của nó phát biểu rằng trong diễn trình tiến hóa phát triển tuần hoàn, trình tự của các giai đoạn hài hòa lần lượt phải được tuân thủ nghiêm ngặt – nếu có sự phát triển bất thường thì hậu quả sẽ là sự trừng phạt khắt khe. Theo chương trình phát triển tự nhiên, con người – dù rằng y có thể là động vật cao cấp – chẳng thể nào tức khắc trở thành vị bán thần (demi-god) trên Trần Thế, xét về mặt trí

tuệ, tinh thần và tâm linh, trong khi thể xác của y vẫn yếu ớt, bơ vơ và phù du hơn thể xác của hầu như bất kỳ con vật hữu nhũ khổng lồ nào. Sự tương phản này thật là quá lố bịch và dữ dội, cái đền thờ thật chẳng xứng đáng chút nào với vị Thần ngự bên trong nó. Như thế, tặng phẩm của Prometheus đã biến thành một sự Đọa đày, mặc dù được *biết trước* và *thấy trước* bởi Tập đoàn thiên giới hiện thân nơi nhân vật đó, như tên Ngài đã chứng tỏ rõ rệt vậy. ([1]) Tội lỗi và sự cứu chuộc nó ở chính nơi điều này, một cách duy nhất và đồng thời. Đó là vì mặc dù bị Nghiệp Quả thu hút đến với nhân loại, các Tập đoàn đã đầu thai nơi một phần nhân loại vẫn thích tự do ý chí hơn là nô lệ, thụ động, vẫn thích sự đau khổ trí thức hữu ngã thức, thậm chí sự đau khổ quằn quại đời đời kiếp kiếp, hơn là sự toàn phúc ngu xuẩn trống rỗng theo bản năng. Mặc
419 dù biết rằng một sự đầu thai như thế là quá sớm và không có trong chương trình của Thiên Nhiên, song Tập đoàn Thiên giới, "Prometheus", vẫn cam chịu hy sinh để nhờ đó ít ra

---

[1] Xem chú thích cuối Quyển 3 này bàn về từ nguyên Pro-metis hay sự suy tính trước. Trong vở kịch, Prometheus đã thú nhận điều này khi bảo rằng :

> Hỡi ether thánh thiện, các cơn gió lớn vẫy cánh lia lịa …
> Hãy xem điều mà ta, một vị thần, phải chịu nơi chư thần.
> ……..
> Thế nhưng ta biết nói gì đây ? *Ta biết trước rõ ràng*
> Tất cả những gì phải xảy ra . . . .
> .. …. Có lẽ ta cần phải cam chịu định mệnh,
> Vì ta thừa biết,
> Sức mạnh của Định mệnh không thể bài bác được,
> biết là dường nào… (105)
> Ở đây "Định mệnh" tượng trưng cho NGHIỆP QUẢ.

cũng giúp ích được cho một phần nhân loại.([1]) Nhưng trong khi cứu cho con người thoát khỏi sự u mê về trí tuệ, họ lại bắt y phải gánh chịu thêm những sự khổ sở của ngã thức về trách nhiệm – kết quả của sự tự do ý chí của y – ngoài mọi đau khổ mà con người hữu hoại bằng xương bằng thịt phải cam chịu. Prometheus chấp nhận sự khổ đó cho riêng mình, vì từ đó trở đi, đạo quân Thiên giới đã trở nên hòa hợp với thánh điện được dành sẵn cho họ, nó vẫn còn chưa được hoàn thành vào thời kỳ tạo lập đó.

Vì sự tiến hóa tinh thần không thể theo kịp sự tiến hóa vật chất một khi mà tính thuần nhất của nó đã bị xáo trộn do sự pha trộn, nên tặng phẩm ấy đã biến thành nguyên nhân chính yếu, nếu không phải là nguồn gốc duy nhất của Điều

---

[1] Nhân loại rõ rệt là được chia thành những người được Thượng Đế làm linh hoạt và những người thấp kém. Sự dị biệt về mặt trí thức giữa dân Ãryan với các quốc gia văn minh khác so với những người dã man như những người ở Đảo Nam Hải, thật không thể giải thích được dựa vào bất kỳ cơ sở nào khác. Không một khối lượng văn hóa nào, không một thế hệ huấn luyện ngay trong lòng văn minh nào có thể nâng những mẫu người như thổ dân Nam Phi, thổ dân Veddhas ở Tích Lan và một vài bộ lạc Phi Châu, lên ngang tầm trí thức của những người Ãryan, Semite và cái gọi là người Turanian. Họ thiếu "Điểm Linh Quang", và chính họ là những giống dân *hạ đẳng* duy nhất trên Địa Cầu nay đang nhanh chóng bị diệt vong một cách may mắn, do sự điều chỉnh sáng suốt của Thiên Nhiên bao giờ cũng tác động theo chiều hướng đó. Nhân loại quả thật là "cùng chung một dòng máu" *nhưng không cùng chung một bản thể.* Chúng ta là cái nhà ương cây để thúc đẩy sự
420 tăng trưởng của các cây trong Thiên Nhiên một cách nhân tạo, vì chúng ta có một điểm linh quang, điểm linh quang này còn tiềm tàng nơi họ.

ác. ([1]) Một ẩn dụ có ý nghĩa triết học thâm sâu trình bày Kronos nguyền rủa Zeus vì đã hạ bệ mình, trong Thời đại Hoàng Kim nguyên sơ của Saturn, khi mọi người đều là bán thần, và vì đã tạo ra một giống người có thể chất tương đối yếu ớt, thiếu năng lực, thế rồi lại để cho Zeus trả thù phạm nhân, y đã cưỡng đoạt đặc quyền sáng tạo của các Thần và do đó đã nâng cao con người lên ngang tầm trí tuệ và tinh thần mình. Trong những trường hợp Prometheus, Zeus tượng trưng cho các Tập đoàn Thủy Tổ, các vị PITRIS, các vị "Tổ Phụ" đã tạo ra con người vô tri vô giác; còn các Titan lại tượng trưng cho các Đấng Sáng Tạo Thiêng Liêng, các *Thiên Thần* "sa vào" vòng sinh hóa. Các vị Pitris thấp kém hơn về mặt tinh thần, nhưng lại mạnh mẽ hơn về mặt thể chất khi so sánh với "Tập đoàn Prometheus"; do đó, người ta mới trình bày Tập đoàn Prometheus bị chinh phục. "Tập đoàn hạ đẳng, Titan đã chiếm đoạt công lao của họ, và như thế là đã đánh bại các kế hoạch của Zeus" ở trên Địa Cầu trong phạm vi hành động của riêng mình; còn Tập đoàn thượng đẳng bị đày từ trên Trời xuống đã bị vướng vào lưới Vật Chất. Tập đoàn hạ đẳng làm chủ được mọi Thần lực Vũ Trụ của chư Hạ đẳng; vị Titan thượng đẳng chỉ có Lửa Trí Tuệ và Tinh Thần. Chúng ta thấy tấn tuồng Prometheus đấu tranh quyết liệt với vị bạo chúa ở Núi Olympus, Zeus dâm ô, diễn ra hằng ngày trong nhân loại hiện tại; các dục vọng thấp hèn xiềng xích các hoài bão cao thượng vào tảng đá Vật Chất, trong nhiều trường hợp, để tạo ra con kên kên sầu muộn, đau khổ và ân hận. Trong mọi trường hợp, một lần nữa chúng ta thấy

[1] Theo quan điểm triết lý của siêu hình học Ấn Độ, Điều ác có Nguồn gốc là sự biến phân của Thuần nhất (Homogeneous) thành ra Dị trạng (Heterogeneous), Nhất Nguyên thành Đa Nguyên.

> Một vị thần … bị xiềng xích thống khổ chất chồng;
> Kẻ thù của Zeus oán hận tất cả

một vị Thần bị tước đoạt mất cả sự an ủi tối thượng của Prometheus, Ngài đã đau khổ, hy sinh

> Cho cái mà Ngài [Ta] vẫn mang nặng tâm tư trìu mến
> đối với nhân loại

đó là vì Titan kích động vì lòng vị tha, còn trong mọi trường hợp cá biệt thì thế nhân cũng bị lòng ích kỷ thôi thúc.

Prometheus ngày nay đã biến thành Epi-metheus, "kẻ chỉ thấy sau khi sự việc đã xảy ra", vì lòng bác ái của Prometheus đã thoái hóa thành sự ích kỷ và tự sùng bái mình từ lâu rồi. Con người sẽ lại trở thành vị Titan *tự do* thời xưa nhưng không thể trước khi sự tiến hóa tuần hoàn đã tái lập được sự hài hòa bị phá vỡ giữa hai bản chất thiêng liêng và trần tục. Sau đó, y trở nên không thể bị các Lực Titan thấp kém thấu nhập, có Phàm Ngã bất khả thương tổn và Chơn Ngã bất tử; nhưng điều này không thể diễn ra trước khi mọi yếu tố thú dục đều bị loại ra khỏi bản chất của y. Khi con người hiểu rằng "Thượng Đế không tạo ra sự chết" mà chính con người đã tạo ra nó, thì y sẽ lại trở thành Prometheus trước khi bị Sa đọa.

Muốn biết toàn bộ biểu tượng ký về Prometheus và nguồn gốc của huyền thoại này ở Hy Lạp, xin độc giả hãy xem Phần 2 của Quyển 4, Tiết 6, nhan đề "Prometheus, vị Titan", v.v… Trong phần nêu trên – một loại phụ lục của phần này – người ta trình bày mọi kiến thức bổ sung về các giáo điều vốn sẽ bị tranh cãi và đặt nghi vấn nhiều nhất. Khi được đối chiếu với các tiêu chuẩn đã được công nhận của thần học và khoa học hiện đại, tác phẩm này có tính cách phi chính thống, đến nỗi mà không một bằng chứng nào có khuynh hướng chứng tỏ

rằng các tiêu chuẩn này thường tiếm đoạt một thẩm quyền bất hợp pháp mà chúng ta nên lờ đi.

421 **PHỤ CHÚ VỀ LỜI BÌNH LUẬN CỦA ĐOẠN KINH 12**

Bản nguyên văn bút tự mà từ đó những lời phụ chú này được trích ra, thuộc về "Tài liệu của Ba mươi lăm vị Phật chứng công đức Sám hối" ("Buddhas of Confession"), một danh hiệu của *ngoại giáo công truyền*. Những vị này tuy được Phật giáo Bắc Tông gọi là Phật, nhưng cũng có thể gọi là các đấng Hóa Thân hay Tiên Thánh (Rishis) v.v… vì chỉ có Phật giáo Đại Thừa gọi như vậy mà thôi và xem các vị ấy như "những vị Phật đã xuất hiện trước Đức Thích Ca". Những Đấng Cao Cả đó dù là Thánh (Mahãtmã) hay Phật đều là những bậc Hiền Triết của *lịch sử* đối với nhà Huyền môn, họ vốn tin nơi một cấp đẳng các bậc hiền giả, mà sự thật đã được minh chứng cho họ bởi các bậc đại giác trong cộng đồng Tiên Thánh. Các vị ấy được chọn trong số chín mươi bảy vị Phật của nhóm đầu tiên và năm mươi ba vị của một nhóm khác, ([1]) phần nhiều là các nhân vật tưởng tượng, nhưng thật sự là những quyền năng được nhân cách hóa của các vị Phật thuộc nhóm đầu tiên. ([2]) Những tài liệu cổ viết trên lá cọ này được

---

[1] Phật Gautama là vị Phật thứ *hai mươi bảy* của nhóm sau, vì phần nhiều các vị Phật của nhóm này thuộc về những triều đại Thánh Vương giáng phàm để giáo hóa nhân loại.

[2] Những vị Phật của nhóm đầu tiên là những vị tiền bối xa xôi của Phật Thích Ca, tiêu biểu cho những Đấng Cao Cả Tiên Thánh, hóa thân của các vị "Con của Minh triết" (do đó có thể nói là các hóa thân thứ yếu của các Đấng Thiêng Liêng). Trong số đó chỉ có mười một vị thuộc về Giống dân Atlantis, hai mươi bốn vị thuộc Giống dân thứ Năm kể từ buổi sơ khai. Các vị tương đồng với các Cổ Phật của Jaina giáo.

giữ gìn rất bí mật. Mỗi tập bút tự đều có kèm theo một toát yếu lịch sử của phụ chủng mà mỗi vị Phật có sứ mạng giáo dục và hướng dẫn. Tập tài liệu đặc biệt mà lời phụ chú này được trích ra và diễn dịch ra thành ngôn ngữ thông thường, dễ hiểu đã được chép lại từ các tấm bia đá cổ thuộc sở hữu của một vị Phật từ thuở sơ khai của Giống dân thứ Năm, vị này đã chứng kiến cơn Đại hồng thủy và việc nhận chìm những lục địa chính của Giống dân Atlantis. Một ngày không xa lắm trong tương lai, phần lớn, nếu không phải là tất cả những gì được nêu ra đây từ các bản tài liệu cổ sẽ được nhìn nhận là chính xác. Khi đó, các nhà biểu tượng học hiện đại sẽ biết chắc rằng Odin hay là Thần Woden, Vị Thần cao cả nhất trong thần thoại Đức và Bắc Âu, là một trong ba mươi lăm vị Phật nói trên. Đó cũng là một trong các vị Phật có trước nhất, vì miền lục địa mà Ngài và Giống dân của Ngài sống trên đó cũng là một trong những lục địa cổ nhất. Thật vậy, lục địa ấy cổ đến nỗi ở các vùng băng giá ngày nay, thời đó lại có khí hậu nhiệt đới, người ta có thể đi bộ trên đất liền từ Na Uy qua Iceland và Greenland đến thẳng miền bao quanh vịnh Hudson. ([1]) Cũng như trong thời kỳ của giống người Khổng

[1] Điều này có thể giải thích cho sự tương tự của các gò đống nhân tạo ở Liên Bang Mỹ, và các nấm mộ đất ở Na Uy. Chính sự đồng nhất này đã khiến cho một vài nhà khảo cổ học Mỹ gợi ý rằng các thủy thủ Na Uy đã *khám phá* ra Châu Mỹ cách đây chừng 1 000 năm. (Xem Các vết tích của Phật giáo ở Na Uy của Holmboe, trang 23). Không còn nghi ngờ rằng "Châu Mỹ chính là các nguồn gốc xa xăm mà những người sùng đạo và những trận bão dữ dội đã truyền bá giáo lý thiêng liêng vào" một tác giả Trung Hoa đã mô tả gợi ý với Neumann như thế. Nhưng cả Giáo sư Holmboe ở Stockholm lẫn các nhà khảo cổ học Mỹ đều không đoán đúng được thời đại của các gò này. Sự kiện là người Na Uy có lẽ đã tái khám

422 lồ Atlantis, các con của "những người Khổng lồ đến từ phương Đông", một kẻ lữ hành có thể đi từ miền Sa mạc Sahara, đến những vùng mà ngày nay đang ngủ yên dưới đáy biển Vịnh Mexico và Biển Caribbean. Những biến cố này không hề được viết ra ngoài ký ức con người, nhưng được truyền khẩu một cách nghiêm trọng như một tín điều tôn giáo từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ giống dân này qua giống dân khác. Những biến cố lịch sử đó được giữ kín trong ký ức và trí não con người qua vô số thời gian, một cách trung thực và chính xác hơn là bằng cách truyền lại qua đời sau tài liệu hay văn kiện viết bằng tay. Triết gia Thackeray nói: "Điều gì thuộc Linh Hồn là trường cửu", vậy thì có gì gần với Linh Hồn chúng ta hơn vào lúc bình minh của các kiếp sống của mình ? Những kiếp sống ấy nhiều vô số, nhưng Linh Hồn hay Chơn Ngã điều khiển chúng trải qua vô số kiếp sống ấy là một, bây giờ cũng như bao giờ. Tuy *Ký ức trí não* có thể quên mất đi những gì xảy ra trong vòng một đời người ở thế gian, nhưng tập thể các ký ức của dĩ vãng không bao giờ có thể tách rời khỏi Linh Hồn Thiêng Liêng bên trong chúng ta. Những tiếng thì thầm của nó đối với chúng ta có thể quá lu mờ, âm thanh của nó có thể ở quá xa ngoài tầm mức thu nhận của giác quan chúng ta, nhưng hình bóng của những sự việc xảy ra trong *quá khứ* cũng như những biến cố sẽ xảy ra trong *tương lai* vốn thuộc về quyền năng tiếp nhận

---

phá ra vùng đất mà các tổ phụ xa xưa của họ tin rằng đã bị diệt vong khi bị chìm ngập hết không hề mâu thuẫn với sự kiện cho rằng Giáo Lý Bí Nhiệm của vùng đất vốn là cái nôi của con người thể chất và Giống dân thứ Năm đã len lỏi vào cái gọi là *Tân Thế giới* trước "Giáo lý Thiêng liêng" của đạo Phật biết bao nhiêu là thời đại.

của Linh Hồn, và luôn luôn hiện diện trước nhãn quan siêu linh của nó.

Có lẽ chính tiếng nói của Linh Hồn này đã bảo với những người vốn tin vào truyền thuyết hơn sử sách rằng những gì trình bày trước đây là hoàn toàn đúng sự thật, và có liên quan với các sự kiện thời tiền sử.

Một đoạn cổ thư viết :

NHỮNG VỊ VUA ÁNH SÁNG ĐÃ BỎ ĐI TRONG CƠN GIẬN DỮ. TỘI LỖI CỦA CON NGƯỜI ĐÃ TRỞ NÊN HẮC ÁM ĐẾN NỖI TRÁI ĐẤT RUNG CHUYỂN TRONG CƠN HẤP HỐI … CÁC GHẾ XANH BỊ BỎ TRỐNG. CÓ AI TRONG NHỮNG NGƯỜI DA NÂU, DA ĐỎ HAY THẬM CHÍ NHỮNG GIỐNG DA ĐEN, CÓ THỂ NGỒI YÊN TRÊN GHẾ CỦA CÁC ĐẤNG ÂN HUỆ THIÊNG LIÊNG TRÊN NGAI CỦA MINH TRIẾT VÀ TỪ BI. AI CÓ THỂ ĐẢM ĐƯƠNG CÁI HOA QUYỀN LỰC, CÁI CÂY BẰNG VÀNG VÀ HOA MÀU XANH DA TRỜI ?

Những vị "Vua của Ánh sáng" là danh hiệu dùng trong các cổ thư để chỉ các vị Thánh Vương của Triều đại Thiêng liêng. Danh từ "Ghế xanh"("Azure Seats") có vài tài liệu dịch là "Ngôi Trời" ("Celestial Thrones"). "Hoa Quyền Lực" ("Flower of Power") là Hoa sen ngày nay, còn thời đó nó như thế nào thì không ai biết được ?

Cũng như Jeremiah sau này, tác giả cứ việc than thở cho số phận của dân tộc mình. Họ đã bị mất vua "Cõi Trời" (các
423 Thánh Vương) và những người da màu vàng lợt, những người da màu mặt trăng, da màu vàng ánh đã tản đi qua vùng "Phúc Địa, Hỏa Địa và Kim Địa" (nói theo ngôn ngữ Biểu tượng, tức là quanh những vùng đất ở phía Bắc và Đông là những nơi mà "Nước lụt đã bị quét sạch, hoặc thấm vào Lòng đất, hoặc bốc lên thành hơi và tan biến trong không

khí". Những giống người khôn ngoan đã nhận thức được "những con Hắc long gây bão lụt do các Rồng Minh Triết kêu gọi xuống" và – "đã chạy trốn do sự chỉ đường của các Đấng Bảo Vệ miền Phúc Địa" – đó là các Tiên Thánh cổ mà người Ấn Độ gọi là các Đức Bàn Cổ và Chơn Sư. Một trong các vị ấy là Bàn Cổ Vaivasvata.

Những người "da màu lợt" là tổ tiên của giống người mà khoa nhân chủng học ngày nay phân loại và sắp vào hàng các Giống dân Turanian, Mông Cổ, Trung Hoa và các quốc gia cổ khác; và vùng phúc địa mà họ di tản qua đó, không đâu khác hơn là Trung bộ Á Châu. Vùng này là nơi sinh trưởng của các chủng tộc mới, họ sống tại đó cho đến thời kỳ phân chia quốc gia. Những sự phân cách này đã hông diễn ra ở những địa điểm mà khoa học hiện đại qui định cho nó, cũng không phân chia và ngăn cách dân Ãryan mà Giáo sư Muller và các nhà Nhật nhĩ man học (Ãryanists) khác đã trình bày. Gần hai phần ba của một triệu năm đã trôi qua kể từ khi đó cho đến nay. Những giống người khổng lồ da vàng của thời kỳ sau cơn tai biến Atlantis, nhờ sống tập trung vào một phần đất riêng biệt của thế giới và với dòng máu thuần khiết, không có lẫn lộn với các giống dân khác trong một thời gian gần 700 000 năm, đã có rộng rãi thì giờ để phát triển thêm nhiều chi chủng đa diện, phức tạp và khác nhau. Phi Châu cũng ở trong một tình trạng tương tự. Không có một vùng nào có nhiều giống người thuộc nhiều loại khác nhau một cách lạ lùng hơn ở Phi Châu. Từ các giống người da đen xạm đến màu gần giống như trắng bạch, từ các giống người tầm vóc cao lớn, đến những giống người lùn thấp, nhỏ bé mà nguyên nhân chỉ là tình trạng cô lập cưỡng bách của họ. Người Phi Châu không hề rời khỏi lục địa của họ trong thời gian nhiều

trăm ngàn năm. Nếu mai sau, lục địa Châu Âu sẽ phải biến mất thì những vùng đất khác lại trồi lên, và nếu các bộ lạc của thổ dân Phi Châu phải tách rời nhau và phân hóa rải rác khắp nơi trên mặt đất thì trong khoảng 100 000 năm sau chính họ sẽ hợp thành trọng tâm của các quốc gia văn minh thế giới tương lai. Chừng đó, hậu duệ của các giống người ở các nước văn minh nhất của thế giới hiện nay, có thể sống sót trên một hòn đảo nào đó và không phương tiện để vượt các vùng biển mới sẽ thoái hóa trở lại và rơi vào trạng thái tương đối dã man. Như thế, lý do mà người ta đưa ra để phân chia nhân loại thành những dân tộc thanh cao và thấp kém thật là vô lý và trở nên một điều huyền hoặc dị đoan.

Đó là các sự kiện được nêu ra trong các Cổ Thư. Góp nhặt và so sánh chúng với một số lý thuyết tiến hóa hiện đại, *trừ ra* thuyết Chọn lọc Tự nhiên,([1]) người ta thấy rằng lý thuyết đó có vẻ hoàn toàn hợp lý. Như thế, trong khi Giống dân Ãryan là hậu duệ của giống dân *da vàng* Ban sơ, thì giống dân khổng lồ và văn minh ở mức độ cao hỗn hợp hai dòng máu của Atlantis và Ãryan, dân Semites – gồm cả Do Thái – là hậu duệ của dân *da đỏ* Ban sơ. Thế là, cả hai luồng dư luận, của nhà
424 nhân chủng học De Quatrefages và chương Sáng Thế Ký của Moses có thể đem so sánh với những phổ hệ tìm thấy trong Cổ thơ Huyền môn, thì người ta sẽ nhận thấy thời kỳ từ ông Adam đến Noah có được đề cập trong đó dĩ nhiên dưới các tên gọi khác nhau. Các năm của các vị Tộc trưởng ám chỉ những chu kỳ thời gian, tất cả đều được trình bày dưới hình thức biểu tượng và ngôn ngữ bóng bẩy ẩn dụ. Trong tập Cổ Thư nói trên, có nhiều chỗ đề cập đến tầm kiến thức sâu xa

[1] Xem Sự tuyển chọn Sinh lý học của G. J. Romanes, Hội viên Hội Hoàng Gia.

và nền văn minh xán lạn của các quốc gia Atlantis, diễn tả chính thể và chế độ xã hội của nhiều nước cùng với tính chất của các mỹ thuật và khoa học của họ. Nếu Giống dân thứ Ba, giống Lemuria-Atlantis đã bị hủy diệt cùng "với các nền văn minh cao và các vị 'thần' của họ" ([1]) thì Giống dân Atlantis lại còn sa đọa gấp bội, cơn thiên tai giáng xuống cho họ lại càng khủng khiếp và rùng rợn hơn nữa !

Chính Giống dân thứ Tư mà nhóm người đầu tiên của chủng tộc Ãryan được truyền thụ các kiến thức khoa học, nghệ thuật tân kỳ, [của] Sabhã và Mayasabhã,([2]) mà tác phẩm Mahãbhãrata có nhắc đến báu vật do Mayasura ([3]) tặng cho Pandavas. Chẳng hạn như thuật du hành trên không gian bằng những khí cụ hàng không, Vimãna Vidyã, khoa học khí tượng v.v… cũng do Giống dân thứ Tư mà người Ãryan học được những bí thuật nhiệm mầu về các đặc tính của các đá quí, các loại đá khác, cùng khoa luyện kim đan, khoáng chất, vật lý và thiên văn.

Tác giả đã nhiều khi tự hỏi: Câu chuyện di cư tập thể (Exodus) tường thuật trong kinh Cựu Ước có nguồn gốc ở đâu? Hoặc cũng như câu chuyện của Moses và nhiều chuyện khác nữa, nó chỉ là một ngụ ngôn ẩn dụ cơn thiên tai của Atlantis? Sau khi nghe thuật lại chuyện này, có ai là người không thấy sự tương hợp lạ kỳ giữa hai biến cố nói trên, cơn thịnh nộ của "Thượng Đế" và sự ngoan cố của vua Pharaoh, lệnh truyền của Ngài cho những người "được chọn" trước khi ra đi phải lấy hết "tư trang bằng bạc và bằng vàng" của

[1] Phật Giáo Bí Truyền, trang 65.

[2] [Sabha: hội đồng; Maya-Sabhã: hội đồng gồm những người tinh thông môn khoa học do kiến trúc sư Maya truyền dạy].

[3] Tức Asuramaya.

người Ai Cập, ([1]) và sau cùng, người Ai Cập và Vua Pharaoh (tiếng Pháp: Pharaon) của họ bị chìm đắm trong Hồng Hải. Đây là một đoạn trong Thiên bình luận:

Và "vị Thánh Vương có Gương Mặt Sáng chói" chúa tể của những người Mặt Vàng (Yellow-faced) lấy làm buồn rầu khi thấy tội lỗi của những người Mặt Đen (Black-faced).

Ngài bèn gửi đi những phi thuyền (air-vehicles) [Vimãnas] cho tất cả vương hầu của các nước lân cận với những người đức hạnh tốt bên trong và nói:

Hãy chuẩn bị sẵn sàng. Những người tốt lành và thánh thiện, hãy đứng dậy và ra đi trong khi đất còn khô ráo.

425 *"Các vị Thần dông tố sắp đến. Những cỗ xe thần đang đến gần xứ này. Phù thủy và Bàng môn tả đạo chỉ còn sống trên đất này có một đêm và hai ngày nữa thôi. Đất này đã đến ngày tận diệt và họ phải chịu chung số phận. Thổ Địa và Hỏa Tinh ở Âm ty đang chuẩn bị khí giới phù phép. Nhưng các Lãnh tụ Tả đạo có pháp thuật cao hơn, các Tinh Linh này sẽ là nô lệ cho họ. Họ rất tinh thông về pháp thuật phù thủy thượng thừa. Chư vị hãy chuẩn bị quyền phép để đối chọi với bọn chúng. Vị Mặt Sáng (Tiên Thánh bên Chánh đạo) hãy ra tay tịch thu chiếc phi thuyền (Vimãna) của mọi Giáo chủ Mặt Đen, kẻo họ có thể dùng nó để thoát khỏi cơn nước lụt hầu tránh sự trừng phạt của Bốn vị Nghiệp Quả Tinh Quân (kãrmic Deities) và cứu thoát bọn đàn em tội lỗi của họ.*

"Mỗi vị Mặt Vàng hãy thôi miên một tên Mặt Đen để tránh cho chúng khỏi bị đau đớn khổ sở. Mỗi vị trung thành với vị Thái Dương Thần hãy làm tê liệt một người của phái Âm Thần (Lunar God), kẻo nó trốn thoát.

"Và mọi người Mặt Vàng hãy hiến máu cho con thú biết nói của mọi tên Mặt Đen, kẻo nó đánh thức chủ nó. ([1])

---

[1] Exodus, xi, 1, 2.

"Thời giờ đã điểm, đêm rùng rợn hắc ám sắp xảy đến.

*……..……..……..

Khi những vị Chúa Tể Mặt Đen thức dậy và tìm phi thuyền định bay đi để tránh nước lụt, thì phi thuyền đã biến mất.

Kế đó, một đoạn khác diễn tả một vài Phù thủy pháp thuật cao cường của phái Mặt Đen tỉnh dậy sớm hơn những kẻ khác, đuổi theo những người đã thôi miên họ và đang đi ở hậu đội, vì- "những dân tộc di tản dày đặc như tinh tú trong dãy ngân hà", theo Lời bình luận viết bằng Bắc Phạn ngữ.

Giống như một con rồng từ từ chuyển mình uốn khúc, những đàn người di tản dưới sự hướng dẫn của các Con của Minh Triết liền nới rộng hàng ngũ và phân tán ra như một dòng suối chảy… nhiều kẻ nhát sợ đã chết ở dọc đường. Nhưng phần lớn đã được cứu thoát.

Tuy vậy, những kẻ đuổi theo, "đầu và ngực còn nhô lên khỏi mặt nước", đã rượt theo những người di tản suốt đêm cho đến khi mặt nước dâng cao khỏi đầu, họ đã chết chìm cho đến người cuối cùng, nước lụt cuốn đi tất cả những kẻ thực hành tả đạo đã làm ô uế mặt đất.

Chuyện này có vẻ giống như bản tài liệu chính gốc của câu chuyện di tản tương tự là Exodus được cấu kết vài trăm ngàn năm sau đó. Tiểu sử của Moses (tiếng Pháp: Moise) gồm những câu chuyện lúc sơ sinh, tuổi thơ ấu và chuyện ông được một vài vị công chúa triều vua Pharaoh cứu thoát khỏi cơn nước lụt của sông Nile, nay được chứng tỏ như là đã rập theo câu chuyện về Sargon của xứ Chaldea. Nếu quả đúng như thế và viên ngói Assyria ở Bảo Tàng Viện British Museum là bằng chứng cụ thể thì tại sao câu chuyện người Do Thái lấy cắp đồ tư trang của người Ai Cập và Vua Pharaoh cùng với quân đội Ai Cập bị chết đuối v.v… lại không thể rập theo chuyện thiên tai ngập lụt của Châu Atlantis? Những tay Tả đạo bàng môn pháp thuật cao cường,

những "Giáo chủ Mặt Đen" của các Ruta và Daitya, có thể trở thành các thuật sĩ Ai Cập trong câu chuyện Exodus sau này, và những dân tộc mặt vàng của Giống dân thứ Năm được diễn tả dưới danh hiệu là những con có đức hạnh của Jacob, "dân tộc được tuyển chọn"! Cần nói thêm một việc nữa: "Có nhiều Triều đại Thiêng liêng, một loạt triều đại cho các Giống dân, bắt đầu từ Giống dân thứ Ba, mỗi loại này tùy theo trình độ và thích ứng với Nhân loại của thời ấy. Bảy Triều đại sau cùng được đề cập đến trong các sử liệu Ai Cập và Chaldea thuộc về Giống dân thứ Năm, Giống dân này tuy gọi là Ãryan, song không hẳn như thế, vì nó càng ngày càng bị trộn với những chủng tộc khác mà khoa nhân chủng học đặt cho những tên gọi khác. Vì những trang sách này có giới hạn, nên không thể nói nhiều hơn về giống người Atlantis mà toàn cõi phương Đông đều tin chắc rằng có thật, cũng như người Tây phương tin nơi sự thật của người cổ Ai Cập, nhưng đa số khoa học gia Tây phương lại phủ nhận sự tồn tại của nó, chẳng khác nào trước đó họ đã phủ nhận nhiều chân lý, từ sự tồn tại của Homer, mãi cho tới sự tồn tại của con bồ câu đưa
427 thư. Văn minh của thời Atlantis còn cao hơn văn minh Ai Cập. Chính những hậu duệ đã suy đồi của người Atlantis, của quốc gia Atlantis mà Plato đã đề cập đến, là những người đã xây dựng nên Kim tự tháp đầu tiên ở Ai Cập, trước khi người Ai Cập bắt đầu lập quốc tại xứ này. Điều này có thể truy nguyên từ lời tuyên bố của Ammianus Marcellinus, ông nói rằng:

Trong Kim tự tháp có những đường hầm bí mật và những gian phòng kín ẩn khuất sao các hành lang ngoằn ngoèo như mê cung, do các thuật sĩ huyền môn thời cổ, có bí thuật tiên tri, biết trước cơn Đại hồng thủy sắp đến, xây cất ở nhiều nơi

để giữ gìn cho những nghi thức và pháp môn tế tự thiêng liêng của họ khỏi bị mất đi trong ký ức loài người.

Những vị tiên tri ấy không phải là người Ai Cập, vì xứ này không hề bị nạn hồng thủy, trừ ra những thời kỳ nước sông Nile dâng lên cao. Vậy họ là ai? Nếu không phải là hậu duệ cuối cùng còn sót lại của giống dân Atlantis ? Khoa học cũng hơi ngờ vực về những giống dân này, khi nghĩ đến điều đó, ông Charles Gould, nhà địa chất học trứ danh đã cho rằng:

Liệu chúng ta có thể giả sử rằng mình đã biết hết được bảo tàng viện vĩ đại của thiên nhiên chăng? Thật ra, liệu chúng ta đã từng thâm nhập vào quá các tiền phòng (antechambers) của nó chưa? Liệu sử sách của con người, vốn chỉ bao hàm gồm vài ngàn năm, có bao trùm được toàn bộ tiến trình tồn tại trí tuệ của y chăng? Trong các kỷ nguyên thần thoại dài dằng dặc, trải dài hàng trăm ngàn năm, được ghi lại trong các niên đại ký Chaldea và Trung Hoa, phải chăng chúng ta có được các tập kỷ yếu mơ hồ về con người thời tiền sử, được truyền thuyết lưu truyền lại, và có lẽ đã được một vài người còn sống sót, chuyển từ các xứ đang tồn tại sang các xứ khác. Cũng như Châu Atlantis hoang đường (?) của Plato, các xứ này có thể đã bị đắm chìm, hoặc đã chứng kiến một đại thảm họa nào đó hủy diệt chúng cùng toàn bộ nền văn minh. ([1])

Sau đó, chúng ta có thể quay sang, một cách tin tưởng hơn, các lời của Chơn Sư, Ngài đã viết nó ra nhiều năm trước khi ông Gould viết ra những lời lẽ nêu trên:

Giống dân thứ Tư đã có nhiều thời kỳ văn minh cao tột. Các nền văn minh Hy Lạp, La Mã và Ai Cập nữa, chẳng có nghĩa lý gì

[1] Các Con vật Thần Thoại, trang 19.

so với nền văn minh đã khai sinh ra Giống dân thứ Ba [sau khi nó bị phân cách]. (1)

Nhưng nếu người ta không chịu nhìn nhận rằng nền văn minh cùng với sự tinh thông khoa học và nghệ thuật này tùy thuộc vào các Giống dân thứ Ba và thứ Tư, thì không ai có thể chối cãi được rằng giữa các nền văn minh lớn thời xưa, như các nền văn minh của Ai Cập và Ấn Độ, đã có những thời kỳ hắc ám, vô minh và dã man, suốt từ lúc khởi đầu kỷ nguyên T.C. mãi cho tới nền văn minh hiện đại của chúng ta, trong thời kỳ đó, mọi truyền thuyết đều bị thất truyền. Như có nói trong Nữ Thần Isis Lộ Diện:

Tại sao chúng ta lại có thể quên mất rằng, hàng thời đại trước khi những mũi tàu của những nhà thám hiểm người Genoese rẽ nước ở Tây phương, thì những chiếc tàu của người Phoenicia đã đi vòng quanh thế giới và truyền bá văn minh ở những vùng nay vẫn còn im lìm, hoang vắng? Liệu có nhà khảo cổ học nào dám quả
428 quyết rằng cũng bàn tay đã thiết kế Kim tự tháp Karnak ở Ai Cập, và hàng ngàn tàn tích nay đã bị sụp đổ tan tành trong quên lãng trên các bờ sát của sông Nile, lại không dựng nên khu Đế Thiên Đế Thích nguy nga ở Cambodia; hoặc vạch các chữ tượng hình trên các tháp bia và các cánh cửa của ngôi làng mọi da đỏ hoang vắng mà Huân Tước Dufferin vừa mới tìm ra ở British Columbia, hay các chữ tượng hình trên các di tích ở Palenque và Uxmal Trung Mỹ? Phải chăng các di tích mà chúng ta tàng trữ trong các viện bảo tàng – các kỷ vật cuối cùng của các "nghệ thuật đã thất truyền" từ lâu rồi – lại không mạnh mẽ lên tiếng bênh vực nền văn minh cổ? Và phải chăng chúng đã không chứng tỏ đi, chứng tỏ lại rằng các quốc gia và lục địa đã bị diệt vong chôn vùi theo mình các môn khoa học và nghệ thuật mà không một lò luyện đầu tiên nào đã từng nung nấu trong một tu viện thời Trung Cổ, không một lò

[1] Xem Thánh Thư của các Chơn Sư gởi cho A. P. Sinnett, trang 152.

luyện nhiệt áp cuối cùng nào của một nhà hóa học hiện đại đã (chứ không phải sẽ) làm sống lại được – ít ra là trong thế kỷ này.([1])

Bây giờ chúng ta cũng có thể đặt ra câu hỏi mà người ta đã nêu ra lúc bấy giờ, có thể hỏi lại một lần nữa như sau:

Làm thế nào mà điểm tiến bộ nhất mà chúng ta đã đạt được trong thời đại chúng ta cho phép chúng ta thấy được nơi khoảng xa xôi diệu vợi khi trèo lên con đường tri thức cheo leo – các bằng chứng đồ sộ mà các nhà thám hiểm trước kia đã lưu lại để đánh dấu những cao nguyên mà họ đạt tới và chiếm được ?

Nếu các bậc thầy thời nay đã tiến bộ hơn hẳn các bậc thầy thời xưa, thì tại sao họ không phục hồi được cho chúng ta các môn nghệ thuật thất truyền của các vị tổ phụ thời sau Hồng thủy ? Tại sao họ lại không trình bày với chúng ta các màu sắc không phai lạt của Luxor – màu tím Tyria, màu son tươi thắm, màu xanh dương chói lọi đang trang hoàng cho những bức tường của nơi này và vẫn rực rỡ như thời chúng được áp dụng lần đầu tiên; lớp xi măng bất hoại của các Kim tự tháp và các cống dẫn nước thời xưa. Thanh gươm Damascus, nó có thể được xoay trong bao kiếm giống như cái mở nút chai mà không bị gãy, những màu sắc lòe loẹt vô song của tấm kính màu mà chúng ta thấy ở giữa đồng cát bụi của các di tích xa xưa và các xà ngang ở các cửa sổ của những nhà thờ chính thời xưa, và bí quyết của thủy tinh dẻo thực sự? Và nếu hóa học vẫn còn không thể đua tranh được bao nhiêu với ngay cả một vài nghệ thuật thời Trung Cổ sơ khai, thì tại sao cách đây hàng ngàn năm, rất có thể là người ta đã thừa biết sự khoe khoang của các thành tích ấy? Khảo cổ học và ngôn ngữ học càng tiến bộ thì hàng ngày, người ta càng khám phá ra nhiều điều làm thương tổn lòng kiêu ngạo của chúng ta, và chúng

[1] Xem Quyển I, trang 239.

càng đưa ra những chứng cớ vinh danh cho những kẻ mà, có lẽ vì nguồn gốc quá xa xưa nên cho đến nay vẫn còn bị xem là kẻ ngu muội vẫn còn chới với trong các vũng bùn lầy mê tín hắc ám nhất.(1)

Ngoài các môn khoa học và nghệ thuật khác, Cổ nhân còn có các môn thiên văn học và biểu tượng ký – với vai trò di sản của những người Atlantis – chúng bao gồm các kiến thức về Hoàng Đạo.

Như đã giải thích, người xưa đều tin một cách có lý rằng nhân loại và các giống dân đều có liên quan mật thiết với các Hành Tinh, và các Hành Tinh lại có liên hệ với các cung Hoàng Đạo. Toàn thể lịch sử thế giới được ghi lại nơi các cung Hoàng Đạo. Trong các đền thờ cổ Ai Cập, có một kiểu mẫu của Hoàng Đạo Dendera, nhưng ngoại trừ trong một tác phẩm Ả Rập của một đạo sĩ Sũfĩ, tác giả chưa bao giờ gặp một bản sao chính xác của các tài liệu kỳ diệu này về lịch sử quá khứ cũng như *tương lai*, của Địa Cầu. Thế nhưng, các tài liệu nguyên thủy vẫn còn tồn tại một cách hầu như là không thể chối cãi được.

Vì người Âu Châu không biết các Hoàng Đạo thực sự của Ấn Độ, và cho dù có may mắn biết đến chúng thì họ cũng không thể hiểu nổi, theo chứng nhận của Bentley, nên tác giả
429 khuyên độc giả nào muốn kiểm chứng lại phát biểu này, hãy quay sang tác phẩm của Denon, [2] trong đó người ta tìm thấy hai vòng Hoàng Đạo nổi tiếng của Ai Cập. Vì đã tận mắt thấy chúng, nên tác giả chẳng cần tin tưởng vào những gì mà các môn sinh khác – đã từng xem xét và nghiên cứu cả hai một

[1] Như trên.

[2] Ai Cập Du Ký, quyển ii, chương 17.

cách kỹ lưỡng – phải trình bày về chúng. Mackey, kẻ đã nêu rõ rằng các Cực được biểu diễn trên các Hoàng Đạo ở cả hai vị trí, đã bổ chứng cho lời khẳng định của các Lễ Sư Ai Cập đã bảo Herodotus rằng Địa Cực và Hoàng Đạo xưa kia đã trùng nhau.

Ở nơi chỉ các Cực [trục cực] thẳng góc với nhau, có các dấu hiệu chứng tỏ rằng đây không phải là lần cuối cùng chúng ở vị trí đó, *mà là lần đầu tiên* [-sau khi các vòng Hoàng Đạo đã được vạch ra]. Cung Nam Dương (Capricorn) được biểu diễn ở Bắc Cực; còn cung Bắc Giải (Cancer) được chia ra ở gần giữa, tại Nam Cực; đó là một điều khẳng định rằng thoạt tiên, chúng đã có mùa đông khi Mặt Trời ở cung Bắc Giải. Nhưng Cung Mãnh Sư (Lion) và cung Xử Nữ (Virgin) ([1]) chính là đặc tính chính của việc đó là một đền đài lần đầu tiên kỷ niệm rằng Cực đã ở vị trí ấy.

Nếu tính rộng ra, thì các nhà Ai Cập học tin rằng các Kim tự tháp lớn được xây cất vào khoảng 3 350 năm trước T.C. ([2]) và Vua Menes với Triều đại của ông đã có lối 750 năm trước khi Triều đại thứ Tư xuất hiện (người ta *giả sử* là các Kim tự tháp đã được xây dựng trong thời kỳ này). Như vậy, thời đại của Menes được phỏng định là từ 4 100 năm trước T. C. Mặt khác, Sir J. Garder Wilkinson cho biết là tất cả các sự kiện đều đưa đến kết luận rằng người Ai Cập –

---

[1] Thiên văn học Thần thoại, trang 30, của một nhà thiên văn học và biểu tượng học có trực giác thật là kỳ diệu, một loại Cao đồ tự tu tự chứng ở Norwich, y đã sinh hoạt trong khoảng phần tư đầu tiên của thế kỷ 19.

[2] Xem Proctor, Tri Thức, quyển I, trang 242, 400.

Đã thực hiện một sự tiến bộ rất lớn trong các ngành nghệ thuật, văn minh *trước thời đại của vua Menes, và có lẽ trước thời kỳ đến định cư trong vùng thung lũng sông Nile* –([1])

lời tuyên bố ấy gợi ý như là một sự bác bỏ hoàn toàn giả thuyết trên. Nó cho thấy có một nền văn minh lớn trong những *thời tiền sử* và một tính cách cổ xưa hơn nữa. Giống người Schesoo-Hor, "tôi tớ của Horus", là dân tộc đã định cư ở Ai Cập và như nhà khảo cổ Maspero đã xác nhận "giống người tiền sử" có –

Vinh dự tạo thành Ai Cập, theo như chúng ta biết, từ khi thời hữu sử bắt đầu.

Staniland Wake còn nói thêm rằng :

Giống người thời tiền sử này đã từng tạo dựng nên các thành phố chính ở Ai Cập và thiết lập nên những đền đài quan trọng nhất. ([2])

Đó là *trước* thời kỳ xây dựng nên ngọn Đại Kim tự tháp và khi xứ Ai Cập chỉ mới vừa trồi lên khỏi mặt nước biển. Tuy nhiên:

Họ đã có một lối viết chữ bí mật đặc biệt của người Ai Cập và đã phải có một nền văn minh rất cao.

430 Ông Lenormant có nói:

Đó là xứ của những đền đài tiền sử vĩ đại, của các trung tâm tôn giáo cổ thời, đã từng đóng vai trò quan trọng trong nền văn minh nhân loại.

Vậy dân tộc cổ ấy sống vào thời đại nào? Có chỗ nói rằng họ có 4 000 năm lịch sử, nhiều lắm là 5 000 năm trước T.C. (Maspero). Ngày nay, người ta còn cho rằng chính bằng cách sử dụng chu kỳ 25 868 năm (một Năm Thiên Thể: Sidereal

[1] Herodotus của Rawlinson, quyển ii, trang 345.

[2] Đại Kim tự tháp, trang 37.

Year) mà người ta mới có thể tính toán chính xác được năm xây dựng nên ngọn Đại Kim tự tháp.

Hãy giả thuyết rằng con đường dốc hẹp và dài đưa xuống dưới hầm hướng về sao Bắc Đẩu của các nhà xây cất Kim tự tháp, các nhà thiên văn đã chỉ ra rằng sao Alpha Draconis, tức sao Bắc Đẩu thời kỳ đó, nằm đúng vị trí của nó 3 350 năm trước T. C. và năm 2170 trước T.C. nhà thiên văn học Richard A. Proctor đã cho rằng: một trong hai vị trí này ắt tương ứng với vị trí đi xuống nơi Đại Kim tự tháp; nhưng các nhà Ai Cập học bảo chúng ta rằng tuyệt nhiên không thể nghi ngờ là thời kỳ sau cập nhật hơn nhiều.([1])

Nhưng chúng ta cũng được biết rằng :

Vì vị trí tương quan của Alpha Draconis và Alcyone là một vị trí bất thường, nên nó không thể tái diễn trở lại trong suốt thời gian của một Năm Thiên Thể, tức là 25 868 năm. ([2])

Điều này chứng tỏ rằng vì vòng Hoàng Đạo Dendera chỉ sự vận hành của ba Năm Thiên Thể nên Đại Kim tự tháp hẳn phải được dựng nên vào khoảng 78 000 năm nay. Dù sao đi nữa, giả thuyết này phải đáng được chấp nhận dễ dàng cũng như giả thuyết 3 350 năm trước T.C.

Mặt khác, trong vòng Hoàng Đạo của một ngôi đền ở tận miền Bắc Ấn Độ, cũng như trên vòng Hoàng Đạo Dendera, người ta cũng nhận thấy bấy nhiêu đặc điểm của các dấu hiệu tương tự. Người nào biết rõ các biểu tượng và các chòm sao của khoa thiên văn Ấn Độ, có thể nhận định bằng cách so sánh đối chiếu với hệ thống Ai Cập rằng các dữ kiện thời gian ghi trên các vòng Hoàng đạo ấy có đúng hay không. Trên Hoàng Đạo Dendera mà các Cao đồ Hy Lạp và Ai Cập Coptic đã bảo tồn được và được Mackey giải

[1] Staniland Wake, sách đã dẫn, trang 6, 7.

[2] Như trên, trang 6.

thích hơi khác một chút, chòm sao Mãnh Sư đứng trên chòm sao Giao Long (Hydra) với cái đuôi hầu như là thẳng băng, chỉ xuống dưới theo một góc bốn mươi độ hay năm mươi độ, vị trí này phù hợp với hình thể nguyên thủy của các chòm sao này. Nhưng Mackey nói thêm:

Ở nhiều chỗ chúng ta thấy sao Mãnh Sư [Simha] có đuôi bẻ quặt về phía lưng, tận cùng bằng một đầu Rắn; điều này chứng tỏ rằng sao Mãnh Sư đã bị đảo ngược : thật ra đó phải là tình trạng của toàn thể Hoàng Đạo và mọi chòm sao khác, khi cực bị đảo ngược.

Khi nhắc đến Hoàng Đạo *tròn (circular* Zodiac) mà Denon cũng đã trình bày, ông cho rằng :

Ở đó… Mãnh Sư (Leon) đứng *trên* Serpent, đuôi cụp xuống; do đó, chúng ta thấy rằng mặc dù sáu hay bảy trăm ngàn năm ắt đã phải trôi qua giữa các vị trí này, song chúng vẫn chẳng làm cho các chòm sao Mãnh Sư và Giao Long khác nhau bao nhiêu. Còn Xử Nữ
431 lại được biểu diễn khác hẳn cả hai, trên Hoàng Đạo tròn, Xử Nữ *đang cho con bú*. Nhưng dường như là họ không nghĩ như vậy khi Cực thoạt tiên ở trong mặt phẳng Hoàng Đạo. Đó là vì *trong Hoàng Đạo* do Denon trình bày, chúng ta thấy ba Xử Nữ ở giữa Mãnh Sư và Thiên Xứng (Scales); Xử Nữ cuối cùng này cầm trên tay một bông lúa. Có một điều thật đáng tiếc là trong vòng Hoàng đạo này có một sự sai lệch về số liệu ở phần cuối của cung Mãnh Sư và phần đầu của cung Xử Nữ (Virgo), điều này khiến cho mỗi cung bị thiếu mất đi một phần ba cung.([1])

Tuy nhiên, ý nghĩa thật là minh bạch, vì ba vòng Hoàng Đạo thuộc về ba thời kỳ khác nhau, nghĩa là ba chi chủng; mỗi chi chủng trong ba chi chủng cuối cùng của phụ chủng thứ tư của Giống dân thứ Năm hẳn đã sống 25 000 đến 30 000 năm. Chi chủng đầu tiên, Ãryan-Á Châu ("Ãryan-Asiatics")

[1] Thiên văn học Thần thoại, trang 30 – 31.

đã chứng kiến tận mắt sự diệt vong của đợt cuối cùng của giống người Atlantis Khổng lồ [1] đã bị diệt vong khoảng 850 000 năm nay, khi hai hòn đảo Ruta Daitya bị ngập lụt vào cuối Thời Miocence.[2] Phụ chủng thứ tư chứng kiến sự diệt vong của những tàn tích sau cùng của giống dân Atlantis trên

[1] Từ ngữ "Atlantis" không được khiến cho độc giả lầm tưởng rằng đây chỉ là giống dân hoặc ngay cả một quốc gia duy nhất. Điều này dường như thể là một dân tộc "Á Châu" duy nhất. Người Atlantis có nhiều loại khác nhau tiêu biểu cho nhiều "giống người" và hầu như vô số các giống dân và các quốc gia, thật ra còn tạp chủng hơn cả người Âu Châu nữa, nếu danh hiệu này phải được gán một cách bừa bãi cho năm phần đất tồn tại trên thế giới, với tốc độ thuộc địa hóa đang tiếp diễn như ngày nay, điều này có lẽ sẽ diễn ra trong vòng chưa đầy đôi ba trăm năm nữa. Có người Atlantis da nâu, da đỏ, da vàng, da trắng và da đen, người khổng lồ và người lùn (cho đến ngày nay, một vài bộ lạc Phi Châu vẫn còn những người tương đối khổng lồ và lùn).

[2] Trong Phật Giáo Bí Nhiệm (trang 64; còn ấn bản kỳ 8: trang 67), một bậc đạo sư (teacher) có dạy rằng: "Trong thời Tủy tân thế, ngay từ lúc đầu, đại chu kỳ của Giống dân thứ Tư, người [Lemuria] Atlantis đã đạt tới tột đỉnh [văn minh], và đại lục vốn là cha đẻ của hầu hết các lục địa hiện nay, bắt đầu có dấu hiệu bị chìm". Và ở trang 70 (trang 73 của ấn bản kỳ 8) người ta lại trình bày rằng toàn thể Châu Atlantis đã bị diệt vong trong thời Trung tan (Miocene). Để chứng tỏ cách thức mà các lục địa, giống dân, quốc gia và chu kỳ chồng chéo lên nhau, người ta chỉ cần nghĩ tới Châu Lemuria, phần đất cuối cùng của nó đã bị diệt vong chừng 700 000 năm trước khi Đệ tam kỷ bắt đầu (trang 65; ấn bản kỳ 8: trang 67), còn phần đất cuối cùng của Châu Atlantis chỉ bị diệt vong cách đây chừng 11 000 năm; như thế là cả hai thời kỳ - một đàng là thời Atlantis, còn một đàng là thời kỳ Ãryan đã chồng chéo lên nhau.

hòn đảo Atlantis cuối cùng, khoảng 11 000 năm nay. Để hiểu vấn đề này, xin độc giả hãy nhìn vào sơ đồ Cây Phổ Hệ của Giống dân thứ Năm, thường được gọi là Giống dân Ãryan và các chú giải kèm theo.

Độc giả nên nhớ kỹ cách phân loại các Giống dân và sự tiến hóa của Nhân loại nêu ra trong quyển sách này, và như đã trình bày một cách rõ ràng gọn ghẽ trong quyển Phật Giáo Bí Nhiệm của ông Sinnett.

1. Trong mỗi Chu kỳ sáng tạo một Dãy Hành Tinh có bảy cuộc Tuần Hoàn. Nhân loại ngày nay đang ở vào cuộc Tuần Hoàn thứ Tư và ở giai đoạn Giống dân thứ Năm trên Địa Cầu.

2. Mỗi Giống dân chính hay Căn chủng có bảy phụ chủng.

3. Mỗi phụ chủng lại chia làm bảy chi nhánh gọi là bảy chi chủng ("branch" or "family"races).

4. Mỗi chi chủng lại có những bộ lạc nhỏ và vô số nhánh nhóc phụ thuộc nhỏ hơn tùy nơi tác động nghiệp quả.

Cứ xét Cây Phổ Hệ đính kèm theo đây là chúng ta sẽ hiểu. Cây Phổ Hệ dưới chỉ là một sơ đồ để giúp cho độc giả có một
432 nhận định khái quát về vấn đề này và tránh sự lẫn lộn về các danh từ đã được dùng ở những thời kỳ khác nhau về cách phân chia chủng tộc. Để so sánh, ở đây chúng tôi cũng có dự tính đưa ra vài con số đại cương về các thời gian để có thể phân biệt rõ ràng một phân chi này với một phân chi khác. Nếu đưa ra con số chính xác cho một vài phân chi chủng tộc, thì điều ấy chỉ đưa đến sự lẫn lộn tai hại, vì các Căn chủng, phụ chủng v.v… chí đến những nhánh nhóc nhỏ nhất đều không có sự phân chia thời gian một cách dứt khoát rõ rệt, mà còn chồng chéo lên nhau và hỗn hợp chằng chịt lẫn nhau vô cùng phức tạp.

CÂY PHỔ HỆ CỦA CĂN CHỦNG THỨ NĂM

(GENEALOGICAL TREE OF THE FIFTH ROOT RACE)

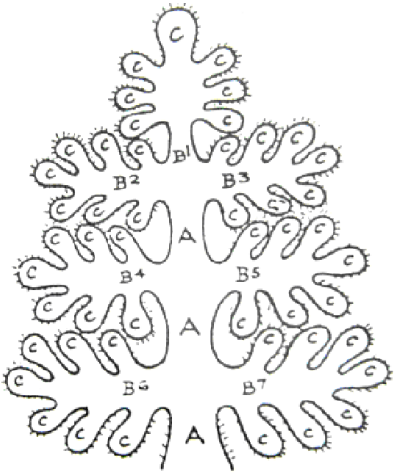

Chủng tộc loài người ví như một cái cây và đó là một cách tượng trưng rất hữu hiệu.

Thân cây có thể tượng trưng cho Căn chủng (A).

Bảy cành lớn tiêu biểu cho bảy phụ chủng (B^1, B^2 v.v…)

Trên mỗi cành lớn có bảy nhánh, tiêu biểu cho các chi chủng (C).

Đến đây, chúng ta có thể dùng thí dụ một cây xương rồng (cactus), mỗi nhánh có nhiều gai nhọn tiêu biểu cho những bộ lạc hay dân tộc thiểu số.

Giống dân thứ Năm chúng ta đã xuất hiện vào khoảng một triệu năm nay; như vậy, phải tính rằng mỗi phụ chủng trong bốn phụ chủng trước đây đã sống độ 210 000 năm, và
433 mỗi chi chủng sống trung bình độ 30 000 năm.. Căn cứ theo đó, chi chủng Châu Âu sẽ còn sống trong nhiều ngàn năm nữa, tuy rằng các dân tộc thiểu số và bộ lạc du mục được tiêu biểu bằng vô số gai nhọn trên nhánh xương rồng, có sự dị biệt nhiều hay ít tùy theo mỗi thời kỳ ba hay bốn ngàn năm

nối tiếp nhau. Có điều lạ nên ghi nhận là thời gian tương đối gần nhau giữa những thời kỳ sinh hoạt của chi chủng và một Năm Thiên Thể.

Sự hiểu biết những điều kể trên và sự phân loại chính xác các chủng tộc, gồm thành một phần của giáo lý Huyền môn được giảng dạy cho các Đệ tử và được truyền đạt cho nhau giữa các vị Đạo Trưởng của nhiều thế hệ. Mọi người đều biết rằng các nhà thiên văn Âu Châu qui định một cách khá độc đáo, rằng Hoàng Đạo Ai Cập phát sinh ra vào khoảng năm 2000 hay 2400 năm trước T.C. (theo Proctor) và nhấn mạnh rằng sự phát minh này xảy ra đồng thời với việc dựng nên Đại Kim tự tháp. Đối với một nhà Huyền bí và nhà thiên văn Đông phương thì điều này quả thật là hết sức vô lý. Nghe nói Chu kỳ Mạt Pháp đã bắt đầu giữa ngày 17 và 18 tháng 2 năm 3102 trước T.C. Nay người Ấn Độ lại khẳng định rằng vào năm 20400 trước Chu kỳ Mạt Pháp, gốc Hoàng Đạo của họ lại trùng với điểm Xuân phân – lúc đó Mặt Trăng và Mặt Trời giao hội nhau. Bằng một phép tính dài dòng và kỹ lưỡng về thời kỳ đó, Bailly đã chứng tỏ rằng mặc dù là giả tưởng, thời kỳ mà họ bắt đầu từ đó để tính ra lúc khởi đầu Chu kỳ Mạt Pháp, lại *rất đúng sự thật.* Ông cho biết rằng "thời kỳ đó là năm 3102 trước T.C."([1]) Kỳ nguyệt thực diễn ra đúng hai tuần sau khi Chu kỳ Mạt Pháp bắt đầu, nó diễn ra ở một điểm giữa sao Bông Lúa và sao θ của cùng một chòm sao Xử Nữ. Một trong các chu kỳ bí truyền của họ dựa vào một vài sự giao hội và vị trí tương ứng của chòm sao Xử Nữ và chòm sao Rua (Krittikã). Do đó, người Ấn Độ kế thừa Hoàng Đạo của Nam Ấn và Lankã (Tích Lan), nên ý nghĩa bí truyền hiển nhiên là đồng nhất với nhau. Đối với cả hai dân tộc này thì

[1] Xem Luận về Thiên văn học Ấn Độ và Đông phương, phần iii.

"ba Xử Nữ", tức chòm sao Xử Nữ ở ba vị trí khác nhau đều có nghĩa là tài liệu ghi lại trên ba "Triều đại Thiêng liêng hay Triều đại Thiên văn" đầu tiên đã giáo huấn Căn chủng thứ Ba. Sau khi đã phó mặc dân Atlantis cho số phận đã tái lai, hoặc đúng hơn là tái giáng lâm trong thời phân chủng thứ ba của Căn chủng thứ Năm, để tiết lộ cho nhân loại được cứu rỗi các bí nhiệm của sinh quán họ - các Cõi Trời. Tài liệu biểu tượng cũng đã được tìm thấy về các Giống người và ba Triều đại (các Thần, các Manes – các vong linh bán thiêng liêng của Giống dân thứ Ba và thứ Tư – và các Anh hùng thuộc Giống dân thứ Năm) đã xuất hiện trước các vị vua thuần túy nhân loại nơi sự phân bố các hàng lối và các lối đi của mê lộ Ai Cập. Vì ba lần đảo ngược (inversions) các Cực tất nhiên đã biến cải Hoàng Đạo, nên mỗi lần đổi cực là người ta phải xây dựng một Hoàng Đạo mới. Trong tác phẩm Sphinxiad ([1]) của
434 Mackey, các suy lý của tác giả táo bạo ấy ắt đã làm khiếp sợ dân chính thống ở Norwich, vì ông đã phát biểu một cách khá ly kỳ rằng:

Nhưng dù sao đi nữa, thời gian dài nhất mà các công trình này [Mê lộ, Kim tự tháp và các Hoàng Đạo] ghi lại cũng không quá năm triệu năm, ([2]) như vậy là vẫn còn thiếu so với các tài liệu bí truyền mà cả Trung Hoa lẫn Ấn Độ đều trình bày với chúng ta. Ấn Độ đã ghi lại một sự hiểu biết về thời

[1] Một hình vẽ Hoàng Đạo trong tác phẩm Thiên văn học Thần thoại của Mackey.

[2] Không phải như thế đâu. Tổ phụ của những người Bà La Môn đã kế thừa Hoàng Đạo và các phép tính Hoàng Đạo của những vị do quyền năng tạo tác sinh ra tức là các "Con của Yoga". Người Ai Cập đã kế thừa Hoàng Đạo của những người Atlantis ở đảo Ruta.

gian trong tám triệu năm,[1] nó được tìm thấy trên một Lá bùa bằng sứ.[2]

Cũng như người Ấn Độ hiện đại, các lễ sư Ai Cập đã kế thừa các Hoàng Đạo của nhà thiên văn Atlantis Asura Maya. Như đã nêu rõ trong Phật Giáo Bí Nhiệm, người Ai Cập cũng như người Hy Lạp và người "La Mã" cách đây vài ngàn năm, đều là "tàn dư của giống dân Atlantis-Ãrya"- người Ai Cập là tàn dư của Giống dân Atlantis xưa hơn ở đảo Ruta, hậu duệ cuối cùng của đảo đó, các Điểm Đạo đồ của Ai Cập đã kể cho Solon câu chuyện sự biến mất đột ngột của đảo này. Triều đại *nhân loại* của những người cổ Ai Cập, bắt đầu với Menes, đều được thừa hưởng toàn bộ *kiến thức* của người Atlantis, mặc dù trong huyết quản họ, không có dòng máu Atlantis nữa. Tuy nhiên, họ đã bảo tồn được toàn bộ tài liệu cổ sơ của mình. Tất cả điều này đã được trình bày cách nay đã lâu rồi.[3] Và chính vì Hoàng Đạo Ai Cập đã được từ 75 000 đến 80 000 tuổi nên Hoàng Đạo của người Hy Lạp còn mới hơn. Volney đã nêu ra một cách chính xác rằng nó chỉ mới được 16 984 năm hoặc 17 082 năm tính đến nay.[4]

---

[1] Do đó, người Trung Hoa có thể đã ghi được thời gian trong bảy, tám triệu năm, song người Ai Cập lại *không thể* ghi được.

[2] Sách đã dẫn, trang 30.

[3] Người ta đã tha hồ thách thức và giải đáp vấn đề này. Xem Năm Năm Minh Triết Thiêng Liêng, mục Phật Giáo Bí Nhiệm của ông Sinnett, trang 325 – 346.

[4] Tàn tích của các Đế quốc, trang 360. Volney bảo rằng vì cung Dương Cưu (Aries) ở 15 độ vào năm 1 447 trước T.C. nên suy ra rằng điểm Xuân phân đã không thể trùng với một độ cung Thiên Xứng sau năm 15 194 trước T. C. Nếu chúng ta thêm vào số liệu trên một con số 1 790 sau T.C. (khi Volney viết tác phẩm này) thì

KẾT LUẬN

Chúng tôi không có đủ chỗ để nói nhiều hơn nữa, và phần này của Giáo Lý Bí Nhiệm phải được kết thúc. Bốn mươi chín ĐOẠN KINH và vài đoạn Giảng lý đã được trình bày, là tất cả những gì có thể được công bố trong Tác phẩm này. Các điều này, cùng với một vài tài liệu còn xưa hơn nữa – mà chẳng ai, ngoại trừ các Điểm đạo đồ cao cấp nhất, sử dụng được – và vô số lời bình giải, tạo thành bản tổng quan về sự khởi thủy của Con Người.

Cho đến nay, chúng tôi đã trích dẫn các Giảng lý này và cố gắng giải thích ý nghĩa ẩn tàng của một vài ẩn dụ, thế là trình bày được các quan điểm chân chính của Nội môn Bí giáo cổ truyền về địa chất học, nhân loại học và ngay cả dân tộc học nữa. Trong Quyển 4 Phần 3 tiếp theo đây, chúng tôi sẽ ra sức lập nên một quan hệ siêu hình còn chặt chẽ hơn nữa giữa các Giống dân đầu tiên và các Đấng Sáng Tạo ra chúng. Các Con Người Thiêng Liêng xuất phát từ các Cõi khác. Kèm theo những phát biểu được đề ra là những chứng minh quan trọng nhất cũng về điều ấy theo Thiên văn học Bí truyền và Biểu tượng ký. ([1])

---

dường như là Hoàng Đạo của người Hy Lạp hay đúng hơn là cổ Hy Lạp, đã bắt nguồn từ 16 984 năm nay.

[1] [Trong ấn bản năm 1 888 có đoạn sau đây: "Trong Quyển III – Quyển 5 của Ấn bản Adyar – của tác phẩm này (quyển vừa nói và quyển IV hầu như đã sẵn sàng) một tiểu sử ngắn gọn của tất cả mọi

Những thời kỳ chia cách Giống dân thứ Tư và Giống dân thứ Năm trong không gian và thời gian trong giai đoạn bắt đầu lịch sử (1) hay huyền thoại của giống dân sau này, thật quá lớn lao, không thể đưa ra những tài liệu có đầy đủ chi tiết. Trong những Thời kỳ sau Đại hồng thủy, với những thời kỳ được ghi dấu bởi những cơn thiên tai khủng khiếp nhất, có rất nhiều chủng tộc loài người đã sinh ra và biến mất hầu như không để lại dấu vết, cho nên không ai có thể đưa ra một tài liệu nào có giá trị đáng kể về các sự kiện ấy. Các Chơn Sư Minh Triết có chăng một lịch sử đầy đủ và liên tục của nhân loại từ giai đoạn sơ khai cho tới thời buổi ngày nay. Các Ngài có chăng những sử liệu rành rẽ không gián đoạn về con người kể từ khi y trở nên một con người có thể chất đầy đủ và trở nên chúa tể của muôn loài trên mặt đất. Đó là điều mà tác giả không thể công khai tuyên bố. Nhưng trên phương diện cá nhân, tác giả tin rằng các Ngài chắc là có nắm giữ các tài liệu đó. Nhưng nếu quả có như vậy, thì các kiến thức ấy

---

cao đồ lừng danh xưa nay sẽ được trình bày theo thứ tự thời gian, cũng như một tổng quan về sự thành, trụ, hoại, không của các Bí pháp ở Âu Châu. Điều này không thể được trình bày trong quyển này. Quyển IV sẽ hầu như hoàn toàn dành cho Huyền bí học". Xin độc giả xem lại mục "Bộ Giáo Lý Bí Nhiệm đã được viết ra như thế nào", đăng trong Quyển 1 của Ấn bản này, trang 18 và tiếp theo].

[1] Từ ngữ lịch sử" được dùng vì mặc dù các sử gia hầu như đã rút ngắn một cách vô lý những thời kỳ ngăn cách một vài biến cố với thời nay, song một khi đã được biết tới và được chấp nhận thì chúng phải thuộc về lịch sử. Như thế, Trận chiến tranh Trojan là một biến cố lịch sử, mặc dù người ta thậm chí gán cho nó là xảy ra vào thời kỳ chưa đầy 1 000 năm trước T.C. song thực ra, nó đã diễn ra vào thời kỳ gần 6 000 năm trước T. C, hơn là 5 000 năm trước T.C.

chỉ dành riêng cho các bậc đã có những trình độ Điểm đạo cao nhất và các vị này không tiết lộ bí mật cho các đệ tử. Bởi vậy, tác giả chỉ có thể đưa ra những gì được truyền dạy mà thôi. Nhưng dù cho bấy nhiêu đó, đối với các độc giả ngoài đời cũng có vẻ như là một chuyện quái đản, dị kỳ như là trong giấc mơ hơn là một chuyện thật có thể xảy ra.

Điều này cũng tự nhiên thôi, vì trong nhiều năm nay, chính kẻ hèn này viết ra những trang sách này vẫn bị ấn tượng như vậy. Vốn sinh trưởng ở các xứ thật sự và giả sử là văn minh ở Âu Châu, bà cũng đã lĩnh hội được những điều nêu trên một cách cực kỳ khó khăn. Nhưng về lâu về dài, vẫn có những bằng chứng với một tính cách nào đó sẽ trở nên không thể bác bỏ hoặc chối cãi đối với kẻ có óc vô tư và thành khẩn. Trong biết bao năm nay, người ta đã trình bày với tác giả như vậy và nay bà tin rằng quả đất hiện nay và các giống người của nó ắt đã phải sinh ra lớn lên và phát triển như thế đó, chứ không thể khác đi được.

436 Nhưng đó chỉ là quan điểm riêng của tác giả, và tác giả không thể mong rằng giáo điều chính thống của mình sẽ quan trọng hơn bất kỳ giáo lý nào khác, khi xét theo quan điểm của các kẻ vẫn xem các thuyết mới mẻ là phi chính thống, cho đến khi nào người ta đã minh chứng được khác đi. Do đó, liệu nhà Huyền bí có hoàn toàn sẵn sàng trả lời những câu hỏi sau đây chăng: Làm thế nào mà chúng ta biết rằng tác giả không chế ra toàn bộ hệ thống đó ? Và giả sử tác giả không chế ra thì làm thế nào người ta có thể bảo rằng tất cả những điều nêu trên, đã được trình bày trong các ĐOẠN KINH, không phải là sản phẩm của trí tưởng tượng của cổ nhân ? Làm thế nào mà họ có thể bảo tồn được các tài liệu có một nguồn gốc tối cổ như thế ?

Thật khó lòng mà thuyết phục được những kẻ nghi ngờ khi trả lời rằng lịch sử của thế giới này từ đầu chí cuối được "ghi trong các vì sao", nghĩa là được ghi trong Hoàng Đạo và Biểu tượng ký Vũ Trụ mà chỉ các Điểm đạo đồ mới có chìa khóa giải nó. Người ta vẫn hết sức nghi ngờ về nguồn gốc xa xưa của Hoàng Đạo ở Ai Cập, còn nguồn gốc xa xưa của Hoàng Đạo Ấn Độ, lại bị phủ nhận thẳng thừng. Một người bạn phàm tục có lần bảo tác giả rằng : "Các kết luận của bạn thật là tuyệt diệu, nhưng các tiền đề của bạn bao giờ cũng đáng nghi ngờ". Về điều này, tác giả xin đáp rằng ít ra đó cũng là một điều thu được dựa vào phép tam đoạn luận khoa học, đó là vì ngoại trừ một vài vấn đề thuộc vật lý học thuần túy, cả các tiền đề lẫn các kết luận của các nhà khoa học đều có tính cách giả thuyết cũng như chúng hầu như luôn luôn sai lầm. Và nếu chúng dường như không hề như thế đối với kẻ phàm phu, thì lý do đơn giản như sau: vì thường tin vào các dữ kiện khoa học nên kẻ phàm phu nêu trên hầu như không hề biết rằng các tiền đề lẫn các kết luận đều thường là sản phẩm của cùng một bộ óc, dù thông thái, nhưng chẳng phải không sai lầm – đây là một sự thật hiển nhiên được chứng tỏ hằng ngày qua sự thay đổi đi thay đổi lại của các thuyết và các suy lý khoa học.

Dù thế nào đi nữa, các truyền thuyết về Hoàng Đạo của các đền thờ, cũng như là các tài liệu bằng chữ tượng hình của phương Đông, theo lối thuyết minh của các Cao đồ Bí pháp Yoga, không hề đáng nghi ngờ hơn cái gọi là cổ sử của các quốc gia Âu Châu nay đang được nửa thế kỷ khám phá khảo cổ học thu thập, diễn giải, hiệu đính và bổ sung, cũng như là việc thuyết minh một cách đáng ngờ vực các viên ngói Assyria, các mảnh vụn hình nêm và các chữ tượng hình của Ai Cập. Các dữ kiện của chúng tôi cũng dựa vào "những sự

thuyết minh" giống như vậy – ngoài ra còn có vô số tác phẩm bí mật mà người Âu Châu chẳng hiểu biết một tí gì – cộng thêm với việc các Điểm đạo đồ rất tinh thông biểu tượng ký của mọi từ ngữ được ghi lại như thế. Một số các tài liệu này có nguồn gốc rất xa xưa. Mọi nhà khảo cổ học và cổ sinh vật học đều biết tới các chữ tượng hình của một vài bộ lạc bán khai, họ đã muốn diễn đạt tư tưởng của mình bằng biểu tượng từ xưa rồi. Đây là cách thức xưa nhất để ghi lại các biến cố và các ý tưởng. Muốn tìm hiểu xem nhân loại đã biết làm như thế từ bao giờ, chúng ta có thể suy ra điều trên từ
437 các ký hiệu (hiển nhiên là chữ tượng hình) trên các chiếc rìu thời cổ thạch khí (Palaeolithic). Mới chỉ cách đây vài năm, nói một cách tương đối, các bộ lạc da đỏ ở Mỹ còn thỉnh cầu Tổng Thống Mỹ ban cho họ quyền sở hữu bốn cái hồ nhỏ, bản thỉnh nguyện này được viết trên bề mặt nhỏ xíu của một tấm vải, nó chỉ gồm có một tá hình biểu diễn chim muông cầm thú. Những người bán khai ở Mỹ có một số loại chữ viết khác nhau như thế, nhưng chưa có một nhà khoa học nào của chúng ta quen thuộc với, hoặc ngay cả biết tới thứ mật mã tượng hình thời xưa vẫn còn được một vài Hội đoàn bảo tồn và được Huyền bí học gọi là tiếng Senzar. Hơn nữa, tất cả những kẻ nào đã nhất định xem các cách viết chữ như thế - nghĩa là chữ tượng hình của thổ dân da đỏ và cả những chữ Hán nữa – là các nỗ lực của những giống người sơ khai để diễn đạt tư tưởng dốt nát của mình, sẽ dứt khoát phản đối việc chúng ta tuyên bố rằng chính người Atlantis chứ không phải người Phoenicia đã phát minh ra lối viết đó. Thật vậy, đứng trước những nhà ngôn ngữ học đã tuyên bố rằng người Ấn Độ chưa hề biết viết vào thời Pãnini, và người Hy Lạp chưa biết viết vào thời Homer, việc tuyên bố rằng nhân loại đã biết lối viết chữ có cách đây nhiều trăm ngàn năm, nói

chung sẽ bị phản đối, nếu không phải là bị âm thầm khinh thị. Bất chấp mọi sự chối bỏ và nhạo báng, các nhà Huyền bí vẫn sẽ khăng khăng quả quyết như vậy; lý do đơn giản là vì: từ thời Bacon mãi tới tận Hội Hoàng gia ngày nay, chúng ta đã chứng kiến một thời kỳ dài đăng đẳng, đầy dẫy những điều sai làm, lố bịch nhất của khoa học, khiến chúng ta không thể nhất quyết tin vào những điều giả định của khoa học hiện đại, hơn là tin vào các điều giảng dạy của các Đại Sư. Theo các nhà khoa học của chúng ta thì Pãnini không hề biết viết; thế mà nhà Hiền Triết này lại đặt ra một ngữ pháp gồm có 3 996 qui tắc và là loại ngữ pháp hoàn chỉnh nhất từ trước đến nay ! Người phóng khoáng nhất cũng chỉ trình bày là Pãnini đã sống trước T.C. vừa đúng vài thế kỷ, thế mà những tảng đá ở Ba Tư và Trung Á – các nhà ngôn ngữ học và các nhà sử học cho chúng ta biết rằng tổ tiên của Pãnini, tức là những người Bà La Môn, đã từ các vùng nêu trên xâm nhập vào Ấn Độ - lại *đầy dẫy chữ viết*, ít nhất là cũng được hai, ba ngàn năm nay, còn theo một vài nhà khảo cổ học táo bạo thì tới mười hai ngàn năm.

Theo Grote, vào thời Hesiod và Homer, viết lách còn là một *thuật* mà chẳng ai biết tới, mãi đến năm 770 trước T. C. người Hy Lạp vẫn còn chưa biết viết. Thế mà người Phoenicia đã *phát minh* ra chữ viết và biết viết ngay từ năm 1 500 trước T.C.([1]) lại luôn luôn chung sống với người Hy Lạp ! Tuy nhiên, tất cả các kết luận khoa học đầy mâu thuẫn này đã tan tành ra mây khói khi Schliemann (a) khám phá ra địa

[1] Có một sự kiện kịch sử là Sanchuniathon đã soạn ra toàn bộ tài liệu về tôn giáo của người Phoenicia từ các niên sử và các tài liệu quốc gia trong văn khố của các đô thị ở Phoenicia và đã viết nó bằng tiếng Phoenicia vào năm 1 250 trước T.C.

điểm của thành Troy cổ truyền (từ lâu rồi, người ta vẫn xem sự tồn tại thực sự của nó chỉ là một chuyện hoang đường), và (b) khai quật được từ địa điểm này các bát dĩa bằng đất có
438 khắc những chữ cái mà các nhà Cổ sinh vật học và các nhà chuyên về ngữ học Bắc Phạn *đều không biết gì*. Thế thì bây giờ ai dám phủ nhận thành Troy hoặc các chữ khắc cổ sơ này? Giáo sư Virchow chứng nhận như sau :

Chính tôi đã chứng kiến hai cuộc khai phá như thế và đã góp sức vào việc thu thập các di tích lại. Những kẻ vu khống vốn đã bị im lặng từ lâu rồi, nay lại trơ trẽn tố cáo nhà khám phá là bịp bợm. (1)

Những người phụ nữ trung thực cũng không hề được dung thứ gì hơn những người đàn ông trung thực. Du Chaillu, Gordon Cumming, Bà Merian,(2) Bruce và một số người khác đều bị tố cáo là nói dối.

Trong Lời nói đầu, tác giả của Các Con quái vật Thần thoại đã cho biết về điều trên như sau :

Bà Merian bị kết tội là cố ý giả tạo khi mô tả một con nhện ăn thịt chim cách đây hai trăm năm. Nhưng ngày nay… các nhà quan sát đáng tin cậy đã xác nhận rằng điều này có diễn ra ở Nam Mỹ, Ấn Độ v.v…

Tương tự như vậy, các nhà thực vật học đã kết án Audubon là đã chế ra cây súng hoa vàng (the yellow water lily), mà ông gọi là Nymphaea lutea trong tác phẩm Các Con chim ở phương Nam, sau khi đã kết tội ông trong nhiều năm

---

1 Lời của Giáo sư Virchow trong Phụ lục I, tác phẩm Ilios, của Schliemann, ấn bản 1880.

2 Gosse nói về Bà như sau: "Bà bị kết tội là một kẻ hoàn toàn ngoại đạo, không thể tin được, một kẻ chuyên tạo ra khoa vạn vật học không lành mạnh, một kẻ chuyên môn chế ra những sự kiện khoa học giả tạo". (Vạn vật học giả tưởng, trang 227).

như thế, cuối cùng, người ta lại xác nhận phát biểu của ông khi khám phá ra đóa hoa đã biệt tăm từ lâu ở Florida… vào năm… 1876. ([1])

Cũng như Audubon bị gọi là kẻ nói dối về việc đó, và vì con Chim ó biển Washington ([2]) cũng vậy, Victor Hugo bị chế nhạo vì ông đã mô tả con cá đuối hai mõm thật là tuyệt vời, và mô tả việc một người trở thành nạn nhân không ai cứu vớt của nó.

Điều này đã bị chế giễu là một con quái vật không thể có được; thế nhưng, trong vòng vài năm sau, trên bờ biển Newfoundland người ta tìm được con cá mực có vòi dài tới ba mươi feet (9,14 [m]) và có thể kéo một chiếc thuyền khá lớn ở phía dưới bề mặt; thế mà các họa sĩ Nhật đã vẽ lại hành động của chúng trong hàng thế kỷ trước kia. ([3])

Nếu câu chuyện lịch sử của thành Troy bị phủ nhận và xem như một huyền thoại, thì những thành phố cổ Herculaneum và Pompeii bị xem như những chuyện hão huyền. Và những chuyện du ký của Marco Polo bị người đời chế nhạo và gán cho một tính cách hư ảo như một ngụ ngôn, thì không có lý do gì mà tác giả bộ Nữ Thần Isis Lộ Diện và Giáo Lý Bí Nhiệm lại được biệt đãi hơn. Trong tác phẩm xuất sắc nêu trên, ông Charles Gould đã trích dẫn một vài hàng trong Macmillan (ấn bản 1860), nó đúng như thật đến nỗi mà chúng ta chỉ có việc sao lại :

---

[1] Nguyệt san Khoa học phổ thông, số 60, tháng 4 – 1 807.

[2] Tiến sĩ Cover cho rằng: "Con chim lừng danh ở Washington đó là một thần thoại; cho dù Audubon có lầm lẫn hay không (một số người không ngần ngại khi khẳng định như vậy) thì ông cũng nói dối". *Các con quái vật Thần thoại,* trang 10.

[3] Như trên, trang 10, 11.

Khi một nhà vạn vật học, hoặc là đến thăm những địa điểm mà chưa ai đặt chân tới, hoặc là do may mắn, tìm thấy một cái cây hoặc một con vật rất quái gở, y sẽ tức khắc bị kết tội là chế ra trò giải trí của mình… Ngay khi người ta thấy rằng tạo vật có tội chống lại tiên kiến, thì đại chơn linh dẫn đạo (sai lạc?) vẫn cung ứng cho các triết gia sự toàn tri để đối phó với những chuyện bất ngờ, một cách tiên nghiệm, khi nghe tiếng, đã thì thào rằng điều đó không thể có được, thế là
439 người ta lập tức tố cáo rằng đó chỉ là một trò bịp bợm. Chính các cõi trời cũng bị tố cáo là trò bịp. Khi các nhà thiên văn Leverrier và Adam tiên đoán có một hành tinh mới xuất hiện, thì có một vài giới trịnh trọng tuyên bố rằng đó không phải là bầu hành tinh thực sự được tiên liệu mà chỉ là một thiên thể khác nữa đã tình cờ xuất hiện ở gần bên hành tinh nói trên. "Tình đời vẫn thế : sự nghi ngờ bao giờ cũng vẫn trội hơn và lấp áp cả sự thật".

Hãy cứ chấp nhận như thế, chúng tôi không đòi hỏi và cũng không mong ước những kẻ hoài nghi quyển sách này là huyền hoặc phải tin tưởng nơi những điều được trình bày trong đó. Ngay cả trước khi tác phẩm này được ấn hành thì một vài ký giả có tài người Mỹ đã tuyên bố rằng Giáo Lý Bí Nhiệm là một trò bịp. ([1])

[1] Ngay từ tháng 7 – 1888, khi Bản thảo tác phẩm này còn chưa rời khỏi bàn giấy của tôi, và khi thiên hạ còn hoàn toàn chưa biết về Giáo Lý Bí Nhiệm, thì nó đã bị tố cáo là một sản phẩm của trí tưởng tượng của tôi, chứ chẳng có gì khác nữa. Sau đây là những lời tâng bốc mà báo Tin Điện Buổi Chiều (của Mỹ) đã đăng tải (khi đề cập tới tác phẩm còn chưa được xuất bản này) trong số báo phát hành ngày 30-6-1888 : "*Trong những tác phẩm hấp dẫn đáng đọc trong tháng bảy*, có tác phẩm mới về Minh Triết Thiêng Liêng của bà

Dù sao cũng không cần thiết phải tin nơi Khoa học Huyền bí và những Giáo lý Cổ truyền, nếu người ta chưa biết gì cả hay thậm chí chưa tin nơi chính Linh Hồn mình. Tự cổ vẫn chưa bao giờ có một chân lý trọng đại nào được chấp nhận dễ dàng và thường phải để cho một hay hai thế kỷ trôi qua trước khi nó bắt đầu lóe lên trong ý thức loài người như một sự thật có thể xảy ra, trừ những trường hợp nó được chứng minh cụ thể như một sự việc hiển nhiên. Chân lý của ngày hôm nay vẫn là những sai lầm giả dối của ngày hôm qua và ngược lại. Chỉ trong thế kỷ hai mươi, thì có lẽ một phần nếu không phải là toàn thể quyển sách này mới được người đời chấp nhận và bênh vực.

Do đó, cho dù John Evans có khẳng định vào thời đồ đá, người ta chưa hề biết viết, thì điều này cũng chẳng có hại gì cho các phát biểu của chúng ta. Đó là vì vào thời kỳ ấy, Giống dân thứ năm Ãryan có thể chưa biết viết, song Giống dân thứ Tư Atlantis vào thời hoàng kim văn minh tột đỉnh, hẳn đã biết viết rồi. Những chu kỳ thịnh suy của các quốc gia và các giống dân vẫn còn đó để biện minh cho điều này.

Nếu ai đó bảo rằng xưa nay đã có trường hợp các tác phẩm giả bị đánh tráo cho kẻ dễ tin, và tác phẩm của chúng

---

Blavatsky … (!) *Giáo Lý Bí Nhiệm*… Nhưng việc bà có thể vạch rõ sự dốt nát của giai cấp Bà La Môn… (!?) *không hề chứng tỏ rằng bất cứ điều gì mà bà trình bày đều là sự thực"*. Và khi mà người ta đã đưa ra phán quyết đầy tiên kiến với quan niệm sai lầm là tác phẩm của tôi đã được xuất bản rồi và người điểm sách đã đọc nó rồi – chẳng có trường hợp nào đúng cả - thì nay khi nó thực sự được xuất bản, nhà phê bình sẽ phải ủng hộ phát biểu đầu tiên của mình, dù có đúng hay không, và sẽ dần dần loại bỏ nó bằng một sự chỉ trích có lẽ còn kịch liệt hơn bao giờ hết.

tôi có thể được xếp vào loại Thánh kinh Ấn Độ của Jacolliot – mặc dù, nhân tiện xin nói, bên cạnh các điểm sai lầm, nó còn bao hàm nhiều sự thật hơn các tác phẩm của các nhà Đông phương học chính thống được mọi người trọng vọng – thì lời tố cáo và sự ví von này cũng chẳng làm chúng tôi phải khiếp đảm bao nhiêu. Chúng tôi quyết chờ thời. Ngay cả tác phẩm
440 lừng danh của thế kỷ vừa qua Ezour Veda mà Voltaire xem là "tặng phẩm quí giá nhất mà phương Đông dành cho phương Tây", và Max Muller xem là "ngu xuẩn nhất mà người ta có thể đọc được" – cũng đâu phải là hoàn toàn chẳng bao hàm sự thật. Những trường hợp mà các sự phủ nhận tiên nghiệm của các chuyên gia lại được những điều bổ chứng sau này minh xác, chẳng qua chỉ là một phần vô cùng nhỏ của những trường hợp đã được khám phá sau này minh chứng và xác nhận, khiến cho những nhà thông thái phản đối đều phải kinh hoàng. Ezour Veda là một mối bất hòa rất nhỏ khi so sánh với sự khải hoàn của William Jones, Anquetil du Perron v.v… về vấn đề tiếng Bắc Phạn và văn chương Bắc Phạn. Chính Giáo sư Max Muller đã ghi lại những sự kiện đó; khi đề cập tới sự bối rối của nhóm Dugald Stewart về vấn đề này, ông đã nêu rõ rằng :

Nếu các sự kiện về tiếng Bắc Phạn mà đúng sự thật, thì Dugald Stewart cũng quá đủ khôn ngoan để thấy rằng các kết luận suy ra từ đó thật là tất yếu. Vì vậy, y đã hoàn toàn chối bỏ sự tồn tại thực sự của một thứ ngôn ngữ như Bắc Phạn và đã viết một bài lược khảo trứ danh để chứng tỏ rằng chính những kẻ láo khoét và chúa trùm ngụy tạo, những người Bà La Môn đã soạn ra tiếng Bắc Phạn theo mẫu tiếng Hy Lạp và La Tinh, và toàn bộ nền văn học Bắc Phạn chỉ là sự bịp bợm. ([1])

[1] Ngôn ngữ học, trang 163.

Tác giả sẵn lòng và cảm thấy hãnh diện khi giao du thân mật với những người Bà La Môn, và những người "láo khoét" khác trong lịch sử, theo ý kiến của những vị Dugals Stewart thời này. Bà đã sống quá lâu và đã có quá nhiều loại kinh nghiệm bản thân, nên không thể không biết ít ra là một điều gì đó về bản chất con người. Đức Zoroaster minh triết đã dạy: "Khi thoáng có ý nghi ngờ, thì hãy kiềm nó lại", kinh nghiệm sinh hoạt thường nhật bao giờ cũng bổ chứng cho câu châm ngôn đầy minh triết của Ngài. Thế nhưng, cũng như Thánh John Baptist, vị Hiền Triết này cũng chỉ giảng đạo theo lối "tiếng kêu trong sa mạc", cùng với một triết gia cận đại hơn, đó là Bacon. Bacon cũng rao giảng đôi chút minh triết thực hành như vậy khi bảo rằng :

Khi suy tư [chúng tôi xin thêm "về bất cứ vấn đề tri thức nào"], nếu một người khởi đầu từ *sự tin chắc*, thì rốt cuộc y sẽ trở thành nghi ngờ; song *nếu y chịu khởi đầu từ sự nghi ngờ, thì cuối cùng y sẽ trở nên tin chắc.*

Chúng ta nên chấm dứt tranh cãi bằng lời khuyên này của bậc cha đẻ ra triết học Anh, dành cho các đại diện của chủ nghĩa hoài nghi Anh quốc, nhưng các độc giả Minh Triết Thiêng Liêng có quyền đối với một mảnh kiến thức Huyền bí học tối hậu.

Trên đây đã nói khá đủ để chỉ ra rằng cơ tiến hóa nói chung của nhân loại, những biến cố Thiên Nhiên cùng vạn vật trong trời đất đều diễn ra theo định luật chu kỳ. Chúng tôi có trình bày về bảy Giống dân, trong số đó có năm Giống dân đã gần hoàn thành diễn trình sinh hoạt của họ trên trái đất và tuyên bố rằng mỗi Giống dân, với những phụ chủng, chi chủng, cùng vô số các phân chi và bộ lạc thiểu số khác, đều hoàn toàn phân biệt hẳn với Giống dân đi trước đó và

Giống dân nối tiếp sau. Về vấn đề nhân loại học và dân tộc học dựa vào thẩm quyền của kinh nghiệm đồng nhất, người ta sẽ bác bỏ điều này. Các nhà vạn vật học bảo rằng ngoại trừ việc khác nhau về màu da và loại người, và có lẽ hơi khác nhau về các nét mặt riêng biệt và dung tích sọ, còn thì mọi người trên khắp thế giới, ở mọi phong thổ đều giống nhau. Thật vậy, họ giống nhau cả về vóc dáng nữa; thế mà trong khi đó, người ta lại quả quyết rằng con người và con khỉ đều bắt nguồn từ một vị tổ tiên vô danh; nếu không có sự biến thiên vô tận về vóc dáng từ giai đoạn tiến hóa nguyên sơ thành ra một động vật hai chân thì lời tuyên bố này quả là không thể chấp nhận được về mặt lý luận. Những người thiên về lý luận, bảo vệ cả hai đề nghị này, lại được hoan nghênh về các quan điểm nghịch lý của họ mới lạ chứ. Một lần nữa, chúng tôi chỉ xin ngỏ lời với vị nào đã nghi ngờ sự thoát thai nói chung, của các thần thoại từ "sự chiêm ngưỡng các tác động hữu hình của ngoại giới" và cho rằng:

Chẳng thà tin rằng những câu chuyện kỳ diệu này về các vị thần và bán thần, những người khổng lồ và người lùn, những con rồng và quái vật khôn tả, là những biến dạng, còn hơn tin rằng chúng là những câu chuyện bịa đặt.

Giáo Lý Bí Nhiệm chỉ dạy rằng những sự "biến đổi" về vóc dáng thể chất đó cũng chẳng khác nào những sự biến đổi về trí nhớ và các quan niệm của nhân loại chúng ta hiện nay. Nó đối chiếu các giả thuyết thuần túy suy lý của khoa học hiện đại vốn dựa trên kinh nghiệm và những quan sát chính xác chỉ mới trong vài thế kỷ, với truyền thuyết liên tục và các tài liệu của những thánh điện. Khi bỏ qua hàng loạt những thuyết được giăng như màng nhện trong bóng đêm đang bao phủ một thời kỳ chỉ mới có khoảng vài ngàn năm nay mà người Âu Châu gọi là "lịch sử" của mình, Khoa học Cổ

truyền bảo chúng ta: "Này hãy lắng nghe lối thuyết minh của ta bàn về các kỷ yếu của nhân loại".

Các giống dân dã man sinh ra nhau, lớn lên, phát triển, già yếu rồi bị diệt vong. Các phân chủng và các quốc gia cũng cùng chung số phận như vậy. Nếu khoa học hiện đại đã phủ nhận tất cả và cái gọi là triết học không cãi rằng gia đình nhân loại gồm có vô số loại người và giống người xác định, thì đó là vì chẳng có ai có thể phủ nhận sự kiện này. Chẳng ai dám bảo rằng không hề có sự dị biệt bề ngoài giữa một người Anh, một người da đen ở Phi Châu, một người Nhật hoặc một người Trung Hoa. Mặt khác, hầu hết các nhà vạn vật học đều chính thức phủ nhận rằng ngày nay, những giống người hỗn hợp – nghĩa là mầm mống của những giống người hoàn toàn mới – không còn được tạo ra nữa, mặc dù thật ra De Quatrefages và một vài người khác vẫn chủ trương như vậy dựa vào những cơ sở vững chắc ?

Tuy nhiên, những điều chúng tôi trình bày sẽ không được chấp nhận. Người ta nói rằng mặc dù con người đã từng trải qua những hình thể thế nào trong quá khứ, kể từ thời tiền sử xa xôi cho đến nay, nhưng trong tương lai, y sẽ không còn thay đổi hình dáng gì trừ ra vài sự dị biệt dị tộc như trong hiên tại. Bởi đó, các Giống dân thứ Sáu và thứ Bảy chỉ là những điều giả dối.

Đối với những người đưa ra luận điệu ấy, chúng ta có thể hỏi: Làm sao biết được? Sự hiểu biết của anh chỉ giới hạn trong vài ngàn năm tức là không bằng một ngày trong toàn thể chu kỳ tiến hóa của Nhân loại, và thâu hẹp trong những giống người hiện tại, trên lục địa hiện tại của Giống dân thứ năm chúng ta. Làm sao anh có thể nói chắc rằng việc gì sẽ xảy ra hay sẽ không xảy ra? Trong khi đó thì đây là những lời tiên

442 tri của những Cổ thứ Bí truyền và những Giáo lý Huyền môn được tiết lộ cho nhân loại.

Kể từ lúc bắt đầu thời kỳ của Giống dân Atlantis, bao nhiêu triệu năm đã trôi qua, nhưng chúng ta nhận thấy rằng những đợt người Atlantis cuối cùng vẫn còn lẫn lộn với giống người Ãryan, cách đây 11 000 năm. Điều này chỉ ra rằng có một sự vượt trội thời gian của một Giống dân nối tiếp theo sau, tuy rằng về phương diện tính chất và thể loại thì Giống dân tiền bối mất lần những đặc tính của mình và khoác lấy những đặc tính mới của Giống dân hậu sinh. Điều này đã được chứng minh trong tất cả những cơ cấu hình thành của những chủng tộc lai hay pha trộn. Triết giáo Huyền môn dạy rằng, dù cho ngay bây giờ, ngay trước mắt chúng ta, các Giống dân mới đang chuẩn bị hình thành và Mỹ Châu là sự cấu tạo nên nhân loại mới sẽ diễn ra một cách lặng lẽ, âm thầm.

Vốn là người Anglo-Saxons thuần túy mới chỉ độ ba trăm năm trước đây, người Mỹ ngày nay đã thành một dân tộc không riêng biệt và do sự pha lẫn với dòng máu của nhiều dân tộc khác, đã trở nên một chủng tộc riêng với những nét đặc thù, không những về trí tuệ mà cả về thể chất. Xin trích dẫn đoạn sau đây của De Quatrefages:

> Khi thuần nhất và ổn định, mọi giống người hỗn hợp đã có thể đóng vai một giống người nguyên sơ trong sự pha giống mới mẻ. Như thế, trong tình trạng hiện nay, chắc chắn là một phần lớn nhân loãi đã được tạo ra cho sự pha giống liên tiếp của một số giống người hiện nay vẫn còn chưa xác định được. ([1])

Như thế, trong vòng chỉ có ba thế kỷ, người Mỹ trở nên một "chủng tộc sơ khai" trước khi trở thành một chủng tộc

[1] Các Giống Người, trang 274.

riêng biệt và tách rời hẳn với các chủng tộc khác. Tóm lại, họ là những mầm mống của phụ chủng *thứ sáu*, và trong vài trăm năm tới đây sẽ trở nên những người tiền phong khai sáng của giống người sẽ nối tiếp theo sau phụ chủng thứ năm hay giống dân Âu Châu hiện tại với tất cả những đặc điểm mới của họ. Khoảng 25 000 năm sau họ sẽ bắt tay vào việc chuẩn bị khai sinh ra phụ chủng thứ bảy. Theo đà thời gian nhiều cơn biến động sẽ xảy ra, tức đợt đầu của những thiên tai địa chấn có ngày sẽ hủy diệt toàn cõi Âu Châu và sau đó sẽ hủy diệt luôn dân Ãryan (ảnh hưởng luôn cả hai phần Nam Bắc Mỹ Châu) hầu hết những phần đất liên hệ trực tiếp với những biên giới và quần đảo của Âu Châu ngày nay. Chừng đó Giống dân thứ Sáu sẽ xuất hiện trên địa cầu cũng trong cuộc Tuần Hoàn hiện tại. Đến bao giờ việc đó sẽ xảy ra? Có ai biết được điều đó trừ các Chơn Sư Minh Triết, nhưng các Ngài vẫn im lặng giống như cái vẻ im lặng của những đỉnh Tuyết Sơn nhô lên đàng sau các Ngài từ muôn đời. Chúng ta biết rằng việc đó chỉ diễn ra trong âm thầm lặng lẽ. Thật vậy, nó lặng lẽ đến nỗi trong nhiều ngàn năm, những kẻ tiền phong của giống dân ấy sẽ bị xem như những kẻ lạc loài kỳ dị về thể chất cũng như tinh thần. Chừng đó, khi những người này càng ngày càng tăng gia nhân số lần lần trải qua nhiều thế hệ, một ngày nào đó họ sẽ tỉnh dậy và chợt thấy mình chiếm đa số của thành phần nhân loại. Chừng đó, chính những người của nhân loại ngày nay lại sẽ bắt đầu bị xem
443 như những kẻ dị kỳ, không giống ai cả, cho đến khi họ lại bị tuyệt diệt lần hồi trên những phần đất văn minh, chỉ còn lại vài nhóm còn sống sót trên những hòn đảo – là những đỉnh núi cao bây giờ. Trên những hòn đảo ấy, họ sẽ sống một cách vất vưởng, tàn tạ, suy đồi và sau cùng sẽ tuyệt diệt, có lẽ trong nhiều triệu năm trở về sau, cũng như những giống

người Aztecs đã tuyệt diệt, cũng như các bộ lạc thiểu số Nyam-Nyam và giống người lùn trên Dãy Nĩlgiri đang lần lần biệt tích. Tất cả các giống người này đều là tàn tích của những chủng tộc xưa kia đã có một nền văn minh huy hoàng, mà kỷ niệm đã hoàn toàn biến mất trong ký ức của thế hệ hiện tại. Cũng như chúng ta ngày nay sẽ biến mất trong ký ức của Giống dân thứ Sáu của nhân loại tương lai. Giống dân thứ Năm sẽ còn lấn thêm nhiều trăm ngàn năm trội qua giai đoạn xuất hiện của Giống dân thứ Sáu và sẽ thay đổi chậm hơn Giống dân mới này. Họ cũng sẽ vẫn còn thay đổi về tầm vóc, thể chất và tri thức, tinh thần, cũng như Giống dân thứ Tư đã lấn trội qua Giống dân thứ Năm và Giống dân thứ Ba đã lấn trội qua Giống dân thứ Tư.

Phương thức chuẩn bị cho sự sinh thành của Giống dân thứ Sáu sẽ phải kéo dài suốt thời kỳ của hai phụ chủng sáu và bảy. ([1]) Nhưng những tàn tích *cuối cùng* của Lục địa thứ Năm sẽ không biến mất cho đến một thời gian sau việc khai sinh của Giống dân *mới;* khi đó, lục địa *mới*, Lục địa thứ Sáu sẽ xuất hiện trên mặt Địa Cầu, từ thời đáy biển trồi lên mặt nước ở các vùng biển *mới* để làm nơi sinh trưởng của Giống dân mới. Đó cũng là nơi chốn di tản và định cư của tất cả những người có diễm phúc thoát khỏi cơn thiên tai làm rung chuyển và hủy diệt các lục địa Âu Mỹ ngày nay. Khi nào thì điều này xảy ra – như đã nói trên – điều đó tác giả không được biết. Chỉ biết rằng sự việc trong Thiên Nhiên không bao giờ diễn biến bằng những chuyển động thình lình hay bất ngờ, cũng như con người không thể đột nhiên từ một đứa trẻ thơ biến thành một người lớn, thì cơn thiên tai cuối cùng cũng vậy, nó phải được khởi đầu bằng nhiều tai biến nhỏ

[1] Xem đồ hình Cây Phổ Hệ của Giống dân thứ Năm.

gồm có những cơn hủy diệt bằng nước lụt và hỏa sơn. Giống người sống tại khu vực Mỹ Châu hiện nay đang thời phát triển mạnh, nhưng cũng như các dân tộc Âu Châu, họ sẽ không còn tồn tại khi giai đoạn của Giống dân thứ Sáu bắt đầu, vì chừng đó, họ sẽ trở thành *giống dân mới và nhiều dân tộc, quốc gia mới*. Tuy nhiên, Giống dân thứ Năm sẽ không tuyệt diệt ngay, mà sẽ còn tồn tại một thời gian, nó còn lấn trội qua Giống dân thứ Sáu trong nhiều trăm ngàn năm nữa và sẽ trở nên biến đổi cùng với Giống dân mới, nhưng chậm hơn, tuy nó sẽ hoàn toàn thay đổi về tầm vóc, thể chất và tinh thần. Nhân loại sẽ không phát triển thể xác khổng lồ như trường hợp Giống dân Lemuria và Atlantis, bởi vì trong khi sự tiến hóa của Giống dân thứ Tư đưa họ đi xuống tầm mức vật chất thô kệch nặng nề nhất về phương diện phát triển thể xác, thì Giống dân thứ Năm hiện thời đang ở vòng cung đi lên và Giống dân thứ Sáu sẽ còn tiến bộ mau hơn trong việc vứt bỏ những ảnh hưởng trói buộc của vật chất và xác thịt.

Đó là tình trạng nhân loại của Thế giới Mới, một thế giới trưởng thành hơn rất xa cái Thế giới Cũ, có sứ mạng và Nghiệp Quả gieo những mầm mống cho một Giống người còn huy hoàng hơn rất nhiều so với tất cả mọi giống người từ
444 trước tới nay. Những Chu kỳ sinh hoạt Vật Chất sẽ được nối tiếp bằng những Chu kỳ sinh hoạt Tâm Linh và một trí tuệ hoàn toàn phát triển. Trong các giống dân mới, thành phần đa số của nhân loại trong tương lai sẽ gồm có những bậc Tiên Thánh cao cả. Nhân loại là sản phẩm của Định mệnh vận chuyển từng Chu kỳ và không một Đơn vị nào của hàng ngũ nhân loại có thể thoát khỏi cái sứ mạng đương nhiên vô thức của mình hay vứt bỏ gánh nặng của công việc hợp tác với Thiên Nhiên. Như thế, từ chủng tộc này tới chủng tộc khác,

nhân loại sẽ thực hiện cuộc Hành hương chu chuyển từng kỳ hạn đã chỉ định cho họ. Các khí hậu sẽ và đã bắt đầu thay đổi, mỗi Năm Nhiệt Đới (Tropical Year) tiếp theo là Năm Nhiệt Đới khác lại loại bỏ một phụ chủng, nhưng chỉ là để sinh ra một chủng tộc khác tiến hóa cao hơn trên một vòng cung đi lên. Trong khi đó, một loạt những nhóm khác kém may mắn hơn, tức những thất bại của Thiên Nhiên, cũng giống như vài nhân vật cá biệt, sẽ biến mất khỏi gia đình nhân loại mà không để lại dấu vết.

Đó là vì sự diễn tiến của Thiên Nhiên dưới sự điều động của Luật Nghiệp Quả hay của một Định Luật Thiên Nhiên bao giờ cũng tác động không ngừng. Một vị Hiền giả ẩn danh mà chỉ có vài người trong giới Huyền môn được biết, có nói :

HIỆN TẠI LÀ CON ĐẺ CỦA QUÁ KHỨ; TƯƠNG LAI LÀ CON ĐẺ CỦA HIỆN TẠI. TUY THẾ, ÔI GIỜ PHÚT HIỆN TẠI NÀY ! NGƯƠI HÁ CHẲNG BIẾT RẰNG NGƯƠI KHÔNG CÓ PHỤ MẪU, NGƯƠI CŨNG KHÔNG THỂ CÓ CON; RẰNG NGƯƠI CHỈ CÓ THỂ SINH RA CHÍNH NGƯƠI THÔI ? DÙ CHO TRƯỚC KHI NGƯƠI BẮT ĐẦU NÓI : "TA LÀ CON CHÁU CỦA QUÁ KHỨ", THÌ NGƯƠI ĐÃ TRỞ THÀNH QUÁ KHỨ MẤT RỒI. TRƯỚC KHI NGƯƠI THỐT RA ÂM THANH CUỐI CÙNG, HÃY NGHE ĐÂY ! NGƯƠI ĐÃ KHÔNG CÒN LÀ HIỆN TẠI NỮA MÀ ĐÚNG LÀ TƯƠNG LAI VẬY. ĐÓ LÀ QUÁ KHỨ, HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI, CÁI TAM VỊ NHẤT THỂ BAO GIỜ CŨNG VẪN TRƯỜNG TỒN, CÁI ĐẠI ẢO GIÁC (MAHÃMÃYÃ) CỦA LÝ TUYỆT ĐỐI VẪN NGỰ TRỊ KHẮP VŨ TRỤ.

CHÚ THÍCH BỔ SUNG

(ADDITIONAL NOTES)

Zohar, Idra Suta, trang 16.

Danh xưng này có nhiều dạng, trang 2 trình bày là Zohar, *Idra Suta; Idra Zootah*, còn ấn bản Brody trình bày là *Idra Zootah* (trang 93); ở những chỗ khác trong tác phẩm này nó được trình bày là *Idra Suta.*

Trong tác phẩm này hầu hết những điều tham chiếu về kinh *Zohar* đều được rút ra từ tác phẩm *Qabbalah* của Isaac Muller, Cử nhân luật khoa. Tác giả chỉ xuất bản có 350 bản.

Ardhanãri, trang 43.

Trong tác phẩm *Các Thần Ấn Độ* của Moor, nhân vật bán thư bán hùng này được trình bày trong các hình minh họa 7 và 24, nhưng không có chữ Vạn.

Asuramaya tức *Asura Maya*, trang 62.

Trong *Lịch sử Văn chương Ấn Độ*, trang 253, Albrecht Weber cho rằng : "Vả lại truyền thuyết anh hùng ca trình bày Asura Maya là nhà thiên văn học xưa nhất; và khẳng định rằng chính Thần Thái Dương đã truyền dạy thiên văn học cho Ngài. Tôi đã phỏng đoán ở đâu đó rằng vị Asura Maya này đồng nhất với 'Ptolemaios' của người Hy Lạp. Đó là vì, như chúng ta đã thấy trong các chữ khắc, Ptolemaios, Pujadãsi đã trở thành một "Turamaya" của Ấn Độ, thế mà danh xưng 'Asura Maya' có thể thoát thai từ danh hiệu "Turamaya" một cách dễ dàng. Đó là vì theo truyền thuyết

sau này, danh hiệu Maya này rõ ràng là được gán cho Romaka-pura ở phương Tây.

Chúng ta không được lẫn lộn từ ngữ cuối Maya với từ ngữ Mãyã. Vì truyền thuyết khẳng định rằng Asura Maya là một người Atlantis (xem Quyển 3, Giảng lý ĐOẠN KINH 11) nên từ ngữ Maya phải được đồng nhất hóa với tên của một bộ lạc, giống dân hay dân tộc của Châu Atlantis cổ.

Các tác phẩm của Asura Maya không có sẵn, nhưng hiện diện trong một chừng mực nào đó trong phần trích dẫn Brihajjataka của Varãhamihira, trong đó, Ngài được gọi là 'Maya'. Ngài được xem là một nghệ sĩ Dãnava nổi tiếng, cả *Rãmãyana* lẫn *Mahãbhãrata* đều gán cho Ngài nhiều tác phẩm nghệ thuật. Ngài là vị cha đẻ nổi tiếng của Mandodãn, Hoàng hậu Rãvana, Ngài đã dâng cho Rãvana một vũ khí thần kỳ, Shakti shela, mà y ném vào anh của Rãma Lakshmana. Tác phẩm *Mahãbhãrata* kể rằng chính vị Maya Dãnava này đã xây dựng dinh thự nguy nga của Yudhishthira, việc này đã làm cho Duryodhana nổi ghen và đưa tới trò chơi súc sắc mà hậu quả là trận chiến tranh Mahãbhãrata.

Polyhistor tuyên bố: trang 65.

Trong ấn bản mới có bổ sung của tác phẩm *Các Áng Cổ Văn* của Cory, đoạn trích dẫn này được trình bày như sau: "Belus đã giáng lâm, xẻ người đàn bà ra làm đôi; y tạo ra đất
446 từ một nửa thân thể nàng và tạo ra trời từ một nửa kia, đồng thời, y đã tiêu diệt các con thú dưới vực thẳm".

Ribhus, chú thích cuối trang 65.

Ba Đấng này là Ribhu, Vibhvan và Vãja, các con trai của Sudhanya và được đặt tên theo tên của người con cả. Đó là các đại nghệ sĩ và là các đệ tử của Tvashtri, một tên gọi khác của Vishvakarman, Đấng kiến tạo ra chư Thiên. Các Ribhus

đã đắc quả thiên thần nhờ *tapas*, đại khổ hạnh. Họ đã tạo ra chúng sinh và phú cho chúng sự sống.

Tứ Thân của Brahmã, trang 68.

Brahmã đã lần lượt khoác lấy bốn thể này vào lúc khởi đầu Thiên Kiếp này để tạo ra bốn loại thực thể: Asuras, Suras (Deva), Pitris (Fathers) và Con Người (Men). Tứ thân này có ba tính chất: Satya, Rajas và Tamas. Tamas chiếm ưu thế ở Thể thứ nhất, Satya ưu thế ở Thể thứ hai, Satya-Rajas chiếm ưu thế ở Thể thứ ba và riêng Rajas chiếm ưu thế ở Thể thứ tư. Satya – hòa (harmony); Rajas – động (mobility); Tamas – tịnh (inertia) do cực kỳ căng thẳng.

360 ngày của thế nhân tạo thành một năm, trang 79.

Ấn Độ có nhiều cách tính năm tháng, chẳng hạn như : 1) *Bãrhaspatya* – thời gian mà Jupiter (Brihaspati) cần để đi một vòng quanh Hoàng Đạo; 2) *Nãkshatra* – Năm vũ trụ, mỗi tháng bằng gần 276 ngày; 3*) Saura* – Năm dương lịch, một tháng dương lịch gồm 30 kỳ mặt trời mọc và lặn; 4) *Chandra* – Năm dương lịch; 5) *Sãvana* – một tháng gần 30 ngày dương lịch, nghĩa là từ lúc mặt trời mọc này đến lúc mặt trời mọc kia; tháng này được dùng để ấn định các nghi lễ tôn giáo của Ấn Độ, 12 tháng như thế hợp thành 360 ngày nêu trên.

Bảy người Con Trí sinh, trang 88.

Bảy (đôi khi 10) người Con Trí sinh của Brahmã được mệnh danh khác nhau trong mỗi Chu kỳ Khai Nguyên và thường là những nhân vật khác nhau. Ở đây, xin trình bày bốn danh sách:

Giáo Lý Bí Nhiệm	*Giáo Lý Bí Nhiệm*	*Shatapatha-Brãhmana*	*Mahãbhãrata*
1	**2**	**3**	**4**
Ambã	Marĩchi	Gautama	Marĩchi
Dulã	Atri	Atri	Atri
Nitatui	Angiras	Vishvãmitra	Angiras
Abrayanti	Pulastya	Jamadagni	Pulastya
Maghãyanti	Pulaha	Bharadvãja	Pulaha
Varshayanti	Kratu	Kashyapa	Kratu
Chupunikã	Vasishtha	Vasishtha	Vasishtha

Một môn sinh Ấn Độ cho rằng danh sách số 1 nhằm nói tới các danh pháp thiên văn học (xem Quyển 4, tựa đề "Chữ Thập và Vòng Tròn") và chỉ định các chòm sao của chòm Đại Hùng Tinh – các vị Krittikãs nữ đã nuôi dưỡng Đấng Đại Thiên Tôn (Great Kumãra). Y cho rằng các danh sách 3 và 4 ám chỉ Bảy vị Thánh Hiền, vốn là các vị adhikarapurushas (các vị Chức sắc trong Chính quyền Nội tại của thế giới) của các Chu kỳ Khai Nguyên khác nhau, danh sách số 2 (trang 88) có lẽ thuộc về Chu kỳ Khai Nguyên thứ nhất, còn danh sách số 3 thuộc về Chu kỳ Khai Nguyên Vaivasvata hiện nay.

447 *Dirghotamas*, trang 106.

Theo chúng tôi biết thì không có quyển sách nào như thế. Dirghotamas (bóng tối dài) là danh xưng của một bậc Hiền Triết phái Veda mà người ta gán cho là tác giả của một vài Thánh ca trong kinh *Rig Veda*. Ngài bị mù từ lúc sơ sinh; tác phẩm *Mahãbhãrata (*Adiparva, Tiết 1) thuật rằng theo yêu cầu của Vua Bali (Indra kế tiếp), Ngài đã cùng với phu nhân Sudesnã sinh con cái. Trong kinh *Veda*, dirghotamas (bóng tối dài) cũng thường được mô tả, và B. G. Tilak cho rằng nó nhằm nói tới vùng Bắc Cực là trú sở của dân Ãryan, vì đêm ở đó dài tới sáu tháng. Xem *Orion* hoặc *Khảo cứu Nguồn gốc xa xưa của kinh Veda* của ông.

Về các Hành (Elements), trang 116 và Mục lục.

Muốn đọc một bài bình luận về các Hành, xem *Khái lược về Triết thuyết Rãja Yoga*, nó bao gồm cả một bản dịch tác phẩm *Ãtmãbodha* của Shir Shankarãchãrya. Bài này bàn về phương pháp của Panchĩkaranam tức là trộn lẫn năm hành chủ yếu để tạo ra năm hành thứ yếu, năm giác quan và năm cơ quan cảm giác v.v… (xem Thư mục tham khảo).

"*Thang đi xuống" của các nguyên nhân*, trang 117.

Danh sách này được trích ra từ kinh *Vishnu Purãna*, Wilson, bản dịch của Fitzedward Hall, Quyển I, trang 2, 3. Một môn sinh cho rằng từ ngữ thứ tư bị thiếu và phải là Pradhãnãtman hay Vishabhãvana, nghĩa là Thiên Nhiên Nguồn cội vô thủy vô chung. Một môn sinh khác lại cho rằng từ ngữ thứ năm, Kshetrajna (hay Jivãtmã) phải đứng hàng thứ ba trong danh sách, chứ không phải là thứ năm. Y vạch rõ rằng người ta đã bỏ sót Pratyagãtman (Tối Thượng Ngã: supreme Self) và từ ngữ cuối cùng, Brãntidarshanatah, hầu như không thể được xem là một Mahãpurusha, trừ phi người ta ám chỉ đó là tinh thần thấm nhuần vũ trụ; trong trường hợp này, nó đồng nhất với từ ngữ thứ hai trên danh sách.

Chhãyãs (Hình bóng), trang 181.

Một dạng khác của câu chuyện này là Sũrya (Mặt Trời) có một người vợ tên là Sanjnã (tâm thức, tri thức), bà hạ sinh ra Yama và Yamĩ. Có một lần Sanjnã xin phép Sũrya về thăm thân phụ là Vishvakarman, nhưng Sũrya từ chối. Vì quyết tâm muốn đi nên nàng dùng thần thông tạo ra một người phụ nữ giống y mình, chính "hình bóng" của nàng tức Chhãyã ăn ở với Mặt Trời sinh được ba người con – Sãvarni (cùng màu da hay bộ tộc), một người bà con bên ngoại của vị Bàn Cổ thứ sáu (xem trang 309); Shani (thiên thể Saturn); và

Tapani. Rốt cuộc Sũrya đã khám phá ra sự việc và thấy rằng Sanjnã đã dấn thân vào việc tu khổ hạnh dưới dạng một con ngựa cái. Khi biến hình thành một con ngựa, Ngài ăn ở với nàng, sinh ra ba con nữa, hai người con là các Ashvins sinh đôi (có những con ngựa), các vị y sĩ của các vị thần. (Xem Quyển 4, Tiết C. "Hành thất phân trong kinh Veda").

Các danh xưng Tây Tạng, trang 185 – 186.

Chenresi – tiếng Tây Tạng: Spyan.ras.gzige = tiếng Bắc Phạn: Avalokiteshvara – một danh xưng của Đấng Đại Hùng và Thấy Tất Cả.

448 Cheresi Vanchug – tiếng Tây Tạng : spyan.ras.gzigs byan. club.sems.dpah = tiếng Bắc Phạn : Bodhisattva Avalokiteshvara, nghĩa là Đức Bồ Tát Đại Hùng và Thấy Tất Cả.

Jigtengonpo – tiếng Tây Tạng: hjig.rten.mgon.po = tiếng Bắc Phạn: loka-nãtha, Đấng Chúa Tể Càn Khôn.

Chakng-padma-karpo, tiếng Tây Tạng: phyag.na.padma.dar. po = tiếng Bắc Phạn: pundarĩkapãni, nghĩa là kẻ cầm hoa sen trắng trong tay.

Ngày vía của các Đấng Thiền Định (Dhyãnis) này, trang 186.

Trong *Phật giáo Trung Hoa*, trang 208, Edkins có trình bày các ngày vía mà Bà Blavatsky đã nhắc tới như sau: *"Ngày vía của O-mi-to-Fo tức A Di Đà Phật (Amitãbha), nhằm ngày 17 tháng 11…"*

"Ngày vía của Avalokiteshvara: ngày 19 tháng 2".

"Ngày vía của Phật Mẫu (female Buddha), Chuẩn Đề (Chun-ti) ngày 6 tháng 3 [chứ không phải ngày 7 như trong các ấn bản năm 1888 và 1893]".

Edkins còn trình bày các "ngày vía" khác, trong số đó có ngày vía của Đức Phật Di Lặc (Mi-Li-Fo – Maitreya Buddha), *là ngày 1 tháng 1* – đây là Đức Phật phải nối nghiệp Đức Thích Ca (Shãkyamuni) để chưởng quản thế gian.

Virabhadra, trang 189.

Về sự phân thân của Virabhadra từ Shiva-Rudra thì có rất nhiều lối tường thuật khác nhau. Một lối tường thuật khác lối tường thuật trong Quyển này bảo rằng Shiva đã tạo ra Ngài từ mớ tóc rối của mình; nhưng người ta thường nhất trí rằng, Ngài sinh ra từ cơn thịnh nộ, lửa của Rudra.

Sadik, trang 390.

Từ ngữ này cũng được phát âm là Sydyk, Sydic, Sadic, Zedek và có nghĩa là "một người công chính".

Các đoạn *trích* từ *Các Vong Linh*.

Bà Blavatsky tự do trích dẫn tác phẩm này, và dẫn chứng các đoạn trích bao hàm trong tác phẩm đó. Tất cả các đoạn tham chiếu *Các Vong Linh* của De Mirville, *Linh Vật Học* (*Pneumatologie)* hoặc *Kỷ yếu*, đều ám chỉ cùng một tác phẩm. Nó gồm có sáu Quyển (bằng tiếng Pháp) và có tựa đề đầy đủ là *Linh Vật Học*. "*Các Vong Linh và Các loại Biểu lộ khác nhau. Kỷ yếu đệ trình lên Hàn Lâm Viện."*

HẾT QUYỂN III

GIÁO LÝ BÍ NHIỆM 3

H.P. BLAVATSKY

TRẦN NGỌC LỢI
Dịch thuật

GIÁO LÝ BÍ NHIỆM

(THE SECRET DOCTRINE)

(TỔNG HỢP KHOA HỌC,TÔN GIÁO VÀ TRIẾT HỌC)

TÁC GIẢ
H.P.BLAVATSKY

QUYỂN 3
NHÂN SINH KHỞI NGUYÊN LUẬN
(ANTHROPOGENESIS)
PHẦN I